THANG NHẤT TÂN
VƯƠNG THỤY TƯỜNG
chủ biên

NHỮNG BÀI THUỐC TÂM HUYẾT CỦA 800 DANH Y TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI

người dịch:
Thầy thuốc ưu tú
Lương y NGUYỄN THIÊN QUYẾN
Chủ tịch hội y học cổ truyền Hà Nội
& ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN
MŨI CÀ MAU

THANG NHẤT TÂN - VƯƠNG THỤY TƯỜNG
Chủ biên

NHỮNG BÀI THUỐC TÂM HUYẾT CỦA 800 DANH Y TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI

Người dịch:
Thầy thuốc ưu tú
Lương y NGUYỄN THIÊN QUYẾN
CHỦ TỊCH HỘI Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NỘI
&
ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN MŨI CÀ MAU

LỜI TỰA

Trung y học có sức sống rất mãnh liệt được biểu hiện qua hiệu quả trác việt trên lâm sàng. Các nhà y học thể hiện kinh nghiệm trên lâm sàng có những bài thuốc hiệu quả rất lớn, nó vừa là những kết tinh về kinh nghiệm của xưa và nay, lại là vũ khí mới mẻ về hiệu quả, đó là kho báu rất phong phú của nền y học Trung Hoa. Thu thập những bài thuốc có hiệu quả đích thực, thông qua sự chỉnh lý gọn gàng phục vụ cho công tác lâm sàng, đóng góp một phần trọng yếu trong công tác nghiên cứu khoa học. Tôi hoàn toàn tán thành sự kiên trì đối với công tác nghiên cứu và chỉnh lý khoa học như thế.

Ở thập niên 60, Tân Bá Vị đã viết cuốn "***Trung y lâm chứng bị yếu***" giới thiệu những chứng trạng lâm sàng từng chứng để phân biệt, cuối cùng nêu lên bài thuốc trị liệu vừa gọn vừa thực dụng, sau đó in liên tiếp hàng chục vạn bản, số cung không đủ số cầu, trở nên "một thứ quý báu của Lạc Dương". Qua đó có thể thấy biên soạn loại tác phẩm này là nhu cầu thiết yếu đối với công tác nghiên cứu khoa học, trong lâm sàng và cũng là tài liệu học tập đối với Trung Tây y kết hợp. Các bạn Thang Nhất Tân, Vương Thụy Tường giới thiệu với bạn đọc một loạt chứng bệnh lâm sàng xuất phát từ nhu cầu thiết yếu thực tế, đã sưu tập rộng rãi và tập hợp được một số lượng lớn các phương thuốc, từ đó đã lựa chọn được hơn 800 thầy thuốc cao cấp nổi tiếng trong cả

nước, đã đem hết tâm huyết cống hiến gần 2.300 phương thuốc kinh nghiệm. Theo tinh thần của "***Trung y lâm chứng bị yếu***" biên soạn nên cuốn sách "***Trung Quốc đương đại danh Trung y bí nghiệm phương lâm chứng bị yếu***" để độc giả khi cần thiết có thể căn cứ vào chủ chứng và những yếu điểm biện chứng, nhanh chóng tìm ra những phương thuốc hiệu nghiệm của những thày thuốc đương đại để phục vụ đắc lực cho lâm sàng. Tôi cho là đây là một tác phẩm rất có giá trị, có tính khoa học cao và cả giá trị thực dụng.

Đối với sự nghiệp của Trung y học có thể nói là rất lớn, hy vọng các đồng chí dốc tâm cống hiến cho sự nghiệp Trung y không tiếc gì nỗ lực để có những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân.

THÔI NGUYỆT LÊ

Chủ tịch Hội Trung y dược học Trung Quốc
Nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế
nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

PHẦN I

CHỨNG TRẠNG TOÀN THÂN

Chứng trạng toàn thân là chỉ một loại chứng trạng xuất hiện ở một bộ vị nào đó không mang tính chất khu vực, hoặc chứng trạng từ một khu vực lan toả ra toàn thân, ví dụ như các chứng: ố hàn, không mồ hôi, phù thũng, gầy còm, béo mập v.v.

Những loại chứng trạng này xuất hiện trong các tật bệnh thuộc Nội - Ngoại - Phụ - Nhi khoa, có giá trị tham khảo về biện chứng luận trị trong lâm sàng.

1. CHỨNG SỢ PHONG HÀN

Sợ phong hàn chỉ chứng trạng có cảm giác sợ lạnh, thường gặp khá nhiều trong các bệnh thuộc nội thương, ngoại cảm, là chứng trạng thường gặp nhất trong lâm sàng, và mang các tên gọi như "Ố hàn", "Ố phong", "Úy hàn",...

Sợ phong hàn, không ra mồ hôi hoặc có ít mồ hôi, đau đầu đau mình, mạch Phù, rêu lưỡi trắng, là thuộc phong hàn bó ở ngoài biểu. Nếu thấy khái thấu, tiểu tiện vàng hoặc trướng bụng, là phong hàn uất ở Phế kiêm cả khí trệ, cho uống ***Hứa thị thất vị ẩm (1)*** để sơ biểu tán hàn, lý khí tuyên Phế.

Nếu thấy chứng khái thấu, suyễn thở, phát sốt, ngực đầy, táo bón, rêu lưỡi nhớt, mạnh Trầm Thực kiêm Hoạt, là bên ngoài cảm phong hàn, bên trong có đàm thấp thực tích, dùng ***Môn thị nhị trần thông lợi thang (2)*** để tiêu tích hoá đàm, tán hàn giải biểu.

Nếu thấy chứng đau bụng, phát sốt, đắng miệng, khái thấu, đờm vàng, đó là phong hàn uất nhiệt làm hại Phế, cho uống ***Bùi thị bạch khương thang (3)*** để khư phong tán hàn, thanh nhiệt chỉ khái.

Nếu đau họng, sốt cao, khái thấu, đau mỏi toàn thân, chảy nước mũi trong, khát nước, Tâm phiền là bên ngoài nhiễm hàn tà, bên trong có nhiệt tà, dùng ***Diệp thị giải nhiệt hợp tễ (4)*** để giải biểu thanh nhiệt.

Thấy chứng vai gáy đau cứng, khái thấu, hắt hơi, vùng ngực khó chịu và nôn oẹ hoặc đại tiện bí kết, đó là phong hàn bó ở ngoài, Trường Vị tích nhiệt, cho uống ***Điền thị cát căn thừa khí thang (5)*** dùng thuốc tân lương, tân ôn để giải cơ biểu, thuốc tân khổ hàm hàn để tả bỏ nhiệt ở trong.

Thời gian giáp ranh hai mùa Đông - Xuân rất dễ cảm mạo phong hàn, có thể uống thuốc dự phòng bằng bài ***Vương thị gia vị phòng cảm cao (6).***

Sợ lạnh hoặc ghét lạnh, chân tay lạnh, mỏi mệt yếu sức, sắc mặt trắng xanh, tiểu tiện trong, đại tiện nhão, nhạt miệng, không khát, lưỡi nhạt, mạch Trầm Nhược, đó là Tỳ Thận dương hư, có thể dùng ***Phó thị ích nguyên tễ (7)*** để ôn Thận tráng dương, tăng cường thể chất.

Nếu có chứng sợ lạnh, lưng cũng lạnh, mặt mắt phù nhẹ, suyễn thở, hoặc do ho suyễn kéo dài mà dùng các loại thuốc kích thích gây nên các chứng trạng nói trên là thuộc Phế Thận đều hư, có thể dùng ***Cố bản bình suyễn thang (8)*** để ích Thận bổ Phế.

Bệnh nhân sợ lạnh, chân tay lạnh, gày còm, chóng mặt hồi hộp, mắt lờ đờ tối xầm, sắc mặt trắng xanh, hơi thở nhỏ yếu, chất lưỡi nhợt bệu, không có rêu hoặc có ít rêu, mạch Vi muốn tuyệt, quanh năm dễ bị cảm mạo, đó là nguyên khí, tinh huyết suy kiệt, cho uống ***Chu thị tư bổ cường tráng phương (9).***

Chứng sợ phong hàn này gặp trong rất nhiều tật bệnh, lâm sàng có thể tham khảo ở các bệnh "Phát nhiệt", "Khái thấu", "Rét run", và "Đau họng".

PHỤ PHƯƠNG

1. Hứa thị thất vị ẩm

Người cống hiến: Hứa Thọ Nhân, Lão Trung y
Học viện Trung y Giang Tây

Phòng phong	Cát cánh
Trần bì	Cam thảo
Chỉ xác	Trạch tả

Gia giảm: Mùa Xuân gia Bạc hà, mùa Hạ gia Tử tô, mùa Thu gia Đại táo, mùa Đông gia Sinh khương. Phong nhiệt, phong ôn gia Kim ngân hoa, Liên kiều. Phong thấp gia Xương truật, Hoắc hương. Cảm cúm gia Ngải diệp. Ho gà gia Tạo giác. Quai bị gia Sài hồ.

2. Môn thị nhị trần thông lợi thang.

Người cống hiến: Môn Thuần Đức, Phó giáo sư
Y viện Đại Đồng tỉnh Sơn Tây

Phục linh	12 gam	Trần bì	6 gam
Bán hạ	9 "	Trích thảo	3 "
Chỉ xác	9 "	Tô tử	6 "
Tô diệp	9 "	Xuyên Đại hoàng	6 "
Sinh khương	9 "		

Sắc uống trước bữa cơm.

3. Bùi thị bạch khương thang.

Người cống hiến: Bùi Chính Học, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu tân y dược tỉnh Cam Túc

Bạch chỉ	6 gam	Khương hoạt	10 gam
Kinh giới	10 "	Bản lam căn	10 "

Hoàng cầm	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Tiền hồ	10 "	Sinh Thạch cao	30 "
Đạm đậu sị	6 "		

4. Diệp thị giải nhiệt hợp tễ.

Người cống hiến: Diệp Cảnh Hoa, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 7 thành phố Thượng Hải

Kinh giới	10 gam	Tử tô	15 gam
Áp trích thảo	30 "	Tứ quí thanh	30 "
Đại thanh diệp	30 "		

Cách dùng: Mỗi thang sắc 2 lần. Ngâm thuốc vào nước lạnh 30 phút, sau đó đun nhỏ lửa 20 phút là được. Nếu sốt cao, ngày uống 2 thang, cách 3 giờ uống một lần. Sau khi uống thuốc, nên uống thêm nhiều nước chín. Nói chung sau khi uống thuốc, ra được mồ hôi thì nhiệt giảm.

5. Điền thị cát căn thừa khí thang.

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Viện y học tỉnh Hà Bắc

Cát căn	12 gam	Ma hoàng	9 gam
Quế chi	6 "	Xích thược	6 "
Đại hoàng	8 - 12 "	Mang tiêu	3 - 6 "
Cam thảo	6 "	Sinh khương	9 "
Đại táo	2 quả		

Cách dùng: Các vị sắc lấy nước. Nước thuốc chia 2 phần. Mang tiêu chia 2 phần. Trước tiên uống một phần nước thuốc hoà vào một phần Mang tiêu. Sau khi uống xong, đắp ấm cho ra chút ít

được thì hai, ba giờ sau, uống nốt nước thuốc còn lại.

Gia giảm: Ra nhiều mồ hôi, giảm liều lượng Ma hoàng, Quế chi. Rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ, gia Kim ngân hoa, Liên kiều, Huyền sâm, Hoàng cầm. Đại tiện khô kết không thông, tăng liều lượng Đại hoàng, Mang tiêu. Vùng dạ dày và bụng vốn lạnh, đại tiện lỏng, sợ lạnh, giảm liều lượng Mang tiêu, Đại hoàng.

6. Vương thị gia vị phòng cảm cao.

Người cống hiến: Vương Tế Dân, Y sư chủ nhiệm
Viện y học khoa học tỉnh Hà Bắc

Hoàng kỳ	150 gam	Đảng sâm	100 gam
Bản lam căn	100 "	Bạch truật	100 "
Phòng phong	50 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc hai lần, lấy nước đặc, lại đem bã thuốc vắt thêm lấy kiệt nước, trộn với nước thuốc lần trước, lọc cho sạch tạp chất, đem cô lại lấy 200 - 300 ml hoà thêm đường cát (đỏ hoặc trắng đều được) hoặc mật ong, đựng vào bình kín, chia làm 10 ngày, mỗi ngày uống 2 lần. Thời gian uống, nếu không có phản ứng gì đặc biệt, có thể uống kéo dài 1 tháng. Phần nhiều có khả năng hạn chế được cảm mạo.

7. Phó thị ích nguyên tễ.

Người cống hiến: Phó Diệu Thái, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Hàng Châu

Lộc huyết (tiết hươu) 1 phần

Bạch tửu (rượu trắng) 4 phần

Cách dùng: Ngâm thuốc trong một chai dung tích 100 ml. Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 10 ml.

8. Cố bản bình suyễn thang.

Người cống hiến: Lý Thọ Sơn, Chủ nhiệm Trung y y viện thị trấn Đại Liên

Đảng sâm	Ngũ vị tử
Thục địa	Hoài sơn
Hạnh nhân	Sinh giả thạch
Sinh Long cốt	Sinh Mẫu lệ

Gia giảm: Có chứng Hàn ẩm gia Tế tân, Can khương. Có nhiệt đàm gia Ngư tinh thảo, Tang bạch bì. Đàm thịnh gia Bán hạ, Đình lịch tử.

9. Chu thị tư bổ cường tráng phương.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoàng kỳ	10 gam	Đảng sâm	10 gam
Đương qui	10 "	Chế thủ ô	10 "
Câu kỷ tử	10 "	Thục địa	6 "
Kê nội kim	6 "	Đan sâm	6 "
Trần bì	6 "	Trích thảo	6 "
Nhục quế	3 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc cho uống từ từ mỗi ngày một thang. Sau khi uống thuốc, uống ngay một bát nhỏ nước canh chim bồ câu (chim bồ câu 1 con, nấu lấy nước đặc, thêm gia vị, nếm vừa miệng là được), hoặc lấy nước canh chim bồ câu hoà vào nước thuốc cho uống một lúc cũng được.

2. CHỨNG PHÁT NHIỆT (Sốt)

Phát nhiệt là chứng trạng thường gặp trong các tạp bệnh ngoại cảm và nội thương, có chia ra các loại hình sốt nhẹ, sốt cao, sốt từng cơn và sốt có thời gian nhất định khác nhau.

Phát sốt có triệu chứng sợ rét, mạch Phù, không có mồ hôi, rêu lưỡi trắng, thuộc loại cảm mạo phong hàn, cho uống ***Phong hàn cảm mạo giản dị phương (1)*** để sơ phong tán hàn, giải biểu.

Có thêm triệu chứng biếng ăn, trướng bụng, rêu lưỡi nhớt, uống ***Bổ thị ngoại cảm phong hàn phương (2)*** để sơ phong tán hàn, hoá thấp hoà trung.

Phát sốt có thêm chứng bĩ đầy, kém ăn, toàn thân đau mỏi, trướng bụng, buồn nôn, rêu lưỡi trắng và dầy nhớt là phong hàn bó ở ngoài biểu, thấp uất ở trong, có thể dùng ***Vạn thị ma quế giải độc thang (3)*** để giải biểu tán hàn, hoá thấp hoà trung.

Có thêm chứng khái thấu, rét run, dùng ***Trương thị túc Phế giải biểu phương (4)*** để sơ phong túc Phế, giải biểu tán hàn, kèm theo thanh lợi hoá đàm.

Phát sốt có thêm chứng đắng miệng, nhức đầu thì uống ***Kinh phòng Thông sị thang (5)*** để khư hàn giải biểu, sơ phong thanh lý.

Nếu có thêm chứng vai lưng đau mỏi, họng khô đau ngứa, khái thấu, buồn nôn, nôn mửa, hắt hơi, mũi chẩy nước trong là

phong hàn ở ngoài xâm phạm, bên trong có nung nấu uất nhiệt, dùng ***Cảm mạo hợp tễ (6)*** để giải biểu tán hàn, tuyên Phế, thanh nhiệt, lợi họng.

Phát sốt có kiêm chứng mũi chảy nước trong, đau họng, khái thấu, buồn nôn, đại tiện lỏng, mạch Phù Hoãn, cho uống ***Đặc hiệu cảm mạo ninh (7)*** để giải tà cố biểu, hoà trung hoá thấp.

Chứng phát nhiệt có các triệu chứng sợ gió hoặc sợ lạnh, chảy nước mũi, không có mồ hôi hoặc hơi có mồ hôi, mạch Phù, lưỡi đỏ hoặc khát nước, họng đỏ, thuộc loại phong nhiệt cảm mạo. Nếu có thêm chứng khái thấu, cho uống ***Mã thị phong nhiệt phương (8)*** theo phép tân lương giải biểu, tuyên thông Phế khí.

Có thêm chứng khái thấu, thở gấp, ngực bứt rứt, Tâm phiền, cho uống ***Hứa thị thoái nhiệt thang (9)*** để thấu nhiệt giải biểu, tuyên Phế chỉ khái.

Nếu phát nhiệt cao, khát nước, Tâm phiền, cho uống ***Trần thị tân lương phương (10)*** theo phép tân lương giải biểu, tả hoả thanh nhiệt.

Nếu phát sốt, đau họng, tâm phiền, khái thấu, trẻ em có thêm chứng kinh quí, thì dùng ***Vương thị kháng viêm linh (11)*** để chống viêm thanh nhiệt, giải độc lợi họng và chỉ khái trấn kinh.

Chứng phong nhiệt cảm mạo chủ yếu có chứng trạng họng sưng nóng đỏ đau, có thể dùng ***Ngân hoa giải độc thang (12)*** để sơ phong tuyên Phế, thanh nhiệt giải độc.

Sốt cao có thêm chứng đau họng, khát nước, tiểu tiện vàng sẻn, dùng ***Giải độc thanh nhiệt ẩm (13)*** để thanh nhiệt giải độc theo phép tân lương thấu biểu.

Có thêm chứng táo bón, khái thấu thở gấp, sốt cao, cho uống ***Đổng thị biểu lý đồng bệnh phương (14)*** để tuyên Phế thông Phế, thanh tả nhiệt kết.

Kiêm chứng khái thấu, đau họng, khô miệng, đờm vàng đặc, dùng ***Trần thị phong nhiệt phương (15)*** để tuyên Phế lợi họng, giải độc thấu biểu.

Có chứng thân mình đau mỏi, đầu gáy cứng đau, đau họng, cho uống ***Cảm mạo thoái nhiệt thang (16)*** để giải biểu thoái nhiệt, tuyên Phế khí, lợi yết hầu.

Kiêm chứng ợ hơi kém ăn, bệnh nhẹ thì uống ***Lương thị ngoại cảm phương (17)*** để thấu biểu thanh nhiệt giải độc, phối hợp thêm thuốc tiêu thực. Bệnh nặng thì dùng ***Tiêu thực giải biểu thang (18)*** để khư phong thanh nhiệt, tiêu thực hành khí.

Nếu trẻ em phát nhiệt không rõ nguyên nhân hoặc cảm mạo phát nhiệt, cho uống ***Thanh nhiệt ẩm (19)*** để thanh tả lý nhiệt, kèm theo thuốc hoá đàm hoà trung.

Trẻ em sốt cao khát nước, Tâm phiền, đau bụng, kém ăn, bụng trướng khó chịu, dùng ***Từ ấu thanh giải thang (20)*** để thanh nhiệt giải độc, thấu tà đạo trệ.

Nếu sốt cao, khát nước, Tâm phiền, tiểu tiện vàng, chân tay thân thể đau mỏi, mặt đỏ hoặc đổ máu mũi, hoặc nổi ban chẩn, đó là khí doanh đều nhiệt, kèm thêm thử thấp, điều trị nên thanh mạnh khí nhiệt, mát doanh nuôi âm, giải độc lợi thấp, cho uống ***Mễ thị ngân kiều bạch hổ tăng dịch thang (21).***

Phát nhiệt, tình thế nhiệt không cao lắm, hoặc lúc hàn lúc nhiệt, về chiều thì nhiệt tăng, miệng đắng nhớt, phần nhiều thuộc Thử thấp nhiệt độc uất kết ở mạc nguyên và Thiếu dương, có kiêm chứng hàn nhiệt như sốt rét, rêu lưỡi trắng dầy nhớt như trát phấn, vùng ngực bụng đầy tức, có thể uống ***Đạt nguyên sài hồ ẩm (22)*** để hoà giải biểu lý, khơi thông mạc nguyên, trừ uế hoá thấp.

Có thêm chứng ngực khó chịu, buồn nôn, hàn nhiều nhiệt ít, biếng ăn trướng bụng, đau mình mẩy hoặc hàn nhiệt vãng lai, có thể dùng ***Vạn thị sài quế bại độc thang (23)*** để hoà giải Thiếu dương, phát biểu tán hàn, hoà trung hoá thấp.

Nếu là trẻ em, có thêm chứng khát nước hoặc sốt nhẹ, có thể uống ***Khư thấp thanh nhiệt phương (24)*** để thanh nhiệt khư thấp, hoá trọc dưỡng âm.

Sốt không rõ nguyên nhân, sốt nhẹ, kèm theo đắng miệng, họng khô hoặc tự ra mồ hôi, mạch Hoãn, hoặc hơi sợ phong hàn, dùng ***Sài quế điều vệ thang (25)*** để điều hoà doanh vệ, hoà giải Thiếu dương.

Phát sốt vào mùa Hạ hoặc giáp ranh mùa Thu, có cả chứng tiểu tiện vàng sẻn, chân tay bứt rứt, họng đỏ đau là do thử thấp nhiệt độc gây nên, cho uống ***Mễ thị lục nhất giải độc thang (26)*** để thanh thử lợi thấp, thanh nhiệt giải độc.

Có thêm chứng ngực khó chịu, buồn nôn, biếng ăn, rêu lưỡi trắng nhớt, mỏi mệt lười lao động là thấp nhiệt uất kết, biểu lý

không hoà, cho uống ***Giang thị phương hương hoá trọc pháp (27)*** dùng các vị thơm tho hoá thấp để giải biểu hoà trung.

Nếu kiêm chứng ố hàn nhức đầu, ngực bụng nghẽn tức, dùng ***Thử nhiệt cảm mạo phương (28)*** để giải biểu thanh thử, hoà trung hoá trọc.

Trường hợp bụng bĩ tắc, mình nóng khó chịu, ố hàn đau đầu, đại tiện khó khăn hoặc lỏng nhão, không khát, sắc mặt vàng nhạt, rêu lưỡi có hình tam giác, mạch Nhu Hoãn, cho uống ***Tam tí muội thang (29)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá thấp hoà trung.

Tình thế nhiệt khá cao, Tâm phiền khát nước, họng sưng đau, nôn oẹ biếng ăn, tiểu tiện vàng sẻn là do thử nhiệt thấp nhiệt gây nên, điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc, hoá thấp hoà trung, có thể dùng ***Vạn thị liên phác bại độc ẩm (30).***

Có thêm chứng đại tiện khô kết khó đi, thì dùng ***Vạn thị Tam hoàng bại độc ẩm (31)*** để tả hoả thông tiện, giải độc hoá thấp.

Phát sốt liên miên không dứt, đại tiện thường xuyên lỏng, tinh thần uỷ mị, rêu lưỡi vàng nhớt, dùng ***Hoá thấp thanh nhiệt phương (32)*** để giải biểu hoá thấp và thanh nhiệt.

Có chứng trướng bụng vùng ngực khó chịu, biếng ăn nặng mình, có thể dùng ***Nhân linh dĩ nhân thang (33)*** để thanh nhiệt trừ thấp, lý Tỳ hoà Vị.

Trẻ em phát sốt về mùa Hạ, không ham bú sữa, thần sắc uỷ mị, xương mềm yếu, uống nhiều đái nhiều, tiểu tiện trắng trong,

dằng dai không khỏi, dùng ***Thanh lương ẩm tử (34)*** để thanh Kim bảo vệ Phế, ích khí tiêu thử.

Trẻ em sau giai đoạn phát nhiệt, có nhiệt ẩn náu ở huyết phận, nhiệt độc chưa hết đến nỗi sốt nhẹ kéo dài, hoặc đêm nóng ngày mát, lòng bàn tay chân nóng, Tâm phiền khát nước hoặc họng sưng đau, có thể ***dùng Chu thị lương huyết thanh nhiệt phương (35)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, lương huyết giải nhiệt.

Trẻ em sau khi ốm nặng, hoặc thổ kéo dài, tả kéo dài dẫn đến khí huyết đều hư, có chứng nóng từng cơn, sợ lạnh, biếng nói, lười hoạt động, kém ăn, mạch vô lực, miệng há, khi ngủ mắt không nhắm kín, sắc mặt vàng hoặc trắng, nhiệt độ 37,5 - 38 °C, có thể dùng ***Bổ khí thanh nhiệt phương (36)*** để bổ trung ích khí, dưỡng âm thanh nhiệt.

Sốt nhẹ, sợ gió, nhức đầu, đau mỏi toàn thân, ra mồ hôi, dễ cảm mạo, vả lại tình chí ức uất dằng dai lâu ngày, mạch Trầm Sác, đó là Vệ Dương phật uất có thêm chứng khí hư huyết trệ, cho uống ***Chu thị khai uất thăng dương thang (37)*** để khai uất thăng dương kiêm ích khí hoạt huyết.

Sốt nhẹ hoặc nóng như sưởi lửa lâu ngày không khỏi, lại thêm chứng hơi ố phong hàn, tiểu tiện vàng sẻn, đại tiện tanh hôi, chân tay nhức mỏi, đầu đau đầu trướng, rêu lưỡi vàng, đó là Tỳ thấp nội uất hoá nhiệt, Vệ dương uất át gây nên. Điều trị theo phép kiện Tỳ thấm thấp, tuyên giải uất nhiệt, cho uống ***Chu thị sơ thấu thẩm lợi thoái nhiệt thang (38).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Phong hàn cảm mạo giản dị phương.

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thông bạch	3 củ	Sinh khương	3 nhát
Đường đỏ	lượng vừa đủ		

2. Bổ thị ngoại cảm phong hàn phương.

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tô diệp	4,5 gam	Hạnh nhân	6 gam
Cát cánh	3 "	Sao Chỉ xác	3 "
Tiền hồ	3 "	Chế Hương phụ	3 "
Sao La bặc tử	4,5 "	Trần bì	3 "
Thông bạch	0,7 "	Kinh giới	3 "
Cam thảo	1.5 "	Bạc hà	3 "

3. Vạn thị ma quế giải độc thang.

Người cống hiến: Vạn Hữu Sinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Ma hoàng	10 gam	Quế chi	10 gam
Hạnh nhân	10 "	Bạch thược	10 "
Trần bì	10 "	Xương truật	12 "
Đại Phúc bì	12 "	Hoắc hương	15 "
Tửu Thường sơn	15 "	Cam thảo	6 "
Sinh khương	3 nhát	Đại táo	5 quả

4. Trương thị túc Phế giải biểu phương.

Người cống hiến: Trương Khánh Vân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Đậu quyển	15 gam	Ngân Sài hồ	9 gam
Khương hoạt	4,5 "	Tang diệp	9 "
Độc hoạt	4,5 "	Bạch Cúc hoa	9 "
Tiền hồ	9 "	Hạnh nhân	9 "
Khương Bán hạ	4,5 "	Quất hồng	9 "
Cam lộ tiêu độc đan	15 "		

5. Kinh phòng Thông sị thang.

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kinh giới	6 gam	Phòng phong	5 gam
Tô diệp	6 "	Khương hoạt	3 "
Bạch chỉ	3 "	Đạm đậu sị	1 "
Bạc hà	3 "	Hoàng cầm	6 "
Đạm Trúc diệp	6 "	Thông bạch	2 củ

Gia giảm: Họng sưng đỏ, gia Bản lam căn 9 gam, Cẩm đăng lung 6 gam. Nếu có chứng rối loạn tiêu hoá thuộc loại giáp thực cảm mạo, gia Chỉ xác 6 gam, Sơn tra 6 gam, Mạch nha 6 gam, Thần khúc 6 gam.

6. Cảm mạo hợp tễ.

Người cống hiến: Lâm Kiệt Hào, Y sư phó chủ nhiệm Viện Trung y Bắc Kinh

Giới tuệ	10 gam	Khương hoạt	10 gam
Bạch chỉ	10 "	Tiền hồ	15 "

Bản lam căn	35 gam	Hạnh nhân	10 gam
Hoàng cầm	15 "	Đạm đậu sị	30 "
Sinh Thạch cao	35 "		

Cách dùng: Ngâm các vị thuốc vào nước 15 phút, nấu nhỏ lửa 20 phút, sắc hai lần, mỗi lần lấy nước cốt 150 - 200 ml, mỗi ngày uống từ 2 - 4 lần.

7. Đặc hiệu cảm mạo ninh.

Người cống hiến: Tống Kiện Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y dược học hiệu tỉnh Sơn Đông

Tô diệp	10 gam	Bạc hà	10 gam
Hoắc hương	10 "	Phòng phong	10 "
Kim ngân hoa	12 "	Kinh giới	10 "
Xương truật	10 "	Hoàng kỳ	10 "
Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Các vị thuốc hợp làm một thang, sắc hai lần, lần thứ nhất đổ 200 ml ngâm 30 phút, sắc cạn lấy 100 ml. Lần thứ hai đổ 120 ml, sắc cạn lấy 80 ml, bỏ bã. Sau khi trộn đều hai nước cốt với nhau, chia làm ba lần uống vào sáng, trưa, tối. Nói chung uống 3 thang thì khỏi. Nếu gặp trường hợp nhiều người cùng bị cảm mạo có thể nhân gấp nhiều lần liều lượng trên, đem sắc rồi phân phát cho từng người uống.

8. Mã thị phong nhiệt phương.

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Kim ngân hoa	6 gam	Liên kiều	6 gam
Cúc hoa	6 "	Tang diệp	6 "

Hạnh nhân	6 gam	Tiền hồ	6 gam
Ngưu bàng (sao)	6 "	Huyền sâm	6 "
Đại thanh diệp	9 "	Bạc hà	4,5 "
Cát cánh	3 "	Cam thảo	3 "

(Liều lượng đơn thuốc này dùng cho trẻ em 1 - 3 tuổi).

Gia giảm: Nếu cảm mạo sốt mãi không lui, có thể gia Sài hồ 4 gam, Cát căn 9 gam.

9. Hứa thị thoái nhiệt thang.

Người cống hiến: Hứa Thọ Nhân, Y sư chủ nhiệm Viện Trung y tỉnh Giang Tây

Tần giao	Cúc hoa
Thanh cao	Bạc hà
Lô căn	Bối mẫu
Ý dĩ nhân	Uất kim
Thông thảo	Tang diệp
Đại đậu quyển	Câu đằng

10. Trần thị tân lương phương.

Người cống hiến: Trần Ngọc Phong, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Kim ngân hoa	20 gam	Liên kiều	15 gam
Bạc hà	10 "	Giới tuệ	7 "
Cúc hoa	10 "	Hoàng cầm	10 "
Tri mẫu	10 "	Cam thảo	5 "
Tang diệp	10 "		

Gia giảm: Khát nước nhiều, gia Sinh Thạch cao 25 gam, Đại thanh diệp 15 gam.

11. Vương thị kháng viêm linh.

Người cống hiến: Vương Liệt, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Ngưu hoàng	0,005 gam	Xạ hương	0,001 gam
Chân trâu	0,002 "	Băng phiến	0,002 "
Bạch khuất thái	0,002 "	Cúc hoa	0,015 "
Sài hồ	0,0035 "	Hoàng liên	0,03 "
Kim ngân hoa	0,02 "	Bản lam căn	0,01 "
Sạ can	0,01 "	Thiên trúc hoàng	0,005 "
Hoàng cầm	0,0045 "	Thuyền thoái	0,005 "
Trùng lâu	0,015 "	Hàn thuỷ thạch	0,02 "
Tử thảo	0,005 "	Tử kinh bì	0,005 "

(Tổng cộng: 0,25 gam)

Cách dùng: Các vị trên tán bột, trẻ em dưới 6 tháng tuổi uống 0,125 gam; 7 - 12 tháng 0,25 gam; 1 - 2 tuổi 0,5 gam; 2 - 3 tuổi 0,75 gam; 3 - 4 tuổi 1 gam; 4 tuổi trở lên 1,25 - 2,5 gam. Ngày uống 3 - 4 lần, mỗi đợt điều trị 4 ngày.

12. Ngân hoa giải độc thang.

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kim ngân hoa	9 gam	Cúc hoa	9 gam
Bạc hà	3 "	Kinh giới	6 "
Khương hoạt	6 "	Hoàng cầm	6 "

Liên kiều	9 gam	Sơn chi tử	6 gam
Bản lam căn	9 "	Bồ công anh	9 "
Cam thảo	3 "		

13. Giải độc thanh nhiệt ẩm.

Người cống hiến: Lưu Thiệu Huân, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Thẩm Dương

Kim ngân hoa	30 gam	Liên kiều	30 gam
Cúc hoa	30 "	Tang diệp	20 "
Bạc hà	15 "	Sài hồ	10 "
Lô căn	20 "	Sinh Thạch cao	20 - 30 "
Hoạt thạch	20 - 30 "	Cam thảo	15 "
Hoàng cầm	15 "	Thuyền thoái	15 "

14. Đổng thị biểu lý đồng bệnh phương.

Người cống hiến: Đổng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Qua lâu	30 gam	Đại hoàng	5 gam
Hạnh nhân	10 "	Tri mẫu	15 "
Xương truật	10 "	Xích thược	15 "
Sài hồ	10 "	Tiền hồ	10 "
Lô căn	30 "	Sinh thạch cao (sắc trước)	45 "

15. Trần thị phong nhiệt phương.

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Y viện Giải phóng quân

Bản lam căn	30 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Liên kiều	15 "	Kim liên hoa	15 "

Huyền sâm	9 gam	Cam thảo	6 gam
Hoàng cầm (sao)	15 "	Cát cánh	9 "
Tiền hồ	9 "	Sơn đậu căn	9 "

16. Cảm mạo thoái nhiệt thang.

Người cống hiến: Lưu Huệ Dân, nhà Trung y nổi tiếng tỉnh Sơn Đông

Ma hoàng	5 gam	Huyền sâm	9 gam
Cát căn	9 "	Sơn dược	18 "
Sinh Thạch cao	15 "	Câu đằng	9 "
Bạc hà	6 "	Cát cánh	6 "
Sạ can	6 "	Sài hồ	6 "
Sinh khương	3 nhát	Đại táo	3 quả

Cách dùng: Sắc hai nước, chia làm 2 lần uống lúc nóng. Sau khi uống lần thứ nhất cách khoảng 15 phút, uống tiếp một chén nước nóng cho ra mồ hôi tý chút. Nửa giờ sau uống nốt lần thứ hai. Liều lượng đơn thuốc này cho trẻ nhỏ khoảng 10 tuổi. Người lớn thì linh hoạt tăng thêm.

17. Lương thị ngoại cảm phương.

Người cống hiến: Lương Tông Hàn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Tuyên Võ, Bắc Kinh

Lô căn tươi	Bạc hà
Kim ngân hoa	Liên kiều
Tang diệp	Tiêu khúc
Bản lam căn	Hạnh nhân

Gia giảm: Có thêm chứng đau họng, chọn dùng thêm các vị Sơn đậu căn, Sạ can, Ngưu bàng tử, Kim quả lãm. Cảm nhiễm

thời tà gia Đại thanh diệp, Bội lan, Hoắc hương. Dạ dày nóng nhiều gia Xuyên liên hoặc Mã vĩ liên, Sinh Thạch cao. Thực trệ nặng lại gia Kê nội kim hoặc Tiêu cốc, Đạo nha. Đàm thịnh gia Đởm Nam tinh, Thiên trúc hoàng, Trúc nhự. Kinh quý gia Liên tử tâm, Xương bồ, Thiên trúc hoàng. Có chứng co giật gia Câu đằng, Bạc hà, Toàn yết. Bị ôn độc phát sưng chọn dùng thêm các vị Bồ công anh, Tử hoa địa đinh, Xích thược, Thiên hoa phấn, Thảo hà sa, Sinh Cam thảo.

Chú ý: Nên tránh gió và kiêng ăn thức sống lạnh, đồ chua, dầu mỡ khó tiêu.

18. Tiêu thực giải biểu thang.

Người cống hiến: Lý Tư Xí, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Phòng phong	9 gam	Kinh giới	6 gam
Khô Hoàng cầm	9 "	Tri mẫu	9 "
Tiêu Sơn tra	9 "	Thần khúc	9 "
Bạch thược	9 "	Mộc hương	6 "
Kim linh thán	9 "	Cam thảo	3 "

19. Thanh nhiệt ẩm.

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Y sư chủ nhiệm Nhi đồng Y viện Bắc Kinh

Thanh đại	3 gam	Hoắc hương	9 gam
Thiên trúc hoàng	6 "	Hàn thuỷ thạch	13 "

Gia giảm: Khái thấu gia Ô mai 9 gam. Sốt kéo dài gia Sinh Địa hoàng, Địa cốt bì đều 9 gam.

20. Từ ấu thanh giải thang.

Người cống hiến: Vương Tĩnh An, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Thành Đô

Thạch cao	30 - 60 gam	Thanh cao	15 - 30 gam
Bạch vi	30 "	Tang diệp	10 "
Xích thược	3 - 6 "	Sài hồ	6 - 10 "
Hoàng liên	1,5 - 6 "	Đại thanh diệp	15 - 30 "
Sơn tra	10 - 15 "	Thần khúc	10 - 15 "
Tân lang	6 - 9 "	Thiên hoa phấn	9 - 15 "
Kinh giới	9 "		

Cách dùng: Ngâm các vị thuốc trên vào nước nguội sau 5 - 10 phút, đun nhỏ lửa, sau khi nước thuốc sôi được 10 phút thì lọc lấy nước, căn cứ vào lứa tuổi bệnh nhân nhiều ít mà cho uống. Trẻ em sau khi uống thuốc, cho đi nằm, đắp chăn cho ra chút ít mồ hôi, lấy khăn bông ấm lau cho khô, ngày cho uống thuốc 3 - 4 lần.

Gia giảm: Sốt cao dẫn động Can phong gia Linh dương giác, Câu đằng, Thuyền thoái. Nhiệt vào doanh huyết, chọn dùng thêm các vị Mẫu đan bì, Huyền sâm, Sinh Địa hoàng, Mạch môn đông. Đổ máu mũi, chọn dùng các vị Hà diệp, Bạch mao căn, Tiêu Sơn chi. Do thấp nhiệt gây bệnh, chọn dùng thêm Hoàng cầm, Thạch cao. Trẻ em chưa đủ 12 tháng tuổi thì thang thuốc bỏ vị Thạch cao. Căn cứ vào tình trạng hoãn cấp của bệnh mà phối hợp dùng thêm Tử tuyết đan.

21. Mễ thị ngân kiều bạch hổ tăng dịch thang.

Người cống hiến: Mễ Bá Nhượng, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Thiểm Tây

Kim ngân hoa	17,5 - 35 gam	Liên kiều	17,5 - 35 gam
Bạch mao căn tươi	140 "	Sinh Thạch cao	28 - 70 "
Tri mẫu	14 - 28 "	Sinh Cam thảo	10,5 "
Sinh Địa hoàng	35 "	Ngạnh mễ	17,5 "
Huyền sâm	35 "	Mạch môn đông	28 "

Cách dùng: Mỗi thang thêm vào 800 ml nước, nấu Bạch mao căn trước, bỏ bã, rồi cho các vị khác vào nấu to lửa, khi sôi rồi đun nhỏ lửa lâu 30 phút, lọc lấy 300 m, lại nấu lần thứ hai, được tất cả 600 ml. Mỗi lần uống 200 ml, mỗi ngày chia 3 lần uống lúc nóng, mỗi ngày 1 thang. Nếu bệnh chưa đỡ, có thể uống tiếp 1 - 2 thang nữa hoặc mỗi ngày uống 2 thang, tình thế bệnh giảm ngay.

22. Đạt nguyên Sài hồ ẩm.

Người cống hiến: Trịnh Huệ Bá, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện tỉnh Tứ Xuyên

Sài hồ	15 gam	Tân lang	15 gam
Hậu phác	10 "	Thảo quả	10 "
Tri mẫu	10 "	Bạch thược	10 "
Hoàng cầm	15 "	Cam thảo	5 "

Gia giảm: Viêm Phổi bội nhiễm, hợp dùng với Ma Hạnh Thạch cam thang gia Cương tàm, Thảo Hà xa. Sốt cao không có mồ hôi gia Vi căn. Sốt cao có mồ hôi, dùng Thạch cao, Tri mẫu liều cao. Suyễn nặng gia Tô tử, Xạ can. Nhiều đàm gia Đình lịch tử, Lai bặc tử, Đông qua tử. Ho nặng gia Bách bộ, Tỳ bà diệp.

Đau ngực sườn nhiều, gia Đào nhân, Huyền hồ. Khái thấu thở gấp, ngực đầy, thở gấp, gia Đình lịch, Tang bạch bì. Trào nhiệt gia Địa cốt bì, Bạch vi. Chứng nhiều hạch đơn bào có tính truyền nhiễm, gia Đại thanh diệp, Thảo hà xa, Ý dĩ nhân. Hạch lâm ba sưng to, gia Cương tàm, Hạ khô thảo, Liên kiều. Viêm túi mật, sỏi mật gia Đại hoàng, Đào nhân, Uất kim, Kim tiền thảo, Nhân trần, Hổ trượng, Ẩu thổ gia Bán hạ, Trúc nhự. Viêm thận, viêm hố chậu cấp tính, gia Long đởm thảo, Hải kim sa, Hoàng bá. Sợ lạnh nhiều, phát nhiệt nhẹ, đau đầu và mình mẩy, gia Phòng phong, Khương hoạt. Sốt cao ra mồ hôi, dùng liều cao Tri mẫu và gia Thạch cao. Nôn mửa gia Bán hạ.

23. Vạn thị sài quế bại độc thang.

Người cống hiến: Vạn Hữu Sinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Sài hồ	15 gam	Hoắc hương	15 gam
Quế chi	10 "	Thường sơn (sao rượu)	15 "
Hoàng cầm	10 "	Cam thảo	6 "
Pháp Bán hạ	10 "	Đảng sâm	10 "
Bạch thược	10 "	Ma hoàng	10 "
Xương truật	12 "	Đại Phúc bì	12 "
Đại táo	5 quả	Sinh khương	3 nhát

24. Khư thấp thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Chu Bạo Tân, nhà Trung y nổi tiếng Y viện Trung y Cổ Lâu thành phố Bắc Kinh

Thảo quả	1,2 gam	Binh lang	3 gam
Hậu phác	3 "	Tri mẫu	3 "
Hoàng cầm	2,5 "	Bạch thược	6 "

Thanh cao	6 gam	Miết giáp	12 gam
Địa cốt bì	8 "	Bạch vi	6 "
Mẫu Đan bì	6 "		

25. Sài quế điều vệ thang.

Người cống hiến: Trần Bá Đào, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 2 tỉnh Giang Tô

Sài hồ	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Bán hạ	10 "	Thái tử sâm	12 "
Sinh khương	3 "	Đại táo	10 "
Trích Cam thảo	5 "	Bạch thược	10 "
Quế chi	5 "	Xương truật	6 "
Thanh cao	10 "		

Gia giảm: Biểu chứng không giải, chính khí hư, tà lưu luyến, xu thế nhiệt dằng dai không rút, bỏ Xương truật, gia Bạch vi, Nữ trinh tử, Hạn liên thảo đều 10 gam. Thấp nhiệt nung nấu ở trong, phiền khát, bỏ Xương truật, Bán hạ, Sinh khương, Đại táo, Trích thảo, gia Trúc nhự 10 gam, Trần bì 6 gam, Kim ngân hoa 15 gam, Liêu kiều 12 gam, Cam lộ tiêu độc đan 12 gam. Nhiều mồ hôi, bỏ Thanh cao, gia lá Sen tươi 1 lá. Nếu bệnh tình biến hoá nhiều, có thể tuỳ chứng thêm bớt các vị thuốc khác, riêng Sài hồ, Hoàng cầm, Quế chi, Bạch thược là những vị không giảm bỏ được.

26. Mễ thị lục nhất giải độc thang.

Người cống hiến: Mễ Bá Nhượng, Cán bộ nghiên cứu
Viện nghiên cứu Trung y Thiểm Tây

Hoạt thạch	21 gam	Kim ngân hoa	17,5 gam
Sinh Cam thảo	3,5 "	Liên kiều	17,5 "
Quán chúng	17,5 "		

Cách dùng: Mỗi thang dùng 600 ml nước, nấu to lửa cho sôi sau 30 phút, lọc lấy 200 ml; lại nấu lần thứ hai. Tổng cộng 2 lần lấy 400 ml nước cốt. Mỗi lần uống 200 ml ngày 2 lần sáng và tối, uống lúc nóng. Mỗi ngày 1 thang, uống liên tục trong 3 ngày.

27. Giang thị phương hương hoá trọc pháp.

Người cống hiến: Giang Dục Nhân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hoắc hương	6 - 10 gam	Bội lan	5 gam
Xương truật	6 "	Hậu phác	6 "
Tiêu Sơn tra	10 "	Thần khúc	10 "
Sinh khương	2 nhát		

Cách dùng: Thang thuốc trên sắc lấy 100 - 200 ml nước đặc, chia làm hay lần uống. Nếu chứng trạng nặng có thể uống mỗi ngày hai thang. Trong gia đình nếu có người cũng bị cảm mạo như vậy, thang thuốc có thể sắc lấy 500 ml đổ vào bình thuỷ, mỗi lần cho uống 30 - 50 ml, uống đến hết chứng bệnh thì thôi.

28. Thử nhiệt cảm mạo phương.

Người cống hiến: Thịnh Tuấn Khanh, Y sư chủ nhiệm Viện Trung y Hàng Châu

Hương nhu	10 gam	Bội lan	10 gam
Hậu phác	10 "	Tỳ bà diệp (nướng)	12 "
Áp trịch thảo	20 "		

Gia giảm: Họng sưng đau gia Bản lam căn 12 gam. Thể ôn ở 39,5 °C trở lên gia Xuyên Hoàng liên 10 gam.

29. Tam tỉ muội thang.

Người cống hiến: Lương Thân, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Tam tỉ muội	15 gam	Sơn chi ma	10 gam

30. Vạn thị liên phác bại độc ẩm.

Người cống hiến: Vạn Hữu Sinh, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Hoàng liên	10 gam	Xương truật	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Bạch khấu nhân	10 "
Tửu Thường sơn	10 "	Hạnh nhân	10 "
Hậu phác	10 "	Tri mẫu	30 "
Sinh Thạch cao	100 "	Sài hồ	30 "
Thạch Xương bồ	30 "	Đại phúc bì	30 "

31. Vạn thị Tam hoàng bại độc ẩm.

Người cống hiến: Vạn Hữu Sinh, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Hoàng liên	15 gam	Hoàng cầm	15 gam
Tri mẫu	15 "	Chi tử	15 "
Sinh Đại hoàng	30 "	Đại Phúc bì	30 "
Thanh cao	30 "	Hạnh nhân	10 "
Sinh Thạch cao	100 "	Bạch khấu nhân	10 "
Thông thảo	10 "		

32. Hoá thấp thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hoắc hương	10 gam	Bạc hà	2,4 gam
Hoạt thạch	10 "	Xuyên Hoàng liên	1,2 "

Kim ngân hoa	10 gam	Hoàng cầm	6 gam
Sao Mạch nha	6 "	Tô diệp	3 "
Chỉ xác	6 "	Xa tiền thảo	6 "

33. Nhân linh dĩ nhân thang.

Người cống hiến: Lưu Sĩ Xương, Giáo sư Trung y viện Quảng Châu

Nhân trần	15 gam	Hoàng cầm	12 gam
Sinh Dĩ nhân	20 "	Hạnh nhân	10 "
Phục linh	12 "	Trạch tả	12 "
Kim ngân hoa	12 "	Chỉ xác	10 "
Xuyên Hậu phác	6 "		

Gia giảm: Sốt cao, khát nước, rêu lưỡi vàng, gia Sinh Thạch cao 25 gam (sắc trước), Tri mẫu 15 gam, Thái tử sâm 15 gam. Trướng bụng, ỉa lỏng, kém ăn, gia Đại Phúc bì 12 gam, Mạch nha 15 gam. Đau bụng, khó đi đại tiện gia Hoàng liên 10 gam, Hoả ma nhân 15 gam. Bụng đầy đau, táo bón gia Đại hoàng 10 gam. Sốt nhiều ngày kéo dài không dứt gia Thanh cao 10 gam, Tần giao, Hoàng bá đều 12 gam. Tiểu tiện sẻn ít gia Hoạt thạch 15 gam, Cam thảo 5 gam, Trúc diệp 10 gam. Bệnh cảm nhiễm vào mùa Hè nắng gắt gia Biển đậu hoa 12 gam, Hà diệp 10 gam, Tây qua thúy y 20 gam.

34. Thanh lương ẩm tử.

Người cống hiến: Đinh Quang Do, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hài nhi sâm	5 gam	Mạch môn đông	5 gam
Ngũ vị tử	2 "	Thanh cao	3 "

Hương sị (sao)	5 gam	Hắc Sơn chi	5 gam
Sinh Hoàng kỳ	5 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc lấy 100 ml nước đặc, khi uống hoà thêm vào một thìa nước đọng trên lá Sen.

35. Chu thị lương huyết thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Chu Bạo Tân, nhà Trung y nổi tiếng Viện Trung y Cổ Lâu, Bắc Kinh

Thanh cao	10 gam	Miết giáp	10 gam
Tri mẫu	3 "	Mẫu Đan bì	6 "
Sinh Địa hoàng	6 "	Huyền sâm	10 "
Bạch thược	6 "	Bạch vi	10 "
Địa cốt bì	10 "	Đại thanh diệp	6 "

36. Bổ khí thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Chu Bạo Tân, nhà Trung y nổi tiếng Viện Trung y Cổ Lâu, Bắc Kinh

Đảng sâm	10 gam	Hoàng kỳ	10 gam
Đương quy	6 "	Bạch truật	6 "
Trần bì	6 "	Địa cốt bì	6 "
Mẫu Đan bì	6 "	Thanh cao	10 "
Sài hồ	1,5 "	Tri mẫu	3 "
Thăng ma	1,5 "	Trích cam thảo	3 "

Gia giảm: Sốt nhẹ kéo dài không lui gia Miết giáp, Quy bản, Bạch vi, Bạch thược, Sinh Mẫu lệ. Tâm phiền lý nhiệt nặng, gia Hoàng cầm, Hồ Hoàng liên, Nhân công Ngưu hoàng. Đại tiện

lỏng loãng gia Biển đậu. Kém ăn gia Tiêu Sơn tra, Sao Cốc nha, Tiêu khúc.

37. Chu thị khai uất thăng dương thang.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Hoàng kỳ	20 gam	Đảng sâm	30 gam
Câu đằng	30 "	Xích thược	15 "
Uất kim	15 "	Khương hoạt	10 "
Phòng phong	10 "	Sài hồ	10 "
Hậu phác hoa	10 "	Chế Hương phụ	10 "
Cam thảo	10 "		

38. Chu thị sơ thấu thấm lợi thoái nhiệt thang.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Kinh giới	10 gam	Phòng phong	10 gam
Thanh cao	10 "	Cát căn	10 "
Sài hồ	6 "	Trạch tả	15 "
Phục linh	20 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Sắc lấy nước cho uống lúc ấm.

3. HÀN NHIỆT VÃNG LAI

Hàn nhiệt vãng lai là chỉ từng cơn rét cơn nóng thay đổi nhau, mỗi ngày một cơn hoặc mỗi ngày có vài cơn. Thường gặp chứng này trong Ngược tật, chứng Thiếu dương.

Hàn nhiệt vãng lai, phát cơn nhiều lần có giờ giấc nhất định, đa số là cách ngày hoặc ba ngày có một cơn. Trước khi phát cơn 1 giờ, cho uống ***Vân mẫu trư linh thang (1).***

Nếu là sốt rét lâu ngày, gày còm, phát cơn nóng rét không có giờ nhất định, thở nhỏ yếu, lòng trắng mắt xanh biếc, da dẻ khô tróc vẩy, sắc lưỡi đỏ tía mà không nhuận, phần gốc và giữa lưỡi có sắc đen, là thuộc Tỳ Thận hư suy, có thể dùng ***Dư thị thủ ô cố chỉ thang (2)*** để bổ Tỳ Thận, tiệt Ngược tà.

Khi có cơn hàn nhiệt, ngực đầy phiền kinh, nằm ngồi không yên, miệng lưỡi khô hoặc đau đầu chóng mặt hoặc ù tai hoặc có từng cơn hồi hộp, hoặc khi trằn trọc ra mồ hôi, hoặc ra mồ hôi nửa người, tê dại, hoặc chỉ một bên má có mồ hôi, hoặc đầu và chân tay lắc lư run rẩy,... Đó là Can uất khí trệ, thấp tà nung nấu không hoá được, Tam tiêu không vận chuyển. Điều trị nên thư Can bình Can, ôn dương hoá ẩm, điều lý Tam tiêu, dùng bài ***Chu thị gia giảm Sài hồ gia long cốt mẫu lệ thang (3).***

Chứng này có thể tham khảo ở các chứng "Phát nhiệt" và "Úy ố phong hàn".

PHỤ PHƯƠNG

1. Vân mẫu trư linh thang.

Người cống hiến: Ngô Khảo Bàn, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Vân mẫu (thiêu)	100 gam	Trư linh	10 gam
Thục tất (sao)	10 "	Đương quy	6 "
Bạch vi	6 "	Sài hồ	12 "
Hoàng cầm	6 "	Bán hạ	6 "

Gia giảm: Rét nhiều, bỏ Hoàng cầm, gia Long cốt 10 gam. Nếu nhiệt nhiều, bỏ Bán hạ, gia Tri mẫu 6 gam. Lưỡi nhớt, kém ăn, gia Thảo quả 6 gam. Sốt rét lâu ngày không dứt, gia Đảng sâm 10 gam, Bạch truật 10 gam, Mẫu lệ 10 gam, Sinh khương 3 gam, Hồng tảo 3 quả.

2. Dư thị Thủ ô cố chỉ thang.

Người cống hiến: Dư Vô Ngôn, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hà thủ ô (chế)	18 gam	Phá cố chỉ	12 gam
Thục Địa hoàng	9 "	Thục Phụ phiến	3 "
Bào Khương thán	6 "	Sơn thù nhục	9 "
Vân Phục linh	12 "	Bạch truật	12 "

Cách dùng: Lấy Sinh khương, Đại táo làm thang sắc uống.

Gia giảm: Táo bón khó đi cầu, gia Nhục Thung dung 9 gam, Toàn Đương quy 9 gam. Sau khi cắt cơn sốt rét, có thể uống Bổ trung ích khí thang để giúp chính khí, mạnh Trung tiêu, để củng cố kết quả, tăng cường thể lực.

3. Chu thị gia giảm Sài hồ gia Long cốt mẫu lệ thang.

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sài hồ	10 gam	Bán hạ	10 gam
Đảng sâm	10 "	Hoàng cầm	10 "
Cam thảo	10 "	Quế chi	10 "
Phục linh	10 "	Đại hoàng	3 "
Long cốt	15 "	Mẫu lệ	15 "
Đại táo	5 quả	Sinh khương	3 nhát

Cách dùng: Sắc uống sau bữa ăn.

Gia giảm: Nếu coi vùng Vị quản rung động làm chủ yếu, khí xông lên ngực làm phiền loạn, vã mồ hôi, gia Bạch truật 10 gam. Nếu hồi hộp khí nghịch xông lên hoặc phiền nhiệt ra mồ hôi, đau đầu chóng mặt, hoặc tai ù, tai điếc, hoặc điên giản, hoặc bạch đái, hoặc xúc dương, xúc âm, hoặc di niệu, hoặc đau lưng, tay tê dại, mạch Huyền Đại Khẩn, gia Quế chi 5 gam. Nếu đau đầu như vỡ, nhìn hoa cả mắt, nôn mửa không ngớt, gia Ngô thù du 10 gam. Vị quản lạnh đau, rung động hồi hộp hoặc Vị quản bĩ đầy, bỏ Quế chi, Sinh khương, gia Nhục quế 10 gam, Can khương 3 gam. Nếu vùng bụng rung động hồi hộp quá mức, bỏ Đại hoàng, gia Thục quân 3 gam. Điên giản lâu ngày, chính khí hư yếu, bỏ Đảng sâm, gia Nhân sâm 10 gam.

4. TRÊN NÓNG DƯỚI LẠNH
(Thượng nhiệt hạ hàn)

Thượng nhiệt hạ hàn là chỉ chứng ống chân giá lạnh mà sắc mặt lại đỏ bừng hoặc bộ mặt phát nóng, họng đỏ và khô, miệng lưỡi mọc mụn. Chứng này liên quan đến âm dương của tạng Thận mâu thuẫn nhau.

Nếu thấy chứng mình nóng như than lửa, gối và ống chân lại lạnh, suyễn thở, đàm khò khè, lơ mơ chỉ muốn ngủ, nói sảng, són đái, không khát, mạch Vi Tế, đó là do bệnh nhiệt lại dùng quá mức thuốc hàn lương khắc phạt, tà nhiệt chưa giải mà nguyên khí đã tổn thương lớn, chân hoả vượt ra ngoài; phép chữa cần dẫn hoả quy nguyên, nạp khí về Thận làm chủ yếu, kèm theo thuốc thấu biểu tán tà, có thể dùng ***Quách thị nhị quy hoàn hồn tán (1).***

Nếu thấy ống chân lạnh mặt lại đỏ, kèm theo mắt đỏ, họng sưng đỏ đau hoặc mũi khô, đổ máu mũi, miệng lưỡi mọc mụn,.v.v. là thuộc Thận hư mà hoả bốc lên, cho uống ***Gia vị dẫn hoả thang (2)*** để bổ Thận dẫn hoả quy nguyên.

PHỤ PHƯƠNG

1. Quách thị nhị quy hoàn hồn tán.

Người cống hiến: Quách Ôn Nhuận, Y sư phó chủ nhiệm Sở điều trị bệnh Tinh thần tỉnh Cam Túc

Thục Địa hoàng	15	gam	Đương quy	3	gam
Huyền sâm	9	"	Bạch thược	3	"

Sài hồ	2,1 gam	Cương tàm	3 gam
Đậu sị	6 "	Phục linh	4,5 "
Trần bì	4,5 "	Câu kỷ	2,1 "
Du quế	6,8 "	Trích Cam thảo	2,1 "

2. Gia vị dẫn hoả thang.

Người cống hiến: Lý Vinh Quang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Thành Đô

Ba kích	30 gam	Thục Địa hoàng	60 gam
Phục linh	15 "	Mạch môn đông	30 "
Ngũ vị tử	6 "	Nhục quế	6 "
Phụ phiến	6 "	Nhân trung bạch	3 - 6 "
Ngưu tất	10 "		

Gia giảm: Tỳ Vị dương hư, có chứng đại tiện lỏng, gia Sa nhân 10 gam. Hư hoả bộc lên nặng, gia chút ít Hoàng liên vào thang thuốc sắc uống.

5. RÉT RUN (Hàn chiến)

Sợ rét run rẩy tiếp theo là sốt cao, nôn mửa, bụng bĩ đầy ngán ăn, khát nước, Tâm phiền, đau đầu, đau mình, thuộc loại bệnh biến của chứng Đản ngược, nên thanh nhiệt khư đàm, chống nôn, cho uống ***Nhạc thị đản ngược phương***.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Hàn nhiệt vãng lai", chứng "Ố hàn, phát nhiệt".

PHỤ PHƯƠNG

Nhạc thị đản ngược phương.

Người cống hiến: Nhạc Tu Ngũ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Sơn Đông

Thái tử sâm	24 gam	Thạch cao	24 gam
Tri mẫu	12 "	Trần bì	9 "
Bán hạ	8 "	Binh lang	12 "
Sinh khương	3 "	Đại táo	3 quả

6. KHÔNG MỒ HÔI (Vô hãn)

Không mồ hôi, là chỉ trường hợp đáng lẽ ra mồ hôi mà mồ hôi lại không ra. Các bệnh ngoại cảm hay nội thương đều có thể gặp chứng này.

Ngoại cảm nhiệt bệnh mà không mồ hôi thường là chứng tà khí uất ở cơ biểu và tân dịch bị tổn thương. Có chứng trạng không mồ hôi, nhức đầu đau mình, ố hàn, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc vàng, mạch Phù Sác. Đây là khí uất ở cơ biểu làm vít lấp lỗ ra mồ hôi, có thể cho uống ***Trương thị sài cầm khương lam thang (1)*** để sơ tán biểu tà, thanh giải nhiệt độc.

Phụ nữ sau khi đẻ, nhiệt phạm vào huyết thất, có chứng không mồ hôi, mình nóng, về chiều càng nóng hơn, hôn mê nói nhảm, lần áo sờ giường, khát nhiều không dứt, lưỡi đen răng khô, sáu bộ mạch Hồng Đại Hoạt Sác ấn mạnh thấy rỗng không, đó là tà khí chưa thấu, nhiệt thịnh thương âm, điều trị theo phép lý âm thấu tà, cho uống ***Quách thị bổ âm hoá khí tán (2)***. Những chứng bệnh ngoại cảm nhiệt bệnh không mồ hôi, có thể tham khảo ở các chứng "Ố hàn" và "Phát nhiệt".

Không mồ hôi gặp ở giữa mùa Hạ nóng nực, thường thấy mình nóng như hun đốt, đầu chướng đau, mặt đỏ, hồi hộp, thở gấp.v.v. lại thấy thêm chứng tay chân không ấm, lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng, mạch Tế Hoãn, thường ngày vốn sợ lạnh, là thuộc Vị dương không mạnh, cho uống ***Củng thị chấn phấn vệ dương vô hãn phương (3)*** để ôn thông vệ dương, hoạt huyết điều doanh.

Nếu kiêm chứng ức uất hay giận, đau nửa đầu, mạch Huyền, chất lưỡi đỏ, đó là Can khí uất kết, sự mở đóng xoay chuyển của Thiếu dương trở ngại, Tâm khí bị lấn át, Vệ doanh bế trệ, điều trị nên sơ Can hoạt huyết, thông điều doanh Vệ, cho uống ***Củng thị Can khí uất kết vô hãn phương (4).***

Không mồ hôi, Tâm phiền, đắng miệng, rêu lưỡi vàng nhớt, là do Can Đởm uất nhiệt, Vệ doanh bế trệ, nên thanh tiết Can Đởm, hoạt huyết hoà doanh, dùng ***Củng thị Can Đởm uất nhiệt vô hãn phương (5).***

Nếu khắp người không mồ hôi lại có hiện tượng khiếp nhược, tinh thần uỷ mị, mệt mỏi yếu sức, ớn lạnh nằm co, sắc mặt kém tươi, chất lưỡi nhạt non bệu, hoặc ven lưỡi có vết răng, mạch Trầm Tế Nhược, là Tỳ Thận dương hư, điều trị nên ôn bổ Tỳ Thận, thông dương đưa vận chuyển đi lên, hoạt huyết điều doanh, cho uống ***Củng thị Tỳ Thận dương hư vô hãn phương (6).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị sài cầm khương lam thang.

Người cống hiến: Trương Hạo Lương, Phó giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	15 gam	Hoàng cầm	10 gam
Bản lam căn	20 "	Khương hoạt	24 "
Kim ngân hoa	20 "	Bồ công anh	15 "
Trần bì	10 "	Cam thảo	6 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc lấy nước đặc chia 3 lần uống. Bệnh nặng có thể mỗi ngày uống 2 thang.

2. Quách thị bổ âm hoá khí tán.

Người cống hiến: Quách Ôn Nhuận, Y sư chủ nhiệm
Sở liệu dưỡng bệnh Tinh thần tỉnh Cam Túc

Thượng cửu địa	30 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Đương quy thân	9 "	Huyền sâm	15 "
Sài hồ	3 "	Mạch môn đông	15 "
Bạch thược	4,5 "	Trần bì	3 "
Trích Cam thảo	4,5 "	Đậu sị	6 "
Cương tàm	3 "		

3. Củng thị chấn phấn vệ dương vô hãn phương.

Người cống hiến: Củng Văn Đức, Lão Trung y
Trung y viện thành phố Thượng Hải

Quế chi	10 gam	Xích thược	10 gam
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Đan sâm	30 "	Trích Ma hoàng	5 "
Bào phụ phiến	5 "	Bạch chỉ	5 "
Trích Tế tân	3 "	Trích Cam thảo	3 "
Sinh khương	2 nhát	Thông quản	5 sợi
Hồng táo	5 quả		

4. Củng thị Can khí uất kết vô hãn phương.

Người cống hiến: Củng Văn Đức, Lão Trung y
Trung y viện thành phố Thượng Hải

Hương phụ	5 gam	Bạc hà	5 gam
Chỉ thực	5 "	Xuyên khung	5 "
Trích Viễn trí	5 "	Sài hồ	3 "

Xương bồ	3 gam	Trích Cam thảo	3 gam
Đan sâm	30 "	Đào nhân	10 "
Hồ hoa	10 "		

Gia giảm: Can khí hoành nghịch mà thấy không mồ hôi và có luồng hơi từ bụng dưới xông lên tắc cả họng, ngực như thắt lại và đau, mạch Huyền, bỏ Hương phụ, Xuyên khung, Trích Viễn trí, Xương bồ, Trích Cam thảo, gia Mộc hương 3 gam, Tân lang, Ô dược đều 5 gam, Trầm hương (bột) 15 gam.

5. Củng thị Can Đởm uất nhiệt vô hãn phương.

Người cống hiến: Củng Văn Đức, Lão Trung y Trung y viện thành phố Thượng Hải

Hoàng cầm	5 gam	Hoàng liên	5 gam
Chỉ thực	5 "	Trúc nhự	5 "
Trần bì	5 "	Bạc hà	5 "
Viễn trí	5 "	Sài hồ	3 "
Sinh Cam thảo	3 "	Xương bồ	3 "
Đan sâm	30 "	Đào nhân	10 "
Hồng hoa	10 "	Phục linh	10 "

6. Củng thị Tỳ Thận dương hư vô hãn phương.

Người cống hiến: Củng Văn Đức, Lão Trung y Trung y viện thành phố Thượng Hải

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đan sâm	30 gam
Đảng sâm	10 "	Bạch truật	10 "
Thục địa	10 "	Sơn thù	10 "
Ba kích	10 "	Thung dung	10 "

Đào nhân	10 gam	Hồng hoa	10 gam
Quế chi	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Trích Thăng ma	3 "
Trích Cam thảo	3 "	Sài hồ	3 "
Thông quản	5 cái	Sinh khương	2 nhát
Đại táo	7 quả		

7. NHIỀU MỒ HÔI (Đa hãn)

Nhiều mồ hôi là chỉ không do nóng nực hay vận động quá mà mồ hôi vẫn ra lượng quá nhiều, vượt hơn mức bình thường và thường gặp nhiều ở trẻ em.

Bị bệnh lâu ngày, thể lực yếu, ra nhiều mồ hôi và kém ăn, nguyên nhân do doanh vệ không điều hòa, Vị khí bị khốn đốn, cần điều hoà doanh vệ, thức tỉnh Vị khí, cho uống ***Quế chi thang gia vị phương (1).***

Nhiều mồ hôi, biếng ăn, mỏi mệt, đại tiện không thành khuôn, khát nước, thể trạng gày còm là do Tỳ Vị khí hư, Trung tiêu bất hoà, dùng bài ***Triệu thị nghiệm phương (2)*** để kiện Tỳ ích Vị, hoà trung chỉ hãn.

Ra nhiều mồ hôi, dễ bị kinh sợ, nóng rét dằng dai, đó là chính khí hư, tà lưu luyến, doanh vệ không hoà, hư dương trôi nổi ra bên ngoài, dùng bài ***Gia vị Quế chi gia Long mẫu ẩm (3)*** để điều hoà doanh vệ, tiềm dương cứu nghịch.

Phiền táo ra nhiều mồ hôi, đêm ngủ không yên, kém ăn, táo bón, hay bị cảm mạo là thuộc khí âm đều hư, bảo vệ bên ngoài kém, có thể uống ***Vương thị đa hãn phương (4)*** để ích khí sinh tân, củng cố vệ khí và cầm mồ hôi, đồng thời kiện Tỳ thanh nhiệt.

Ra mồ hôi không dứt, miệng đắng và khô, tiểu tiện vàng, Tâm phiền khó ngủ, chân tay bứt rứt, dễ bị cảm mạo sợ gió,

nhưng thể trạng không sút, vẫn ăn uống như thường, chứng thuộc khí hoả ở các tạng Tâm Can Phế Tỳ dồn ép tân dịch ra ngoài gây nên, cho uống ***Chu thị hãn xuất bất chỉ phương (5)*** để tả hoả, củng cố Vệ khí, cầm mồ hôi, kiêm dưỡng âm lợi thấp.

Ra nhiều mồ hôi, mắt nhợt, chân tay lạnh, môi tím tái, thậm chí hôn quyết, kèm theo chứng vùng ngực đau bứt rứt, mạch Vi muốn thoát, cho uống ngay ***Lưu thị dương thoát thang (6)*** để hồi dương cứu thoát và cầm mồ hôi.

Nếu thấy vã mồ hôi nhiều, phiền táo không yên, khát nước mặt đỏ, mạch Tế Sác hoặc Tế Sác vô lực hoặc Kết Đại, cho uống ***Lưu thị âm thoát thang (7)*** để liễn âm cố thoát, cầm mồ hôi.

PHỤ PHƯƠNG

1. Quế chi thang gia vị phương.

Người cống hiến: Đồng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm Trung y Văn hiến quán thành phố Thượng Hải

Quế chi	3 gam	Bạch thược	6 gam
Sinh khương	2 nhát	Hồng táo	3 quả
Cam thảo	3 gam		

Gia giảm: Lưỡi đỏ rêu lưỡi tróc mảng, âm dịch bất túc, gia Ngọc trúc, Bách hợp, Thạch hộc, Mạch môn, Sinh Biển đậu, Sinh Địa hoàng. Đổ máu mũi, gia Bạch mao hoa, Ngẫu tiết. Táo bón gia Sinh Thủ ô để nhuận. Khi ngủ mồ hôi vã ra đầm đìa gia Ma hoàng căn, Nhu đạo căn để cầm mồ hôi. Lưỡi nhạt thuộc Dương hư, có thể gia Phụ tử. Đau bụng do hư hàn, tăng lượng Bạch thược và gia Di đường.

2. Triệu thị nghiệm phương.

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kê nội kim (sao)	10 gam	Tiêu Mạch nha	10 gam
Hoài sơn	12 "	Sao Bạch truật	6 "
Mẫu lệ (nung)	10 "	Phù tiểu mạch	10 "
Sử quân tử	10 "	Quy bản giao	6 "
Phục linh	10 "	Tri mẫu	6 "
Trích Cam thảo	3 "		

3. Gia vị Quế chi gia Long mẫu ẩm.

Người cống hiến: Giang Dục Nhân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Trích Quế chi	5 gam	Sinh Bạch thược	10 gam
Trích Cam thảo	6 "	Sinh khương	2 nhát
Hồng táo	5 quả	Long cốt	20 gam
Mẫu lệ	20 gam	Từ thạch	20 "

Gia giảm: Viêm Phổi kéo dài hoặc mãn tính do phú bẩm tiên thiên bất túc, kiêm chứng phát sốt kéo dài không qui tắc giờ giấc, ra mồ hôi mà thể trạng không ấm, gia Hoàng kỳ, Đào nhân, Hạnh nhân, Địa cốt bì, đều 10 gam. Chứng gù lưng do thể trạng yếu, dễ ra mồ hôi, hư phiền bứt rứt, đêm dãy dụa quấy khóc gia Bổ cốt chí 10 gam, Nhục Thung dung 8 gam, Lộc giác phiến 6 gam. Dễ cảm mạo, thường xuyên viêm long đường hô hấp, hàng ngày dễ ra mồ hôi, không chịu được phong hàn, hàng năm bị vài lần viêm long đường hô hấp... Đặc điểm ở trẻ em dễ bị cảm nhiễm này ở chỗ bệnh trình khá kéo dài, mỗi lần bị cảm nhiễm từ 10 ngày trở lên, có khi đợt này chưa khỏi lại tiếp theo cảm

nhiễm đợt khác, tái phát dằng dai nhiều lần, biểu hiện cụ thể các chứng hậu "Vệ không củng cố bên ngoài, Doanh không giữ gìn ở bên trong" và "Phế Tỳ khí hư", trong bài thuốc dùng Trích Hoàng kỳ, Bạch truật đều 10 gam, Phòng phong 6 gam. Đái dầm còn gọi là Niệu sàng, di niệu, lâm sàng thường gặp ở trẻ em bị đái dầm lâu ngày đều xảy ra ở lúc ngủ say, lay gọi không thức, khi ngủ lại tự ra mồ hôi, sắc mặt trắng xanh, thường ngày rất ít nói, trí khôn cũng giảm so với trẻ em cùng tuổi. Đây là chứng thuộc Thận có hư hàn, đàm thấp tích chứa ở trong, âm không tiềm dương. Bài thuốc này có đủ tác dụng tiềm dương hoà âm làm ấm áp và củng cố toàn thân. Lại gia Trần Đảm tinh 6 gam, Ích trí nhân 10 gam, Thạch xương bồ 10 gam để hoá đàm thấp khai Tâm khiếu, khiến cho Dương hoà bình Âm kín đáo, giữ gìn mọi phía mọi nơi, doanh vệ nhờ đó cũng được điều hoà.

4. Vương thị đa hãn phương.

Người cống hiến: Vương Ấn Phương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Quảng Châu

Thái tử sâm	10 gam	Ngũ vị tử	4 gam
Mạch môn đông	6 "	Cương trùng	6 "
Bắc kỳ	10 "	Ma hoàng căn	10 "
Tượng nha ty	10 "	Bạn đại hải	6 "

5. Chu thị hãn xuất bất chỉ phương.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Hoàng cầm	15 gam	Hoàng liên	10 gam
Long đởm thảo	10 "	Nhân trần	30 "

Sinh địa	30 gam	Thục địa	30 gam
Hoàng kỳ	40 "	Phòng phong	15 "
Trần Tiểu mạch	60 "	Ngũ vị tử	30 "
Địa cốt bì	15 "	Mật Cam thảo	15 "

Gia giảm: Thuốc uống đã trúng bệnh, hoặc ra mồ hôi rất nhiều mà khát nước, có thể gia Ô mai 50 gam.

7. Lưu thị Dương thoát thang.

Người cống hiến: Lưu Càn Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Sơn Đông

Nhân sâm	10 - 15 gam	Chế Phụ tử	15 gam
Can khương	6 "	Ngũ vị tử	10 "
Trích Cam thảo	10 - 30 "		

Cách dùng: Sắc nước đặc uống ngay, mỗi ngày dùng 1 - 2 thang.

8. Lưu thị Âm thoát thang.

Người cống hiến: Lưu Càn Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Sơn Đông

Nhân sâm	10 - 15 gam	Mạch môn đông	15 gam
Ngũ vị tử	10 "	Sơn thù	15 "
Hoàng tinh	30 "	Trích Cam thảo	15 "

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc uống ngay. Mỗi ngày có thể uống 2 thang.

8. TỰ HÃN (Tự ra mồ hôi)

Tự ra mồ hôi là chỉ chứng trạng không do lao động, không do mùa nực mặc quần áo quá dày hoặc uống thuốc phát tán mà mồ hôi tự nhiên ra.

Tự ra mồ hôi nói chung phần nhiều do vệ khí không bền, tân dịch tiết ra ngoài, cho nên còn thấy cả các chứng yếu sức, hễ động làm thì vã mồ hôi, biếng nói thiếu khí.

Dễ cảm mạo hoặc sau khi ốm thể trạng yếu tự ra mồ hôi, có thể dùng ***Gia vị mẫu lệ tán (1)*** làm cho bền chắc Vệ phần Biểu phần.

Có thêm chứng lười nói, mệt mỏi quá sức, kém ăn gầy còm, thì dùng ***Bổ dương thang (2).***

Dễ cảm mạo hoặc sau khi cảm mạo, bệnh dằng dai không khỏi, mũi tắc hoặc khô, hắt hơi, cho uống ***Kiện thân cố biểu tán (3)*** để bổ ích Tỳ Phế, mạnh Vệ củng cố Biểu.

Kiêm chứng chân tay không ấm, tuy mùa Hạ nóng nực cũng không muốn bỏ áo, sợ lạnh, ra mồ hôi lại càng sợ lạnh, là thuộc Dương khí không bền, dùng bài ***Phù dương cố biểu thang (4)*** để phù Dương ích khí và củng cố phần Biểu.

Trẻ em tự ra mồ hôi hoặc ra mồ hôi trộm, sắc mặt kém tươi, rêu lưỡi mỏng, mạch Tế, kém ăn gày còn, có thể dùng ***Mã thị ích khí dưỡng âm cố hãn phương (5)*** để ích khí âm và liễm mồ hôi.

Có triệu chứng khát muốn uống nước, ra nhiều mồ hôi, là do khí âm hao thương khá nặng, có thể dùng ***Bối thị thực tấu ẩm (6)*** để ích khí sinh tân giữ gìn phần âm và liễm mồ hôi, làm bền chắc phần Biểu.

Mọi chứng tự hãn nói chung đều có thể phối hợp dùng bài ***Ngũ bội tử tán (7)*** đắp vào rốn để tăng cường khả năng liễm mồ hôi.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị mẫu lệ tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Mẫu lệ nung	100 gam	Sinh Hoàng kỳ	100 gam
Ma hoàng căn	50 "	Ngũ vị tử	50 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột thô, đựng vào bình để dùng. Mỗi lần dùng từ 10 - 20 gam, nấu lẫn với 15 gam Phù tiểu mạch, lọc bỏ bã, cho uống ấm, ngày 2 lần.

Gia giảm: Khí hư do ốm lâu, gia Nhân sâm tu 6 gam. Âm hư táo nhiệt, gia Sinh Địa hoàng, Bạch thược đều 10 gam. Hồi hộp kém ngủ gia Toan táo nhân, Mạch môn đông đều 10 gam.

2. Bổ dương thang

Người cống hiến: Tần Bá Vị, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Nhân sâm	Hoàng kỳ
Bạch truật	Cam thảo
Ngũ vị tử	

3. Kiện thân cố biểu tán

Người cống hiến: Triệu Thanh Lý, Giáo sư
Đại học Quốc y Trương Trọng Cảnh, tỉnh Hà Nam

Hoàng kỳ	40 gam	Bạch truật	20 gam
Phòng phong	20 "	Bách hợp	40 "
Cát cánh	30 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột, mỗi lần dùng 9 gam, ngày 2 - 3 lần hoà nước chín cho uống; Bẩy ngày là một liệu trình, nói chung chỉ từ 1 - 2 liệu trình là khỏi. Cũng có thể đổi làm dạng thuốc sắc (công thức trên giảm bớt một nửa, sắc uống ngày 1 thang chia 2 lần uống. Nói chung uống 3 - 5 thang là đạt yêu cầu).

Gia giảm: Bệnh nhân vốn bị viêm xoang mạn tính mà có chứng mũi tắc không thông thì thêm Tân di 15 gam.

4. Phù dương cố biểu thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nùng, Trung y sư nổi tiếng
Trung y học viện Hồ Bắc

Sinh Hoàng kỳ	10 gam	Bạch truật	10 gam
Trích Cam thảo	10 "	Thục phụ phiến	10 "
Quế chi	5 "	Sao Bạch thược	10 "
Đương quy	10 "	Phòng phong	10 "
Ngọc trúc	10 "	Sinh khương	3 nhát
Hồng táo	5 quả		

5. Mã thị ích khí dưỡng âm cố hãn phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Sinh Hoàng kỳ	9 gam	Hoài sơn	9 gam
Sao Bạch truật	6 "	Sinh Cam thảo	4 "
Phù tiểu mạch	9 "	Bích đào can	9 "
Nhu đạo căn	9 "	Mẫu lệ nung	12 "
Lữ đậu y	9 "		

Công thức này dùng cho lứa tuổi học sinh nhi đồng.

6. Bối thị thực tấu ẩm

Người cống hiến: Bối Thục Anh, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Hoàng kỳ	15 gam	Đảng sâm	15 gam
Mạch môn đông	10 "	Ngũ vị tử	3 "
Mẫu lệ	15 "	Bích đào can	10 "
Phù tiểu mạch	15 "	Nhu đạo căn	15 "

7. Ngũ bội tử tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Ngũ bội tử tán bột mịn, đựng vào bình đậy kín, mỗi lần dùng 2 - 3 gam, trộn vào ít nước sôi, nặn thành bánh, khi đi ngủ đắp vào rốn, ngoài buộc vải, lại lấy băng dính dán ra ngoài, sáng hôm sau bỏ miếng đắp, Dùng 5 - 6 lần, thấy hiệu quả thì ngừng thuốc.

9. ĐẠO HÃN (Ra mồ hôi trộm)

Đạo hãn còn gọi là "Tẩm hãn", chỉ chứng trạng khi ngủ thì ra mồ hôi, khi tỉnh giấc thì mồ hôi không ra nữa. Chứng này gặp nhiều trong thể trạng âm hư nội nhiệt.

Ra mồ hôi trộm kiêm các chứng khát nước họng khô, gò má đỏ, trào nhiệt tâm phiền, ho khan hoặc trong đàm có lẫn sợi huyết là thuộc âm hư nội nhiệt, cho uống ***Lục thị chỉ đạo hãn phương (1)*** để tư âm nuôi tân dịch, thanh nhiệt cầm mồ hôi.

Ra mồ hôi trộm thương tổn đến Thận âm, phần nhiều có thêm các chứng lưng gối đau mỏi, di tinh, miệng lưỡi mọc mụn, có thể dùng ***Đoàn thị tư âm liễm dịch thang (2)*** để tư bổ Thận âm, thu liễm tân dịch.

Đạo hãn có thêm chứng hồi hộp mất ngủ, mỏi lưng hay mê, táo bón, lưỡi đỏ ít tân dịch, bệnh thuộc âm hư mà Tâm Thận bất giao, có thể dùng ***Bạch thị giao thông Tâm Thận phương (3)*** để tư dưỡng nguyên âm và giao Tâm Thận.

Ra mồ hôi trộm hoặc tự ra mồ hôi, lượng mồ hôi ra khá nhiều rất dễ bị cảm mạo, khát nước, hồi hộp, mỏi mệt, sốt nhẹ, bệnh thuộc khí âm đều hư, tấu lý thưa hở, phép trị nên ích khí dưỡng âm, làm bền chắc cơ biểu, thu liễm cầm mồ hôi, dùng ***Bối thị thực tấu ẩm (4).***

Bệnh Phế lao do uống nhầm thuốc cay ấm biểu tán hoặc đắng lạnh hại Vị, đến nỗi ra mồ hôi trộm, lượng mồ hôi nhiều,

lại thêm hiện tượng tinh thần thể trạng suy sụp, cho uống ***Cứu thị đạo hãn phương (5)*** để thanh nhiệt tư dưỡng và cầm mồ hôi.

Đối với loại ra mồ hôi trộm nguyên nhân âm hư hoả nhiệt đều có thể phối hợp dùng ***Ngũ bội tử tán (6)*** đắp vào rốn.

Đạo hãn có thêm chứng sốt nhẹ, đắng miệng, rêu lưỡi nhớt, tiểu tiện sẻn vàng, hoặc chứng này gặp ở trẻ em là do thấp nhiệt nung nấu ở trong gây bệnh, dùng ***Tang đan ẩm (7)*** để khơi thông thấp nhiệt, thu liễm mồ hôi.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lục thị chỉ đạo hãn phương

Người cống hiến: Lục Chửng, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Triết Giang

Mật trích Tang diệp	15 gam	Lữ đậu y	20 gam
Phù tiểu mạch	30 "	Sinh Bạch thược	12 "
Bích đào can	12 "	Sao Sinh địa	12 "
Sao Mạch môn	12 "	Sinh Hoài sơn	10 "
Sinh Kê nội kim	10 "		

Cách dùng: Ngâm nước các vị thuốc trên sau 30 phút đem sắc 2 lần, cho uống lúc ấm. Nước đầu sắc lấy 250 ml, nước thứ hai sắc lấy 200 ml nước thuốc đặc.

2. Đoàn thị tư âm liễm dịch thang.

Người cống hiến: Đoàn Vinh Thư, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Điện lực Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Huyền sâm	10 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Mạch môn	10 "

Ô mai	10 gam	Ngũ vị tử	5 gam
Hoả ma nhân	10 "		

3 Bạch thị giao thông Tâm Thận phương

Người cống hiến: Bạch Túc Sơn, Danh lão Trung y Trung y viện Bắc Kinh

Thục Địa hoàng	24 gam	Hoài sơn	24 gam
Sơn thù	10 "	Ngũ vị tử	10 "
Khiếm thực	24 "	Thỏ ty	24 "
Sa uyển tử	24 "	Tang phiêu tiêu	10 "
Kim anh tử	10 "	Viễn trí	10 "
Phục thần	10 "	Thủ ô đằng	30 "
Sinh long cốt	10 " (sắc trước)		

4. Bối thị thực tấu ẩm

Người cống hiến: Bối Thục Anh, Giáo sư Y học viện Nam Kinh

Sinh Hoàng kỳ	15 gam	Đảng sâm	15 gam
Mạch môn đông	10 "	Ngũ vị tử	3 "
Long cốt	10 "	Mẫu lệ	15 "
Bích đào can	10 "	Phù tiểu mạch	15 "
Nhu đạo căn	15 "		

5. Cừu thị đạo hãn phương

Người cống hiến: Cừu Cát Sinh, nhà Trung y học nổi tiếng cận đại

Sinh Địa hoàng	Xuyên bối
Lữ đạo y	Phục thần
Yến căn	Mẫu lệ nung

Long cốt nung
Mạch môn đông
Bách hợp
Đại cáp tán
Từ thạch nung
Điểm Hạnh nhân
Thoa Thạch hộc

6. Ngũ bội tử tán

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Dùng Ngũ bội tử 3 gam, tán bột mịn, trộn vào tí chút nước nóng, nặn thành miếng đắp vào rốn, phủ mảnh lụa rồi dán băng dính cố định, dùng liên tục 3 - 5 ngày, thấy hiệu quả thì ngừng thuốc.

7. Tang đan ẩm.

Người cống hiến: Trần Đại Minh, Trung y cao tuổi Nhân dân y viện tỉnh Tứ Xuyên

Tang diệp	12 gam	Mẫu Đan bì	9 gam
Liên kiều	9 "	Hoạt thạch	9 "
Thông thảo	6 "	Mẫu lệ	18 "
Phù triển mạch	18 "		

Gia giảm: Có kiêm chứng phát sốt, có thể căn cứ vào nhiệt độ cao, thấp mà linh hoạt gia Thạch cao. Nếu mồ hôi trộm kéo dài và quá nhiều, lại thêm sợ rét nhẹ, gia Hoàng kỳ. Nếu trẻ em thể chất yếu, uống nguyên đơn này không hiệu quả nhiều, có thể dùng chung với Sinh mạnh tán.

10. RA MỒ HÔI NỬA NGƯỜI
(Bán thân hãn xuất)

Ra mồ hôi nửa người bên trái hoặc nửa người bên phải gọi "Bán thân xuất hãn", cũng gọi là "Hãn xuất thiên tử".

Nếu nửa người ra mồ hôi có kiêm chứng đắng miệng, họ khô, lưỡi đỏ rêu lưỡi nhớt, ho nhiều đàm, đàm vàng dính, vốn người dễ nóng giận, là thuộc đàm nhiệt úng tắc ở Phế, doanh không hoà, cho uống bài ***Lộ thị bán thân hãn xuất phương*** thanh Phế hoá đàm, điều hoà doanh vệ.

Chứng này nên tham khảo với các chứng Hãn khác và chứ Bán thân bất toại.

PHỤ PHƯƠNG

Lộ thị bán thân hãn xuất phương

Người cống hiến: Lộ Chí Chính, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tang diệp	9 gam	Hạnh nhân	9 ga
Tỳ bà diệp	9 "	Khoản đông hoa	9 "
Lữ đậu y	9 "	Ý dĩ nhân	20 "
Mộc qua	15 "	Đởm nam tinh	4,5 "
Lô căn	15 "	Trần bì	6 "
Quế chi	9 "	Bạch thược	15 "

Gia giảm: Nếu hoả thịnh, có thể gia Tri mẫu, Hoàng bá, bớ trên thì thanh kim mà tả hoả, bên dưới thì nhuận Thận táo và tư âm

11. HOÀNG HÃN
(Ra mồ hôi sắc vàng)

Hoàng hãn là chỉ ra mồ hôi có sắc vàng như nhuộm áo.. Chứng ra mồ hôi sắc vàng như Hoàng bá thường kèm theo phát sốt, thân thể nặng nề hoặc phù thũng, khát nước, mỏi mệt, biếng ăn, tiểu tiện vàng ít, rêu lưỡi vàng nhớt, nguyên nhân do khí huyết không được nuôi dưỡng, thấp nhiệt chứa chất ở trong, dùng bài ***Hoàng hãn ngũ vật thang*** để ôn dưỡng khí huyết và tuyên tiết thấp nhiệt.

PHỤ PHƯƠNG

Hoàng hãn ngũ vật thang

Người cống hiến: Trần Bá Trung, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hương bạch chỉ	10 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Hoàng bá (sao muối)	6 "	Bạch thược	15 "
Bào khương thán	12 "		

Gia giảm: Khi mới phát chứng này, hai vị Bạch chỉ và Hoàng bá có thể tuỳ chứng (như Hoàng hãn nặng, đầu mắt tay chân thũng trướng nhiều...) mà tăng liều lượng lên 2 gam nữa. Giai đoạn cuối của bệnh lại nên giảm bớt đi một phần ba hoặc một phần hai liều lượng. Vị Hoàng kỳ trước tiên nên dùng loại

sống, sau đó mới dùng loại trích và liều lượng cũng nên trước ít sau nhiều. Khi vận dụng cũng cần căn cứ vào tuổi tác, thể chất, tình hình mới bị bệnh hay đã lâu, thuỷ thổ địa phương và mùa phát bệnh có khác nhau để phối hợp dùng thuốc cho thích hợp mới có thể đảm bảo hiệu quả. Nếu như Tỳ Vị hư yếu rõ ràng, có thể gia các vị như Đảng sâm, Bạch truật. Thể trạng âm khi khí hoá không thuận lợi thì gia các vị như Thục địa, Trạch tả. Mùa Hạ cảm nhiễm ngoại tà thì gia Hoắc hương, Hương nhu. Ở địa phương quá ẩm thấp thì phối hợp với "Tam nhân" (Hạnh nhân, Khấu nhân, Ý dĩ nhân).

12. CƠ BẮP TÊ DẠI
(Cơ phu ma mộc)

Cơ phu tê dại là chỉ tri giác ở cơ bắp toàn thân hoặc cục bộ giảm đi hoặc mất hẳn.

Chân tay tê dại, cơ bắp có từng mảng tê dại, nổi quang ban, không cảm giác lạnh, nóng và đau, da dẻ khô ráo không có mồ hôi, lông tóc rụng, đó là cảm nhiễm phong thấp và tà khí dịch độc gây nên, bên trong cho uống ***Đinh thị tiên phong giải độc phương (1)*** để khư phong giải độc, bên ngoài thì đồ ***Ngô công du (2).***

Nếu bệnh tiến triển làm cho gân mạch co rút, cơ bắp teo quắt, rêu lưỡi vàng nhớt, là phong độc thấp nhiệt uất trệ ở khí huyết, nên khư phong thanh nhiệt khư thấp, hoạt huyết thông lạc hoà doanh, cho uống ***Đoàn thị ma phong phương (3).***

Chân tay tê dại hoặc mặt tê dại thuộc loại tê dại cục bộ, tham khảo ở các chuyên mục riêng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Đinh thị tiên phong giải độc phương.

Người cống hiến: Đinh Cam Nhân, nhà Trung y học nổi tiếng cận đại

Thuyền thoái	2,4 gam	Đan bì	6 gam
Đan sâm	6 "	Xích thược	6 "

Kinh giới	3 gam	Hồng hoa	2,4 gam
Phục linh bì	12 "	Thông thảo	2,4 "
Lục nhất tán	9 "	Khổ sâm	4,5 "
Đương qui	6 "	Bạch tiên bì	4,5 "
Hắc chi ma	9 "		

2. Ngô công du.

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ngô công 10 con Hùng hoàng mạt 9 gam

Cách dùng: Trước hết đem Ngô công cuốn vào trong tờ giấy, rắc bột Hùng hoàng, sau khi tẩm cuốn thuốc đó vào dầu thơm, lấy ra châm lửa đốt, lấy lọ hứng lấy giọt dầu chảy xuống là được.

3. Đoàn thị ma phong phương.

Người cống hiến: Đoàn Hồng Quang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số 1 tỉnh Vân Nam

Thuyền thoái	Kim ngân hoa
Liên kiều	Xuyên sơn giáp
Đại hoàng	Phòng phong
Phục linh	Mộc thông
Hoạt thạch	Cam thảo

13. BÁN THÂN BẤT TOẠI
(Liệt nửa người)

Bán thân bất toại cũng gọi là "Thiên nan" là chỉ về chứng chi trên, chi dưới bên phải hoặc bên trái bị liệt, không vận động theo sự điều khiển của bản thân. Chứng này thường xuất hiện đồng thời với miệng mắt méo xếch, chân tay tê dại và hôn mê.v.v. Khi lâm sàng nên tham khảo thêm các loại bệnh này.

Bỗng nhiên ngã lăn, bán thân bất toại, thần trí không tỉnh táo, miệng mắt méo xếch, nói năng khó khăn, kèm theo đại tiện khô kết không thông, rêu lưỡi vàng nhớt, trong họng có tiếng đờm sùng sục, mạch Hoạt Sác có lực, là thuộc Đàm nhiệt úng nghẽn, Phủ không thông lợi, có thể dùng ***Hoá đàm thông phủ ẩm (1)*** để thông phủ tả nhiệt hoá đàm.

Sau khi bị trúng phong không nói được, bán thân bất toại, chất lưỡi tía tối là do Huyết ứ ở mạch lạc gây nên, cho uống ***Điền thị tam tài ngũ vị tửu (2)*** để hoạt huyết thông lạc.

Bán thân bất toại có thêm chứng không nói được, miệng mắt méo xếch, chân tay cứng nhắc hoặc đau nhức, các khớp xương biến dạng, hoạt động bị hạn chế là do phong hàn thấp ngưng trệ Kinh lạc, có thể uống ***Triệu thị phong thấp dược tửu nghiệm phương số II (3)*** để khư hàn hoạt huyết và thông lạc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hoá đàm thông phủ ẩm

Người cống hiến: Vương Vĩnh Viêm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Toàn qua lâu	30 - 40 gam	Đởm Nam tinh	6 - 10 gam
Sinh Đại hoàng	10 - 15 "	Mang tiêu	10 - 15 "

2. Điền thị tam tài ngũ vị tửu

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Y học viện tỉnh Hà Bắc

Bách thảo sương6 gam (loại muội nồi từ than củi và rơm cỏ là tốt nhất)

Hoạt thổ miết trùng (Giá trùng)		3 con	
Sữa người	10 ml	Rượu nhạt	120 ml

Cách dùng: Bách thảo sương nghiền bột mịn. Cả 4 vị thuốc trộn đều trong cái chén, uống 1 lần cho hết; hoặc chia làm vài lần uống trong 1 ngày cho hết.

3. Triệu thị phong thấp dược tửu nghiệm phương số II

Người cống hiến: Triệu Phong Tường, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Sinh Xuyên ô	15 gam	Sinh Thảo ô	15 gam
Kim ngân hoa	10 "	Ô mai	15 "
Ngưu tất	15 "	Đại thanh diệp	15 "
Rượu trắng	500 - 100 ml		

Cách dùng: Các vị thuốc ngâm vào rượu 10 ngày. Mỗi ngày uống hai lần sáng và tối, mỗi lần 5 - 10 ml.

Chú ý: Không được uống quá liều lượng; nếu môi miệng bị tê thì giảm bớt lượng rượu. Nếu không có Sinh Xuyên ô, Sinh Thảo ô, có thể thay bằng Thục Xuyên ô, Thục Thảo ô, nhưng tăng liều lượng.

14. ĐAU MÌNH (Thân thống)

Chứng đau mình thường gặp nhiều ở bệnh ngoại cảm, đồng thời xuất hiện với các chứng "Phát nhiệt", "Sợ ghét phong hàn" và "Đau họng"; Lâm sàng nên tham khảo các chứng này.

Đau nhức toàn thân, phát sốt sợ lạnh, không mồ hôi, mạch Phù hoặc mạch Phù Sác là tà bị uất ở cơ biểu, nhiệt độc ấp ủ ở trung, điều trị nên thanh nhiệt giải độc, sơ biểu tán tà, cho uống ***Trương thị sài cầm khương lam thang (1).***

Có thêm chứng họng sưng đau hoặc ra mồ hôi không dễ dàng, có thể dùng ***Hoàng thị thanh yết tán (2)*** để giải biểu trừ nhiệt, tuyên Phế khư đàm, giải độc tiêu sưng.

Phụ nữ đau nhức toàn thân không có điểm đau cố định, mất ngủ nhức đầu, ngủ hay mê là do âm huyết bất túc, kiên cả huyết không được điều hoà, có thể dùng ***Thời thị thư lạc nữ kim phiến (3)*** để dưỡng âm huyết, hoà doanh khí.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị sài cầm khương lam thang

Người cống hiến: Trương Hạo Lương, Phó giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	15 gam	Hoàng cầm	10 gam
Khương hoạt	24 "	Bản lam căn	20 "

Kim ngân hoa	20 gam	Bồ công anh	15 gam
Trần bì	10 "	Cam thảo	6 "

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc lấy nước đặc chia 3 lần uống. Chứng mỗi ngày có thể uống 2 thang.

2. Hoàng kỳ thanh yết tán

Người cống hiến: Hoàng Tân Nông, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Võ Tích tỉnh Giang Tô

Sinh Cam thảo	3 gam	Cát cánh	6 gam
Kinh giới	6 "	Phòng phong	6 "
Chỉ xác	10 "	Bạc hà	6 "
Tiền hồ	5 "	Ngưu bàng tử	10 "

3. Thời thị thư lạc nữ kim phiến

Người cống hiến: Thời Lập Hàn, Y sư chủ nhiệm Quán y viện số 152 tỉnh Hà Nam

Tiên linh tỳ	15 gam	Đương quy	15 gam
Toan táo nhân	15 "	Hoàng tinh	15 "
Nữ trinh tử	20 "	Bá tử nhân	15 "
Huyền hồ	10 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, thêm phụ liệu chế thành 100 viên dẹt. Mỗi lần uống 5 viên, ngày uống 3 lần.

15. MỆT MỎI

Mệt mỏi là chỉ tinh thần khốn đốn, chân tay rã rời, có thể gặp trong quá trình các bệnh mạn tính, một số các bệnh cấp tính khác cũng có thể gây nên.

Nếu là tuổi cao, thể lực yếu, tinh thần mệt mỏi rã rời, tinh lực không dồi dào, đi đứng chậm chạp, cho uống bài ***Tinh thần dược tửu phương (1)*** để bổ Thận ích tinh, giúp cho phần Dương và yên Tâm, điều hoà khí huyết.

Già trước tuổi, tóc khô ròn, mỏi mệt, tinh thần khốn đốn, uống ***Bổ cố thần khí tinh huyết dược phương (2)*** để bổ khí huyết, làm đầy đủ nguyên thần và bổ sung tinh tủy. Cũng có thể dùng ***Bảo hộ Tạng Phủ dược phương (3)*** để điều bổ năm Tạng, kéo dài sức chống lão suy.

Sau khi lao động trí óc đến lúc nghỉ hưu, có chứng mệt mỏi rã rời, lưng gối mỏi đau mềm yếu vô lực, đầu óc căng trướng, giấc ngủ không yên, kém ăn, tình tự phiền loạn, lại có lúc phiền táo, mùa Đông mà sợ lạnh, ưa yên tĩnh, hoặc có cảm giác cô đơn mất mát, là Thận khuy khí huyết bất túc, có thêm chứng đàm nhiệt quấy rối Tâm, cho uống ***Chu thị Tâm Thận điều lý phương (4)*** để ích khí, bổ Thận, sinh huyết, an thần dưỡng Tâm giúp chính khí, trừ đàm nhiệt và trừ phiền.

Mệt mỏi có thêm chứng kém ăn, đoản hơi, sắc mặt kém tươi, gày còm, cho uống ***Trương thị bổ khí thang (5)*** để thăng bổ Tỳ khí.

Nếu có thêm chứng sốt nhẹ khát nước, dễ cảm mạo, tự ra mồ hôi, chóng mặt ù tai, hồi hộp kém ăn là do khí âm đều hư, doanh huyết bất túc, dùng ***Hoàng kỳ ô mai thang (6)*** để ích khí sinh tân dưỡng huyết kiêm lý Tỳ. Cũng có thể uống ***Phàn thiết bổ huyết hoàn (7)*** để ích khí kiện Tỳ và sinh huyết.

Bệnh lâu ngày thể lực yếu, mệt mỏi, lưng gối mềm yếu, hồi hộp, chóng mặt, khốn đốn, sốt nhẹ, sắc mặt trắng xanh, hoặc sợ lạnh chân tay lạnh, nằm co ưa yên tĩnh, đó là Can Thận bất túc, khí huyết suy hư, nói chung có thể dùng ***Phó thị ô kỳ cao (8)*** để ích khí bổ huyết, tư bổ Can Thận.

Có thêm chứng dương hư, cho uống ***Vương thị ôn dương tư âm thang (9)*** để bổ cả Âm Dương của Thận mà ích khí sinh huyết. Có một số tật bệnh đã dùng các loại điều trị bằng hoá học của y học hiện đại mà xuất hiện các chứng trạng như nói ở trên, có thể phối hợp cho uống ***Dương thị bổ huyết phù chính thang (10).***

Kiêm chứng Can Vị bất hoà có triệu chứng đặc trưng là vị và sườn trướng đầy, có thể dùng ***Uất thị hoá liệu phù chính phương (11)*** để kiện Tỳ bổ Thận, ích khí sinh huyết, điều hoà Can Vị.

Mệt mỏi, phát sốt, đau họng, xuất huyết dưới da, thuộc nhiệt độc thịnh ở trong, có thể dùng ***Thanh Hoàng tán (12)*** để thanh nhiệt giải độc.

Có thêm chứng họng khô miệng ráo, gày còm, sốt nhẹ, dùng ***Tôn thị tiên dược nghiệm phương (13)*** để thanh nhiệt giải độc, mát huyết dưỡng âm.

Mệt mỏi có thêm chứng miệng khô, gày còm, sốt nhẹ kéo dài, biếng ăn, phiền đầy, đại tiện khô, tiểu tiện vàng là thuộc chứng Tỳ Vị khí âm đều hư, dùng ***Sâm Kỳ Hoàng tinh thang (14)*** để bổ ích Tỳ Vị khí âm.

Mệt mỏi mà hoa mắt chóng mặt, lưng gối mềm yếu, hồi hộp đoản hơi, dưới da có ứ ban sắc nhạt là thuộc tinh huyết bất túc, dùng ***Điền tinh bổ huyết thang (15)*** để bù đắp Thận tinh, hoá sinh doanh huyết.

Người bị Can bệnh kéo dài, mệt mỏi yếu sức, không chịu nổi mệt nhọc, sắc mặt trắng xạm, đoản hơi, hễ động làm là tinh thần mệt mỏi, kém ăn, sau khi ăn trướng bụng, đại tiện khi táo khi lỏng hoặc cảm giác sợ lạnh là thuộc Can khí hư yếu, cho uống ***Chu thị bổ Can dương khí hư phương (16)*** để bổ Can trợ dương ích khí.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tinh thần dược tửu phương

Người cống hiến: Ngô Quyền Tiên, Lão Trung y Trung y học viện Thành Đô

Nhân sâm	15 gam	Can Địa hoàng	15 gam
Kỷ tử	15 "	Dâm dương hoắc	9 "
Sa uyển tử	9 "	Đinh hương	9 "

Trầm hương	9 gam	Viễn trí	3 gam
Lệ chi hạch	7 trái		

Phép chế: Các vị thuốc ngâm với 1500 ml rượu 60° trong 40 ngày.

Phép dùng: Mỗi sáng uống 6 gam, trưa 9 gam, tối 15 gam; hoặc mỗi ngày uống sáng, tối đều 15 gam mỗi lần, uống từ từ.

2. Bổ cố thần khí tinh huyết dược phương

Người cống hiến: Thi Kim Mặc, Danh y cận đại

Phục thần	Hoàng kỳ
Khiếm thực	Thục địa
Hắc đậu	Bá diệp
Hoàng tinh	Sơn dược
Long cốt	Hắc Chi ma
Hổ phách	Tử hà sa
Hà thủ ô	Liêm châu

Gia giảm: Mùa Xuân, Thu, gia Mạch môn đông. Mùa Hạ gia Huyền sâm, Mạch môn đông. Mùa Đông gia Nhục quế, Thiên sinh hoàng.

3. Bảo hộ Tạng Phủ dược phương

Người cống hiến: Thi Kim Mặc, danh y cận đại

Nhân sâm	Nhục quế
Ngũ vị tử	Đương qui thân
Hổ cốt	Viễn trí
Xương bồ	Hoàng tinh

Bạch truật
Phá cổ chỉ
Trích Cam thảo
Kháng thược
Long nhãn
Ô mai
Thỏ ty tử
Đạm thái
Tùng tử
Hồng đản
Trầm hương
A giao
Phục linh
Liên tử
Dâm dương hoắc
Xuyên liên
Nữ trinh
Sa nhân
Hoàng bá
Hoàng cầm
Hạn liên
Xương bồ
Ngư đỗ
Hà thủ ô

Câu kỳ tử
Hoàng kỳ
Sơn thù
Ngọc trúc
Bạch cập
Yến oa
Thục địa hoàng
Bá tử nhân
Đan sâm
Trùng thảo
Tam thất
Quy lộc nhị tiên giao
Hồ đào nhục
Kha tử
Sơn dược
Tất trừng già
Quảng bì
Thung dung
Sa uyển tử
Sài hồ
Chỉ thực
Ba kích thiên
Hải sâm
Sinh Địa hoàng

4. Chu thị Tâm Thận điều lý phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Sinh Hoàng kỳ	150 gam	Cát Lâm Nhân sâm	60 gam
Sinh Quy bản	150 "	Sơn dược	150 "
Bổ cốt chi	100 "	Phục linh	100 "
Hồ đào nhân	100 "	Đỗ trọng	100 "
Sinh Kê nội kim	100 "	Xuyên Miết giáp	100 "
Ngưu tất	100 "	Câu kỷ	100 "
Sao Tảo nhân	100 "	Minh phàn	30 "
Hoàng liên	30 "	Hạnh nhân	30 "
Xuyên Bối mẫu	30 "	Cam thảo	30 "
Nhu mễ	1000 "		

Cách dùng: Các vị trên tán thành bột thô, mỗi lần dùng 10 - 15 gam, đổ nước vào vừa phải, đun nhỏ lửa, chia làm hai, ba lần uống tuỳ ý muốn.

5. Trương thị bổ khí thang

Người cống hiến: Trương Hải Phong, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Nhân sâm, Hoàng kỳ (nên từ 30 gam trở lên)

Bạch truật	Thăng ma
Phục linh	Trích Cam thảo

Cách dùng: nên uống liên tục 2 - 3 tháng, có thể trong khi uống thuốc, đồng thời phối hợp sử dụng Hoàng kỳ 60 gam hầm với gà mái trọng lượng 750 gam để ăn, mỗi tuần ăn 1 - 2 lần.

6. Hoàng kỳ ô mai thang

Người cống hiến: Ngô Trọng Khang, Giáo sư Trung y viện tỉnh Triết Giang

Hoàng kỳ	Ô mai
Cam thảo	Ngũ vị tử
Đảng sâm	Đương qui
Chế Thủ ô	Trần bì

Gia giảm: Tỳ dương hư, phối hợp với bài Tiểu kiến trung thang. Tỳ Thận dương hư, phối hợp với bài Nhị tiên ôn Thận thang (nói chung dùng Nhị tiên ôn). Thận thang dùng bốn vị Tiên Mao, Tiên linh tỳ, Ba kích nhục, Xích tiểu đậu). Trung khí hư yếu, phối hợp với bài Bổ trung ích khí thang. Thận âm hư, phối hợp với bài Tả quy ẩm.

7. Phàn thiết bổ huyết hoàn

Người cống hiến: Ngô Hàn Hương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Lục phàn	9 gam	Hoài sơn	15 gam
Châm sa (tẩm dấm, nung)	12 "	Hồng tảo	20 quả

Cách dùng: Ba vị thuốc trên tán thành bột mịn. Hồng tảo nấu chín, tách bỏ vỏ và hạt, trộn với bột thuốc giã cho thật nhuyễn, rồi viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 3 gam chiêu với nước chín, kiêng dùng nước trà.

8. Phó thị ô kỳ cao

Người cống hiến: Phó Diệu Thái, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Hàng Châu

Hoàng kỳ	60 gam	Đương qui	30 gam
Sinh Địa hoàng	80 "	Thục Địa hoàng	80 "
Hà thủ ô	60 "	Tân hội bì	30 "
Di đường	lượng vừa đủ .		

Cách dùng: Các vị chế thành dạng cao có mầu đen, mùi thơm, vị ngọt, đựng trong lọ kín. Mỗi ngày 3 lần, mỗi lần uống 15 gam.

9. Vương thị ôn dương tư âm thang

Người cống hiến: Vương Hy Minh, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	15 gam	Câu kỷ tử	24 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Chế Thủ ô	24 "
Nhục Thung dung	9 "	Nhục quế	3 "
Tiên linh tỳ	9 "	Bổ cốt chi	12 "
Quy bản giao	15 "	Lộc giác giao	15 "
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Lộ đảng sâm	15 "
Sinh Cam thảo	15 "	Chế Hoàng tinh	18 "

10. Dương thị bổ huyết phù chính thang

Người cống hiến: Dương Bảo Ấn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện số 1 thị trấn Thạch Gia Trang

Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	35 gam
Bạch truật	12 "	Đương qui	15 "
Thục Địa hoàng	24 "	Thủ ô	18 "

Lộc giác giao	10 gam	Qui bản giao	10 gam
Kê huyết đằng	300 "	Ba kích	12 "
Tiên linh tỳ	15 "	Hoàng tinh	20 "
Sa sâm	15 "	Tiên hạc thảo	24 "
Tử Hà sa (bột)	10 "	Bổ cốt chi	20 "
Mộc hương	12 "	Trần bì	12 "
Cam thảo	6 "		

11. Uất thị hoá liệu phù chính phương

Người cống hiến: Uất Nhân Tôn, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Thái tử sâm	30 gam
Bạch truật	10 "	Phục linh	10 "
Kê nội kim	10 "	Bán hạ	10 "
Thỏ ty tử	10 "	Nhân trần	15 "
Nữ trinh tử	15 "	Câu kỷ tử	15 "
Tiêu tam tiên	30 "	Kê huyết đằng	30 "

Cách dùng: mỗi ngày dùng 1 thang, sắc lấy 1,5 chén thuốc đặc, sắc 2 lần, trộn đều, chia 2 lần uống.

12. Thanh hoàng tán

Người cống hiến: Chu Hạt Tường, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh đại, Hùng hoàng, tỷ lệ 9:1 hoặc 8:2

Cách dùng: Hai vị tán bột mịn, đóng thành viên nang. Thoa đầu, mỗi lần nuốt 3 gam, ngày 3 lần, sau bữa cơm. Nếu không có phản ứng gì, uống tăng lên 5 - 6 gam.

13. Tôn thị tiên dược nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Hà Nam

Sinh Địa hoàng tươi	60 - 100 gam
Bồ công anh tươi	250 - 400 "
Tiểu kế tươi	250 - 400 "

Cách dùng: ngày 1 thang, sắc hai nước. Uống liên tục từ 1 - 3 tháng.

14. Sâm kỳ hoàng tinh thang

Người cống hiến: Phương Dược Trung, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	Hoàng kỳ
Hoàng tinh	Đương qui
Sinh địa	Dạ giao đằng
Xương truật	Bạch truật
Thanh bì	Trần bì
Cam thảo	Sài hồ
Uất kim	Bạc hà

15. Điền tinh bổ huyết thang

Người cống hiến: Tạ Hải Châu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Tử Hà sa	10 gam	Lộc giác giao	6 gam
Thục Địa hoàng	12 "	Đảng sâm	12 "
Quy bản giao	9 "	Hoàng kỳ	12 "
Tang thầm	20 "	Chế Thủ ô	15 "

Chế Hoàng tinh	15 gam	Đương quy	10 gam
Tiên hạc thảo	30 "	Sa nhân	6 "

16. Chu thị bổ can dương khí hư phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Hoàng kỳ (trọng dụng từ 30 - 60 gam)

Đương qui	Quế chi
Bạch thược	Cam thảo
Đỗ trọng	Xuyên khung
Sinh khương	Đại táo

Gia giảm: Sợ lạnh là dương khí của Can hư yếu, gia Lộc giác giao, Phụ tử, Tiên linh tỳ. Có chứng đắng miệng, nước tiểu đỏ là Can dương hư yếu kiêm dịch độc, có thể gia Bản lam căn, Hoàng bá, Mẫu Đan bì, Bạch hoa xà thiệt thảo để ôn dương giải độc.

16. PHÙ THŨNG

Phù thũng là chỉ toàn thân hoặc cục bộ phù thũng ấn lõm sâu. Bệnh này chủ yếu do phong hàn nhiệt thấp độc bị ứ dẫn đến công năng của ba tạng Tỳ Phế Thận mất điều hoà. Có thể tham khảo với các bệnh Phúc trướng và Tiểu tiện không lợi.

Trước tiên thấy mặt, mắt phù thũng, rồi sau mới lan toả toàn thân, kèm theo sợ lạnh, phát nhiệt, rêu lưỡi trắng, mạch Phù, cho uống ***Giải cơ thấm thấp thang (1)*** để sơ biểu tán hàn, lợi thấp tiêu thũng.

Nếu biểu tà khá nặng, rêu lưỡi nhớt, dùng ***Gia giảm Việt Tỳ thang (2).***

Có thêm chứng khái thấu thở gấp, cho uống ***Bổ thị Thận viêm sơ kỳ phương (3)*** hoặc ***Dư thị phong thuỷ phương số II (4)*** để tán hàn tuyên Phế, lợi thuỷ tiêu thũng.

Có thêm chứng tiểu tiện sẻn ít mà sắc vàng hoặc khó đi, cho uống ***Dư thị phong thuỷ phương số I (5)*** để tán hàn tuyên Phế, thanh nhiệt, lợi niệu, tiêu thũng.

Nếu có chứng khát nước, Tâm phiền, khái thấu, tiểu tiện vàng sẻn, cho uống ***Diêu thị tuyên Phế thông lợi phương (6)*** để tuyên biểu, đạt Phế, thanh nhiệt lợi thuỷ.

Có thêm chứng khát nước, tiểu tiện vàng hoặc thấy nước tiểu có sắc đỏ, xu thế thũng khá nặng, dùng ***Triệu thị Thận viêm đan số I (7)*** để tuyên Phế thanh lý, lợi thuỷ tiêu thũng.

Có chứng khát nước, rêu lưỡi nhớt, kém ăn, tiểu tiện sắc vàng lượng ít, cho uống ***Trương thị Thận nhất phương (8)*** để tuyên Phế thanh nhiệt, lợi thuỷ tiêu thũng.

Có chứng khát nước, tiểu tiện ít hoặc ra huyết, uống ***Thận bệnh số I (9)*** để tuyên Phế giải biểu, thanh nhiệt, lợi thuỷ, kiêm lương huyết hoà huyết.

Ố hàn và thũng trướng ở chi dưới nặng, hơn nữa nặng nề và tê dại là thuộc phong hàn thấp tà dồn xuống dưới, cho uống ***Túc hĩnh tiêu thũng thang (10)*** để giáng khí hành thuỷ, thư kinh trừ thấp, ôn kinh tán hàn.

Các loại thuỷ thũng do phong hàn uất lại ở Phế mà thấy biểu tà đã rút, cho uống ***Thấm thấp trị Thận thang (11)*** để giải độc trừ thấp, lợi thuỷ củng cố Thận.

Phù thũng từ trện xuống đến toàn thân, phát sốt sợ gió đau họng, nếu có thêm chứng tiểu tiện sẻn ít hoặc vàng, có thể dùng ***Bình kiểu tứ linh thang (12)*** để thanh nhiệt, lợi tiểu, tiêu thũng.

Có thêm chứng sợ lạnh, khái thấu, Tâm phiền tiểu tiện vàng, cho uống ***Gia vị Ma Liên thang (13)*** để sơ phong thanh nhiệt, tuyên Phế, lợi niệu, giải độc.

Nếu kiêm chứng thân thể đau nhức, khái thấu, Tâm phiền, tiểu tiện vàng, dùng ***Sơ thanh thấm giải thang (14)*** để sơ phong, thanh nhiệt, tuyên Phế, lợi niệu.

Có thêm chứng họng sưng đỏ, tình trạng thũng khá nặng, tiểu tiện vàng sẻn và khái thấu, cho uống ***Diêu thị cấp tính***

Thận viêm phương (15) để thanh nhiệt giải độc, tuyên giáng Phế khí, thông điều Tam tiêu.

Nếu có thêm chứng phát sốt đau họng, tiểu tiện vàng, Tâm phiền, thì dùng ***Ngư tinh thảo thang (16)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi tiểu tiện.

Biểu chứng phong nhiệt đã giảm, có thể cho uống ***Ích Thận thanh trọc ẩm (17)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá thấp và củng cố Thận.

Toàn thân phù thũng hoặc nửa người phía dưới thũng nặng, xu thế bệnh từ từ, tiểu tiện sẻn ít hoặc bị vít, hoặc tái phát nhiều lần. Có kiêm chứng bụng trướng đầy không nằm được, dùng ***Thận viêm thông dụng phương (18)*** để lợi thuỷ tiêu thũng.

Xu thế thũng nặng, có thể uống ***Ngụy thị đạo thuỷ phục linh thang (19)*** để hành khí khai thông đường thuỷ, lợi niệu và tiêu thũng.

Có thêm chứng họng khô, tiểu tiện vàng đỏ, dùng ***Mao trúc thang (20)*** để thanh nhiệt lợi thuỷ giải độc, kèm theo thuốc mát huyết.

Nếu có chiều hướng tiến triển, họng đầy suyễn gấp, không khát, rêu lưỡi trắng nhớt, cho uống ***Gia vị Linh bì thang (21)*** để tả Phế, lợi thuỷ, tiêu thũng.

Có thêm chứng thân thể khốn đốn, phát sốt, tự ra mồ hôi, ngực khó chịu, rêu lưỡi vàng nhớt, sử dụng ***Thanh thấm dưỡng Thận thang (22)*** để thanh nhiệt lợi thấp kèm theo ích khí củng cố Thận. Nếu triệu chứng thấp nhiệt đã rút lui trong bệnh Thuỷ

thũng, cho uống ***Kiện Thận hoá trọc thang (23)*** để kiện Tỳ bổ Thận giải độc trừ thấp.

Có thêm chứng họng sưng đau, tiểu tiện nhỏ giọt và nóng, Tâm phiền khát nước, dùng ***Thanh lợi phương (24)*** hoặc ***Thanh Thận tiêu độc ẩm (25).***

Kiêm chứng họng khô, táo bón, tiểu tiện ít khó đi hoặc trong nước tiểu có lẫn máu, cho uống ***Trương thị Thận ngũ phương (26)*** để thanh nhiệt giải độc, thông lợi đại tiểu tiện, kèm theo tác dụng nuôi âm mát huyết.

Nếu họng sưng đỏ đau, phù thũng tái phát không khỏi, mặt xạm, lưỡi tía, có thể dùng ***Gia giảm ích Thận thang (27)*** để giải độc hoạt huyết.

Có thêm chứng tự ra mồ hôi, tiểu tiện ít sắc vàng hoặc khó đi, bệnh lâu ngày không khỏi, lưỡi xạm mặt cũng xạm đen, có thể dùng ***Thanh hoá ích Thận thang (28)*** để thanh nhiệt lợi thấp, ích khí hoá ứ.

Nếu thuỷ thũng tái phát, đối với trẻ em, có thể cho uống ***Ngọc mễ tu ẩm (29)*** để tiêu thũng; đối với người lớn thì hỗ trợ bằng ***Nhị hoàng cao (30)*** dán vào vùng Thận ở sau lưng cũng thúc đẩy tác dụng tiêu thũng.

Toàn thân phù thũng, tái phát nhiều lần, sắc mặt trắng xanh, tự ra mồ hôi, mỏi mệt, kiêm chứng kém ăn, đại tiện lỏng, tiểu tiện sẻn ít, có lúc lại sợ gió, dùng ***Hoàng kỳ Thạch vi thang (31)*** để ích khí kiện Tỳ hành thuỷ tiêu thũng.

Có chứng không nghĩ gì đến ăn uống, tiểu tiện vàng sẻn, ngực khó chịu bụng bĩ đầy, dùng ***Gia vị hoàng kỳ chúc (32)*** để ích khí kiện Tỳ, hoá thấp hoà Vị. Đối với trẻ em, có thể dùng ***Thận bệnh hợp tễ (33).***

Có kiêm chứng ngực khó chịu, thở gấp, bụng trướng, tiểu tiện ít hoặc vít tắc, hoặc sợ lạnh, sợ gió thì dùng ***Từ thị Thận nhị phương (34)*** để ích khí ôn dương, hành khí tiêu thũng.

Có triệu chứng thân thể hư yếu, mệt mỏi kém ăn, hoặc sắc mặt vàng bủng, bụng trướng cảm giác nặng trệ, đại tiện khó đi, chất lưỡi bệu hoặc có nốt ứ huyết, uống ***Từ thị ích khí hoạt huyết phương (35)*** để ích khí hoạt huyết, điều hoà Tỳ Vị.

Kiêm chứng ngực bụng trướng đầy, thở gấp, tiểu tiện ít, có thể dùng ***Trương thị Thận nhị phương (36)*** để kiện Tỳ hành khí, tiêu trướng lợi thuỷ.

Có chứng rêu lưỡi dày nhớt, chi dưới phù nặng, chân tay không ấm, cho uống ***Thận viêm thuỷ thũng phương (37)*** để kiện Tỳ trừ thấp, ôn dương hành thuỷ. Chân tay lạnh nhiều, thì dùng ***Thận viêm đan số 2 (38)*** để ôn lý Tỳ Vị, thông dương trừ thấp.

Kiêm chứng bụng trướng to, lưng đau chân tay co ro, mệt mỏi, mạch Trầm Tế thì dùng ***Ích Thận kiện Tỳ thang (39)*** để ích Thận kiện Tỳ, hoá thấp tiêu thũng.

Có chứng thân thể ớn lạnh, mỏi lưng, lưỡi bệu có nốt ứ huyết, mỏi mệt, cho uống ***Ích khí hoá ứ bổ Thận thang (40)*** để ích khí bổ Thận hoá ứ hành huyết.

Có thêm chứng đắng miệng khát nước, sốt nhẹ kéo dài, tiểu tiện vàng sẻn thì dùng ***Trương thị Thận tứ phương (41)*** để ích khí âm, thanh tà nhiệt.

Kiêm chứng hồi hộp đoản hơi, nóng từng cơn, khát nước, lại không muốn uống, thì dùng ***Tư Thận ích khí thang (42)*** để phù chính khư tà, ích khí dưỡng âm.

Có kiêm chứng mỏi lưng yếu sức, tinh thần rã rời, chóng mặt ù tai, kém ăn, đại tiện lỏng, có thể dùng ***Phục nguyên cố bản thang (43)*** để bổ Thận củng cố từ gốc và kiện Tỳ ích khí.

Phù thũng kéo dài, ăn uống sút kém, chân tay phiền nhiệt, bì phu khô ráo, đại tiện nhão không thành khuôn, trên lưỡi ít rêu, nhợn nhạo, là thuộc Tỳ Vị âm hư, thấp trọc không hoá được, cho uống ***Tào thị dưỡng Tỳ âm phương (44)***, lấy vị ngọt nhuận để dưỡng Tỳ, kèm theo thuốc hoá thấp tiêu thũng.

Kiêm chứng mỏi lưng ù tai, sợ gió, tự ra mồ hôi là thuộc Phế khí đã hư, Thận âm hao tổn, cho uống ***Tô thiền lục vị địa hoàng hoàn (45)*** để sơ phong cố biểu, bổ Thận hoá ứ, lợi thuỷ tiêu thũng.

Toàn thân phù thũng, tái phát kéo dài, sợ lạnh, chân tay lạnh, tiểu tiện không lợi, hoặc ban đêm tiểu tiện nhiều lần, là thuộc dương hư nước ứ đọng. Có kiêm chứng Tâm quý, chóng mặt, chi dưới thũng nặng, cho uống ***Gia vị Chân vũ thang (46)*** để ôn dương hoá khí hành thuỷ và tiêu thũng. Nếu sợ lạnh quá mức, thì dùng ***Trương thị Thận tam phương (47)*** để làm ấm áp Thận dương, kiện Tỳ lợi thuỷ.

Kiêm chứng tinh thần mỏi mệt đoản hơi, mỏi lưng, sắc mặt tối xạm, lưỡi tía có nốt ứ huyết, cho uống ***Trương thị kinh nghiệm phương số IV (48)*** để ôn bổ Tỳ Thận, hoạt huyết hành thuỷ.

Có thêm chứng lưng đùi mỏi yếu, váng đầu ù tai, đoản hơi, yếu sức, có thể dùng ***Dư thị phong thuỷ phương số III (49)*** để ôn dương ích khí bổ Thận.

Kiêm chứng tiểu tiện hoặc trong hoặc vàng, đại tiện lỏng, rêu lưỡi trắng nhớt là do hàn thấp gây nên, cho uống ***Phục Thận tráng dương thang (50)*** để ôn dương khư hàn, trừ thấp tiêu thũng.

Có thêm chứng phát nhiệt, kém ăn, tiểu tiện vàng và ít, lưng đùi mỏi yếu, mỏi mệt sắc mặt xạm, dùng ***Mạn Thận thang (51)*** để ôn bổ Tỳ Vị, khư phong tán tà, lợi tiểu tiêu thũng.

Phù thũng lúc phát lúc không, xa thế thũng không nặng, lưng gối yếu ớt, miệng khô họng ráo, sốt nhẹ mỏi mệt, có kiêm ngũ Tâm phiền nhiệt, gò má đỏ, mặt khô, chóng mặt ù tai, lưỡi đỏ mồ hôi trộm, cho uống ***Lục ngũ địa hoàng thang (52)*** để tư bổ Can Thận dạm thấm lợi thuỷ.

Có kiêm chứng kém ăn, đái vặt, hoặc tình trạng thũng tạm lui, hoặc trẻ em đái dầm, dùng ***Ích Thận đan (53)*** để dưỡng âm, củng cố Thận và kiện Tỳ.

Có chứng kém ăn, đại tiện loãng, mỏi mệt hoặc thũng trướng ở thời kỳ khôi phục, có thể dùng ***Đảng sâm quy lộc hoàn (54)*** để bổ Tỳ Thận, ích khí huyết.

1. Giải cơ thấm thấp thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Ma hoàng	10 gam	Hạnh nhân	5 ga
Quế chi	5 "	Thổ phục linh	200 "
Tước sàng	50 "	Sinh Mao căm	150 "
Hoắc hương diệp	15 "	Sinh khương	3 nhát
Đại táo	3 quả		

2. Gia giảm Việt Tỳ thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc,nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trích Ma hoàng	6 gam	Tử tô	6 ga
Phục linh bì	9 "	Trạch tả	9 "
Xương truật	6 "	Phòng kỷ	6 "
Cam thảo sảo	3 "	Sinh khương	6 "

3. Bổ thị Thận viêm sơ kỳ phương

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu, nhà Trung y học nổi tiếng

Ma hoàng	25 gam	Hạnh nhân	10 ga
Ý dĩ nhân	25 "	Cam thảo	50 "
Khổ Cát cánh	10 "		

Cách dùng: Các vị tán bột thô, mỗi lần dùng 25 gam, nấ lấy nước uống lúc ấm, sau khi uống xong thấy ra chút ít mồ hô tránh gió.

4. Dư thị phong thuỷ phương số II

Người cống hiến: Dư Doanh Ngao, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ma hoàng	6 gam	Hạnh nhân	9 gam
Tô diệp	9 "	Phòng phong	9 "
Trần bì	9 "	Phục linh	9 "
Trư linh	9 "	Mẫu Đan bì	9 "
Bán hạ	6 "	Xa tiền tử	12 "

5. Dư thị phong thuỷ phương số I

Người cống hiến: Dư Doanh Ngao, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ma hoàng	6 gam	Tô diệp	9 gam
Phòng phong	9 "	Phòng kỷ	9 "
Trần bì	9 "	Trích Tang bì	9 "
Đại Phúc bì	9 "	Mộc thông	5 "
Mẫu Đan bì	12 "	Phục linh	12 "
Xa tiền tử	12 "		

6. Diêu thị tuyên Phế thông lợi phương

Người cống hiến: Diêu Chính Bình, lão Trung y Trung y viện Bắc Kinh

Ma hoàng	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Xạ can	10 "	Tử uyển	10 "
Tang bạch bì	10 "	Sinh khương	10 "
Địa cốt bì	10 "	Sinh Thạch cao	12 "

Sinh Cam thảo	3 gam	Đông qua bì	30 gam
Phục linh	12 "	Xa tiền tử	15 "

Gia giảm: Nếu phù thũng nặng, Ma hoàng trọng dụng tới 15 gam. Có chứng Hung thuỷ thì đổi Tử uyển bằng Đình lịch tử 10 gam.

7. Triệu thị Thận viêm đan số I

Người cống hiến: Triệu Tám Ba, Nghiên cứu viên Viện Trung y Trung Quốc

Ma hoàng	30 gam	Sinh Bạch truật	45 gam
Trạch tả	45 "	Sinh Cam thảo	15 "
Xích tiểu đậu	30 "	Phục linh	60 "
Hải kim sa	45 "	Phụ phiến	45 "
Thiến thảo	30 "	Bào khương	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên, mỗi viên trọng lượng 10 gam. Trẻ em dưới 3 tuổi mỗi lần uống nửa viên, ngày 2 lần. Trẻ em từ 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần.

8. Trương thị Thận nhất phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Ma hoàng	15 gam	Sinh Thạch cao	50 gam
Xương truật	15 "	Hạnh nhân	15 "
Tây qua bì	50 "	Xa tiền tử	25 "
Hồng tiểu đậu	50 "	Sinh khương	15 "

9. Thận bệnh số I

Người cống hiến: Quách Duy Nhất, Y sư phó chủ nhiệm Viện Trung y Thiểm Tây

Ma hoàng	Quế chi
Sinh khương	Sinh Thạch cao
Cam thảo	Sinh Bạch truật
Hạnh nhân	Bạch mao căn
Ích mẫu thảo	

10. Túc hĩnh tiêu thũng thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư Y viện hữu nghị Trung Nhật

Tiên Bình lang	12 - 15 gam	Phục linh	20 - 25 gam
Mộc qua	10 "	Phòng kỷ	10 "
Hoàng bá	10 "	Xương truật	6 "
Ngô thù	6 "	Tô ngạnh	9 "
Tô diệp	9 "	Cát cánh	4,5 "
Sinh Ý dĩ	30 "	Ngưu tất	12 "

11. Thấm thấp trị Thận thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Thổ phục linh	200 gam	Tước sàng	50 gam
Sinh Mao căn	100 "	Sinh Hoè hoa	50 "
Bạch đậu khấu	15 "	Nữ trinh tử	50 "

12. Bình kiểu tứ linh thang

Người cống hiến: Ngô Hàn Hương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Phù bình	15 gam	Liên kiều	30 gam
Bạch truật	10 - 15 "	Phục linh	10 - 15 "
Trư linh	10 - 15 "	Trạch tả	10 - 15 "

13. Gia vị Ma Liên thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Trích Ma hoàng	6 gam	Liên kiều	9 gam
Xích tiểu đậu	9 "	Sinh Thạch cao	12 "
Tri mẫu	6 "	Hoàng bá	6 "
Hạnh nhân	9 "	Cam thảo	3 "
Hoạt thạch phấn	9 "		

14. Sơ thanh thấm giải thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Tiền hồ	15 gam	Khương hoạt	15 gam
Ngưu bàng tử	15 "	Đại Thanh diệp	25 "
Thổ phục linh	200 "	Tước sàng	50 "
Thiến thảo	15 "	Sinh Mao căn	100 "
Hoắc hương	15 "	Thuyền thuế	15 "

15. Diêu thị cấp tính Thận viên phương.

Người cống hiến: Diêu Chính Bình, lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Liên kiều	10 gam	Xạ can	10 gam
Kim ngân hoa	30 "	Xương Tang diệp	12 "
Cúc hoa	12 "	Bản lam căn	12 "
Sinh Thạch cao	12 "	Bạc hà	3 "
Bồ công anh	15 "	Hạnh nhân	10 "
Mao căn tươi	60 "	Sinh Cam thảo	3 "

16. Ngư tinh thảo thang

Người cống hiến: Lưu Bật Thần, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Ngư tinh thảo	15 gam	Đảo khấu thảo	30 gam
Bán chi liên	15 "	Ích mẫu thảo	15 "
Xa tiền thảo	15 "	Bạch mao căn	30 "
Đăng tâm thảo	1 "		

17. Ích Thận thanh trọc ẩm

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Nữ trinh tử	50 gam	Phúc bồn tử	15 gam
Thổ phục linh	200 "	Tước sàng	50 "
Bạch đậu khấu	15 "	Thiến thảo	15 "
Sinh Hoè hoa	50 "		

18. Thận viêm thông dụng phương

Người cống hiến: Nhạc Mĩ Trung, Giáo sư
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phục linh	18 gam	Trạch tả	12 gam
Trư linh	12 "	Bạch thược	9 "
Bán hạ	9 "	Hậu phác	7,5 "
Cam thảo	10 "	Trần bì	7,5 "

19. Ngụy thị đạo thuỷ phục linh thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Triết Giang

Phục linh	24 gam	Mạch môn đông	9 gam
Trạch tả	9 "	Bạch truật	9 "
Tang bạch bì	9 "	Binh lang	6 "
Mộc qua	6 "	Đại phúc bì	6 "
Trần bì	3 "	Sa nhân	3 "
Quảng Mộc hương	3 "	Đăng tâm thảo	1 bó

20. Mao trúc thang

Người cống hiến: Vạn Văn Mạc, Y sư chủ nhiệm
Y viện số 9 thành phố Võ Hán

Mao căn	20 - 120 gam	Áp trích thảo	15 - 60 gam
Ý dĩ nhân	15 - 20 "		

21. Gia vị Linh bì thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phục linh bì	9 gam	Trư linh	9 gam
Trạch tả	9 "	Bạch truật	9 "

Quế chi	6 gam	Trần bì	6 gam
Tang bạch bì	9 "	Đại phúc bì	9 "
Sinh khương bì	6 "		

22. Thanh thấm dưỡng Thận thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Hoắc hương	15 gam	Bạch khấu bì	15 gam
Thổ phục linh	200 "	Bội lan	15 "
Hoàng kỳ	15 "	Hoàng bá	15 "
Xương truật	15 "	Tước sàng	15 "
Sinh Mao căn	100 "	Nữ trinh tử	50 "

23. Kiện Thận hoá trọc thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Bạch khấu	15 gam	Bạch truật	15 gam
Nữ trinh	50 "	Khiếm thực	20 "
Sơn thù	15 "	Thổ phục	200 "
Tước sàng	50 "	Kê quan hoa	15 "
Thiến thảo	15 "	Sinh Mao căn	100 "

24. Thanh lợi phương

Người cống hiến: Từ Cao Niên, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Bạch hoa xà thiệt thảo	30 gam		
Thất diệp nhất chi hoa	15 "	Thiết bảo trừu	30 gam
Bồ công anh	30 "	Thiền thoái	9 "

Bản lam căn	30 gam	Tiên mao căn	30 gam
Sinh ý dĩ nhân	20 "	Điền tự thảo	30 "

25. Thanh Thận tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Mã Kí, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Liên kiều	20 gam	Kim ngân hoa	30 gam
Đại thanh diệp	30 "	Bồ công anh	25 "
Hoạt thạch	30 "	Đông quì tử	25 "
Địa phu tử	25 "	Mẫu Đan bì	15 "
Chi tử	15 "	Khổ trúc diệp	10 "

26. Trương thị Thận ngũ phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Hắc Long Giang

Mộc thông	15 gam	Biển xúc	20 gam
Xa tiền tử	15 "	Đại hoàng	7,5 "
Cù mạch	20 "	Hoạt thạch	20 "
Mao căn	50 "	Sinh địa	20 "
Tiểu kế	30 "	Cam thảo	10 "

27. Gia giảm ích Thận thang

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện hữu nghị Trung Nhật Bắc Kinh

Đương quy	15 gam	Xích thược	15 gam
Xuyên khung	9 "	Đan sâm	15 "
Đào nhân	9 "	Hồng hoa	9 "
Bồ công anh	30 "	Tử hoa địa đinh	30 "

Sơn đận căm	30 gam	Thổ phục linh	30 gam
Mao căn	30 "		

Gia giảm: Thiếu máu, gia Đảng sâm, Hoàng kỳ đều 15 gam. Cao huyết áp gia Hạ khô thảo 15 gam.

28. Thanh hoá ích Thận thang

Người cống hiến: Lý Thọ Sơn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Đại Liên

Hoàng kỳ	Bạch truật
Đông quì tử	Phục linh
Khổ sâm	Đương quy
Đan sâm	Ích mẫu thảo

29. Ngọc mễ tu ẩm

Người cống hiến: Nhạc Mỹ Trung, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ngọc mễ tu khô ráo 15 kg

Cách dùng: Lấy 60 gam Ngọc mễ tu rửa sạch sắc lấy nước uống thay nước chè, liều lượng đủ uống 1 ngày; chú ý không uống nguyên liệu nào khác. Đến khi đi ngủ nếu uống chưa hết thì sáng hôm sau uống sau khi đã hâm nóng; kiên trì uống dài ngày không gián đoạn.

30. Nhị Hoàng cao

Người cống hiến: Diệp Cảnh Hoa, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 7 Thượng Hải

Hoàng chi tử	Đại hoàng
Đại toán	

Đắp vào khu vực Thận ở vùng lưng

31. Hoàng kỳ thạch vi thang

Người cống hiến: Hà Viêm Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Quảng Đông

Hoàng kỳ	60 - 120 gam	Thạch vi	20 gam
Bạch truật	15 - 30 "	Đại táo	4 quả
Sinh khương bì	5 "	Đới bì linh	30 "
Biển đậu	30 "	Sa nhân	5 "
Phòng phong	10 "		

32. Gia vị Hoàng kỳ chúc

Người cống hiến: Nhạc Mĩ Trung, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Sinh Dĩ nhân	30 gam
Xích tiểu đậu	15 "	Kê nội kim	9 "
Kim quất bính	2 quả	Nhu mễ	30 "

Cách dùng: Lấy 600 ml nước nấu trước Hoàng kỳ, sau 20 phút, bỏ bã, bỏ Ý dĩ nhân và Xích tiểu đậu vào lại nấu 30 phút, cuối cùng bỏ Kê nội kim và gạo nếp vào nấu thành cháo, chia làm 2 lần ăn trong ngày, sau khi ăn cháo xong, nhấm nháp ăn 1 quả quít. Mỗi ngày uống 1 thang.

33. Tiểu nhi Thận bệnh hợp tễ

Người cống hiến: Lý Thiếu Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Tô ngạnh	9 gam	Chế Hậu phác	10 gam
Quảng Trần bì	6 "	Sao Bạch truật	6 "
Tri mẫu	9 "	Phục linh	9 "
Hồ lô	10 "	Sao Chỉ xác	9 "

Mạch môn	9 gam	Trư linh	9 gam
Trạch tả	9 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Cảm nhiễm phong nhiệt có chứng phát sốt, ho và đau bụng, bỏ Tô ngạnh, Bạch truật gia Bạc hà, Giới tuệ, Liên kiều, Kim ngân hoa. Cảm nhiễm phong hàn mà sợ lạnh, mình nóng, chân tay lạnh, có thể gia Khương hoạt, Phòng phong, Tô diệp. Chính khí hư nhiều lại cảm nhiễm tà khí thời tiết, có thể gia Thái tử sâm, Cát căn, Sài hồ. Bệnh lâu ngày cả khí âm đều hư, hoặc dùng quá lâu chất thuốc kích thích, xuất hiện bốc hoả mặt đỏ, âm hư dương cang. Có thể bỏ Bạch truật, Trư linh, trọng dụng Tri mẫu, Mạch môn, hoặc phối hợp các vị thuốc ngọt nhuận tư âm khác.

34. Từ thị Thận nhị phương

Người cống hiến: Từ Cao Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng kỳ	50 gam	Phòng phong	50 gam
Đình lịch tử	50 "	Ma hoàng	15 "
Phòng phong	25 "	Xương truật	25 "
Đại phúc bì	25 "	Xuyên Phác	10 "
Xích Tiểu đậu	50 "	Mao căn tươi	50 "
Trà thụ căn	50 "	Thục Phụ tử	15 "

35. Từ thị ích khí hoạt huyết phương

Người cống hiến: Từ Cao Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	12 gam	Hoàng kỳ	12 gam
Bạch truật	12 "	Phục linh	12 "

Trích Cam thảo	9 gam	Hoàng liên	3 gam
Bào khương	3 "	Đương qui	12 "
Đan sâm	30 "	Sinh Địa du	30 "
Mã tiên thảo	30 "	Tang thầm tử	30 "
Đại táo	4 quả		

36. Trương thị Thận nhị phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Trư linh	20 gam	Phục linh	30 gam
Mộc qua	10 "	Tân lang	20 "
Trạch tả	20 "	Bạch truật	20 "
Tử tô	15 "	Trần bì	15 "
Mộc hương	10 "	Đảng sâm	20 "
Hải tảo	30 "	Mạch môn	15 "

37. Thận viêm thuỷ thũng phương

Người cống hiến: Tưởng Khiết Trần, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Võ Hán

Xương truật	Bạch truật
Phục linh	Phụ tử
Tô diệp	Mộc qua
Sa nhân	Liệu đậu
Ngưu tất	Trử thực tử
Trạch tả	Sơn dược

Gia giảm: Huyết áp cao gia Ích mẫu thảo, Vô tiên đằng (có khi dùng liều cao tới 20 - 30 gam). Đau lưng hoặc lưng đùi yếu mỏi, gia Tang ký sinh, Ba kích thiên.

38. Thận viêm đan số II

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đảng sâm	90 gam	Xa tiền tử	90 gam
Nhục quế	60 "	Hoàng kỳ	120 "
Phụ tử	30 "	Thiến thảo	60 "
Trạch tả	90 "	Bạch truật	90 "
Đỗ trọng	60 "	Ngưu tất	60 "
Phòng kỷ	90 "	Phục linh	90 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, viên với mật, mỗi viên nặng 10 gam. Trẻ em 5 tuổi mỗi lần uống nửa viên, ngày 2 lần. Trong 10 buổi mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần.

39. Ích Thận kiện Tỳ thang

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Hoàng kỳ	12 gam	Đảng sâm	9 gam
Sao Bạch truật	9 "	Sao Sơn dược	9 "
Cam thảo	4 "	Phục linh	9 "
Trạch tả	9 "	Thạch vi	9 "
Sơn tra	9 "	Đan sâm	9 "
Chế Thù nhục	9 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống, liên tục 10 ngày làm một đợt điều trị.

Gia giảm: Sắc mặt xanh nhợt, sợ lạnh, chân tay không ấm, thuộc Thận dương thiên hư, gia Tiên sinh tỳ 9 gam, Ba kích nhục 9

gam, Đạm phụ phiến 3 gam. Nếu họng khô váng đầu, mắt khô là Thận âm thiên hư, gia Hạn liên thảo 15 gam, Nữ trinh tử 10 gam, Câu kỷ tử 10 gam, Sinh Địa hoàng, Thục Địa hoàng đều 10 gam.

40. Ích khí hoá ứ bổ Thận thang

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Toàn Đương qui	10 gam
Xuyên khung	10 "	Hồng hoa	10 "
Đan sâm	30 "	Tiên linh tỳ	15 "
Xuyên Tục đoạn	10 "	Ngưu tất	10 "
Thạch vi	20 "	Ích mẫu thảo	120 "

(Ích mẫu sắc lấy nhiều nước, lấy nước này sắc thuốc)

Gia giảm: Viêm Thận mạn tính đợt cấp phát, viêm long đường hô hấp hoặc các bội nhiễm thứ phát khác xuất hiện Albumin nghiêm trọng, bỏ Hoàng kỳ, Hồng hoa, gia Kim ngân hoa, Liên kiều, Lậu lô, Bạt kế đều 15 gam, Giá trùng 6 gam.

41. Trương thị Thận tứ phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện tỉnh Hắc Long Giang

Hoàng kỳ	50 gam	Đảng sâm	50 gam
Địa cốt bì	20 "	Sài hồ	20 "
Cam thảo	10 "	Thạch liên tử	15 "
Phục linh	20 "	Mạch môn	20 "
Xa tiền	15 "	Hoàng cầm	15 "

42. Tư Thận ích khí thang

Người cống hiến: Thịnh Quốc Vinh, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Sinh sái Sâm	10 gam (hầm riêng)		
Hoàng kỳ	30 gam	Xa tiền tử	20 gam
Phục linh bì	30 "	Đỗ trọng	20 "
Địa cốt bì	15 "	Trạch tả	15 "

Cách dùng: Ngâm vào 400 ml nước sau 10 phút, đem sắc 20 phút, bỏ bã, lấy nước này hầm với Sinh sái Sâm lâu 10 phút, chia 2 lần uống.

Gia giảm: Kém ăn, gia Hoài sơn 30 gam, Mạch nha 15 gam, Kê nội kim 10 gam. Kém ngủ, gia Sao Tảo nhân 30 gam, Hợp hoan bì 10 gam. Lưng đùi đau mỏi gia Ngưu tất 10 gam, Tục đoạn 8 gam. Cao huyết áp gia Địa long can 20 gam, Hạ khô thảo 15 gam. Bệnh van tim gia Đan sâm 20 gam, Qua lâu y 10 gam, Xuyên Tam thất 2 gam (nghiền bột chia 2 lần hoà vào thuốc uống). Thận dương hư gia Xuyên Phụ tử 10 gam, Bột nhục quế 2 gam (chia 2 lần hoà vào thuốc uống).

43. Phục nguyên cố bản thang

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Sơn thù	15 gam	Can Địa hoàng	15 - 20 gam
Sao Hoài sơn	15 - 25 "	Bạch linh	20 - 50 "
Nhân sâm	10 - 15 "	Hoàng kỳ	15 - 30 "
Mẫu Đan bì	15 "	Thỏ ty tử	15 "

Câu kỷ tử	15 gam	Ngũ vị tử	10 gam
Chế Phụ tử	5 "	Quế chi	10 "

44. Tào thị dưỡng Tỳ âm phương

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư Y học viện Trấn Giang

Thái tử sâm	Bắc Sa sâm
Hoài sơn dược	Sao Bạch truật
Bạch Biển đậu	Liên tử
Khiếm thực	Thạch hộc
Mạch môn đông	Ý dĩ nhân
Đông qua nhân	Phục linh
Ngọc mễ tu	Bạch thược
Mộc qua	Thù nhục
Trần bì	Sơn tra
Cốc nha	Mạch nha

45. Tô thiền lục vị địa hoàng hoàn

Người cống hiến: Trịnh Tôn Mưu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Tử tô diệp	6 gam	Thiền thoái	3 gam
Thục Địa hoàng	18 "	Sơn thù	9 "
Hoàng kỳ	15 "	Trạch tả	10 "
Sơn dược	18 "	Mẫu Đan bì	9 "
Ích mẫu thảo	10 "	Ngọc mễ tu	12 "
Đào nhân	5 hột		

Cách dùng: Sắc uống lúc đói bụng, mỗi ngày 1 thang

42. Tư Thận ích khí thang

Người cống hiến: Thịnh Quốc Vinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Sinh sái Sâm	10 gam (hầm riêng)		
Hoàng kỳ	30 gam	Xa tiền tử	20 gam
Phục linh bì	30 "	Đỗ trọng	20 "
Địa cốt bì	15 "	Trạch tả	15 "

Cách dùng: Ngâm vào 400 ml nước sau 10 phút, đem sắc 20 phút, bỏ bã, lấy nước này hầm với Sinh sái Sâm lâu 10 phút, chia 2 lần uống.

Gia giảm: Kém ăn, gia Hoài sơn 30 gam, Mạch nha 15 gam, Kê nội kim 10 gam. Kém ngủ, gia Sao Tảo nhân 30 gam, Hợp hoan bì 10 gam. Lưng đùi đau mỏi gia Ngưu tất 10 gam, Tục đoạn 8 gam. Cao huyết áp gia Địa long can 20 gam, Hạ khô thảo 15 gam. Bệnh van tim gia Đan sâm 20 gam, Qua lâu y 10 gam, Xuyên Tam thất 2 gam (nghiền bột chia 2 lần hoà vào thuốc uống). Thận dương hư gia Xuyên Phụ tử 10 gam, Bột nhục quế 2 gam (chia 2 lần hoà vào thuốc uống).

43. Phục nguyên cố bản thang

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư Trung y học viện Hắc Long Giang

Sơn thù	15 gam	Can Địa hoàng	15 - 20 gam
Sao Hoài sơn	15 - 25 "	Bạch linh	20 - 50 "
Nhân sâm	10 - 15 "	Hoàng kỳ	15 - 30 "
Mẫu Đan bì	15 "	Thỏ ty tử	15 "

46. Gia vị Chân vũ thang

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện hữu nghị Trung Nhật, Bắc Kinh

Phục linh	30 gam	Bạch truật	12 gam
Quế chi	9 "	Thục Phụ phiến	15 - 30 "
Bạch thược	15 "	Cam thảo	9 "
Sinh khương	9 "		

47. Trương thị Thận tam phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, nghiên cứu viên
Trung y dược Nghiên cứu viện Hắc Long Giang

Phụ tử	30 gam	Phục linh	30 gam
Bạch truật	25 "	Bạch thược	25 "
Sinh khương	15 "	Nhân sâm	15 "
Ngũ gia bì	25 "		

48. Trương thị Kinh nghiệm phương số IV

Người cống hiến: Trương Bái Đẩu, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Triết Giang

Đảng sâm	Hoàng kỳ
Thỏ ty tử	Bổ cốt chi
Sơn dược	Trạch tả
Đương qui	Luật thảo
Ích mẫu thảo	

49. Dư thị phong thuỷ phương số III

Người cống hiến: Dư Doanh Ngao, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phục linh	9 gam	Trích Hoàng kỳ	15 - 20 gam
Thục Địa hoàng	12 "	Sơn dược	9 "
Thù nhục	9 "	Phụ phiến (sắc trước)	5 "
Mẫu Đan bì	6 "		

50. Phục thận tráng dương thang

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Tiên mao	15 gam	Tiên linh tỳ	15 gam
Phỉ tử	15 "	Bạch khấu	15 "
Thổ phục linh	200 "	Tước sàng	50 "
Bạch truật	50 "	Sinh Mao căn	100 "
Cửu hương trùng	15 "		

51. Mạn Thận thang

Người cống hiến: Triệu Phấn, Giáo sư Trung y học viện Phúc Kiến

Dâm dương hoắc	15 gam	Lộc nhai thảo	15 gam
Xuyên Tục đoạn	15 "	Cẩu tích	9 "
Đảng sâm	15 "	Đạo hương trần	6 "
Mạch nha	30 "	Cốc nha	30 "
Thổ phục linh	15 "	Kim tiền thảo	15 "
Ích mẫu thảo	9 "	Tử tô diệp	6 "
Thuyền thuế	6 "	Cam thảo	4 "

52. Lục ngũ địa hoàng thang

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Can Địa hoàng	25 gam	Mẫu Đan bì	10 - 20 gam
Sơn dược (sao)	20 "	Xa tiền tử	15 - 25 "
Nữ trinh tử	20 "	Trạch tả	10 - 20 "
Câu kỷ tử	20 "	Bạch phục linh	15 - 25 "
Tang thầm tử	25 "	Địa phu tử	15 - 25 "
Sơn thù nhục	15 "		

53. Ích Thận đan

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, nhà Trung y nổi tiếng
Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Mẫu lệ	120 gam	Hoàng kỳ	180 gam
Phục linh	120 "	Nhục Thung dung	120 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam. Mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần. Trẻ dưới hai tuổi giảm một nửa liều lượng.

54. Đảng sâm quy lộc hoàn

Người cống hiến: Ngô Hàn Hương, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	30 gam	Quy bản giao	30 gam
Sơn dược	60 "	Bạch truật	60 "
Lộc giác giao	30 "	A giao	30 "

Thục Địa hoàng	30 gam	Sơn thù nhục	30 gam
Trần bì	24 "	Sa nhân	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên to bằng hạt ngô đồng, ngày uống 3 lần mỗi lần 6 gam. 30 ngày là một đợt điều trị.

17. BÉO MẬP

Béo mập là chỉ thể trạng mập ú vượt quá mức thể trạng bình thường.

Thể trạng béo mập, ăn khoẻ, hàng ngày hay ăn đồ béo ngọt nồng hậu, ngực bụng đầy khó chịu, vốn có nhiều đàm, chân tay nặng nề, kiêm chứng tiểu tiện vàng sẻn, chóng mặt, ợ hơi nuốt chua, đây là thấp nhiệt đàm trọc làm khốn đốn Trung tiêu, có thể dùng ***Lâm thị khinh kiện thang (1)*** để thanh lợi đàm thấp, tỉnh Tỳ hoá trọc.

Nếu vùng ngực trướng nặng, bụng to trướng đầy, tiểu tiện rất ít, thể chất còn khoẻ, đại tiện không dễ chịu, có thể dùng ***Trương thị xu chỉ giảm phì hoàn (2)*** để quét đàm tiêu trướng, thông Phủ khơi thông vẩn đục. Nặng hơn nữa thì dùng ***Lư thị giảm phì phiến (3)*** để tả hạ trục thuỷ.

Có kiêm chứng chóng mặt, tiểu tiện ít là đờm thấp nung nấu ở trong, Can vượng Tỳ yếu, uống ***Thanh tiêu ẩm (4)*** để kiện Tỳ lợi thấp, bình Can hoá đàm, giáng trọc giảm béo.

Hình thể béo mập, thiểu khí biếng nói, mặt mắt phù nhẹ, có thêm chứng miệng đắng khó chịu, chóng mặt, kém ăn, tiểu tiện vàng sẻn, rêu lưỡi vàng nhớt, thì dùng ***Phòng kỷ hoàng kỳ thang gia vị (5)*** để thanh nhiệt lợi thấp, kiện Tỳ ích khí.

Có thêm chứng chóng mặt, táo bón, lưỡi tía mặt xạm, tiểu tiện ít, ngực bụng trướng đầy là do khí hư đàm ứ và thuỷ thấp câu kết với nhau, có thể dùng ***Hoàng kỳ hoá ứ giáng chi phương (6)*** để bổ khí hoá ứ, hoá đàm giảm chất mỡ, trục thuỷ thông đại tiện.

Thể trạng béo mập, ăn nhiều mau đói, khát nước hay uống, lại kiêm chứng chóng mặt, mắt đỏ, đại tiện khô kết vài ngày mới đi một lần là thuộc Vị nhiệt Trường táo, nên thanh Vị thông Phủ, mát huyết hoà Trường, cho uống ***Thanh thông ẩm (7).***

Kiêm chứng đại tiện khô khó đi cầu là Tỳ nhiệt Vị ráo. Cho uống ***Ma hà ẩm (8)*** để thanh tuyên Tỳ Vị táo nhiệt.

Thể trạng béo mập, chân tay thũng trướng, khốn đốn yếu sức, chóng mặt hoa mắt, tai ù lưng mỏi, chất lưỡi ứ tối, mạch Huyền Hoạt là Can Thận âm hư, khí trệ huyết ứ có kiêm đàm trọc, có thể dùng ***Triệu thị trừ chi giáng ứ ẩm (9)*** để tư bổ Can Thận, hoạt huyết hoá ứ kiêm trừ thấp trọc.

Chóng mặt ù tai, thể trạng đẫy đà, tiểu tiện vàng ít, chất lưỡi tía tối, đại tiện hoặc khô hoặc khó đi là âm hư Can vượng, nhiệt uất huyết ứ, điều trị theo phép dưỡng âm hoạt huyết, bình Can tiết nhiệt, cho uống ***Lâm thị khinh thân giáng chi thang (10).***

Hình thể béo mập, ở phụ nữ thấy kiêm chứng kinh nguyệt không điều, nóng nẩy hay giận là do khí trệ huyết ứ và uất nhiệt, cho uống ***Thanh giáng ẩm (11)*** để lý khí hoạt huyết, giải tán uất nhiệt.

Nếu ngoại hình người bệnh nhẽo bệu, chân tay mập mạp, sáng sớm vùng mặt bị nề, tay sưng múp míp mà yếu; giữa trưa thì đầy tức vùng ngực, Tâm hoang đoản hơi; về chiều thì lưng đùi nhức mỏi, phù nề càng nặng; đây là thuộc chứng ứ trướng, cho uống ***Khai ứ tiêu trướng thang (12)*** để khai uất hành khí, hoạt huyết hoá ứ, tiêu thũng trừ trướng.

Nếu là bệnh Thận sau khi đã dùng dạng thuốc tiêm, mi mắt bị sưng phù, mặt cũng nhờm bẩn giống như béo bệu nhưng cơ bắp lại teo gầy, gò má đỏ, Tâm phiền, cảm giác nóng rát và ra mồ hôi, đó là nhiễm độc dược thương âm, hư hoả quá thịnh và thấp nhiệt chưa lui hết, cho uống ***Gia vị nhị gia Long Mẫu thang (13)*** để dưỡng âm tiềm dương, thanh tiết thấp nhiệt, dẫn hoả về nguồn.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lâm thị khinh kiện thang

Người cống hiến: Lâm Thế Hân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Từ Châu, tỉnh Giang Tô

Bán hạ	10 gam	Phục linh	15 gam
Trần bì	3 "	Trích thảo	3 "
Sao Ý dĩ	10 "	Trạch tả	10 "
Thần khúc	10 "	Tiêu Sơn tra	10 "
Hoắc hương	10 "	Bội lan	10 "
Nhân trần	6 "		

2. Trương thị xu chi giảm phì hoàn

Người cống hiến: Trương Phượng Sơn, Y sư chủ nhiệm Y viện số 2 Cáp Nhĩ Tân

Hải cáp phấn	0,5 gam	Ba đậu sương	0,1 gam
Kê nội kim	0,5 "		

Cách dùng: Trên đây là liều dùng cho một lần, ngày hai lần, chừng nào thấy đại tiện ngày ba lần trở lên thì ngừng uống thuốc.

3. Lư thị giảm phì phiến

Người cống hiến: Lư Phương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Cáp Nhĩ Tân

Khiên ngưu tử	600 gam	Phan tả diệp	75 gam
Trư đởm cao	30 "		

Cách dùng: Đem Khiên ngưu tử rửa sạch, phơi khô đập nát. Phan tả diệp rửa sạch, lấy một nửa số lượng trộn lẫn với Khiên ngưu tử, đổ nước vào nấu 2 lần, mỗi lần khoảng 90 phút tính từ khi nước thuốc sôi, lọc lấy nước đặc cô lại thành cao. Số Phan tả diệp còn lại, nghiền thành bột, trộn vào cao cho đều, sấy khô khoảng 80 °C, lại đem cao này cùng Trư đởm cao tán thành bột cực mịn, lại dùng cồn êtilic chế thành viên dẹt 0,3 gam một viên, bao đường, cho uống ngày hai lần, mỗi lần 4 - 5 viên, chiêu với nước chín.

4. Thanh tiêu ẩm

Người cống hiến: Ông Duy Lương, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hà diệp	12 gam	Thảo quyết minh	15 gam
Trạch tả	15 "	Ý dĩ nhân	15 "

Phục linh	15 gam	Phòng kỷ	15 gam
Bạch truật	12 "	Trần bì	10 "

5. Phòng kỷ hoàng kỳ thang gia vị

Người cống hiến: Lý Xuân Sinh, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hoàng kỳ	30 gam	Phòng kỷ	12 gam
Bạch truật	10 "	Cam thảo	4 "
Sinh khương	10 "	Đại táo	3 quả
Thảo quyết minh	20 "	Hoàng cầm	10 "

6. Hoàng kỳ hoá ứ giáng chi phương

Người cống hiến: Hoàng Tự Lập, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Trùng Khánh

Hồng sâm	3 gam	Chỉ thực	12 gam
Bạch giới tử	10 "	Nga truật	15 "
Tam thất	3 "	Sơn tra	15 "
Thảo quyết minh	15 "	Khương hoàng	10 "
Hắc sửu	6 "	Đại hoàng	6 "

Cách dùng: Dạng thuốc viên hoặc thuốc bột, mỗi lần uống 10 gam, ngày 3 lần.

7. Thanh thông ẩm

Người cống hiến: Ông Duy Lương, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hồ Hoàng liên	10 gam	Phan tả diệp	10 gam
Sinh Đại hoàng	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Hạ khô thảo	12 "	Thảo quyết minh	12 "

8. Ma hà ẩm

Người cống hiến: Nhạc Mỹ Trung, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ma tử nhân hoàn 6 gam

Tiêu hà diệp, nhiều ít tuỳ ý

Cách dùng: Sắc Tiêu hà diệp lấy nước đặc để chiêu với thuốc viên, mỗi sáng uống 1 lần, thấy đại tiện hơi lỏng thì ngừng thuốc.

9. Triệu thị trừ chi giáng ứ ẩm.

Người cống hiến: Triệu Thế Khánh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Câu kỷ tử	12 gam	Hà Thủ ô	12 gam
Đan sâm	30 "	Uất kim	10 "
Phục linh	20 "	Thảo quyết minh	15 "
Sơn tra	15 "	Trạch tả	15 "

10. Lâm thị khinh thân giáng chi thang

Người cống hiến: Lâm Căn Lương, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Sơn tra	10 gam	Quyết minh tử	10 gam
Hà thủ ô	10 "	Hổ trượng	10 "
Hà diệp	10 "	Bạch Cúc hoa	10 "
Trạch tả	10 "	Sinh Đại hoàng	6 "

11. Thanh giáng ẩm

Người cống hiến: Ông Duy Lương, Y sư phó chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Đại hoàng	10 gam	Nhũ hương	10 gam
Sinh Bồ hoàng	10 "	Xuyên khung	12 "

Hồng hoa 12 gam

Gia giảm: Bệnh nhân có những chứng trạng thuộc ba phương Thanh tiêu ẩm, Thanh thông ẩm, Thanh giáng ẩm nói ở trên, nếu mệt nhọc, đoản hơi nghiêm trọng, gia Hoàng kỳ hoặc Đảng sâm 15 gam. Miệng khô lưỡi ráo gia Mạch môn đông, Hoàng tinh đều 10 gam. Đau đầu chóng mặt, gia Cúc hoa hoặc Dã Cúc hoa 15 gam. Tiểu tiện không lợi, gia Xa tiền thảo 15 gam. Trư linh 12 gam. Đàm thấp nặng, gia Hạnh nhân, Tỳ bà diệp đều 10 gam. Đầy bụng, gia Mai khôi hoa 10 gam. Lưng đùi yếu mỏi, gia Nữ trinh tử 15 gam, Câu kỷ tử 10 gam.

12. Khai ứ tiêu trướng thang

Người cống hiến: Lã Thừa Toàn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Uất kim	10 gam	Tam lăng	10 gam
Nga truật	10 "	Đan sâm	30 "
Đại hoàng	10 "	Nhục Thung dung	10 "
Tiên linh tỳ	10 "	Ba kích thiên	10 "

Cách dùng: Đơn thuốc trên, mỗi tuần lễ uống 6 thang, sắc uống. Nói chung dùng trong 1 tháng, kiến hiệu rõ rệt; Điều trị trong 3 tháng, ứ trướng có thể rút hết, đồng thời cần điều hoà tình trí, tạo cho tâm tình thoải mái.

Cấm kỵ: Không ăn đồ cay nóng, dầu mỡ, nên ăn thức thanh đạm dễ tiêu hoá.

Gia giảm: Sườn trướng đau, nóng nẩy hay cáu giận, trướng bụng ợ hơi, gia các vị như Sài hồ, Bạch thược, Thanh bì, Chỉ xác,

Bán hạ. Tỳ vị hư hàn, đại tiện nhão, bỏ Đại hoàng hoặc đổi dùng Đại hoàng thán. Ứ thũng khá nặng, gia Sơn dược, Ý dĩ nhân, Phục linh, Trạch tả. Mệt mỏi ngực khó chịu, hồi hộp đoản hơi, gia Đảng sâm, Mạch môn đông, Ngũ vị tử. Mất ngủ hay quên, hồi hộp sợ sệt, gia Tảo nhân sao, Bá tử nhân, Hà thủ ô. Vùng bụng đầy trướng, kém ăn, cồn cào, ợ hơi, gia Sa nhân, Mạch nha sao, Kê nội kim. Chóng mặt hoa mắt, gia Hạ khô thảo, Chân châu mẫu, Bạch thược, Xuyên khung, Bạch phụ tử. Gò má đỏ bừng, ngũ tâm phiền nhiệt, phiền táo ra mồ hôi, gia Tri mẫu, Hoàng bá. Lưỡi có nốt ứ huyết, đau bụng khi hành kinh, kinh nguyệt ra huyết cục, gia Trạch lan diệp, Xuyên Ngưu tất, Đào nhân, Hồng hoa, Hương phụ. Công năng tuyến giáp giảm sút, gia Bối mẫu, Hải phù thạch, Đào nhân, Hồng hoa.

13. Gia vị nhị gia Long mẫu thang

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư Y học viện Trấn Giang

Long cốt
Bạch vi
Tri mẫu
Trạch tả
Mẫu lệ
Phụ tử
Hoàng bá

18. GẦY CÒM

Gầy còm là chỉ da thịt bị teo quắt, nhẹ cân, thậm chí hom hem khẳng khiu như que củi, thường gặp ở trẻ em bị bệnh Cam, lao Phổi và tiêu khát.

Trẻ em thể trạng gầy còm, trướng bụng kém ăn, nhị tiện không điều là thuộc bệnh Cam tích, có thể uống ***Hoà tỳ phiến (1)*** làm mạnh sự vận hoá của Tỳ Vị.

Nếu có kiêm chứng tiểu tiện ít sắc vàng, có thể dùng ***Củng thị bổ tiêu phương (2)*** để kiện vận Tỳ vị, tiêu thực lợi thuỷ.

Kiêm chứng to bụng nổi gân xanh, trướng đầy, bụng to cứng rắn, thể trạng còn thuộc Thực thì cho uống ***Trị cam Bài A(3)*** để tiêu Cam tích và điều lý Tỳ Vị.

Bụng to cổ trướng và đầy, đại tiện khô hoặc nhão, mùi chua hôi khó ngửi hoặc bị ỉa chảy do thương thực, có thể dùng ***Phì nhi phấn (4)*** để thanh nhiệt khơi thông tích trệ xuống dưới nhằm ôn trung hoá trệ, tiêu cam lý Tỳ.

Kiêm chứng mặt vàng phiền táo, bụng trướng hoặc đau ở vùng rốn và bụng cho uống ***Tiêu tích kiện Tỳ phiến (5)*** để tiêu bĩ tích, trừ trướng bụng, sát trùng, khai Vị.

Bệnh Cam tích lâu ngày, thể trạng hơi kém, có thể dùng ***Trị cam bài B (6)*** để vừa tiêu vừa bổ, kiện Tỳ sát trùng, tiêu tích trừ trướng.

Trẻ em gầy còm, đau quanh rốn, không thiết ăn uống, đại tiện nhão và dính trệ khó chịu, bụng to cổ bé nổi gân xanh, chọn dùng bài ***Tiểu nhi kiện Tỳ tán (7)***, gia giảm ***Phì nhi hoàn (8)*** để kiện Tỳ phù chính, sát trùng tiêu tích.

Có thêm chứng nước tiểu trắng như nước gạo, thường sốt nhẹ, ưa mát hay uống nhiều, lông tóc phờ phạc, da dẻ khô ráo, đại tiện hoặc lỏng hoặc khô, đó là chính khí đã bị hư, cam tích uất nhiệt, có thể cho uống bài ***Tiểu nhi bạn dược (9)*** để phù chính tiêu tích, sát trùng, thoái nhiệt hoặc uống bài ***Ma tích tán (10)*** để phù Tỳ kiện Vị, thanh hư nhiệt, tiêu cam tích.

Trẻ em cam tích đã khỏi dần, có thể cho uống bài ***Trị cam bài C (11)*** để điều bổ Tỳ Vị, trừ nốt cái tích còn sót lại.

Nếu chỉ có chứng gày còm, sắc mặt úa vàng, mỏi mệt chán ăn, da dẻ khô ráo tóc khô ròn, có thể dùng ***Kỳ thị Bổ trung phương (12)*** để kiện Tỳ ích Vị.

Có kiêm chứng đại tiện khô, yếu sức, khàn tiếng, tay chân không ấm là thuộc khí huyết đều hư, có thể dùng ***Kỳ thị bồi nguyên phương (13)*** để ích khí huyết, bồi bổ nguồn gốc.

Nếu thể trạng có vẻ khẳng khiu bại hoại, tự ra mồ hôi, dóc hết cơ thịt, li bì ngủ lộ con ngươi, cho uống ***Kỳ thị cố thoát phương (14)*** để ích khí cố thoát.

Trẻ em hình thể gày còm, hay bị cảm mạo, kém ăn, đại tiện lỏng, mồ hôi trộm phát nhiệt, phát dục chậm chạp, có thể dùng

Tăng miễn kháng cảm phương (15) để ích khí thăng dương, kiện Tỳ bổ Thận, thanh nhiệt khư tà.

Gày còm gặp ở thời kỳ cuối của bệnh Vị Trường ác tính, kèm theo kém ăn, mỏi mệt, lưng đùi mềm yếu là thuộc Tỳ Thận bất túc, cho uống ***Kiện Tỳ ích Thận thang(16).***

Phụ nữ không thấy kinh nguyệt, hình thể gày còm, da dẻ tróc vẩy, tóc rụng, mỏi mệt, đó là bệnh Can huyết lao, cho uống ***Dương thị Can huyết lao bài số I (17)*** để tư âm dưỡng huyết, trị huyết tán ứ.

Nếu triều nhiệt, ho khan miệng lưỡi khô ráo, nên tư bổ Can Thận, dương âm thanh nhiệt, dùng bài ***Đường thị Can huyết lao số II (18).***

Các bệnh Phế lao và Tiêu khát có thể trạng gày còm, tham khảo ở các mục Khái thấu, Tiêu khát.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hoà Tỳ phiến

Người cống hiến: Giang Dục Nhân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Bạch truật
Trần bì
Thần khúc
Mạch nha
Xa tiền tử
Ý dĩ nhân
Sơn dược
Phục linh
Trạch tả

2. Củng thị bổ tiêu phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Kê thỉ đằng	30 gam	Mã lan	30 gam
Ngư tinh thảo	30 "	Cách sơn tiêu	30 "
Xa tiền thảo	30 "		

Gia giảm: Đại tiện lỏng; gia Thạch xương bồ 10 gam, Thuỷ đăng tâm 15 gam. Tiểu tiện trong dài, bỏ Xa tiền thảo.

3. Trị cam bài A

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm
Trung y văn hiến quán Thượng Hải

Tam lăng (nướng)	Nga truật (nướng)
Can Thiềm bì (nướng)	Thanh bì (sao)
Trần bì	Mộc hương
Hồ Hoàng liên	Ngũ cốc trùng (dấm sao)
Phật thủ	Tiêu sơn tra
Lai bặc tử (sao)	

4. Phì nhi phấn

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoà, nhà Trung y nổi tiếng
Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Tiêu Sơn tra	120 gam	Đại hoàng	90 gam
Tiêu Binh lang	30 "	Bào khương	21 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột mịn. Dưới 3 tuổi ngày dùng 1 - 2 gam, chia 2 lần uống. 3 tuổi trở lên, tuỳ y tăng liều lượng.

5. Tiêu tích kiện Tỳ phiến

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, nhà Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Phục linh	30 gam	Thần khúc	30 gam
Hồ Hoàng liên	18 "	Kê nội kim (sao)	6 "
Quất bì	18 "	Nga truật	15 "
Đào nhân	10 "	Tam lăng	15 "
Sử quân tử	60 "	Lô hội	24 "
Đại hoàng	18 "	Mộc hương	10 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột mịn, chế thành viên dẹt trọng lượng 0,6 gam/viên. Dưới 1 tuổi mỗi lần uống 1 viên ngày 2 lần; Dưới 3 tuổi mỗi lần 1,5 viên ngày 2 lần. Trên 5 tuổi mỗi lần uống 2 viên, ngày 2 lần.

6. Trị cam bài B

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm Trung y văn hiến quán Thượng Hải

Đảng sâm (sao với gạo)

Bạch truật (sao với hoàng thổ)

Phục linh	Cam thảo
Trần bì	Thanh bì (sao)
Ngũ cốc trùng (dấm sao)	Thần khúc
Tam lăng (nướng)	Nga truật (nướng)

7. Tiểu nhi kiện Tỳ tán

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	60 gam	Thần khúc	30 gam
Kê nội kim (sao)	90 "	Tam lăng	60 "
Nga truật	30 "	Thanh bì	30 "
Sử quân tử	60 "	Hắc sửu	30 "
Bạch sửu	30 "	Chỉ xác	60 "
Xuyên phác	30 "	Xương truật	60 "
Tân lang	60 "	Mạch nha (sao)	90 "
Đại hoàng	90 "	Thảo quả	60 "
Linh chi	60 "		

Cách dùng: Các vị trên tán bột mịn, cứ 30 gam thuốc bột trộn thêm vào 1,5 gam Băng phiến rồi đóng gói từng bao nhỏ trọng lượng 0,6 gam. Trẻ em dưới 1 tuổi có thể mỗi lần uống nửa bao, ngày 2 lần. Dưới 3 tuổi mỗi lần uống 1 bao, ngày 2 lần. Trên dưới 5 tuổi có thể mỗi lần uống 2 bao, ngày 2 lần.

8. Gia giảm Phì nhi hoàn

Người cống hiến: Thành Phù Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương

Đảng sâm	7,5 gam	Bạch truật (thổ sao)	15 gam
Phục linh	15 "	Tiêu Tân lang	10 "
Lô hội	4,5 "	Sử quân tử	15 "
Ngũ cốc trùng	10 "	Tiêu Kê nội kim	12 "
Thanh bì	6 "	Trần bì	6 "
Trích Cam thảo	4,5 "	Sa nhân	10 "

Hồ Hoàng liên	15 gam	Mạch nha	15 gam
Tiêu Sơn tra	10 "	Thần khúc	10 "

Cách dùng: Tán bột, luyện với hồ tẻ làm viên to bằng hạt thóc, mỗi lần uống 30 viên, chiên với nước cơm

9. Tiểu nhi bạn dược (thuốc làm béo)

Người cống hiến: Uất Văn Tuấn, Giáo sư
Vương Chỉ Chân, Lão Trung y
Viện nghiên cứu Trung y dược Tứ Xuyên

Cao ly sâm	2 gam	Đại hoàng (chế rượu)	2 gam
Hắc sửu	2 "	Bạch sửu	2 "
Tân lang (sao)	2 "	Hồ hoàng liên	0,5 "
Sơn tra	4 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn hồ ép thành viên nén mỗi viên nặng 0,5 gam. Dưới 1 tuổi mỗi lần uống 0,5 gam. Từ 1 - 3 tuổi, mỗi lần uống 1 gam. Từ 3 - 7 tuổi mỗi lần uống 2 gam; Đều mỗi ngày uống 3 lần, chiên bằng nước chín hoặc mật ong, uống trước bữa cơm. Nửa tháng là một đợt điều trị.

Gia giảm: Theo kinh nghiệm của Giáo sư Uất, bài thuốc này, thêm vào Kê nội kim càng giúp việc tiêu hoá đồ ăn và chất sữa.

10. Ma tích tán

Người cống hiến: Lục Thạch Như, nhà Trung y nổi tiếng
Đồng Nhân Y viện Bắc Kinh

Kê nội kim	30 gam	Sinh Cốc nha	30 gam
Tiêu Mạch nha	30 "	Sinh Hoàng kỳ	25 "
Hồ hoàng liên	12 "	Ngũ cốc trùng	30 "
Khương lang	30 "		

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi buổi chiều uống 3 - 6 gam, chiêu với nước đường đỏ.

Gia giảm: Nếu kết mạc khô ráo hoặc giác mạc bị nhẽo có thể gia Cốc tinh thảo, Thỏ ty tử. Bệnh nặng có thể gia Câu kỷ tử. Nếu Tỳ hư ỉa chảy có thể gia Phục linh, Bạch truật. Ngoài ra còn có thể thêm Đương qui để bổ huyết.

11. Trị cam bài C

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm Trung y văn hiếu quán Thượng Hải

Đảng sâm (sao với gạo)	Bạch truật (sao hoàng thổ)
Phục linh	Cam thảo
Trần bì	Hoài sơn
Biển đậu (sao)	Ngũ cốc trùng
Thần khúc	

Chú ý: Đồng thời với lúc uống ba bài thuốc A, B, C này, phối hợp châm thích huyệt Tứ phòng và kiêng ăn uống các thức sống lạnh hại dương khí, hoa quả và đồ ngọt béo v.v..

12. Kỳ thị Bổ trung phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, nhà Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Bạch truật	21 gam	Xương truật	21 gam
Cam thảo	15 "	Ngọc trúc	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần dùng 3 gam, ngày uống 2 lần. Mỗi đợt điều trị 15 ngày.

13. Kỳ thị bồi nguyên phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, nhà Trung y nổi tiếng Y viện thành phố Bắc Kinh

A giao	4,5 gam	Cam thảo	4,5 gam
Đảng sâm	6 "		

Cách dùng: Uống theo dạng thuốc sắc, thuốc bột đều được.

14. Kỳ thị cố thoát phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, nhà Trung y nổi tiếng Y viện thành phố Bắc Kinh

Đảng sâm	3 gam	Sinh Hoàng kỳ	6 gam
Ngũ vị	4,5 "		

Cách dùng: Sắc đặc cho uống từng ít một. Mỗi ngày 1 thang.

15. Tăng miễn kháng cảm phương

Người cống hiến: Mạnh Trọng Pháp, Y sư chủ nhiệm Viện Trung y thành phố Thượng Hải

Thái tử sâm	10 - 15 gam	Hoàng kỳ	10 - 15 gam
Thuỷ tiên thảo	10 - 15 "	Địa cẩm thảo	10 - 15 "
Hoàng cầm	4,5 - 6 "	Tiên linh tỳ	6 "
Ngũ vị tử	4,5 - 6 "	Hoàng tinh	6 "
Sinh địa	9 "	Mạch môn	6 "
Bạch truật	9 "	Cam thảo	4,5 "

Cách dùng: Ngày uống 1 thang. Có thể uống liên tục 6 - 8 tuần lễ.

16. Kiện Tỳ ích Thận thang

Người cống hiến: Dư Quế Thanh, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Bắc Kinh

Đảng sâm	10 gam	Sao Bạch truật	10 gam
Bổ cốt chỉ	10 "	Thỏ ty tử	10 "
Nữ trinh tử	15 "	Câu kỷ tử	15 "

Gia giảm: Buồn nôn, mửa kịch liệt, gia Bán hạ, Trúc nhự mỗi vị 10 gam, Quất bì 5 gam. Đau bụng đại tiện lỏng, gia Ý dĩ nhân 15 gam, Kha tử nhục 10 gam; huyết hư gia Đương qui 10 gam, Kê huyết đằng 15 gam; Khí hư nghiêm trọng gia Bạch nhân sâm 6 gam; Tỳ thận dương hư rõ rệt, gia Ngô du 10 gam, Tiên linh tỳ 10 gam v.v.v

17. Cam huyết lao bài số I.

Người cống hiến: Đường Tích Nguyên, Y sư chủ nhiệm
Phòng khám Trung y Thượng Hải

Đương quy	9 gam	Sinh Địa hoàng	10 gam
Xuyên khung	5 "	Hương phụ	9 "
Đan sâm	10 "	Xung uý tử	9 "
Uất kim	9 "	Nguyệt nguyệt hồng	3 "
Sinh Thủ ô	10 "	Thần khúc	12 "

18. Can huyết lao bài số 2

Người cống hiến: Đường Tích Nguyên, Y sư chủ nhiệm
Phòng khám Trung y Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	12 gam	Địa cốt bì	12 gam
Huyền sâm	9 "	Mạch môn	9 "

Bạch thược	9 gam	Sinh Thủ ô	9 gam
Tang thầm	9 "	Đồng tật lê	12 "
Lỗ dậu y	12 "	Cốc nha (sao)	12 "

19. KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Không ngủ được là chỉ thường xuyên bị kém ngủ hoặc suốt đêm không ngủ được.

Mất ngủ, họng ráo miệng khô kèm theo hồi hộp phiền táo, đắng miệng, tinh thần không yên, đó là âm hư Can nhiệt, cho uống ***Bách hợp hạ khô thảo thang (1)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, an thần mát Cam.

Nếu có kiêm chứng ưu uất, mê nhiều, nóng nảy dễ giận, sườn trướng, đó là huyết hư Can uất, uống bài ***Hổ phách hợp hoan bạch thược thang (2)*** để an thần giải uất, dưỡng huyết nhu Can.

Nếu kiêm chứng hồi hộp kém ăn, ưu uất Tâm phiền, bụng sườn trướng đầy, đó là Tâm Tỳ đều hư, Can uất kiêm nhiệt, có thể dùng ***La thị chu thạch ninh thần phương (3)*** để kiện Tỳ dưỡng Tâm, sơ Can hoà trung kiên thanh uất nhiệt.

Nếu kèm theo chứng triều nhiệt tâm hoang, mồ hôi trộn, sốt nhẹ, lưỡi đỏ, mạch sác đó là do dùng quá nhiều chất kích thích dẫn đến âm hư dương cang, cho uống ***Dưỡng âm hợp tễ (4)*** để tư âm sinh tân, tiềm dương an thần.

Có kiêm chứng Tâm phiền đầu choáng, ngủ mê nhiều điều sợ hãi, hồi hộp đởm khiếp, lưỡi đỏ ít rêu, đó là có hư nhiệt quấy rối ở trong, Tâm dương không kín đáo, có thể dùng ***Sài thị an thần khước mộng thang (5)*** để thanh nhiệt trừ phiền, trọng trấn an thần.

Có chứng hư phiền không ngủ được, hồi hộp không yên, hay nghi ngờ nhạy cảm, hay mê chóng quên, mạch Tế Sác, lưỡi đỏ ít rêu là thuộc âm huyết hư thiếu, hư nhiệt quấy rối ở trong, có thể dùng ***Trương thị ninh Tâm an miên thang (6)*** để tư âm dưỡng huyết ninh Tâm an thần.

Có kiêm chứng Tâm phiền, tự ra mồ hôi, mồ hôi trộm, hồi hộp hay mê, miệng phá lở, tiểu tiện vàng đó là âm huyết bất túc, Tâm hoả quá thịnh, Tâm Thận không giao nhau, cho uống bài ***Lưu thị tổ truyền thất miên hiệu phương (7)*** để dưỡng âm huyết, thanh Tâm hoả, giao thông Tâm Thận.

Mất ngủ, đêm ngủ không yên, ngực khó chịu nhiều đờm, có kiêm chứng kém ăn bụng đầy, rêu lưỡi nhớt, mạch Huyền Hoạt, thốn bộ mạch Đại, cho uống ***Trương thị hoà trung phương (8)*** để hoá đàm ẩm, khơi thông úng tắc, lưu thông kinh lạc, hoà âm dương.

Có thêm chứng choáng váng óc căng trướng, miệng đắng nóng nảy, sườn trướng dạ dày nghẽn tắc, mạch Huyền Hoạt, đại tiện khô v.v.. đó là đàm hoả uất kết cho uống bài ***Trừ đàm giáng hoả phương (9)*** để thanh nhiệt hoá đàm, giáng hoả bình Can.

Ban ngày bị sợ hãi đột ngột, ban đêm thường không ngủ được, khi ngủ thì kinh sợ thức giấc; ban ngày cảm thấy đầu choáng mắt hoa trướng đầy khó chịu, cho uống ***Trương thị trấn tĩnh phương (10)*** để trấn tĩnh an thần, trừ đờm quét ẩm.

Tâm phiền ý thức rối loạn khó đi vào giấy ngủ, giấc ngủ cũng không sâu, hay mê dễ tỉnh hoặc chất lưỡi tía tối, cho uống ***Táo nhân an thần tán (11)*** để trấn tĩnh an thần, kiêm lưu thông ứ trệ.

Có kiêm chứng đau đầu choáng váng hồi hộp, đó là Tâm mất sự nuôi dưỡng có kiêm ứ trệ, có thể dùng ***Mã thị song phấn song đằng thang (12)*** để dưỡng Tâm an thần, trấn tĩnh yên giấc ngủ, lại kiêm hoạt huyết tiêu trệ. Bệnh nặng hơn có thể dùng ***Phức phương Đan sâm tửu (13)*** để lưu thông ứ trệ và thông khiếu, dưỡng Tâm an thần.

Không ngủ được kiêm chứng Vị quản trướng đầy và đau không nghĩ đến ăn uống, ngực đầy khó chịu, choáng váng mệt mỏi, rêu lưỡi trắng dầy, chất lưỡi đỏ, mạch Huyền, hữu quan có lực, cho uống bài ***Lưu thị hoà trung phương (14)*** để lý khí tiêu thực, hoà trung an miên.

Thường bị mất ngủ, hồi hộp đầu choáng, kém ăn mỏi mệt, chất lưỡi nhạt, môi mặt kém tươi, là thuộc khí huyết đều hư, có thể dùng ***Lý thị bất mị nghiệm phương (15)***, để bổ huyết ích khí, trấn Tâm an thần. Nếu chứng này gặp ở người cao tuổi lại kiêm chứng ù tai, mỏi lưng, đêm đi tiểu tiện nhiều lần, là thuộc Tâm Tỳ bất túc, khí huyết đều suy, Can Thận đã tổn thương, có thể dùng ***Triệu thị nhị nhục thang (16)*** để ích Tâm Tỳ, sinh khí huyết, bổ Can Thận. Chứng bệnh nếu thiên về Thận khuy, thì cho uống ***Lăng thị thất miên phương (17)*** để bổ Thận dưỡng Tâm.

Nếu chứng thấy hồi hộp mất ngủ, đầu choáng tai ù, lưng gối yếu sức, mỏi mệt kém ăn, lưỡi nhạt, mạch Hư Nhược là thuộc trung hư tinh khuy, Tâm Thận bất giao, có thể dùng ***Triệu thị tử linh thang (18)*** để bồi bổ Trung tiêu, ích tinh mạnh sự ăn uống, giao thông Tâm Thận.

Do làm việc động não quá độ dẫn đến mất ngủ, kiêm chứng ăn uống kém, đại tiện bí kết, đó là Tâm huyết bất túc, Tỳ mất sự kiện vận mạnh, có thể uống ***Triệu thị bổ Tâm an thần cao (19)*** để bổ huyết dưỡng Tâm, ích khí kiện Tỳ kiêm tác dụng thanh Tâm trừ phiền.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bách hợp hạ khô thảo thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Bách hợp 30 gam Hạ khô thảo 15 gam

Gia giảm: Can Thận bất túc, gia Câu kỷ, Hà thủ ô. Hư phiền hồi hộp không yên, gia Bá tử nhân, Toan tảo nhân. Ăn không thấy ngon, gia Quảng Mộc hương, Hồng tảo.

Chú ý: Nếu Can dương quá thịnh, thấp và hoả nung nấu, phiền táo đầu đầu, mất ngủ, chất lưỡi đỏ sẫm, rêu lưỡi vàng, bí đại tiện, nên tả Can giáng hoả, không dùng được bài này.

2. Hổ phách hợp hoan bạch thược thang

Người cống hiến: Lăng Nhất Quỹ, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Hổ phách 0,6 gam (nghiền bột hoà uống)

Hợp hoan 9 " Bạch thược 9 gam

Gia giảm: Can hư có nhiệt gây nên hư phiền không ngủ được, uống phối hợp với Toan tảo nhân thang. Thời kỳ cuối của

bệnh nhiệt, nhiệt tà chưa hết, âm dịch đã tổn thương, uống phối hợp với Hoàng liên a giao thang. Tâm Thận bất túc, âm hư dương cang gây nên mất ngủ hồi hộp, hay quên, miệng khô họng ráo, lưỡi đỏ không có rêu, nên gia các vị dưỡng Tâm tư Thận như Sinh Địa hoàng, Bá tử nhân.

3. La thị chu thạch ninh thần phương

Người cống hiến: La Chí Cường, Giáo sư trường Đại học y khoa Trung Sơn

Phục linh	Đảng sâm
Thạch xương bồ	Ngũ vị
Bán hạ	Trúc nhự
Hợp hoan bì	Mạch nha
Trích thảo	Kê tử hoàng

4. Dưỡng âm hợp tễ

Người cống hiến: Dư Thanh Bình, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung - Tây y kết hợp thành phố Võ Hán

Sinh địa	10 gam	Tri mẫu	10 gam
Sơn dược	10 "	Huyền sâm	10 "
Hoàng bá	10 "	Mạch môn	10 "
Thạch hộc	10 "	Sơn thù	10 "
Bạch thược	10 "	Phục linh	10 "
Miết giáp	30 "		

Đơn thuốc trên là liều lượng uống trong một ngày, tương đương với hợp tễ 100 ml, chia 2 lần uống.

5. Sài thị an thần khước mộng thang

Người cống hiến: Sài Hạo Nhiên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Vận Thành, tỉnh Sơn Tây

Liên tử	15 gam	Mạch môn	12 gam
Dạ giao đằng	24 "	Táo nhân (sao)	24 "
Long sỉ	15 "	Chân châu mẫu	30 "
Hổ phách	6 "	Đăng tâm	3 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Sắc Long sỉ và Chân châu nấu trước 30 phút rồi sau mới bỏ các vị thuốc còn lại vào sắc chung.

6. Trương thị ninh Tâm an miên thang

Người cống hiến: Trương Chi Văn, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Sinh Địa hoàng	20 gam	Đan sâm	20 gam
Sao Tảo nhân	50 "	Dạ giao đằng	30 "
Trích Viễn trí	10 "	Cam thảo	3 "

7. Lưu thị tổ truyền thất miên hiệu phương

Người cống hiến: Lưu Thuỵ Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Hà Tây, tỉnh Thiên Tân

Đan sâm	15 gam	Thạch biên tử	10 gam
Mạch môn	10 "	Ngũ vị	15 "
Đương qui	10 "	Bạch thược	15 "
Viễn trí	10 "	Phục thần	15 "
Chi tử	10 "	Táo nhân	15 "
Hoàng liên	3 "	Nhục quế	6 "

Cách dùng: Lấy 3 bát nước sắc với thuốc cạn còn nửa bát, lại sắc lần 2, hoà lẫn 2 nước thuốc làm một, hâm nóng, chia uống hai lần sáng và tối, sau bữa cơm, mỗi ngày 1 thang.

8. Trương thị hoà trung phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nùng, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Bán hạ	10 gam	Trần bì	10 gam
Trích thảo	10 "	Sao Chỉ xác	10 "
Qua lâu bì	10 "	Sao Dĩ nhân	10 "
Trúc nhự	10 "	Phục linh	10 "
Ý dĩ nhân	25 "	Sinh khương	3 nhát
Cao lương mễ	60 " (tức Truật mễ)		

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc chia 3 lần uống trong ngày 5 thang làm một đợt điều trị. Nếu bệnh chưa khỏi hẳn, uống tiếp 5 thang nữa.

9. Trừ đàm giáng hoả phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư Y viện hữu nghị Trung Nhật thành phố Bắc Kinh

Sài hồ	9 gam	Thanh bì	9 gam
Chỉ xác	9 "	Trúc nhự	9 "
Long đởm thảo	9 "	Chi tử	9 "
Hoàng cầm	15 "	Bán hạ	12 "
Dạ giao đằng	15 "	Chân châu mẫu	50 "

10. Trương thị trấn tĩnh phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nùng, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Sao táo nhân	10 gam	Sinh Cam thảo	10 gam
Mạch môn đông	10 "	Trần bì	10 "
Uất lý nhân	10 "	Viễn trí	10 "
Chỉ thực	10 "	Bán hạ	10 "
Đan sâm	15 "	Mẫu lệ phấn	15 "
Phục linh	15 "	Trư đởm bì (sao)	15 "

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc chia 3 lần uống trong ngày, năm thang làm một đợt điều trị

Chú ý: Có hiệu quả thì ngừng thuốc, không được uống kéo dài. Về sau nếu cần uống tiếp vẫn có hiệu quả.

11. Tảo nhân an thần tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Toan tảo nhân	100 gam	Hổ phách	50 gam
Huyền hồ	50 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mỗi lần uống 2 - 3 gam chiêu với nước chín trước khi đi ngủ; hoặc luyện thuốc bột với mật làm viên, mỗi viên nặng 1 gam, ngày uống 2 - 3 viên, trước khi đi ngủ, chiêu với nước chín.

Gia giảm: Tinh thần mỏi mệt thì dùng lá Nhân sâm 6 gam hãm với nước sôi 1 - 2 giờ, lấy nước đó chiêu với thuốc viên.

Chú ý: Có hiệu quả thì ngừng thuốc, không nên uống kéo dài. Về sau nếu cần, lại uống tiếp, vẫn công hiệu.

12. Mã thị song phấn song đằng thang

Người cống hiến: Mã Hữu Độ, Giáo sư
Đại học Y khoa Trùng Khánh

Sao Tảo nhân (bột)	6 gam	Huyền hồ (bột)	3 gam
Dạ giao đằng	30 "	Kê huyết đằng	30 "

Cách dùng: Sắc trước hai loại "đằng" sau đó, trước khi ngủ 10 phút, lấy hai loại bột cùng uống với nước thuốc đã sắc.

13. Phức phương Đan sâm tửu

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Đan sâm	50 gam	Thạch xương bồ	50 gam
Huyền hồ	50 "	Ngũ vị tử	30 "

Cách dùng: Các vị cùng tán bột, thêm rượu trắng 500 ml sau khi ngâm 2 tuần, khi cần uống 5 - 10 ml trước khi đi ngủ.

Gia giảm: Dễ hồi hộp, mỏi mệt hay quên gia Sinh Sái sâm 50 gam.

Chú ý: Vì rượu quá nhạy cảm, người bị viêm loét dạ dày kiêng uống thuốc này.

14. Lưu thị hoà trung phương

Người cống hiến: Lưu Xuân Phố, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Tuyên Võ thành phố Bắc Kinh

Hậu phác	Tân lang
Tiêu Mạch nha	Hoắc hương
Mộc hương	Thủ ô đằng

Trần bì Bạch thược

Thần khúc

Gia giảm: Tổn hại do thịt cá, cơm gạo thì gia Sơn tra, Nhục đậu khấu.

15. Lý thị bất mị nghiệm phương

Người cống hiến: Lý Dực Nông, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Đông Hoàn, tỉnh Quảng Đông

Thục địa	25 gam	Đương qui	15 gam
Bạch thược	15 "	Từ thạch (sắc trước)	90 "

Những vị thuốc trên sắc uống vào 4 giờ chiều rồi nằm nghỉ.

Đảng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Bạch truật	15 "	Trích thảo	15 "

Sinh thiết lạc (sắc trước) 90 gam

Nhóm thuốc này sắc uống vào khoảng 5 - 6 giờ chiều.

16. Triệu thị nhị nhục thang

Người cống hiến: Triệu Thám, Y sư phó chủ nhiệm
Viện Trung y huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam

Long nhãn nhục	15 gam	Thù nhục	15 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Bá tử nhân	15 "

Gia giảm: Huyết nhiệt, gia Bồ công anh 30 gam, Kim ngân hoa 30 gam; ứ huyết gia Tử Đan sâm 15 gam; Toàn Đương quy 15 gam; Tinh thần rối loạn gia Lộc giao 6 gam, Sao Quy giao 6 gam. Nói chung uống 10 - 20 thang thì khỏi.

17. Lăng thị thất miên phương

Người cống hiến: Lăng Thỏa Bách, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Bồng Khê, tỉnh Tứ Xuyên

Quế viên nhục	200 gam	Câu kỷ	200 gam
Trư bản du	500 "	Hạch đào nhục	200 "

Cách dùng: Dùng 1,500 kg bã rượu, đặt thuốc vào trong, đậy kín, sau 1 tuần, lấy ra chia làm 20 phần, mỗi lần dùng 1 phần, khi dùng thì nấu chín nghiền nhừ mà uống

18. Triệu thị tử linh thang

Người cống hiến: Triệu Phần, Giáo sư
Trung y Học viện tỉnh Phúc Kiến

Tử thạch anh	30 gam (đập vỡ, sắc trước)		
Linh Từ thạch	30 " (đập vỡ, sắc trước)		
Thỏ ty tử	15 "	Câu kỷ tử	15 gam
Đảng sâm	12 "	Phục linh	12 "
Hoài sơn	15 "	Mạch nha	30 "
Cốc nha	30 "	Sinh Cam thảo	3 "

Gia giảm: Hồi hộp không ngủ quá nặng, gia Dạ giao đằng 15 gam, Thục Tảo nhân 10 gam, Kim thiền hoa 6 gam. Chóng mặt nặng, gia Chế Thủ ô 15 gam, Cúc hoa thán 9 gam, Chử thực tử 9 gam, Ngưu tất 12 gam. Ngực khó chịu, tinh thần hôn mê, lưỡi nhạt, mạch Trầm Nhược, gia Nhân sâm 10 gam (hãm uống riêng), Đan sâm 10 gam, Phá cố chỉ 9 gam, Thạch xương bồ 9 gam.

19. Triệu thị dưỡng Tâm an thần cao

Người cống hiến: Triệu Thiệu Cầm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng kỳ	60 gam	Xích thược	60 gam
Sa sâm	60 "	Bạch thược	60 "
Sinh địa	60 "	Xuyên khung	60 "
Đương qui	60 "	A giao	30 "
Hoàng cầm	20 "	Hạn liên thảo	60 "
Hoàng Liên	10 "	Kim anh tử	60 "
Nữ trinh tử	30 "	Ngũ vị tử	60 "
Viễn trí	30 "	Sinh Mẫu lệ	80 "
Tiêu Mạch nha	60 "	Chân châu mẫu	80 "
Kê nội kim	60 "	Tang thầm tử	60 "
Bồ đào tươi	2500 "	Bình quả tươi	4000 "
Phong mật	150 "	Băng đường	60 "

Cách dùng: Các vị trên trừ A giao, bỏ vào nồi nấu 4 giờ, bỏ bã, đun nhỏ lửa cho đặc, bỏ Hồ đào và Bình quả vào lại nấu, bỏ bã, thêm Phong mật và Băng đường, nấu cho đặc dần thành cao, đồng thời đem A giao hoà tan vào cao, giỏ giọt thành giọt châu là được, đựng trong bình. Mỗi ngày uống sáng và tối, mỗi lần một thìa canh pha nước sôi mà uống.

20. DẠ (MỘNG) DU

Ban đêm trỗi dậy đi tha thẩn, đến hôm sau hầu như không biết gì vừa qua, gọi là Dạ du. Bệnh này thường do những nhân tố tình chí mà phát bệnh hoặc làm cho bệnh tình nặng thêm.

Đêm đi tha thẩn và hồi hộp, kiêm chứng mất ngủ, phiền táo, đau đầu choáng váng, hay sầu muộn nghi hoặc, lo lắng vọng tưởng, thậm chí mừng, giận, sụt sùi vô cớ và giấc ngủ vật vờ ... Đây là do Can uất kiêm đàm hoả quấy rối thần minh, có thể dùng ***Trừ đàm an mị thang (1)*** để khư đàm trấn tĩnh, giải uất thư Can an thần trừ phiền.

Nếu kiêm chứng tư lự ảo tưởng, hư phiền không ngủ được; hoặc đắng miệng, nôn ọe liên tục, trong ngực cồn cào nóng rát, ăn uống kém là thuộc Đởm nhiệt đàm hoả quấy nhiễm Tâm, có thể dùng ***Tiến thoái hoàng liên ôn Đởm thang (2)*** để thanh nhiệt trừ phiền, lợi Đởm an thần.

Điều trị bệnh này, có thể tham khảo các mục "Thất miên" hoặc "Hay lo nghĩ" (Thiện ưu tư).

PHỤ PHƯƠNG

1. Trừ đàm an mị thang

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Hữu nghị Trung Nhật Bắc Kinh

Bắc Sài hồ	10 gam	Pháp Bán hạ	10 gam
Trích Cam thảo	10 "	Chỉ thực	10 "

Long đởm thảo	10 gam	Chi tử	10 gam
Khô Cẩm	12 "	Trúc nhự	12 "
Chế Nam tinh	6 "	Chân châu mẫu	60 "
Mông thạch	30 "	Dạ giao đằng	30 "
Hợp hoan bì	15 "	Cát căn	30 "

Gia giảm: Đau đầu nhiều, gia Câu đằng 30 gam, Cúc hoa 10 gam, Bạch Tật lê 15 gam, Xích thược 30 gam, Đại tiện táo kết, gia Qua lâu nhân 12 gam, Sinh Đại hoàng 6 gam. Co giật động phong, gia bột Linh dương giác 1 gam. Nói năng cuồng loạn, táo động không yên, mắt trông vơ vẩn, tai nghe bập bõm, gia Xương bồ 10 gam, Viễn trí 6 gam, lại dùng thêm Mông thạch cổn đàm hoàn 6 - 9 gam.

Chú ý: Mộng thạch cổn đàm hoàn buổi sáng uống 1 lần; buổi chiều có thể đại tiện lỏng vài ba lần. Không được uống thuốc này trước khi đi ngủ, bởi vì khi thuốc có tác dụng sẽ ảnh hưởng giấc ngủ, gây bệnh biến khác

2. Tiến thoái Hoàng liên ôn đởm thang.

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Triết Giang

Xuyên liên	5 gam	Thiên ma	10 gam
Trúc lịch	10 "	Bán hạ	10 "
Sao Trần bì	9 "	Phục linh	12 "
Trúc nhự	9 "	Chỉ thực	9 "
Chân châu mẫu	30 "	Hổ phách	6 "

Gia giảm: Âm hư môi lưỡi khô ráo, gia Mạch môn, Thi
hoa phấn. Lòng bàn tay chân nóng rát, gia Mẫu Đan bì, Địa c
bì. Kém ăn gia Sinh Cốc nha, Mạch nha. Kinh nguyệt khô
điều, gia Đương qui, Bạch thược.

21. HAY NGỦ

Hay ngủ là chỉ bất luận ban ngày hay ban đêm, muốn ngủ liên tục, gọi thì tỉnh ngay, sau khi tỉnh lại ngủ tiếp. Chứng này gặp nhiều ở loại Đàm thấp, cũng gọi là Đa mị (ngủ nhiều)

Ngủ nhiều mà thể trạng mập mạp, động làm thì thở gấp, tắc mũi, về chiều vùng ngực khó chịu, khi ngủ thì ngáy to, có lúc giật mình thức giấc, phần nhiều đờm sắc trắng, khó khạc đờm, uống nhiều đái nhiều hoặc chi dưới thũng trướng ấn lõm lâu nổi, hoặc tự ra mồ hôi, đại tiện nhão, mạch Hoạt Sác, đây là do đàm nhiệt úng trệ ở Phế, lỗ mồ hôi không thông. Điều trị nên tuyên Phế hoá đàm, thanh nhiệt lợi thấp, có thể dùng bài ***Lộ thị đa mị số I (1).***

Giấc ngủ li bì, gọi thì tỉnh ngay, sau khi tỉnh lại muốn ngủ, có kiêm chứng miệng đắng và khô, rêu lưỡi nhớt, đó là Thiếu dương uất trệ, Tỳ bị khốn đốn, tinh thần mông lung, cho uống bài ***Tang thị đa mị ẩm (2)*** để sơ tiết Thiếu dương, thanh thấn tỉnh Tỳ.

Bệnh hay ngủ kéo dài, vào giấc ngủ đầu óc có cảm giác như bay bổng, giấc ngủ dễ tỉnh, có thêm chứng lưng đùi mềm yếu, đầu choáng tai ù, toàn thân mệt mỏi, hồi hộp không yên, động làm là đoản hơi, hoặc về chiều vùng dạ dày cảm giác nóng rát, bụng đầy kém ăn, trướng bụng đại tiện khô, tiểu tiện vàng; phụ nữ thì kinh nguyệt không điều, sắc kinh nhợt, đây là thuộc khí

huyết đều hư, Thận tinh bất túc, cho uống ***Lộ thị đa mị số II (3)*** để ích khí dưỡng huyết, kiện Tỳ bổ Thận.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lộ thị đa mị phương I.

Người cống hiến: Lộ Chí Chính, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thương nhĩ tử	9 gam	Bạch chỉ	8 gam
Cát cánh	9 "	Pháp Bán hạ	9 "
Tiền hồ	9 "	Trần bì	9 "
Hoàng cầm	9 "	Đại cáp tán	12 "
Ngưu bàng	12 "	Trúc nhự	12 "
Lô căn	30 "	Lục nhất tán	30 "

2. Tang thị đa mị ẩm

Người cống hiến: Tang Bội Lâm, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Sinh Táo nhân	25 gam	Xương bồ	25 gam
Cúc hoa	15 "		

3. Lộ thị đa mị phương II.

Người cống hiến: Lộ Chí Chính, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thái tử sâm	12 gam	Sinh Hoàng kỳ	15 gam
Hoài sơn	24 "	Sao Tảo nhân	12 "
Thỏ ty tử	12 "	Hạn liên thảo	12 "

Phục linh	10 gam	Phục thần	10 gam
Mộc hương	4,5 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Bổ cốt chi	12 "	Cam thảo	6 "
Sinh khương	3 nhát	Đại tảo	3 quả

22. PHIỀN TÁO

Phiền táo là chỉ trong Tâm phiền nhiệt không yên, chân tay buồn bực vật vã.

Phiền với Táo thực ra là hai chứng. Phiền phần nhiều là tự giác. Táo phần nhiều là tha giác. Bệnh này thường có các tên gọi như Tâm phiền, phiền đầy, hư phiền, trằn trọc, táo động v.v.. đều thuộc phạm vi giới thiệu ở mục nầy.

Phiền táo không yên, mất ngủ hay mê, ngực khó chịu, có đàm, lưỡi đỏ rêu dầy nhớt thuộc đờm uất quấy rối Tâm, tâm thần thất thường, có thể uống bài ***Tôn thị thập tứ vị ôn Đởm thang (1)*** để khư đàm khai khiếu, dưỡng Tâm an thần.

Nếu kiêm chứng trằn trọc không yên, ngực khó chịu bứt dứt, choáng đầu, rêu lưỡi vàng nhớt là thuộc đờm nhiệt quấy rối Tâm, Can Đởm Tâm hư, có thể uống bài ***Trần thị tinh thần bệnh phiền táo bất ninh phương (2)*** để an thần ninh Tâm, hoá đàm bình Can, khai khiếu thông trệ.

Trẻ em chân tay quờ quạng, gào khóc om xòm, co giật liên tục, rêu lưỡi vàng nhớt, chất lưỡi đỏ, đó là đàm hoả câu kết, vít lấp Tâm khiếu, điều trị nên thanh nhiệt trừ đờm khai khiếu yên thần, cho uống ***Giang thị đàm nhiệt mông khiếu thang (3)***.

Đầu choáng, Tâm phiền, hồi hộp, mất ngủ dễ cáu giận, miệng đắng họng khô, chất lưỡi đỏ, ven lưỡi càng đỏ hơn, mạch Huyền mà Tế Sác, hoặc đa nghi hay sợ, hoặc sườn đau âm ỉ,

hoặc sườn trướng khó chịu là thuộc Can nhiệt thương âm; nếu kiêm chứng Can uất, bệnh nghiêng về Can uất âm thương cho uống ***Dương thị giải uất hợp hoan thang (4)*** để lý khí bình Can, dưỡng âm thanh nhiệt, kiêm lương huyết.

Bệnh nghiêng về âm thương Can nhiệt, cho uống ***Cận thị dục âm thanh giáng thang (5)*** để dục âm bình Can thanh nhiệt.

Nếu nghiêng về Can kinh uất nhiệt, có thể uống ***Trần thị canh niên thang (6)*** để sơ Can thanh nhiệt, giải uất trừ phiền kiêm tác dụng giữ gìn phần âm.

Tâm phiền mất ngủ, hồi hộp sợ sệt, miệng lưỡi khô ráo, choáng đầu ù tai, chân tay phiền nhiệt, lưỡi đỏ rêu mỏng, mạch Hoạt hoặc Huyền Sác là thuộc âm hư dương cang, hư phiền quấy nhiễu ở trên, có thể dùng ***Tiềm dương an thần thang (7)*** để tư âm tiềm dương, thanh nhiệt minh Tâm, ích trí an thần.

Lâm sàng thường có khi do dùng thuốc kích thích tuyến Thượng Thận quá nhiều tạo nên âm hư dương cang, cũng xuất hiện chứng trạng Tâm phiền triều nhiệt, Tâm hoang mất ngủ, lưỡi đỏ mạch Tế Sác v.v.. có thể dùng ***Dương âm hợp tế (8)*** để dục âm tiềm dương, ninh Tâm trừ phiền.

Tâm phiền, ý thức rối loạn, mất ngủ hay quên, hồi hộp sợ sệt, thần hồn hoảng hốt, nơm nớp không yên, lưỡi đỏ, mạch Hư mà Tán hoặc Vi Tế, đó là thuộc Tâm Can huyết hư, thần hồn mất tập trung, có thể dùng ***Môn thị sơn du nhị tảo thang (9)*** để bổ âm huyết, dưỡng Tâm Can, định thần yên trí.

Chứng này tham khảo thêm ở các mục "Mất ngủ" hoặc "Hay lo nghĩ".

PHỤ PHƯƠNG

1. Tôn thị thập tứ vị ôn đởm thang

Người cống hiến:: Tôn Chí Dân, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Thiểm Tây

Bán hạ	12 gam	Trần bì	10 g
Trúc nhự	12 "	Cam thảo	6 "
Phục linh	15 "	Chỉ xác	12 "
Viễn trí	10 "	Xương bồ	10 "
Ngũ vị tử	12 "	Toan Táo nhân	15 "
Đan sâm	15 "	Uất kim	12 "
Hồng hoa	5 "	Từ thạch	20 "

2. Trần thị tinh thần bệnh phiền táo bất ninh phương

Người cống hiến: Trần Tư Bình, Y sư phó chủ nhiệm Trung tâm y viện Hoàng Phố tỉnh Cam Túc

Đan sâm	30 gam	Sinh Long cốt	30 gam
Sinh Mẫu lệ	30 "	Thạch xương bồ	15 "
Viễn trí	15 "	Hổ phách	10 "
Chu sa	10 "	Uất kim	15 "
Minh phàn	10 "	Xuyên luyện tử	10 "
Phục thần	30 "	Bạch thược	30 "
Tảo nhân (sao)	15 "	Bá tử nhân	15 "
Hoàng liên	3 "	Cam thảo (trích)	10 "

Cách dùng: Sắc 3 lần trộn đều có 500 ml nước đặc chia làm 3 lần uống, sáng, trưa, tối chiêu với nước ấm.

3. Giang thị đàm nhiệt mông khiếu thang.

Người cống hiến: Giang Dục Nhân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Trần Nam tinh	10 gam	Thiên trúc hoàng	15 gam
Viễn trí	10 "	Hùng hoàng phấn	0,6 "

4. Dương thị giải uất hợp hoan thang

Người cống hiến: Dương Chấn, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Tân An

Hợp hoan bì	15 gam	Mạch môn đông	10 gam
Thiên môn đông	10 "	Bạch thược	10 "
Đại thanh diệp	10 "	Mẫu Đan bì	10 "
Uất kim	10 "	Phật thủ	10 "
Bạch mao căn	15 "	Thiến thảo	15 "
Hương duyên	10 "		

5. Cận thị dục âm thanh giáng thang

Người cống hiến: Cận Sĩ Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu Hành Thuỷ tỉnh Hà Bắc

Huyền sâm	30 gam	Mạch môn đông	15 gam
Bạch thược	15 "	Ngưu tất	15 "
Sài hồ	10 "	Tỳ bà diệp	10 "
Hạ khô thảo	12 "	Câu đằng	12 "
Mẫu lệ	12 "		

Cách dùng: Sắc 2 lần, buổi tối trước khi đi ngủ uống cả một lần cho hết. Mỗi ngày 1 thang

6. Trần thị canh niên thang

Người cống hiến: Trần Đạt Thiên, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Quỳnh Hải tỉnh Hải Nam

Đương quy	18 gam	Bạch thược	18 gam
Sài hồ	12 "	Hoàng cầm	10 "
Phù tiểu mạch	30 "	Thục địa	20 "
Thảo quyết minh	30 "	Sơn tri	15 "
Trúc nhự	10 "	Cam thảo	12 "
Ô mai	12 "	Mẫu Đan bì	12 "
Hồng táo	5 quả		

7. Tiềm dương an thần thang

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Dạ giao đằng	30 gam	Thục Táo nhân	20 gam
Viễn trí	15 "	Bá tử nhân	20 "
Phục linh	15 "	Sinh Địa hoàng	20 "
Huyền sâm	20 "	Sinh Mẫu lệ	25 "
Sinh Giả thạch	30 "	Xuyên liên	10 "
Sinh Long cốt	20 "		

8. Dương âm hợp tễ

Người cống hiến: Từ Thanh Bình, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung Tây y kết hợp thành phố Vũ Hán

Sinh Địa hoàng	10 gam	Tri mẫu	10 gam
Sơn dược	10 "	Miết giáp	20 "
Huyền sâm	10 "	Hoàng bá	10 "

Mạch môn	10 gam	Thạch hộc	10 gam
Sơn thù nhục	10 "	Bạch thược	10 "
Phục linh	10 "		

Cách dùng: Đơn thuốc trên là liều lượng uống trong 1 ngày, chia làm hai lần uống.

9. Môn thị sơn du nhị tảo thang

Người cống hiến: Môn Thuần Đức, Phó giáo sư Y viện Đại Đồng tỉnh Sơn Tây

Sơn du	60 gam	Sinh Tảo nhân	15 gam
Sao Tảo nhân	15 "	Sinh Long cốt	15 "
Mẫu lệ (nung)	15 "	Đương quy	9 "
Trích Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống trước bữa cơm.

23. HAY BUỒN HAY SỢ

Hay buồn là chỉ gặp chuyện bi ai, thường do buồn thương mà muốn khóc không tự kiềm chế được, chứng trạng nầy có liên quan tới hai tạng Tâm Can mất điều hoà.

Ngực sườn trướng đầy khó chịu, tinh thần ức uất, buồn thương muốn khóc, mất ngủ hồi hộp, mạch Huyền, rêu lưỡi trắng là do Can uất khí kết, tâm thần không được nuôi dưỡng, có thể uống bài ***Lai thị bách uất thang (1)*** để sơ Can giải uất, dưỡng Tâm ninh thần.

Nếu có kiêm chứng luôn luôn ra mồ hôi, hồi hộp không yên hoặc vì luyện khí công không điều hoà mà xuất hiện những chứng trạng này, có thể cho uống ***Vương thị kháng khí công thất điều phương (2)*** để trấn Tâm giải uất, an thần ninh Tâm, điều hoà âm dương.

Tâm phiền mất ngủ, ngủ mê lung tung, buồn thương muốn khóc, phiền nhiệt không yên, lưỡi đỏ khát nước, tiểu tiện vàng hoặc đại tiện khô, mạch Tế Sác, đó là nhiệt làm tổn thương thần minh, Tâm không được nuôi dưỡng, có thể uống bài ***Sài thị cam mạch tảo nhân thang (3)*** để dưỡng Tâm thanh nhiệt trừ phiền an thần.

Nếu có thêm các chứng đoản hơi, mỏi mệt hay ngáp là thuộc Tâm Phế khí âm bị tà nhiệt làm hao thương, cho uống bài ***Lý thị***

gia vị bách hợp thang (4) để dưỡng âm nhuận Phế, ích khí an thần kiêm thanh tà nhiệt.

Hay sợ là chỉ gặp việc sợ hãi thì phát sinh cảm giác hoảng sợ, suốt ngày nơm nớp, thần trí không yên như có người sắp đến bắt. Nếu có thêm chứng trạng hồi hộp, mất ngủ, mỏi mệt, không chịu nổi mệt nhọc, đó là Tâm Can đều hư có thể dùng ***Tạng thị trấn khủng thang (5)*** để mạnh Can bổ Tâm.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Hay lo nghĩ".

PHỤ PHƯƠNG

1. Lai thị bách uất thang

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm Y viện trung tâm Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Bách hợp	30 gam	Uất kim	9 gam
Chỉ xác	6 "	Cát cánh	6 "
Xuyên khung	6 "	Đương qui	9 "
Bạch thược	9 "	Hạ khô thảo	15 "
Ô tặc cốt	9 "	Sinh Mẫu lệ	15 "
Sài hồ	9 "		

2. Vương thị kháng khí công thất điều phương

Người cống hiến: Vương Quý Đồng, Quân y Phó chủ nhiệm bộ môn thuộc Hải quân Quảng Châu

Sinh Long cốt	30 gam	Sinh Mẫu lệ	20 gam
Quế chi	9 "	Bạch thược	12 "

Trích Cam thảo	9 gam	Viễn trí	9 gam
Sao Tảo nhân	15 "	Bá tử nhân	9 "
Hợp hoan hoa	9 "	Dạ giao đằng	30 "
Sinh khương	3 nhát	Đại táo	3 quả

3. Sài thị cam mạch tảo nhân thang

Người cống hiến: Sài Hạo Nhiên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Vận Thành tỉnh Sơn Tây

Cam thảo	15 gam	Mạch môn đông	15 gam
Sao Tảo nhân	15 - 30 "		

Gia giảm: Nếu kiêm Can dương thiên cang, hồi hộp không yên, gia Chân châu mẫu, Long sỉ. Kiêm chứng Can phong không yên, chân tay co giật, gia Thiên ma, Câu đằng, Bạch thược. Kiêm chứng Can khí ức uất, ngực sườn khó chịu, gia Hợp hoan hoa, Lục ngạc mai. Nếu hồi hộp không yên, mất ngủ khá nặng gia Bá tử nhân, Dạ giao đằng. Tâm khí trôi nổi không ổn định, gia Tử Thạch anh, Ngũ vị tử, Ngưu tất. Phế Vị âm hư, miệng khô ráo, gia Sa sâm, Thạch hộc, Ngọc trúc, Vị nhiệt muốn mửa và phiền táo, gia Sinh Thạch cao, Trúc nhự. Can Thận bất túc, đại tiện khô ráo, gia Hắc chi ma.

4. Lý thị gia vị Bách hợp thang

Người cống hiến: Lý Thanh Phúc, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện bệnh tinh thần thị trấn Sóc Châu tỉnh Sơn Tây

Nhân sâm	10 gam	Bách hợp	30 gam
Tri mẫu	15 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Hợp hoan hoa	15 "	Dạ giao đằng	15 "

Sinh khương	6 gam	Đại táo	10 gam
Chu sa	6 "		

5. Tạng thị trấn khủng thang

Người cống hiến: Tạng Minh Nhân, Y sư phó chủ nhiệm Y viện bệnh tinh thần tỉnh Sơn Đông

Sinh Địa hoàng	30 gam	Thục Địa hoàng	30 gam
Sơn thù nhục	30 "	Bạch thược	25 "
Đương quy	25 "	Phục thần	25 "
Sài hồ	3 "	Bạch giới tử	3 "
Tảo nhân	3 "	Nhục quế	3 "
Khổ sâm	40 "		

24. CHỨNG HAY LO NGHĨ

Chứng này chỉ tình chí không tốt, ưu uất tư lự, thậm chí cười khóc vô cớ, phụ nữ rất hay bị. Tư lự quá độ, Tạng Âm bất túc thì tính tình thường ưu uất, vật vã không yên, hay khóc dễ cáu giận, kém trí nhớ, tâm thần hoảng hốt, mất ngủ hay quên, đêm ngủ mê nhiều mộng dữ, đỉnh đầu trướng đau, lưỡi đỏ ít rêu v. v... Có thể uống bài ***Bách hợp long hổ cam mạch đại tảo thang (1)*** dùng vị ngọt nhuận để tư dưỡng, trấn kinh an thần, hoà trung dịu cơn căng thẳng.

Tinh thần ức uất, ngực sườn trướng đầy, kém ăn đại tiện nhão, đắng miệng, choáng váng, mất ngủ hay mê, mạch Huyền Tế là thuộc Can uất âm hư, nhiệt ức chế Tỳ hư, có thể dùng bài ***Lý can thang (2)*** để sơ Can hành khí, thanh Can bình Can, dưỡng Can ích âm, ích khí kiện Tỳ.

Phụ nữ ở tuổi bẩy lần bẩy (49) gặp chứng tình chí ức uất, tâm phiền không yên mà không kiềm chế được bản thân, hồi hộp mất ngủ, sốt nhẹ ít tân dịch, choáng váng đau đầu là thuộc Tâm Can âm hư, hư dương trôi nổi quấy động, nên dưỡng Tâm ích âm, an thần, trấn tĩnh, cho uống ***Canh niên khang thang (3)***

Tinh thần ức uất, phiền táo hoảng hốt, đêm nằm kém ngủ, mắt trông ngơ ngác ủ dột, thậm chí có những cử chỉ thất thường, khóc cười vô cớ, hoặc trầm mặc không nói năng, kém ăn, rêu lưỡi nhớt, chất lưỡi tía tối, là do Can mất sự nhu nhuận, đờm ứ

quấy rối Tâm, cho uống ***Nhu Can ích não thang (4),*** để nhu Can an thần, tiêu đàm thông ứ.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Hay buồn hay sợ".

PHỤ PHƯƠNG

1. Bách hợp long hổ cam mạch đại tảo thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Bách hợp	24 gam	Long sỉ	12 gam
Hổ phách	3 "	Trích thảo	3 "
Tiểu mạch	15 "	Đại táo	3 quả

Gia giảm: Tâm âm hư, Tâm phiền mất ngủ rõ rệt, linh hoạt gia Bá tử nhân. Nếu Can huyết hư, mạch Huyền Tế, gia Toan Tảo nhân. Can huyết hư mà hư hoả quấy rối ở trong, có thể phối hợp với Nhị chí hoàn (Hạn liên thảo, Nữ trinh tử). Nếu huyết hư tân dịch thiếu, đại tiện khô kết, linh hoạt gia Thủ ô, Hắc chi ma. Nếu khí cơ không thư sướng, uất nén khó chịu có thể gia Hợp hoan hoa hoặc Hợp hoan bì.

2. Lý Can thang

Người cống hiến: Quan Nhữ Diện, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Hạn liên thảo	12 gam	Sài hồ	9 gam
Ô dược	10 "	Bạch thược	12 "
Đan sâm	15 "	Đảng sâm	15 "

Phục linh	15 gam	Mạch nha	18 gam
Cam thảo	6 "		

Gia giảm: Can hoả thịnh, bỏ Đảng sâm, gia Hạ khô thảo 15 gam, Xuyên luyện tử 12 gam, Hoàng cầm 10 gam. Can âm hư, đổi Đảng sâm ra Sa sâm hoặc Thái tử sâm, gia Can Địa hoàng 15 gam. Vùng bụng trướng đau nghiêm trọng, gia Chỉ xác, Hậu phác mỗi vị 10 gam. Có sỏi ở Can Đởm gia Toan Mai thụ căn 15 gam, Linh tiên 20 gam, Sinh Dĩ nhân 15 gam, Nhân trần 20 gam. Có Hoàng đản, gia Hổ trượng, Điền cơ hoàng đều 15 gam

3. Canh niên khang thang

Người cống hiến: Lương Kiếm Ba, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triệu Khánh tỉnh Quảng Đông

Huyền sâm	10 gam	Đan sâm	10 gam
Đảng sâm	10 "	Thiên môn	5 "
Mạch môn	5 "	Sinh địa	12 "
Thục địa	12 "	Bá tử nhân	10 "
Sao Táo nhân	10 "	Viễn trí	5 "
Đương qui	3 "	Phục linh	10 "
Bạch thược	10 "	Phù Tiểu mạch	10 "
Huyền hồ	6 "	Long cốt	15 "
Mẫu lệ	15 "	Ngũ vị tử	5 "
Cát cánh	5 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang. Đợt điều trị 16 thang.

Gia giảm: Mồ hôi ra không dứt, gia Ma hoàng căn, Mẫu lệ. Gò má đỏ bừng, gia Mẫu Đan bì, Địa cốt bì. Đới hạ quá nhiều, gia Hải phiêu tiêu, Khiếm thực. Đầu choáng váng, gia Thiên ma.

4. Nhu Can ích não thang

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Triết Giang

Trích Cam thảo	9 gam	Đan sâm	24 gam
Hoài tiểu mạch	30 "	Bạch thược	15 "
Sao Táo nhân	15 "	Phục thần	12 "
Đương quy	15 "	Câu kỷ tử	15 "
Thạch xương bồ	9 "	Uất kim	10 "
Thiên ma	12 "		

Gia giảm: Tâm Thận bất giao, hư phiền mất ngủ, gia Nhục quế, Xuyên liên, Hổ phách. Chứng Giản mắt trông ngơ ngác gia Quyết minh tử, Chân châu mẫu, Chân tay co giật gia Đan bì, Câu đằng. Tinh thần hôn mê quyết nghịch gia Thiên trúc hoàng, Chế Đởm tinh. Can dương thượng cang, choáng váng gia Hạ khô thảo, Sinh Thạch quyết minh. Tâm hư hồi hộp vùng ngực khó chịu gia Thanh long sỉ, Cam tùng. Khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm. Âm hư gia Sinh Địa hoàng, Sa sâm.

25. PHÁT CUỒNG

Phát cuồng là chỉ chứng trạng thần chí thất thường. Cuồng loạn không yên, hành động lung tung, chửi bới hát cười, huyên náo không yên.

Có triệu chứng trầm cảm ít nói hoặc lẩm bẩm tự nói một mình, thần chí thất thường hoặc có lúc cuồng loạn không yên, rêu lưỡi vàng nhợt hoặc trắng nhớt, mạch Huyền Hoạt, có thể dùng ***Thanh nhiệt hoá đàm trị điên thang (1)*** để thanh nhiệt giáng nghịch, hoá đàm khai khiếu.

Nếu cuồng vọng không yên, bất kể thân sơ, vứt áo trèo cao, đại tiện khô kết, mắt đỏ đắng miệng, có thể dùng ***Hác đàm định cuồng thang (2)*** để trấn Can yên Tâm, trừ đàm tả hoả.

Có kiêm chứng ngực sườn đầy tức, cho uống ***Thanh nhiệt địch đàm trị cuồng thang (3)*** để thanh nhiệt quét đàm sơ Can an thần.

Cuồng táo không yên, nói lẩm bẩm một mình, Tâm phiền mất ngủ, choáng đầu, hành động càn bậy, rêu lưỡi dầy nhớt mạch Hoạt, đó là đàm trọc quấy nhiễu Tâm, thần minh mất minh mẫn, có thể dùng ***Trần thị gia vị hác đàm an thần thang (4)*** để trấn tĩnh hoá đàm, ninh Tâm an thần.

Tâm phiền tinh thần rối loạn, cuồng táo dễ nổi giận, hồi hộp không yên, mắt đỏ mặt hồng, chửi bới không ngớt, đại tiện bí

kết, lưỡi đỏ rêu lưỡi vàng khô, mạch Huyền Sác có lực; vốn tính tình nóng nẩy, ngực sườn trướng đầy là thuộc Can hoả gây nên, có thể dùng ***Lý thị tả Can định cuồng thang (5)*** để thanh tả Can hoả, trấn kinh an thần.

Trong ngực bứt rứt khó chịu, tinh thần không yên, có lúc nói luôn miệng lại có lúc trầm mặc ít nói, thậm chí chửi bới suốt ngày, vật vã cuồng loạn; kiêm chứng bụng dưới trướng đầy cứng rắn, đau và cự án, chất lưỡi đỏ tối hoặc có nốt ứ huyết, mạch Trầm Thực có lực, có thể dùng ***Cao thị trấn hạ bình cuồng tán (6)*** để hạ mạnh cái đàm hoả ứ nhiệt huyết kết. Nếu có thêm chứng ngực sườn trướng đầy hay thở dài là do Can uất huyết ứ, dùng ***Tôn thị điên cuồng phương (7)*** để sơ Can lý khí, hoạt huyết hoá ứ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thanh nhiệt hoá đàm trị điên thang

Người cống hiến: Thẩm Toàn Ngư, Y sư phó chủ nhiệm Y học viện tỉnh Sơn Tây

Uất kim	10 gam	Khô bạch phàn	10 gam
Bán hạ	10 "	Phục linh	10 "
Quất bì	10 "	Đởm nam tinh	10 "
Thiên trúc hoàng	10 "	Thạch xương bồ	10 "
Hoàng liên	10 "	Bạch thược	10 "
Trúc nhự	6 "		

2. Hác đàm định cuồng thang

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm Y viện Trường Trưng Thiên Tân

Sinh Long sỉ	30 gam	Sinh Thạch quyết minh	30 gam
Chân châu mẫu	30 "	Mông thạch	30 "
Phàn uất kim	10 "	Thanh Bán hạ	10 "
Quảng bì	10 "	Long đởm thảo	9 "
Thiên trúc hoàng	9 "	Thạch xương bồ	9 "
Toàn phúc hoa	9 "	Hoàng cầm	9 "
Đại hoàng	9 "	Đại giả thạch	10 - 30 "
Trầm hương	5 "		

Lại dùng riêng Cam toại, Chu sa mỗi vị 1,5 gam, hai vị tán bột hoà vào nước thuốc sắc cho uống.

Cách dùng: Đơn thuốc trên sắc hai lần, trộn đều lấy khoảng 300 ml chia 2 lần uống, buổi sáng lúc đói bụng uống Cam toại, Chu sa, để sau khi uống mửa ra đờm dãi, đại tiện ra nước dính đặc là được.

Gia giảm: Nếu không thổ hoặc ỉa chảy, có thể tăng lượng Cam toại. Nếu bệnh tình không dữ dội lắm, cũng có thể không dùng Cam toại mà chỉ dùng thuốc sắc gia Chu sa, sau khi uống mà ỉa chảy là khỏi. Nếu không ỉa chẩy, tăng liều lượng Đại hoàng.

3. Thanh nhiệt địch Đàm trị cuồng thang

Người cống hiến: Thẩm Toàn Ngư, Y sư phó chủ nhiệm Y viện tỉnh Sơn Tây

Đại hoàng	10 gam	Huyền minh phấn	10 gam
Chỉ thực	10 "	Xuyên khung	10 "

Hương phụ	10 gam	Thanh bì	10 gam
Uất kim	10 "	Xương bì	10 "
Đởm nam tinh	10 "	Bán hạ	10 "
Sinh Thạch cao	30 "	Hợp hoan hoa	30 "

4. Trần thị gia vị hác đàm an thần thang

Người cống hiến: Trần Siêu, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trúc nhự	20 gam	Trần bì	10 gam
Bán hạ	15 "	Phục linh	20 "
Cam thảo	10 "	Trích Viễn trí	10 "
Xương bồ	10 "	Sao Tảo nhân	30 "
Sinh Long cốt	30 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Chân châu mẫu	30 "	Mạch môn đông	10 "
Dạ giao đằng	30 "	Sinh thạch quyết minh	30 "
Sinh Thiết lạc	30 "		

Gia giảm: Đàm dãi ứng thịnh, gia Thiên trúc hoàng, Đởm nam tinh, Minh phàn, Mông thạch cổn đàm hoàn. Can uất khí trệ, gia Sài hồ, Hương phụ, Uất kim, Xuyên khung, Đàm nhiệt thương âm gia Nam Sa sâm, Sinh địa, Bạch thược. Vật vã không yên gia Liên tử tâm, Chu sa, Hổ phách. Nhiệt thịnh Tâm phiền, gia Hoàng liên, Đại hoàng, Hoàng cầm, Long đởm thảo, Sinh Thạch cao v.v..

5. Lý thị tả can định cuồng thang

Người cống hiến: Lý Thanh Phúc, Y sư chủ nhiệm
Viện Trung y tinh thần bệnh thị trấn Sóc Châu tỉnh Sơn Tây

Hoàng liên	9 gam	Hoàng cầm	10 gam

Hoàng bá	9 gam	Đại hoàng	10 gam
Lô hội	10 "	Thanh đại	10 "
Sinh Chi tử	10 "	Đương qui	15 "
Long đởm thảo	10 "	Mộc hương	6 "
Long não	0,5 "	Chu sa	10 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc uống chia hai lần uống vào lúc đói sáng và tối.

6. Cao thị trấn hạ bình cuồng tán

Người cống hiến: Cao Quảng Kiến, Y sư phó chủ nhiệm Trung y Tinh thần bệnh Y viện huyện Tuyên Uy Vân Nam

Ba đậu sương	Cam toại
Đào nhân	Đại hoàng

Cách dùng: Hai vị trên liều lượng bằng nhau, hai vị dưới nhiều gấp 3 lần; đóng gói 0,5 gam, ngày một lần, sáng sớm lúc đói uống 3 gói.

7. Tôn thị điên cuồng phương

Người cống hiến: Tôn Minh Hữu, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Y An tỉnh Hắc Long Giang

Sài hồ	15 gam	Cam thảo	10 gam
Đào nhân	20 "	Đương qui	15 "
Hồng hoa	15 "	Ngưu tất	20 "
Cát cánh	15 "	Xương bồ	15 "
Đại hoàng	15 "	Mẫu lệ	50 "
Long cốt	50 "	Đại giả thạch	50 "
Chỉ xác	15 "	Xích thược	15 "

26. HÔN MÊ

Hôn mê là chỉ thần chí không tỉnh táo, bất tỉnh nhân sự hoặc ngã lăn đột ngột, có thể gặp trong nội thương tạp bệnh, ngoại cảm nhiệt bệnh như các bệnh Trúng thử, Trúng phong, Quyết chứng v.v.. Loại hôn mê do điên giản, giới thiệu chuyên mục riêng.

Trúng phong hay gặp ở người cao tuổi, thường thấy ngã lăn đột ngột, bất tỉnh nhân sự, có thêm chứng sắc mặt và môi đỏ, họng có tiếng đờm khò khè, hoặc thường ngày vốn choáng đầu hoa mắt, chân tay tê dại. Bệnh thuộc Can thịnh đờm úng, huyết lạc bị ngăn trở. Nếu thiên về ứ trệ, có thể dùng ***Hạ thị phật thủ tiềm dương thang (1)*** để bình Can tiềm dương, hoạt huyết thông lạc. Nếu thiên về Đàm thịnh, có thể dùng ***Khúc thị trúng phong phương (2)*** để khai khiếu quét đàm, dục âm bình Can, khư phong thông lạc.

Có kiêm chứng mặt mắt đỏ, đờm khò khè, thở thô, tiểu tiện vàng sẻn, rêu lưỡi vàng nhớt, mạch Huyền Sác có lực là đàm nhiệt bế ở trong thuộc loại Trúng phong Dương bế nghiêng về nhiệt độc quá thịnh, Can phong nội động, có thể dùng ***Trần thị công tà khai bế phương (3)*** để thanh nhiệt giải độc, bình Can dẹp phong, hoá đàm khai khiếu; nếu nghiêng về đàm thấp nhiệt ngăn trở ở trong, có thể uống ***Phương thị khai khiếu phương (4)***.

Ngã lăn đột ngột, bất tỉnh nhân sự, hơi thở nhỏ, miệng há tay xoè, són đái tay chân lạnh, sắc mặt trắng, mạch Vi, là thuộc chân nguyên muốn thoát, có thể dùng ***Lưỡng cứu cố thoát ẩm (5)*** để nhiếp nạp chân âm, bảo vệ nguyên khí.

Nếu có kiêm chứng trong họng có tiếng đờm khò khè, hơi thở thô gấp hổn hển là nội bế ngoại thoát, cho uống ***Hồ Thị khai bế cứu thoát phương (6)*** để khai bế cứu thoát, khai khiếu quét đờm.

Choáng váng ngã lăn, hoa mắt, chân tay hoạt động khó khăn, rêu lưỡi trắng nhớt, mạch Huyền Hoạt thuộc các loại Phong huyễn, Phong quyết, Phong nan, có thể dùng bài ***Phát uất thông lạc thang (7)*** để tiêu uất hoá đàm, thông lạc khư đàm và dẹp phong giải Kính.

Trời nóng nực nhiệt thịnh mà hôn mê, gọi là Trúng thử thường kèm theo chứng miệng khát mặt đỏ, thở thô, chân tay lạnh, sốt cao tiểu tiện vàng, có thể dùng ***Hồ thị thử quyết phương (8)*** để tân lương khai khiếu, thanh giải thử nhiệt. Chứng trên nếu có cả hiện tượng co giật, sợ hãi, đau đầu kịch liệt có thể dùng ***Vương thị hồi tô tán (9)*** để dẹp phong khai khiếu, lương huyết thanh doanh, thanh Tâm trấn kinh.

Người bản tính hẹp hòi cố chấp dễ sinh tức bực, đột ngột tranh cãi với người mà hôn quyết bất tỉnh nhân sự, lưỡi và mạch bình thường hoặc rêu lưỡi nhớt không có hiện tượng nhiệt, là thuộc khí kết đàm ngưng, vít lấp thanh khiếu gây nên, có thể

dùng ***Chu thị hác đàm khai khiếu phương (10)*** để quét đàm khai khiếu kiêm ôn vận dương khí.

Trẻ em bạo ăn bạo uống đến nỗi bị hôn quyết đột ngột gọi là chứng Thực quyết, thường có bệnh sử về ăn uống không điều độ, có kiêm chứng chân tay mát, bụng trướng đầy, ợ hơi liên tục, oẹ khan ra mùi thức ăn, hoặc nôn mửa, ỉa chảy v.v.. Có thể dùng ***Triệu thị thực quyết phương (11)*** để tiêu tích đạo trệ, thuận tiếp âm dương.

Trẻ em trong khi ngủ có từng lúc kinh hãi, thậm chí hôn mê, có kiêm chứng chân tay lạnh mặt nhợt, thể trạng yếu ớt, hoặc ngủ mắt không nhắm kín, có thể dùng ***Từ thị kinh quyết phương (12)*** để phù dương trấn kinh an thần.

Trẻ em nhân bị bệnh nhiệt dẫn đến hôn mê kinh quyết có thể uống ***Câu đằng tán (13)*** để thanh Can dẹp phong, hóa đàm ninh Tâm; hoặc người bị nhiệt bệnh hoặc tạp bệnh, chỉ thấy phát sốt, co giật, nôn mửa, hoặc đại tiện ra huyết, thuộc nhiệt vít Tâm khiếu, Can phong nội động, có thể dùng ***Ngưu sạ tán (14)*** để thanh nhiệt khai khiếu, dẹp phong giải Kính kèm theo tác dụng hoạt huyết thông lạc.

Hôn mê do tiểu tiện ít hoặc bí tiểu tiện là do trọc âm quấy rối tâm thần, thường có kiêm các chứng buồn nôn, nôn mửa, tiểu tiện vàng, trướng bụng, mặt mắt hoặc chân thũng, hoặc đại tiện không dễ chịu, có thể chọn dùng ***Gia vị thần khung đạo thuỷ thang (15)*** và dùng ***Trương thị quán trường phương (16)*** để thông Trường tiết trọc, giải độc khơi ứng tắc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hạ thị phật thủ tiềm dương thang

Người cống hiến: Hạ Vĩnh Triều, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Cam Túc

Đương quy	Xuyên khung
Sinh Long cốt	Sinh Thạch quyết minh
Sinh Mẫu lệ	Quy bản
Cúc hoa	Câu đằng
Cam thảo	

Cách dùng: Đun to lửa cho đến khi nước sôi, sau đó đun nhỏ lửa chừng nửa giờ, chia làm hai, ba lần hoặc nhiều lần cho uống mỗi ngày 1 thang. Thần trí không tỉnh táo, có thể bơm thuốc qua đường mũi.

Gia giảm: Do phong thịnh mà chân tay run rẩy, bỏ Sinh Thạch quyết minh, Sinh Mẫu lệ, Quy bản, gia Linh dương giác phấn, Bạch thược, Ngưu tất, Đại giả thạch, Sinh địa, Tang diệp để dẹp phong tiềm dương. Bệnh nặng về âm hư, bỏ Sinh Thạch quyết minh, Sinh Long mẫu, Quy bản, gia Sinh địa hoàng, Bạch thược, Mạch môn đông, Huyền sâm, Ma nhân để dưỡng âm dẹp phong.

Khi sử dụng phương nầy, nếu là hư chứng thì Đương quy nên dùng liều cao, có khi dùng tới 60 - 120 gam. Chứng "bản" hư "tiêu" thực thì lượng Đương quy dùng ít, đợi sau khi chứng bệnh giảm đi một nửa, bấy giờ mới dùng Đương quy liều cao.

2. Khúc thị Trúng phong phương

Người cống hiến: Khúc Phổ Tuyền, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Hộ Quốc tự Bắc Kinh

Sinh địa	15 gam	Thục địa	15 gam
Xích thược	15 "	Bạch thược	15 "
Tang kí sinh	30 "	Mộc qua	12 "
Lạc thạch đằng	12 "	Uy linh tiên	12 "
Địa long	12 "	Thiên ma	9 "
Đào nhân	9 "	Xương bồ tươi	12 "

(Riêng vị Xương bồ giã nát chế thêm nước chín rồi vắt lấy nước hoà vào thuốc. Nếu là thứ khô thì dùng 9 gam)

Gia giảm: Mặt đỏ khát nhiều, mạch Sác Đại, lưỡi đỏ rêu xốp, gia Sinh Thạch cao 30 gam, Linh dương giác, Tê giác đều 30 gam (sắc riêng hoà vào thuốc uống) An cung ngưu hoàng hoàn 1 viên, chia làm 2 lần uống. Đờm dãi úng thịnh, nói năng khó khăn, gia Uất kim 9 gam, Trúc lịch 15 gam, Ngưu hoàng thanh tâm hoàn 1 viên. Miệng mắt méo xệch, bán thân bất toại, gia Tô hợp hương hoàn 1 viên hoặc Đại hoạt lạc đan 1 viên.

3. Trần thị công tà khai bế phương

Người cống hiến: Trần Đạo Đống, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Ngưu hoàng	0,5 gam	Sạ hương	0,5 gam
Đởm nam tỉnh	6 "	Toàn yết	10 "
Tê giác	1 "	Linh dương giác	2 "

Xương bồ	12 gam	Xuyên Bối mẫu	10 gam
Thuyền thuế	10 "	Cương trùng	20 "
Câu đằng	30 "	Thiên trúc hoàng	12 "

Cách dùng: Ngưu hoàng, Sạ hương để hoà vào nước thuốc uống. Tê giác, Linh dương giác sắc trước, lọc lấy nước để sắc những vị còn lại, cho uống từ từ.

4. Phương thị khai khiếu phương

Người cống hiến: Phương Hoà Khiêm, y sư chủ nhiệm
Y viện Hồng thập tự Triều Dương thành phố Bắc Kinh

Thanh cao	12 gam	Hoàng cầm	12 gam
Trần bì	12 "	Chỉ xác	12 "
Trúc nhự	12 "	Bạch chỉ	12 "
Bán hạ	15 "	Phục linh	15 "
Hoạt thạch	15 "	Thạch xương bồ	15 "
Thanh đại	3 "		

5. Lưỡng cứu cố thoát ẩm

Người cống hiến: Nhiệm Kế Học, Giáo sư
Học viện Trung y Trường Xuân

Xích nhân sâm	15 gam	Ngư giao	15 gam
Đại mạo	15 "	A giao	15 "
Phụ tử	10 "	Lộc giao	10 "
Sơn thù nhục	20 "	Kê tử hoàng	1 quả
Đởm nam tinh	5 "		

6. Hồ thị khai bế cứu thoát phương

Người cống hiến: Hồ Quốc Khánh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y môn chẩn bộ thành phố Thượng Hải

a) Tô hợp hương hoàn 1 viên, hoà tan đổ cho uống đồng thời châm thích các huyệt Bách hội, Dũng tuyền.

b) Di sơn sâm 50 gam, sắc lấy nước đổ cho uống, đồng thời châm thích các huyệt Nội quan, Túc Tam lý.

c) Di sơn sâm 6 gam; Bột Linh dương giác 1,2 gam, Cửu tiết xương bồ 6 gam; trích Viễn trí 3 gam, chế Bán hạ 9 gam; Câu đằng 9 gam (sắc sau); Trần Nam tinh 5 gam; Quảng Uất kim 15 gam.

Hai bài a, b thực hiện uống và châm như đã dẫn; còn bài c thì sắc mỗi ngày 1 thang chia 2 lần uống lúc nóng.

7. Phát uất thông lạc thang

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Y học viện Cam Thiện tỉnh Hà Bắc

Khương hoạt	3 - 6 gam	Cát căn	15 - 20 gam
Xuyên khung	15 - 30 "	Địa long	10 - 15 "
Bạch Phụ tử	6-12 "		

Gia giảm: Chứng phong huyễn choáng váng, phong dương quá găng, cao huyết áp, gia Ngưu tất, Xa tiền tử, Nhục quế để dẫn hoả về nguồn, dẫn long về bể. Nếu bệnh thuộc nhiệt thì gia Hạ khô thảo, Cúc hoa, Huyền sâm. Đàm thấp thịnh gia Thiên nam tinh, Bán hạ. Phong thịnh gia Đại giả thạch, Từ thạch, Quy bản; Âm hư gia Huyền sâm, Thảo quyết minh. Dương hư gia Dâm dương hoắc, Tiên mao; Bệnh thuộc ứ gia Đào nhân, Đương

quy, Uất kim, Giá trùng, Thuỷ điệt. Thời kỳ phong quyết gây hôn mê, sốt cao, gia Ngưu hoàng an cung hoàn; Thuộc hàn thì gia Tô hợp hương hoàn.

8. Hồ thị thử quyết phương

Người cống hiến: Hồ Thiên Du, Danh y cận đại tỉnh Triết Giang

Sinh Thạch cao	50 gam	Hàn thuỷ thạch	12 gam
Hoạt thạch	18 "	Hoàng liên	5 "
Thạch hộc tươi	95 "	Mao căn tươi	30 "
Xương bồ	6 "	Thần tê đan	1 viên

9. Vương thị hồi tỏ tán

Người cống hiến: Vương Quý Nho, y sư chủ nhiệm Y viện Trường Chinh thành phố Thiên Tân

Linh dương giác	1 gam	Tê giác	1 gam
Sạ hương	0,3 "	Ngưu hoàng	0,3 "
Băng phiến	0,3 "	Long diên hương	0,3 "
Chân châu phấn	0,3 "	Bạc hà tinh	0,2 "
Hổ phách	3 "	Chu xa	3 "

Cách dùng: Các vị tán bột, người lớn mỗi lần uống 1,5 gam. Trẻ em giảm một nửa.

10. Chu thị hác đàm khai khiếu phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Thạch xương bồ	10 gam	Quất hồng	10 gam
Bối mẫu	10 "	Toàn phúc hoa	10 "

Viễn trí	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Đảng sâm	10 "	Dâm dương hoắc	10 "
Quế chi	10 "	Phụ phiến	15 "
Phục linh	20 "	Trích Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc ngay, nhân lúc nước thuốc còn nóng đổ cho uống từ từ.

Gia giảm: Sau khi uống thuốc này, thần trí tỉnh dần, các vị thuốc trong đơn giảm bớt liều lượng, đem sắc lấy nước chiêu với Trầm hương Thuận khí hoàn mỗi lần 3 gam, ngày 3 lần.

11. Triệu thị thực quyết phương

Người cống hiến: Triệu Thanh Lý, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Chỉ thực	3 gam	Sài hồ	4,5 gam
Cam thảo	1 "	Bạch thược	4,5 "
Tiêu Thần khúc	10 "	Tiêu Sơn tra	10 "
Tiêu Mạch nha	10 "		

12. Từ thị kinh quyết phương

Người cống hiến: Từ Tiểu Phố, Danh y thành phố Thượng Hải

Đạm Phụ phiến	5 gam	Bạch thược	9 gam
Phục linh	9 "	Mẫu lệ nung	18 "
Từ thạch	12 "	Sinh Bạch truật	9 "
Sơn thù nhục	6 "	Phù tiểu mạch	9 "
Nhục đậu khấu	4 "	Can khương	2,4 "
Trích Cam thảo	3 "	Tế tân	1,8 "

13. Câu đằng tán

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Y sư chủ nhiệm Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại	3 gam	Câu đằng	9 gam
Liên tử tâm	9 "	Uy linh tiên	9 "
Thiên trúc hoàng	6 "	Hàn thuỷ thạch	12 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, mỗi lần dùng 0,9 đến 1,5 gam, ngày uống 2 - 3 lần.

14. Ngưu sạ tán

Người cống hiến: Trúc Kham Du, Nghiên cứu viên Y viện Hiệp Hoà Bắc Kinh

Ngưu hoàng	3 phần	Sạ hương	1 phần
Linh dương giác	10 "	Đinh hương	3 "
Xương bồ	3 "	Hồng hoa	7 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, đựng trong bình nhỏ, mỗi bình 1,7 gam, đậy kín. Người bệnh hôn mê đều đổ thuốc qua đường mũi, mỗi lần đổ 1/2 bình, ngày hai lần. Số ít bệnh nhân có thể cách 3 giờ đổ cho uống 1/2 bình; đổ thuốc uống liên tục 24 giờ.

15. Gia vị thần khung đạo thuỷ thang

Người cống hiến: Hà Viêm Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Đông Hoàn tỉnh Quảng Đông

Xuyên khung	12 gam	Bạc hà	9 gam
Hoạt thạch	30 "	Hắc sửu	15 "
Đại hoàng	15 "	Hoàng cầm	15 "

Hoàng liên 10 gam Tử tô 30 gam
Băng đại oản 60 " (hoặc dùng 500 gam thứ tươi giã vắt lấy nước tự nhiên)

16. Trương thị quán trường phương

Người cống hiến: Trương Kính Nhân, Y sư chủ nhiệm Y viện nhân dân số 1 thành phố Thượng Hải

Sinh Đại hoàng 9 gam Sinh Mẫu lệ 30 gam
Lục nguyệt tuyết 30 " Từ trường khanh 15 - 30 "
Tạo giáp tử 9 "

Cách dùng: Sắc lấy 100 ml nước đặc để lấy nước rửa ruột (thụt hậu môn).

27. ĐIÊN GIẢN

Bỗng nhiên ngã lăn, bất tỉnh nhân sự, chân tay co giật, miệng mửa bọt dãi, phát ra tiếng kêu như tiếng dê, lợn, khi tỉnh thì như người bình thường, gọi là Điên giản. Trẻ em hay mắc bệnh này.

Trước khi phát cơn, có các chứng trạng đầu choáng ngực khó chịu, buồn nôn; khi phát cơn thì hai mắt trợn ngược, miệng mắt kéo giật, chân tay co giật, là thuộc loại phong đàm, điều trị theo phép bình Can dẹp phong, hoá đàm định giản. Người lớn chọn dùng bài ***Ngũ thạch tán (1);*** trẻ em cho uống bài ***Mã thị định giản phương (2).***

Co giật khá nặng, cho uống ***Trương thị trấn giản hoàn (3)*** để dẹp phong hoá đàm, bình giản định chí.

Nếu kiêm chứng rêu lưỡi nhớt, mửa ra bọt, dãi trong ra nhiều, tình trạng không nặng lắm, cho uống ***Hoá đàm thang (4)*** để hoá đàm định giản.

Có thêm chứng hồi hộp lưỡi tối, thì dùng ***Định giản hác đàm thang (5)*** để hoá đàm khư phong, kiêm cả dưỡng huyết hoà huyết.

Nếu thêm chứng kém ăn, vùng bụng đầy tức khó chịu, rêu lưỡi dầy nhớt, cho uống ***Kháng giản hoàn (6)*** để dẹp phong, kiện Tỳ hoá đàm, hoà trung yên thần.

Trường hợp co giật nặng đó là phong thịnh một phía, có thể dùng ***Chu thị khư phong tán (7)*** để dẹp phong trừ chứng Kinh.

Nếu kiêm chứng đắng miệng, mắt và mặt đỏ, phát ra tiếng dê kêu, rêu lưỡi vàng nhớt, là thuộc Can phong đàm nhiệt gây nên, chọn dùng ***Triệu thị nghiệm phương số II (8)*** để thanh Can dẹp phong, hoá đàm khai khiếu; nặng hơn thì có thể dùng ***Hoá giản tán (9)*** để trấn Can dẹp phong, hoá đàm khai khiếu.

Kiêm chứng khát nước, Tâm phiền, mất ngủ, đắng miệng mặt đỏ, váng đầu hoặc táo bón, cho uống ***Điên giản thanh não thang (10)*** để bình Can dẹp phong, thanh não giảm đau.

Khi phát cơn, mặt đỏ, co giật, mũi bọt dãi, sau khi tỉnh lại như người bình thường, ăn uống, đại tiểu tiện và lưỡi mạch bình thường, có thể dùng ***Gia giảm Thiên kim long đởm thang (11)*** để thanh Can tả nhiệt, khư đàm chống co giật. Cũng chứng này lại có thêm chứng khát nước họng khô, thậm chí uốn ván, chân tay co cứng, cho uống ***Đàm giản phương (12)*** để tư âm thanh nhiệt, bình Can dẹp phong, khư đàm chống co giật.

Trước hay sau khi chứng này phát cơn, thường kèm theo chứng trạng nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, mửa bọt dãi, tiểu tiện vàng, chất lưỡi đỏ, ít tân dịch, mạch Huyền mà Sác. Khi phát cơn thì mặt tái xanh và co giật, dùng ***Phong giản phương (13)*** để sơ phong định giản, thanh nhiệt an thần. Nếu sau khi tỉnh, đầu choáng váng, nhiều đờm, ăn uống lúc khá lúc kém, giấc ngủ không yên, mạch Huyền Sác, rêu lưỡi trắng trơn, dùng ***Gia giảm địch đàm thang (14)*** để thanh Tâm quét đàm, lý khí hoà trung. Khi uống thang thuốc thanh nhiệt dẹp phong, quét đàm định giản, chứng trạng đỡ dần, số lần phát cơn cũng thưa hơn, tiếp tục cho uống ***Lý thị chỉ giản đan (15)*** để khư đàm dẹp

phong, trấn kinh thông suốt kinh lạc, có thể giúp cho điều trị triệt để bệnh này.

Khi phát bệnh này, choáng váng đau đầu, co giật mửa bọt dãi, mặt và môi miệng tím tái có bệnh sử ngoại thương ở vùng não hoặc bệnh sử khó đẻ là bệnh thuộc phong đàm kiêm ứ gây nên. Nếu thiên về phong đàm khá nặng, có thể dùng ***Hồ thị điên giản gia vị phương (16)*** để dẹp phong trấn kinh, quét đàm thông ứ. Nếu thiên về ứ trệ thì dùng ***Viên thị ứ trở điên giản phương (17)*** để hoạt huyết hoá ứ, kiêm dẹp phong thông Lạc. Nếu kiêm chứng đại tiện khô kết thì dùng ***Gia vị Để đương thang (18)*** để hoạt huyết hoá ứ, dẹp phong thông Phủ.

Kiêm chứng váng đầu, mắt ngơ ngác trực thị, co giật khá nặng, cơ thể dùng ***Triệu thị nghiệm phương số III (19)*** để dẹp phong chống co giật, sơ lạc hoạt huyết.

Có chứng ngực sườn trướng đầy khó chịu, cho uống ***Hoàn giản khả đinh B (20)*** để sơ Can hoạt huyết, hoá đàm khư phong.

Trẻ em mới sinh bị ngay bệnh này, kiêm chứng trí khôn kém, thần trí ngơ ngẩn, phát dục chậm, đầu trán dị dạng, có thể dùng ***Viên thị tiên thiên tính điên giản phương (21)*** để bổ Thận ích khí, trấn Can trừ co giật.

Trẻ em quá sợ hãi mà phát bệnh này, có thể uống ***Hùng thử tán (22)*** để trấn kinh an thần trừ chứng giản.

Khi trẻ em phát cơn giản, mặt tái bụng đau, nôn mửa bất lợi, giống như bị nghẹn, hoặc mửa ra nước hôi chua có đàm dãi, nhị tiện không điều hoà. Tiếp theo là hai mắt trợn ngược, chân tay

rung động; khi chưa phát cơn mặt thường vàng bủng đầy bụng, hay đói háu ăn hoặc thích ăn những thức lạ, rêu lưỡi cáu bẩn mạch Trầm Hoạt, cho uống ***Viên thị thực giản phương (23)*** để thanh nhiệt đạo trệ, tiêu tích hoá đàm.

Điên giản thường phát cơn luôn, mặt vàng gày còm; trước khi phát cơn thì tay chân nghịch lạnh, sau khi phát cơn thì tay chân vô lực, lười ăn, giấc ngủ không yên, mạch Tế Sác, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, dùng ***Gia giảm Câu đằng ẩm (24)*** để dưỡng huyết nhu Can, ích khí bổ Tỳ.

Nếu khi phát cơn điên giản mà kiêm chứng đau đầu từng cơn, xu thế đau vô cùng dữ dội, rêu lưỡi nhớt chất lưỡi tía, dằng dai lâu ngày không khỏi là thuộc đàm ứ phong động, tâm thần mất sự nuôi dưỡng, âm dương không hoà, điều trị theo phép an não dưỡng Tâm, điều lý âm dương, trấn tĩnh an thần, có thể dùng ***Nhiệm thị sư truyền giản bảo đan (25).***

Bệnh này sau khi đỡ đần, để chống tái phát, có thể dùng ***Gia giảm dưỡng doanh thang (26)*** để ích khí huyết, mạnh thân thể.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ngũ thạch tán

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung tâm Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Chân châu mẫu	94 gam	Đại Giả thạch	62 gam
Sinh Minh phàn	94 "	Thanh Mông thạch	46 "

Hổ phách	62 gam	Thạch xương bồ	125 gam
Cương tàm	110 "	Trách mãnh (châu chấu)	110 "

Cách dùng: Hai vị Đại Giả thạch, Thanh Mông thạch đặt vào chảo đun to lửa, sau khi đỏ hồng lấy ra nhúng vào dấm 3 - 7 lần, sau đó lại ngâm vào nước trong hai ngày (giữa thời gian thay nước ngâm 2 lần) vớt ra sấy khô. Sinh Minh phàn tức Bạch phàn, dùng Chư nha tạo giác 62 gam ngâm vào nước lạnh, vò nhiều lần rồi vớt bỏ bã, bỏ Minh phàn vào nước Tạo giác, sấy khô, Chân châu mẫu rửa sạch sấy khô. Hổ phách bỏ hết sỏi đất tạp chất. Năm vị trên cùng tán bột mịn, cuối cùng lại bỏ vào bát thuỷ phi nghiền cho mịn hơn, đặt vào lưỡi không láp ráp là được. Sấy khô để dùng. Cương tàm bỏ lượt vỏ ngoài, lọc qua nước sạch sấy khô, sao lẫn với trấu cho vàng đượm là được, lọc bỏ trấu, Châu chấu (Trách mãnh) bỏ cánh, sao thơm. Thạch xương bồ để sống, thái lát, xấy khô. Ba vị trên cùng làm bột. Trộn với các vị khác trở thành dạng thuốc bột, bỏ vào bình đậy kín chống bay hơi.

Trẻ em từ 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 3 gam. Từ 3 - 6 tuổi mỗi lần uống 3 - 5 gam. Từ 6 - 9 tuổi mỗi lần uống 3 - 6 gam. Từ 9 - 12 tuổi mỗi lần uống 5 - 8 gam. Từ 12 tuổi trở lên uống như người lớn mỗi lần 6 - 10 gam.

2. Mã thị định giản phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Tao hưu (rễ Thất diệp nhất chi hoa) 9 gam

Thạch xương bồ	6 gam	Thiên ma	6 gam
Đởm nam tinh	6 "	Chế Cương tàm	6 "

Địa long	6 gam	Đại Giả thạch	15 gam
Bạch kim hoàn	3 " (nuốt riêng)		

Đơn thuốc trên áp dụng cho lứa tuổi nhi đồng

Chú ý: Khi phát cơn, nếu thời gian hôn mê co giật kéo dài (hơn 1 phút) có thể dùng 0,3 gam Tử kim đĩnh nghiền nát đổ cho uống làm cho hồi tỉnh, sau đó cho uống đơn này mỗi ngày 1 thang, liên tục 3 tháng là một đợt điều trị. Thời gian uống thuốc có thể giảm bớt số lần phát cơn hoặc mức độ lên cơn nhẹ hơn dần dần đi đến khỏi hẳn.

3. Trương thị trấn giản hoàn

Người cống hiến: Trương Mộng Y, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Đan sâm	60 gam	Phục linh	60 gam
Viễn trí	60 "	Thạch xương bồ (sao muối)	60 "
Long sỉ	60 "	Trần bì (sao muối)	60 "
Bạch truật	60 "	Mộc hương	60 "
Chỉ thực	60 "	Thanh Mông thạch (nung)	60 "
Phác tiêu	60 "	Đại hoàng (sao rượu)	60 "
Hoàng cầm	60 "	Bán hạ	60 "
Chu sa	60 "		

(Các vị thuốc trên nghiền bột cực mịn, riêng Chu sa để làm áo)

Cam thảo	30 gam	Đởm nam tinh	30 gam
Hồ Hoàng liên	30 "	Từ thạch (nung)	90 "
Trầm hương	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, nấu hồ luyện thuốc bột làm hoàn, sấy khô, Chu sa làm áo. Mỗi lần uống 40 viên, ngày 2 lần,

uống sau bữa cơm. Có bệnh nhân chỉ uống 5 - 7 ngày, có thể tả hạ đờm rãi ra như đại tiện nhiều lần, thì ngừng thuốc để theo dõi, về sau có thể cho uống tiếp như chỉ dẫn trên.

4. Hoá đàm thang

Người cống hiến: Lưu Học Cần, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện số I thị trấn Khai Phong tỉnh Hà Nam

Trần bì	8 gam	Trúc nhự (sao gừng)	8 gam
Chỉ xác (sao)	8 "	Thạch xương bồ	8 "
Phục linh	20 "	Viễn trí	9 "
Bạch truật	9 "	Bán hạ	9 "
Cam thảo	6 "	Đởm nam tinh	6 "
Thiên trúc hoàng	4 "	Bạch Cương tàm	10 "

5. Định giản hác đàm thang

Người cống hiến: Chiêm Khởi Tốn, Giáo sư
Trung y học viện Triết Giang

Thiên ma	Câu đằng
Chế Thiên trùng	Địa long
Đởm tinh	Đương quy
Bạch thược	Trần bì
Phục linh	Uất kim

6. Kháng giản tán

Người cống hiến: Lý Thiếu Xuyên, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thành phố Thiên Tân

Thái tử sâm	Phục linh
Thạch xương bồ	Đởm nam tinh
Thiên ma	Bán hạ

Quất hồng	Chỉ xác
Trầm hương	Thanh quả
Thần khúc	Hổ phách
Xuyên khung	Khương hoạt

Cách dùng: Các vị đều tán bột, căn cứ vào lứa tuổi mà quy định liều lượng, hoà nước chín cho uống.

Gia giảm: Phong đàm giản gia Câu đằng, Sinh Thiết lạc, Đại Giả thạch, Chu sa. Đàm trọc giản gia Thiên trúc hoàng, Qua lâu. Phong đàm hoả giản gia Sơn chi, Bạc hà, Hoàng liên, Đại hoàng. Phong đàm ứ giản, gia Hương phụ, Ngưu tất, Ích mẫu thảo. Phong đàm kinh giản gia Dạ giao đằng, Chu sa, Sinh Long sỉ. Phong đàm hư giản gia Đảng sâm, Bạch truật. Kiêm chứng Thận hư, uống thêm Hà sa Bát vị hoàn. Trường hợp phát cơn liên tục, chứng trạng khá nặng, đem đơn thuốc bột đổi làm dạng thuốc sắc.

7. Chu thị khư phong tán

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Ngô công, Toàn yết, hai vị liều lượng bằng nhau.

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần uống 1 - 3 gam (căn cứ vào lứa tuổi và bệnh tình mà tăng giảm liều lượng). Ngày 3 lần, chiêu thuốc với nước chín.

Gia giảm: Đờm nhiều gia Xuyên Bối mẫu, Thiên trúc hoàng. Hoả thịnh gia Hoàng liên, Long đởm thảo.

8. Triệu thị nghiệm phương số II

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Thạch quyết minh	12 gam	Thiên ma	6 gam
Xương bồ	6 "	Cương tàm	6 "
Nam Hồng hoa	5 "	Uất kim	10 "
Thần khúc	10 "	Tang chi	10 "
Long đởm thảo	5 "	Toàn yết	3 "
Ngô công	2 con	Chu sa	1,2 "

9. Hoá giản tán

Người cống hiến: Lưu Học Cần, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện số I thị trấn Khai Phong tỉnh Hà Nam

Cương tàm	20 gam	Toàn yết	20 gam
Thanh Mông thạch	20 "	Trắc bá diệp	2 "
Bán hạ	20 "	Địa long	20 "
Thiên ma	20 "	Thảo quyết minh	30 "
Hồng hoa	30 "	Thiên trúc hoàng	10 "
Linh dương giác phấn	3 "	Sạ hương	2 "

Cách dùng: Các vị tán bột, Sạ hương, Linh dương giác trộn vào sau. Đựng trong bình kín, chia làm 90 lần uống, ngày ba lần, chiêu với nước chín

Chú ý: Bệnh tình khá nhẹ, nói chung chỉ cần uống Hoá giản hoàn bài số 4 nói ở trên là được. Bệnh tình khá nặng, có thể luân phiên uống cả hai bài, tức là một ngày uống 1 thang dạng thuốc sắc, một ngày uống một thang dạng thuốc bột. Nếu bệnh tình

đặc biệt nặng, nên đồng thời uống cả hai phương, hiệu quả khá lý tưởng, không có tác dụng phụ.

10. Điên giản thanh não thang

Người cống hiến: Phương Bảo Hoa, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thị trấn Nam Thị Thượng Hải

Thạch quyết minh	30 gam	Tử bối sỉ	30 gam
Long sỉ	30 "	Đại mạo	6 "
Thiên ma	9 "	Xuyên khung	9 "
Uất kim	9 "	Mạch môn	9 "
Linh chi thảo	9 "	Thiên trúc hoàng	12 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Tao hưu	12 "
Tế đái	1 cái		

Cách dùng: Ngày một thang, uống sắc, cách 6 giờ uống 1 lần, thời gian uống thuốc tránh va chạm tiếng động, sáng dậy tối nằm thoải mái ung dung, kiêng ăn đầu và chân các loại gia cầm. Mỗi đợt điều trị 10 ngày.

Gia giảm: Người bệnh mặt ngơ ngác, tay chân run rẩy, gia linh dương giác hoặc Quy bản (bỏ Đại mạo) để thanh phong tiềm dương. Rêu lưỡi nhớt, nôn mửa, gia Bán hạ, Đại Giả thạch (bỏ Sinh Địa hoàng, Mạch môn đông) để khơi đàm giáng trọc. Đại tiểu tiện không tự chủ gia Ích trí nhân, Tiên linh tỳ để mạch Thận khai khiếu. Tâm phiền táo động gia Cầm Liên để tả hoả thanh Tâm. Đởm khiếp ít ngủ, gia Sơn chi, Tảo nhân để yên Đởm ninh thần. Chóng mặt gia Sa uyển tử, Câu kỷ để tư dưỡng Can Thận. Kém ăn gia Chỉ, Truật (bỏ Tao hưu) để giúp sự vận

hoá của Tỳ. Táo bón gia Đại hoàng hoặc Hồ đào nhục để thông Phủ nhuận đạo.

11. Gia giảm thiên kim long đởm thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Long đởm thảo	9 gam	Câu đằng	6 gam
Thiên ma	6 "	Sài hồ	6 "
Hoàng cầm	6 "	Xích thược	6 "
Đởm nam tinh	6 "	Viễn trí	6 "
Địa long	6 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Đàm nhiều, đại tiện khô, gia Thanh Mông thạch 9 gam,Thục Đại hoàng 6 gam. Đàm nhiều, đau đầu, gia Thiên trúc hoàng 6 gam, Dã Cúc hoa 9 gam. Biếng ăn, trướng bụng, gia Sao Thần khúc 9 gam, Chỉ thực 6 gam. Nhiệt nặng, phiền táo gia Liên kiều 9 gam, Sơn chi tử 9 gam.

12. Đàm giản phương

Người cống hiến: Viên Thuật Trương, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Sinh địa	10 gam	Ngọc trúc	10 gam
Uất kim	10 "	Thiên trúc hoàng	10 "
Cương tàm	10 "	Hà thủ ô	10 "
Bạch vi	6 "	Đương qui	6 "
Đởm nam tinh	6 "	Thảo hà sa	6 "
Sinh Long cốt	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Câu đằng	10 "		

13. Phong giản phương

Người cống hiến: Viên Thuật Trương, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Giới tuệ	6 gam	Phòng phong	6 gam
Bạch chỉ	6 "	Đởm nam tinh	6 "
Thiên ma	6 "	Cúc hoa	10 "
Tật lê	10 "	Ô xà nhục	10 "
Phòng kỷ	10 "	Cương tàm	10 "
Địa long	10 "	Tang chi	10 "
Sinh Mẫu lệ	15 "	Sinh Giả thạch	15 "
Bạch Phụ tử	3 "	Sinh Thạch quyết minh	15 "
Thanh bì	3 "	Ngô công	1 con

14. Gia giảm địch đàm thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thạch liên tử	9 gam	Liên kiều	9 gam
Quất hồng	9 "	Phục linh	9 "
Bán hạ	6 "	Đởm nam tinh	6 "
Chỉ thực	6 "	Xương bồ	6 "
Thiên ma	6 "	Câu đằng	6 "
Trúc nhự	3 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Co giật nặng, gia Cương tàm 9 gam, Địa long 6 gam, bỏ Trúc nhự, Chỉ thực. Nhiều mồ hôi, đoản hơi, gia Thái tử sâm, Sinh Long cốt, Sinh Mẫu lệ đều 9 gam bỏ Chỉ thực. Phiền táo không yên gia Toan táo nhân 9 gam, bỏ Bán hạ. Đại tiện khô ráo, gia Toàn Qua lâu 9 gam.

15. Lý thị chỉ giản đan

Người cống hiến: Lý Thọ Sơn, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Đại Liên

Uất kim	15	gam	Đởm nam tinh	15	gam
Bán hạ	15	"	Huyết kiệt	15	"
Ô tiêu sà	15	"	Toàn yết	15	"
Ngô công	15	"	Chu sa	5	"
Minh phàn	7,5	"	Tạo giác	7,5	"
Băng phiến	3	"	Sạ hương	0,2	"
Ngưu hoàng	0,2	"			

Cách dùng: Tán bột, người lớn mỗi lần dùng 3 gam, sáng và tối, trẻ em linh hoạt giảm bớt.

16. Hồ thị điên giản gia vị phương

Người cống hiến: Hồ Kiến Hoa, Giáo sư
Trung y học viện thành phố Thượng Hải

Sinh Thiết lạc	60	gam	Trích Địa long	9	gam
Câu đằng	15	"	Ngô công (hoặc Toàn yết)	2 - 3	"
Sinh Nam tinh	12	"	Xương bồ	9	"
Trích Viễn trí	4,5	"	Đan sâm	15	"
Xích thược	15	"	Bạch thược	15	"
Xuyên khung	9	"	Hồng hoa	6	"

Cách dùng: Nói chung một ngày 2 lần, khoảng cách mỗi lần từ 6 - 10 giờ. Nếu phát cơn có qui luật hoặc phát cơn cố định vào giấc ngủ buổi chiều, thì buổi sớm không cần uống thuốc, có thể ung dung về chiều và trước khi đi ngủ đều uống một lần, như vậy có lợi cho phát huy hiệu lực của thuốc.

Gia giảm: Mệt mỏi, mặt vàng bủng, gia Đảng sâm, Hoàng hoa đều 12 gam để ích khí bền gốc. Thận hư gia Hà sa (bột) 3 -6 gam, nuốt uống. Kiêm chứng mất ngủ, tâm hoang đa nghi, ưu uất .v.v.. phối hợp với ***Cam mạch đại táo thang*** để an thần giải uất. Phụ nữ thời kỳ đang hành kinh phát cơn dồn dập, gia Tiên linh tỳ 12 gam, Nhục Thung dung 12 gam để điều hoà Xung Nhâm.

17. Viên thị ứ trở điên giản phương

Người cống hiến: Viên Thuật Chương, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh.

Đương qui	15 gam	Đào nhân	10 gam
Xích thược	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Bạch vi	10 "	Cương tàm	10 "
Sinh Địa du	10 "	Hồng hoa	6 "
Hoè hoa	6 "	Xuyên sơn giáp	6 "
Thảo hà sa	6' "	Tân di hoa	6 "
Thuỷ điệt	3 "	Xuyên khung	3 "
Liên hoa đầu	3 "	Xạ hương	0,2 "

18. Gia vị để đương thang

Người cống hiến: Giáo sư Hà, Y viện hữu hảo Trung Nhật

Thuỷ điệt	12 gam	Đào nhân	12 gam
Manh trùng	9 "	Đại hoàng	9 "
Giá trùng	9 "	Cương tàm	9 "
Địa long	15 "	Toàn yết	6 "
Ngô công	2 con	Hoa nhị thạch	2 "

19. Triệu thị nghiệm phương số III

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Câu đằng	5 gam	Nam Hồng hoa	5 gam
Bán hạ	3 "	Đào nhân	3 "
Toàn yết	1,5 "	Thiên ma	6 "
Cương tàm	6 "	Viễn trí	6 "
Sinh Trắc bá	10 "	Chân châu mẫu	10 "
Mẫu lệ nung	10 "		

20. Hoàn Giản khả đinh B

Người cống hiến: Lý Siêu, Y sư chủ nhiệm Y viện 151 Giải phóng quân

Sài hồ	10 gam	Thiên trúc hoàng	10 gam
Kinh giới	5 "	Bán hạ	5 "
Xuyên khung	5 "	Đan sâm	5 "
Cương tàm	2 "	Ngô công	1 "

Cách dùng: Tán bột mịn, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 1 gam. Trẻ từ 10 tuổi trở lên mỗi lần uống 3 - 9 viên, ngày 3 lần, sắc nước gừng pha đường chiêu với thuốc.

21. Viên thị tiên thiên tính điên giản phương

Người cống hiến: Viên Thuật Chương, lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Từ thạch	15 gam
Sinh Mẫu lệ	15 "	Bạch thược	10 "

Sinh Hoàng kỳ	10 gam	Phục linh	10 gam
Ô sà nhục	6 "	Toả dương	6 "
Đảng sâm	6 "	Đương qui	6 "
Sinh Cam thảo	3 "	Quế chi	3 "
Toàn yết	2 "		

22. Hùng thử tán

Người cống hiến: Tích Lương Thừa, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Cam Túc

Nhũ thử (ngay lúc sống sấy khô)	60 con
Hổ phách	9 con
Chu sa	4,5 gam

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần uống 1,5 gam. Người lớn uống 3 gam. Chiêu với nước chín ngày 3 lần.

Chú ý: Vì phương này có Chu sa, không nên uống lâu.

23. Viên thị thực giản phương.

Người cống hiến: Viên Thuật Chương, Lão Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tửu Đại hoàng	3 gam	Quảng Mộc hương	3 gam
Xương truật	3 "	Nam tinh	3 "
Xuyên phác	8 "	Lai bặc tử	6 "
Trần bì	6 "	Địa long	6 "
Thảo hà xa	6 "	Tân lang	10 "
Mạch nha	10 "	Thần khúc	10 "

24. Gia giảm Câu đằng ẩm

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thái tử sâm	6 gam	Phục linh	6 gam
Sinh Bạch thược	6 "	Sinh Mẫu lệ	6 "
Sinh Mạch nha	6 "	Câu đằng	6 "
Thiên ma	6 "	Xương bồ	6 "
Viễn trí	6 "	Trích thảo	3 "

Gia giảm: Chân tay nghịch lạnh khá nặng, tự ra mồ hôi, gia Chế Phụ phiến, Quế chi mỗi vị 6 gam. Đại tiện trong loãng, gia Trần bì, Can khương đều 6 gam. Phiền táo, giấc ngủ không yên gia Liên nhục, Dạ giao đằng đều 9 gam. Chân tay vật vã, mềm yếu vô lực, gia Ngưu tất, Tang ký sinh đều 9 gam.

25. Nhậm thị sư truyền giản bảo đan

Người cống hiến: Nhậm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện thành phố Trường Xuân

Bạch hoa sà đầu (đầu rắn khác cũng được)		20	gam
Ba bộ Đại mạo	20 gam	Uất kim	25 "
Thiên trúc hoàng	30 "	Thiên ma	15 "
Trầm hương	10 "	Đởm Nam tinh	15 "
Bạch thược	5 "	Bán hạ	10 "
Toàn yết	10 "	Hồng hoa	5 "
Cương tàm	15 "	Ngưu hoàng	0,15 "
Sạ hương	0,3 "	Hổ phách	5 "
Ngô công	5 con		

Óc động vật (khỉ, dê tốt nhất, óc bò, ngựa, lợn ít khi dùng) 1 bộ

Cách dùng: Các vị thuốc trên sấy khô, tán bột, mỗi lần uống 10 gam, ngày 2 lần, chiêu với nước chín. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

26. Gia giảm dưỡng doanh thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	9 gam	Bạch truật	9 gam
Phục linh	9 "	Bạch thược	9 "
Tang ký sinh	9 "	Đương qui	6 "
Bán hạ	6 "	Quất hồng	6 "
Thiên ma	6 "	Trích thảo	3 "

28. NGỚ NGẨN (Si ngốc)

Ngớ ngẩn là chỉ loại tinh thần ngây ngô trì trệ, trí khôn sút kém. Chứng này thường gặp ở trẻ em phú bẩm tiên thiên bất túc hoặc người cao tuổi thể trạng hư nhược. Đời xưa có chia ra Văn si và Võ si.

Nếu là tinh thần bị ức uất đè nén, biểu lộ thái độ nhạt nhẽo thờ ơ, tự nói lẩm bẩm một mình, cho uống bài ***Gia vị Ôn đởm thang (1)*** để thư Can ninh Tâm, hoá đàm khai khiếu.

Có kiêm chứng trướng bụng táo bón hoặc cuồng táo không yên, có thể dùng ***Gia vị Tam nhất Thừa khí thang (2)*** để giải uất tả hỏa, bình Can trấn nghịch, an thần trừ đàm.

Ngớ ngẩn gặp ở người cao tuổi, phần nhiều trí nhớ sút kém, ảo giác, ức uất, mừng giận bất thường, đi đứng chập choạng v. v.. cho uống ***Nhan thị si ngốc thang (3)*** để hành ứ hóa đàm, an thần.

Hay quên ngơ ngẩn trì trệ, trí khôn giảm sút, hành động chểnh mảng, chóng mặt hoa mắt, ù tai hay quên, mất ngủ hay mê, lưng đùi mềm yếu, chân tay tê dại, lưỡi quắt ít rêu, mạch Tế Sác, đó là Can Thận suy hư, não không được nuôi dưỡng, nên bổ ích Can Thận, khoẻ não ích trí, có thể dùng ***Bổ Thận ích não thang (4)***.

Có kiêm chứng mặt tối xầm, tinh thần ức uất, chất lưỡi tối, đó là Can Thận tinh khuy kiêm ứ trệ, có thể dùng ***Lân thị kiện não ích trí hoàn (5)*** để bổ Can Thận, thông huyết mạch, trừ ứ trệ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị Ôn đởm thang

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm Y viện Trường Chinh thành phố Thiên Tân

Bán hạ	10 gam	Trần bì	10 gam
Viễn trí	10 "	Chỉ thực	10 "
Xương bồ	10 "	Uất kim	10 "
Thiên trúc hoàng	10 "	Đởm Nam tinh	10 "
Phục thần	15 "	Trúc nhự	15 "
Sinh long sĩ	15 "	Sinh Mẫu lệ	15 "
Từ thạch	30 "	Chu sa	1,5 "

2. Gia vị Tam nhất Thừa khí thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nùng, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Sài hồ	10 gam	Hậu phác	10 gam
Sơn chi nhân	10 "	Uất kim	10 "
Chỉ xác	10 "	Sinh Cam thảo	10 "
Khổ sâm	15 "	Đan sâm	15 "
Giả thạch phấn	60 "	Bạch mao căn	60 "

Đại hoàng (sắc riêng pha vào 3 lần uống thuốc) 30 "

Mang tiêu (hoà vào ba lần uống thuốc) 30 "

Cách dùng: Dùng riêng Sinh Thiết lạc 250 gam bỏ vào bát sành, thêm nước ngào nghiền thành thứ nước mầu đen dùng ngay nước này trộn với thuốc. Bã sắt có thể thêm nước nghiền lần nữa.

Bã thuốc sắc cũng có thể thêm nước này. Dùng 3 thang làm một đợt điều trị. Sau khi uống xong thuốc, khi đại tiện lỏng đừng dùng thuốc chỉ tả, vì để cho đi lỏng ra hết hoả tà thì khỏi chứng Cuồng.

3. Nhan thị si ngốc phương

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư Y viện đường sắt Thượng Hải

Hổ phách	1,5 gam	Đan sâm	30 gam
Xuyên bối	1,5 "		

Cách dùng: Đan sâm sắc lấy nước chiêu với bột Hổ phách và bột Xuyên bối, ngày 3 lần; chưa hết quả, dùng thêm Thuỷ điệt 1,5 gam. Trong thang thuốc sắc có thể gia Thông thiên thảo, Xương bồ 10 gam. Trước khi đi ngủ, uống thêm 4 viên Ngưu hoàng thanh Tâm phiến.

4. Bổ Thận ích não thang

Người cống hiến: Đặng Chấn Minh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Thủ ô	Sơn thù
Hoài sơn	Kỷ tử
Thỏ ty tử	Xương bồ
Uất kim	Viễn trí
Đan sâm	Xích thược

Gia giảm: Hư phong nội động, có thể thêm Chân châu mẫu, Sinh Long cốt, Sinh Mẫu lệ, Bạch thược, Quy bản.

5. Lâm thị Kiện não ích trí hoàn

Người cống hiến: Lâm Càn Lương, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Chế Thủ ô	10 gam	Cát căn	10 gam
Xích thược	10 "	Xuyên khung	10 "
Hoè mễ	6 "	Bắc Ngũ vị	6 "
Thạch xương bồ	6 "	Viễn trí	6 "

29. HAY QUÊN (Kiện vong)

Hay quên là một biểu hiện trí nhớ giảm sút, lâm sàng thường gặp nhiều ở thể trạng thuộc Hư, có quan hệ chặt chẽ đến công năng mất điều dưỡng của hai tạng Tâm và Thận.

Tuổi già hay quên, hư phiền không ngủ được, váng đầu ù tai, lưng đùi yếu mỏi là thuốc Tâm Thận bất giao, nên điều trị theo hướng giao thông Tâm Thận, có thể dùng ***Dương thị kiện vong phương (1).***

Hay quên, mất ngủ thường kèm theo chứng mộng di, mệt mỏi yếu sức là do tinh khí thiếu thốn, Tâm Thận không giao nhau, có thể uống ***Sài thị kiện não thực liệu phương (2)*** để thêm tinh bổ não, giao thông Tâm Thận.

Hoảng hốt hay quên, tinh thần ngơ ngác trì trệ, choáng váng nhức đầu hồi hộp trồi răng xương mềm, đại tiện khô kết khó đi hoặc kiêm chứng thở suyễn là thuộc tinh huyết Can Thận suy tổn, cho uống ***Mã thị linh ô nhị nhân cao (3)*** để tư dưỡng Can Thận, bổ ích tinh huyết, điều hoà Phế Tỳ.

Hồi hộp, hay quên, mất ngủ, đầu chướng và đau, hay mê ngực khó chịu, môi lưỡi tím tái, mạch Tế Sắc, thuộc Tâm hư huyết trệ, có thể uống ***Vương thị kiện não an miên thang (4)*** để hành khí hoạt huyết, dưỡng Tâm an thần.

Biện chứng điều trị chứng này, có thể tham khảo các bệnh "Thất miên" và "Tâm quý".

PHỤ PHƯƠNG

1. Dương thị kiện vong phương

Người cống hiến: Dương Minh Đông, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Cổ Giai tỉnh Tứ Xuyên

Quy bản	100 gam	Phục thần	100 gam
Viễn trí	100 "	Long cốt	100 "
Xương bồ	50 "		

Cách dùng: Tán bột, luyện với mật làm hoàn mỗi viên nặng 10 gam. Người lớn ngày 2 lần, mỗi lần 1 viên chiêu với nước chín. Trẻ em giảm một nửa.

2. Sài thị kiện não thực liệu phương

Người cống hiến: Sài Hạo Nhiên, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Vận Thành tỉnh Sơn Tây

Sinh Trư não	½ bộ	Hạch đào nhân	10 cái
Liên tử nhục	60 gam	Câu kỷ tử	60 gam
Long nhãn nhục	60 "	Đường kính	120 "
Thanh hà diệp	15 "		

Cách dùng: Trước tiên sắc lá Sen lấy một lượng nước vừa phải rồi bỏ các vị thuốc vào trong bát nấu chín, chia làm vài lần uống trong một ngày cho hết.

3. Mã thị linh ô nhị nhân cao

Người cống hiến: Mã Hữu Độ, Giáo sư Trường Đại học y khoa Trùng Khánh

Thủ ô	500 gam	Linh chi	500 gam
Hạch đào nhân	250 "	Ý dĩ nhân	250 "

Cách dùng: Thủ ô, Linh chi, Ý dĩ nhân nấu nhiều lần lấy nước đặc pha thêm mật nấu thành cao, giã Hạch đào nhân bỏ vào. Mỗi ngày sáng và tối uống 10 gam.

4. Vương thị kiện não an miên thang

Người cống hiến: Vương Đa Nhượng, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thị trấn Ô Lỗ Mộc Tề

Đương qui	15 gam	Xích thược	15 gam
Xuyên khung	15 "	Hồng hoa	10 "
Đan sâm	30 "	Ngũ vị tử	30 "
Tảo nhân	30 "	Thanh bì	10 "
Từ thạch	30 "	Giả thạch	30 "
Trích Cam thảo	10 "		

30. BÌ PHU PHÁT MẦU VÀNG

Bì phu phát mầu vàng là đặc trưng của bệnh Hoàng đản, thường đồng thời thấy cả các chứng trạng mắt vàng, tiểu tiện vàng và Can Đởm Tỳ Vị mất điều hoà. Nói chung chia làm hai loại Âm hoàng và Dương hoàng.

Dương hoàng thiên về thấp nhiệt nặng, có chia ra thấp nặng nhiệt nhẹ, thấp nhẹ nhiệt nặng, nhiệt độc và thấp đều nặng.

Mình vàng, mắt vàng, tiểu tiện vàng kiêm chứng toàn thân mỏi mệt, ngực bụng bĩ đầy là thấp nặng nhiệt nhẹ; Can Đởm Tỳ Vị không điều hoà, thuộc chứng nhẹ thì dùng ***Nhân trần ẩm tử (1)*** sắc uống thay nước trà để thanh lợi thấp nhiệt, sơ tiết Can Đởm.

Nếu đột ngột biếng ăn, cho uống ***Thẩm thị nhân điển bạch bối thang (2)*** để thanh nhiệt lợi thấp, hoặc dùng ***Khương thị biến thông chi tử bá bì thang (3)*** để thanh nhiệt thoái hoàng, mạnh Tỳ hoá thấp.

Kiêm chứng dưới sườn đau âm ỉ, khô miệng, dùng ***Khương thị biến thông Long đởm tả Can thang (4)*** để thanh Can thoái nhiệt, sơ Can dưỡng huyết, vận Tỳ hoá thấp.

Kiêm chứng sườn trướng táo bón, đắng miệng, cho uống ***Hồ thị đại sài hồ nhân trần cao thang (5)*** hoặc ***Tưởng thị Can nhất phương (6)*** để sơ lợi Can Đởm, thanh nhiệt lợi thấp, thông Phủ tiết độc.

Kiêm chứng sườn trướng đau hoặc đau xiên tới vai lưng thì dùng ***Sơ Can lợi đởm thang (7)*** để sơ lợi Can Đởm, thanh nhiệt trừ thấp, lý khí hoà doanh, chỉ thống tán kết.

Kiêm chứng ngực sườn đầy tức, miệng đắng buồn nôn, khát nước táo bón, có thể dùng ***Sơ can lợi thấp thang (8)*** để sơ Can hòa Vị, lợi thấp thanh nhiệt.

Nếu mình vàng mắt vàng có mầu tươi, phát sốt Tâm phiền, khát nước, tiểu tiện sẻn, sợ dầu mỡ, bụng sườn trướng đầy là thuộc loại nhiệt nặng thấp nhẹ, có thể dùng ***Lưu thị lợi thấp giải độc phương (9)*** để thanh nhiệt lợi thấp, giải độc sơ Can hòa Vị.

Nếu kiêm chứng đại tiện khô ráo, sắc đen tro, thì chọn dùng ***Quách thị dương hoàng phương (10)*** hoặc ***Trương thị nhân trần cao thang (11)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thấp thông phủ.

Toàn thân và mắt vàng sẫm, sườn trướng khá nặng, bụng trương lưỡi tối là có nhiệt độc thấp uất huyết ứ, cho uống ***Trần thị dương hoàng phương (12)*** để thanh nhiệt lợi thấp, trừ ứ lui hoàng. Nặng hơn thì dùng ***Khương thị hoá ứ thoái hoàng phương (13) để*** hoạt huyết hoá ứ, hành khí lợi thấp, lương huyết lui hoàng.

Toàn thân và mắt có mầu vàng tươi, biếng ăn tiểu tiện vàng, sườn trướng, ngực bụng đầy thì dùng ***Quan thị thanh lợi Can Đởm phương (14)*** để thanh nhiệt giải độc, tuyên hoá thấp uất, kiêm tác dụng hoạt huyết hành ứ.

Nếu trẻ em mắc chứng này có thể cho uống ***Bùi thị dương hoàng phương (15)*** để thanh hoá thấp nhiệt, sơ lợi Can Đởm,

hoá ứ thấp uất kiêm hoạt huyết trừ ứ. Nếu bệnh tái phát nhiều lần, biếng ăn đại tiện lỏng, cũng có thể dùng ***Hổ sà liệu Can thang (16)*** để giải độc lợi thấp, điều Can lý Tỳ kiêm tiêu ứ.

Trong lâm sàng, còn có một loại bệnh gấp gáp, biến hoá rất nhanh, thân thể vàng, sốt cao, đó là "Cấp hoàng", "Dịch hoàng". Nếu kiêm chứng đại tiện bí kết, tiểu tiện vàng đỏ sẻn ít, Tâm phiền khát nước, cho uống ***Củng thị cấp hoàng phương (17)*** ***Phan thị cấp hoàng cơ bản phương (18)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thấp lui hoàng.

Nếu kiêm chứng đau sườn táo bón, Tâm phiền, tiểu tiện vàng thì dùng ***Lã thị giải độc cứu Can thang (19)*** để thanh nhiệt giải độc, cứu Can thông Phủ.

Kiêm chứng dưới sườn trướng đau, biếng ăn đại tiện lỏng, chất lưỡi tía tối, cho uống ***Trương thị cấp hoàng phương (20)*** để thanh nhiệt giải độc, đồng thời kiện Tỳ lợi thấp, hoạt huyết hoá ứ.

Nếu kiêm chứng có ban chẩn ở dưới da hoặc vật vã không yên, hoặc hôn mê nói sảng, lưỡi đỏ tía, đó là nhiệt độc phạm Tâm doanh, dùng ***Trần thị cấp hoàng phương (21)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết, tán huyết, thanh doanh thoái hoàng.

Các chứng trên, nếu nhiệt độc đã làm tổn thương âm huyết thì dùng ***Vương thị thanh Can thang (22)*** để thanh nhiệt giải độc, mát huyết thấu khí, tán ứ lui hoàng, kiêm tác dụng sinh tân dịch, gìn giữ âm phận.

Bệnh phát Hoàng lâu ngày không rút sạch, có thể cho uống ***Quách thị thoái hoàng tán (23)*** để thanh trừ dư tà của chứng Hoàng.

Phát bệnh từ từ, thân thể và mắt đều có mầu vàng tối, thuộc phạm trù chứng Âm hoàng.

Có kiêm chứng tiểu tiện vàng sẻn, sợ lạnh tay chân lạnh, có thể dùng ***Đỗ thị gia vị nhị linh thang (24)*** để ôn tán, lợi thấp và lui hoàng.

Kiêm chứng bụng bĩ đầy biếng ăn, sườn trướng đầy, tiểu tiện ít, đại tiện não, thì dùng ***Bùi thị âm hoàng phương (25)*** để kiện Tỳ lợi thấp, điều hoà Can Đởm.

Nếu kiêm chứng kém ăn bụng đầy, đại tiện nhão, thân thể lạnh sợ lạnh, tiểu tiện không lợi, miệng khô lại không muốn uống, nên ôn trung tán hàn, trừ thấp lui hoàng, có thể dùng ***Bổ trung lợi thấp phương (26).***

Kiêm chứng tinh thần mệt mỏi, chân tay lạnh, kém ăn, tiểu tiện trong dài, thích nằm, nên ôn dương ích khí kiện Tỳ lợi thấp lui hoàng, cho uống ***Lữ thị ôn dương bảo Can thang (27).***

Dưới sườn đau âm ỉ, mặt mắt úa vàng, mỏi mệt, mạch Tế Huyền, đó là thấp uất ở Can Vị, thì dùng ***Trương thị điều hoà Can Vị phương (28)*** để kiện Vị hoà Can, trừ thấp, lui hoàng.

Trẻ sơ sinh xuất hiện da dẻ toàn thân có sắc vàng, mắt vàng, rêu lưỡi vàng nhớt, cho uống ***Bùi thị tân sinh nhi dương hoàng chứng trị phương (29)*** để thanh nhiệt lợi thấp, thoái hoàng hoà huyết.

Có kiêm chứng bụng sườn trướng đau, đại tiện trắng sạm, thì dùng ***Viện thị thai hoàng phương (30)*** để sơ lợi Can Đởm thanh nhiệt lợi thấp lui hoàng.

Nếu có ứ trệ thì dùng ***Tân sinh nhi dương hoàng thanh giải thang (31)*** để thanh nhiệt lợi thấp, trừ ứ lui hoàng.

Da dẻ có màu vàng tối sạm, tiểu tiện sẻn ít mà vàng, có thể dùng ***Bùi thị tân sinh nhi âm hoàng chứng trị phương (32)*** để hoà trung lợi thấp, thanh nhiệt lui hoàng.

Ngoài những phép chữa và phương dược giới thiệu ở trên điều trị trẻ sơ sinh bị chứng phát Hoàng có thể tham khảo phép điều trị và phương dược của người lớn.

Bệnh này có tính chất truyền nhiễm, khu vực có dịch có thể dùng ***Ấn thị Can viêm phương (33)*** hoặc ***Quan thị Can viêm phương (34)*** để phòng bệnh.

Chứng này nên tham khảo phối hợp với các bệnh Hiếp thống, Kết khối ở hạ sườn và Phúc trướng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhân trần ẩm tử

Người cống hiến: Trương Mộng Nùng, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Nhân trần 60 gam Hoè giác (sao) 10 gam

Cách dùng: Nấu lấy nước uống thay nước chè mỗi ngày một ấm, tới khi nào hết bệnh Hoàng đản thì thôi.

2. Thẩm thị nhân điền bạch bối thang

Người cống hiến: Thẩm Viêm Nam, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Nhân trần	30 gam	Điền cơ hoàng	30 gam
Bạch bối diệp căn	30 "	Mao căn	30 "
Xa tiền tử	15 "	Hổ trượng	15 "

3. Khương thị biến thông chi tử bá bì thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư
Trường Đại học Y khoa Thượng Hải

Chi tử	Hoàng bá
Cam thảo	Thuỷ bồn thảo
Trần bì	Bạch truật
Khấu nhân	

4. Khương thị biến thông Long đởm tả Can thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư
Trường Đại học Y khoa Thượng Hải

Long đởm thảo	9 gam	Hoàng cầm	9 gam
Chi tử	9 "	Mộc thông	9 "
Sài hồ	9 "	Sinh địa	15 "
Hoắc hương	9 "	Tô ngạnh	9 "
Khấu nhân	3 "	Trần bì	3 "

5. Hồ thị Đại sài hồ nhân trần cao thang

Người cống hiến: Hồ Hy Thứ, Phó giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	24 gam	Bán hạ	12 gam
Hoàng cầm	10 "	Bạch thược	10 "

Chỉ thực	10 gam	Đại hoàng	6 gam
Chi tử	10 "	Nhân trần	18 "
Sinh khương	10 "	Đại táo	4 quả

6. Tưởng thị Can nhất phương

Người cống hiến: Tưởng Nhật Hưng, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Quế Lâm

Đại hoàng	9 gam	Chỉ thực	9 gam
Xuyên luyện tử	9 "	Huyền hồ	9 "
Nhân trần	30 "	Cam thảo	5 "
Sài hồ	5 "		

7. Sơ Can lợi Đởm thang

Người cống hiến: Lý Bồi Sinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Sài hồ	10 gam	Hoàng cầm	8 gam
Hải kim sa (thảo)	15 "	Kim tiền thảo	15 "
Kê nội kim	10 "	Xuyên Uất kim	8 "
Bạch thược	10 "	Xuyên luyện tử (sao)	10 "
Xích Phục linh	15 "	Chỉ thực (sao)	10 "
Xa tiền tử	10 "		

Gia giảm: Hoàng đản sắc sẫm gia Nhân trần. Buồn nôn gia Sao Hoàng liên, Bán hạ, Quất hồng. Bụng trướng gia Xuyên Hậu phác, Đại phúc bì. Đại tiện bí kết gia Xuyên Đại hoàng (rửa rượu). Liên sườn trướng nặng gia Thanh bì. Liên sườn đau nặng gia Huyền hồ. Tiểu tiện không lợi gia Hoạt thạch, Trư linh, Trạch tả.

8. Sơ Can lợi thấp thang

Người cống hiến: Hồ Hy Thú, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	12 gam	Hoàng cầm	10 gam
Chỉ thực	10 "	Bạch thược	10 "
Sinh khương	10 "	Đại hoàng	6 "
Bán hạ	12 "	Nhân trần	30 "
Đan sâm	20 "	Sơn chi	10 "
Đại táo	4 quả		

9. Lưu thị lợi thấp giải độc phương

Người cống hiến: Lưu Huệ Dân, nhà Trung y học nổi tiếng tỉnh Sơn Đông

Nhân trần	60 gam	Đại táo	250 gam
Lục đậu	125 "		

Cách dùng: Đổ nước vào đun chừng nào Táo và Đậu nhừ là được, bỏ Nhân trần, ăn táo và đậu, còn nước thì uống dần dần.

10. Quách thị dương hoàng phương

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nhân trần	15 gam	Chi tử	10 gam
Long đởm thảo	6 "	Kim ngân hoa	12 - 15 "
Bản lam căn	10 - 15 "	Kim tiền thảo	10 - 15 "

Gia giảm: Đau sườn gia Sài hồ, Uất kim mỗi vị 10 gam. Trướng bụng nhiều gia Hậu phác 5 - 10 gam, Sơn tra 10 - 12 gam.

11. Trương thị gia vị Nhân trần cao thang

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Nhân trần	50 gam	Chi tử	20 gam
Đại hoàng	50 "	Kim ngân hoa	50 "
Bản lam căn	30 "		

12. Trần thị Dương hoàng phương

Người cống hiến: Trần Nhất Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Mai Châu tỉnh Quảng Đông

Nhân trần	30 - 60 gam	Chỉ tử	12 gam
Đại hoàng	6 "	Giá trùng	5 "
Đào nhân	5 "	Bắc Sài hồ	6 "
Cam thảo	5 "		

Gia giảm: Nếu gan to, gan đau kéo dài không khỏi, có thể lựa chọn gia các vị Bạch thược, Đan sâm, Tam thất, Xuyên Uất kim, Tam lăng, Nga truật.

13. Khương thị hoá ứ thoái hoàng phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư
trường Đại học y khoa Thượng Hải

Sinh Đại hoàng	24 gam	Đào nhân	9 gam
Giá trùng	6 "	Can tất (nướng)	15 "
Tam thất	15 "	Tê giác	9 "
Xích thược	9 "	Đối tọa thảo	30 "
Đại phúc bì	15 "	Thanh bì	9 "
Mộc hương	9 "	Phục linh bì	30 "

14. Quan thị thanh lợi Can Đởm phương

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư
Trung y y viện Bắc Kinh

Nhân trần	6 gam	Uất kim	3 gam
Hoàng cầm	6 "	Thổ phục linh	6 "
Hoắc hương	3 "	Hạnh nhân	3,5 "
Quất hồng	3 "	Xích thược	6 "
Ngẫu tiết	6 "	Trạch lan	6 "
Xa tiền tử	6 "		

15. Bùi thị Dương hoàng phương

Người cống hiến: Bùi Học Nghĩa, Y sư chủ nhiệm
Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Sinh Mạch nha	9 gam	Nhân trần	12 gam
Long đởm thảo	3 "	Chi tử (sao)	4 "
Kim tiền thảo	9 "	Xuyên Trường thảo	6 "
Thanh đại	0,3 "	Hoàng bá	4 "
Huyết kiệt	0,3 "	(chia làm 3 lần hoà uống)	

Gia giảm: Nếu bụng trướng đầy gia Mộc hương 3 gam. Nơi tĩnh mạch thành bụng gia Đan sâm 9 gam, Hồng hoa 4 gam. Lưỡi tía do độc nhiệt nặng gia Tử thảo 9 gam, Hoàng đản nặng gia Hồng đởm 0,3 gam, Phiền táo gia Trúc diệp 6 gam; Đăng tâm 0,6 gam. Đại tiện loãng gia Hoàng liên 3 gam. Trớ sữa gia Trúc lịch 4 gam. Mửa liên tục gia Hoàng liên 3 gam, Tô diệp 1 gam. Đau khi tiểu tiện gia Biển xúc 6 gam, Cù mạch 6 gam, Mộc thông 3 gam. Nếu sắc vàng đã rút, bệnh có xu hướng khỏi nhưng

xét nghiệp SGOT còn hơi cao, gia Mã sỉ hiện 9 gam, Bại tương thảo 9 gam, Lục trà 3 gam, Sinh thiết lạc 90 gam.

16. Hổ sà liệu Can thang

Người cống hiến: Vạn Văn Mạc, Y sư chủ nhiệm Y viện IX thị trấn Vũ Hán

Hổ trượng	15 gam	Quán trọng	15 gam
Bạch hoa sà thiệt thảo	30 "	Bạch truật	10 "
Thái tử sâm	15 "	Tang ký sinh	15 "
Tần giao	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Cam thảo	6 "
Hoắc hương	10 "	Phục linh	10 "
Ích mẫu thảo	10 "	Uất kim	10 "

Gia giảm: Nếu chính khí bất túc, có thể gia Hoàng kỳ, Dâm dương hoắc, Sa uyển tử. Âm phận bị hao thương, có thể chọn dùng các vị Thủ ô, Nữ trinh tử, Câu kỷ tử. Trướng bụng chọn dùng các vị Mộc hương, Chỉ xác, Phúc bì. Răng và mũi xuất huyết thì gia Mao căn, Tiểu kế, Hạn liên thảo. Ứ huyết nặng; chọn dùng Đào nhân, Giá trùng, Ngũ linh chi v.v.. Tỳ hư đại tiện nhão, chọn dùng Bào khương, Long quỳ, Thuỷ bồn thảo, Bại tương thảo v.v..

17. Củng thị cấp hoàng phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Hoàng liên	6 gam	Hoàng cầm	12 gam
Nhân trần	30 "	Mẫu thiên trinh	30 "

Bản lam căn	30 gam	Uất kim	12 gam
Đại hoàng	6 "	Bồ công anh	30 "
Hoạt thạch	20 "	Mộc thông	12 "
Xa tiền thảo	30 "		

18. Phan thị cấp hoàng cơ bản phương

Người cống hiến: Phan Đăng Liêm, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Triết Giang

Hoàng liên	Hoàng bá
Đại hoàng	Uất kim
Sơn chi	Nhân trần

19. Lã thị giải độc cứu Can thang

Người cống hiến: Lã Thừa Toàn, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Nhân trần	Chi tử
Hoàng liên	Kim ngân hoa
Đại hoàng	Bồ công anh
Bản lam căn	Sinh Bạch thược
Cam thảo	

20. Trương thị cấp hoàng phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Nhân trần	50 - 100 gam	Xuyên Hoàng liên	15 gam
Kinh ngân hoa	50 "	Long đởm thảo	15 "
Đương qui	25 "	Bại tương thảo	50 "
Đại hoàng	15 "	Phục linh	20 "

Bạch truật	20 gam	Uất kim	15 gam
Cam thảo	15 "	Đan sâm	25 "

21. Trần thị cấp hoàng phương

Người cống hiến: Trần Nhất Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Mai Châu tỉnh Quảng Đông

Nhân trần	60 gam	Xuyên Đại hoàng	12 gam
Chi tử	12 "	Xuyên Hoàng liên	6 "
Tê giác	3 "	Mẫu đan bì	9 "
Bản lam căn	15 "	Cam thảo	5 "

Gia giảm: Thần chí không tỉnh táo gia Xuyên Xương bồ 3 gam, hoặc Cục phương chí bảo đan, An cung ngưu hoàng hoàn. Co giật gia Câu đằng 15 gam, Linh dương giác 15 gam (hoà uống) hoặc gia Tử tuyết đan.

22. Vương thị thanh Can thang

Người cống hiến: Vương Chính Công, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	Mẫu đơn bì
Xích thược	Bạch thược
Kim ngân hoa	Liên kiều
Cúc hoa	Tê giác
Linh dương giác	Bạch mao căn

23. Quách thị thoái hoàng tán

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh đại	Minh phàn
Hoàng liên	

Cách dùng: Theo tỉ lệ 2 : 1 : 2 cùng tán bột mịn, mỗi ngày uống hai lần, mỗi lần uống 1 - 1,5 gam.

24. Đỗ thị gia vị nhị linh thang

Người cống hiến: Đỗ Võ Mậu, Giáo sư
Trung y Học viện tỉnh Thiên Tân

Trư linh	15 gam	Phục linh	15 gam
Kim tiền thảo	18 - 30 "	Sơn chi	10 "

25. Bùi thị âm hoàng phương

Người cống hiến: Bùi Học Nghĩa, Y sư chủ nhiệm
Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Sinh Mạch nha	9 gam	Bạch truật	4 gam
Phục linh	9 "	Ý dĩ nhân	9 "
Nhân trần	9 "	Thông thảo	3 "
Kim tiền thảo	9 "	(liều lượng cho trẻ em)	

Cách dùng: Các vị thuốc trên đem sắc thời gian 15 phút là được. Nhân trần bỏ vào sắc sau.

26. Bổ trung lợi thấp phương

Người cống hiến: Hồ Hy Thứ, Phó giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Đảng sâm	10 gam	Sinh khương	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Bán hạ	12 "
Phục linh	12 "	Xương truật	10 "
Trạch tả	15 "	Quế chi	10 "
Trư linh	10 "	Nhân trần	10 "

Đan sâm	30 gam	Sài hồ	12 gam
Đại táo	5 quả	Trích Cam thảo	6 "

Gia giảm: Vùng gan đau rõ rệt gia Ngô thù du. Ợ hơi nhiều gia Trần bì. Trướng bụng nặng, gia Đại phúc bì, Tân lang. Phúc thuỷ, tiểu tiện không lợi, gia Xa tiền tử. GPT thường xuyên cao, gia Ích mẫu thảo. GPT bình thường, TTT thường xuyên cao, bỏ Nhân trần, gia Đương qui. Chất lòng trắng trứng sụt thấp, bỏ Nhân trần, Hoàng cầm, gia Quy bản, A giao.

27. Lã thị ôn dương bảo Can thang

Người cống hiến: Lã Thừa Toàn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Phụ phiến	Nhục quế
Nhân trần	Đảng sâm
Bạch truật	Phục linh
Đại táo	Cam thảo

28. Trương thị điều hoà Can Vị phương

Người cống hiến: Trương Hán Vĩ, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Thượng Hải

Nhân trần	9 gam	Chế Xương truật	6 gam
Phục linh	9 "	Hoàng bá	4,5 "
Chế Bán hạ	5 "	Tiểu ôn trung hoàn	6 "
Sao Ý dĩ	12 "	Thanh bì	4,5 "
Xích Tiểu đậu	5 "	Trần bì	4,5 "
Phật thủ hoa	3 "		
Hắc sơn chi	9 " (chia nuốt 2 lần)		

29. Bùi thị tân sinh nhi dương hoàng chứng trị phương

Người cống hiến: Bùi Học Nghĩa, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Sinh Mạch nha	9 gam	Nhân trần	12 gam
Long đởm thảo	3 "	Sao Chi tử	4 "
Xuyên Trường thảo	6 "	Kim tiền thảo	9 "
Thông thảo	3 "	Tử thảo	9 "
Hoàng bá	4 "	Trúc như	4 "
Mã sỉ hiện	9 "	Thanh đại	0,3 "
Bại tương thảo	9 "	Huyết kiệt	0,3 "

Hai vị Thanh đại, Huyết kiệt chia làm 3 lần hoà uống.

Cách dùng: xem bài 32 giới thiệu ở sau.

30. Viên thị thai hoàng phương

Người cống hiến: Viên Thuật Chương, Lão Trung y nổi tiếng Viện Trung y thành phố Bắc Kinh

Nhân trần	10 gam	Ngõa tùng	10 gam
Tử thảo	5 "	Thanh bì	6 "
Thiên thảo	6 "	Xuyên Trường thảo	10 "

Ngoài ra phối hợp với Thanh phàn tán (tức Thanh đại, Minh phàn), hoà vào nước thuốc cho uống.

31. Tân sinh nhi dương hoàng thanh giải thang

Người cống hiến: Vương Trước Sở, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Nhân trần	10 gam	Bạch anh	6 gam
Sinh Chi tử	6 "	Hoàng bá	3 "
Kim tiền thảo	15 "	Uất kim	3 "

32. Bùi thị Tân sinh nhi âm hoàng chứng trị phương

Người cống hiến: Bùi Học Nghĩa, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Sinh Mạch nha	9 gam	Bạch truật	6 gam
Phục linh	9 "	Ý dĩ	9 "
Nhân trần	12 "	Thông thảo	3 "
Kim tiền thảo	9 "	Hoạt thạch	6 "
Quất hạch	9 "	Liên nhục	9 "
Sinh Mẫu lệ	30 "	Đào nhân	4 "

Cách dùng: Bỏ thuốc vào ấm đổ ngập nước, đun nhỏ lửa lâu 15 phút là được. Nhân trần bỏ vào sau. Mỗi lần sắc lấy khoảng 50 ml, mỗi thang sắc 2 lần, chia làm nhiều lần uống vào sáng, trưa và tối. Bệnh nặng mỗi ngày uống 5 - 6 lần, khi cần thiết có thể uống cả ban đêm.

Gia giảm: Nếu phú bẩm bất túc, Tỳ dương không mạnh, chân tay lạnh, gia Đảng sâm, Can khương. Bụng trướng gia Mộc hương, Quất hạch. Đau bụng ỉa chẩy gia Liên nhục. Lưỡi đỏ tía là độc tà thịnh gia Tử thảo. Đêm ngủ không yên gia Tảo nhân. Can to gia Sinh Mẫu lệ. Hoạt huyết hoá ứ gia Hồng hoa, Đào nhân. Cholesterol cao gia Mã sỉ hiện, Bại tương thảo.

33. Ấn thị Can viêm phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị

Nhân trần	30 gam	Chi tử	10 gam
Uất kim	15 "	Bồ công anh	30 "
Hổ trượng	30 "		

34. Quan thị Can viêm phương

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hoắc hương	10 gam	Bội lan	10 gam
Hạnh nhân	10 "	Quất hồng	10 "
Hoàng cầm	10 "	Sinh ý dĩ	10 "
Khấu nhân	5 "	Mẫu đan bì	10 "
Bại tương thảo	10 "	Nhân trần	10 "
Hoàng liên	5 "		

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần uống 10 gam. Trẻ em giảm nửa liều lượng.

31. PHÁT BAN ĐỎ

Ban đỏ, chỉ loại chứng trạng da dẻ toàn thân nổi từng mảng to nhỏ không đều, hình trạng bất nhất, có khi liên kết từng đám liên tiếp, thường gặp trong bệnh biến Ôn nhiệt.

Ban đỏ trong bệnh Ôn nhiệt phần nhiều gặp ở giai đoạn Khí Doanh Huyết phận. Có triệu chứng ban chẩn nổi lờ mờ, đau đầu, nôn mửa, khát nước, đó là nhiệt độc ở Khí phận, lan toả tới Doanh phận, cho uống ***Long Đởm Thạch cao thang (1)*** để thanh nhiệt giải độc, mát Doanh lui Ban. Nặng hơn thì dùng ***Hoá ban thang gia giảm phương (2)*** để làm sạch cả Khí và Doanh, giải độc hoá Ban.

Ban chẩn xuất hiện ở mặt và ngực, mắt đỏ mũi xuất huyết, đau đầu, nhức quầng mắt, đau lưng, sốt cao khát nước, tiểu tiện vàng sẻn, đó là hoả độc quá thịnh xâm phạm Doanh huyết, có thể uống thang thuốc liều cao ***Mạnh thị xuất huyết nhiệt phương (3)*** để thanh nhiệt tả hoả, giải độc mát huyết.

Phát ban có kiêm chứng phát sốt, sợ gió, tâm phiền khát nước, có thể dùng ***Gia vị Ngân kiều tán (4)*** là thuốc tân lương giải biểu, thấu nhiệt giải độc, kèm theo tác dụng ích khí bảo vệ âm, tán huyết sạch huyết.

Có kiêm chứng sốt cao, khát nước, lưỡi tía, hôn mê có khi nói sảng, co giật, thì dùng ***Giải độc hoá ban khai khiếu phương (5)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá ban khai khiếu, dẹp phong ngăn chặn cơn co cứng.

Ban với Chẩn thường đồng thời xuất hiện. Phát ban đỏ là một bước phát triển của phát chẩn đỏ; cho nên chứng này nên khám chung với loại Phát chẩn đỏ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Long đởm thạch cao thang

Người cống hiến: Chu Thuy Thạch, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện số II thị trấn Trạm Giang tỉnh Quảng Đông

Long đởm thảo	80 gam	Sinh Thạch cao	160 gam
Bạch mao căn	95 "	Đại Thanh diệp	95 "
Tri mẫu	60 "	Huyền sâm	95 "
Sinh Địa hoàng	95 "	Cam thảo	45 "
Kim ngân hoa	95 "	Bồ công anh	95 "

Cách dùng: Nước sạch 3750 ml, sắc cạn lấy 1250 ml, người lớn mỗi lần uống 120 ml, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Gia giảm: Kiêm chứng khạc ra huyết, mũi xuất huyết gia Thuỷ ngưu giác. Hôn mê nói sảng, sốt cao, có thể chọn dùng Tử tuyết đan, An cung ngưu hoàng hoàn hoặc Chí bảo đan. Co giật có thể gia Câu đằng, Toàn yết, Địa long. Nôn mửa gia Hoắc

hương, Trúc nhự. Nhiều đàm gia Thiên trúc hoàng, Đởm nam tinh. Nhiệt thâm quyết cũng thâm, có chứng trạng chân tay mát lạnh, nên dùng Thạch cao liều cao để thanh bỏ nhiệt tà.

2. Hoá ban thang gia giảm phương

Người cống hiến: Lan Hữu Lương, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Thạch Cảnh Sơn thành phố Bắc Kinh

Sinh Thạch cao	30 gam	Tri mẫu	15 gam
Đại thanh diệp	30 "	Liên kiều	10 "
Đan bì	10 "	Xích thược	10 "
Bạch mao căn	15 "	Lô vi căn	15 "
Tử thảo căn	10 "	Huyền sâm	15 "
Đạm trúc diệp	10 "	Xuyên Hoàng liên	5 "

3. Mạnh thị xuất huyết nhiệt phương

Người cống hiến: Mạnh Hiến Ích, Y sư chủ nhiệm
Cơ sở Trung y Cục Vệ sinh thành phố Thượng Hải

Sinh Thạch cao	Tiểu Sinh Địa hoàng
Ô tê giác	Sinh Sơn chi
Cát cánh	Hoàng cầm
Tri mẫu	Xích thược
Huyền sâm	Liên kiều
Trúc diệp	Mẫu đan bì
Cam thảo	

Liều lượng đơn thuốc này nên dùng nhiều.

Gia giảm: Trướng bụng, đại tiện khô thuộc chứng có thể dùng phép Hạ thì gia Đại hoàng, Mang tiêu.

4. Gia vị Ngân kiều tán.

Người cống hiến: Mễ Bá Nhượng, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Thiểm Tây

Kim ngân hoa	17,5 - 35 gam		
Liên kiều	17,5 - 35 "		
Bạc hà	10,5 gam	Đạm đậu sị	14 gam
Trúc diệp	10,5 "	Tiên lô căn	35 "
Ngưu bàng	10,5 "	Giới tuệ	7 "
Cat cánh	10,5 "	Sinh Cam thảo	14 "
Đảng sâm	10,5 "	Bạch thược	10,5 "
Thăng ma	10,5 "	Cát căn	14 "

Cách dùng: Mỗi thang sắc với 600 ml nước, trước nấu to lửa cho sôi, sau đun nhỏ lửa 30 phút, lọc lấy 200 ml nước cốt. Lần thứ hai sắc 400 ml nước, cũng lấy 200 ml tổng cộng 400 ml chia 2 lần uống trong ngày, mỗi lần 200 ml, uống lúc nóng, trước bữa cơm. Mỗi ngày 1 thang, bệnh nặng có thể ngày uống 2 thang.

Gia giảm: Khát nước nhiều gia Thiên hoa phấn từ 17,5 đến 30 gam để sinh tân chỉ khát. Đau lưng thuộc dương hư gia Đỗ trọng 14 gam. Âm hư gia Tri mẫu 14 gam để chiếu cố Thận khí. Ho gia Hạnh nhân 10,5 gam để khai lợi Phế khí. Viêm Kết mạc mắt và mặt sưng đỏ nhẹ, gia Tri mẫu 28 gam, Bạch mao căn 35 gam để lương huyết tiêu sưng lợi thuỷ. Nếu ngực bụng nổi ban chẩn lờ mờ, bỏ Đạm đậu sị, Giới tuệ, gia Sinh Địa hoàng 14 gam, Mẫu đan bì 10,5 gam, Đại thanh diệp 10,5 gam, Huyền sâm 35 gam để mát huyết giải độc, hoá ban.

Nếu kiêm chứng ở Khí phận, khát nước, ra mồ hôi thở suyễn, gia Tri mẫu 14 gam, Sinh Thạch cao 14 - 28 gam. Nếu tà khí vào doanh phận, lưỡi tía, sốt về chiều, phiền táo không yên gia Sinh Địa hoàng 28 gam, Huyền sâm 17,5 gam, Mạch môn đông 21 gam để giữ tân dịch. Đổ máu mũi, bỏ Giới tuệ, Đạm đậu sị, gia Sinh Địa hoàng 28 gam, Huyền sâm 14 gam, Mạch môn đông 21 gam, Ngọc trúc 10,5 gam, Trắc bá thán 14 gam, Tiêu Chi tử 14 gam, Bạch mao căn 70 gam để mát huyết chỉ huyết. Cổ sưng họng đau gia Mã bột, Huyền sâm đều 10, 5 gam để tán nhiệt giải độc tiêu sưng. Ngực khó chịu gia Hoắc hương, Uất kim đều 10,5 gam để ngăn ngừa tà vào Tâm bao. Nếu nôn khan, rêu lưỡi trắng gia Khương Bán hạ 10,5 gam, Hoắc hương 14 gam để hoá trọc, táo thấp trừ nôn. Rêu lưỡi vàng gia Trúc nhự, Hoàng cầm đều 10,5 gam để thanh nhiệt hoà Vị chống nôn.

5. Giải độc hoá ban khai khiếu phương

Người cống hiến: Trương Quí Cao, Y sư phó chủ nhiệm Viện Trung y thị trấn Giang Dương tỉnh Quảng Đông

Sinh Địa hoàng	15 gam	Sinh Thạch cao	10 gam
Xuyên Hoàng liên	5 "	Xích thược	5 "
Mẫu đơn bì	5 "	Cương tàm	5 "
Chi tử	10 "	Trúc diệp	10 "
Đại thanh diệp	10 "	Sinh Đại hoàng	10 "
Câu đằng	10 "	Huyền sâm	10 "
Linh dương giác	3 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Sắc lấy nước uống hoặc xông qua đường mũi. Cách 6 giờ thực hiện 1 lần.

32. PHÁT HỒNG CHẨN

Hồng chẩn - nốt sởi đỏ - là chỉ những nốt nhỏ sắc đỏ xuất hiện ở bề mặt bì phu. Nốt sởi so với Ban nhỏ hơn, tình trạng phát bệnh cũng nhẹ hơn phát Ban.

Trong lâm sàng thường xuất hiện Ban và Chẩn lẫn lộn có thể tham khảo cả bệnh Ban đỏ. Trong lâm sàng nhi khoa còn có chứng "Lạn hầu sa", triệu chứng thường là bì phu có nốt sởi đỏ đồng thời xuất hiện cả chứng họng sưng đỏ đau. Lúc đầu đa số có chứng trạng phát sốt sợ gió, khát nước, mạch Phù Sác, có thể dùng bài ***Hóa tài Phổ tế tiêu độc ẩm (1)*** để sơ tán biểu tà, thanh nhiệt giải độc.

Nếu kiêm chứng đau đầu buồn nôn hoặc nôn mửa, mắt đỏ và khô không có nước mắt, đôi khi có ho khan thì dùng ***Lương thị lương thấu thanh giải phương (2)*** để tân lương thấu giải, thanh nhiệt giải độc.

Có kiêm chứng đau mỏi toàn thân, tiểu tiện sẻn vàng rêu lưỡi và miệng nhớt hoặc rêu lưỡi vàng nhớt, cho uống ***Thanh giải thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc thấu chẩn.

Nếu sởi đỏ mọc dầy, sốt cao không lui, yết hầu sưng đau loét nát, khát nước phiền táo, chất lưỡi đỏ tía, rêu lưỡi vàng khô, mạch Hồng Sác đó là khí phận bị nhiệt độc sâu nặng lan toả tới doanh phận thì dùng ***Gia giảm giải độc thang (4)*** để thanh hoả

giải độc kèm theo tác dụng mát doanh. Miệng khát khá nặng hoặc hôn mê nói sảng, cho uống ***Lương thị khí doanh lưỡng thanh phương (5)*** để thanh nhiệt giải độc, làm mát cả khí và doanh kiêm sinh tân bảo vệ âm.

Sởi đỏ, sốt cao không giảm, hôn mê nói sảng, họng loét nát, lưỡi nổi gai, sắc lưỡi sẫm hoặc đen thì dùng ***Lương thị thanh doanh lương huyết khai khiếu phương (6)*** để thanh doanh lương huyết khai khiếu, nếu kiêm chứng co giật thì dùng ***Lương thị thanh doanh tức phong phương (7)*** để thanh doanh giải độc, dẹp phong khai khiếu.

Nếu độc sởi đã bài tiết mà vẫn sốt cao khát nước, họng sưng đỏ đau, lại thấy cả vật loét nát, có lúc nói sảng chất lưỡi đỏ hoặc tía có gai, là thuộc khí và doanh đều bị hun đốt, âm dịch đã tổn thương, cho uống ***Giải độc thoái nhiệt lợi yết phương (8)*** để thanh doanh tả nhiệt, giải độc tư âm.

Giai đoạn cuối của bệnh này, nốt sởi giảm dần, sốt lui, đau họng giảm nhẹ, hạ sốt, khát nước khô họng là tà độc chưa hết, âm tân đã tổn thương, tà khí chỉ còn lại chút ít, cho uống ***Gia vị Cam cát thang (9)*** để thanh nhiệt giải độc dưỡng âm. Nếu tà ít mà hư yếu nhiều thì dùng ***Lương thị dưỡng âm thanh nhiệt phương (10)*** để dưỡng âm tả nhiệt sinh tân giải khát.

Bệnh này ở khu vực lây lan, có thể dự phòng bằng cho uống bài ***Vương thị dự phòng phương (11).***

Nên tham khảo với các bệnh "Yết hầu sưng đau" và "Phát ban đỏ".

1. Hoá tài phổ tế tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kim ngân hoa	10 gam	Liên kiều	10 gam
Giới tuệ	5 "	Thuyền thuế	3 "
Ngưu bàng tử	3 "	Sạ can	6 "
Mã bột	5 "	Hoàng cầm	6 "
Lô căn	3 "		

2. Lương thị lương thấu thanh giải phương

Người cống hiến: Lương Tôn Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Tuyên Võ Bắc Kinh

Kim ngân hoa	Liên kiều
Bạc hà	Bản lam căn
Sơn đậu căn	Đậu sị
Sạ can	Thiên hoa phấn
Kinh giới tuệ	Ngưu bàng tử
Cát cánh	Tiên lô căn

Gia giảm: Nếu đau họng, táo bón, có thể dùng Tử tuyết tán hoà vào nước thuốc cho uống.

3. Thanh giải thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kim ngân hoa	9 gam	Liên kiều	9 gam
Ngưu bàng tử	9 "	Kinh giới tuệ	6 "

Bạc hà	3 gam	Hoàng cầm	6 gam
Thuyền thuế	3 "	Đại Thanh diệp	9 "
Cam thảo	3 "	Cẩm đăng lung	6 "

Gia giảm: Sốt cao, ít mồ hôi, nốt sởi mọc lờ mờ không đều, gia Cát căn 6 gam, Lô căn 9 gam. Sốt cao, ít mồ hôi, Tâm phiền không yên, gia Sinh Sơn chi 9 gam, Đạm đậu sị 9 gam. Lưỡi khô khát nước, phiền táo không yên gia Sinh Thạch cao 12 gam, Tri mẫu 9 gam. Đau họng khàn tiếng, ho nhẹ có đàm, gia Cát cánh 9 gam, Bối mẫu 9 gam.

4. Gia giảm giải độc thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh đại	6 gam	Nhi trà	6 gam
Sinh địa tươi	9 "	Liên kiều	9 "
Sinh thạch cao	12 "	Tri mẫu	9 "
Hoàng cầm	6 "	Mã bột	6 "
Cam thảo	3 "	Bồ công anh	9 "

Gia giảm: Môi miệng khô ráo, ít tân dịch, gia Huyền sâm 9 gam, Mạch môn đông 9 gam. Phiền táo không yên, đêm không ngủ được, gia Sinh Sơn chi 9 gam, Liên tử tâm 3 gam. Tinh thần không tỉnh táo, nói năng quàng xiên, gia Liên tử tâm 6 gam, Thuỷ ngưu giác 9 gam. Đại tiện bí kết, tiểu tiện sẻn vàng, gia Thục Đại hoàng 6 gam, Sinh Sơn chi 6 gam. Sốt cao không lui, co giật, gia Cương tàm 9 gam, Câu đằng 6 gam. Bì phu ngứa ngáy, gia Thuyền thuế 3 gam, Cương tàm 6 gam.

5. Lương thị khí doanh lưỡng thanh phương

Người cống hiến: Lương Tôn Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Tuyên Võ Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng
Bạch mao căn
Trúc diệp
Mẫu Đan bì
Sơn đậu căn
Sinh Thạch cao
Bạc hà
Thạch hộc
Tri mẫu
Tiêu lô căn

6. Lương thị thanh doanh lương huyết khai khiếu phương

Người cống hiến: Lương Tôn Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Tuyên Võ Bắc Kinh

Sinh địa tươi
Xích Thược dược
Huyền sâm
Xuyên Hoàng liên
Tử tuyết tán
Mẫu Đan bì
Kim ngân hoa
Mạch môn đông
Đan sâm
An cung ngưu hoàng hoàn

7. Lương thị thanh doanh tức phong phương

Người cống hiến: Lương Tôn Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Tuyên Võ Bắc Kinh

Kim ngân hoa
Bạch mao căn
Bản lam căn
Huyền sâm
Thạch cao sống
Xuyên Hoàng liên
Tích loại tán (thổi vào họng)
Liên kiều
Sinh địa tươi
Thạch hộc
Mẫu Đan bì
Trúc diệp
Tử tuyết đan

8. Giải độc thoái nhiệt lợi yết phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bản lam căn	10 gam	Sinh Thạch cao	18 gam
Trúc diệp	3 "	Xích thược	5 "
Mẫu Đan bì	3 "	Lô căn	10 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Kim ngân hoa	10 "
Liên kiều	10 "	Ngưu bàng tử	3 "
Huyền sâm	6 "		

9. Gia vị Cam cát thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Cát cánh	9 gam	Mạch môn đông	6 gam
Thiên hoa phấn	9 "	Liên kiều	9 "
Thuyền thuế	3 "	Đại Thanh diệp	6 "
Cẩm đăng lung	6 "	Cam thảo	3 "
Địa cốt bì	9 "		

10. Lương thị dưỡng âm thanh nhiệt phương

Người cống hiến: Lương Tôn Hàn, Y sư chủ nhiệm Trung y Y viện khu Tuyên Võ Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	Mạch môn đông
Huyền sâm	Thiên hoa phấn
Thạch hộc	Bạch thược
Sa sâm	Trích thảo

11. Vương thị dự phòng phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bản lam căn	9 gam	Kim ngân hoa	9 gam
Bồ công anh	9 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Sắc 2 nước, chia làm 3 lần uống. Dùng liên tục từ 3 - 5 ngày.

33. NGỨA TOÀN THÂN

Chứng này chỉ bì phu ngứa ngáy thậm chí rách da rách thịt, bật máu tươi.

Bì phu ngứa ngáy nổi thành từng lằn máu, gặp nóng hay gió càng ngứa hơn, lâu ngày chữa không khỏi, cho uống ***Ô sà khu phong thang (1)*** để khu phong thấu tà, thang giải uất nhiệt, bên ngoài thì xoa ***Nhuận phu chỉ dạng dịch (2)*** để thanh nhiệt giải độc chống ngứa. Ngoài ra còn có thể phối hợp sử dụng ***Trương thị bì phu ngoại tẩy nhất phương (3)*** để xông rửa. Người cao tuổi bì phu ngứa gãi, có khi da dẻ khô ráo tróc vẩy, về đêm càng ngứa nhiều, có thể dùng ***Khư phong chỉ dương thang (4)*** để dưỡng huyết khư phong, nhuận táo trừ ngứa. Nặng hơn thì dùng ***Tiêu thị chỉ dương thang (5)*** để bình Can khư phong, dưỡng huyết nhuận táo, trấn tĩnh chống ngứa.

Có kiêm chứng sắc mặt tái xanh, môi nhợt lưỡi tối, hồi hộp yếu sức, bệnh lâu ngày không khỏi, cho uống ***Dưỡng huyết tửu phong phương (6)*** để ích khí sinh huyết, nhuận da trừ ngứa kiêm khư phong.

Có kiêm chứng họng khô táo bón, choáng đầu, chất lưỡi tía tối, ngứa ngáy tái phát nhiều lần, cho uống ***Chỉ dương tức phong phương (7)*** để dưỡng âm huyết và tiêu ứ, nhuận táo dẹp phong.

Bì phu ngứa ngáy khi bị rách thịt biến thành sắc đỏ nhạt, tái phát nhiều lần, uống các loại thuốc khư phong dưỡng huyết không hiệu quả, chất lưỡi tối xạm là thuộc huyết ứ doanh trệ, cho uống ***Hoạt huyết khư phong thang (8)*** để hoạt huyết trừ ứ, hoà doanh tiên phong.

Nếu kiêm chứng mỏi mệt yếu sức, miệng đắng rêu nhớt, có thể dùng ***Trảm dương hoàn (9)*** để hoạt huyết ích khí, khư phong, trừ thấp, chống ngứa.

Bì phu ngứa ngáy, sau khi bị rách thịt nổi mọng nước, nốt huyết chẩn chảy nước thì dùng ***Khổ sâm cao (10)*** xoa sát nơi đau, để trừ thấp sát trùng chống ngứa, hoặc dùng ***Bách bộ tẩy phương (11)*** để thấm rửa chỗ ngứa.

Nếu chỗ ngứa rách da ẩm ướt quá nhiều, bì phu ướt nhẽo và loét thì dùng ***Chỉ dương dược phấn (12)*** để chống ngứa trừ thấp, hoặc xát ***Tam thạch thuỷ (13)*** để liễm thấp trừ ngứa.

Vì dị ứng thuốc dẫn đến ngứa bì phu, nổi nốt sởi, ban đỏ, kiêm chứng đau họng, phát sốt, tâm phiền bực bội, đau bụng, nôn mửa, đó là nhiệt nung nấu huyết uất thành độc, điều trị nên thăng tán nhiệt độc, tuyên thông kinh mạch, mát huyết tiết hoả, có thể dùng ***Song thăng thang (14).***

Dị ứng thuốc gây ngứa gãi loét nát, chảy ra nước dính hoặc máu, kiêm chứng tâm phiền, tiểu tiện vàng, đắng miệng, rêu lưỡi vàng nhớt là nhiệt độc kiêm thấp, có thể dùng ***Trương thị ngân hoa tử thảo thang (15).***

Những vết lằn ở kheo khớp bì phu ngứa gãi kịch liệt, ban đêm gặp ấm càng ngứa nhiều, nơi ngứa nổi những nốt huyết chẩn nhỏ như mũi kim hoặc mọng nước là thuộc loại "giới sương", có thể dùng ***Thiềm thừ xấu nhục thang (16)*** để giải độc chống ngứa, bên ngoài xát ***Giới sương tán (17)*** để sát trùng trừ ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ô sà khu phong thang

Người cống hiến: Thu Nhân Khang, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Ô sà	9 gam	Thiền thuế	6 gam
Kinh giới	9 "	Phòng phong	9 "
Khương hoạt	9 "	Bạch chỉ	6 "
Hoàng liên	6 "	Hoàng cầm	9 "
Kim ngân hoa	9 "	Liên kiều	9 "
Cam thảo	6 "		

2. Nhuận phu chỉ dạng dịch

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Sinh Cam thảo	30 gam	Sà sàng tử	30 gam

Cách dùng: Sắc hai lần lấy nước trộn đều, bỏ bã, cô lại còn 200 ml, đựng vào chai để dùng.

Gia giảm: Bì phu khô ráo gia Cam du 50 ml, Băng phiến 3 gam.

3. Tiêu thị bì phương ngoại tây nhất phương

Người cống hiến: Trương Mạn Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Thổ Kinh giới	30 - 60 gam	Như ý hoa	30 - 60 gam
Mao Sạ hương	30 - 60 "	Tùng thụ châm	30 - 60 "

Cách dùng: Sắc lấy nước để rửa.

4. Khư phong chỉ dương thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Thiền thuế	15 gam	Từ trường khanh	15 gam
Sinh Địa hoàng	15 "	Hồng tảo	10 quả

Gia giảm: Đại tiện khô ráo hoặc bí đại tiện, gia Sinh Thủ ô 15 - 30 gam.

5. Tiêu thị chỉ dương thang

Người cống hiến: Tiêu Diêu Linh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Đương qui	25 gam	Thủ ô	25 gam
Bạch thược	30 "	Từ trường khanh	25 "
Thiền thuế	25 "	Tàm xa	15 "
Lộ lộ thông	15 "	Địa phu tử	15 "
Hắc chi ma	25 "	Lăng tiêu hoa	15 "
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Sắc hai nước, chia uống ngày hai lần, uống trước bữa cơm; kiêng ăn các thứ tanh, cay nóng. Trẻ em linh hoạt giảm bớt liều lượng.

6. Dưỡng huyết tửu phong phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hoàng kỳ	15 gam	Đương qui	9 gam
Bạch thược	9 "	Xuyên khung	6 "
Hồng hoa	9 "	Huyền sâm	9 "
Kinh giới	9 "	Mã bột	9 "
Cam thảo	6 "		

7. Chỉ dương tức phong phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Huyền sâm	9 gam
Đương quy	9 "	Đan sâm	9 "
Mã bột	9 "	Long cốt nung	9 "
Mẫu lệ nung	9 "	Trích thảo	6 "

8. Hoạt huyết khư phong thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đương qui vĩ	9 gam	Xích thược	9 gam
Đào nhân	9 "	Hồng hoa	9 "
Kinh giới	9 "	Thuyền thuế	6 "
Mã bột	9 "	Cam thảo	6 "

9. Trảm dương hoàn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Nhân sâm	240 gam	Bạch tật lê	60 gam
Khổ sâm	500 "	Cương tàm	45 "
Thạch nam chi	60 "	Một dược	60 "
Nhũ hương	60 "	Hồng hoa	60 "
Đại mạo	120 "	Cam thảo	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên như hạt đỗ xanh, mỗi lần uống 30 - 60 viên, ngày uống 1 - 2 lần, chiêu với nước chín hoặc rượu nhạt.

10. Khổ sâm cao

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Bột Khổ sâm 60 gam Vadơlin (Phàn sĩ lâm) 240 gam

Cách dùng: Bôi ngoài da.

11. Bách bộ tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Bách bộ	120 gam	Khổ sâm	120 gam
Sà sàng tử	60 "	Hùng hoàng	15 "
Lang độc	75 "		

Cách dùng: Các vị tán bột thô, bọc vào túi vải, nấu với 3000 ml nước, sôi chừng 30 phút, lấy khăn bông nhúng thuốc để rửa

rồi pha thêm nước sôi mà tắm. Nếu vết đau loét nát thì dùng thuốc phải cẩn thận.

12. Chi dương dược phấn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Lão Tùng hương	30 gam	Cung phấn	30 gam
Khô phàn	30 "	Khinh phấn	15 "
Băng phiến	6 "	Mật đà tăng	15 "
Lô cam thạch	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, bọc vào túi vải chườm vào bên ngoài vết đau, hoặc pha vào dầu mà bôi; cũng có thể chế thành 5 - 20 % cao mềm để dùng ở bên ngoài.

Chú ý: Bệnh bì phu viêm cấp tính, tổn hại niêm mạc dùng phải cẩn thận; các loại thuốc độc dị ứng mạnh cấm không được dùng.

13. Tam thạch thuỷ

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Lô cam thạch	30 gam	Hoạt thạch	90 gam
Xích thạch chi	90 "	Băng phiến	9 "
Cam du	150 ml		

Cách dùng: Các vị thuốc trên, tán bột, hâm trong 1000 ml nước, cuối cùng thêm Cam du chế thành dạng thuốc nước, khi dùng thì lắc đều, lấy khăn bông nhúng thuốc chấm vào vết đau.

14. Song Thăng thang

Người cống hiến: Chu Văn Xuyên, Giáo sư
Trung y học viện Hà Nam

Thăng ma	5 gam	Cát căn	15 gam
Xích thược	15 "	Trần bì	10 "
Cam thảo	5 "	Cương tàm	12 "
Thiền thuế	10 "	Khương hoàng	10 "
Đại hoàng	5 " (bỏ vào sau)		

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm vào 2 bát nước chừng 20 phút, đem sắc lâu 30 phút bấy giờ mới bỏ Đại hoàng vào, lại đun 5 phút nữa, bỏ bã. Sắc lần 2 đổ vào hơn 1 bát, nấu sôi lấy nước, trộn hai nước vào nhau để uống nóng làm 2 - 3 lần trong ngày. Sau khi uống thuốc lại uống thêm 1 chén nước trà pha đặc để tăng cường sức thanh tán của thuốc.

Gia giảm: Có từng mảng phong chẩn rất ngứa, gia Kinh giới, Phòng phong để khư phong thấu nhiệt.

15. Trương thị ngân hoa tử thảo thang

Người cống hiến: Trương Mạn Hoa, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Quảng Châu

Tử thảo	15 gam	Kim ngân hoa	20 gam
Liên kiều	15 "	Thiến thảo căn	30 "
Tử hoa địa đinh	15 "	Bạch mao căn	30 "
Thiền thuế	10 "	Bạch tiên bì	15 "

16. Thiềm thừ xấu nhục thang

Người cống hiến: Đặng Thiết Đào, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Thiềm thừ	2 con	Xấu nhục (Thịt nạc)	50 - 100 gam
Trần bì	3 gam		

Cách dùng: Nuôi Thiềm thừ bằng nước gạo sau 2 ngày, lột bỏ da, chặt bỏ đầu, chân, loại bỏ nội tạng, lại dùng nước sạch ngâm 2 giờ, nấu chung với hai thứ kia, nhân lúc nóng cho ăn và uống nước.

17. Giới sương tán

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đông đơn	15 gam	Thiết tiêu	15 gam
Minh phàn	15 "	Hoa tiêu	15 "
Lưu hoàng	15 "	Lục nhất tán	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn. Trước hết dùng Hành sống giã nát như bùn, đựng vào bát, đun nhỏ lửa để xông tay, lại dùng dầu Vừng xoa vào tay rồi chấm thuốc vào nơi đau.

34. PHONG CHẨN Ở BÌ PHU

Phong chẩn ở bì phu là chỉ ban nổi cao ở bì phu chồng chất thành từng mảng chằng chịt, cho nên còn gọi là "Phong ngật tháp".

Bì chẩn có mầu trắng bột, to nhỏ không đều, phát sốt sợ lạnh, gặp lạnh thì bệnh tăng, gặp ấm thì đỡ, không mồ hôi, đau mình; đó là do phong hàn gây nên, điều trị nên tân ôn phát biểu, có thể dùng ***Hà thị bồi lôi tân ôn tuyên giải pháp (1).***

Chứng trên nếu chủ yếu do gặp lạnh thì phát, có thể dùng ***Chu thị cố vệ ngự phong thang (2)*** để cố biểu khư phong, tán hàn hoà doanh điều vệ.

Bì chẩn nổi sắc đỏ hoặc như bột hồng, ban nổi chồng chất thành mảng lan toả toàn thân rất nhanh, cục bộ có cảm giác nóng rát, ưa mát sợ nóng; kiêm chứng phát sốt sợ gió, mạnh Phù Sác là do phong nhiệt gây nên, điều trị theo phép sơ phong thanh nhiệt chống ngứa, cho uống ***Hà thị sơ phong thanh nhiệt pháp (3).*** Kiêm chứng họng khô đau, là nhiệt tà thiên thịnh, có thể dùng ***Chu thị tiêu phong thanh nhiệt ẩm (4)*** để thanh nhiệt tiêu phong trừ ngứa.

Kiêm chứng họng đau Tâm phiền, đau bụng nôn mửa, đại tiện khô kết là phong độc bó ở ngoài biểu, phủ khí không điều hoà, có thể dùng ***Chu thị song thăng thang (5)*** để thăng tán nhiệt độc, tiết nhiệt thông Phủ.

Kiêm chứng bì chẩn sắc đỏ tươi mà rất ngứa là do phong nhiệt độc uất kết ở huyết phận, có thể dùng ***Ngọ thị kháng mẫn khẩu phục dịch (6)*** để sơ phong chống ngứa, thanh nhiệt giải độc, lương huyết chỉ huyết.

Đột ngột phát sinh bì chẩn, sắc đỏ tươi có tính chất kết từng mảng rất nhanh, rất ngứa, sau đó kết thành từng cục, từng lằn vết sắc đỏ hoặc tía, tiểu tiện vàng sẻn, rêu lưỡi vàng nhớt, đó là nhiệt tích ở huyết phận, có kiêm phong thấp nhiệt, điều trị nên lương huyết thanh nhiệt, khư phong trừ thấp, chống ngứa, có thể dùng ***Lý thị lương huyết khư phong táo thấp thang (7).***

Bì chẩn có sắc đỏ sạm, gặp gió hay nóng thì bệnh tăng, trời âm u càng nặng hơn, kiêm chứng phát sốt về buổi chiều, mình nóng bứt rứt, đầu nặng thân thể mỏi mệt, khát nước, đại tiện khó đi, tiểu tiện đỏ rít, rêu lưỡi vàng nhớt, đó là có thấp nhiệt uất trệ, điều trị theo phép phương hương hoá thấp, thanh nhiệt giải độc, có thể dùng ***Hà thị phương hương sơ hoá phương (8).***

Bì chẩn do phong bế có màu trắng hoặc đỏ kéo dài không khỏi, phát cơn bất thường, trung quản bĩ đầy, ăn kém ngực đầy, ợ hăng nuốt chua, cồn cào buồn nôn, đại tiện không điều, đó là do thực tích gây nên, có thể dùng ***Hà thị sơ phong đạo trệ pháp (9)*** để sơ phong thanh nhiệt, hoà trung thanh đạo.

Bì chẩn sắc đỏ, tái phát nhiều lần, ngứa gãi kịch liệt hoặc dằng dai không dứt là do phong độc gây nên, cho uống ***Chu thị ô sà khu phong thang (10)*** để khư phong giải độc, thanh nhiệt trừ ngứa.

Nếu là bì chẩn tái phát lâu ngày không khỏi, nốt chẩn trắng nhạt, ngứa gãi không nặng lắm, kiêm chứng hồi hộp choáng váng, đó là huyết hư sinh phong gây nên, cho uống ***Trần thị tiêu tầm thang (11)*** để bổ huyết, khư phong, chống ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hà thị bồi lôi tân ôn tuyên giải pháp

Người cống hiến: Hà Như Hàn, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Kinh giới tuệ	4,5 gam	Xương nhĩ tử	6 gam
Kim ngân hoa đằng	12 "	Phòng phong	6 "
Bạch tiên bì	15 "	Tần giao	10 "
Đương qui vĩ	10 "	Phục linh bì	10 "
Địa phu tử	10 "	Sinh Cam thảo	10 "

Gia giảm: Mình nặng đau mỏi, gia Hán Phòng kỷ, Ty qua lạc. Phong hàn khá nặng (huyết áp không cao) gia Ma hoàng, Quế chi, giảm Kinh giới, Phòng phong.

2. Chu thị cố vệ ngự phong thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trích Hoàng kỳ	20 gam	Phòng phong	10 gam
Sao Bạch truật	10 "	Quế chi	10 "
Xích thược	10 "	Bạch thược	10 "
Sinh khương	3 nhát	Đại táo	10 quả

3. Hà thị sơ phong thanh nhiệt pháp

Người cống hiến: Hà Như Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Bạc hà diệp	2 gam	Kim ngân hoa	12 gam
Cúc hoa	10 "	Liên kiều	10 "
Tang diệp	10 "	Xích thược	10 "
Bạch tiêu bì	15 "	Địa phu tử	12 "
Mẫu Đan bì	10 "	Phục linh bì	10 "
Hoàng cầm	10 "		

Gia giảm: Đau đầu, gia Bạch tật lê. Đại tiện khô, gia Quát lâu nhân, Đại hoàng. Tiểu tiện đỏ, gia Lục nhất tán, Trúc diệp. Kiêm thấp, gia Hoắc hương, Bội lan, Đại đậu quyển.

4. Chu thị tiêu phong thanh nhiệt ẩm

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kinh giới	10 gam	Phòng phong	10 gam
Phù bình	10 "	Thiền thuế	6 "
Đương qui	10 "	Xích thược	10 "
Đại Thanh diệp	10 "	Hoàng cầm	10 "

5. Chu thị song thăng thang

Người cống hiến: Chu Văn Xuyên, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Thăng ma	5 gam	Cát căn	15 gam
Xích thược	15 "	Trần bì	10 "

Cam thảo	5 gam	Cương tàm	12 gam
Thiền thuế	10 "	Khương hoàng	10 "
Đại hoàng	5 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm vào 2 bát nước chừng 20 phút, sau khi sắc được 20 phút mới bỏ Đại hoàng vào sắc thêm 5 phút nữa, bỏ bã. Lần thứ hai sắc thêm hơn 1 bát, cũng lấy nước cốt, trộn 2 lần vào nhau, chia làm 3 lần uống trong một ngày, lúc thuốc còn ấm. Sau khi uống thuốc lại uống tiếp một chén nước trà đặc, để giúp sức thanh tán mạnh hơn.

Gia giảm: Vì phong chẩn do dị ứng thuốc, có thể gia Kinh giới, Phòng phong để tăng cường tác dụng khư phong thấu nhiệt.

6. Ngọ thị kháng mẫn khẩu phục dịch

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nhi đồng Trung y thành phố Tây An

Thiền thuế	8 gam	Địa phu tử	10 gam
Đại Thanh diệp	10 "	Bạch mao căn	15 "
Tang bạch bì	4 "	Phù bình	3 "
Tử hoa địa đinh	10 "	Tử thảo	6 "
Phòng phong	3 "		

Cách dùng: Thuốc sắc thích hợp với trẻ em từ 1 - 3 tuổi. Còn thuốc ống, cho trẻ dưới 1 tuổi mỗi ngày 1 ống chia 3 lần uống. Từ 1 - 4 tuổi mỗi ngày uống 1 - 2 ống chia làm 2 - 3 lần uống. Từ 4 tuổi trở lên mỗi ngày uống 2 - 3 ống chia làm 2 - 3 lần uống. Người lớn mỗi ngày 3 - 4 ống chia làm 2 - 3 lần uống.

7. Lý thị lương huyết khư phong táo thấp thang

Người cống hiến: Lý Hưng Bồi, Y sư chủ nhiệm Y học viện tỉnh Tân Cương

Sinh Địa hoàng	30 gam	Xích thược	12 gam
Mẫu Đan bì	12 "	Đại hoàng	3 - 9 "
Khổ sâm	15 "	Địa phu tử	15 "
Bạch tiên bì	15 "	Đương qui	10 "
Phòng phong	10 "	Cương tàm	10 "
Sà sàng tử	10 "	Cam thảo	3 - 6 "

8. Hà thị phương hương sơ hoá phương

Người cống hiến: Hà Như Hàn, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Hoắc hương	6 gam (bỏ vào sau)		
Bội lan	10 " (bỏ vào sau)	Bồ công anh	15 gam
Kim ngân hoa	15 gam	Hoàng cầm	10 "
Hậu phác	6 "	Xích thược	10 "
Phục linh bì	10 "	Trần bì	6 "
Hoạt thạch	10 "	Sinh Cam thảo	6 "

Gia giảm: Nếu nặng về phong tà vít lấp, gia Bạch tiên bì, Địa phu tử. Đại tiện khó đi, gia Sơn tra thán, Tân lang, Chỉ thực, Phòng phong.

9. Hà thị sơ phong đạo trệ pháp

Người cống hiến: Hà Như Hàn, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	12 gam	Bạch tiên bì	15 gam
Địa phu tử	10 "	Cúc hoa	10 "

Phục linh	10 gam	Tiêu Mạch nha	10 gam
Tiêu Sơn tra	10 "	Tiêu tân lang	10 "
Sao chỉ xác	6 "	Kê nội kim	10 "
Xích thược	10 "		

Gia giảm: Nếu nhiệt nặng gia Liên kiều, Mẫu Đan bì, Kim ngân hoa. Đau bụng, gia Hương phụ, Thanh bì, Mộc hương. Táo bón gia Qua lâu nhân, Chỉ thực. Nếu táo nhiệt nặng, gia Đại hoàng, Huyền minh phấn.

10. Chu thị ô sà khư phong thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ô tiêu sà	10 gam	Thuyền thuế	6 gam
Kinh giới	10 "	Phòng phong	10 "
Khương hoạt	10 "	Bạch chỉ	6 "
Hoàng liên	6 "	Phục linh	10 "
Kim ngân hoa	10 "	Liên kiều	10 "
Sinh Cam thảo	6 "		

11. Trần thị tiêu tầm thang

Người cống hiến: Trần Chiếu Long, Y sư chủ nhiệm Y viện nhà máy dệt Bao Cương

Hà thủ ô	12 gam	Đương qui	10 gam
Hồng hoa	6 "	Đan sâm	12 "
Hậu phác	10 "	Bạch truật	10 "
Phòng phong	10 "	Cương tàm	10 "
Thiền thuế	10 "	Viễn trí	12 "

35. DA DẺ TRÓC VẨY

Chứng da dẻ tróc như vẩy cá thường gặp trong quá trình của nhiều tật bệnh mạn tính. Nếu da dẻ tróc vẩy, thể trạng tiều tuỵ, có thêm chứng mi mắt sưng húp, mặt nhợt không tươi, đoản hơi yếu sức, ngực khó chịu, đại tiện lỏng; họng khô lưng mỏi, hoặc tiền sử có bệnh viêm Thận mạn tính, cho uống ***Trương thị Thận thập nhị phương*** để ích khí kiện Tỳ. Chứng này thường gặp trong bệnh Ứ huyết, nên tham khảo ở bệnh Ứ huyết.

PHỤ PHƯƠNG

Trương thị Thận thập nhị phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Hồng sâm	20 gam	Bạch truật	15 gam
Phục linh	15 "	Bán hạ	15 "
Trần bì	15 "	Bạch thược	20 "
Đương quy	15 "	Cam thảo	20 "
Thỏ ty tử	15 "	Ngọc trúc	15 "
Thục Địa hoàng	20 "	Câu kỷ tử	20 "

36. HÃN BAN

Chứng này là nói sau khi ra mồ hôi, trên lớp da để lại vết ban. Nó cũng là một loại Bạch điến phong; ở đây giới thiệu chung.

Có chứng trạng lớp da nổi ban trắng hình tròn, ở giữa có điểm ban màu sẫm hơn, cho uống bài: ***Đặng thị bạch điến phong phương (1)*** để hoạt huyết khư phong, điều hoà khí huyết; bên ngoài có thể bôi ***Bạch ban đinh (2), Tam hoàng phấn (3)*** để hoà huyết và trừ vết ban.

Ban trắng lâu ngày, có cảm giác ngứa ngáy. Chất lưỡi nhạt, mạch Tế, thuộc âm huyết bất túc, kiêm cả huyết trệ phong tà, nên dưỡng âm huyết, khư phong tà, lưu thông khí huyết, cho uống ***Lã thị bạch điến phong phương (4)***; Nếu ngứa ngáy nhiều, hoặc vết ban có sắc tía, hoặc hơi đỏ, diện tích không lớn lắm, chất lưỡi đỏ, cho uống ***Trương thị bạch điến phong bí phương (5)*** để khư phong thanh nhiệt trừ ngứa.

Có thêm chứng hồi hộp, đoản hơi, mỏi mệt, yếu sức, vết ban trắng nhưng không bóng, phần nhiều thuộc khí hư, đường lạc bị nghẽn trệ, có thể dùng ***Củng thị tô kỳ thang (6)*** để làm thuốc uống trong, và ***Củng thị phất ban đan (7)*** làm thuốc bôi ngoài.

Sau khi ra mồ hôi để lại vết ban, sắc trắng và hơi ngứa, phần nhiều gặp ở mùa hè, có thể dùng: ***Doãn thị hãn ban phương (8).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Đặng thị bạch điến phong phương

Người cống hiến: Đặng Thiết Đào, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Hà thủ ô	30 gam	Tang thầm	30 gam
Bạch tật lê	18 "	Cương tàm	12 "
Xích thược	12 "	Xuyên khung	12 "
Tam lăng	15 "	Nga truật	15 "
Phòng phong	15 "		

2. Bạch ban đinh

Người cống hiến: Đặng Thiết Đào, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Bạch phàn	Bạch bội
Chế Phụ tử	Bổ cốt chi

Liều lượng vừa đủ dùng.

Cách chế: Các vị thuốc trên ngâm vào rượu lấy nước thuốc đặc để xoa sát vào vết ban.

3. Tam hoàng phấn

Người cống hiến: Triệu Bình Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hùng hoàng	6 gam	Thư hoàng	1,5 gam
Bạch phụ tử	1,5 "	Mật đà tăng	0,6 "
Bạch cập	9 "	Băng phiến	0,9 "
Chu sa	6 "	Xạ hương	0,9 "

Cách dùng: Các vị thuốc trộn đều tán mịn, lấy cuống quả Cà chấm thuốc sát vào vết ban.

4. Lã thị bạch điến phong phương

Người cống hiến: Lã Học Thái, Y sư chủ nhiệm
Viện Trung y số 2 thị trấn Thái An tỉnh Sơn Đông

a - Bài thuốc dùng ngoài:

Sà sàng tử	30 gam	Sinh Đại hoàng	30 gam
Khổ sâm	15 "	Mật đà tăng	30 "
Hùng hoàng	15 "	Lưu hoàng	16 "
Kinh phấn	9 "		

Cách dùng: bốn vị thuốc sau nghiền bột mịn cùng với ba vị thuốc còn lại ngâm vào 750 ml rượu cồn; 7 ngày sau lấy nước bôi vào vết ban, ngày bôi 2 lần.

b - Bài thuốc uống trong:

Bạch tật lê	250 gam	Hà thủ ô	120 gam
Hạn liên thảo	120 "	Đan sâm	60 "
Hương phụ	60 "	Cam thảo	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày 3 lần, trẻ em giảm bớt liều lượng. Kiêng ăn tôm, cua, thịt vịt, thịt ngỗng, thịt dê, thịt bò. Bài thuốc uống dùng đồng thời với bài thuốc xoa, nói chung trong 2, 3 tháng thì khỏi.

5. Trương thị bạch điến phong bí phương

Người cống hiến: Trương Hữu Nhân, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Đông

Bạch tật lê (sao)	120 gam	Hy thiêm thảo	60 gam
Vọng nguyệt sa	30 "	Dạ minh sa	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày 2 lần, mỗi lần uống 1 viên.

6. Củng thị tô kỳ thang

Người cống hiến: Củng Sỹ Trừng, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Thiên Trường tỉnh An Huy

Bại Tô mộc	15 gam	Sinh Hoàng kỳ	25 gam

Cách dùng: sắc nước uống mỗi ngày 1 thang. Mỗi đợt điều trị 30 ngày, đồng thời dùng Phất ban đan để xoa.

7. Củng thị phất ban đan:

Người cống hiến: Củng Sỹ Trừng, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Thiên Trường tỉnh An Huy

Khinh phấn	15 gam	Bạch chỉ	20 gam
Lưu hoàng	20 "	Mật đà tăng	20 "
Ngũ bội tử	10 "		

Cách dùng: 5 vị trên tán thành bột mịn đựng vào bình, tránh ánh nắng. Trước khi dùng, lấy khăn bông tẩm nước nóng sát vào nơi bị bệnh một lúc, tiếp theo bôi một lượt thuốc, động tác nhẹ nhàng, khi vết lang trắng có màu đỏ nhẹ thì ngừng bôi, ngày bôi 2 lần. Thuốc này có chất độc không được uống.

8. Doãn thị hãn ban phương

Người cống hiến: Doãn Đại Học, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Tư Dương tỉnh Tứ Xuyên

Mật đà tăng	50 gam	Lưu hoàng	50 gam
Hùng hoàng	50 "	Khinh phấn	20 "
Băng phiến	10 "		

Cách dùng: các vị trên tán bột mịn đựng trong lọ đậy kín để dùng dần. Mùa Hè, lấy quả Cà cắt lát, chấm thuốc sát vào nơi đau từ 5 đến 10 phút, chừng nào chỗ sát đỏ hồng là được. Mùa Thu thì dùng củ La bặc cắt lát chấm thuốc để bôi như cách nói trên.

37. CHỨNG BÌ PHU NỔI MÀU ĐỎ

Bì phu nổi màu đỏ là chỉ biến đổi bì phu toàn thân như bôi phẩm đỏ, thường gặp trong bệnh "Đan độc". Lúc đầu bị bệnh này, ban đỏ di chuyển không nhất định, sưng đau. Nếu kèm theo chứng sợ lạnh, phát sốt, đau đầu, đau mình, khát nước, mạch Phù.v.v. là thuộc Biểu chứng, cho uống ***Biến thông phổ tế tiêu độc ẩm (1)*** để sơ phong giải biểu, thanh nhiệt giải độc.

Nhiệt độc nặng có chứng ban đỏ màu tươi, bì phu nóng rát, khát nước tiểu tiện vàng, Tâm phiền, nên thanh nhiệt giải độc cho uống ***Phòng thị đan độc phương số I (2)***. Nếu có chứng tiểu tiện vàng mà ít thì dùng ***Phòng thị đan độc phương số II (3)*** để thanh nhiệt giải độc và lợi thuỷ.

Đan độc phát ra ở chi dưới, màu sắc tối không tươi có thêm chứng chân tay không ấm, chi dưới sưng trướng, có thể dùng ***Phòng thị đan độc phương số III (4)*** để ôn hoà hàn thấp, hoạt huyết ích khí.

Nếu ở chi dưới nổi đan độc, cục bộ sưng đau, vùng bẹn đỏ hắt và nổi hạch, cho uống ***Yết giáp tán (5)*** để hoạt huyết thông lạc, giải độc giảm đau.

Nếu bệnh tái phát nhiều lần, chữa lâu ngày không khỏi, sắc ban tối trệ không tươi hình thành thũng trướng, cho uống ***Tử sắc tiêu thũng phấn (6)*** trộn với mật ong bôi lên chỗ đau để tán

phong hoạt huyết, hoá ứ tiêu sưng; nếu Đan độc tập trung ở phía dưới cơ thể nóng rát màu đỏ tươi, đắng miệng, tiểu tiện vàng sẻn rêu lưỡi vàng nhớt thì dùng ***Đan độc tẩy phương (7)***, dùng sức nóng ép chặt vào nơi đau để thanh nhiệt giải độc, lợi thấp khư phong.

PHỤ PHƯƠNG

1. Biến thông phổ tế tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Trương Canh Mai, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Kim ngân hoa	12 gam	Liên kiều	9 gam
Lô căn tươi	1 nắm	Sinh Cam thảo	3 "
Kinh giới	9 gam	Phòng phong	9 "
Huyền sâm	9 "	Hoàng liên	3 "
Hắc sơn chi	9 "	Tang diệp	9 "
Cúc hoa	9 "	Sinh địa	12 "
Mã bột	24 "	Bạc hà	4,5 "
Bản lam căn	30 "		

2. Phòng thị đan độc phương số I

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	35 gam	Bồ công anh	30 gam
Liên kiều	30 "	Đại hoàng	3 "
Tử hoa địa đinh	15 "	Dã cúc hoa	15 "
Đương quy vĩ	10 "	Xích thược	10 "

Hồng hoa	10 gam	Trư linh	10 gam
Trần bì	6 "	Xa tiền tử	10 "
Cam thảo	10 "		

3. Phòng thị đan độc phương số II

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	20 gam	Bồ công anh	25 gam
Liên kiều	15 "	Điều cầm	10 "
Trư linh	10 "	Phục linh	10 "
Đại hoàng	3 "	Sinh địa	15 "
Đương qui vĩ	10 "	Xích thược	10 "
Hồng hoa	10 "	Ngưu tất	10 "
Sinh Ý dĩ	30 "	Xa tiền	10 "

4. Phòng thị đan độc phương III

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Ma hoàng	3 gam	Quế tâm	10 gam
Hạnh nhân	10 "	Sinh Hoàng kỳ	15 "
Đương quy	10 "	Phục linh bì	20 "
Xích thược	10 "	Trư linh	10 "
Đông qua bì	30 "	Trạch tả	10 "
Bạch truật	25 "	Xương truật	25 "
Long đởm thảo	10 "	Cam thảo	3 "
Xa tiền tử	10 "		

5. Yết giáp tán

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Sinh Toàn yết	30 gam
Sơn giáp (nướng)	45 "

Cách dùng: tán bột mịn, mỗi lần uống 4,5 gam; mỗi ngày uống 1 lần

6. Tử sắc tiêu thũng phấn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Tử thảo	15 gam	Xích thược	30 gam
Đương quy	60 "	Quán chúng	6 "
Thăng ma	30 "	Bạch chỉ	60 "
Kinh giới tuệ	15 "	Nhi trà	15 "
Tử kinh bì	15 "	Hồng hoa	15 "
Thần khúc	15 "	Hương hoạt	15 "
Phòng phong	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn với mật ong hoặc nước sắc lá Sen để dùng ở ngoài da.

7. Đan độc tẩy phương

Người cống hiến: Liêm Trấn Tam, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thị trấn Tân Hương tỉnh Hà Nam

Khổ sâm	30 gam	Hoàng bá	30 gam
Bạch chỉ	24 "	Địa phu tử	30 "
Đại hoàng	30 "	Bạch phàn	30 "

Hùng hoàng	18 gam	Sà sàng tử	30 gam
Hoa tiêu	30 "	Cam thảo	30 "

Cách dùng: Các vị sắc lấy nước đặc để rửa và thấm vào nơi đau.

38. BAN TÍA Ở BÌ PHU

Chứng này chỉ bì phu xuất hiện từng nốt hoặc biến đổi thành mảng ban có sắc tía, nói chung không gồ cao hơn bì phu, gọi tắt là "Tử ban"; đây là do huyết không đi theo Kinh tràn ra cơ bắp bì phu; thường cũng gọi là "Xuất huyết dưới da".

Ban tía phát ra đột ngột, hoặc gặp gió thì phát, phần nhiều phát ở nửa người phía trên, có kiêm chứng phát rồi sợ gió, khát nước họng khô, có thể dùng ***Quá mẫn tiễn (1)*** để sơ phong thanh nhiệt, dưỡng âm sinh tân dịch.

Nếu kiêm chứng phù thũng, tiểu tiện ít, hoặc trong nước tiểu có lẫn máu, phát sốt, đau họng thì cho uống ***Lương huyết kháng mẫn thang (2)*** để khư phong lợi thuỷ, lương huyết chỉ huyết.

Có thêm chứng sợ gió, họng khô, khát nước, tự ra mồ hôi, sắc ban tía đen, cho uống ***Tiêu phong ninh lạc ẩm (3)*** để tiêu phong lương huyết, tán ứ ninh lạc, đồng thời điều hoà Vệ khí.

Ban tía phát đột ngột, không có nơi nhất định, phần nhiều gặp ở chi dưới, có cảm giác ngứa nhẹ, kiêm chứng Tâm phiền khát nước, mũi và răng xuất huyết, có thể dùng ***Phan thị phương số II (4)*** để thanh nhiệt lượng huyết, chỉ huyết và tán huyết. Nếu nặng hơn, thì dùng ***Gia giảm Tê giác địa hoàng thang (5)*** để thanh doanh lương huyết, chỉ huyết và tán huyết.

Nếu kiêm chứng khát nước hay uống, hoặc họng khô đại tiện táo là thuộc âm hư huyết nhiệt. Bệnh thiên về âm hư, có thể dùng ***Lão tiết địa hoàng thang (6)*** để tư âm lương huyết thanh nhiệt.

Nếu thiên về huyết nhiệt, thì dùng ***Lương huyết hoạt huyết thang (7)*** để thanh nhiệt dưỡng âm, lương huyết chỉ huyết.

Nếu kiêm chứng họng khô, nuốt đau, sốt nhẹ, Tâm phiền, cho uống ***Tử điến thang (8)*** để lương huyết chỉ huyết, giải độc dưỡng âm.

Kiêm chứng sốt nhẹ hoặc có từng cơn nóng rát, lưng gối yếu sức, có thể dùng ***Tư âm thanh nhiệt phương (8)*** để tư âm bổ Thận, lương huyết thanh nhiệt.

Ban tía phát đột ngột, hơi nhô cao khỏi bì phu, ngứa ngáy, phát sốt, miệng khô, họng đau là thuộc nhiệt độc quá thịnh, có thể uống ***Lương huyết ngũ căn thang (10)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết, hoạt huyết, hoá ban.

Sắc ban tía mà đen, hoặc tía xanh, có bệnh sử di truyền, phát bệnh từ từ, chất lưỡi tía tối có nốt ứ huyết, có thể dùng ***Lý thị khư ứ hoá ban phương (11)*** hoặc ***Chu thị tử điến phương (12)*** để hoạt huyết hoá ứ và trừ ban.

Ban tía phát sinh từ từ, sắc ban hơi nhạt, tái phát nhiều lần, có kiêm chứng chảy máu răng, chảy máu mũi hoặc phụ nữ chu kỳ sớm, lượng nhiều, sắc nhạt hoặc có hòn khối, dùng ***Huyết ninh thang (13)*** để bổ ích khí huyết, tán ứ, chỉ huyết.

Có kiêm chứng tinh thần mỏi mệt, mỏi lưng, choáng đầu, chân tay lạnh, cho uống ***Phạm thị khư điển phương số III (14)*** để ích khí tư doanh, bổ sung tinh tuỷ.

Nếu kiêm chứng hồi hộp mỏi lưng, mất ngủ choáng đầu, có thể cho uống ***Long thị tử điển phương (15)*** để bổ Thận ích khí, dưỡng huyết chỉ huyết

PHỤ PHƯƠNG

1. Quá mẫn tiễn

Người cống hiến: Chúc Trạm Dư, Nghiên cứu viên Y viện Hiệp Hoà, Bắc Kinh

Phòng phong	10 gam	Ngân Sài hồ	10 gam
Ô mai	10 "	Ngũ vị tử	10 "

Gia giảm: Có thể linh hoạt gia các vị Ngẫu tiết, Huyết dư thán, Kinh giới thán, Thiến thảo căn, Hạn liên thảo, Tiên hạc thảo v.v...

2. Lương huyết kháng mẫn thang

Người cống hiến: Quách Vĩnh Huệ, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Thanh Hải

Thuỷ ngưu giác	30 gam	Mẫu Đan bì	15 gam
Xích thược	12 "	Tử thảo căn	20 "
Thuyền thuế	15 "	Ích mẫu thảo	15 "
Sinh Địa hoàng	20 "	Phòng phong	9 "
Bạch mao căn	30 "	Trạch tả	12 "

Gia giảm: Thuỷ thũng nặng gia Đông qua bì, Phục linh bì, Xa tiền tử. Đau bụng gia Xuyên luyện tử, Huyền hồ, Xích thược đổi làm Bạch thược. Đau khớp gia Mộc qua, Uy linh tiên, Kê huyết đằng. Tỳ hư lâu ngày nên bỏ Thuỷ ngưu giác, gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Ích trí nhân.

3. Tiêu phong ninh lạc ẩm

Người cống hiến: Tào Hướng Bình, Giáo sư Y học viện Nam Thông tỉnh Giang Tô

Phòng phong (sao)	10 gam	Trích Hoàng kỳ	15 gam
Xích thược (sao	10 "	Sinh địa	15 "
Mẫu Đan bì (sao)	10 "	Ngưu giác tai	15 "
Sinh Hoè hoa	15 "	Trích Cam thảo	5 "
Hồng tảo	10 quả		

Gia giảm: Nếu có kiêm chứng đau bụng rõ rệt, bỏ Xích thược đổi Bạch thược 15 gam; bỏ Mẫu đơn gia Mộc hương 10 gam. Chi dưới bị phù thũng, gia Hắc đại đậu 15 gam; nói chung uống khoảng 15 thang thì khỏi; nếu bệnh tái phát thì nên uống liên tục đơn này 30 thang, trong khi uống thuốc kiêng các thứ cay, nóng, thuỷ sản, nước mặn.

4. Phan thị phương số II

Người cống hiến: Phan Trừng Liêm, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Triết Giang

Sinh địa	Dương đề căn
Xích thược	Thuỷ ngưu giác

Đỗ thu thạch	Bồ hoàng thán
Hoài Ngưu tất	Trích Cam thảo

Gia giảm: Có xu hướng xuất huyết nghiêm trọng thì bỏ Thuỷ ngưu giác, gia Tê giác, Vân nam bạch dược. Phụ nữ kinh nguyệt quá nhiều gia Ích mẫu thảo, Ngải diệp, A giao. Rối loạn tiêu hoá gia Tiêu Sơn tra.

5. Gia giảm tê giác địa hoàng thang

Người cống hiến: Lý Anh Lâm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Tê giác	10 gam	Sinh địa	20 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Kê huyết đằng	30 "
Tử thảo	12 "	Trắc bá diệp	12 "
Ngẫu tiết	20 "	Mao căn	20 "

6. Lão tiết địa hoàng thang

Người cống hiến: Trịnh Kiều, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thị trấn Triệu Đông tỉnh Hắc Long Giang

Ngẫu tiết	Sinh Địa hoàng
Mạch môn đông	Huyền sâm
Cam thảo	

Gia giảm: Nhiệt bệnh kéo dài, âm hư nhiệt thịnh, có thể gia Bạch thược, Mẫu đơn bì, Sao Hoàng cầm, Hắc Chi tử. Bệnh lâu ngày, âm hư tổn, gia Long cốt, Mẫu lệ, Đại kế, Tiểu kế.

7. Lương huyết hoạt huyết thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Hoè hoa	30 gam	Tử thảo căn	15 gam
Xích thược	15 "	Bạch mao căn	15 "
Sinh Địa hoàng	30 "	Đan sâm	15 "
Kê huyết đằng	2 "		

8. Tử điến thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Giáo sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Sinh Địa hoàng	15 gam	Bạch mao căn	15 gam
Mẫu đơn bì	9 "	Bạch thược	9 "
Tiên hạc thảo	15 "	Hắc sơn chi	9 "
Tiểu kế	30 "	Ngẫu tiết	15 "
Kim ngân hoa	15 "	Hà diệp	9 "
Quy bản	9 "	Tam thất phấn	3 "

9. Tư âm thanh nhiệt phương:

Người cống hiến: Lý Anh Lâm, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	10 gam	Thục Địa hoàng	10 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Nữ trinh tử	10 "
Hạn liên thảo	12 "	Câu kỷ tử	10 "
A giao	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Kê huyết đằng	30 "
Thiến thảo	10 "	Ngẫu tiết	10 "

10. Lương huyết ngũ căn thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Bạch mao căn	30 gam	Qua lâu căn	15 gam
Thiến thảo căn	15 "	Tử thảo căn	30 "
Bản lam căn	15 "		

Gia giảm: Đau khớp xương gia Hy thiêm thảo, Lạc thạch đằng, Hán Phòng kỷ. Đau bụng gia Huyền hồ, Ngũ linh chi, Mộc hương. Tiểu tiện ra máu gia Tiểu kế, Bồ hoàng thán, Ngẫu tiết.

11. Lý thị khư ứ hoá ban phương

Người cống hiến: Lý Anh Lâm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Đương quy	10 gam	Xích thược	15 gam
Xuyên khung	12 "	Kê huyết đằng	30 "
Ích mẫu thảo	15 "	Bồ hoàng	10 "
Ngũ linh chi	10 "	Đào nhân	10 "
Hồng hoa	10 "	Hương phụ	10 "
Trích Hoàng kỳ	20 "		

12. Chu thị tử điến phương

Người cống hiến: Chu Cát Tường, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đương quy	Đan sâm
Kê huyết đằng	Ích mẫu thảo
Huyết dư thán	Tam thất
Bồ hoàng thán	Hoa nhị thạch
Tam thất phấn	

13. Huyết ninh thang

Người cống hiến: Trịnh Dữ Dân, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Cam Túc

A giao	15 gam	Sinh Hoàng kỳ	30 gam
Đẳng sâm	15 "	Tam thất	3 "
Sinh Trắc bá diệp	20 "	Sinh hoè mễ	15 "

Gia giảm: Nếu phát bệnh đột ngột dữ dội có hiện tượng phát sốt rõ rệt, không dùng Hoàng kỳ hoặc giảm bớt liều lượng, gia Hoàng cầm 10 gam, Tiêu Sơn chi 15 gam. Phiền táo mất ngủ gia Hoàng liên 6 gam, Tử Đan sâm 15 gam. Đại tiện ra huyết liên tục gia Địa du thán 15 gam, Đại hoàng thán 6 gam.

14. Phan thị khư điến phương số III

Người cống hiến: Phan Trừng Liêm, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Triết Giang

Thục Địa hoàng	Đương quy
Hoàng kỳ	Sơn thù nhục
Lộc giác phiến	A giao
Bổ cốt chỉ	Trần bì
Hồng táo	Trích Cam thảo

15. Long thị tử điến phương

Người cống hiến: Long Liên Thọ, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu tự trị dân tộc Miêu tỉnh Quý Châu

Sinh Địa hoàng	20 gam	Tảo bì	10 gam
Chế Thủ ô	5 "	Câu kỷ	15 "
Thổ Đại hoàng	10 "	Dĩ hầu đào căn	30 "

Đẳng sâm	15 gam	Bạch truật	10 gam
Đương quy	20 "	A giao	15 "
Đại táo	30 quả	Cam thảo	8 "

39. MỤN CƠM Ở BÌ PHU

Chứng này chỉ bề mặt bì phu nổi từng nốt nhỏ, bé thì như hột thóc, lớn thì như hột đậu, có thể nổi khắp toàn thân.

Ngoài da nổi mụn cơm lớn bằng hột đậu xanh ở giữa hơi lõm, bề mặt sáng bóng, xuất hiện rải rác một vài cái hoặc liên kết từng mảng, chọc thủng có thể ra chất trắng như sữa, đây là chứng bệnh thuộc phong nhiệt tà độc, uất trệ ở huyết lạc. Nếu thấp độc quá thịnh, cho uống ***Chu thị khứ vưu phương số II (1)*** để thanh nhiệt trừ thấp, kèm theo khư phong lương huyết.

Nếu nhiệt độ quá thịnh, cho uống ***Gia vị tiêu độc ẩm (2)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết khư phong, bên ngoài phối hợp với thuốc rửa ***Tẩy vưu phương (3).***

Kiêm chứng mụn cơm cứng rắn, có thể dùng ***Viên thị khư vưu thang (4)*** để thanh nhiệt giải độc, mềm rắn tiêu mụn cơm, hoặc dùng ***Kim thị lam đằng tiêu vưu ẩm (5)*** để thanh nhiệt giải độc, trừ thấp hoá ứ và khư phong tán tà, bên ngoài phối hợp ***Dương thị tiêu thũng chuế phương (6)*** để cứu, nhằm tăng cường tác dụng tán kết tiêu mụn cơm và thông lạc giảm đau.

Mụn cơm mang tính chất hay tái phát hoặc hay mọc ở ngón chân, bề mặt mụn bằng hạt đậu hoặc lớn hơn, rắn chắc, ở giữa có mầu trắng vàng cứng rắn, ấn vào rất đau là do ứ huyết gây nên, dùng ***Chu thị khứ vưu phương số IV (7)*** để hoạt huyết tiêu mụn cơm.

Cục bộ có thể bôi dán ***Tử sắc thư sương cao (8)*** hoặc dùng ***Nha đảm tử du (9)*** bôi lên mụn cơm biến hoá hết mủ kết ở mụn cơm.

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị khứ vưu phương số II

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Mã sỉ hiện	60 gam	Tử thảo	15 gam
Sinh Ý dĩ	30 "	Phong phòng	9 "

2. Gia vị Tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Đặng Thiết Đào, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Bồ công anh	30 gam	Bản lam căn	30 gam
Kim ngân hoa	18 "	Kim cúc hoa	15 "
Cương mai căn	30 "	Tử thảo	20 "

3. Tẩy vưu phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y viện nghiên cứu Trung Quốc

Mã sỉ hiện	60 gam	Phong phòng	9 gam
Trần bì	15 "	Xương truật	15 "
Tế tân	9 "	Sà sàng tử	9 "
Bạch chỉ	9 "	Khổ sâm	15 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc với nửa bát nước, đợi khi ấm, nhúng khăn bông vào thuốc rồi vừa sát vừa rửa vào nơi đau 15 phút, ngày rửa 4 - 5 lần, khi rửa, nước thuốc cần hâm nóng.

4. Viên thị khư vưu thang

Người cống hiến: Viên Sùng Quang, Y sư chủ nhiệm
Bệnh viện Nam Uyển khu Phong Đại Bắc Kinh

Ý dĩ nhân	30 gam	Đại thanh diệp	30 gam
Bại tương thảo	15 "	Mẫu lệ	30 "
Hạ khô thảo	15 "	Xích thược	10 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc lấy nước đặc chia 2 lần uống sáng và tối. Bã thuốc đem nấu lấy 1000 ml nước để vừa xông vừa rửa nơi mụn cơm, lâu từ 10 - 20 phút.

5. Kim thị lam đằng tiêu vưu ẩm

Người cống hiến: Kim Khởi Phượng, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Bản lan căn	30 gam	Mã sỉ hiện	30 gam
Bồ công anh	20 "	Hồng đằng	30 "
Tử hoa địa đinh	30 "	Hương phụ	10 "
Mộc tặc	10 "	Xích thược	15 "
Nga truật	15 "	Ý dĩ nhân	30 "
Thổ Phục linh	30 "	Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc 2 nước chia làm 2 lần uống sáng và tối. Nếu mụn cơm lâu ngày không khỏi, vùng mặt nổi nhiều nốt bì chẩn, nên phối hợp với thuốc bôi ngoài. Có thể lấy bã thuốc nấu thành nước đặc bôi nhẹ nhàng lên lớp bì chẩn, nhưng cần phải bôi luân phiên mỗi lần lâu 15 phút, ngày bôi 2 lần. Sau 6 - 7 ngày nếu thấy tróc vẩy ngày càng nhiều, đó là dấu hiệu rất tốt, bì chẩn bước đầu tiêu hết.

6. Dương thị tiêu thũng chuế phương

Người cống hiến: Dương Thuận Ích, Phó giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Hồng cước ngải diệp (tức Quảng Đông Lưu ký nô) liều lượng thích hợp.

Cách dùng: Đem lá khô vò thành nhung mịn làm mồi để cứu lên trên nốt mụn cơm.

7. Chu thị khứ vưu phương số IV

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đương quy vĩ	9 gam	Xích thược	9 gam
Bạch thược	9 "	Đào nhân	9 "
Hồng hoa	9 "	Thục địa	12 "
Ngưu tất	9 "	Xích tiểu đậu	15 "
Xuyên sơn giáp	9 "		

Cách dùng: Sắc 2 lần, pha thêm vào 50 ml rượu nhạt, chia làm 2 lần uống sáng và tối, dùng 5 thang làm 1 đợt điều trị.

8. Tử sắc thư sương cao

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Khinh phấn	9 gam	Hồng phấn	9 gam
Hổ phách phấn	9 "	Nhũ hương phấn	9 "
Huyết kiệt	9 "	Băng phiến	0,9 "
Phong lạp	30 "	Chân châu phấn	0,9 "
Hương du	120 "		

Cách dùng: Đổ dầu vào nồi đặt lên bếp lửa, sau đó bắc ra bỏ 5 vị thuốc trên vào dầu khuấy đều, cuối cùng bỏ sáp ong vào hoà tan, khi sáp nguội bấy giờ mới bỏ Băng phiến và bột Chân châu vào khuấy đều thành cao.

Chú ý: Chứng viêm tổn hại lớp da cấp tính hoặc mụn thịt mới mọc không được dùng. Thuốc này có độc tính nhất định khi sử dụng với diện tích rộng nên chú ý. Vì vậy trường hợp dễ dị ứng thuốc không nên dùng.

9. Nha đởm tử du

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Nha đởm tử 30 gam

Cách dùng: Nha đởm tử bóc bỏ vỏ chỉ lấy nhân giã nát, bỏ vào trong bình đổ Ête vào ngập quá thuốc làm cữ, hai giờ sau hớt lấy dầu nổi ở trên đổ vào bình pha lê đợi cho Ête phát huy tác dụng thì có dầu Nha đởm tử, đựng vào lọ để dùng dần.

Khi sử dụng lấy tăm xỉa răng chấm chút ít dầu chấm lên nốt mụn cơm. Chú ý không chạm vào chỗ da lành để phòng phát sinh vết lõm.

Chú ý:

a- Khi Ête phát huy, không được gần lửa để phòng gây nổ.

b- Mỗi lần dùng chỉ được chấm tối đa là 10 mụn cơm, nói chung chỉ nên chấm 1 lần, sau khi chấm sẽ đỏ bừng, có cảm giác nóng rát và đau, hôm sau biến thành màu đen; lại qua 2 - 3 ngày sau thì rụng.

40. BÌ PHU BỊ HẮC LÀO

Chứng này chỉ một loại Hắc lào cục bộ, lớp da khô ráo, dày cộm, ngứa gãi kịch liệt, phần nhiều phát ở cổ gáy.

Lớp da cục bộ nổi từng đám, dày cộm khô ráo, sắc đỏ, ngứa gãi kịch liệt; có thêm chứng khát nước, Tâm phiền.v.v. Nếu thuộc nhiệt độc uất lại ở bì phu, nên thanh nhiệt giải độc cho uống ***Thổ phục linh hoàn (1),*** cục bộ thì phối hợp với thuốc rửa ***Tam tử thang (2).***

Nếu thấy lớp da hư tổn đỏ bừng là nhiệt độc quá thịnh ở huyết phận, bên trong có thể dùng ***Kim thị tiêu ngân giải độc thang số I (3)*** để thanh nhiệt giải độc lương huyết hoá ban; kèm theo tiêu phong trừ thấp. Bên ngoài có thể bôi ***Hồng phấn cao (4)*** để nhuận cơ, khỏi ngứa và giải độc.

Nếu lớp da bị tổn hại loét nát đỏ bừng, ẩm ướt hoặc chảy ra nước dính, là nhiệt độc có kiêm thấp uất kết ở bắp thịt, có thể dùng ***Bạch chuỷ phương số II (5)*** để thanh nhiệt giải độc khư phong trừ thấp.

Nếu ẩm dính nhiều, đa số là do thấp quá thịnh, thì nên trừ thấp thanh nhiệt giải độc, cho uống bài ***Thổ hoè ẩm (6).***

Nếu kiêm chứng bụng đầy rêu lưỡi nhớt, là thuộc Tỳ thấp quá thịnh, trong thuốc thanh nhiệt giải độc đồng thời kèm cả thuốc kiện Tỳ táo thấp, cho uống ***Lý thị nghiệm phương (7).*** Ngoài những

dạng thuốc sắc nói trên, cục bộ nơi đau nên dùng bài ***Củng thị nghiệm phương (8),*** làm thuốc bôi để giải độc sát trùng trừ thấp, hoặc dùng ***Tiên chứng huân tẩy phương (9)*** đốt lấy khói hun vào chỗ đau để trừ thấp khư phong, sát trùng khỏi ngứa.

Nốt chẩn ở bì phu đỏ bừng, dày cộm, thô ráp, ngứa ngáy và tái phát nhiều ngày, kiêm chứng khát nước đại tiện khô, hồi hộp choáng váng, là âm huyết bất túc, hư phong từ trong sinh ra; bệnh nhẹ thì dùng ***Tiết thị ngân tước bệnh gia truyền nghiệm phương (10)*** để dưỡng huyết khư phong, giải độc trừ ngứa. Bệnh nặng thì dùng ***Kim thị tiêu ngân giải độc thang số II (11)*** để tư âm nhuận táo, lương huyết hoá ban, khư phong trừ ngứa, đồng thời bên ngoài phối hợp với thuốc bôi ***Lăng thị ngoan tiên phương (12).***

Nếu huyết hư sinh phong có kiêm chứng miệng đắng nhớt, tiểu tiện vàng sẻn là có cả tà khí thấp nhiệt, thì dùng ***Bì tiên thang (13)*** để dưỡng huyết Thư phong, hoà doanh thanh nhiệt trừ thấp khỏi ngứa, bên ngoài thì bôi ***Ban mâu thố tẩm tễ (14)*** hoặc ***Đoàn thị ngưu bì tiên nghiệm phương (15).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Thổ phục linh hoàn

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thổ phục linh	310 gam	Bạch tiên bì	125 gam
Sơn đậu căn	250 "	Thảo hà xa	250 "
Hoàng dược tử	125 "	Hạ khô thảo	250 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam, ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 viên, chiêu với nước chín.

2. Tam tử thang

Người cống hiến: Điền Tố Cầm, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Địa phu tử	50 gam	Sà sàng tử	50 gam
Thương nhĩ tử	50 "	Khổ sâm	30 "
Hoàng bá	30 "		

Cách dùng: Sắc với 2000 ml nước sau khi sôi 20 phút để âm ấm, lấy nước này để rửa mỗi ngày 1 - 2 lần. Mỗi thang có thể dùng được 2 ngày.

3. Kim thị tiêu ngân giải độc thang số I:

Người cống hiến: Kim Khởi Phượng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Thuỷ ngưu giác phiến	30 gam	Bản lam căn	25 gam
Tao hưu	30 "	Kim ngân hoa	15 "
Tử hoa địa đinh	30 "	Sinh địa	30 "
Xích thược	20 "	Khổ sâm	10 "
Bạch tiên bì	30 "	Thổ Phục linh	30 "
Toàn yết	6 "	Hải đông bì	12 "

4. Hồng phấn cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hồng phấn (tán bột)	6 gam	Ngọc hoàng cao	30 gam

Cách dùng: 2 vị trộn đều thành cao, lấy Bạc hà sát lên trên lớp da tổn thương (trước khi dùng, thử bôi vào 1 diện tích nhỏ, để xem có dị ứng không). Nếu diện tích lớp da tổn thương quá rộng thì phải cẩn thận khi dùng thuốc bôi.

5. Bạch chuỷ phương số II

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thổ Phục linh	30 gam	Kim ngân hoa đằng	9 gam
Sinh Cam thảo	6 "	Bản lam căn	15 "
Uy linh tiên	15 "	Thảo hà xa	15 "
Bạch tiên bì	15 "	Sơn đậu căn	9 "

6. Thổ hoè ẩm

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Thổ Phục linh	30 gam	Sinh Hoè hoa	30 gam
Sinh Cam thảo	9 "		

7. Lý thị nghiệm phương

Người cống hiến: Lý Kế Xương, Lão Trung y nổi tiếng Nhân dân y viện khu Bàn Long thành phố Côn Minh

Thổ Phục linh	15 gam	Khổ sâm	6 gam
Bạch tiên bì	9 "	Ý dĩ nhân	15 "
Uy linh tiên	12 "	Hồ ma nhân	15 "
Sao Sơn chi	6 "	Sinh Cam thảo	6 "
Xương truật	6 "	Xuyên Hoàng liên	3 "
Xuyên luyện căn bì	9 "	Phỉ tử	9 "

8. Củng thị nghiệm phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu sở Trùng Khánh

Mã tiền tử (để sống, không bỏ lông) 3 gam

Tế tân	3 gam	Lưu hoàng	3 gam
Sinh Thảo ô	3 "	Băng phiến	3 "
Hùng hoàng	6 "	Sinh Bạch phàn	6 "

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột mịn dùng cồn 100 ml ngâm thuốc bột 1 tuần rồi lấy bông lọc bỏ bã lấy thuốc này để bôi vào nơi đau ngày 1 - 2 lần cho đến khi khỏi thì thôi.

9. Tiên chứng huân tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Xương truật	9 gam	Hoàng bá	9 gam
Khổ sâm	9 "	Phòng phong	9 "
Đại phong tử	30 "	Bạch tiên bì	30 "
Tùng hương	12 "	Hạc sắt thảo	12 "
Ngũ bội tử	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột khô, cuộn vào giấy bản như điếu thuốc lá, đốt lấy khói hơ lên chỗ da bị bệnh, mỗi ngày 1 - 2 lần, mỗi lần hơ 30 phút, khi hơ lấy mức độ bệnh nhân chịu được nóng là vừa.

Chú ý:

a) Lâm sàng thường lúc đầu thì thấy kết quả rất nhanh, về sau thì hơi chậm nhưng đừng để gián đoạn, kiên trì sử dụng mới hiệu quả.

b) Vị trí lớp da tổn thương khá rộng và thô xốp quá dầy, khi hơ thuốc nên xông lấy nhiều khói, và độ nóng cũng cao hơn, nhưng cũng không để quá nóng, đề phòng bị bỏng.

c) Sau khi xông khói thường tiết ra một lớp mủ đặc, không cần chà sát hoặc thấm khô, giữ gìn càng lâu càng tốt.

10. Tiết thị ngân tước bệnh gia truyền nghiệm phương

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Dược tỉnh Triết Giang

Đương quy	6 gam	Mẫu Đan bì	6 gam
Sà thoái	6 "	Bạch tật lê	30 "
Thổ Phục linh	15 "	Tử thảo	15 "
Phong phòng	15 "	Lô căn tươi	30 "
Sinh Mẫu lệ	10 "	Sinh Cam thảo	3 "
Bạch thược	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "

Cách dùng: Sắc lấy nước uống ngày 2 lần, uống liên tục từ 20 - 30 thang thì khỏi.

11. Kim thị tiêu ngân giải độc thang số II

Người cống hiến: Kim Khởi Phượng, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	30 gam	Huyền sâm	20 gam
Mạch môn đông	12 "	Thuỷ ngưu giác	30 "
Kim ngân hoa	15 "	Xích thược	20 "
Đan sâm	20 - 30 "	Tử thảo	20 "
Bạch tiên bì	30 "	Địa phu tử	25 "
Ô sà	15 "	Linh tiên	12 "

12. Lăng thị ngoan tiên phương

Người cống hiến: Lăng Tuy Bách, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Đồng Khê tỉnh Tứ Xuyên

Mật đà tăng	5 gam	Bạch chỉ	10 gam
Mộc miết tử	2 hột		

Cách dùng: Các vị nấu với dầu thơm, sau 2 ngày, dùng dầu này bôi vào nơi đau.

13. Bì tiên thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh địa	30 gam	Đương quy	9 gam
Xích thược	9 "	Hoàng cầm	9 "
Khổ sâm	9 "	Thương nhĩ tử	9 "
Bạch tiên bì	9 "	Địa phu tử	9 "
Sinh Cam thảo	6 "		

14. Ban mâu thố tẩm tễ

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư
Trung y y viện Bắc Kinh

Toàn trùng	16 con	Ban mâu	12 con
Bì tiêu	12 gam	Ô mai nhục	30 gam
Mễ thố	500 ml		

Cách dùng: Các vị thuốc ngâm vào dấm ăn sau 7 ngày đêm, lọc bỏ bã lấy nước bôi vào nơi đau.

Chú ý: Nếu lớp da bị tổn thương thì không được bôi thuốc này.

15. Đoàn thị ngưu bì tiên nghiệm phương

Người cống hiến: Đoàn Hồng Quang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số I thị trấn Đại Lý tỉnh Vân Nam

Ban mâu	0,2 gam	Tạo giác thích	5 gam
Xa tiền thảo	5 "		

Cách dùng: Các vị ngâm vào dấm, lấy nước đặc để bôi vào nơi đau.

41. BÌ PHU KHÔ RỘP

Chứng này chỉ bì phu khô khan thô rộp mó vào vướng tay, có khi tróc cả vẩy trắng vă rất ngứa, bên ngoài thì dùng ***Bá diệp tẩy phương (1)*** để tắm rửa, hoặc dùng ***Tử du huân tẩy phương (2)*** để xông lấy khói vào chỗ đau, bên trong thì uống ***Nhuận phu hoàn (3)*** để hoạt huyết dưỡng huyết, nhuận da trừ ngứa.

Nếu bệnh tái phát nhiều lần, chữa lâu ngày không khỏi, kèm theo chứng đoản hơi yếu sức, mỏi mệt kém ăn, cho uống ***Hoàng kỳ cao (4)*** để bổ trung ích khí, thác lý sinh cơ.

Nếu kiêm chứng mỏi lưng váng đầu cục bộ phát ngứa, cho uống ***Ngư lân phương (5)*** để ích khí dưỡng huyết bổ Thận khư phong.

Bì phu khô ráo ngứa ngáy, rêu lưỡi nhớt nên dưỡng huyết hoà huyết trừ thấp chống ngứa, sử dụng ***Xương truật cao (6)***.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bá diệp tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Trắc bá diệp	120 gam	Tô diệp	120 gam
Tật lê ương (mầm)	240 "		

Cách dùng: Các vị tán thành bột bọc vào trong túi vải dùng 2,5 - 3 lít nước đun sôi 30 phút, lấy khăn bông mềm nhúng nước này để lau rửa, hoặc sau khi rửa xong, pha thêm nhiều nước nóng để tắm.

2. Tử du huân tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Đại phong tử	30 gam	Địa phu tử	30 gam
Sà sàng tử	30 "	Kỳ ngải	30 "
Khổ Hạnh nhân	15 "	Tô tử	15 "
Ngân hạnh	12 "	Khổ sâm	12 "

Cách dùng: Các vị tán thành bột thô, lấy giấy bản cuốn thành mồi đốt 1 đầu xông lấy khói vào nơi đau ngày 1 - 2 lần, mỗi lần lâu 30 phút lấy mức độ nóng bệnh nhân chịu nổi là được.

3. Nhuận phu hoàn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Đào nhân	30 gam	Hồng hoa	30 gam
Thục địa	30 "	Độc hoạt	30 "
Phòng phong	30 "	Phòng kỷ	30 "
Phấn Đan bì	45 "	Xuyên khung	60 "
Toàn Đương quy	45 "	Khương hoạt	60 "
Sinh địa	60 "	Bạch tiên bì	60 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, phun nước làm viên to bằng hột đỗ xanh, mỗi lần uống từ 3 - 6 gam, ngày 2 lần.

4. Hoàng kỳ cao

Người cống hiến: Triệu Bình Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hoàng kỳ 5000 gam

Cách dùng: Đem Hoàng kỳ nấu với 50.000 ml nước, nấu từ 6 - 7 giờ, lọc bỏ bã, rồi lại đun tiếp cho đặc thành cao, thêm vào lượng mật ong vừa đủ đựng vào bình để dùng dần.

5. Ngư lân phương

Người cống hiến: Chu Minh Kỳ, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số III thành phố Đại Liên

Sinh Hoàng kỳ	50 gam	Hắc Chi ma	40 gam
Đan sâm	25 "	Địa phu tử	25 "
Đương quy	20 "	Sinh địa	20 "
Thục địa	20 "	Câu kỷ	20 "
Hà thủ ô	20 "	Bạch tiên bì	20 "
Sinh Hoài sơn	15 "	Khổ sâm	15 "
Phòng phong	15 "	Xuyên khung	10 "
Quế chi	10 "	Thuyền thuế	10 "
Cam thảo	10 "		

Gia giảm: Hồi hộp, mất ngủ, hay quên, gia Sao Tảo nhân, Hợp hoan bì. Biếng ăn, đầy bụng, bỏ Sinh địa, Thục địa, gia Bạch truật, Hoài sơn. Đoản hơi, tự ra mồ hôi, gia Đẳng sâm.

6. Xương truật cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Xương truật	1000 gam	Đương quy	90 gam
Bạch tiên bì	60 "		

Cách dùng: Các vị trên đổ nước vào nấu 3 lần, lọc bã lấy nước thuốc đem đun nhỏ lửa cho thành cao đặc, cho thêm vào 250 ml mật ong, trộn đều thành cao, mỗi lần uống 1 thìa ngày 3 lần.

42. BÌ PHU CỨNG RẮN

Chứng này chỉ ở bì phu biểu hiện từng nốt hoặc từng mảng cứng rắn. Bì phu cứng rắn có thêm chứng sắc mặt đen sạm, chân tay mát lạnh, cho uống ***Ôn kinh phương (1)*** để ôn kinh, tán hàn, bổ Thận dương hoà doanh vệ, mở tấu lý bên ngoài thì dùng ***Cố thị ngoại dụng phương (2)*** để chườm nóng.

Nếu kiêm chứng đoản hơi, suyễn thở, yếu sức, tinh thần mỏi mệt, kém ăn đại tiện nhão, là thuộc dương hư huyết trệ. Tỳ khí hư yếu doanh vệ không hoà cho uống ***Chu thị nghiệm phương (3)*** để ôn dương ích khí, điều hoà doanh vệ, kiện Tỳ làm đầy chắc cơ bắp.

Bì phu có từng mảng nhỏ, cứng rắn sáng bóng, hoặc cứng rắn có màu tía tối, lâu ngày không khỏi, chất lưỡi bình thường hoặc tía tối là thuộc khí huyết ngưng tụ ở cơ bắp gây nên. Nếu thiên về hàn thấp ngưng tụ thì có thêm chứng rêu lưỡi trắng nhớt chân tay lạnh, có thể bên trong thì cho uống ***Ô đầu quế chi thang (4)*** để khư phong tán hàn trừ thấp thông lạc. Bên ngoài thì dùng ***Thân cân thảo phương (5)*** để ngâm rửa tăng cường tác dụng ôn kinh thông lạc và tán hàn, mềm chất rắn.

Nếu kiêm đoản hơi hồi hộp sợ lạnh, đầu ngón tay chân không ấm, là thuộc huyết ứ kiêm dương khí bất túc, điều trị nên ôn dương ích khí kết hợp với hoạt huyết thông mạch, có thể dùng ***Trần thị thông mạch phương (6).***

Nếu kiêm chứng bì phu cứng rắn có sắc đỏ sạm hoặc có cảm giác nóng chất lưỡi đỏ đó là huyết ứ có nhiệt nung nấu cho uống ***Củng thị thông mạch thang*** *(7)* để hoạt huyết hoá ứ thông lạc thanh nhiệt.

Nếu kiêm chứng bì phu cứng rắn ở đốt xương, có cảm giác nóng và ngứa là huyết ứ uất kết thành nhiệt độc kiêm cả phong tà gây nên, cho uống ***Lý thị tứ vật thang số II*** *(8)* để hoạt huyết hoá ứ thanh nhiệt giải độc kiêm khư phong tà.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ôn kinh phương

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ma hoàng	9 gam	Thục Địa hoàng	8 gam
Xuyên Quế chi	9 "	Hồng hoa	9 "
Đương quy	9 "	Tiên linh tỳ	15 "
Nhục thung dung	15 "	Toả dương	15 "
Bổ cốt chi	15 "	Bạt khế	30 "
Sinh Cam thảo	9 "		

2. Cố thị ngoại dụng phương

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Xuyên luyện tử	60 gam	Hoa tiêu	30 gam

Cách dùng: Các vị sao với muối rồi bọc vào vải để chườm nóng.

3. Chu thị nghiệm phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Tiên linh tỳ	15 gam	Đương quy	10 gam
Xuyên khung	10 "	Sinh Hoàng kỳ	20 "
Sinh Bạch truật	30 "	Phòng phong	10 "
Ô tiêu xà	10 "	Kê huyết đằng	30 "
Giá trùng	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Chế Thủ ô	15 "
Cam thảo	6 "		

Gia giảm: Thời kỳ đầu phát bệnh có hiện tượng nhiệt độc ứ trệ gia Bạch hoa xà thảo, Hổ trượng, Kim ngân hoa, Uy linh tiên. Thời kỳ cuối xuất hiện chứng trạng Can Thận âm hư thì bỏ các vị thuốc ôn dương, gia Câu kỷ, Sinh Địa hoàng, Nữ trinh tử, Hoàng tinh, Miết giáp.

Chú ý: Sau khi phát bệnh nên uống liên tục Lục vị Địa hoàng hoàn, Quy tỳ hoàn, giữ ấm chống lạnh, uống ít nước lạnh, không rửa tay bằng xà phòng có chất sút, không hút thuốc. Trường hợp chứng viêm cấp tính hoặc mụn phá lở, không nên dùng.

4. Ô đầu quế chi thang

Người cống hiến: Triệu Bỉnh Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Chế Xuyên ô	9 gam	Chế Thảo ô	9 gam
Quế chi	9 "	Khương hoạt	4,5 "
Tần giao	6 "	Độc hoạt	4,5 "
Sao Phòng phong	6 "	Bạch giới tử	1,5 "

Thân cân thảo	12 gam	Liên kiều	12 gam
Hán phòng kỷ	9 "	Sinh Hoàng kỳ	12 "
Đương quy	9 "	Tang ký sinh	9 "
Xuyên Ngưu tất	9 "	Huyền sâm	9 "

5. Thân cân thảo phương

Người cống hiến: Triệu Bình Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Thân cân thảo	50 gam	Thấu cốt thảo	15 gam
Kỳ ngải	50 "	Lưu ký nô	15 "
Tang chi	30 "	Quan quế	15 "
Tô mộc	9 "	Xuyên sơn giáp	15 "
Hồng hoa	9 "		

Cách chế: Các vị thuốc thái vụn bỏ vào trong một túi vải đổ nước vào đun sôi rồi lấy nước đó ngâm và rửa cách 1 ngày làm 1 lần.

6. Trần thị thông mạch phương

Người cống hiến: Trần Đạo Liên, Y sư chủ nhiệm Y viện số II thành phố Vũ Hán

Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	30 gam
Quế chi	10 "	Phụ tử	10 "
Đương quy	15 "	Sinh địa	15 "
Thục địa	15 "	Kê huyết đằng	30 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Ngô công	30 "	Toàn yết	10 "
Kim ngân hoa	15 "	Thổ Bối mẫu	15 "
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống mỗi ngày 1 thang, 30 ngày là 1 đợt điều trị.

7. Củng thị thông mạch thang

Người cống hiến: Củng Quỳnh Mô, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Đan sâm	15 gam	Kê huyết đằng	15 gam
Xích thược	10 "	Đương quy	12 "
Nhũ hương	6 "	Một dược	6 "
Đào nhân	10 "	Xuyên khung	10 "
Long đởm thảo	10 "	Kim ngân hoa	30 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Mỗi ngày dùng từ 1 - 2 thang sắc 2 nước trộn đều chia làm 2 - 4 lần uống, mỗi lần uống từ 100 - 200 ml. 20 - 30 ngày là một đợt điều trị.

8. Lý thị tứ vật thang số II

Người cống hiến: Lý Tại Minh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Minh Lăng tỉnh Hà Nam

Bạch thược	10 gam	Xuyên khung	10 gam
Đương quy	10 "	Sinh địa	12 "
Xích thược	15 "	Mẫu đơn bì	12 "
Đan sâm	30 "	Hồng hoa	5 "
Nhũ hương	6 "	Kim ngân hoa	12 "
Liên kiều	15 "	Kinh giới	10 "
Phòng phong	10 "	Cam thảo	3 "

43. VẾT SẸO Ở BÌ PHU

Chứng này chỉ bì phu sau khi bị tổn thương lớp da thịt ở nơi tổn thương tăng sinh cao hơn bình thường và có hiện tượng sần sùi. Nếu tổn thương có bề mặt rộng sinh ra sẹo sắc đỏ tươi hoặc đỏ sẫm, bề mặt láng bóng hơi rắn và có tính đàn hồi, đôi khi tăng sinh như rễ cây, như càng cua hoặc như chân rết có khi vừa đau vừa ngứa, phần nhiều thuộc khí huyết ngưng tụ ở vết thương có thể uống ***Ngũ linh chi hoàn (1)*** để phá huyết trừ ứ làm mềm chất rắn và hoá trệ; bên ngoài thì dùng ***Độc giác liên cao (2), Hắc bố dược cao (3)*** để dán vào nơi đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ngũ linh chi hoàn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Ngũ linh chi 1500 gam

Cách dùng: Tán bột mịn luyện với mật làm viên mỗi viên nặng 3 gam. Mỗi lần dùng 0,5 - 1,5 viên. Ngày uống 2 lần chiêu với nước sôi. Người thể lực yếu hoặc có bệnh tiêu hoá thì cần thận khi sử dụng và giảm bớt liều lượng.

2. Độc giác liên cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Độc giác liên	45 gam	Tạo giác thích	45 gam
Bạch chỉ	45 "	Kim ngân hoa	45 "
Phòng phong	45. "	Liên kiều	45 "
Xuyên sơn giáp	45 "	Đương quy	45 "
Hải đồng bì	45 "	Tô mộc	45 "
Hải đái	45 "	Hoả ma nhân	45 "
Hy thiêm thảo	45 "	Can thiềm	3 cái
Thích ổi bì	45 "		

Cách dùng: Dùng 6000 ml dầu gừng đổ vào trong 1 cái chảo, bỏ các vị thuốc vào đảo cho thật kiệt chất thuốc, vớt bỏ bã rồi lại đun to lửa đến khi dầu đặc lại thành cao, bắc ra bỏ thêm vào Chương đơn (mùa Đông thì bỏ vào 2500 gam, mùa Hè 3000 gam). Lấy đũa sắt quấy nhanh dầu sẽ dần dần biến thành sắc đen, cuối cùng khi sắp nguội lạnh bấy giờ mới thêm vào Nhũ hương 300 gam, Một dược 300 gam, Huyết dư 45 gam, nghiền bột trộn lẫn vào cao; phết thuốc vào giấy, dày mỏng tuỳ ý, khi dùng hơ nóng cho chảy để đắp lên chỗ nóng.

3. Hắc bố dược cao

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Lão Hắc thố	2500 gam	Mai hoa băng phiến	3 gam
Phong mật	180 "	Kim đầu ngô công	10 con
Ngũ bội tử	875 "		

Cách dùng: Đổ Hắc thố vào chảo gang đun 30 phút rồi hoà Mật ong vào lại đun tiếp cho sôi lên rồi lấy dây mịn dây bột Ngũ vị tử vào ngay lúc đó, đun nhỏ lửa cho thành cao, cuối cùng hoà bột Ngô công và bột Mai hoa băng phiến vào là được cao.

44. BÌ PHU NUNG MỦ

Chứng này chỉ bề mặt bì phu có chứa dịch mủ nổi gồ lên như nốt bỏng. Nốt bên trong nung mủ hình dạng hạt đậu chu vi đỏ hắt, sau khi vỡ thì dịch mủ tràn ra dính dễ khô tạo thành vẩy vàng và dày kèm theo chứng trạng phát sốt đau họng nhức đầu; bệnh do nhiệt độc gây nên có thể dùng các bài: ***Tam hoàng đan (1), Hoàng bạch đan (2)*** sát vào nơi đau để thanh nhiệt giải độc trừ thấp.

Nếu nốt mủ ít đau ngứa, sau khi vỡ mủ tràn ra không dính lắm, khi mủ cạn kết thành vẩy rồi tái phát mụn khác có kiêm chứng phát sốt nhiều mồ hôi, rêu lưỡi vàng nhớt là thuộc thấp nhiệt uất kết, dùng ***Thanh đại tán (3)*** rắc vào nơi đau để khô mủ khỏi ngứa và thanh nhiệt giảm đau hoặc bôi ***Ngũ hoàng khô phàn tán (4)*** để trừ thấp chống ngứa và giải độc.

Nếu nốt chẩn mới phát, sốt cao kéo dài không lui mạch Tế Sác lưỡi đỏ tía, rêu lưỡi tróc mảng sáng bóng là thuộc doanh huyết nhiệt độc quá thịnh điều trị nên tư âm thanh nhiệt, mát doanh giải độc. Bên trong cho uống ***Tăng dịch giải độc thang (5).*** Bên ngoài rắc ***Quy bản tán (6)*** để thu liễm chống ngứa trừ thịt thối và sinh cơ. Nếu mụn nước ngứa nhiều thì bôi ***Khinh hùng cao (7)*** để giải độc trừ thấp sát trùng chống ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tam hoàng đan

Người cống hiến: Chu Nhán Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đại hoàng	90 gam	Hoàng bá	30 gam
Hoàng liên	9 "	Thạch cao nung	60 "
Khô phàn	180 "		

Cách dùng: Các vị trên tán bột mịn trộn với dầu Vừng để bôi ngày 1 - 2 lần.

2. Hoàng bạch đan

Người cống hiến: Thời Ứng Điển, Y sư phó chủ nhiệm Y viện nhà máy Cao áp tỉnh Hà Nam

Cung phấn	Hoàng đan
Tùng hương	Bạch phàn

Cách dùng: Các vị liều lượng bằng nhau, nghiền bột mịn. Nếu vết mụn khô thì trộn thuốc bột vào dầu Vừng để bôi. Nếu vết mụn ướt thì rắc trực tiếp bột thuốc vào cũng được.

3. Thanh đại tán

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Thanh đại	15 gam	Hoàng bá (tán bột)	15 gam
Hoạt thạch (tán bột)	60 "		

Cách dùng: Ba thứ bột trộn đều, rắc vào mụn nước

4. Ngũ hoàng khô phàn tán

Người cống hiến: Trần Thụ Lâm, Giáo sư Y viện Giải phóng quân

Ngũ bội tử	50 gam	Hoàng bá phấn	100 gam
Khô phàn	50 "		

Cách dùng: Tán bột mịn đựng vào lọ đậy kín để dùng dần. Khi sử dụng nấu Dã Cúc hoa hoặc Mã xỉ hiện lấy nước đặc để rửa cục bộ rồi thấm khô, lấy dầu thơm trộn với thuốc bột sát vào nơi đau ngày 1 lần. Nếu chu vi nốt mụn có mủ sưng đỏ thì trộn thêm vào đơn thuốc 50 gam bột Hoàng liên.

5. Tăng dịch giải độc thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh địa	30 gam	Huyền sâm	9 gam
Mạch môn đông	9 "	Thạch hộc	9 "
Miết giáp (nướng)	12 "	Kim ngân hoa	15 "
Sinh Cam thảo	6 "	Mẫu đơn bì	9 "
Xích thược	9 "	Thiên hoa phấn	9 "

6. Quy bản tán

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Quy bản (bột)	620 gam	Hoàng liên	30 gam
Hồng phấn	30 "	Băng phiến	3 "

Cách dùng: Tán bột mịn rắc vào nơi đau

7. Khinh hùng cao

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Khinh phấn	3 gam	Hùng hoàng	3 gam
Khô phàn	3 "	Băng phiến	3 "

Cách dùng: Tán bột mịn trộn vào thuốc mỡ Vadơlin để bôi ngày 1 vài lần.

PHẦN II

CHỨNG TRẠNG Ở ĐẦU VÀ MẶT

Chứng trạng ở đầu và mặt là chỉ các chứng bệnh xuất hiện ở vùng đầu và mặt; đầu là nơi Hội của các kinh dương, là nơi hội tụ của các khí thanh dương của Tạng Phủ mà các tà khí Phong, Hoả, Đờm, Trọc đều có thể lần theo đường kinh xâm phạm lên trên, cho nên chứng trạng ở đầu và mặt có thể phản ảnh Hư Thực Hàn Nhiệt của tật bệnh. Mục này chủ yếu giới thiệu những bệnh chứng Đầu thống, Thiên đầu thống, Đầu choáng, Đầu chướng thường gặp trong lâm sàng.

45. ĐẦU THỐNG

Đầu thống là một bệnh chứng thường gặp, có nội thương, ngoại cảm khác nhau, nguyên nhân bệnh khá phức tạp và có nhiều biến hoá. Trọng điểm giới thiệu ở mục này là Đầu thống thuộc nội thương. Còn loại Đầu thống thuộc ngoại cảm xin tham khảo ở các chứng bệnh "Ố hàn", "Phát nhiệt".

Đầu thống mà hôn trầm nặng nề có kiêm chứng kém ăn buồn nôn, ngực đầy nôn oẹ mạch Hoạt, rêu lưỡi nhớt là phong đàm quấy rối ở trên, cho uống ***Thiên ma bán hạ thang (1)*** để hoá đàm dẹp phong.

Đau đầu choáng váng kiêm chứng buồn nôn, tiểu tiện sẻn ít hoặc phù thũng rêu lưỡi trắng nhớt cho uống ***Lưu thị giáng lô áp thang (2).***

Đầu thống do ốm lâu ngày huyết hư có chứng đầu choáng váng, mặt nhợt, móng tay chân không tươi cho uống ***Lập dũ thang (3)*** để dưỡng huyết khu phong. Nếu có kiêm chứng đầu chướng nôn oẹ, ngực sườn trướng đầy, mửa ra nước dãi, mạch Huyền Tế hoặc Huyền Sác, chất lưỡi nhạt hoặc tía tối, rêu lưỡi nhớt, đó là huyết hư khí uất kiêm đàm trọc ứ huyết, có thể dùng ***Quan thị dưỡng huyết bình Can thang (4)*** để dưỡng huyết giải uất hoá đàm thông lạc.

Đầu thống mà chướng, điều trị lâu ngày không khỏi, Tâm phiền, miệng khô họng ráo, quầng mắt chướng đau, sợ gió phát sốt là thuộc âm hư phong nhiệt xông lên trên. Chứng nhẹ thì cho uống ***Bành thị nhất vị huyền sâm ẩm (5)*** để tư âm thanh nhiệt sơ phong chỉ thống. Chứng nặng thì dùng ***Đầu thống phương (6)*** để tư âm giáng hoả thanh nhiệt trừ phong.

Nếu có kiêm chứng nóng nẩy, mắt đỏ miệng khô mặt hồng khi cáu giận thì bệnh tăng choáng váng, đại tiện khô kết cho uống ***Lương huyết thanh Can thang (7)*** để thanh tả Can hỏa lương huyết bình Can. Nếu kiêm chứng khát nước, sợ phong hàn hoặc chứng ở bên ngoài đã rút nhưng sau đó lại đau đầu là thuộc Can phong huyết nhiệt cho uống ***Thanh can lương huyết tán phong thang (8)*** để thanh Can trừ phong và lương huyết.

Đầu thống kéo dài vùng đầu có khối bọc (thuộc loại u não) lúc phát đau đầu lúc không, hoặc có cơn đau dữ dội, hoặc chân tay tê dại hoặc trí nhớ giảm sút, thần trí lơ mơ không tỉnh táo đó là Đàm nhiệt câu kết với phong kết hợp với khí hư Thận suy, có thể dùng ***Đoàn thị trị não lưu phương (9)*** để thanh nhiệt trừ phong hoá đàm mềm cứng rắn và bổ khí ích Thận. Chứng này nếu đã qua thủ thuật sau đó thấy phát sốt hoặc thấy khối sưng rắn chắc có thể dùng ***Não lưu phương số I (10)*** để thanh nhiệt giải độc tiêu sưng tán kết hoạt huyết hoá ứ. Chứng này nếu thấy tiểu tiện không lợi, ngực khó chịu, rêu lưỡi nhớt có thể dùng ***Não lưu phương số II (11)*** để thanh nhiệt giải độc hoạt huyết lợi niệu.

Đầu thống khu trú ở 2 bên cạnh đầu hoặc lan toả tới đỉnh đầu tái phát lâu ngày, mạch Huyền Tế có thể dùng ***La thị ngũ***

bạch tức phong phương (12) để khư phong chỉ thống hoạt lạc dưỡng âm.

Nếu kiêm chứng mặt hồng, mắt đỏ đầu choáng váng, khô miệng, mạch Huyền Kính có lực, cho uống ***Minh trí thang (13)*** để tiềm dương dẹp phong, trấn Can giáng áp.

Nếu kiêm chứng Tâm phiền mất ngủ, lưng đùi mềm yếu, cho uống ***Châu mẫu bổ ích phương (14)*** để tư âm tiềm dương bổ Thận trấn Can dưỡng huyết an thần.

Nếu kiêm chứng phiền nhiệt miệng khô lưng mỏi yếu hoặc vùng não sau khi bị tổn thương thường đau đầu từng lúc, khi đau dữ dội thì nôn oẹ, chất lưỡi tía tối, cho uống ***Não trấn đăng hậu di phương (15)*** để trấn nghịch bổ Thận bình Can dẹp phong hoạt huyết thông lạc.

Đau đầu choáng vựng, nơi đau ưa ấm áp sợ phong hàn, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi tối, mạch Khẩn là thuộc hàn tà ứ nghẽn ở lạc, có thể dùng ***Chân châu đầu thống phấn (16)*** để trừ hàn khư phong giảm đau hoạt lạc.

Nếu đầu thống đã lâu ngày, luôn có cảm giác bức bối khó chịu do biến động về tình tự hoặc cảm nhiễm biến hoá của khí hậu phong hàn gây nên, mạch Trầm Tế hơi Huyền, đó là dương khí hư tổn, thanh dương không thăng lên có thể dùng ***Nhiệm thị gia vị ô tinh tán (17)*** để thăng thanh dương, hoá trọc khí thông lạc trệ. Hai chứng bệnh nói trên có thể phối hợp ***cứu mồi ngải ở Thái dương (18).***

Đau đầu kéo dài, cố định không di chuyển, đau như bị đâm, lưỡi tía tối, mạch Sác, có thêm chứng ngực sườn trướng đầy khó

chịu, ợ hơi, mạch Huyền, là do huyết ứ khí trệ cho uống ***Ngô thị khung uất quyên thống thang (19)*** để hoạt huyết lý khí khu phong giảm đau.

Nếu đau kịch liệt và thêm chứng Tâm phiền buồn nôn vã mồ hôi, thì cho uống ***Khung chỉ tàm yết thang (20)*** để thông khiếu sơ lạc và giảm đau, khu phong trừ chứng Kính; hoặc là cho hút đằng mũi chút ít ***Yết mai tán (21)*** để thông lạc giảm đau.

Nếu có chứng hồi hộp vùng sườn đau âm ỉ, choáng đầu, mạch Tế, là Can huyết bất túc huyết ứ phong động cho uống ***Hạ thị tức phong giải kính thang (22)*** để nuôi Can huyết dẹp Can phong và khơi thông ứ trệ.

Đau đầu do ngoại thương gây nên có chứng đầu choáng váng và đau, đau dữ dội, nôn mửa, chất lưỡi tối mạch Sác có thể bên trong thì cho uống ***Hoá ứ thông lạc pháp phương (23)*** để hành huyết hoá ứ thông lạc giảm đau; bên ngoài thì xông rửa bằng ***Đầu bộ tẩy phương (24)*** để tăng cương tác dụng tôn ứ giảm đau.

Có kiêm chứng choáng váng mặt đỏ mắt đỏ khát nước hoặc mỏi lưng chân tay tê dại mạch Huyền cứng, đó là âm hư dương cang huyết ứ ngăn trở đường lạc, cho uống ***Vương thị thiên đầu thống nghiệm phương (25)*** để tư âm dưỡng huyết bình Can tiềm dương hoạt lạc giảm đau.

Có thêm chứng hồi hộp mất ngủ chóng mặt, hoa mắt Tâm phiền mỏi lưng mỏi mệt yếu sức đó là huyết ứ âm khuy, khí huyết bất túc Tâm và não bất điều hoà cho uống ***Đường thị kiện não hợp tễ (26)*** để tư âm an thần, bổ dưỡng khí huyết, sơ thông mạch lạc.

Có kiêm chứng đầu choáng váng hay quên gầy còm hai mắt tối sầm, mù màu, lòng trắng mắt xanh tái đó là thần hư mà ứ huyết chưa trừ hết, cho uống ***Thuỷ sa tán (27)*** để bổ tinh huyết thông lạc mạch.

Nếu kiêm chứng mỏi lưng hay quên và hoa mắt, dễ mỏi mệt, mất ngủ cho uống bài ***Bổ Thận vinh não pháp (28)*** nhằm bổ Thận khoẻ não phối hợp với các phép thông lại hoá ứ đã nói ở trên.

Nếu kiêm chứng ù tai đầu choáng váng, ngơ ngẩn hay quên tiếng nói ngọng ngịu, thính lực và thị lực đều giảm sút, mềm yếu đi lại khó khăn, cho uống ***Kiện Thận dưỡng não thang (29)*** để bổ Thận mạnh não.

Đầu choáng và đau đoản hơi yếu sức, mạch Trầm, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng, là trung hư khí yếu, khí thanh dương không thăng lên, cho uống ***Trượng thị thăng dương chỉ thống thang (30)*** để bổ trung ích khí, thăng dương giảm đau.

Đầu đau và có cảm giác chống chếnh, gầy còm yếu ớt, trong não có tiếng kêu và hay quên, trí nhớ giảm sút, cơ thể lạnh, sợ lạnh, lưng mỏi đùi yếu đó là Đốc mạch dương hư, cho uống bài ***Quách thị lộc nhung sạ hương thang gia vị (31)*** để bổ mạch phần dương của mạch Đốc và ôn Thận ích khí.

Đau đầu hoặc đau một bên đầu, có thêm chứng sợ gió mắt ngứa chảy nước mắt hoặc là toét mắt có thể dùng ***Thiên chính đầu thống phương (32)*** để sơ phong thanh nhiệt và giảm đau.

Chứng này nên tham khảo với mục "Thiên đầu thống" và "Đầu vậng" .v.v...

1. Thiên ma bán hạ thang

Người cống hiến: Trần Thụ Lâm, Giáo sư
Quân y viện Giải phóng quân

Thiên ma	10 gam	Câu đằng	15 gam
Chế Bán hạ	15 "	Bạch chỉ	10 "
Cảo bản	10 "	Huyền minh phấn	6 "
Xuyên khung	15 "		

2. Lưu thị giáng lô áp thang

Người cống hiến: Lưu Can Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Lâm Ấp tỉnh Sơn Đông

Trư linh	30 gam	Phục linh	30 gam
Bạch truật (sao)	15 "	Trạch tả	12 "
Xa tiền tử	30 "	Đại táo	6 quả

3. Lập dũ thang

Người cống hiến: Lý Lan Sinh, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Bắc

Hà thủ ô	9 gam	Thổ Phục linh	30 gam
Thiên ma	6 "	Đương quy	9 "
Phòng phong	6 "		

4. Quan thị dưỡng huyết bình Can thang

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư
Trung y y viện Bắc Kinh

Toàn phúc hoa	10 gam	Đại giả thạch	10 gam
Sinh Địa hoàng	10 "	Đương quy	10 "

Xuyên khung	10 gam	Bạch thược	20 gam
Mộc qua	10 "	Hương phụ	10 "
Sinh Thạch cao	30 "	Sinh Cam thảo	5 "

Gia giảm: Nếu kiêm chứng khí hư, gia Đẳng sâm, Bạch truật, Phục linh. Nếu kiêm chứng âm hư gia Thạch hộc, Sa sâm, Thiên môn. Có chứng trạng Thận hư rõ rệt, gia Tang ký sinh, Tục đoạn. Có chứng trạng dương cang rõ rệt, gia Câu đằng, Ngưu tất. Nếu Can kinh thực hoả bốc lên, gia Long đởm thảo, Tri mẫu (sao), Hoàng bá (sao). Nếu có dấu hiệu Can phong biến động, có thể trọng dụng sinh Thạch quyết minh.

5. Bành thị nhất vị Huyền sâm ẩm

Người cống hiến: Bành Tĩnh Sơn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Huyền sâm 50 gam

Cách dùng: Sắc lấy 500 ml nước đặc cho uống lúc ấm làm 1 lần cho hết.

6. Đầu thống phương

Người cống hiến: Trần Tự Luân, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Bạch thược	10 gam	Hoàng cầm (sao rượu)	8 gam
Cúc hoa	10 "	Mạn kinh tử	6 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Đương quy	10 "
Xuyên khung	5 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Hai mắt và đỉnh đầu chướng đau, có thể gia Thạch quyết minh 15 gam. Phía trước trán chướng đau và thấy mạch Đại, rêu lưỡi vàng gia Sinh Thạch cao 30 gam. Trung tiêu

có thấp tà, vùng bụng trướng đầy hoặc Can Đởm có phong nhiệt phạm Vị gây nôn mửa, bỏ Sinh địa, Cam thảo gia Bán hạ 8 gam, Quất hồng 6 gam, Phục linh 10 gam. Có tà khí phong nhiệt không tuyên giáng được, Gia Sinh Long cốt 15 gam, Sinh Mẫu lệ 25 gam. Phong tà quấy rối dai dẳng đau đầu không chịu nổi, hoà thêm 6 gam bột Toàn yết vào nước thuốc uống. Phong tà và thực hoả theo đường mạch của Đởm xông ngược lên đường gân ở cạnh cổ và phía sau tai căng đau, bỏ Sinh địa, Xuyên khung, Cam thảo gia Đởm nam tinh 6 gam, Cương tàm 10 gam, Câu đằng 10 gam.

7. Lương huyết thanh Can thang

Người cống hiến: Triệu Kim Đạc, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh địa	15 gam	Mẫu đơn	15 gam
Xích thược	9 "	Bạch thược	9 "
Cúc hoa	9 "	Chỉ xác	9 "
Huyền sâm	12 "	Long đởm thảo	6 "
Sài hồ	6 "	Đại hoàng	6 "
Quyết minh tử	30 "	Cam thảo	5 "

8. Thanh Can lương huyết tán phong thang

Người cống hiến: Du Vô Ngôn, nhà Trung y nổi tiếng thời cận đại

Hạ khô thảo	9 gam	Mẫu đơn bì	12 gam
Sinh địa	24 "	Hoàng cầm	12 "
Sinh Thạch cao	60 "	Cát căn	15 "
Cúc hoa	12 "	Xuyên Khương hoạt	9 "
Tang diệp	12 "	Thuyền thuế	6 "

9. Đoàn thị trị não lưu phương

Người cống hiến: Đoàn Phượng Vũ, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Long đởm thảo	3 gam	Bán hạ	10 gam
Phục linh	10 "	Trần bì	7 "
Từ thạch	30 "	Câu kỷ tử	30 "
Hải phù thạch	10 "	Ô tiêu xà	10 "
Thiên ma	10 "	Câu đằng	15 "
Hạ khô thảo	15 "	Côn bố	10 "
Hải tảo	10 "	Ty qua lạc	10 "
Bối mẫu	10 "	Tiêu tam tiên	10 "
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Ngô công	5 con

10. Não lưu phương số I

Người cống hiến: Lưu Vĩnh Trấn, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhân dân số III Thượng Hải

Xà lục cốc	30 gam	Xà thảo quả	30 gam
Bán biên liên	15 "	Bán chi liên	15 "
Hạ khô thảo	15 "	Thiên quỳ tử	15 "
Quán chúng	15 "	Bạt khế	15 "
Thất diệp nhất chi hoa	15 "		

11. Não lưu phương số II

Người cống hiến: Lưu Vĩnh Trấn, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhân dân số III Thượng Hải

Bạch hoa xà thiệt thảo	30 gam	Bán biên liên	30 gam
Thạch kiến xuyên	30 "	Quán chúng	30 "

Trà thụ căn	30 gam	Bạt khế	30 gam
Bán chi liên	30 "	Liễu thụ diệp	30 "
Thất diệp nhất chi hoa	30 "		

Chú ý: Hai bài I và II có thể sử dụng luân phiên.

12. La thị ngũ bạch tức phong phương

Người cống hiến: La Trí Cường, Giáo sư Đại học y khoa Trung Sơn

Bạch cương tàm	Bạch Phụ tử
Bạch tật lê	Bạch chỉ
Bạch thược	

13. Minh trí thang

Người cống hiến: Tra Ngọc Minh, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y thành phố Thẩm Dương

Thạch quyết minh	20 gam	Thảo quyết minh	20 gam
Viễn trí	15 "	Thuyền thoái	15 "
Sinh Mẫu lệ	15 "	Xuyên khung	15 "
Cúc hoa	25 "	Tật lê	15 "
Bạc hà	10 "		

Gia giảm: Có kiêm chứng buồn thương muốn khóc gia Bách hợp 25 gam, Ngũ vị tử 10 gam. Hay ưu uất tư lự, gia Thạch xương bồ 10 gam. Mất ngủ hay mê gia Dạ giao đằng 25 gam, Tiêu Chi tử 10 gam, Liên tâm 10 gam. Kiêm chứng triều nhiệt, lưỡi đỏ ít rêu gia Mẫu đơn bì 10 gam, Thạch hộc 5 gam. Chân tay tê dại cơ bắp máy động, gia Toàn yết 4,5 gam, Thiên ma 10 gam. Hồi hộp không yên, gia Từ thạch 25 gam, Long xỉ 25 gam.

Nóng nẩy dễ cáu giận, gia Đại giả thạch 25 gam. Nhức đầu nhiều gia Mạn kinh tử, Cương tàm đều 10 gam. Đại tiện lỏng loãng, giảm Thạch quyết minh, Thảo quyết minh, Mẫu lệ, gia Liên nhục 20 gam, Sơn dược 25 gam. Kém ăn gia Kê nội kim; Tiêu Sơn tra đều 15 gam. Buồn nôn, nôn mửa gia Lô căn 25 gam. Trướng bụng gia Xuyên luyện tử 15 gam.

14. Châu mẫu bổ ích phương

Người cống hiến: Trương Gia Bình, Phó giáo sư Trung y viện tỉnh Quảng Đông

Chân châu mẫu	60 gam	Long cốt	30 gam
Toan tảo nhân	9 "	Ngũ vị tử	6 "
Nữ trinh tử	15 "	Thục địa hoàng	15 "
Bạch thược	12 "		

15. Não trấn đãng hậu di phương

Người cống hiến: Trương Mộng Y, nhà Trung y nổi tiếng Viện Trung y học tỉnh Hồ Bắc

Chế Thủ ô	25 gam	Chế Quy bản	25 gam
Từ thạch (ung)	25 "	Nữ trinh tử	15 "
Thảo quyết minh	15 "	Bạch thược	15 "
Long cốt phấn	15 "	Mẫu lệ phấn	15 "
Cúc hoa	10 "	Khổ đinh trà	10 "
Bạch tật lê	10 "	Ngưu tất	10 "
Thạch hộc	10 "	Chân châu mẫu phấn	30 "

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc chia làm 3 lần uống. Có thể uống liên tục từ 5 - 10 thang. Về sau nếu bệnh tái phát vẫn dùng

nguyên phương cho uống tiếp. Nói chung mỗi khi phát bệnh chỉ cần uống 1 lần thuốc khi tái phát thì chứng trạng đã giảm nhẹ. Chữa được nhiều lần như vậy có khả năng dứt được bệnh.

16. Chân châu đầu thống phấn

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Trường Đại học y khoa Thượng Hải

Xuyên ô	9 gam	Toàn yết	3 gam
Địa long	3 "	Chân châu mẫu	9 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn mỗi lần dùng 1,5 gam hoà nước sôi cho uống ngày 3 lần.

17. Nhiệm thị gia vị ô tinh tán

Người cống hiến: Nhiệm Ứng Thu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Chế Xuyên ô	3 gam	Nam tinh	3 gam
Địa long	3 "	Cúc hoa	6 "
Băng phiến	0,9 "		

Cách dùng: Sắc 4 vị Xuyên ô, Nam tinh, Tế tân, Địa long trước tiên. Sau đó mới bỏ Cúc hoa, đun thêm 5 phút là được chia 2 lần uống. Riêng Băng phiến thì tán thật mịn, chia 2 lần hoà với nước thuốc uống. Sau khi uống, đi nghỉ khỏi đau đầu lập tức.

18. Thái dương trú liệu pháp

(phép cứu mồi ở huyệt Thái dương)

Sơn dương huyết	3,1 gam	Sinh Cam thảo	6,3 gam
Quế chi	3,1 "	Xạ hương	1,5 "

Náo dương hoa	3,1 gam	Thiên niên kiện	3,1 gam
Chiêm địa phong	3,1 "	Xương truật	3,1 "
Xuyên sơn giáp	3,1 "	Phòng phong	4,6 "
Ngưu tất	3,1 "	Thảo ô	3,1 "
Xuyên ô	3,1 "	Nhũ hương	3,1 "
Một dược	3,1 "	Lưu hoàng	3,1 "
Tạo giác	3,1 "	Tùng hương	3,1 "
Tế tân	3,1 "	Xuyên khung	3,1 "
Hùng hoàng	3,1 "	Bạch chỉ	3,1 "
Kỳ ngải	125 "	Toàn yết	3,1 "
Giáng hương	3,1 "	Tiểu hồi hương	3,1 "

(Tổng cộng 80,6 gam thuốc bột và 125 gam Ngải nhung).

Cách dùng: Các vị thuốc trên phơi khô (trừ Xạ hương) cùng tán bột. Lấy ngải nhung vo nhuyễn rồi rải lên giấy 1 lượt mỏng rắc thuốc bột lên trên ngải nhung rồi cuộn chặt (với số liệu thuốc trên có thể cuốn được 2 điếu to bằng 4,5 x 35 mm; hoặc cuốn được 3 điếu nhỏ bằng 2,5 x 30 mm). Sau đó châm một đầu mồi thuốc hơ lên huyệt vị di động cho đỡ nóng rát, bệnh nặng ngày cứu 1 lần, nhẹ cách ngày cứu 1 lần khỏi thì thôi.

Chú ý: Phép này ngoài tác dụng chữa nhức đầu còn có thể chữa được các chứng bệnh cánh tay và gáy đau cứng, liệt mặt, bán thân bất toại; 2 tay co quắp, vấp ngã trật gân, trong bụng có hòn khối, hen suyễn, sút lưng, trẻ con đái dầm, sau khi đẻ máu hôi ra không dứt, tiết tả mãn tính, đờm hạch tràng nhạc thuộc hàn, thuộc ứ v.v...

19. Ngô thị khung uất quyên thống thang

Người cống hiến: Ngô Hàm Băng, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Đại Liên

Xuyên khung	10 - 15 gam	Xung uất tử	15 gam
Hương phụ	15 "	Bạch chỉ	12 "
Mạn kinh tử	15 "		

Gia giảm: Đau lâu ngày, hoặc đau dữ dội, gia Toàn yết 5 - 10 gam, Ngô công 1 - 2 con.

20. Khung chỉ toàn yết thang

Người cống hiến: Vương Ngọc Linh, Lão Trung y Viện Trung y huyện Thái tỉnh Giang Tô

Xuyên khung	15 - 30 gam	Bạch chỉ	10 gam
Cương tàm	10 "	Toàn yết	6 - 19 "

Gia giảm: Phong nhiệt gia Cúc hoa, Bạc hà. Phong hàn gia Tế tân, Chế Xuyên ô. Đàm thấp (nhiệt) gia Nhị trần thang, Trúc nhự. Can vượng gia Thiên ma, Thạch quyết minh, Hạ khô thảo. Khí huyết suy hư gia Hoàng kỳ, Đương quy. Âm hư dương cang, gia Nữ trinh tử, Hạn liên thảo, Thục Địa hoàng, Sinh Mẫu lệ. Ứ trệ rõ rệt gia Đào nhân, Hồng hoa.

21. Yết mai tán

Người cống hiến: Triệu Kim Đạc, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Toàn yết	3 gam	Mai phiến	1 lít

Cách dùng: Toàn yết sao qua cùng tán bột với Mai phiến trộn đều, dùng 1 chút bột này hít vào mũi; đau bên trái hít mũ

bên phải và ngược lại. Nếu đau cả 2 bên thì hít cả 2 lỗ mũi. Mỗi ngày hít 2 - 3 lần.

22. Hạ thị tức phong giải kính thang

Người cống hiến: Hạ Thừa Quân, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh An Huy

Đương quy	30 gam	Xích thược	15 gam
Địa long	10 "	Xuyên khung	15 "
Bạch chỉ	15 "	Cảo bản	15 "
Thiên ma	15 "	Phục thần	15 "

23. Hoà ứ thông lạc pháp phương

Người cống hiến: Tạ Hải Châu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Tô mộc	15 gam	Lưu ký nô	10 gam
Tiền võ	10 "	Xương bồ	6 "
Giá trùng	6 "	Hy thiêm thảo	15 "
Trạch lan	10 "	Kê huyết đằng	30 "
Xích thược	10 "	Xuyên khung	6 "

24. Đầu bộ tẩy phương

Người cống hiến: Ngụy Chỉ Tân, Giáo sư Y học viện số II Thượng Hải

Mạn kinh	9 gam	Cúc hoa	9 gam
Hạ khô thảo	9 "	Cảo bản	9 "
Thăng ma	6 "	Tân di	6 "
Bạch chỉ	9 "	Xuyên khung	9 "
Ngẫu tiết khô	4 củ	Cam tùng	9 "
Hà diệp khô	nửa lá	Lạc đác đả	12 "

Cách dùng: Bỏ các vị thuốc vào trong 1 túi vải đặt vào trong nồi có khoảng 5000 ml nước sau khi nước thuốc đã sôi cho nông hơi lên mặt dưới nơi bị thương chu vi nơi bị thương đậy khăn bông cho kín mỗi ngày nông 2 - 3 lần mỗi lần xông lâu 30 phút, mỗi gói thuốc có thể dùng được 2 - 3 ngày cũng có thể dùng 2 cái khăn bông nhúng thuốc luân phiên thấm vào đầu.

25. Vương thị thiên đầu thống nghiệm phương

Người cống hiến: Vương Lợi Phương, Y sư phó chủ nhiệm Trường Đại học Y khoa Đồng Tế tỉnh Vũ Hán

Đương quy	12 gam	Bạch thược	12 gam
Thục địa	12 "	Tế tân	3 "
Huyền hồ	15 "	Hạ khô thảo	30 "
Câu đằng	30 "	Thảo quyết minh	30 "
Chân châu mẫu	30 "	Kê huyết đằng	30 "

26. Đường thị kiện não hợp tễ

Người cống hiến: Đường Hạo, Y sư chủ nhiệm Y viện 175 thị trấn Trương Châu tỉnh Phúc Kiến

Thạch tiên đào	10 gam	Lục lăng cúc	10 gam
Bạch chỉ	10 "	Hợp hoan bì	10 "
Xuyên khung	10 "	Tảo nhân sao	10 "
Thỏ ty tử	10 "	Huyền hồ	10 "
Da giao đằng	15 "	Long cốt (hoặc Mẫu lệ)	15 "
Trần bì	10 "		

Cách dùng: mỗi ngày dùng 1 thang sắc 2 nước trộn đều chia làm 2 lần uống. Mỗi đợt điều trị 30 thang.

27. Thuỷ sa tán

Người cống hiến: Hồ Kiều Võ, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh An Huy

Tử hà sa	60 gam	Thuỷ điệt	10 gam

Cách dùng: 2 vị tán bột, nấu hồ luyện làm viên, mỗi lần uống 5 gam, ngày 2 lần, chiêu với nước nóng.

Gia giảm: Người khí huyết bất túc có thể gia Đương quy 20 gam, Hồng sâm 10 gam, phép uống như trên.

28. Bổ Thận vinh não pháp phương

Người cống hiến: Tạ Hải Châu, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh địa	18 gam	Tang thầm	8 gam
Chi ma	20 "	Nữ trinh tử	15 "
Hồ đào nhục	15 "	Thủ ô	10 "
Bổ cốt chi	10 "	Long nhãn nhục	15 "
Đương quy	10 "	Thục địa	18 "

29. Kiện Thận dưỡng não thang

Người cống hiến: Tạ Hải Châu, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Tử hà xa	Long nhãn nhục
Tang thầm tử	Thục Địa hoàng
Thái tử sâm	Xích Bạch thược
Đan sâm	Đương quy
Uất kim	Thạch xương bồ
Phục linh	Viễn trí

30. Trương thị thăng dương chỉ thống thang

Người cống hiến: Trương Chi Văn, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Đẳng sâm	30 gam	Hoàng kỳ	30 gam
Bạch truật (sao)	15 "	Xuyên khung	30 "
Cát căn	30 "	Bạch chỉ	20 "
Tế tân	6 "	Thăng ma	15 "
Hồng táo	12 "	Trích Cam thảo	6 "

31. Quách thị lộc nhung xạ hương thang gia vị phương

Người cống hiến: Quách Duy Nhất, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu Du Lâm tỉnh Thiểm Tây

Trích Lộc nhung	3 gam	Xạ hương	0,15 gam
Hoàng tửu	60 "	Sinh Hoàng kỳ	30 "
Tiêu Bạch truật	10 "	Nhục quế	5 "
Trích Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Trước hết Lộc nhung đem nướng, rồi tán bột mịn đặt Hoàng tửu vào cạnh bếp đun nhỏ lửa 10 phút rồi hoà Xạ hương vào trộn đều cho uống ngay, tiếp theo đun 4 vị còn lại, sắc 2 lần lấy khoảng 400 ml chia làm 2 lần uống nóng sau bữa ăn.

32. Thiên chính đầu thống phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phòng phong	5 gam	Giới tuệ	5 gam
Tô diệp	5 "	Cam thảo	5 "
Thuyền thuế	3 "	Mộc qua	3 "

46. THIÊN ĐẦU THỐNG

Bệnh nhức đầu tập trung vào một bên gọi là Thiên đầu thống.

Đầu thống một bên tái phát nhiều lần không khỏi, gặp gió thì đau tăng, cho uống ***Tôn thị thiên đầu thống hiệu phương (1)*** để sơ phong chỉ thống.

Nếu đau nặng thì dùng ***Lã thị chính thiên đầu thống phương (2)*** để khu phong thông lạc và giảm đau, đồng thời cũng có thể phối hợp dùng ***Thôi thị thiên đầu thống phương (3)*** để xông khói vào lỗ tai và bộ vị đau để khu phong thông lạc giảm đau.

Nếu như phong tà hóa nhiệt làm nghẽn trệ mạch lạc, có triệu chứng hễ gặp nóng hễ gặp nhiệt thì bệnh đau kịch liệt, gặp lạnh thì dễ chịu, có kiêm chứng Tâm phiền đắng miệng tiểu tiện vàng thì dùng ***Khung bạch tán (4)*** để khư phong thanh nhiệt thông lạc giảm đau.

Có kiêm chứng miệng đắng và khô, đau đầu lan toả tới má và răng, nặng hơn thì các cơ ở vùng mặt co kéo, đó là phong nhiệt uất hoả ở Can kinh gây nên, có thể dùng ***Trương thị trị liệu tam thoa thần kinh phương (5)*** để thanh nhiệt trừ chứng kính, khu phong tán hoả. Nếu là phong thịnh thì có thể dùng ***Khu phong thanh nhiệt chỉ thống thang (6)*** để khu phong thanh nhiệt thông lạc chỉ thống.

Có kiêm chứng miệng đắng và nhớt, xu thế đau dữ dội, Tâm phiền khát nước, mặt và lưỡi đỏ, mạch Phù Hồng Hoạt Sác, đó là phong nhiệt đàm ứ công lên trên, có thể dùng ***Lưu thị thanh hoá tán thiên thang (7)*** để trừ phong thanh nhiệt hoá đàm tán ứ.

Thiên đầu thống có triệu chứng đầu choáng váng, miệng đắng sườn đau, đó là Cạn uất khí trệ hóa hoả thành dương, xông lên đầu mặt gây nên cho uống ***Trương thị trị Thiên đầu thống phương (8)*** để sơ Can giải uất hành huyết khu phong.

Đau một bên đầu, choáng váng, đau lan toả tới má và răng, mặt đỏ Tâm phiền, nóng nẩy dễ cáu giận, là âm hư can vượng, có thể dùng ***Tứ vị thược dược thang (9)*** để làm dịu căng gấp của Can và hạ bớt cang dương, thông lạc dẹp phong.

Có thêm chứng tê dại vùng mặt, miệng đắng họng khô, cho uống ***Giải Can tả kính thang (10)*** để tả can lương huyết dẹp phong giải chứng kính.

Nếu Thiên đầu thống dữ dội, đau nửa bên đầu và tới vùng lưỡi, thậm chí nói năng, ăn uống cũng bị đau, có từng cơn đau như chớp giật, hoặc kèm theo đầu choáng váng, mặt đỏ cho uống ***Khâu thị hoạt huyết chỉ thống thang (11)*** để bình Can dẹp phong, hoạt huyết thông lạc.

Thiên đầu thống gặp lạnh thì đau dữ dội, có thêm chứng sắc mặt nhợt, chân tay lạnh, đó là hàn ngưng huyết trệ, mạch lạc không thông, cho uống ***Tích lịch thang (12)*** để ôn kinh tán hàn, thông lạc giảm đau.

Khi đầu thống lại ưa chườm nóng, không khát nước, rêu lưỡi mỏng trắng và nhuận, mạch Phù Huyền đó là hàn đàm và ứ

phong câu kết gây nên bệnh, cho uống ***Lưu thị ôn hoá tán thiên thang (13)*** để khư phong tán hàn, hoá đàm tán ứ.

Chứng thiên đầu thống ngoan cố tái phát nhiều lần, đau như dùi đâm, chất lưỡi tía tốt đau lan toả tới răng và lưỡi, hạn chế cả ăn uống, đầu choáng váng đó là bệnh thuộc ứ huyết có kiêm chứng choáng đầu có lúc có hiện tượng nhiệt bộc lộ rõ là hàn chứng, có thể dùng ***Lã thị thiên chính đầu thống phương (14)*** để hoạt huyết thông lạc, trừ hàn thanh nhiệt, bình Can khu phong.

Có kiêm chứng bụng đầy, biếng ăn, mất ngủ, rêu lưỡi nhớt hoặc dày là huyết ứ có kiêm tích trệ. Điều trị nên khư ứ chỉ thống đồng thời kèm theo thuốc tiêu tích hoà trung để an thần, có thể dùng ***Từ thị trị đầu thống nghiệm phương (15).***

Có kiêm chứng ngực sườn trướng đầy đó là huyết ứ Can uất cho uống ***Trịnh thị sơ Can lý khí hoạt huyết phương (16).***

Có kiêm chứng mắt đỏ miệng đắng, cho uống ***Lý thị thống cơ bản phương (17)*** để thanh lý phong nhiệt ở Can Đởm, hoạt huyết thông lạc trục ứ.

Nếu kiêm chứng gầy còm biếng ăn là do Tỳ khí hư cho uống ***Chu thị thiên đầu thống phương (18)*** để trục ứ thông lạc khư phong chỉ thống kèm theo tác dụng phù chính ích khí, ứ nghẽn ngăn trợ đường lạc hoặc do phong đờm quấy nhiễu lên trên gây nên Thiên đầu thống, đều có thể phối hợp dùng ***Đầu thống xúc tỵ tán (19)*** nhét vào lỗ mũi để thông khiếu chỉ thống.

Mục Thiên đầu thống này nên phối hợp phép điều trị ở các bệnh "Đầu thống", "Đầu vựng" và "Đầu chướng" .v.v.

1. Tôn thị thiên đầu thống hiệu phương

Người cống hiến: Tôn Bỉnh Hoa, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Tân Hải tỉnh Giang Tô

Phòng phong	6 gam	Độc hoạt	6 gam
Mạn kinh tử	8 "	Bạch chỉ	9 "
Bạc hà	6 "	Tế tân	3 "
Xuyên khung	10 "		

2, Lã thị chính thiên đầu thống phương

Người cống hiến: Lã Học Thái, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện số II thành phố Thái An tỉnh Sơn Đông

Toàn yết	60 gam	Đại Ngô công	3 con
Thiền thuế	3 "		

Cách dùng: Hai vị trên tán bột mịn mỗi lần dùng 3 gam, sắc Thiền thuế lấy nước chia làm 3 lần uống ngày 3 lần.

3. Thôi thị thiên đầu thống phương

Người cống hiến: Thôi Ngọc Hành, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Khai Phong

Thấu cốt thảo	30 gam	Xuyên khung	15 gam
Tế tân	15 "	Bạch chỉ	15 "

Bạch Cương tàm 1 con (cứ 1 tuổi dùng 1 con)

Cách dùng: Bỏ các vị thuốc vào chảo gang đổ nước vào đun sôi vài phút lấy 1 miếng giấy dày chọc lỗ thủng bằng đầu ngón tay cái đậy lên miệng chảo xông vào lỗ tai bị đau và bộ vị đau

nhức khác lâu 10 - 20 phút, ngày xông 2 - 3 lần. Mỗi thang thuốc dùng được 2 - 3 ngày, sau khi xông cần tránh gió 1 giờ.

Gia giảm: Có triệu chứng phong hàn gia Phòng phong, Kinh giới đều 10 gam. Có triệu chứng phong nhiệt gia Cúc hoa, Bạc hà đều 12 gam.

4. Khung bạch tán

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm
Y viện trung tâm Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Xuyên khung	15 gam	Bạch chỉ	15 gam
Hoàng cầm	15 "		

Gia giảm: Đầu thống thuộc huyết hư gia Câu kỷ 15 gam, Bạch Cúc hoa 6 gam. Can phong quấy rối lên trên huyết áp cao gia Câu đằng 30 gam, Thạch quyết minh 30 gam, Ngưu tất 15 gam. Đàm trọc không biến hoá được gia Đởm nam tinh 9 gam hoặc Mông thạch 15 gam.

5. Trương thị trị liệu tam thoa thần kinh phương

Người cống hiến: Trương Gia Bằng, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Thạch cao	30 gam	Hoàng cầm	10 gam
Cát căn	15 "	Kinh giới tuệ	10 "
Câu đằng	12 "	Thương nhĩ tử	12 "
Mạn kinh tử	12 "	Toàn yết	6 "
Ngô công	3 con	Sinh Địa hoàng	10 "

6. Khu phong thanh nhiệt chỉ thống thang

Người cống hiến: Triệu Tách Võ, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Thạch cao	24 gam	Cát căn	18 gam
Hoàng cầm	9 "	Xích thược	12 "
Kinh giới tuệ	9 "	Câu đằng	12 "
Bạc hà	9 "	Cam thảo	9 "
Thương nhĩ tử	12 "	Toàn yết	6 "
Mạn kinh tử	12 "	Sài hồ	12 "
Ngô công	3 con		

Gia giảm: Đau mắt nặng gia Tang diệp, Cúc hoa. Đau răng nặng gia Tế tân, Sinh địa, Ngưu tất.

7. Lưu thị thanh hoá tán thiên thang

Người cống hiến: Lưu Bảo Hoà, Y sư chủ nhiệm Trung y Học viện tỉnh Hà Bắc

Sơn chi	12 gam	Hoàng cầm	10 gam
Toàn yết	6 "	Xuyên khung	6 "
Kinh giới	10 "	Địa long	60 "
Cương tàm	60 "	Khương hoạt	60 "
Phòng phong	10 "	Nhũ hương	10 "
Bán hạ	6 "	Mộc qua	12 "
Cúc hoa	15 "	Hồng hoa	10 "
Cát cánh	6 "		

8. Trương thị trị thiên đầu thống phương

Người cống hiến: Trương Cát, Giáo sư
Trung y học viện Hà Bắc

Châm theo phép tả các huyệt: Ngoại quan, Dương lăng tuyền, Thái dương, Đầu duy.

Thuốc uống trong

Cảo bản	12 gam	Mạn kinh tử	12 gam
Bạch chỉ	12 "	Xuyên khung	12 "
Đương quy	15 "	Thạch quyết minh	15 "
Câu đằng	15 "		

Chú ý: Trong thời gian đang điều trị tránh sự cáu giận và kiêng ăn các đồ cay nóng.

9. Tứ vị thược dược thang

Người cống hiến: Hạ Độ Hành, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hồ Nam

Bạch thược	30 gam	Sinh Mẫu lệ	30 gam
Đan sâm	15 "	Cam thảo	15 "

10. Giải Can tả kính thang

Người cống hiến: Ngô Duy Khang, Lão trung y nổi tiếng
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Sinh Địa hoàng	20 gam	Sinh Bạch thược	20 gam
Hoàng cầm	10 "	Địa long	20 "
Tế tân	2,5 - 5 "	Toàn yết	5 "
Bạch chỉ	10 "	Long đởm thảo	10 "

Gia giảm: Đau nặng có thêm chứng choáng váng gia Thiên ma, Câu đằng, Cúc hoa.

11. Khâu thị hoạt huyết chỉ thống thang

Người cống hiến: Khâu Hạnh Phàm, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Xuyên khung	10 gam	Xích thược	15 gam
Bạch thược	15 "	Cương tàm	10 "
Cúc hoa	10 "	Sinh Địa cốt	15 "
Sinh Mẫu lệ	15 "	Toàn yết	6 "
Bạch chỉ	10 "	Ngưu tất	15 "

Gia giảm: Mặt đỏ, đau nhấm nhói là chủ yếu gia Hạ khô thảo 30 gam, Câu đằng 30 gam, Thạch quyết minh 30 gam. Mặt nhợt, sợ lạnh đau co rút là chủ yếu gia Tế tân 6 gam, Chế Phụ phiến 10 gam.

12. Tích lịch thang

Người cống hiến: Sa Tinh Viên, Y sư chủ nhiệm Tổng y viện Quân khu Nam Kinh Giải phóng quân

Toàn yết	2 gam	Chế Xuyên ô	4,5 gam
Bạch chỉ	12 "	Chế Thảo ô	4,5 "
Xuyên khung	9 "	Bạch cương tàm	9 "
Sinh khương	6 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Các vị trên làm 1 thang, dùng 500 ml nước sạch trước hết bỏ Thảo ô và Xuyên ô vào sắc 30 phút, sau đó mới bỏ các vị thuốc còn lại vào sắc thêm 30 phút nữa, bỏ bã chia làm 2 lần uống nóng, mỗi ngày uống 1 thang.

13. Lưu thị ôn hoá tán thiên thang

Người cống hiến: Lưu Bảo Hoà, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Bắc

Toàn yết	6 gam	Xuyên khung	6 gam
Kinh giới	10 "	Địa long	6 "
Cương tàm	6 "	Thiên nam tinh	6 "
Phòng phong	12 "	Nhũ hương	10 "
Mộc qua	12 "	Cát cánh	6 "
Bạch Phụ tử	6 "	Xuyên ô	6 "
Tế tân	3 "		

14. Lã thị thiên chính đầu thống phương

Người cống hiến: Lã Thừa Toàn, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Xuyên khung	30 - 45 gam	Bạch chỉ	30 gam
Xuyên ô	20 - 30 "	Thiên ma	30 "
Hoàng cầm	30 - 45 "	Chân châu mẫu	50 "
Toàn yết	12 "	Cam thảo	30 "

15. Từ thị trị đầu thống nghiệm phương

Người cống hiến: Từ Khải Cương, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện tỉnh Cam Túc

Đương quy	9 gam	Xuyên khung	9 gam
Nhũ hương	9 "	Viễn trí	9 "
Dạ giao đằng	12 "	Bạch chỉ	9 "
Cảo bản	9 "	Phòng phong	6 "
Uất kim	9 "	Thần khúc	9 "
Trần bì	9 "	Sao Mạch nha	16 "

Cách dùng: Mỗi ngày sắc 1 thang chia 2 lần uống. Từ 8 - 12 thang là một đợt điều trị.

16. Trịnh thị sơ can lý khí hoạt huyết phương

Người cống hiến: Trịnh Kim Phúc, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sài hồ
Hoàng cầm
Đương quy
Cát căn
Phòng phong
Cam thảo
Chỉ xác
Xuyên khung
Xích thược
Bạch chỉ
Ngưu tất

17. Lý thị đầu thống cơ bản phương

Người cống hiến: Lý Hằng Mẫn, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Toàn yết	10 gam	Ngô công	6 gam
Xuyên khung	15 "	Xích thược	15 "
Đương quy	10 "	Ngưu tất	15 "
Thanh đại	12 "	Mộc qua	12 "
Phòng phong	10 "	Kinh giới	10 "

Gia giảm: Can huyết hư bỏ Xuyên khung gia Bạch thược, Thủ ô, A giao. Can khí hoành nghịch gia Thanh bì, Trần bì, Chỉ xác, Hương duyên, Phật thủ, Hương phụ. Can dương quấy rối lên trên gia Thạch quyết minh, Sinh Giả thạch, Thiên ma. Can khí uất kết gia Sài hồ, Bạc hà, Hương phụ. Can thận âm hư gia Sinh địa, Quy bản, Bạch thược, Sơn thù. Can vượng kiêm đờm, gia

Đởm nam tinh, Thiên trúc hoàng, Bán hạ. Can vượng đầu gáy cứng, sợ gió, gia Quế chi, Cát căn, Bạch thược.

18. Chu thị thiên đầu thống phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y Y viện thị trấn Nam Thông

Câu đằng	10 gam	Thái tử sâm	10 gam
Toàn yết	15 "	Xuyên khung	15 "
Đan sâm	10 "	Địa long	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần uống 3 gam chiêu với nước chín, uống lúc nào cũng được, mỗi ngày uống một lần. Khi có cơn đau thì ngày uống 3 lần.

19. Đầu thống xúc tỵ tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Bạch chỉ	10 gam	Băng phiến	1 gam

Cách dùng: Bạch chỉ tán bột, rồi sau trộn đều với Băng phiến, lại tán cho mịn hơn nữa, đựng lọ nút kín. Mỗi lần dùng tý chút thổi vào mũi, đau bên trái thổi mũi bên phải và ngược lại. Cũng có thể viên cục bông chấm thuốc nút vào mũi, ngày vài ba lần.

Chú ý: Không dùng trong chứng Viêm mũi.

47. ĐAU ĐỈNH ĐẦU

Đau ở gần đỉnh đầu, xung quanh huyệt Bách hội, gọi là Đau đỉnh đầu. Đau đỉnh đầu hoặc lan toả về phía sau đầu và vai gáy cũng đau, kiêm chứng đau hàm răng, sợ gió, mạch Phù, phát bệnh khá nhanh gấp, là thuộc phong tà phạm lên trên, có thể dùng ***Lô thị chỉ đầu thống phương (1)*** để khử phong giảm đau.

Đau đỉnh đầu đã lâu ngày, lúc phát lúc ngừng, nơi đau cố định, hoặc đau lan toả tới hai màng tang, lưỡi tối hoặc do sau khi bị ngoại thương còn di chứng đau đầu, đó là thuộc ứ huyết gây nên, có thể dùng ***Vương thị đầu thống phương (2)*** để hoạt huyết khư phong chỉ thống.

Đau đỉnh đầu mà nặng nề, kiêm chứng choáng váng, ngực khó chịu, nôn mửa, mửa ra dãi dính, hoặc đầu ngón tay chân không ấm. Vị quản ưa ấm, rêu lưỡi trắng nhớt là thuộc hư hàn trọc âm phạm lên trên, nên dùng phép ôn trung giáng trọc, kiện Tỳ thấm thấp, có thể dùng ***Trần thị ngô linh thang (3)***.

Biện chứng luận trị chứng này nên tham khảo với các bệnh "Đầu thống" và 'Thiên đầu thống".

1. Lô thị chỉ đầu thống phương

Người cống hiến: Lô Phương, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Cáp Nhĩ Tân tỉnh Hắc Long Giang

Xuyên khung	50 gam	Bạch chỉ	50 gam
Khương hoạt	15 "	Cúc hoa	15 "
Cảo bản	15 "	Tất bát	50 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc uống làm 2 lần sáng và chiều.

2. Vương thị đầu thống phương

Người cống hiến: Vương Tự Cường, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Mạn kinh tử	10 gam	Phòng phong	10 gam
Xuyên khung	10 gam	Hồng hoa	10 gam
Sao Xích thược	10 "	Ngưu tất	10 "

Trích Toàn yết 5 " (hoặc nghiền bột mỗi ngày dùng 2 - 3 gam chia làm 2 - 3 lần uống, hiệu quả càng tốt)

Chú ý: Thời gian đang hành kinh hoặc có thai cẩn thận khi dùng

3. Trần thị ngô linh thang

Người cống hiến: Trần Kính Hợp, Phó giáo sư
Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Ngô thù du	10 - 20 gam	Đảng sâm	15 - 30 gam
Sinh khương	3 - 6 "	Quế chi	10 - 15 "

Phục linh	10 gam	Đại táo	15 gam
Bạch truật	10 "	Trích Cam thảo	5 "

Cách dùng: sắc với 500 ml nước cạn lấy 200 ml chia 2 lần uống. Liều lượng dùng Ngô thù du nên từ ít đến nhiều và căn cứ vào bệnh tình mà tăng dần liều lượng.

48. ĐAU XƯƠNG CHÂN LÔNG MÀY
(Mi lăng cốt thống)

Đau xương chân lông mày thường có liên quan tới bệnh ở mũi, thường kiêm chứng tắc mũi, chẩy nước đặc vàng đục hoặc phát sốt sợ gió, mạch Phù Sác, hoặc vốn có bệnh ở mũi mà cảm nhiễm phong nhiệt phát sinh chứng này, nguyên nhân do ứ nhiệt phong độc câu kết gây nên, có thể dùng ***Đàm thị mi lăng cốt thống phương*** để trục ứ khai đàm, thanh nhiệt giải độc, khư phong chỉ thống.

Chứng này nên tham khảo với chứng 'Tỵ tắc".

PHỤ PHƯƠNG

Đàm thị mi lăng cốt thống phương

Người cống hiến: Đàm Kính Thu, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Xương nhĩ tử	12 gam	Bạch chỉ	12 gam
Xuyên khung	15 "	Mộc thông	10 "
Tạo giác thích	10 "	Đào nhân	10 "
Chế Thảo ô	6 "	Bạch thược	20 "
Sinh Cam thảo	10 "	Hoàng cầm	15 "
Ngư tinh thảo	20 "	Đại Ngô công	2 con

49. ĐẦU CHOÁNG VÁNG
(Đầu vậng)

Đầu choáng váng là chỉ mắt nhìn chập chờn lờ mờ, quay cuồng chòng chành như ngồi trên xe trên thuyền, thậm chí mắt không dám mở, hễ mở mắt thì quay cuồng nôn mửa.

Đầu choáng váng kiêm chứng mắt đỏ, miệng đắng, đầu chướng, phiền táo dễ cáu giận, là do Can Đởm hoả vượng, điều trị nên thanh Đởm tả Can, giáng hoả tiết nhiệt, cho uống bài ***Lưu thị tam thảo thang (1).***

Nếu kiêm chứng đắng miệng, tai căng tức hoặc ù tai, có thể dùng ***Thanh tiết Can Đởm phương (2)*** để thanh tiết Can Đởm.

Những chứng trạng nói trên lại kiêm đại tiện khô kết, có thể dùng ***Hoàng cầm tả hoả thang (3)*** để thanh tả Can hoả, tiết nhiệt thông Phủ, đồng thời giữ gìn phần âm.

Đầu choáng váng, tai ù, đau đầu thì dùng ***Giáng áp hoàn số II (4)*** để dẹp phong bình Can, thanh Can giải độc.

Choáng váng muốn ngã, mặt đỏ, đầu mặt tê dại, có kiêm chứng tay chân tê dại, hoạt động toàn thân có lúc cảm giác thiếu nhanh nhạy và đau đầu, có thể dùng ***Củng thị bình Can thanh nhiệt phương (5)*** để bình Can thanh nhiệt, thông lạc. Nặng hơn

thì dùng ***Lục thị bình Can tiềm dương phương (6)*** để tiềm dương bình Can, thanh nhiệt.

Nếu kiêm chứng chi dưới tê mỏi, đêm ngủ không yên thì dùng ***Giáng áp điều Can thang (7)*** để bình Can giáng nghịch kiêm ích Thận.

Kiêm chứng khát nước, tiểu tiện vàng sẻn, lưng ê mỏi, rêu lưỡi vàng khô, đó là nhiệt thịnh thương Âm, thì dùng ***Ngọc thạch thang (8)*** để thanh nhiệt sinh tân, dẹp phong lợi niệu, hoặc chọn dùng bài ***Hoàng trinh tứ thảo thang (9)*** để thanh nhiệt dưỡng âm, bình Can khư phong.

Đầu choáng váng, lưng đùi vô lực, ù tai, kiêm chứng miệng khô ráo, đầu nặng chân nhẹ, mặt đỏ và tê, cho uống ***Nhu Can tức phong thang (10)*** để nhu Can bổ Thận, thanh nhiệt dẹp phong, giáng nghịch giải Kính.

Kiêm chứng gò má đỏ, triều nhiệt Tâm phiền, mặt ráo họng khô, tiểu tiện vàng sẻn, mồ hôi trộm hoặc táo bón, cho uống ***Lục ngũ địa hoàng thang (11)*** để tư bổ Can Thận, đạm thấm lợi thuỷ.

Nếu kiêm chứng mất ngủ, óc căng chướng, hay quên, khô miệng ít tân dịch, cho uống ***Dưỡng âm kiện não thang (12)*** để tư bổ Can Thận, tiềm dương dẹp phong, dưỡng Tâm an thần và thanh nhiệt.

Kiêm chứng sắc mặt tối sạm, tinh thần uất nén, hồi hộp, ven lưỡi có nốt xanh ban là thuộc âm khuy có ứ đàm, thì dùng ***Kiện***

não giáng áp xung tễ (13) để bổ Thận hoạt huyết, vận Tỳ hoá đàm.

Đầu choáng, đoản hơi, biếng nói, kiêm chứng hồi hộp kém ngủ, tai ù hay quên, mỏi mệt khô miệng, kém ăn tự ra mồ hôi là thuộc Tâm Tỳ đều hư, thanh dương không thăng, cho uống ***Ích khí kiện não thang (14)*** để kiện Tỳ thăng thanh, sinh huyết dưỡng Tâm, bình Can dẹp phong.

Kiêm chứng cơ thể lạnh mỏi mệt, lưng lạnh, tiểu tiện nhiều mà trong dài là thuộc Dương khí hư suy, cho uống ***Khí hư huyễn vựng tiễn (15)*** để ích khí tráng dương mà điều trị.

Đầu choáng và chướng, ngực khó chịu, buồn nôn, miệng đắng và nhớt, kiêm chứng nhiều đờm bụng khó chịu, Tâm phiền mất ngủ, thể trạng mập là thuộc đàm nhiệt kiêm Can phong, thì dùng ***Câu cúc ôn Đởm thang (16)*** để thanh nhiệt hoá đàm, bình Can dẹp phong.

Kiêm chứng vùng mặt nóng rát, tai ù, não nóng, tinh thần mỏi mệt, thì dùng ***Bình hành thang (17)*** để tư âm tiềm dương, ích Can bình Can, thanh Tâm hoá đàm, ninh thần giáng nhiệt.

Sau khi đẻ choáng váng mỏi lưng, có thể uống ***Ích mẫu giáng áp thang (18)*** để bổ Thận hoạt huyết, tiềm dương.

Choáng váng ngã lăn đột ngột, chân tay tê dại cấu không biết đau, không vận động được, lại bất chợt choáng váng mặt tối sầm là thuộc huyết hư phong đàm ngăn trở đường Lạc, cho uống ***Hoạt lạc quyên tý ẩm (19)*** để dẹp phong quyên tý, dưỡng huyết hoạt lạc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lưu thị tam thảo thang

Người cống hiến: Lưu Độ Châu, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Hạ khô thảo — Long đởm thảo
Ích mẫu thảo — Thược dược
Cam thảo

Gia giảm: Có thể gia Ngưu tất để dẫn huyết đi xuống. Gia Thạch quyết minh, Chân châu mẫu để bình Can tiềm dương. Gia Hoàng cầm, Chi tử để thanh Can hoả. Gia Đại hoàng để tả thực nhiệt. Gia Thạch hộc, Huyền sâm để dưỡng Can âm.

2. Thanh tiết Can Đởm phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	9 gam	Hoàng cầm	15 gam
Bán hạ	12 "	Thanh bì	9 "
Chỉ xác	9 "	Trúc nhự	9 "
Long đởm thảo	9 "	Chi tử	9 "
Mạn kinh tử	12 "	Thương nhĩ tử	9 "
Đại thanh diệp	15 "		

Chú ý: Cẩn thận không gia các loại thuốc trọng trấn tiềm dương.

3. Hoàng cầm tả hoả thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Hoàng cầm	Sơn chi
Chế quân	Bạch thược
Cam thảo	Sinh Địa hoàng
Câu đằng	Ngưu tất

4. Giáng áp hoàn số II

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thảo quyết minh	Cúc hoa
Hoàng cầm	

Cách dùng: Tán bột vẩy nước làm viên, ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 gam.

5. Củng thị bình Can thanh nhiệt phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Xuyên khung	12 gam	Cúc hoa	20 gam
Địa long	10 "	Ngưu đất	15 "
Hạ khô thảo	30 "	Địa cốt bì	30 "
Ngọc mễ tu	30 "		

6. Lục thị bình Can tiềm dương phương

Người cống hiến: Lục Chỉ Thanh, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Hạ khô thảo	16 gam	Sinh Thạch quyết minh	30 gam
Hoàng cầm	9 "	Câu đằng	12 "

Tang ký sinh	15 gam	Bạch thược	9 gam
Ngưu tất	9 "	Đỗ trọng	12 "
Địa long	9 "	Xuyên khung	5 "

Gia giảm: Miệng ráo họng khô, gia Sinh địa 18 gam, Huyền sâm 12 gam.

7. Giáng áp điều Can thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Cốc tinh thảo	Hạ khô thảo
Cúc hoa	Câu đằng
Quyết minh tử	Địa long
Hạn liên thảo	Tang ký sinh
Ngưu tất	

8. Ngọc thạch thang

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Sinh Thạch cao	30 gam	Ngọc trúc	30 gam
Câu đằng	30 "	Huyền sâm	15 "
Nữ trinh tử	12 "	Xa tiền thảo	24 "

(thứ tươi công hiệu rất tốt, có thể dùng tới 60 gam)

Gia giảm: Phiền nhiệt nặng, gia Sinh Địa hoàng 15 gam, Mẫu đơn bì 12 gam hoặc Địa cốt bì 15 gam, Tri mẫu 9 gam. Chòng chành như ngồi xe ngồi thuyền, gia Chân châu mẫu 30 gam hoặc Thạch quyết minh 30 gam. Mất ngủ, chân tay mỏi, gia Toan tảo nhân, Dạ giao đằng mỗi vị đều 15 gam, hoặc gia Đan

sâm 30 gam. Táo bón trướng bụng gia Sinh Đại hoàng 9 gam. Nhiều đờm gia Đởm nam tinh 6 gam, Trúc lịch 30 gam (nếu không có Trúc lịch có thể gia Thiên trúc hoàng 9 gam). Đầu đau mắt trướng, tay run rẩy, có thể chọn gia Hạ khô thảo 30 gam, Hắc chi ma 12 gam, Tang diệp 9 gam, Bạch cúc hoa 9 gam, Thiên môn đông 15 gam, Mạch môn đông 15 gam.

9. Hoàng trinh tứ thảo thang

Người cống hiến: Đổng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng trinh	20 gam	Hạ khô thảo	15 gam
Ích mẫu thảo	15 "	Xa tiền thảo	15 "
Hy thiêm thảo	15 "		

Cách dùng: Ngâm các vị thuốc trên vào nước 30 phút rồi đun lâu 30 phút. Mỗi ấm sắc 2 lần, trộn lẫn 2 nước chia làm 2 lần uống sáng và chiều, ngày một ấm.

10. Nhu Can tức phong thang

Người cống hiến: Triệu Kim Đạc, Y sư chủ nhiệm Viện Nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Câu kỷ tử	12 gam	Cúc hoa	12 gam
Hạ khô thảo	12 "	Tang ký sinh	15 "
Thích Tật lê	12 "	Hà thủ ô	12 "
Toàn Đương qui	9 "	Xích thược	12 "
Bạch thược	12 "	Huyền sâm	12 "
Ngưu tất	12 "	Câu đằng	9 "
Địa long	9 "	Chân châu mẫu	24 "

Cách dùng: Trong bài có vị Chân châu mẫu, khi sắc thuốc nên bọc vải mỏng sắc trước 15 phút. Trong bài có vị Câu đằng, khi sắc thuốc nên bỏ vào sau, tức là sắc nước thứ nhất đừng bỏ vào, nước thứ hai hãy bỏ vào cùng sắc với các vị khác lấy khoảng 350 ml nước thuốc đặc chia làm 2 lần uống sáng và tối, uống lúc nóng sau bữa cơm 1 giờ.

Gia giảm: Nói nhịu (lắp) gia Xương bồ. Có đờm hoặc rêu lưỡi hơi vàng và nhớt gia Trúc lịch tươi 50 ml, hoà lẫn vào nước thuốc chia hai lần uống. Đại tiện khô, gia sao Quyết minh tử 15 gam, cũng có thể hãm uống thay nước trà.

6. Lục ngũ địa hoàng thang

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Can Địa hoàng	25 gam	Mẫu đan bì	10 - 20 gam
Hoài sơn	20 "	Sơn thù	15 "
Câu kỷ tử	20 "	Nữ trinh tử	20 "
Bạch phục linh	15 - 25 "	Trạch tả	10 - 20 "
Địa phu tử	15 - 25 "	Xa tiền tử	15 - 25 "
Tang thầm tử	25 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm vào nước rồi mới sắc, đun nhỏ lửa hai lần, mỗi lần lâu 30 phút, lấy tất cả 300 ml nước cốt, chia làm hai lần uống.

12. Dưỡng âm kiện não thang

Người cống hiến: Lưu Thiện An, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số I thành phố Quý Dương

Sinh Địa hoàng	30 gam	Sao Hoàng bá	10 gam
Sao Tri mẫu	10 "	Bạch thược	20 "
Trích Quy bản	20 "	Toàn Đương qui	10 "
Sao Xuyên liên	5 "	Mạch môn đông	30 "
Phục thần	20 "	Sao Tảo nhân	30 "
Câu kỷ tử	30 "	Minh Thiên ma	15 "
Sinh Long cốt	30 "	Sinh Mẫu lệ	30 "

13. Kiện não giáng áp xung tễ

Người cống hiến: Mã Ấm Tiến, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Hạch Đào nhân 3 phần Hồng đường 4 phần

Đào nhân (ngâm hước nóng, bóc vỏ bỏ đầu nhọn) 1 phần

Cách dùng: Ba vị trên tán bột mỗi lần dùng 15 - 20 gam, ngày uống 2 - 3 lần, liên tục 15 ngày làm 1 đợt điều trị.

14. Ích khí kiện não thang

Người cống hiến: Lưu Thiện An, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số I thành phố Quý Dương

Lộ Đảng sâm	30 gam	Hoàng kỳ	30 gam
Tiêu Bạch truật	20 "	Trích Thăng ma	10 "
Sài hồ	10 "	Tân hội bì	10 "
Đương qui	10 "	Trích Cam thảo	9 "

Sinh Địa hoàng	20 gam	Mạch môn đông	20 gam
Phục thần	20 "	Sơn dược	10 "
Sinh Long cốt	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Thiên ma	15 "	Bán hạ	15 "
Sao Tảo nhân	20 "		

15. Khí hư huyễn vậng tiễn .

Người cống hiến: Thi Trị Toàn, Giáo sư
Nhân dân y viện số 1 Thành Đô

Trích Hoàng kỳ	20 gam	Trực sâm	30 gam
Lộc giác	15 "	Quế chi	10 "
Xuyên khung	10 "	Sài hồ (sao rượu)	10 "
Trích Cam thảo	5 "		

Cách dùng: Bỏ các vị thuốc trên vào nồi đổ nước vào sâm sấp, sau khi ngâm được 15 phút thì đun sắc, sau khi sôi, đun nhỏ lửa lại đun thêm 15 phút nữa, lọc bã lấy nước cốt. Bã thuốc lại đổ nước vào nấu lần thứ hai, 15 phút sau khi sôi lại lọc bã lấy nước cốt trộn với nước lần đầu, chia làm 3 lần uống trong ngày.

Gia giảm: Kiêm chứng sợ lạnh, gia Chế Phụ phiến 20 gam, Can khương 10 gam để phù dương khư hàn. Kiêm nôn mửa, gia Bán hạ 10 gam, Sinh khương 10 gam, Phục linh 15 gam để hoà Vị giáng nghịch. Kiêm chứng đại tiện không thành khuôn, gia Xương truật 10 gam, Phục linh 15 gam, Đại phúc bì 10 gam để trừ thấp. Kiêm chứng bụng đầy gia Sao Chỉ xác 15 gam, Cát cánh 10 gam để thăng giáng khí cơ và trừ bĩ.

16. Câu cúc ôn Đởm thang

Người cống hiến: Đàm Nhật Cường, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Câu đằng
Tật lê
Phục linh
Trúc như
Ngưu tất
Cam thảo
Cúc hoa
Bán hạ
Trần bì
Hoàng liên
Địa long

17. Bình hành thang

Người cống hiến: Tào Dịch Dần, nhà Trung y nổi tiếng thời cận đại

Ngọc trúc	15 gam	Chế Thủ ô	15 gam
Đan bì	6 "	Cúc hoa	12 "
Liên kiều	10 "	Trúc quyển tâm	10 "
Bán hạ	10 "	Bão mộc thần	12 "
Huyền sâm	12 "	Sinh bạch thược	12 "
Hắc sơn chi	10 "		

Thạch quyết minh (nung) 15 gam

18. Ích mẫu giáng áp thang

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Ích mẫu thảo	60 gam	Tang ký sinh	20 gam
Đỗ trọng	20 "	Chu thảo	5 "

Gia giảm: Đau đầu nhiều gia Hạ khô thảo 12 gam, Câu đằng 20 gam, Sinh Bạch thược 25 gam, Sinh Mẫu lệ 30 gam. Âm hư nặng, gia Nữ trinh tử 12 gam, Xuyên Thạch hộc 15 gam, Sinh Địa hoàng 15 gam.

19. Hoạt lạc quyên tý ẩm

Người cống hiến: Quách Chấn Cầu, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Thiên ma	10 gam	Câu đằng	20 gam
Mộc qua	10 "	Tỳ giải	15 "
Đương qui	15 "	Bạch thược	15 "
Tục đoạn	12 "	Hoàng kỳ	15 "
Ngưu tất	10 "	Cương tàm	12 "
Tùng tiết	15 "	Uy linh tiên	15 "

50. ĐẦU TRƯỚNG

Đầu trướng, còn gọi là Não trướng, là một chứng thường gặp, xuất hiện lẫn lộn với các chứng Đầu thống, Huyễn vựng, lâm sàng gặp các chứng ấy, có thể bổ sung cả chứng Đầu trướng.

Đầu choáng não trướng, chân tay bứt rứt, ngực sườn khó chịu, hoặc đau nhức toàn thân, hoặc chân tay tê dại họng vướng mắc, rêu lưỡi trắng, mạch Huyền Hoạt là do Can uất khí trệ, đờm nghẽn đường Lạc, cho uống ***Chu thị tứ nghịch hương phật nhị hoa thang (1)*** để thư Can lý khí, hoá đàm thông lạc.

Nếu đầu choáng não trướng lại thêm Tâm phiền hay cáu giận, chân tay tê dại, mặt nhợt đoản hơi, môi nhợt hồi hộp, là do Can vượng hỏa thịnh, khí huyết bất túc, có thể dùng ***Hạ khô long kỳ thang (2)*** để bình Can tả hoả, bổ khí dưỡng huyết.

Có kiêm chứng đắng miệng mất ngủ hay mê, mắt mặt đỏ, lưỡi hồng, mạch Huyền, đó là Can hỏa hoá dương, quấy rối lên đỉnh đầu, nên điều trị theo phép bình Can tiềm dương và tả hoả, có thể dùng ***Trương thị Can dương thượng cang phương (3).***

Ăn uống bừa bãi các thức ngon cay nóng nồng hậu, chè rượu quá trớn, thâu đêm ca hát, dẫn đến đầu trướng Tâm phiền, ngực khó chịu nôn mửa, cho uống ***Chu thị cuồng ẩm phương (4).*** Uống quá nhiều rượu cao độ sinh ra đầu trướng khát nước, tinh

thần lơ mơ thích nằm, bụng đầy nôn mửa, có thể dùng ***Dương thị tình tửu thang (5)*** để giải độc rượu, sinh tân trừ phiền, tiên trệ hoà trung.

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị tứ nghịch hương phật nhị hoa thang

Người cống hiến: Chu Tiến Chung, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Sơn Tây

Sài hồ	10 gam	Bạch thược	10 gam
Chỉ xác	10 "	Cam thảo	10 "
Mai khôi hoa	10 "	Đại mạo hoa	10 "
Hương duyên	10 "	Phật thủ	10 "
Hoàng cầm	3 "		

Cách dùng: Thuốc ngâm trong nước 20 phút, đem sắc sau khi sôi cạn còn 7, 8 phần là được. Thời gian sắc không nên quá lâu.

Gia giảm: Nếu mạch Huyền, bỏ Hoàng cầm, gia Huyền sâm 6 gam. Mạch Huyền Hoạt rõ ràng, gia Hoàng cầm 6 gam, Huyền sâm 6 gam. Chân tay tê dại hoặc đau rức, gia Tỳ qua lạc 10 gam.

2. Hạ khô long kỳ thang

Người cống hiến: Chu Tiến Chung, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Sơn Tây

Hạ khô thảo	30 gam	Địa long	12 gam
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Đương quy	10 "
Long đởm thảo	15 "		

Gia giảm: Nếu tay chân tê dại hoặc cảm giác căng tức nặng nề, gia Tang chi 30 gam. Hồi hộp mạch Huyền Đại mà Kết, gia Đan sâm 10 gam.

3. Trương thị Can dương thượng cang phương

Người cống hiến: Trương Đại Vinh, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Long cốt	30 gam	Sinh Mẫu lệ	30 gam
Sinh Từ thạch	30 "	Mẫu Đan bì	10 "
Hạ khô thảo	12 "	Cúc hoa	12 "
Trạch tả	2 "	Nhân trần	15 "
Hoàng cầm	12 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Ngưu tất	30 "		

4. Chu thị cuồng ẩm phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoắc hương	10 gam	Tân lang	5 gam
Trần bì	6 "	Bạch giới tử	2 "
Minh phàn	0,3 "	Đại hoàng	0,5 "

Cách dùng: các vị thuốc trên là liều dùng trong một ngày, giã thành bột thô, đổ nước vừa phải, đun sôi chừng 2 phút là được, sau khi nguội chia làm 3 lần uống.

Gia giảm: Chất lưỡi đỏ non bệu đặc biệt, gia Hoàng sâm 10 gam, Mạch môn đông 15 gam.

5. Dương thị tình tửu thang

Người cống hiến: Dương Kiến Võ, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Vân Nam

Chỉ thực tử	20 gam (thứ khô thì 10 gam)		
Cát căn	10 "	Sơn tra	10 gam
Ô mai	5 "	Cam thảo	5 "

Cách dùng: Sắc 2 nước lấy 300 ml nước cốt, uống làm một lần cho hết. Cũng có thể đối chiếu tỷ lệ trên chế sẵn thành dạng nước ga giải độc rượu, giữ được thời gian dài làm đồ uống giản tiện.

51. ĐẦU LẮC LƯ

Đầu lắc lư là chỉ chứng trạng đầu tự lúc lắc không kiềm chế được, tục gọi là "Giao đầu phong" phần nhiều có liên quan tới thể trạng hư và phong.

Trẻ em đầu lắc lư, mắt hay chớp, chân tay có lúc giật, không có sức tập trung chú ý, họng có tiếng khò khè, nói hay văng tục, là thuộc phong đàm quấy rối ở trên, nên trấn Can dẹp phong, hoá đàm an thần, có thể dùng ***Tĩnh tuệ thang (1).***

Đầu lắc lư choáng váng, mỏi mệt yếu sức, không chịu được mệt nhọc, tinh thần ủy mị, mặt nhợt kém tươi, chân tay không ấm, hồi hộp mất ngủ, đại tiện lỏng nhão, ăn uống kém, đó là Tâm mất sự nuôi dưỡng, Tỳ Thận dương hư, hư phong động ở trong, có thể dùng ***Mễ thị định giao hoàn (2)*** để ích khí an thần, bình Can khư phong, ôn Thận kiện Tỳ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tĩnh tuệ thang

Người cống hiến: Lưu Trác, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Bạch thược	20 gam	Thiên ma	10 gam
Huyền sâm	15 "	Mẫu lệ	25 "
Cương tàm	10 "	Câu đằng	10 "

Bách hợp	10 gam	Hợp hoan	10 gam
Dạ giao đằng	15 "	Đởm nam tinh	10 "
Hạ khô thảo	10 "		

Trên đây là liều lượng cho trẻ 8 tuổi uống trong một ngày.

2. Mễ thị định giao hoàn

Người cống hiến: Mễ Bá Nhượng, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Dược tỉnh Thiểm Tây

Hồng sâm	35 gam	Bạch truật	35 gam
Phục thần	35 "	Trích Cam thảo	35 "
Bán hạ	35 "	Trần bì	35 "
Viễn trí	35 "	Câu đằng	70 "
Cương tàm	70 "	Toàn yết	35 "
Trích Sà thoái	17,5 "	Khương hoạt	35 "
Phòng phong	105 "	Ma hoàng	175 "
Can khương	175 "	Đại mạo	35 "
Hoàng kỳ	35 "	Phụ phiến	35 "
Thiên ma	70 "	Bạch thược	35 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, thêm 13,5 gam mật luyện làm viên, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 gam, ngày 3 lần chiêu với nước sôi, uống liên tục 4 tháng làm một đợt điều trị.

52. MIỆNG MẮT MÉO XỆCH

Miệng mắt méo xệch còn gọi là Liệt mặt, chỉ chứng bệnh miệng mắt méo xệch không nhắm kín. Chứng này có liên quan tới phong và đàm, và có mối quan hệ chặt chẽ với sự mất điều hòa về công năng của tạng Can.

Miệng mắt méo xệch đột ngột, vùng mặt có cảm giác lạ thường, kiêm chứng đau đầu sợ gió hoặc sợ lạnh, tắc mũi, gáy căng tức khó chịu, cơ bắp ở mặt máy động, mạch Phù Khẩn, rêu lưỡi trắng nhớt, đó là hàn tà xâm phạm phần Biểu, phong đàm ngăn trở đường Lạc. Nếu nghiêng về phong nặng hơn, có thể dùng ***Trần thị trị chu vi tính diện thần kinh ma tý phương (1)*** để khư phong tán hàn hoá đàm thông lạc. Nếu nghiêng về hàn nặng hơn thì dùng ***Vương thị trị diện thần kinh ma tý phương (2)*** để sưu phong khư hàn, thông lạc chỉ Kính.

Kiêm chứng vùng mặt tê dại, cơ thể lạnh, tay chân lạnh, rêu lưỡi trắng nhớt, tiếng nói không rõ, trong bụng có tiếng đờm, đó là Dương mỏng manh phong xâm phạm, hàn đàm từ dưới vọt lên, trọc âm vít lấp, điều trị theo phép trị Dương khư hàn, sưu phong thông lạc, ôn kinh hoá đàm, có thể dùng ***Tưởng thị gia giảm tam sinh ẩm (3)***.

Các triệu chứng nói trên, đồng thời với việc uống thuốc sắc có thể phối hợp sử dụng loại thuốc thơm tho khai khiếu, khư phong thông lạc như ***Nhiệm thị khiên chính tán (4)*** dán vào huyệt Thái dương bên đau, có thể hỗ trợ cho chứng bệnh mau khỏi.

Người vốn có chứng choáng đầu hoặc nhức đầu, đột ngột bị miệng mắt méo xếch, kiêm chứng vùng mặt đỏ bừng từng cơn, chân tay mình mẩy tê dại, tai ù đầu choáng, gốc tai đau trướng, đắng miệng, đầu nặng chân nhẹ, mạch Huyền Kính có lực, đó là Can Kinh dương nhiệt hoá phong, len lỏi lên vùng mặt gây nên, điều trị theo phép tiềm dương dẹp phong, dưỡng âm mát Can, kiêm hoá đàm thông lạc, có thể dùng ***Đường thị khẩu nhãn lịch tà nghiệm phương (5).***

Miệng mắt méo xếch, phát bệnh từ từ, hoặc xuất hiện sau khi bị Trúng phong, vùng mặt máy giật yếu ớt, da thịt nhẽo, mắt nhắm vô lực, đoản hơi hồi hộp, mạch Tế vô lực là thuộc khí hư huyết kém, phong tà ẩn náu ở Kinh lạc. Nếu Phong thiên thịnh, cho uống ***Vu thị trúng phong khẩu nhãn lịch tà phương (6)*** để khư phong thông lạc ích khí. Nếu thiên về khí hư huyết thiếu, có thể dùng ***Vương thị chính dung thang (7)*** để dưỡng huyết khư phong, bổ khí hoạt huyết. Nếu thiên về khí hư phong thịnh, có thể uống ***Lưu thị Hoàng kỳ Ngô công tán (8)*** để ích khí khư phong, thông lạc chỉ Kính.

Miệng mắt méo xếch, nhìn lệch hoặc mắt nhắm vô lực, khó nuốt, tiếng thấp gáy mềm, mạch Huyền Tế, hoặc choáng đầu hồi hộp là Can yếu âm hư, phong với đàm lưởng vưởng ở đường Lạc, cho uống ***Khuông Bãi thang (9)*** để dưỡng huyết tư âm, khư phong hoá đàm, thông kinh hoạt lạc.

Chứng này nêu tham khảo với các chứng "Bán thân bất toại" và 'Tứ chi mềm yếu".

PHỤ PHƯƠNG

1. Trần thị trị chu vi tính diện thần kinh ma tý phương

Người cống hiến: Trần Bái Kiên, Phó giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Kinh giới	10 gam	Phòng phong	10 gam
Khương hoạt	10 "	Huyền sâm	15 "
Bản lam căn	15 "	Sơn đậu căn	12 "
Bạch thược	20 "	Bạch Phụ tử	20 "
Cương tàm	15 "	Toàn yết	10 "
Đởm nam tinh	12 "	Cam thảo	3 "
Lộ lộ thông	12 "	Ngô công	3 con

Gia giảm: Thể trạng vốn hư yếu, gia Hoàng kỳ 35 gam, Đương qui 12 gam. Đau đầu gia Cát căn 15 gam, Bạch chỉ 6 gam. Có kiêm ứ trệ gia Kê huyết đằng 30 gam, Đan sâm 30 gam.

2. Vương thị trị diện thần kinh ma tý phương

Người cống hiến: Vương Đại Dũng, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Mộc Dương tỉnh Giang Tô

Cương tàm	40 gam	Toàn yết	20 gam
Ô sà	20 "	Thảo ô	20 "
Xuyên ô	20 "	Phòng phong	20 "
Đương qui	20 "		

Cách dùng: Các vị cùng tán bột, luyện mật làm 60 viên. Bốn ngày đầu, mỗi ngày 3 lần, mỗi lần uống 1 viên. Từ đó về sau, ngày uống sáng và tối mỗi lần 1 viên. Người cao huyết áp cũng dùng thêm thuốc hạ áp trước khi uống thuốc này.

3. Tưởng thị gia giảm tam sinh ẩm

Người cống hiến: Tưởng Thiên Hựu, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sinh Nam tinh	9 - 15 gam	Bạch Phụ tử	9 - 15 gam
Sinh Phụ tử	6 - 9 "	Sinh Bán hạ	6 - 9 "
Bạch chỉ	9 "	Tế tân	6 - 9 "
Ngô công	3 - 5 con	Phòng phong	9 "

Cách dùng: Sắc hai nước, chia làm 2 lần uống sáng và tối, mỗi ngày hoặc cách ngày uống 1 thang. Các vị Sinh Nam tinh, Sinh Bán hạ, Sinh Phụ tử, Tế tân sắc trước 40 phút, sau mới bỏ các vị thuốc khác vào sắc chung, chừng 30 phút nữa là được.

Gia giảm: Thể trạng yếu gia Đảng sâm 9 gam. Khí trệ gia Mộc hương 6 gam. Huyết ứ gia Xuyên khung 9 gam, nặng hơn thì gia Hồng hoa, Đương qui vĩ, Xích thược đều 9 gam. Đàm nặng gia Bạch giới tử 9 - 15 gam. Miệng khô gia Mạch môn đông 6 gam hoặc Thiên hoa phấn 9 gam.

4. Nhiệm thị khiên chính tán

Người cống hiến: Nhiệm Lỗ Bình Tồn, Nhiệm Hoằng Nghị,
Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Lưu Bác tỉnh Sơn Đông

Xuyên khung	30 gam	Viễn trí	25 gam
Bạch chỉ	30 "	Tế tân	75 "
Xạ hương	1 "	Băng phiến	10 "
Chế Mã tiền tử	15 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên sấy khô tán bột, sau đó trộn bột Băng phiến, đậy kín. Khi dùng lấy ít thuốc bột gói vào lụa

nhào vào máu lươn như hồ, phết vào giấy thấm nước dán vào huyệt Thái dương bên đau, mỗi ngày thay thuốc một lần. Không được uống.

5. Đường thị khẩu nhãn lịch tà nghiệm phương

Người cống hiến: Đường Thành Đức, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Toại Minh tỉnh Tứ Xuyên

Cân đằng	15 gam	Cúc hoa	15 gam
Thiền thuế	10 "	Cương tàm	10 "
Toàn yết	8 "	Hà thủ ô	15 "
Bạch thược	15 "	Long cốt	15 "
Mẫu lệ	15 "	Kê huyết đằng	20 "
Chân châu mẫu	20 "	Hạ khô thảo	12 "
Tang ký sinh	12 "	Thiên trúc hoàng	5 "
Đởm nam tinh	10 "		

Cách dùng: Căn cứ vào bệnh tình nặng nhẹ và thời gian dài hay ngắn mà uống từ 10 - 20 thang là có thể hồi phục nguyên trạng.

6. Vu thị trúng phong khẩu nhãn lịch tà phương

Người cống hiến: Vu Tác Doanh, Y sư phó chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Dược tỉnh Cát Lâm

Thiên ma	20 gam	Bạch Cương tàm	5 gam
Hoàng kỳ	50 "	Bạch chỉ	10 "
Cát căn	10 "	Phòng phong	25 "
Xích thược	10 "	Xuyên khung	10 "
Ngô công	1 con	Địa long	10 "

7. Vương thị chính dung thang

Người cống hiến: Vương Pháp Xương, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Tảo Trang tỉnh Sơn Đông

Khương hoạt	10 gam	Bạch chỉ	10 gam
Phòng phong	10 "	Kinh giới	10 "
Thiên thuế	10 "	Cương tàm	10 "
Đương qui	15 "	Xuyên khung	10 "
Bạch thược	12 "	Sinh địa	15 "
Tần giao	15 "	Cát căn	15 "
Thiên ma	10 "	Hoàng kỳ	60 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Các vị trên ngâm vào nước vài chục phút cho ngấm đều, đổ nước vào ngập trên thuốc làm cữ, đun to lửa cho sôi, đậy kín, lại đun nhỏ lửa lâu 20 phút, bắc ra, lấy một nửa lượng thuốc mà uống. Ba giờ sau, lại sắc thêm, uống cho hết. Lại thêm nước, sắc lần thứ hai, đun nhỏ lửa 30 phút, cũng uống làm hai lần. Khoảng 15 thang thì kết quả.

Phụ: **Chính dung tán:** Toàn yết 20 gam, Ngô công 6 con, Cương tàm 20 gam, Bạch Phụ tử 20 gam. Cùng tán bột, chia làm 21 gói, ngày uống 3 lần, chiêu với nước sắc Chính dung thang.

8. Lưu thị Hoàng kỳ Ngô công tán

Người cống hiến: Lưu Đường Nghiêu, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Kiến Xương tỉnh Liêu Ninh

Hoàng kỳ	50 gam	Phòng phong	20 gam
Bạch Phụ tử	10 "	Đại Ngô công	3 con

Cách dùng: Ba vị trên sắc lấy nước, lấy nước thuốc hòa bột Ngô công mà uống, ngày một thang.

9. Khuông bãi thang

Người cống hiến: Phùng Khát Tường, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Hồng thập tự thành phố Vũ Hán

Sinh Địa hoàng	12 gam	Bạch thược	10 gam
Mạch môn đông	10 "	Thạch hộc	12 "
Tảo nhân	10 "	Trích Cam thảo	5 "
Thạch quyết minh	12 "	Thiên ma	10 "
Toàn yết	5 "	Bạch Phụ tử	10 "
Xương bồ	5 "	Thiên trúc hoàng	10 "
Phục linh	12 "	Cương tàm	6 "

Gia giảm: Âm hư gia Quy bản. Khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm. Thận hư gia Sơn thù du, Nhục thung dung, Đỗ trọng.

53. VÙNG MẶT CO GIẬT

Chứng này chỉ mi mắt, khoé miệng và da má co giật méo mó, thông thường chỉ xuất hiện một bên.

Vùng mặt lúc co giật lúc không, hoặc co giật đột ngột kiêm chứng choáng váng, đau đầu, chảy nước mắt, sợ gió v.v... là âm huyết không đủ, phong tà ngăn trở đường Lạc, cho uống ***Bình Can chỉ kính thang*** để dưỡng huyết tư âm, khư phong thông lạc.

Vùng mặt co giật thường xuất hiện đồng thời với các chứng Đầu vậng, Đầu thống, Khẩu nhãn lịch tà v.v... Nên tham khảo các chứng này.

PHỤ PHƯƠNG

Bình Can chỉ kính thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Bạch thược	15 gam	Bạch tật lê	15 gam
Đương qui	9 "	Câu đằng	15 "
Mạch môn	15 "	Dạ giao đằng	20 "
Thạch hộc	12 "	Địa long	15 "
Viễn trí	6 "	Ty qua lạc	15 "
Bạch Phụ tử	9 "	Chi tử	9 "
Bạch Cương tàm	9 "	Liên kiều	15 "
Cam thảo	3 "		

54. ĐẦU MẶT NÓNG RÁT

Đầu mặt có từng cơn nóng, gò má và tai đỏ, vài phút sau lại hết, gọi là chứng Đầu mặt nóng rát, tục gọi là "Bốc hoả", phần nhiều thuộc chứng hậu hỏa nhiệt âm hư.

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh thường gặp chứng nầy, cũng gọi là "Hồng nhiệt" hoặc "Oanh nhiệt".

Giai đoạn tiền mãn kinh gặp chứng đầu mặt nóng rát ra mồ hôi, mất ngủ, hồi hộp, phiền táo không yên, mừng giận thất thường, lại có lúc ưu uất buồn thương, ăn uống kém, có thể uống ***Dương thị tạng táo phương (1)*** để dưỡng Tâm an thần, hòa trung dịu cơn gấp gáp, điều bổ âm dương.

Nếu kiêm chứng ngực sườn trướng đầy, sợ lạnh, váng đầu mỏi lưng, đó là âm dương không điều hoà, lại thêm Can uất khí kết, có thể dùng bài ***Hình thị canh niên thang (2)*** để bổ cả Âm Dương, sơ Can giải uất.

Kiêm chứng váng đầu ù tai, lưng đùi yếu mỏi, cơ thể lạnh, sợ lạnh, mặt nhợt tinh thần mỏi mệt, kém ăn đại tiện nhão, đó là Can Thận bất túc, Tỳ Thận thiếu thốn, âm dương không điều, cho uống ***Diêu thị ích Thận thỏ địa thang (3)*** để bổ ích Thận khí, củng cố âm dương.

Kiêm chứng mặt đỏ Tâm phiền, tai ù mỏi lưng, trí nhớ giảm sút, tinh thần không tập trung, thậm chí tình chí thất thường, hôn

quyết, mạch Tế Sác, trọng ấn vô lực, đó là Tâm Thận không giao nhau, điều trị nên tư âm bổ Thận, dưỡng Tâm an thần, cho uống ***Tâm Thận bất giao phương (4).***

Thấy kiêm chứng đau đầu hoa mắt, ngực khó chịu, tay chân tê dại, đó là khí hư đàm ứ ngăn trở, có thể dùng ***Diêu thị đàm ứ tuyết tiêu ẩm (5)*** để hoá đàm ứ, hành khí huyết và bổ khí.

Thời kỳ tiền mãn kinh mà nóng rát, nóng bừng, hoặc chợt nóng chợt lạnh, đó là âm tiết dương phù, điều trị nên hòa doanh liễm âm, tiết nhiệt tiềm dương, có thể dùng ***Đường thị hoá tài Tiểu sài hồ thang (6)*** mà điều trị.

Điều trị chứng này, tham khảo thêm các chứng "Tâm quí", "Phiền táo", "Hay lo", "Hay nghĩ" và "Phát nhiệt".

PHỤ PHƯƠNG

1. Dương thị tạng táo phương

Người cống hiến: Dương Thủ Ngọc, Giáo sư Đại học y khoa Trung Sơn

Bách hợp	15 gam	Địa hoàng	18 gam
Trích cam thảo	9 "	Mạch nha	30 "
Đại táo	15 "	Nhu đạo căn	20 "

Gia giảm: Hồi hộp hay giận hoặc Tâm hoang nhịp tim nhanh, nóng rát ra mồ hôi, gia Đảng sâm 15 gam, Mạch môn đông 12 gam, Ngũ vị tử 6 gam. Nếu lưng đùi mỏi, sợ lạnh chân tay lạnh, gia Dâm dương hoắc diệp 12 gam, Ba kích 12 gam, Bổ cốt chi 12 gam.

2. Hình thị canh niên thang

Người cống hiến: Hình Triết Vũ, Y sư phó chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tiên linh tỳ	15 gam	Tiên mao	12 gam
Đương qui	12 "	Thục Địa hoàng	12 "
Nữ trinh tử	12 "	Hạn liên thảo	12 "
Tri mẫu	10 "	Hoàng bá	10 "
Sài hồ	12 "	Bạch thược	15 "
Uất kim	12 "	Viễn trí	12 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 3 nước, hòa đều, chia làm hai lần uống, sáng uống 2/5, chiều uống 3/5.

3. Diêu thị ích Thận thỏ địa thang

Người cống hiến: Diêu Ngụ Thần, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Thỏ ty tử	12 gam	Sinh Địa hoàng	12 gam
Thục Địa hoàng	12 "	Tiên linh tỳ	12 "
Sao Bạch thược	10 "	Sao Tri mẫu	12 "
Sao Hoàng bá	12 "	Ba kích thiên	12 "
Đan sâm	12 "		

Gia giảm: Can Thận âm hư nghiêng về Can dương quá găng, bỏ Tiên linh tỳ, gia Nữ trinh tử 12 gam, Mặc hạn liên 15 gam, Sinh Mẫu lệ 12 gam, Câu kỷ 12 gam, Cúc hoa 12 gam, Câu đằng 15 gam, Tử thảo 30 gam để tư âm tiềm dương, trấn Can dẹp phong. Nếu Tỳ Thận dương hư nghiêng về khí không hành thuỷ, bỏ Tri mẫu, Hoàng bá, gia Hoàng kỳ 20 gam, Đảng sâm 15 gam,

Bạch truật 12 gam, Phục linh 12 gam, Nhục quế 6 gam, Trạch tả 12 gam để ích khí vận Tỳ, ôn dương lợi thuỷ. Nếu Tâm dương thịch một phía, Tâm âm ngày càng suy hao, Tâm Thận mất sự giao hoà, xuất hiện chứng tinh thần thất thường, buồn thương muốn khóc không thể tự chủ, bỏ Tiên linh tỳ, Ba kích thiên, gia Trích Cam thảo 10 gam, Hoài Tiểu mạch 30 gam, Đại táo 10 gam, Sao Tảo nhân 12 gam, Mạch môn đông 12 gam, Long sỉ 15 gam, Xương bồ 6 gam, Tử thảo 30 gam để dưỡng Tâm tư Thận, trấn kinh nhuận Tạng.

4. Vương thị Tâm Thận bất giao phương

Người cống hiến: Vương Tử Luân, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Thục Địa hoàng	15 gam
Câu kỷ tử	15 "	Huyền sâm	15 "
Nữ trinh tử	10 "	Sơn thù nhục	10 "
Thiên môn đông	10 "	Mạch môn đông	10 "
Bách hợp	10 "	Phục thần	10 "
Liên tử tâm	6 "	Viễn trí	6 "
Tử bối sỉ	30 "	Giao thái hoàn	10 "

5. Diêu thị đàm ứ tuyết tiêu ẩm

Người cống hiến: Diệu Ngụ Thần, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Sinh Hoàng kỳ	Nga truật
Xuyên khung	Xuyên sơn giáp
Qua lâu	Hải tảo

Sinh Sơn tra	Phục linh
Trạch tả	

Gia giảm: Rêu lưỡi vàng nhớt, chất lưỡi tía, gia Bán hạ, Trúc nhự, Đan bì, Xích thược. Rêu lưỡi trắng nhớt, chất lưỡi tía, gia Hậu phác, Bán hạ, Trần bì, Đan sâm.

6. Đường thị hoá tài Tiểu sài hồ thang

Người cống hiến: Đường Cát Phụ, Giáo sư Trường Đại học Y khoa Thượng Hải

Sài hồ	9 gam	Hoàng cầm	9 gam
Thái tử sâm	12 "	Cam thảo	6 "
Đương qui	9 "	Bạch thược	9 "
Hoàng bá	9 "	Tiên linh tỳ	12 "
Ba kích	12 "	Tiểu mạch	30 "
Chân châu mẫu	30 "		

Gia giảm: Kiêm chứng run rẩy cơ bắp máy động hoặc có khí xông lên không khống chế nổi, bỏ Thái tử sâm, Ba kích nhục, Chân châu mẫu, gia Quế chi 6 gam, Ngũ vị tử 6 gam, Câu đằng 12 gam, Mẫu lệ nung 15 gam, Long cốt nung 15 gam.

55. MẶT NỔI BAN ĐỎ

Mặt nổi ban đỏ là chỉ một loại chứng trạng chủ yếu là vùng mặt phát sinh ban đỏ, có hình tròn hoặc hình dạng không qui tắc có tính lâu bền, cảm giác nóng rát rất ngứa, đồng thời khát nước, đau đầu sợ gió, có thể cho uống ***Lương huyết ngũ hoa thang (1)*** để sơ phong giải độc, lương huyết tán huyết.

Nếu sắc ban tươi hoặc đỏ nhạt, phát nhiều về mùa Xuân, giữa ban nổi bọng nước, miệng khô họng đau, phát sốt đau đầu, là do nhiệt độc uất ở doanh huyết, có thể dùng ***Tất thị thanh giải phương (2)*** để thanh nhiệt giải độc, khư phong lương huyết.

Nếu chứng trạng khả năng về ứ trệ thì dùng ***Tiêu độc linh (3)*** để lương huyết thanh nhiệt, giải độc tán ứ.

Sắc ban khá nhạt, phát bệnh từ từ, hay bị tái phát lâu khỏi hoặc khắp mình cũng nổi ban đỏ, kiêm chứng sợ lạnh tay chân lạnh, lưng gối mỏi yếu sức, kém ăn, đại tiện không thành khuôn, cho uống ***Cố thị lang sương phù chính phương (4),*** để ích khí dưỡng huyết, điều bổ Tỳ Vị.

Có kiêm chứng tay chân đau nhức, co duỗi không lợi, thích ấm thì dùng ***Đinh thị ôn tán phương (5)*** để khư phong ôn dương, tán hàn trừ thấp.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lương huyết ngũ hoa thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hồng hoa	9 - 15 gam	Kê quan hoa	9 - 15 gam
Lãng tiên hoa	9 - 15 "	Mai khôi hoa	9 - 15 "

2. Tất thị thanh giải phương

Người cống hiến: Tất Diên Phương, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Kim ngân hoa	Liên kiều
Xuyên Bối mẫu	Tao hưu
Đương quy	Sinh Địa hoàng
Mẫu đơn bì	Cương tàm
Thiền thuế	Thanh cao
Bạch tật lê	

Gia giảm: Sốt cao thì dùng thêm Tê giác, Linh dương giác, Sinh Thạch cao. Ngũ Tâm phiền nhiệt hoặc sốt nhẹ, dùng Kinh giới, Quy bản, Miết giáp, Địa cốt bì, Huyền sâm, Mạch môn đông. Đau khớp xương thì dùng Tang chi, Nhũ hương, Tần giao, Bạch hoa sà, Toàn trùng, Ngô công. Có nhiệt độc thì dùng Sơn từ cô, Tao hưu, Đại thanh diệp để giải độc. Thể lực quá hư yếu thì dùng Nhân sâm, Sa sâm, Hoàng kỳ để bổ. Ăn uống kém thì dùng Bạch truật, Liên tử, Sơn dược, Kê nội kim, Biển đậu, Sa nhân, Tử khấu.

3. Tiêu độc linh

Người cống hiến: Hàn Bách Linh, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Sinh Địa hoàng	20 gam	Xích thược	15 gam
Mẫu đơn bì	15 "	Ngưu tất	15 "
Khổ sâm	15 "	Bồ công anh	20 "
Tử hoa địa đinh	20 "	Thiên hoa phấn	15 "
Đương qui	15 "	Liên kiều	15 "
Hoàng cầm	15 "	Cam thảo	10 "

4. Cố thị lang sương phù chính phương

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	Tiêu Sơn dược
Tiêu Bạch truật	Hạn liên thảo
Tiên hạc thảo	Hổ trượng
Cát căn	Tỏa dương
Tiên linh tỳ	Thổ phục linh
Tỳ giải	

5. Đinh thị ôn tán phương

Người cống hiến: Đinh Tế Nam, Y sư phó chủ nhiệm
Y viện Thụy Kim thuộc Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Quế chi	3 gam	Huyền sâm	12 gam
Chế Xuyên ô	9 "	Chế Thảo ô	9 "
Sao Kinh giới	9 "	Sao Phòng phong	9 "
Dâm dương hoắc	12 "	Thân cân thảo	15 "
Sinh Cam thảo	3 "	Mẫu đan bì	9 "

Gia giảm: Chứng Phong tý liên lụy đến tạng Thận, gia Sinh Hoàng cầm 12 gam, Sinh Bạch truật 12 gam, Phục linh 12 gam, Sinh Dĩ nhân 12 gam, Hắc liệu đậu 18 gam.

Tiểu tiện ra khá nhiều chất lòng trắng trứng gia Long cốt nung, Mẫu lệ nung đều 12 gam. Chất mỡ trong máu cao, gia Mộc qua, Ngưu tất đều 12 gam.

Phù thũng gia Sao phòng kỷ 12 gam. Bụng to chứa nước gia Đại phúc bì 15 gam.

Phong tý liên lụy đến tạng Can gia Sao Hoàng cầm 12 gam. Trướng bụng gia Phục linh 12 gam, Sinh Mạch nha 18 gam.

Chứng Phong tý liên lụy đến tạng Tỳ, có chứng đại tiện khô, gia Sinh Thủ ô 15 gam; Tang thầm tử 15 gam, Sao Qua lâu bì 9 gam. Đại tiện lỏng gia Sơn dược 12 gam, Tiên lục khác 9 gam.

Phong tý liên lụy đến tạng Tâm và Não, có chứng hồi hộp, gia Phụ tử chế 6 gam, Viễn trí 3 gam.

Thần trí không tỉnh táo, gia Viễn trí, Thạch xương bồ đều 3 gam. Điên giản co giật, gia Khương lang (bỏ đầu và chân) 4,5 gam.

Phong tý liên lụy đến tạng Phế, gia Sa sâm 15 gam Ty qua lạc 9 gam. Khái thấu gia Tỳ bà diệp nướng 9 gam, Bách bộ nướng 12 gam.

Phong tý liên lụy đến đường lạc huyết mạnh, gia Trạch lan, Đan sâm, Giá trùng đều 9 gam. Vương bất lưu hành 12 gam.

Đau các khớp xương gia Tần giao, Vãn Tàm sa, Tang chi và Huyền hồ đều 12 gam.

56. MẶT NỔI BAN NÂU SẪM

Mặt nổi ban nâu sẫm là chỉ ở bì phu xuất hiện từng nốt hoặc từng mảng có mầu nâu sẫm, không nổi cao hơn lớp da hoặc sờ tay vào không vướng, trong lâm sàng, ban nâu sẫm thường gặp nhiều ở vùng mặt.

Người có thai mặt nổi ban nâu sẫm thì khi đẻ xong ban ấy sẽ biến mất; hiện tượng này không thuộc phạm vi trạng thái của bệnh.

Mặt phụ nữ nổi ban vàng sẫm, hoặc nhạt hoặc đậm, nổi từng nốt hoặc từng mảng, to nhỏ không đều, kiêm chứng hành kinh thấy sớm, đó là huyết hư ứ nhiệt, bên trong thì cho uống ***Tiêu ban mĩ dung thang (1)*** để dưỡng huyết hoạt huyết, mát huyết tiêu ban; bên ngoài thì bôi ***Khứ ban cao (2).***

Sắc ban khá sẫm, lâu ngày không tiêu trừ, chất lưỡi tía tối là do khí trệ huyết ứ, cho uống ***Lưu thị khứ ban phương (3)*** để lý khí hoạt huyết tiêu ban.

Sắc ban đen sẫm gọi là "Can ban" thuộc loại huyết ứ khá nặng, nên hành khí hoạt huyết, hoá ứ tiêu ban, nên dùng ***Tử thảo tẩy phương (4)*** để chường nóng cọ rửa. Nếu kiêm chứng phiền nhiệt hồi hộp, lưỡi bóng không có rêu, là âm hư huyết trệ, cho uống ***Lã thị khứ ám mĩ dung thang (5)*** để tư âm dưỡng huyết, tán kết hành trệ, bên ngoài thì bôi ***Ngọc dung khư ban cao (6).***

1. Thanh ban mĩ dung thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Đương quy	10 gam	Xuyên khung	10 gam
Xích thược	10 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Thục Địa hoàng	15 "	Bạch chỉ	10 "
Nữ trinh tử	15 "	Tử thảo	10 "

Chú ý: Nên ăn nhiều rau quả, tránh phơi nắng ngoài trời, khống chế kích thích bởi thất tình.

2. Khứ ban cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đại phong tử nhân	30 gam		
Hạnh nhân	30 "	Hạch Đào nhân	30 gam
Hồng phấn	30 "	Chương não	30 "

Cách chế: Đem ba loại nhân giã cho thật nhỏ, trộn Hồng phấn, Chương não vào lại giã cho nhỏ thêm, làm nhuyễn như bùn, nếu khô quá có thể chế thêm chút ít dầu vừng cho thành cao.

Cách dùng: Mỗi ngày xát bôi 1 lần; Trước hết bôi một mảng nhỏ, quan sát nếu không có dị ứng mới bôi lan rộng.

3. Lưu thị khứ ban phương

Người cống hiến: Tiên sinh Lưu Phụng Ngũ, Trung y y viện Bắc Kinh

Sài hồ	6 gam	Đương qui	9 gam
Xích thược	9 "	Bạch thược	9 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Mộc hương	6 "
Chỉ xác	9 "	Đan sâm	9 "
Xuyên khung	6 "	Ích mẫu thảo	15 "
Trạch lan	9 "	Ngưu tất	15 "
Trích Cam thảo	6 "		

Gia giảm: Có kiêm thấp tà nung nấu, gia Cù mạch, Trạch tả, Mộc thông. Thể lực yếu, khí trệ huyết ứ kiêm nhiệt tà nung nấu, gia Hoàng bá. Nếu thuộc phong tà ẩn náu ở cơ bắp, khí huyết ở cục bộ mất bình thường, gia Kinh giới tuệ, Khương hoạt, Bạch chỉ, Cảo bản.

4. Tử thảo tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Tử thảo	30 gam	Thiến thảo	15 gam
Bạch chỉ	15 "	Xích thược	15 "
Tô mộc	15 "	Hồng hoa	15 "
Hậu phác	15 "	Ty qua lạc	15 "
Mộc thông	15 "		

Cách dùng: Đem nấu với 2000 - 3000 ml nước, sau khi sôi 15 - 20 phút, đợi lúc âm ấm, lấy nước này cọ rửa nhiều lần nơi có vết sẫm.

5. Lã thị khứ ám mĩ dung thang

Người cống hiến: Lã Cảnh Sơn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Sơn Tây

Đương qui	10 gam	Sinh địa hoàng	10 gam
Thục địa hoàng	10 "	Xuyên khung	10 "
Xích thược	10 "	Bạch thược	10 "
Bạch tật lê	10 "	Bạch cương tàm	10 "
Đông qua tử	15 "		

6. Ngọc dung khư ban cao

Người cống hiến: Trương Kim Đỉnh, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Thiên hoa phấn

Lòng trắng trứng gà (vừa đủ dùng)

Cách dùng: Nghiền bột Thiên hoa phấn trộn lòng trắng trứng gà thành cao. Trước khi dùng, lấy nước nóng rửa sạch vết sẫm, tự lấy khăn bông tẩm nước nóng vã vào lớp da vùng mát, sau đó bôi thuốc cao lên vết ban, mỗi ngày vào lúc nghỉ trưa hoặc trước khi đi ngủ bôi thuốc một lần, khi thức dậy thì rửa bỏ thuốc bôi đi. Thực hiện liên tục 1 - 3 tháng. Thời gian bôi thuốc kiêng ăn thức say nóng, hút thuốc hoặc uống rượu.

57. MỤN ĐỘC Ở ĐẦU MẶT

Chứng này chỉ vùng đầu mặt phát sinh mụn nhọt thũng độc. Nhọt độc ở đầu thường phát vào mùa Hạ, hình tròn dẹt, sắc trắng, bên trong có mủ, hoặc cục bộ sưng đỏ tê đau, gốc nhọt độc hơi cứng sắc đỏ, kèm theo các chứng phát sốt, khát nước do nhiệt độc gây nên, cho uống bài ***Trương thị đinh sang phương (1)*** để thanh nhiệt giải độc, kiêm cả giải biểu.

Nếu chân tay cũng có nhọt độc, có thể uống ***Thất vị trị đinh thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc.

Nhọt sưng khá nặng là do nhiệt độc úng trệ ở doanh huyết, có thể dùng ***Giải độc thanh nhiệt thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, kiêm cả tiêu sưng hoạt huyết giảm đau.

Có kiêm chứng mắt đỏ, táo bón, Tâm phiền, nhọt độc đau kịch liệt thì dùng ***Tiêu đinh hoàn (4)*** để tả hỏa giải độc, thông tiện.

Kiêm chứng tiểu tiện vàng sẻn là do hỏa độc có cả thấp tà. Nếu nhiệt thiên thắng thì đại tiện khô ráo, cho uống ***Thanh giải phiến (5)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá thấp thông tiện. Nếu Thấp thiên thịnh mà có cả chứng sợ lạnh sợ gió, cho uống bài ***Hoắc hương giải độc thang (6)*** để thanh nhiệt giải độc kiêm trừ thấp và giải biểu. Nếu thấp tà thiên thắng lại có nhọt sưng cứng rắn mầu sắc tía tối, đó là thấp nhiệt hỏa độc có cả ứ trệ, thì dùng bài ***Phòng thị tiết sang phương (7)*** để giải độc thanh nhiệt, lợi thấp

trừ ứ, bên ngoài thì dùng ***Phức phương mã sỉ hiện tẩy phương (8)*** tẩm nước thuốc mà rửa, để giải độc trừ thấp thanh nhiệt chống ngứa.

Nếu kiêm chứng nhọt độc đỏ tía biến thành mầu đen, sốt cao phiền táo, đó là nhiệt độc uất kết ở doanh huyết, nên thanh nhiệt giải độc lương huyết, dùng bài ***Thanh nhiệt Lương huyết giải độc phương (9).***

Nhiệt độc quá thịnh, đề phòng độc tà xông lên Tâm, có thể dùng ***Cầm liên tiêu độc ẩm (10)*** để thanh nhiệt lương huyết, giải độc bảo vệ Tâm.

Điều trị chứng này có thể tham khảo biện chứng luận trị ở mục Mụn nhọt ở các bộ phận khác.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị đinh sang phương

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Cúc hoa	Thương nhĩ
Hy thiêm thảo	Bán chi liên
Địa đinh thảo	Ma hoàng
Thảo hà sa	Bồ công anh
Kim ngân hoa	Sinh cam thảo

Gia giảm: Huyết nhiệt úng trệ, sưng đau tê dại cũng có thể linh hoạt gia Mẫu đơn, Xích thược, Nhũ hương, Một dược để

hoạt huyết hoá ứ, tiêu sưng giảm đau. Đinh độc đã hoá thành mủ, gia Phù dung hoa, Tạo giác thích. Trường hợp bệnh độc đã biến thành chứng Tẩu hoàng, có thể cho uống Tệ giác địa hoàng thang liều cao.

2. Thất vị trị đinh thang

Người cống hiến: Lăng Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm, Lão Trung y nổi tiếng Bắc Kinh

Hạ khô thảo	9 - 15 gam	Cúc hoa	9 - 15 gam
Tử hoa địa đinh	9 - 15 "	Kim ngân hoa	9 - 15 "
Bồ công anh	9 - 15 "	Tao hưu	15 "
Thiên hoa phấn	15 "	Xích thược	9 "

3. Giải độc thanh nhiệt thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Bồ công anh	30 gam	Dã cúc hoa	30 gam
Đại thanh diệp	30 "	Tử hoa địa đinh	15 "
Tao hưu	15 "	Thiên hoa phấn	15 "
Xích thược	9 "		

4. Tiêu đinh hoàn

Người cống hiến: Trương Sơn Lôi tiên sinh, Trung y học gia nổi tiếng cận đại

Minh Hùng hoàng	30 gam	Sinh Đại hoàng	60 gam
Ba đậu sương (bọc giấy ép bỏ hết dầu)			12 "

Cách dùng: Ba vị trên đều tán bột, thêm vào 15 - 18 gam bột mì và dấm ăn, luyện làm viên to bằng hạt Phương tiên tử, mỗi lần uống 3 - 5 viên. Tối đa cũng không quá 9 viên. Chiêu với nước ấm, ỉa lỏng độ một vài lần, chuẩn bị trước ít nước Đỗ xanh nguội uống vài ngụm thì khỏi ỉa lỏng.

5. Thanh giải phiến

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Đại hoàng	Hoàng cầm
Hoàng bá	Xương truật

Cách dùng: Các vị liều lượng bằng nhau, tán bột, trộn đều ép thành dạng thuốc phiến, mỗi phiến chừng 0,3 gam. Mỗi ngày 2 - 3 lần, mỗi lần uống 5 phiến.

6. Hoắc hương giải độc thang

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Hoắc hương	15 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Liên kiều	15 "	Hương nhu	10 "
Bội lan	10 "	Xích thược	10 "
Thổ phục linh	30 "	Trấp thái	30 "
Mã xỉ hiện	30 "	Hạ khô thảo	30 "
Bồ công anh	30 "	Phòng phong	12 "
Bạch chỉ	12 "	Cân đằng	12 "

Gia giảm: Nhiệt độc quá thịnh, có thể gia Chi tử, Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm, Long đởm thảo. Thấp tà nặng, có

thể thêm Tỳ giải, Xa tiền thảo, Mộc thông. Nước mủ ra nhiều gây thành thấp chẩn, có thể gia Địa phu tử, Bạch tiễn bì, Tang bạch bì, Xương truật, Tiêu bá v..v... Nếu nhọt độc biến thành tính chất đa phát có thể thêm Dã cúc hoa liều cao. Đại tiện bí kết, có thể gia Sinh Đại hoàng, Mang tiên. Tiểu tiện đỏ nóng rát thì thêm Xa tiền tử, Lục nhất tán. Tỳ Vị có nhiệt, có thể gia Thạch cao, Tri mẫu, Huyền sâm.

7. Phòng thị tiết sang phương

Người cống hiến: Phòng Chí Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	18 gam	Hoàng bá	18 gam
Xương truật	18 "	Liên kiều	15 "
Quy vĩ	9 "	Xích thược	9 "
Trư linh	9 "	Xa tiền tử	9 "
Nhân trần	30 "		

8. Phức phương Mã xỉ hiện tẩy phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Mã xỉ hiện	120 gam	Bồ công anh	120 gam
Như ý thảo	120 "	Bạch phàn	120 "

Cách dùng: Các vị tán thành dạng bột thô bọc vào trong một túi vải đem nấu với 2500 - 3000 ml nước, sau khi sôi 30 phút, dùng khăn bông thấm nước thuốc mà rửa, hoặc sau khi rửa xong, đổ thêm nước mà tắm.

9. Thanh nhiệt lương huyết giải độc phương

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng liên	6 gam	Hoàng cầm	6 gam
Xích thược	6 "	Bạch truật	6 "
Hoàng bá	9 "	Sơn chi	9 "
Mẫu đan bì	9 "	Tê giác	3 "
Sinh Địa hoàng (tươi)	30 "		

10. Cầm liên tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng cầm	10 gam	Sinh Sơn chi	10 gam
Cúc hoa	10 "	Bán chi liên	10 "
Hoàng liên	6 "	Sinh Cam thảo	6 "
Chế Đại hoàng	9 "	Kim ngân hoa	12 "
Liên kiều	15 "	Tử hoa địa đinh	15 "
Xích thược	9 "		

Gia giảm: Mụn nhọt ở mặt, gia Thảo hà sa, Cương tàm. Nhọt nung mủ gia Xương nhĩ tử, Cát cánh. Đại tiện táo do Phủ kết, đổi Chế Đại hoàng thành Sinh Đại hoàng, đồng thời gia Toàn qua lâu. Tà nhiệt làm tổn thương Âm, bỏ Cầm, Liên gia Sa sâm, Mạch môn đông, Lô căn là những vị ngọt lạnh để thanh nhiệt. Thần thức rối loạn, gia Thần tê đan 1 viên uống lẫn với thuốc sắc, Tử tuyết đan 4,5 gam, chia làm 3 lần nuốt, hoặc An

cung ngưu hoàng hoàn 2 viên, chia hai lần uống. Nhiệt độc quá thịnh, gia Quảng Tê giác 15 gam, Tiêu Sinh Địa hoàng 60 gam. Ho mửa ra mủ máu gia Tượng bối mẫu, Thiên hoa phấn, Ngẫu tiết thán, Mao căn tươi. Sốt cao kính quyết gia Linh dương giác phấn, Câu đằng, Long sỉ.

58. HẮC LÀO (CHỐC LỞ) Ở ĐẦU

Đầu sinh Hắc lào chốc lở chảy nước dầm dề, ngứa ngáy không chịu nổi, có thể dùng ***Dương thị khắc tiên dịch***, bôi rửa nơi đau để khư phong thanh nhiệt, táo thấp chống ngứa, bên trong thì uống thuốc tham khảo ở mục "Bì phu ngứa lở".

PHỤ PHƯƠNG

Dương thị khắc tiên dịch

Người cống hiến: Dương Đức Xương, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện huyện Y Thộng tỉnh Cát Lâm

Khổ sâm	50 gam	Đại phong tử	25 gam
Ngũ bội tử	25 "	Tạo giác	25 "
Thổ phục linh	25 "	Bách bộ	25 "
Bạch tiên bì	25 "	Địa phu tử	25 "
Sà sàng tử	25 "	Mộc miết tử	25 "
Tương tư tử	25 "	Lưu hoàng	50 "
Bạch phàn	50 "	Hùng hoàng	25 "
Băng phiến	10 "	Chương não	10 "
Thiên thuế	25 "	Ngô công	10 con
Axit phenic	10 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên đựng trong túi sạch, khâu kín miệng túi, ngâm vào 500 ml rượu trắng, trộn lẫn với 1500 ml dấm thanh, sau 24 giờ, lọc lấy nước để bôi sát vào nơi đau.

59. MỤN TRỨNG CÁ

Hay phát sinh ở vùng mặt, nổi nốt như sởi to bằng hạt gạo sắc đỏ, gọi là Mụn trứng cá. Nốt như sởi sưng đỏ và đau, bên trong có bột nước trắng, nguyên nhân do Phế nhiệt huyết uất, dùng ***Tiêu thị tiêu tọa thang (1)*** để tuyên Phế thanh nhiệt lương huyết, hoá ứ hành trệ giải độc. Nếu mụn trứng cá mọc khắp vùng ngực và lưng, vỡ ra mủ và máu hoặc có cả phát sốt, đại tiện khô ráo, thì dùng ***Đan tử Hoàng bạch thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tả nhiệt.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tiêu thị tiêu tọa thang

Người cống hiến: Tiêu Diên Linh, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Tang bì	20 gam	Đương qui	15 gam
Xuyên khung	10 "	Xích thược	15 "
Chi tử	10 "	Mẫu đan bì	10 "
Đào nhân	15 "	Hồng hoa	10 "
Thiến thảo	15 "		

Cách dùng: Sắc hai nước, chia 2 lần uống, ngày 2 lần, sáng và chiều, uống sau bữa cơm.

Gia giảm: Bì chẩn có đầu mủ, sưng đỏ đau ngứa, gia Liên kiều 20 gam, Bạch hoa xà thiệt thảo 20 - 25 gam. Kết thành u, cục, gia Hạ khô thảo 15 - 25 gam, Trần bì 15 gam. Bề mặt da trơn nhớt như dầu, bì chẩn ẩm nước gia Ý dĩ nhân 20 gam, Phục linh 15 gam. Đại tiện bí kết gia Đại hoàng 10 - 15 gam.

Chú ý: Thời gian uống thuốc, nghiêm cấm ăn thức cay nóng dầu mỡ và tanh, không được lấy tay ấn nén lên cục bộ, thận trọng dùng đồ trang điểm. Có thai cấm dùng.

2. Đan tử hoàng bạch thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Đan sâm	20 gam	Tử thảo	10 gam
Chế Đại hoàng	9 "	Thần khúc	15 "
Bạch hoa xà thiệt thảo	20 "		

Gia giảm: Nhọt mủ nghiêm trọng, gia Dã Cúc hoa 15 gam, Liên kiều 15 gam, Hoàng kỳ 20 gam. Ngứa nhiều gia Thuyền y 12 gam.

Chú ý: Không được dùng tay đè vào để phòng bội nhiễm; giữ gìn da dẻ cho sạch sẽ, thường dùng nước ấm và xà phòng thơm rửa mặt để cho sạch dầu nhờn, nên ăn ít dầu mỡ và đường, không dùng thức cay nóng kích thích, rượu hoặc hút thuốc, nên ăn nhiều rau và chống táo bón.

60. ĐẦU MẶT CÓ KHỐI SƯNG

Vùng đầu mặt có khối sưng, khối sưng đó bị phá vỡ, chẩy ra ít chất nước mủ, mùi hôi, thuộc bệnh biến của các loại "Ác sang" và "Phiên hoa sương". Điều trị hơi khó. Lâm sàng nếu thấy đầu mặt có khối sưng cứng rắn, cao thấp không đều, so le giống như hoa cải, hoặc ở giữa khối sưng bị vỡ có hình lõm, bề mặt không trơn bóng, có chút ít máu mủ mùi hôi, hoặc là khối sưng màu tía tối là do độc và ứ câu kết chính khí đã tổn thương, bên trong có thể uống thuốc sắc phù chính giải độc, hoá ứ tán kết, đồng thời nơi khối sưng có thể đắp ***Trương thị ngũ yên đan (1)*** hoặc ***Trương thị sinh cơ tượng bì cao (2)*** để chống thối giải độc, sinh cơ mọc thịt non.

Nếu khối sưng mọc ở vùng mặt và quai hàm, cứng rắn như đá, không sưng đỏ, không ngứa, mầu sắc khối sưng bình thường, kiêm chứng đầu trướng choáng váng, thở đằng mũi khó khăn do khối sưng nén ép, họng và miệng khô ráo, uống nước nhiều, mặt và chất lưỡi tối sạm, mạch Trầm Hoạt có lực là thuộc ngoan đàm, huyết chết ngưng kết hoá độc gây nên, cho uống ***Chu thị hạ hạm hỗn hợp nhâm phương (3)*** để biến hoá ngoan đàm, phá huyết chết đồng thời giải độc.

1. Trương thị ngũ yên đan

Người cống hiến: Trương Nhạn Đình, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Thiên Tân

Thạch đởm	30 gam	Đan sa	30 gam
Hùng hoàng	30 "	Từ thạch	30 "
Phàn thạch	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, đựng vào lọ sành, lại lồng vào một lọ sành khác, gắn kín miệng, dùng lửa đốt 3 ngày 3 đêm, lấy lọ ra để nguội, cách một ngày sau mới lấy lọ ruột ra, thấy ở quanh họ có bột bám mầu trắng xạm, đó là Ngũ yên đan. Cạo lấy bột đó, nghiền thêm cho mịn, bỏ lọ để dùng.

Khi dùng, trước hết lấy Sinh cơ bì tượng cao bôi xung quanh khối sưng để bảo vệ vùng da lành, sau đó phủ một lượt Ngũ yên đan lên bề mặt khối sưng, bên ngoài lại lấy lụa mỏng bôi một lượt Sinh cơ bì tượng cao phủ lên trên, băng lại. Cách một ngày hoặc ba ngày sau thay thuốc một lần. Phép này áp dụng cho khối sưng có hiện tượng nung mủ.

Nếu khối sưng có dạng xòe ra như bông hoa, trước hết hoà cồn 75% vào Ngũ yên đan đặc như hồ rồi sau bôi lên chỗ đau, bên ngoài cũng lấy lụa mỏng có phết Sinh cơ bì tượng cao đắp lên, băng chặt.

Hai loại hình trên sau khi đắp thuốc 3 ngày, đổi dùng cách lấy bông thấm thuốc lùa vào bên trong khối sưng với độ sâu cách

đáy khối sưng 1 - 0,5 mm, sau đó bên ngoài đắp lụa có phết Sinh cơ bì tượng cao, cách ngày hoặc 3 ngày thay thuốc một lần.

Nói chung sau ba lần thay thuốc, ngừng thuốc để theo dõi khoảng một tuần, nếu khối sưng chưa hoại tử rụng ra hoặc toàn bộ đóng vảy, có thể theo phép trên điều trị tiếp, cho đến khi nào khối sưng rụng ra, tiếp tục đắp vải lụa có phết Sinh cơ bì tượng cao, cho đến khi nào liền miệng thì thôi.

2. Trương thị sinh cơ tượng bì cao

Người cống hiến: Trương Nhạn Đình, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Thiên Tân

Tượng bì	90 gam	Đầu phát	60 gam
Toàn Đương qui	60 "	Sinh Qui bản	120 "
Sinh Địa hoàng	120 "	Sinh Thạch cao	150 "
Lô cam thạch nung	250 "	Hoàng lạp	180 "
Bạch lạp	180 "	Chi ma du	2500 "

Cách dùng: Lấy Chi ma du nấu trước các vị Sinh Địa hoàng, Quy bản, Tượng bì. Sau đó mới cho Đầu phát và Đương qui vào, đợi các vị thuốc ráo đều thì lọc ra, bỏ Hoàng lạp và Bạch lạp vào khuấy đều, đựng trong lọ kín, cũng có thể nhúng dây tơ vào thuốc thành sợi thuốc để dùng, cách dùng cụ thể như nói ở bài số 1.

Chú ý: Khi vận dụng hai phương trên, họ Trương thường phối hợp uống thuốc sắc nhằm phù chính giải độc, hoạt huyết tán kết như dùng các vị Hoàng kỳ, Thái tử sâm, Bạch truật, Bạch thược, Xích thược, Đương qui, Trần bì, Dã Cúc hoa, Bồ công anh, Bạch hoa xà thiệt thảo, Nhũ hương, Một dược, Mẫu đan bì.v.v.

3. Chu thị Hạ hạm hỗn hợp nham phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Hạ khô thảo	90 gam	Đan sâm	30 gam
Bạch hoa xà thiệt thảo	100 "	Hoàng cầm	12 "
Tam lăng	15 "	Nga truật	15 "
Sinh Bồ hoàng	10 "	Câu đằng	24 "
Huyền sâm	15 "	Hải tảo	30 "
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Các vị sắc với 1200 ml nước, đun nhỏ lửa cạn còn 500 ml bỏ bã, hòa thêm 100 ml mật ong lại đun thêm, chia vài lần uống cho hết. Mỗi lần uống, nuốt theo với thuốc 10 - 15 viên Lục Thần hoàn. Cục bộ có thể bôi bằng dầu Hoàng dược tử. Khi uống đơn thuốc này, kiêng ăn thịt gà sống, tôm, cua, thủ lợn, hút thuốc lá và uống rượu. Giữ gìn cho tinh thần luôn lạc quan.

Gia giảm: Khi dùng đơn thuốc trên có hiệu quả, căn cứ vào triệu chứng, có thể phối hợp thêm các vị thuốc như Sinh Sơn giáp, Giá trùng, Ngô công, Bồ công anh, Liên kiều, Dã cúc hoa, Sao Chi tử...

61. RỤNG LÔNG MI MẮT

Chứng rụng lông mi mắt ít gặp trong lâm sàng và triệu chứng cũng không nặng, có thể dùng ***Hoàng thị lạc mi tẩy phương (1)*** để rửa mi mắt. Nếu lông mi mắt rụng có thêm các chứng mỏi lưng ù tai, khát nước choáng đầu mạch Tế, phần nhiều do âm hư có kiêm huyết nhiệt, có thể dùng ***Bành thị mi lạc ẩm (2)*** để tư âm thanh nhiệt lương huyết.

Chứng này có thể tham khảo điều trị ở chứng "Rụng tóc".

PHỤ PHƯƠNG

1. Hoàng thị lạc mi tẩy phương

Người cống hiến: Hoàng Điều Quân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Phù Châu tỉnh Sơn Tây

Tang diệp 30 lá

Cách dùng: sắc lấy nước mỗi ngày rửa 3 - 4 lần.

2. Bành thị mi lạc ẩm

Người cống hiến: Bành Lý Tường, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Thành Đô

Nữ trinh tử 30 gam Hạn liên thảo [illegible]

Cách dùng: sắc lấy nước uống thay nước trà, liên [illegible] nhiều ngày.

62. ĐẦU TÓC KHÔ RÒN

Đầu tóc khô ròn chỉ trường hợp đầu tóc thưa, ít, rụng nhiều mà khô vàng không mượt mà, phần nhiều gặp ở trẻ em bị bệnh Cam tích.

Trẻ em thể trạng yếu, tóc thưa thớt, chán ăn sợ ăn, bụng trướng đầy, phiền táo hay cáu kỉnh là bị tổn thương do Thực tích, điều trị chủ yếu phải tiêu tích, có thể dùng ***Mao thị yếm thực phương (1).***

Chứng trạng nói trên lại thâu đêm nằm ra mồ hôi trộm, sốt nhẹ mặt vàng bủng, gày còm khẳng khiu, bụng trướng to nổi gân xanh, đó là thực trệ nhiệt, âm tổn thương, bên trong hư yếu, điều trị chủ yếu nên tiêu trệ, thanh nhiệt, trừ cam, tư dưỡng âm tân của Tỳ Vị làm chủ yếu, cho uống ***Chu thị tiêu cam thang (2).*** Điều trị chứng này, nên tham khảo với các bệnh "Tiểu nhi chán ăn" và "Thể trạng gày còm".

PHỤ PHƯƠNG

1. Mao thị yếm thực phương

Người cống hiến: Mao Hữu Phong, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Tân y dược tỉnh Cam Túc

Mộc hương	15 gam	Sa nhân	15 gam
Thần khúc	60 "	Sao Mạch nha	60 "

Tiêu Sơn tra	60 gam	Sao Binh lang	40 gam
Sao La bặc tử	40 "	Sao Thanh bì	30 "
Hồ liên	20 "	Hoàng kỳ	90 "

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 4 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần, chiêu với sữa và nước mỗi thứ một nửa. Cũng có thể chế dạng thuốc bột, mỗi lần cho uống 2 gam, ngày 2 lần.

2. Chu thị tiêu cam thang

Người cống hiến: Chu Văn Xuyên, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Thanh bì	10 gam	Nga truật	10 gam
Hồ hoàng liên	6 "	Sơn dược	15 "
Chế Miết giáp	12 "	Kê nội kim	5 "
Sơn giáp châu	5 "	Minh Đảng sâm	15 "
Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc với 500 ml nước, sau khi đun được 30 phút lọc lấy nước lại sắc lần thứ hai, trộn hai nước vào nhau, thêm vào lượng đường trắng thích hợp (cũng có thể dùng thang thuốc này tán bột, đựng vào lọ để dùng). Mỗi ngày một thang, chia làm hai lần uống lúc nóng, hoặc uống mỗi lần 10 gam thuốc bột, hòa vào nước chín mà uống mỗi ngày 3 lần.

Gia giảm: Có thêm chứng no đầy hoặc ỉa nhão có thể thêm Tiêu tam tiên hoặc Sa nhân, Biển đậu để thúc đẩy tác dụng tiêu đạo.

63. RỤNG TÓC

Rụng tóc còn gọi là Quỷ thế đầu, có thể gặp trong nhiều loại tật bệnh, nhưng ở đây chủ yếu giới thiệu cách chữa rụng tóc.

Thông thường rụng tóc, đầu ở đầu tóc trơn bóng nhiều gầu, đỉnh đầu và hai góc trán rụng tóc nhiều hơn, có khi kiêm chứng ù tai mỏi lưng, đó là âm huyết bất túc, Can Thận âm khuy, có thể dùng ***Chu thị sinh phát ẩm (1)*** để dưỡng huyết tư âm, bổ ích Can Thận.

Có kiêm chứng ngứa ở da đầu mà láng bóng hoặc khát nước họng khô là do âm huyết bất túc, huyết phận có nhiệt, có thể dùng ***Chu thị sinh phát phương số II (2)*** để tư Can ích Thận, lương huyết tiêu phong.

Kiêm chứng ngực sườn trướng đầy khó chịu, mất ngủ Tâm phiền, đó là âm huyết bất túc lại thêm Can Tâm uất nhiệt, điều trị nên giải uất an thần đồng thời dưỡng âm huyết, kèm theo thuốc thanh uất nhiệt, cho uống ***Trần thị trị ban thốc phương (3).***

Kiêm chứng da đầu ngứa ngáy, toàn bộ tóc ở đầu rụng hết, đau đầu lưỡi sạm đó là có kiêm nội phong huyết ứ, có thể uống ***Hạ thị ban thốc phương (4)*** để dưỡng huyết ích Thận, khư phong hoạt huyết.

Có kiêm chứng đầu choáng váng, mỏi ống chân, tinh thần uỷ mị, hay quên di tinh là do Thận suy tinh huyết không đầy đủ, điều

trị phải bổ sung tinh tuỷ, ích Thận khí, cho uống ***Lưu thị ban thoát nghiệm phương (5).*** Nói chung loại rụng tóc do Thận hư, ngoài việc cho uống thuốc dạng thuốc sắc, có thể dùng thuốc bôi ở cục bộ như dùng ***Lâm thị thốc phát ngoại dụng phương (6).***

Tóc ở đầu rụng từng mảng hoặc rụng toàn bộ hoặc cả lông mày và râu cũng rụng, thường kiêm chứng đau đầu, miệng khát nhưng không muốn uống, sắc mặt tối sạm, hoặc ngứa da đầu hoặc Tâm phiền táo bón đó là huyết ứ có kiêm độc nhiệt, có thể dùng ***Đường thị trị liệu ban thốc nghiệm phương (7)*** nhằm hoạt huyết hóa ứ, giải độc thanh nhiệt, cục bộ có thể phối hợp dùng thuốc bôi ***Triệu thị mao phát tái sinh tinh số 101 (8)*** để thúc đẩy lông tóc sinh trưởng.

Đỉnh đầu rụng tóc từng mảng, mạch Nhu lưỡi trắng, ngoài ra không có sự khó chịu nào khác, có thể dùng ***Nhạc thị nhất vị phục linh ẩm (9)*** để thấm thấp cho tóc mọc lại.

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị sinh phát ẩm

Người cống hiến: Chu Minh Kỳ, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số III thành phố Đại Liên

Sinh Địa hoàng	15 gam	Thục Địa hoàng	15 gam
Đương qui	20 "	Trắc bá diệp	15 "
Hắc chi ma	20 "	Thủ ô	25 "

Cách dùng: Sắc nước uống. Cục bộ có thể bôi Sinh phát đinh (dung dịch)

***Cách chế dung dịch* Sinh phát đinh:** Hồng hoa 60 gam, Can khương 90 gam, Đương qui, Xích thược, Sinh Địa hoàng. Trắc bá diệp đều 100 gam, các vị thái vụn, ngâm vào cồn 75% chừng 3000 ml trong 20 ngày, lọc lấy nước này để bôi ngày 3 lần.

Gia giảm: Phong thịnh huyết táo, bỏ Thục Địa hoàng, tăng Sinh Địa hoàng lên 30 gam, gia Mẫu đan bì 10 gam, Sà sàng tử 15 gam, Thuyền thoái 10 gam, Khổ sâm 20 gam, Xuyên khung 10 gam, Bạch tiên bì 20 gam, Can Thận hư tổn nghiêm trọng, gia Câu kỷ tử 20 gam, Thỏ ty tử 20 gam. Khí trệ huyết ứ gia Hồng hoa 10 gam, Xích thược 15 gam, Đào nhân 10 gam, Xuyên khung 10 gam, Kê huyết đằng 20 gam. Bì phu ngứa gia Khổ sâm 9 gam, Bạch tiên bì 12 gam, Địa phu tử 12 gam.

2. Chu thị sinh phát phương số II

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Can Địa hoàng	60 gam	Sơn dược	60 gam
Câu kỷ tử	60 "	Nữ trinh tử	60 "
Tang thầm tử	60 "	Thần khúc	30 "
Tàm sa	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày uống hai lần sáng và tối, mỗi lần 1 viên.

3. Trần thị trị ban thốc phương

Người cống hiến: Trần Chiếu Long, Y sư chủ nhiệm Y viện Xí nghiệp dệt bao bì

Hương phụ	10 gam	Chi tử	6 gam
Thục Địa hoàng	12 "	Đương qui	10 "

Bạch thược	9 gam	Hợp hoan bì	12 gam
Sao Tảo nhân	12 "		

4. Hạ thị ban thốc phương

Người cống hiến: Hạ Thừa Quân, Y sư chủ nhiệm Y viện dân lập tỉnh An Huy

Đan sâm	30 gam	Đương qui	30 gam
Chế Thủ ô	15 "	Bổ cốt chi	15 "
Mạn kinh tử	15 "	Hoàng kỳ	15 "
Thục Địa hoàng	15 "	Thỏ ty tử	15 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, chia làm 2 - 3 lần uống. Ngày một thang, uống liên tục khoảng 1 tháng.

5. Lưu thị ban thoát nghiệm phương

Người cống hiến: Lưu Kiệt, Trung dược sư chủ nhiệm Công ty y dược huyện Văn Thượng tỉnh Sơn Đông

Thục Địa hoàng	60 gam	Sơn dược	30 gam
Phục linh	18 "	Mẫu đơn bì	30 "
Nhục thung dung	30 "	Câu kỷ	45 "
Thỏ ty tử	30 "	Hà thủ ô đỏ	30 "
Hà thủ ô trắng	30 "	Hắc Chi ma	30 "
Đương qui	30 "	Ngưu tất	30 "
Viễn trí	30 "	Sơn thù	30 "
Tử hà sa	30 "	Nữ trinh tử	25 "

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam ngày hai lần, mỗi lần uống 1 viên.

6. Lâm thị thốc phát ngoại dụng phương

Người cống hiến: Lâm Tú Phần, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Cốt toái bổ	60 gam	Rượu	300 ml

Cách dùng: Cốt toái bổ ngâm rượu, lấy rượu này bôi vào nơi rụng tóc.

7. Đường thị trị liệu bán thốc nghiệm phương

Người cống hiến: Đường Tống, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Đương qui	15 gam	Đào nhân	12 gam
Xích thược	12 "	Xuyên khung	18 "
Cúc hoa	30 "	Thổ phục linh	24 "
Kim ngân hoa	30 "	Sinh Địa hoàng	24 "
Hồng hoa	9 "	Chỉ xác	12 "
Đại hoàng	3 "	Ích mẫu thảo	30 "
Cam thảo	3 "	Đại thông	3 củ to
Sinh khương	3 nhát		

8. Triệu thị mao phát tái sinh tinh số 101

Người cống hiến: Triệu Chương Quang, Công trình sư cao cấp Xưởng liên hợp chế biến lông tóc tái sinh tinh Chứng Quang thành phố Bắc Kinh

Nhân sâm	Hoàng kỳ
Đương qui	Xuyên khung
Can khương	Hồng hoa
Đào nhân	Đan sâm

Cách dùng: Các vị ngâm vào cồn chế thành dung dịch, sát vào nơi bị bệnh ngày hai, ba lần. Nửa tháng làm một đợt điều trị, dùng liên tục 4 - 6 đợt. Nói chung khoảng 1 tháng đã mọc tóc.

9. Nhạc thị nhất vị phục linh ẩm

Người cống hiến: Nhạc Mĩ Trung, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phục linh 500 - 1000 gam

Cách dùng: Đem Phục linh tán bột mỗi lần uống 6 gam ngày hai lần, chiêu với nước chín. Nên kiên trì uống thời gian dài.

64. RÂU TÓC BẠC SỚM

Râu tóc bạc sớm là chỉ chứng trạng thanh thiếu niên và trung niên râu tóc bạc quá sớm, tục gọi là Thiếu bạch đầu hoặc Thiếu niên bạch.

Thanh thiếu niên tóc bạc hoặc bỗng nhiên rụng tóc, mạch Huyền Tế Sác, lưỡi đỏ tía là âm hư huyết nhiệt, Can Thận bất túc, có thể cho uống ***Chu thị ô phát hoàn (1)*** nhằm lương huyết thanh nhiệt, tư bổ Can Thận.

Trung niên suy yếu sớm, râu tóc bạc sớm, tinh thần ủy mị, choáng váng mỏi lưng, tai ù tảo tiết hoặc dương nuy di tinh, tinh lực không dồi dào, trí nhớ giảm sút, mắt nhìn lờ mờ, đó là tinh huyết bất túc, nguyên khí đã suy, có thể dùng ***Lý thị bổ tinh phù dương hoàn (2)*** để bổ tinh huyết, giúp nguyên dương, mạnh Thận khí.

Chứng này nên tham khảo điều trị với các chứng "Tóc rụng", "Mỏi lưng", "Đau lưng", "Mỏi mệt" .v.v...

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị ô phát hoàn

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	60 gam	Đương qui	60 gam
Đan sâm	60 "	Bạch thược	60 "

Nữ trinh tử	30 gam	Tang thầm tử	30 gam
Hạn liên thảo	30 "	Hắc chi ma	60 "

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày uống hai lần sáng và tối mỗi lần 1 viên.

2. Lý thị bổ tinh phù dương hoàn

Người cống hiến: Lý Chính Toàn, Phó giáo sư Trường Đại học Y khoa Trùng Khánh

Thục Địa hoàng	30 gam	Sơn dược	60 gam
Câu kỷ	30 "	Sơn thù	30 "
Đông bắc sâm	15 "	Sao Bạch truật	30 "
Phục linh	30 "	Đỗ trọng	30 "
Ba kích	30 "	Thỏ ty tử	30 "
Dâm dương hoắc	30 "	Thai bàn phấn	30 "

Cách dùng: Các vị sấy khô, tán bột, luyện mật làm viên, ngày hai lần, người lớn mỗi lần 6 - 9 gam. Trẻ em 3 - 5 gam

PHẦN III

CHỨNG TRẠNG VỀ MẮT

Chương này giới thiệu những chứng trạng thường gặp trong Nhãn khoa như Mắt đỏ, Mắt sợ ánh sáng, Thị lực giảm sút.v.v..

Vì "Tinh khí của năm Tạng sáu Phủ đều dồn lên mắt" cho nên những chứng về mắt phần nhiều phản ánh bệnh biến của nội tạng, mà những chứng thuộc loại này phần nhiều gặp ở trong các mục bệnh khác, khi lâm sàng có thể tham khảo ở các loại có liên quan.

65. MẮT ĐỎ

Chứng này chỉ lòng trắng một hoặc cả hai con mắt đỏ, thông thường kiêm cả nặng mi mắt, đau ngứa, nhiều ghèn, sợ ánh sáng, mạch Phù Sác. Lòng trắng mắt đỏ nhẹ là bị phong nhiệt công lên, có thể dùng ***Tang cúc ẩm gia giảm (1)*** để sơ phong trừ nhiệt.

Nhiệt độc khá nặng, lòng trắng mắt đỏ đau ngứa không chịu nổi, cho uống ***Gia giảm Ngân kiều tán (2)*** để thanh nhiệt giải độc, kèm theo tác dụng sơ phong. Cũng có thể phối hợp ***Lý thị hồng nhãn tẩy phương (3)*** để xông rửa mặt. Chứng trạng nói trên nếu thêm tiểu tiện vàng sẻn, mi mắt ngứa nhiều hoặc có thấp chẩn là do phong nhiệt kiêm thấp, cho uống ***Nhân trần Phòng kỷ thang (4)*** để khư phong trừ thấp, thanh nhiệt giải độc, trừ ngứa.

Nếu kiêm chứng đắng miệng, ù tai, táo bón, tiểu tiện đỏ, đau đầu chóng mặt, là do Can hỏa xông lên trên, uống bài ***Xích nhãn phương (5)*** để tả Can khư phong, thanh nhiệt sáng mắt. Bệnh nặng hơn, có thể uống ***Vi thị tứ huyết quán tình phương (6)*** để thanh tả Can Đởm thực hoả, lương huyết chỉ huyết và sáng mắt.

Chứng Can hỏa kiêm nóng nảy hay cáu giận, họng khô ráo, tiểu tiện vàng đỏ hoặc sẻn ít, mạch Huyền Sác mà Tế, đó là Can nhiệt làm thương phần Âm, cho uống ***Thoái hồng lương***

phương (7) để thanh Can tả hoả, tư âm thanh nhiệt, trừ màng mộng và sáng mắt.

Kiêm chứng khát nước, táo bón, họng khô, cho uống ***Dưỡng âm thanh nhiệt thang (8)*** để tán phong sinh tân, dưỡng âm thanh nhiệt.

Nếu thêm chứng Tâm phiền hồi hộp, mất ngủ hay mê, miệng khô gò má đỏ, lòng bàn tay chân nóng, hoặc miệng lưỡi mọc mụn, tiểu tiện vàng đỏ, đầu lưỡi đỏ, là do âm hư Tâm hỏa bốc lên, có thể dùng ***Trần thị sinh bồ hoàng thang (9)*** để tư âm lương huyết, tả hỏa tán ứ.

Mắt đỏ và khô, nhìn vật không tỏ, hai bên sườn trướng đầy, ngực bụng khó chịu, miệng khô mà đắng, rêu lưỡi nhớt là do Can kinh uất nhiệt, tổn thương phần âm, kiêm cả thấp trọc, có thể dùng ***Bàng thị thanh Can giải uất ích Âm thấm thấp thang (10)*** để thanh Can giải uất, ích Âm thấm thấp.

Mắt đỏ kéo dài không lui, kiêm chứng hồi hộp Tâm phiền, môi mặt nhợt nhạt không tươi, lưỡi nhợt mạch Tế Sác, đó là thuộc bệnh lâu, âm huyết đã tổn thương, lạc mạch không lưu thông, có thể dùng ***Tứ vật thoái ế thang (11)*** để tư âm hoạt huyết, trừ màng mộng và sáng mắt.

Mắt đỏ mà có mầu tía tối, bệnh kéo dài, giảm thị lực, khát nước mà không muốn uống, chất lưỡi tía tối có điểm ứ huyết hoặc lưỡi đỏ. Đây là do ngoại thương gây nên hoặc là điều trị lâu không khỏi gây nên, phần nhiều thuộc huyết ứ lạc mạch, điều trị

chủ yếu phải hành ứ thông lạc, cho uống ***Bàng thị thư Can phá ứ thông mạch thang (12).***

Mắt đỏ lâu ngày không khỏi, ngực bụng đầy tức, rạo rực hay nôn, đầu căng trướng choáng váng, mạch Huyền Hoạt, là do đàm ứ câu kết, cho uống ***Lý thị hóa ứ giáng trọc ẩm (13)*** để hóa ứ tán kết, trừ ứ chỉ huyết.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia giảm Tang cúc ẩm

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Đông Tang diệp	15 gam	Cúc hoa	15 gam
Bạc hà	10 "	Phòng phong	10 "
Thiền thoái	6 "	Xích thược	15 "
Hoàng cầm	10 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Vùng Khí luân thũng trướng, gia Đình lịch tử 6 gam.

2. Gia giảm ngân kiều tán

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Kim ngân hoa	15 gam	Liên kiều	10 gam
Bạc hà	6 "	Xích thược	15 "
Chi tử	10 "	Hoàng cầm	10 "
Trúc diệp	10 "	Bồ công anh	25 "

3. Lý thị hồng nhãn tẩy phương

Người cống hiến: Lý Khánh Dân, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Tế Dương tỉnh Sơn Đông

Đương qui	6 gam	Mang tiêu	10 gam
Minh phàn	6 "	Hoa tiêu	9 "
Đại hoàng	15 "	Cúc hoa	10 "

Cách dùng: sắc 2 nước, đổ vào bát, lấy khăn bông bọc quanh bát để giữ độ ấm, người bệnh ghé mắt vào bát để xông lấy hơi nóng và rửa mắt, mỗi lần lâu chừng 30 phút, càng lâu càng tốt, nếu nguội lại hâm nóng, ngày rửa 3 lần.

4. Nhân trần phòng kỷ thang

Người cống hiến: Chu Hồng Văn, Y sư chủ nhiệm
Y viện Trung Tây y kết hợp thành phố Thành Đô

Trần bì	10 gam	Nhân trần	12 gam
Phòng kỷ	12 "	Dĩ nhân	30 "
Phòng phong	10 "	Bạch chỉ	10 "
Địa phu tử	30 "	Kim ngân hoa	12 "
Liên kiều	12 "	Ngư tinh thảo	30 "
Chi tử (sao)	6 "	Ô tiêu sà	15 "
Lão hạc thảo	20 "		

Gia giảm: Ngứa nhiều gia Khổ sâm 12 gam. Toét mi mắt, thể lực khỏe gia Thạch cao 30 gam

5. Xích nhãn phương

Người cống hiến: La Tuấn Nho, Lão Trung y nổi tiếng Y viện khu An Thuận tỉnh Quý Châu

Tang diệp	10 gam	Cúc hoa	10 gam
Kim ngân hoa	10 "	Sài hồ	10 "
Bạch thược	10 "	Thảo quyết minh	10 "
Phòng phong	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Địa cốt bì	10 "	Hậu phác	10 "
Câu đằng	10 "	Tiêu Sơn tra	10 "

Chú ý: Thuốc không nên sắc lâu. Kiêng ăn các thức cay nóng.

6. Vi thị ứ huyết quán tình phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	Chi tử
Đương qui vĩ	Xích thược
Hòe hoa	Sao Kinh giới
Long đởm thảo	Hoàng liên
Trích Cam thảo	Hoàng cầm
Bạch chỉ	

7. Thoái hồng lương phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Long đởm thảo	6 gam	Cúc hoa	6 gam
Sinh Địa hoàng	15 "	Tiêu Chi tử	6 "

Mật mông hoa	6 gam	Hạ khô thảo	5 gam
Hoàng cầm	3 "	Liên kiều	6 "
Tang diệp	6 "	Thảo quyết minh	10 "

Gia giảm: Đại tiện bí kết, có thể gia Đại hoàng, Huyền minh phấn.

8. Dưỡng âm thanh nhiệt thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Hà Bắc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Sinh Thạch cao	30 gam
Kim ngân hoa	30 "	Tri mẫu	10 "
Lô căn	10 "	Hoàng cầm	10 "
Kinh giới	10 "	Phòng phong	10 "
Long đởm thảo	10 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Trước hết ngâm thuốc vào nước 10 phút, sau khi đun sôi 25 phút, đổ vào bát; Lại cho nước đun tiếp lần 2, sau 15 phút đổ riêng vào bát thứ hai. Cứ buổi chiều thì lấy thuốc ở bát đầu tiên mà uống; buổi sáng thì lấy thuốc ở bát thứ hai mà uống. Mỗi ngày một lần. Chứng nặng cấp tính mỗi ngày có thể uống hai lần.

Gia giảm: Họng đau kịch liệt, gia Xuyên Bối mẫu 6 gam, Mạch môn đông 10 gam. Táo bón, bệnh ở mắt khá nặng, gia Đại hoàng, Qua lâu, Thanh đại, Lô hội đều 10 gam. Kém ăn, ngực bụng đầy trướng, gia Thanh bì, Mạch nha, Thần khúc, Sơn tra đều 10 gam.

9. Trần thị sinh bổ hoàng thang

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Sinh Bổ hoàng	Hạn liên thảo
Ngẫu tiết	Đan sâm
Mẫu đơn bì	Sinh Địa hoàng
Uất kim	Kinh giới thán
Sơn chi	Xuyên khung
Cam thảo	

10. Bàng thị thanh Can giải uất ích Âm thấm thấp thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Ngân Sài hồ	Cúc hoa
Phòng phong	Nữ trinh tử
Thỏ ty tử	Sinh Địa hoàng
Bạch truật	Mộc tặc
Xương truật	Thuyền thoái
Xích thược	Khương hoạt
Cam thảo	

Gia giảm: Phương này nếu gia Hạ khô thảo và Bạch cập, liều cao, hiệu quả càng tốt.

11. Tứ vật thoái ế thang

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	15 gam	Xích thược	15 gam
Đương qui	10 "	Xuyên khung	5 "

Mộc tặc thảo	10 gam	Bạch tật lê	15 gam
Mật mông hoa	10 "	Cốc tinh thảo	10 "
Thanh tương tử	10 "		

12. Bàng thị thư Can phá ứ thông mạch thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Bạch thược	Đương qui
Đan sâm	Ngân Sài hồ
Xích thược	Phục linh
Bạch truật	Khương hoạt
Phòng phong	Thuyền thuế
Mộc tặc	Cam thảo

13. Lý thị hóa ứ giáng trọc ẩm

Người cống hiến: Lý Kỷ Nguyên, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam

Hải tảo	Hạ khô thảo
Côn bố	Hải phù thạch
Hoạt thạch	Hải kim sa
Ngẫu tiết	Hoàng kỳ
Kê nội kim	Huyết dư thán
Lộc giác	Quế chi

66. CHẢY NƯỚC MẮT

Nước mắt tự chảy ra không kiềm chế được gọi là Chảy nước mắt. Thường kiêm các chứng trạng mắt mờ, nhiều ghèn, nhiều nước mắt, sưng đỏ đau, đắng miệng, đó là Can nhiệt hỏa độc, dùng ***Song giải thang (1)*** để tả hỏa giải độc, thanh Can sáng mắt.

Có thêm chứng táo bón, mắt sưng đỏ khá nặng, cho uống ***Hồng thũng thống phương (2)*** để tả hỏa hành huyết, tiêu sưng tán ứ. Bệnh nặng hơn thì dùng ***Nhãn châu quán nùng phương (3)*** để tả hỏa thông tiện giải độc. Có thể phối hợp dùng ***Vạn ứng thập bảo đan (4)*** chấm vào mắt để tăng cường tác dụng.

Kiêm chứng đầu choáng váng, Tâm phiền nóng nẩy, mắt đỏ, có thể dùng ***Gia giảm Long đởm tả Can thang (5)*** để mát gan dẹp phong, tả hỏa giải độc.

Nếu mắt không tỏ, chẩy nước mắt lại thêm chứng mắt khô rát và ngứa, tròng mắt đỏ, khô miệng, phiền nhiệt, đó là phong nhiệt âm hư có kiêm ứ trệ, có thể dùng ***Hồng thũng ế chướng phương (6)*** để khư phong thanh nhiệt, tư âm hoạt huyết, sáng mắt, trừ màng mộng.

Nếu thiên về Can Đởm nhiệt, có thể dùng ***Dưỡng âm thanh nhiệt thang (7)*** để sinh tân thanh nhiệt, khư phong tả Can.

Nước mắt chẩy ra trong và lạnh, mắt không đau lắm, tròng đen lõm, có mầu trắng tối trệ, đỉnh đầu đau bứt rứt, mạch Tế Sác,

đó là Quyết âm hư hàn, cho uống ***Gia vị Bạch thông thang (8)*** để thông dương tán hàn.

Chứng này nên tham khảo ở các chứng "Mắt đỏ", "Mắt ngứa", "Mắt sợ ánh sáng", "Toét mắt" v.v...

PHỤ PHƯƠNG

1. Song giải thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Kim ngân hoa	15 gam	Bồ công anh	15 gam
Tang bạch bì	9 "	Thiên hoa phấn	9 "
Hoàng cầm	9 "	Kinh giới	9 "
Phòng phong	9 "	Long đởm thảo	9 "
Cam thảo	3 "	Chỉ xác	6 "

Gia giảm: Táo bón gia Đại hoàng. Mắt ngứa có nhiều ghèn gia Khương hoạt.

2. Hồng thũng thống phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sài hồ	6 gam	Hoàng cầm	6 gam
Xích thược	6 "	Hạ khô thảo	6 "
Xuyên khung	6 "	Sinh Đại hoàng	12 "
Bạc hà	5 "	Mộc tặc	9 "
Chỉ xác	9 "	Sinh Địa hoàng	15 "

3. Nhân châu quán nùng phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Đại hoàng	12 gam	Chỉ thực	6 gam
Huyền minh phấn	9 "	Qua lâu nhân	9 "
Kim ngân hoa	10 "	Hoàng cầm	6 "
Sinh Thạch cao	12 "	Hạ khô thảo	6 "
Thiên hoa phấn	6 "	Đạm trúc diệp	6 "
Cam thảo	3 "		

4. Vạn ứng Thập bảo đan

Người cống hiến: Vạn Kế Nghiêu, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Kỳ Đông tỉnh Hồ Nam

Thanh ngư đởm	3 cái	San hô	3 gam
Hổ phách	3 gam	Chế Nhạc mẫu	10 "
Khô phàn	0,5 "	Xạ hương	1 "
Tứ mai phiến	0,5 "	Thần sa	0,5 "
Nguyệt thạch nung	0,5 "	Chân châu phấn	2 "

Cách dùng: Lấy lọ đồng đựng Thanh ngư đởm đốt lửa cho cạn thủy phần, sấy khô tán bột. Tiếp đó bỏ San hô, Hổ phách vào trong lọ, bên ngoài bọc một lượt đậu hủ, đun được 5 phút thì lấy ra. Lại đổ vào 1 bát sữa để nghiền bột, đợi khi nước lắng trong, đổ bỏ nước trong sấy khô. Thần sa lọc qua nước, sấy khô, hoặc đổ nước vào mà lọc rồi sấy khô tán bột. Bạch phàn dùng ống đồng, đun nhỏ lửa, loại bỏ thủy phân biến thành trắng như nõn bông. Nguyệt thạch rửa sạch, đập vụn, bỏ vào trong lọ đồng, đốt nhỏ lửa cho tan ra như nhung. Xạ hương thêm nước vào nghiền

thật mịn. Băng phiến cũng nghiền mịn. Chân châu phấn chọn loại to, ngâm trong sữa người một đêm lấy ra nấu lẫn với đậu hủ, lấy ra rửa sạch bỏ vào trong bát sữa nghiền bột nhỏ.

Mười vị thuốc trên sau khi bào chế xong, cuối cùng đem San hô, Hổ phách, Nhạc mẫu, Thần sa, Bạch phàn, Nguyệt thạch, Chân châu bẩy thứ trộn đều lại nghiền lần nữa, tiếp theo bỏ nốt các vị còn lại, tán bột mịn, đựng vào lọ sành đậy kín. Khi dùng lấy tý chút thuốc bột chấm vào đầu con mắt, ngày chấm 2 lần sáng và tối. Khi chấm thuốc, nhắm mắt lâu 5 phút hãy mở mắt.

5. Gia giảm Long đởm tả Can thang

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Long đởm thảo	6 gam	Sài hồ	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Chi tử	10 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Đương qui	10 "
Xa tiền tử	10 "	Bồ công anh	25 "
Linh dương giác phấn	0,6 "		

6. Hồng thũng ế chướng phương

Người cống hiến: Vi Văn Quý, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	15 gam	Xích thược	10 gam
Mật mông hoa	10 "	Bạch chỉ	6 "
Thạch quyết minh	25 "	Xích Thạch chi	10 "
Tiêu Đông truật	6 "	Hạ khô thảo	10 "
Tế tân	3 "	Xuyên khung	6 "
Hoàng cầm	10 "	Cam thảo	5 "

7. Dưỡng âm thanh nhiệt thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Kim ngân hoa	30 gam	Sinh Địa hoàng	30 gam
Sinh Thạch cao	30 "	Thiên hoa phấn	12 "
Tri mẫu	12 "	Hoàng cầm	9 "
Long đởm thảo	9 "	Kinh giới	9 "
Phòng phong	9 "	Chỉ xác	6 "
Cam thảo	3 "		

8. Gia vị Bạch thông thang

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Phụ phiến	15 gam	Quế chi	10 gam
Sinh khương	15 "	Ô tặc cốt	30 "
Bạch thược	15 "	Thông bạch	5 củ

67. MẮT SỢ ÁNH SÁNG

Sợ ánh sáng là mắt không chịu nổi ánh sáng, phải né tránh khó mở mắt, thậm chí gặp ánh sáng thì rít đau hoặc chảy nước mắt, thường cùng xuất hiện với các chứng Mắt đỏ, Mắt khô rít, Chảy nước mắt v.v... Nên tham khảo các mục này.

Mắt đỏ sợ ánh sáng, mi mắt sưng đau, tròng mắt đỏ, là Can kinh phong nhiệt úng trệ ở trên, nên thanh nhiệt khư phong, có thể dùng ***Cát thị thoái chướng thang (1)***. Nặng hơn thì cho uống ***Lục thị tụ tinh quyết minh tán (2)*** để mát Can bình Can, khư phong sáng mắt.

Sợ ánh sáng và đau nhói, chảy nước mắt, thị lực giảm, phù nề giác mạc là do nhiệt độc gây nên, cho uống ***Lý thị trị liệu bệnh độc tính giác mạc viêm phương (3)*** để thanh nhiệt, giải độc, sợ phong.

Sợ ánh sáng lại kiêm chứng hai mắt khô rít, chảy nước mắt, lòng trắng mắt đỏ, đó là Phế kinh âm khuy nhiệt thịnh, có thể dùng ***Lục thị hoa phấn bạch bì khư ế thang (4)*** để dưỡng âm thanh Phế, tán ế sáng mắt.

Sợ ánh sáng, thị lực lờ mờ, chóng mặt ù tai, hồi hộp mỏi lưng, không nhìn được lâu, lưỡi đỏ mạch Tế, đó là Can Thận âm khuy, hư dương nổi lên, có thể dùng ***Cát thị long mẫu địa hoàng thang (5)*** để bổ Thận tiềm dương.

1. Cát thị thoái chướng thang

Người cống hiến: Cát Bang Dĩnh, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu hảo Bắc Kinh

Sài hồ	6 gam	Hoàng cầm	10 gam
Thuyền y	4,5 "	Cam thảo	3 "
Tần giao	10 "	Sinh Hoàng kỳ	15 "
Xích thược	10 "		

2. Lục thị tụ tinh quyết minh tán

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Quyết minh tử	Sà thuế
Thiền thuế	Bạch tật lê
Câu đằng	Hắc sơn chi
Liên kiều	Kinh giới
Phòng phong	Cốc tinh thảo

3. Lý thị trị liệu bệnh độc tính giác mạc viêm phương

Người cống hiến: Lý Nho Châu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Dã cúc hoa	12 gam	Kim ngân hoa	12 gam
Bồ công anh	12 "	Liên kiều	12 "
Thiền thuế	10 "	Bạch tật lê	10 "
Can Địa hoàng	15 "	Phòng phong	10 "
Bạch chỉ	10 "	Hoàng cầm	10 "

Cách dùng: Sắc nước uống

Gia giảm: Khí huyết kém gia Thái tử sâm 32 gam, Thủ ô hoặc Đương qui, Kê huyết đằng. Nếu âm hư hoặc dương hư thì gia Hạn liên thảo, Mạch môn đông hoặc Bổ cốt chi, Thục Phụ tử.v.v...

4. Lục thị hoa phấn bạch bì khư ế thang

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Tang bạch bì
Thiên hoa phấn
Bạch tật lê
Hoàng cầm
Địa cốt bì
Cốc tinh thảo
Thiền thuế

5. Cát thị Long mẫu địa hoàng thang

Người cống hiến: Cát Bang Dĩnh, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu hảo Bắc Kinh

Long cốt	10 gam	Sinh Địa hoàng	10 gam
Mẫu lệ	15 "	Bạch thược	10 "
Trạch tả	10 "	Du nhục	10 "
Sơn dược	10 "	Phục linh	10 "
Câu kỷ tử	10 "		

68. MẮT KHÔ RÍT

Mắt khô rít là chỉ chứng trạng hai mắt khô ráo ít tân dịch, khô trệ khó chịu hoặc dễ bị nhọc mệt.

Hai mắt hoặc một bên mắt khô rít và đau, lòng trắng mắt hơi đỏ, khát nước, ho khan ít đờm, mạch Tế mà Sác, lưỡi đỏ là Phế âm bất túc, mắt mất sự nuôi dưỡng, có thể dùng ***Lục thị tả Phế thang*** để dưỡng âm thanh Phế kiêm khơi thông Phế khí.

Chứng này tham khảo với các chứng "Mắt đỏ" và "Sợ ánh sáng".

PHỤ PHƯƠNG

Lục thị tả Phế thang

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư
Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Tang bạch bì	Hoàng cầm
Địa cốt bì	Tri mẫu
Cát cánh	Mạch môn đông

69. TRÒNG MẮT ĐAU

Tròng mắt (Nhãn châu) đau là chỉ nhãn cầu đau, thường cùng xuất hiện với các chứng Sợ sáng, Chảy nước mắt. Lâm sàng có thể tham khảo các chứng này.

Tròng mắt đau không chịu nổi, mờ mắt và chảy nhiều nước mắt, lòng trắng mắt đỏ ngầu, tròng đen có từng mảng loét, lưỡi đỏ tía mà khô, mạch Sác, đó là Can kinh huyết nhiệt quá thịnh, cho uống ***Lục thị minh mục tiêu viêm ẩm (1)*** để thanh nhiệt mát huyết, bình Can sáng mắt.

Mắc bệnh đã lâu hoặc thể lực yếu do tuổi tác, tròng mắt đau không chịu nổi, mắt khô rít, sợ sáng, chảy nước mắt không rõ rệt lắm, tia máu ở lòng trắng hơi đỏ, mạch Huyền Tế, đó là huyết hư mắt không được nuôi dưỡng, cho uống ***Lục thị đương quy hòa dưỡng thang (2)*** để dưỡng huyết hòa lạc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lục thị minh mục tiêu viêm ẩm

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Sinh Địa hoàng tươi	Hắc Sơn chi
Liên kiều	Hoàng cầm
Mẫu đơn bì	Sinh Thạch quyết minh

Xích thược
Kim ngân hoa
Hạ khô thảo
Sinh Cam thảo

2. Lục thị đương qui hòa dưỡng thang

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư
Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Đương qui
Thục Địa hoàng
Bạch thược
Xuyên khung
Bạch truật
Trần bì
Thạch quyết minh

70. MÙ ĐỘT NGỘT

Mù đột ngột là nói chứng trạng một con mắt hoặc cả hai con mắt thị lực đột ngột giảm đi nhanh chóng đến nỗi thị lực mất đi không nhìn thấy gì.

Một mắt hoặc cả hai mắt đột ngột không nhìn thấy gì, người vốn nóng nảy hay giận, thêm chứng phiền táo váng đầu, họng khô đắng, mạch Huyền Tế hoặc Huyền Sác là thuộc Can uất huyết ứ, nên thư Can giải uất, phá ứ thông mạch, cho uống ***Bàng thị thư Can phá ứ thông mạch thang (1).***

Nếu kiêm chứng váng đầu ù tai, gò má đỏ lưỡi tía, mạch Hư Đại hoặc Huyền Sác là thuộc Can vượng âm hư, điều trị theo phép tư âm ích Thận, bình Can tiềm dương, có thể dùng ***Bàng thị dục âm tiềm dương thông mạch thang (2).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Bàng thị thư Can phá ứ thông mạch thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Đương qui	10 gam	Bạch thược	10 gam
Ngân Sài hồ	10 "	Phục linh	10 "
Bạch truật	10 "	Khương hoạt	10 "

Phòng phong	10 gam	Thiền thuế	10 gam
Mộc tặc	10 "	Đan sâm	12 "
Xích thược	12 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Đại tiện khô ráo gia Phan tả diệp 3 gam. Kém ăn gia Thanh bì, Chỉ xác, Tiêu tam tiên đều 10 gam. Đại tiện loãng gia Xương truật 10 gam, Ngô thù 6 gam. Khát nước phiền táo, bỏ Khương hoạt, gia Sinh Thạch cao, Qua lâu đều 15 gam, Mạch môn đông, Sa sâm đều 10 gam.

2. Bàng thị dục âm tiềm dương thông mạch thang

Người cống hiến: Bàng Tán Tương, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Sinh địa hoàng	15 gam	Chân châu mẫn	15 gam
Câu kỷ tử	12 "	Bạch thược	12 "
Sa sâm	12 "	Sơn dược	10 "
Mạch môn đông	10 "	Tri mẫu	10 "
Hoàng bá	10 "	Sinh Mẫu lệ	10 "
Sinh Long cốt	10 "	Ngưu tất	10 "
Mẫu đơn bì	10 "	Xích thược	10 "
Thiền thuế	10 "	Mộc tặc	10 "

Gia giảm: Táo bón gia Phan tả diệp 5 gam. Đau đầu tức mắt gia Câu đằng, Cúc hoa đều 10 gam. Ngực khó chịu, khí kết gia Tô tử, Qua lâu đều 10 gam, linh động gia Sài hồ, Đương qui, Xuyên khung, Trần bì, Phòng phong v.v...

71. NHÃN CHÂU (CON NGƯƠI) KÉO MÀNG

Chứng này chỉ lòng đen mắt có màng kéo mảng như mây trắng; hoặc con ngươi mắt xuất hiện nhiều nốt nhỏ, dần dà kết thành màng to nhỏ không đều, cũng thuộc phạm vi chứng Nhãn châu kéo màng.

Đầu tiên có những đốm màng nhỏ, kiêm chứng không tỏ, chảy nước mắt, trướng đầu sợ gió, mạch Phù, đó là Can kinh phong nhiệt, cho uống ***Tang cúc thoái ế tán (1).***

Nếu kiêm chứng miệng đắng họng khô, sợ rét thì dùng ***Gia vị sài cầm tứ vật thang (2)*** để khư phong, thanh nhiệt, thoái ế.

Kiêm chứng mắt sưng đỏ đau, chảy nhiều nước mắt, màng lớn dần hoặc kết từng mảng, cho uống ***Tụ tinh quyết minh tán (3)*** để thanh Can khư phong, sáng mắt thoái ế. Tình thế nhiệt lui dần, huyết phận đã tổn thương, cho uống ***Gia vị tứ vật thang (4)*** để dưỡng huyết tiêu màng, điều Can khư phong.

Màng phủ ở lòng đen mắt lõm xuống, thêm chứng mờ mắt chảy nước mắt, lòng trắng mắt đỏ ngầu, sợ lạnh, không mồ hôi, đau đầu tắc mũi, mạch Phù Khẩn hoặc Huyền Khẩn, đó là phong hàn uất trệ thì dùng ***Gia giảm minh mục tế tân thang*** (5) có vị thuốc cay ấm để giải biểu, khư phong trừ màng.

Màng phủ ở lòng đen mắt, hoa mắt nhìn mọi vật không tỏ, kiêm chứng váng đầu, ù tai, lưng đùi mỏi, cho uống ***Cửu tử địa***

hoàng hoàn (6) để bổ Can ích Thận, sáng mắt tiêu màng. Lòng đen mắt kéo màng lâu không rút, dùng ***Ngũ thuế tán (7)*** để lui màng sáng mắt, trừ phong tán kết.

Mắt kéo màng lâu không tiêu lại kiêm chứng cơ thể lạnh, sợ lạnh, chảy nước mắt cũng lạnh, có thể dùng ***Trần thị gia truyền sáp hoá đan (8)*** để ôn thấp hoá màng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tang cúc thoái ế tán.

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư
Đại học y khoa số II Thượng Hải

Tang diệp
Cốc tinh thảo
Mộc tặc thảo
Câu đằng
Cúc hoa
Bạch tật lê
Thuyền thuế

2. Gia vị Sài cầm tứ vật thang.

Người cống hiến: Trương Tử Thuật, Giáo sư
Trung y học viện Thiểm Tây

Sinh Địa hoàng
Đương qui
Sài hồ
Khương hoạt
Chi tử
Thanh tương tử
Cúc hoa
Xích thược
Xuyên khung
Hoàng cầm
Phòng phong
Liên kiều
Mộc tặc thảo

3. Tụ tinh Quyết minh tán.

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Quyết minh tử	Mạn kinh tử
Sà thuế	Thuyền thuế
Bạch tật lê	Câu đằng
Hắc Sơn chi	Kinh giới
Phòng phong	Cốc tinh thảo

4. Gia vị Tứ vật thang.

Người cống hiến: Trương Tử Thuật, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Thục Địa hoàng	Thanh tương tử
Đương qui	Thảo quyết minh
Xuyên khung	Mật mông hoa
Xích thược	Cốc tinh thảo
Thuyền thuế	Thạch quyết minh
Thanh bì	

5. Gia giảm minh mục tế tân thang

Người cống hiến: Trương Hoài An, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Hồ Nam

Tế tân	3 gam	Khương hoạt	10 gam
Phòng phong	10 "	Xuyên khung	6 "
Cảo bản	10 "	Đương qui	10 "
Ma hoàng	3 "	Mạn kinh tử	10 "
Kinh giới	10 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Lòng trắng mắt tía tối, gia Đào nhân 10 gam, Hồng hoa 5 gam.

6. Cửu tử địa hoàng hoàn.

Người cống hiến: Bố Phụ Chu, Trung y học gia nổi tiếng

Thục địa hoàng	60 gam	Sơn thù nhục	15 gam
Sơn dược	15 "	Phục linh	15 "
Trạch tả	15 "	Mẫn đơn bì	15 "
Ngũ vị tử	15 "	Câu kỷ tử	15 "
Sa uyển tử	15 "	Quyết minh tử	15 "
Thanh tương tử	15 "	Sung uất tử	15 "
Thỏ ty tử	15 "	Phúc bồn tử	15 "
Sa tiền tử	15 "		

Các vị cùng tán bột.

Quy bản (chế qua dấm) tán bột	30 gam
Linh từ thạch (tẩm dấm nung)	30 "
Bột Trầm hương	3 "

Cách dùng: Các vị trộn đều, luyện mật làm hoàn, sáng tối mỗi lần uống 10 gam, chiêu với nước muối nhạt.

7. Ngũ thuế tán.

Người cống hiến: Lý Ngạn, Lão Trung y nổi tiếng
Y học viện Quý Dương

Thiền thuế	30 gam	Sà thuế	18 gam
Tàm thuế	15 "	Xuyên sơn giáp	24 "
Thạch quyết minh	30 "	Kinh giới tuệ	18 "
Phòng phong	18 "	Cúc hoa	30 "
Trư đề giáp	1 đôi		

Cách dùng: Các vị tán bột, ngày uống hai lần sáng và chiều, mỗi lần 9 gam, chiêu với nước chín.

8. Trần thị gia tuyền sáp hoá đơn.

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Xích Thạch chi	300 gam	Lô cam thạch	180 gam
Bạc hà	3 "	Cương tàm	30 "
Ma hoàng	30 "	Bắc Tế tân	15 "
Mạn kinh tử	30 "	Tử thảo	20 "
Hoàng liên	3 "	Lô hội	3 "
Thảo ô	12 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước lọc bỏ bã, lấy nước này để tẩm Xích Thạch chi, Lô cam thạch, lấy giấy thấm bịt kín miệng lọ thuốc, ban ngày phơi nắng, ban đêm phơi sương. Khi đã khô, lại lấy:

Không tâm thạch	30 gam	San hô	10 gam
Hổ phách	6 "	Huyết kiệt	3 "
Chân châu	1,5 "		

Các vị cùng tán bột mịn, mỗi tối lấy tý chút chấm vào mắt có màng.

Gia giảm: Màng mắt dày quá, có thể thêm tý chút Não sa, nhưng không được thêm nhiều.

Chú ý: Chân châu nên dùng thứ chưa xuyên lỗ, lại cần nhét vào trong miếng đậu, thêm nước vào rồi nấu 2 giờ, nước lấy ra chế chung với các thuốc khác.

72. NỖ NHỤC PHAN TÌNH (Mộng thịt)

Chứng này chỉ đầu (hoặc đuôi) mắt mọc một miếng thịt to và dài giống như cánh ruồi vắt ngang tròng trắng mắt hướng lan toả vào lòng đen, thậm chí che lấp cả con ngươi.

Mắt sinh mộng thịt có màu đỏ tối, lúc nhẹ lúc nặng, lâu ngày không khỏi, có thêm chứng thị lực giảm lờ mờ không tỏ, choáng đầu khát nước, táo bón hoặc lòng trắng mắt đỏ, chất lưỡi đỏ tối, đó là âm hư huyết ứ, có thể dùng ***Vương thị thanh tình phấn (1)*** để dưỡng âm sáng mắt, hoạt huyết hoá ứ, tan kết mềm chất rắn.

Mắt có mộng thịt dạng nhài quạt, thoạt tiên không nặng lắm mà chỉ thấy sợ ánh sáng, chảy nước mắt, ngứa mắt, đắng miệng, tiểu tiện vàng, Tâm phiền v.v. là do nhiệt câu kết với ứ, cho uống ***Trần thị hoá nỗ thang (2)*** để thanh nhiệt tán ứ, sơ phong hoạt huyết.

Chứng này nên tham khảo điều trị với các chứng "Mắt đỏ", "Mắt sợ ánh sáng", "Chảy nước mắt" .v.v.

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị thanh tình phấn

Người cống hiến: Vương Thục Tú, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Thạch hộc	12 gam	Mạch môn đông	12 gam
Huyền sâm	30 "	Thục Địa hoàng	9 "

Quế chi	12 gam	Xích thược	9 gam
Đương qui	9 "	Đào nhân	9 "
Thiền thuế	9 "	Toàn yết	3 "
Long cốt (nung)	3 "	Mẫu lệ (nung)	3 "

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần dùng 1,5 gam, ngày 2 lần, hoà nước uống.

2. Trần thị hoá nỗ thang.

Người cống hiến: Trầm Minh Cử, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Sơn giáp (nướng)	9 gam	Sinh Địa hoàng	18 gam
Trắc bá diệp	12 "	Hương phụ	9 "
Đương qui	9 "	Xung uất tử	12 "
Hoàng cầm	9 "	Long đởm thảo	9 "
Phòng kỷ	6 "	Thiền thuế	9 "
Thạch hộc	12 "	Sinh Cam thảo	9 "

73. LẸO (CHẮP) MẮT

Mi trên hoặc mi dưới mắt mọc cục thịt như mụn gọi là lẹo mắt.

Đầu tiên thường thấy vùng mi mắt ngứa, đau, lớp da kết rắn hơi đỏ, đó là do phong nhiệt úng trệ ở trên, cho uống ***Gia giảm ngân kiều tán (1)*** để sơ phong thanh nhiệt.

Tiếp theo là mi mắt nổi cục thành mụn chắp sưng đỏ và đau, thậm chí mụn chắp có mủ, là do nhiệt độc quá thịnh, muốn nung nấu thành mủ, nếu muốn thanh nhiệt giải độc thì dùng ***Trần thị tả hoả giải độc thang (2)*** để tả hoả giải độc; nếu muốn giải độc tiêu mủ làm chủ yếu thì có thể dùng ***Hội dương thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, trừ độc và mủ. Cục bộ nơi chắp lẹo có thể phối hợp bôi ***Thanh trà du cao (4)*** để giải độc tiêu sưng, thanh nhiệt khỏi đau và sinh cơ.

Bệnh nhân thể trạng vốn hư hoặc khí âm sút kém, mụn chắp lâu ngày không vỡ, có thể dùng ***Thác lý bài nùng dưỡng âm thang (5)*** để thác lý phù chính, thanh nhiệt tiêu mủ.

Nếu chứng này hay tái phát, suốt đời không khỏi, đó là tà khí trệ do chính khí hư, cho uống ***Thác lý tiêu độc ẩm gia giảm phương (6)*** để phù chính giải độc, tiêu mủ thanh nhiệt.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia giảm ngân kiều tán.

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Kim ngân hoa	15 gam	Liên kiều	10 gam
Bạc hà	6 "	Xích thược	15 "
Phòng phong	10 "	Bồ công anh	25 "
Hoàng cầm	10 "	Bạch chỉ	6 "

2. Trần thị tả hoả giải độc thang.

Người cống hiến: Trần Minh Cử, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Kim ngân hoa	24 gam	Liên kiều	9 gam
Đại hoàng (sao rượu)	9 "	Mang tiêu	6 "
Sinh Ý dĩ	18 "	Hoạt thạch	18 "
Sơn giáp (nướng)	9 "	Tạo thích	6 "
Dã cúc hoa	12 "	Sinh Cam thảo	9 "
Bồ công anh	12 "	Tử hoa địa đinh	12 "

3. Hội dương thang

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư
Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Xuyên sơn giáp	Tạo giác thích
Kim ngân hoa	Liên kiều
Hắc sơn chi	Đương qui
Thiên hoa phấn	Hoàng cầm

Gia giảm: Nếu hoá mủ loét nát, có thể bỏ Tạo giác thích và Xuyên sơn giáp, gia Sinh Địa hoàng, Mẫu đơn bì v.v.

4. Thanh trà du cao.

Người cống hiến: Chu Hồng Văn, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung Tây y kết hợp Thành Đô

Bột Trà diệp — Sinh Thanh du

Cách dùng: Bột Trà diệp thật mịn, lấy lượng Sinh Thanh du tương đương trộn vào nhau như hồ, nhúng ngón tay nhấc lên không nhỏ giọt là được, đựng trong lọ sành để dùng, lấy vải gạc vuông vắn, dày ba, bốn lớp, phết thuốc lên trên, phủ lượt vải mỏng lên trên, buộc cố định, đắp nóng ngày 3 lần, mỗi lần lâu 30 phút, ngày đổi thuốc một lần, chừng nào hết mủ hết sưng thì thôi, nếu không chườm nóng thì không hiệu quả. Bệnh nặng nên uống thêm loại thuốc sắc để tăng cường tác dụng.

5. Thác lý bài nùng dưỡng âm thang.

Người cống hiến: Lục Nam Sơn, Giáo sư Trường Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Sinh Hoàng kỳ	Đảng sâm
Thiên hoa phấn	Sinh Địa hoàng
Hoàng cầm	Thanh cao
Địa cốt bì	Huyền sâm
Mạch môn đông	Bắc Sa sâm
Đương qui	Xuyên khung
Cam thảo	Bạch thược

Gia giảm: Đại tiện không bí kết có thể bỏ Sinh Địa hoàng, Mạch môn đông và Huyền sâm.

6. Thác lý tiêu độc ẩm gia giảm phương.

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Đảng sâm	15 gam	Liên kiều	10 gam
Hoàng kỳ	15 "	Phòng phong	10 "
Kim ngân hoa	15 "	Xích thược	15 "
Bạch chỉ	6 "	Xuyên khung	6 "
Tạo thích	10 "	Bồ công anh	25 "

74. TOÉT MẮT

Chứng này chỉ mi mắt lở nát và ngứa, có thể thêm các chứng bên ngoài bộ phận sinh dục và miệng lưỡi phá lở và đau, Tâm phiền mất ngủ, tinh thần bạc nhược, họng đau, ăn không ngon, mỏi lưng yếu sức, rêu lưỡi nhớt, chất lưỡi hơi tối, đầu lưỡi đỏ sạm, mạch Tế Sác v.v. Nên dùng phép dưỡng âm thanh nhiệt giải độc, cho uống ***Đổng thị nghiệm phương***. Nên tham khảo với các mục chữa Nhãn khoa khác.

PHỤ PHƯƠNG

Đổng thị nghiệm phương

Người cống hiến: Đổng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	Xuyên Hoàng liên
Đương qui	Sinh Hoàng kỳ
Xích thược	Thanh nam diệp
Xuyên khung	Sinh Cam thảo

Cách dùng: Sắc lấy nước uống mỗi ngày một thang; ngoài ra có thể lấy Dã cúc hoa, Địa phu tử nấu nước sắc để rửa bộ phận sinh dục.

75. SA (SỤP) MI

Mi trên mắt rũ xuống khó mở gọi là Sa mi, ảnh hưởng đến việc ngắm nhìn, bệnh nhẹ thì chỉ rủ tới nửa con mắt, bệnh nặng có thể khép kín, rủ xuống không tự động mở được; chứng "Da mi mắt nặng" cũng thuộc loại này.

Da mi mắt sa xuống, cơ bắp toàn thân yếu ớt, chân tay liệt mềm, cơ nhai kém, thậm chí cơ bắp teo lại, chân tay không ấm, sắc mặt nhợt, mạch Trầm Nhược, đó là dương hư khí hãm, cho uống ***Mao thị nghiêm trọng cơ vô lực phương (1)*** để ôn bổ Tỳ Thận, thăng phát dương khí.

Đột ngột bị sụp mi và bị ngứa như sâu bò, đau đầu trướng mắt, lưỡi đỏ, mạch Phù, sợ phong hàn, rêu lưỡi nhớt là do phong đàm phạm vào đường Lạc, cho uống ***Tiêu thị tiếu mục phương (2)*** để khư phong thông Lạc trừ đàm.

Chứng này tham khảo thêm các chứng "Tứ chi mềm yếu" và "Bại liệt".

PHỤ PHƯƠNG

1. Mao thị nghiêm trọng cơ vô lực phương

Người cống hiến: Mao Hữu Phong, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Tân y dược tỉnh Cam Túc

Hoàng kỳ	120 gam	Đảng sâm	60 gam
Thục địa	30 "	Đương qui	15 "

Bạch thược	15 gam	Bạch truật	15 gam
Phục linh	15 "	Xuyên khung	6 "
Trần bì	6 "	Thăng ma	6 "
Cam thảo	6 "	Sài hồ	9 "
Quế chi	9 "	Chế Phụ tử	9 "
Ba kích thiên	12 "		

Cách dùng: Ngâm vào nước nóng 1 giờ, sắc 2 nước, chia hai lần uống sáng và tối. Uống liên tục 10 thang.

Gia giảm: Chi dưới mềm yếu nặng, gia Ngưu tất, Đỗ trọng 12 gam.

2. Tiêu thị tiếu mục phương.

Người cống hiến: Tiêu Nhuận Hoa, Phó giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Khương hoạt	15 gam	Bạch Phụ tử	10 gam
Phòng phong	15 "	Tần giao	15 "
Nam tinh	15 "	Bán hạ	10 "
Mộc qua	15 "	Xích thược	15 "
Cam thảo	10 "	Bạch Cương tàm	10 "

76. CHỨNG GIẢM THỊ LỰC

Chứng giảm thị lực bao gồm cả hai loại Viễn thị và Cận thị.

Cận thị mà toàn thân không cảm thấy khó chịu rõ rệt, hoặc kiêm chứng sắc mặt trắng nhợt, hồi hộp, tinh thần mỏi mệt, lưỡi nhạt mạch Nhược là do Tâm khí bất túc, cho uống ***Viễn thị cận thị phương (1)*** để bổ Tâm yên thần, ích khí sáng mắt.

Thị lực giảm sút, trông gần thì rõ, trông xa thì lờ mờ, hoặc có kiêm chứng đầu choáng váng, đau lưng, tai ù hay quên, tinh thần mỏi mệt, kiểm tra thuộc tính giả cận thị, phần nhiều do tinh huyết bất túc nghiêng về thể Thận hư vinh huyết bất túc, có thể dùng ***Tả thị dưỡng vinh cận thị thang (2)***. Nếu nghiêng về tinh suy kém mà huyết khí bất túc, cho uống ***Nhiệm thị tăng thị hoàn (3)*** để điều bổ Thận tinh, ích khí sinh huyết.

Nếu kiêm chứng đầu choáng váng không nhìn được lâu là do huyết hư tinh khuy, hư dương nổi lên, có thể dùng ***Lý thị gia truyền hoàn tinh hoàn (4)*** để bổ Thận tinh, ích khí huyết, tiềm dương khí, thông các khiếu.

Thị lực giảm sút, trông xa thì rõ hoặc trông gần thì rõ, kiêm chứng tai ù mỏi lưng là do tinh huyết của Can Thận không dâng lên mắt, có thể dùng ***Khuất quang bất chính phương (5)***.

Nếu thị lực trông xa được mà trông gần kém hoặc bị kéo màng, hoặc kiêm chứng tinh lực không đầy đủ, tai ù đầu choáng,

cho uống *Trương thị nhị đông nhị địa thang (6)* để tư bổ Can Thận.

PHỤ PHƯƠNG

1. Viên thị cận thị phương

Người cống hiến: Viên Thái Ván, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện huyện Đào Nguyên tỉnh Hồ Nam

Đẳng sâm	15 gam	Phục linh	15 gam
Chử thực tử	10 "	Ngũ vị tử	10 "
Xung uất tử	10 "	Thạch xương bồ	6 "
Viễn trí	15 "	Cường tàm	3 "
Thỏ ty tử	15 "	Câu kỷ	10 "

2. Tả thị dưỡng vinh cận thị thang.

Người cống hiến: Tả Bá Khánh, Phó nghiên cứu viên Trung y học viện Liêu Ninh

Nhân sâm	3 gam	Mạch môn đông	3 gam
Thục Địa hoàng	3 "	Xương bồ	1,5 "
Thảo quyết minh	3 "	Cam thảo	1,5 "
Câu kỷ tử	4 "	Thạch hộc	2,5 "
Lộc giác giao	4 "	Phục thần	2,4 "

3. Nhiệm thị tăng thị hoàn.

Người cống hiến: Nhiệm Lỗ Bình Tốn, Nhiệm Hoằng Nghị Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Lưu Bắc tỉnh Sơn Đông

Thục địa	20 gam	Chế Thủ ô	30 gam
Bạch thược	30 "	Đương qui	15 "

Hoàng kỳ	15 gam	Đảng sâm	20 gam
Kê nội kim	10 "	Tiêu tam tiên	15 "
Chỉ sác	10 "	Cát cánh	10 "
Thạch xương bồ	10 "	Câu kỷ tử	30 "
Nữ trinh tử	15 "	Xa tiền tử	15 "
Thiên môn	10 "	Nhục dung	15 "
Thỏ ty	12 "	Ngũ vị tử	15 "
Hoàng bá	5 "		

Cách dùng: Phun nước làm viên, Hoạt thạch làm áo, mỗi lần uống từ 6 - 10 gam, ngày hai lần. Bệnh nặng có thể gia giảm làm thuốc sắc uống.

4. Lý thị gia truyền hoàn tình hoàn.

Người cống hiến: Lý Nhan Sư, Lão Trung y nổi tiếng Y Học viện Quý Dương

Từ thạch	30 gam	Nga quản thạch	30 gam
Chu sa	5 "	Ngâm tinh thạch	30 "
Thạch quyết minh	24 "	Câu kỷ tử	18 "
Cúc hoa	18 "	Thục địa	30 "
Thiên môn	10 "	Sơn thù	18 "
Sơn dược	18 "	Mẫu đơn bì	15 "
Bạch linh	15 "	Trạch tả	12 "
Viễn trí (trích)	18 "	Xương bồ	15 "
Nhân sâm	15 "	Hoàng kỳ	24 "
Đương qui	15 "	Dạ minh sa	30 "
Thạch tương tử	18 "	Vân đài tử	30 "

Cách dùng: Đơn trên, đổi dạng thuốc hoàn thành thuốc sắc cho uống.

5. Khuất quang bất chính phương.

Người cống hiến: Trần Đạt Phu, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Chử thực tử	25 gam	Xung uất tử	18 gam
Câu kỷ tử	15 "	Mộc qua	15 "
Tam thất phấn	3 "	Thanh bì	15 "
Ngũ vị tử	6 "	Tử hà sa phấn	10 "
Hàn thuỷ thạch	10 "		

Gia giảm: Nếu âm hư có nhiệt, bỏ Tử hà sa phấn, Hàn thuỷ thạch, gia Thân cân thảo, Tùng tiết. Nói chung, 3 tháng là một đợt điều trị.

6. Trương thị nhị đông nhị địa thang.

Người cống hiến: Trương Hoài An, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Hồ Nam

Thục địa	20 gam	Sinh địa	20 gam
Thiên môn	10 "	Mạch môn	10 "
Bạch tật lê	10 "	Thạch hộc	10 "
Phòng phong	10 "	Bạch cúc hoa	10 "

77. MẮT TRÔNG NGƯỢC

Con ngươi mắt ngước lên trên, hình thành trắng nhiều đen ít là mắt trông ngược, cũng gọi là "Đồng tử cao", "Đái nhãn", thường gặp trong những chứng bệnh hiểm nghèo "Bệnh Kính", "Kinh phong", nhất là trẻ em thường hay bị.

Trẻ em con ngươi mắt trông ngược, trong họng có tiếng đờm khò khè thậm chí tay chân co giật hoặc khi ngủ mắt không nhắm kín, nghiến răng, đêm ngủ không yên, phiền táo dễ cáu giận, đó là Can phong nội động, thần minh mất nhạy bén, cho uống ***Trần thị bình Can trấn kinh thang*** để bình Can dẹp phong, trấn kính an thần.

PHỤ PHƯƠNG

Trần thị bình Can trấn kính thang

Người cống hiến: Trần Thi Cao, Y sư phó chủ nhiệm
Nhân dân Y viện Thái Bình huyện Đông Hoàn tỉnh Quảng Đông

Thạch quyết minh	30 gam	Long sỉ	12 gam
Bạch thược	12 "	Trích Cam thảo	3 "
Thiên ma	6 "	Thuyền hoa	9 "
Cương tàm	9 "	Phục thần	9 "
Bá tử nhân	6 "	Câu đằng	4,5 "
Tượng nha ty	6 "		

78. TAI ĐIẾC

Tai điếc thường từ tai ù phát triển thêm một bước. Mắc bệnh quá lâu mà tai điếc thuộc Hư chứng. Đột nhiên tai điếc thuộc Thực chứng. Nếu là dùng thuốc quá lâu, nhiễm độc thuốc tích luỹ dẫn đến tai điếc, cho uống ***Thăng thanh dương phương (1)*** để thăng cử thanh dương.

Tai điếc tai ù, đầu choáng mắt hoa, tính tình nóng nảy, mạch Huyền Tế, cho uống ***Thông nhĩ thang (2)*** để điều Can hoà vệ, ích Thận thông khiếu.

Tai điếc tai ù quá lâu, thính lực quá thấp, hoặc do nhiễm độc thuốc, dùng nhiều chất hoá học quá độ dẫn đến tai điếc, kiêm các chứng lưng đùi đau mỏi, hay quên yếu sức, đoản hơi biếng nói, chất lưỡi tía tối, hoặc người cao tuổi thính lực quá kém, thuộc Thận khí suy nhược, huyết kém lưu thông khiến tai không nhạy, có thể dùng ***Dư thị nhĩ lung phương số I (3)*** để ích khí hoạt huyết, bổ Thận ích tinh.

Tai ù tai điếc, tai trướng hoặc bế xuất hiện đột ngột, thậm chí điếc hẳn, kiêm các chứng miệng đắng họng khô, ngực sườn đầy tức, Tâm phiền mất ngủ, mạch Huyền Sác, chất lưỡi đỏ là Can kinh uất nhiệt vít lấp lỗ tai, nên thanh nhiệt tả Can Đởm nhiệt, lý khí khai khiếu chống điếc, cho uống ***Bàng thị trị minh tình lung thang (4).***

1. Thăng thanh dương phương

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Thăng ma	Sài hồ
Cát can	Lô lộ thông
Xương bồ	Mã đâu linh

2. Thông nhĩ thang

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Bạch thược	9 gam	Sao Đương qui	9 gam
Mẫu đơn bì	9 "	Đan sâm	9 "
Bạch tật lê	9 "	Câu kỷ	9 "
Trích Viễn trí	4,5 - 6 "	Thạch xương bồ	3 - 4,5 "
Nhĩ lung tả từ hoàn	12 "		

Gia giảm: Trong tai có cảm giác trướng gia Uất kim, Can uất khí trệ dẫn đến tai vít lấp không nghe được, nên theo phép sơ tiết làm chủ yếu, nói chung không nên dùng thuốc trọng trấn và thuốc an thần, thấy chứng trạng Can nhiệt, có thể dùng mầm cây Dâu để thanh nhiệt. Do kinh sợ dẫn đến điếc đột ngột, có thể gia Long cốt, Mẫu lệ.

Chú ý: Trong Nhĩ lung tả từ hoàn có vị Từ thạch, dùng lâu ảnh hưởng đến Vị. Nói chung nên bọc lại mới đun. Loại thuốc này không nên dùng cho tai điếc do chấn thương. Xương bồ tính

ráo, liều dùng không nên quá nhiều. Uống thuốc nên lưu ý đến công năng của Tỳ Vị.

3. Dư thị nhĩ lung phương số I

Người cống hiến: Dư Dưỡng Cư, Y sư phó chủ nhiệm Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Đảng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Đan sâm	12 "	Xuyên khung	9 "
Cốt toái bổ	12 "	Tiên linh tỳ	12 "
Ngũ vị tử	9 "	Linh Từ thạch	30 "
Hoàng tinh	12 "	Thủ ô	12 "

4. Bàng thị trị minh tình lung thang.

Người cống hiến: Bàng Xuân Minh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Liêu Dương

Mộc hương	15 gam	Xuyên khung	20 gam
Lục thông	20 "	Hương phụ	20 "
Táo nhân	20 "	Chỉ xác	30 "
Thiền thuế	12 "	Cúc hoa	20 "
Trạch tả	20 "	Hợp hoan	20 "
Long đởm thảo	15 "	Sài hồ	20 "
Thanh xương hồ	20 "	Dạ giao đằng	20 "

Cách dùng: Bỏ thuốc vào nồi gang đổ nước vào cho ngập thuốc, ngâm lâu 30 phút, đem nấu chừng 20 phút. Mỗi thang nấu hai nước, chia uống hai lần sáng và tối. Kiêng ăn thức cay, cua cá tanh và dùng quá nhiều dầu mỡ.

79. TAI Ù

Tai ù là chỉ chứng trạng tự trong tai có tiếng ù, có chia ra Hư và Thực.

Tai ù đồng thời đắng miệng, mất ngủ, rêu lưỡi vàng nhớt là có đàm hoả nghẽn trở ở trong, lỗ tai không thính, dùng ***Thanh đởm khư đàm phương (1)*** để thanh Đởm hoá đàm thông khiếu.

Tai ù phát tiếng nhỏ khẽ, lúc ù lúc không, mệt nhọc thì tăng, kiêm chứng đoản hơi, khó thở, thính lực hạn chế, cho uống ***Thăng thanh lưu khí ẩm (2)*** để điều lý khí cơ, thăng thanh khai khiếu.

Chân âm bất túc, tai không được nuôi dưỡng nên ù, kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, đầu váng mắt hoa, mỏi mệt, bệnh tình kéo dài, dùng ***Tư âm giáng nghịch phương (3)*** để tư âm trấn nghịch.

Tai ù có thêm chứng phát tiếng lách cách, lúc nặng lúc nhẹ, hoặc tai có tiếng như ve kêu kiêm chứng mắt khô rít, choáng váng, móng tay chân khô là do âm huyết của Can bất túc, cho uống ***Cát thị chỉ minh thang (4)*** làm phương cơ bản thêm vị thuốc thích ứng mà điều trị.

Tai ù, đầu trướng choáng váng, bệnh trình kéo dài, mỏi mệt đau lưng, chất lưỡi tía tối, có thể uống ***Lưu thị ích não cường thân ẩm (5)***.

Tai ù hoặc điếc lâu ngày không khỏi, kiêm chứng sợ lạnh, tay chân lạnh, lưng đùi yếu mỏi, tiểu tiện trong nhiều, hoặc són đái dương nuy, đó là Thận dương hư yếu, có thể dùng ***Vương thị thông nhĩ hoàn (6)*** để bổ Thận phù dương và thông khiếu tai.

Tai ù nói chung đa số là Hư chứng, thường gặp trong quá trình các loại bệnh hư tổn biến chứng, có thể tham khảo ở các chứng "Đầu thống", "Đầu vậng", "Yêu thống" .v.v.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thanh Đởm khư đàm phương

Người cống hiến: Chu Chấp Trung, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hồ Nam

Tang diệp	10 gam	Chi tử	10 gam
Cúc hoa	10 "	Mẫu đơn bì	6 "
Liên kiều	6 "	Xuyên tiêm	6 "
Qua lâu bì	15 "		

2. Thăng thanh lưu khí ẩm.

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Thăng ma	3 gam	Sài hồ	3 gam
Mộc hương	3 "	Xuyên khung	3 "
Xương bồ	3 "	Thanh bì	6 "
Ô dược	6 "	Mạn kinh	5 "
Hoàng kỳ	10 "	Đại phúc bì	10 "
Tô diệp	10 "		

Gia giảm: Hư yếu hoặc người cao tuổi, tăng liều lượng Hoàng kỳ. Người bị cao huyết áp nên cẩn thận khi dùng Thăng ma, Mạn kinh. Bệnh nặng mỗi ngày có thể uống 2 thang. Sau khi uống thuốc, các chứng trạng đã khỏi hết, có thể uống thêm Tứ quân tử hoàn hoặc Bổ trung ích khí hoàn để duy trì hiệu quả trong 1 tuần.

3. Tư âm giáng nghịch phương.

Người cống hiến: Chu Chấp Trung, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hồ Nam

Thục Địa hoàng	10 gam	Thiên môn đông	10 gam
Mạch môn đông	10 "	Từ thạch	10 "
Quy bản	10 "	Bạch thược	10 "
Sơn thù	6 "	Ngũ vị tử	3 "
Ngưu tất	5 "	Thu thạch	3 "

4. Cát thị chỉ minh thanh

Người cống hiến: Cát Anh Hoa, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Bạch thược	10 gam	Trích Cam thảo	5 gam

5. Lưu thị ích não cường thân ẩm.

Người cống hiến: Lưu Can Hoà, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện huyện Lâm Ấp tỉnh Sơn Đông

Đảng sâm	15 - 30 gam	Hoàng kỳ	30 - 120 gam
Trư linh	15 "	Phục linh	15 "
Xuyên khung	15 "	Cát căn	15 "
Sơn thù	15 "	Trạch tả	10 "

Đan sâm	24 gam	Đương qui	12 gam
Tiên linh tỳ	12 "	Câu kỷ	18 "
Cam thảo	6 "		

6. Vương thị thông nhĩ hoàn

Người cống hiến: Vương Nghị, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Trường Trị tỉnh Sơn Tây

Lộc nhung	30 gam	Ba kích thiên	10 gam
Từ thạch	30 "	Nhục thung dung	15 "
Nhục quế	10 "	Ngũ vị tử	20 "
Mẫu lệ	15 "	Tiểu Hồi hương	15 "

Cách dùng: Tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày uống hai lần sáng và tối mỗi lần 1 viên chiêu với rượu hâm nóng, uống lúc đói. Nên uống lâu dài mới hiệu quả.

80. ĐAU TAI

Đau tai là chỉ trong ống tai đau, có khi sưng đỏ tích mủ, đắng miệng, Tâm phiền v.v. Đây là do Can Đởm hoả nhiệt, cho uống ***Thanh Can tả Đởm thang*** để thanh tả Can Đởm hoả nhiệt.

Chứng này nên tham khảo chứng "Trong tai chảy mủ".

PHỤ PHƯƠNG

Thanh Can tả Đởm thang

Người cống hiến: Lâm Tiêu Chí, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Sài hồ	Hoàng cầm
Bán hạ	Cam thảo
Sinh khương	Long đởm thảo
Sơn chi tử	Hạ khô thảo
Đại thanh diệp	

Gia giảm: Nếu độc nặng nhiệt thịnh, xương chũm sưng mủ, gia Kim ngân hoa, Liễu kiều, Tử hoa địa đinh, Dã cúc hoa, Bồ công anh.

81. TRONG TAI CHẢY MỦ

Trong tai chảy mủ là chỉ trong tai chảy ra chất mủ sắc trắng hoặc sắc xanh hoặc vàng, chất loãng hoặc dính.

Phát sinh trong tai chảy mủ đột ngột, sưng trướng và đau, lượng mủ chảy ra nhiều, kiêm chứng đắng miệng, họng khô, mắt hoa, tiểu tiện vàng sẻn, cho uống ***Sài hồ thấm thấp phương (1)*** để sơ giải uất nhiệt ở Thiếu dương kiêm thấm thấp.

Cục bộ có thể dùng ***Đàm thị bội liên trích nhĩ dịch (2)*** để thanh nhiệt giải độc, táo thấp liễm sương.

Kiêm chứng đắng miệng, Tâm phiền nóng nảy, mủ chảy ra khó khăn, cho uống ***Trương thị nùng nhĩ phương (3)*** để thanh Can tả hoả, tán phong trừ thấp, thác lý bài nùng, cục bộ có thể nhỏ ***Nhĩ viêm linh (4)*** hoặc dùng ***Can thị nùng nhĩ phương (5)*** để bôi ướt nơi đau.

Chứng này hay tái phát nhiều lần, dằng dai lâu ngày, mủ khó chảy ra, sắc mủ hoặc trắng, hoặc vàng, hoặc đen tía, lúc nhẹ lúc nặng, kiêm chứng đầu trướng tai ù, tai điếc... có thể dùng ***Thái thị hội dương tán (6)*** cho uống để thanh nhiệt liễm thấp, thông hoà huyết mạch, bên ngoài thì dùng ***Hứa thị nhĩ cam tán (7)*** để giải trừ mụn.

Tai chảy mủ trong loãng lâu ngày không khỏi lại dễ cảm mạo tắc mũi chảy nước mũi, thì dùng ***Lý phế hoá trọc thông***

khiếu thang (8) để thanh lý Phế khí, hoá trọc thông khiếu. Cục bộ có thể dùng ***Đàm thị lục băng tán (9)*** để giải độc tiêu sưng, trừ đau thông khiếu.

Tai chảy mủ kéo dài, chất mủ dính đặc, thêm chứng tai điếc, tai ù, sườn trướng ngực khó chịu, rêu lưỡi nhớt nhiều đờm, chất lưỡi tía tối, đó là đàm ứ lấp khiếu, khí cơ không thông, có thể dùng ***Đàm thị thông nhĩ khiếu phương (10)*** để trừ đàm khư ứ, hành khí thông khiếu.

Trong tai chảy mủ lâu ngày, lúc chảy lúc khô, sắc mủ trong loãng vô vị, thêm chứng đầu choáng tai ù, miệng khô Tâm phiền, lưng đùi yếu mỏi, sắc mặt đỏ bừng, hoặc là có lúc tai rỉ ra mủ vàng dính, đó là Thận âm bất túc, hư hoả ở trong bốc lên kiêm cả nhiệt độc chưa sạch, có thể dùng ***Gia vị Tri bá địa hoàng thang (11)*** để tư âm bổ Thận, thoái nhiệt giải độc, thấm thấp lợi khiếu.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sài hồ thấm thấp phương.

Người cống hiến: Lâm Tiên Chí, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Bán hạ
Cam thảo
Phục linh
Mộc thông
Bạch truật
Nhân sâm
Sinh khương
Xa tiền nhân
Trạch tả

2. Đàm thị bội liên trích nhĩ dịch

Người cống hiến: Đàm Kính Thư, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Ngũ bội tử	10 gam	Hoàng liên	5 gam
Băng phiến	3 "	Bạch tửu	40 "

Cách dùng: Ngũ bội tử rửa sạch sấy khô đập vụn, Hoàng liên thái nhỏ. Cả 3 vị đều ngậm vào rượu 2 - 3 tuần là được, khi dùng lấy nước ôxy già rửa sạch tai rồi nhỏ vài ba giọt thuốc. Ngày 3 lần.

3. Trương thị nùng nhĩ phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Hương phụ	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Bạch thược	10 "	Cam thảo	10 "
Địa cốt bì	10 "	Đương qui	10 "
Hoàng kỳ	15 "	Sài hồ	10 "
Bạch chỉ	10 "	Long đởm thảo	4,5 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, 2 ngày 1 thang, chia 4 lần uống, 7 thang làm một đợt điều trị.

4. Nhĩ viêm linh

Người cống hiến: Thái Phúc Dưỡng, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đại hoàng	20 gam	Hoàng liên	20 gam
Hoàng bá	20 "	Khổ sâm	20 "
Hương du	500 ml	Băng phiến	6 "

Dịch thể thạch thố 1000 ml

Cách dùng: Trước hết đem 5 vị thuốc ngâm vào Hương du 24 giờ, sau đem nấu cạn thuốc biến thành màu sạm, lọc bã, lại thêm Thanh lạp và Băng phiến vào, trộn đều và lọc kỹ, đựng vào dạng nhỏ như lọ thuốc đau mắt để dùng dần; Dùng bông ngoáy sạch mủ trong tai rồi nhỏ vào tai một vài giọt thuốc nước, ngày nhỏ 1 lần.

5. Can thị nùng nhĩ phương

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Huyền minh phấn

Cách dùng: Huyền minh phấn hoà tan trong nước đắp vào nơi đau.

6. Thái thị hội dương tán.

Người cống hiến: Thái Phúc Dưỡng, Giáo sư
Trung y học viện Hà Nam

Huyết kiệt	15 gam	Lô cam thạch nung	250 gam
Nhi trà	15 "	Ô tặc cốt (bỏ vỏ cứng)	100 "
Ngũ bội tử	20 "	Băng phiến	2 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, đóng gói 6 gam. Khi dùng bên ngoài, lấy chút ít thuốc bột này thổi vào nơi đau, ngày vài ba lần. Hoặc dùng một gói Hội dương tán, sinh mật 100 gam, trộn đều đắp vào nơi đau (dùng cho các chứng bệnh loét mủ khác) ngày vài ba lần.

Khi dùng để uống trong, lấy một bao thuốc hoà vào nước sôi mà uống, hoặc dùng Hội dương tán một bao, trộn vào một quả trứng gà, thêm chút dầu, rán chín cho ăn ngày vài lần.

Hoặc thuốc đựng trong dạng viên nang ngày cho nuốt ba lần.

7. Hứa thị nhĩ cam tán.

Người cống hiến: Hứa Lý Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Nam Kinh

Tàm kiển (đá cắn ngài) 10 cái Băng phiến 0,15 gam

Cách dùng: Tàm kiển cắt vụn cho vào chảo rang tồn tính, trộn với Băng phiến cùng tán bột mịn, đựng lọ đậy kín. Trước khi dùng lấy tăm quấn bông nhúng vào nước Hoàng bá 20 % hoặc nước ôxy già 3% rửa sạch ống tai rồi sau thổi chút ít bột thuốc vào tai, ngày thổi vài lần.

8. Lý Phế hoá trọc thông khiếu thang.

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Thám Quyến

Hoàng cầm	10 gam	Thương nhĩ tử	10 gam
Tử tô	10 "	Bạch chỉ	10 "
Tân di	10, "	Sinh Cam thảo	10 "
Lô căn	15 "	Kim ngân hoa	15 "
Thạch xương bồ	6 "		

9. Đàm thị Lục băng tán.

Người cống hiến: Đàm Kính Thu, Giáo sư
Trung y học viện Hồ Nam

Bột cloroxit (khử đường) 20 gam Băng phiến 2 gam

Cách dùng: Hai thứ trộn đều, nghiền bột đựng vào bình có vòi phun. Khi dùng, trước tiên rửa sạch tay bằng nước ôxy già, sau đó phun vào một lượt thuốc mỏng, ngày hai lần, 5 lần là một đợt điều trị, thực hiện theo chỉ dẫn của thày thuốc.

10. Đàm thị thông nhĩ khiếu phương.

Người cống hiến: Đàm Kính Thu, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Sài hồ	10 gam	Hương phụ	10 gam
Xuyên khung	10 "	Thạch xương bồ	10 "
Đương qui	15 "	Hồng hoa	5 "
Trạch lan	10 "	Pháp Bán hạ	10 "
Phục linh	10 "		

Cách dùng: Sắc nước uống ngày một thang, liên tục hơn một tháng, đồng thời hướng dẫn bệnh nhân phép sát mũi, gõ trống huyệt Phong trì, sáng và tối đều luyện tập, vài tháng thì khỏi.

Gia giảm: Phế khí hư, phối hợp với Ngọc bình phong tán. Kiêm Tỳ khí hư gia Đảng sâm, Bạch truật. Kiêm Thận hư gia Thục địa, Câu kỷ. Kiêm Thận dương hư gia Phụ tử, Nhục quế.

11. Gia vị tri bá địa hoàng thang.

Người cống hiến: Thái Phúc Dưỡng, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Thục địa hoàng	Hoài sơn
Mẫu đơn bì	Phục linh
Sơn thù	Tri mẫu
Hoàng bá	Kim ngân hoa
Bồ công anh	Khổ sâm
Trạch tả	

PHẦN V

CHỨNG TRẠNG Ở MŨI

Mũi chủ về hô hấp, là khiếu của Phế. Chứng bệnh ở mũi thường có liên quan với ngoại cảm. Mục này giới thiệu ba loại hình: Tắc mũi, Mũi xuất huyết, Đỏ mũi .v.v.

82. TẮC MŨI

Tắc mũi là chỉ mũi bị trở ngại khí không thông, hô hấp vướng mắc. Bệnh cảm mạo cũng thường gặp chứng tắc mũi, mục này chú trọng giới thiệu những bệnh ở xoang mũi làm chủ yếu.

Tắc mũi do Phong hàn làm nghẽn tắc Phế khí, phần nhiều kiêm chứng phát sốt sợ lạnh, nặng tiếng hắt hơi, mũi chảy nước trong v. v. cho uống ***Viên thị Tỵ uyên phương (1)*** để tân ôn thông khiếu, tán hàn giải biểu.

Nếu biểu hàn nhẹ, rêu lưỡi trắng nhớt, có thể dùng ***Tân tiền cam cát thang (2)*** để tán biểu thông khiếu, tuyên Phế lợi thấp, bên ngoài thì dùng ***Tỵ uyên tán (3)*** thổi vào mũi để khai khiếu, hoặc dùng ***Tỵ viêm linh (4)*** nhỏ vào mũi cho thông khiếu.

Chứng trạng nói trên nếu tái phát nhiều lần, lỗ mũi sưng trướng và ngứa, hắt hơi, chảy nước trong, dễ bị cảm mạo là thuộc phế khí hư yếu, phong vít tắc có kiêm thấp tà uất bế, có thể dùng ***Ngọc bình thương nhĩ thang (5)*** để ích khí liễm Phế, tân tán phong hàn, tiêu sưng giảm đau, thông lợi thấp tà.

Tắc mũi, mũi chảy nước vàng đục, phát sốt, khát nước, sợ gió, mạch Phù Sác, đó là phong nhiệt uất Phế, cho uống ***Tiết nhiệt tuyên Phế thang (6)*** để thanh khí tiết nhiệt, tuyên Phế thông khiếu.

Kiêm chứng trong mũi sưng trướng và đau, có thể dùng ***Thanh khí túc Tỵ thang (7)*** để tán phong thông lạc, hoạt huyết thanh nhiệt.

Kiêm chứng đắng miệng, Tâm phiền, mũi chảy nước vàng dính đặc, có thể dùng ***Quần phương tiễn (8)*** để tuyên Phế thông khiếu, thanh nhiệt giải độc kiêm lợi thấp.

Tắc mũi, chảy nước vàng mà dễ cảm mạo thì dùng ***Can thị khổ hàn phương (9)*** để thanh thấp nhiệt ở Can Đởm và thông khiếu, giải độc kiêm lợi thấp.

Tắc mũi chảy nước vàng mà bên trong có mủ đục thì cho uống ***Thăng ma giải độc thang (10)*** để làm sạch nhiệt độc ở Dương minh, tiêu mủ và lợi khiếu, tiêu sưng.

Những chứng trạng tắc mũi do phong nhiệt nói trên, đều có thể phối hợp dùng ***Ban Miêu thiếp tễ (11)*** để dán có tác dụng sơ phong tán nhiệt, thông lợi khiếu mũi.

Tắc mũi, chảy ra nước đục dính và hôi, đầu căng trướng, đắng miệng, ngực khó chịu, bụng bĩ đầy, mất ngủ kém ăn, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt nung nấp ở trong Can Đởm Tỳ Vị, chứng nhẹ thì dùng ***Hoắc hương hoàn (12)*** để thanh nhiệt hoá thấp. Nặng thì dùng ***Quyên tỷ thông khiếu phương (13)*** để thanh nhiệt giải độc táo thấp lý Tỳ, quyên tỷ thông lạc.

Tắc mũi lâu ngày không khỏi làm tổn hại chất dính ở phần âm, có tính chất kéo dài lúc nặng lúc nhẹ, khứu giác giảm dần, mũi khô mà ngứa, họng khô, mạch Tế... là thuộc táo nhiệt thương âm, cho uống ***Can thị dưỡng âm nhuận Phế thanh táo phương (14)*** để dưỡng âm thanh táo nhuận Phế.

Kiêm chứng Tâm phiền, nóng nảy dễ cáu giận, đầu choáng váng là do Can Thận âm hư, hư nhiệt xông lên, có thể dùng ***Dục âm sinh tân tiết nhiệt phương (15)*** để nhu Can thanh nhiệt, tư Thận sinh tân.

Nếu kiêm chứng mỏi lưng, sốt nhẹ, Tâm phiền, khát nước, đầu choáng váng, triều nhiệt mồ hôi trộm là do Can Thận âm khuy, hư hoả đốt ở trong, thì dùng ***Tư bổ Thận âm thang (16)*** để tư âm ích Thận, thanh giải bỏ hư nhiệt.

Tắc mũi tái phát nhiều lần gốc mũi phù nề, khứu giác giảm sút thậm chí không ngửi được gì, nước đặc vít lấp, chất lưỡi tía tối, đó là huyết ứ làm ngăn trở khiếu mũi, có thể dùng ***Gia giảm thông khiếu hoạt huyết thang(17)*** để hoạt huyết thông trệ, tán kết thông khiếu.

Nếu tắc mũi kéo dài, thậm chí sống mũi sưng trướng có khối sưng ở cạnh cổ dẫn đến đau đầu kém ăn, mạch Trầm Sáp. Gốc lưỡi có rêu trắng nhớt, phần nhiều thuộc đờm trọc ngưng tụ hoá độc gây nên, có thể dùng ***Chu thị Tỵ yết nham lâm ba chuyển di phương (18)*** mà điều trị.

PHỤ PHƯƠNG

1. Viên thị Tỵ uyên phương

Người cống hiến: Viên Gia Phàm, Giáo sư Trung y học viện Quý Dương

Cát căn	9 gam	Quế chi	6 gam
Ma hoàng	1,2 "	Xích thược	9 "
Sinh Cam thảo	4,5 "	Sinh ý dĩ	15 "

Cát cánh	9 gam	Sinh khương	3 nhát
Đại táo	4 quả		

Gia giảm: Bài thuốc này căn cứ vào triệu chứng mà sử dụng, cũng có thể bỏ Ma hoàng, Quế chi, gia Hoắc hương, Bạc hà, Tân di, Xương nhĩ.

2. Tân tiên cam cát thang

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tân di hoa	6 gam	Phòng phong	6 gam
Tiền hồ	9 "	Thiên hoa phấn	9 "
Ý dĩ	12 "	Cát cánh	4,5 "
Sinh Cam thảo	3 "		

Gia giảm: khí hư rõ rệt, gia Hoàng kỳ, Bạch truật. Tắc mũi nặng gia Tế tân, Hoắc hương. Sổ mũi ra nước trong loãng gia Hạnh nhân, Bối mẫu. Sổ mũi ra chất vàng dính gia Qua lâu bì, Đông qua tử. Niêm mạc thuỷ thũng nặng gia Phục linh, Trạch tả. Niêm mạc sưng đỏ gia Xích thược, Mẫu đơn bì. Kiêm chứng đau đầu, đau vùng cổ có thể gia Cảo bản, Bạch chỉ. Vùng Thái dương đau nên gia Bạch thược, Bạch tật lê. Đỉnh đầu hoặc vùng Chẩm đau có thể gia Mạn kinh tử. Quầng mắt đau gia Quyết minh tử, Thanh tương tử.

3. Tỵ uyên tán.

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tân di	30 gam	Bạc hà diệp	6 gam

Hoạt thạch	9 gam	Phong hoá nguyệt thạch	9 gam
Đại mai phiến	0,9 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, thổi vào mũi, ngày vài, ba lần.

4. Tỵ viêm linh.

Người cống hiến: Thái Phúc Dưỡng, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Thương nhĩ tử	60 gam	Bạch chỉ	60 gam
Tân di	60 "	Băng phiến	6 "
Bạc hà sương	5 "	Chi ma du	500 ml
Dịch thể thạch lạp	1000 ml		

Cách dùng: Bỏ dầu Vừng, Thương nhĩ tử, Bạch chỉ, Tân di vào chảo nấu trong 24 giờ, chừng nào Thương nhĩ, Bạch chỉ, Tân di biến thành sắc đen thì vớt ra, lại bỏ Băng phiến, Bạc hà xương và Dịch thể thạch lạp vào quấy đều, đợi khi nguội thì lọc lại lần nữa, đựng vào lọ thuốc nhỏ mũi. Khi dùng lấy thuốc này nhỏ vào mũi, mỗi lần 1 - 2 giọt, ngày nhỏ một vài lần.

5. Ngọc bình thương nhĩ thang.

Người cống hiến: Vương Đức Giám, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Bắc kỳ	Bạch truật
Phòng phong	Thương nhĩ tử
Tân di hoa	Bạch chỉ
Cúc hoa	Mộc thông
Ngũ vị tử	Tang phiêu tiêu

Gia giảm: Tắc mũi khá nặng, vách mũi phù nề, niêm mạc bị xung huyết là thiên về nhiệt tà thịnh, nên gia Bồ công anh, Tử hoa địa đinh. Nếu tắc mũi khá nặng, vách mũi phù nề, niêm mạc sưng trướng sắc nhạt, là hàn tà ngưng tụ, nên gia Xuyên khung, Quế chi. Nếu nhiều nước mũi là thấp tà thịnh, nên gia Hoắc hương, Mộc thông. Nước mũi nhiều vàng dính là thấp nhiệt thịnh, nên gia Đông qua nhân, Xa tiền thảo.

Nếu mũi thuộc loại pôlíp mọc thịt thừa nên gia Tạo giác thích. Nếu hắt hơi từng cơn, chảy nước trong, nên gia Tế tân, Sinh Ý dĩ. Có chứng đau đầu thì gia Cảo bản, Mạn kinh tử. Nếu kiêm âm hư thì gia Miết giáp, Bá tử nhân. Cơ và niêm mạc khoang mũi khô quắt, nhiều vẩy mũi thì gia Thủ ô, Xuyên khung, Xích thược.

6. Tiết nhiệt tuyên Phế thang.

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Thâm Xuyên

Tang diệp	10 gam	Cúc hoa	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Sinh Chi tử	10 "
Thương nhĩ tử	10 "	Bạch chỉ	10 "
Kim ngân hoa	10 "	Mạn kinh tử	12 "
Lô căn	12 "		

7. Thanh khí túc Tỵ thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tỵ qua đằng (gần gốc)	15 gam	Hoàng cầm	12 gam
Kim liên hoa	10 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Nếu tắc mũi luân chuyển, gia Thạch xương bồ, Lộ lộ thông đều 6 gam. Chảy nước mũi khá nhiều, gia Cát cánh 10 gam, Bạch chỉ 10 gam. Kiêm chứng đau đầu, gia Xuyên khung 10 gam, Mạn kinh tử 10 gam. Nếu có tính phù nề, gia Bối mẫu 10 gam, Bạch liễm 10 gam, lá Phù dung 10 gam. Nếu niêm mạc sắc đỏ, gia Tử thảo, Mẫu đơn bì đều 10 gam. Thời tiết mùa Đông hoặc gặp lạnh thì bệnh tăng, lưỡi và mạch cũng có hiện tượng hàn rõ, gia Lộc giác tiêu 3 - 6 gam hoặc linh hoạt dùng thêm Tân di.

8. Quần phương tiễn.

Người cống hiến: Vương Kiến Phù, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số III thành phố Trùng Khánh

Kim ngân hoa	12 gam	Hạ khô thảo hoa	20 gam
Cúc hoa	15 "	Tân di hoa	12 "
Ngọc tán hoa	6 "	Hoàng cầm	12 "
Khổ sâm	15 "	Thương nhĩ tử	12 "
Bạch tật lê	12 "		

Thuốc phụ dẫn: Mỗi tháng một loài hoa. Tháng giêng âm lịch dùng Nghinh xuân hoa 9 gam. Tháng hai, gia Bạch ngọc lan hoa 9 gam. Tháng ba, gia Bạch đào hoa 9 gam. Tháng tư, gia Bạch thược dược hoa 9 gam. Tháng năm gia Thạch lựu hoa 9 gam. Tháng sáu gia Bạch phượng tiên hoa 9 gam. Tháng bảy gia Bạch hà hoa 9 gam. Tháng tám gia Ngân quế hoa 9 gam. Tháng chín gia Bạch cúc hoa 9 gam. Tháng mười gia Kê quan hoa 9 gam. Tháng mười một gia Bạch phù dung hoa 9 gam. Tháng mười hai gia Tố tân lạp mai hoa 9 gam (hoặc Lục ngạc mai hoa cũng được).

9. Can thị khổ hàn phương.

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Long đởm thảo	Hạ khô thảo
Sơn chi	Hoàng cầm
Thượng nhĩ tử	Bạch chỉ
Ngư tinh thảo	Lô căn

10. Thăng ma giải độc thang

Người cống hiến: Đàm Kính Thư, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Thăng ma	6 gam	Cát căn	15 gam
Xích thược	12 "	Hoàng cầm	12 "
Ngư tinh thảo	12 "	Bồ công anh	20 "
Cát cánh	10 "	Bạch chỉ	10 "
Thượng nhĩ tử	10 "	Sinh Cam thảo	6 "

Gia giảm: Mình nóng mạch Sác, lưỡi đỏ kiêm chứng ngực khó chịu, gia Sinh Thạch cao. Miệng đắng, họng khô, tai ù tai điếc gia Hoắc hương, Long đởm thảo. Mình nặng đầu choáng váng, bụng đầy kém ăn, gia Hoắc hương, Bộ lan, Ý dĩ nhân. Vách mũi phù nề nặng, gia Mộc thông, Xa tiền tử, Ý dĩ. Tắc mũi khó thở gia Tân di hoa, Đương qui vĩ, Hạnh nhân. Trong nước mũi có lẫn máu gia Xuyến thảo căn, Mẫu đơn bì, Bạch mao căn, Tiểu kế. Nước mũi vàng lượng nhiều, gia Kim ngân hoa, Hổ trượng. Nước mũi trắng trong lượng nhiều gia Ý dĩ, Phục linh, Trạch tả. Đau đầu nặng gia Bạch tật lê, Bạch thược, Chế Thảo ô. Thể trạng yếu gia Sinh Hoàng kỳ, Đương qui. Táo bón gia Đại hoàng tẩm rượu.

11. Ban miêu thiếp tễ

Người cống hiến: Phó Tông Hàn, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Nam Kinh

Ban miêu 1 con

Cách dùng: Đem Ban miêu, nghiền bột, lấy chút ít đặt vào giữa hai đầu lông mày nơi huyệt Khuyết đỉnh, dán băng dính ra ngoài, tối dán sáng bỏ ra, nơi đắp thuốc có mọng nước nhỏ, mọng nước vỡ thì sát trùng cục bộ. Có thể rửa bằng thuốc tím.

Chú ý: (1) Thuốc bột dùng lúc nào chế lúc ấy. (2) Không được để bột thuốc dính vào mắt, quá trình nổi mọng nước nói chung trong vòng từ 2 - 4 giờ, có cảm giác đau cố chịu đựng, trừ trường hợp đau không chịu nổi hãy bóc bỏ.

12. Hoắc hương hoàn.

Người cống hiến: Viên Gia Củng, Giáo sư
Trung y học viện Quý Dương

Quảng Hoắc hương

Cách dùng: Tán bột, trộn với mật lợn làm hoàn to bằng hạt ngô. Mỗi lần uống 15 gam, lấy 9 gam Thương nhĩ tử nấu nước đặc chiêu với thuốc, uống thuốc sau bữa cơm, ngày 2 lần.

13. Quyên tý thông khiếu phương.

Người cống hiến: Thái Phúc Dưỡng, Giáo sư
Trung y học viện Hà Nam

Thương nhĩ tử	Xích Phục linh
Bạch chỉ	Xương bồ
Tân di	Cam thảo

Hoàng cầm	Hoàng liên
Ý dĩ	Thông thảo
Hoắc hương	Ty qua đằng

14. Can thị dưỡng âm nhuận Phế thanh táo phương.

Người cống hiến: Cao Tổ Vọng, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Tang diệp	10 gam	Sinh Thạch cao	30 gam
Hạnh nhân	10 "	Tỳ bà diệp	10 "
Sa sâm	10 "	Mạch môn đông	10 "
Ngọc trúc	10 "	Thạch hộc	10 "
Lô căn	30 "	Thị sương	3 "

15. Dục âm sinh tân tiết nhiệt phương.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Lục ngạc mai	6 gam	Cúc hoa	9 gam
Can Địa hoàng	12 "	Tang diệp	9 "
Thiên môn đông	9 "		

Cách dùng: Mỗi ngày sắc uống 1 thang. Bảy ngày là một đợt điều trị.

16. Tư bổ Thận âm thang.

Người cống hiến: Can Tế Vọng, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Địa hoàng	Thục Địa hoàng
Huyền sâm	Tang thầm tử
Sơn thù nhục	Chế Thủ ô

Hắc Chi ma	Nữ trinh tử
Bách hợp	Tri mẫu
Hoàng bá	Quy bản
Lộc giác giao	Trư tích tuỷ

17. Gia giảm Thông khiếu hoạt huyết thang.

Người cống hiến: Hoa Lương Tài, Giáo sư Trung y học viện Cam Túc

Xích thược	Xuyên khung
Đào nhân	Hồng hoa
Lão thông (hành già)	Sinh khương
Hồng tảo	Sơn từ cô
Thiên trúc hoàng	Sung uý tử

Chú ý: Có thể phối hợp thuỷ châm vào cạnh mũi mỗi tuần 1 lần, 3 lần là 1 đợt điều trị, liên tục hai, ba đợt là đạt kết quả.

18. Chu thị Tỵ yết nhám lâm ba chuyển di phương.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Hạ khô thảo	40 gam	Cúc hoa	30 gam
Bạch hoa sà thiệt thảo	50 "	Hải tảo	30 "
Cam thảo	10 "	Kê nội kim	15 "
Uất kim	10 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Sơn đậu căn	10 "	Bồ công anh	30 "
Triết Bối mẫu	10 "	Đan sâm	20 "

Cách dùng: Sắc đặc; uống tuỳ ý. Đồng thời uống thêm thuốc thành phẩm như: Tê hoàng hoàn uống 1 gam vào buổi tối

và Tiểu kim đan uống 2 gam vào buổi sáng. Cục bộ có thể dùng Đằng băng tán (cục bộ chỉ khối sưng ở cạnh cổ).

Phụ: ***Đằng băng tán:*** Đằng hoàng 20 gam, Băng phiến 3 gam Tán bột, mỗi lần dùng 1 gam đắp lên bề mặt khối sưng, mỗi ngày thay thuốc một lần, nếu dị ứng da thì bỏ đi, lại lấy chút ít bột Băng phiến mà đắp lên để giải trừ dị ứng.

83. MŨI XUẤT HUYẾT

Lỗ mũi xuất huyết, cũng gọi là Tỵ nục, có thể gặp ở nhiều loại tật bệnh.

Do Phế Vị tích nhiệt thì lượng huyết ra đằng mũi khá nhiều, sắc đỏ tươi, có thêm các chứng mũi khô ráo và đau, miệng khát Tâm phiền, cho uống ***Can thị thanh tả Phế Vị phương (1)*** để thanh Phế tiết Vị, lương huyết chỉ huyết.

Hoả nhiệt thành độc, có kiêm chứng đại tiện bí kết, mặt mắt đỏ có thể dùng ***Nhiếp thị Tam hoàng thang (2)*** uống thay nước chè nhiều lần, để tả hoả giải độc, thông phủ tiết nhiệt.

Bị dụ phát do tình chí kích thích gây nên đổ máu mũi, sắc huyết đỏ, Tâm phiền dễ giận, váng đầu mắt đỏ, miệng đắng họng khô, cho uống ***Chu thị chỉ nục phương (3)*** để bình Can tiềm dương chỉ huyết.

Chứng nhiệt mũi xuất huyết thường do xuất huyết lượng nhiều làm hao thương âm huyết, có chứng khát nước, sốt nhẹ, mạch Tế Sác, hoặc mũi xuất huyết tái phát nhiều lần là do âm hư huyết nhiệt, chứng nhẹ thì dùng ***Chu thị thanh hoả nhị diệu tán (4)*** để lương huyết thanh nhiệt dưỡng âm.

Chứng nặng thì dùng ***Lão tiết địa hoàng thang (5)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết. Nếu bệnh ngả về Phế

nhiệt thương âm, thì có thể dùng ***Lý thị chỉ nục tiễn (6)*** để thanh Phế dưỡng âm, lương huyết chỉ huyết.

Mũi xuất huyết tái phát nhiều lần, kiêm chứng sốt nhẹ dằng dai, lưng gối đau mỏi, cho uống ***Thanh nhiệt chỉ nục thang (7)*** để dưỡng âm lương huyết, tư Thận thanh nhiệt. Nếu kiêm chứng mỏi mệt, sốt nhẹ, khát nước thì dùng ***Trương thị chỉ huyết phương (8)*** để ích khí dưỡng huyết, lương huyết chỉ huyết.

Nếu khí huyết đều hư và không có hiện tượng nhiệt, xuất huyết sắc nhạt, tái phát nhiều lần lâu ngày không khỏi, có kiêm chứng thần mỏi mệt yếu sức, hụt hơi biếng nói, kém ăn, đại tiện lỏng, hồi hộp mất ngủ, có thể dùng ***Chỉ nục Quy tỳ thang (9)*** để kiện Tỳ ích khí, dưỡng huyết chỉ huyết. Hồi hộp mất ngủ nhiều, cho uống ***Bổ ích Tâm tỳ phương (10)*** để bổ khí kiện Tỳ, dưỡng huyết an thần, chỉ huyết.

Chứng khí huyết đều hư có kèm chứng trạng mặt nhợt, tiểu tiện trong, chân tay không ấm, hoặc sau khi ốm xuất hiện chứng mũi xuất huyết, có thể dùng ***Trương thị Thận thập nhất phương (11)*** để ôn Thận bổ Tỳ, ích khí dưỡng huyết.

Vùng mũi sau khi thủ thuật (nạo xoang) bị xuất huyết hoặc do các nguyên nhân nào khác dẫn đến xuất huyết, có thể dùng ***Hà thị tiêu tức tán (12)*** phun vào mũi để thu liễm chỉ huyết.

Mục này nên tham khảo những chứng trạng có liên quan tới vùng mũi.

PHỤ PHƯƠNG

1. Can thị thanh tả Phế Vị phương

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Thạch cao	70 gam	Tri mẫu	10 gam
Liên kiều	10 "	Đương qui	10 "
Mẫu đơn bì thán	10 "	Hoàng cầm thán	10 "
Trắc bá diệp	10 "	Tiên hạc thảo	10 "
Ngẫu tiết thán	10 "	Sinh Cam thảo	3 "
Sinh Đại hoàng	5 "	Lô căn	30 "

2. Nhiếp thị Tam hoàng thang

Người cống hiến: Nhiếp Huệ Dân, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng cầm	10 gam	Hoàng liên	3 gam
Đại hoàng	3 "		

Cách dùng: Các vị trên đun sôi lọc lấy nước, uống nhiều lần thay nước chè.

3. Chu thị chỉ nục phương

Người cống hiến: Chu Tông Vân, Phó giáo sư
Y học viện số 2 Thượng Hải

Linh dương giác phấn	Sinh Thạch quyết minh
Chân châu mẫu	Câu đằng
Bạch tật lê	

Gia giảm: Có kiêm nhiệt chứng gia Hạ khô thảo, Cúc hoa, Hoàng cầm. Khi bệnh nhân xuất huyết ồ ạt, linh hoạt gia Hạn liên thảo, Hoè mễ, Xuyến thảo, Sơn trà hoa, Điềm Hạnh nhân.

4. Chu thị thanh hoả nhị diệu tán.

Người cống hiến: Chu Chí Thuần, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thị trấn Hoàng Thạch, tỉnh Hồ Bắc

Sinh Địa hoàng 35 gam Mạch môn đông 20 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, chia 3 lần uống mỗi ngày, cách 4 giờ uống 1 lần.

5. Lão tiết Địa hoàng thang

Người cống hiến: Trịnh Kiều, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thị trấn Triệu Đông, tỉnh Hắc Long Giang

Lão Ngẫu tiết Sinh Địa hoàng
Mạch môn đông Huyền sâm
Cam thảo

Gia giảm: Thuộc bệnh Ôn nhiệt kéo dài, âm khuy nhiệt tà thịnh, có thể gia Bạch thược, Mẫu đan bì, Sao Hoàng cầm, Hắc chi tử. Ốm lâu âm khuy, cô dương hun đốt, gia Long cốt, Mẫu lệ, Đại tiểu kế.

6. Lý thị chỉ nục tiễn.

Người cống hiến: Lý Khổng Định, Y sư chủ nhiệm
Trung y Học hiệu thị trấn Cẩm Dương, tỉnh Tứ Xuyên

Bạch mao căn 100 gam Hạn liên thảo 100 gam
Thịt lợn tươi 200 "

Cách dùng: Nấu với 1200 ml nước, cạn còn 600 ml, ăn thịt và uống nước, chia làm 2 lần ăn hết (không thêm đường, nước). Mỗi ngày hoặc cách ngày một lần, liên tục dùng 5 - 6 lần.

7. Thanh nhiệt chỉ nục thang.

Người cống hiến: Trương Thứ Công tiên sinh, nhà Trung y nổi tiếng

Ngân Sài hồ	5 gam	Trích Miết giáp	24 gam
A giao châu	9 "	Thanh cao	9 "
Bạch thược	9 "	Đại Sinh địa	15 "
Trắc bá thán	9 "	Nữ trinh tử	9 "
Hạn liên thảo	9 "	Tiên hạc thảo	12 "
Bạch mao căn	30 "		

8. Trương thị chỉ huyết phương.

Người cống hiến: Trương Tử Lâm, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sinh Địa hoàng	24 gam	Sinh Bạch thược	10 gam
Sao Chi tử	10 "	Bạch mao căn	30 "
Tiên hạc thảo	15 "	Ngẫu tiết	15 "
Mẫu đan bì	10 "	Hắc Bá diệp	10 "
Bạch đường sâm	5 "	Ngưu tất	10 "
A giao	10 "		

9. Chỉ nục Quy Tỳ thang

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hoàng kỳ	Đảng sâm
Bạch truật	Thục địa

Đương qui	Sơn dược
Trần tông than	Huyết dư thán
Cam thảo	Đại táo

10. Bổ ích Tâm Tỳ phương

Người cống hiến: Lý Tư Xí, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Đại Hồng sâm	6 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Bạch truật	9 "	Sinh địa thán	12 "
Đương qui	9 "	Phục thần	9 "
Kinh giới thán	6 "	Bạch thược	12 "
Viễn trí nhục	6 "	A giao	9 "
Long nhãn nhục	9 "	Quảng mộc hương	6 "
Hắc khương	6 "	Đại táo	3 "
Cam thảo	3 "		

11. Trương thị Thận thập nhất phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện tỉnh Hắc Long Giang

Thỏ ty tử	20 gam	Thung dung	20 gam
Ba kích	20 "	Bạch truật	20 "
Phục linh	15 "	Hồng sâm	15 "
Hoàng kỳ	30 "	Đương qui	20 "
Viễn trí	15 "	Táo nhân	15 "
Cam thảo	10 "	Trần bì	15 "
Bán hạ	15 "		

12. Hà thị tiêu tức tán

Người cống hiến: Hà Tông Đức, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Khô phàn
Qua đế phấn
Hùng hoàng
Ngũ bội tử
Băng phiến

Cách dùng: Tán bột, phun vào mũi.

84. NGỨA MŨI

Chứng này chỉ lỗ mũi khô ráo gây ngứa, thậm chí đau và ngứa.

Gặp gió lạnh thì bị ngứa, sợ phong hàn, hắt hơi, chảy nước mũi, mạnh Phù, cho uống ***Chúc thị quá mẫn phương (1)*** để sơ phong tán hàn, chống ngứa và dị ứng.

Nếu mũi khô ráo và ngứa, gặp nóng thì bị ngứa, chảy nước mũi dính, khoang mũi đỏ, thở ra hơi nóng là thuộc huyết nhiệt phong thịnh, thì dùng ***Thanh nhiệt thoát mẫn thang (2)*** để tán phong trừ nhiệt, lương huyết chống ngứa.

Chứng này nên tham khảo phép chữa chứng "Tắc mũi".

PHỤ PHƯƠNG

1. Chúc thị quá mẫn phương

Người cống hiến: Chúc Trầm Dư, Nghiên cứu viên
Y viện Hiệp Hoà thuộc Học viện y học khoa học Bắc Kinh - Trung Quốc

Phòng phong	Ngân Sài hồ
Ô mai	Ngũ vị tử
Bạch chỉ	Xương bồ
Tân di	Cúc hoa

Tế tân	Sinh Địa hoàng
Thượng nhĩ tử	Cát căn

2. Thanh nhiệt thoát mẫn thang

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Tử thảo	10 gam	Xuyến thảo	10 gam
Hạn liên thảo	10 "	Từ trường khanh	10 "
Thuyền thuế	3 "		

85. MŨI ĐỎ

Mũi đỏ là chỉ đầu mũi và hai bên cánh mũi đỏ hắt, thậm chí đỏ tía, tục gọi là "Tửu tra tỷ". Bệnh này nên điều trị cả trong và ngoài.

Chu vi vùng mũi có ban đỏ, sắc tươi, nổi nốt, hơi ngứa là thuộc Phế Vị nhiệt tích có thể dùng ***Chu thị tửu tra tỷ ẩm (1)*** để thanh tả uất nhiệt ở Phế vị, kiêm mát huyết tiêu sưng, bên ngoài thì xát ***Tửu tra tỷ xát tễ (2)*** để giải độc trừ ngứa.

Ngứa nhiều hoặc chu vi vùng mũi mọc mụn trứng cá, bên trong cho uống ***Trương thị tọa xương phương (3)*** để thanh nhiệt lương huyết, giải độc khư phong, bên ngoài thì xát ***Lý thị hồng hương cao (4)*** để thanh nhiệt trừ ngứa; hoặc dùng ***Trị tửu tra tỷ phương (5)*** luân phiên xát vào vùng mũi. Chứng trên nếu kiêm đại tiện thường khô, tiểu tiện vàng, cục bộ sưng trướng tía đen là do nhiệt úng trệ huyết ứ, nên thanh nhiệt giải độc, mát huyết hoạt huyết, tả hoả thông phủ, thuốc xát bên ngoài có thể dùng ***Khứ ban cao (6)*** bên trong uống ***Cố thị tửu tra tỷ phương (7)***. Nếu ngứa nhiều, có thể dùng ***Nhị bạch tán (8)*** xát vào mũi để trừ thấp hoá ứ, tán phong trừ ngứa.

1. Chu thị tửu tra tỵ ẩm

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Mẫu đan bì	9 gam
Xích thược	9 "	Hoàng cầm	9 "
Tri mẫu	9 "	Sinh Thạch cao	30 "
Trung bạch bì	9 "	Tỳ bà diệp	9 "
Sinh Cam thảo	6 "		

2. Tửu tra tỵ xát tễ

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Khinh phấn	6 gam	Hạnh nhân	12 gam
Lưu hoàng	12 "		

Cách dùng: Tán bột Khinh phấn, cùng nghiền với Hạnh nhân, cuối cùng mới bỏ Lưu hoàng vào tán bột trộn đều, rửa tay sạch chấm thuốc bột xát vào mũi.

3. Trương thị toạ sương phương

Người cống hiến: Trương Mạn Hoa, Phó giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Hoàng cầm	10 gam	Hạ khô thảo	15 gam
Chỉ xác	10 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Đương qui	6 "	Xích thược	10 - 15 "
Chi tử	10 - 15 "	Bố tra diệp	10 - 15 "

Kim ngân hoa	10 - 15 gam	Liên kiều	10 - 15 gam
Tang bạch bì	10 - 15 "	Phòng phong	10 - 15 "

4. Lý thị Hồng hương cao

Người cống hiến: Dư Vĩnh Mẫn, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Đông Phố thành phố Thượng Hải và Lý Thường Xuân, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Thiểm Tây

Hồng phấn	5 gam	Băng phiến	4,3 gam
Bạc hà não	3,7 "	Hương chi	100 ml

Cách dùng: Đem Hồng phấn chia 2 phần bằng nhau, chia Băng phiến và Bạc hà nghiền thật mịn để riêng; đem Hồng phấn và Băng phiến nghiền nhỏ cho vào Hương chi trộn đều rồi bỏ bột Hồng phấn, Bạc hà não trộn đều là được. Khi dùng rửa sạch vùng mũi, bôi mỏng một lượt cao, ngày bôi 3 lần.

5. Trị tửu tra tỵ phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Đại phong tử	30 gam	Hoả ma nhân	30 gam
Mộc miết tử	22 "	Hạnh Đào nhân	30 "
Thuỷ ngân	30 "	Chương não	22 "

Cách dùng: Đem 3 vị trên tán bột mịn, trộn Chương não vào cho đều, lại thêm Hạnh Đào nhân vào giã chung cho dẻo như bùn, cuối cùng mới hoà Thuỷ ngân vào từ từ là được, khi nghiền có thể chế thêm chút ít nước nóng. Mỗi ngày xát thuốc hai lần sáng và tối, mỗi lần chỉ dùng tý thuốc bằng hạt đậu nhỏ bọc vào trong lụa mà xát ra ngoài ở vùng mũi, khi xát không được mạnh tay, trái lại hiệu quả sẽ ngược lại.

6. Khứ ban cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Mật đà tăng	20 gam	Hạnh nhân	10 gam
Khinh phấn	5 "		

Cách dùng: Nghiền bột dẻo như bùn, trộn thêm dầu thơm mà bôi. Khi dùng thuốc cấm dùng dầu mỡ cay nóng béo ngọt nồng hậu, nhất là tuyệt đối không uống rượu.

7. Cố thị tửu tra tỵ phương

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	15 gam	Huyền sâm	12 gam
Xuyên Thạch hộc	12 "	Sinh Thạch cao	30 "
Hàn thuỷ thạch	12 "	Bạch hoa sà thiệt thảo	30 "
Tang bạch bì	12 "	Hoàng cầm	9 "
Sinh Sơn tra	15 "	Hổ trượng	15 "
Sinh Cam thảo	3 "	Chế Đại hoàng	9 "

Cách dùng: Ngày 1 thang, hai tuần làm 1 đợt điều trị. Có thể dùng liên tục 3 - 4 đợt. Kiêng cay nóng, dầu mỡ, đồ ngọt. Ăn nhiều rau quả, giữ cho đại tiện luôn thông lợi.

8. Nhị bạch tán

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Bạch thạch chi	30 gam	Bạch liễm	30 gam
Hạnh nhân	30 "		

Cách dùng: Trộn với lòng trắng trứng gà bôi bên ngoài.

86. MŨI MỌC THỊT THỪA (Políp mũi)

Chứng này trong mũi mọc một cục thịt dài ra dáng như hạt lựu, to dần, sắc tía, hơi rắn làm nghẽn lấp lỗ mũi, thậm chí ảnh hưởng tới thở hút, có thể dùng ***Tỵ khuẩn tán (1)*** thổi vào mũi để tiêu nhọt tán kết.

Mũi sinh thịt thừa sắc màu tro nhạt, thêm chứng sợ lạnh ưa ấm, thể trạng mỏi mệt yếu ớt, cho uống ***Từ thị ôn Phế tán kết thang (2)*** để ôn Phế ích khí hoá ứ tán kết.

Thịt thừa chữa lâu ngày không khỏi, cục thịt thừa rắn chắc sưng trướng hoặc loét chảy nước dính và có mùi rất hôi, kèm theo chứng đau đầu sốt nhẹ, gầy còm, chất lưỡi đỏ rêu lưỡi vàng, đó là nhiệt độc uất kết, khí huyết kết tụ, có thể dùng ***Lâm thị nga thiệt dĩ nhân canh (3)*** để tiêu rắn tán kết, thanh nhiệt giải độc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tỵ khuẩn tán

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Can toại bột	3 gam	Điểm qua đế	3 gam
Bằng sa	1,5 "	Thần sa	1,5 "
Băng phiến	0,6 "		

2. Ôn Phế tán kết thang

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Thâm Xuyên

Sinh Hoàng kỳ	12 gam	Phục linh	10 gam
Tế tân	3 "	Đinh hương	6 "
Xương truật	12 "	Tam lăng	10 "
Hồng hoa	10 "	Sinh Mẫu lệ	15 "
Côn bố	12 "	Tân di	10 "

3. Lâm thị nga thiệt dĩ nhân canh

Người cống hiến: Lâm Càn Lương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Nga truật (đập vỡ)	30 gam	Ý dĩ nhân	20 gam
Bạch hoa sà thiệt thảo	20 "		

Cách dùng: Hai vị thuốc trên bọc trong lụa cùng nấu với Ý dĩ, bỏ bọc thuốc, ăn Ý dĩ và uống hết nước.

PHẦN VI

CHỨNG TRẠNG Ở RĂNG VÀ LƯỠI

Chứng trạng ở Răng và Lưỡi bao gồm các chứng trạng ở bên trong khoang miệng, môi miệng và lưỡi, tự cảm thấy ở trong miệng và các chứng trạng khác ở bộ phận lưỡi như trong miệng mọc mụn, đắng miệng, hôi miệng, khát nước, lưỡi mọc mụn, sưng lưỡi v.v.

87. TRONG MIỆNG LỞ NÁT

Chứng này chỉ một chỗ hoặc nhiều chỗ trong khoang miệng lở nát, sắc trắng hình như rêu tươi, mọc ở trẻ em gọi là Nga khẩu sương. Trên lưỡi trong miệng lở nát, mọc mụn, chu vi sưng đỏ, đau nhức, Tâm phiền, tiểu tiện vàng, bên trong cho uống ***Kỳ thị kinh nghiệm phương (1)*** để thanh Tâm giáng hỏa, bên ngoài đắp ***Nga khẩu tán (2).***

Bệnh tái phát nhiều lần, nơi phá lở sưng đỏ và đau, lâu ngày không liền miệng, kèm theo sốt nhẹ, gò má đỏ, Tâm phiền họng khô, lưỡi đỏ ít rêu là âm hư hoả vượng, dùng ***Ngoan cố tính khẩu mi phương (3)*** để tư âm giáng hoả kiêm thanh hoá thấp nhiệt hoặc dùng ***Kỳ thị hư hoả phương (4)*** để tư âm giáng hoả, thanh nhiệt giải độc. Nơi đau có thể đắp ***Sinh cơ tán (5)*** để thu liễm giảm đau.

Vì tiểu nhi thực tích hoá nhiệt đến nỗi trong miệng và trên lưỡi loét nát và đau, dùng ***Triệu thị nga khẩu sương (6)*** để thanh Vị hoả, hoá thấp nhiệt bên ngoài thì đắp ***Thanh đại khư hủ tán (7).***

Chứng này về nguyên nhân bệnh và vị trí bệnh gần giống chứng "Khẩu sương", có thể tham khảo điều trị.

1. Kỳ thị kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Bắc Kinh

Bản lam căn	7,5 gam	Bạc hà	2,1 gam
Sinh Chi tử	3 "	Hoàng bá	4,5 "

(Ngoài ra dùng riêng Ngũ phúc hoá độc tán 1,2 gam, chia làm 2 lần hoà vào nước uống).

Gia giảm: Đại tiện không thông, đại trường kết nhiệt, gia Đại hoàng để thông hạ tả nhiệt. Nếu có chứng dạ đề, phiền táo, đầu lưỡi đỏ, tiểu tiện sẻn đỏ, gia Mộc thông, Sinh Địa hoàng. Bên ngoài dùng Nga khẩu tán, Băng bằng tán, Bạch thanh vị tán hoặc Tính loại tán bôi vào chỗ loét nát trong miệng, để sức thuốc thấu đạt từ trong ra ngoài từ ngoài vào trong, thu hiệu quả càng nhanh.

2. Nga khẩu tán

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Bắc Kinh

Băng phiến	1,5 gam	Hoàng liên	9 gam
Thanh đại	6 "	Bằng sa	3 "
Hàn thuỷ thạch	9 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn. Nếu là Nhũ nga có thể phun thuốc bột vào họng; Nếu là Nga khẩu sương, hoặc loét miệng thì mỗi ngày đắp thuốc một, hai lần. Chốc mép quanh miệng loét nát thì có thể dùng Nga khẩu tán trộn với dầu thơm hoặc dầu thực vật mà bôi.

3. Ngoan cố tịnh khẩu mi phương.

Người cống hiến: Thịnh Tuấn Khanh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Hàng Châu

Sinh Địa hoàng	12 gam	Thạch hộc tươi	12 gam
Thục Địa hoàng	12 "	Phục sinh	12 "
Thiên môn	10 "	Mạch môn	10 "
Nhân trần	10 "	Tỳ bà diệp (nướng)	10 "
Huyền sâm	10 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Bệnh mới phát, gia Tiêu Sơn tra, Liên kiều, Kim ngân hoa đều 10 gam. Kém ăn, gia Sinh Cốc nha, Thục Cốc nha đều 10 gam.

4. Kỳ thị hư hoả phương.

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Bắc Kinh

Bản lam căn	6 gam	Hoàng bá	4,5 gam
Miết giáp	9 "	Bạch thược	6 "
Huyền sâm	6 "	Thạch hộc	6 "
Hoàng liên	3 "		

Gia giảm: Nếu miệng loét thuộc hư chứng kiêm Tỳ Vị hư hàn, có thể gia Can Khương làm tá, gia Sinh địa hoàng 9 gam, Trúc diệp, Cam thảo sảo mỗi vị đều 4,5 gam; Mộc thông 3 gam, Can khương 1,5 gam.

5. Sinh cơ tán.

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Tượng bì	30 gam	Nha tạo	3 gam

Tùng hoa phấn	15 gam	Nhũ hương	12 gam
Tùng hương	12 "	Băng phiến	3 "

Cách dùng: Tán bột mịn, đắp vào nơi đau, ngày đắp 1 lần.

6. Triệu thị nga khẩu sương phương.

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Cam thảo	3 gam	Hoàng cầm	5 gam
Kim ngân hoa	6 "	Trần bì	5 "
Tiêu Mạch nha	6 "	Tiêu quân	2,4 "
Thiên hoa phấn	6 "		

7. Thanh đại khư hủ tán

Người cống hiến: Hoàng Tân Nông, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Vô Tích, tỉnh Giang Tô

Hùng hoàng	2 gam	Bằng sa	0,3 gam
Nhân trung bạch	2 "	Khô phàn	0,5 "
Hoàng bá	0,5 "	Bồ hoàng	0,5 "
Thanh đại	2 "	Bạc hà	0,5 "
Đại mai phiến	3 "	Cam thảo	0,5 "

Cách dùng: Các vị tán bột, khi trộn thuốc để tán, trước tiên tán Hùng hoàng lẫn với Nhân trung bạch, tiếp theo tán Bằng sa với Khô phàn, sau mới tán đến Hoàng bá, Bồ hoàng, Thanh đại, Bạc hà, Cam thảo... trộn đều, cuối cùng mới nghiền bột Đại mai phiến. Khi sử dụng phun thuốc bột vào nơi đau trong khoang miệng, cách 2, 3 giờ phun một lần.

88. LỞ MIỆNG

Lở miệng là chỉ chứng miệng, má, quanh môi phát sinh những nốt mọng nước sắc trắng loét nát. Chứng này thường xuất hiện lẫn lộn với chứng trong miệng loét nát. Nguyên nhân bệnh tương tự, lâm sàng có thể tham khảo chung.

Nơi lở miệng đỏ tươi và đau, thêm chứng Tâm phiền mất ngủ tiểu tiện vàng sẻn là âm hư hoả vượng, Tâm kinh quá nhiệt, cho uống ***Trần thị tả Tâm thang (1)***.

Nếu nơi đau sưng đỏ hoặc tía tối là âm hư hoả độc ứ trệ ở trên, có thể dùng ***Gia vị Tứ vật thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc, tả hoả dưỡng âm, mát huyết tan sưng.

Bên trong miệng loét nát lan tới chân răng, môi, má sưng đỏ nóng rát có kiêm chứng khát nước, Tâm phiền, cồn cào hay đói là thuộc Vị hoả bốc lên, âm phần đã tổn thương, cho uống ***Gia giảm Ngọc nữ tiễn (3)*** để thanh tả Vị hoả, mát huyết giữ âm. Cục bộ có thể dùng chút ít ***Khẩu sang phương (4)*** sát vào nơi đau.

Nếu lở miệng tái phát nhiều lần thêm chứng họng khô miệng ráo, khát ưa uống nước lạnh, chóng mặt hoa mắt, Tâm phiền nóng nảy, mỏi lưng đại tiện khô là thuộc Thận âm bất túc, hư hoả đốt ở trong, có thể dùng ***Dưỡng âm thanh nhiệt thang (5)*** tư Thận âm cho đầy đủ âm dịch, giáng hư hoả để thoái nhiệt, cục bộ có thể dùng ***Phó diên tán (6)*** để bôi.

Chỗ loét ở khoang miệng tái phát nhiều lần, thêm chứng miệng đắng miệng nhớt, tiểu tiện vàng, kém ăn, đại tiện khó đi là do thấp nhiệt nung nấu. Nếu thấp thiên thịnh, cho uống ***Hồ liên thang (7)*** để biến hoá thấp trọc. Nhiệt độc thiên thịnh thì dùng ***Phức phương Liên truật thang (8)*** để thanh hoá thấp nhiệt tả hoả bảo vệ bên trong. Thấp độc đều nặng cả thì dùng ***Lý thị thiệt lạn thang (9)*** để khư phong thanh nhiệt, hoá thấp giải độc.

Dùng loại thuốc hoá học để chữa bệnh phát sinh miệng lưỡi phá lở, miệng khô họng đau, thở gấp tim đập nhanh, chóng mặt yếu sức làm khí âm đều tổn thương, có thể dùng ***Ích khí dưỡng âm hoàn (10)*** để ích khí dưỡng âm, sinh tân chỉ khát.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trần thị tả Tâm thang

Người cống hiến: Trần Trạch Lâm, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	30 gam	Mộc thông	3 gam
Sinh Cam thảo	6 "	Xuyên Hoàng liên	3 "
Hoàng bá	9 "	Tri mẫu	9 "
Nữ trinh tử	15 "	Hạn liên thảo	15 "
Quy bản	9 "	Sinh Cốc nha	15 "
Thục Cốc nha	15 "		

Gia giảm: Mất ngủ gia Bá tử nhân 9 gam, Táo nhân 9 gam, Da giao đằng 30 gam. Tiểu tiện vàng đỏ gia Xa tiền tử 15 gam, Phục linh 12 gam. Tiện bí gia Xuyên Đại hoàng 9 gam. Lưng sợ lạnh gia Nhục quế 1 gam, Phụ phiến 1,5 gam.

2. Gia vị Tứ vật thang

Người cống hiến: Kim Chấn Đường, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Thái Nguyên

Sinh Địa hoàng	12 gam	Sinh Chi tử	12 gam
Xích thược	20 "	Bạch thược	20 "
Xuyên khung	9 "	Hoàng cầm	9 "
Hoàng liên	6 "	Hoàng bá	12 "
Cốc nha	10 "	Mạch nha	10 "
Thần khúc	10 "	Đan sâm	15 "

3. Gia giảm Ngọc nữ tiễn

Người cống hiến: Trần Trạch Sâm, Giáo sư
Đại học Y khoa Thượng Hải

Sinh Thạch cao	30 gam	Tri mẫu	9 gam
Sinh Cam thảo	6 "	Sinh Địa hoàng	30 "
Huyền sâm	15 "	Mạch môn đông	9 "
Lô căn	30 "	Thiên hoa phấn	30 "
Thạch lộc	15 "	Liên kiều	15 "

4. Khẩu sang phương

Người cống hiến: Trương Châu Ngọc, Giáo sư
Trung y học viện Sơn Đông

Lô cam thạch (nung)	2 gam	Khô phàn	0,5 gam
Nhân trung bạch (nung)	1 "	Băng phiến	0,3 "
Thanh đại	2 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, lấy chút ít xát vào nơi đau, ngày xát 1 lần. Thuốc bảo quản trong lọ đậy kín, không để gần nơi ẩm thấp.

5. Dưỡng âm thanh nhiệt thang

Người cống hiến: Từ Trị Hồng, Giáo sư
Y học viện khoa Khoang miệng trường Đại học Y khoa Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Thục Địa hoàng	15 gam
Bạch thược	12 "	Thiên môn đông	10 "
Mạch môn đông	10 "	Hoàng cầm	12 "
Mẫu đơn bì	12 "	Huyền sâm	12 "
Chi tử	10 "	Cát cánh	12 "
Sơn dược	12 "	Địa cốt bì	12 "
Nữ trinh tử	12 "	Sinh Cam thảo	10 "

6. Phó diên tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Quân y Giải phóng quân

Xuyên liên phấn	10 gam	Thanh đại	3 gam
Bằng sa	10 "	Khô phàn	5 "
Băng phiến	5 "		

Cách dùng: Tán bột, đựng trong lọ đựng kín. Trước hết ngậm một hớp nước trà hoặc nước muối nhạt, sau đó mới bôi thuốc vào nơi đau, ngày vài ba lần, hoặc sau khi ăn cơm, súc miệng xong bôi thuốc.

Gia giảm: Phát sinh lở miệng lâu không khỏi, đau hoặc hôi miệng khá nặng, gia Hoàng bá 10 gam, Kha tử 10 gam, Bằng sa 10 gam, sắc hai vị trên trước để cho lắng cặn rồi mới bỏ bằng sa vào hoà tan, dùng thuốc này súc miệng sau khi bôi thuốc.

7. Hồ liên thang.

Người cống hiến: Hứa Công Nhan, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Hồ Hoàng liên	12 gam	Đương qui	10 gam
Sinh Cam thảo	12 "		

Gia giảm: Nếu rêu lưỡi trắng dầy nhớt có thể thêm Trạch tả 30 gam. Nếu môi dưới người bệnh sưng đỏ hoặc chất lưỡi đỏ, có thể gia Bồ công anh 15 gam. Hoặc hàng ngày đờm rãi úng thịnh thì gia Bán hạ khúc 15 gam, Cát cánh 12 gam. Tỳ thấp khá nặng gia Xương truật 12 gam. Sau khi uống thuốc, đau bụng ỉa chảy khó chịu có thể linh hoạt thêm lượng Hồ Hoàng liên tới 15 gam. Thời gian uống thuốc không nên dùng trà rượu và ăn các thức sống lạnh.

8. Phức phương Liên truật thang.

Người cống hiến: Triệu Hồi Hằng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Dư Diêu tỉnh Triết Giang

Xuyên Hoàng liên	3 gam	Xương truật	30 gam
Hồ hoàng liên	10 "	Nhân trung bạch	10 "
Sinh Cam thảo	10 "		

Gia giảm: Thấp nhiệt hun đốt ở trên gia Kim ngân hoa, Bồ công anh, Sinh Thạch cao. Đại tiện khô gia Chế Đại Hoàng. Thấp thịnh, rêu lưỡi trắng nhớt gia Sa nhân, Xuyên phác. Nhiệt thương âm gia Thạch cao, Thiên hoa phấn. Nếu những điểm loét nát không nhiều, thường bị ở bên trong môi má và ở hàm ếch, chu vi niêm mạc đỏ nhạt, gia Mẫu đan bì, Tri mẫu. Trung khí hư

gia Hoàng kỳ, Thăng ma. Những chỗ loét nát ở đầu lưỡi, đầu lưỡi đỏ, gia A giao, Kê tử hoàng, Sinh Địa hoàng. Ngủ kém, răng trôi là Tâm Thận bất giao, gia Táo nhân, Nhục quế.

9. Lý thị thiệt lạn thang.

Người cống hiến: Lý Tuấn Xuyên, Giáo sư Y học viện xí nghiệp Dệt tỉnh Vũ Hán

Kim ngân hoa	10 gam	Liên kiều	10 gam
Kinh giới	6 "	Sinh Cam thảo	6 "
Xích thược	12 "	Cương tàm	6 "
Kỳ đà	6 "	Toàn yết	3 con
Hoàng bá	6 "	Ngô công	3 con
Xương truật	6 "		

Cách dùng: Mỗi ngày sắc một thang chia 3 lần uống. Dùng 3 - 5 lần thấy hiệu quả ngay, khi đã khỏi hẳn thì ngừng uống. Nếu tái phát có thể lại sử dụng.

10. Ích khí dưỡng âm hoàn.

Người cống hiến: Trần Tú Liên, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Phật Sơn tỉnh Quảng Đông

Đảng sâm	Hoàng kỳ
Bạch truật	Bạch thược
Thiên môn đông	Thiên hoa phấn
Ngũ vị tử	Câu kỷ tử
Mẫu đơn bì	Lộc giác sương
Sinh Địa hoàng	Mộc hương

Phật thủ
Thạch hộc
Bổ cốt chi
Mạch môn đông

Cách dùng: Các vị nói trên chế thành dạng thuốc hoàn cho uống.

89. BAN TRẮNG Ở TRONG MIỆNG

Chứng này gặp ở người bị bệnh Trường Vị mạn tính, niêm mạc ở trong miệng biến thành từng vệt trắng, đôi khi cũng có ban tía, trong khi dùng dạng thuốc sắc đồng thời có thể châm vào cục bộ nơi đau, dùng ***Sư thị sàm châm trị liệu khẩu xoang bạch ban phương*** để sơ thông kinh khí ở trong và ở ngoài.

PHỤ PHƯƠNG

Sư thị sàm châm trị liệu khẩu xoang bạch ban phương

Người cống hiến: Sư Hoài Đường, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Châm cứu tỉnh Sơn Đông

Dụng cụ: Sàm châm của họ Sư.

Bộ vị kích thích: Những vệt ban trắng cục bộ niêm mạc xoang miệng

Phương pháp dùng châm: dùng Sàm châm của họ Sư rạch một đường vào niêm mạc ở ban xoang miệng cho rớm máu là được, vết rạch dài bằng đường dài của vệt ban, khoảng cách giữa các vết rạch 1 mm.

90. HÔI MIỆNG

Hôi miệng chỉ hơi trong miệng thở ra có mùi hôi, tự cảm thấy hoặc do người khác phát hiện, đây là chứng trạng thường gặp.

Hôi miệng khát nước, cồn cào hay đói, tiểu tiện vàng đỏ, đại tiện bí kết, phần nhiều thuộc Vị nhiệt hoả hun đốt, nên thanh tả Vị nhiệt, cho uống ***Khổng thị thanh vị phương (1).***

Hôi miệng kiêm chứng bụng trướng ngực khó chịu, táo bón ợ hơi, khát nước, rêu lưỡi vàng dầy nhớt là do thực tích hoá nhiệt uất trệ ở trong, nên hoà Vị sơ trệ, tiết nhiệt trừ tích, dùng ***Trần thị hoà Vị sơ trệ phương (2).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Khổng thị thanh Vị phương

Người cống hiến: Khổng Bá Hoa tiên sinh,
nhà Trung y nổi tiếng ở Bắc Kinh

Thạch cao	Mạch môn đông
Tri mẫu	Sạ can

2. Trần thị hoà Vị sơ trệ phương

Người cống hiến: Trần Đạo Long tiên sinh,
nhà Trung y nổi tiếng ở Thượng Hải

Xuyên liên	2 gam	Hoàng cầm (sao)	9 gam
Bạch Phục linh	9 "	Chế Bán hạ	6 "

Quất bì	4,5 gam	Chỉ xác (sao)	9 gam
Ngô thù	2,5 "	Chế Xuyên phác	3 "
Tân lang	9 "	Chế Đại hoàng	9 "
Tiêu Sơn tra	9 "	Thần khúc (sao)	9 "
Ngọc khu đan	0,6 "	Sinh khương	3 nhát

(tán bột, chia nuốt)

91. ĐẮNG MIỆNG

Các chứng Đởm nhiệt hoặc Can nhiệt thường đắng miệng. Nói chung thấy ở trong các tật bệnh có các chứng đắng miệng như: họng khô, vị quản hơi đau, chất lưỡi đỏ, hoặc vì cuống Thanh vị tán quá mức mà xuất hiện các chứng trên, có thể dùng ***Trúc nhự thanh vị ẩm*** để nhẹ nhàng làm mát nhuận và lý khí.

Điều trị chứng này có thể tham khảo ở một số tật bệnh thuộc Can Đởm, như "Đau sườn".v.v.

PHỤ PHƯƠNG

Trúc nhự thanh Vị ẩm

Người cống hiến: Diêu Tử Dương, Y sư chủ nhiệm Y viện khu vực Lâm Nghi tỉnh Sơn Đông

Trúc nhự	12 gam	Lô căn	30 gam
Bồ công anh	15 "	Chỉ xác	10 "
Thạch hộc	10 "	Thạch cao (nung)	15 "
Mạch môn	15 "	Bạc hà	6 "
Bạch thược	12 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Vị quản đau nhiều, trọng dụng Thược dược, Cam thảo, gia Huyền minh 15 gam. Loét dạ dày tá tràng gia Nhi trà 10 gam, bột Ngoã bạng tử 15 gam, bỏ Thạch hộc.

92. MIỆNG KHÁT

Miệng khát là chỉ có ý thèm uống nước, hoặc uống hoặc không uống. Có phân biệt rất khát, phiền khát, muốn uống nước nhưng lại không muốn nuốt... thường xuất hiện chung với các chứng "Phát nhiệt", "Hay đói thích uống", "Tiểu tiện vặt nhiều lần" có thể tham khảo ở các chứng này. Còn một loại nữa là "Hạ chú" hay gặp ở trẻ em cũng có chứng trạng chủ yếu là khát nước, giới thiệu chung ở mục này.

Mùa Hạ miệng khát thích uống, tiểu tiện vàng sẻn, phiền nhiệt mạch Sác, rêu lưỡi vàng nhớt, tinh thần mỏi mệt, rã rời bơ phờ, đó là thử nhiệt và thấp tổn thương tân dịch, có thể dùng ***Bối thị sâm mai ẩm (1)*** để ích khí sinh tân, thanh thử hoá thấp.

Chứng Hạ chú ở trẻ em miệng khát thích uống, tiểu tiện vàng sẻn, rêu lưỡi nhớt, phiền nhiệt không yên, có thể dùng ***Củng thị ngọc hồ băng (2)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thuỷ sinh tân.

Nếu có chứng miệng khát Tâm phiền, hồi hộp, tinh thần mỏi mệt, đại tiện lỏng loãng là khí âm đều tổn thương, trung dương bất túc, có thể dùng ***Lại thị trị liệu hạ quí nhiệt phương (3)*** để ích khí sinh tân, trấn dương kiến trung. Nếu miệng khát uống nhiều nước, ra mồ hôi, tiểu tiện vàng, Tâm phiền kém ăn, cho uống ***Hạ thị mộc qua ô mai ẩm (4)*** để giải thử liễm âm.

Trong bệnh nội thương có chứng miệng khát thích uống, hay ăn dễ đói, tiểu tiện lượng nhiều sắc vàng, họng khô lưng mỏi,

triều nhiệt nóng rát, Tâm phiền, mạch Tế Sác... là âm hư nội nhiệt, Tỳ Thận đều tổn thương. Cho uống ***Vương thị giáng đường hiệu linh thang (5)*** để bổ Thận mạnh Tỳ tư âm thanh nhiệt, sinh tân thoái nhiệt.

Một số bệnh biến ác tính sau khi qua y học hiện đại điều trị bằng phóng xạ thường xuất hiện chứng miệng khát sốt nhẹ, tinh thần mỏi mệt, chóng mặt ù tai, sắc mặt nhợt kém tươi, họng ráo, đại tiện khô, kém ăn, buồn nôn.v.v. là do khí âm đều tổn thương, Vị có uất nhiệt, có thể uống ***Uất thị phóng liệu phù chính phương (6)*** để ích khí dưỡng âm sinh tân thanh nhiệt hòa trung khai Vị.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bối thị sâm mai ẩm

Người cống hiến: Bối Thục Anh, Giáo sư Nam Kinh y viện

Thái tử sâm	15 gam	Ô mai	3 gam
Hoắc hương	20 "	Kim ngân hoa	10 "
Sinh cam thảo	3 "		

Cách dùng: Hãm uống thay nước trà.

2. Củng thị ngọc Hồ băng

Người cống hiến: Củng Sĩ Trung, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện huyện Thiên Trường, tỉnh An Huy

Đông qua tươi	60 gam	Thiền thoái	10 con
Sinh Thạch cao	20 "		

Cách dùng: Ba vị bỏ vào trong bát sành đem hấp cơm, lọc lấy nước, pha chút ít đường, chia làm vài lần uống hết trong ngày. Bẩy ngày làm một đợt điều trị. Người dương hư đại tiện lỏng phân xanh kiêng dùng.

3. Lại thị trị liệu hạ quí nhiệt phương

Người cống hiến: Lại Chú, Phó giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Nhục quế	2 gam	Mạch môn đông	10 gam
Ngũ vị tử	4 "	Thái tử sâm	20 "
Bào khương	5 "	Ô mai	6 "

4. Hạ thị mộc qua ô mai ẩm

Người cống hiến: Hạ Vấn Tâm, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện An Hoá, tỉnh Hồ Nam

Mộc qua	15 gam	Ô mai	12 gam
Phúc bồn tử	10 "	Trúc diệp	10 "
Thạch hộc	10 "	Mạch môn	12 "
Cam thảo	3 "	Trần sương mễ	30 "
Hà diệp đế (tươi)	3 cái		

Cách dùng: Sắc với 500 ml nước cạn lấy 400 ml, pha chút ít đường, cho uống từng ít một trong ngày.

Gia giảm: Có thể linh hoạt thêm các vị như Tang phiêu tiêu, Tàm kiển, Liên tu, Sơn tra, Liên nhục, Sơn dược, Câu đằng, Bạch thược.v.v..

5. Vương thị giáng đường hiệu linh thang

Người cống hiến: Vương Kỳ Phi, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hà Bắc

Can Địa hoàng	20 - 30 gam	Hoài sơn	20 - 30 gam
Sơn thù	10 - 20 "	Địa cốt bì	30 - 60 "
Xương Tang diệp	30 - 60 "	Nữ trinh tử	20 - 30 "

6. Uất thị phóng liệu phù chính phương

Người cống hiến: Uất Nhân Tôn, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Bắc Sa sâm	30 gam	Kê huyết đằng	30 gam
Thiên môn đông	15 "	Mạch môn đông	15 "
Thạch hộc	15 "	Thiên hoa phấn	15 "
Nữ trinh tử	15 "	Sinh Hoàng kỳ	15 "
Trần bì	10 "	Trúc nhự	10 "
Kê nội kim	10 "	Mạch nha	10 "
Đạo nha	10 "	Ngũ vị tử	6 "
Sinh Cam thảo	5 "		

Tây dương sâm (hãm riêng pha vào nước thuốc mà uống).

93. LƯỠI SƯNG

Thể lưỡi sưng to, tê dại hoặc đau... gọi là lưỡi sưng, bệnh phần nhiều do hoả nhiệt công lên. Nếu thấy bề mặt lưỡi xuất huyết sưng trướng đầy miệng, cho uống ***Đổng thị trùng thiệt phương*** để dẫn nhiệt đi xuống, lương huyết chỉ huyết.

PHỤ PHƯƠNG

Đổng thị trùng thiệt phương

Người cống hiến: Đổng Trị Trung, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Phù Dư, tỉnh Cát Lâm

Ngô thù du — Sinh Bồ hoàng

Cách dùng: Dùng Ngô thù du đắp ở bên ngoài huyệt Dũng tuyền, lại lấy Bồ hoàng vò vào nước lạnh cho ngậm xúc từ từ.

94. LƯỠI CHẢY MÁU (Nục thiệt)

Trên lưỡi xuất huyết gọi là lưỡi chảy máu, sắc huyết tía tối không tươi chữa mãi không khỏi. Chất lưỡi tối là do ứ nhiệt gây nên, có thể uống *Nhan thị thiệt nục phương* để hành ứ chỉ huyết.

PHỤ PHƯƠNG

Nhan thị thiệt nục phương

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư Y học viện đường sắt Thượng Hải

Bồ hoàng Mã bột

95. LƯỠI KHÔ

Lưỡi khô là chỉ bề mặt lưỡi tuy có rêu nhưng thiếu tân dịch, hoặc lưỡi sáng không có rêu, trông thấy khô khan, sờ thấy khô ráp, đây là một chứng trạng thường gặp trong quá trình bệnh nhiệt, tân dịch bị tổn thương. Trong nội thương tạp bệnh cũng gặp chứng này.

Lưỡi khô đỏ ít rêu, sờ thấy khô mà khát nước, môi ráo nứt nẻ, đại tiện khó đi, kém ăn... là khí âm đầu hư, có thể uống ***Khí âm song bổ đường tương (I)*** để ích khí sinh tân, dưỡng âm nhuận táo. Nếu thấy miệng khô lưỡi ráo, chất lưỡi đỏ tía ít rêu, miệng khô khát nước, tiểu tiện sẻn đỏ, lòng bàn tay chân nóng, lưng gối yếu... là do Can Thận âm hư kiêm cả khí hư, cho uống ***Hình thị nhuận táo thang*** để bổ Can ích Thận, tư âm ích khí.

Chứng này có thể tham khảo với chứng "Miệng khát".

PHỤ PHƯƠNG

1. Khí âm song bổ đường tương.

Người cống hiến: Mao Như Bảo, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Không quân số II Thượng Hải

Thái tử sâm	30 gam	Sinh Địa hoàng	12 gam
Mạch môn đông	12 "	Thạch hộc	30 "
Bắc Sa sâm	12 "	Sơn dược	30 "

Chế Nữ trinh	15 gam	Thiên hoa phấn	15 gam
Cốc nha	9 "	Trần bì	9 "

Cách dùng: áp dụng quy trình công nghệ chế thành si rô, mỗi lần uống 20 ml, ngày 3 lần.

2. Hình thị nhuận táo thang.

Người cống hiến: Hình Triết Vũ, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Câu kỷ tử	15 gam
Đương qui	12 "	Mạch môn đông	15 "
Bắc Sa sâm	20 "	Thiên hoa phấn	20 "
Sơn dược	12 "	Huyền sâm	20 "
Thạch hộc	20 "	Hoàng kỳ	30 "
Bạch thược	15 "	Tri mẫu	15 "
Tây dương sâm	,6 " (hãm)		

Cách dùng: Mỗi ngày một thang sắc 3 nước, trộn đều, chia 3 lần uống sáng, trưa, tối.

96. LƯỠI SÁNG BÓNG

Lưỡi sáng bóng không có rêu phần nhiều là đặc trưng của chứng âm hư, thường gặp ở thời kỳ cuối của bệnh Nhiệt hoặc sau khi ốm nặng. Có khi dùng liều cao thuốc kích tố, sau đó xuất hiện lưỡi sáng bóng không có rêu, kiêm chứng lưỡi đỏ tía, khát nước, sốt nhẹ, Tâm phiền.v.v. có thể dùng ***Sinh tân ích khí phương*** để ích khí sinh tân cứu vãn chất dịch.

PHỤ PHƯƠNG

Sinh tân ích khí phương

Người cống hiến: Từ Cao Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tây dương sâm	6 gam (hãm riêng)		
Mạch môn đông	20 "	Huyền sâm	15 gam
Trích Cam thảo	9 "	Thiên hoa phấn	20 "
Bạch biển đậu	12 "	Ngũ vị tử	9 "
Ngạnh mễ	30 "		

97. LƯỠI RUN

Khi thè lưỡi ra, thể lưỡi run động không yên, không tự kiềm chế được gọi là lưỡi run, chứng này thường liên can tới phong tà và tạng Can.

Lưỡi run tay lẩy bẩy, khô ráo khó chịu, đa nghi hay cáu, mất ngủ hay mê, thấy kiêm chứng cả hư và thực của Can mộc. Điều trị theo phép thư Can uất, bình Can đương để chữa thực chứng hoặc theo phép dưỡng Can nhu Can để chữa Hư chứng, có thể dùng ***Ngũ thị anh lưu phương số III***.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Tay run rẩy", "Cổ bạnh thô" và "Hay ăn mau đói".

PHỤ PHƯƠNG

Ngũ thị anh lưu phương số III.

Người cống hiến: Ngũ Nhuệ Mẫn, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu hảo Bắc Kinh

Đương qui	200 gam	Sa sâm	200 gam
Xích thược	200 "	Bạch thược	200 "
Hương phụ	120 "	Xuyên luyện tử	200 "
Uất kim	200 "	Sài hồ	120 "
Đại mạo	30 "	Quy bản	200 "

Miết giáp	200 gam	Mạch môn	200 gam
Thủ ô	150 "	Long cốt	200 "
Sinh Mẫu lệ	200 "	Hạ khô thảo	180 "

Cách dùng: Các vị tán bột, phun nước làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 6 gam, ngày 3 lần. Cũng có thể làm thang thuốc sắc với tỷ lệ bằng 1 phần 10 công thức trên, sắc uống mỗi ngày một thang.

98. ĐẦU RA MỒ HÔI

Chỉ riêng vùng đầu ra mồ hôi hoặc một bên mặt ra mồ hôi, có khi kiêm chứng sợ gió mạch Phù, là do biểu phận bị uất, đường Lạc bị nghẽn trệ, cho uống ***Loan thị trị nhan diện hãn xuất phương*** để phát hãn giải biểu sơ thông lạc mạch.

PHỤ PHƯƠNG

Loan thị trị nhan diện hãn xuất phương

Người cống hiến: Loan Trường Nghiệp, Y sư phó chủ nhiệm Viện điều dưỡng thành phố Uy Hải, tỉnh Sơn Đông

Quế chi	15 gam	Toan táo nhân	15 gam
Hắc Chi ma	30 "	Ngũ vị tử	30 "

Cách dùng: Sắc uống liên tục 3 - 5 thang.

99. MÔI SƯNG ĐAU NGỨA (Đinh râu)

Môi sưng đỏ đau và ngứa thường kiêm chứng ố hàn phát sốt; Chứng này thuộc phạm vi các chứng "Thần đinh", "Bạch thần đinh", và "Thần thư".

Phát bệnh rất nhanh, môi sưng nóng rát và đau ngứa, nơi sưng rắn chắc có chân chu vi có quầng đỏ kiêm chứng ố hàn phát nhiệt, khát nước, Tâm phiền, lưỡi đỏ, mạch Phù Sác, đó là phong nhiệt tích độc úng tắc huyết lạc ở trên. Điều trị theo phép sơ phong thanh nhiệt giải độc lương huyết, tiêu sưng giảm đau, cho uống ***Nhạc thị thần đinh phương.***

PHỤ PHƯƠNG

Nhạc thị thần đinh phương.

Người cống hiến: Nhạc Tu Ngũ, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện khu vực Lâm Nghi, tỉnh Sơn Đông

Khương hoạt	9 gam	Thiền thuế	9 gam
Kim ngân hoa	30 "	Thảo hà sa	15 "
Hoàng liên	12 "	Xích thược	15 "
Trạch lan	9 "	Cương tàm	9 "
Phòng phong	9 "	Mẫu đơn bì	12 "
Chi tử	12 "	Tử thảo	9 "
Cam thảo	6 "		

PHẦN VII

BỆNH Ở RĂNG

Răng là phần thừa của xương, thuộc Thận. Dương minh qua phía trên chân răng, cho nên chứng trạng ở chân răng còn phản ánh sự hư thực hàn nhiệt của Vị và Thận - Mục này chủ yếu giới thiệu các chứng Đau răng và Chân răng xuất huyết.

100. ĐAU RĂNG.

Đau răng, chỉ các loại nguyên nhân dẫn đến đau răng. Đau răng do bị nhiệt hoặc ăn nhiều thức ăn cay nóng mà đau nặng, gặp mát thì đỡ, có thể kiêm chứng chân răng sưng trướng và khát nước, đó là phong nhiệt hoả độc xông lên, chứng nhẹ thì dùng ***Nha thống thang (1)*** để sơ phong tán hoả, mát huyết tiêu sưng; chứng nặng thì uống ***Lý thị nha thống gia vị phương số I (2)*** để thanh nhiệt mát huyết, bình Can khư phong. Cục bộ có thể sử dụng phối hợp ***Dương thị hàm thấu dịch (3)*** để ngậm súc miệng, tăng cường công hiệu tán phong giảm đau, hoặc phối hợp với ***Chu thị nha thống tán (4)*** thổi vào mũi cho hắt hơi, để tăng từng tác dụng tân khai phát uất, tán hoả giảm đau.

Nếu cục bộ sưng trướng đỏ đau rõ rệt hoặc răng đau tái phát nhiều lần, xuất hiện những chứng nói trên là do nhiệt úng huyết uất nghiêng về nhiệt độc úng thịnh, có thể dùng ***La thị nha thống phương (5)*** để sơ biểu thanh nhiệt, giải độc tiêu sưng. Nếu bệnh thiên về huyết nhiệt uất kết, có thể dùng ***Lâm thị nha thống nghiệm phương (6)*** để thanh nhiệt hoạt lạc, tiêu sưng giảm đau, có thể phối hợp sử dụng ***Trương thị tân thông lương tiết thang (7)*** xúc ngậm để tăng cường tác dụng tả nhiệt thông lạc, tán uất giảm đau.

Người đứng tuổi và cao tuổi đau răng không chịu nổi, chân răng lung lay, nơi đau thích mát sợ nóng, họng khô gò má đỏ,

lưng đùi yếu mỏi là thuộc Thận hư hoả vượng, cho uống ***Gia vị địa hoàng thang (8)*** để tư âm giáng hoả. Đau răng đã lâu, chân răng lung lay, tái phát nhiều lần, nơi đau có lúc sưng trướng nóng rát, kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, Tâm phiền mất ngủ là thuộc Thận hư ở dưới, nhiệt ứ ở trên, nên bổ Thận thanh nhiệt, tư âm bền răng, mát huyết tán ứ, cho uống ***Nha thống đắc hiệu phương (9).***

Răng sún và đau, cục bộ có thể điều trị bằng ***Dương thị tổ truyền võ sĩ nha thống đơn phương (10).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Liệu nha thống thang

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Thăng ma	3 gam	Cát căn	3 gam
Sinh Cam thảo	1,5 "	Xích thược	3 "

Cách dùng: Sắc lấy khoảng 300ml nước đặc, chia 2 lần uống trong ngày.

Gia giảm: Phong thắng gia Kinh giới 4,5 gam, Phòng phong 4,5 gam, Bạc hà 3 gam. Hoả thắng gia Hoàng cầm 9 gam, Liên kiều 9 gam, Mẫu đan bì 6 gam, Sinh Địa hoàng 15 gam, Ngưu bàng tử 9 gam. Đau lâu không khỏi, gia Sài hồ 2,4 gam, Tri mẫu 9 gam.

2. Lý thị nha thống gia vị phương số I.

Người cống hiến: Lý Đình Lai, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thị trấn Tế Nam

Sinh Địa hoàng	18 gam	Mẫu đơn bì	9 gam
Sinh Thạch cao	15 "	Thanh bì	9 "
Phòng phong	9 "	Kinh giới	9 "
Tế tân	3 "	Sinh Cam thảo	3 "

3. Dương thị hàm thấu dịch

Người cống hiến: Dương Đại Kỳ, Y sư phó chủ nhiệm
Y viện dân tộc Hồi thành phố Bắc Kinh

Phòng phong	4,5 gam	Tế tân	3 gam
Xuyên tiêu	6 "	Bạc hà	6 "
Lương khương	4,5 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc cho ngậm súc trong khoang miệng.

4. Chu thị nha thống tán

Người cống hiến: Chu Chí Thuần, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thị trấn Hoàng Thạch tỉnh Hồ Bắc

Tế tân	3 gam	Bạch chỉ	3 gam
Tân bát	3 "	Lương khương	3 "
Nha tạo	3,5 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, bỏ lọ nút kín, khi bị đau răng, lấy chút ít bột thuốc đặt vào gần mũi mà hít, chừng nào hắt hơi là kết quả.

5. La thị nha thống phương.

Người cống hiến: La Tuấn Nho, Lão Trung y nổi tiếng Y viện khu vực An Thuận, tỉnh Quý Châu

Thạch cao	18 gam	Thạch hộc	12 gam
Xuyên Hoàng liên	5 "	Sinh Địa hoàng	12 "
Ngưu bàng tử	12 "	Phòng phong	10 "
Bạch chỉ	10 "	Cát căn	10 "
Bạc hà	10 "	Hậu phác	12 "
Kê nội kim	12 "	Địa cốt bì	10 "
Đam trúc diệp	10 "		

6. Lâm thị nha thống nghiệm phương.

Người cống hiến: Lâm Thụ Phương, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số 1 thành phố Trạm Giang tỉnh Quảng Đông

Sơn tra	10 gam	Đan sâm	15 gam
Uy linh tiên	12 "	Cam thảo	10 "
Tân lang	12 "	Thạch cao	30 "
Hạ khô thảo	12 "	Ô mai	10 "

Cách dùng: Lấy nước 4 - 5 bát sắc cạn lấy 3 bát, chia 3 lần uống

7. Trương thị tân thông lương tiết thang.

Người cống hiến: Trương Tiểu Bình, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh An Huy

Thông (hành)	7 củ	Đăng tâm thảo	2 gam
Bạch chỉ	10 gam	Xuyên khung	10 gam
Ngải diệp	1,5 "	Sinh Thạch cao	15 "

Cách dùng: Căn cứ vào bệnh tình mà ngày dùng 1 - 2 thang, sắc uống lấy nước chia uống 2 - 4 lần, hoặc ngậm súc uống từ từ.

8. Gia vị địa hoàng thang.

Người cống hiến: Chu Thấp Trung, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hồ Nam

Tri mẫu	10 gam	Hoàng bá	10 gam
Sinh Địa hoàng	10 "	Hoài sơn	10 "
Phục linh	10 "	Mẫu đan bì	6 "
Trạch tả	6 "	Sơn thù	6 "
Quy bản giao	10 "		

9. Nha thống đắc hiệu phương

Người cống hiến: Trần Cẩn, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Hoài sơn	15 gam	Sinh Địa hoàng	15 - 30 gam
Sơn thù	6 "	Phục linh	10 "
Trạch tả	10 "	Mẫu đơn bì	12 "
Đan sâm	30 "	Cốt đoái bổ	15 "
Kim ngân hoa	12 "		

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc 2 nước, sáng và tối mỗi lần uống 1 nước, uống sau bữa cơm.

Gia giảm: Kiêm ngoại cảm tà khí phong nhiệt thì trọng dụng Kim ngân hoa, Tri mẫu, Sinh Thạch cao. Nếu do tà khí phong hàn lọt vào răng gây nên đau răng, người bị bệnh răng gặp nhiệt thì đỡ đau, bỏ Kim ngân hoa, gia Ma hoàng, Tế tân, Thanh Bán hạ.

Cấm kỵ: Kiêng rượi, thuốc lá, cái thức cay nóng và các thức kính thích tới xoang miệng.

10. Dương thị tổ truyền võ sỉ nha thống đơn phương

Người cống hiến: Dương Hữu Hạc, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Hà Nam

Tất bát	3 gam	Băng phiến	3 gam

Cách dùng: Tán bột mịn, lấy bông chấm thuốc chấm vào toàn bộ bề mặt nơi răng đau, răng sún.

101. CHÂN RĂNG SƯNG ĐAU

Chân răng sưng to và đau, thậm chí loét nát chảy ra mủ máu, thường cùng xuất hiện lẫn lộn với chứng đau răng hoặc chân răng chảy máu.

Chân răng sưng đau, cục bộ sắc đỏ, khoang miệng hôi, khát nước, nơi đau ưa mát sợ nóng là thuộc Vị nhiệt thương âm, cho uống ***Lô thị thánh dũ thang (1)*** để thanh Vị tả hoả, giáng nhiệt dưỡng âm.

Nếu kiêm chứng táo bón hoặc đau loét nát thì dùng ***Đới thị khẩu xoang thang (2)*** để tả hoả giải độc, thông phủ tư âm.

Chân răng sưng đau nhẹ, tái phát nhiều lần, kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, chân răng trồi lung lay, tai ù choáng váng là do Thận hư gây nên, cho uống ***Lại thị nha ngân thũng thống phương (3)*** để bổ Thận khư phong, tiêu sưng giảm đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lô thị thánh dũ thang

Người cống hiến: Lô Giới Dân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu vực Khánh Dương tỉnh Cam Túc

Sinh Thạch cao	30 gam	Huyền sâm	15 gam
Nhục quế	2 "	Ngưu tất	12 "

2. Đới thị khẩu xoang thang

Người cống hiến: Đới Quế Mãn, Giáo sư
Trung y học viện Hà Bắc

Thạch cao	30 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Huyền sâm	15 "	Mạch môn	10 "
Tri mẫu	10 "	Ngưu tất	10 "
Hoàng liên	5 "	Mẫu đan bì	10 "
Bạch chỉ	10 "	Tế tân	3 "
Bồ công anh	30 "	Tử hoa địa đinh	15 "
Đại hoàng	6 " (bỏ vào sau)		

Cách dùng: Sắc uống ngày một thang. Mỗi thang sắc với 400 ml nước cạn lấy 200 ml, chia uống nóng làm 3 - 4 lần.

3. Lại thị nha ngân thũng thống phương.

Người cống hiến: Lại Chú, Giáo sư
Y học viện tỉnh Quảng Châu

Thục Địa hoàng	35 gam	Cốt toái bổ	12 gam
Uy linh tiên	10 "	Phòng phong	10 "
Ngưu tất	8 "		

102. CHÂN RĂNG CHẢY MÁU

Chân răng chảy máu còn gọi là Sỉ nục, chỉ chứng trạng kẽ răng hoặc chân răng rỉ ra huyết dịch.

Chân răng chảy máu đỏ tươi, hôi miệng khát nước, chân răng sưng và táo bón, thuộc Vị hoả bốc mạnh, cho uống ***Nhiếp thị tam hoàng thang (1)*** đun sôi lọc lấy nước cho uống lặt vặt thay nước trà để tả hoả thanh Vị dẫn nhiệt đi xuống để thu hiệu quả.

Chân răng chảy máu đỏ tối, miệng hôi tanh, chân răng không sưng, miệng khô họng ráo, lưỡi đỏ bóng ít rêu, mạch Tế Sác, là thuộc âm hư nội nhiệt, có thể dùng ***Nguyễn thị nha tuyên diệu phương (2)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết.

Kẽ răng rỉ máu, miệng đắng dính, táo bón, mất ngủ, nhổ ra đờm vàng dính, mặt mắt đỏ, mạch Huyền hoặc Trầm Huyền có lực, đó là Can Thận hư hoả công kích gây nên, dùng ***Chu thị sỉ phùng thấm huyết phương (3)*** để tả hoả giữ gìn phần âm, lương huyết chỉ huyết.

Sỉ nục lâu ngày, xuất huyết không nhiều mà sắc nhợt, mặt môi nhợt, chân tay không ấm, mạch Nhược là hư hàn gây nên, có thể dùng ***Trần thị gia vị bổ lạc bổ doanh thang (4)*** để ôn dương chỉ huyết.

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhiếp thị tam hoàng thang

Người cống hiến: Nhiếp Huệ Dân, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng cầm	10 gam	Hoàng liên	3 gam
Đại hoàng	3 "		

Cách dùng: Các vị đun sôi lọc lấy nước, uống từ từ thay nước trà.

2. Nguyễn thị nha tuyên diệu phương

Người cống hiến: Nguyễn Chính Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nội Giang tỉnh Tứ Xuyên

Tế sinh Địa hoàng	30 gam	Mẫu đơn bì	15 gam
Hoàng liên	10 "	Hoàng bá (sao)	10 "
Tri mẫu	12 "	Địa cốt bì	30 "
Bồ hoàng (sao)	10 "	Nhân trung bạch	10 "
Thanh đại	10 "		

Cách dùng: Lấy 800 - 900 ml nước, trước to lửa sau nhỏ lửa đun 15 - 20 phút, mỗi lần uống 200 ml (trước bữa ăn, trước khi ngủ) ngày 4 lần.

3. Chu thị sỉ phùng thấm huyết phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Bạch Mao căn	100 gam	Sinh Địa hoàng	60 gam
Mạch môn đông	80 "	Dạ giao đằng	60 "

Hạ khô thảo	30 gam	Thanh đại	20 gam
Địa cốt bì	15 "	Ô mai	50 "
Long đởm thảo	10 "	Hải cáp phấn	60 "
Đởm nam tinh	10 "	Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước cho uống chút ít một, đồng thời sáng sớm mỗi ngày, lúc đói bụng uống Huyền minh phấn 10 - 12 gam (mỗi ngày đại tiện nhuận một lần là được).

Gia giảm: Uống đơn trên đã kết quả, liều lượng tiếp nên giảm bớt, lại thêm Hoài sơn 20 gam để giữ tân dịch và dưỡng huyết.

4. Trần thị gia vị bổ lạc bổ doanh thang.

Người cống hiến: Trần Mậu Ngô, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Chế Phụ phiến	10 gam	Nhục quế	6 gam
Sinh Long cốt	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Sơn thù	20 "	Tam thất (bột)	3 "

PHẦN VIII

CHỨNG TRẠNG Ở YẾT HẦU

Chứng trạng ở yết hầu trong lâm sàng thường gặp, xếp vào loại chuyên khoa được trình bầy khá tỉ mỉ. Ở đây chỉ đề cập đến các chứng trạng thông thường như: Yết hầu sưng đau, Yếu hầu có cục sưng, Yết hầu loét trắng và Tắc nghẽn trong họng .v.v.

103. YẾT HẦU BỊ ĐAU

Yết hầu bị đau là chỉ chứng trạng bộ vị yết hầu sưng đỏ đau.

Yết hầu bị đau rất rõ khi nuốt, sưng đỏ có khi kiêm chứng phát sốt sợ gió, khái thấu nhức đầu ra mồ hôi... đó là phong nhiệt hoả độc công lên, bệnh thiên về biểu, dùng ***Thiền bạc ẩm (1)*** theo phép tân lương thấu biểu, giải độc lợi họng.

Nếu bệnh thiên về lý nhiệt thì dùng ***Trương thị giải biểu lợi yết thang (2)*** để giải biểu thanh nhiệt, lọc Phế lợi yết.

Có kiêm chứng ho mửa đờm dãi, phát sốt khá nặng thì dùng ***Kim đăng sơn căn thang (3)*** để sơ phong hoá đàm, thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng lợi họng.

Nếu yết hầu sưng đỏ đau, loét nát, có thể uống ***Thanh hầu ẩm (4)*** để tả hoả sinh tân, giải độc tan sưng.

Họng đau mà phát sốt hôi miệng, mũi miệng khô ráo, táo bón tiểu tiện vàng, khát nước thích uống là do nhiệt độc quá thịnh, âm tân đã tổn thương, dùng ***Lương cách tăng dịch thang (5)*** để tả hoả giải độc, dưỡng âm lợi họng.

Người thể trạng vốn âm hư mà bị ngoại cảm phong nhiệt, có chứng sợ gió khát nước họng khô rít và đau, sưng đỏ, sử dụng ***Hầu thống phương (6)*** để tư âm thanh nhiệt, tiêu sưng lợi họng, sơ phong giải biểu.

Nếu là trẻ em thể lực yếu, luôn bị nhũ nga, lúc sốt cao, lúc sốt nhẹ hoặc trường kỳ sốt nhẹ không lui, gày còm mạch Sác, thể trạng nhu nhược, cho uống ***Lương huyết thanh khí hạn nga thoái nhiệt thang*** *(7)* để lầm mát hư nhiệt, mát huyết phận, lợi yết hầu.

Họng sưng đỏ đau có cảm giác nghẹt tắc khó nuốt, mạch Phù Đại, rêu lưỡi dầy và dính, thuộc nhiệt úng ứ huyết, khí trệ thấp ngưng đọng, nên dùng ***Đan chi xạ uất thang*** *(8)* để thanh nhiệt độc, thông kinh lạc, hoạt huyết mạch, hành thấp lý khí.

Yết hầu đau hay tái phát kéo dài không khỏi, họng sưng sắc tối, chất họng sạm mạch Sác là do ứ huyết gây nên, có thể dùng ***Lưu thị yết thư thang*** *(9)* để hoạt huyết lợi họng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thiền bạc ẩm.

Người cống hiến: Quách Thiệu Khanh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu Châu Hải thành phố Quảng Châu

Thiền thuế	3 - 6 con	Bạc hà (sắc sau)	1 - 3 gam
Kim ngân hoa	3 - 8 gam	Liên kiều	3 - 8 "
Xích thược	3 - 8 "	Ngưu bàng tử	3 - 8 "
Đạm trúc diệp	3 - 8 "	Vi hành	3 - 15 "

Gia giảm: Sốt cao chọn gia Thanh cao, Tri mẫu, Bạch vi, Mẫu đơn bì, Hoàng cầm, Sơn chi tử, Linh dương giác, Tử tuyết đan. Khái thấu gia Hạnh nhân, Cát cánh, Tiền hồ, Tang bạch bì. Nhiều đờm gia Bối mẫu, Thiên trúc hoàng, Qua lâu, Trúc nhự.

Yết hầu sưng đau linh hoạt gia Huyền sâm, Cát cánh, Cam thảo. Miệng khô khát có thể gia Thạch cao, Thiên hoa phấn, Mạch môn đông. Mắt sưng đỏ đau gia Cúc hoa, Hạ khô thảo, Long đởm thảo, Mộc tặc. Tiểu tiện sẻn vàng gia Sinh Dĩ nhân, Hoạt thạch, Mộc thông, Xa tiền tử. Kiêm thực trệ kém ăn, gia Sơn tra, Cốc nha, Kê nội kim. Kinh giật gia Câu đằng, Tượng nha ty, Long sỉ, Thạch quyết minh, Địa long, Chân châu mạt.

2. Trương thị giải biểu lợi yết thang.

Người cống hiến: Trương Chi Văn, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Kinh giới	12 gam	Phòng phong	12 gam
Bản lam căn	30 "	Tao hưu	30 "
Thăng ma	15 "	Thanh quả	15 "
Sạ can	15 "	Qua sác	15 "
Thạch đại	12 "	Tỳ bà diệp	20 "
Sinh Cam thảo	3 "		

3. Kim đăng sơn căn thang

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Quải kim đăng	4,5 - 9,0 gam	Sơn đậu căn	4,5 - 6 gam
Sạ can	3,0 - 4,5 "	Ngưu bàng tử	4,5 - 9 "
Cát cánh	3,0 - 4,5 "	Sinh Cam thảo	1,5 - 3 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên lấy 600 ml nước sạch, ngâm 20 phút sau đó đem sắc, mỗi thang sắc 2 lần, tổng cộng lấy 300

ml nước đặc, khi thuốc gần nguội chia làm 2 lần uống sau bữa ăn 1 - 2 giờ, nên nuốt từ từ.

Vận dụng Gia giảm: Sợ lạnh phát sốt, mạch Phù Sác là có biểu tà nặng, gia Kinh giới, Bạc hà, Thiền thoái. Nhiều đờm rãi, rêu lưỡi đục nhớt gia Cương tàm, Qua lâu bì, Địa khô la. Phát sốt cao, tà nhiệt bốc mạch gia Hoàng liên, Hoàng cầm, Sơn chi, Kim ngân hoa. Miệng khô chất lưỡi đỏ, ít rêu hoặc tróc mảng là do âm hư hoả vượng, linh hoạt gia Sinh Địa hoàng, Huyền sâm, Mạch môn đông. Đại tiện khô ráo khó đi, gia Qua lâu nhân, Hoả ma nhân. Táo bón gia Huyền minh phấn. Tiểu tiện vàng đỏ linh hoạt gia Đạm trúc diệp, Lô căn. Can kinh hoả vượng gia Đông tang diệp, Bạch cúc hoa, Sinh Bạch thược. Yết hầu sưng đỏ gia Xích thược, Mẫu đan bì. Nhiệt độc úng tắc lâu ngày thành mủ nhưng chưa vỡ gia Tạo giác thích, Phù dung hoa.

Chỉ thấy rêu lưỡi dính nhớt, nhiều đờm đầy bụng thì dùng Cam thảo lượng ít hoặc không cần dùng. Đại tiện lỏng thì không nên dùng nhiều Xạ can, Ngưu bàng tử.

4. Thanh hầu ẩm.

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Y sư chủ nhiệm viện Nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại	3 gam	Thanh quả	9 gam
Bạch chỉ	3 "	Trà diệp	6 "
Kim quả lãm	9 "		

(công thức này dùng cho trẻ em)

5. Lương cách tăng dịch thang

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Liên kiều	8 gam	Kim ngân hoa	8 gam
Chi tử	5 "	Hoàng cầm	5 "
Sinh Địa hoàng	10 "	Huyền sâm	8 "
Mạch môn đông	8 "	Lô căn	8 "
Thiền thuế	5 "	Bản lam căn	8 "
Đại hoàng	2 "	Trúc diệp	3 "

Chú ý: Nên ăn uống thanh đạm, ăn ít đồ béo ngọt dầu mỡ cay nóng. Cần dự phòng cảm mạo.

6. Hầu thống phương

Người cống hiến: Vương Sánh Hiền, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Quí Châu

Thiên hoa phấn	30 gam	Liên kiều	12 gam
Kim ngân hoa	12 "	Đam sâm	9 "
Xạ can	9 "	Huyền sâm	9 "
Nhũ hương	6 "	Một dược	5 "
Sơn giáp (nướng)	4,5 "	Bạc hà	4,5 "

Gia giảm: Mạch Hồng Thực gia Sinh Thạch cao 30 gam. Tiểu tiện không lợi gia Hoạt thạch 18 gam. Đại tiện kết gia Đại hoàng 9 gam.

7. Lương huyết thanh khí hạn nga thoái nhiệt thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Bạch vi	10 gam	Địa cốt bì	10 gam
Phấn Đan bì	6 "	Tri mẫu	5 "
Cam thảo tiết	5 "	Kim liên hoa	9 "
Tử thảo	6 "		

Gia giảm: Họng khô lưỡi ráo, gia Huyền sâm, Mạch môn đông. Có hiện tượng Phế ráo, ho khan nhẹ, gia Thiên môn đông. Đôi khi xuất huyết ở xoang mũi và chân răng, gia Sinh Địa hoàng, Mao căn, Tiên hạc thảo, Phiên bạch thảo. Sốt nhẹ kéo dài không lui, gia Miết giáp. Thể trạng yếu sức gia Ngọc trúc, Hoàng tinh. Nếu bệnh đã lâu, hư nhược toàn thân, thậm chí các khớp xương nhức mỏi, gia Tần giao, Quy tu. Ăn kém ngon, có thể gia Cốc nha, Đạo diệp tươi, Sơn dược. Tâm phiền có thể gia Chi tử. Giấc ngủ không yên gia Đăng tâm nhuộm, Chu xa và Huyên thảo diệp.

8. Đan chi xạ uất thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Chi tử hoa	10 gam	Cánh Mẫu đơn hoa	10 gam
Xạ can	10 "	Uất kim	10 "
Liên kiều	10 "	Thất diệp nhất chi hoa	12 "
Cam thảo	6 "	Tỳ bà diệp	12 "
Trần La bặc anh	12 "		

9. Lưu thị yết thư thang

Người cống hiến: Lưu Càn Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện huyện Lâm Ấp tỉnh Sơn Đông

Xuyên khung	15 gam	Đan sâm	18 gam
Đương qui	10 "	Đào nhân	10 "
Xích thược	10 "	Xạ can	10 "
Quế chi	5 "	Cát cánh	5 "
Cam thảo	8 "		

104. HỌNG NỔI KHỐI SƯNG

Họng nổi khối sưng chỉ hai bên cạnh yết hầu sưng to và đau dáng như con tằm, cho nên gọi là Nhũ nga.

Mới bị sưng họng, đau và phát sốt, ra mồ hôi, khát nước là có phong nhiệt hoả độc, nếu thấy chứng đại tiện khô kết, cho uống ***Kỳ thị nhũ nga phương số I (1)*** để thanh nhiệt giải độc, sơ biểu lý trung.

Nếu nhũ nga có chỗ loét, dưới hàm nổi hạch sưng rắn, dùng ***Kinh công tiêu độc thang (2)*** để thanh hoả giải độc, sơ phong tiêu sưng.

Họng sưng đỏ cứng rắn hoặc muốn vỡ, khó nuốt, kiêm chứng phát sốt nóng lạnh, ho mửa ra đờm dãi là nhiệt độc kiêm đàm úng tắc ở họng, cho uống ***Kinh bối cam hưu thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá đàm tán kết; cũng có thể phối hợp với ***Vu thị trị biển đào tuyến viêm phương (4)*** hút vào để gia tăng tác dụng giải nhiệt giảm đau, khư đàm lợi họng.

Nhũ nga sưng cứng không tiêu, có lúc đau hoặc có cơn đau cấp tính, đó là do hư hoả trôi nổi ở trên, dùng ***Sơn đậu kim liên thang (5)*** để giáng cái hoả trôi nổi, thanh cái nhiệt bốc lên và tiêu sưng cứng.

Họng sưng sốt cao, Tâm phiền khát nước, lưỡi đỏ ít tân dịch, có thể dùng ***Chu thị bát vị giải độc thang (6)*** để thanh nhiệt giải độc, sinh tân trừ khát.

Họng sưng to khá nặng, vô luận đã thành mủ hay không, đều có thể dùng ***Tả nùng thang (7)*** để thanh nhiệt giải độc, phá ứ tiêu sưng.

Nếu họng sưng hoặc đau mà sục đờm thở gấp thì dùng ***Phàn đởm phương (8)*** để làm cho mửa.

Nếu nhũ nga mủ đã chín, dùng ***Mao tạo quyết ung thang (9)*** nhằm tiêu độc thanh nhiệt, tan sưng trừ mủ.

Sau khi đã vỡ mủ, sốt nhẹ khát nước, dùng ***Kỳ thị nhũ nga phương số II(10)*** để dưỡng âm thanh nhiệt giải độc chưa sạch.

Sau khi vỡ mủ, khí âm đã tổn thương, có chứng phát sốt khát nước, mỏi mệt bạc nhược, uống ***Từ thị dưỡng âm ích khí phương (11)*** nhằm ích khí dưỡng âm, tiêu độc sinh cơ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Kỳ thị nhũ nga phương số I.

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Giới tuệ	4,5 gam	Bạc hà	3 gam
Kim ngân hoa	6 "	Đại thanh diệp	6 "
Sinh Chi tử	4,5 "	Huyền sâm	6 "
Thục Đại hoàng	2,1 "		

Chú ý: Sau khi amydal hoá mủ, có thể ở bên ngoài cục bộ phun Băng bằng tán hoặc Nga khẩu tán.

2. Kinh công tiêu độc thang

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kinh giới tuệ	7 gam	Tô Bạc hà	5 gam
Đạm đậu sị	10 "	Ngưu bàng tử	10 "
Bạch Cương tàm	6 "	Hôi mã bột	5 "
Bối mẫu	10 "	Thất diệp nhất chi hoa	10 "
Cam thảo tiết	5 "	Bồ công anh	12 "

Gia giảm: Đại tiện táo bón, tăng liều lượng Ngưu bàng tử, Bồ công anh và thêm Toàn qua lâu 10 - 15 gam. Nếu một hai ngày sau sốt giảm nhẹ, có thể bỏ Bạc hà, Đậu sị. Nếu hạch sưng không tiêu có thể thêm Huyền sâm, Kim ngân hoa, Liên kiều, Sơn từ cô, Xích thược, Bản lam căn.

3. Kinh bối Cam hưu thang

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tử kinh bì	10 gam	Triết Bối mẫu	10 gam
Uất kim	10 "	Tao hưu	10 "
Phòng phong	9 "	Cam thảo	4 "
Mộc phù dụng diệp	10 "		

Cách dùng: Dùng 400 ml nước, trước hết ngâm Tử kinh bì, Uất kim, Tao hưu trong 2 giờ, rồi sau mới bỏ các vị khác vào sắc lấy 200 ml, uống luôn cho hết. Lần sắc sau, đổ 300 ml nước, sắc cạn còn 200 ml. Cách 6 giờ sau mới uống tiếp lần thứ hai.

Gia giảm: Nóng rét không mồ hôi, gia Kinh giới, Đậu sị, Nơi sưng có sắc đỏ gia Xích thược hoặc Lệ chi thảo. Nơi sưng sắc đỏ tía gia Tử thảo, Liên kiều. Sưng nóng khá nặng, gia Nữ trinh diệp, Mộc cận hoa, Hoàng thục quì hoa. Đàm úng tắc gia Thổ ngưu tất tươi. Đại tiện táo kết, gia Kim qua lâu, Lai phục tử. Tiểu tiện nóng đỏ, gia Áp trích thảo.

4. Vu thị trị biển đào tuyến viêm phương

Người cống hiến: Cốc Thẩm, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Nhũ Sơn, tỉnh Sơn Đông

Ba đậu	6 gam	Tế tân	6 gam

Cách dùng: Tán bột, lấy giấy bản giải thuốc vào cuốn thành điếu, một đầu bịt kín. Khi dùng châm lửa đốt một đầu, còn đầu kia ngậm vào miệng đưa sát vào họng xông lấy khói, chừng nào nửa trên người ra được mồ hôi thì thôi.

5. Sơn đậu kim liên thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sơn đậu căn	4 gam	Kim liên hoa	9 gam
Mã bột	5 "	Triết Bối mẫu	10 "
Cam thảo	4 "	Huyền sâm	10 "
Cảm lãm	12 "	Trần La bặc	12 "

Gia giảm: Nội nhiệt nặng, gia Tuyết lý thanh. Dương bốc lên trên, gia Ngưu tất. Ra đờm nhiều, gia Cát cánh, Sơn từ cô. Có hiện tượng huyết uất, gia Tử kinh bì. Sưng đỏ nặng, gia Kim quả lãm. Nếu sau khi uống sáu thang, chứng trạng chưa chuyển biến, gia Nghinh xuân liễu diệp 2 gam. Sau khi uống thuốc, Vị mất sự điều

hoà, gia Quất bì. Nếu thể chất hư nhược, gia Thủ ô đỏ tươi. Nếu phía ngoài cổ sưng đỏ, có thể gia Hạ khô thảo, Uất kim.

6. Chu thị bát vị giải độc thang.

Người cống hiến: Chu Học Văn, Giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Kim ngân hoa	10 - 15 gam	Liên kiều	10 - 15 gam
Bạch mao căn	20 - 30 "	Sinh Thạch cao	20 - 30 "
Bản lam căn	15 - 20 "	Lô căn	10 - 15 "
Lục đậu	(vừa đủ)		

Cách dùng: Nấu Lục đậu lấy nước, lọc bã, lấy nước này sắc thuốc.

7. Tả nùng thang.

Người cống hiến: Chu Tông Vân, Phó giáo sư Đại học Y khoa số 2 Thượng Hải

Bối mẫu	Tạo giác thích
Sơn giáp (nướng)	Kim ngân hoa
Liên kiều	Tiêu sơn chi
Bản lam căn	Cương tàm (sao)
Hoàng cầm	Thiên hoa phấn
Sơn đậu căn	Lô căn

Gia giảm: Phụ nữ gặp lúc đang hành kinh, gia Tiểu kế. Người có thai nên bỏ vị thuốc hoạt huyết. Bệnh này khi mới phát, mủ sưng chưa rõ rệt, có thể giảm bỏ Tạo giác thích, Sơn giáp (nướng). Kiêm biểu tà, phát sốt sợ rét, khớp xương khá nặng, đau mỏi, có thể dùng Tạo giác thích, Sơn giáp nướng liều

cao. Bệnh ở thời kỳ cuối, thực nhiệt giảm nhiều, có thể giảm Sơn đậu căn, Bản lam căn, Hoàng cầm, gia Huyền sâm, Mạch môn đông.

8. Phàn Đởm phương

Người cống hiến: Đinh Cam Nhân tiên sinh,
Danh y nổi tiếng thời cận đại

Chân đởm phàn 9 gam

Đông nguyệt thanh ngư đởm (sấy khô)

Cách dùng: Hai vị tán bột, hoà nước cho uống làm cho mửa. Người hư yếu phải cẩn thận khi sử dụng.

9. Mao tạo quyết ung thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Mao châm	10 gam	Tạo giác thích	10 gam
Liên kiều	10 "	Tử hoa địa đinh	10 "
Cam thảo tiết	5 "	Thất diệp nhất chi hoa	10 "
Ma kim quả lãm	5 "	(hoà vào thuốc uống)	

Gia giảm: Phương này cũng có thể thêm Thiên hoa phấn, Triết Bối mẫu. Vùng da bên ngoài trắng nhợt thì khó nung mủ, có thể gia Xuyên khung, Bạch chỉ. Người cao tuổi và người thể lực yếu có thể gia Hoàng kỳ và Đương quy. Tinh thần hôn mê là do nhiệt nội hãm, thêm Đại mạo phấn. Nếu uống 1 thang mà chưa vỡ mủ, có thể gia Sơn giáp phiến hoặc Đông quỳ tử, hoặc gia Thổ Ngưu tất.

10. Kỳ thị nhũ nga phương số II

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Thanh cao	6 gam	Đại thanh diệp	9 gam
Huyền sâm	9 "	Sơn đậu căn	3 "
Thiên hoa phấn	9 "	Sinh Chi tử	6 "

11. Từ thị dưỡng âm ích khí phương

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Thâm Xuyên

Đảng sâm	10 gam	Sinh Hoàng kỳ	10 gam
Sinh Sơn dược	12 "	Thiên hoa phấn	10 "
Kim ngân hoa	10 "	Thạch hộc	12 "
Sinh Cam thảo	10 "		

105. YẾT HẦU TRẮNG XỐP

Vùng họng xuất hiện màng trắng xốp, bệnh nặng có thể lan toả tới vùng mũi, chứng này so với loại họng sưng đau hoặc bệnh biến nhũ nga có phần nguy cấp nặng hơn và thường gặp ở trẻ em.

Bệnh này khi mới phát, họng sưng đau, màng trắng nổi thành vệt, kiêm chứng phát sốt, cổ sưng, khát nước, mạch Phù là do phong nhiệt úng tắc ở trên, có thể dùng ***Sơ tán khứ độc phương (1)*** để sơ phong giải độc và thanh nhiệt.

Nếu màng trắng phát triển từng mảng, kiêm chứng khái thấu, khàn tiếng, họng khô phát sốt, khát nước Tâm phiền, tiểu tiện vàng là nhiệt tà làm thương âm tân, nhẹ thì dùng ***Ngô thị bạch hầu phương (2)*** để thanh nhiệt dưỡng âm, nặng thì dùng ***Gia giảm sa sâm mạch đông thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, dưỡng âm nhuận họng.

Âm tân hao thương khá nặng, kiêm chứng táo bón họng ráo thì nên dưỡng âm giữ gìn tân dịch, thanh nhiệt lợi họng, có thể dùng ***Dưỡng âm nhuận táo thanh yết thang (4).***

Nhiệt độc với âm tân tổn thương đều nặng cả thì cho uống ***Lã thị thanh yết giải độc thang (5).***

Nếu màng trắng ở họng thành mảng mà kiêm chứng Tâm phiền, hồi hộp, mặt môi xanh nhợt, mồ hôi ra nhỏ giọt, chân tay nghịch lạnh, tinh thần mỏi mệt muốn ngủ là thuộc tà độc nội

hãm Tâm bào hun đốt làm hại Tâm doanh, phải dùng ngay ***Cố bản thang (6)*** để ích khí dưỡng âm, phù chính cố bản.

Bệnh này có tính truyền nhiễm, trong thời kỳ thành dịch có thể cho uống ***Thanh long bạch hổ thang (7)*** để dự phòng.

Chứng này nên tham khảo với các mục "Yết hầu đau", "Họng khô" .v. v.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sơ tán khứ độc phương

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thâm Xuyên

Tang diệp	10 gam	Bạc hà	5 gam
Liên kiều	10 "	Ngưu bàng tử	10 "
Kim ngân hoa	15 "	Sinh địa	15 "
Bắc Sa sâm	12 "	Thổ Ngưu tất	15 "

Gia giảm: Nếu biểu chứng đã hết, trắng xốp chưa lui, bỏ Tang diệp, Bạc hà, Liên kiều, gia Huyền sâm 15 gam, Mẫu đan bì 10 gam. Họng sưng đỏ mà đau, cổ gáy sưng, gia Bản lam căn 15 gam, Hạ khô thảo 15 gam.

2. Ngô thị bạch hầu phương

Người cống hiến: Ngô Quang Liệt, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Nam An, tỉnh Phúc Kiến

Bạch điển ô thảo tươi (tức Hạn liên thảo) toàn cây 60 gam.

Cách dùng: Rửa sạch giã nát vắt lấy nước, thêm mật ong vừa đủ uống một lần sau bữa cơm. Nếu là bệnh nặng, uống ngay

1 lần, đến nửa đêm lại uống lần nữa, khi uống thuốc này nên phối hợp dùng với Suy hầu tán.

Phụ: ***Suy hầu tán:*** Cương tàm, Đảm phàn, Khô phàn, Thanh đại, Xuyên liên, Chu sa, Cam thảo phấn đều 3 gam.

Cách dùng: Tán bột đựng trong lọ để dùng, khi dùng lấy giấy cuốn thành một cái ống, một đầu cắt phẳng, một đầu cắt vát bỏ chút ít thuốc bột vào mà thổi vào họng, ngày thổi 3 - 4 lần, đến khi nào người bệnh nôn mửa chảy nhớt dãi thì thôi. Sau đó lại uống Bạch điển ô thảo chấp. Sau khi người bệnh được phun thuốc, mửa ra chất nước và thứ màng mỏng, sự khó thở sẽ theo đó mà dễ dàng hơn.

3. Gia giảm Sa sâm mạch đông thang

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bắc Sa sâm	6 gam	Đại mạch môn đông	10 gam
Tang diệp	6 "	Ngọc trúc	6 "
Thiêm hoa phấn	10 "	Huyền sâm	6 "
Kim ngân hoa	10 "	Cẩm đăng lung	6 "
Sinh Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Nếu biểu tà đã giải, mà vùng họng không lợi, có thể dùng Dưỡng âm thanh Phế thang. Nếu sốt cao không lui, tắc mũi, khàn tiếng, đờm tắc khí suyễn, tiếng như kéo cưa, uống nước bị sặc, sắc mặt tối sạm thì nên dùng Linh dương giác sắc uống thay nước chè chiêu với Lục thần hoàn.

4. Dưỡng âm nhuận táo thanh yết thang.

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	12 gam	Huyền sâm	10 gam
Mạch môn	10 "	Bạch thược	7 "
Xuyên Bối mẫu	10 "	Cam thảo	4 "
Kim quả lãm	5 " (mài uống)		
Trần La bặc anh	12 "		

Cách dùng: Ngâm vào 400 ml trong 20 phút, dùng củi lau đun nhỏ lửa, khi đã sôi vài dạo hoà đều thuốc đã mài vào, lại đun sôi, lọc bỏ bã, đợi hơi nguội, cho uống từ từ.

Gia giảm: Nếu nóng quá không đỡ và có hiện tượng xuất huyết, gia Mẫu đan bì. Khái thấu gia Tang diệp, Tỳ bà diệp, ngực khó chịu gia Chỉ xác. Tiểu tiện không lợi gia Xích Phục linh. Đại tiện khô gia Hoả ma nhân. Nếu táo bón vài ngày có thể gia Đại hoàng.

5. Lã thị thanh yết giải độc thang.

Người cống hiến: Lã Đồng Kiệt, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Sơn Đông

Sinh Địa hoàng	30 gam	Huyền sâm	24 gam
Mạch môn đông	18 "	Bạch thược	15 "
Mẫu đơn bì	15 "	Hoàng cầm	15 "
Cát cánh	9 "	Bản lam căn	45 "
Sơn đậu căn	15 "	Thiền thoái	6 "
Bạc hà	6 "	Cam thảo	6 "
Triết bối	15 "		

Cách dùng: Nói chung mỗi ngày uống một thang. Nếu họng sưng đau nặng, sốt cao không lui, cũng có thể uống tới hai thang một ngày, cách 3 đến 4 giờ uống một lần. Khoảng 1 - 2 ngày là có thể khống chế được bệnh tình.

Gia giảm: Thể chất vốn âm hư, hư hoả bốc lên gia Nhục quế tốt 2 - 3 gam để dẫn hoả qui-nguyên nhằm thu hiệu quả nhanh. Nếu Tỳ Vị hư yếu không chịu nổi thuốc hàn lương cũng có thể uống kèm chút ít Nhục quế hoặc Bào khương.

6. Cố bản thang

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Thâm Xuyên

Cam thảo trích	15 gam	Táo nhân sao	12 gam
A giao (hoà tan)	12 "	Sinh Qui bản	12 "
Sinh Hoàng kỳ	15 "	Ngũ vị tử	6 "
Đảng sâm	10 "	Mạch môn đông	10 "
Thổ Ngưu tất căn	30 "		

7. Thanh long bạch hổ thang.

Người cống hiến: Dương Chí Nhất tiên sinh, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Giang Tây

Sinh Cảm lãm	10 quả	Sinh La bặc (thái)	120 gam

Cách dùng: sắc uống mỗi ngày một lần hoặc uống thay nước trà.

106. TRONG HỌNG VƯỚNG NGHẼN

Chỉ chứng trạng trong họng như có vật vướng mắc khạc không ra nuốt không trôi, tục gọi là Mai hạch khí. Chứng này thường thấy đờm có nhiều ở hung cách, mỗi khi tình chí không thoải mái thì chứng trạng càng nặng, bụng và sườn trướng, ợ hơi trung tiện, biếng ăn, mạch Huyền, đó là khí uất đàm kết, có thể dùng ***Mai hạch khí phương (1)*** để hoá đàm giáng nghịch, điều khí khai uất.

Nếu kiêm chứng đại tiện lỏng nhão, chất lưỡi nhạt, thì uống ***Lý thị khoan cách thang (2)*** để điều khí khai uất, hoá đàm giáng nghịch và làm mạnh sự chuyển vận của Tỳ Vị.

Nếu kiêm chứng hồi hộp mất ngủ là đàm uất khí kết do huyết hư, có thể dùng ***Quan thị lợi khí giải uất thang (3)*** để lợi khí giải uất, hoá đàm tán kết, dưỡng huyết an thần.

Có các chứng yết hầu khô ráo, đại tiện bí kết là đàm với khí câu kết với nhau, âm dịch không đủ, cho uống ***Dưỡng âm giải uất hoá đàm thang (4)*** nhằm dưỡng âm sinh tân lợi họng, sơ Can giáng khí hoá đàm. Nếu chứng trạng quá nặng, đàm khí uất kết hoá nhiệt thương âm, có chứng trong họng gờn gợn như có vật vướng mắc, họng đỏ khô ráo khó chịu, ho khan ít đờm thì dùng ***Dư thị sơ Can giải uất lợi yết thang (5)*** để hoá đàm dưỡng âm thanh nhiệt.

Chứng nói trên lâu ngày chữa không khỏi, tái phát dằng dai, uất lại lâu ngày không giải, xuất hiện chất lưỡi tía tối, họng vướng căng trướng, ngủ không ngon, họng khô, dùng ***Hỷ khí thang (6)*** để hoạt huyết hoá đàm, sơ Can giải uất. Nếu thấy kiêm chứng họng đỏ hoặc sưng đau là nhiệt nung nấu huyết ứ, có thể dùng ***Lý thị mai hạch khí phương (7)*** để lý khí hoạt huyết, thanh nhiệt lợi hỏng.

Yết hầu vướng mắc, hoặc thấy sưng đỏ và nấc, hoặc bụng trướng táo bón đó là trên bị lấp, dưới bị vít, nên dùng phép tả hạ thông Phủ mới có thể giải trừ được sự uất kết ở trên, cho uống ***Nhiễm thị thông tiện công hạ phương (8)***

Nếu do hóc xương làm nghẽn tắc ở họng dùng ***Dương thị ngạnh cốt ngạnh hầu phương (9)*** để lợi họng làm xương ra thuận chiều.

PHỤ PHƯƠNG

1. Mai hạch khí phương

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Tô ngạnh
Bán hạ
Phục linh
Bạch giới tử
Giới bạch
Giáng hương
Trúc nhự
Hậu phác
Trần bì
Đại phúc bì
Lai phục tử (sao)
Lộ lộ thông
Bạch thông thảo

2. Lý thị khoan cách thang

Người cống hiến: Lý Hưng Bồi, Y sư chủ nhiệm Y học viện Tân Cương

Đảng sâm	15 - 25 gam	Phục linh	15 gam
Trần bì	15 - 25 "	Bán hạ	12 "
Mạch nha	15 - 25 "	Xương truật	10 "
Bạch truật	10 "	Thanh bì	10 "
Chỉ xác	10 "	Hậu phác	10 "
Tân lang	10 "	Sơn tra	10 "
Thần khúc	10 "	Cát cánh	6 "
Sinh khương	3 "	Cam thảo (nướng)	3 "

3. Quan thị lợi khí giải uất thang

Người cống hiến: Quan Hưng Yến, Phó giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Sài hồ	10 gam	Toàn phúc hoa	10 gam
Thanh bì	10 "	Trần bì	15 "
Hương phụ	15 "	Ô dược	10 "
Hậu phác	15 "	Uất kim	15 "
Đan sâm	15 "	Đương qui	15 "
Xuyên khung	15 "	Dạ giao đằng	15 "
Hợp hoan bì	15 "	Táo nhân (sao)	20 "
Cam thảo	10 "		

4. Dưỡng âm giải uất hoá đàm thang

Người cống hiến: Chu Tôn Vân, Phó giáo sư Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Bát nguyệt trát	6 gam	Cam thảo	4,5 gam
Bạch tàn hoa	4,5 "	Lục ngạc mai	4,5 "

Uất kim	9 gam	Phục linh	12 gam
Trạch tả	9 "	Bạch thược	9 "
Xuyên luyện tử	9 "	Hải phù thạch	12 "
Đại giả thạch	12 "	Mạch môn đông	9 "
Huyền sâm	9 "		

Gia giảm: Nhiều đờm gia Cáp xác. Họng khô nhiều gia Thiên hoa phấn, Thạch hộc.

5. Dư thị sơ Can giải uất lợi yết thang

Người cống hiến: Dư Dưỡng Cư, Y sư phó chủ nhiệm Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Bát nguyệt trát	6 gam	Uất kim	6 gam
Lục ngạc mai	6 "	Toàn phú hoa	6 "
Bạch cúc hoa	6 "	Phật thủ hoa	6 "
Đại giả thạch	12 "	Hải phù thạch	12 "
Bạch truật	12 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Huyền sâm	12 "	Mạch môn đông	12 "

6. Hỷ khí thang

Người cống hiến: Ngô Toàn Cảnh, Phó giáo sư Y Học viện Sơn Tây

Đan sâm	Xích thược
Sài hồ	Bán hạ
Cát cánh	Cam thảo

Gia giảm: Mất ngủ hay mê nghiêm trọng, gia Dạ giao đằng, Hợp hoan hoa. Ngực sườn đầy nghiêm trọng gia Hương phụ. Dạ dày yếu ăn kém nghiêm trọng gia Mộc hương. Khí huyết hư gia

Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương qui, Bạch thược. Rối loạn tiêu hoá nghiêm trọng gia Tiêu tam tiên.

7. Lý thị mai hạch khí phương

Người cống hiến: Lý Lạc Viên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Tế Nam, tỉnh Sơn Đông

Sao Tô tử	10 gam	Cát cánh	10 gam
Mộc hương	10 "	Đào nhân	10 "
Hoà nhục	12 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, dùng 500 gam đường trắng cho nước vào hoà tan trộn đều bột thuốc vào đặt nghiêng lên bàn, để hơi nguội, lấy tay lăn thành sợi, lấy dao cắt từng khúc lớn nhỏ tuỳ ý, mỗi lần ngậm một khúc, ngày ba lần, sau bữa cơm.

8. Nhiễm thị thông tiện công hạ phương

Người cống hiến: Nhiễm Tuyết Phong tiên sinh,
Trung y học gia trứ danh

Đại hoàng	6 gam	Hậu phác	15 gam
Chỉ thực	10 "	Mang tiêu	15 "
Uy linh tiên	10 "		

9. Dương thị ngạnh cốt ngạnh hầu phương

Người cống hiến: Dương Minh Đống, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Cổ Lận tỉnh Tứ Xuyên

Bằng sa	10 gam	Sa nhân	10 gam
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Tán bột, lấy bông chấm tý bột thuốc ngậm trong miệng hoặc cho uống.

107. KHÀN TIẾNG

Chỉ chứng trạng không phát âm thành tiếng hoặc khản tiếng, thường gặp ở nhiều loại tật bệnh.

Đột ngột khản tiếng hoặc phát âm không thành tiếng, đau họng, khái thấu thở thô và phát sốt ố hàn là phong hàn bó ở ngoài, cho uống ***Tiền cát hạnh tô thang (1)*** để sơ phong tán hàn, tuyên Phế thông âm.

Nếu vốn có nội nhiệt là do hàn ở bên ngoài uất lại không thoát ra hoặc phía trên bị nhiễm phong nhiệt gây nên khản tiếng, phần nhiều kiêm chứng ố hàn phát nhiệt, khát nước, họng sưng đỏ đau, trong Tâm phiền nhiệt, nếu nghiêng về ngoài tà uất ở Phế thì dùng ***Bội tổn hưởng thanh phá địch hoàn (2)*** để tán biểu tà, thanh lý nhiệt và lợi yết hầu. Nếu nghiêng về lý nhiệt thì dùng ***Dư thị tang âm phương số 1 (3)*** để tuyên Phế thanh nhiệt, tán hàn khai âm.

Nếu uất nhiệt tổn thương tân dịch, thường thấy kiêm chứng họng khô ráo, có thể phối hợp sử dụng ***Dương thị nhuận hầu tán (4).***

Nếu khản tiếng mà đau họng, có cảm giác nóng rát, ố phong, khái thấu đờm vàng là thuộc đàm nhiệt uất kết gây nên, dùng ***Thanh Phế khai âm thang (5)*** để thanh Phế lợi Cách, tuyên khí khai âm.

Khản tiếng kéo dài, họng khô rít đau, họng ngứa đờm dính, sốt nhẹ là âm hư nội nhiệt, uống ***Nhuận hầu thang (6)*** để dục âm nhuận hầu, thanh âm thoái nhiệt.

Không phát âm thành tiếng hoặc khản tiếng, vùng họng phì ra, lớn hơn, sưng trướng, lâu ngày không khỏi là thuộc đàm ứ uất kết, dùng ***Tam giáp tán (7)*** để hành ứ tán kết, hoá đàm khai âm.

Tiếng thấp hoặc không phát âm thành tiếng, thanh đới sắc trắng, co dãn kém, sử dụng ***Gia vị Bổ trung ích khí thang (8)*** để bổ Phế ích Tỳ, tán kết làm phát âm rõ hơn.

Kiêm chứng họng khô và ngứa, khát nước thích uống, tiếng thấp mỏi mệt, sắc lưỡi tía tối là khí âm đều hư, huyết lạc ứ trệ, có thể dùng ***Dư thị tảng âm phương số II (9)*** để ích khí hoạt huyết, dưỡng âm khai âm.

Người vốn béo mập ngực khó chịu nhiều đờm, khản tiếng ngày càng nặng, vùng yết hầu thường có cảm giác vướng mắc, gặp khi tính chí không thoải mái bệnh tăng thêm, trong họng có đờm nghẽn tắc, có khi khạc ra cục đờm keo dính, thanh đới có mầu trắng sạm, há miệng mở miệng khó khăn, có thể dùng ***Sơ Can hoá đàm thang (10)*** để sơ Can hoà Tỳ, lợi khí hoá đàm.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Họng khô", "Đau yết hầu" và "Khái thấu".

1. Tiền cát hạnh tô thang

Người cống hiến: Cảnh Giám Đình, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tiền hồ	5 gam	Cát cánh	6 gam
Tô diệp	6 "	Thiền thuế	6 "
Quất bì	6 "	Hạnh nhân	9 "
Cam thảo	4 "		

Gia giảm: Nếu nhiễm phong hàn đột ngột thì lấy hàn tà là chủ yếu, có thể bỏ Tô diệp gia Ma hoàng. Nếu khái thấu liên tục thì gia Tử uyển, Khoản đông hoa. Nếu nhiều đờm muốn nôn, có thể gia Bán hạ. Nếu bên trong có đờm trệ, có thể gia Chỉ xác, Uất kim, Trần la bặc anh. Tiểu tiện không lợi, có thể gia Xích Phục linh.

2. Bội tổn hưởng thanh phá địch hoàn.

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm Trung tâm y viện Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Sinh Kha tử	9 gam	Cát cánh	9 gam
Liên kiều	9 "	Mộc hồ diệp	12 "
Thiền thuế	6 "	Bạc hà	6 "
Xuyên khung	6 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Thế trạng vốn nội nhiệt, gia các vị thanh tiết thấu phát như Ngưu bàng tử hoặc Bạn đại hải. Nếu hoả bị hàn uất, khái thấu đàm trệ mà mất tiếng, gia Tiền hồ, Hạnh nhân, Qua

lân. Phế nhiệt âm khuy gia Sa sâm, Mạch môn đông, Thiên hoa phấn, Lô căn.

3. Dư thị tang âm phương số I.

Người cống hiến: Dư Dưỡng Cư, Y sư phó chủ nhiệm Đại học y khoa số II Thượng Hải

Bạn đại hải	6 gam	Sinh Cam thảo	4,5 gam
Ma hoàng	3 "	Cương tàm	12 "
Xích thược	9 "	Hoàng cầm	9 "
Đại thanh diệp	12 "	Sinh khương	2 "

4. Dương thị nhuận hầu tán

Người cống hiến: Dương Quốc Tùng, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Lâm Hải, tỉnh Triết Giang

Địa lực phấn	70 gam	Hải phù thạch	30 gam
Băng phiến	3 "		

Cách dùng: Trước hết nghiền bột Hải phù thạch trộn đều với Địa lực phấn, cuối cùng gia Băng phiến lại nghiền nhẹ nhẹ trộn đều lần nữa, đậy kín. Khi dùng lấy chút ít bỏ vào miệng ngậm dợi khi nào ứa nước bọt thì ngậm nuốt từ từ làm cho thuốc và tân dịch quyện vào nhau thì hiệu quả càng tăng, cách một, hai giờ ngậm một lần, có thể đồng thời cùng ngậm với Lục thần hoàn.

5. Thanh phế khai âm thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Xạ can	3 gam	Mã đâu linh	6 gam
Đông qua nhân	9 "	Thiền thoái	3 "

Bạn đại hải	9 gam	Sinh Ngưu bàng tử	9 gam
Bắc Sa sâm	9 "	Sinh Cam thảo	3 "
Tỳ bà diệp	9 "	Xuyên Bối mẫu	3 "

(Bạn đại hải nếu không có, thay bằng Qua lâu bì, đồng thời có thể gia Lê tươi 1 quả, để nguyên vỏ, bỏ lõi, cùng sắc với các vị thuốc khác)

6. Nhuận hầu thang

Người cống hiến: Từ Hồng Khánh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Thâm Xuyên

Bắc Sa sâm	12 gam	Mạch môn đông	10 gam
Huyền sâm	10 "	Bạc hà	10 "
Thanh quả	10 "	Mẫu đơn bì	10 "
Câu kỷ tử	10 "	Sinh Cam thảo	10 "
Mộc hồ diệp	6 "		

7. Tam giáp tán

Người cống hiến: Can Tổ Vọng, Giáo sư Trung y viện Nam Kinh

Miết giáp	Quy bản
Xuyên sơn giáp	Thiền thuế
Cương tàm	Giá trùng
Đương quy	Tam lăng
Nga truật	Lạc đắc đả
Côn bố	Hải tảo
Cửu hương trùng	Ngoã bạng tử
Nhũ hương	Một dược

8. Gia vị Bổ trung ích khí thang

Người cống hiến: Hoa Lương Tài, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Hoàng kỳ	Đảng sâm
Đương qui	Trần bì
Trích Cam thảo	Thăng ma
Sài hồ	Bạch truật
Kha tử	Cát cánh
Đồng tiện	Xuyên bối
Thiên trúc hoàng	

9. Dự thị tang âm phương số II.

Người cống hiến: Du Dưỡng Cư, Y sư phó chủ nhiệm Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Thái tử sâm	15 gam	Hoàng kỳ	12 gam
Đan sâm	12 "	Xích thược	12 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Cam thảo	4,5 "
Cương trùng	12 "	Thiền thuế	4,5 "
Mạch môn đông	12 "		

10. Sơ Can hoá đàm thang

Người cống hiến: Hoa Lương Tài, Giáo sư Trung y học viện Cam Túc

Sài hồ	Bạch thược
Đương qui	Bạch truật
Bạc hà	Sinh khương
Phục linh	Cát cánh

Xuyên bối
Bằng sa
Cương tàm
Hài nhi trà
Hải tảo
Thiên trúc hoàng
Hải phù thạch
Thiền thuế
Côn bố

108. NGỨA HỌNG

Trong họng phát ngứa, là một chứng trạng của ngoại cảm khái thấu, bệnh phần nhiều do nguyên nhân phong, nhiệt, táo tà gây nên.

Họng ngứa, ho từng cơn, hoặc ho kịch liệt co rúm cả người, mửa dãi dính, khí xông lên suyễn thở là thuộc nhiệt tà làm tổn thương Phế, đàm nhiệt úng nghẽn, có thể dùng ***Từ thị hầu dương kính khái phương (1)*** để tuyên Phế thanh nhiệt hoà đàm.

Nếu yết hầu ngứa lạ lùng, có thể ngậm ***Thanh hoá hoàn (2)*** để tuyên Phế thanh hoá hoá đàm.

Yết hầu đau và ngứa, tái phát luôn, khi ngứa thì ho, ít đờm, khó khạc là thuộc phong tà kiêm nhiệt uất kết Phế hệ, nên sơ phong thanh nhiệt, lợi họng tuyên Phế, dùng ***Cố thị lợi yết tuyên Phế thang (3).*** Cũng có thể phối hợp thuốc ngậm ***Lý thị yết dương hàm hoá hoàn (4).***

Họng ngứa, ho lâu khó chịu giống loại táo khái mà thực ra không phải, do phong hàn gây nên, dùng ***Giang thị gia vị kim phí thảo tán (5).***

Chứng này là một chứng thường gặp của bệnh thuộc Phế hệ, các chứng "Khái thấu", "Họng khô", "Tiếng khàn" thường kiêm thấy cả chứng này, nên tham khảo các mục đó.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hầu dương kính khái phương

Người cống hiến: Từ Sùng Niên, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Ma hoàng	9 gam	Trích Cam thảo	9 gam
Bán hạ	12 "	Sinh Thạch cao	40 "
Thiên trúc tư	12 "	Bách bộ	15 "
Sinh khương	2 nhát	Đại táo	4 quả

2. Thanh hoá hoàn

Người cống hiến: Từ Sùng Niên, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Bối mẫu	Hạnh nhân
Thanh đại	

Cách dùng: Căn cứ vào bệnh tình, dùng một tỉ lệ nhất định, gia công chế thành dạng thuốc mà nên ngậm.

3. Cố thị lợi yết tuyên Phế thang

Người cống hiến: Cố Bảo Quân, Phó nghiên cứu viên
Trung y học viện Nam Kinh

Tang diệp	10 gam	Bạc hà	10 gam
Ngưu bàng tử	10 "	Hạnh nhân	10 "
Kim ngân hoa	10 "	Bản lam căn	12 "
Đại bối	6 "	Tử uyển	10 "
Cát cánh	6 "	Cam thảo	6 "

4. Lý thị yết dương hàm hoá hoàn

Người cống hiến: Lý Quốc Chương, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y học tỉnh Sơn Tây

Thanh đại	15 gam	Băng phiến	15 gam
Cáp phấn (nung)	90 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam, mỗi lần ngậm 1 viên, ngày 3 lần.

5. Giang thị gia vị kim phí thảo tán

Người cống hiến: Giang Nhĩ Tốn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện thị trấn Lạc Sơn tỉnh Tứ Xuyên

Kim phí thảo (có thể thay bằng Toàn phú hoa)

Thược dược	Cam thảo
Kinh giới tuệ	Ma hoàng
Bán hạ	Tiền hồ
Tang bạch bì	Ô dược
Sinh khương	Cát cánh

Cách dùng: Sắc uống vào lúc không no không đói. Nếu uống thuốc vào có cảm giác buồn nôn, có thể trước khi uống nhấm nhấp một nhát gừng tươi, từ từ nuốt lấy nước, lát sau uống thuốc. Nếu là trẻ em, có thể lấy chút ít nước Gừng, pha vào trong nước thuốc cho uống.

Gia giảm: Phong nhiệt khái thấu, bỏ Kinh giới, Tiền hồ, hợp với Tang cúc ẩm. Táo nhiệt khái thấu, bỏ Kinh giới, Tiền hồ, hợp với Bối mẫu qua lâu tán. Nhiều đờm loãng, hợp với Nhị Trần thang. Đờm vàng dính, gia Hoàng cầm hoặc hợp với Tả bạch tán.

Kiêm chứng suyễn, hợp với Tam ao thang. Đờm úng tắc thở gấp, trên thịnh dưới hư bỏ Kinh giới, Tiền hồ, hợp với Tô tử giáng khí thang. Khái thấu kéo dài, ngoại chứng không rõ hợp với Chỉ thấu tán. Tỳ vị hư yếu, hợp với Ngũ vị dị công tán. Cảm mạo tái phát, hợp với Ngọc bình phong tán.

109. HỌNG KHÔ

Họng khô ráo là chứng trạng thường gặp trong bệnh nội thương ngoại cảm, có quan hệ chặt chẽ với nhiệt tà và phần âm bị tổn thương.

Người bị tật bệnh ở vùng họng kéo dài thường gặp chứng họng khô hoặc đau họng, hoặc ở vùng họng bị nhiễm dị vật rõ rệt, vùng ngực co thắt lâu ngày không khỏi, đó là đàm khí uất tích kéo dài, hoá nhiệt thương âm gây nên. Có thể dùng ***Lã thị giải uất lợi yết thang*** để lý khí hoá đàm, khai uất lợi họng, kèm theo thuốc dưỡng âm thanh nhiệt hoạt huyết.

Chứng này tham khảo với các chứng "Đau yết hầu" và "Trong họng vướng tắc".

PHỤ PHƯƠNG

Lã thị giải uất lợi yết thang

Người cống hiến: Lã Khuê Kiệt, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Thương Châu tỉnh Hà Bắc

Thanh Bán hạ	9 - 12 gam	Hậu phác	9 - 12 gam
Chỉ xác	12 "	Phục linh	10 - 15 "
Cát cánh	9 "	Thạch xương bồ	9 - 12 "
Bạc hà (sắc sau)	6 "	Đan sâm	15 - 30 "

Huyền sâm	15 gam	Kim quả lãm	12 gam
Sơn đậu căn	9 "	Cam thảo	10 "

Gia giảm: Họng sưng đỏ rõ rệt, gia Bản lam căn 20 - 30 gam. Chất lưỡi tối, rìa lưỡi có nốt ứ huyết, tăng liều lượng Đan sâm, lại gia Mẫu đan bì (hoặc Xích thược). Bệnh lâu ngày thương âm, chất lưỡi đỏ ít rêu, giảm lượng Bán hạ, Hậu phác, gia Sinh Địa hoàng 15 - 20 gam, Mạnh môn đông 15 gam. Âm hư hoả vượng, có thể uống thêm Tri bá địa hoàng hoàn.

110. TRONG HỌNG CÓ TIẾNG ĐỜM KHÒ KHÈ

Bệnh này chỉ chứng trạng đờm dãi úng thịnh tụ đọng ở họng, khí bị đàm ngăn cản, do đó mà hô hấp có tiếng khò khè, thường gặp ở chứng khái thấu và bệnh biến thở gấp, biện chứng luận trị có thể tham khảo ở các mục "Suyễn gấp", "Khái thấu" và "Hôn mê".

Trong họng trẻ em có tiếng đờm sùng sục, thở thô, hôn mê huy ngủ, thần thức lơ mơ, thậm chí hôn muội không tỉnh, chất lưỡi nhớt bẩn là do đờm trọc vít khiếu, có thể uống ***Giang thị đàm trở khí đạo tán*** để quét đàm khai khiếu thuận khí.

PHỤ PHƯƠNG

Giang thị đàm trở khí đạo tán

Người cống hiến: Giang Dục Nhân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Thanh mông thạch 5 phần Huyền minh phấn 3 phần

Trầm hương phấn 2 phần

Cách dùng: Nghiền bột mịn, mỗi lần dùng 1 - 2 gam, ngày 3 - 4 lần.

PHẦN IX

CHỨNG TRẠNG CỔ GÁY

Chứng trạng cổ gáy là chứng trạng thứ yếu thường gặp trong nhiều tật bệnh, nói chung không coi là chủ chứng. Mục này giới thiệu một số chứng trạng có giá trị chẩn đoán thường gặp như Cổ cứng, Cổ thô, Kết hạch bên cạnh cổ và Nhọt độc ở vùng cổ gáy.

111. CỔ CỨNG

Cổ cứng là chỉ gân mạch cơ thịt ở vùng gáy liền với vùng lưng bị cứng đơ không cúi, ngửa, không ngoảnh được sang hai bên phải và trái. Ngoại cảm nhiệt bệnh và nội thương tạp bệnh đều có thể xuất hiện chứng này.

Trong bệnh nhiệt, phát sốt đột ngột, đau đầu nôn mửa, vùng gáy căng cứng thậm chí hôn mê là do nhiệt độc uế trọc gây nên, điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc lợi thấp, phương hương hoá trọc trừ uế tạp, cho uống ***Triệu thị lưu hành tính ất hình não viêm phương (1).***

Nếu kiêm chứng sốt cao, ngực khó chịu và nôn mửa khá nặng, có thể dùng ***Thanh ôn tịch uế phương (2)*** để thanh ôn tịch uế.

Kiêm chứng sốt cao, tự ra mồ hôi, nhức đầu dữ dội, hay ngủ, nôn mửa luôn, đó là nhiệt độc phạm vào khí doanh, điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc, thấu doanh chuyển khí, dùng ***Hạ thị ất não phương số II (3).***

Nếu sốt cao hôn mê, khát nước, nóng rát không mồ hôi, rêu lưỡi nhớt là do khí phận nhiệt thịnh, Vị âm đã tổn thương, điều trị nên thanh khí thấu nhiệt hoá thấp, dưỡng âm hoà Vị, cho uống ***Tống thị thấp ôn phương (4).*** Cổ gáy cứng đơ, sốt cao hôn mê, chân tay co giật, khát nước, tiểu tiện vàng, là do nhiệt cực

sinh phong, nên thanh nhiệt bình Can dẹp phong, cho uống ***Dương thị hoá tài phong dẫn thang (5).***

Kiêm chứng trong họng có tiếng đờm xèo xèo, đại tiện chưa giải là do đàm nhiệt mê khiếu, tâm thần mất tác dụng, tình thế bệnh vào giai đoạn nguy hiểm, nên thanh Tâm hoá đàm khai khiếu, thông phủ tiết nhiệt dẹp phong, thì dùng ***Chu thị ất não cực kỳ phương (6).***

Những chứng bệnh nói trên có tính truyền nhiễm nhất định, ở khu vực có dịch nên dùng các thuốc thanh nhiệt giải độc tịch uế hoá trọc mà dự phòng, như ***Lưu thị ất não dự phòng phương (7), Ấu thị ất não dự phòng phương (8).***

Trong nội thương tạp bệnh, cổ gáy cứng đơ khó chịu, bệnh trình kéo dài, kiêm chứng chóng mặt ù tai lưng đùi mềm yếu, mặt mắt đỏ, đầu nặng chân nhẹ, đi đứng lảo đảo, mạch Huyền Tế là thuộc âm khuy dương cang.

Kinh mạch mất nuôi dưỡng, nên tư thuỷ hàm mộc, bình Can tiềm dương, nhu cân dẹp phong, cho uống ***Huyền vặng ninh (9).***

Nếu gáy cứng khó chịu kéo dài, lại đau nhức là do âm huyết hư thiếu, gân mạch không vinh nhuận, dùng ***Bạch thược mộc qua thang (10)*** để thư cân dưỡng huyết, tư âm chỉ thống.

Gáy cứng lâu ngày, xoay chuyển khó khăn, đau nhức, kiêm chứng chân tay tê dại, mỏi đau gân xương hoặc miệng mắt méo xếch là thuộc đờm ứ nghẽn đường Lạc, gân mạch không điều hoà, cho uống ***Trừ tý trục ứ thang (11)*** để hoạt huyết hoá ứ, hành khí thông lạc, trừ thấp quét đàm.

Gáy cứng chân tay tê dại, lưng và cột sống cử động khó khăn mà bệnh đau lâu ngày là thuộc Thận hư kiêm phong thấp ngưng trệ ở kinh lạc, bên trong cho uống ***Uy linh thang (12)*** để bổ Thận hành ứ khư phong trừ thấp, thông lạc giảm đau, bên ngoài thì bôi ***Cân cốt chỉ thống tửu (13)*** để ôn thông hành ứ, thư lạc giảm đau.

Gáy cứng đi khó chịu mà đau, hoặc do nằm lệnh gối cổ bị vẹo gây đau, có thể dùng ***Dương thị thư cảnh thang (14)*** để thư phong giải cơ, thông lạc chỉ thống.

PHỤ PHƯƠNG

1. Triệu thị lưu hành tính ất hình não viêm phương

Người cống hiến: Triệu Thiệu Cầm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Bội lan	10 gam	Hoắc hương	12 gam
Bán hạ	10 "	Hoàng liên	2 "
Uất kim	10 "	Hoạt thạch	10 "

2. Thanh ôn tịch uế phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu hảo Bắc Kinh

Đại thanh diệp	30 gam	Hoắc hương tươi	30 gam
Bội lan tươi	30 "	Liên kiều	12 "
Hoàng cầm	9 "	Ngọc khu đan	12 "
Thanh cao	12 "	Kim ngân hoa	12 "

3. Hạ thị ất não phương số II

Người cống hiến: Hạ Tường, Phó Giáo sư Đại học Y khoa số II Thượng Hải

Thạch cao	60 gam	Sinh Địa hoàng tươi	60 gam
Mẫu đan bì	9 "	Xích thược	9 "
Kim ngân hoa	12 "	Liên kiều	12 "
Tri mẫu	9 "	Hoàng liên	3 "
Hoàng cầm	9 "	Long đởm thảo	9 "
Đại thanh diệp	12 "	Thiền thuế	9 "
Lô căn	30 "	Mao căn	30 "
Ích nguyên tán	30 "	Ngọc khu đan	3 "

4. Tống thị thấp ôn phương

Người cống hiến: Tống Hiếu Chí, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Hoắc hương	10 gam	Sinh Thạch cao	30 gam
Huyền sâm	10 "	Thiền thuế	10 "
Cam thảo	6 "	Đại táo	6 "

5. Dương thị hoá tài phong dẫn thang

Người cống hiến: Dương Huệ, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Long cốt	12 gam	Mẫu lệ	12 gam
Hàn thuỷ thạch	15 "	Hoạt thạch	12 "
Xích Thạch chi	12 "	Bạch Thạch chi	12 "
Tử Thạch anh	12 "	Sinh Thạch cao	60 "
Linh dương giác	3 "	Câu đằng	15 "
Mẫu đan bì	9 "	Cam thảo	3 "

6. Chu thị ất não cực kỳ phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Trích Toàn yết	10 gam	Ba đậu sương	0,25 gam
Bằng sa	1 "	Tê hoàng	0,35 "
Phi Chu sa	1,5 "	Phi Hùng hoàng	1,2 "
Trần đờm tinh	3 "	Xuyên bối	1,5 "
Thiên trúc hoàng	1,5 "		
Xạ hương	0,15 " bỏ vào sau		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn đựng trong bình đậy kín, mỗi lần uống 0,7 gam. Trẻ em uống 0,4 gam, ngày 1 đến 2 lần. Nói chung sau khi dùng thuốc 3 - 4 giờ, sẽ đại tiện ra những tạp chất niêm dịch mầu đen lẫn vàng và trắng, qua đó đờm sẽ tiêu và tinh táo. Nếu chưa đại tiện có thể cho uống tiếp lần nữa.

7. Lưu thị ất não dự phòng phương

Người cống hiến: Lưu Húc Thần, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Đại thanh diệp	15 gam	Sinh Thạch cao	25 gam
Xương bồ	10 "		

8. Ấn thị ất não dự phòng phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung - Nhật hữu hảo Bắc Kinh

Long đờm thảo	15 gam	Bản lam căn	30 gam

Cách dùng: Sắc uống kèm theo với Tỵ ôn đan hoặc Tử kim đĩnh 3 gam.

9. Huyễn vận ninh

Người cống hiến: Lưu Hải Hàm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện khu vực Chu Khẩu tỉnh Hà Nam

Thục Địa hoàng	15 gam	Sơn thù du	30 gam
Sơn dược	30 "	Phục thần	30 "
Đan sâm	30 "	Ngũ vị tử	12 "
Bạch truật	30 "	Thiên ma	12 "
Câu đằng	30 "	Cúc hoa	30 "
Phòng phong	15 "	Ngọc trúc	30 "
Sinh Long cốt	15 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Tao hưu	10 "		

10. Bạch thược mộc qua thang

Người cống hiến: Thành Nghiệp Điền, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Bạch thược	30 gam	Mộc qua	13 gam
Kê huyết đằng	15 "	Cát căn	10 "
Cam thảo	10 "		

Gia giảm: Bạch thược là vị thuốc chủ yếu, có thể trọng dụng tới 60 gam, nhưng Bạch thược vị chua tính lạnh, có một số ít bệnh nhân phát hiện chứng ỉa chảy thì nên giảm liều lượng, đồng thời thêm Bạch truật sao 15 gam, Hoài sơn 15 gam.

11. Trừ tý trục ứ thang.

Người cống hiến: Lã Đồng Kiệt, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Đương qui	15 gam	Xuyên khung	12 gam
Hồng hoa	9 "	Lưu ký nô	12 "

Khương hoàng	12 gam	Lộ lộ thông	30 gam
Khương hoạt	9 "	Bạch chỉ	12 "
Linh tiên	12 "	Tang chi	30 "
Đởm nam tinh	9 "	Bạch giới tử	9 "

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống 6 thang thì nghỉ uống một ngày. Mười hai ngày làm một đợt điều trị.

Gia giảm: Người khí hư thể lực yếu, tay tê dại rõ rệt, gia Hoàng kỳ 30 gam. Gáy lưng căng cứng gia Cát căn 24 gam, nhiệt uất ở kinh lạc gia Kim ngân đằng 30 gam. Thấp nhiệt nung nấu ở trong, Tâm phiền miệng đắng gia Hoàng cầm 9 gam hoặc Chi tử 9 gam. Long đởm thảo 4,5 gam.

12. Uy linh Thung dung thang (hoàn).

Người công hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Uy linh tiên	15 gam	Nhục thung dung	15 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Thanh phong đằng	15 "
Đan sâm	15 "		

Cách dùng: Mỗi ngày một thang sắc 2 nước chia làm 2 lần uống hoặc tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, mỗi lần uống 1 viên ngày 2 lần.

Gia giảm: Chi trên tê dại gia Khương hoàng 10 gam. Chi dưới tê đau gia Ngưu tất 10 gam.

Chú ý: Giữ gìn các khớp tránh tải trọng quá độ, lánh lạnh gần ấm, hạn chế đồ ăn béo ngọt, khống chế thể trọng để đỡ gánh nặng.

13. Cân cốt chỉ thống tửu

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Sinh Thảo ô	10 gam	Tế tân	10 gam
Dương kim hoa	6 "	Băng phiến	16 "

Cách dùng: Đem ba vị ở trên nghiền bột, dùng cồn (rượu tốt) 50 °C 300 ml ngâm bột thuốc. Băng phiến lại dùng riêng 200 ml cồn 50 °C ngâm, mỗi ngày quấy trộn một lần, sau một tuần thì lọc bỏ bã, trộn 2 nước thuốc vào nhau, đựng vào bình pha lê màu, mỗi lần dùng lấy bông chấm rượu thuốc bôi vào nơi đau, ngày vài ba lần.

14. Dương thị thư cảnh thang.

Người cống hiến: Dương Hy Hiền, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện phụ thuộc Trung y học viện Phúc Kiến

Sinh Long cốt	20 gam	Từ thạch	20 gam
Cát căn	15 "	Khương hoàng	9 "
Khương hoạt	9 "	Ty qua lạc	10 "
Xích thược	10 "		

112. CỔ THÔ (Bạnh)

Dưới hàm phía trước cổ sưng thô cả hai bên gọi là cổ thô.

Hai bên hoặc một bên kết hậu sưng mềm, chân không rõ, nầu sắc như thường, ấn vào mềm, không đau. Nếu kiêm chứng bụng trướng ngực khó chịu, buồn nôn, nôn mửa, đại tiện lỏng, êu lưỡi nhớt mạch Huyền Hoạt là thuộc Can uất đàm kết, nên dùng phép hoá đàm giải uất, tan kết mềm chất rắn, cho uống ***Quách thị trị anh phương (1).***

Đàm khí uất kết khá nặng, thêm chứng khàn tiếng khó thở, nên dùng ***Tiêu anh phương (2)*** để thư Can giải uất, hành khí hoá đàm, làm tan làm mềm cứng rắn.

Kiêm chứng Tâm hoang phiền nhiệt, nhiều mồ hôi khát nước, chóng tiêu hay đói, nhãn cầu trướng lồi ra là thuộc đàm nhiệt uất kết, nên thanh nhiệt hoá đàm, tan kết mềm chất rắn, cho uống ***Trương thị khứ anh phương (3).***

Chứng đàm nhiệt uất kết kiêm mặt đỏ mồ hôi trộm, hai tay run rẩy là do Can quá gắng, đờm với hoả quấn vào nhau, có thể dùng ***Bình giáp thang (4)*** để thanh Can và bình Can, hoá đàm tán kết.

Đờm ứ uất kết thì thấy khối sưng hơi rắn. Nếu thiên về đờm uất thì dùng ***Trương thị giáp cang hoàn (5)*** để hoá ứ tiêu đàm,

mềm rắn tán kết; nếu thiên về huyết ứ, cho uống ***Vương thị tiêu anh ẩm (6)*** để hoạt huyết hoá đàm, mềm rắn tán kết.

Cổ sưng, Tâm phiền dễ cáu giận, sợ nóng nhiều mồ hôi, hồi hộp, ăn nhiều mau đói, miệng khô uống nhiều nước, nhiều ác mộng, phụ nữ kinh nguyệt lượng nhiều sắc tươi, lưỡi đỏ rêu khô, mạch Sác là nhiệt thịnh thương âm, cho uống ***Chu thị anh chứng phương (7)*** để dưỡng âm thanh nhiệt tả hoả.

Cổ sưng thô hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc không sưng to lắm, kiêm chứng Tâm phiền không ngủ chóng mặt hoa mắt, nóng nảy hay giận là âm hư đàm uất, điều trị nên dưỡng âm sơ hoá đàm, dùng ***Giáp trạng tuyến tuyến lưu cập nang thũng phương (8)*** Nghiêng nhiều về âm hư, có thể dùng ***Chương thị tiêu anh chế cang thang (9)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, hoá đàm tán kết. Nặng hơn thì có chứng triều nhiệt khát nước, họng khô hay đói, cho uống ***Ngũ pháp hợp nhất giáp cang thang (10)*** để dưỡng âm nhu Can, thanh hoả tán uất, hoá đàm mềm chất rắn.

Chứng âm hư đàm uất kiêm chứng đoản hơi yếu sức, hồi hộp gầy còm, tinh thần mệt mỏi biếng nói, là thuộc khí âm đều hư kiêm đàm uất. Nếu nghiêng về Can Thận âm hư thì dùng ***Hạ thị giáp cang số I (11)*** để ích khí tư âm, hoá đàm sơ khí, tiêu chất rắn và thoái nhiệt. Nếu nghiêng về Can Tâm âm hư có thể dùng ***Từ thị anh chứng phương (12)*** để dưỡng tâm ích khí, nhu Can thanh nhiệt, hoá đàm tan kết.

Cổ thô mà ngực đầy phiền kinh có khi thuộc chứng Can Thận âm hư, có thể dùng ***Sài Thược long mẫu thang (13)*** để tư âm bổ Thận, điều Can trấn kinh, hoá đàm mềm chất rắn.

Chứng này với các chứng "Bên cạnh gáy kết hạch", "Khát nước", "Dễ tiêu hay đói", về cơ chế bệnh và chứng trị có chỗ giống nhau, nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Quách thị trị anh phương

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Trung y học viện Trung Quốc

Ngân Sài hồ	13 gam	Côn bố	15 gam
Hải tảo	15 "	Hạ khô thảo	12 "
Trần bì	12 "	Xuyên bối	10 "
Đương qui	12 "	Bán hạ	10 "
Sinh Long cốt	30 "	Sinh Mẫu lệ	30 "

2. Tiêu anh phương

Người cống hiến: Từ Tinh Thành, Giáo sư Y học viện Xí nghiệp Dệt thành phố Vũ Hán

Sài hồ	10 gam	Bạch thược	30 gam
Chỉ xác	15 "	Cam thảo	10 "
Côn bố	10 "	Sinh Khương bì	10 "
Bán hạ	10 "	Xuyên bối	12 "
Thanh bì	10 "	Mẫu lệ	15 "
Hạ khô thảo	20 "		

Gia giảm: Nếu kiêm chứng hoả nhiệt đắng miệng, tâm phiền, gia Hoàng cầm, Hoàng liên. Kiêm chứng âm hư mà tính

tình nóng nảy, khô miệng, gày còm, gia Bạch thược, Thục Địa hoàng, Mạch môn đông. Nếu kiêm chứng thấp nặng khốn Tỳ mà thấy đại tiện nhão, chân tay mỏi gia Sơn dược, Phục linh, Bạch truật.

3. Trương thị khứ anh phương

Người cống hiến: Trương Mộng Y, Trung y học nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Mẫu lệ phấn	24 gam	Hạ khô thảo	60 gam
Bồ công anh	30 "	Tử hoa địa đinh	30 "
Côn bố	15 "	Thiên quì tử	15 "
Hải tảo	15 "	Hoàng dược tử	10 "
Quất hạch (sao)	10 "	Bối mẫu	10 "
Ngân Sài hồ	10 "	Dã cúc hoa	10 "
Cam thảo	10 "		

4. Bình giáp thang

Người cống hiến: Lưu Nghĩa Phương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Nam thành phố Thượng Hải

Hải tảo	30 gam	Long đởm thảo	3 gam
Sinh Mẫu lệ	30 "	Chân châu mẫu	30 "
Tượng bối mẫu	9 "	Hạ khô thảo	30 "
Hoàng cầm	3 "	Sinh Cam thảo	3 "
Xích thược	9 "	Đại cáp tán	15 "
Xa tiền tử	12 "		

Gia giảm: Nếu có cục rắn, có thể gia Bào sơn giáp, Đào nhân, Hồng hoa, Kim ngân hoa. Đại tiện lỏng loãng, yếu ớt, bỏ

Long đờm thảo, gia Bạch truật, Phục linh, Biển đậu. Âm hư có chứng đau lưng ù tai gia Sinh Địa hoàng, Quy bản, Thiên môn đông, Nữ trinh tử. Táo bón gia Đại hoàng. Tay lẩy bẩy gia Toàn yết, Câu đằng. Nhiều đờm gia Bán hạ, Trần bì. Mất ngủ gia Táo nhân; Viễn trí, Phục thần. Sườn đau, ngực khó chịu gia Uất kim, Xuyên luyện tử.

5. Trương thị giáp cang hoàn

Người cống hiến: Trương Triết Thần, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Sơn Đông

Quất hồng	100 gam	Tam lăng	100 gam
Thanh Bán hạ	150 "	Phụ linh	150 "
Hải tảo	150 "	Côn bố	150 "
Mẫu lệ nung	150 "	Đại bối	150 "
Hạ khô thảo	200 "	Hoàng dược tử	50 "
Cam thảo	50 "	Hổ phách	10 "
Chu sa	10 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, huyệt mật làm viên, mỗi lần uống 6 - 9 gam, ngày 2 lần.

6. Vương thị tiêu anh ẩm.

Người cống hiến: Vương Lập Nhân, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện tỉnh Tứ Xuyên

Đương qui	10 gam	Xuyên khung	10 gam
Xích thược	15 "	Đan sâm	12 "
Hoàng dược tử	12 "	Hải tảo	15 "

7. Chu thị anh chứng phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Ô mai (trọng dụng, ít nhất cũng 50 gam)

Sinh Thạch cao (nên trọng dung, từ 200 gam trở lên)

Huyền sâm	Mạch môn đông
Hạ khô thảo	Bá tử nhân
Chi tử	Bạch thược
Cam thảo	

Gia giảm: Miệng khô, Tâm phiền, uống rất nhiều nước, gia long đởm thảo. Kinh nguyệt ra lượng nhiều gia Bạch mao căn, Mẫu đơn bì

8. Giáp trạng tuyến tuyến lưu cập nang thũng phương

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Bạch thược	15 gam	Huyền sâm	9 gam
Hạ khô thảo	30 "	Hải phù thạch	30 "
Chế Hương phụ	12 "	Bạch giới tử	12 "
Cương tàm	12 "	Trạch tả	15 "

Thất diệp nhất chi hoa 20 gam

9. Chương thị tiêu anh chế cang thang

Người cống hiến: Chương Chân Như, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Vũ Hán

Sinh Địa hoàng	Huyền sâm
Mạch môn đông	Côn bố

Hải tảo	Hoàng dược tử
Ô tặc cốt	Hải phù thạch
Uất kim	Sinh Mẫu lệ
Thổ bối mẫu	Quy bản

Gia giảm: Nếu đã hết chứng âm hư nội nhiệt, tồn tại lồi mắt và sưng cổ, phương trên bỏ các vị Sinh địa, Huyền sâm, Mạch môn, Quy bản, gia Tam lăng, Nga truật, Hồng hoa, Xuyên sơn giáp có tác dụng hoạt huyết hoá ứ cho uống tiếp tục vài tháng nữa.

10. Ngũ pháp hợp nhất giáp cang phương.

Người cống hiến: Vương Sĩ Tương, Giáo sư Y học viện Thiên Tân

Bạch truật	9 gam	Ô mai	9 gam
Mộc qua	9 "	Sài hồ	6 "
Sa sâm	9 "	Mạch môn đông	9 "
Thạch hộc	9 "	Bạch truật	6 "
Liên nhục	6 "	Tang diệp	6 "
Hoắc sơn chi	6 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước, sáng và tối mỗi lần uống 1 nước. Ba tháng làm một đợt điều trị. Đợt sau khi bệnh đã ổn định (với điều kiện kiểm tra T3, T4 đã khôi phục bình thường hoặc gần bình thường) nên căn cứ vào thang thuốc sắc dùng liều lượng gấp 4 lần làm dạng thuốc viên mỗi viên nặng 9 gam, cho uống 2 viên. Thời gian uống thuốc viên cũng không dưới 6 tháng, nhằm củng cố hiệu quả và trọng yếu là phòng ngừa tái phát.

Gia giảm:

a) Điều trị lồi con mắt: Người bệnh lồi con mắt quá rõ, khi vận dụng phép điều trị nói trên, tuỳ sự chuyển biến bệnh tình khá tốt, người bệnh không những tự thấy trố mắt, trướng mắt được cải thiện mà hiện tượng dãn rộng mắt cũng đỡ, khả quan, nhưng thời gian dùng thuốc viên, cần gia Bạch tật lê, Hạ khô thảo để tăng cường hiệu quả.

b) Vấn đề làm dịu nhịp Tim: Dùng Đông dược điều trị "Giáp cang", nhịp tim dịu đi hơi chậm, có thể trong đơn Đông dược gia Sa sâm, Thái tử sâm, Mạch môn đông, Sinh Địa hoàng, Sinh Long sỉ, Sinh Mẫu lệ, Táo nhân v.v. để dưỡng khí âm, an tâm thần.

c) Quan sát lâm sàng sử dụng một số thuốc hoá học không chữa được căn bệnh này, đối với chứng "Giáp cang" nặng hoặc nhịp tim nhanh quá rõ, thì bước đầu điều trị bằng những loại hoá dược ấy theo những phép biện chứng luận trị nói ở trên, linh hoạt gia Hải tảo, Côn bố đều 9 gam, có khả năng khống chế bệnh tình nhất định, nâng cao hiệu quả, nhưng loại thuốc về hoá học không nên sử dụng kéo dài, thời gian sử dụng không quá ba tháng. Nếu dùng đơn thuần hoặc liều lượng nhiều, có thể làm tuyến giáp cứng rắn gây hậu quả không tốt.

11. Hạ thị giáp cang số I.

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	20 gam
Miết giáp	15 "	Quy bản	12 "

Thủ ô	12 gam	Sinh Địa hoàng	12 gam
Bạch thược	12 "	Sơn dược	12 "
Hạ khô thảo	30 "	Chế Hương phụ	12 "

12. Từ thị anh chứng phương

Người cống hiến: Từ Tinh Thành, Giáo sư Y học viện nhà máy Dệt thành phố Vũ Hán

Thái tử sâm	10 gam	Mạch môn	12 gam
Sinh Địa hoàng	20 "	Toan táo nhân	12 "
Ngũ vị tử	10 "	Sinh Bạch thược	15 "
Hải cáp phấn	10 "	Mẫu lệ	30 "
Xuyên bối mẫu	10 "	Hạ khô thảo	30 "
Hải tảo	10 "	Côn bố	10 "

Gia giảm: Can hoả thiên thắng có chứng đắng miệng, hay cáu giận, gia Hoàng cầm 10 gam. Long đởm thảo 6 gam, nhưng thuốc đắng lạnh cũng không nên dùng quá nhiều. Nếu Can uất thiên thắng có chứng đau sườn ngực khó chịu, hay thở dài, gia Chế Hương phụ, Phật thủ phiến đều 10 gam, nhưng cũng không nên trọng dụng uống quá lâu để tránh hao thương khí âm.

13 Sài thược long mẫu thang.

Người cống hiến: Trần Nguyên Sinh, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Sài hồ	6 - 12 gam	Bạch thược	15 - 30 gam
Sinh Long cốt	18 - 24 "	Sinh Mẫu lệ	24 - 30 "
Ngọc trúc	15 - 24 "	Phục linh	12 - 24 "
Cam thảo	3 - 9 "	Tang thầm	20 - 30 "

Gia giảm: Khí hư rõ rệt gia Đảng sâm, Hoàng kỳ. Cổ sưng khá to gia Miết giáp, Triết bối, Hạ khô thảo hoặc Côn bố, Hải tảo, Bán hạ, Quất diệp, bỏ Cam thảo. Mất ngủ gia Toan táo nhân, Nội nhiệt thiên thịnh gia Hoàng cầm, Huyền sâm, Chi tử. Nhiều mồ hôi gia Phù Tiểu mạch, Bá tử nhân. Run lẩy bẩy gia Đương qui, Mộc qua. Phù mặt gia Thông hoa thảo, Xú thảo căn.

113. MỘT BÊN CỔ KẾT HẠCH

Chứng này chỉ phát hiện kết hạch ở ngoài màng lớp da sau tai bên cạnh cổ, hoặc nhiều hoặc ít, xúc xỉu như chuỗi hạt châu, cũng gọi là Loa lịch.

Phía sau tai, cạnh cổ kết hạch như hạt đậu, một cái hoặc ba, năm cái không đều, không sưng không đỏ, ấn vào hơi rắn, mạch Huyền, rêu lưỡi trắng kiêm chứng ngực sườn đau chướng, chứng nhẹ thì dùng ***Vu thị trị cảnh lâm ba kết viêm phương (1)*** để lợi đàm tán kết. Chứng nặng thì dùng ***Gia vị tiêu loa hoàn (2)*** để sơ Can giải uất, hoá đàm tan chất rắn.

Nếu kết hạch cứng rắn hoặc đã phá vỡ, chất lưỡi tối là có đàm uất huyết ứ, nên hoá uất tiêu đàm, thông lạc trừ kết, dùng ***Tiêu lịch tán (3)***, nặng hơn thì dùng ***Châu thị ngô công tán (4)*** để thông lạc tán kết, hoá đàm mềm chất rắn kèm theo tác dụng phù chính ích khí, bên ngoài thì dán ***Phục sái cao (5)*** để tiêu sưng, thúc mủ và sinh cơ.

Cạnh cổ kết hạch sưng to cứng rắn, thậm chí to bằng nắm tay không đau mà có màu sắc tối sạm là do đàm với độc cấu kết, có thể dùng ***Chu thị lâm ba chuyển di nham phương (6).***

Chứng Đàm uất huyết ứ kèm theo khát nước Tâm phiền, chỗ sưng đỏ hồng nóng rát là đàm ứ với nhiệt độc cấu kết với nhau, sử dụng ***Tiêu hạch tẩm cao phiến (7)*** để hành khí hoạt huyết, tan kết

mềm chất rắn, thanh nhiệt giải độc, bên ngoài thì dán ***Miêu nhãn thảo cao (8)*** để tăng cường sức hoá ứ giải độc thanh nhiệt.

Bên cạnh cổ kết hạch kiêm chứng đắng miệng khát nước, Tâm phiền hay giận, ngực sườn trướng đầy, mạch huyền Sác, hoặc là nhọt đã vỡ, mủ chảy ra vàng dính là đờm nhiệt uất kết, nên thanh nhiệt hoá đàm, tán kết mềm chất rắn, nói chung có thể dùng ***Lưu thị lâm ba kết hạch hiệu phương (9)***. Bệnh nặng hơn thì dùng ***Tiêu loa hoàn (10)***.

Nếu sau khi hạch vỡ mủ ra mùi hôi là đàm câu kết với nhiệt độc, có thể dùng ***Trương thị loa lịch thang (11)*** để thanh nhiệt giải độc, hành khí tan kết, hoá đàm mềm chất rắn.

Đàm với nhiệt câu kết mà kiêm chứng Vị khí không hoà gây nên nôn oẹ kém ăn, có thể dùng ***Lý thị tiêu loa thang (12)*** để giải độc thanh nhiệt, hành khí hoà Vị, tiêu tan đàm ứ.

Kết hạch ở cạnh cổ lâu ngày không tan, sắc da không thay đổi, ấn mềm, lưỡi tối, rêu lưỡi trắng nhớt hoặc chân tay không ấm, thuộc dương hư hàn trệ, đàm ngưng ở mạch lạc, cần hồi dương mềm chất rắn, ôn hoá hàn thấp, cho uống ***Hồi dương nhuyễn kiên thang (13)***.

Kết hạch ở cạnh cổ bị vỡ, mủ chảy đầm đìa, thịt nát không tiêu thịt mới khó sinh ra, khi cho uống dạng thuốc sắc, đồng thời đắp ***Tử sắc hội dương cao (14)*** để sinh cơ trừ thối nát, tiên mửa mọc thịt non. Khối kết hạch này vô luận vỡ mủ hay không, đều có thể dùng ***Tiêu loa bách hiệu cao (15)*** đắp ở bên ngoài.

Chứng kết hạch ở cạnh cổ có vị trí gần giống với chứng "Cổ sưng" và đồng loại về cơ chế bệnh, nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Vu thị trị cảnh lâm ba kết viêm phương

Người cống hiến: Vu Hội Thẩm, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện huyện Nhũ Sơn tỉnh Sơn Đông

Miêu nhãn thảo 9 gam Sinh kê tử 1 quả

Cách dùng: Miêu nhãn thảo đem nấu với 300 ml nước, sau khi sôi, đập Sinh kê tử vào (bỏ vỏ) nước thuốc, tiếp tục nấu thêm cho chín Kê tử, khi dùng ăn Kê tử, không uống nước thuốc, mỗi tuần ăn 2 lần.

2. Gia vị tiêu loa hoàn.

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Huyền sâm	Mẫu lệ
Triết bối	Hải tảo
Bạch giới tử	Côn bố
Mộc hương	Uất kim
Hạ khô thảo	Cam thảo

3. Tiêu lịch tán

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Toàn yết (nướng)	20 con	Ngô công (nướng)	10 con
Xuyên sơn giáp	20 cái	Hoả tiêu	1 gam
Hạch đào	10 quả (bỏ vỏ)		

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi tối uống 4 - 5 gam (trẻ em giảm bớt), chiêu với rượu nhạt. Sau khi có kết quả có thể đổi cách ngày uống 1 lần, đến khi khỏi hẳn thì thôi.

4. Châu thị ngô công tán

Người cống hiến: Châu Học Hy, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Ngô công	30 con	Toàn yết	30 gam
Cương tàm	30 gam	Giáp châu	30 "
Hạ khô thảo	60 "	Địa long	15 "
Bạch truật	10 "	Ngọc trúc	15 "

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần uống 5 - 10 gam, ngày 2 lần.

5. Phục sái cao

Người cống hiến: Vạn Văn Mạc, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Vũ Hán

Nhũ hương	120 gam	Một dược	120 gam
Mật đà tăng	180 "	Ma du	360 "

Cách dùng: Đem ba vị trên tán bột, bỏ vào Ma du, lợi dụng ngày nắng to, phơi thành cao, được 3 nắng càng tốt, không pha nước, không đun, khi dùng khêu một tý cao phết lên mảnh vải, lấy nước sôi chà xát kỹ rồi dán cao vào nơi đau.

6. Chu thị lâm ba chuyển di nham phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Hạ khô thảo	50 gam	Hải tảo	50 gam
Kê nội kim	15 "	Bạch hoa sà thiệt thảo	60 "

Bối mẫu	15 gam	Chỉ thực	15 gam
Thanh bì	15 "	Nga truật	20 "
Huyền sâm	20 "	Bồ công anh	30 "
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước chiêu với Tê hoàng hoàn, Tiểu kim hoàn.

7. Thanh hạch tẩm cao phiến (Tiêu hạch tán)

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Huyền sâm	Mẫu lệ phấn
Sơn từ cô	Hạ khô thảo
Mộc hương	Uất kim
Lậu lô căn	Bạch hoa sà thiệt thảo
Bán chi liên	Côn bố
Hải tảo	Triết bối
Trần bì	Thai ô dược
Cam thảo	Bạch giới tử
Đan sâm	

Cách dùng: Thang thuốc dùng trong 1 ngày, chia làm 3 lần uống. Cũng có thể chế dạng phiến cho uống.

8. Miêu nhãn thảo cao

Người cống hiến: Lý Đình Lai, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Tế Nam

Xuyên sơn giáp	15 gam	Toàn yết	15 gam
Khương hoạt	9 "	Đương qui	9 "

Bạch giới tử	9 gam	Nhũ hương	6 gam
Đào nhân	6 "	Mộc dược	6 "
Thiên ma	6 "	Hạ khô thảo	15 "
Duyên phấn	45 "	Hoàng đan	90 "
Miêu nhãn thảo tươi	500 "	Ma du	620 ml

Cách dùng: Trừ Hoàng đan và Duyên phấn, các vị khác ngâm vào dầu vừng 3 ngày sau đó đun nhỏ lửa cho gần khô, bỏ bã, sau đó bỏ Hoàng đan, tiếp theo là Duyên phấn nấu tới khi nhỏ từng giọt như hạt châu, lại bỏ vào nước lạnh ngâm 1 đêm, lấy cao để dùng. Khi dùng phết cao lên vải dán vào nơi đau.

9. Lưu thị lâm ba kết hạch hiệu phương

Người cống hiến: Lưu Thụy Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Hà Tây thành phố Thiên Tân

Hạ khô thảo	60 gam	Sài hồ	6 gam
Kê đán	14 quả (nấu chín)		

Cách dùng: Lấy 5 chén nước, nấu thuốc lấy nước đặc bỏ bã, lấy trứng gà đã luộc chín bỏ vỏ bỏ vào nước thuốc lại đun nước thuốc cạn là được, mỗi lần ăn 1 quả trứng, ngày 2 lần, sau bữa cơm, chiêu với nước nóng, liên tục ăn 7 ngày là một đợt điều trị. Uống 1 - 3 đợt.

10. Tiêu loa hoàn.

Người cống hiến: Từ Học Xuân, Y sư chủ nhiệm
Y học viện Trung Tây y kết hợp thành phố Nam Kinh

Huyền sâm	500 gam	Bối mẫu	240 gam
Hạ khô thảo	240 "	Miêu chảo thảo	240 "

Dương nhũ căn	240 gam	Địa long	240 gam
Trùng lân	240 "	Mẫu lệ nung	500 "
Thanh bì	240 "	Côn bố	500 "
Hải tảo	500 "	Cương tàm	240 "
Chế Nhũ hương	120 "	Chế Một dược	120 "
Sài hồ	120 "	Bạch thược	240 "
Đương qui	240 "	Tử mộc thảo	240 "

Cách dùng: Đem các vị Hạ khô thảo, Mẫu lệ nung, Côn bố, Hải tảo, Sài hồ, Địa long sắc lấy nước đặc, các vị còn lại tán bột, thêm mật và nước thuốc luyện làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 - 5 gam, ngày 2 lần. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Gia giảm: Lâm sàng cũng có thể dùng phương này biện chứng bệnh tình mà đổi làm dạng thuốc sắc. Đàm hoả thiên thịnh, trọng dụng Bối mẫu, gia Qua lâu, Hải phù thạch để thanh nhiệt hoá đàm. Âm hư hoả vượng, trọng dụng Huyền sâm, Dương nhũ căn, gia Tri mẫu, Đan bì để tư âm giáng hoả. Khối sưng cứng rắn, trọng dụng Mẫu lệ, Tử mộc thảo, gia Tam lăng, Nga truật để hành khí phá ứ mà làm cho tiêu hạch. Can khí uất kết nên dùng Thanh bì, gia Mai khôi hoa và Hương phụ để thư Can giải uất.

11. Trương thị loa lịch thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Thiên qui tử	10 gam	Nga truật (nướng)	10 gam
Triết Bối mẫu	10 "	Chỉ thực (sao)	10 "
Pháp Bán hạ	10 "	Hải tảo	15 "

Côn bố	15 gam	Tử hoa địa đinh	30 gam
Mẫu lệ phấn	30 "	Bồ công anh	30 "
Hạ khô thảo	60 "	Bạch hoa sà thiệt thảo	60 "

Cách dùng: Sắc uống mỗi thang uống 2 ngày chia 6 lần uống. Mười thang là một đợt điều trị.

12. Lý thị tiêu loa thang

Người cống hiến: Lý Khổng Đinh, Y sư chủ nhiệm
Trung y học hiệu thành phố Cẩm Dương tỉnh Tứ Xuyên

Trạch tất tươi	40 gam	Thổ phục linh	30 gam
Hoàng linh	30 "	Hạ khô thảo	30 "
Liên kiều	15 "	Sơn tra	15 "
Chỉ xác	12 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Các vị thuốc bỏ vào lọ sành, đổ nước ngâm 1 giờ, nấu sôi 10 phút, lấy ra 200 ml nước thuốc. Sắc 3 lần. Ba nước thuốc trộn vào nhau, chia 3 lần uống lúc ấm, mỗi ngày 1 thang, liên tục 1 - 2 tháng thì có thể khỏi. Nếu chưa khỏi lại uống thêm. Thời gian uống thuốc nên tăng cường chất dinh dưỡng.

Gia giảm: Loa lịch đã vỡ gia Hoàng kỳ 30 gam, Chế Thủ ô 15 gam để bổ ích khí huyết, trừ độc tiêu mủ, gắn miệng lên da non. Nếu chưa vỡ thì phối hợp phép chữa bên ngoài, dùng Sinh xuyên ô, Thảo ô đều 30 gam, tán bột, trộn với mật ong đắp vào nơi đau, dán băng dính ra ngoài, ngày thay miếng đắp một lần. Kiêng ăn các thức cay nóng.

13. Hồi dương nhuyễn kiên thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Nhục quế	3 - 9 gam	Bạch giới tử	9 - 15 gam
Bào khương	6 - 12 "	Thục Địa hoàng	15 - 30 "
Quất hồng	9 - 15 "	Bạch Cương tàm	6 - 12 "
Tam lăng	9 - 15 "	Ma hoàng	3 - 6 "
Nga truật	9 - 15 "	Ty qua	6 - 15 "

14. Tử sắc Hội dương cao.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Khinh phấn	12 gam	Hồng phấn	9 gam
Hổ phách	9 "	Huyết kiệt	9 "
Nhũ hương	45 "	Thanh đại	9 "
Hoàng liên	30 "	Phong lạp	90 "
Hương du	500 "	Chân châu miến (nung)	0,3 "

Cách dùng: Tám vị trên tán bột, đặt Hương du lên bếp lửa sau khi đã lăn tăn sôi một lát, đổ sáp ong vào trộn đều, bắc ra để lạnh bấy giờ mới bỏ thuốc bột vào quấy thành cao, dùng trực tiếp bôi lên miệng nhọt nơi đau.

15. Tiêu loa bách hiệu cao

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y dược Triết Giang

Phỉ thái (cả rễ)	60 gam	Sinh khương	60 gam
Hành tươi (cả rễ)	60 "	Bạch hồ tiêu	60 "

Văn đơn	500 gam	Ma du	1500 ml
Tóc ở đầu nam giới	120 "		

Cách dùng: Bỏ dầu vừng vào nồi đồng, bỏ 5 vị thuốc trên vào nấu tới khi có mầu vàng sẫm, bỏ bã, bỏ Văn đơn vào khuấy thành cao, phết vào vải dán lên nơi đau. Khi chế thuốc cần ở nơi thoáng rộng, phòng hoả hoạn.

114. NHỌT ĐỘC Ở CỔ GÁY

Chỉ quanh vùng cổ gáy mọc nhọt độc, tục gọi là "Tỏa hầu ung", nơi mọc nhọt sưng đỏ đau, phát nhiệt ố hàn, có thể đắp ***Hùng hoàng cao*** để thanh nhiệt giải độc tiêu sưng tán kết giảm đau, bên trong cho uống thuốc như mục "Đau yết hầu", hoặc là phương dược được luận trị của các bộ vị nhọt độc khác.

PHỤ PHƯƠNG

Hùng hoàng cao

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hùng hoàng	500 gam	Như ý Kim hoàng tán	200 gam
Thiềm tô	5 "	Sinh Bạch phàn	30 "
Băng phiến	6 "	Phàm sĩ lâm	6000 "

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn đều thành cao đắp vào nơi đau.

115. NHỌT ĐỘC Ở CHÂN TÓC

Chỉ loại nhọt độc mọc ở chân tóc sau gáy. Cục bộ nhọt độc sưng cao, nóng rát và đau, kiêm chứng phát nhiệt ố hàn, đau đầu, tiểu tiện vàng, kém ăn, rêu lưỡi vàng nhớt, đó là thấp nhiệt câu kết nung nấu, dùng ***Bại tương thảo cao (1)*** đắp lên nơi đau để thanh nhiệt giải độc, trừ thấp tiêu sưng. Nếu ngứa nhiều thì bôi ***Phát tế tán (2)*** để chống ngứa, tiêu thấp và giải độc. Hoặc dùng ***Mao sương tẩy phương (3)*** rửa nơi đau để trừ thấp giải độc.

Nếu kiêm chứng sốt cao, khát nước là nhiệt độc quá thịnh, bên ngoài xoa ***Tứ hoàng tán (4)*** để thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng giảm đau, hoặc đắp ***Hoàng liên nhuyễn cao (5),*** bên trong có thể uống ***Tiêu viêm phương (6)*** để giải độc tiêu sưng.

Chứng này nên tham khảo các chứng nhọt độc ở vùng đầu mặt.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bại tương thảo cao

Người cống hiến: Triệu Bình Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Bại tương thảo tươi 5000 gam

Cách dùng: Nấu Bại tương thảo với 4000 ml nước. Sau khi nấu 3 giờ đem lọc bỏ bã, lại đun cho đặc thành cao, hoà lượng mật vừa phải để dùng dần.

2. Phát tế tán.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bột Ngũ bội tử	310 gam	Bột Hùng hoàng	30 gam
Bột Khô phàn	30 "		

Cách dùng: Hùng hoàng và Khô phàn tán bột, sau mới trộn đều với bột Ngũ bội tử, lại thêm dầu thơm hoặc dấm trộn đều đắp vào nơi đau.

3. Mao sương tẩy phương.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Xương nhĩ	60 gam	Hùng hoàng	15 gam
Minh phàn	30 "		

Cách dùng: Ngày một thang, sắc với nửa chậu nước, lấy khăn bông nhúng nước thuốc, rửa chà xát nơi đau nhiều lần, mỗi lần rửa lâu 15 phút, ngày rửa 4 - 5 lần, khi rửa nước thuốc cần ấm, trước khi rửa cần hớt tóc trụi cho dễ rửa.

4. Tứ hoàng tán.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bột Đại hoàng	15 gam	Bột Hoàng bá	15 gam
Bột Hùng hoàng	15 "	Bột Lưu hoàng	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn dầu vừng mà bôi.

5. Hoàng liên nhuyễn cao.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung Quốc y viện Bắc Kinh

Hoàng liên miến 30 gam Phàm sĩ lâm 270 gam

Cách dùng: Các vị trên trộn đều làm cao, đắp ở bên ngoài.

6. Tiêu viêm phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hoàng liên	6 gam	Hoàng cầm	9 gam
Mẫu đan bì	9 "	Xích thược	9 "
Kim ngân hoa	9 "	Liên kiều	9 "
Sinh Cam thảo	6 "		

PHẦN X

CHỨNG TRẠNG Ở VAI, LƯNG

Vai nối liền với chi trên. Bên trong lưng là Phế. Cho nên chứng trạng ở vai lưng thường đồng thời xuất hiện chứng trạng ở chi trên và vùng ngực sườn. Lâm sàng điều trị có thể tham khảo. Ở đây chỉ giới thiệu các chứng trạng: Đau vai, Đau rã cánh tay, Lạnh lưng và Nhọc độc mọc ở vùng lưng v.v.

116. ĐAU VAI

Khớp vai và gân thịt xung quanh đau nhức là Đau vai, khi đau thường lan toả bả vai, cánh tay trên và khuỷu tay.

Khởi bệnh đau vai khá nhanh, bệnh trình hơi ngắn, đau từ vai lưng lan tới cạnh cổ hoặc đỉnh đầu, kiêm chứng sợ lạnh, mạch Phù, rêu lưỡi trắng, là do phong hàn ngưng tụ, lạc mạch không hoà, cho uống ***Giải biểu hoạt lạc thang (1)*** để giải biểu tán hàn, hoạt huyết thông lạc.

Nếu vai và cánh tay đau tập trung không giơ ngay, giơ cao được và cũng không quặt sau lưng được, thậm chí đau rút cứng đơ lên lưng gáy, cổ xoay chuyển khó khăn, rêu lưỡi trắng, mạch Khẩn, đó là cả ba khí phong hàn thấp cùng lẫn lộn xâm phạm, đọng lại ở khớp xương kinh lạc. Nghiêng về phong thì dùng ***Dương thị tý thống thang (2)*** để khư phong chỉ thống. Nghiêng về hàn thấp kiêm ứ thì dùng ***Kiên tý thang (3)*** để sơ phong khư thấp tán hàn hoạt lạc, thông lợi khớp xương. Cũng có thể kết hợp châm cứu, dùng ***Trị lậu kiên phong phương (4).***

Ngoài ra cũng có thể phối hợp sử dụng ***Lâu thị tý chứng cao (5)*** dán nơi đau, hoặc phối hợp ***Lậu kiên phong huân tẩy nghiệm phương (6)*** để xông vào nơi đau, đều có công dụng tăng cường khư hàn sơ phong.

Chứng này bất luận mới phát hay phát đã lâu, chỉ thấy một bên cánh tay hoặc cả hai cánh tay tê đau đến nỗi không giơ cao

xoay chuyển bị hạn chế, có thể dùng ***Ngọc trúc thang (7)*** để kiện Tỳ trừ thấp, bổ Thận thông lạc.

Vai đau đã lâu, liên tục tái phát, co duỗi khó, kiêm chứng mình mẩy tay chân tê dại, lưng đùi và toàn thân đau nhức, đó là ứ huyết đàm trọc ngưng tụ ở kinh lạc, nên khư phong thông lạc, trừ đàm giảm đau, dùng ***Gia vị long mã tự lai đan (8)***. Nếu kiêm chứng hàn thấp, có thể dùng ***Lý thị thông kinh trừ tý thang (9)*** để hoạt huyết thông lạc, sưu phong trừ hàn, trừ thấp hoá đàm.

Vai đau do vấp ngã bị đòn gây nên, đau hay tái phát lâu ngày, khó cử động là thuộc ngoại thương ứ huyết, trì trệ kéo dài không tan, có thể dùng ***Hoá ứ thông tý thang (10)*** để hoạt huyết hoá ứ, hành khí thông lạc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Giải biểu hoạt lạc thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Cát căn	9 gam	Ma hoàng	9 gam
Quế chi	9 "	Kê huyết đằng	30 "
Đương qui	9 "		

2. Dương thị tý thống thang

Người cống hiến: Dương Hy Hiền, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện trực thuộc Trung y học viện Phúc Kiến

Tang ký sinh	10 gam	Ngưu tất	10 gam
Kim ngân hoa	15 "	Phòng kỷ	12 "

Tiểu Tang chi	10 gam	Quế chi	6 gam
Tần giao	6 "	Cam thảo	6 "

3. Kiên tý thang

Người cống hiến: Lý Tử Chất, Y sư chủ nhiệm Trung y học hiệu Cam Túc

Hoàng kỳ	18 gam	Uy linh tiên	18 gam
Đương qui	10 "	Xích thược	10 "
Hải đồng bì	18 "	Khương hoạt	10 "
Phòng phong	10 "	Khương hoàng	18 "
Cam thảo	6 "	Hy thiêm thảo	20 "
Sinh khương	5 nhát	Đại táo	4 quả

Cách dùng: Sắc uống ngày 1 thang, 7 ngày là một đợt điều trị, uống liên tục 3 - 5 đợt.

Gia giảm: Lưng cổ đau cứng gia Tần giao, Cát căn. Hàn thấp thiên thịnh tay và ngón tay giá lạnh hoặc sưng đau, gia Phụ phiến, Quế chi, Ý dĩ và Phòng kỷ v.v.

4. Trị lậu kiên phong phương.

Người cống hiến: Hạ Phổ Nhân, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Phương số 1: Huyệt vị Điều khẩu (bên đau)

Thao tác: Dùng kim 3 thốn số 28 tiến châm nhanh theo hướng Thừa sơn, sâu hơn 2 thốn, theo phép bình bổ bình tả, sau khi đắc khí rút châm 10 lần làm một đợt điều trị.

Phương số 2: Huyệt vị Điều khẩu. A thị huyệt vùng vai.

Thao tác: Tiến châm như phương số 1: A thị huyệt cục bộ dùng châm cỡ vừa theo pháp Hoả châm. Cách ngày hoặc hai ngày một lần, 10 lần làm một đợt điều trị, 5 - 10 ngày thì khỏi.

Phương số 3: Huyệt vị Cao hoang (bên đau) A thị huyệt cục bộ

Thao tác: Dùng kim 3 thốn số 28, tiến châm huyệt Cao hoang bên đau, men theo hai bên xương bả vai, theo kích thích trung bình khiến chu vi vùng vai có cảm giác tê trướng. A thị huyệt cục bộ cùng phép Hoả châm.

Gia giảm: Thêm một mũi châm thấu Thừa sơn có thể tăng cường sức sơ tán biểu tà.

5. Lâu thị tý chứng cao.

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Mã tiền tử	1000 gam	Sinh Xuyên ô	150 gam
Chi Ma du	2000 "	Sinh Thảo ô	150 "
Sinh nhũ hương	150 "	Sinh Một dược	150 "
Thanh phong đằng	200 "	Đương qui	200 "
Quảng đan	1000 " (mùa Hạ dùng 750 gam).		

Cách dùng: Trước tiên bỏ Mã tiền tử vào Ma du nấu chừng nào biến sắc đen, vớt ra. Trừ Quảng đan, các vị khác lại bỏ vào dầu, sau khi nấu khô, vớt ra, lấy dầu lọc bỏ bã, lại đun nóng dầu, từ từ bỏ Quảng đan vào, dùng đũa bằng gỗ Hoè khuấy đều cho Quảng đan với dầu dẻo thành cao, lại lấy cao ngâm trong nước lạnh 8 - 10 ngày là được, khi dùng hơ nóng dán vào nơi đau.

6. Lậu kiên phong huân tẩy nghiệm phương

Người cống hiến: Đổng Thấu Lục, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Quỷ tiễn võ	15 gam	Quế chi	9 gam
Hồng hoa	9 "	Mộc qua	9 "
Tàm sa	15 "	Hoàng tửu	250 "

Cách dùng: Các vị trên ngâm vào nước 15 phút, lại thêm nửa chậu nước, đổ rượu vào cùng đun, ngay lúc nóng vừa xông vừa rửa nơi đau, sau khi nước thuốc nguội, không cần khuấy đảo, lại đổ nước vào đun thêm, lại xông và rửa lần nữa, mỗi gói thuốc có thể dùng 3 ngày, ngày xông rửa hai lần, cộng 6 lần, rồi dùng tiếp gói thứ hai...

7. Ngọc trúc thang

Người cống hiến: Lưu Xích Tuyền, Giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Ngọc trúc	30 gam	Tang ký sinh	30 gam
Lộc hàm thảo	15 "	Bạch truật	15 "
Phục linh	15 "	Ngưu tất	15 "
Bạch thược	15 "	Cam thảo (trích)	9 "

Cách dùng: Sắc uống ngày 1 thang chia 2 lần uống. Nếu có điều kiện, dùng riêng Ngọc trúc 30 gam nấu với thịt thỏ hoặc gà mái để hỗ trợ, hiệu quả càng được củng cố.

8. Gia vị long mã tự lai đan.

Người cống hiến: Nhan Đắc Hinh, Giáo sư Y học viện đường sắt Thượng Hải

Chế Mã tiền tử (sao với đất cho phồng lên, lại đem nấu với dầu đợi chừng nào có tiếng nổ lép bép, bên ngoài biến sắc nâu sẫm, cắt ra thấy đỏ tía là được) 30 gam.

Giá trùng	3 gam	Toàn trùng	3 gam
Địa long	3 "		

Cách dùng: Tán bột, luyện mật ong làm 40 hoàn, mỗi ngày uống 1 hoàn chiêu với nước đường, bảy ngày làm một đợt điều trị. Liều lượng và cách chế phải thực hiện theo chỉ dẫn chặt chẽ.

9. Lý thị thông kinh trừ tý thang

Người cống hiến: Lý Dụ Phiên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thị trấn Tần Hoàng Đảo

Đan sâm	15 gam	Đương qui	15 gam
Nhũ hương	10 "	Một dược	10 "
Khương hoàng	10 "	Kê huyết đằng	10 "
Uy linh tiên	10 "	Địa long	10 "
Chế Xuyên ô	10 "	Thiên nam tinh	10 "
Liên kiều	30 "		

Gia giảm: Bệnh ở vai gáy và chi trên, gia Cát căn, Khương hoạt, Quế chi, Tang chi. Bệnh ở vai lưng gia Đỗ trọng, Tục đoạn, Cẩu tích. Bệnh ở chi dưới gia Ngưu tất, Độc hoạt, Mộc qua.

10. Hoá ứ thông tý thang.

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đương qui	18 gam	Đan sâm	30 gam
Kê huyết đằng	21 "	Chế Nhũ hương	9 "
Chế Một dược	9 "	Hương phụ	12 "
Diên hồ sách	12 "	Thấu cốt thảo	30 "

Gia giảm: Thương hàn thì gia Quế chi, Tế tân, Chế Xuyên ô, Chế Thảo ô. Thiên về nhiệt thì gia Bại tương thảo, Mẫu đơn bì. Khí hư thì gia Hoàng kỳ. Tê lâu ngày, khớp xương sưng to biến dạng gia Xuyên sơn giáp, Toàn trùng và Ô tiêu sà.

117. RŨ VAI (Sã vai)

Hai vai rũ xuống, cất nhắc yếu sức gọi là Rũ vai. Nếu kiêm chứng toàn thân vô lực, nhìn xiên, mắt nhắm yếu, cổ gáy không vững, tiếng thấp khẽ, mạch Tế Nhược, nuốt khó, chất lưỡi đỏ là thuộc Cam âm thiếu thốn, phong đàm ứ ở đường lạc, điều trị nên tư âm dưỡng Can, khư phong hoá đàm, thông kinh hoạt lạc, dùng ***Khuông bãi thang (1).***

Hai vai rũ xuống mà thấy lưng đùi mềm yếu, sụp mi mắt, mệt mỏi yếu sức, tinh thần uỷ mị, kém ăn, tay chân không ấm là thuộc Tỳ Thận đều hư, dương hư khí yếu, cho uống ***Giả thị trị trọng chứng cơ vô lực cực hiệu bí phương (2)*** để bồi bổ Tỳ Thận, thúc đẩy dương khí.

PHỤ PHƯƠNG

1. Khuông bãi thang

Người cống hiến: Phùng Phát Tường, Y sư chủ nhiệm Y viện Hồng thập tự thành phố Vũ Hán

Sinh Địa hoàng	12 gam	Bạch thược	10 gam
Mạch môn đông	10 "	Thạch hộc	12 "
Toan táo nhân	10 "	Trích Cam thảo	5 "
Thạch quyết minh	12 "	Thiên ma	10 "
Toàn yết	5 "	Bạch Phụ tử	10 "

Xương bồ	5 gam	Thiên trúc hoàng	10 gam
Phục linh	12 "	Cương tàm	5 "

Gia giảm: Âm hư gia Quy bản. Khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm. Thận hư gia Sơn thù du, Nhục thung dung, Đỗ trọng.

2. Giả thị trị trọng chứng cơ vô lực cực hiệu bí phương.

Người cống hiến: Giả Hà Tiên, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Tiên linh tỳ	30 gam	Tiên mao	10 gam
Sơn dược	30 "	Thục Địa hoàng	30 "
Hoàng kỳ	120 "	Bạch truật	20 "
Phục linh	20 "	Đảng sâm	30 "
Phúc bồn tử	15 "	Thỏ ty tử	30 "
Ba kích thiên	12 "	Bổ cốt chi	12 "
Đại táo	50 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên, trừ Đại táo, đem sắc 3 nước, trộn đều, bỏ bã, bỏ Đại táo vào nước thuốc đã sắc được, nấu lại, uống nước và ăn táo. Liều lượng nói trên đủ uống một ngày.

Chú ý: Uống bài này ăn phối hợp với cháo Hoài sơn Phục linh càng tốt. (Cháo Sơn dược, Phục linh: Sơn dược, Phục linh mỗi thứ đều 30 gam, gạo mùa 50 gam, đem nấu thành cháo, ăn làm một hoặc hai lần. Đây là lượng ăn một ngày. Nếu thêm Thai bàn phấn 5 gam vào cháo mà ăn, kết quả càng tốt.)

118. ĐAU LƯNG

Đau lưng là một chứng trạng tự giác do nguyên nhân nào đó dẫn đến đau vùng lưng.

Vùng lưng và thắt lưng đau đã lâu, gày còm mặt nhợt, hồi hộp choáng váng, đoản hơi yếu sức. Đây là do khí huyết bất túc, doanh vệ không điều hoà, điều trị theo phép bổ ích khí huyết, điều hoà doanh vệ, cho uống ***Lã thị dưỡng huyết hoà doanh thang.***

Chứng này xuất hiện cùng lúc với chứng "Đau vùng thắt lưng", có thể tham khảo điều trị.

PHỤ PHƯƠNG

Lã thị dưỡng huyết hoà doanh thang

Người cống hiến: Lã Tĩnh Trung, Phó Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Ngũ vị tử	10 gam	Phục thần	12 gam
Mạch môn đông	10 "	Thục Địa hoàng	30 "
Quế chi	10 "	Du nhục	10 "
Sa sâm	10 "	Bạch truật	10 "
Viễn trí	10 "	Tảo nhân	10 "
Xuyên khung	10 "	Tế tân	3 "

Hoàng kỳ	10 gam	Cúc hoa	10 gam
Cam thảo (trích)	3 "		

Cách dùng: Sắc uống ngày 1 thang, nên uống nhiều thang mới kết quả.

119. LẠNH VÙNG LƯNG

Vùng lưng cảm thấy lạnh thường xuyên, kéo dài hàng năm khó chữa tận gốc bệnh, là thuộc loại trầm hàn ngưng kết, cho uống ***Đinh phụ tán (1)*** để khư hàn tán trệ.

Tuổi cao mà lạnh vùng lưng, mạch Trì Tế, chất lưỡi tía, rêu lưỡi mỏng là khí dương đã suy, khí huyết giao kết, dùng ***Cấp cứu hồi dương thang gia vị phương (2)*** để hồi dương ích khí, hoạt động khí huyết.

Luận trị chứng này, nên tham khảo chứng "Ố hàn".

PHỤ PHƯƠNG

1. Đinh phụ tán

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư
Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Sinh Phụ tử	1 củ	Công Đinh hương 49 cái

Cách dùng: Vị thuốc trên vùi vào lửa than cám nướng chín, tán bột, mỗi lần uống 1,5 gam, ngày 3 lần, chiêu với nước cơm.

2. Cấp cứu hồi dương thang gia vị phương

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư
Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Đảng sâm	Phụ phiến
Can khương	Bạch truật
Cam thảo	Lộc giác
Đào nhân	Hồng hoa

120. NHỌT ĐỘC Ở VÙNG LƯNG

Chứng này chỉ nhọt độc sưng đỏ ở vùng lưng và cột sống. Do nằm lâu trên giường đệm mà bị bệnh, gọi là "Phục sương", vùng lưng đột ngột mọc nhọt độc sưng đỏ trướng đau, bóng mềm không có đầu, nóng rát chưa nung mủ, kiêm chứng phát sốt, sợ lạnh, khát nước, tiểu tiện vàng, đó là phong nhiệt độc nung nấu, khí huyết uất trệ, cho uống ***Gia giảm tiên phương hoạt mệnh ẩm (1)*** để sơ phong giải độc, thanh nhiệt hoạt huyết, tiêu sưng giảm đau; bên ngoài có thể bôi ***Hồng thị ngoại dụng phương (2)*** để thanh nhiệt tiêu sưng.

Nếu nơi sưng có mầu đen tía, đau nhức kịch liệt là ứ trệ khá nặng, bên trong có thể cho uống ***Tiêu thũng định thống hoàn (3)*** để tiêu tan hoá ứ giảm đau, bên ngoài thì đắp ***Tiêu thũng hoá độc cao (4)*** để tiêu sưng tán kết.

Nếu sưng trướng tản mạn, nơi sưng kết khối là có độc huyết ngưng tụ, nên dùng phép mềm rắn tan kết, tiêu sưng thanh nhiệt, thì dùng ***Dương chứng đại phát tán (5)*** mà bôi.

Nếu nơi sưng trướng từ rắn chuyển mềm, đau càng dữ dội, đau kiểu gà mổ, phát nhiệt kéo dài không lui là đã thành mủ, có thể dùng ***Phòng thị trị ung phương số I (6)*** để thác lý giải độc, lợi thấp hoá ứ.

Nếu nhọt đã vỡ, mủ chảy ra dính keo vàng tía lẫn cả cục huyết, kiêm chứng tinh thần mỏi mệt yếu sức, xu thế nhiệt không cao lắm là dư độc chưa hết, chính khí đã tổn thương, dùng ***Phòng thị trị ung phương II (7)*** để thác lý sinh cơ, phù chính giải độc.

"Nhục sang" ở thời kỳ đầu, thịt nát chưa hết lan toả tới da thịt ở xung quanh, nên trừ độc hoá thối nát, dùng ***Tam vị tán (8)*** để tiệt độc trừ thối nát.

"Nhục sang" đã ở độ 2 độ 3 mà thịt thối nát và mủ chưa sạch có thể dùng ***Hải mã bạt độc sinh cơ tán (9)*** để giải độc thanh nhiệt, hoá nát sinh cơ. Miệng nhọt độc lâu không kín thì dùng ***Hoà hợp đan (10)*** nhằm sinh cơ liền miệng.

Phương dược và phép chữa ở mục nói trên đây, phần nhiều có thể sử dụng cho ung thũng sang độc ở những bộ vị khác.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia giảm tiên phương hoạt mệnh ẩm

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Kim ngân hoa	Cúc hoa
Phòng phong	Bạch chỉ
Mộc hương	Trần bì
Xích thược	Nhũ hương
Một dược	Triết bối
Thiên hoa phấn	Bạc hà

Qua sác	Hạ khô thảo
Bồ công anh	Sơn dược
Cam thảo	

Gia giảm: Phong nhiệt nặng, gia Kinh giới, Đại thanh diệp. Thấp nhiệt nặng gia Xương truật, Tiêu Hoàng bá, Tỳ giải, Mã xỉ hiện. Can uất nặng gia Thai ô dược, Uất kim, Kiến khúc. Đàm uất nặng, gia Bạch giới tử. Nhiệt độc nặng gia Chi tử, Khô cầm, Hoàng liên, Đại thanh diệp. Độc tà nặng gia Thổ phục linh, Chấp thái (rau Giấp cá), Tử hoa địa đinh. Thể lực yếu gia Bào sâm. Nơi bị bệnh ở nửa người phía trên gia Kinh giới. Nửa người phía dưới gia Ngưu tất. Nếu sau khi nhọt vỡ, thể lực hư yếu đến nỗi mủ trong loãng, gia Hoàng kỳ, Đương qui. Tân dịch khô cạn mà táo bón gia Hoả ma nhân, Úc lý nhân.

2. Hồng thị ngoại dụng phương

Người cống hiến: Hồng Khôi Ngô, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Đại hoàng	50 gam	Thiên hoa phấn	50 gam
Bạch chỉ	30 "	Hoàng cầm	30 "
Nhũ hương	20 "	Một dược	20 "
Xương truật	40 "	Hoàng bá	40 "
Cam thảo	30 "	Sơn nam tinh	30 "
Sơn chi	30 "	Bạc hà	20 "
Trần bì	30 "	Tao hưu	40 "
Phòng phong	30 "	Hậu phác	30 "
Chương não	30 "	Xích thược	30 "

Mẫu đơn bì	30 gam	Khương hoàng	30 gam
Đào nhân	40 "		

Cách dùng: Tán bột. Sưng đỏ đau nhẹ và ngứa nhiều thì trộn với dấm xoa vào nơi đau, mỗi ngày xoa xát 4 - 5 lần.

3. Tiêu thũng định thống hoàn.

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Chế Nhũ hương	30 gam	Chế Một dược	30 gam
Huyết kiệt	30 "	Phi Chu sa	3 "
Anh túc xác	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, nấu hồ với rượu làm viên, Chu sa làm áo, to bằng hạt đậu tương, ngày uống hai lần, mỗi lần 2 - 3 viên, chiêu với nước ấm.

4. Tiêu thũng hoá độc cao

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Lộ phong phòng	30 gam	Hạnh nhân	30 gam
Hoàng kỳ	22,5 "	Sà thoái	15 "
Huyền sâm	15 "	Hoàn đan	150 "
Dầu thực vật	300 "		
Loạn phát	1búi to bằng quả trứng gà		

Cách dùng: Trước tiên trộn Loạn phát với dầu thực vật, đợi khi tóc ngấm đều, bỏ Hạnh nhân vào, đợi khi Hạnh nhân biến màu đen, lọc bã, bỏ Hoàng kỳ, Huyền sâm vào lại trộn 1 - 2 giờ, lại gia Phòng phong, Sà thoái, nấu tới khi có sắc đen tía, lọc bỏ

bã, đun nhỏ lửa, cuối cùng bỏ Hoàng đan vào, quấy nhanh và vắt lấy nước chừng nào nhỏ xuống nước không tan là được cao, phết cao vào giấy dầu, dán vào nơi đau.

5. Dương chứng đại phát tán.

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Bạch cập	6 gam	Giáp phiến (nướng)	6 gam
Thiên nam tinh	6 "	Chương não	6 "
Tạo phàn	4,5 "	Xạ hương	1 "
Hoả tiêu	4,5 "	Băng phiến	1 "
Thanh đại	4,5 "		

Cách dùng: Trừ Xạ hương, Băng phiến, trước tiên tán bột Tạo phàn rồi bỏ các thuốc khác vào tán bột mịn, cuối cùng bỏ Xạ hương, Băng phiến vào trộn đều, đắp ra ngoài nơi đau.

6. Phòng thị trị ung phương số I.

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	18 gam	Bồ công anh	24 gam
Liên kiều	15 "	Nhân trần	30 "
Sinh Hoàng bá	15 "	Phong kỷ	12 "
Chư linh	3 "	Phục linh	3 "
Cát cánh	3 "	Quy vĩ	3 "
Xích thược	3 "	Xa tiền tử	3 "
Cam thảo	3 "		

7. Phòng thị trị ung phương số II.

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hoàng kỳ	18 gam	Đảng sâm	18 gam
Bạch chỉ	9 "	Cát cánh	7 "
Cam thảo	3 "	Phục linh	15 "
Bạch truật	12 "	Trần bì	6 "
Đương qui	9 "	Xích thược	9 "
Liên kiều	15 "	Kim ngân hoa	15 "
Hồng hoa	9 "		

8. Tam vị tán.

Người cống hiến: Lăng Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm Lão Trung y nổi tiếng Bắc Kinh

Thăng đan	3 gam	Sinh Thạch cao	30 gam
Thanh đại	3 "		

Cách dùng Tán bột, rắc lên bề mặt nhọt loét nát, đợi sạch thịt nát thì đổi dùng thuốc khác.

9. Hải mã bạt độc sinh cơ tán.

Người cống hiến: Nghê Sơ Sinh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô ghi theo phương cống hiến của Trần Hồng Tân

Hải mã	60 gam	Quảng đan	60 gam
Bào Sơn giáp	60 "	Hoàng bá	60 "
Khương hoàng	60 "	Cam thảo	45 "
Phi Hùng hoàng	45 "	Xạ hương	6 "

Sinh Đại hoàng	30 gam	Toàn yết	30 gam
Băng phiến	9 "	Ngô công	40 con

Cách dùng: Tán bột, rắc lên bề mặt nhọt độc, dán băng ra ngoài.

10. Hoà hợp đan

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư
Sở Nghiên cứu Trung y Thượng Hải

Thạnh cao (nung)	30 gam	Phi Đông đan	30 gam
Tam mai phiến	2 "		

Cách dùng: Trước đem Thạch cao, Đông đan tán bột mịn, trộn đều Băng phiến vào, hoà dầu vừng thành hồ đắp ra ngoài nơi đau.

PHẦN XI

CHỨNG TRẠNG Ở NGỰC SƯỜN VÀ VỊ QUẢN

Ngực chứa Tâm Phế, sườn thuộc kinh Can, vú là vị trí chủ yếu của Can Vị, cho nên mục này giới thiệu những bệnh biến có liên quan tới Tâm Phế, Can Đởm và Tỳ Vị, có những chủ chứng xuất hiện trong lâm sàng như các chứng trạng Đau ngực, Đau sườn, Khối rắn hạ sườn, Khái thấu, Suyễn thở, Thổ huyết, Hồi hộp .v.v. do đó các chứng trạng lâm sàng trong mục này rất có ý nghĩa trọng yếu.

121. KHÁI THẤU

Khái thấu là chứng bệnh thường gặp trong tật bệnh Nội thương Ngoại cảm. Vì thể chất người lớn và trẻ em khác nhau, cho nên giới thiệu riêng khái thấu của người lớn và trẻ em (tham khảo bộ phận Nhi khoa).

Khái thấu ở người lớn chia làm hai loại Ngoại cảm khái thấu và Nội thương khái thấu.

Khái thấu ngứa họng, khí nghịch khàn tiếng, mạch Phù là phong tà phạm biểu, cho uống ***Trương thị khinh tuyên phương (1)*** để sơ phong chỉ khái. Nếu chứng thuộc khái thấu tái phát, hoặc có túc tật khái thấu mà xuất hiện các chứng nói trên, có thể dùng ***Gia giảm chỉ thấu tán (2)*** tuỳ chứng mà gia giảm nhằm sơ phong tuyên Phế, chỉ khái khư tà.

Khái thấu ố hàn, mạch Phù, phần nhiều thuộc phong hàn thúc Phế, có kiêm chứng miệng khô họng ngứa, ho mửa ra đờm dãi, cho uống ***Thanh phế lý Tỳ trấn khái thang (3)*** để tuyên Phế lý Tỳ, dẹp khái quét đàm.

Nếu có chứng đau mỏi cơ thể, sợ lạnh chảy nước mũi, mửa đờm trắng loãng thì dùng ***Gia giảm Hạnh tô tán (4)*** để sơ phong giải biểu, tuyên Phế hoá đàm.

Vốn có túc tật lại bị phong hàn dẫn động mà khái thấu suyễn gấp, dùng ***Từ thị cảm mạo khái thấu phương (5)*** tuyên Phế tán hàn, khư đàm.

Đờm nhiều trong loãng mà ho suyễn thì dùng ***Từ thị khư đàm chỉ khái phương (6)*** để ôn Phế tán hàn, tuyên Phế khư đàm, chỉ khái bình suyễn.

Chứng phong hàn thúc Phế mà kiêm khát nước Tâm phiền là có cả chứng lý nhiệt, cho uống ***Sơ biểu chỉ thấu thang (7)*** để tán hàn giải biểu, thanh lý làm trong sạch Phế và quét đàm.

Nếu có kiêm chứng đắng miệng hoặc họng khô, hoặc hàn nhiệt vãng lại, hoặc hoa mắt v.v. là có chứng của Thiếu dương bệnh thì uống ***Giải uất tuyên Phế chỉ khái phương (8)*** để giải uất tán tà, tuyên Phế chỉ khái.

Biểu tà đã giảm, hàn nhiệt đã rút chỉ riêng khái thấu không giảm, ngứa họng, sáng ngủ dậy ho nặng hơn, ho khó ra đờm, tắc mũi ngực khó chịu, thuộc đàm lưu luyến Phế kinh, phép trị nên tuyên Phế khư đàm chỉ khái, cho uống ***Sừ vân lợi đàm thang (9)*** để giải uất tán tà, tuyên Phế chỉ khái. Nếu họng ngứa ho khan, ho nặng về đêm thì dùng ***Nhị trùng chỉ khái tán (10)*** để tuyên Phế thấu tà, chỉ khái khư đàm. Nếu đàm luyến Phế kinh, kiêm chứng ho nhiều về đêm lâu ngày không khỏi thì dùng ***Sừ vân chỉ khái thang (11)*** để lợi Phế khư đàm.

Biểu tà đã giảm mà khái thấu không dứt hoặc đoản hơi yếu sức, nên ôn nhuận tạng Phế, khư đàm chỉ khái, dùng ***Ích Phế hoá đàm thang (12).***

Phong hàn uất ở Phế mà khái thấu lâu ngày không khỏi, có thể dùng ***Lâm thị cửu khái cơ bản phương (13)*** để tân ôn sơ tán, tuyên Phế chỉ khái.

Khái thấu trong mùa Thu Đông, ít đờm hoặc không có đờm, gặp ấm thì đỡ ho, ho nặng có khi vãi đái, rêu lưỡi mỏng sạch, mạch Tế Huyền không Sác, không có hiện tượng táo hoá cũng không phải bệnh Ôn táo, có thể dùng ***Tân nhuận lý Phế thang (14)*** để lý Phế chỉ khái. Nếu kiêm chứng lưỡi trắng ít tân dịch, ho khàn tiếng thuộc chứng Lương táo khái thấu, có thể uống ***Chung thị sương khái phương (15)*** là thuốc cay ngọt để nhuận Phế, chỉ khái khư đàm. Nếu là mùa Đông đến đầu mùa Xuân, khí trời ấm đột ngột, thoạt tiên thấy giữa lưỡi gồ lên sáng bóng, sắc đỏ không nhuận, ho khan mà họng khô, nam giới mà ho phần nhiều là biến chứng của Tâm Thận, phụ nữ mà ho phần nhiều là do bệnh về kinh nguyệt là thuộc loại Lưỡng cảm khái thấu, nên dùng phép tuyên Phế khí nhẹ nhàng, dưỡng âm đẩy tà ra ngoài, cho uống ***Thanh Phế dưỡng âm chỉ khái thang (16).***

Khái thấu đờm vàng dính, phát sốt khát nước hoặc thở gấp là thuộc đờm nhiệt phạm Phế, nên thanh tuyên Phế khí, hoá đàm chỉ khái. Nếu không có biểu chứng thì dùng ***Hoàng thị thanh tuyên chỉ khái phương (17).***

Nếu kiêm chứng ố hàn phát nhiệt, cho uống ***Ngoại cảm khái thấu phương (18)*** để chỉ khái hoá đàm, tuyên Phế giải biểu thanh nhiệt.

Trường hợp suyễn thở gấp mà sốt cao, cho uống ***Chu thị thanh giải phương (19)*** để thanh Phế giải độc.

Kiêm chứng họng sưng đỏ hoặc rét run sốt cao, thuộc nhiệt độc phạm Phế, nên tuyên Phế giải biểu, thấu tà tiết nhiệt, dùng ***Trương thị tuyên giải phương (20).***

Suyễn gấp khá nặng, rét run, sốt cao, khạc ra đờm màu rỉ sắt, bệnh phát vào mùa Đông, có thể dùng ***Trần thị thanh Phế khứ đàm thang (21)*** để thanh nhiệt hoá đàm, tuyên Phế giáng khí. Nếu kiêm chứng trong đờm có lẫn máu, sốt cao mà suyễn, chất lưỡi đỏ ráo hoặc đỏ sẫm, mạch Hoạt Sác thì dùng ***Thanh Phế lục nhị thang (22),*** dùng thuốc thanh tuyên khổ tiết, ngọt nhuận để dưỡng Phế.

Kiêm chứng tiểu tiện vàng táo bón, có thể dùng ***Ôn độc uẩn Phế phương (23)*** để thanh nhiệt tuyên Phế, hoá đàm lợi họng, kèm theo tác dụng hoạt huyết dưỡng âm.

Đàm vàng dính trệ khó khạc ra thuộc nhiệt động nung nấu ở Phế, Phế âm đã tổn thương, nên dùng phép thanh nhiệt giải độc, tuyên Phế hoá đàm, giáng nghịch trừ ho, cho uống ***Thanh phế hoá đàm thang (24).***

Đàm nhiệt khái suyễn mà kiêm chứng đàm dính hoặc khạc ra khó khăn là thuộc Phế hư đàm nhiệt, cho uống ***Tự định thanh Phế ích khí thang số I (25)*** để thanh Phế bình suyễn, dưỡng âm ích khí.

Nếu chỉ thấy khái thấu mà họng đỏ, dùng ***Thanh bạch lợi yết phương (26)*** để lợi họng chỉ khái khư đàm.

Đàm nhiệt khái suyễn tái phát nhiều lần lâu không khỏi, có thể dùng ***Hạnh nhân tiễn (27)*** để thanh nhiệt khoan hung, giáng khí trừ đàm, chỉ khái bình suyễn.

Nếu tà khí mạnh đã rút, mình mát mạch ổn định, tinh thần đáng phục hồi mà ngược lại không phục hồi hoặc ho nhẹ thì

dùng ***Từ thị khái thấu khôi phục phương (28)*** để ích khí âm mà thanh trừ độc tà còn sót lại.

Khí nghịch khái thấu, ho thì đau xuống hạ sườn, mặt đỏ họng khô, mạch Huyền Sác là thuộc Can hoả phạm Phế, nên sơ Can thanh nhiệt, chỉ khái hoá đàm, cho uống ***Giáng khí hoá đàm thang (29).***

Người lớn nội thương khái thấu thuộc ba tạng Phế, Tỳ, Thận mất điều hoà, khí, huyết, đàm uất gây nên. Nói chung khái thấu nhiều đàm, thở gấp, rêu lưỡi gấp, thuộc đàm trọc úng tắc ở Phế, cho uống ***Nhị ma tứ nhân thang (30)*** để chỉ khái bình suyễn hoá đàm, nặng hơn thì suyễn làm cho vùng ngực khó chịu, đoản hơi. thường gặp ở người già, đó là đàm thuỷ lấn Phế, nên khơi bỏ nước làm sạch Phế, trừ đàm chỉ khái, dùng ***Chỉ khái tả Phế thang (31).***

Đờm trọc úng tắc ở Phế mà kiêm chứng ngực khó chịu, lưỡi sạm, môi tím tái, là do đờm úng tắc, đàm nghẽn trệ ở đường Lạc, có thể dùng ***Tưởng thị kiện Tỳ khư đàm thang (32)*** để kiện Tỳ táo thấp, thông lợi huyết lạc, dẫn bỏ thấp đàm.

Khái thấu nhiều đàm, đàm dính sắc vàng, kiêm chứng sốt nhẹ, khát nước họng khô, mệt mỏi tự ra mồ hôi, đó là khí âm đều suy mà đàm nhiệt lưu luyến, có thể dùng ***Trần thị chỉ khái phương (33)*** để thanh Phế nhiệt, ích khí âm và hoá đàm chỉ khái. Chứng này nếu đàm nhiệt không nặng lắm thì có thể dùng ***Ngô thị đạt nhật hưng phương số 5 (34)*** để ích khí dưỡng âm hoá đàm chỉ khái.

Khí âm đều suy kiêm cả chứng đàm nhiệt, thấy đau vùng ngực, môi lưỡi tía tốt là có kiêm cả ứ trệ, cho uống ***Tưởng thị dưỡng âm chỉ khái thang (35)*** để dưỡng Phế ích âm, tư thông huyết lạc, nhuận táo chỉ khái.

Ho lâu không khỏi, tiếng ho thấp khẽ, đờm nhiều sắc trắng, cơ thể ớn lạnh mỏi mệt, rêu lưỡi trắng nhớt, môi miệng tím tái hoặc ngực khó chịu là do Phế hư đàm trệ, lạc mạch không lưu thông, điều trị nên bổ Phế ích khí, ôn thông huyết lạc, chỉ khái hoá đàm, cho uống ***Bổ Phế chỉ khái thang (36)***.

Khái thấu, suyễn gấp kéo dài, trong họng có tiếng đờm khò khè, ngực khó chịu, đoản hơi, động làm thì bệnh tăng, ghét lạnh tinh thần mỏi mệt, kém ăn đầy đầy bụng, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Trầm Tế hoặc Tế Hư vô lực, thuộc Tỳ Thận đều hư, đàm trọc úng tắc Phế, khí không giáng xuống, dùng ***Ma hạnh hắc tích thang (37)*** để tuyên Phế bình suyễn chỉ khái, ôn Thận nạp khí giáng nghịch và kiện Tỳ ích khí hoá đàm.

Nếu khái suyễn đã lâu, nhiều đờm, miệng khô nhưng không khát, đại tiện lỏng, chân tay không ấm, rêu lưỡi đen xạm mầu tro mà nhuận, mạch Trầm vô lực mà Tế là thuộc Tỳ Thận dương hư kiêm Phế có uất nhiệt, dùng ***Ôn dương chỉ khái phương (38)*** để làm ấm dương khí của Tỳ Thận, kèm theo thanh Phế.

Khái thấu tái phát lâu ngày, khạc ra đờm chất dính, sắc đờm trắng vàng lẫn lộn, đau ngực khó thở, lưỡi tía rêu lưỡi nhớt, kém ăn gày còm, sắc mặt đen sạm, là đờm nhiệt ứ độc câu kết, khí của Phế Tỳ đã suy, nếu bệnh thiên về Thực, cho uống ***Hồng thị***

đàm trọc ứ kết phương (39) để khư đàm hoá ứ, ích khí kiện Tỳ. Nếu bệnh thiên về Hư thì dùng ***Hồng thị Tỳ Phế khí hư phương (40)*** để bổ ích Phế Tỳ, khư đàm tiêu ứ.

Ho lâu không khỏi, đờm ít hoặc không có đờm, hoặc trong đờm có lẫn sợi huyết kiêm sốt nhẹ, lòng bàn tay chân nóng, miệng khô họng ráo, tĩnh mạch ở dưới lưỡi giãn nở to, ít rêu lưỡi, chất lưỡi đỏ tối là khí âm đều hư kiêm ứ trệ nhiệt độc. Nếu do hư mà ứ là chủ yếu thì dùng ***Hồng thị khí âm lưỡng hư phương (41)*** để ích khí dưỡng âm, khư đàm tiêu trưng. Nếu do độc ứ là chủ yếu, thì dùng ***Đoàn thị trị Phế nham phương (42)*** để giải độc trừ đàm, hành ứ bổ hư.

Trong nội thương khái thấu, Phế lao là một bệnh biến. Phế lao khái thấu kiêm chứng kém ăn gầy còm tiểu tuỵ, thiểu hơi không đủ để thở, về chiều sốt nhẹ, khái thấu, chất lưỡi đỏ và sáng bóng không có rêu, mạch Tế Sác hoặc đại tiện khô kết, thuộc Tỳ Phế đều hư, khí âm suy hư, hư nhiệt hun đốt ở trong, nhẹ thì dùng ***Hoàng kỳ kháng lao phương (43)*** để ích Phế Tỳ, thanh hư nhiệt. Nặng thì dùng ***Diệp thị Phế lao phương (44)*** bồi thổ để sinh kim, dưỡng âm nhuận Phế, thoái chưng chỉ khái. Nếu ho khan họng ráo không nhuận khá nặng thì dùng ***Thanh ninh thang (45)*** để thanh nhiệt nuôi dưỡng Phế kim, tư nhuận Tỳ thổ, lui hư nhiệt, trừ hư khái, hoá đàm nhiệt và trừ vi tà.

Kiêm chứng khạc ra huyết nhiều, ngực khó chịu và đau, triều nhiệt là thuộc âm hư hoả vượng, nên tư Phế âm, thanh hư hoả, cho uống ***Chu thị Phế lao phương (46)***. Chứng nói trên nếu kiêm cả đoản hơi, tiếng khẽ mệt mỏi là thuộc âm hư hoả vượng,

tráng hoả thực khí, nên ích khí tư âm, nhuận Phế chỉ khái và chỉ huyết, dùng ***Ích khí tư âm khư lao phương (47).***

Khái thấu nhiều đờm, trong đờm có lẫn máu hoặc khạc ra máu, ngực khó chịu, kém ăn, mỏi mệt yếu sức, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Hư Hoãn là thuộc Phế Tỳ khí hư, có thể dùng ***Ích Phế kiện Tỳ khư lao phương (48)*** để ích Phế kiện Tỳ, hoá đàm chỉ khái, liễm Phế chỉ huyết.

Nếu kiêm chứng sốt nhẹ, ra mồ hôi trộm, gày còm, gò má đỏ là thuộc Phế Thận khí âm đều hư, dùng ***Trương thị kháng lao phương (49)*** để bổ Thổ sinh kim, bổ cả Tỳ Thận, hoá đàm chỉ khái.

Phế lao ho khan, khi ho đau lan toả ngực sườn, Tâm phiền dễ cáu giận, trong đờm lẫn huyết, mạch Huyền Sác là thuộc âm hư Can vượng, Phế mất sự thanh nhuận, cho uống ***Thanh Phế hoạt Can lý lao thang (50)*** để tư dưỡng Thận âm, hoạt nhuận Can mộc, thanh Phế chỉ khái.

Lâm sàng còn có người do nghiện rượu (tửu khách) mà khái thấu kéo dài không khỏi, kiêm chứng đại tiểu tiện không lợi, rêu lưỡi quá dầy là thuộc độc rượu hun đốt lâu ngày, thấp nhiệt tích tuệ ở khí phận, có thể dùng ***Hồ thị nhị trần ẩm (51)*** để tả thấp nhiệt, lợi nhị tiện.

Chứng này nên tham khảo các chuyên mục "Suyễn gấp", "Đau vùng ngực","Vùng ngực khó chịu" và chứng "Ho ra huyết".

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị khinh tuyên phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Đông Tang diệp	10 gam	Hạnh nhân nê	10 gam
Chỉ xác sao	10 "	Tiền hồ	10 "
Cam thảo	10 "	Cát cánh	6 "

2. Gia giảm chỉ thấu tán

Người cống hiến: Trương Bái Cừu, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Ninh Ba

Tang diệp	Cúc hoa
Hạnh nhân	Kinh giới
Tử uyển	Cát cánh
Cam thảo	

3. Thanh Phế lý Tỳ trấn khái thang

Người cống hiến: Hồng Liêu Sênh, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Hạnh nhân	12 gam	Phục linh	12 gam
Pháp Bán hạ	12 "	Trần bì	12 "
Cam thảo	3 "	Cát cánh	9 "
Tiền hồ	12 "	Tô ngạnh	9 "
Bà diệp (trích)	12 "		

Gia giảm: Vãng lai hàn nhiệt bổ Tô ngạnh, gia Sài hồ 12 gam. Đắng miệng gia Hoàng cầm 9 gam. Ngực khó chịu gia Chỉ xác 12

gam. Suyễn thở bỏ Sài hồ gia Tô ngạnh 9 gam, Hậu phác 12 gam. Đờm dính gia Hải cáp phấn 9 gam, Hải phù thạch 9 gam. Ho lâu ngày gia Tử uyển 12 gam, Khoản đông hoa 12 gam.

4. Gia giảm Hạnh tô tán

Người cống hiến: Quan Ấu Ban, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hạnh nhân	10 gam	Tô diệp	6 gam
Kinh giới	6 "	Bạc hà	4,5 "
Tiền hồ	10 "	Ma hoàng	1,5 "
Cát cánh	6 "	Xích thược	10 "
Sinh Cam thảo	10 "		

Gia giảm: Nhiều đờm trắng loãng gia Bán hạ, Quất hồng,.Kiêm chứng thực trệ gia Sao La bặc tử, Tiêu tam tiên.

5. Từ thị cảm mạo khái thấu phương

Người cống hiến: Từ Tung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tô diệp	15 gam	Tiền hồ	15 gam
Sinh Bạch thuật	15 "	Xa tiền tử	30 "

6. Từ thị khư đàm chỉ khái phương

Người cống hiến: Từ Tung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ma hoàng	9 gam	Quế chi	9 gam
Bán hạ	12 "	Cam thảo trích	9 "
Bạch thược	12 "	Hậu phác	6 "

Hạnh nhân	12 gam	Xa tiền tử	30 gam
Ngũ vị tử	9 "	Sinh khương	3 nhát
Đại táo	9 quả		

7. Sơ biểu chỉ thấu thang.

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm Trường chính y viện Thiên Tân

Tang diệp	10 gam	Cúc hoa	10 gam
Hạnh nhân	9 "	Bạch tiền (nướng)	9 "
Tiền hồ (nướng)	9 "	Quảng bì	6 "
Kinh giới	5 "	Trúc nhự	12 "
Sinh Tỳ bà diệp	12 "	Liên kiều	12 "
Cam thảo	3 "		

8. Giải uất tuyên Phế chỉ khái phương

Người cống hiến: Uông Tân Tượng, Giáo sư Y học viện Lô Châu

Sài hồ	12 gam	Hoàng cầm	10 gam
Tế tân	5 "	Ngũ vị tử	10 "
Sinh khương	10 "	Hạnh nhân	10 "
Chỉ xác	10 "	Cam thảo	6 "

Gia giảm: Mùa Xuân gia Kinh giới, Bạc hà, Phòng phong, Mùa Hạ gia Hương nhu, Hậu phác, Trần bì. Mùa Thu gia Tang diệp, Tiền hồ, Cát cánh. Mùa Đông gia Ma hoàng, Quế chi. Ho lâu không khỏi gia Anh túc xác, Đan sâm, Đào nhân. Ho mà vãi đái gia Hoàng kỳ, Ích trí nhân. Ngứa cổ gia Ngưu bàng, Thiền thuế.

9. Sừ vân lợi đàm thang.

Người cống hiến: Nhạc Mĩ Trung, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sa sâm	9 gam	Sơn dược	9 gam
Khổ Hạnh nhân	9 "	Triết Bối mẫu	9 "
Mã đâu linh	6 "	Ngưu bàng tử	6 "
Cát cánh	6 "	Chỉ xác	6 "
Bạch vi	6 "	Quất hồng	4,5 "
Sinh Cam thảo	3 "		

10. Nhị Trùng chỉ khái tán.

Người cống hiến: Vương Chính Công, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Kinh giới	9 gam	Bách bộ	9 gam
Tử uyển	9 "	Bạch tiền	9 "
Trần bì	6 "	Cam thảo	3 "
Cát cánh	3 "	Cương tàm	9 "
Thiền thuế	4 "	Ngưu bàng tử	9 "
Bán hạ	9 "	Tượng bối	9 "
Tiền hồ	9 "		

11. Sừ vân chỉ khái thang

Người cống hiến: Nhạc Mĩ Trung, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kinh giới	6 gam	Bách bộ	12 gam
Quất hồng	6 "	Bạch tiền	6 "
Cát cánh	6 "	Tiền hồ	12 "
Khổ Hạnh nhân	9 "	Triết Bối mẫu	9 "

Liên kiều	9 gam	Tử uyển	9 gam
Sinh Cam thảo	3 "	Lô căn	24 "

12. Ích Phế hoá đàm thang.

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm y viện Trường Chinh - Thiên Tân

Khoản đông hoa	10 gam	Tử uyển	10 gam
Tiền hồ (trích)	9 "	Bạch tiền (trích)	10 "
Tỳ bà diệp (trích)	12 "	Xuyên Bối mẫu	9 "
Nam Sa sâm	12 "	Bách bộ	9 "
Cam thảo	3 "		

13. Lâm thị cửu khái cơ bản phương

Người cống hiến: Lâm Hạc Hoà, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Bình Hương, Giang Tây

Tế tân	3 gam	Ngũ vị tử	5 gam
Bạc hà	9 "	Xạ can	9 "
Bán hạ	9 "	Hạnh nhân	9 "
Chỉ xác	12 "	Cát cánh	9 "
Sa sâm	9 "	Trần bì	6 "
Qua sác	10 "	Cam thảo	3 "

14. Tân nhuận lý Phế thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Ma hoàng (cả đốt)	4 gam	Sinh khương	1 nhát
Cam thảo (trích)	6 "	Cát cánh	5 gam
Phật nhĩ thảo	10 "	Quất hồng	5 "

Đương qui	10 gam	Bào khương	4 gam
Hạnh nhân (cả vỏ đầu nhọn)	10 gam		

Cách dùng: Ban đầu, uống 3 - 5 gói, khi kiến hiệu thấy có đờm chút ít, ho khan, cứ tiếp tục uống, sẽ khỏi dần dần.

15. Chung thị sương khái phương.

Người cống hiến: Chu Tân Uyên, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thành phố Bình Hương tỉnh Giang Tây

Kinh giới	5 gam	Tang diệp	9 gam
Bách bộ	9 "	Ngưu bàng	9 "
Bạc hà	5 "	Tri mẫu	9 "
Triết bối	9 "	Phong mật	15 - 30 "
Cam thảo	3 "	Sinh khương	3 - 6 "
Cát cánh	6 "		

Cách dùng: Trước tiên, nấu Mật ong với Gừng. Lại sắc riêng các vị khác 2 lần, rồi trộn lẫn với nước gừng và mật, chia 2 lần uống hết.

16. Thanh Phế dưỡng âm chỉ khái thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Đông tang diệp	10 gam	Bạc hà	5 gam
Cát cánh	5 "	Cam thảo	5 "
Hắc sơn chi	10 "	Đạm đậu sị	10 "
Sinh địa	10 "	Bách hợp	15 "
Hạnh nhân	10 "	(bỏ vỏ, đầu nhọn, giã)	

Kê tử hoàng 1 quả (hoà vào nước thuốc sắc)

17. Hoàng thị thanh tuyên chỉ khái phương

Người cống hiến: Hoàng Văn Đông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tang diệp	9 gam	Tiền hồ	9 gam
Tang bì	9 "	Bách bộ (trích)	12 "
Bạch tiền	9 "	Ma hoàng (trích)	3 "
Hạnh nhân	9 "	Cát cánh	4,5 "
Tử uyển (trích)	15 "	Cam thảo	4,5 "

18. Ngoại cảm khái thấu phương.

Người cống hiến: Lưu Huệ Dân, nhà Trung y học nổi tiếng Học viện Sơn Đông

Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	6 gam
Sinh Thạch cao	15 "	Ngũ vị tử	5 "
Can khương	5 "	Bạc hà	6 "
Qua lâu nhân	6 "	Cam thảo (trích)	3 "
Sơn dược	18 "	Câu đằng	9 "

Chú ý: Phương này liều lượng cho lứa trẻ em từ 5 tuổi, người lớn khi sử dụng cần tăng liều lượng.

19. Chu thị thanh giải phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Bản lam căn	15 gam	Đại thanh diệp	15 gam
Ngư tinh thảo	15 "	Bạch hoa sà thiệt thảo	15 "
Kim ngân hoa	15 "	Sơn hải loa	15 "
Bách bộ (chưng)	8 "	Cương tàm (trích)	8 "
Huyền sâm	8 "	Cam thảo	3 "

20. Trương thị tuyên giải phương

Người cống hiến: Trương Hồng Tường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Kim ngân hoa	9 gam	Liên kiều	9 gam
Lô căn tươi	30 "	Hạnh nhân	9 "
Đào nhân	9 "	Đạm đậu sị	9 "
Sinh Ma hoàng	12 "	Đông qua tử	12 "
Cát cánh	4,5 "	Sinh dĩ nhân	12 "
Sinh Thạch cao	30 "	Trúc diệp	9 "
Sinh Cam thảo	4,5 "	Ngưu bàng tử	9 "
Ngư tinh thảo	30 "		

21. Trần thị thanh Phế khứ đàm thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Kim ngân hoa	20 gam	Ngư tinh thảo	20 gam
Liên kiều	20 "	Hoàng cầm (sao)	15 "
Hoàng liên	10 "	Ma hoàng (nướng)	9 "
Hạnh nhân	10 "	Sinh Cam thảo	9 "
Sinh Thạch cao	30 "	Tri mẫu	10 "
Bối mẫu	10 "	Cát cánh	10 "

22. Thanh Phế lục nhị thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Triết Giang

Lô căn (bỏ đốt)	60 gam	Bạch mao căn	30 gam
Tang bạch bì	9 "	Địa cốt bì	9 "

Tang diệp	9 gam	Tỳ bà diệp	9 gam
Triết Bối mẫu	9 "	Tri mẫu	9 "
Bắc Sa sâm	9 "	Nam Sa sâm	9 "
Khổ Hạnh nhân	9 "	Đông qua nhân	9 "

Gia giảm: Sốt cao đỏ mặt, khát nước phiền táo, mạch Hồng Sác, bỏ Bắc Sa sâm, gia Sinh Thạch cao. Sốt cao quá thịnh, chất lưỡi tía, gia Thần tê đan. Nếu sốt cao hôn mê thì gia Tử tuyết đan 1 - 2 gam, nghiền bột, đổ qua đường mũi, đồng thời lấy Huyền sâm thay Bắc Sa sâm. Nếu lưỡi có rêu vàng, nhớt, là hiện tượng ôn nhiệt vào lý, nên bỏ hai loại Sâm, gia Hoàng cầm, Sơn chi. Đại tiện bí kết gia Qua lâu nhân. Nếu táo bón mà tà nhiệt quá thịnh thì gia Sinh Đại hoàng. Nếu trong đờm có sắc hồng hoặc thổ huyết chất lưỡi đỏ, bỏ Tang diệp và Tỳ bà, Triết bối, gia Xuyên bối, Hạn liên thảo, Tiên hạc thảo (hoặc đổi dùng Sinh địa, Thục địa). Nếu bệnh lâu ngày bị mất tân dịch, cũng bỏ Tỳ bà, Tang diệp, gia Thiên môn đông, Mạch môn đông.

23. Ôn độc uẩn Phế phương

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	15 gam	Liên kiều	12 gam
Thảo hà sa	12 "	Thiên hoa phấn	10 "
Qua lâu	15 "	Tang diệp	10 "
Tang bì	10 "	Huyền sâm	10 "
Xích thược	10 "	Tri mẫu	10 "
Hoàng bá	10 "	Sinh địa	12 "
Mẫu đơn bì	10 "	Tiền hồ	10 "
Ma hoàng	1,5 "	Hạnh nhân	10 "

Gia giảm: Phế Vị nhiệt thịnh, gia Sinh Thạch cao 30 gam, Hoàng cầm 10 gam. Đau yết hầu gia Cẩm đăng lung, Bản lam căn, Xạ can, Thiền thoái, Cương tàm. Khô miệng khát nước gia Sa sâm, Mạch đông, Thạch hộc, Thiên hoa phấn. Nhiệt đờm quá thịnh keo dính khó khạc, gia Hải phù thạch, Đại cáp tán, Thiên trúc hoàng, Trúc lịch thuỷ, Sà đởm, Trần bì.

24. Thanh Phế hoá đàm thang

Người cống hiến: Quách Trung Nguyên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện khu vực Bảo Định, Hà Bắc

Bản lam căn	20 gam	Hoàng cầm	10 gam
Triết Bối mẫu	10 "	Quất hồng	10 "
Thiên trúc hoàng	15 "	Huyền sâm	12 "
Hạnh nhân (sao)	10 "	Bạch tiền căn	10 "
Ngư tinh thảo	15 "	Lô căn	20 "
Tử uyển (trích)	12 "	Cam thảo	10 "

Gia giảm: Bệnh mới phát có đầy đủ biểu chứng, như phát nhiệt nhẹ, hơi ố phong hàn, có mồ hôi, gia Bạc hà, Thiền thuế, Giới tuệ để sơ phong giải biểu. Nếu phát nhiệt khá nặng, ít mồ hôi, đắng miệng, gia Sài hồ, Cát căn để phát biểu giải cơ. Gặp thời tiết mưa dầm kéo dài, khí hậu ẩm thấp, ở biểu bị thấp tà, nhiệt tuy không nặng lắm nhưng cơ thể mỏi nhừ phát nhiệt, gia Phù bình, Tang chi để giải biểu khư thấp. Nếu tà vào khí phận, sốt cao ra mồ hôi mà nhiệt không giải, gia Sinh Thạch cao, Tri mẫu, Kim ngân hoa để thanh khí thấu nhiệt. Nhiệt đàm úng tắc ở Phế, sốt cao suyễn gấp, gia Sinh Thạch cao, Ma hoàng để thanh nhiệt tuyên Phế bình suyễn. Nếu bệnh nhân nhiều mồ hôi hoặc

vốn Can dương căng lên, không nên sử dụng Ma hoàng, gia Địa long, Tang bạch bì để tả Phế bình suyễn. Nhiệt tà hun đốt làm chất dịch và đàm keo dính khó khạc, gia Cát cánh, Hải phù thạch để trừ đờm làm mềm chất rắn. Nhiệt tà làm hao tân dịch, miệng khô khát, gia Thiên hoa phấn, Mạch môn đông nhằm nhuận Phế sinh Tâm. Nếu Phế dồn nhiệt xuống Đại trường, gây nên nhiệt kết ở ruột, đại tiện vài ngày không đi, gia Đại hoàng, Huyền minh phấn, Qua lâu để tả nhiệt thông tiện.

25. Tự định thanh Phế ích khí thang số I

Người cống hiến: Tiêu Tuấn Dật, Y sư chủ nhiệm Y viện khu vực Cát An tỉnh Giang Tây

Ngũ vị	Nhân sâm
Mạch môn đông	Sa sâm
Đông qua tử	Qua lâu bì
Tang bạch bì	Bối mẫu
Xa tiền nhân	

26. Thanh bạch lợi yết phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh quả	5 quả	Bạch La bặc	nửa cái

27. Hạnh nhân tiễn

Người cống hiến: Trương Kiến Phu, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Thiểm Tây

Hạnh nhân	10 gam	Qua lâu	15 gam
Bán hạ	10 "	Ma hoàng (trích)	6 "

Tô tử	10 gam	Chỉ xác	12 gam
Trần bì	10 "	Ngưu bàng tử	10 "
Cát cánh	10 "	Tỳ bà diệp	12 "
Bối mẫu	10 "	Tiền hồ	12 "
Bạch tiền căn	12 "		

28. Từ thị khái thấu khôi phục phương

Người cống hiến: Từ Tung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng kỳ	30 gam	Ý mễ nhân căn	50 gam
Kim ngân hoa	15 "	Liên kiều	20 "
Hồng đằng	30 "	Hổ trượng	20 "
Dã kiều mạch căn	30 "	Lô căn tươi	50 "
Mao căn tươi	50 "	Sinh Sái sâm	6 - 9 "

(sắc nước thay nước uống)

29. Giáng khí hoá đàm thang.

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm Y viện Trường Chinh, Thiên Tân

Hạnh nhân	10 gam	Tô tử	9 gam
Qua lâu	30 "	Xuyên luyện tử	6 "
Huyền hồ	9 "	Long đởm thảo	6 "
Thạch lộc	12 "	Toàn phúc hoa	9 "
Giả thạch	9 "	Cam thảo	3 "
Chỉ xác	5 "		

30. Nhị ma tứ nhân thang

Người cống hiến: Trần Tô Sinh, Nghiên cứu viên Trung y học viện Trung Quốc

Ma hoàng (trích)	4,5 gam	Ma hoàng căn	4,5 gam
Hạnh nhân	9 "	Đào nhân	9 "
Úc lý nhân	9 "	Bạch quả nhân	9 "
Bách bộ	9 "	Khoản đông hoa	9 "
Xa tiền thảo	24 "	Sinh Cam thảo	4,5 "
Tân di	9 "	Xương nhĩ tử	9 "

Chú ý: Nếu uống thuốc mà thấy đại tiện lỏng, nói chung không phải xử lý gì. Nếu nặng quá thì bỏ Úc lý nhân gia Hoắc ngạnh, Hậu phác.

31. Tả phế chỉ khái thang.

Người cống hiến: Đào Khắc Văn, Y sư chủ nhiệm Trung y học hiệu thành phố Trùng Khánh

Nam Sa sâm	15 gam	Pháp Bán hạ	15 gam
Mạch môn đông	15 "	Tô tử	15 "
Tô ngạch	10 "	Hạnh nhân	10 "
Hậu phác	10 "	Cát cánh	10 "
Tử uyển	15 "	Khoản đông hoa	15 "
Cam thảo	6 "	Đình lịch tử	12 "
Triết Bối mẫu	15 "	Phục linh	30 "

Gia giảm: Suyễn nặng gia Mật chế Ma hoàng. Nhiệt nặng đờm vàng dính gia Tang bạch bì, Hoàng cầm, Sinh hải cáp sác. Tân dịch thương tổn có chứng khát nước gia Lô căn, Thạch hộc,

Xuyên bối phấn. Kém ăn gia Cốc nha, Mạch nha. Cơ thể lạnh, vùng lưng lạnh, khạc ra đờm có vị mặn gia Can khương, Tế tân, Ngũ vị tử. Thuỷ thũng gia Trạch tả, Sinh Mẫu lệ. Chất lưỡi tối, môi tím tái gia Đan sâm, Uất kim.

32. Tưởng thị kiện Tỳ khư đàm thang

Người cống hiến: Tưởng Thiên Hựu, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Bạch truật thổ sao	9 - 12 gam	Xương truật chế	9 - 12 gam
Đảng sâm	9 - 12 "	Phục linh	9 - 12 "
Pháp hạ	9 "	Bạch giới tử	9 - 12 "
Lai bặc tử (sao)	9 - 15 "	Xuyên khung	6 - 9 "
Hồng hoa	6 - 9 "		

Gia giảm: Khó ra đờm gia Đình lịch tử 10 - 15 gam. Suyễn thở gia Xuyên tiêu mục 9 - 12 gam. Đoản hơi rõ rệt gia Hoàng kỳ 9 - 15 gam. Kém ăn gia Kê nội kim 9-15 gam hoặc Can khương 9 - 12 gam. Đại tiện lỏng nhiều gia Thỏ ty tử 15 gam. Trướng bụng nặng, gia Đại phúc bì 9 - 12 gam. Người bệnh có cảm giác lạnh, gia Nhục quế, Phụ tử đều 9 gam có cảm giác nóng gia Hoàng cầm 6 - 9 gam. Có phong tà gây ngứa họng, gia Kinh giới 9 gam.

33. Trần thị chỉ khái phương.

Người cống hiến: Trần Thụ Lâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải Phóng quân

Bắc Sa sâm	9 gam	Hoàng cầm (sao)	9 gam
Thiên môn đông	9 "	Mạch môn đông	9 "

Điểm Hạnh nhân	9 gam	Xuyên Bối mẫu	9 gam
Xuyên Bách hợp	9 "	Đông qua tử	9 "
Qua lâu bì	9 "	Bạch nhân sâm	5 "

34. Ngô thị đạt nhật hưng phương số 5

Người cống hiến: Ngô Tỉnh Xương, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Minh Mông Y Triết lý mộc Nội Mông Cổ

Ngũ vị tử	25 gam	Cam thảo	25 gam
Bạch Sa sâm	25 "	Băng đường	15 "
Bạch đường	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột luyện với Mật ong làm viên mỗi viên nặng 5 gam. Người lớn mỗi lần 1 viên, ngày 2-3 lần. Trẻ em 3 tháng đến 2 tuổi, mỗi lần 1/5 viên. Từ 2 - 3 tuổi mỗi lần 1/3 viên. 3 - 5 tuổi mỗi lần 1/2 viên, 5 - 10 tuổi mỗi lần 2/3 viên. Ngày uống 2 - 3 lần.

35. Tưởng thị dưỡng âm chỉ khái thang.

Người cống hiến: Tưởng Thiên Hựu, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Đông

Sinh Địa hoàng	9 - 12 gam	Sa sâm	12 - 18 gam
Mạch môn đông	9 - 12 "	Mã đâu linh	9 - 12 "
Qua lâu	12 - 18 "	Tỳ bà diệp	12 - 18 "
Ô mai	9 - 12 "	Đào nhân	9 - 12 "
Hồng hoa	6 - 12 "		

Gia giảm: Ho nặng, gia La hán quả 9 - 12 gam. Khái huyết gia Bạch mao căn 15 - 30 gam, A giao châu 9 - 12 gam. Ngứa họng gia Tang diệp 9 gam. Khát nước gia Tri mẫu 10 gam, Thiên

hoa phấn 15 - 30 gam. Yết hầu khô đau gia Huyền sâm 15 - 30 gam, Thanh quả 15 - 20 gam. Ngũ Tâm phiền nhiệt gia Địa cốt bì 15 - 30 gam.

36. Bổ Phế chỉ khái thang.

Người cống hiến: Tưởng Thiên Hựu, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sao Sơn dược	15 - 30 gam	Trích Hoàng kỳ	15 - 30 gam
Can khương	6 - 9 "	Đông hoa nướng	15 - 30 "
Bạch giới tử	9 - 12 "	Tử uyển nướng	9 - 15 "
Đào nhân	6 - 9 "	Bạch thược (sao)	3 - 9 "
Hồng hoa	6 - 9 "		

Gia giảm: Họng ngứa gia Kinh giới 9 gam. Khí suyễn gia Trích Ma hoàng 6 - 9 gam. Nhiều đờm gia Pháp Bán hạ 9 - 12 gam. Ngực khó chịu gia Qua lâu, Giới bạch mỗi vị đều 9 gam. Có hiện tượng nhiệt, gia Hoàng cầm 6 - 9 gam. Sợ lạnh gia Quế chi 9 gam. Khí hư nặng gia Đảng sâm 9 - 15 gam.

37. Ma hạnh hắc tích thang.

Người cống hiến: Khâu Khâm Thành, Lão Trung y Viện phòng chống lao thành phố Phúc Châu

Mật Ma hoàng	12 gam	Quang Hạnh nhân	12 gam
Hắc tích đan	15 "	Mật Tử uyển	12 "
Mật Khoản đông	15 "	Bạch giới tử	3 "
Lai phục tử	9 "	Tô ngạnh	18 "
Tô tử	18 "	Bán hạ	9 "
Bạch linh	12 "	Trần bì	9 "

Cát cánh	9 gam	Lộ Đảng sâm	15 gam
Nam tra	9 "	Trích Cam thảo	3 "
Đại táo	7 quả		

38. Ôn dương chỉ khái phương.

Người cống hiến: Châu Vân Tường, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Nhục quế phấn	3 gam	Chế Phụ phiến	3 gam
Bào khương	3 "	Lộ đảng sâm (sao)	6 "
Bạch truật (sao)	9 "	Trích Hoàng kỳ	12 "
Thục địa (sao)	6 "	Trích Viễn trí	4,5 "
Sơn dược (sao)	12 "	Nam Sa sâm (sao)	9 "
Hạ khô thảo	3 "	Tử cẩm (sao)	1,5 "
Táo nhân (sao)	18 "	Long sỉ (nung)	15 "
Pháp Bán hạ	6 "	Truật mễ (sao)	30 "

39. Hồng thị đàm trọc ứ kết phương

Người cống hiến: Hồng Quảng Tường, Giáo sư Trung y học viện Giang Tây

Miêu chảo thảo	Hoàng dược tử
Đình lịch tử	Triết Bối mẫu
Thiên tương sác	Hải cáp sác
Đào nhân	Giá trùng
Sinh Hoàng kỳ	Tây Đảng sâm
Bạch truật	Ý dĩ

Gia giảm: Đàm ứ hoá nhiệt, có chứng đàm vàng dính, có thể trộn thêm Ngư tinh thảo, Dã kiều mạch căn, Thập đại công lao, Thất diệp nhất chi hoa, Thiên quỳ tử v.v.

40. Hồng thị Tỳ Phế khí hư phương

Người cống hiến: Hồng Quảng Tường, Giáo sư Trung y học viện Giang Tây

Sinh Hoàng kỳ
Phục linh
Ý dĩ
Trần bì
Thiên tương sác
Vệ mao
Tây Đảng sâm
Bạch truật
Pháp Bán hạ
Miêu chảo thảo
Mẫu kinh tử
Xuyên khung

41. Hồng thị khứ âm lưỡng hư phương

Người cống hiến: Hồng Quảng Tường, Giáo sư Trung y học viện Giang Tây

Hài nhi sâm
Bắc Sa sâm
Mạch môn đông
Ngọc trúc
Hoàng tinh
Xích thược
Hạn liên thảo.
Sinh Sái sâm
Thiên môn đông
Bách hợp
Hoài sơn dược
Mẫu đơn bì
Đào nhân

Gia giảm: Khạc ra huyết, linh hoạt gia Sinh Bồ hoàng 10 - 15 gam; Văn trùng thảo 30 - 60 gam; đồng thời khi điều trị phải ngừng dùng loại thuốc hoạt động huyết động huyết. Vùng ngực đau nặng, có thể chọn dùng Huyền hồ sách bột 3 - 6 gam (chia vào thuốc sắc) Xạ hương 0,2 gam. Các chứng trạng trên có cả các chứng chèn ép tĩnh mạch ở khoảng trên, linh hoạt gia Đình lịch tử 10 - 15 gam, Trư linh 15 - 30 gam, Sinh Ma hoàng 10 gam.

42. Đoàn thị trị Phế nham phương

Người cống hiến: Đoàn Phượng Võ, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Lô căn	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Sinh Ý dĩ nhân	30 "	Đông qua nhân	10 "
Triết Bối mẫu	10 "	Cát cánh	10 "
Sa sâm	15 "	Bách bộ	10 "
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Câu kỷ tử	30 "
Hạ khô thảo	15 "	Thần khúc	30 "
Tiêu Sơn tra	30 "	Bán chi liên	30 "
Quảng Uất kim	10 "	Huyền hồ	10 "
Xa tiền thảo	10 "	Bạch hoa sà thiệt thảo	30 "

Gia giảm: Khái huyết gia Tiên hạc thảo 30 gam, Tiểu kế 30 gam, Bạch mao căn 30 gam, Ngũ vị tử 10 gam. Miệng khô rõ rệt gia Mạch môn đông 15 gam, Thiên hoa phấn 15 gam, Ngọc trúc 10 gam. Đau ngực kịch liệt gia Qua lâu 15 gam, Hoa tiêu 10 gam, Tất trừng già 10 gam, Tế tân 3 gam. Khái suyễn khá nặng, gia Ma hoàng 3 gam, Tô tử 7 gam, Lai phục tử 10 gam.

43. Hoàng kỳ kháng lao phương

Người cống hiến: Hoàng Văn Đông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng kỳ trích	9 gam	Bạch truật sao	9 gam
Cam thảo trích	4,5 "	Hạnh nhân	9 "
Trần bì	4,5 "	Bách bộ chưng	9 "
Bán hạ	4,5 "	Tri mẫu	9 "
Thanh cao tử	4,5 "	Kê nội kim trích	4,5 "

44. Diệp thị phế lao phương

Người cống hiến: Diệp Di Đình, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Phục linh	9 gam
Bạch truật	9 "	Cam thảo	12 "
Sa sâm	9 "	Huyền sâm	12 "
Mạch môn đông	9 "	Sinh địa	9 "
Địa cốt bì	9 "	Hoàng cầm	9 "
Tri mẫu	9 "	Bách bộ	9 "
Bách hợp	15 "	Lộc hàm thảo	12 "
Công lao diệp	12 "		

45. Thanh ninh thang

Người cống hiến: Hà Thời Hy, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Mạch môn đông	12 gam	Thiên môn đông	9 gam
Bách hợp	30 "	Tang bì (trích)	9 "
Địa cốt bì	9 "	Bạc hà (sao)	3 "
Bạch bộ (trích)	9 "	Bạch tiền	9 "
Xuyên Bối mẫu	6 "	Tỳ bà diệp (trích)	12 "
Phục linh	12 "	Sơn dược	9 "
Sinh Dĩ nhân	15 "		

Gia giảm: Ho ra huyết gia Bạch mao căn 30 gam, Sinh Địa hoàng 12 gam. Khạc đờm khó khăn gia Sinh cáp xác 30 gam, Đông qua tử 12 gam. Thể lực yếu ra mồ hôi gia Phù tiểu mạch 12 gam, Ma hoàng căn 6 gam.

46. Chu thị Phế lao phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Mạch môn đông	12 gam	Bắc Sa sâm	12 gam
Bách bộ (chưng)	18 "	Sài hồ	4,5 "
Đại cáp tán	12 "	Tiêu sơn chi	4,5 "
Sinh Bạch thược	9 "	Hoàng cầm	4,5 "
Qua lâu bì	9 "	Mẫu đơn bì	4,5 "
Toàn phú hoa	9 "		

47. Ích khí tư âm khư lao phương

Người cống hiến: Khâu Khâm Thành, Lão Trung y Viện phòng chống lao thành phố Phúc Châu

Bắc Sa sâm	15 gam	Hài nhi sâm	15 gam
Thiên môn đông	15 "	Đông trùng hạ thảo	15 - 30 "
Xuyên Bối mẫu	12 "	Hoàng tinh	30 "
Ngũ vị tử	9 "	Bách bộ	15 "
Bạch cập	15 "	Trắc bá diệp	5 "
Sơn dược	15 "	Quất lạc	9 "
Uất Tô sâm	30 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Thục Địa hoàng	15 "	Mật Khoản đông hoa	15 "
Hạnh nhân	9 "		

48. Ích phế kiện Tỳ khư lao phương.

Người cống hiến: Khâu Khâm Thành, Lão Trung y Viện phòng chống lao thành phố Phúc Châu

Hài nhi sâm	15 gam	Chế Hoàng tinh	24 gam
Bạch truật	9 "	Phục linh	9 "

Cam thảo (trích)	6 gam	Bách bộ	12 gam
Tử uyển (mật trích)	12 "	Mật Khoản đông hoa	15 "
Khổ Hạnh nhân	6 "	Quất lạc	9 "
Bạch cập	15 - 30 "	Cát cánh	9 "
Tiên hạc thảo	15 "	Giáng hương	4,5 "
Bán hạ khúc	9 "	Mạch nha	5 "
Cốc nha	5 "		

49. Trương thị kháng lao phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Thái tử sâm	120 gam	Bắc Sa sâm	120 gam
Ngọc trúc	120 "	Sơn dược	120 "
Phục linh	120 "	Thiên môn đông	120 "
Thục Địa hoàng	120 "	Điểm Hạnh nhân	120 "
Sinh Địa hoàng	120 "	Sinh Cam thảo	60 "
Tử uyển	60 "	Bách hợp	60 "
Ngũ vị tử	30 "	Xuyên Tảo mẫu	30 "
Bạch mao căn	240 "		

Cách dùng: Các vị trên sắc lấy hai nước thuốc đặc, bỏ bã, thêm vào 1500 gam đường kính, quấy đều với lượng nước vừa phải cho thành châu, sau đó đổ nước thuốc vào chế thành dạng cao, đậy kín, chôn dưới đất 7 ngày là được. Mỗi lần uống một thìa to chiêu với nước sôi, ngày ba lần.

50. Thanh Phế hoạt Can lý lao thang.

Người cống hiến: Võ Minh Khâm, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện số II thành phố Khai Phong

Hoàng cầm	10 gam	Thanh cao	10 gam
Miết giáp (chế)	15 "	Địa cốt bì	10 "
Tri mẫu	15 "	Sơn từ cô	15 "
Xuyên Bối mẫu	10 "	Sinh Bạch thược	25 "
Can Địa hoàng	15 "	Uất kim	10 "
Ngọc trúc	15 "	Tiên hạc thảo	30 "

Gia giảm: Ngực sườn đau ho bị sặc, gia Trúc như, Quất lạc, Xuyên luyện tử, Huyền hồ. Tâm phiền hay cáu giận, mạch tả quan Huyền mà có lực là Can uất hoả thịnh, gia Linh dương giác, Hổ phách phấn. Trong đờm có lẫn huyết hoặc thổ huyết, mạch hữu quan Sác là Phế Vị hoả thịnh, nguyên phương bỏ Thanh cao, Miết giáp gia Sinh Thạch cao, Bách bộ, Tam thất phấn, Kinh mặc. Khái huyết, thổ huyết đột ngột gia Sinh Long cốt, Sinh Mẫu lệ, Quy bản để liễm âm khí. Lưng đau, đùi mỏi gia Câu kỷ, Ngưu tất, sao Đỗ trọng để bổ thận khí.

51. Hồ thị nhị Chân ẩm.

Người cống hiến: Hồ Thiên Hùng, Giáo sư
Trung y học viện Hồ Nam

Khiên ngưu tử	12 gam	Xuyên luyện tử	6 gam
Tiểu hồi hương	6 "	Sơn giáp châu	6 "

122. SUYỄN GẤP

Suyễn gấp chỉ một chứng trạng có đặc trưng trên lâm sàng là hô hấp gấp gấp, gặp trong nhiều loại bệnh mạn tính, phong, hàn, thấp, đàm, ứ, nhiệt là những nhân tố thường gây nên bệnh. Khí huyết âm dương của các tạng Phế, Tỳ, Thận mất điều hoà là những nhân tố nội tại. Chứng này có chia ra Hư, Thực. Loại hư thực lẫn lộn là nguyên nhân thường gặp nhất trong lâm sàng.

Thở gấp, suyễn khái, đàm nhiều, ngực khó chịu, rêu lưỡi nhớt thuộc đờm trọc úng nghẽn ở Phế, cho uống ***Ma hạnh nhị tam thang (1)*** để tuyên Phế hoá đàm, bình suyễn chỉ khái.

Nếu kiêm chứng tiểu tiện sẻn ít, có thể dùng ***Tam tử thang (2)*** để tả Phế quét đàm. Nếu khó khạc đàm thì dùng ***Bài đàm tán (3)*** để quét đàm lưu thông vùng ngực.

Kiêm chứng lưỡi tía sạm, ban đêm suyễn nặng hơn là đàm và ứ câu kết, cho uống ***Tứ thuận thang (4)*** để lý khí khư ứ hoá đàm giáng nghịch. Nếu kiêm chứng mặt sạm lưỡi tía thì dùng ***Đổng thị trị suyễn cơ bản phương dược (5)*** để tuyên Phế khí, trừ đàm ứ, bình suyễn khái.

Nếu đàm và ứ câu kết nghẽn tắc, kiêm chứng đại tiện khô khó bài tiết thì dùng ***Nhị ma tứ nhân thang (6)*** để trừ đàm ứ, dừng suyễn khái và nhuận đại tiện.

Mắc bệnh lâu ngày, có chứng đờm trọc úng thịnh kiêm chứng ố hàn, chảy nước mũi trong, đờm vàng, kém ăn thì cho

uống ***Tiêu bản kiêm cố phương (7)*** để tuyên Phế khư đàm, thanh phiệt phù chính.

Nếu đờm trọc úng tắc ở Phế mà phát sinh mỏi lưng, choáng váng mệt mỏi, tiểu tiện ít và phù thũng, đó là trên thịnh dưới hư, có thể dùng ***Tam tử trinh nguyên ẩm (8)*** để khư đàm bình suyễn, chỉ khái chiếu cố Thận.

Suyễn gấp khá nặng, cho uống ***Trần thị định suyễn phương (9)*** để tuyên Phế hoá đàm bình suyễn, bổ Thận ích khí.

Nếu đờm trọc úng nghẽn ở Phế kiêm chứng hồi hộp mất ngủ, thì uống ***Điều bình phiến (10)*** nhằm bình suyễn dẹp cơn ho và hoá đàm.

Suyễn khái từng cơn tái phát, ngứa họng, có thể dùng ***Khương thị tiệt suyễn chỉ khái phương (11)*** để tiệt suyễn giáng nghịch, chỉ khái hoá đàm, kháng khuẩn tiêu viêm và chống dị ứng.

Khí suyễn kiêm các chứng ngực khó chịu, khái thấu, đờm trắng trong, không khát nước, ố hàn hơi phát sốt là thuộc phong hàn bó ở Phế, đàm thấp đình trệ ở trong, cho uống ***Ma hạnh tô trà thang (12)*** để tán hàn giải độc, ôn Phế khư đàm, bình suyễn chỉ khái. Bệnh nặng thì uống ***Gia giảm Tiểu thanh long thang phương (13)*** để ôn Phế hoá ẩm, bình suyễn chỉ khái. Nói chung, khi đã dùng thuốc ôn Phế bình suyễn mà không kết quả, cũng có thể dùng ***Tỳ phàn hoàn (14)*** để cắt đứt cơn suyễn và hoá đàm chỉ khái. Nếu ố hàn khá nặng kiêm chứng tay chân không ấm, có thể dùng ***Ôn Phế hoá ẩm đường tương (15)*** để ôn dương hoá ẩm, khư hàn bình suyễn.

Nếu kiêm chứng sắc mặt tối trệ, chân tay lạnh mạch Huyền Hoạt, là thuộc dương hư hàn ngưng huyết trệ, nên dùng phép ôn dương tán hàn, hoạt huyết khư đàm, cho uống ***Phụ tử đại hoàng tế tân thang (16).***

Nếu kiêm chứng khát nước, phát nhiệt khá cao, là thuộc ngoài thì hàn, trong thì nhiệt, cho uống ***Tứ tử khắc suyễn thang (17)*** để giải biểu hoá ẩm, thanh nhiệt bình suyễn, chỉ khái khư đàm. Kiêm chứng khát nước đờm vàng thì dùng ***Trương thị trị suyễn phương (18)*** để thanh Phế bình suyễn, hoá đàm.

Suyễn khái mà hồi hộp, đau vùng Tim, đoản hơi ngực khó chịu là thuộc Tâm khái, có thể dùng ***Gia giảm khái Tâm thang (19)*** để tuyên Phế hoá ẩm, chỉ khái bình suyễn nhằm hỗ trợ tác dụng điều dưỡng Tâm Phế.

Suyễn khái mà Tâm hoang phù thũng, hồi hộp đoản hơi môi tím tái, nếu kiêm chứng chân tay lạnh vã mồ hôi, nên dùng ***Cường Tâm ích khí thang (20)*** để cường Tâm cố thoát, ích khí phù dương.

Kiêm chứng nhiều đờm ho nặng, đoản hơi phải so vai mà thở là do Tâm khí hư suy, đàm ứ vít nghẽn Tâm Phế, dùng ***Sìu Phế ngũ tử thang (21)*** để dưỡng Tâm tuyên Phế, hành ứ khư đàm, chỉ khái bình suyễn.

Suyễn khái thở thô, so vai, mũi phập phồng, phát sốt khát nước, đàm vàng dính, rêu lưỡi vàng nhớt là do đàm nhiệt lưởng vưởng ở Phế, có thể dùng ***Khương thị nhiệt suyễn phương (22)*** để thanh nhiệt bình suyễn, chỉ khái hoá đàm. Nếu có chứng nhiều đờm thì uống ***Ma hạnh lâu thạnh thang (23)*** để tuyên

Phế thanh nhiệt bình khí giáng đàm. Kiêm chứng sợ lạnh thì dùng ***Tăng tổn việt Tỳ truật hạ thang (24)*** để thanh nhiệt tuyên Phế, hoá ẩm bình suyễn, chỉ khái khư đàm, kèm thêm tác dụng tán hàn giải biểu.

Suyễn háo lâu ngày không chữa khỏi, thể chất còn thuộc thực và nghiêng về nhiệt, có thể dùng ***Thanh nhiệt hoạt huyết thang (25)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tán ứ.

Suyễn khái đã lâu thường liên luỵ thương tổn khí âm của tạng Phế. Nếu suyễn khái đoản hơi, tiếng thấp mặt nhợt, dễ cảm mạo là thuộc Phế khí hư yếu, đàm trọc chưa kết, dùng ***Ma hạnh bổ Phế thang (26)*** để bổ Phế ích khí bình suyễn. Kiêm chứng nhiều đờm sợ lạnh, mỏi lưng là Phế Thận đều hư, đàm trọc đình trệ, dùng ***Bổ Thận bình suyễn thang (27)*** để bổ ích Phế Thận, chỉ khái bình suyễn hoá đàm.

Suyễn gấp đoản hơi, tinh thần mỏi mệt yếu sức, tiếng thấp khát nước, sốt nhẹ đờm dính mà ít, thuộc tạng Phế khí âm đều tổn thương, uống ***Tam sâm thang (28)*** để dưỡng Phế âm kiêm ích Phế khí.

Nếu kiêm chứng khái suyễn đờm nhiều, có thể dùng ***Bổ khí hoá đàm thang (29)*** để bổ Phế tạng khí âm, hoá đàm chỉ khái bình suyễn.

Mắc bệnh suyễn khái đã lâu, đờm nhiều dễ ra, biếng ăn, đại tiện nhão, thể trạng tinh thần mỏi mệt là thuộc bệnh hư tổn khí ở Trung tiêu, nên dùng phép kiện Tỳ ích khí, hoá đàm bình suyễn, uống ***Ma hạnh Lục quân tử thang (30)***.

Kiêm chứng tay chân lạnh, phù thũng, nhiều đờm trong loãng, thuộc Tỳ dương khí hư, đàm trọc lưu luyết ở phế, dùng ***Ôn dương ích khí thang (31)*** để ôn trung kiện Tỳ, hoá đàm bình suyễn.

Chứng suyễn gấp, gặp rất nhiều ở người cao tuổi thể trạng hư yếu, thường hình thành chứng trên thực dưới hư. Suyễn gấp đoản hơi phải so vai để thở, tiếng đờm khò khè, sợ lạnh nằm co, mỏi lưng chân tay lạnh thuộc dương hư ở dưới, đàm ủng tắc ở trên, cho uống ***Khương thị ôn dương phương (32)*** để ôn dương bình suyễn. Lưng lạnh sợ rét nặng, hoặc sau khi đàm suyễn đã dịu, dùng ***Cáp giới tứ tử phương (33)*** để ôn Thận nạp khí, hoá đàm lợi Phế, bình suyễn chỉ khái. Kiêm chứng mặt sạm lưỡi tía là thuộc dương hư đàm ứ, có thể dùng ***Síu Phế phiến (34)*** để ôn dương hoá đàm, hành ứ bình suyễn. Nếu có kiêm chứng sợ lạnh mạch Phù do ngoại cảm, thì dùng ***Từ thị Phế thực Thận hư phương (35)*** để ôn dương giải biểu, hoá đàm bình suyễn.

Nếu kiêm chứng đoản hơi, động làm thì bệnh tăng và ngực khó chịu, có thể dùng ***Ma hạnh hắc tích thang (36)*** để tuyên Phế bình suyễn, ôn Thận nạp khí, kiện Tỳ hoá đàm. Chứng nói trên mà chân tay lạnh, thể trạng lạnh quá nặng thì dùng ***Hạ thị suyễn chứng phương (37)*** để ôn Thận nạp khí, hoá đàm bình suyễn.

Suyễn khái hơi thở hổn hển gấp gáp thì thở ra nhiều, hít vào ít, lưng gối tê mỏi, động làm thì bệnh tăng, mặt xạm đen, tinh thần mỏi mệt, là thuộc Thận hư không nạp khí, cho uống ***Ma hạnh đô khí thang (38)*** để nạp khí về Thận, khư đàm bình suyễn. Có kiêm chứng hồi hộp khát nước thì dùng ***Gia giảm Toàn chân nhất khí thang (39)*** để bổ Phế nạp Thận về nguồn.

Có kiêm chứng đờm ra khó khăn, thở gấp gáp nhưng các chứng khác không nặng lắm, có thể dùng ***Tam tang thang (40)*** để bổ Can Thận và tả Phế thực.

Suyễn gấp mà ngứa họng, gặp lạnh hoặc gió, bụi phấn hoặc ăn cua tôm mà lên cơn suyễn gấp, thể trạng lại béo mập, chân tay lạnh, có thể dùng ***Đông long thang (41)*** để trợ dương sơ phong, khư đàm bình suyễn.

Người cao tuổi mắc chứng suyễn khái, hàng ngày uống các phương thuốc bổ Thận kiện Tỳ ích Phế có thể dự phòng bệnh này tái phát, mặt khác sau khi phát bệnh thì tình trạng triệu chứng cũng dịu đi. Bệnh này ở thời kỳ khôi phục, hoặc là trong thời gian bệnh chưa phát, có chứng thân thể lạnh, tay chân lạnh, lưng đùi yếu mỏi, mặt nhợt tinh thần mỏi mệt, khái suyễn không nặng lắm, đờm trong loãng và nhiều, dễ bị cảm mạo và lên cơn là thuộc Tỳ Thận dương hư, Phế vệ không bền, đàm ẩm chưa hết, nên dùng ***Đông lệnh khái suyễn cao phương (42)*** để ôn Thận nạp khí, kiện Tỳ hoá thấp, ích Phế cố vệ, tán hàn tiêu ẩm. Hoặc dùng ***Hồ thị bồi bổ Tỳ Thận phương (43)*** uống thường xuyên khi chưa phát cơn, nhằm ôn dương kiện Tỳ bổ Thận đẩy lùi đàm trọc, giải quyết từ gốc bệnh. Nếu kiêm chứng lưỡi tối tía, môi tái là thuộc dương hư huyết trệ, mầm rễ của bệnh câu kết, có thể uống ***Trần thị phù chính cố bản phương (44)*** để phù chính khư ứ, loại trừ gốc rễ của bệnh. Cũng có thể uống ***Cáp giới nhân sâm tửu (45)*** trong bữa cơm, có tác dụng trợ dương ích khí, hành ứ thông mạch.

Nếu người bệnh vốn hàng ngày chỉ thấy mỏi lưng yếu sức, miệng khô họng ráo, thể trạng giảm sút là thuộc âm dương của

Thận bất túc. Phế âm đã suy, có thể dùng ***Thất vị ẩm (46)*** để điều bổ Thận âm Thận dương kiêm ích Phế âm.

Nếu Tỳ Thận bất túc mà khí huyết cũng suy, có chứng mỏi lưng đầu choáng, sắc mặt không tươi, hồi hộp kém ăn, đại tiện lỏng, có thể dùng ***Tỳ Thận song bổ thang (47)*** để bổ Tỳ Thận, sinh khí huyết. Bệnh này có thể áp dụng biện pháp "Đông bệnh Hạ trị" (bệnh phát vào mùa Đông, chữa phòng trước từ mùa Hạ), nói chung có thể ngay sau mùa Hạ, thời tiết tam phục, bên trong thì uống ***Sâm cáp ma hạnh cao (48), Tam bổ thang (49)*** để điều bổ ba tạng Phế, Tỳ, Thận, bên ngoài thì dán ***Tiêu suyễn cao (50).***

Mùa Đông gặp lạnh dễ bị khái suyễn, ra đờm sắc trắng, ố hàn chân tay lạnh, đồng thời với lúc uống thuốc, có thể bước vào mùa Đông sử dụng ***Trần thị khương chấp bối Tâm (51)*** để trừ hàn phòng suyễn.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ma hạnh nhị tam thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư
Y viện hữu nghị Trung Nhật - Bắc Kinh

Ma hoàng	3 - 6 gam	Hạnh nhân	10 gam
Pháp Bán hạ	10 "	Lai phục tử	10 "
Tô tử	10 "	Quất hồng	12 "
Phục linh	12 "	Cam thảo (trích)	3 "
Bạch giới tử	3 - 6 "		

2. Tam tử thang

Người cống hiến: Mã Lục Vân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Đình lịch tử	12 gam	Tô Tử	9 gam
Xa tiền tử	12 "		

3. Bài đàm tán

Người cống hiến: Hề Phượng Lâm, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Tô Châu

Chế Nam tinh	Thiên trúc hoàng
Xuyên bối	Ba đậu sương
Chu sa	Xạ hương

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần dùng 6 gam, ngày 2 - 3 lần.

4. Tứ thuận thang

Người cống hiến: Phùng Thế Luân, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	12 gam	Chỉ thực	10 gam
Bạch thược	10 "	Sinh khương	12 "
Bán hạ	15 "	Phục linh	12 "
Đại hoàng	6 "	Quế chi	10 "
Đào nhân	10 "	Trích thảo	6 "
Thạch vi	10 "		

Gia giảm: Miệng khô, miệng đắng, nhiều mồ hôi, khát nước, gia Sinh Thạch cao, Hoàng cầm. Đại tiện táo kết, gia Mang tiêu. Đại tiện lỏng loãng, bỏ Đại hoàng, gia Thục Đại hoàng. Nhiều đờm tắc mũi gia Ma hoàng, Hạnh nhân.

5. Đồng thị trị suyễn cơ bản phương dược

Người cống hiến: Đồng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Ma hoàng	5 gam	Hạnh nhân	10 gam
Địa long	10 "	Toàn yết	3 "
Xuyên khung	10 "		

Gia giảm:

1. Thực chứng: Đàm nhiệt nung nấu ở trong có những chứng trạng đặc điểm là phát sốt, khạc ra đờm sắc vàng keo dính khó ra, rêu lưỡi vàng nhớt. Bài thuốc cơ bản trên gia Hoàng cầm, Xuyên bối, Đình lịch tử. Nhiệt nặng, lại gia Sinh Thạch cao, lượng đờm quá nhiều lại gia Lai phục tử, Tô tử, Toàn qua lâu. Đờm trọc dính nhớt khó khạc ra, lại gia Hải phù thạch, Sinh Cáp xác.

2. Phế có táo nhiệt: có những chứng trạng đặc điểm là họng khô lưỡi ráo, luôn luôn ngứa họng, đờm ít khó ra, lưỡi đỏ ít tân dịch. Bài thuốc cơ bản trên gia Bắc Sa sâm, Mạch môn đông, Ngọc trúc, Tang bạch bì.

3. Nội phục hàn ẩm: lại cảm nhiễm hàn tà, có đặc điểm đờm trong loãng, lượng nhiều và ố hàn. Bài thuốc cơ bản trên gia Quế chi, Can khương, Tế tân, Ngũ vị tử.

4. Hư chứng: thì bỏ vị Ma hoàng (ở thời kỳ Hen suyễn đã dịu).

5. Phế, Tỳ khí hư: có đặc điểm đoản hơi, tiếng nói thấp khẽ, lưỡi nói kém ăn, rêu lưỡi nhợt. Bài thuốc cơ bản trên gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Công lao diệp.

6. Khí âm đều hư: có đặc điểm đoản hơi, biếng nói, hồi hộp, chất lưỡi đỏ non và ít rêu. Bài thuốc cơ bản trên gia Hoàng kỳ, Sa sâm, Mạch môn đông, Đông trùng hạ thảo, Tiên hạc thảo.

7. Thận dương hư tổn: có đặc điểm sợ lạnh tay chân lạnh, mạch Trầm Trì Nhược. Bài thuốc cơ bản trên gia Phụ phiến, Tử hà sa, Nhục quế, Tử Thạch anh, Trầm hương.

8. Thận âm bất túc: có đặc điểm ngũ tâm phiền nhiệt, thể trạng gầy, đoản hơi, lưỡi đỏ ít rêu. Bài thuốc cơ bản trên gia Sinh, Thục Địa hoàng, Ngũ vị, Nữ trinh tử, Đào hạch nhục, Trầm hương.

6. Nhị ma tứ nhân thang.

Người cống hiến: Trần Tô Sinh, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Mật trích Ma hoàng	Ma hoàng căn
Đào nhân	Hạnh nhân
Úc lý nhân	Bạch quả nhân

Gia giảm: Nếu thấy hiện tượng nhiệt, gia Thổ phục linh, Kim ngân hoa. Hiện tượng nhiệt nặng, lại gia Bạch vi, Liên kiều. Khái thấu liên tục, gia Xa tiền thảo, Chưng Bách bộ. Khó khạc ra đờm, linh hoạt gia Cát cánh, Chỉ xác, Đông qua nhân, Qua lâu nhân. Ho khan không có đờm, lại gia Trích Khoản đông hoa, Ngọc hồ điệp, Cam thảo. Ngực khó chịu gia Uất kim, Xương bồ, hoặc Sài hồ, Mẫu lệ. Biếng ăn có thể chọn dùng Xuyên phác. Xuyên truật. Đờm ra như bọt, lạnh vùng lưng, khó ho, có thể hợp với Can khương, Ngũ vị tử, Tế tân. Nhiều mồ hôi, bàn tay mát,

trọng dụng Ma hoàng căn, gia Nhục quế, Bạch thược. Miệng khô ít tân dịch gia Tri mẫu, Nam Sa sâm. Đêm ngủ không ngon gia Hợp hoan bì, Dạ giao đằng

7. Tiêu bản kiêm cố phương.

Người cống hiến: Hồ Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Ma hoàng	6 gam	Xạ can	9 gam
Trần đởm tinh	9 "	Đảng sâm	9 "
Bạch truật	9 "	Hồ đào nhục	12 "
Phục linh	12 "	Hoàng cầm	9 "

8. Tam tử trinh nguyên ẩm.

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Tô tử	9 gam	Lai phục tử	9 gam
Địa khô la	9 "	Bạch giới tử	6 "
Đương qui	6 "	Thục Địa hoàng	15 "
Trích Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Thể lực yếu quá mà không có chứng ngực bụng trướng đầy thì lấy Đao đậu tử thay cho Lai phục tử. Nếu có kiêm các chứng hồi hộp, kém ăn, mất ngủ thì bỏ Bạch giới tử, Lai phục tử, gia Câu kỷ tử 9 gam, Ngũ vị tử 3 gam. Nếu có nhiệt mà khái thấu, họng khô, bỏ Bạch giới tử, gia Ngưu bàng tử 9 gam. Có kiêm chứng nào khác thì tuỳ chứng mà gia giảm. Thực chứng khái suyễn hoặc kiêm ngoại cảm biểu tà thì cấm không được dùng.

9. Trần thị định suyễn phương.

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Trích Ma hoàng	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Cam thảo	10 "	Mạn kinh tử	15 "
Địa long	15 "	Hoàng kỳ	20 "
Trích Bán hạ	15 "	Tri mẫu	10 "
Bối mẫu	10 "	Tiên linh tỳ	15 "
Bổ cốt chi	15 "		

10. Điều bình phiến

Người cống hiến: Thiệu Trường Vinh, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Mạn đà la	0,042 gam	Viễn trí	0,42 gam
Cam thảo	0,3 "		

(lượng mỗi viên ngậm)

Cách dùng: Chế thành dạng viên dẹt, Hen suyễn nhẹ mỗi lần uống 2 viên. Chứng nặng mà thể trạng khoẻ có thể dùng 3 viên, ngày uống 1 lần.

11. Khương thị tiệt suyễn chỉ khái phương.

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Phật nhĩ thảo	15 gam	Toàn phú hoa	9 gam
Toàn qua lâu	15 "	Ngũ vị tử	9 "
Phòng phong	9 "	Lão hoan thảo	15 "

Bích đào can 15 gam (cũng gọi là Đào đảo - quả Đào khô còn dính ở cây)

Gia giảm: Có khi có thể gia Hợp hoan bì 15 gam, Dã kiều mạch căn 15 gam. Phương này có đầy đủ tác dụng tiệt suyễn giáng nghịch, chỉ khái hoá đàm, kháng khuẩn tiêu viêm. Đối với chứng Hen suyễn ở giai đoạn mới phát có hiệu quả khá tốt.

12. Ma hạnh Tô trà thang.

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Ma hoàng	3 - 9 gam	Hạnh nhân	10 gam
Tô tử	10 "	Cát cánh	6 "
Trà diệp	6 - 10 "	Can khương	3 - 5 "
Kha tử	3 "	Trích Cam thảo	3 "

13. Gia giảm Tiểu thanh long thang phương.

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Trích Ma hoàng	9 gam	Quế chi	9 gam
Bạch thược	10 "	Hạnh nhân	10 "
Tế tân	5 "	Chế Bán hạ	10 "
Cam thảo	6 "	Can khương	5 "
Ngũ vị tử	1 "	Hoàng kinh tử	15 "
Quất hồng	9 "		

Gia giảm: Nếu khái suyễn kịch liệt, họng có tiếng đờm khò khè, gia Xạ can, Khoản đông hoa. Nặng hơn thì gia Thiên tiên tử phấn 0,1 gam (hoà uống), ngày 3 lần.

14. Tỳ phàn hoàn.

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Tỳ	1 phần	Minh phàn	3 phần
Đậu sị	10 phần		

Cách dùng: Tán bột luyện hồ làm viên bằng hột đỗ xanh, mỗi lần uống 5 - 6 viên, ngày 2 - 3 lần, uống liên tục từ 1 - 3 tuần.

15. Ôn Phế hoa ẩm đường tương.

Người cống hiến: Thiệu Trường Vinh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Thượng Hải

Phụ tử	9 gam	Khương Trúc nhự	9 gam
Đình lịch tử	9 "	Ngũ gia bì	9 "
Bạch truật	9 "	Trần hồ lô	18 "
Mễ nhân căn	18 "	Hoàng kinh tử	12 "
Tế tân	3 "		

16. Phụ tử đại hoàng tế tân thang.

Người cống hiến: Điều Tùng Hác, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Chế Phụ tử	12 gam (sắc trước)		
Đại hoàng thán	6 "	Mộc thông	9 gam
Đương qui thân	9 "	Đào nhân	9 "
Tế tân	3 "	Sinh Cam thảo	9 "

Phối hợp Châm thích: Lấy huyệt Khổng tối 2 bên, dùng kim số 3 loại dài 1,5 thốn hào châm, thích sâu khoảng 1 thấu,

điều khiển cảm giác đạt ra ngón tay và đi lên trước ngực, thao tác rút lên cắm xuống theo phép tả, lưu châm 30 phút. Khi lưu châm, cách 5 phút vê châm 1 lần.

Gia giảm: Khi phát cơn hen suyễn, trước hết hãy châm thích để dẹp cơn suyễn, rồi mới uống đơn thuốc trên, mỗi ngày uống 1 thang. Nếu như có ngoại cảm Biểu chứng, trước hết giác vào hai huyệt Phong môn và Đại Trường du ở hai bên cạnh cột sống, lớp da nổi đỏ lên là được. Lại dùng Hào châm thích vào huyệt Đại trùy, lưu châm 5 phút theo thao tác nói trên. Nếu khái thấu rõ rệt, khạc ra bọt trắng và rất khó khạc ra, châm thích huyệt Thiên đột, dùng hào châm 2 thốn, trước hết châm thẳng sâu 1 thốn, thân châm hơi cong men theo khí quản hướng xuống dưới, khiến cho luồng kim truyền tới phía trước ngực, sau khi đắc khí, thao tác kim 2 phút, không lưu kim. Lại châm huyệt Hợp cốc cả hai bên theo phép rút lên cắm xuống, thao tác 1 - 3 phút, không lưu kim. Đồng thời dùng phương thuốc trên gia Thạch vi (sắc trước) 30 gam. Nếu thể lực khoẻ, táo bón, rêu lưỡi vàng nhớt, châm thức theo biện pháp trên, thêm huyệt Đại Trường du ở 2 bên, dùng hào châm 2 - 2,5 thốn, châm thẳng khiến luồng châm đạt đến vùng bụng dưới, cắm xuống rút lên theo phép tả, thao tác lâu 1 - 3 phút, không lưu châm. Về thuốc, có thể theo đơn nói trên, vị Đại hoàng thán đổi làm Tửu quân 6 gam, gia Khổ sâm 9 gam. Nếu hư hãn ra nhiều, kém ăn, đại tiện lỏng, đơn thuốc trên vị Mộc thông đổi làm Khổ sâm 9 gam, vị Tế tân đổi làm Ngũ vị tử 9 gam. Châm thích gia Túc Tam lý, dùng hào châm 1,5 thốn châm thẳng cho luồng châm đạt xuống chân, sau khi đắc khí thì lưu châm 30 phút.

17. Tứ tử khắc suyễn thang.

Người cống hiến: Kim Mộng Hiền, Y sư chủ nhiệm
Phòng khám nổi tiếng thành phố Thiên Tân

Ma hoàng	10 gam	Hạnh nhân	10 gam
Thạch cao	30 "	Cam thảo	8 "
Tô tử	10 "	Bạch giới tử	6 "
Lai phục tử	10 "	Can khương	10 "
Tế tân	10 "	Ngũ vị tử	6 "
Xuyên bối	10 "	Chỉ xác	6 "

(Liều lượng có thể căn cứ từng mùa, lứa tuổi, thể chất mà quyết định).

18. Trương thị trị suyễn phương.

Người cống hiến: Trương Bái Cừu, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Ninh Ba

Sinh Ma hoàng	10 gam	Hạnh nhân	12 gam
Cam thảo	10 "	Địa long	15 "
Bách bộ	6 "	Thạch vi	15 "
Ngũ vị tử	5 "	Từ uyển	10 "
Chỉ xác	6 "	Tế tân	3 "
Phật nhĩ thảo	30 "		

Gia giảm: Bệnh có tình cảm nhiễm, gia Kim ngân hoa 15 gam, Ngư tinh thảo, 30 gam. Tắc mũi nặng tiếng, gia Xương nhĩ tử 15 gam.

19. Gia giảm khái Tâm thang.

Người cống hiến: Triệu Tích Võ, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đảng sâm	30 gam	Phục linh	15 gam
Cam thảo	9 "	Ngưu bàng	9 "
Mạch môn đông	15 "	Bán hạ	12 "
Viễn trí	12 "	Phục thần	9 "
Tiểu mạch	15 "	Hậu phác	9 "
Ma hoàng	3 "	Hạnh nhân	9 "
Bạc hà	5 "	Cát cánh	2,5 "
Sinh Thạch cao	18 "		

20. Cường Tâm ích khí thang

Người cống hiến: Hề Phượng Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Tô Châu

Vạn niên thanh căn	Hồng sâm
Bào Phụ tử	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	

21. Síu phế ngũ tử thang

Người cống hiến: Hề Phượng Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Tô Châu

Nhân sâm	Ngũ vị tử
Quế chi	Hạnh nhân
Khoản đông hoa	Tử uyển
Tử Tô tử	Tử Thạch anh
Tử Trầm hương	

22. Khương thị nhiệt suyễn phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Bách bộ	9 gam	Khai kim toả	15 gam
Toàn qua lâu	10 "	Mã bột	3 "
Nam thiên trúc	6 "	Thiên tương xác	3 cái
Ngũ vị tử	9 "		

Cách dùng: Sắc uống, lại sao riêng Địa long phấn 9 gam, bọc vào ống bằng gạo nếp, mỗi lần uống 3 gam, ngày 3 lần.

23. Ma hạnh lâu thạch thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Ma hoàng	2 - 6 gam	Hạnh nhân	10 gam
Tang bì	10 "	Binh lang	10 "
Kim phí thảo	10 "	Địa cốt bì	10 "
Qua lâu	20 - 50 "	Sinh Thạch cao	20 - 60 "
Đình lịch tử	6 - 10 "	Sinh Cam thảo	3 "

24. Tăng tổn việt Tỳ truật hạ thang

Người cống hiến: Vương Văn Đĩnh, Lão Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Ma hoàng	Sinh Thạch cao
Bán hạ	Trích Cam thảo
Bạch truật	Sinh khương
Đại táo	Hậu phác
Tế tân	Ngũ vị tử

25. Thanh nhiệt hoạt huyết thang

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Kim ngân hoa	12 gam	Liên kiều	12 gam
Bán chi liên	12 "	Bán biên liên	12 "
Đan sâm	12 "	Đương qui	12 "
Hồng hoa	12 "	Bạch hoa xà thiệt thảo	12 "

26. Ma hạnh bổ Phế thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	9 gam
Hoàng kỳ	9 "	Đảng sâm	6 "
Trần bì	6 "	Ngũ vị tử	5 "
Thục Địa hoàng	12 "	Tử uyển	12 "
Tang bì	10 "	Tô tử	10 "

Gia giảm:: Khí âm đều tổn thương, kiêm chứng họng ráo miệng khô, lưỡi đỏ ít rêu, gia Sa sâm, Mạnh môn đông, Ô mai.

27. Bổ Thận bình suyễn thang

Người cống hiến: Trần Siêu, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thái tử sâm	30 gam	Mạch môn đông	10 gam
Trần bì	10 "	Khương Bán hạ	10 "
Tô tử (sao)	15 "	Địa long	15 "
Ngũ vị tử	10 "	Bổ cốt chi	10 "
Linh Từ thạch	30 "	Ô mai nhục	15 "
Thai bàn	6 "	Đào nhân	10 "

Gia giảm: Âm hư gia Huyền sâm, Sinh địa. Dương hư gia Chế Phụ tử, Nhục quế. Khí hư gia Hoàng kỳ, Bạch truật, Ngọc trúc. Huyết hư gia Đương qui, A giao. Huyết ứ gia Đan sâm, Xích thược, Xuyên khung. Hồi hộp gia Toan táo nhân, Sinh Long cốt, Sinh Mẫu lệ, Bá tử nhân. Phù thũng gia Bạch linh, Dĩ nhân, Xa tiền tử, Đình lịch tử. Suyễn nặng gia Dương kim hoa, Cáp giới. Khái nặng gia Qua lâu nhân, Xuyên bối mẫu. Phát sốt gia Sài hồ, Hoàng cầm, Sinh Thạch cao, Ngư tinh thảo, Kim ngân hoa, Liên kiều

28. Tam sâm thang

Người cống hiến: Thiệu Trường Vinh, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Hài nhi sâm	15 gam	Sa sâm	12 gam
Huyền sâm	12 "		

29. Bổ khí hoá đàm thang

Người cống hiến: Lý Thiệu Nam, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số I thành phố Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông

Hoàng kỳ	45 - 60 gam	Cát cánh	9 gam
Sa sâm	24 "	Hạnh nhân	9 "
Tử uyển	9 "	Phục linh	10 "
Bách hợp	12 "	Bán hạ	12 "
Cam thảo	9 "		

Gia giảm: Khái thấu đờm loãng, rêu lưỡi trắng trơn gia Bạch truật 12 gam, Quế chi 6 gam, Quất hồng 9 gam. Khái thấu đờm

vàng dính, gia Tô tử 9 gam, Tiền hồ 9 gam, Cáp phấn 15 gam, Xuyên Bối mẫu 6 gam. Ho khan không có đờm, gia Tỳ bà diệp 12 gam. Bách bộ 9 gam. Mệt mỏi nhẹ nhưng suyễn nặng, gia Câu kỷ tử 15 gam, Phá cố chỉ 10 gam, Ngũ vị tử 10 gam, Hồ đào nhục 30 gam. Có khi phối hợp với Linh quế truật cam thang để hoá ẩm hoặc hợp với Đô khí hoàn để nạp khí về Thận khiến cho mẫu, tử đều mạnh, từ đó mà đạt mục đích chữa Phế.

30. Ma hạnh lục quân tử thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Ma hoàng	3 - 5 gam	Hạnh nhân	10 gam
Đảng sâm	10 "	Trần bì	10 "
Bán hạ	10 "	Hương đạo nha	10 "
Bạch truật	6 "	Phục linh	12 "
Trích Cam thảo	5 "	Tiêu tam tiêu	9 "

Gia giảm: Phù thũng, tiểu tiện ít gia Đông qua bì, Trạch tả, Quế chi, Phục linh.

31. Ôn dương ích khí thang

Người cống hiến: Tiêu Tuấn Dật, Y sư chủ nhiệm
Y viện khu Cát An, tỉnh Giang Tây

Phụ phiến	Nhân sâm
Bạch truật	Can khương
Cam thảo trích	Trần bì
Ngũ vị tử	Bắc kỳ

32. Khương thị ôn dương phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Ma hoàng	9 gam	Quế chi	9 gam
Khoản đông hoa	9 "	Tử uyển	9 "
Phụ phiến	6 "	Tế tân	1,5 "

33. Cáp giới tứ tử thang

Người cống hiến: Tiêu Tuấn Dật, Y sư chủ nhiệm Y viện khu vực Cát An, tỉnh Giang Tây

Cáp giới	1 đôi	Nữ trinh tử	12 gam
Câu kỷ tử	12 gam	Thỏ ty tử	12 "
Sa uyển tử	12 "	Hạnh nhân	12 "
Tiền hồ	9 "	Tử uyển	9 "
Trầm hương	2 " (bột, hoà uống)		

Gia giảm: Âm hư rõ rệt gia Thủ ô, A giao, Ngũ vị tử, Thục Địa hoàng. Dương hư rõ rệt gia Nhục quế, Hồ đào, Đông trùng hạ thảo.

34. Síu Phế phiến

Người cống hiến: Hồ Phượng Sâm, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Tô Châu

Ngũ tử thang (xem phương 23)

Kiệt Dương phế (Phổi dê thiến)

Dương cao (ngoại Thận dê)

Cách dùng: đem Dương phế và Dương cao nấu cho nhừ như hồ, lại đem các vị thuốc khác tán bột trộn vào, sau khi xấy khô

ép thành phiến thuốc, mỗi phiến 0,5 gam, mỗi lần uống 4 - 6 phiến, ngày 3 lần, uống liên tục 3 - 6 tháng.

35. Từ thị Phế thực Thận hư phương

Người cống hiến: Từ Trung Niêm, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ma hoàng	9 gam	Quế chi	9 gam
Tế tân	3 "	Phục linh	30 "
Trích Cam thảo	6 "	Ngũ vị tử	9 "
Đương qui	12 "	Thục địa	12 "
Địa long	12 "		

36. Ma hạnh hắc tích thang

Người cống hiến: Khâu Khâm Thành, Lão Trung y Viện phòng chống lao thành phố Phúc Châu

Mật Ma hoàng	9 gam	Quang Hạnh nhân	9 gam
Hắc Tích đan	15 "	Mật Tử uyển	12 "
Mật Đông hoa	15 "	Bạch giới tử	3 "
Lai bặc tử	9 "	Tử tô ngạnh	9 "
Tử tô tử	9 "	Bán hạ	9 "
Bạch phục linh	12 "	Trần bì	9 "
Cát cánh	9 "	Lộ Đảng sâm	15 "
Sơn tra	9 "	Trích Cam thảo	3 "
Đại táo	7 quả		

37. Hạ thị suyễn chứng phương

Người cống hiến: Hạ Bản Kinh, Y sư chủ nhiệm Y học viện Giang Tây

Cáp giới	1 đôi	Hồng sâm	15 gam
Trầm hương	6 gam	Cam thảo	6 "

Trần bì	6 gam	Phục linh	10 gam
Tang bạch bì	10 "		

Cách dùng: Tán bột hoà nước chín uống mỗi lần 8 gam.

38. Ma hạnh đô khí thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư
Y viện hữu nghị Trung Nhật Bắc Kinh

Ma hoàng	3 - 5 gam	Hạnh nhân	10 gam
Sơn thù	10 "	Tiêu Thần khúc	10 "
Thục địa	20 "	Linh Từ thạch	20 "
Sơn dược	10 - 20 "	Phục linh	9 - 12 "
Trạch tả	6 - 9 "	Mẫu đơn bì	3 - 9 "
Ngũ vị tử	5 - 10 "	Cáp giới vĩ (bột)	1 "

Gia giảm: Có chứng trạng mặt đỏ (mặt ám đen, gò má đỏ) chân lạnh, thở suyễn ra mồ hôi lạnh, khó thở, vật vã không yên, rêu lưỡi trắng nhớt hoặc rêu lưỡi từ trắng biến đen mà nhuận, mạch Trầm Tế hoặc Xích mạch Vi mà muốn tuyệt đó là chứng Đái dương, Thận dương muốn thoát, cần thiết phải dẫn hoả về nguồn, thu hút Thận khí, trong bài thuốc gia Nhục quế, Hắc tích đan (nuốt riêng).

39. Gia giảm toàn chân nhất khí thang

Người cống hiến: Vương Văn Đĩnh, Lão Trung y nổi tiếng
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nhân sâm 30 - 60 gam (hoặc Lộ Đảng sâm 60 - 90 gam)

Thục Địa hoàng	30 gam	Sơn du nhục	12 gam
Mạch môn đông	15 "	Ngũ vị tử	3 "

Ngưu tất	10 gam	Bạch giới tử	6 gam
Sinh khương	5 nhát		

40. Tam tang thang

Người cống hiến: Thiệu Trường Vinh, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Tang bạch bì	12 gam	Tang thầm tử	12 gam
Tang ký sinh	12 "		

41. Đông long thang

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Địa long	12 gam	Đông trùng hạ thảo	10 gam
Thiên thuế	10 "	Phòng phong	10 "
Liên kiều	12 "	Kim ngân hoa	12 "

42. Đông lệnh khái suyễn cao phương

Người cống hiến: Đổng Thiếu Lục, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số II Thượng Hải

Lộ Đảng sâm	120 gam	Hoàng kỳ trích	120 gam
Tiêu Bạch truật	120 "	Phòng phong	45 "
Thục Địa hoàng	120 "	Sơn thù nhục	90 "
Hoài sơn	125 "	Thiên môn	90 "
Mạch môn	90 "	Ngũ vị tử	30 "
Hắc Phụ tử	90 "	Quế chi	30 "
Phục linh	120 "	Cam thảo trích	45 "
Ma hoàng	45 "	Tử tô tử	90 "
Khổ Hạnh nhân	90 "	Đạm Can khương	24 "

Bắc Tế tân	24 gam	Ích trí nhân	90 gam
Sa nhân	45 "	Trần bì	45 "
Trầm hương	15 "	Ngân hạnh nhục	60 "
Hồ đào nhục	60 "	Sinh Sái sâm	50 "
Cáp giới	1 đôi	Lô bì giao	300 "

Cách dùng: Các vị thuốc bỏ vào nồi to, đổ nước vào ngâm 1 đêm, đem nấu lấy hai, ba nước, lọc bỏ bã, cô lại cho thành nước đặc hoà Lô bì giao vào, cuối cùng mới hoà nước Sâm và bột Cáp giới, thêm 500 gam đường luyện thành cao. Nấu cao vào trước ngày Đông chí, nên uống cao vào sau ngày Đông chí và trước ngày Lập xuân mới tốt, sáng và tối mỗi lần hoà 1 thìa lớn vào nước sôi mà uống. Nếu bị thương phong hay đình thực thì ngừng uống. Trong khi đang uống cao, kiêng ăn cá, tôm, cua, củ cải trắng, nước trà, thịt bò, thịt dê và các thứ gia vị cay nóng.

43. Hồ thị bồi bổ Tỳ Thận phương

Người cống hiến: Hồ Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Bạch truật	9 gam
Phục linh	12 "	Cam thảo trích	6 "
Hồ đào nhục	12 "	Bổ cốt chi	12 "
Thục Địa hoàng	12 "	Câu kỷ tử	9 "
Sơn dược	12 "	Thương nhĩ tử	9 "

Cách dùng: Uống kèm thêm Địa long phiến (một vị Địa long chế thành dạng thuốc dẹt mỗi phiến 0,3 gam, mỗi lần nuốt 5 phiến, ngày 2 lần) và uống kèm thêm Thai bàn phiến.

44. Trần Thị phù chính cố bản phương

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân sâm	Cáp giới
Tam thất	Đông trùng hạ thảo
Xuyên bối mẫu	

Cách dùng: Liều lượng bằng nhau, tán bột vẩy nước làm viên hoặc đựng bột vào viên nang, mỗi lần uống 2 gam, ngày 3 lần. Uống lâu sẽ hiệu quả.

45. Cáp giới nhân sâm tửu

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Cáp giới	1 cặp	Nhân sâm	30 gam
Rượu trắng	500 ml		

Cách dùng: Ngâm rượu sau 30 ngày là uống được, mỗi lần uống 10 ml, ngày hai lần.

46. Thất vị ẩm

Người cống hiến: Tiêu Tuấn Dật,
Y viện khu vực Cát An, tỉnh Giang Tây

Hoàng tinh	15 gam	Sơn dược	18 gam
Tục đoạn	9 "	Thục Địa hoàng	15 "
Thiên môn đông	12 "	Dâm dương hoắc	18 "
Thỏ ty tử	12 "		

47. Tỳ thận song bổ thang

Người cống hiến: Tiêu Tuấn Dật, Y sư chủ nhiệm
Y viện khu Cát An, tỉnh Giang Tây

Đảng sâm	12 gam	Hoàng kỳ	12 gam
Phục linh	9 "	Bạch truật	9 "
Câu kỷ tử	12 "	Thỏ ty tử	12 "
Sơn dược	18 "	Thục Địa hoàng	15 "
Hoàng cầm	9 "	Kim anh tử	15 "

48. Sâm cáp ma hạnh cao

Người cống hiến: Đồng Thấu Lục, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Sinh sái sâm 60 gam (nếu Đảng sâm thì tăng lượng)
Cáp giới (bỏ đầu chân) 2 cặp (nghiền bột hoà vào cao)

Ma hoàng	30 gam	Hạnh nhân	100 gam
Cam thảo trích	50 "	Sinh khương	60 "
Hồng táo	120 "	Ngân hạnh nhục	120 "

Cách dùng: Sắc 3 lần lấy nước đặc, bỏ bã, thêm 500 gam đường nấu thành cao, sáng và tối mỗi lần dùng 1 thìa hoà nước chín mà uống.

49. Tam bổ thang

Người cống hiến: Lý Thiệu Nam, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 thành phố Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông

Thục Địa hoàng	24 gam	Sơn dược	15 gam
Thiên môn đông	15 "	Bạch truật	15 "
Bán hạ	9 "	Tử uyển	9 "

Bách hợp	12 gam	Long cốt	24 gam
Mẫn lệ	24 "	Ngũ vị tử	12 "
Táo nhân	15 "	Liên nhục	12 "
Phá cố chỉ	12 "	Bạch thược	15 "
Sa sâm	15 "	Câu kỷ tử	15 "
Xuyên Bối mẫu	5 "	Phục linh	12 "
Đông trùng hạ thảo	9 "	Hồ đào nhục	30 "
Từ thạch	9 "	Cam thảo	9 "
Nhân sâm	9 "	Lộc giác giao	9 "

Cách dùng: Ngày Tam phục mùa Hạ bắt đầu uống, mỗi ngày sắc uống 1 thang, uống liên tục 15 - 20 ngày.

50. Tiêu suyễn cao

Người cống hiến: Điêu Tòng Hoát, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bạch giới tử(trích)	21 gam	Huyền hồ	21 gam
Cam toại	12 "	Tế tân	12 "

Cách chế và cách dùng: Đem những vị trên tán bột là liều lượng đủ dùng cho một người trong một năm. Hàng năm, dùng vào sau ngày Tam phục, mỗi lần dùng 1/3 thuốc bột, hoà nước gừng làm thành miếng cao (mỗi lần dùng 100 gam Gừng tươi giã nát vắt lấy nước) nặn thành 6 miếng có đường kính 5 mm đặt lên miếng giấy nhỏ hoặc vải dính, dán lên 6 huyệt Phế du, Tâm du, Cách du, dán băng dính ra ngoài. Thời gian dán lâu 4 - 6 giờ. Nếu cục bộ cảm thấy nóng rát hoặc đau, có thể bóc ra. Nếu sau khi dán cảm thấy ngứa, phát nóng, dễ chịu, có thể dán lâu hơn, đợi khi khô mới bóc ra. Cách 10 ngày dán 1 lần, tức là sơ phục,

nhị phục, tam phục đều mỗi ngày dán 1 lần, tổng cộng dán 3 lần. Bất luận là thời kỳ đã cắt cơn hay thời kỳ đang lên cơn đều dùng được, nói chung dán liên tục điều trị trong 3 năm..

51. Trần thị khương chấp bối tâm

Người cống hiến: Trần Đỉnh Kỳ, Y sư chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh khương 500 gam
Bông sát trùng đủ dùng

Cách dùng: Giã gừng vắt lấy nước, lấy bông thấm hết nước gừng, dát mỏng phơi trong râm cho khô, lấy vải mỏng cắt và khâu thành một cái như áo gối, đặt bông vào trong, khâu kín, trần chỉ cho bông khỏi xô. Hoặc có thể cắt như áo bông lót, mùa Đông mặc vào rất tốt, đề phòng được cơn hen.

123. HO RA HUYẾT (Khái huyết)

Ho ra huyết là chỉ huyết từ Phế, qua khái thấu mà ra, phần nhiều lẫn lộn cả đờm và huyết.

Đột nhiên trong đờm lẫn huyết sắc đỏ tươi, khái thấu đờm vàng dính, khát nước thích uống, mặt đỏ, mạch Phù Hồng mà Sác thuộc Trường vị tích nhiệt nghịch lên gây nên, dùng ***Trì thị chỉ huyết phương (1)*** để thanh Vị tiết hoả, giáng khí chỉ huyết. Nếu hoả nhiệt vượng thịnh có thể dùng ***Tôn thị gia vị Đại hoàng Hoàng liên tả Tâm thang (2)*** để thanh nhiệt tả hoả, chỉ huyết lương huyết.

Có kiêm chứng khô họng, sốt nhẹ, chất lưỡi đỏ tía là nhiệt thịnh thương âm, huyết phận bị hun đốt, phép trị nên thanh nhiệt dưỡng âm, lương huyết chỉ huyết, có thể dùng ***Lý thị thanh nhiệt tả hoả thang (3).*** Khái ra đờm có lẫn huyết hoặc mửa ra huyết ngàu bọt sắc đỏ tối, ngực đau hoặc khó chịu mà nhói đau, tâm phiền phát nhiệt, miệng khát không muốn uống là có huyết ứ ở đường Lạc của Phế, huyết không theo kinh gây nên, có thể dùng ***Lạc huyết tán (4)*** để trừ ứ thu liễm, chỉ huyết.

Chứng này kèm theo sốt nhẹ họng khô, khái thấu không dứt là có kiêm huyết nhiệt, có thể dùng ***Trần thị bạch cập tỳ bà diệp hoàn (5)*** lương huyết hoá ứ chỉ huyết. Nếu kiêm chứng nóng nảy hay giận, mắt đỏ táo bón là có kiêm huyết nhiệt ở Can kinh, có

thể dùng ***Thần hiệu chỉ huyết tán (6)*** để lương huyết thanh Can, hoạt huyết chỉ huyết, tả hoả thông tiện.

Ho lâu ngày hoặc ho khan, khạc ra huyết được lượng hoặc nhiều hoặc ít , sốt nhẹ khát nước là âm hư có nhiệt, nhẹ thì uống bài ***Lý thị chỉ huyết phương (7)*** để dưỡng Phế âm, thanh hư nhiệt và chỉ huyết; nặng hơn thì dùng ***Nhị tiên ẩm (8)*** để tư âm giáng hoả, lương huyết chỉ huyết. Nếu có kiêm chứng trong đờm lẫn cục huyết, ngực khó chịu, chất lưỡi tối là có cả ứ trệ, nên dưỡng âm thanh nhiệt, giáng hoá chỉ huyết, đồng thời dùng thêm những thuốc hoá ứ, như uống ***Tư âm giáng hoả chỉ huyết thang (9).*** Nếu ngoài những chứng trạng đã nói ở trên, còn thêm hiện tượng gầy còm mỏi mệt, đờm vàng dính, tiếng ho yếu ớt hoặc đau sườn là đàm nhiệt với ứ độc câu kết, khí âm đều tổn hại, phép trị nên dưỡng âm sinh tân, hoạt huyết tán kết, thanh nhiệt giải độc, chỉ huyết khư đàm, có thể dùng ***Tân trưng tiễn (10).***

Trong đờm có lẫn máu, ho kéo dài, tiếng ho yếu ớt, sốt nhẹ mỏi mệt, là khí âm đều tổn thương, kiêm chứng khái thấu ra đờm vàng, có thể dùng ***Liễm phế chỉ huyết cao (11)*** để ích khí dưỡng âm, liễm Phế chỉ huyết, thanh nhiệt khư đàm, chỉ khái dịu cơn suyễn thở. Kiêm chứng mồ hôi trộm, kém ăn đờm dính, miệng khô họng ráo là Phế hư đờm lưu luyến, khí âm tổn thương liên luỵ đến Trung tiêu, có thể dùng ***Thang thị bổ Phế tán (12)*** nhằm bổ Phế khí, thanh hư hoả, hoá đàm chỉ huyết, chỉ khái hỗ trợ Trung tiêu.

Kiêm chứng phát sốt khát nước đờm vàng dính, Tâm phiền mạch Sác hoặc đau vùng ngực, là Phế khí âm đều hư có cả nhiệt

độc ấp ủ ở Phế, có thể uống ***Ngô thị ngoã lao ni lực qua phương (13)*** để bổ Phế, thanh nhiệt, giải độc và chỉ thống. Nếu thương âm quá nặng, thì dùng ***Vương thị Phế tích phương (14)*** để dưỡng âm phù chính, thanh nhiệt giải độc. Nếu kiêm chứng đàm với huyết kết thành khối, khái thấu đau ngực không chịu đựng được mệt nhọc và dễ cảm mạo, là Phế hư kiêm cả ứ trệ, có thể dùng ***Cao thị Ngô cáp tán (15)*** để bổ Phế điều hư, hoạt huyết chỉ huyết, khư đàm chỉ khái.

Khái huyết đã lâu, tinh thần mệt mỏi, mặt nhợt kém tươi, đột ngột khái huyết lượng nhiều, thuộc khí hư không bền, Tỳ hư không thu nhiếp, có thể dùng ***Nhất vị bạch truật thang (16)*** nhằm kiện Tỳ ích khí nhiếp huyết.

Kiêm chứng chân tay lạnh, vã mồ hôi, hồi hộp thuộc dương khí hư thoát, huyết không thu nhiếp được, phép trị phải cấp cứu hồi dương ích khí, cố thoát nhiếp huyết, dùng ***Khương thị chỉ huyết phương (17).*** Nếu kiêm chứng kém ăn đại tiện lỏng, chân tay lạnh, mạch Trầm Trì là dương suy trung tiêu hư yếu, có thể dùng ***Tôn thị gia vị Phụ tử lý trung thang (18)*** để ôn trung kiện Tỳ, hồi dương chỉ huyết.

Khạc ra huyết hoặc thổ huyết, sườn trướng ngực đau, mạch Huyền ợ hơi, khi xuất huyết ra thành cục có mầu đen, cho uống ***Chu thị sài hồ thiến giáng thang (19)*** để thư Can lý khí, hoạt huyết chỉ huyết.

Chứng này là chứng bệnh chủ yếu của bệnh biến Phế hệ, nên tham khảo chứng trị ở các môn "Khái thấu" và "Thở suyễn gấp".

1. Trì thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Trì Thằng Nghiệp, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Ôn Châu, tỉnh Triết Giang

Tiêu Sơn chi	9 gam	Tang bạch bì	9 gam
Sinh trắc bá	9 "	Hoàng cầm	8 "
Bạch cập	10 "	Sinh Đại hoàng	10 "
Bạch mao căn	30 "	Sinh Đại giả thạch	30 "

2. Tôn thị gia vị Đại hoàng Hoàng liên tả Tâm thang

Người cống hiến: Tôn Ấu Lập, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Dư Diên, tỉnh Triết Giang

Chế Đại hoàng	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Hoàng liên	5 "	Hắc sơn chi	10 "
Mẫu đan bì	10 "		

3. Lý thị thanh nhiệt tả hoả thang

Người cống hiến: Lý Trung Hoà, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 5 thành phố Đại Liên

Sinh Địa hoàng	30 gam	Thuỷ ngưu giác phấn	20 gam
Xích thược	15 "	Mẫu đơn bì	15 "

Cách dùng: Liều lượng những vị thuốc trên để dùng trong 1 ngày, chia 2 lần uống sáng và tối. Bệnh nặng có thể một ngày uống 2 thang.

Gia giảm: Táo bón gia Đại hoàng 10 - 20 gam

4. Lạc huyết tán

Người cống hiến: Vương Tế Dân, Y sư chủ nhiệm
Viện y học khoa học Hà Bắc

Huyết dư thán 50 gam Hoa nhị thạch (nung) 100 gam

Cách dùng: Tán bột mỗi lần uống 3 - 5 gam, ngày 4 lần

Gia giảm: Khi uống thuốc trên thấy hiệu quả chỉ huyết không rõ, thì mỗi ngày dùng thêm Bạch cập phiến 20 - 30 gam sắc uống. Khái thấu kịch liệt, lượng đờm khá nhiều, có thể gia thêm các vị thuốc chỉ khái khư đàm

5. Trần thị bạch cập tỳ bà diệp hoàn

Người cống hiến: Trần Túc Sơn, Lão Trung y
Y viện huyện Phúc Thanh, Phúc Kiến

Bạch cập	10 gam	A giao	10 gam
Tang diệp	10 "	Trắc bá diệp (sao đen)	10 "
Ngẫu tiết	12 "	Mật Tỳ bà diệp	12 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Mật Tử uyển	12 "
Bách bộ	12 "	Tam thất phấn	3 "

6. Thần hiệu chỉ huyết tán

Người cống hiến: Lục Hiếu Phu, Y sư phó chủ nhiệm
Sở phòng chống lao Thượng Hải

Linh dương giác Hoa nhị thạch
Nhị trà Sinh Đại hoàng
Sâm tam thất

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần dùng 3 - 5 gam, ngày dùng 3 - 5 lần chiêu với nước chín. 12 lần là một đợt điều trị.

Gia giảm: Khạc ra máu nhiều mạch Sác, chất lưỡi tía, gia Tử tuyết đan. Ngoại tà xâm phạm, tà nhiệt úng tắc ở Phế, dùng Bồ công anh, Khai kim toả sắc lấy nước uống với thuốc bột. Tỷ lệ bạch cầu quá cao, có thể gia Kim ngân hoa, Liêu kiều, Hoàng cầm. Thận suy, Can dương quá găng hun đốt Phế. Đột ngột khạc ra nhiều huyết, gia Sinh Địa hoàng, Nam Bắc Sa sâm, Thạch quyết minh, Hoàng cầm sắc nước uống với thuốc bột. Phế Tỳ khí hư, khí không nhiếp huyết, dùng Tứ quân tử hợp với Quy tỳ thang sắc lấy nước uống với thuốc bột.

7. Lý thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Lý Trọng Thủ, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Huyền sâm	15 gam	Mạch môn	12 gam
Bách hợp	30 "	Tang bạch bì	15 "
Tử uyển	12 "	Hạn liên thảo	30 "
Hoè hoa	9 "	Bạch thược	12 "
Cam thảo	9 "		

Gia giảm: Nhiệt thịnh có thể gia Bạch mao căn 30 gam, Vi hành 30 gam. Xuất huyết nhiều, có thể chọn gia vài vị như Tử châu thảo, Trắc bá thán, Tiên hạc thảo, Bạch cập, Thiến thảo.

8. Nhị tiên ẩm

Người cống hiến: Vương Sánh Hiền, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Quý Châu

Tiên hạc thảo	15 gam	Tiên đào thảo	12 gam
Tiểu kế	15 "	Tế thái	15 "

Luật thảo hoa	15 gam	Xa tiền tử	6 gam
A giao châu	10 "	Thu thạch	1 "

9. Tư âm giáng hoả chỉ huyết thang

Người cống hiến: Thẩm Viêm Nam, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Thuỷ ngưu giác	15 gam	Sinh Địa hoàng	30 gam
Bạch thược	12 "	Mẫu đơn bì	12 "
Bồ hoàng thán	12 "	Trắc bá diệp thán	12 "
Ngải diệp thán	9 "	Hà diệp	9 "
Mao căn	24 "	Điền thất mạt	3 "
Hoa nhị thạch	9 "		

Cách dùng: Sắc Thuỷ ngưu giác trước, sau mới bỏ các vị khác vào sắc, cuối cùng hoà bột Điền tam thất vào mà uống, mỗi ngày 1 thang.

Gia giảm:: Người hoả vượng nặng gia Hoàng cầm, Tang bạch bì, Hoàng liên, Thạch cao, Chỉ tử, Tri mẫu. Xuất huyết nhiều cần phải cấp cứu, dùng ngay nước Đồng tiện mới lấy hoặc uống Ngẫu chấp tươi để tư âm giáng hoả, lương huyết chỉ huyết. Mất huyết đột ngột sắp thành chứng Thoát, dùng Lộ đảng sâm 60 gam, sắc riêng lấy nước cho uống để ích khí cố thoát

10. Tân trưng tiễn

Người cống hiến: Lôi Vĩnh Trọng, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	Ngũ vị tử
Bắc Sa sâm	Mạch môn đông

Vương bất lưu hành
Thạch kiến xuyên
Từ trường khanh
Nam Sa sâm
Dã cúc hoa
Bạch hoa sà thiệt thảo
Hạ khô thảo
Huyền sâm
Đan sâm
Sơn giáp (trích)
Thục dương tuyền
Ngư tinh thảo
Tượng bối
Bồ công anh
Bách bộ
Địa cốt bì
Vọng giang nam
Hoài sơn dược
Mẫu lệ nung
Hải tảo
Thiên hoa phấn
Xuyên bối
Miết giáp(trích)
Mẫu đan bì
Tử hoa địa đinh

Cách dùng: Chế biến theo qui trình công nghệ thành dạng sirô cho uống.

Gia giảm: Khái thấu đờm dính gia Tử uyển, Khoản đông hoa, Tỳ bà diệp, Đạm trúc lịch. Trong đờm có lẫn huyết gia Tiên hạc thảo, Bạch cập, Bồ hoàng, Sinh địa du, Tử thảo căn, Tam thất phiến. Sốt nhẹ lúc phát lúc không gia Bản lam căn, Hồng đằng, Bại tương thảo, Kim ngân hoa, Liên kiều. Ngực sườn đau gia Toàn qua lâu, Uất kim, Xuyên luyện tử, Huyền hồ, Xích thược, Đào nhân. Khớp xương đau mỏi gia Tầm cốt phong, Nhũ hương trích, Một dược trích, Phòng kỷ, Tang ký sinh, Ngưu tất, Toàn yết, Địa long, Ngô công. Xuất hiện chứng hậu khí âm bất túc gia Thạch hộc, Lô căn, Mao căn, Mạch môn đông, Thái tử sâm, Hoàng kỳ.

11. Liễm phế chỉ huyết cao

Người cống hiến: Phan Liêm Thần, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Triết Giang

Lộ Đảng sâm	90 gam	Bách hợp	120 gam
Sinh Địa hoàng	120 "	Kha tử nhục	90 "
Đại cáp tán	120 "	Hoa nhị thạch	120 "
Toàn phúc hoa	90 "	Trúc lịch	60 "
Bán hạ	60 "	Mã đâu linh (trích)	60 "
Mạch môn đông	90 "	Ngũ vị tử	30 "
Ba kích nhục	90 "	Trần bì	45 "
Cam thảo (trích)	45 "	A giao	150 "
Tam thất phấn	24 "	Xuyên bối phấn	45 "

Cách dùng: Để riêng 3 vị ở sau, các vị khác đem sắc 2 lần lấy mới đặc, lọc bã, hoà bột Tam thất, bột Xuyên bối và A giao vào, thêm 250 gam đường, đun nhỏ lửa cho thành cao, đựng trong bình, mỗi lần uống 1 thìa canh hoà vào nước chín mà uống, ngày 2 lần sáng và tối.

Gia giảm: Nếu là Lao hạch, gia Bách bộ. Tỳ vị hư yếu gia Bạch truật, Sơn dược. Trong khi điều trị vẫn thấy ra đờm và huyết, gia Thiến thảo, Ngẫu tiết hoặc Tiên hạc thảo. Thở gấp, bỏ Hoa nhị thạch, gia Hải phù thạch, Tô tử. Đau lực gia Đỗ trọng, Xuyên Tục đoạn.

12. Thang thị bổ phế tán

Người cống hiến: Thang Thừa Tổ, Y sư chủ nhiệm Trung y việc thành phố Nam Thông

Hoài sơn dược	120 gam	Bạch cập	60 gam
Sa sâm	120 "	Nhân trung bạch (nung)	6 "

Xuyên Bối mẫu	60 gam	Thái tử sâm	120 gam

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần uống 10 gam, ngày 2 lần sáng và tối chiêu với nước đường. Vì Bạch cập vị đắng, nếu làm thuốc hoàn thì nó dính khó hoà tan.

13. Ngô thị ngoã lao ni lực qua phương

Người cống hiến: Ngô Tỉnh Xương, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Mông y Triết lý mộc minh Nội Mông Cổ

Bạch đàn hương	5 gam	Ngưu hoàng	1,5 gam
Thạch cao	5 "	Hồ Hoàng liên	5 "
Hồng hoa	5 "	Địa đinh	15 "
Mạch đông	5 "	Kha tử	15 "
Liên tử	15 "	Chi tử	15 "
Thanh Mộc hương	15 "	Khổ sâm	10 "
Náo dương hoa	15 "	Câu đằng	10 "
Sơn nại	5 "	Ngũ vị tử	5 "
Bồ đào can	5 "	Thảo hà sa	5 "
Ngọc châm hoa	5 "	Viễn trí	5 "
Nhân trần	5 "	Bạch cự thắng	5 "
Thảo ô diệp	5 "	Hồ ly phế	1 cái

Cách dùng: Trừ Ngưu hoàng và Hồ ly phế, 22 vị khác tán bột mịn, lại đem Ngưu hoàng và Hồ ly phế tán bột, trộn lẫn với 22 vị tán lần nữa, thêm mật ong luyện làm viên mỗi viên nặng 5 gam, mỗi lần uống 1 gam, ngày hai lần; kiêng uống rượu, thuốc lá và lao động mệt nhọc.

14. Vương thị Phế tích phương

Người cống hiến: Vương Hy Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	12 gam	Thục Địa hoàng	12 gam
Thiên môn đông	12 "	Mạch đông	12 "
Huyền sâm	12 "	Sinh Hoàng kỳ	15 "
Lộ đảng sâm	15 "	Lậu lô	30 "
Thổ phục linh	30 "	Ngư tinh thảo	30 "
Thăng ma	30 "		

15. Cao thị Ngô cáp tán

Người cống hiến: Cao Thụ Nhân, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Cáp Nhĩ Tân

Ngô công	6 con	Cáp giới	1 đôi
Xuyên bối mẫu	50 gam	Bạch cập	50 gam
Tam thất	20 "	Đông trùng hạ thảo	20 "
Hoàng tinh	30 "	Cam thảo	20 "
Bách bộ (trích)	20 "	Thai bàn	100 "
Minh phàn	10 "	Hải phù thạch	50 "
Đông qua tử	500 " (nghiền riêng)		

Cách dùng: Đem Đông qua tử sao vàng để hơi nguội, tán bột. Các vị khác cũng tán bột trộn đều với bột Đông qua tử, đựng vào lọ đậy kín để dùng. Khi uống thì đánh một quả trứng gà, chế thêm nước sôi, khuấy thành loại kem trứng, thêm đường và xúc vào một thìa thuốc bột độ 7 gam, trộn đều, cho uống sáng và tối ngày 2 lần vào lúc đói.

16. Nhất vị bạch truật thang

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư Y học viện đường sắt Thượng Hải

Bạch truật 100 gam (tán bột)

Cách dùng:

a/ Đun sôi một chén to nước cơm cho uống trước cho hết chén nước ấy.

b/ Mỗi sáng và tối đều uống 1 lần, xúc 1 thìa Bạch truật hoà vào nước cơm cho uống, khi nào chỉ huyết thì thôi.

17. Khương thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học y khoa Thượng Hải

Biệt trực sâm	3 gam	Phụ phiến	9 gam
Hoàng kỳ	15 "	Ngũ vị tử	9 "
Quế chi	9 "		

18. Tôn thị gia vị phụ tử lý trung thang

Người cống hiến: Tôn Ấn Lập, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Dư Diêu, tỉnh Triết Giang

Đạm Phụ tử	5 gam	Đảng sâm	12 gam
Bào khương	5 "	Cam thảo trích	5 "
Sinh Bạch truật	10 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước, hoà 1 chén nhỏ Đồng tiện cho uống.

19. Chu thị sài hồ thiến giáng thang

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sài hồ	10 gam	Thiến thảo	10 gam
Giáng hương	10 "	Hoàng cầm	10 "
Chỉ xác	10 "		

Gia giảm: Nếu họng khó nuốt, nghịch khí xông lên, thậm chí suyễn nhẹ, gia Xạ can 10 gam. Khí âm đều hư, đoản hơi yếu sức, gia Đông trùng hạ thảo 10 gam. Chất lưỡi đỏ non, gia Bách hợp 30 gam. Sau khi uống thuốc mà huyết vẫn chưa ngừng, gia Bạch cập phấn 6 gam tán bột hoà vào nước thuốc mà uống.

124. ĐAU VÙNG NGỰC

Đau vùng ngực gặp trong những bệnh biến của các chứng Hung tý và Phế ung. Thường do hàn, đàm, ứ nghẽn trở khí huyết, hoặc do khí âm hư không dồi dào gây nên.

Đau vùng ngực, ngực khó chịu, hồi hộp rêu lưỡi nhớt, mạch Huyền Hoạt hoặc nhiều đờm, thể trạng béo bệu, bụng đầy kém ăn, phần nhiều thuộc đờm trọc uất nghẽn gây nên, kiêm chứng đoản hơi, tê chân tay, choáng váng, lưỡi có nốt ứ huyết, có thể dùng ***Đặng thị Gia giảm ôn Đởm thang (1)*** để bổ khí hoá đàm thông ứ.

Ngực khó chịu quá nặng, kiêm chứng choáng váng, tinh thần mỏi mệt yếu sức, thiểu khí đoản hơi, có thể dùng ***Quan Tâm thông tý thang (2)*** để ôn thông dương khí, khai hung thuận khí, tán kết hoá đàm.

Kiêm chứng đờm nhiều mà chất lưỡi tía sạm, thì dùng ***Cửu vị hàm bích tiễn (3)*** để ôn dương thuận khí, hoạt huyết khư ứ.

Phát cơn đau dồn dập, uống các đơn thuốc nói trên vô hiệu thì dùng ***Trần thị hung tý tán (4)*** để hành ứ hoá đàm.

Ngực khó chịu mà đau, đan xiên tới lưng, mặt môi tím tái, chân tay mát sợ lạnh là thuộc dương hư hàn trệ, gặp lạnh thì phát cơn, mạch Huyền Khẩn, cho uống ***Đinh quế hương tán (5)*** để

khu hàn hành khí giảm đau. Kiêm chứng mất ngủ thì dùng ***Trầm đinh tán (6)*** để tán hàn hành khí chỉ thống an thần, Có cả chứng chất lưỡi tía tối, cơn đau khá nặng, cho uống ***Tào thị thông dương quyên thống thang (7)*** để ôn dương ích khí, hoạt huyết dẹp cơn đau.

Nếu kiêm chứng môi lưỡi tím tái, nơi đau cố định thì dùng ***Nhạc thị biến thông huyết phủ trục ứ thang (8)*** để thông dương tán hàn, hành khí hoạt huyết.

Kiêm chứng ra mồ hôi và đoản hơi, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng, mạch Trầm Tế thậm chí hôn quyết, có thể dùng ***Nhiệm thị gia giảm ô đầu, Xích thạch chi hoàn (9)*** để trục hàn phù dương, thông doanh chỉ thống. Nếu thấy chứng ngực khó chịu, nhiều đờm, lưỡi tối, môi tía là hàn ngưng đàm ứ câu kết, chọn dùng bài ***Trần thị hung tý thông dụng phương (10)*** để ôn thông đàm ứ.

Các đầu ngón chân tay quyết lạnh khá nặng, mạch Kết Đại thì dùng ***Lý thị dương hoắc diệp ẩm tử (11)*** để hồi dương ích khí, hoà điều khí huyết.

Vùng ngực đau từng cơn hoặc nhói đau cố định một chỗ, chất lưỡi đỏ tía hoặc có nốt ứ huyết, mạch Huyền hoặc Hoạt Sác là thuộc ứ huyết; kiêm chứng ngực khó chịu sườn trướng đầy, dùng ***Mộc hương huyền hồ phấn (12)*** để hành khí hoạt huyết. Kiêm chứng phiền táo không yên thì dùng ***Nhiệm thị hành khí hoá ứ phương (13)*** để hoạt huyết hành trệ.

Có các chứng vùng ngực khó chịu, sườn trướng hồi hộp, cho uống ***Trương thị quan thông thang (14)*** để sơ thông huyết mạch, kiêm cả ninh Tâm.

Xu thế đau kịch liệt như dao cắt dùi đâm, nơi đau không di chuyển thể trạng còn tương đối khoẻ thì dùng ***Quách thị hoạt huyết hoá ứ hệ lệ tán tễ (15)*** để hoạt huyết hoá ứ giảm đau.

Cơn đau phát đột ngột, thì dùng ***Tào thị chỉ thống phấn (16)*** để khư ứ chỉ thống. Kiêm chứng hồi hộp đoản hơi thì uống ***Bố thị lưỡng hoà tán(17)*** để điều hoà khí huyết đôi bên. Kiêm chứng Tâm hoang, đoản hơi đầy tức thì dùng ***Chúc thị quan tâm bệnh phương (18)*** nhằm nuôi Tâm khí, bổ Tâm huyết và trừ ứ trệ. Có cả chứng ngực đầy, choáng váng, cho uống ***Thư quan thuận khí thang (19)*** để làm thư triển khí huyết, thúc đẩy thay cũ đổi mới.

Nếu chứng ngực khó chịu khá nặng, đoản hơi hồi hộp thì uống ***Nhạc thị hung tý phương(20)*** để hoạt huyết hoá ứ thông dương và ích khí.

Nếu lưỡi đỏ tía hoặc tím tái, ven lưỡi, cạnh lưỡi và đáy lưỡi có nốt ứ huyết mạch ở bộ Thốn Trầm Vi, dùng ***Sa thị ôn dương hoá ứ thang (21)*** để ôn dương thông lạc, hoạt huyết hoá ứ.

Kiêm chứng mệt mỏi đoản hơi, ngực khó chịu, gặp lạnh thì phát bệnh thì uống ***Quách thị ôn thông ích khí hoạt huyết tán (22)*** để ôn dương ích khí, hoạt huyết chỉ thống.

Có chứng ngực khó chịu, ẩu nghịch, đại tiện bí kết, hồi hộp đoản hơi, hoặc bệnh này đang ở thời kỳ hồi phục, thì dùng ***Dũ ngạnh thông ứ thang (23)*** nhằm ích khí hành khí, hoạt huyết thông ứ, hoá trọc dẹp cơn đau. Nếu thấy hồi hộp đoản hơi, họng khô thì dùng ***Ninh Tâm thang (24)*** để ích khí dưỡng âm, hoạt huyết hoá ứ.

Bị chứng Tâm thống lâu ngày hoặc bệnh Hung tý, có chứng lưỡi tía, ngực bĩ đầy, mạch Sáp thở gấp hổn hển là lạc mạch bị hư trệ, dùng ***Kiều thị thông lạc tán (25)*** để chỉ thống, thông lạc, thư giãn vùng ngực.

Đau vùng ngực hoặc vùng ngực không khó chịu lắm, hồi hộp đoản hơi, thuộc khí âm bất túc. Thấy kiêm chứng chân tay tê dại, phiền táo, khô miệng, chất lưỡi đỏ mạch Tế Sác, dùng ***Nhậm thị dưỡng doanh thông lạc phương (26)*** để nuôi doanh huyết, yên tâm thần. Kiêm chứng táo bón kéo dài thì dùng ***Tào thị quan tâm thông u thang (27)*** để ôn nhuận tăng dịch, lợi khiếu tán kết, hành khí thông phủ. Nếu hồi hộp không nặng mà thấy thắc thỏm không yên, miệng khô ít tân dịch, rêu lưỡi mỏng, mạch Tế Sác, cho uống ***Chu thị dưỡng Tâm thông mạch thang (28)*** để ích Tâm khí, nuôi Tâm doanh, thông Tâm mạch và hỗ trợ cả trung khí. Nếu hồi hộp mất ngủ khá rõ mà họng khô miệng ráo, chất lưỡi tối thì dùng ***Tần thị chân tâm thống khinh chứng phương (29)*** để nuôi doanh huyết, yên Tâm thần và lưu thông ứ trệ.

Ngực khó chịu khá nặng mà kiêm chứng bụng trướng có thể dùng ***Tào thị giải uất thư Tâm thang (30)*** để dưỡng Tâm hành khí giải uất hoạt huyết.

Kiêm chứng vùng bụng bĩ trướng, sau khi ăn dễ đau ngực đột ngột, đau vùng Tâm, thể trạng béo bệu, nên chữa cả Tâm và Vị, dùng ***Tào thị kiến trung hành kiện thang (31)*** để lý khí mạch trung tiêu và khơi thông ứ trệ. Nếu có chứng thể trạng yếu

ứ vô lực, sợ lạnh tự ra mồ hôi, cho uống ***Trần thị gia vị bảo nguyên thang (32)*** để ôn bổ dương khí kiêm thông đường lạc.

Kiêm chứng lưỡi tía, rêu nhớt, xu thế đau dữ dội, thì dùng ***Triệu thị nguy trọng kỳ phương (33)*** nhằm ôn bổ Tâm dương, hoạt huyết hoá ứ.

Bệnh tình nói trên sau khi đã dịu bớt có thể dùng ***Tần thị chân Tâm thống củng cố phương (34)*** để dưỡng khí huyết, yên thần ninh Tâm.

Ngực khó chịu và đau nhói, đầu nặng chân nhẹ, nhức đầu choáng váng, mắt hoa, hồi hộp mất ngủ là thuộc âm hư dương cang, kiêm chứng phiền táo không yên, dễ bị kích động, chân tay tê dại, mặt đỏ, phiền nhiệt miệng khô, lưỡi đỏ hoặc tía tối, mạch Tế Huyền có lực, cho uống ***Nhiệm thị ích âm chế dương phương (35)*** để dưỡng âm giáng nhiệt, hành khí hoạt huyết. Đau đầu choáng váng khá nặng kiêm chứng dễ cáu giận, tê dại chân tay, miệng khô lưỡi đỏ, nhiều đờm rêu lưỡi nhớt, mạch Huyền Sác hoặc Huyền Hoạt, dùng ***Viên thị hung tý phương (36)*** để dục âm tiềm dương lý khí hoá đàm, thông lạc hoá ứ.

Kiêm chứng hay mê, nóng nảy, sườn đau khí trướng, phủ trệ tiểu tiện đỏ, đó là bệnh thiên về Hư, dùng ***Tào thị tư Can tiềm dương thang (37).*** Nếu bệnh thiên về Thực thì dùng ***Tào thị tiết nhiệt điều khí ẩm (38).***

Bệnh Phế ung cũng thường đau ngực; Phế ung thời kỳ đầu, đau ngực khái thấu, phát sốt sợ lạnh, đờm vàng dính hoặc thấy

mùi hôi tanh là thuộc đờm nhiệt úng tắc ở Phế, có thể trước tiên dùng ***Lý thị Phế ung phương (39), Cố thị Phế ung phương (40)*** để thanh nhiệt giải độc, trừ đờm hành ứ. Có cả chứng suyễn gấp miệng khát và sốt cao, có thể dùng ***Trương thị Phế ung phương (41)*** để thanh khí giải độc, khư ứ tiêu đàm

Phế ung đã đến giai đoạn thành mủ hoặc vỡ mủ, có chứng đau ngực, lúc nóng lúc lạnh, khái thấu, mửa ra đờm trọc lượng nhiều có mùi hôi lẫn huyết, tiểu tiện vàng đại tiện khô, mạch Hoạt Sác là thuộc nhiệt đàm nung nấu tích thành mủ, dùng ***Từ thị khái thổ nùng đàm phương (42)*** để thanh nhiệt hoá ứ tiêu mủ. Kiêm chứng khát nước mệt mỏi có thể dùng ***Thi thị bài nùng thang (43)*** để quét đàm trừ mủ, ích Phế tiêu độc. Kiêm chứng gầy còm mệt mỏi, sắc mặt nhợt, suyễn thở, đó là nhiệt độc làm tổn thương Phế âm, phép trị nên dưỡng Phế âm, thanh Phế nhiệt kèm theo giải độc, cho uống ***Hạ thị dưỡng âm giải độc thang (44).***

Đau vùng ngực lúc nhẹ lúc nặng, hai chi trên cử động hoặc khi khái thấu thì đau kịch liệt, nơi đau cự án, gốc rêu lưỡi nhớt mạch Hoạt là đờm độc ứ kết, mạch lạc uất trệ, có thể dùng ***Chu thị phi hoá nùng tinh lặc nhuyễn cốt viêm phương (45)*** để hoá đờm giải độc, tán kết thông lạc.

Chứng đau vùng ngực trong lâm sàng thường đồng thời xuất hiện với các chứng "Vùng ngực khó chịu", "Hồi hộp" và "Đau vùng quản", nên tham khảo các mục này.

PHỤ PHƯƠNG

1. Đặng thị gia giảm ôn Đởm thang

Người cống hiến: Đặng Thiết Đào, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Pháp Bán hạ	9 gam	Vân Phục linh	12 gam
Quất hồng	4,5 "	Đảng sâm	15 "
Cam thảo	4,5 "	Trúc nhự	9 "
Chỉ xác	4,5 "	Đan sâm	12 "

2. Quan tâm thông tý thang

Người cống hiến: Kha Tuyết Phàm, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Toàn Qua lâu	30 gam	Quế chi	18 gam
Cam thảo trích	10 "	Chỉ xác	10 "
Xuyên Hậu phác	10 "	Thục Phụ khối	10 "
Xuyên bối mẫu	6 "	Pháp Bán hạ	10 "
Đảng sâm	18 "	Sinh Mẫu lệ	30 "

Gia giảm: Đoản hơi rõ rệt gia Nhân sâm. Ngực khó chịu nặng gia Trầm hương phấn. Nhiều đờm gia Thiên trúc hoàng, Xương bồ. Có ứ huyết gia Xuyên khung hoặc Đào nhân. Có hiện tượng nhiệt gia Hoàng liên hoặc Liên tử tâm. Mạch ngừng đập rõ gia Đại mạo, Long cốt. Ngủ không yên gia Toan táo nhân hoặc Hổ phách.

3. Cửu vị hàm bích tiễn

Người cống hiến: Hạ Độ Hành, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Phục linh	10 gam	Quế chi	6 gam
Bạch truật	10 "	Viễn trí	6 "
Đương qui	10 "	Xuyên khung	5 "
Xích thược	10 "	Đảng sâm	10 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Khí hư khá nặng kiêm vã mồ hôi, gia Hoàng kỳ 20 gam. Dương hư nặng rõ rệt gia Phụ tử phiến 10 gam, Đảng sâm đổi Hồng sâm 3 gam. Nhiều đờm đầu choáng váng gia Pháp Bán hạ 10 gam, Trần bì 6 gam , hoặc gia Chế Nam tinh 10 gam. Tâm thần không yên, dễ ra mồ hôi, gia Phù tiên mạch 30 gam hoặc gia Sinh Mẫu lệ, Sinh Long cốt đều 20 gam. Thuỷ thũng nặng gia Trạch tả 15 gam. Huyết hư rõ rệt gia Hoàng kỳ 30 gam, Đan sâm 15 gam. Âm hư thì gia Sâm tu 6 gam, Mạch môn đông 5 gam hãm nước uống. Kiêm chứng Can uất khí trệ gia Sài hồ 10 gam, Hoàng cầm 10 gam

4. Trần thị hung tý tán

Người cống hiến: Trần Dược Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Chân châu phấn	0,3 gam	Sâm Tam thất phấn	1,5 gam
Xuyên bối phấn	3 "		

Cách dùng: Liều lượng đủ uống 1 ngày, chia 2 lần uống, liên tục trong 1 tháng

5. Đinh quế hương tán

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đinh hương	1,5 gam	Nhục quế	1 gam
Đàn hương	0,5 "		

Cách dùng: Tán bột, liều lượng đủ uống 1 ngày, chia 2 lần uống.

6. Trầm đinh tán

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trầm hương phấn	1 gam	Công đinh phấn	1 gam
Hổ phách phấn	1 "		

Cách dùng: Liều lượng đủ uống 1 ngày, trộn đều, chia 3 lần uống.

7- Tào thị thông dương quyên thống thang

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư Y học viện Trấn Giang

Quế tâm	3 gam	Cam thảo trích	6 gam
Bắc Tế tân	3 "	Đảng sâm	10 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Quy vĩ	10 "
Xuyên khung	10 "	Đan sâm	12 "
Khương hoàng	6 "	Huyền hồ	10 "
Bạch đàn hương	5 "		

Gia giảm: Vùng tim đau thắt, gia Bạch thược 10 gam, Cát căn 10 gam, Từ thạch 20 gam để trấn áp co cứng dẹp cơn đau. Sơ

cứng cơ tim gia Đào nhân 10 gam, Hoa ma nhân 10 gam, Ngũ linh chi 10 gam, Thạch xương bồ 5 gam.

8. Nhạc thị biến thông Huyết phủ trục ứ thang

Người cống hiến: Nhạc Mỹ Trung, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đương qui vĩ	15 gam	Xuyên khung	15 gam
Quế tâm	15 "	Quát lâu	30 "
Giới bạch	20 "	Cát cánh	10 "
Chỉ xác	10 "	Hồng hoa	15 "
Đào nhân	15 "	Ngưu tất	30 "
Sài hồ	15 "		

9. Nhiệm thị gia giảm ô đầu xích thạch chi hoàn

Người cống hiến: Nhiệm Ứng Thu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Chế Xuyên ô	9 gam	Xuyên tiêu	3 gam
Can khương	9 "	Xuyên Phụ tử	15 "
Sinh Long cốt	12 "	Chế Nhũ hương	3 "
Chế Một dược	3 "	Ngũ linh chi	9 "

10. Trần thị hung tý thông dụng phương

Người cống hiến: Trần Diệu Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Toàn Qua lâu	15 gam	Giới bạch đầu	9 gam
Chỉ thực	9 "	Quế chi	9 "
Bán hạ	9 "	Cát cánh	4,5 "
Phụ phiến	15 - 30 "	Đan sâm	30 "

Hoàng liên	1 gam	Trầm hương	1 gam

Cách dùng: Tán bột trộn đều, mỗi lần uống 2 gam, cách 4 giờ uống 1 lần. Khi cơn đau tim đã dịu thì mỗi ngày uống 2 lần.

17. Bồ thị lưỡng hoà tán

Người cống hiến: Bộ Phụ Chu tiên sinh, nhà Trung y học trứ danh

Nhân sâm	Đan sâm
Kê huyết đằng	Huyết kiệt
Hổ phách	Thạch xương bồ
Một dược (sao)	Hương phụ
Viễn trí nhục	Phục thần

18. Chúc thị quan tâm bệnh phương

Người cống hiến: Chúc Trầm Dư, Nghiên cứu viên Y viện Hiệp Hoà Bắc Kinh - Viện y học khoa học Trung Quốc

Cát căn	Hồng hoa
Đan sâm	Xuyên khung
Đương quy	Xích thược
Cúc hoa	Khương hoạt
Đảng sâm	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	

19. Thư quan thuận khí thang

Người cống hiến: Trần Tô Sinh, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Bắc Sài hồ	9 gam	Xuyên Quế chi	9 gam
Hương phụ	9 "	Ô dược	9 "

Đào nhân	9 gam	Hồng hoa	9 gam
Xích thược	9 "	Bạch vi	9 "
Cam thảo	9 "	Đan sâm	15 "
Sinh Long cốt	15 "	Sinh mẫu lệ	15 "

20. Nhạc thị hung tý phương

Người cống hiến: Nhạc Mỹ Trung, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đảng sâm	12 gam	Qua lâu	15 gam
Giới bạch	12 "	Quế chi	9 "
Hồng hoa	9 "	Xuyên khung	6 "
Uất kim	9 "	Huyền hồ sách	9 "
Đan sâm	12 "	Kê huyết đằng	30 "

Cần uống thuốc một thời gian dài.

21. Sa thị ôn dương hoá ứ thang

Người cống hiến: Sa Tinh Viên, Chủ nhiệm Quân y Tổng y viện quân khu Nam Kinh

Đan sâm	10 - 15 gam	Quế chi	10 - 15 gam
Sài hồ	5 - 10 "	Xích thược	10 - 15 "
Xuyên khung	5 - 10 "	Huyền hồ sách	5 - 15 "
Hồng hoa	3 - 5 "	Uất kim	5 - 10 "

Gia giảm: Đau nhiều gia Chế Phụ tử 5 - 15 gam, Ý dĩ nhân 15 -30 gam. Tay chân quyết lạnh gia Can khương 5 - 10 gam, Đương qui 10 - 15 gam.

22. Ôn thông ích khí hoạt huyết tán

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hồng sâm phấn	2 gam	Trầm hương phấn	0,5 gam
Huyết kiệt tán	1 "	Tam thất phấn	1 "
Hổ phách phấn	0,5 "	Băng phiến phấn	0,5 "

Cách dùng: Trên đây là liều dùng trong 1 ngày, trộn đều, chia 5 lần uống.

23. Dũ ngạnh thông ứ thang

Người cống hiến: Trần Khả Ký, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh sái sâm	10 - 15 gam	Sinh Hoàng kỳ	15 gam
Tử Đan sâm	15 "	Toàn Đương qui	10 "
Diên hồ sách	10 "	Xuyên khung	10 "
Bội lan	10 "	Quảng Hoắc hương	12 "
Trần bì	10 "	Bán hạ	10 "
Sinh Đại hoàng	6 - 10 "		

24. Ninh Tâm thang

Người cống hiến: Mạnh Bách Tam, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thượng Hải

Hài nhi sâm	9 gam	Đan sâm	9 gam
Đương qui	6 "	Xuyên khung	3 "
Sinh Địa hoàng	9 "	Xích thược	9 "
Bạch thược	9 "	Đào nhân	9 "
Hồng hoa	5 "	Phục linh	9 "

Quảng Mộc hương	5 gam	Trần bì	3 gam
Cam thảo trích	3 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc uống. Nước đầu uống trước khi đi ngủ buổi tối. Nước thứ hai để uống một lần vào sáng sớm hôm sau.

Gia giảm:: Kiêm chứng Dương hư, gia Quế chi 4,5 gam. Kiêm chứng phù thũng gia Thục Phụ phiến 4,5 gam. Âm hư rõ rệt gia Huyền sâm 9 gam, Mạch môn đông 9 gam . Đàm thấp rõ rệt, bỏ Sinh địa, Đương qui, Xuyên khung, gia Xương truật sao 9 gam, Chế Bán hạ 9 gam; Tiêu Tra Khúc đều 9 gam, Trạch tả 9 gam.

25. Kiều thị thông lạc tán

Người cống hiến: Kiều Ngưỡng Tiên, Y sư chủ nhiệm Y viện Hoa Đông Thượng Hải

Thuỷ điệt phấn, tán bột để nuốt, mỗi lần 1,5 gam, ngày 2 lần

26. Nhiệm thị dưỡng doanh thông lạc phương

Người cống hiến: Nhiệm Ứng Thâu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Quế tâm	9 gam	Đương qui	9 gam
Bạch thược	9 "	Sa sâm	15 "
Can Địa hoàng	12 "	Địa long	6 "
Đan sâm	18 "	Xuyên Uất kim	9 "
Kê huyết đằng	30 "	Cam thảo trích	15 "

27. Tào thị quan tâm thông u thang

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư Y học viện Trấn Giang

Khổ sâm	10 gam	Đương qui	10 gam
Thổ bối mẫu	10 "	Thung dung	10 "
Sinh Thủ ô	12 "	Toàn qua lâu	12 "
Hoả ma nhân	10 "	Đào nhân	10 "
Huyết dư	10 "	Sinh Bạch truật	10 "
Chỉ xác	10 "	Xuyên luyện tử	10 "

28. Chu thị dưỡng Tâm thông mạch thang

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Nam Thông

Nhân sâm	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	Bạch truật
Phục linh	Cam thảo
Ngọc trúc	Quế chi
Bá tử nhân	

29. Trần thị chân tâm thống khinh chứng phương

Người cống hiến: Tân Bá Vị tiên sinh, nhà Trung y học nổi tiếng

Mạch môn đông	6 gam	A giao	6 gam
Cam thảo trích	3 "	Xuyên Quế chi	1,5 "
Đan sâm	6 "	Uất kim	6 "
Táo nhân (sao)	9 "	Viễn trí trích	4,5 "
Phù tiểu mạch	9 "	Sâm Triều Tiên phấn	0,6 "

30. Tào thị giải uất thư Tâm thang

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư
Y học viện Trấn Giang

Thái tử sâm	10 gam	Mạch môn đông	10 gam
Ngũ vị tử	6 "	Cát cánh	5 "
Chỉ xác	5 "	Xuyên khung	5 "
Hương phụ	10 "	Đan sâm	10 "
Bà la tử	6 "	Phật thủ phiến	3 "
Mai khôi hoa	3 "		

31. Tào thị kiến trung hành kiện thang

Người cống hiến: Tào Vĩnh Khang, Giáo sư
Y học viện Trấn Giang

Thanh trích Kỳ	12 gam	Quế chi	5 gam
Bạch thược sao	10 "	Chế Xuyên phác	5 "
Chế Xương truật	10 "	Khương hoàng	6 "
Chế Hương phụ	10 "	Xuyên khung	6 "
Kê nội kim	10 "	Sa nhân	2 "
Trần bì	5 "	Sơn tra	10 "

32. Trần thị gia vị bảo nguyên thang

Người cống hiến: Trần Khả Ký, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nhân sâm	Hoàng kỳ
Nhục quế	Cam thảo
Sinh khương	

Cách dùng: Năm vị trên sắc lấy nước hòa thêm Tế tân, Trầm hương mỗi thứ 0,5 gam cho uống.

33. Triệu thị nguy trọng kỳ phương

Người cống hiến: Triệu Quan Anh, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân sâm
Thục Phụ phiến
Mạch môn đông
Tam thất phấn
Hoàng kỳ hoặc Đảng sâm
Đan sâm
Trần bì

34. Tần thị chân tâm thống củng cố phương

Người cống hiến: Tần Bá Vị tiên sinh, nhà Trung y học nổi tiếng

Triều Tiên sâm	1,5 gam	Sinh Địa hoàng	4,5 gam
Thục Địa hoàng	4,5 "	Thiên môn đông	4,5 "
Mạch môn đông	4,5 "	A giao	6 "
Nhục quế	0,9 "	Cam thảo trích	3 "
Đan sâm	6 "	Tảo nhân sa	9 "
Bá tử nhân	6 "	Long nhãn nhục	6 "

35. Nhiệm thị ích âm chế dương phương

Người cống hiến: Nhiệm Ứng Thu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Tế sinh Địa hoàng	18 gam	Sao Tri mẫu	12 gam
Ngọc trúc sao	18 "	Trạch tả	9 "
Phục linh	9 "	Mẫu đan bì	12 "

Khổ đinh trà	9 gam	Giáng hương	9 gam
Đan sâm	18 "	Hoè hoa	9 "

36. Viên thị hung tý phương

Người cống hiến: Viên Gia Cơ, Giáo sư Trung y học viện Quí Dương

Câu đằng	10 gam	Quyết minh tử	15 gam
Sinh thạch quyết	30 "	Mẫu lệ	30 "
Địa long	10 "	Qua lâu	15 "
Pháp Bán hạ	10 "	Trần bì	10 "
Đan sâm	15 "	Xuyên khung	10 "
Hồng hoa	5 "	Phục linh	15 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Xích thược	10 "

Gia giảm: Khí trệ huyết ứ, vùng tim đau thắt khá nặng, có thể gia Quảng Mộc hương, Thất tiếu tán hoặc Uất kim, Giáng hương v.v.. Đờm nhiều, ngực khó chịu có thể bỏ Sinh Địa hoàng, Xích thược, gia Hải phù thạch, Đởm nam tinh.

37. Tào thị tư Can tiềm dương thang

Người cống hiến: Tào Địch Dần tiên sinh, nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	12 gam	Chế Thủ ô	6 - 12 gam
Huyền sâm	12 "	Mẫu lệ (nung)	30 "
Miết giáp (nướng)	15 "	Thạch quyết minh	15 "
Mẫu đan bì	4,5 "	Tả kim hoàn (nuốt)	3 "
Liên kiều	10 "	Cúc hoa	12 "
Bạch thược	12 "		

38. Tào thị tiết nhiệt điều khí ẩm

Người cống hiến: Tào Định Dần tiên sinh,
nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Liên kiều tâm	10 gam	Hắc sơn chi	10 gam
Xuyên luyện tử	10 "	Ngõa bạng phấn (nung)	30 "
Câu quất	6 "	Thanh bì (sao dấm)	4,5 "
Thông thảo	3 "	Đại đăng hoả	1,5 "
Bạch mao căn	30 "		

39. Lý thị Phế ung phương

Người cống hiến: Lý Minh Cao, Y sư chủ nhiệm
Y viện khu vực Nam Dương, tỉnh Hà Nam

Vi hành	20 gam	Đông qua nhân	20 gam
Ý dĩ nhân	20 "	Đào nhân	9 "
Bối mẫu	15 "	Ngư tinh thảo	15 "
Hoàng cầm	10 "		

40. Cố thị Phế ung phương

Người cống hiến: Cố Văn Hoa, Y sư chủ nhiệm
Đại học Y khoa Thượng Hải

Lô căn	60 gam	Đông qua nhân	30 gam
Ý dĩ nhân	12 "	Đào nhân	12 "
Kim ngân hoa	9 "	Liên kiều	9 "
Bồ công anh	30 "	Ngư tinh thảo	15 "
Dã kiều mạch căn	30 "		

41. Trương thị Phế ung phương

Người cống hiến: Trương Bá Du, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ma hoàng (trích)	6 gam	Hạnh nhân	9 gam
Sinh Thạch cao	30 "	Ý dĩ nhân	30 "
Cát cánh	6 "	Cam thảo	6 "
Hồng đằng	30 "	Ngư tinh thảo	18 "
Đông qua tử	12 "	Đào nhân	12 "
Lô căn	1 khóm	Khai kim toả	30 "

42. Từ thị khái thổ nùng đàm phương

Người cống hiến: Từ Trung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Ý mễ nhân căn	60 gam	Hạnh nhân	12 gam
Đào nhân	15 "	Cát cánh	9 "
Sinh Cam thảo	9 "	Đông qua tử	15 "
Hồng đằng	30 "	Ngư tinh thảo	30 "
Hạ khô thảo	30 "	Thiên hoa phấn	20 "
Kiều mạch căn	30 "	Tiên lô căn	50 "
Mao căn	50 "		

43. Thi thị bài nùng thang

Người cống hiến: Thi Kiếm Mặc tiên sinh, Trung y học gia nổi tiếng

Đại giả thạch	12 gam	Khổ Cát cánh	6 gam
Lô căn tươi	24 "	Mao căn tươi	24 "
Sinh Ý dĩ	18 "	Toàn phúc hoa	6 "

Phấn Cam thảo	4,5 gam	Đông qua tử	18 gam
Đào nhân	6 "	Tiên hạc thảo (sao)	18 "
Tây dương sâm	4,5 "	Hạnh nhân	6 "
Quất lạc	4,5 "	Địa cốt bì	6 "
Quất hồng	4,5 "	Tang bạch bì	6 "

44. Hạ thị dưỡng âm giải độc thang

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sa sâm tươi	30 gam	Kim thạch hộc	12 gam
Thái tử sâm	12 "	Lô căn tươi	30 "
Kim ngân hoa	12 "	Mẫu đơn bì	9 "
Tử uyển (trích)	4,5 "	Khoản đông hoa	4,5 "
Cát cánh	4,5 "	Tỳ bà diệp	4,5 "
Xuyên bối	4,5 "	Tượng bối	4,5 "
Bách bộ	9 "		
Thập khôi hoàn	9 " (chia nuốt)		

45. Chu thị phi hóa nùng tính lạc nhuyễn cốt viêm phương

Người cống hiến: Chu Thiếu Dật, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Nam Thông, tỉnh Giang Tô

Sài hồ	6 gam	Hạ khô thảo	30 gam
Uy linh tiên	15 "	Đại bối mẫu	10 "
Huyền sâm	20 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Xích thược	10 "	Đạm Côn bố	10 "
Đạm Hải tảo	10 "	Chế Hoàng tinh	20 "

Gia giảm: Đau nhói gia Xuyên khung. Lưỡi đỏ gia Nữ trinh tử, Hạn liên thảo. Tiểu tiện vàng gia Xa tiền tử.

125. VÙNG NGỰC KHÓ CHỊU

Trong ngực nghẽn tắc không thông, đầy tức khó chịu, gọi là chứng Vùng ngực khó chịu, còn có các tên gọi là Hung bĩ, Hung mãn, và trong Hung bĩ mãn v.v.. là một chứng thường gặp trong lâm sàng, thường đồng thời xuất hiện với chứng Đau vùng ngực. Bệnh thường gặp trong các bệnh biến của chứng hung tý và bệnh thuộc Phế hệ. Nên tham khảo với các mục "Hung thống", và "Khái thấu".

Vùng ngực khó chịu nặng hơn thì đau vùng ngực, rêu lưỡi nhớt là thuốc đờm trọc làm uất nghẽn khí cơ gây bệnh, có thể dùng ***Tào thị tuyên hoà thang (1)*** để lợi hung cách, hoá đàm trọc và hoà khí cơ. Kiêm chứng khái thấu liên tục, mửa ra đờm dính thì dùng ***Tào thị tuyên khí thang (2)*** để thông lợi khí cơ, quét đàm trọc. Kiêm chứng bụng đầy kém ăn, miệng dính buồn nôn, đầu choáng nặng nề, đại tiện mềm nhưng khó đi, tiểu tiện vẩn đục, rêu lưỡi trắng nhớt; chứng vùng ngực khó chịu có thể do mửa dầm mà nặng thêm, dùng ***Lộ thị gia giảm tam nhân thang (3)*** để tỉnh Tỳ hoá trọc thông lợi hung cách. Nếu kiêm khái thấu đờm vàng dính, nóng nảy dễ cáu giận, đầu choáng mạch Huyền, có thể dùng ***Tào thị thanh cung thang (4)*** để bình Can thanh Tâm, tả thuỷ hoả đàm, tuyên Phế lý khí. Ngực khó chịu có cảm giác như bị chèn ép, đoản hơi rũ rượi, thở dài, rêu trắng mỏng, không khát, chất lưỡi bệu, có thể dùng ***Sa thị thông trọc thang (5)*** để thông dương hoá trọc. Vùng ngực khó chịu hoặc đau vùng ngực, hồi hộp yếu sức, đau nhức khớp xương, có

thể dùng ***Ích khí hoạt huyết dưỡng Tâm thang (6)*** để ích khí hoạt huyết, trợ dương thông mạch.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tào thị tuyên hoà thang

Người cống hiến: Tào Dịch Dần, nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Sinh Tử uyển	4,5 gam	Bạch Hạnh nhân	12 gam
Chỉ xác	4,5 "	Uất kim	4,5 "
Can Xương bồ	4,5 "		

2. Tào thị tuyên khí thang

Người cống hiến: Tào Dịch Dần, nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Sinh Tử uyển	4,5 gam	Ngưu bàng tử	10 gam
Viễn trí nhục	4,5 "	Bạch Hạnh nhân	12 "
Chỉ xác	4,5 "	Thông thảo	3 "
Cát cánh	4,5 "	Tỳ bà diệp	12 "

3. Lộ thị gia giảm Tam nhân thang

Người cống hiến: Lộ Chí Chính, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hoắc hương ngạnh	Hậu phác hoa
Hạnh nhân	Bạch khấu nhân
Ý dĩ nhân	Thạch xương bồ
Chỉ xác	Phục linh
Bán hạ	Lục nhất tán

4. Tào thị thanh cung thạng

Người cống hiến: Tào Dịch Dần, nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Bán hạ	10 gam	Trúc lịch	10 gam
Qua lâu bì	12 "	Xuyên liên	1,5 "
Trúc nhự	10 "	Uất kim	4,5 "
Thạch quyết minh	15 "	Chỉ xác	4,5 "
Cúc hoa	6 "	Thiên ma (nướng)	2,5 "
Liên kiều tâm	10 "	Đại đăng tâm	1,5 "
Trúc quyển tâm	10 "		

5. Sa thị thông trọc thang

Người cống hiến: Sa Tinh Viên, Chủ nhiệm quân y Tổng y viện quân khu Nam Kinh

Quế chi	5 - 10 gam	Giới bạch đầu	10 - 20 gam
Qua lâu nhân	10 - 15 "	Chỉ thực	5 - 10 "
Bán hạ	5 - 10 "	Phục linh	10 - 15 "
Uất kim	5 - 10 "		

Gia giảm: Nhiều đờm gia Xương bồ 3 - 5 gam, Trần bì 5 - 10 gam. Ngực khó chịu nhiều gia Cát cánh 3 - 5 gam, Tử uyển 5 - 10 gam.

6. Ích khí hoạt huyết dưỡng Tâm thang

Người cống hiến: Tô Thụ Vinh, Y sư chủ nhiệm Phòng trung liệu khu Hoàng Bố thành phố Thượng Hải

Hoàng kỳ trích	60 gam	Tiểu mạch	30 gam
Mạch đông thanh	30 "	Đan sâm	30 "

Ích mẫu thảo	30 gam	Toàn Đương qui	9 gam
Xuyên khung	9 "	Đào nhân	9 "
Quế chi	6 "	Cam thảo trích	6 "

Gia giảm: Tâm không chứa thần xuất hiện chứng hồi hộp sợ sệt, dễ kinh, dễ sợ gia Long sỉ 30 gam, Từ thạch 30 gam, Hổ phách phấn 1,5 gam. Huyết mạch ứ nghẽn, có chứng vùng ngực khó chịu và đau, gia Ngũ linh chi 12 gam, Sơn tra 12 gam. Giáng hương 9 gam. Tâm Thận dương hư, phù nề rõ ràng, sắc mặt trắng bệch, gia Thục Phụ tử 6 gam, Vạn niên thanh căn 9 gam, Khương bì 3 gam, Xa tiền tử 30 gam. Tâm mạch tê nghẽn, Phế mất sự túc giáng xuất hiện khái thấu khạc ra huyết, bỏ Quế chi gia Hạn liên thảo 30 gam, Vi căn tươi 30 gam. Huyết không nuôi Tâm, xuất hiện choáng váng hồi hộp, sắc mặt kém tươi, gia Long nhãn nhục 9 gam, Đại táo 15 quả.

126. CHỨNG HỒI HỘP

Hồi hộp (Tâm quí) cũng gọi là tim đập nhanh (Tâm khiêu) chỉ tim vận động hồi hộp không yên.

Hồi hộp phiền táo, mất ngủ hay mê, môi và các móng tay chân nhợt là thuốc Tâm huyết bất túc, nhẹ thì dùng ***Tiết thị Tâm quí phương (1)*** để tư âm dưỡng huyết, yên Tâm thần, nặng thì dùng ***Hoàng thị tam tử dưỡng tâm thang (2)*** để tư âm dưỡng Tâm, an thần. Kiêm chứng khát nước thích uống, ngực khó chịu môi tím tái, đại tiện khô kết, họng lưỡi khô ráo là âm huyết bất túc, nếu kiêm chứng Tâm huyết vận hành không thư sướng, phép trị nên tư âm dưỡng huyết, thêm chút ít hành huyết, dùng ***Chương thị ngũ sâm dưỡng Tâm thang (3)***. Kiêm chứng ưu uất không yên, choáng váng, thần hồn thất thủ là thuộc âm huyết bất túc, Tâm Can không điều, dùng ***Điều an thang (4)*** để nuôi Tâm thần, hòa Can giải uất.

Nếu kiêm chứng ngực khó chịu phiền nhiệt, vã mồ hôi, đó là khí âm ở Tâm đều hư, dùng ***Ninh Tâm ẩm (5)*** để ích khí dưỡng âm, yên Tâm điều thần. Kiêm chứng miệng khô họng ráo, chất lưỡi đỏ nhiều, thuộc khí âm của Tâm bất túc có kiêm nhiệt tà, nhẹ thì dùng ***Chỉnh mạch ẩm (6)*** để trợ Tâm khí, nuôi Tâm âm, thanh tà nhiệt, điều chỉnh Tâm mạch, nặng thì dùng ***Trương thị cầm địa sinh mạch ẩm (7)*** để ích khí dưỡng âm, thanh nhiệt giải độc.

Nếu thấy phát nhiệt, hồi hộp, ngực khó chịu và đau, đại tiện khô, tiểu tiện vàng, mạch Tật Sác nhịp đập không đều, rêu lưỡi vàng nhớt, đầu lưỡi đỏ là Tâm âm bất túc, tà nhiệt phạm Tâm, hoả độc quá mạnh, nên chữa theo phép thanh nhiệt tả hoả giải độc kèm theo bổ dưỡng Tâm âm, dùng ***Từ thị tà nhiệt phạm Tâm phương (8).***

Hồi hộp Tâm hoang, đoản hơi thiếu sức, miệng khô họng đau, Tâm phiền sợ lạnh tay chân lạnh, kém ăn đại tiện nhão, mệt mỏi mạch Kết Đại, là chính khí hư, dương khí yếu lại cảm nhiễm tà nhiệt, nên phù chính ôn dương, giải độc tán hàn, có thể dùng ***Lý thị Tâm phục khang (9).***

Hồi hộp sợ sệt, Tâm phiền mất ngủ, choáng đầu hoa mắt hoặc nhức đầu khô miệng, mắt đỏ phiền táo, mạch Huyền Tế Sác, lưỡi đỏ rêu vàng, là âm khuy Can vượng, tâm thần thất thủ, nghiêng về hoả vượng Can quá găng, điều trị nên dùng ***Đới thị giáng áp hợp tễ (10)*** để tư âm bình Can, thanh nhiệt an thần, nghiêng về dương quá găng thì dùng ***Từ thị âm hư Can vượng phương (11)*** để bình Can tiềm dương, trấn Tâm an thần dưỡng âm ninh Tâm.

Thể trạng hơi mập, hồi hộp kiêm cả choáng váng buồn nôn, ngực khó chịu mất ngủ, đó là đờm thấp thuỷ ẩm xâm lấn Tâm gây nên, cho uống ***Thấm thấp trục ẩm thang (12)*** để thấm thấp trục ẩm.

Hồi hộp, ngực khó chịu, đoản hơi không đủ để thở, mạch Nhược hoặc Kết Đại, phần nhiều thuộc tông khí bất túc, Tâm

dương không mạnh, có thể dùng ***Lưu thị trấn Tâm phương (13)*** để thăng bổ tông khí, phấn chấn Tâm dương. Nếu có chứng đầu các ngón tay chân không ấm thì dùng ***Trần thị thông dương ích khí thang (14)*** để làm ấm áp Tâm dương, ích khí bổ hư. Nếu kiêm chứng tay chân quyết lạnh, sắc mặt không tươi, đầu mắt choáng váng hoặc đã có bệnh sử Vậng quyết, miệng không khô, mạch Trầm Tế Hoãn là Tâm Thận dương hư, điều trị nên làm ấm áp dương khí ở Tâm Thận, dùng ***Từ thị Tâm Thận dương hư phương (15).***

Tâm Thận dương hư lại kiêm chứng chất lưỡi tía tối, thuộc Tâm Thận dương hư kiêm cả huyết đi bị ứ nghẽn, nên dùng ***Ôn dương ích khí phục mạch thang (16)*** để giúp dương khí của Tâm Thận và thông huyết trệ ở Tâm mạch.

Hồi hộp phù thũng, tiểu tiện ít, tay chân lạnh, kém ăn đại tiện lỏng, có thể dùng ***Tâm lực suy kiệt phương (17)*** để ôn dương hành thuỷ, kiện Tỳ. Chân tay lạnh, hồi hộp, thuỷ thũng khá nặng mà suyễn, có thể dùng ***Triệu thị tâm lực suy kiệt phương (18)*** để ôn bổ Tâm dương, lợi thuỷ tuyên Phế.

Nếu hồi hộp đoản hơi, suyễn khái khá nặng không nằm ngửa được, ngực sườn và bụng trướng đầy, ăn không thấy ngon, tiểu tiện ít, phù thũng, là Tâm khí hư suy, huyết mạch ứ nghẽn, thuỷ ẩm đình tụ, Phế khí úng tắc, có thể dùng ***Tâm suy hợp tễ (19)*** để tả Phế lợi thuỷ, dưỡng Tâm ích khí, hoạt huyết thông mạch.

1. Tiết thị tâm quý phương

Người cống hiến: Tiết Phương, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Sinh Địa hoàng	12 gam	Mẫu đơn bì	12 gam
Long nhãn nhục	12 "	Ngọc trúc	12 "
Liên tử nhục	12 "	Tri mẫu	9 "
Tảo nhân	9 "	Hoàng bá	6 "
Hoàng liên	6 "	Dạ giao đằng	15 "
Chân châu mẫu	15 "		

Gia giảm: Mất ngủ hay mê, gia Chu sa an thần hoàn 1 viên. Đắng miệng rêu lưỡi vàng, gia Long đởm thảo 12 gam. Cao huyết áp choáng váng gia Huyền sâm 12 gam, Câu đằng 12 gam, Địa long 12 gam. Ngũ Tâm phiền nhiệt, mặt đỏ, mồ hôi trộm, gia Địa cốt bì 12 gam. Kinh nguyệt không điều gia Ích mẫu thảo 18 gam. Chất lưỡi có vết răng, có nốt ứ huyết, vùng ngực đau âm ỉ, gia Đan sâm 15 gam.

2. Tam tử dưỡng Tâm thang

Người cống hiến: Hoàng Thọ Nhân, nhà Trung y nổi tiếng Y viện Trung Tây y kết hợp thành phố Vũ Hán

Nữ trinh tử	Sa uyển tử
Tảo nhân	Bá tử nhân
Sinh Địa hoàng	Hoàng liên
Cúc hoa	

3. Chương thị ngũ sâm dưỡng Tâm thang

Người cống hiến: Chương Chân Như, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Vũ Hán

Nam Sa sâm	Bắc Sa sâm
Huyền sâm	Đảng sâm
Khổ sâm	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	Tảo nhân
Bá tử nhân	

4. Điều an thang

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Lệ Loan, thành phố Quảng Châu

Nhân sâm 10 gam (hấp riêng, hoặc Đảng sâm 15 gam)

Mạch môn đông	12 gam	Hương phụ	12 gam
Toan tảo nhân	12 "	Tố hinh hoa	12 "
Ngũ vị tử	10 "	Chi tử	10 "
Dạ giao đằng	15 "	Thạch hộc	15 "

Long sỉ 30 gam (sắc trước, hoặc Long cốt 20 gam sắc trước)

Cách dùng: Sắc với 3 bát nước, cạn lấy 1 bát, uống nóng. Bã thuốc nấu thêm 1 bát rưỡi cạn lấy 1 bát, trước khi đi ngủ, uống nốt.

Gia giảm: Can uất hoá hoả quấy rối Tâm thần ở trên; lấy Chi tử, Kim thoa Thạch hộc làm quân; lấy Hương phụ, Tố hinh hoa làm thần; lấy Táo nhân, Dạ giao đằng làm tá, lấy Sinh mạch tán, Long sỉ làm sứ... nhằm thu được 5 hiệu quả: Thanh - Sơ - Nhu - Dưỡng và Trấn.

Nếu chứng thuộc Tâm huyết suy thiểu, Can khí uất kết, lấy Sinh mạch tán làm quân; Hương phụ, Tố hinh hoa làm thần; Tảo nhân, Long sỉ, Dạ giao đằng làm tá; Chi tử, Thạch hộc làm sứ nhằm thu 5 hiệu quả: Dưỡng - Sơ - Nhu - Trấn và Thanh.

Nếu thuộc Thận thuỷ bất túc, Tâm hoả vọng động, lấy Sinh mạch tán và Long sỉ làm quân; Chi tử, Thạch hộc làm thần; Táo nhân, Dạ giao đằng làm tá; Hương phụ, Tố hinh hoa làm sứ, nhằm thu 5 hiệu quả: Dưỡng - Tá - Trấn - Thanh - Nhu và Sơ.

Nếu do thuỷ không hàm mộc, Can dương găng ở trên, lấy Sinh mạch tán, Long sỉ làm quân. Chi tử, Thạch hộc làm tá; Táo nhân, Dạ giao đằng làm thần; Hương phụ, Tố hinh hoa làm sứ, nhằm thu 5 hiệu quả: Dưỡng - Trấn - Nhu - Thanh và Sơ.

Đau đầu choáng váng (Cao huyết áp) bỏ Chi tử, Thạch hộc, gia Thạch quyết minh 30 gam (sắc trước), Thiên ma 12 gam, (sắc trước). Đau vùng ngực, thở ngột ngạt (bệnh van tim) bỏ Chi tử, Thạch hộc gia Sa nhân 10 gam, bột Điền thất 5 gam hoà vào thuốc uống. Đại tiện bí kết, bỏ Long cốt gia Hoả ma nhân 12 gam. Chóng mặt hồi hộp (sơ cứng động mạch não, tăng cholesterol trong máu, van tim thiếu máu) bỏ Chi tử, Thạch hộc, gia Đan sâm 15 gam, Hà thủ ô 20 gam, Sơn tra 12 gam.

5. Ninh Tâm ẩm

Người cống hiến: Chu Tích Kỳ, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Thái tử sâm	15 - 30 gam	Mạch môn đông	15 gam
Ngũ vị tử	6 "	Phù Tiểu mạch	30 "

Cam thảo	6 gam	Đan sâm	15 gam
Bách hợp	15 "	Long cốt	30 "
Mẫu lệ	30 "	Từ thạch	30 "
Đại táo	7 quả		

Gia giảm: Hồi hộp nặng gia Sinh thiết lạc 30 gam, Thiên vương bổ Tâm đan 12 gam (nuốt). Hay mê Tâm phiền gia Cảnh thiên tam thất 30 gam, Bá tử nhân 12 gam, Liên tử tâm 6 gam, Miệng khô ít tân dịch, rêu lưỡi ít hoặc không có rêu gia Thạch hộc 15 gam, Thiên hoa phấn 15 - 30 gam. Táo bón gia Sinh Địa hoàng 3 - 4,5 gam. Đau họng gia Huyền sâm 15 gam.

6. Chỉnh mạch ẩm

Người cống hiến: Chu Tích Kỳ, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	15 gam	Mạch môn đông	15 gam
Đan sâm	15 "	Đại thanh diệp	15 "
Hoàng kỳ	15 "	Trà thụ	15 "
Quế chi	6 - 12 "	Cam thảo	6 "
Khổ sâm	12 "		

Gia giảm: Đau họng rõ rệt, bệnh độc bội nhiễm khá nặng, gia Bồ công anh 15 gam, Tử hoa địa đinh thảo 15 gam. Loét xoang miệng gia Dã Tường vi căn 25 - 30 gam. Nếu chứng trạng âm hư không rõ ràng mà chứng trạng khí hư xuất hiện đột ngột, có thể bỏ Đại thanh diệp, gia Đảng sâm 12 gam, liều lượng Quế chi cũng có thể linh hoạt tăng thêm.

7. Trương thị cầm địa sinh mạch ẩm

Người cống hiến: Trương Hạo Lương, Phó giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hoàng cầm	10 gam	Sinh Địa hoàng	20 - 30 gam
Kim ngân hoa	20 "	Nhân sâm	3 "
Mạch môn đông	10 "	Ngũ vị tử	6 "
Bản lam căn	12 "		

8. Từ thị tà nhiệt phạm Tâm phương

Người cống hiến: Từ Thừa Thu, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Kim ngân hoa	12 gam	Liên kiều	12 gam
Chi tử	10 "	Hoàng cầm	10 "
Mạch môn đông	12 "	Tri mẫu	12 "
Thạch cao	20 "	Huyền sâm	12 "
Táo nhân sao	12 "	Bồ công anh	12 "
Cam thảo	10 "		

9. Lý thị Tâm phục khang

Người cống hiến: Lý Ngọc Quang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Chế Phụ tử	5 gam	Hoàng kỳ	20 gam
Đương quy	10 "	Mộc hương	5 "
Uất kim	10 "	Quế viên nhục	15 "
Can khương	5 "	Cam thảo	5 "
Kim ngân hoa	15 "	Hoàng cầm	10 "

10. Đới thị giáng áp hợp tễ

Người cống hiến: Đới Quế Mãn, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Huyền sâm	15 gam		
Câu đằng	15 gam (bỏ vào sau)		
Hạ khô thảo	15 gam	Địa long	9 gam
Dạ giao đằng	15 "	Táo nhân (sao)	9 "

Cách dùng: Sắc với 300 ml nước cạn lấy 150 ml chia 3 lần uống trong ngày. Mỗi tuần uống 3 - 5 thang, uống 1 tháng là một đợt điều trị.

11. Từ thị âm hư Can vượng phương

Người cống hiến: Từ Thừa Thu, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Long cốt	15 gam	Mạch môn đông	10 gam
Sinh Mẫu lệ	15 "	Ngũ vị tử	10 "
Phục thần	12 "	Viễn trí	10 "
Xương bồ	120 "	Bá tử nhân	10 "
Từ thạch	30 "	Hổ phách phấn	3 "
Sa sâm	12 "	Chân châu mẫu	15 "
Táo nhân (sao)	15 "		

12. Thấm thấp trục ẩm thang

Người cống hiến: Tần Hậu Sinh, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Bán hạ	10 gam	Phong hoá tiêu	10 gam
Phục linh	31 "	Hoa Tân lang	10 "
Trư linh	31 "	Úc lý nhân	16 "

13. Lưu thị trấn tâm phương

Người cống hiến: Lưu Á Nhàn, Phó giáo sư Y học viện Hà Bắc

Tri mẫu	10 gam	Sinh Hoàng kỳ	30 - 90 gam
Thăng ma	6 "	Quế chi	10 - 15 "
Cát cánh	6 "	Bá tử nhân	10 - 15 "
Sài hồ	6 "	Cam thảo trích	10 - 15 "
Sinh Long cốt	15 "	Sinh Mẫu lệ	15 "

14. Trần thị thông dương ích khí thang

Người cống hiến: Trần Thụy Xuân, Phó giáo sư Trung y học viện Giang Tây

Quế chi	10 gam	Cam thảo (trích)	10 gam
Sinh Hoàng kỳ	20 "	Tây Đảng sâm	15 "

Gia giảm: Đờm nghẽn ngực khó chịu, gia Qua lâu xác, Pháp bán hạ, Giới bạch. Sợ lạnh nằm co, hụt hơi, gia Chế Phụ phiến, trọng dụng Sinh Hoàng kỳ 30 - 50 gam. Đau vùng trước tim gia Uất kim, Xuyên khung, Đan sâm hoặc lấy Kim linh tử tán (Huyền hồ, Xuyên luyện tử liều lượng bằng nhau, mỗi lần uống 5 - 10 gam, ngày uống 1 - 3 lần). Mạch đập đứt quãng hoặc nhịp không đều gia Sinh Long cốt, Sinh Mẫu lệ, Đại giả thạch. Mất ngủ hồi hộp, phối hợp với Cam mạch đại táo thang (dùng nhiều Phù Tiểu mạch từ 20 - 50 gam) lại thêm vào Toan táo nhân, Bá Tử nhân. Đờm nhiệt ngăn cách, rêu lưỡi vàng nhợt, phối hợp với Hoàng liên ôn Đởm thang.

15. Từ thị Tâm Thận dương hư phương

Người cống hiến: Từ Thừa Thu, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Cam thảo (trích)	12 gam	Đảng sâm	10 gam
Sinh Hoàng kỳ	10 "	Mạch môn đông	10 "
Quế chi	10 "	Phục linh	12 "
Bổ cốt chi	10 "	Kê huyết đằng	20 "
Đương qui	12 "	Bá tử nhân	10 "
Chế Phụ phiến	10 "	Táo nhân (sao)	12 "

16. Ôn dương ích khí phục mạch thang

Người cống hiến: Lý Giới Minh, Y sư chủ nhiệm Y viện Phụ Ngoại Viện y học khoa học Trung Quốc

Nhân sâm	15 gam	Hoàng kỳ	20 gam
Bắc Tế tân	6 - 15 "	Chế Phụ phiến	10 "
Ma hoàng (trích)	6 "	Mạch môn đông	12 "
Đan sâm	18 "	Ngũ vị tử	12 "
Quế chi	10 "	Cam thảo	10 "

Gia giảm: Có hiện tượng lẩy bẩy khi nhập phòng gia Chân châu mẫu, Bách hợp, Hổ phách, bỏ Phụ tử, Ma hoàng, giảm liều lượng Tế tân. Đau vùng tim gia Huyền hồ, Sinh Bồ hoàng, Đàn hương. Ngực bứt rứt gia Qua lâu, Giới bạch hoặc Xương bồ, Uất kim. Choáng váng gia Xương bồ, Từ thạch. Khí hư suyễn thở dùng Nhân sâm liều cao.

Chú ý: Liều dùng Tế tân hơi nhiều, tối đa dùng tới 30 gam. Qua theo dõi, nói chung uống thuốc được nửa giờ, có thể thấy

nhịp tim tăng mạnh, nhưng sau 4 giờ thì nhịp tim thấp dần. Uống liều cao Tế tân chỉ cần thích hợp, trừ một số ít người có hiện tượng mặt đỏ bừng, ngoài ra không có phản ứng gì xấu.

17. Tâm lực suy kiệt phương

Người cống hiến: Ngô Hàn Hương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Phục linh	15 - 30 gam	Đạm Phụ phiến	9 - 18 gam
Bạch truật	9 "	Bạch thược	9 "
Sinh khương	9 "	Đại táo	5 quả
Đình lịch tử	30 - 60 "		

(tim bên phải suy kiệt, dùng Chân vũ thang gia Nhân sâm 9 - 15 gam, Vạn niên thanh 30 gam).

18. Triệu thị Tâm lực suy kiệt phương

Người cống hiến: Triệu Quan Anh, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân sâm	Hoàng kỳ
Thục Phụ phiến	Bạch truật
Phục linh	Trần bì
Đình lịch tử	Tang bạch bì.

19. Tâm suy hợp tễ

Người cống hiến: Hứa Tâm Nhự, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Đình lịch tử	30 gam	Tang bạch bì	30 gam
Xa tiền tử	30 "	Trạch tả	15 "
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Thái tử sâm	30 "

Ngũ vị tử	10 gam	Mạch môn đông	15 gam
Tử Đan sâm	30 "	Toàn Đương qui	10 "

Cách dùng: Mỗi thang sắc lấy 200 ml nước đặc. Bệnh nặng mỗi ngày uống hai thang, chia làm 4 lần uống. Sau khi bệnh đã đỡ, đổi làm mỗi ngày uống một thang, chia 2 lần uống. Sau khi bệnh đã khỏi vẫn có thể uống tiếp tục để củng cố hiệu quả.

127. VỊ QUẢN THỐNG

Vị quản thống gọi gọn là Vị thống, chỉ loại bệnh đau ở mỏm ức gần bụng trên, là một bệnh thường gặp trong lâm sàng. Nguyên nhân bệnh phức tạp, hư, thực, hàn, nhiệt đều có thể gây nên bệnh này.

Vị quản trướng đau lan toả tới hai bên sườn, mạch Huyền, hoặc buồn nôn ứa nước chua, mỗi khi tình chí bị kích thích bệnh phát nặng hơn, phép chữa nên sơ Can lý khí, hoà Vị giảm đau, cho uống ***Sài Quế thang (1)***. Trướng đau nặng, dùng ***Sơ Can hoà Vị ẩm (2)*** để lý khí hoà vị sơ Can chỉ thống.

Kiêm chứng táo bón trướng đau, cơn đau giờ giấc không nhất định, cho uống ***Bộ thị Vị thống phương (3)*** để lý khí hoà Vị thông phủ. Kiêm chứng đắng miệng, rêu lưỡi nhớt là Can uất hoá hoả, vị mất hoà giáng, thì dùng ***Bình vị sơ Can chỉ thống thang (4)*** để sơ Can thanh hỏa, hoà Vị giảm đau. Nếu kiêm chứng đắng miệng, ẩu nghịch khá nặng, dùng ***Trương thị Can khí phạm Vị phương (5)*** nhằm sơ Can thanh nhiệt, hoà trung giáng nghịch. Vị quản trướng đau, ăn vào đau tăng nhưng không có hiện tượng hàn rõ rệt, dùng ***Thanh nhuận dũ tổn thang (6)*** để thanh nhuận giải độc, trừ tổn chỉ thống.

Vị quản đau âm ỉ, sau khi ăn thì bụng trướng, đắng miệng hoặc khô miệng, không muốn uống nước, buồn nôn ứa nước chua, thuộc Can uất hoá hoả, Tỳ Vị đã hư, nên thanh tiết Can

nhiệt, hoà Vị mạnh trung tiêu, dùng ***Trương thị thanh hoà phương (7).***

Do khí trệ đường Lạc bị ngăn trở mà đau Vị quản, trướng trệ kém ăn, uống ***An Vị tiễn (8)*** để an Vị trừ đau, tán kết hoà trung.

Vị đau hoặc trướng mà kiêm chứng mửa ra huyết và phân đen, đắng miệng Tâm phiền và ứ nước chua, đó là Can Vị bất hoà, đường lạc bị ứ trệ, nên sơ Can nhu Can, tiết nhiệt hoà Vị, hoá ứ thông lạc, chỉ huyết và khống chế nước chua, dùng ***Cừu thị Vị thống thực chứng phương (9).***

Vị quản thống tái phát, đau dữ dội và cự án, chất lưỡi tối là thuộc khí trệ huyết ứ, dùng ***Kim phật chỉ thống hoàn (10)*** để hành khí hoạt huyết, nhu Can chỉ thống. Kiêm chứng đại tiện táo kết sắc đen, đầu choáng vô lực là thuộc ứ nghẽn kiêm khí hư phủ trệ, nên dùng ***Liêu thị chỉ thống phương (11)*** để hoá ứ dẹp cơn đau, kiêm bài trừ ứ tích ở ruột.

Vị thống do khí trệ huyết ứ có kiêm chứng nơi đau ưa chườm ấm là thuộc trong ứ có hàn tà ngưng trệ, có thể dùng ***Điền thất thống kinh giao nang (12)*** để hoạt huyết hoá ứ, ôn tán dẹp cơn đau.

Vị quản trướng đầy và đau, cự án, kém ăn, đại tiện lỏng, trong phân ra cả đồ ăn không tiêu, thuộc thực tích, dùng ***Tiêu tích tán (13)*** để tiêu tích hoà Vị, lý khí chỉ thống. Vị quản trướng đầy, ngực khó chịu thở gấp, vướng mắc ở vùng họng, nôn khan, buồn nôn, táo bón, thuộc Phế Vị khí uất, nên sơ lợi Phế Vị, khơi thông khí cơ dùng ***Khai Phế tuyên uất thang (14).***

Vị quản bĩ trướng đầy tức, đau kịch liệt, tiếp theo là nôn mửa ra những vật hăng chua hoặc tả lỵ ra loãng sắc vàng, chất bài tiết ra cặn bã không tiêu hoá, tinh thần mỏi mệt, thuộc những thứ trọc uế rối loạn ở trong, sự thăng giáng thất thường, nên dùng thuốc thơm tho để hoá trọc yên Vị, lý Tỳ hoà trung, dùng ***Trương thị hoà trung hoá trọc thang (15).***

Vùng Vị quản đau, cơn đau thường sau bữa ăn, nơi đau cự án, hoặc đau quá đến nỗi gây nôn mửa, hoặc lúc phát lúc ngừng kéo dài nhiều năm không khỏi, cho uống ***Trương thị an Vị phương (16)*** để an Vị hoà trung khỏi nôn mửa, kiện Tỳ ích khí điều hàn nhiệt.

Bụng trướng đau, thể trạng gầy còm, kém ăn mỏi mệt, hoặc nôn hoặc lỵ, ngực sườn khó chịu, chất lưỡi tối nhạt, rêu lưỡi trắng là Tỳ hư đường lạc ứ trệ, nên phù Tỳ lý khí và hoạt lạc, dùng ***Dưỡng Vị lý khí thang (17).***

Vị quản đau âm ỉ dai dẳng không dứt, kém ăn đại tiện loãng kiêm chứng trướng đầy sau khi ăn, vùng ngực khó chịu, rêu lưỡi trắng nhớt là thuộc Tỳ Vị khí hư, thấp ứ uất trệ, có thể dùng ***Kiện Tỳ hoà Vị thang(18)*** để kiện Tỳ hoà Vị, kiêm lý khí trừ thấp hoá ứ.

Nếu kiêm chứng đoản hơi yếu sức, tinh thần mỏi mệt, hồi hộp, thuộc khí huyết đều hư, dùng ***Bát trân ích Vị thang (19)*** để bổ khí dưỡng huyết, sinh cơ ích Vị, kiêm trừ thấp nhu Can tán ứ.

Vị thống mà cồn cào ứa nước chua, khi đói khó chịu càng tăng, ăn vào thì dễ chịu, nơi đau ưa ấm ưa xoa bóp, ợ hơi và trung tiện, đại tiện hoặc táo hoặc lỏng, chất lưỡi đỏ nhạt, rêu lưỡi trắng trơn, mạch

Trầm Tế hoặc Huyền là do trung khí hư, Vị khí không điều, dùng ***Kiện trung điều Vị thang (20)*** để ích khí mạnh trung tiêu, điều Vị giảm đau, liễm nhọt ức chế chất chua.

Kiêm chứng tay chân không ấm, đại tiện không thành khuôn hoặc lưỡi tối, có thể trên cơ sở ích khí mạnh trung tiêu, điều Vị ức chế chất chua kết hợp với phép ôn trung tán ứ, cho uống ***Lý Tỳ dũ dương thang (21).***

Vị đau hoặc trướng, ưa ấm ưa xoa bóp, gặp lạnh thì đau tăng, miệng nhạt không khô, chân tay không ấm, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Trì hoặc Hoãn là do trung dương không mạnh, sự thăng phát của Can yếu, cho uống ***Ích khí kiến trung thang (22)*** để ích khí kiến trung. Nếu kiêm chứng khô miệng mà không muốn uống, Vị trướng lan toả tới hai bên sườn và ốm lâu Can mắc bệnh là thuộc Trung hư khí hàn, đồ ăn đình trệ ở trong, nên ôn trung làm mạnh Vị, lý khí hoá ẩm, dùng ***Ôn trung lý khí phương (23).***

Trung khí hư hàn mà thấy chứng bụng trướng đầy, là do Trung tiêu hư yếu có cả khí trệ, có thể dùng ***Ôn dương kiện Vị thang (24),*** để ôn vận Tỳ dương, mạnh Vị hoà trung.

Vị quản trướng trệ và đau, mỏi mệt vô lực, chất lưỡi non bệu, rêu lưỡi trắng mỏng mạch Nhược, là Trung hư khí hãm, dùng ***Ích khí điều trung thang (25)*** để thăng phát làm mạnh trung khí kiêm lưu thông Trung tiêu. Nếu kiêm chứng đại tiện lỏng loãng, dùng ***Bổ vị tán (26)*** làm kiện vận Tỳ Vị, cũng có thể dùng ***Lý thị Vị bì phương (27)*** để thu sáp trung khí. Ngoài ra, có

thể phối hợp điều trị bằng châm thích, dùng ***Thăng đề cử hãm phương (28).***

Chứng nói trên nếu thấy cả mỏi lưng đùi yếu là thuộc Tỳ hư khí trệ khí hãm kiêm cả gân xương không mạnh, dùng ***Củng thị nghiệm phương (29)*** để làm mạnh gân xương, lý khí mạnh Tỳ.

Vị thống đã lâu, lúc nặng lúc nhẹ, tái phát luôn không khỏi, khi đau nặng thì nôn hoặc ứa nước trong, nước đắng, đại tiện hoặc táo hoặc lỏng, tính tình nóng nẩy, mạch Huyền Tế là do Can mất sự nhu nhuận, Vị bị khắc phạt, nên dưỡng Can dẹp nóng nẩy, hoà Vị giảm đau, dùng ***Nhu Can ẩm (30).***

Vị thống, Vị trướng, cồn cào nóng rát, miệng đắng mà khô, chất lưỡi đỏ nhạt, không có rêu lưỡi hoặc ít rêu, mạch Tế Nhuyễn, biểu hiện triệu chứng phế hư Can nhiệt, Vị âm bị tổn thương, có thể dùng ***Dưỡng âm kiến trung thang (31)*** để dưỡng âm kiến trung, giảm đau điều phế, nhu Can hoà Vị.

Nếu kiêm chứng đói mà không muốn ăn, đại tiện khô kết là âm hư khá nặng, nên dùng phép tư âm dưỡng Vị, cho uống ***Tư Vị ẩm (32).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Sài quế thang

Người cống hiến: Trần Canh Cát, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện số II thành phố Thái An, tỉnh Sơn Đông

Sài hồ	8 - 12 gam	Quế chi	6 - 9 gam
Bán hạ	9 - 12 "	Cam thảo	3 "
Bạch thược	15 - 60 "	Sinh khương	3 nhát

Gia giảm: Có chứng trạng Tỳ Vị hư hàn rõ rệt, gia Cao lương khương, Hương phụ, Thục Phụ tử, Vân Phục linh, Ổi khương để ôn trung tán hàn. Nếu kiêm nôn mửa kịch liệt không ăn được, gia Ngô thù du, Sinh khương chấp, Táo tâm thổ, cho uống từ từ. Đau lan toả tới bụng dưới, ưa ấm ưa xoa bóp gia Tiểu Hồi hương, Trầm hương, Thông bạch để cả rễ chừng 10 m làm thuốc dẫn. Thuộc khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Vân Phục linh, Trần bì, Sa nhân, Đại táo. Kiêm chứng sa dạ dầy, trọng dụng Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Trạch lan diệp, Chỉ xác. Can uất khí trệ gia Phật thủ, Thanh bì, Tân lang. Đau vùng ngực gia Toàn qua lâu, Giới bạch. Vị quản đau nhói cố định không di chuyển, hoặc thổ ra huyết, đại tiện phân đen, chất lưỡi tía tối, gia Hương phụ, Linh chi, Hoàng liên, Bồ hoàng thán. Đại tiện ra huyết nặng, hợp với Hoàng thổ thang gia Hán Tam thất. Vị quản đau nặng không dứt, trọng dụng Bạch thược, liều lượng dùng tới 60 gam, gia Bạch chỉ, Mộc hương. Kiêm chứng cồn cào ứa nước chua đắng miệng, rêu lưỡi vàng, gia thêm Tả kim hoàn, Ô tặc cốt. Thực trệ ợ hăng, Vị quản trướng đầy gia La bặc tử, Mạch nha sao, Chỉ xác. Thấp nhiệt uất trệ gia Xương truật Xuyên phác, Hoắc hương, Long đởm thảo. Thấp trọc tích chứa ở trong, gia Thảo quả, Bội lan, Khấu nhân, Xuyên phác v.v.. Vị âm bất túc, phương này bỏ Quế chi gia Sa sâm, Thạch hộc, Ngọc trúc, Kê nội kim, Đại đậu hoàng quyển .v.v..

2. Sơ can hoà vị ẩm

Người cống hiến: Đàm Nhật Cường, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Đương qui	10 gam	Bạch thược	15 gam
Sài hồ	10 "	Chỉ thực	6 "

Qua lâu	10 gam	Giới bạch	10 gam
Pháp Bán hạ	10 "	Trần bì	5 "
Cam thảo	3 "	Bồ công anh	15 "
Ngoã bạng nung	10 "		

3. Bộ thị Vị thống phương

Người cống hiến: Bộ Ngọc Như, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Phục linh (cả vỏ)	30 gam	Đông qua bì	30 gam
Bách hợp	30 "	Phù Tiểu mạch	30 "
Bán hạ	12 "	Trúc nhự	24 "
Sinh khương	10 "	Trần bì	10 "
Cam thảo (trích)	10 "	Chỉ xác (sao)	10 "
Thai ô dược	15 "	Đại táo	8 "

4. Bình vị sơ Can chỉ thống thang

Người cống hiến: Khâu Khâm Thành, Lão Trung y Viện phòng chống lao Phúc Châu

Bạch truật	9 gam	Hậu phác	9 gam
Chỉ xác	6 "	Sài hồ	6 "
Hương phụ	6 "	Bạch đàn hương	3 "
Bạch khấu nhục	6 "	Xuyên luyện tử	9 "
Huyền hồ	9 "	Phục linh	9 "
Cốc nha	15 "	Mạch nha	15 "
Cam thảo	3 "		

5. Trương thị Can khí phạm Vị phương

Người cống hiến: Trương Kính Nhân, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số I Thượng Hải

Bạch thược(sao)	9 gam	Cam thảo (trích)	9 gam
Tô ngạnh	5 "	Chế Hương phụ	9 "
Sinh Bạch truật	9 "	Bình địa mộc	15 "
Toàn phúc hoa	9 "	Đại giả thạch	15 "
Bát nguyệt trát	15 "	Hoàng cầm (sao)	5 "

6. Thanh nhuận dũ tổn thang

Người cống hiến: Triệu Thụ Đồng, Y sư phó chủ nhiệm
Viện y học khoa học tỉnh Hà Bắc

Cam thảo	10 gam	A giao	10 gam
Đương qui	12 "	Ngũ bội tử	12 "
Bồ công anh	25 "	Bạch phàn	3 "
Ngọc trúc	10 "	Bạch cập	6 "
Hài nhi trà	3 "		

Chú ý: A giao để hoà tan vào nước thuốc. Bạch phàn tán bột rồi mới hoà vào nước thuốc.

Gia giảm: Vị nhiệt gia Lậu lô, Bạch mao căn. Nhiệt nặng gia Hoàng liên. Tỳ vị khí hư gia Hoàng kỳ, Sơn dược, Kê nội kim. Nôn mửa gia Bán hạ, Trúc nhự, Sa nhân. Đại tiện ra lẫn huyết gia Mã bột.

7. Trương thị thanh hoà phương

Người cống hiến: Trương Bá Du, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Hài nhi sâm	9 gam	Bạch tật lê	9 gam

Đan sâm	12 gam	Đương qui	9 gam
Phục linh	9 "	Chế Hương phụ	9 "
Bạch thược (sao)	9 "	Phật thủ phiến	6 "
Kê nội kim	9 "	Mạch nha	12 "
Cốc nha	12 "		

8. An Vị tiễn

Người cống hiến: Viên Chính Cường, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Bồ công anh	30 gam	Sinh Bạch thược	10 gam
Sinh cam thảo	6 "	Từ trường khanh	12 "
Hồng hoa	8 "	Trần bì	8 "
Bối mẫu	12 "		

Gia giảm: Khô miệng, rêu lưỡi vàng, mạch Huyền hoạt gia Chế Đại hoàng 5 gam. Nhạt miệng, rêu lưỡi trắng hoặc trơn, mạch Bình hoặc Hoãn gia Cao lương khương 4 gam.

9. Cừu thị Vị thống thực chứng phương

Người cống hiến: Cừu Cát Sinh tiên sinh,
Trung y nổi tiếng thời cận đại

Chế Hương phụ	9 gam	Vị bì (sao)	9 gam
Cửu hương trùng	3 "	Huyền hồ (mật trích)	3 "
Giáng hương mạt	3 "	Tả kim hoàn	3 "
Cam tùng	4,5 "	Ngoã bạng tử	18 "
Trầm hương khúc	6 "	Cam giá chấp	1 chén
Khương chấp	10 giọt		

10. Kim phật chỉ thống hoàn

Người cống hiến: Lương Nãi Tân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Quảng Châu

Uất kim	Phật thủ
Bạch thược	Huyền hồ
Khương hoàng	Tam thất

Gia giảm: Khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật. Âm hư gia Sa sâm, Mạch môn đông, Thiên hoa phấn. Can Vị uất nhiệt gia Bồ công anh, Hoàng cầm, Sài hồ. Huyết ứ gia Đào nhân, Hồng hoa, Ngũ linh chi. Vị khí nghịch lên gia Bán hạ, Quất hồng, Trúc nhự. Trong Vị có tích trệ gia Hậu phác, Chỉ xác, Cốc mạch nha. Can uất dẫn đến sa sút tinh thần gia Hợp hoan bì, Tô ngạnh, Chân châu mẫu, Thạch xương bồ. Vị toan nhiều thiên về hàn gia Ô tặc cốt, thiên về nhiệt gia Chân châu phấn, Triết bối...

11. Liêu thị Vị thống phương.

Người cống hiến: Liêu Trọng Di, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thường Đức, tỉnh Hồ Nam

Đảng sâm	12 gam	Hậu phác	6 gam
Đại hoàng	5 "	Mộc hương	5 "
Hoả ma nhân	15 "	Đương qui	12 "
Hoắc hương	10 "	Tân lang	10 "
Chỉ thực	10 "	Đào nhân	6 "
Cam thảo	3 "		

12. Điền thất thống kinh giao nang

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Điền thất (bột)	Ngũ linh chi (sao dấm)
Bồ hoàng	Huyền hồ
Xuyên khung	Tiểu hồi hương
Quảng Mộc hương	Đại hải phiến

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi gam bỏ vào vừa đủ 3 viên bao nang, mỗi lần nuốt 3 - 6 viên, liên tục trong 3 tháng là một đợt điều trị.

12. Tiêu tích tán

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố An Dương, tỉnh Hà Nam

Thần khúc	6 gam	Cốc nha	6 gam
Mạch nha	6 "	Kê nội kim (sao cháy)	6 "
Lai bặc tử	6 "	Sơn tra (sao cháy)	9 "
Hương phụ	3 "	Trần bì	3 "
Hậu phác	6 "	Chỉ xác (sao)	3 "
Cam thảo	1,5 "		

Cách dùng: Tán bột thô sắc uống. Trên đây là liều lượng cho trẻ 3 tuổi.

14. Khai Phế tuyên uất thang

Người cống hiến: Trần Diệc Nhân, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Thu Cát cánh	6 gam	Tử uyển trích	12 gam
Xuyên Uất kim	9 "	Tỳ bà diệp trích	12 "

Cam thảo	3 gam

Gia giảm: Nếu Phế uất hoá hoả, dùng thêm các vị thuốc tả hoả khai uất như Chi tử, Đậu sị, Mẫu đan bì, Phế uất quấy rối thần trí, phối hợp với Viễn trí, Dạ giao đằng. Phế uất đờm nghẽn, gia Xương bồ, Trần bì, Quất lạc. Phế uất mà Trường Tý thì dùng thêm Qua lâu, Ma nhân hoặc dùng thêm Mang tiêu, Đại hoàng với liều lượng thích hợp theo ý tứ sử dụng Tiểu thừa khí. Phế uất âm huyết bất túc thì gia Bạch thược, Đương qui, Kê huyết đằng. Phế uất kiêm khí hư lại nên phối hợp các loại như Sâm Kỳ v.v..

15. Trương thị hoà trung hoá trọc thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Hoắc hương	10 gam	Hậu phác	10 gam
Bán hạ	10 "	Phục linh	15 "
Trần bì	10 "	Cam thảo trích	10 "
Hoàng liên	5 "	Ngô thù du	5 "
Xương truật	10 "	Bạch truật	10 "
Tử tô	10 "	Thần khúc	10 "
Sinh khương	3 nhát		

16. Trương thị an Vị phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Đảng sâm	15 gam	Ngô thù	5 gam
Bán hạ	10 "	Hoàng liên thán	5 "
Trần bì	10 "	Ô mai thán	10 "

Bạch thược	10 gam	Cam thảo trích	10 gam
Bạch linh	10 "	Hậu phác	10 "
Sinh khương	3 nhát		

Cách dùng: Hai ngày uống một thang, liên tục 10 thang là một đợt điều trị.

17. Dưỡng Vị lý khí thang.

Người cống hiến: Điền Ngọc Mỹ, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Đan sâm	15 gam	Sa sâm	15 gam
Bạch truật (sao)	12 "	Phục linh	12 "
Trần bì	10 "	Bán hạ	10 "
Hậu phác	12 "	Táo nhân (sao)	12 "
Sa nhân	3 "	Lộc giác sương	10 "
Sơn tra	12 "	Thần khúc	12 "
Huyền hồ	2 "		

Gia giảm: Bệnh dạ dày nấc nghẹn, ợ hơi khó chịu gia Giả thạch nung 30 gam, Trầm hương 3 - 6 gam. Đau lan toả tới liên sườn gia Bạch thược 15 gam. Uất kim 10 gam. Ứa nước chua bỏ Sa sâm gia Ngoã bạng tử nung 15 gam.

Cấm kỵ: Thức sống lạnh, dầu mỡ, cay nóng.

18. Kiện Tỳ hoà vị thang

Người cống hiến: Vương Tổ Hùng, Giáo sư Trung y học viện Quý Dương

Thái tử sâm	10 gam	Xương truật	9 gam
Bạch truật	9 "	Phục linh	15 "
Cam thảo (trích)	9 "	Bán hạ	9 "

Trần bì	9 gam	Mộc hương	6 gam
Sa nhân	6 "	Khấu nhân	6 "
Hậu phác	6 "	Hương duyên bì	9 "
Phật thủ phiến	9 "	Xuyên khung	6 "
Đan sâm	15 "		

Gia giảm: Lưỡi đỏ miệng khô, táo bón, bỏ Xương truật, gia Ngọc trúc, Thạch hộc, Sinh Bạch thược, Hoả ma nhân. Rêu lưỡi dày nhớt, miệng dính, đại tiện lỏng gia Hoắc hương, Bội lan, Ý dĩ nhân, Kha tử nướng. Có thực trệ ợ hơi, trướng bụng gia Thần khúc, Sơn tra, Mạch nha, Đại phúc bì.

19. Bát trân ích Vị thang

Người cống hiến: Vương Lạc Thiện, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Liêu Ninh

Đảng sâm	15 gam	Bạch truật (sao cháy)	15 gam
Phục linh	20 "	Cam thảo	15 "
Đương qui	15 "	Xuyên khung	15 "
Thục Địa hoàng	20 "	Bạch thược	15 "
Hoàng kỳ	50 "	Ý dĩ nhân	20 "

Gia giảm: Thổ huyết, tiện huyết, trọng dụng Bạch thược. Tuổi cao sức yếu, trọng dụng Đảng sâm. Nếu mửa nặng gia Trúc nhự. Vị quản đau nhiều gia Xuyên luyện, Huyền hồ.

20. Kiện trung điều Vị thang

Người cống hiến: Lý Thọ Sơn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Đại Liên

Đảng sâm	15 gam	Bạch truật	10 gam
Khương Bán hạ	6 "	Trần bì	6 "

Giáng hương	10 gam	Công Đinh hương	6 gam
Hải phiêu tiêu	15 "	Cam thảo trích	6 "

Gia giảm: Bệnh thiên về dương hư hàn thắng gia Cao lương khương, Tất trừng già. Kiêm khí uất không thư sướng, gia Phật thủ, Hương duyên bì. Kiêm đình ẩm gia Phục linh, Sinh khương. Kiêm Tỳ không thống huyết, bội lượng Đảng sâm, gia Bào khương, Tam thất phấn.

21. Lý tỳ dũ dương thang

Người cống hiến: Lý Chấn Hoa, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Đảng sâm	15 gam	Bạch truật	10 gam
Phục linh	15 "	Quế chi	6 "
Bạch thược	12 "	Sa nhân	8 "
Hậu phác	10 "	Cam tùng	10 "
Lưu ký nô	15 "	Huyền hồ	10 "
Ô tặc cốt	10 "	Cam thảo trích	6 "
Sinh khương	10 "	Đại táo	3 quả

Gia giảm: Loét và xuất huyết gia Bạch cập 10 gam, Điền thất phấn 3 gam, (chia hai lần hoà vào thuốc uống), Hắc địa du 12 gam. Dương khí hư gia Hoàng kỳ 15 - 30 gam, nặng hơn thì gia Phụ tử 10 - 15 gam. Ợ hơi liên tục gia Đinh hương 5 gam Thị đế 15 gam. Kém ăn trướng đầy gia Tiêu Sơn tra, Thần khúc, Mạch nha đều 12 gam.

22. Ích khí kiến trung thang

Người cống hiến: Điền Kỳ Uất, Giáo sư
Trung y học viện Giang Tây

Quế chi	10 gam	Bạch thược	10 gam
Cam thảo	3 "	Hoàng tinh	20 "
Hoàng kỳ	50 "	Thái tử sâm	30 "
Sơn dược	30 "	Đại táo	3 quả

23. Ôn trung lý khí phương

Người cống hiến: Hồ Hy Thú, Phó giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Đảng sâm	10 gam	Sinh khương	10 gam
Xương truật	10 "	Trần bì	30 "
Chỉ xác	10 "	Bán hạ	12 "
Phục linh	12 "		

Gia giảm: Mắt hoa đầu choáng gia Trạch tả. Hồi hộp sợ sệt gia Quế chi, Cam thảo. Đau sườn ngực khó chịu gia Sài hồ, Bạch thược. Tiểu tiện không lợi, gia Trư linh, Xa tiền tử. Chức năng Gan không bình thường gia Đan sâm, Nhân trần, Đương qui. Đại tiện lỏng rõ rệt gia Ngô thù du. Bụng trướng rõ rệt gia Đại phúc bì. Kém ăn gia Sa nhân. Rêu lưỡi trắng nhớt gia Trúc nhự.

24. Ôn dương kiện Vị thang

Người cống hiến: Trương Kế Trạch, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Nam Kinh

Lộ Đảng sâm	15 gam	Bạch truật sao	10 gam
Bạch thược	10 "	Chỉ xác sao	10 "

Trần bì	6 gam	Cao lương khương	5 gam
Bán hạ	10 "	Quế chi	3 "
Mộc hương	5 "	Cam thảo (trích)	3 "

Gia giảm: Ăn kém ngon, bỏ Đảng sâm gia Sơn tra (sao), Kê nội kim. Đại tiện lỏng, Mộc hương trong đơn thuốc đem nướng, gia Sa nhân. Ngủ không ngon, gia Táo nhân, Dạ giao đằng.

25. Ích khí điều trung thang

Người cống hiến: Chương Khánh Vân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Sao Đảng sâm	9 gam	Hoàng kỳ	9 gam
Đương qui	9 "	Uất kim	9 "
Thăng ma	9 "	Bạch thược	9 "
Bát nguyệt trát	9 "	Hậu phác hoa	2,4 "
Sa nhân	3 "	Trầm hương	1,2 "
Cam thảo trích	9 "	Câu đằng	9 "
Từ thạch	30 "	Ninh chí đan	9 "
Hương phụ	9 "		

26. Bổ Vị tán

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Ruột lợn tươi 1 cái

Bạch truật phiến 250 gam (tẩm nước cho mềm)

Cách dùng: Nhồi Bạch truật vào ruột lợn, buộc chặt hai đầu bỏ vào trong cái nồi đổ ngập nước (trong nồi nên rửa sạch ít mảnh sành xếp vào đáy nồi rồi mới bỏ ruột lợn vào để tránh

dính) đem nấu 1 ngày, sau đó lấy Bạch truật từ ruột lợn ra xấy khô, tán bột (ruột lợn có thể thái nhỏ sào ăn). Mỗi lần dùng 3 gam, ngày 3 lần, chiêu với nước cơm uống vào lúc đói. Sau khi uống hết liều thuốc có thể uống thêm tiếp tục 5 liều thuốc là một đợt điều trị. Bệnh nặng có thể dùng tới 3 đợt.

27. Lý thị Vị bì phương

Người cống hiến: Lý Khắc Thiệu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Vị bì 1 bộ

Cách dùng: Vị bì cắt thành mảnh nhỏ; lại lấy Bạch phàn bỏ vào chảo đun cho nóng chảy, khi Bạch phàn đang sôi, đổ Vị bì vào tẩm đều 1 lượt, đảo kỹ biến thành mầu vàng sẫm, đổ ngay vào cái rây bằng đồng lắc đều cho lọt hết Bạch phàn, chỉ lấy Vị bì đem tán bột, mỗi lần uống 6 gam, chiêu với nước cơm vào lúc đói, ngày 3 lần, nói chung chỉ uống sau 1 tuần là hiệu quả.

28. Thăng đề cử hãm phương

Người cống hiến: Trịnh Khôi Sơn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Huyệt vị: Trung quản, Lương môn (hai bên) Túc Tam lý.

Thao tác: Dùng hào châm số 28 dài 1,5 thốn, châm Trung quản mũi kim hướng phía Hạ quản. Châm Lương môn mũi kim hướng chếch thấu Quan môn, Túc Tam lý dùng phép Bổ, lưu kim 10 - 20 phút

Huyệt vị: Trung quản, Thiên khu, Khí hải, Túc Tam lý

Thao tác: Dùng hào châm số 28 dài 1,5 thốn, châm Thiên khô chếch thấu Ngoại lăng. Khí hải châm hướng dưới thấu Quan nguyên, lưu kim 10 - 20 phút.

29. Củng thị nghiệm phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Chế Mã tiền tử	60 gam	Chỉ thực	180 gam
Bạch truật	360 "		

Cách dùng: Ba vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam, sau bữa ăn sáng, tối mỗi lần uống 1 viên chiêu với nước chín.

30. Nhu Can ẩm

Người cống hiến: Đào Quân Nhân tiên sinh,
Danh y nổi tiếng thời cận đại ở Giang Tô

Sinh Bạch thược	12 gam	Cam thảo	5 gam
Sinh Mạch nha	15 "	Sinh Mộc qua	6 "
Nhân trần	12 "	Liên kiều	12 "
Bạc hà ngạnh	6 " (bỏ sau)		

Gia giảm: Kiêm chứng doanh huyết hư, gia Quy thân, Sinh du nhục. Nôn oẹ nhiều gia Khương Bán hạ, Sinh Đại giả.

31. Dưỡng âm kiến trung thang

Người cống hiến: Diên Kỳ Uất, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Bắc Sa sâm	30 gam	Tang ký sinh	20 gam
Ngọc trúc	20 "	Thanh đại	10 "

Hoài sơn	30 gam	Bạch thược	10 gam
Thạch hộc	30 "	Sơn tra (sao cháy)	30 "
Triết Bối mẫu	10 "		

32. Tư Vị ẩm

Người cống hiến: Chu Trọng Anh, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Ô mai nhục	6 gam	Bạch thược (sao)	10 gam
Cam thảo trích	3 "	Bắc Sa sâm	10 "
Đại Mạch đông	10 "	Thạch hộc	10 "
Đan sâm	10 "	Kê nội kim (trích)	5 "
Sinh Mạch nha	10 "	Mai khôi hoa	3 "

128. CHÁN ĂN

Chán ăn có ý nói ăn không thấy ngon, không thiết ăn uống

Chán ăn mà ợ hăng nuốt chua, bụng trướng sôi bụng, lòng bàn tay, chân nóng, đỉnh đầu nhiều mồ hôi, đêm ngủ không yên, đại tiện khô kết hoặc nhão khó đi, rêu lưỡi trắng dày nhớt... đó là thực trệ ợ Vị quản, cho uống ***Tiêu thực tán (1)*** để hành khí tiêu tích, đạo trệ hoà Vị.

Đắng miệng mà chán ăn, bụng trướng ợ hơi, buồn nôn, đại tiện khó đi, rêu lưỡi dày nhớt sắc vàng hoặc tinh thần mỏi mệt yếu sức là do hàn nhiệt lẫn lộn, trung tiêu hư yếu không điều hoà, điều trị theo phép hoà trung hành khí giảm đau, mạnh Tỳ ích Vị thông Lạc, có thể dùng ***Dư thị an trung hoà Vị thang (2).***

Chán ăn mà gầy còm, dễ bị cảm mạo, mỏi mệt yếu sức, dễ ra mồ hôi, lưỡi nhạt mạch Nhược là thuộc khí hư Tỳ yếu, có thể dùng ***Dự phong tán (3)*** để ích khí mạnh Tỳ kiêm sơ phong thanh nhiệt.

Can bệnh liên luỵ đến Tỳ kéo dài không khỏi có chứng chán ăn, sợ dầu mỡ, bụng trướng sườn đau, mỏi mệt mắt vàng hoặc hạ sườn có khối rắn, chất lưỡi tía tối là do thấp độc chưa hết, huyết lạc không lưu thông, khí âm đã thương tổn, dùng ***Chu thị ích Can tiễn (4)*** để thanh nhiệt lợi thấp giải độc, dưỡng âm ích khí và hoạt huyết.

Chứng này quan hệ chặt chẽ với bệnh biến của các tạng Can Đởm Tỳ Vị, có thể tham khảo các loại chứng bệnh "Đau sườn", "Bì phu phát hoàng", "Vị thống" và "Đại tiện lỏng" .v.v.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tiêu thực tán

Người cống hiến: Trương Giới An, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Vũ Hán

Hậu phác	200 gam	Kê nội kim	60 gam
Trần bì	60 "	Thần khúc	100 "
Tân lang	100 "	Cốc nha	100 "
Mạch nha	100 "	Phục linh	100 "

Cách dùng: Các vị thuốc bào chế thường quy, tán bột, chiêu với nước chín. Trẻ em dưới 1 tuổi mỗi lần uống 5 gam. Từ 1 - 3 tuổi, mỗi lần 10 gam. 4 - 7 tuổi mỗi lần 15 gam. 7 tuổi trở lên mỗi lần uống 20 gam, ngày 2 - 3 lần. Cũng có thể đun các vị trên dùng liều lượng hợp lý chuyển dạng thuốc sắc, mỗi ngày uống 1 thang.

Gia giảm: Kiêm phong hàn khái thấu, gia Tô diệp, Khương Bán hạ. Kiêm phong nhiệt gia Kim ngân hoa, Liên kiều. Kiêm thử thấp gia Hoắc hương, Bội lan. Kiêm phát nhiệt gia Địa cốt bì. Miệng khô nhiều gia Thạch hộc. Hôi miệng gia Sinh Thạch cao.

2. Dư thị an trung hoà Vị thang

Người cống hiến: Dư Kim Kiệt, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện khu vực Hàn Ninh, tỉnh Hồ Bắc

Bắc điều sâm	20 gam	Vân phục linh	1,5 gam
Bạch thược	12 "	Sa nhân	4 "
Pháp Bán hạ	9 "	Ngô thù du	6 "
Chế Hương phụ	12 "		

3. Dự phong tán

Người cống hiến: Đới Quế Mãn, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Hoàng kỳ	30 gam	Bạch truật	10 gam
Phòng phong	10 "	Thiền thuế	3 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần uống 3 - 6 gam, ngày 2 - 3 lần.

4. Chu thị ích Can tiền

Người cống hiến: Chu Tín Hữu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Hổ trượng	20 gam	Nhân trần	30 gam
Bản lam căn	15 "	Tang thầm tử	20 "
Nữ trinh tử	15 "	Ngũ vị tử	20 "
Hoàng kỳ	20 "	Đan sâm	30 "
Trần bì	9 "		

129. KÉM ĂN

Không muốn ăn uống hoặc đói mà không ăn hoặc ăn rất ít, gọi là kém ăn, có thể gặp ở nhiều loại bệnh biến của Tỳ Vị, và thường gặp ở trẻ em. Ốm lâu, sau khi mắc bệnh nặng mà không thiết ắt uống, ăn vào thì đầy bụng khó chịu, tinh thần mỏi mệt, mạch Nhược, là do Tỳ Vị hư yếu, sự vận hoá kém, phép chữa nên nâng đỡ Trung tiêu để thúc đẩy vận chuyển. Nếu nghiêng về trung hư, cho uống ***Sài thị kiện Tỳ trợ tiêu thang (1)*** để kiện Tỳ ích khí, hoà Vị kích thích tiêu hoá. Nếu thiên về vận hoá bất túc thì dùng ***Kiện vận mạch cốc nha thang (2)*** để vận Tỳ hoà Vị, phục nguyên ích khí.

Có các chứng nói trên lại thêm nôn mửa ợ hơi, có thể uống ***Cổ võ Vị khí phương (3)*** để hoà Vị giáng nghịch, lý khí kiện Tỳ.

Trẻ em ăn uống kém, gầy còm, có thể dùng ***Khang phục phì nhi tán (4)*** để làm mạnh Tỳ tiêu tích, thúc đẩy ăn uống. Kiêm chứng sắc mặt vàng bủng, trằn trọc trướng bụng, đêm ngủ không yên, tiểu tiện vàng đỏ, cho uống cho ***Chu thị kiện Tỳ tiêu thực tán (5)*** để kiện Tỳ tiêu tích, công bổ cùng dùng.

Không thiết ăn uống, bụng đầy ợ hơi, miệng đắng mà nhớt, đại tiện khó đi vùng bụng và rốn đau từng cơn, là vận chuyển ở Trung tiêu không bình thường các loại Trùng - Nhiệt - Thực - Thấp uất kết gây bệnh, có thể dùng ***Trương thị bất dục thực phương (6)*** để vận Tỳ khai uất, hoà Vị khư tà (trùng, nhiệt, khí, thấp, thực).

Ăn uống kém, mệt mỏi tinh thần bạc nhược hoặc miệng đắng và nhớt, đại tiện khó đi, tiểu tiện vàng, hoặc vùng bụng trướng đầy, vô luận là có sốt hay không, khí cơ đang rối loạn, có thể dùng ***Ngụy thị thanh địa củng cơ thang phương (7)*** để thanh lý Can Tỳ, sơ thông khí cơ, trừ tà củng cố từ gốc.

Bị bệnh Can lâu ngày, ăn uống kém, gày còm da sạm, đau sườn hoặc hạ sườn có khối, dùng ***Vương thị Can xuân noãn (8)*** để hoạt huyết hoá ứ, thu gọn Can, Tỳ, bảo vệ tạng Can, thúc đẩy ăn uống.

Bệnh này về nguyên nhân, phép chữa và dùng thuốc gần giống với loại "Chán ăn", nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sài thị kiện Tỳ trợ tiêu thang

Người cống hiến: Sài Hạo Nhiên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Vận Thành, tỉnh Sơn Tây

Sơn dược (sao)	30 gam	Đảng sâm	15 gam
Hà diệp	12 "	Kê nội kim (bột sao)	6 "
Cốc nha (sao)	15 "	Cam thảo	9 "

Gia giảm: Kiên Vị âm hư, gia Ngọc trúc, Thạch hộc, Biển đậu. Vị quản bĩ đầy, phối hợp với Chỉ truật hoàn. Tỳ Vị hư yếu nhưng không có hiện tượng âm tân bất túc, gia chút ít Sa nhân để kích thích Tỳ Vị.

2. Kiện vận mạch cốc nha thang

Người cống hiến: Triệu Phần, Giáo sư
Trung y học viện Phúc Kiến

Mạch nha	30 gam	Cốc nha	30 gam
Kê nội kim	15 "	Sơn dược	15 "
Đảng sâm	15 "	Cam thảo	5 "

Cách dùng: Đổ nước ngập quá thuốc 3 mm, ngâm và rửa 1 giờ, sau đun đến lúc sôi chừng 5 phút là được, không nên đun lâu.

Gia giảm: Thương phong cảm mạo thì phối hợp với Hương tô ẩm. Thương phong khái thấu thì phối hợp với Tam ao thang. Trung quản trướng đầy, đại tiện lỏng loãng, phối hợp với Bình vị tán.

3. Cổ võ Vị khí phương

Người cống hiến: Châu Vân Tường, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Truật mễ sao	15 gam	Sinh Cốc nha	9 gam
Sinh Mạch nha	9 "	Liên tử tươi	15 "
Phật thủ phiến	3 "	Trần bì (sao)	3 "
Hồng táo	7 quả		

4. Khang phục phì nhi tán

Người cống hiến: Triệu Kim Đạc, Y sư chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hoài sơn (sao) 7 phần
Kê nội kim (sao) 3 phần

Cách dùng: Tán bột. Khi dùng hoà vào nước cháo, thêm chút ít đường cho ăn, mỗi lần dùng 3 gam, ngày 2 lần sáng và tối.

5. Chu thị kiện Tỳ tiêu thực tán

Người cống hiến: Chu Thiên Tâm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y Học hiệu tỉnh Cam Túc

Hồng sâm	10 gam	Bạch truật (thổ sao)	10 gam
Phục linh	10 "	Trần bì	6 "
Biển đậu (sao)	15 "	Sơn dược (sao)	15 "
Mộc hương	3 "	Cốc nha (sao)	15 "
Thần khúc (sao)	10 "	Cam thảo	6 "
Nhân trần	15 "	Hồ Hoàng liên	10 "

Cách dùng: Xấy khô, tán bột, mỗi lần uống 3 - 6 gam ngày hai lần, hoặc nấu cháo kê luyện bột thuốc làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 5 - 10 viên, chiêu với nước sôi.

6. Trương thị bất dục thực phương

Người cống hiến: Trương Vinh Hiển, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Xương truật	10 gam	Bạch truật	10 gam
Trần bì	6 "	Phục linh	6 "
Hậu phác	3 "	Sơn tra	10 "
Mạch nha	10 "	Thần khúc	10 "
Cốc nha (sao)	10 "	Đạo nha (sao)	10 "
Kê kim nội sao	10 "	Liên kiều	10 "
Hoàng cầm	10 "	Liên nhục	10 "
Ý dĩ nhân	10 "	Sử quân tử nhân	5 "

7. Ngụy thị thanh địa củng cơ thang phương

Người cống hiến: Ngụy Phủ Hiền, Phó giáo sư Đại học y học viện Sán Đầu tỉnh Quảng Đông

Sài hồ	10 gam	Bạch thược	10 gam
Trần bì	5 "	Xương truật	10 "
Hậu phác	10 "	Sơn tra	10 "
Mạch nha	10 "	Thần khúc	10 "
Hồ liên	10 "	Thiền thuế	10 "
Thảo quyết minh	30 "	Quảng Mộc hương	5 "
Huyền sâm	10 "	Thục Phụ tử	10 "
Kê nội kim	10 "	Tân lang	30 "

Cách dùng: Căn cứ vào các triệu chứng đã nói ở phần đầu, trước hết dùng phương này từ 3 đến 6 thang, sau đó đối chiếu với chứng trạng mà điều trị. Thuốc trên, dùng gạo 2 phần, nước 3 bát, sắc lấy 9 phần, uống làm 1 lần vào sáng sớm lúc đói, bã thuốc lại đun lần nữa, trước khi đi ngủ uống vào lúc đói. Nếu dùng thuốc này thấy đại tiện hơi lỏng, không ngại. Trẻ em 8 tuổi giảm một nửa liều lượng.

Gia giảm: Cảm phong thì gia Quế chi 5 gam. Cảm hàn thì gia Ma hoàng 5 gam. Cảm thấp thì gia Khương hoạt 5 gam. Cảm thử gia Thạch cao 10 gam. Do ăn dưa quả sống lạnh mà bị bệnh thì gia Đinh hương từ 1 đến 3 gam.

8. Vương thị can xuân noãn

Người cống hiến: Vương Kỳ Phi, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hà Bắc

Ngưu hoàng	0,3 gam	Hùng đởm	0,3 gam
Hán Tam thất	0,5 "	Uất kim	0,5 "

Huyết kiến sầu	1 gam	Đan sâm	100 gam
Tam lăng	1 "	Nga truật	1 "
Hổ trượng	1 "		

Cách dùng: Trước hết đem Ngưu hoàng, Hùng đởm, Hán Tam thất tán thành bột, sau đó các vị khác sắc lấy nước đặc hai lần cô lại thành cao, sấy khô, tán bột, trộn lẫn với thuốc bột ở trên, mỗi lần dùng 10 gam, ngày 2 - 3 lần.

130. HAM ĂN MAU ĐÓI

Ham ăn mau đói là một chứng trạng ăn uống lượng nhiều hơn bình thường, hơn nữa còn có lúc cảm thấy đói, đây là một đặc trưng của bệnh Tiêu khát, thường đồng thời xuất hiện với các chứng uống nhiều đái nhiều và thể trạng gầy còm.

Ham ăn mau đói, khát nước uống nhiều, táo bón, lưỡi đỏ ít rêu là do Phế Vị quá nhiệt, tân dịch phần âm tổn thương, cho uống ***Lương cách cứu Phế ẩm (1)*** để thanh túc Phế nhiệt, tư dưỡng tân dịch và chỉ khát. Nếu khát nước, táo bón quá nặng, là Vị hoả thiên thịnh, cho uống ***Thanh Vị tư táo ẩm (2)*** để thanh tả Vị nhiệt, tư dịch nhuận táo.

Kiêm chứng khát nước đoản hơi mỏi mệt, da dẻ khô ráp là nhiệt thương tổn khí âm, dùng ***Ích khí dưỡng âm thang (3)*** để ích khí dưỡng âm thanh nhiệt. Nếu có chứng lưng đùi yếu ớt là thuộc khí âm đều tổn thương kiêm Thận hư, dùng ***Quan thị tiêu khát cơ bản phương (4)*** để bổ Thận ích khí sinh tân liễm âm.

Kiêm chứng mỏi lưng mà miệng khát càng nặng là khí âm đều tổn thương liên luỵ đến Phế Thận cho uống ***Dưỡng âm thanh nhiệt thang (5)*** nhằm ích khí dưỡng âm thanh nhiệt kiêm bổ Phế Thận.

Nếu nhiệt thương khí âm mà chứng hoả nhiệt không rõ ràng có thể dùng ***Ích khí sinh tân ẩm (6)*** để ích khí sinh tân, tư

nhuận Phế táo. Nếu chứng khí âm đều tổn thương lại thấy rêu lưỡi nhớt, mỏi lưng, hồi hộp thì dùng ***Thi thị đường niệu bệnh cơ bản phương (7)*** để tư bổ Thận âm ích khí hóa thấp, sinh tân chỉ khát.

Biện chứng luận trị chứng này, nên tham khảo các chứng "Cổ sưng to", "Khát nước".v.v.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lương cách cứu Phế ẩm

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Sinh Thạch cao	30 gam	Hoàng cầm	10 gam
Địa cốt bì	15 "	Tri mẫu	15 "
Thiên môn đông	20 "	Mạch môn đông	20 "
Thiên hoa phấn	20 "	Cánh mễ	20 "
Sinh Cam thảo	5 "		

2. Thanh Vị tư táo ẩm

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Chi tử	15 gam	Huyền sâm	15 gam
Hoàng cầm	10 "	Đại hoàng(sao rượu)	10 "
Sinh Thạch cao	30 "	Thiên môn đông	20 "
Mạch môn đông	20 "	Thiên hoa phấn	20 "
Cánh mễ	20 "	Cam thảo (trích)	5 "

3. Ích khí dưỡng âm thang

Người cống hiến: Cao Diệu Phong, Y sư chủ nhiệm Y viện tỉnh Hà Bắc

Nhân sâm	9 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Cát căn	30 "	Sơn thù	30 "
Sơn dược	30 "	Sinh Địa hoàng	30 "
Thạch hộc	30 "	Tri mẫu	20 "
Thiên hoa phấn	30 "		

4, Quan thị tiêu khát cơ bản phương

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Tiên linh tỳ	15 gam
Bạch thược	30 "	Sinh Cam thảo	10 "
Ô mai	10 "	Cát căn	10 "

Gia giảm: Phế, nhiệt thịnh, chọn dùng thêm các vị Thạch cao, Xuyên liên, Thạch hộc, Thiên hoa phấn, Ngọc trúc, Mạch môn đông, Sa sâm. Đêm tiểu tiện vặt nhiều lần, chọn dùng các vị Xuyên Tục đoạn, Phá cố chỉ, Ngũ vị tử, Khiếm thực v.v.. Khí huyết hư chọn dùng thêm Đảng sâm, Hoàng tinh, Đương qui, Sinh Địa hoàng, Thục Địa hoàng v.v..

5. Dưỡng âm thanh nhiệt thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Sinh Thạch cao	30 gam	Hoàng tinh	30 gam
Hoàng kỳ	30 "	Nhân sâm diệp	10 "

Tri mẫu	10 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Huyền sâm	10 "
Câu kỷ tử	10 "	Sơn dược	10 "

Gia giảm: Âm hư tân dịch ít, gia Hoàng tinh, Ngọc trúc, Thiên hoa phấn, Thiên môn đông để dưỡng âm sinh tân. Khát nước nhiều, trọng dụng Sinh Thạch cao, Tri mẫu, Thạch hộc. Kiêm chứng ứ huyết nghẽn trệ lạc mạch, thường dùng các vị Thiên tiên tử, Tử thảo căn, Xuyên khung, Đan sâm, Xích thược, Đào nhân, Hồng hoa v.v.. Nếu mụn nhọt đã thành mủ thì chủ yếu phải thanh nhiệt giải độc, dùng Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng cầm, Hoàng liên, Bạch hoa sà thiệt thảo, hoặc dùng các vị như Bồ công anh, Dã Cúc hoa... Ốm lâu, Thận dương cũng yếu, gia Tiên linh tỳ để giúp Thận dương, sợ dùng thuốc tư nhị hại Vị có thể gia Xương truật để tỉnh Tỳ mạnh Vị.

6. Ích khí sinh tân ẩm

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Đảng sâm	15 gam	Bắc Sa sâm	15 gam
Sinh Hoàng kỳ	30 "	Mạch môn đông	20 "
Thiên hoa phấn	20 "	Ngọc trúc	20 "
Sinh Địa hoàng	20 "	Ngũ vị tử	5 "
Cam thảo trích	8 "		

7. Thi thị đường niệu bệnh cơ bản phương

Người cống hiến: Thi Kim Mặc tiên sinh,
nhà Trung y nổi tiếng thời cận đại

Hoàng kỳ
Xương truật
Sinh Địa hoàng
Mạch môn đông
Ngũ vị tử
Sơn dược
Huyền sâm
Thục Địa hoàng
Đảng sâm

131. NÔN MỬA

Nôn mửa là một bệnh chứng thường gặp do Vị khí nghịch lên đa số cùng xuất hiện với chứng buồn nôn, có thể tham khảo chung trong lâm sàng.

Nhiễm mát lạnh bất ngờ, nôn mửa đột ngột, Tâm phiền, chân tay quyết lạnh, mặt môi trắng xanh là hàn tà phạm Vị, cho uống ***Vương thị hoắc loạn thang (1)*** để tán hàn, thông khiếu, chống nôn.

Nôn mửa từng cơn, bụng trướng ngực khó chịu, rêu lưỡi dày nhớt, là do khí trệ thấp úng tắc, có thể dùng ***Vương thị hành khí tán (2)*** để hành khí hoà Vị, chống nôn hoá thấp.

Nôn nghịch, sườn trướng đầy, mạch Huyền, cho uống ***Khương thị chỉ ẩu phương (3)*** để điều hoà Can Vị, giáng nghịch chống nôn

Nôn nghịch mà bụng bĩ đầy kém ăn, miệng đắng nhớt hoặc sợ lạnh phát sốt là Vị thấp khí uất, kiêm Can có uất nhiệt, có thể dùng ***Lý thị chỉ ẩu phương (4)*** để hoá thấp hoà Vị, tiêu trướng giáng nghịch kiêm thanh nhiệt do Can uất.

Chứng khí trệ thấp khốn kiêm thấy khát nước họng khô, lưỡi đỏ rêu vàng nhớt, tiểu tiện vàng là kiêm Vị âm bất túc, điều trị nên dưỡng Vị âm và hoá thấp trọc, dùng ***Trương thị dưỡng Vị lý khí thang (5).***

Buồn nôn, nôn mửa liên tục, bụng trướng đầy, tiểu tiện lượng ít hoặc không đi được, mặt mắt phù thũng, rêu lưỡi dầy nhớt là thấp trọc nghẽn ở trong, nghịch ở trên, bế ở dưới dùng ***Vương thị niệu độc chứng phương (6)*** đắp vào rốn để hoá thấp hoà Vị, hành khí tiêu trướng, lợi niệu thông dương.

Buồn nôn, nôn mửa, nuốt nước chua, ợ hăng, hôi miệng, khát nước, rêu lưỡi nhớt, ngực khó chịu là do nhiệt đàm phạm Vị, có thể dùng ***Ngũ thị tô liên trúc như ẩm (7)*** để thanh nhiệt hoá đàm, hòa Vị giáng nghịch. Nếu buồn nôn, nôn mửa kiêm cả Tâm phiền nhức đầu, vật vã không yên, mình nóng đầu choáng, mệt mỏi ngứa ngáy, lưỡi tía và có nốt ứ huyết, môi tía, mạch Huyền Hoạt, tiểu tiện ít mà sắc vàng là thuộc tà nhiệt vào huyết, huyết ứ nghẽn đường Lạc, dùng ***Trương thị Thận thập phương (8)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt hoá ứ.

Nôn mửa, hoặc sau khi ăn thì phiên Vị nôn mửa, hoặc bụng trướng Vị thống, sợ lạnh ợ hơi ưa uống nóng, là trong Vị hư hàn, uống ***Nhạc thị chỉ ẩu thang (9)*** để giáng nghịch chỉ ẩu, ôn Vị hoà trung. Nếu kiêm nôn mửa ra đờm dãi, rêu lưỡi nhớt là đờm nghẽn, bên trong có hàn, có thể dùng ***Tưởng thị trị thần kinh tính ẩu thổ phương (10)*** để trấn nghịch chỉ ẩu, tán hàn hoà trung, hóa đàm ích Vị. Kiêm chứng đau đầu, ngực đầy không ăn được thậm chí tinh thần lơ mơ không tỉnh táo, hoặc nhóm chứng trạng này xuất hiện trong quá trình bệnh phù thũng là thuộc Can hàn Vị hư trọc âm nghịch lên trên, có thể dùng ***Triệu thị giáng trọc phương (11)*** để ôn Can kiến trung, giáng trọc chống nôn.

Nếu kiêm chứng đầu các ngón tay chân không ấm, thậm chí quyết lạnh, mỏi mệt yếu sức, tinh thần li bì, ưa ấm sợ lạnh là bên trong có hàn khá nặng, dùng ***Ngụy thị ôn trung hồi dương chỉ ẩu phương (12)*** để ôn trung khư hàn, hồi dương chỉ ẩu.

Buồn nôn, nôn mửa đột ngột, Vị thống kịch liệt, đại tiện không thông chất lưỡi đỏ tối là nhiệt uất huyết trệ, dùng ***Vương thị Đại hoàng linh chi thang (13)*** để giáng nghịch thông phủ, hành ứ chỉ thống.

Có bệnh sử tổn thương vùng đầu, có chứng nôn mửa, ợ hơi, ngực khó chịu, lưỡi tía v.v.. là huyết trệ Can uất, Vị mất hoà giáng dùng ***Lục thị sài hồ tế tân thang (14)*** để thăng thanh giáng trọc, hoạt huyết sơ Can, hoà Vị chống nôn.

Nôn mửa đã lâu, kém ăn mệt mỏi, tinh thần uể oải yếu sức hoặc đại tiểu lỏng loãng mạch Nhược, lưỡi nhợt là Tỳ khí hư yếu, Vị mất hoà giáng lại kiêm cả chứng sau khi ăn trướng bụng ợ hơi hoặc sau khi phóng xạ chữa ung thư cho đến giai đoạn cuối, hoặc giai đoạn giữa mà xuất hiện chứng này, có thể dùng ***Vương thị nhị sâm xung tễ (15)*** để bổ khí kiện Tỳ, hoà Vị thúc đẩy vận hoá.

Nếu kiêm chứng ăn nuốt khó khăn, Vị thống đã lâu, vùng ngực sờ thấy khối rắn, đại tiện hoặc khô hoặc lỏng, chất lưỡi tía tối là bên trong khí hư câu kết với đàm độc, có thể dùng ***Ân thị trị tiêu hoá đạo nham phương (16)*** để kiện Tỳ ích khí, hoà Vị hóa đàm, giải độc tán kết.

1. Vương thị hoắc loạn thang

Người cống hiến: Vương Tâm Xuân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Hồn Giang tỉnh Cát Lâm

Khô phàn	50 gam	Hùng hoàng	25 gam
Hỏa tiêu	20 "	Nha tạo	25 "
Tế tân	20 "	Thạch xương bồ	25 "
Hắc Hồ tiêu	15 "	Băng phiến	3,5 "
Tất bát	15 "	Xương truật	2,5 "
Công Đinh hương	15 "	Xạ hương	1,5 "

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần dùng 2,5 - 5 gam, chiêu với nước gừng.

2. Vương thị hành khí tán

Người cống hiến: Vương Lập Nhân, Y sư chủ nhiệm Trung y dược nghiên cứu viện tỉnh Tứ Xuyên

Tiểu Hồi hương	30 gam	Trần bì	15 gam
Bạch khấu	15 "		

Cách dùng: Sau khi Tiểu hồi sao với muối, trộn cả ba vị tán bột, mỗi lần dùng 3 gam, chiêu với nước chín, ngày 2 - 3 lần.

3. Khương thị chỉ ẩu phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Đại học Y khoa Thượng Hải

Bán hạ	Thược dược
Sinh khương	Cam thảo

4. Lý thị chỉ ẩu phương

Người cống hiến: Lý Minh Cảo, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu vực Nam Dương, tỉnh Hà Nam

Bán hạ	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Đảng sâm	10 "	Hoắc hương	10 "
Hậu phác	10 "	Trích Cam thảo	10 "
Can khương	6 "	Sinh khương	3 "

5. Trương thị dưỡng Vị lý khí thang

Người cống hiến: Trương Tiểu Bình, Phó giáo sư
Trung y học viện An Huy

Bạch Thược dược	15 gam	Ô mai nhục	15 gam
Bắc Ngũ vị	15 "	Sinh Sơn tra	15 "
Nhân trần	10 "	Xích Phục linh	10 "
Phật thủ	10 "	Đinh hương	10 "
Tô tử	10 "	Tô ngạnh	10 "
Địa du (sao)	10 "	Huyền hồ	10 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước. Thời gian uống thuốc kiêng ăn các thức cay nóng và mặn. Hạn chế rượu và nước trà.

6. Vương thị niệu độc chứng phương

Người cống hiến: Vương Tự Mẫn, Phó giáo sư
Trung y học viện Hà Nam

Hoắc hương	20 gam	Bội lan	20 gam
Tô ngạnh	15 "	Trần bì	15 "
Bán hạ	15 "	Bạch khấu	15 "

Sinh khương	10 gam	Thông bạch	10 gam
Thực diêm	500 "		

Cách dùng: Trước tiên, đem 6 vị trên vẻ vụn, bỏ hành, gừng, muối vào chảo rang nóng, đổ vào trong một túi vải để chườm lên rốn, cách ngày đổi thuốc một lần.

7. Ngũ thị tô liên trúc như ẩm

Người cống hiến: Ngũ Quang Luyện, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Lai Dương, tỉnh Hà Nam

Tô diệp	5 gam	Hoàng liên	3 gam
Trúc như	6 "		

Cách dùng: Liều lượng trên dùng cho người lớn, trẻ em giảm bớt. Các vị ngâm vào nước 10 phút rồi đun kỹ, khi còn ấm cho uống từ từ, chống nấc đặc hiệu.

8. Trương thị Thận thập phương.

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện tỉnh Hắc Long Giang

Cát căn	25 gam	Đào nhân	15 - 20 gam
Hồng hoa	15 "	Liên kiều	20 "
Xích thược	20 "	Sinh Địa hoàng	25 "
Cam thảo	10 "	Mẫu đan bì	15 "
Xuyên Hoàng liên	10 "	Đại hoàng (sao dấm)	10 "

9. Nhạc thị chỉ ẩu thang

Người cống hiến: Nhạc Thuần Đức, Y sư phó chủ nhiệm Xưởng địa chất khoáng sản tỉnh Hà Nam

Toàn phúc hoa	6 gam	Giả thạch	18 gam

Biển đậu y	9 gam	Biểu đậu hoa	9 gam
Sa nhân	6 "	Đậu khấu xác	6 "
Hoắc hương	6 "	Khương Trúc như	6 "
Trần bì	9 "	Khương Bán hạ	9 "
Phục linh	9 "	Hoàng liên	2 "
Ngô thù du	2 "		

Gia giảm: Tích trệ do ăn uống gia Thần khúc, Mạch nha, Cốc nha để tiêu thực chống nôn. Vị quản đau gia Hương phụ để lý khí giảm đau, Bạch thược dịu cơn đau gấp.

10. Tưởng thị trị thần kinh tính ẩu thổ phương

Người cống hiến: Tưởng Văn Chiếu, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Toàn phúc hoa	10 gam	Sinh Giả thạch	20 gam
Khương Bán hạ	6 "	Giáng hương	6 "
Đảng sâm	12 "	Phù Tiểu mạch	3 "
Trúc như (sao)	6 "	Ngô thù du	3 "
Sinh khương	5 nhát		

11. Triệu thị giáng trọc phương

Người cống hiến: Triệu Tích Võ, Giáo sư Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ngô thù du	20 gam	Đảng sâm	50 gam
Sinh khương	40 "	Bán hạ	30 "
Toàn phúc hoa	20 "	Đại giả thạch	30 "
Đại táo	7 quả		

12. Ngụy thị ôn trung hồi dương chỉ ẩu phương

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Phụ tử	6 gam	Can khương	3 gam
Cam thảo (trích)	3 "	Đảng sâm	9 "
Phục linh	9 "	Tiểu mạch	30 "
Hồng táo	6 quả		

13. Vương thị đại hoàng linh chi thang

Người cống hiến: Vương Trọng Thanh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thiên Thuỷ, tỉnh Cam Túc

Sinh Đại hoàng	30 - 60 gam
Ngũ linh chi (sao dấm)	9 gam

Cách dùng: Đun sẵn nước sôi, bỏ hai vị thuốc vào chỉ đun thêm 3 - 5 phút nữa, không đun quá lâu, sau khi uống nếu nôn mửa cứ kiên trì uống tiếp, khi nào đại tiện lưu thông thì nôn mửa biến mất.

14. Lục thị sài hồ tế tân thang

Người cống hiến: Lục Phẩm Lan, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Sài hồ	6 gam	Bắc Tế tân	3 gam
Bạc hà đầu	3 "	Khương Bán hạ	9 "
Đương qui vĩ	12 "	Đan sâm	12 "
Xuyên khung	6 "		

15. Vương thị nhị sâm xung tễ

Người cống hiến: Vương Khải Bình, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện số 8 thành phố Thượng Hải

Đảng sâm	15 gam	Bạch truật (sao)	15 gam
Sơn tra	9 "	Mạch nha (sao)	9 "
Trần bì	6 "	Chỉ thực	6 "
Hổ trượng	15 "	Kê huyết đằng	15 "
Ngũ gia bì	15 "	Nhân sâm diệp	12 "
Kê nội kim	6 "	Khương Bán hạ	9 "

Cách dùng: Qua qui trình công nghệ chế thành dạng thuốc hoà tan mỗi túi 20 gam, ngày pha uống 3 lần mỗi lần 1 túi.

16. Đoàn thị trị tiêu hoá đạo nham phương

Người cống hiến: Đoàn Phượng Võ, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Mộc hương	7 gam	Sa nhân	7 gam
Bạch Nhân sâm	10 "	Phục linh	10 "
Bạch truật	10 "	Đàn hương	10 "
Cấp tính tử	10 "	Kê nội kim	10 "
Trần bì	7 "	Bán hạ	10 "
Long quỳ	15 "	Sà mai	15 "
Bạch anh	15 "		

Gia giảm: Kém ăn gia Tiêu Tân lang 10 gam, Thần khúc, Tiêu Sơn tra đều 30 gam. Đoản hơi yếu sức gia Sinh Hoàng kỳ 30 gam, Câu kỷ tử 30 gam, Quế chi 7 gam.

132. BUỒN NÔN

Buồn nôn là một chứng trạng muốn nôn mà không nôn được, muốn nhịn mà không nhịn nổi, thường cùng xuất hiện với các chứng bệnh ở Vị Trường như Nôn mửa, Kém ăn và dưới Tâm bĩ, khi điều trị nên tham khảo các loại này.

Buồn nôn, nôn mửa, hoặc ăn vào mửa ra ngay, bụng đầy, dạ dầy trướng... là do Vị khí không hoà, cho uống ***Đổng thị ẩu ố cơ bản phương (1).***

Thương thử, cảm mạo dẫn đến buồn nôn, ngực khó chịu, đau đầu, Tâm phiền, hồi hộp kém ăn, cho uống ***Lý thị tự tại đan (2).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Đổng thị ẩu ố cơ bản phương

Người cống hiến: Đổng Kiếu Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Toàn phúc hoa	10 gam	Đại Giả thạch	10 gam
Trần bì	10 "	Thanh Bán hạ	10 "
Chỉ xác	10 "	Đại Phúc bì	10 "
Trúc nhự	6 "		

Gia giảm: Do Vị nhiệt nghịch lên, gia Tô diệp, Hoàng liên. Có thấp tà nghẽn ở trong, gia Hoắc hương, Bội lan. Đàm ẩm phạm lên trên gia Phục linh, Sinh khương.

2. Lý thị tự tại đan

Người cống hiến: Lý Tuấn Xuyên, Giáo sư
Y học viện xí nghiệp Dệt thành phố Vũ Hán

Chu sa	500 gam	Quảng Mộc hương	500 gam
Cam thảo	500 "	Hùng hoàng	2500 "
Bạch chỉ	250 "	Đại hải phiến	125 "
Tế tân	125 "	Tô hợp hương du	125 "
Chương não	125 "	Bạc hà băng	125 "

Cách dùng: Đem Mai phiến, Chương não, Bạc hà băng tán bột. Lại đem các vị thuốc còn lại tán bột, trộn đều, bấy giờ mới trộn đều vào Tô hợp hương du, đổ vào bình kín. Mỗi lần dùng 1 - 2 gam chiêu với nước ấm.

133. Ợ HƠI

Ợ hơi phần nhiều có liên can tới tật bệnh của Tỳ Vị Can Đởm, thường cùng xuất hiện trong các bệnh Vị thống, Ách nghịch, Buồn nôn, Đau sườn.v.v. Khi điều trị nên tham khảo các mục này.

Ợ hơi liên tục hoặc nấc liên thanh không dứt, bụng trướng đầy là do Vị uất khí nghịch, có thể dùng ***Lâm thị hựu bì phấn xung tễ*** để lý khí, giáng nghịch hoà Vị.

PHỤ PHƯƠNG

Lâm thị hựu bì phấn xung tễ

Người cống hiến: Lâm Tinh Viễn, Y sư phó chủ nhiệm Trung tâm y viện thành phố Sán Đầu

Hựu bì

Cách dùng: Lấy lớp vỏ ngoài quả Bưởi còn nhiều tinh dầu đặt lên miếng ngói đốt lửa cho xém khô, lấy ra tán bột. Trẻ em mỗi lần dùng 0,3 - 1 gam, người lớn từ 1 gam trở lên. Phương này trẻ em dùng tốt hơn.

134. NUỐT NƯỚC CHUA

Nuốt nước chua cùng loại với mửa nước chua, nước chua từ trong Vị trào lên cho nên tục gọi là Phiếm toan (trào nước chua).

Chứng nuốt nước chua thường liên quan tới chứng bệnh Can Vị. Nuốt nước chua kiêm cả dạ dày trướng và đau, nôn mửa, đại tiện phân đen hoặc mửa ra huyết, thuộc Can Vị bất hoà, khí huyết không điều, cho uống ***Gia vị ô bối cập cam tán (1)*** để nhu Can hoà Vị, điều khí hoạt huyết, ức chế nước chua giảm đau và chỉ huyết sinh cơ.

Ợ hơi ứa nước chua, trung quản trướng đầy và đau, đắng miệng, kém ăn hoặc buồn nôn, ẩu nghịch, mạch Huyền hoặc Tế Huyền, rêu lưỡi trắng mỏng, chất lưỡi đỏ hoặc bình thường, là Can Vị mất điều hoà, nhẹ thì uống ***Quách thị kiện Vị tán (2)*** để sơ Can lý khí mạnh Vị ức chế nước chua; nặng thì dùng ***An trung thang (3)*** để điều Can hoà Vị, mạnh Tỳ an trung, kèm theo hoạt huyết giảm đau.

Nước chua không trào ra nhưng làm cho cảm giác nóng rát, nôn oẹ khá nặng là do trung hư khí nghịch, có thể dùng ***Trương thị thôn toan thiên tâm phương (4)*** để giáng nghịch trừ nước chua, hoà Vị ích trung tiêu, lý khí hành trệ. Nếu có kiêm chứng cồn cào, Tâm phiền là do Can Vị không hoà, uất nhiệt ở trong,

có thể dùng ***Đổng thị thổ toan cơ bản phương (5)*** gia giảm để hòa Can Vị, thanh uất nhiệt, khống chế nước chua và chống nôn.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Đau dạ dầy" và "Nôn mửa".

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị ô bối cập cam tán

Người cống hiến: Viên Gia Cơ, Giáo sư Trung y học viện thành phố Quý Dương

Tam thất phấn	30 gam	Ô tặc cốt	30 gam
Xuyên bối	30 "	Bạch cập	30 "
Hoàng liên	30 "	Cam thảo	30 "
Sa nhân	15 "	Huyền hồ	30 "
Xuyên luyện nhục	30 "	Phật thủ	30 "
Quảng Mộc hương	18 "	Sinh Bạch thược	45 "

Cách dùng: Tán bột, ngày uống 3 lần sáng, trưa, tối, mỗi lần 3 gam, uống liên tục từ 3 tháng đến nửa năm.

2. Quách thị kiện Vị tán

Người cống hiến: Quách Khiêm Hanh, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Kê tử xác	80 gam	Cam thảo	20 gam
Bối mẫu	20 gam	Phật thủ	20 gam
Chỉ thực	10 "		

Cách dùng: Kê tử xác loại bỏ tạp chất, rửa sạch sấy khô. Chỉ thực sao với Cám vàng đượm là được, cùng với các vị khác tán bột, hàng ngày sau bữa cơm 1 giờ uống 4 gam.

3. An trung thang

Người cống hiến: Trương Kính Nhân, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số I thành phố Thượng Hải

Sài hồ	6 gam	Hoàng cầm(sao)	9 gam
Bạch truật (sao)	9 "	Biển đậu	9 "
Bạch thược (sao)	9 "	Cam thảo (trích)	3 "
Tô ngạnh	6 "	Hương phụ (chế)	9 "
Huyền hồ (trích)	9 "	Bát nguyệt trát	15 "
Cốc nha	12 "	Thần khúc (sao)	6 "

Gia giảm: Đau khá nặng, gia Cửu hương trùng 6 gam. Trướng đầy không ngớt, gia Sao Chỉ xác 9 gam. Vị quản nóng rát gia Liên kiều 9 gam hoặc sao Tri mẫu 9 gam. Ợ hơi gia Toàn phúc hoa 9 gam, Đại Giả thạch 15 gam. Ứa nước chua gia Ngoã bạng nung 15 gam, Hải phiêu tiêu 15 gam. Cồn cào gia Sơn dược sao 9 gam. Rêu lưỡi dầy nhớt gia Trần Bội ngạnh 9 gam. Chất lưỡi đỏ rêu bị tróc, bỏ Tố ngạnh, gia Xuyên Thạch hộc 9 gam. Đại tiện nhão gia Tiêu tra thán 9 gam. Kiêm chứng đau bụng, lại gia Bào khương thán 5 gam, Ổi Mộc hương 9 gam. Táo bón gia Toàn qua lâu 15 gam, Vọng giang nam 9 gam. Bụng trướng gia Đại phúc bì 9 gam. Loét Hành tá tràng gia Phượng hoàng y 6 gam, Phù dung diệp 9 gam.

4. Trương thị thôn toan thiêu tâm phương

Người cống hiến: Trương Vinh Hiển, Y sư chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Toàn phúc hoa	10 gam	Giả thạch	12 gam
Trần bì	10 "	Pháp Bán hạ	10 "

Hải phiêu tiêu	10 gam	Xuyên luyện tử	10 gam
Cam thảo (trích)	6 "	Đảng sâm	12 "
Sinh khương	5 "		

5. Đổng thị thổ toan cơ bản phương

Người cống hiến: Đổng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Mã vĩ liên	5 gam	Ngô thù du	1,5 gam
Sơn chi	6 "	Hoàng cầm	10 "
Ngoã bạng (nung)	10 "	Chỉ xác	10 "
Đại phúc bì	10 "		

Gia giảm: Vị nhiệt thịnh, gia Sinh Thạch cao, Tri mẫu. Cam hoả phạm Vị rõ rệt gia Long đởm thảo, Sinh Bạch thược. Phủ khí không thông, gia Tân lang, Đại hoàng (sao rượu)

135. THỞ DÀI

Thở dài là chỉ tự cảm thấy hô hấp nghẹt tắc, hơi phào ra được nhiều thì dễ chịu, tục gọi là "thở dài hơi". Phần nhiều có cả chứng trạng ngực khó chịu. Trẻ em thở dài kèm theo đoản hơi ngực khó chịu, ra mồ hôi, mệt mỏi yếu sức, kém ăn, sắc mặt úa vàng, môi lưỡi đều nhợt, móng tay có nốt trắng phần nhiều thuộc Tỳ hư, Can vị mất hoà giáng, có thể dùng ***Đẳng thị tiểu nhi thán khí phương*** để kiện Tỳ lý khí, hoà Vị giáng nghịch

Chứng này có thể tham khảo điều trị với các chứng "Ngực khó chịu" và "Đau sườn".

PHỤ PHƯƠNG

Đẳng thị tiểu nhi thán khí phương

Người cống hiến: Đăng Tuyên Quang, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Phục linh	15 gam	Trần bì	10 gam
Giáng hương	6 "	Uất kim	10 "
Tiêu Sơn tra	15 "	Cốc nha (sao)	15 "
Can khương	3 "		

136. NGHẸN (Ế cách)

Nghẹn là một chứng trạng lâm sàng nuốt vào bị vướng mắc. Ăn uống nghẽn tắc khó trôi, ngực khó chịu, vùng cách mô trướng tức, đờm dãi ứng thịnh, ợ hơi liên tục, kém ăn, đại tiện lỏng hoặc khô, đoản hơi yếu sức, chất lưỡi nhợt, thể lưỡi bệu, rêu lưỡi trắng nhớt, bệnh thuộc trung tiêu hư yếu, thuỷ ẩm ứ động, tân dịch đã tổn thương, nên làm vận chuyển mạnh Trung dương, tiêu chứng ẩm và ích khí, kiêm cả dưỡng tân giáng nghịch, cho uống ***Trương thị ế cách phương (1)*** đồng thời có thể phối hợp ngậm thêm ***Vương thị khai quản tán (2)*** để tăng cường tác dụng hoá đàm tiêu thũng, tan kết mềm chất rắn, tháo gỡ cấp thiết tình trạng nuốt khó khăn.

Hung Cách đau, ăn vào lại lộn trở ra, thậm chí nước cũng khó nuốt, gày còm mặt sạm, chất lưỡi tía xanh, da dẻ tróc vẩy, mạch Tế Sác là đàm câu kết với ứ độc, nhẹ thì uống ***Thời thị tiêu lưu tửu (3)*** để hoạt huyết giải độc, tan kết tiêu đàm, nặng thì có kiêm chứng tinh thần mỏi mệt yếu sức, có thể dùng ***Trần thị thực quản nham nghiệm phương (4)*** để phá ứ giải độc, tán kết khư đàm, ích khí dưỡng huyết. Đối với chứng Ế cách thuộc ứ huyết hoặc có ứ trệ, đều có thể phối hợp ngậm thêm ***Quách thị hàm hoá hoàn (5)*** để tăng cường tác dụng mở đường hành ứ.

Người cao tuổi khí kết, tân dịch thiếu mà bị nghẹn đến nỗi ăn không trôi, đại tiện khô, gày còm, da dẻ khô ráp, chất lưỡi đỏ nhạt, rêu lưỡi ít mà khô, mạch Trầm Sác vô lực là do tân dịch

thiếu, khí nghịch không giáng xuống, có thể dùng ***Dưỡng âm chỉ ế phương (6)*** để dưỡng âm sinh tân, giáng nghịch chống nghẹn. Những trường hợp nuốt nghẹn khó nuốt, đều có thể phối hợp ngậm ***Khai đạo tán (7).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị ế cách phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Đẳng sâm (trích)	15 gam	Bắc Điều sâm	15 gam
Tiêu Bạch truật	15 "	Pháp Bán hạ	15 "
Quảng Trần bì	15 "	Cam thảo (trích)	15 "
Tây Sa nhân	6 "	Quảng Mộc hương	6 "
Mạch môn đông	15 "	Bạch Phục linh	15 "

2. Vương thị khai quản tán

Người cống hiến: Vương Tế Dân, Y sư chủ nhiệm Viện y học khoa học tỉnh Hà Bắc

Sinh Bán hạ	50 gam	Bằng sa	15 gam
Não sa (chế dấm)	50 "		

Cách dùng: Các vị cùng tán bột. Vì Sinh Bán hạ và Não sa có độc, cần phải nắm vững liều dùng. Nói chung mỗi lần 2 gam, chia vài lần ném vào gốc lưỡi vùng họng, ngày 4 lần, sau khi dùng thì xúc miệng để giảm bớt những kích thích niêm mạc khoang miệng. Nếu người bệnh còn ăn được chất lỏng, có thể trước khi ăn dùng một lượng nhất định thuốc bột trên, thuốc sau khi vào dạ dày sẽ giảm bớt kích thích ở dạ dày. Dùng thuốc 7 -

10 ngày, đã giảm nhẹ tình trạng nuốt nghẹn hoặc giảm ít niêm dịch mửa ra là hiệu quả có thể tiếp tục dùng thuốc nữa. Nói chung, dùng thuốc không vượt quá một tháng, nếu dùng tới 7 - 10 ngày mà không hiệu quả thì không nên dùng tiếp tục.

3. Thời thị tiêu lưu tửu

Người cống hiến: Thời Lập Hàn, Y sư chủ nhiệm
Y viện 152 Giải phóng quân

Hoàng dược tử	300 gam (đập vỡ)
Rượu trắng	1500 ml

Cách dùng: Bỏ Hoàng dược tử vào rượu, đun nhỏ lửa cách thuỷ 4 giờ, đợi nguội lọc bã để uống mỗi lần 10 - 15 ml. Cũng có thể căn cứ vào tửu lượng mà gia giảm, ngày uống vài lần lấy khả năng chịu được làm cữ.

4. Trần thị thực quản nham nghiệm phương

Người cống hiến: Trần Diên Sương, Y sư chủ nhiệm
Y viện Ung thư Hồ Bắc

Thuỷ điệt	10 gam	Giáng hương	10 gam
Cấp tính tử	15 "	Hoàng dược tử	12 "
Hải tảo	20 "	Sinh Hoàng kỳ	20 "
Nữ trinh tử	20 "	Ý dĩ nhân	20 "
Xích thược	10 "	Bạch thược	10 "
Thạch kiến xuyên	30 "	Bạch tao hưu	15 "
Bạch anh	40 "	Côn bố	20 "
Nga truật	15 "	Thuỷ hồng hoa tử	10 "
Thần khúc	15 "	Chỉ xác	10 "
Thiên long	2 con		

5. Quách thị hàm hoá hoàn

Người cống hiến: Quách Sùng Trí, Lão Trung y nổi tiếng
Nhân dân y viện huyện Tử Đồng tỉnh Tứ Xuyên

Tam thất	31 gam	Đào nhân	15 gam
Bằng sa	18 "	Bách bộ hành	16 "
Cam thảo	12 "		

Cách dùng: Các vị tán bột. luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam, ngày 3 lần, mỗi lần ngậm 1 viên.

6. Dưỡng âm chỉ ế phương

Người cống hiến: Lý Kế Xương, Lão Trung y nổi tiếng
Nhân dân y viện khu Bàn Long thành phố Côn Minh

Thiên môn đông	9 gam	Ngọc trúc	15 gam
Mạch môn đông	9 "	Sinh Địa hoàng	9 "
Thục Địa hoàng	9 "	Thạch hộc	9 "
Đương quy	9 "	Bạch thược	9 "
Huyền sâm	9 "	Thị đế	3 cái
Cam thảo	3 "		

7. Khai đạo tán

Người cống hiến: Trương Bá Du, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Bằng sa	60 gam	Trầm hương	10 gam
Hoả tiêu	30 "	Mông thạch	15 "
Băng phiến	10 "		

Cách dùng: Tán bột mịn, mỗi lần ngậm tan 1 gam.

137. NẤC (Ách nghịch)

Ách nghịch là chỉ trong họng luôn luôn phát ra tiếng nấc. Tiếng nấc liên tục không lúc nào dứt, kiêm chứng chán ăn, rêu lưỡi trắng mỏng, dùng ***Lăng thị ách nghịch phương (1)*** để hoà Vị giáng nghịch, hoá đàm chỉ ách.

Kiêm chứng nôn mửa ra nước trong hoặc đờm dãi, vùng ngực bĩ đầy là có hàn đờm nghẽn ở trong, điều trị nên ôn trung giáng nghịch, hoá đàm chống nấc, cho uống ***Hình thị ách nghịch thang (2)***.

Do đầy tức hoặc uất giận dẫn đến ách nghịch, mạch Huyền Hoạt, rêu lưỡi dầy nhớt, cho uống ***Châu thị chỉ ách thang (3)*** để khư thấp hoá đàm, thư Can hoà Vị.

Nấc liên tục, kiêm chứng táo bón thì dùng ***Khương thị ách nghịch phương (4)*** để thông phủ giáng nghịch chống nấc. Nếu tiếng nấc chậm rãi có lực, tái phát nhiều lần, vị quản khó chịu, ưa ấm sợ lạnh, sắc mặt tối sạm, chất lưỡi tía mà rêu lưỡi trắng, thuộc loại ứ nghẽn hàn ngưng đọng, dùng ***Nhan thị ách nghịch phương (5)*** để hoạt huyết hoá đàm, tán hàn chống nấc.

Nấc ngày đêm không dứt, nấc không lúc nào yên, tái phát nhiều lần kéo dài không khỏi, kiêm chứng miệng khô lưỡi ráo.v.v... đó là Âm hư Can căng thẳng, Vị mất hoà giáng, dùng

Lưu thị hoãn cấp chỉ ách thang (6) để dưỡng âm làm dịu cơn gấp gáp, giáng nghịch trừ nấc.

Sau khi phẫu thuật vùng bụng mà bị nấc liên tục, tiếng nấc ngắt quãng yếu ớt, đoản hơi, bụng trướng đầy, hồi hộp kém ăn, rêu lưỡi nhớt, thuộc huyết khí bất túc, đàm thấp trệ ở trong, Vị mất hoà giáng, có thể dùng ***Triệu thị phù chính lý khí giáng nghịch thang (7)*** để dưỡng huyết ích khí, hoà Vị trừ đờm, lý khí chống nghịch.

Nấc luôn luôn hoặc do khái thấu mà nấc không dứt, có thể dùng ***Điền thị giải mê chỉ biển hương (8)*** để ngửi cho thuận khí giáng nghịch, chống nấc, giải cơn co cứng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lăng thị ách nghịch phương

Người cống hiến: Lăng Diệu Tinh, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đinh hương
Quế chi
Bán hạ
Câu quất lý
Trúc nhự
Thị đế
Bạch thược
Trần bì
Sinh Cam thảo

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang, có thể phối hợp với Châm cứu.

2. Hình thị ách nghịch thang

Người cống hiến: Hình Triết Vũ, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đinh hương	12 gam	Thị đế	30 gam
Đảng sâm	20 "	Bán hạ	15 "
Trần bì	12 "	Táo tâm thổ	120 "
Sinh khương	12 "		

Cách dùng: Trước hết hoà Táo tâm thổ vào nước sạch, đem đun 20 phút, lọc bã lấy nước ấy để sắc thuốc, mỗi ngày một thang, sắc 3 nước, trộn đều, chia 3 lần uống.

3. Châu thị chỉ ách thang

Người cống hiến: Châu Vân Tường, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hợp hoan bì	30 gam	Hợp hoan hoa	12 gam
Xuyên Thạch hộc	12 "	Hải tảo	12 "
Việt cúc hoàn	9 "	Chế Hương phụ	9 "
Chế Xương truật	9 "	Sao Trúc nhự	9 "
Quảng Trần bì	6 "	Pháp Bán hạ	5 "
Mai khôi hoa	4 bông		

Cách dùng: Sắc lấy nước, hoà thêm vào nước Bột tề và nước ngó Sen mỗi thứ 1 thìa, cho uống.

4. Khương thị ách nghịch phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Toàn phúc hoa	9 gam	Đại Giả thạch	9 gam

Mang tiêu	9 gam	Công Đinh hương	3 gam
Đại hoàng	6 "	Thị đế	5 cái

5. Nhan thị ách nghịch phương

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư
Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Xuyên khung	4 gam	Xạ hương	0,5 gam
Xích thược	9 "	Đào nhân	9 "
Hồng hoa	9 "	Hành già	3 củ
Sinh khương	2 nhát	Hồng táo	7 quả

6. Lưu thị hoãn cấp chỉ ách thang

Người cống hiến: Lưu Học Cần, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện số 1 thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam

Bạch thược sao	30 gam	Tử đinh hương	3 gam
Thị đế	9 "	Chỉ xác sao	9 "
Trầm hương	7 "	Cam thảo	9 "

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc cho uống từ từ lúc ấm.

7. Triệu thị phù chính lý khí giáng nghịch thang

Người cống hiến: Triệu Cửu Ân, Phó giáo sư
Y học viện Trường Trị tỉnh Sơn Tây

Đương quy	12 gam	Hoàng kỳ	12 gam
Bạch truật	12 "	Phục linh	12 "
Xích thược	12 "	Trần bì	10 "
Xuyên Hậu phác	10 "	Tỳ bà diệp	10 "
Bán hạ	10 "	Trúc nhự	10 "

Đinh hương	10 gam	Thị đế	10 gam
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Khi sử dụng phương thuốc này nên phối hợp thêm thuốc trấn tĩnh khác.

8. Điền thị giải mê chỉ biển hương

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Phân viện Cam Thiền Y học viện tỉnh Hà Bắc

Mạn đà la hoa	9 phần	Toàn phúc hoa	3 phần
Khoản đông hoa	3 phần	Bạc hà diệp	1 phần
Bột Đàn hương	10 phần	Xạ hương	0,1 phần

Cách dùng: Tán bột thô, phun nước hoặc hồ loãng chế thành nén hương như hương trừ muỗi, khi dùng lấy 1 nén đốt cháy 1 đầu cho toả khói, cho người bệnh ngửi khói 1 - 2 phút, không nên ngửi lâu để phòng trúng độc.

138. THỔ HUYẾT

Thổ huyết là chỉ máu từ Vị, thực đạo qua miệng mà mửa ra.

Thổ huyết đột ngột, lượng nhiều sắc đỏ tươi, hoặc thành cục huyết, hoặc kèm theo cặn bã thức ăn, kiêm chứng sốt cao khát nước, lưỡi đỏ tía, là thuộc nhiệt độc bức huyết đi bừa, dùng ***Quan thị chỉ huyết phương (1)*** để thanh nhiệt giải độc, tả nhiệt mát huyết, chỉ huyết hoạt huyết.

Thổ huyết kiêm chứng Tâm phiền ngực khó chịu, hay giận, sườn đau, đắng miệng, mạch Huyền Sác, thuộc khí của Can Phế nghịch lên, nên làm mát Can dẹp cơn xung nghịch, liễm âm chỉ huyết, dùng ***Gia giảm hoạn long thang (2).***

Thổ huyết lượng nhiều, sắc huyết đỏ tươi hoặc có cục ứ, kiêm chứng đoản hơi, hồi hộp, mạch Phù Hồng, ấn chìm tay thì vô lực, cho uống ***Ngô thị chỉ huyết phương (3)*** để giáng nghịch dẹp xung khí, mát huyết ích khí, chỉ huyết phòng thoát.

Thổ huyết mà sắc huyết đỏ hoặc nhạt hoặc kèm theo hòn cục, bụng sườn trướng đau, ưa xoa bóp, miệng đắng ứa nước chua, ăn uống không mạnh, đoản hơi yếu sức là thuộc khí âm bất túc, Tỳ Vị hư yếu kiêm Can uất hoả nung nấu, nên dùng ***Trương thị chỉ huyết phương (4)*** để ích khí âm, mạnh Tỳ Vị, chỉ huyết kèm theo điều Can tiết nhiệt.

Thổ huyết dằng dai không dứt, sắc huyết nhạt không tươi, Vị quản đau âm ỉ, ưa xoa bóp, tinh thần bạc nhược đoản hơi, hồi

hộp môi nhợt, thuộc Tỳ hư huyết thiếu, nên kiện Tỳ ích khí, dưỡng huyết chỉ huyết kiêm hoà doanh giảm đau, cho uống ***Hội dương chỉ huyết phương (5).***

Thổ huyết lượng nhiều dạng phun nước, đã dùng thuốc chỉ huyết mà hiệu quả không rõ rệt, có thể dùng ***Diệp thị trị liệu đại thổ huyết phương (6)*** để giáng nghịch, chỉ huyết, tan ứ.

Thổ huyết hoặc khạc ra huyết, hoặc huyết ra ở đầu vú, sắc huyết tối và có cục, kiêm chứng ngực sườn trướng đầy đau, đắng miệng nóng nẩy, lưỡi bình thường hoặc có nốt ứ huyết, mạch Trầm Huyền là thuộc khí trệ huyết ứ, huyết không quy kinh, có thể dùng ***Chu thị sài hồ xuyến giáng thang (7)*** để thư Can lý khí, hoạt huyết chỉ huyết.

Có bệnh sử về Vị thống hoặc bệnh sử về ẩu huyết, có chứng thổ huyết thành hòn cục, đau dạ dầy ứa nước chua, chất lưỡi tía tối thì dùng ***Hội dương chỉ huyết phấn (8)*** để thu liễm chỉ huyết, hoạt huyết hoá ứ, khống chế nước chua, sinh cơ bảo vệ niêm mạc.

PHỤ PHƯƠNG

1. Quan thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Thạch cao	25 gam	Huyền sâm	15 gam
Sinh Địa hoàng	15 "	Mẫu đơn bì	12 "
Đại hoàng thán	6 "	Mao căn tươi	60 "
A giao châu	6 "	Thiên hoa phấn	15 "

Kim ngân hoa	30 gam	Ngẫu tiết	10 gam
Bạch cập	6 "	Mạch môn đông	15 "
Sinh Cam thảo	15 "	Hà diệp thán	3 "
Tê giác phấn	1,5 "		

. Gia giảm hoạn long thang

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoàn, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Tô tử sao	4,5 gam	Giáng hương	4,5 gam
Xuyến thảo thán	4,5 "	Trần bì	4,5 "
Hạ khô thảo	9 "	Bạch mao căn	9 "
Thạch hộc	9 "	Sinh Mẫu lệ	9 "
Mạch môn đông	9 "	Giới tuệ thán	3 "
Cam thảo trích	3 "	Ngẫu tiết	6 "

3. Ngô thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Ngô Đức Hưng, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây

Đại Giả thạch	30 gam	Sinh Địa hoàng	30 gam
Hồng sâm	9 "	Bạch cập	9 "
Ngẫu tiết	5 củ	Trắc bá thán	9 "

4. Trương thị chỉ huyết phương

Người cống hiến: Trương Canh Mai, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Xuyên Thạch hộc	12 gam	Sinh Địa hoàng	9 gam
Đảng sâm	9 "	Hoàng kỳ	12 "
Ngoã bạng nung	18 "	Sơn dược	15 "
Xuyên Hoàng liên	9 "	Ngô thù du	0,9 "

Bạch thược	18 gam	Cam thảo	3 gam
Đương quy	9 "	Hải bối phấn	18 "

5. Hội dương chỉ huyết phương

Người cống hiến: Tạ Xương Nhân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Nam Kinh

Sinh Hoàng kỳ	15 gam	Thái tử sâm	12 gam
Bạch truật	6 "	Cam thảo trích	5 "
Đương quy	6 "	Bạch thược	10 "
A giao châu	10 "	Địa du thán	10 "
Trắc bá thán	10 "	Mẫu lệ nung	15 "
Ô tặc cốt	12 "	Long cốt nung	15 "

Gia giảm: Nếu Can uất khí trệ, giận dữ đột ngột thương Can động huyết thì nên gia Uất kim 6 gam, Tiêu Sơn chi 6 gam, Đương qui 6 gam, Xích thược 10 gam, Mẫu đơn bì 6 gam, Ngưu tất 12 gam, bỏ Sinh Hoàng kỳ, Thái tử sâm. Nếu nhiệt uất khí trệ mất chức năng hoà giáng, bệnh lâu ngày tổn thương đường Lạc có thể thêm Xuyên Hoàng liên sao 3 gam, Quất bì 6 gam, Khương Bán hạ 10 gam, Trúc như sao 6 gam, Phục linh 12 gam, Cam thảo 4 gam. Vị âm suy hư, nội nhiệt làm hao tân dịch tổn thương đường Lạc, linh hoạt gia Sa sâm 12 gam, Mạch môn đông 10 gam, Xuyên Thạch hộc 12 gam, Ngọc trúc 12 gam, bỏ Hoàng kỳ và Bạch truật.

6. Diệp thị trị liệu đại thổ huyết phương

Người cống hiến: Diệp Cẩm Văn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu vực An Khang tỉnh Thiểm Tây

Đồng tiện (lấy ở trẻ em khoẻ mạnh) 1 chén nhỏ.

Quảng Tam thất 6 gam.

Cách dùng: Đồng tiện pha chút ít nước sôi. Đường trắng 100 gam. Tam thất tán bột, chia làm 3 lần hoà vào đồng tiện cho uống từ từ.

Gia giảm: Nôn mửa nặng gia Đại hoàng 3 gam, hãm nước nóng cho uống.

7. Chu thị sài hồ xuyến giáng thang

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Sài hồ	10 gam	Giáng hương	10 gam
Xuyến thảo	10 "	Hoàng cầm	10 "
Chỉ xác	10 "		

Gia giảm: Yết hầu không lợi, khí nghịch xông lên, thậm chí suyễn nhẹ, gia Sạ can 10 gam. Khí âm đều hư, đoản hơi yếu sức, gia Đông trùng hạ thảo 10 gam. Chất lưỡi đỏ bệu gia Bách hợp 30 gam. Sau khi uống thuốc vẫn chưa dứt khạc ra huyết, gia Bạch cập phấn 6 gam hoà uống.

8. Hội dương chỉ huyết phấn

Người cống hiến: Tạ Xương Nhân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Kinh

Ô tặc cốt	3 phần	Bạch cập	2 phần
Sâm Tam thất	1 phần		

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần dùng 5 - 10 gam, ngày 2 - 3 lần, chiêu với nước chín.

139. CHỨNG TRÊN NGHỊCH DƯỚI BẾ

Trên thì thổ nghịch, ăn không xuống, dưới thì bế tắc, nhị tiện không thông, gọi là chứng trên nghịch dưới bế, cũng gọi là "Quan cách". Chứng này thường thấy ở tật bệnh tới giai đoạn nghiêm trọng.

Ẩu nghịch, đại tiện khó khăn, bụng trướng đầy, trung tiện thì dễ chịu, là khí uất ở Vị Trường, dùng ***Đinh thị thăng giáng khí cơ phương (1)*** để điều khí hoà trung, vị thuốc đắng cay để khai tiết.

Vùng bụng đau thắt không chịu nổi, ẩu nghịch bí đại tiện, ăn không xuống, dùng ***Trương thị hoà trung thang (2)*** để giáng nghịch hoà trung, bài trừ vẩn đục và thông đại tiện.

Ẩu nghịch mà đại tiện không thông, chân tay lạnh, rêu lưỡi trắng nhớt, là hàn thực ngăn trở ở trong, nên giáng nghịch tán hàn, thông phủ trừ tích, dùng ***Hứa thị hàn tích phương (3).*** Táo bón cấp bách thì uống ***Quách thị hàn thực phương (4).***

Ẩu nghịch buồn nôn, tiểu tiện dầm dề lượng ít thậm chí hoàn toàn không đi được là do đường nước ở tam tiêu bế tắc gây nên, thấy kiêm chứng vùng bụng trướng đầy, phù thũng toàn thân, chất lưỡi tía tối, sắc mặt đen sạm, đắng miệng, dùng ***Xuyên phá thạch hợp tễ (5)*** để hoạt huyết hoá ứ, lợi niệu giải độc, đồng

thời có thể phối hợp ***Quán trường phương (6)*** tham gia rửa ruột để tăng cường tác dụng thanh tiết giáng trọc, giải độc hoá ứ. Nếu như kiêm chứng trướng bụng, tiểu tiện ít mà vẩn đục, hạ bộ sưng trướng, rêu lưỡi vàng nhớt, có thể dùng ***Triệu thị giải độc phương (7)*** để giải độc tiêu nước. Rửa ruột thì dùng ***Nhan thị quan cách gián trường phương (8).***

Nếu kiêm chứng đại tiện bế kết, kém ăn hoặc khô miệng mỏi mệt, là nhiệt độc nung nấu ở trong, khí cơ bế tắc, khí âm đã tổn thương, có thể dùng ***Dương thị thông phủ hoá ứ thang (9)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hoá ứ, ích khí sinh tân dịch, thông phủ bài tiết vẩn đục...

Bệnh lâu ngày dương hư âm thịnh, có chứng ẩu nghịch buồn nôn, tiểu tiện ít hoặc bế, toàn thân phù thũng, sắc mặt xanh nhợt, chân tay không ấm, ngực bụng trướng đầy hoặc kém ăn, thuộc dương hư bị âm vẩn đục ngăn trở ở bên trong, có thể chọn dùng ***Ôn dương giáng trọc thang (10)*** để ôn bổ Tỳ Thận, quét sạch trọc khí, tuyên thông Tam tiêu. Trường hợp đại tiện cũng bị bế thì dùng ***Ôn Thận giải độc thang (11)*** để ôn Thận giáng trọc thông phủ. Nếu xu thế bệnh ác hoá, xuất hiện các chứng hồi hộp, chân tay lạnh, ra mồ hôi dầm dề, hôn mê mạch Vi, trần trọc muốn tuyệt, có thể dùng ***Bổ thị Thận kiệt phương (12)*** để cứu vãn âm, dương trong Thận, hồi dương cứu nghịch.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Phù thũng", "Phúc trướng", "Tiểu tiện không lợi" và "Ẩu thổ".

PHỤ PHƯƠNG

1. Đinh thị thăng giáng khí cơ phương

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	10 gam	Câu quất lý	10 gam
Khương Xuyên liên	5 "	Quảng Mộc hương	5 "
La bặc tử (sao)	10 "	Tân lang	10 "
Thạch xương bồ	10 "	Khương lang trùng	20 "
Sao Bạch truật	10 "		

2. Trương thị hoà trung thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Hoắc hương	10 gam	Ngô thù du	10 gam
Pháp Bán hạ	10 "	Can khương	10 "
Trần bì	10 "	Phục linh	10 "
Hậu phác	10 "	Chỉ thực	10 "
Cam thảo trích	10 "	Hoàng liên thán	10 "
Trạch tả	10 "	Xuyên tiêu (sao)	10 "
Tiêu tam tiên	15 "		

Cách dùng: Sắc đặc, trước tiên uống 1 chén bằng chén rượu, cách nửa giờ sau uống chén thứ hai, nếu không nôn mửa, tiếp theo có thể uống nửa chén lớn bằng chén nước trà, cách 1 - 2 giờ uống một lần. Uống một thang thấy giảm đau, đại tiện thông, tiếp tục uống thang thứ hai thì hết đau. Sau khi lui bệnh, nên ăn chất lỏng, không thì dễ tái phát.

3. Hứa thị hàn tích phương

Người cống hiến: Hứa Lý Hoà, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Nam Kinh

Xuyên liên (sao)	2 gam	Khương Bán hạ	6 gam
Xuyên Hậu phác	6 "	Thanh bì	6 "
Trần bì	6 "	Xích Phục linh	10 "
Bạch Phục linh	10 "	Quảng Mộc hương	6 "
Tân lang	10 "	Hương phụ chế	15 "
Quế chi	9 "	Bạch thược	9 "
Cam thảo	9 "	Xuyên tiêu	3 "
Đại táo	12 quả		

4. Quách thị hàn thực phương

Người cống hiến: Quách Cát Xuân, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Đại hoàng	30 gam	Can khương	15 gam
Phụ tử	10 "	Lai bặc tử	30 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, bỏ bã, thêm 60 gam đường, lại lấy 2 hạt Ba đậu, sao qua, bóc vỏ, bọc bông, đập nát thành bột ép chiêu với nước thuốc sắc.

5. Xuyên phá thạch hợp tễ

Người cống hiến: Vương Trước Sở, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Phúc Kiến

Xuyên phá thạch	30 gam	Tú hoa châm	30 gam
Kim ngân hoa	15 "	Câu đằng căn	15 "
Đạm trúc căn	15 "		

Gia giảm: Thận dương hư uống thêm Kim quĩ Thận khí hoàn. Thận âm hư uống thêm Lục vị địa hoàng hoàn.

6. Quán trường phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Sà thiệt thảo	30 gam	Sinh Đại hoàng	10 - 20 gam
Lục nguyệt tuyết	30 "	Đan sâm	20 "

Cách dùng: Sắc lấy 200 ml nước đặc, chia làm 2 - 4 lần rửa ruột.

Gia giảm: Có hiện tượng âm ngưng kết gia Thục Phụ tử 15 gam, Phục linh, Bạch truật đều 20 gam. Huyết áp hơi cao hoặc có khuynh hướng xuất huyết gia Sinh Hoè mễ 45 gam, Địa long 15 gam. Thấp nhiệt rõ rệt gia Sinh Hoàng bá 20 gam. Âm hư gia Sinh Địa hoàng, Xuyên Thạch hộc đều 20 gam.

7. Triệu thị giải độc phương

Người cống hiến: Triệu Âu Kiểm, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nam Khai, Thiên Tân

Thổ Phục linh	30 - 60 gam	Phòng kỷ	15 - 30 gam
Lữ đậu y	30 "	Cam thảo	10 "

8. Nhan thị Quan cách quán trường phương

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư
Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Sinh Đại hoàng	30 gam	Lục nguyệt tuyết	30 gam

Cách dùng: Đổ nước vào hai vị thuốc đun lấy 100 - 150 ml để rửa ruột mỗi ngày 1 lần, thời gian rửa ruột 1 giờ là vừa. Năm ngày là một đợt điều trị, có thể dùng thêm lần nữa.

9. Dương thị thông phủ hoá ứ thang

Người cống hiến: Dương Tố Vân, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu vực Đức Châu tỉnh Sơn Đông

Xích thược	20 gám	Mẫu đơn bì	10 gam
Xuyên khung	10 "	Đại hoàng	12 "
Hoàng bá	10 "	Hoàng cầm	8 "
Sài hồ	14 "	Thạch vi	20 "
Thai sâm	20 "		

Cách dùng: Mỗi ngày sắc 1 thang, dùng 2 lần sáng và tối sau bữa cơm.

10. Ôn dương giáng trọc thang

Người cống hiến: Đỗ Võ Mậu, Giáo sư
Trung y học viện Thiểm Tây

Phục linh	15 gam	Bạch truật	12 gam
Phụ phiến	9 "	Bạch thược	12 "
Tây dương sâm	6 "	Hoàng liên	4,5 "
Tô diệp	9 "	Trư linh	15 "
Trạch tả	15 "	Sinh khương	12 "

Cách dùng: Phụ phiến đổ nước vào nấu trước nửa giờ, sau mới nấu chung với các vị khác, sắc hai lần, mỗi lần sắc lâu nửa giờ, lọc bã chia hai lần uống. Bệnh nặng có thể ngày uống một thang rưỡi chia 3 lần uống.

Gia giảm: Chóng mặt, huyết áp quá cao, gia Tang ký sinh, Câu đằng, Thảo quyết minh, Ngưu tất. Trướng bụng, đại tiện khó, gia Hổ trượng, Chỉ thực. Nôn mửa, buồn nôn rõ rệt, Urê niệu cao, có thể đồng thời dùng các vị đông dược nấu nước rửa ruột (Đại hoàng, Phụ phiến đều 10 gam, Đại thanh diệp 12 gam, Nhục quế 3 gam). Bắp chân co rút và đau gia Mộc qua, Ngưu tất, Bạch thược mỗi vị tới 15 gam.

11. Ôn Thận giải độc thang

Người cống hiến: Từ Tung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tử tô	30 gam	Bạch truật	15 gam
Bán hạ	9 "	Hoàng liên	3 "
Đảng sâm	15 "	Lục nguyệt tuyết	30 "
Lục đậu	30 "	Đan sâm	30 "
Thổ Đại hoàng	9 - 15 "	Sa nhân	3 "
Thục Phụ tử	9 "	(hoặc Sinh quân)	
Sinh khương	6 "		

12. Bổ thị Thận kiệt phương

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu tiên sinh, Nhà Trung y học trứ danh

Thục Phụ tử	15 gam	Quy bản (chế dấm)	50 gam
Nhân sâm	15 "		

140. THƯỢNG THỔ HẠ TẢ

Thượng thổ hạ tả là chỉ chứng bệnh nôn mửa với ỉa chảy đồng thời phát sinh hoặc thay nhau xuất hiện, xu thế phát bệnh khá nguy cấp - phần nhiều thuộc bệnh biến của Tỳ Vị, cho nên chứng và trị của chứng này nên tham khảo các mục Ẩu thổ, Thuỷ tả, Buồn nôn và Vị thống v.v...

Đột ngột nôn mửa ỉa chảy, mửa ra nước trong, tả ra nước loãng, chất bài tiết không hôi thối lắm, kiêm chứng đau bụng, nhức đầu sợ lạnh, chân tay lạnh, phần nhiều nguyên nhân do ngày mùa Hạ ham mát uống lạnh, hàn khí tổn hại Trung dương gây nên, điều trị nên ôn trung hoà trung, hành khí giảm đau, có thể dùng ***Lý thị cứu cấp thuỷ (1)***. Nếu trẻ em nôn mửa đi tả vô độ, sốt cao khát nước, chất tả ra như trứng gà vữa, mùi tanh không nặng hơn mùi hôi thối, đó là hàn với nhiệt cấu kết ở Trung tiêu, phần dương ở trung tiêu tổn thương, nên làm ấm trung tiêu, hoà Tỳ Vị, điều nóng lạnh, có thể dùng ***Hồ thị khúc đột tiễn (2)***.

Mùa Hạ cảm nhiễm phải thử thấp, có chứng thổ tả luân phiên, vùng bụng đau thắt, vật mửa ra hôi chua, vật tả ra như nước màu vàng, kiêm chứng đau đầu phát nhiệt, sợ lạnh khát nước, bụng đầy kém ăn, tiểu tiện vàng sẻn. Nếu rêu lưỡi vàng nhớt hoặc trắng nhớt, điều trị nên thanh thử hoá thấp, hoà trung giải biểu, cho uống ***Lật thị song hương thang (3)***.

1. Lý thị cấp cứu thủy

Người cống hiến: Lý Tuấn Xuyên, Giáo sư
Y học viện xí nghiệp Dệt thành phố Vũ Hán

Thượng Nhục quế	15 gam	Công Đinh hương	15 gam
Bắc Tế tân	10 "	Sa nhân	10 "
Đậu khấu	10 "	Anh Túc xác	10 "
Chương não	125 "	Phần tửu	500 ml

Cách dùng: các vị thuốc trên ngâm vào Phần tửu (rượu sản xuất ở một địa phương tỉnh Sơn Đông) sau một tuần, lọc bỏ bã, đựng vào hũ sành hoặc đổ vào từng lọ 5 ml đậy kín, mỗi lần dùng 5 - 10 ml, pha nước ấm cho uống.

2. Hồ thị khúc đột tiễn

Người cống hiến: Hồ Thiên Hùng, Giáo sư
Trung y học viện Hồ Nam

Hồng sâm	5 gam	Bạch truật	5 gam
Can khương	5 "	Cát căn	10 "
Hoàng cầm	5 "	Cam thảo trích	5 "

Cách dùng: sắc hai nước, trộn làm một, cho uống dần dần nhiều lần.

3. Lật thị song hương thang

Người cống hiến: Lật Đức Lâm, Phó giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Hương nhu	15 gam	Hoắc hương	15 gam
Kim ngân hoa	30 "	Liên kiều	25 "

Hậu phác	10 gam	Bội lan	20 gam
Đậu quyển	15 "		
Lục nhất tán	10 " (hoà uống)		

Cách dùng: Các vị trên sắc lấy 300 ml, mỗi lần dùng 100 ml hoà thêm 3,3 gam Lục nhất tán mà uống, ngày 3 lần.

141. HIẾP THỐNG (Đau sườn)

Đau sườn phần nhiều có liên quan đến tật bệnh của Can Đởm.

Sườn bên phải trướng đau, chân tay rã rời, kém ăn sợ mỡ, kiêm chứng ngực trướng đầy, bụng bĩ tức, mạch Huyền, mắt vàng, tiểu tiện vàng là do Can uất thấp nhiệt nung nấu, nên sơ Can điều hoà Đởm, lợi thấp thanh nhiệt, cho uống ***Thanh Can lương Đởm thang (1)***. Kiêm chứng đắng miệng Tâm phiền, dùng ***Thẩm thị điền kê hoàng thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc lợi thấp.

Nếu kiêm chứng Tâm phiền, sốt cao khát nước, dưới sườn đau nhiều, đổ máu mũi, chất lưỡi đỏ tía hoặc tía tối, là nhiệt độc thấp ứ uất kết ở Can Đởm, nên thanh nhiệt giải độc, hoá ứ hoà Can, mát huyết chỉ huyết, dùng ***Thanh Đởm giải độc phương (3)***.

Bên phải sườn nhói đau nặng, đắng miệng rêu lưỡi nhớt thì dùng ***Nhan thị tê trạch thang (4)*** để thanh doanh tiết nhiệt, giải độc thông lạc trừ thấp.

Sườn trướng đầy hoặc trướng đau, Vị quản bĩ đầy, ngực phiền táo khó chịu, ợ hơi thở dài, kiêm chứng kém ăn đại tiện nhão, có thể dùng ***Trương thị Can nhất phương (5)*** để sơ Can kiện Tỳ. Kiêm chứng mệt mỏi yếu sức, mạch Tế Sắc, dùng ***Lưu thị sơ Can phù chính phương (6)*** để sơ Can dưỡng huyết, kiện Tỳ ích khí.

Sườn đau có cả chứng nóng nảy hay giận, kém ăn trướng bụng, nôn oẹ đại tiện nhão, dùng ***Trần thị sơ Can hoà trung phương (7)*** nhằm sơ Can lý khí, kiện Tỳ hoà Vị. Nếu vùng bụng trướng đầy khá nặng, rêu lưỡi dầy nhớt, dùng ***Kiện tỳ sơ Can ẩm (8)*** để kiện Tỳ táo thấp, sơ Can lý khí.

Sườn phải hoặc cả hai bên sườn trướng đau lan toả tới lưng và bả vai, đắng miệng Tâm phiền, tiểu tiện vàng ít, kiêm chứng Hoàng đản, mạch Huyền chất lưỡi đỏ, là Can Đởm khí uất nung nấu nhiệt, nên sơ lợi Can Đởm, thăng giáng khí cơ, thanh lý uất nhiệt, dùng ***Thăng giáng thang (9).***

Kiêm chứng nôn oẹ, bụng bĩ đầy, táo bón là do Can Đởm Tỳ Vị mất điều hoà, thấp nhiệt uất kết, điều trị nên sơ Can lợi Đởm, kiện Tỳ hoà Vị, giáng trọc thông Phủ, dùng ***Đởm ninh thang (10).***

Nếu sườn phải đau kịch liệt, cự án, phát sốt sợ lạnh, buồn nôn, nôn mửa, tiểu tiện nóng, táo bón, rêu lưỡi dày nhớt, mạch Hoạt Sác có lực, là nhiệt nung nấu Đởm phủ, Vị khí không hoà, có thể dùng ***Thanh nhiệt lợi Đởm thang (11)*** để thanh tả Đởm nhiệt, thông lợi Đởm Vị.

Sườn phải và vùng bụng trên đầy căng tức trướng, tự cảm thấy vùng sườn phải như bị đè nặng không tả được, khí nghịch ấm ách, thậm chí nôn mửa. Khoảng sườn phải thấy đau nhẹ lại đôi lúc đau kịch liệt là do thấp uất nhiệt nung nấu, khí cơ không thư sướng, nên tuyên thông thấp khí và thanh nhiệt, hành khí giải uất, dùng ***Tuyên sướng thấp nhiệt phương (12).*** Nếu kiêm chứng bụng thũng trướng đầy, thân thể vàng, tiểu tiện vàng là do

thấp nhiệt uất kết, đường Lạc của Can bị ứ trệ, dùng ***Sơ Can lợi Đởm thang (13)*** để sơ Can lợi Đởm, thanh nhiệt trừ thấp, lý khí hoà doanh, chỉ thống thông Lạc.

Sườn bên phải đau dữ dội, khó xoay chuyển, lúc phát lúc dịu, buồn nôn, nôn mửa, hoặc mửa ra giun đũa, cho uống ***Đởm hồi thang (14)*** để yên giun giảm đau, sơ Can lợi Đởm. Sườn bên phải đau xiên sang lưng và thắt lưng, bả vai, hoặc đau sườn mà hoàng đản, Vị quản trướng đầy, mạch Huyền Hoạt là đàm nhiệt uất trệ, Can Phế khí cơ không điều hoà, có thể dùng ***Chu thị hữu hiệp đông thống phương (15)*** để tuyên giáng Phế khí, lý Can và dưỡng Can.

Đau sườn đã lâu hoặc có lúc đau nhói, chất lưỡi tía tối kiêm chứng trướng bụng, dùng ***Tống thị Can viêm phương (16)*** để hoạt huyết lý khí, sơ Can. Kiêm chứng nôn oẹ trướng bụng là thuộc khí trệ huyết ứ, nên theo phép hành khí hoạt huyết, sơ Can hoà trung, dùng ***Ngụy thị an Đởm phương số II (17)***.

Nếu kiêm chứng trướng bụng kém ăn, tạng Can sưng to, chân tay yếu sức, dùng ***Quy thược hoà hiệp ẩm (18)*** để hành khí hoà huyết.

Đau sườn lâu ngày, nơi đau cố định, đau nặng về đêm, lưỡi tối hoặc có nốt ứ huyết hoặc dưới sườn có hòn khối ứ tích, thuộc huyết ứ ở đường Lạc của Can, nên thư Can hoà lạc, tán ứ giảm đau, dùng ***Thư Can hoà lạc ẩm (19)***. Kiêm chứng miệng khô ráo, sốt nhẹ Tâm phiền, thuộc ứ huyết kiêm âm hư, dùng ***Phương thị gia vị nhất quán tiễn (20)*** để tư âm dưỡng huyết, sơ Can hoạt huyết. Kiêm chứng bụng trướng đầy tức, kém ăn mỏi

mệt, tiểu tiện vàng, đại tiện nhão, chất lưỡi có nốt ứ huyết, cho uống ***Tiêu thị biến khu thang (21)*** nhằm điều hoà khí cơ Can Tỳ, hành ứ thông lạc tán kết.

Nếu kiêm chứng ăn uống không mạnh, bụng trướng môi đen sạm, mắt đỏ vàng đục, mất ngủ Tâm phiền, xuất huyết dưới da, dùng ***Khương thị gia vị hạ ứ huyết thang (22).***

Hai bên sườn có cảm giác nhói, trướng, nóng và đau, Tâm phiền hay giận, lòng bàn tay nóng đỏ tía, mắt khô nhìn không đỏ, lưỡi tía có nốt ứ huyết, hoặc chảy máu răng, chảy máu mũi, dùng ***Trương thị Can nhị phương (23)*** để hoạt huyết hoá ứ, mát huyết nhu Can.

Nếu đau sườn đã lâu, mặt sạm, thể trạng gầy yếu sức, không nôn mà nghẹn, tiểu tiện không lợi là đường Lạc của Can ứ nghẽn kiêm huyết hư thấp uất, nên thư Can trừ ứ, hoà Lạc giảm đau, dưỡng huyết lợi thuỷ, dùng ***Thư Can khư ứ phương (24).***

Nếu kiêm chứng bụng trướng hoặc sưng, tiểu tiện sẻn ít, sắc mặt tối sạm, mỏi mệt yếu sức, chất lưỡi tía, có thể dùng ***Du thị Can ngạnh hoá phương (25)*** để ích khí, khư ứ và tiêu tích.

Sườn đau âm ỉ dai dẳng không khỏi, kiêm chứng đắng miệng Tâm phiền, là do Can mất sự nhu nhuận, nhiệt độc ấp ủ ở trong, dùng ***Thanh Can giải độc phương (26)*** để thanh Can giải độc, dưỡng huyết nhu Can.

Kiêm chứng đầu choáng, tinh thần mỏi mệt, bụng trướng đầy, kém ăn khô họng, sắc mặt tối sạm, ít rêu lưỡi, mạch Tế Huyền, dùng ***Dục âm dưỡng Can thang (27)*** để dục âm dưỡng Can, hoá ứ tiêu trưng.

Nếu kiêm chứng họng khô ẩu nghịch, Tâm phiền sườn trướng, dùng ***Trương thị gia giảm Nhất quán tiễn (28)*** để dưỡng Can âm, lưu thông ứ trệ. Kiêm chứng Tâm phiền họng khô, đắng miệng, lòng bàn tay chân nóng, chán ăn, bụng trướng đầy thì uống ***Quách thị ất Can phương số I (29)*** để điều Can dưỡng Can, hoà trung giải độc, hành ứ thông lạc.

Sườn đau dai dẳng, lưng đùi yếu mỏi, đầu choáng tai ù, kiêm chứng tinh thần mỏi mệt yếu sức, kém ăn gày còm, dùng ***Thẩm thị quy linh câu kỷ sơn dược thang (30)*** để bổ Can Thận, mạnh Tỳ Vị. Nếu mỏi lưng choáng đầu quá nặng, dùng ***Sầm thị tam tử dưỡng Can thang (31)*** để bổ Can Thận, ích tinh huyết. Kiêm chứng ngũ tâm phiền nhiệt, sắc mặt đen sạm, mất ngủ hay mê, răng chẩy máu, mũi chẩy máu, lưỡi đỏ rạn nứt, rêu lưỡi tróc vẩy hoặc ít rêu, thậm chí đỏ bóng không có rêu, mạch Tế hoặc Trầm, thuộc Can Thận âm hư, mạch lạc không nhuận, nên bổ Can ích Thận, dưỡng âm hoà lạc, kiêm thanh trừ dư độc, dùng ***Mạn Can ninh phương số III (32).***

Bị Can bệnh lâu ngày, hai bên sườn và Vị quản trướng đầy hoặc đau, sau khi ợ hơi thì dễ chịu, trong miệng hoà hoặc miệng khô không muốn uống, kém ăn, đại tiện nhão, thuộc Vị hư đồ nước ứ đọng, nên ôn trung kiện Vị lý khí hoá ẩm, dùng ***Ôn trung lý khí phương (33).***

Lâm sàng còn gặp bại do sỏi đá kết trệ ở Đởm phủ đến nỗi đau sườn, thông thường là sườn phải và vùng bụng trướng đầy đau cự án, đau co kéo tới vai lưng phải, kiêm chứng nôn mửa buồn nôn, phát sốt sợ rét, mặt vàng tiểu tiện vàng, thuộc thấp

nhiệt nung nấu uất lại thành đá, Đởm Vị không hoà, nên sơ Can lợi Đởm, thanh lợi thấp nhiệt, trừ đá giảm đau, nói chung có thể dùng ***Kim tiền khai uất tán (34)***. Kiêm chứng đại tiện bí kết thì dùng ***Đại sài hồ thang thành phẩm (35)*** để thanh lợi thấp nhiệt, sơ lợi Đởm Vị, thông phủ trừ đá. Kiêm chứng đại tiện khô kết, kém ăn sợ mỡ, dùng ***Sơ Can lợi Đởm thang (36)*** để sơ lý Can khí, lợi Đởm thông đại tiện. Nếu thân thể vàng, mắt vàng, tiểu tiện vàng càng nặng lại táo bón, dùng ***Nhân trần bài thạch thang (37)*** để thanh lợi thấp nhiệt, lợi đởm trừ đá, hành khí thông phủ. Nếu kiêm chứng đắng miệng, phiền khát, tiểu tiện đỏ, táo bón là thuộc hoả nhiệt thiên thịnh, nên tiết hoả là chủ yếu, kèm thuốc sơ Can thanh Đởm, tán kết mềm chất rắn, hoá thạch giảm đau, dùng ***Trương thị Đởm thạch thang (38)***.

Sườn phải trướng đau, lan toả tới lưng và bả vai, hoàng đản, tiểu tiện nóng rát khó đi là chủ yếu, thuộc thấp nhiệt uất kết ở Trung và Hạ tiêu, nên thanh nhiệt lợi thấp, hoá kết bài thạch, dùng ***Gia vị Ngũ kim thang (39)***. Sau khi phẫu thuật ống mật vẫn còn kết sỏi sót lại, có chứng đau sườn, đại tiện khô, tiểu tiện vàng, có thể dùng ***Đởm đạo tán thạch thang (40)*** để thanh lợi Can Đởm, thông phủ bài thạch. Nếu đau sườn lan tới lưng và ngực, hoặc ho đau tới ngực sườn, nôn mửa ứa nước chua hoặc nôn mửa ra đờm dãi, hoặc thấy hoàng đản, phát sốt, tiểu tiện vàng sẻn, thuộc thấp nhiệt đàm ẩm uất trệ Can Đởm, nên sơ Can lợi Đởm, trừ ẩm thông Lạc, giảm đau trừ sỏi đá, dùng ***Thông Đởm thang (41)***.

Nếu chứng Sỏi mật lâu ngày trừ không hết, sườn đau âm ỉ không dứt, váng đầu ù tai, nóng nảy hay giận, lưng đùi yếu mỏi,

tiểu tiện vàng sẻn, ợ hơi trướng bụng, mạch Tế Huyền, thuộc Can âm bất túc, dư tà trì trệ ở Đởm nên, dưỡng âm nhu Can, sơ Can lợi Đởm, thanh lợi trừ sỏi đá, dùng ***Nhu Can tiễn (42).***

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Bì phu phát hoàng", "Vị thống", "Dưới sườn có khối rắn" v.v...

PHỤ PHƯƠNG

1. Thanh Can lương đởm thang

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoài, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Đương qui	Xuyên khung
Bạch thược	Sài hồ
Mẫu đan bì	Sơn chi
Long đởm thảo	Chỉ xác
Mạch nha	

Gia giảm: Đau sườn trái, gia Uất kim. Bụng trướng đầy gia Hậu phác. Khát nước gia Thiên hoa phấn, Mạch môn đông. Bụng dưới đau gia Huyền hồ, Thanh bì.

2. Thẩm thị điền cơ hoàng thang

Người cống hiến: Thẩm Viêm Nam, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Điền cơ hoàng	30 gam	Kê cốt thảo	15 gam
Thổ Nhân trần	15 "	Nhân tự thảo	15 "
Bản lam căn	15 "	Bồ công anh	15 "
Hạ khô thảo	9 "	Cam thảo	6 "

3. Thanh Đởm giải độc phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Thuỷ ngưu giác	15 gam	Quảng Uất kim	9 gam
Hoàng liên diện	3 "	Hoàng cầm	15 "
Chi tử	9 "	Đan sâm	15 "
Bồ công anh	30 "	Thổ Phục linh	30 "
Bạch mao căn	30 "	Tao hưu	9 "

4. Nhan thị tẻ trạch thang

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư
Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Quảng Tê giác 3 gam (tán bột để nuốt)

Trạch lan	15 gam	Xương truật	9 gam
Kim tiền thảo	30 "	Thổ Phục linh	30 "
Bình địa mộc	30 "	Bại tương thảo	15 "

5. Trương thị Can nhất phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hắc Long Giang

Sài hồ	15 - 20 gam	Bạch thược	50 gam
Chỉ thực	15 - 20 "	Cam thảo	15 "
Bạch truật	15 - 20 "	Phục linh	15 - 20 "

6. Lưu thị sơ Can phù chính phương

Người cống hiến: Lưu Hiến Lâm, Giáo sư
Trung y học viện Sơn Đông

Đương qui	Bạch thược
Sài hồ	Hoàng kỳ

Đảng sâm	Bạch truật
Phục linh	Hương phụ
Mộc hương	Trần bì
Bán hạ	Tiêu tam tiên

7. Trần thị sơ Can hoà trung phương

Người cống hiến: Trần Ngọc Phong, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Đương qui	15 gam	Bạch thược	10 gam
Sài hồ	10 "	Phục linh	15 "
Uất kim	10 "	Mộc hương	5 "
Bạch truật	10 "	Hương phụ	10 "
Trần bì	15 "	Chỉ xác	10 "
Xuyên khung	5 "	Mạch nha	15 "

8. Kiện Tỳ sơ Can ẩm

Người cống hiến: Nhan Diệc Lỗ, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu phòng trị Ung thư tỉnh Giang Tô

Xương truật	9 gam	Bạch truật	9 gam
Quế chi	3 "	Phục linh	9 "
Hậu phác	6 "	Uất kim	6 "
Mộc qua	6 "	Cốc nha	12 "
Mạch nha	12 "	Khương Bán hạ	9 "
Cam thảo	3 "	Thanh bì	6 "
Trần bì	6 "		

Gia giảm: Hoàng đản gia Nhân trần 30 gam, Sơn chi 6 gam. Sườn bên phải trướng đau gia Khương hoàng 5 gam, Bạch thược 9 gam. Tiểu tiện ít gia Trư linh 15 gam, Phục linh 15 gam.

9. Thăng giáng thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	5 gam	Chỉ xác (sao)	7 gam
Cam thảo trích	4 "	Uất kim	10 "
Mẫu đan bì	10 "	Hắc sơn chi	10 "
Tỳ bà diệp	10 " (bỏ lông)		

Gia giảm: Đau ở sườn phải, gia Toàn phúc hoa, Chế Hương phụ đều 10 gam, lấy vị cay để thông lợi hạ khí. Đau ở sườn trái, gia Xuyên luyện tử, sao Huyền hồ đều 10 gam để sơ Can hoà lạc. Khi đau nghiêng về bên cạnh nặng hơn và có cảm giác đau rút, gia Độc hoạt 10 gam, Ý dĩ nhân 15 gam, để tháo gỡ co cứng làm dịu cơn đau căng. Đau sườn hay tái phát, khi bị kích thích về tình chí thường phát cơn đau, gia Phật thủ phiến, Thanh quất diệp đều 10 gam để sơ khí giải uất. Nếu thấy rầu rĩ không yên, gia Tiểu mạch, Táo nhân sao đều 10 gam để yên Tâm thần.

Đau sườn tái phát kiêm chứng miệng ráo đại tiện rắn, ngực bụng bĩ trệ, gia Hạnh nhân, Đào nhân đều 10 gam để lý khí nhuận giáng. Đau sườn kiêm cả chứng huyết hư gia Đương qui, Bạch thược hoặc thêm cả Bá tử nhân, Tế Sinh Địa hoàng đều 10 gam để dưỡng huyết nhu Can.

Do bị viêm túi mật mà đau sườn, đại tiện lỏng nhão, bỏ Mẫu đơn bì, Tỳ bà diệp, gia Xuyên khung 7 gam, Tiêu Thần khúc, Hoàng cầm đều 10 gam, chữa luôn cả Đờm, Vị và thanh hoá thấp nhiệt. Nếu như chất lưỡi đỏ, rêu trắng nhớt, thấp uất sinh nhiệt, đổi dùng Hoàng liên 4 gam, Hoàng cầm 10 gam, Bào khương 4 gam, dùng vị cay đắng để tuyên tiết.

Nếu là viêm gan mạn tính hoặc di chứng sau viêm gan, đau sườn, biếng ăn, đại tiện có lúc nhão, nguyên phương gia Sa nhân mạt (bỏ vào sau) Bạch truật sao, Phục linh đều 10 gam, để tỉnh Tỳ mạnh Vị.

Nếu viêm gan còn hoạt động hoặc gan B, gia Hổ trượng 30 gam, Nhân trần 10 gam hoặc dùng Thổ Phục linh 30 gam, Tần giao 10 gam thay thế sử dụng dễ thanh nhiệt lợi thấp.

Can Đởm mất sự sơ giáng mà buồn nôn, nôn mửa, ăn vào vận hoá chậm chạp, gia Khương Bán hạ, Tiêu Chỉ thực đều 10 gam, Trúc nhự sao 5 gam.

10. Đởm ninh thang

Người cống hiến: Chu Bối Đình, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Nhân trần	Hổ trượng
Sinh Đại hoàng	Sinh Sơn tra
Kê nội kim	Thanh bì
Trần bì	Uất kim

11. Thanh nhiệt lợi đởm thang

Người cống hiến: Triệu Thiệu Cầm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	6 gam	Đại hoàng	3 gam
Chỉ thực	6 "	Hoàng cầm	10 "
Bán hạ	10 "	Uất kim	10 "
Hạnh nhân	10 "	Hương phụ	10 "

12. Tuyên sướng thấp nhiệt phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Hồng Sài hồ	10 gam	Pháp Bán hạ	10 gam
Táo nhân (sao)	10 "	Chỉ xác (sao)	10 "
Lai bặc tử	10 "	Xuyên Uất kim	10 "
Qua lâu bì	10 "	Tiêu sơn tra	10 "
Thần khúc sao	10 "	Khô Hoàng cầm	10 "
Đại phúc bì	15 "	Long đởm (sao rượu)	10 "
Sinh khương	3 nhát		

13. Sơ Can lợi Đởm thang

Người cống hiến: Lý Bồi Sinh, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Sài hồ	10 gam	Hoàng cầm	8 gam
Hải kim sa (thảo)	15 "	Kim tiền thảo	15 "
Kê nội kim	10 "	Xuyên Uất kim	8 "
Bạch thược	10 "	Xuyên luyện tử (sao)	10 "
Chỉ thực (sao)	10 "	Xích Phục linh	15 "
Xa tiền tử	10 "		

Gia giảm: Hoàng đản sắc sẫm gia Nhân trần. Buồn nôn gia Xuyên Hoàng liên sao, Pháp Bán hạ, Quất hồng. Bụng trướng gia Xuyên Hậu phác, Đại phúc bì. Táo bón gia Đại hoàng rửa rượu. Sườn trướng nhiều gia Thanh bì. Sườn đau nặng gia Huyền hồ. Tiểu tiện không lợi gia Hoạt thạch, Trư linh, Trạch tả.

14. Đởm hồi thang

Người cống hiến: Lý Phú Minh, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Nhân trần	30 gam	Uất kim	12 gam
Bạch thược	12 "	Chỉ xác	12 "
Xuyên tiêu	3 - 6 "	Cam thảo	9 "
Ô mai	15 - 20 "	Mộc hương	9 "

15. Chu thị hữu hiếp đông thống phương

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Câu đằng	10 gam	Cát căn	15 gam
Tiền hồ	10 "	Cát cánh	10 "
Chỉ thực	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Câu kỷ tử	10 "	Biển xúc	10 "
Sơn tra	15 "		

Gia giảm: Đau kịch liệt không ngớt, gia Huyền hồ 10 gam, Xuyên luyện tử 10 gam. Vị quản trướng đầy, sau khi ăn thì đau tăng, gia Thần khúc 15 gam, Mạch nha 15 gam, Sơn tra 15 gam. Nếu tiểu tiện vàng đỏ, gia Kim tiền thảo 30 gam.

16. Tống thị Can viêm phương

Người cống hiến: Tống Hiếu Chí, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Thảo hà sa	20 - 30 gam		
Thanh bì	9 "	Tô mộc	3 gam

17. Ngụy thị an đởm phương số II

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Đương quy	6 gam	Bạch thược	6 gam
Sài hồ	6 "	Đảng sâm	6 "
Cam thảo trích	3 "	Ngô thù du	1,5 "
Sinh khương	3 "	Quế chi	1,5 "
Hồng táo	6 quả		

18. Quy thược hoà hiệp ẩm

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoài, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Bạch thược	Đương quy
Chỉ xác (sao)	Cam thảo
Hương phụ	Hoàng cầm
Khương hoàng	Thanh bì

Gia giảm: Buồn nôn, nôn mửa gia Trần bì, Trúc nhự. Tiểu tiện không lợi, gia Thông thảo. Ăn vào không tiêu hoá gia Thần khúc, Mạch nha.

19. Thư Can hoà lạc ẩm

Người cống hiến: Trần Tô Sinh, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Bắc Sài hồ	9 gam	Sinh Mẫu lệ	30 gam
Hương phụ (chế)	9 "	Ô dược	9 "
Hậu phác	6 "	Mộc hương	6 "
Đương qui	9 "	Uất kim	6 "

Xương truật	9 gam	Chỉ xác	6 gam
Ty qua lạc	9 "	Đông qua tử	12 "
Bạch thược	9 "		

Gia giảm: Triều nhiệt, gia Ngân Sài hồ, Hương Bạch vi. Có mồ hôi dùng Địa cốt bì. Không mồ hôi dùng Phấn Đan bì. Ăn uống kém, không có tích trệ gia Đại phúc bì, Kê nội kim. Có tích trệ gia Tiêu Sơn tra, Sao Mạch nha. Buồn nôn, nôn mửa, thuộc hàn gia Bán hạ, Trần bì, thuộc nhiệt gia Quất bì, Trúc nhự hoặc gia Tả qui hoàn. Đau vùng Gan gia Huyền hồ, Xuyên luyện nhục. Nếu trướng đau gia Khương hoàng, Chỉ xác. Đau rát gia Bạch vi, Xích thược, Cam thảo. Đau nhói gia Đào nhân, Hồng hoa. Huyết chẩy ứ đọng gia Bồ hoàng, Ngũ linh chi. Gan sưng to gia Thanh bì, Đương qui. Tỳ sưng to gia Thuỷ Hồng hoa tử, Trích Miết giáp, Giá trùng. Tiết tả không có tích trệ gia Cát căn, Phòng phong, Bạch truật, Phục linh. Có tích trệ gia Sao Thần khúc, Sao Sơn tra; thuộc hàn gia Bào khương; thuộc nhiệt gia Hoàng liên. Táo bón hoặc hư bí gia Thủ ô, Thung dung. Thực bế gia Đại hoàng, Đào nhân. Tích nước gia Thuỷ Hồng hoa tử, Trạch lan. Hoàng đản gia Nhân trần, Sơn chi. Dương hoàng lại gia Hoàng bá, Hoàng cầm, Liên kiều. Âm hoàng lại gia Phụ tử, Quế chi, Can khương. Bụng trướng đau lan toả rộng là do khí trệ, gia Đại phúc bì, Thanh bì. Đau nhói cố định là có huyết ứ, gia Đào nhân, Xích thược.

20. Phương thị gia vị nhất quán tiễn

Người cống hiến: Phương Dược Trung, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Bạc hà	Sài hồ
Kê huyết đằng	Dạ giao đằng

Khương hoàng	Uất kim
Đan sâm	Thiên môn đông
Sinh Địa hoàng	Bắc Sa sâm
Mạch môn đông	Đương qui
Câu kỷ	Xuyên luyện tử

21. Tiêu thị biến khu thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Lưu ký nô (hoặc Xuyến thảo) 9 - 10 gam

Bắc Sài hồ	9 - 15 gam	Hoàng cầm (sao)	9 - 12 gam
Tiêu Sơn tra	10 "	Xuyên luyện tử (sao)	9 - 12 "
Tiêu Mạch nha	10 "	Bạch tật lê	9 - 12 "
Khương hoàng	9 "	Tạo giác thích	3 - 6 "
Tiêu Cốc nha	10 "	Thảo hồng hoa	9 - 10 "
Tiêu Thần khúc	10 "	Chế Bán hạ	10 - 12 "
Sao La bặc tử	10 "	Trạch tả	9 - 15 "

22. Khương thị gia vị hạ ứ huyết thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư
Đại học Y khoa Thượng Hải

Đại hoàng (nếu ỉa chảy nhiều lần, thì vị này sắc trước hoặc giảm liều lượng) 9 gam

Đào nhân	9 gam	Giá trùng	9 gam

Gia giảm: Có thể chọn gia Đan sâm, Xích thược, Sơn giáp nướng, Ngũ linh chi, Đương qui, Hồng hoa, Mẫu đơn bì.

23. Trương thị Can nhị phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Hắc Long Giang

Đương qui	20 gam	Xích thược	15 gam
Sinh Địa hoàng	20 "	Đan sâm	20 "
Mẫu đơn bì	15 "	Đào nhân	15 "
Sài hồ	15 "	Cam thảo	10 "

24. Thư Can khư ứ phương

Người cống hiến: Hồ Hy Thứ, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	12 gam	Hoàng cầm	10 gam
Thiên hoa phấn	12 "	Can khương	6 "
Sinh Mẫu lệ	10 "	Quế chi	10 "
Đương qui	10 "	Bạch thược	12 "
Xuyên khung	10 "	Xương truật	10 "
Trạch tả	12 "	Phục linh	10 "
Đan sâm	30 "	Cam thảo (trích)	10 "

Gia giảm: Đau vùng Gan gia Vương bất lưu hành. Can Tỳ sưng to, bệnh nặng, gia Tam lăng, Nga truật. Đau nhói gia Khổ Cát cánh. Chức năng Gan không bình thường gia Nhân trần, Đan sâm. Đau bụng, đại tiện thường khô tăng Bạch thược thành 18 gam. Có phiền nhiệt tăng Sài hồ thành 24 gam. Miệng đắng lưỡi ráo, khát nước gia Sinh Thạch cao 30 - 45 gam.

25. Du thị Can ngạnh hoá phương

Người cống hiến: Du Trường Vinh, Giáo sư Trung y học viện Phúc Kiến

Tây dương sâm	30 gam	Tam thất	30 gam
Kê nội kim	60 "		

Cách dùng: Tán bột trộn đều chia làm 30 gói, ngày uống 1 gói chiêu với nước chín.

26. Thanh Can giải độc phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	9 gam	Xích thược	15 gam
Đương quy	15 "	Bán hạ	9 "
Hoàng cầm	15 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Bản lam căn	15 "	Thổ Phục linh	30 "
Bạch mao căn	30 "	Tao hưu	9 "
Bồ công anh	30 "		

27. Dục âm dưỡng Can thang

Người cống hiến: Chung Nhất Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Sinh Địa hoàng	15 gam	Bạch thược	20 gam
Câu kỷ tử	20 "	Nữ trinh tử	20 "
Chế Thủ ô	20 "	Mẫu đơn bì	15 "
Đan sâm	20 "	Xuyến thảo	15 "

Miết giáp trích (hoặc Quy bản) 20 gam

Gia giảm: Can uất khó chịu gia Uất kim 10 gam, Tô ngạnh 10 gam. Kiêm chứng phúc thuỷ, rêu lưỡi nhớt, bỏ Sinh địa, gia Ý dĩ nhân 30 gam, Phục linh 20 gam, Trạch tả 20 gam. Có chứng Nha tuyên, mũi xuất huyết gia Địa du 30 gam, Hoè hoa 15 gam. Miệng khô, tiểu tiện đỏ, gia Thanh cao 10 gam, Thạch hộc 15 gam, Mạch môn đông 15 gam. Đại tiện không thành khuôn bỏ Thủ ô, gia Cát căn 15 gam, Hà diệp 6 gam, Sơn dược 20 gam. Táo bón gia Qua lâu nhân 15 gam. Tinh thần uể oải gia Hoàng kỳ 30 gam, Đương qui 25 gam. Chức năng gan B không bình thường gia Đại thanh diệp 30 gam, Nãn tàm sa 15 gam. Trướng bụng nặng gia Chỉ xác 6 gam, Tân lang 20 gam.

28. Trương thị gia giảm nhất quán tiễn

Người cống hiến: Trương Hải Phong, Giáo sư Trung y học viện Giang Tây

Bắc Sa sâm	20 gam	Mạch môn đông	10 gam
Đương quy	10 "	Câu kỷ	20 "
Miết giáp	20 "	Hợp hoan bì	15 "
Lục ngạc mai	10 "	Huyền hồ	10 "
Đại giả thạch	20 "		

29. Quách thị ất can nhất hiệu phương

Người cống hiến: Quách Duy Nhất, Y sư phó chủ nhiệm Y viện khu vực Du Lâm tỉnh Thiểm Tây

Mạch môn đông	Đương quy thân
Sinh Địa hoàng	Câu kỷ tử
Xuyên luyện tử	Cam thảo

Chỉ xác	Sài hồ
Bạch thược	Thái tử sâm
Mạch nha	Kê nội kim
Đan sâm	Uất kim
Bản lam căn	

Gia giảm: Nếu tay chân nóng lắm, hợp với Nhị chí hoàn. Gan to gia Nga truật.

30. Thẩm thị quy linh câu kỷ sơn dược thang

Người cống hiến: Thẩm Viêm Nam, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Câu kỷ tử	10 gam	Sơn dược	20 gam
Phục linh	20 "	Ô quy (hầm ăn)	1 con

31. Sầm thị tam tử dưỡng Can thang

Người cống hiến: Sầm Hạc Linh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Quảng Đông

Nữ trinh tử	Chỉ thực tử
Ngũ vị tử	Bạch tật lê
Thục Táo nhân	Thủ ô

32. Mạn Can ninh phương số III

Người cống hiến: Cốc Tế Sinh, Y sư chủ nhiệm Y viện số 1 thành phố Thiên Tân

Đảng sâm	30 gam	Sa sâm	30 gam
Sinh Địa hoàng	15 "	Thục Địa hoàng	15 "
Bạch thược	10 "	Xuyên luyện tử	10 "

Câu kỷ tử	15 gam	Mạch môn đông	10 gam
Đương qui	10 "	Thủ ô	10 "
Thố Sài hồ	10 "	Đan sâm	30 "
Kê cốt thảo	30 "	Thuỳ bồn thảo	30 "

Gia giảm: Khí hư rõ rệt, gia Nhân sâm, Phục linh, giảm Sa sâm, Mạch môn đông. Bụng trướng, linh hoạt gia Đại phúc bì, Xuyên Hậu phác. Kém ăn gia Sinh Cốc nha, Sinh Mạch nha. Táo bón gia Huyền sâm, Nhục thung dung, dùng Đương qui liều cao. Đại tiện lỏng bỏ Sinh Địa hoàng, Sa sâm, Mạch môn đông, gia Sinh Bạch truật, Sơn dược, Biển đậu sác, Sa nhân. Phúc thuỷ gia Phục linh, Trạch tả, Nhục quế. Hoàng đản gia Nhân trần, Sơn chi. Sợ dầu mỡ gia Trúc nhự, Khương Bán hạ. Vùng gan trướng đau nặng gia Hương phụ, Huyền hồ. Đau nhói gia Xích thược, Ngũ linh chi, Bồ hoàng .v.v...

33. Ôn trung lý khí phương

Người cống hiến: Hồ Hy Thứ, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Đảng sâm	10 gam	Sinh khương	10 gam
Xương truật	10 "	Trần bì	30 "
Chỉ xác	10 "	Bán hạ	12 "
Phục linh	12 "		

Gia giảm: Kiêm chứng váng đầu hoa mắt, gia Trạch tả. Hồi hộp sợ sệt gia Quế chi, Cam thảo. Ngực sườn đầy đau, gia Sài hồ, Bạch thược. Tiểu tiện không lợi gia Trư linh, Xa tiền tử. Chức năng Gan không bình thường gia Đan sâm, Nhân trần, Đương quy. Đại tiện lỏng nhão rõ rệt, gia Ngô du. Bụng trướng rõ rệt

gia Đại phúc bì. Kém ăn rõ rệt gia Sa nhân. Rêu lưỡi trắng nhớt gia Trúc nhự.

34. Kim tiền khai uất tán

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Kim tiền thảo	30 gam	Sài hồ	9 gam
Chỉ thực	9 "	Hải phiêu tiêu	9 "
Bạch thược	9 "	Bối mẫu	9 "
Uất kim	6 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Kiêm chứng Vị thống, rối loạn tiêu hoá gia Bồ công anh 15 gam, Cam trùng, Thiên thiên đằng đều 6 gam. Kiêm bệnh sử viêm Gan ngực sườn đau, linh hoạt gia Đan sâm 15 gam, Hương phụ 9 gam. Nếu có chứng phiền táo, đầu choáng, đau đầu, chất lưỡi đỏ tía là do âm hư huyết nhiệt, bỏ Sài hồ, gia Tiêu Sơn chi, Quyết minh tử đều 9 gam, Hạn liên thảo 15 gam.

35. Đại sài hồ thang thành phẩm

Người cống hiến: Ấu Hội Hà, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	15 gam	Xích thược	15 gam
Hoàng cầm	15 "	Bán hạ	9 "
Chỉ xác	9 "	Đại hoàng	9 "
Nhân trần	30 "	Uất kim	9 "
Kim tiền thảo	60 "	Bồ công anh	30 "
Qua lâu	30 "		

36. Sơ Can lợi Đởm thang

Người cống hiến: Chương Chân Giả, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Vũ Hán

Sài hồ	10 gam	Chỉ xác	10 gam
Xích thược	10 "	Cam thảo	9 "
Mộc hương	10 "	Hoàng cầm	10 "
Hoàng liên	6 "	Thục Đại hoàng	8 "
Kê nội kim	10 "	Uất kim	10 "
Xuyên phác	10 "	Sơn tra	10 "

Gia giảm: Đau sườn khá nặng có thể gia Huyền hồ, Xuyên luyện tử. Táo bón nhiệt nặng, Thục Đại hoàng đổi làm Sinh Đại hoàng. Cá biệt có bệnh nhân đại tiện lỏng loãng thì bỏ Thục Đại hoàng gia Hoắc hương. Nôn oẹ ợ hơi nặng gia Pháp Bán hạ. Rối loạn tiêu hoá gia Sao Cốc nha, Sao Mạch nha. Rêu lưỡi dày nhớt gia Kim tiền thảo. Ố hàn phát nhiệt gia Kim ngân hoa, Liên kiều. Hoàng đản xuất hiện gia Nhân trần, Sơn chi.

Chú ý: Thời gian điều trị nên ăn uống thanh đạm.

37. Nhân trần bài thạch thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân trần	30 gam	Sinh Sơn chi	10 gam
Sinh Đại hoàng	10 "	Huyền minh phấn	10 "
Kim tiền thảo	30 "	Quảng Uất kim	15 "
Bồ công anh	15 "	Quảng Mộc hương	9 "
Chỉ thực	10 "		

38. Trương thị Đởm thạch thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Long đởm thảo (sao rượu)	10 gam
Kim tiền thảo	60 gam
Tiêu thạch (tức Đại tiêu)	15 gam

Hải tảo	15 gam	Côn bố	15 gam
Giáng hương	5 "	Hạ khô thảo	30 "
Bồ công anh	30 "	Tử hoa địa đinh	30 "
Toàn phúc hoa	10 "	Thiên quỳ tử	10 "
Tam lăng (nướng)	10 "	Sài hồ	10 "

Cách dùng: để riêng Tiêu thạch chia làm 5 lần hoà vào nước thuốc, các vị còn lại đem sắc chia làm 5 lần uống trong hai ngày. Mỗi đợt điều trị 15 thang, đỡ đau thì ngừng thuốc. Bình thường có thể hai ngày uống một thang, nghỉ hai ngày lại uống thang tiếp theo.

39. Gia vị ngũ kim thang

Người cống hiến: Du Thận Sơ, Giáo sư Trung y học viện Phúc Kiến

Kim tiền thảo	30 gam	Hải kim sa	15 gam
Kê nội kim	10 "	Xuyên luyện tử	10 "
Xuyên uất kim	10 "	Ngọc mễ tu	15 "

Gia giảm: Chứng sỏi mật nên gia Chỉ xác 6 gam, Phác căn 6 gam, Huyền minh phấn 12 gam (bỏ vào sau). Chứng sỏi niệu đạo nên gia Thạch vi 12 gam, Miên tu thảo 12 gam. Nếu đại tiện thông, giảm bỏ Huyền minh phấn.

40. Đởm đạo tán thạch thang

Người cống hiến: Chu Bối Đình, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Kê nội kim 10 miếng (nghiền bột nuốt)

Trần bì	4,5 gam	Chỉ xác	9 gam
Mộc hương	9 "	Nhân trần	12 - 15 "
Hổ trượng	12 - 15 "	Sinh Đại hoàng	3 - 9 "
Sinh Sơn tra	9 - 12 "	Huyền minh phấn	6 - 9 "

41. Thông Đởm thang

Người cống hiến: Lý Tuấn Xuyên, Giáo sư Y học viện xí nghiệp Dệt thành phố Vũ Hán

Sài hồ	10 gam	Bạch thược	15 gam
Chỉ thực	10 "	Hoàng liên	6 "
Ngô thù du	3 "	Mộc hương	6 "
Sa nhân	6 "	Cam toại	3 "
Đại kích	3 "	Bạch giới tử	10 "
Hổ trượng	12 "	Kim ngân hoa	15 "

Gia giảm: Phát nhiệt gia Liên kiều, Bồ công anh. Đau nhiều gia Huyền hồ. Tiểu tiện sẻn đỏ gia Bạch mao căn, Nhân trần thảo, Kim tiền thảo. Phát hoàng gia Nhân trần, Hoàng bá. Đại tiện bí kết gia Đại hoàng, Huyền minh phấn. Nôn oẹ gia Trần bì, Bạch truật.

Cấm kỵ: Xuất huyết đường tiêu hoá và người có thai kiêng uống.

42. Nhu can tiễn

Người cống hiến: Chu Bồi Đình, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng
Câu kỷ tử
Hổ trượng
Sinh Sơn tra
Mai khôi hoa
Lục ngạc mai
Thủ ô
Nhân trần
Sinh Đại hoàng
Kê nội kim
Phật thủ

142. KHỐI RẮN Ở HẠ SƯỜN

Chứng này chỉ một bên hoặc hai bên hạ sườn có khối sưng cứng rắn và đau, phần nhiều do các chứng Đau sườn và Hoàng đản tái phát, dằng dai lâu ngày phát triển thành bệnh.

Hạ sườn có khối sưng, cứng rắn và đau, sắc mặt tối trệ, chất lưỡi tối, kiêm chứng đắng miệng, trướng bụng, lưỡi đỏ, rêu lưỡi nhớt, thuộc nhiệt uất ở Can kinh, khí huyết ứ trệ, nên hành khí khai uất, hoạt huyết hoá ứ, làm mềm Gan chắc Tỳ, dùng ***Nhuyễn Can xúc Tỳ ẩm (1).***

Nơi đau có khối sưng cứng rắn, chất lưỡi tía tối là do ứ trệ khá nặng, nên hoá ứ tán kết tiêu chất rắn, cho uống ***Trần thị phỏng Miết giáp tiễn hoàn ý phương (2)*** để hoạt huyết mềm chất rắn, tan ứ giảm đau. Nếu kiêm chứng đắng miệng Tâm phiền, tiểu tiện vàng, mắt vàng, nơi đau sưng to cứng rắn, chất lưỡi tía tối, rêu vàng nhớt, dùng ***Trương thị Can thũng phương (3)*** để thanh nhiệt lợi thấp, hoá ứ mềm chất rắn, tiêu sưng giảm đau.

Kiêm chứng bụng trướng đầy, hai bên sườn trướng đau, bụng to nổi gân xanh hoặc có phúc thuỷ nhẹ, sắc mặt đen sạm, môi tái lưỡi tối, là thuộc huyết hư đường Lạc bị ứ, Can mất thư sướng, cho uống ***Hoạt ứ tiêu tích thang (4).***

Nếu kiêm chứng vùng bụng có khối sưng, phụ nữ kinh nguyệt không điều hoặc thống kinh, có thể uống ***Sử thị gia vị noãn sào nang thũng kinh nghiệm phương*** *(5)* để hoạt huyết trừ ứ, tiêu trưng tán kết, điều kinh giảm đau.

Những chứng hạ sườn có khối rắn và đau, đều có thể phối hợp sử dụng ***Tiêu thũng chỉ thống cao*** *(6)* dán vào bộ vị khối sưng để tiêu sưng trừ đau, tăng cường hiệu quả.

Can bệnh lâu ngày, hạ sườn có khối rắn đau, mệt mỏi yếu sức thuộc huyết ứ kiêm khí hư, có thêm các chứng ngực đầy sườn trướng, bụng đầy trướng to, khối sưng cứng rắn, kém ăn hoặc đoản hơi hồi hộp, dùng ***Can ngạnh hoá hoàn*** *(7)* để hành khí tiêu ứ, mềm rắn tan kết kiêm cả nâng đỡ chính khí. Kiêm chứng hồi hộp đoản hơi, sốt nhẹ, hoặc táo bón, chất lưỡi tối mặt sạm là thuộc huyết ứ kiêm khí hư, điều trị theo phép hoá ứ mềm chất rắn, ích khí phù chính, nếu hư nhiều thì dùng ***Khương thị tảo kỳ Can ngạnh hoá phương*** *(8)*, nếu ứ nhiều thì dùng ***Trương thị hoàng kỳ nga truật thang*** *(9)*.

Nếu kiêm chứng trướng bụng, kém ăn, lòng bàn tay chân nóng hoặc hoàng đản, hoặc đại tiện khô kết, mạch Huyền Tế, không có rêu lưỡi, thuộc huyết ứ nghẽn đường Lạc, thấp độc nung nấu ở trong, khí âm đều tổn thương, dùng ***Nhuyễn kiên hoàn*** *(10)* để tiêu tích tán kết, thanh lợi thấp độc, ích khí dưỡng âm. Kiêm chứng Tâm phiền miệng khát, phát nhiệt tiểu tiện vàng, mắt vàng đoản hơi, mỏi lưng, ăn kém, ngực sườn bĩ đầy, cho uống ***Thư Can hoá trưng thang*** *(11)* để thư Can giải uất, hoạt huyết hoá ứ, thanh giải khư tà, bồi bổ Thận Vị.

Kiêm chứng đoản hơi, miệng khát, sốt nhẹ, tiểu tiện vàng hoặc mất là thuộc huyết ứ đường Lạc bị ngăn trở, thấp nhiệt nung nấu ở trong, khí âm đều tổn thương, dùng ***Nhị giáp điều Can thang (12)*** để tiêu trưng hoạt huyết, thanh nhiệt ích khí và dưỡng âm. Kiêm chứng kém ăn, sườn trướng, thể trạng gầy, có thể dùng ***Vương thị Can hồi xuân phiến (13)*** để bổ trung ích khí, hành khí vận chuyển mạnh, thông lạc mềm chất rắn khiến cho Can phục hồi và khoẻ.

Kiêm chứng kém ăn mỏi mệt, sườn trướng, mạch Tế mà Sắc, thuộc ứ huyết kiêm khí huyết bất túc, cho uống ***Trần thị gia vị đương qui bổ huyết thang (14)*** để ích khí sinh huyết làm mạnh Tỳ và tiêu tích, hoá ứ trừ đau.

Hạ sườn có khối rắn đau, bàn tay đỏ như Chu sa, mặt nhợt kém tươi, hồi hộp là thuộc ứ kiêm huyết hư. Kiêm chứng gày còm mạch Tế Sắc, kéo dài không khỏi, thuộc ứ ở đường Lạc và huyết hư, cho uống ***Lý thị diên thọ đan (15)*** để dưỡng huyết khơi thông đường Lạc, hành ứ giảm đau.

Kiêm chứng mỏi mệt sườn trướng, lòng bàn chân tay nóng, lưng mỏi yếu sức, trướng bụng, lưỡi tía không rêu, đổ máu mũi và chân răng ra máu, thuộc huyết hư khí yếu, âm hư ứ nghẽn, dùng ***Trương thị Can tứ phương (16)*** để ích khí bổ huyết, dục âm mềm chất rắn.

Kiêm chứng mất ngủ, hư phiền, đầu choáng khát nước, đoản hơi, mệt mỏi sốt nhẹ, gày còm kém ăn, thuộc Can âm bất túc, Tỳ thổ hư yếu, huyết trệ ở Lạc mạch, có thể dùng ***Sầm thị phù chính hoá ứ thang (17)*** để nuôi Can âm, làm mạnh Tỳ thổ, hoạt huyết thông lạc. Kiêm chứng gày còm yếu sức, bụng trướng đầy

mạch Huyền Sắc hoặc Huyền Tế, thuộc ứ nghẽn kiêm khí huyết bất túc, có thể uống ***Chu thị phục Can hoàn (18)*** để ôn dưỡng tinh huyết, ích khí phù chính, hoá ứ tiêu tích.

Hạ sườn có khối sưng khá rắn, đau sườn cố định, mặt tía sạm, kém ăn đại tiện nhão, mạch Sắc, thuộc Tỳ uất huyết ứ, Trung tiêu không ấm áp vận chuyển, cho uống ***Bổ thị gia vị Lý trung thang (19)*** để ấm Tỳ thư Can, hoạt huyết hoá ứ.

Những chứng nói trên đều do bệnh lâu ngày gây nên. Hai bên sườn sưng đau trướng to cũng có thể gặp trong bệnh biến cấp tính. Nếu thấy phát sốt gày còm, miệng lưỡi lở nát, đại tiện khô kết, dưới sườn có khối sưng, sườn trướng đau, xương ngực và xương ống chân ấn đau là thuộc nhiệt độc nung nấu uất kết, nên thanh nhiệt giải độc, khai khiếu tả Can, dùng ***Sinh sinh đan (20)***. Vẫn chứng nói trên lại thấy sốt nhẹ khát nước, mũi và răng xuất huyết, mệt nhọc yếu sức là do nhiệt độc tổn hại khí âm, hư nhiều thực ít, nên ích khí dưỡng âm, thanh nhiệt giải độc, dùng ***Ích khí dưỡng âm giải độc thang (21)***. Nếu thực nhiều hư ít thì dùng ***Hoá ứ tiêu trưng thang (22)*** để hoạt huyết hoá ứ, tiêu trưng tan hết, thanh giải dưỡng âm.

Hạ sườn phải đột ngột nổi lên hòn khối như cái túi, lớn như hạch đào hoặc to bằng trứng gà, ấn vào đau, kiêm chứng rã rời kém ăn, hay ăn đất, mặt vàng mình gầy, hoặc kiểm tra thấy có túi giun ở Can, có thể dùng ***Quách thị tiêu bao diệt trùng thang (hoàn) (23)*** để ích khí dưỡng âm, sơ Can kiện Tỳ, mềm chất rắn và sát trùng.

Chứng này nên tham khảo các chứng "Phát hoàng", "Hiếp thống", "Phúc trướng".

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhuyễn Can xúc Tỳ ẩm

Người cống hiến: Triệu Thiệu Cầm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	6 gam	Hoàng cầm	10 gam
Thiền thuế	6 "	Bạch Cương tàm	10 "
Khương hoàng	6 "	Thuỷ Hồng hoa tử	10 "
Miết giáp trích	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Sinh Đại hoàng	1 "	Tiêu tam tiên	10 "

Gia giảm: Ngực sườn đầy tức, mạch Trầm mà trệ, khí uất rõ rệt, gia Phật thủ 10 gam, Hương phụ 10 gam. Chán ăn buồn nôn, sườn trướng khó chịu, rêu lưỡi trắng nhớt là thấp uất nặng, gia Hoắc hương 10 gam, Bội lan 10 gam, Khương Bán hạ 10 gam. Tâm phiền mất ngủ, nóng nảy hay giận, lưỡi đỏ nổi gai là hiện tượng hoả uất, gia Xuyên Hoàng liên 6 gam, Mẫu đơn bì 10 gam, Long đởm thảo 3 gam. Ợ hơi liên tục, sau khi ăn thì đầy bụng, tích trệ rõ rệt, gia Bảo hoà hoàn 10 gam hoà vào thuốc uống. Bụng nổi gân xanh, có dấu Can trướng, dấu chỉ thù rõ rệt, lưỡi có nốt ứ huyết là đặc trưng ứ huyết, trọng dụng Miết giáp, Mẫu lệ, đều dùng tới 30 gam, lại gia Nga truật, Tam lăng mỗi vị đều 6 gam, hoặc phối hợp Miết giáp tiễn hoàn mỗi ngày uống 1 viên. Thể trạng gầy, tinh thần mỏi mệt, mạch Trầm Tế Nhuyễn Nhược, chủ yếu thuộc hiện tượng hư, nên phân biệt khí, huyết, âm, dương đằng nào nặng hơn mà thêm các vị bổ ích. Như khí hư chất lưỡi nhạt, mạch Hư, gia Bạch truật 10 gam, Thái tử sâm 6 gam. Huyết hư thì môi má nhợt, mạch Tế, gia A giao 10 gam.

Lưỡi nhạt rêu lưỡi trơn, mạch Nhu Hoãn là trung dương bất túc, gia Can khương 3 gam, Ngô thù du 3 gam. Đầu lưỡi đỏ tía, ít rêu mà khô là Hạ tiêu âm khuy gia Sinh Địa hoàng 20 gam, Câu kỷ tử 10 gam, Nữ trinh tử 10 gam.

Cách dùng: Đơn thuốc trên mỗi tuần uống 5 thang, sau khi uống 3 tháng đổi sang mỗi tuần uống 3 thang để duy trì hiệu quả.

2. Trần thị phỏng miết giáp tiễn hoàn ý phương

Người cống hiến: Trần Trạch Sâm, Giáo sư Đại học y khoa Thượng Hải

Miết giáp	12 gam	Thử phụ	6 gam
Đại hoàng	6 "	Địa miết trùng	6 "
Khương lang	6 "	Nga truật	9 "
Sài hồ	6 "	Đào nhân	6 "

3. Trương thị Can thũng phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Nhân trần	30 gam	Côn bố	15 gam
Hoè giác (sao)	10 "	Hải tảo	15 "
Tam lăng (nướng)	10 "	Miết giáp chế	15 "
Xích thược	10 "	Toàn phúc hoa	10 "
Ngũ linh chi	10 "	Bồ hoàng	10 "
Hạ khô thảo	30 "	Bồ công anh	30 "

Chú ý: nếu không có phản ứng xấu, có thể uống liên tục 2 tháng chừng nào vùng Gan hết đau, tạng Can mềm và thu nhỏ lại mới ngừng thuốc.

4. Hoạt ứ tiêu tích thang

Người cống hiến: Ba Khôn Kiệt, Giáo sư Trung y học viện An Huy

Thanh bì (sao)	10 gam	Kinh Tam lăng (sao)	10 gam
Chỉ xác (sao)	10 "	Bồng Nga truật (sao)	10 "
Sài hồ	6 "	Uất kim	10 "
Đương quy	10 "	Xích thược	12 "

Miết giáp (chế dấm) 15 gam

Mẫu lệ (dùng sống, sắc trước) 20 gam

Gia giảm: Phúc thuỷ nặng, gia Tứ linh thang (Bạch truật, Bạch linh, Trạch tả, Trư linh). Bụng trướng nặng gia Quảng Mộc hương, Tân lang. Xuất huyết đằng mũi gia Bồ hoàng thán, A giao, Xuyến thảo, Mao căn. Đau sườn nặng gia Kim linh tử tán (Xuyên luyện tử, Huyền hồ).

5. Sử thị gia vị noãn sào nang thũng kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Sử Tế Chiêu, Giáo sư Y viện Hiệp Hoà Bắc Kinh thuộc Viện y học khoa học Trung Quốc

Đào nhân	60 gam	Hồng hoa	60 gam
Nhũ hương	60 "	Một dược	60 "
Tam lăng	60 "	Nga truật	60 "
Sinh Bồ hoàng	60 "	Ngũ linh chi	60 "
Miết giáp (nướng)	90 "		

Cách dùng: Tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày 2 lần, mỗi lần uống 1 viên.

6. Tiêu thũng chỉ thống cao

Người cống hiến: PHan Quốc Hiến, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Chế Nhũ hương	30 gam	Chế Một dược	30 gam
Long đởm thảo	15 "	Duyên đan	15 "
Băng phiến	15 "	Hàn thuỷ thạch (nung)	60 "
Mật đà tăng	30 "	Can Thiềm bì	30 "
Công Đinh hương	15 "	Đằng hoàng	15 "
Tế tân	15 "	Đại hoàng	30 "
Khương hoàng	50 "	Sinh Nam tinh	20 "

Cách dùng: Tán bột trộn đều, khi dùng lấy ít bột thuốc thích hợp trộn vào pomade, bọc vào vải, dán vào vùng khối sưng, cách ngày dán 1 lần.

Chú ý: Nếu cục bộ xuất hiện nốt như sởi hoặc mọng nước thì ngừng dán, đợi khi nào lớp da trở lại bình thường mới đắp tiếp.

7. Can ngạnh hoá hoàn

Người cống hiến: Thi Kim Mặc tiên sinh, Danh y thời cận đại

Sài hồ	45 "	Chỉ thực	60 "
Uất kim	30 "	Thanh bì	15 "
Trần bì	15 "	Đương qui	30 "
Bạch thược	60 "	Xuyên khung	30 "
Mẫu đơn bì	30 "	Đào nhân	30 "
Bạch nhân sâm	30 "	Bạch truật	60 "
Phục linh	60 "	Cam thảo	30 "

Sa nhân	15 gam	Xương truật	30 gam
Xuyên phác	30 "	Tam lăng	30 "
Nga truật	30 "	Tân lang	30 "
Mộc hương	30 "	Pháp Bán hạ	30 "
Ô dược	30 "	Hắc sửu	30 "
Địa long	30 "	Nhục quế	15 "
Xuyên luyện tử	30 "	Huyết kiệt	30 "
Hổ phách	30 "		

Cách dùng: Tán bột, phun nước làm viên to bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 9 gam, ngày 2 - 3 lần chiêu với nước chín.

8. Khương thị tảo kỳ Can ngạnh hoá phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học y khoa Thượng Hải

Sinh Đại hoàng	6'- 9 gam	Đào nhân	9 gam
Giá trùng	9 "	Sơn giáp (nướng)	9 "
Đan sâm	9 "	Miết giáp	12 - 15 "
Hoàng kỳ	9 - 30 "	Bạch truật	15 - 60 "
Đảng sâm	9 "		

Gia giảm: Thấp nhiệt nung nấu ở trong hoặc thấp nhiệt lưu trệ, lựa chọn gia Nhân trần, Sơn chi, Hoàng bá, Long đởm thảo, Bồ công anh, Kim tiền thảo, Đại Tiểu kế, Đại thanh diệp, Thùy bồn thảo, Liên kiều, Bình địa mộc, Hà bao thảo, Toàn Qua lâu, Mẫu đơn bì, Phục linh, Sa nhân, Xuyên phác v.v... Khí hư gia Biệt trực sâm 3 gam hoặc Bạch sâm 9 gam, Đảng sâm và Hoàng kỳ ở trong bài có thể tăng liều lượng, lại gia Hoàng tinh, Hắc Đại

đậu v.v... Nếu Can khí uất trệ, chọn thêm các vị Chỉ xác, Sài hồ, Huyền hồ, Uất kim, Lục ngạc mai, Tô la tử, Thanh bì, Trần bì, Tử tô, Mộc hương .v.v. Âm hư thì chọn gia các vị Sinh Địa hoàng, Miết giáp, Huyền sâm, Mạch môn đông, Qua lâu nhân, Vọng giang nam, Thạch hộc, Địa cốt bì, Lô căn .v.v. Tỳ Thận, dương hư, chọn thêm các vị Phụ tử, Quế chi, Can khương, Ích trí nhân, Hậu phác, Sa nhân.

9. Trương thị hoàng kỳ nga truật thang

Người cống hiến: Trương Thuấn Trưng, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sinh Hoàng kỳ	20 gam	Nga truật	30 gam
Bạch truật (sao)	15 "	Hồng hoa	20 "
Thố Sài hồ	10 "	Bạch phàn	2 "
Giá trùng	10 "	Sinh Cam thảo	12 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc lấy nước chia 2 lần uống sau bữa cơm.

10. Nhuyễn kiên hoàn

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm Y viện trung tâm lâm nghiệp Vân Nam

Tạo phàn (nung đỏ tẩm dấm)	90 gam		
Xương truật (tẩm nước gạo)	15 gam		
Điểm Tửu khúc	21 gam		
Nhân trần	60 "	Sinh Kê nội kim	15 "
Uất kim	15 "	Kim tiền thảo	30 "
Thanh cao	45 "	Miết giáp	100 "

Hoàng kỳ	60 gam	Sơn giáp châu	18 gam
Chi tử	15 "	Đại hoàng (sao rượu)	9 "

Cách dùng: Trước hết đem Miết giáp, Hoàng kỳ, Kim tiền thảo, Nhân trần, Chi tử, Thanh cao, nấu lấy nước đặc thành cao giỏ vào nước không tan, bấy giờ mới đem Tạo phàn, Sinh Kê nội kim, Uất kim, Xương truật, Đại hoàng, Điểm Tửu khúc (men rượu nếp), Sơn giáp châu, nghiền cực nhỏ trộn đều với thuốc nói trên, thêm Mật ong vào làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày uống 2 lần sáng và tối, mỗi lần 1 viên.

11. Thư Can hoá trưng thang

Người cống hiến: Chu Tín Hữu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Sài hồ	9 gam	Nhân trần	20 gam
Bản lam căn	15 "	Đương qui	9 "
Đan sâm	20 "	Nga truật	9 "
Đảng sâm	9 "	Bạch truật (sao)	9 "
Hoàng kỳ	20 "	Nữ trinh tử	20 "
Ngũ vị tử	15 "	Phục linh	9 "

Gia giảm: Có chứng hậu thấp nhiệt hoặc hiện tượng Đởm uất, Nhân trần trong đơn có thể trọng dụng tới 40 - 60 gam rất có lợi cho thanh lợi thấp nhiệt, lại gia Xích thược, Chi tử để đạt mục đích trừ ứ lợi Đởm. Nếu hư yếu bạc nhược nghiêm trọng, thiên về dương hư thì gia Dâm dương hoắc, Tiên mao, Nhục quế để ôn dưỡng Thận dương, thiên về âm hư thì gia Sinh Địa hoàng, Câu kỷ v.v... để tư bổ Thận âm.

12. Nhị giáp điều Can thang

Người cống hiến: Hà Viêm Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Đông Hoàn tỉnh Quảng Đông

Sơn giáp (sao)	15 gam	Miết giáp	24 gam
Tam thất	6 "	Đan sâm	15 "
Nhân trần	30 "	Điền cơ hoàng	30 "
Thái tử sâm	18 "	Phục linh	18 "
Hoàng kỳ	18 "	Bạch thược	15 "
Nữ trinh tử	15 "	Nhu đạo căn, tu	24 "

Gia giảm: Nội nhiệt thịnh, đắng miệng, táo bón, bỏ Hoàng kỳ, gia Hổ trượng, Chi tử đều 12 gam. Lý thấp thịnh, đại tiện nhão, bụng đầy đau, bỏ Nữ trinh, gia Xương truật 9 gam, Hậu phác 6 gam. Đau sườn âm ỉ, bĩ đầy khó chịu, gia Sài hồ 12 gam, Uất kim 9 gam. Đau sườn từng cơn, như đâm như xé, gia Xuyên luyện tử, Huyền hồ đều 9 gam. Nghiêng về hư khí phận, mặt vàng, mệt mỏi, đoản hơi, kém ăn gia Bạch truật 12 gam, Hoài sơn 24 gam. Nghiêng về hư âm phận, miệng khô, lưỡi ráo, hư phiền bốc hoả, gia Ngọc trúc 24 gam, Mạch môn đông 12 gam. Có phúc thuỷ, Phục linh tăng tới 30 gam, dùng cả vỏ và lõi mỗi thứ một nửa, lại gia Xa tiền tử 15 gam, Sa nhân 6 gam, Mao căn 30 gam.

13. Vương thị Can hồi xuân phiến.

Người cống hiến: Vương Lâm Hiên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Toại Ninh tỉnh Tứ Xuyên

Thanh phàn	120 gam	Hương phụ (chế dấm)	240 gam
Hoàng kỳ	360 "	Hồng táo (bỏ hạt)	360 "

(Tán bột chế thành viên nén được khoảng 400 viên)

Cách dùng: Đem Hương phụ, Thanh phàn, Hoàng kỳ trộn đều chia làm 8 phần, bọc giấy bản, nhào đất thó cho dẻo bọc ra ngoài dầy tới một đốt ngón tay, đặt vào nơi tối 30 ngày, hàng ngày kiểm tra, phối hợp có chỗ nào nứt thì kịp thời lấy đất vá vào. Sau đập vỡ đất, lấy thuốc ra, loại bỏ tạp chất, tán bột, giã táo thành bùn luyện với bột thuốc làm viên nén, người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 2 - 4 viên, sau bữa cơm. Trẻ con tuỳ ý gia giảm liều lượng.

14. Trần thị gia vị đương qui bổ huyết thang

Người cống hiến: Trần Kế Minh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Hoàng kỳ
Tiêu tra khúc
Nga truật
Thạch kiến xuyên
Sinh Kê nội kim
Sinh đại Mạch nha
Tử Đan sâm

Chú ý: Hoàng kỳ nên dùng liều cao tới 30 - 45 gam.

15. Lý thị diên thọ đan

Người cống hiến: Lý Đan Sơ, Y sư chủ nhiệm Trung y dược nghiên cứu viện tỉnh Hồ Bắc

Miết giáp giao (Bồ hoàng sao thành)
Thuỷ điệt (sao cát vàng)
Giá trùng (sao qua)
Xuyên sơn giáp (sao phồng)
Hải tảo, Huyết kiệt (nghiền sống)

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, luyện mật làm viên cho uống.

16. Trương thị Can tứ phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Trung y viện Hắc Long Giang

Bạch thược	40 gam	Miết giáp (nướng dấm)	40 gam
Đương qui	25 "	Uất kim	50 "
Hồng sâm	50 "	Mẫu đơn bì	15 "
Thanh cao	20 "	Sinh Địa hoàng	30 "
Đan sâm	20 "		

17. Sầm thị phù chính hoá ứ thang

Người cống hiến: Sầm Hạc Linh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Quảng Đông

Kim anh tử	15 gam	Thủ ô	15 gam
Nữ trinh tử	15 "	Tảo nhân (sao chín)	30 - 45 "
Đương qui	12 "	Bắc kỳ	15 - 20 "
Bạch truật	12 "	Miết giáp	14 - 30 "
Bạch thược	30 "	Xích thược	15 "
Điều thất mạt	3 "	(hoà uống)	

Gia giảm: Rối loạn tiêu hoá, ăn kém ngon, gia Sơn tra, Ô mai. Can Tỳ bĩ khối, dưới sườn đau nhói gia Sơn giáp, Đan sâm. Hoàng đản gia Xuyến thảo căn, Sơn du nhục, Đại hoàng. Xuất huyết gia Hạn liên thảo, Xuyến căn thảo. Đề phòng biến thành ung thư, gia Bạch hoa sà thiệt thảo, Bán chi liên, Bán biên liên.

18. Chu thị phục Can hoàn

Người cống hiến: Chu Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Tử hà xa	60 gam	Hồng sâm tu	60 gam
Giá trùng (trích)	60 "	Giáp châu	60 "

Sâm Tam thất	60 gam	Khương hoàng phiến	60 gam
Quảng Uất kim	60 "	Sinh Kê nội kim	60 "

Cách dùng: Tán bột mịn, phun nước làm viên, mỗi lần uống 3 gam, một ngày 3 lần, một tháng làm một đợt điều trị.

19. Bổ thị gia vị lý trung thang

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu tiên sinh,
Danh sư Trung y học nổi tiếng

Đảng sâm	9 gam	Bạch truật	6 gam
Bào khương	4,5 "	Cam thảo (trích)	3 "
Kê nội kim	6 "	Quế chi	6 "
Đào nhân	4,5 "	Miết giáp	15 "
Hồng hoa	4,5 "		

20. Sinh sinh đan

Người cống hiến: Hồ Thanh Sơn, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Thanh đại	(4/10)	Hoa phấn	(3/10)
Ngưu hoàng	(1/10)	Lô hội	(2/10)

Cách dùng: Các vị tán bột, phun nước làm viên, ngày uống 3 gam, chia làm hai lần uống.

21. Ích khí dưỡng âm giải độc thang

Người cống hiến: Cố Trấn Đông, Y sư chủ nhiệm,
Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Hoàng kỳ	30 gam	Thái tử sâm	20 gam
Hoàng tinh	15 "	Bạch truật	12 "

Phục linh	10 gam	Sinh Địa hoàng	20 gam
Mạch môn đông	20 "	Thiên môn đông	15 "
Hạn liên thảo	18 "	Nữ trinh tử	15 "
Bán chi liên	30 "	Cam thảo	5 "
Bồ công anh	30 "	Tiểu kế	15 "

Bạch hoa sà thiệt thảo 30 gam

Gia giảm: Nếu chính khí cực hư, ngoại tà phần nhiều nhân hư mà lấn vào, đến nỗi nhiệt độc quá thịnh, sốt cao không ngớt, thậm chí hôn mê nói sảng, có thể chọn dùng Kim ngân hoa, Liên kiều, Bản lam căn, Hoàng cầm, Bồ công anh, Chi tử để thanh nhiệt giải độc; Tê giác, Mẫu đan bì, Huyền sâm để thanh nhiệt lương huyết; Tử thảo, Xích thược, Tam thất để lương huyết chỉ huyết và tán ứ.

22. Hoá ứ tiêu trưng thang

Người cống hiến: Chu Hạt Tường, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đào nhân	10 gam	Hồng hoa	10 gam
Đương quy	15 "	Xích thược	10 "
Xuyên khung	12 "	Đan sâm	20 "
Kê huyết đằng	20 "	Tam lăng	12 "
Nga truật	12 "	Thanh đại	15 "
Hương phụ	12 "	Uất kim	10 "
Miết giáp	20 "		

23. Quách thị tiêu bao diệt trùng thang

Người cống hiến: Quách Ôn Nhuận, Y sư phó chủ nhiệm Sở điều dưỡng bệnh tinh thần quân nhân phục viên thành phố Thiên Thuỷ tỉnh Cam Túc

Đảng sâm	18	gam	Bạch truật	9	gam
Phục linh	9	"	Đương qui	6	"
Bạch thược	6	"	Sài hồ	6	"
Côn bố	4,5	"	Hạc sắt	6	"
Mẫu lệ	4,5	"	Sử quân nhục	6	"
Sơn giáp châu	4,5	"	Tạo giáp thích	6	"
Cam thảo	1,5	"			

143. SANG ĐỘC Ở VÙNG SƯỜN

Chứng này là chỉ sang độc phát ra ở vùng sườn dưới nách. Sang độc ở vùng sườn sắc đỏ hoặc tía, sưng trướng và đau, vùng sườn trướng đầy, mạch Huyền, là độc kết làm ngăn trở đường Lạc, khí trệ huyết ứ, cho uống ***Sơ khí tiêu thũng thang (1)*** để lý khí hoạt huyết, tán kết giải độc.

Sang độc phát ở dưới sườn hoặc dưới nách, sưng đỏ đau, nơi đau nóng rát, phát sốt miệng khát, kiêm chứng tinh thần mỏi mệt, ăn kém, hoặc thể trạng vốn hư yếu, nên bổ khí phù chính, giải độc thanh nhiệt, cho uống ***Thác bổ tiêu viêm thang (2).***

Chứng này có thể thẩm khảo luận trị với chứng "Sang độc phát sinh ở các bộ vị khác".

PHỤ PHƯƠNG

1. Ích khí tiêu thũng thang

Người cống hiến: Lãng Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Bắc Kinh

Sài hồ (sao)	4 gam	Xuyên khung	4 gam
Đương quy	6 "	Xích thược	4 "
Thanh bì	6 "	Kim ngân hoa	12 "
Hương phụ (chế)	9 "	Chỉ xác (sao)	6 "
Toàn yết	1 "		

2. Thác bổ tiêu viêm thang

Người cống hiến: Thang Trác Thành, Giáo sư Trung y học viện An Huy

Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	20 gam
Bạch truật	12 "	Kim ngân hoa	30 "
Hoàng liên	10 "	Cam thảo	6 "
Dã cúc hoa	30 "	Liên kiều	20 "
Tử hoa địa đinh	30 "		

Gia giảm: Phát nhiệt nặng gia Hoàng cầm. Táo bón gia Đại hoàng. Viêm nang lông mạn tính gia Công Đinh hương 10 gam, Nhi trà 10 gam, Ngư tinh thảo 30 gam. Viêm tuyến vú cấp tính gia Bồ công anh 30 gam, Vương bất lưu hành 12 gam, Qua lâu 12 gam để thông tuyến sữa, bỏ Hoàng kỳ để tránh sữa xuống quá nhiều (nhọt đã vỡ vẫn dùng Hoàng kỳ) lại gia Ô mai 30 gam, Quảng bì 30 gam, Kiến khúc 6 gam. Trường hợp đang dùng sữa cho con bú mà bị viêm tuyến vú, có thể giảm bớt sữa. Trường ung gia Đại hoàng 9 gam, Huyền minh phấn 6 gam, Thạch xương bồ 15 gam. Đan độc gia Trạch tả 20 gam, Xương truật 20 gam, Phục linh 20 gam. Viêm tuyến Lâm ba gia Phòng kỷ 12 gam, Mộc qua 12 gam, Trạch tả 20 gam. Chứng mủ độc bại huyết gia Tây dương sâm 5 gam (sắc riêng), Đại hoàng 9 gam, Hoàng cầm 12 gam, Thuỷ ngưu giác phấn 30 gam.

144. KẾT HẠCH Ở DƯỚI NÁCH

Kết hạch ở dưới nách là chỉ dưới hai bên nách hoặc một bên kết hạch như quả trứng, sắc da không thay đổi, dân gian gọi là "Mọc ổ gà". Chứng này phần nhiều do Can uất đàm trệ, khí huyết ứ nghẽn gây nên.

Nếu kết hạch cứng rắn mà đau, ấn vào thấy di động hoặc sưng đỏ hoặc kiêm chứng phát sốt sợ rét, Tâm phiền nóng nảy là do đàm nhiệt huyết ứ, nên dùng phép tan kết mềm chất rắn, hoá đờm tiêu ứ, thanh nhiệt thông lạc cho uống ***Lâm ba tuyến lưu phương.***

Nguyên nhân và cơ chế bệnh của chứng này gần giống với các chứng "Kết hạch ở bầu vú" và "Phát dục bầu vú ở nam giới", nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

Lâm ba tuyến lưu phương

Người cống hiến: Thi Kim Mặc tiên sinh, Danh y thời cận đại

Xuyên Bối mẫu	10 gam	Mẫu đơn bì (sao)	10 gam
Bối mẫu	10 "	Đan sâm (sao)	10 "
Sơn từ cô	10 "	Giáp châu (nướng)	10 "
Hải tảo	10 "	Côn bố	10 "

Xuyên Uuất kim	10 gam	Kim ngân hoa	10 gam
Tiểu kế	10 "	Kim ngân hoa đằng	10 "
Đào nhân	6 "	Hạnh nhân	6 "
Ngưu bàng tử	6 "	Tạo giác thích	6 "
Cát cánh	5 "	Tửu Huyền sâm	12 "
Hạ khô thảo	15 "	Tam thất mạt	3 "

145. DỊCH XÚ (Hôi nách)

Chứng này chỉ dưới nách phả hơi ra có mùi hôi như chồn cáo, tục gọi là Hồ xú. Chứng này chủ yếu dùng phép chữa ở bên ngoài, nếu cục bộ hôi nách mà ra nhiều mồ hôi có thể dùng ***Hồ xú tán (1)*** đắp vào nách để liễm hãn trừ hôi. Mồ hôi ra không nhiều lắm thì dùng ***Dịch xú xát tễ (2)*** sát vào nách, hoặc có thể dán vào hố nách ***Lý thị dịch xú bính (3).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Dịch xú tán

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Mật đà tăng 24 gam Khô phàn 6 gam

Cách dùng: Tán bột, rắc đều thuốc bột vào hố nách ngày 1 lần, hoặc dùng một khối khoai tây (Mã linh thự) hoặc khoai lang gọt bỏ vỏ, chấm thuốc sát vào dưới nước, có cảm giác mát là được.

Chú ý: Trường hợp dị ứng Thuỷ ngân thì cấm dùng.

2. Dịch xú xát tễ

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Mật đà tăng (bột) 15 gam Hồng phấn 9 gam

Cách dùng: Lấy đầu ngón tay chấm thuốc bôi vào nách.

3. Lý thị dịch xú bính

Người cống hiến: Lý Quốc Chương, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Sơn Tây

Mật đà tăng	60 gam	Khổ Hạnh nhân	30 gam
Chân Xạ hương	0,6 "	Đại táo	vừa đủ

Cách dùng: Tán Mật đà tăng thành bột mịn, trộn với các vị khác giã cho thành bùn, nặn thành viên như cái bánh dày 0,6 mm, thay đổi dán vào hố nách, cách hai ngày dán miếng khác.

146. SANG ĐỘC Ở BẦU VÚ

Bầu vú sưng đỏ đau, thậm chí bị phá vỡ chảy ra mủ máu, thuộc loại sang độc ở bầu vú.

Bầu vú sưng đỏ đau, da dẻ nóng rát, khát nước, kiêm chứng ngực sườn trướng đầy, thuộc nhiệt uất khí trệ, dùng ***Quất diệp thang (1)*** để thanh nhiệt sơ khí, tiêu sưng giảm đau.

Nếu uất kết khá nặng lại kiêm chứng có hòn khối sưng rắn, đau dữ dội, ố hàn phát sốt, có thể dùng ***Qua bồ thông lạc thang (2)*** để sơ thông đường Lạc ở vú, điều hoà doanh vệ, tiêu sưng tán kết.

Nếu nhiệt độc quá thịnh, úng trệ khí huyết, có chứng bầu vú sưng trướng đau dữ dội, nóng rát đỏ hắt, khối sưng khá rắn, ố hàn phát nhiệt, Tâm phiền, miệng khát, hoặc sốt cao, phiền táo, nên thanh nhiệt giải độc, hoá ứ tán kết, thông lạc giảm đau, chọn dùng các bài ***Triệu thị nhũ ung thang (3), Đương qui qua lâu thang (4).***

Chỗ sưng cứng rắn khá nặng, dùng ***Qua lâu thang (5)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá ứ tiêu ung; cũng có thể uống ***Thược dược qua lâu cam thảo thang (6).***

Nếu nơi sưng trướng to quá, cứng rắn, nóng rát, sợ lạnh phát sốt, đó là nhiệt độc uất kết khá nặng, có thể dùng ***Trương thị tiêu ung phương (7)*** để thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng tan kết rắn, trục ứ và thông sữa.

Nếu nhiệt độc bị ứ, uất kết thành mủ, thường thấy chứng nơi sưng đã mềm, nóng rát, đau như gà mổ, ban đêm càng nặng, ố hàn phát sốt, nên dùng phép thanh nhiệt giải độc, lý khí trừ mủ, dùng ***Phòng thị nhũ ung phương (8).***

Bầu vú sưng đau cứng rắn, sắc da không thay đổi, lâu ngày không vỡ, ố hàn mạch Khẩn là do hàn ngưng huyết ứ, nên ôn dương hoá đàm, hành ứ tiêu sưng, tán kết giảm đau; nếu nghiêng về đàm, dùng ***Đỗ thị nhũ tuyến viêm phương (9)*** để ích khí ôn dương tán hàn, hoá đàm tan kết, thông lạc giảm đau; nếu nghiêng về hàn ngưng thì có thể dùng ***Bình dương chỉ thống cao (10)*** dán vào nơi đau.

Đầu vú loét nứt, sữa ra không thông, bầu vú có khối sưng và đau, vùng bầu vú nóng rát, kiêm chứng phát sốt toàn thân, là Can uất khí kết, nhiệt độc nung nấu ở trong, huyết đi không thông, cho uống ***Thư Can tán kết thang (11)*** để sơ Can tán kết, thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng giảm đau.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Bầu vú kết hạch".

PHỤ PHƯƠNG

1. Quất diệp thang

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Toàn qua lâu	30 gam	Bồ công anh	30 gam
Ty qua lạc	9 "	Sài hồ	9 "
Thanh bì	9 "	Nhũ hương	9 "

Một dược	9 gam	Chế Hương phụ	9 gam
Thanh Mộc hương	9 "	Đại Mộc thông	9 "
Lộc giác sương	24 "	Triết Bối mẫu	12 "
Hạ khô thảo	18 "	Giáp châu (sao)	6 "

Gia giảm: Nếu có biểu tà, gia Kinh giới, Phòng phong. Táo bón gia Ma nhân, Phong mật. Nhiệt nặng gia Kim ngân hoa, Liên kiều. Cứng rắn nặng gia Xuyên luyện tử, đồng thời dùng Thanh bì, Mộc hương liều cao. Huyết kết gia Đương qui, Xuyên khung. Nhũ chấp chèn ép đường lạc ra sữa, gia Vương bất lưu hành. Đã nụng mủ chưa vỡ, gia Tạo thích. Nếu khí trệ, gia Phòng phong, Trần bì, Bạch chỉ để thông lạc lý khí.

2. Qua bồ thông lạc thang.

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô.

Qua lâu	30 gam	Bồ công anh	30 gam
Ty qua lạc	9 "	Sài hồ	9 "
Thanh bì	9 "	Nhũ hương	9 "
Một dược	9 "	Hương phụ chế	9 "
Thanh Mộc hương	9 "	Mộc thông	9 "
Lộc giác sương	24 "	Bối mẫu	12 "
Hạ khô thảo	18 "	Sao Giáp châu	6 "

Gia giảm: Nếu có biểu tà gia Kinh giới, Phòng phong. Táo bón gia Ma nhân, Phong mật. Nhiệt nặng gia Kim ngân hoa, Liên kiều. Kết rắn gia Xuyên luyện tử và tăng liều lượng Thanh bì, Mộc hương. Huyết kết gia Đương quy, Xuyên khung. Sữa vít

tắc đường lạc gia Vương bất lưu hành. Kết thành mủ chưa vỡ gia Tạo thích. Khí trệ gia Phòng phong, Trần bì, Bạch chỉ để thông lạc lý khí.

3. Triệu thị nhũ ung thang

Người cống hiến: Triệu Vĩnh Xương, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Quất diệp
Quy vĩ
Xuyên khung
Lộ lộ thông
Trần bì
Sinh Cam thảo
Qua lâu
Xích thược
Vương bất lưu hành
Thanh bì
Bồ công anh

Gia giảm: Nếu kiêm phát nhiệt nặng, linh hoạt gia Liên kiều, Kim ngân hoa hoặc Hoàng cầm, Ngưu bàng tử. Có khối sưng rắn gia Sơn giáp, Tạo thích, Tao hưu hoặc Hạ khô thảo. Có hiện tượng nhiệt rõ ràng, linh hoạt gia Sinh Thạch cao, Đại hoàng hoặc Sinh Sơn chi. Kiêm Can khí uất trệ gia Hương phụ, Xuyên luyện tử.

4. Đương qui qua lâu thang

Người cống hiến: Chu Văn Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đương qui	12 gam	Ngưu tất	10 gam
Kim qua lâu	15 "	Chỉ xác	10 "
Bồ công anh	15 "	Bối mẫu	10 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên, thêm nước vừa phải, sắc hai nước hoà đều, thêm chút ít đường, lấy một nửa lượng thuốc uống nóng, mỗi ngày một thang chia 2 lần uống. Sau khi uống thuốc, lại uống thêm 50 - 100 ml rượu kê (người uống được rượu có thể uống thêm) để giúp cho tác dụng hoạt huyết hành ứ tán kết; Bệnh nặng có thể uống liên tục 2 - 3 thang. Bên ngoài phối hợp với Kim hoàng tán để bôi khiến tác dụng tiêu tán càng nhanh.

5. Qua lâu thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Qua lâu bì nhân	15 gam	Sinh Cam thảo	3 gam
Nhũ hương	3 "	Một dược	3 "
Thanh bì	3 "	Đương qui	9 "
Kim ngân hoa	9 "	Bạch chỉ	9 "
Bồ công anh	24 "	Hồng hoa	6 "

Gia giảm: Sữa bị chèn ép không thông gia Dương nhũ 12 gam, Vương bất lưu hành 9 gam, Xuyên sơn giáp 6 gam (sao kỹ tán bột để nuốt). Nếu ố hàn, bỏ Kim ngân hoa, gia Phòng phong 6 gam, Bối mẫu 9 gam.

6. Thược dược qua lâu cam thảo thang

Người cống hiến: Triệu Thương Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Sơn Tây

Xích thược	30 gam	Cam thảo	10 gam
Qua lâu	15 "	Bồ công anh	30 "

Lộ lộ thông	10 gam	Vương bất lưu hành	10 gam
Nhũ hương	3 "	Một dược	3 "

7. Trương thị tiêu ung phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Sài hồ	10 gam	Giáp châu nướng	10 gam
Thanh bì	10 "	Vương bất lưu hành	10 "
Thiên quì tử	10 "	Thiên hoa phấn	15 "
Quất hạch (sao)	15 "	Tử hoa địa đinh	30 "
Kim ngân hoa	30 "	Bồ công anh	30 "

Cách dùng: Lấy nước pha thêm 1 chén rượu trắng, đổ thuốc vào sắc trên 1 giờ, chia làm 3 lần uống nóng. Nên tránh phong hàn, đắp chăn cho ra tý chút mồ hôi.

8. Phòng thị nhũ ung phương

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	18 gam	Sinh Hoàng kỳ	18 gam
Liên kiều	15 "	Xích thược	9 "
Quy vĩ	9 "	Hồng hoa	9 "
Tạo thích	9 "	Bạch chỉ	9 "
Cát cánh	9 "	Lậu lô	9 "
Thông thảo	9 "	Sơn giáp (sao)	9 "
Cam thảo	3 "		

9. Đỗ thị nhũ tuyến viêm phương

Người cống hiến: Đỗ Ngọc Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Nhục quế	10 gam
Ma hoàng	6 "	Khương Bán hạ	10 "
Bạch giới tử	10 "	Lộc giác sương	30 "

10. Bình dương chỉ thống cao

Người cống hiến: Hùng Khôi Ngô, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Sinh Xuyên ô	50 gam	Sinh Thảo ô	50 gam
Nhũ hương	25 "	Một dược	25 "
Đào nhân	90 "	Đại hoàng	100 "
Bạch chỉ	75 "	Hoàng dược tử	75 "
Hoàng bá	75 "	Ngô công	20 "
Toàn yết	20 "	Sơn nại	180 "
Chương não	500 "		

Cách dùng: Sơn nại, Nhũ hương, Một dược, Chương não tán bột, dùng cồn 95% trộn thuốc thành hồ; Sinh xuyên ô, Sinh Thảo ô, Bạch chỉ, Đào nhân, Đại hoàng, Hoàng bá, Hoàng dược tử lại dùng dầu thực vật 2000 gam rán cho khi nào Bạch chỉ xém vàng, lại gia vào Toàn yết, Ngô công, tiếp tục xào cho đến lúc Bạch chỉ đen khô, lọc qua, sau đó lấy 700 - 750 gam Hoàng đan bỏ vào trong dầu, nấu kỹ chừng nào giỏ ngọt thành châu, để khi nhiệt độ chỉ còn khoảng 120 °C, bấy giờ mới trộn thứ bột đã luyện với cồn ở trên, khuấy đều, phết lên giấy, đậy kín để dùng. Khi dùng

thì dán ra ngoài nơi đau, hai ngày thay miếng đắp một lần. Khi nhọt đã thành mủ thì không được dùng.

11. Thư Can tán kết thang

Người cống hiến: Vương Trọng Thanh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thiên Thuỷ tỉnh Cam Túc

Hương phụ chế	9 gam	Sài hồ	6 gam
Qua lâu	6 "	Triết Bối mẫu	9 "
Liên kiều	9 "	Bồ công anh	15 "
Xích thược	6 "	Sơn giáp châu	6 "
Thông thảo	6 "	Quất lạc	6 "
Cam thảo	3 "		

147. BẦU VÚ KẾT HẠCH

Chứng này chỉ bầu vú có những kết khối to nhỏ không đều giống như hạt đào, đẩy thấy di động, phần nhiều bị ở phụ nữ.

Bầu vú kết hạch chỉ một cái ấn tay vào thấy như hạt mơ hạt mận, sắc da không thay đổi, có ven bờ rõ rệt, bề mặt bóng trơn, đẩy thấy di động, kiêm chứng nóng nẩy, ngực sườn trướng đầy, mạch Huyền, thuộc Can uất khí trệ, nên sơ Can giải uất tán kết, dùng ***Nhũ tích nội tiêu hoàn (1).***

Kết hạch mới cứng chưa chắc, đẩy tay thấy di động, lâu ngày hạch to mà đau, ngực đầy tức nhiều, rêu lưỡi nhớt, mạch Huyền Hoạt là đờm khí bị nghẽn trở, nên sơ Can giải uất, hoá đàm tán kết, mềm chất rắn, bệnh nghiêng về khí uất, dùng ***Uất thị nhũ tuyến nham phương (2)*** để lý khí sơ Can, tán kết tiêu sưng. Bệnh nghiêng về đàm uất, có thể dùng ***Tiêu giao lâu bối tán (3)*** để giải uất hoá đàm, mềm rắn tan kết.

Đàm khí uất kết mà kiêm chứng kinh nguyệt sắc nhợt lượng ít hoặc không thụ thai thuộc chứng Huyết hư, có thể dùng ***Nhũ tích chủng tử thang (4)*** để sơ Can lý khí, hoá đàm tan kết, kiêm hoà huyết dưỡng Can.

Chứng đàm khí uất kết thấy lưng gối yếu mỏi, mặt sạm đầu choáng thuộc chứng Thận khuy, có thể dùng ***Trương thị từ đào hoàn (5)*** để mềm rắn tan kết, bổ Thận phù chính.

Bên trong hai bầu vú kết rắn, hơn nữa ở vùng cổ, hố nách cũng có nhiều nơi cứng rắn như hòn cục, kiêm chứng sốt nhẹ, miệng và họng khô rít, thể trạng mệt mỏi, lưỡi đỏ non như gương không có rêu, mạch Trầm Sác mà Cấp tật là âm hư, có độc nhiệt, táo đàm câu kết, có thể dùng ***Chu thị nhũ tuyến nham chuyển di phương (6)*** để dưỡng âm nhuận táo hoá đàm giải độc.

Trong vú hai bên kết hạch nhiều, to nhỏ không đều, nhói đau không di chuyển, chất hơi cứng, hoặc chiếu theo kỳ hành kinh mà chứng trạng tăng giảm, chất lưỡi tối, mạch Huyền Tế, thuộc khí trệ huyết ứ, nên lý khí tán kết, hoạt huyết tiêu chất rắn, kiêm cả điều lý Xung Nhâm. Nếu thiên về khí trệ, dùng ***Tiêu hạch thang (7)*** để lý khí hoạt huyết tán kết, thiên về huyết ứ thì dùng ***Đỗ thị nhũ tuyến tăng sinh phương số I (8)*** để hoạt huyết hành khí, thông lạc tán kết. Nếu khối sưng cứng rắn, chất lưỡi tía tối là ứ nặng, cho uống ***Nhũ khối tiêu (9)*** để phá ứ tán kết thông lạc.

Chứng Khí trệ huyết ứ lại thấy ngực khó chịu, rêu lưỡi dày nhớt, nên thêm các loại thuốc hoá đàm tan kết, có thể chọn dùng các phương ***Sơ Can tiêu hạch phương (10), Chu thị sài hồ quất diệp tiễn (11).***

Bầu vú kết hạch sưng đỏ, da đỏ phát sốt, khát nước Tâm phiền, kiêm chứng ngực khó chịu rêu lưỡi nhớt là đàm với nhiệt câu kết với nhau, có thể dùng ***Đỗ thị nhũ tuyến tăng sinh phương số II (12)*** để hoá đàm tán kết, thanh nhiệt lương huyết.

Kiêm chứng họng khô táo bón, hoặc sốt nhẹ, mạch Tế Sác là khí huyết ứ trệ kiêm cả âm hư huyết nhiệt, điều trị theo phép

hành khí hoạt huyết thông lạc kết hợp với thanh nhiệt lương huyết dưỡng âm, cho uống ***Kim thị nhũ phòng nang tính tăng sinh phương (13).*** Đối với chứng bầu vú kết hạch thuộc khí trệ huyết ứ, đều có thể phối hợp điều trị bằng phép Châm cứu, dùng ***Châm cứu nhũ tích phương (14).***

Nếu vú kết hạch sưng đau có lúc rỉ ra cả sữa, hoặc sữa ra lẫn cả máu, sợ lạnh chân tay lạnh hoặc chân tay không ấm là dương hư Can uất, doanh huyết kết trệ, nên sơ Can hoà doanh, tráng dương mềm chất rắn, cho uống ***Hạ thị nhũ hạch phương (15).***

Bầu vú có khối sưng cứng rắn lâu ngày không tiêu tan, nơi sưng ấn thấy bờ rõ ràng, sắc tía tối, kiêm chứng gầy còm mặt sạm là do chính hư huyết ứ, có thể dùng ***Đỗ thị nhũ tuyến nham phương (16)*** để phù chính hoạt huyết tán kết.

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhũ tích nội tiêu hoàn

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Bồ công anh	9 gam	Mẫu lệ (tẩm dấm nung)	15 gam
Quất hạch	9 "	Quất diệp	9 "
Đại Hồi hương	24 "	Tiểu Hồi hương	24 "

Cách dùng: Các vị tán bột, phun nước làm viên, to bằng hạt đậu xanh, ngày hai lần, mỗi lần uống 3 - 5 gam chiêu với rượu.

Chú ý: Có thai không được dùng. Phương này nên uống lâu dài.

2. Uất thị nhũ tuyến nham phương

Người cống hiến: Uất Nhân Tốn, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Xuyên Uất kim	10 gam	Mai khôi hoa	10 gam
Thanh bì	8 "	Trần bì	8 "
Quất diệp	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Đương qui	15 "
Quát lâu	30 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước, trộn đều, chia 2 lần uống.

3. Tiêu giao lâu bối tán

Người cống hiến: Triệu Thượng Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Tây

Đương qui	10 gam	Sài hồ	10 gam
Phục linh	10 "	Bạch truật	10 "
Bối mẫu	10 "	Bạch thược	15 "
Qua lâu	15 "	Sinh Mẫu lệ	15 "
Bán hạ	9 "	Thiên nam tinh	9 "
Sơn từ cô	12 "		

4. Nhũ tích chủng tử thang

Người cống hiến: Từ Phúc Tùng, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	Đương qui
Bạch thược	Trần bì
Phục linh	Thanh bì
Quất diệp	Hương phụ

Hạ khô thảo		Chế Bán hạ	
Cam thảo (trích)			

Cách dùng: Sau khi sạch kinh, mỗi ngày uống 1 thang. Đến kỳ hành kinh hoặc sau khi có thai thì ngừng uống. Liên tục 3 tháng làm một đợt điều trị. Khi cần thiết có thể điều trị 2 đợt.

Gia giảm: Bầu vú trướng đau rõ rệt, gia Xuyên luyện tử, Huyền hồ. Bầu vú và đầu vú nóng rát hoặc ngứa, gia Mẫu đơn bì, Sơn chi. Bầu vú có khối sưng có xu thế kết rắn, gia Hải tảo, Côn bố.

5. Trương thị từ đào hoàn

Người cống hiến: Trương Đại Kiếm, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị

Sơn từ cô	250 gam	Hạch Đào nhân	500 gam

Cách dùng: Hai vị tán bột trộn đều luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 6 gam, sáng và tối mỗi lần uống 1 viên.

6. Chu thị nhũ tuyến nham chuyển di phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Bắc Sa sâm	20 gam	Thiên môn đông	20 gam
Bạch mao căn	50 "	Lô căn	30 "
Bán chi liên	30 "	Bồ công anh	30 "
Hạ khô thảo	30 "	Phong mật	200 "
Triết Bối mẫu	15 "	Sơn đậu căn	15 "
Trư linh	40 "	Xuyên Bối mẫu	10 "
Cam thảo	10 "	Bạch chủng sâm	10 "

Bạch hoa sà thiệt thảo 60 gam

Cách dùng: mỗi thang sắc 1 nước (để riêng Bạch chủng sâm và Phong mật) tuỳ ý uống nhấm nháp. Bạch chủng sâm và Phong mật sắc nước riêng, sau khi đã uống thuốc bấy giờ mới uống một vài ngụm Sâm, lại phối hợp uống thêm Tiểu kim đan (uống vào buổi sáng hàng ngày, mỗi ngày 3 gam) và Tê hoàng hoàn (uống vào buổi chiều hàng ngày, mỗi lần 1 gam).

7. Tiêu hạch thang

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Cương tàm (trích)	9 gam	Phong phòng	9 gam
Đương qui	9 "	Xích thược	9 "
Hương phụ	9 "	Quất hạch	9 "
Trần bì	6 "	Cam thảo	3 "

8. Đỗ thị nhũ tuyến tăng sinh phương số I

Người cống hiến: Đỗ Ngọc Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Xuyên luyện tử	10 gam	Quất diệp	15 gam
Đam sâm	15 "	Vương bất lưu hành	10 "
Tạo thích	10 "	Địa long	10 "

9. Nhũ khối tiêu

Người cống hiến: Đỗ Hoài Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Đan sâm	15 gam	Quất diệp	15 gam
Xuyên luyện tử	10 "	Vương bất lưu hành	10 "
Giá trùng	10 "	Tạo thích	10 "

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc lấy nước chia hai lần uống. Hoặc sắc đặc nén thành thuốc phiến được 47 phiến, mỗi ngày uống 12 phiến chia hai lần uống. Ba tháng làm một đợt điều trị. Uống một đợt điều trị mà hiệu quả chưa rõ rệt, liều lượng uống mỗi ngày có thể tăng tới 24 phiến.

10. Sơ Can tiêu hạch phương

Người cống hiến: Hoàng Diệu Đường, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Sài hồ	1 gam	Sinh Bạch thược	12 gam
Uất kim	12 "	Hương phụ	12 "
Quất hạch	12 "	Qua lâu bì	12 "
Đương qui	10 "	Lộc giác sương	12 "
Huyền hồ	10 "	Bạch truật	9 "

Cam thảo (trích) 6 gam

11. Chu thị sài hồ quất diệp tiễn

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Sơn Tây

Sài hồ	10 gam	Xích thược	10 gam
Qua lâu	30 "	Đương qui	10 "
Thanh bì	10 "	Quất diệp	10 "
Chỉ thực	10 "		

Gia giảm: Nếu lâm ba sưng to ở vùng cổ hoặc trên xương đòn, gia Hạ khô thảo 15 gam. Nhũ nục gia Giáng hương 10 gam, Xuyến thảo 10 gam. Sữa đột ngột không thông, gia Vương bất lưu hành 4 gam.

12. Đỗ thị nhũ tuyến tăng sinh phương số II

Người cống hiến: Đỗ Ngọc Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Hải tảo	10 gam	Hạ khô thảo	10 gam
Khương Bán hạ	10 "	Tử thảo	10 "

13. Kim thị nhũ phòng nang tính tăng sinh phương

Người cống hiến: Kim Khánh Phong, Y sư chủ nhiệm
Trung tâm y viện huyện Kim Sơn thành phố Thượng Hải

Đương qui	15 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Phục linh	15 "	Sinh Địa hoàng	30 "
Huyền hồ	10 - 15 "	Hương phụ	10 "
Chỉ xác	10 "	Tạo thích	10 "
Xuyên sơn giáp	10 "	Huyền sâm	30 "

Vương bất lưu hành 10 - 15 gam

Cách dùng: Mỗi ngày một thang sắc lấy nước chia hai lần uống. Ba mươi ngày làm một đợt điều trị.

14. Châm cứu nhũ tích phương

Người cống hiến: Quách Thành Kiệt, Giáo sư
Trung y học viện Thiểm Tây

Nhóm huyệt A: Đản trung Ốc ế (2 bên) Hợp cốc (2 bên)

Nhóm huyệt B: Kiên tỉnh Thiên tông Can du (đều 2 bên)

Cách dùng: Huyệt Ốc ế châm xiên 25° hướng ra phía ngoài sâu 1,5 thốn, cục bộ có cảm giác căng trướng. Huyệt Đản (Triên) trung châm hướng phía dưới sâu 1,5 thốn cũng có cảm giác căng trướng. Huyệt Kiên tỉnh mũi kim hướng phía trước sâu 1 thốn, có

cảm giác căng trướng lan toả ra cánh tay và vai. Huyệt Thiên tông châm xiên 25° mũi kim hướng xuống dưới sâu 1,5 thốn có cảm giác nặng. Các huyệt khác tiến châm thường quy như các Du huyệt nói chung.

Hai nhóm huyệt thay đổi nhau, mỗi ngày một lần theo phép bổ hư tả thực, châm 10 lần làm một đợt điều trị, nghỉ 3 ngày lại châm tiếp đợt khác. Nói chung cần 2 - 3 đợt điều trị.

Huyệt Gia giảm: Can uất gia Dương lăng tuyền. Can hoả bỏ Hợp cốc gia Thái xung. Can Thận âm hư bỏ Hợp cốc gia Thái khê. Khí huyết hư bỏ Hợp cốc, Can du gia Tỳ du, Túc Tam lý. Kinh nguyệt không điều bỏ Hợp cốc gia Tam âm giao.

15. Hạ thị nhũ hạch phương

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Tiên linh tỳ	9 gam	Điềm Thung dung	9 gam
Huyền sâm	9 "	Bạch thược	9 "
Quất hạch	9 "	Quất diệp	9 "
Uất kim	20 "	Hương duyên	20 "
Đương quy	12 "		

16. Đỗ thị nhũ tuyến nham phương

Người cống hiến: Đỗ Ngọc Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Bàng giải xác	30 "	Lộc giác giao	30 "
Hồng nha đại kích	3 "	Miết giáp	15 "
Tử hà xa	30 "	Toàn yết	3 "

148. NAM GIỚI BẦU VÚ TRƯỚNG TO

Nam giới bầu vú trướng to hoặc có cục khác bình thường, về bệnh cơ và chứng trị cũng gần giống bầu vú có khối sưng ở phụ nữ, có thể tham khảo thêm.

Nam giới bầu vú trướng to mó vào thấy cục, rắn mềm, kiêm chứng ngực khó chịu, đau sườn, nóng nảy, mạch Huyền lưỡi đỏ, là do Can uất khí kết, có thể dùng ***Nhũ lịch nghiệm phương số I (1)*** để sơ Can giải uất, hoá đàm tán kết. Nếu kiêm chứng mỏi lưng, ra mồ hôi trộm, di tinh, quầng mắt thâm v.v... là do Can Thận âm hư, điều trị theo phép bổ Thận tư âm, dưỡng Can mềm chất rắn, dùng ***Nhũ lịch nghiệm phương số II (2).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhũ lịch nghiệm phương số I

Người cống hiến: Hứa Lý Hoà, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Nam Kinh

Quất diệp	9 gam	Chế Hương phụ	9 gam
Phục linh	9 "	Trần bì	4,5 "
Hạ khô thảo	9 "	Sinh Mẫu lệ	15 "
Chế Bán hạ	6 "	Thanh bì	4,5 "

2. Nhũ lịch nghiệm phương số II

Người cống hiến: Hứa Lý Hoà, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Địa hoàng	12 gam	Mẫu lệ	15 gam
Hoài sơn	9 "	Trạch tả	9 "
Mẫu đơn bì	6 "	Phục linh	9 "
Đương quy	9 "	Bạch thược	9 "
Sơn thù nhục	4,5 "		

Chú ý: Khi sử dụng hai phương nói trên có thể đồng thời đắp Bát tướng đan ở ngoài: Phi Yêu hoàng 9 gam; Băng phiến 1,5 gam; Toàn yết (nướng) 10 con; Thiền thoái bỏ cánh và chân 6 gam; Ngô công (trích) 10 con; Ngũ bội tử (trích) 24 gam; Xuyên sơn giáp (trích) 9 gam; Công Đinh hương 6 gam.

Cách dùng: Tán bột, rắc lên trên miếng Thái ất cao, dán lên nơi đau, 7 ngày đổi miếng dán một lần (đây là nghiệm phương của phân viện thuộc Trung y Học viện Nam Kinh).

PHẦN XII

CHỨNG TRẠNG VÙNG LƯNG

Lưng là Phủ của Thận, chứng trạng thường phản ánh Hư, Thực của Thận như Đau lưng, nhưng thường được coi là chủ chứng để xử lý.

149. ĐAU LƯNG (Yêu thống)

Đau lưng là một chứng thường gặp, có thể thấy trong quá trình nhiều loại tật bệnh, có chia ra hàn nhiệt hư thực khác nhau.

Đau lưng đã lâu, đau không cử động được nhưng không có điểm đau nhói hoặc thống điểm, đoản hơi, tiểu tiện bài tiết vô lực, mạch Hư Tế, lưỡi ít rêu là thuộc Can Thận yếu lưng, uống ***Bổ Thận cường yêu phương (1)*** để bổ Thận mạnh lưng.

Do ngồi lâu mà bị đau lưng, nghỉ ngơi thì đỡ đau, mệt nhọc đau tăng, hễ đứng lâu cũng khó chịu, chân tay không ấm là Thận dương hư yếu, khí huyết bất túc, huyết lưu hành bị trở ngại, có thể uống ***Đương thị phì đại tính tích trục viêm phương (2)*** làm ấm Thận dương, ích khí dưỡng huyết, kiêm hoạt huyết giảm đau.

Đau lưng lâu ngày có điểm áp thống và đau lan toả tới chi dưới, đôi khi đi khập khiễng hoặc cơ ở chi dưới hơi nhẽo là do Thận khuy tinh thiếu, Đốc mạch không hoà, nên làm thông mạch Đốc và hoạt huyết, bổ ích tinh tuỷ, dùng ***Thông đốc hoạt huyết thang (3)***.

Đau lưng liên miên không dứt, váng đầu ù tai, hồi hộp yếu sức, tinh thần mỏi mệt, toàn thân ê ẩm khó chịu, chân tay mát, đêm tiểu tiện nhiều lần, thuộc Thận hư dương suy, khí huyết thiếu thốn lại kiêm phong hàn thấp tà, điều trị nên ôn bổ Can

Thận, ích khí dưỡng huyết kiêm khư phong, tán hàn, táo thấp, dùng ***Bổ Thận phong thấp thang (4)***.

Các chứng trạng nói trên kiêm chứng vùng lưng xoay chuyển khó khăn, chân tay tê dại, kiểm tra thuộc loại chất xương tăng sinh là do Thận hư mà Lạc mạch không hoà, nên ôn dưỡng khí huyết, bổ Thận mạnh lưng, hoà Lạc giảm đau, dùng ***Ích Thận kiên cốt thang*** (5).

Đau lưng lâu ngày, sợ lạnh ưa ấm, vận động thì dễ chịu, sắc mặt tía sạm là do hư, ứ và hàn cùng xuất hiện, cho uống ***Cảnh yêu trùng tăng sinh phương*** *(6)* để ôn thông kinh lạc, hoạt huyết hoá ứ, mạnh gân xương, khư phong giảm đau.

Đau lưng không cúi ngửa được, động làm thì đau tăng, có áp thống ở lưng và cột sống, thậm chí ảnh hưởng tới cả chi dưới, hoặc kiểm tra thấy có gai đôi cột sống, rêu lưỡi trắng, mạch Tế hoặc Trầm, thuộc phong hàn thấp ngưng trệ ở mạch lạc, nên dùng phép trị ôn kinh tán hàn, trừ thấp khu phong, hoạt huyết chống đau. Nếu thiên về hàn thấp, có thể uống ***Cốt thích hoàn*** *(7)* để ôn kinh tán hàn, trừ thấp hoá ứ, giảm đau khư phong. Nếu thiên về hàn ngưng huyết trệ, có thể dùng ***Khương thị khư thống thang*** *(8)* để ôn kinh hoạt huyết trấn áp cơn đau. Nếu thiên về phong thịnh, có thể uống ***Mã thị cốt thích tiêu thống ẩm*** *(9)* để sơ phong hoạt lạc, tiêu ứ giảm đau. Ngoài ra có thể phối hợp sử dụng ***Lý thị tẩy thống thang*** *(10)* đắp nóng vào nơi đau để tăng hiệu quả. Nếu kiêm chứng váng đầu ù tai, lưng đùi mỏi, chi dưới yếu sức, là Thận hư tinh kém lại có cả phong hàn

thấp mà chủ yếu là Can Thận bất túc, có thể dùng ***Đổng thị yêu trùy tích cốt đông thống hiệu phương (11)*** để bổ Can Thận, mạnh gân xương, lưu thông ứ trệ, thông lạc mạch. Nếu thiên về tinh khuy dương yếu, chọn dùng ***Trương thị ích Thận cường tích thang (12)*** để bổ Thận trợ dương, hoạt huyết khu phong, hoặc lấy ***Bành thị tráng yêu kiện bộ hoàn (13)*** để bổ trợ Thận tinh, trợ dương tán hàn, trừ thấp hoạt lạc, hoặc dùng ***Hà thị cốt chất tăng sinh hoàn (14)*** để phù dương bổ Thận, mạnh gân khoẻ xương, hoạt huyết trấn áp cơn đau.

Đau mỏi lưng lan toả tới xương cùng, đau chi dưới lúc nặng lúc nhẹ, gặp ấm thì đỡ, lâu ngày có cảm giác cứng khớp là do phong thấp ngăn trệ ở đường Lạc, dùng ***Thông tý hoàn (15)*** để khư phong trừ thấp, hoạt huyết thông lạc. Nếu bệnh nhân uống được rượu, có thể cho uống ***Hóá kiên trục tý tửu (16).***

Đau lưng có cảm giác căng trướng, đắng miệng, tiểu tiện vàng, kiêm chứng chi dưới sưng đỏ trướng đau, rêu lưỡi vàng nhớt hoặc phát sốt, khát nước v.v... thuộc thấp nhiệt hạ chú, dùng ***Trương thị thanh hoả lợi thấp phương (17)*** để thanh nhiệt trừ thấp khỏi đau.

Do gắng sức mang nặng, sút lưng dẫn đến đau lưng, có thể dùng ***Thư cân chỉ thống tán (18)*** để tiêu ứ hành khí giảm đau.

Một bên lưng bị đau, xu thế đau nặng không chịu nổi thậm chí vã mồ hôi chân tay lạnh, buồn nôn, bụng dưới căng gấp, tiểu tiện vàng, rỉ rích khó chịu hoặc trong nước tiểu kèm theo sỏi cát,

đỏ là kết sỏi gây nên, có thể tham khảo các mục Tiểu tiện đau buốt. Nói chung có thể dùng ***Chu thị tam kim hổ đào thang (19)*** để thanh nhiệt thông lâm, trừ sỏi và giảm đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bổ Thận cường yêu phương

Người cống hiến: Ân Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Kim mao cẩu tích	12 gam	Xuyên đoạn	9 gam
Tang ký sinh	15 "	Đỗ trọng	9 "
Ngưu tất	9 "	Ý dĩ nhân	30 "

Quả cật lợn tươi 1 quả (mổ ra cắt bỏ hết màng trắng, rửa sạch, nấu lấy nước, lấy nước này sắc thuốc. Người dân tộc Hồi có thể lấy cật Dê để thay thế).

Gia giảm: Hiện tượng hàn rõ rệt, gia Phụ cố chế 9 gam, Hồ đào nhục 9 gam (đều cả vỏ lụa).

2. Dương thị phì đại tính tích trục viêm phương

Người cống hiến: Dương Võ Hoà, Y sư phó chủ nhiệm
Y viện Dũng Kiện, khu Thượng Thành, thành phố Hàng Châu

Thục Phụ tử	9 gam	Hoài Ngưu tất	9 gam
Hán Phòng kỷ	9 "	Đương qui	9 "
Quy bản (trích)	12 "	Lộc giác sương	12 "
Thục Địa hoàng	12 "	Bổ cốt chỉ	12 "
Nhục quế	6 "	Chế Xuyên ô	6 "

Chế Nhũ hương	6 gam	Cam thảo	6 gam
Tang ký sinh	15 "	Hoàng kỳ (trích)	15 "
Ma hoàng (trích)	3 "		

3. Thông Đốc hoạt huyết thang

Người cống hiến: Lý Đông Sinh, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hồ Bắc

Hoàng kỳ	18 gam	Đương quy	9 gam
Đan sâm	18 "	Đỗ trọng	9 "
Xích thược	9 "	Địa long	9 "
Tô mộc	9 "	Trạch lan	9 "
Kim mao cẩu tích	12 "	Lộc giác phiến	18 "

Gia giảm: Kiêm chứng chi dưới nặng nề, rêu lưỡi trắng nhớt, không khát hoặc khát mà không muốn uống, thuộc chứng thấp nặng, linh hoạt gia Phòng kỷ, Tỳ giải, Xương truật. Có chứng trạng ứ huyết rõ rệt, vùng lưng đau nhói, lưỡi có nốt ứ huyết, mạch Sáp Trệ, linh hoạt gia Tam thất, Đào nhân, Huyền hồ. Kiêm chứng sợ lạnh ưa ấm, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Khẩn là thuộc hàn nặng, gia Tế tân 3 gam.

4. Bổ Thận phong thấp thang

Người cống hiến: Vương Vi Lan, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Thỏ ty tử	10 - 15 gam	Chế Cẩu tích	10 - 15 gam
Đảng sâm	10 - 15 "	Sinh Tục đoạn	10 - 15 "
Ngưu tất	10 - 15 "	Thục Địa hoàng	15 - 20 "

Nhục quế	5 - 10 gam	Đỗ trọng (sao)	10 - 15 gam
Đương qui	10 - 15 "	Bạch truật (sao)	10 - 15 "
Độc hoạt	6 - 12 "	Xuyên ô (trích)	6 - 15 "
Tế tân	3 - 15 "	Bạch thược (sao)	10 - 15 "
Phòng phong	6 - 12 "	Uy linh tiên	10 - 15 "

Gia giảm: Khí hư gia Hoàng kỳ 10 - 30 gam; Cam thảo (trích) 6 - 10 gam; Phục linh 10 - 15 gam. Huyết hư gia Xuyên khung 8 - 12 gam, A giao (sao) 10 - 15 gam. Bệnh thuộc phong thắng gia Xích thược 15 - 20 gam, Kê huyết đằng 20 - 30 gam. Bệnh thuộc hàn thắng gia Bào Phụ tử 10 - 30 gam, Thảo ô 10 gam. Thuộc thấp thắng gia Xương truật 10 - 15 gam, Sinh Ý dĩ 15 - 25 gam. Chi trên đau nặng, bỏ Độc hoạt gia Khương hoạt 9 gam, Nhục quế đổi làm Quế chi 10 - 15 gam hoặc Tang chi 30 gam. Chi dưới đau nặng gia Mộc qua 10 - 18 gam, Thiên niên kiện 10 - 15 gam. Can huyết bất túc gia A giao 10 - 15 gam, Thủ ô (trích) 15 - 25 gam. Thận dương hư nặng gia Ba kích nhục 10 - 15 gam, Lộc giác giao 10 gam. Đại tiện bí kết gia Nhục thung dung 30 gam. Thận âm hư nặng gia Diêm Quy bản 15 gam, Sơn du nhục 10 gam. Đại tiện khô ráo gia Huyền sâm 30 gam.

5. Ích Thận kiên cốt thang

Người cống hiến: Dương Thừa Tổ, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Thông, tỉnh Giang Tô

Hoàng kỳ	30 gam	Bổ cốt chi	15 gam
Cốt toái bổ	12 "	Thỏ ty tử	12 "
Cẩu tích	12 "	Xuyên đoạn	12 "
Cam kỷ tử	12 "	Can Địa hoàng	20 "

Đương quy	12 gam	Bạch thược	12 gam
Xuyên khung	12 "	Kê huyết đằng	30 "
Cát căn	12 "		

Gia giảm: Kiêm thấp gia Xương truật 12 gam. Hàn nặng gia Chế Xuyên ô 10 gam, Xuyên Quế chi 10 gam.

6. Cảnh yêu trùy tăng sinh phương

Người cống hiến: Ngụy Giá, Giáo sư
Trung y học viện Giang Tây

Trọng điểm là lấy huyệt Giáp tích và A thị, chu vi điểm đau đường kính 0,5 hoặc 1 thốn, dùng phép Ôn hoà cứu, mỗi huyệt cứu 15 phút, lấy bì phu đỏ hồng là được.

Cách dùng: Ngày một lần, 30 lần làm một đợt điều trị.

Ô tiêu sà 50 gam (Hàn nặng đổi làm Bạch hoa sà 4 con)

Toàn yết	30 gam	Giá trùng	30 gam
Đan sâm	100 "	Huyết kiệt	30 "
Đương quy	30 "	Hổ cốt	30 "
Uy linh tiên	100 "		

Cách dùng: Tán bột, đóng vào viên nang, mỗi lần uống 4 gam, sáng và tối đều 1 lần, mỗi tháng làm một đợt điều trị. Khi cần thiết uống tới 2 - 3 đợt. Hàng ngày lại hoà tan Lộc giác giao 8 gam uống thêm, ngày 1 lần.

Gia giảm: Nếu dương hư hàn nặng, thì linh hoạt thêm liều lượng Hổ cốt và Lộc giác giao, âm hư hoả vượng thì giảm liều

lượng. Nếu chi trên tê đại hoặc đau nhức nặng, gia Tang chi, Quế chi. Cổ gáy hoạt động hạn chế gia Cát căn. Lưng gối đau nặng gia Ngưu tất. Thời tiết thay đổi bệnh nặng thêm gia Tần giao. Lưng gối mỏi yếu gia Tục đoạn.

7. Cốt thích hoàn

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Xuyên ô	Thảo ô
Khương hoạt	Độc hoạt
Phòng phong	Phòng kỷ
Đào nhân	Hồng hoa
Quế chi	Xích thược
Tần giao	Bạch chỉ
Tỳ giải	Ngũ gia bì
Uy linh tiên	Tang ký sinh

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 viên.

8. Khương thị khư thống thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Trường Đại học Y khoa Thượng Hải

Chế Phụ tử	9 gam	Quế chi	9 gam
Sinh Địa hoàng	50 "	Linh tiên	15 "
Tàm sa	30 "	Kỳ sà	9 "
Tần giao	9 "	Đương qui	9 "
Xích thược	9 "		

9. Mã thị cốt thích tiêu thống ẩm

Người cống hiến: Mã Thụy Lâm, Giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Đương quy	15 gam	Bạch thược	15 gam
Hồng hoa	10 "	Uy linh tiên	30 "
Quế chi	10 "	Huyền hồ	15 "
Xương truật	15 "	Ngưu tất	15 "
Một dược	15 "	Cam thảo	10 "

10. Lý thị tẩy thống thang

Người cống hiến: Lý Phượng Các, Phó nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Sơn Tây

Ma hoàng	30 gam	Quế chi	30 gam
Tế tân	30 "	Bạch chỉ	30 "
Phòng phong	30 "	Giới tuệ	30 "
Thấu cốt thảo	30 "	Thân cân thảo	30 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên đổ nước vào sắc sau 2 giờ, bỏ bã, lấy nước để dùng, lấy 1 cân bã rượu, bỏ vào nước thuốc ở trên để nấu cho đến khi nào nước thuốc ngấm vào bã rượu, rồi chia chỗ nước thuốc ngấm bã rượu này làm 2 túi, lại đun nóng rồi chườm vào nơi đau, mỗi lần chườm lâu 3 - 4 giờ, ngày 1 lần, hai thang thuốc dùng trong một tuần, bốn tuần làm một đợt điều trị.

11. Đổng thị yêu trùy tích cốt đông thống hiệu phương

Người cống hiến: Đổng Thấu Lục, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Quy bản (trích)	15 gam	Miết giáp (trích)	15 gam
Cốt toái bổ	9 "	Chế Hương phụ	9 "

Đan sâm	15 gam	Đương qui (sao)	9 gam
Xuyên Tục đoạn	9 "	Đại Xuyên khung	9 "
Thỏ ty tử	9 "	Cẩu tích	12 "
Đỗ trọng	12 "	Ngũ gia bì	12 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên bỏ vào túi vải buộc chặt, dùng Trư bài cốt nấu lấy nước uống, trước hết nấu xong 2 nước, sau đó mới thêm muối vào, lại ăn cả Trư bài cốt, dùng liên tục 7 ngày hoặc nửa tháng thì thấy hiệu quả.

12. Trương thị ích Thận cường tích thang

Người cống hiến: Trương Phượng Sơn, Y sư chủ nhiệm
Phụ viện Y khoa đại học Cáp Nhĩ Tân

Cẩu tích	20 gam	Đỗ trọng	20 gam
Tục đoạn	20 "	Ngưu tất	20 "
Lộc giác sương	30 "	Đan sâm	20 "
Độc hoạt	15 "		

13. Bành thị tráng yêu kiện bộ hoàn

Người cống hiến: Bành Trù, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Đức Dương tỉnh Tứ Xuyên

Thục Địa hoàng	30 gam	Độc hoạt	30 gam
Cốt toái bổ	30 "	Tục đoạn	30 "
Đỗ trọng	30 "	Cẩu tích	30 "
Thiên niên kiện	30 "	Xuyên Ngưu tất	30 "
Ngũ gia bì	30 "	Thân cân thảo	30 "
Thanh đằng hương	10 "	Điếu ngư can thảo	20 "

Cách dùng: Các vị trên bào chế thường quy tán bột phun nước làm viên, hoặc có thể dùng dạng thuốc bột cũng được. Nếu

là thuốc bột, mỗi lần uống 10 gam, ngày 3 - 4 lần. Nếu là thuốc hoàn thì mỗi lần uống 15 - 20 gam, ngày 3 - 4 lần. Nói chung uống 1 tháng trở lên thì hiệu quả.

Chú ý: Nếu dùng dạng thuốc sắc thì công thức trên linh hoạt giảm liều lượng.

14. Hà thị cốt chất tăng sinh hoàn

Người cống hiến: Hà Chỉ Tương, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 4 thành phố Từ Châu tỉnh Giang Tô

Thục Địa hoàng
Lộc nhai thảo
Dâm dương hoắc
Cẩu tích
Một dược (trích)
Xuyên đoạn nhục
Bặc tử (sao)
Nhục thung dung
Bổ cốt chi
Hắc Huyền sâm
Kê huyết đằng
Uy linh tiên
Tang ký sinh

Cách dùng: Các vị liều lượng bằng nhau, đem Thục địa, Thung dung, Một dược, Huyền sâm sắc lấy nước đặc, các vị còn lại đem tán bột trộn với nước sắc đặc luyện làm viên, mỗi lần uống 10 gam, ngày hai lần, chiêu với nước chín. Một tháng làm một đợt điều trị.

13. Thông tý hoàn

Người cống hiến: Hoàng Nhất Phong, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Tô Châu

Quế chi	30 gam	Đương qui	60 gam
Hồng hoa	20 "	Sơn nại	90 "

Bạch chỉ	13 gam	Tế tân	15 gam
Khương hoạt	30 "	Độc hoạt	30 "
Tang ký sinh	60 "	Mộc hương	30 "
Bổ cốt chi	30 "	Cốt toái bổ	30 "
Lạc thạch đằng	60 "	Trần bì	30 "
Ngưu tất	30 "	Uy linh tiên	30 "
Nhũ hương (trích)	15 "	Một dược (trích)	15 "
Khương hoàng	30 "	Thần khúc	30 "
Sâm Tam thất	15 "		

Cách dùng: Các vị cùng tán bột, dùng Kê huyết đằng 150 gam, Lộc nhai thảo 150 gam, hai thứ này nấu nước đặc luyện thuốc bột làm hoàn to bằng hạt ngô đồng, ngày uống 18 gam chia hai lần uống sáng và tối.

16. Hoá kiên trục tý tửu

Người cống hiến: Trương Quỳnh Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu vực Lục An, tỉnh An Huy

Uy linh tiên	40 gam	Chế Xuyên ô	30 gam
Hổ trượng	30 "	Nhũ hương	30 "
Một dược	30 "	Giá trùng	20 "
Khương hoàng	20 "	Thanh Mộc hương	20 "
Cốt toái bổ	20 "	Ngô công	3 con to

Cách dùng: các vị bẻ vụn bỏ vào bình ngâm rượu trắng 1750 ml, đậy kín, mỗi ngày khuấy lắc 1 lần, sau 10 ngày lấy ra uống mỗi ngày 1 chén khoảng 20 ml, uống sau bữa cơm.

17. Trương thị thanh hoả lợi thấp phương

Người cống hiến: Trương Di Tôn, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Thạch Khê khu Hải Châu thành phố Quảng Châu

Hắc lão hổ	30 gam	Kim ngân hoa	30 gam
Xương truật	12 "	Hoàng bá	12 "
Cẩm Nhân trần	15 "	Uy linh tiên	12 "
Ngũ gia bì	12 "	Bạch thược	20 "
Trạch tả	12 "	Cam thảo	6 "

18. Thư cân chỉ thống tán

Người cống hiến: Tần Bá Vị tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Huyền hồ	Nhục quế
Đương qui	Ngưu tất
Đào nhân	Nhũ hương
Một dược	

Cách dùng: Các vị liều lượng bằng nhau, cùng tán bột, mỗi lần uống 6 gam chiêu với rượu hâm nóng. Nên phối hợp điều trị với ngoại khoa không nên để kéo dài.

19. Chu thị tam kim hồ đào thang

Người cống hiến: Chu Phượng Ngô, Giáo sư
Trung y học viện Sơn Đông

Sinh Địa hoàng	15 gam	Kim tiền thảo	30 - 60 gam
Hải kim sa	12 "	Huyền sâm	12 "
Thạch vi	12 "	Cù mạch	12 "
Biển xúc	12 "	Xa tiền thảo	12 "

Hoạt thạch	12 gam	Thiên môn	9 gam
Sinh Cam thảo	4,5 "	Kê nội kim (trích)	6 "
Mộc thông	4,5 "	Ngưu tất	9 "

Hồ đào nhân 4 quả (chia hai lần ăn nhấm nháp)

Cách dùng: Các vị thuốc trên thêm 600 ml nước, đun nhỏ lửa sau khi sôi 30 phút lọc lấy 400 ml, lại sắc lần II với 500 ml cạn lấy 300 ml, trộn đều hai nước, chia hai lần sáng và tối uống lúc nóng.

150. MỎI LƯNG

Vùng lưng ê mỏi khó chịu kéo dài không dứt gọi là Mỏi lưng, chứng này đồng thời xuất hiện với cả Đau lưng, có thể tham khảo mục này.

Mỏi lưng mà ống chân yếu, váng đầu hồi hộp, ù tai mất ngủ, kém ăn tinh thần mỏi mệt, hoặc là dương nuy tảo tiết là do khí huyết bất túc, Thận khí suy tổn. Chứng này nếu gặp ở người cao tuổi, có thể dùng ***Vạn thị diên thọ hoàn (1)*** để bổ Thận khoẻ thân thể, điều dưỡng khí huyết, kéo dài tuổi thọ. Mỏi lưng mà gối lạnh, không chịu nổi giá rét, chân mỏi yếu sức, táo bón tiểu tiện rít, sớm già dương nụy, tinh thần tiều tuỵ uỷ mị là do Thận hư dương suy, gân xương không mạnh, có thể dùng ***Lâm thị tráng chí thang (2)*** để bổ Thận tráng dương, mạnh mẽ gân xương.

Lưng gối mỏi yếu, chóng mặt ù tai, Tâm phiền mất ngủ, đau đầu mắt khô, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế Sác là do âm hư nội nhiệt, Can Thận bất túc, có thể dùng ***Trương thị Can Thận âm hưng phương (3)*** để tư âm thanh nhiệt, bổ ích Can Thận.

Nếu kiêm chứng chảy máu dưới da, xuất huyết răng và mũi, họng khô mồ hôi trộm là do Can Thận âm hư mà huyết phận có nhiệt, có thể dùng ***Lý thị âm hư chứng phương (4)*** để tư âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết.

Chứng này ngoài sự thao khảo mục "Yêu thống", còn có thể tham khảo các mục "Đầu choáng", "Tai ù", "Hồi hộp", "Dương nuy" và "Tảo tiết"...

PHỤ PHƯƠNG

1. Vạn thị diên thọ hoàn.

Người cống hiến: Vạn Văn Mạc, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 9 thành phố Vũ Hán

Quy giao	120 gam	Câu kỷ	120 gam
Thủ ô	120 "	Tảo nhân	120 "
Đan sâm	120 "	Dâm dương hoắc	120 "
Hoàng kỳ	180 "	Đảng sâm	180 "
Sa nhân	30 "		

Cách dùng: Quy bản để hoà tan riêng. Các vị khác sau khi sao nhỏ lửa, tán bột, trộn với Quy giao và mật luyện làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần nuốt 10 gam, ngày hai lần.

2. Lâm thị tráng chí thang

Người cống hiến: Lâm Thế Cần, Y sư chủ nhiệm
thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô

Tang ký sinh	15 gam	Đỗ trọng	10 gam
Ngưu tất	10 "	Sơn du nhục	10 "
Thỏ ty tử	10 "	Ngũ vị tử	5 "
Sa uyển tử	10 "	Sơn dược	10 "
Nhục dung	10 "		

3. Trương thị Can Thận âm hư phương

Người cống hiến: Trương Đại Vinh, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hoàng tinh	14 gam	Nữ trinh tử	15 gam
Câu kỷ	12 "	Xuyên đoạn	12 "
Tang ký sinh	30 "	Hoàng bá	12 "
Chế Thủ ô	10 "	Cát căn	15 "
Đương quy	10 "	Đan sâm	15 "

4. Lý thị âm hư chứng phương

Người cống hiến: Lý Anh Lâm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	30 gam	Thục Địa hoàng	30 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Nữ trinh tử	10 "
Hạn liên thảo	12 "	Câu kỷ tử	10 "
A giao	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Kê huyết đằng	30 "
Xuyến thảo	10 "	Ngẫu tiết	30 "

Gia giảm: Nội nhiệt rõ rệt, gia Địa cốt bì 30 gam, Diêm Tri mẫu, Diêm Hoàng bá mỗi vị 10 gam.

151. SANG ĐỘC Ở VÙNG LƯNG

Chứng này chỉ vùng lưng mọc nốt như sởi và sang độc, thậm chí mọc ở quanh lưng. Nốt mụn sởi mọc ở lưng mầu đỏ tươi, mọng nước và đan dày, nóng rát đau buốt, tình trạng phát bệnh khá nhanh kiêm chứng phát sốt sợ rét là do thấp nhiệt nung nấu uất trệ, phép trị nên thanh nhiệt lợi thấp, bên trong thì cho uống ***Thanh nhiệt lợi thấp phương (1)*** bên ngoài thì đắp ***Mã sỉ hiện cao (2)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết tiêu sưng, hoặc đắp xát ***Ngọc lộ cao (3)*** để thanh nhiệt tiêu sưng; hoặc xát ***Ngô thị nghiệm phương (4).***

Nốt sởi mọng nước mọc hơi chậm, nốt sởi có màu đỏ nhạt hoặc trắng xen vàng, đắn dày mọng nước hoặc loét nát ẩm ướt, xu thế đau vừa phải, kém ăn, không khát, hoặc đại tiện lỏng, rêu lưỡi nhớt, thuộc Tỳ hư thấp uất, nên dùng phép kiện Tỳ trừ thấp, bên trong cho uống ***Kiện Tỳ trừ thấp thang (5)*** bên ngoài bôi ***Hùng hoàng cao (6).***

Chứng này nên tham khảo phép trị về Sang độc ở các bộ vị khác nhau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thanh nhiệt lợi thấp phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Hoàng cầm	9 gam
Xích Phục linh	9 "	Trạch tả	9 "
Xa tiền tử	9 "	Mộc thông	4,5 "
Lục nhất tán	4 "		

2. Mã sỉ hiện cao

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Mã sỉ hiện tươi 100 gam

Cách dùng: Mã sỉ hiện tươi rửa sạch, cắt vụn, giã nát như hồ đắp lên nơi đau, ngày thay miếng đắp vài lần. Nếu da bị loét nát thì thêm 10 gam bột Hoàng liên trộn lẫn vào thuốc đắp.

3. Ngọc lộ cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thu phù dung diệp (để khô, tán bột)	60 gam
Vadơlin	310 gam

Cách dùng: Chế thành dạng thuốc mỡ bôi lên trên mụn nhọt, bên ngoài buộc băng cố định.

4. Ngô thị nghiệm phương

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoài, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Trúc Can sảo 5 cái (mỗi cái ước 10 mm)

Băng phiến 1 gam

Cách dùng: Trúc can đốt thành than, tán bột trộn Băng phiến vào, rồi trộn thuốc bột vào dầu thơm bôi vào nơi đau, mỗi ngày bôi 2 lần.

5. Kiện Tỳ trừ thấp thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Xương truật	9 gam	Bạch truật (sao)	9 gam
Hậu phác	9 "	Trần bì	9 "
Phục linh	9 "	Trư linh	9 "
Trạch tả	9 "	Lục nhất tán	9 "
Quế chi	9 "		

6. Hùng hoàng cao

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Hùng hoàng	500 gam	Thiềm tô	6 gam
Pomade	6000 "	Như ý kim hoàng cao	450 "
Sinh Bạch phàn	450 "	Băng phiến	6 "

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột, trộn đều thành cao, đắp vào nơi đau.

Chú ý: Lớp da bị hư tổn thuộc dạng thấm ướt cấp tính dùng phải cẩn thận.

PHẦN XIII

CHỨNG TRẠNG Ở VÙNG BỤNG VÀ RỐN

Bên trong vùng bụng và rốn chứa khá nhiều cơ quan của cơ thể như Tỳ Vị, Can Thận, đường ruột, Bàng quang, Bào cung (thuộc Phụ khoa) cho nên có những bệnh chứng rất rộng, hơn nữa trong lâm sàng lại xuất hiện chủ chứng của những khí quan ấy. Mục này giới thiệu những loại chứng trạng như: Vị quản thống. Đau vùng Bụng và Rốn. Đau bụng dưới. Đau Thiếu phúc. Trướng bụng và Trong bụng có khối rắn v.v...

152. ĐAU VÙNG BỤNG VÀ RỐN

Đau quanh rốn gọi là đau vùng bụng và rốn, có thể gặp trong các loại hình chứng bệnh Hư - Thực - Hàn - Trùng - Uất .v.v.

Sau khi phẫu thuật ở bụng, có lúc đau bụng, chân tay giá lạnh, mạch Tế lưỡi nhợt, cho uống ***Đương qui tứ nghịch gia Ngô du Sinh khương Chỉ Cát thang (1)*** để sơ thông ứ trệ, tiêu giải hàn ngưng đọng. Bụng đau ưa ấm sợ lạnh, mạch Trầm Tế, riêng bên hữu xích Đại, rêu lưỡi dày trắng, có thể dùng ***Châu thị ôn vận thang (2)*** để vận Tỳ ấm Thận kiêm khư phong dồn tà khí ra ngoài.

Bụng trướng đầy, đau cự án, táo bón không thông, vùng bụng được ấm thì dễ chịu, mạch Trầm Trì Hoạt Thực là hàn nhiệt câu kết, phủ khí bế tắc, có thể dùng ***Kim thị phụ tử thừa khí thang (3)*** để ôn hạ thông phủ, tan kết tiêu trướng. Nếu đau bụng có cảm giác trướng trệ, mỏi mệt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch Trầm Nhược thì dùng ***Thăng hòe thăng giáng thang (4)*** để sơ thông khí huyết, thăng thanh giáng trọc.

Lâm sàng thường hay gặp chứng trẻ em trùng tích đau quanh rốn, nói chung có thể dùng ***Khu hồi thang (5)*** để sát trùng trừ giun. Nếu đau bụng quanh rốn từng cơn, mặt bủng mũi ngứa, nghiến răng v.v. dùng ***Mã thị khu trùng phương (6)*** để sát trùng giảm đau. Đại tiện khô kết hoặc khó đi thì dùng ***Củng thị nghiệm phương số II (7)*** để thông phủ sát trùng giảm đau.

Trường hợp phủ kết không nặng lắm, cũng có thể dùng ***Kỳ thị nghiệm phương (8)*** vừa trừ giun vừa thông phủ. Nếu đau mà trướng là chủ yếu thì dùng ***Tôn thị khu trùng nghiệm phương (9)*** để trừ trùng lý khí, chỉ thống. Quanh bụng và rốn đau, đại tiện hoặc khô hoặc nhão, hay nghiến răng về đêm, rêu lưỡi vàng nhớt, dùng ***Khu hồi liên mai thang (10)*** để khu trùng hoà trung, thông phủ tiêu tích. Kiêm chứng kém ăn, tiểu tiện vàng thì dùng ***Triệu thị nghiệm phương (11)*** để vận Tỳ sát trùng, thông phủ tiêu tích.

Nếu trẻ em bị đau bụng do trùng tích tái phát nhiều lần, tham ăn ham uống, thể trạng gầy còm, phiền táo uống nhiều, đại tiện không điều có khi phân trắng, đêm ngủ hay la hoảng, nghiến răng, nhiều mồ hôi, cho uống ***Truy trùng hoàn (12)*** để hành khí khu trùng, chữa ngọn bệnh cần chiếu cố cả gốc bệnh.

Bụng và rốn đau mà mửa ra nước trong, có khi mửa ra cả giun, chân tay quyết lạnh, dùng ***Củng thị nghiệm phương số I (13)*** để ấm tạng yên giun, khu trùng giảm đau.

Đau bụng quanh rốn, kém ăn, đại tiện hoặc khô hoặc lỏng, mặt xanh gày còm, đầu thường ra mồ hôi, đêm ngủ không yên, nghiến răng cho uống ***Vương thị an hồi thang (14)*** để ôn trung kiện Tỳ, yên giun trừ đau. Sau khi trẻ em được tẩy giun, đã dịu cơn đau bụng, mặt vàng gầy còm, kém ăn, đại tiện không điều, đại tiện nhão hoặc bí kết, giấc ngủ không yên ổn, nhiều mồ hôi, dùng ***Vương thị gia vị dị công tán (15)*** để kiện Tỳ ích khí, hoà trung yên giun.

Chứng bụng và rốn đau, phạm vi phát sinh rất rộng, có thể gặp ở tất cả các khoa Nội, Ngoại, Nhi, Phụ, cần tham khảo ở các

mục có liên quan như "Đại tiện ra toàn nước", "Đại tiện ra nhày mũi", "Thống kinh" v.v...

PHỤ PHƯƠNG

1. Đương qui tứ nghịch gia Ngô dụ Sinh khương Chỉ Cát thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Đương qui	9 gam	Bạch thược	9 gam
Quế chi	3 "	Cam thảo (trích)	3 "
Thông thảo	3 "	Sinh khương	3 "
Chỉ thực	3 "	Tế tân	1,5 "
Cát cánh	3 "	Ngô thù du	1,5 "
Hồng táo	6 quả		

2. Châu thị ôn vận thang

Người cống hiến: Châu Vân Tường, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Hoàng kỳ	12 gam	Phòng phong	3 gam
Tiêu Bạch thược	9 "	Bắc Tế tân	0,45 "
Thai ô dược	9 "	Sài hồ	0,3 "
Đương qui (sao)	3 "	Đạm Can khương	2,4 "
Quảng bì	3 "	Can Hà diệp biên	4,5 "
Vân Phục linh	9 "	Lộc nhai thảo	9 "

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày một thang, lại dùng riêng Phụ tử lý trung hoàn, Thuần dương chính khí hoàn mỗi thứ đều 4,5 gam, chia làm 3 lần nuốt.

3. Kim thị phụ tử thừa khí thang

Người cống hiến: Kim Gia Thọ, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 khu vực Hoài Hoá tỉnh Hồ Nam

Đại hoàng	10 - 15 gam	Phụ phiến	6 - 10 gam
Chỉ thực	10 - 12 "	Hậu phác	10 - 12 "
Lai bặc tử (sao)	10 "		

Gia giảm: Thể trạng hư yếu, gia Thái tử sâm 15 gam, Mạch môn đông 10 gam để ích khí sinh tân. Nếu khí trệ huyết ứ gia Đào nhân 6 gam, Xích thược 10 gam để hoạt huyết hoá ứ. Hàn nặng gia Can khương giúp Phủ tử để làm ấm hàn tà. Phủ thực gia Phan tả diệp để giúp Đại hoàng tiến công cái kết rắn.

4. Thăng hoè thăng giáng thang

Người cống hiến: Dịch Sách Hải, Lão Trung y nổi tiếng
Y viện huyện Nhạc Dương tỉnh Hồ Nam

Thăng ma 30 gam (nấu với 120 ml dấm, sấy khô)

Hoè mễ	15 gam	Hoàng kỳ (trích)	12 gam
Bạch truật	12 "	Sài hồ	12 "
Đương qui	12 "	Đại phúc bì	30 "
Quảng Mộc hương	6 "	Cam thảo (trích)	9 "

5. Khu hồi thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Mỹ thiệt tảo 30 - 50 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, trước khi đi ngủ hoặc sáng dậy lúc đói lòng uống làm một lần cho hết, uống liền 3 ngày là một đợt điều trị. Trẻ em giảm liều lượng.

Gia giảm: Táo bón do thói quen gia Phan tả diệp 6 gam cùng sắc với thuốc. Nếu giun chui ống mật gia Ô mai 30 gam cùng sắc với thuốc.

6. Mã thị khu trùng phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư
Trung y học viện Triết Giang

Hoa Tân lang	6 gam	Sử quân tử nhục (sao)	6 gam
Ô mai	2 quả	Khổ luyện căn bì	9 "
Quán chúng	6 gam	Cam thảo	3 "

(liều lượng trên cho trẻ 5 - 8 tuổi)

Cách dùng: Sắc hai nước, trộn hai nước lấy 50 - 80 ml, uống lúc đi ngủ hoặc sáng sớm lúc đói bụng, uống làm một lần cho hết. Uống liên tục 2 ngày.

Chú ý: Phương này tẩy giun khi đã giảm cơn đau bụng. Nếu là lúc đau bụng kịch liệt có thể dùng trước Ô mai an hồi hoàn 15 gam, sắc lấy nước hoà thêm 30 ml mật, cho uống từ từ, sau nửa giờ đạt được mục đích giảm cơn đau, sau khi dịu đau lại dùng đơn trên để tống giun ra ngoài chữa gốc bệnh. Nói chung uống thuốc sau 24 giờ có thể đại tiện ra giun, không cần phải uống thuốc tả hạ nào khác.

7. Củng thị nghiệm phương số II.

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Trung y y viện Trung Khánh

Sinh Đại hoàng	15 gam	(bỏ vào ấm sau)
Mang tiêu	10 "	(hoà tan vào nước thuốc)

Hậu phác	25 gam	Chỉ xác	15 gam
Đào nhân	12 "	Tân lang	20 "

8. Kỳ thị nghiệm phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Lôi hoàn	7,5 gam	Tân lang	6 gam
Hạc sắt	5 "	Khổ luyện bì	6 "
Sử quân tử	6 "	Sinh Cam thảo	3 "

Thục đại hoàng (hoặc dùng Sinh Đại hoàng) 1,5 gam

Gia giảm: Táo bón gia Mang tiêu.

9. Tôn thị khu trùng nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố An Dương tỉnh Hà Nam

Khổ luyện căn bì	,15 gam	Tân lang	24 gam
Hương phụ	9 "	Sử quân tử (sao thơm)	15 "
Phỉ tử (sao)	9 "	Chỉ xác	9 "
Mộc hương	6 "	Trần bì	9 "

10. Khu hồi liên mai thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Xuyên Hoàng liên	3 gam (hoặc Hồ Hoàng liên 6 gam)		
Ô mai	6 "	Phỉ tử	6 gam
Lôi hoàn	6 "	Vu di	6 "
Thanh bì	6 "	Xuyên luyện tử	6 "

Hoa tiêu	6 gam	Tân lang	9 gam
Sử quân tử	9 "	Thục Đại hoàng	3 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước, chia 2 lần uống sáng và tối vào lúc đói bụng, uống liên tục 2 - 3 thang.

11. Triệu thị nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tiêu Mạch nha	10 gam	Chỉ xác (sao)	6 gam
Khương hoàng	5 "	Tân lang (sao)	6 "
Tiêu Sơn tra	6 "	Sử quân tử	10 "
Hoạt thạch	12 "	Lôi hoàn	6 "
Tiêu Đại hoàng	5 "	Khổ luyện căn bì	12 "
Đào nhân	3 "	Bào khương	3 "

12. Truy trùng hoàn

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hắc sửu (sao vàng, tán lần bột đầu tiên) 50 gam

Bạch sửu (sao vàng, tán lần bột đầu tiên) 50 "

Hoa Tân lang 100 gam Hài nhi sâm 100 "

(nếu táo bón đổi Hài nhi sâm làm Đương qui).

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn đều. Lại lấy riêng Thổ luyện căn, Đông hành bì đều 150 gam, nấu lấy nước đặc luyện bột thuốc làm hoàn to bằng hột đậu xanh. Cứ đến ngày đầu tháng hoặc giữa tháng uống liên tục 3 ngày, khi đi ngủ hoặc sáng sớm đều uống 1 lần. Từ 1 - 2 tuổi mỗi lần uống 20 viên. 3 - 4 tuổi mỗi lần uống 30 gam. Về sau cứ 1 - 2 tuổi tăng lên 10 viên

chiêu với nước sắc Tử tô hoặc Gừng tươi cũng được. Nếu có nhiều giun đũa, mỗi lần lại ăn thêm 15 - 20 hạt Sử quân tử sao thơm, hiệu quả càng tốt (nếu ăn nhiều Sử quân tử mà nấc, đừng sợ, lấy vỏ Sử quân tử sắc uống thì khỏi). Phương này chữa được cả trẻ em phù thũng đột ngột, mắt húp híp không mở được, trướng bụng, táo bón, liều lượng đơn thuốc tăng gấp bội, lại sắc riêng Phù bình thảo hoặc Tang bạch bì hoặc Đông qua bì chiêu với thuốc. Loại thuốc này sau khi uống thấy sôi bụng, trung tiện rất nhiều, hiệu quả càng tốt.

13. Củng thị nghiệm phương số I

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Ô mai	12 gam	Hoàng liên	6 gam
Xuyên tiêu (sao)	10 "	Can khương	6 "
Mộc hương	10 "		

14. Vương thị an hồi thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	9 gam	Bạch truật (sao)	9 gam
Can khương	6 "	Ô mai	6 "
Hoa tiêu	6 "	Thanh bì	6 "
Trần bì	6 "	Tiêu Sơn tra	6 "
Tiêu Mạch nha	6 "	Tiêu Thần khúc	6 "
Phục linh	9 "	Cam thảo (trích)	3 "

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc 2 nước, chia 2 lần uống sáng và tối, uống liên tục 3 thang.

15. Vương thị gia vị dị công tán

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thái tử sâm	9 gam	Bạch truật	9 gam
Phục linh	9 "	Trần bì (sao)	9 "
Sơn dược	9 "	Thần khúc (sao)	9 "
Ô mai	3 "	Sử quân tử	9 "
Cam thảo (trích)	3 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước, chia hai lần uống sáng và tối, uống liên tục 3 - 5 thang.

153. BỤNG TRƯỚNG

Chứng này chỉ vùng bụng trướng đầy, thậm chí sưng đầy trướng to, bệnh nặng là Cổ trướng, Đan phúc trướng.

Bụng trướng, thậm chí trướng to như cái trống, kém ăn, tiểu tiện ít, nếu là bụng mới phát thì dùng ***Châu thị phúc trướng phấn (1)*** để tiêu trướng tán trệ. Nếu thiên về loại trướng do nước ngăn trở và khí trệ, có thể dùng ***Cổ trướng tiêu thuỷ đan (2)*** để hành khí trục thuỷ. Kiêm chứng kém ăn đại tiện nhão, đau ở hạ sườn, ợ hơi, mạch Huyền là do Can uất Tỳ hư thuỷ ứ đọng, dùng ***Cố thị phúc thuỷ phương số I (3)*** để thực Tỳ bổ Can, hoá trệ lợi thuỷ. Nếu thiên về khí và thuỷ ngăn trệ, dùng ***Trương thị Can ngạnh hoá phúc thuỷ phương (4)*** để hành khí tiêu trướng, trục thuỷ kiện Tỳ.

Bụng trướng to như cái trống, da bụng căng tức, tiểu tiện rất ít, rêu lưỡi nhớt, hình thể còn khoẻ, nên trục thuỷ tiêu trướng, chọn dùng ***Phân thuỷ đan (5)*** nặng hơn thì dùng ***Nhan thị trục thuỷ tán (6)*** để trục thuỷ phá khí. Kiêm chứng đại tiện khó đi thì dùng ***Hàn thị phúc thuỷ hoàn (7)*** để trục thuỷ thông lợi tiêu trướng. Kiêm chứng mệt mỏi hoặc có hiện tượng hư yếu thì dùng ***Thũng cổ hoàn (8)*** để trục thuỷ tiêu trướng kèm theo nâng chính khí. Kiêm chứng đắng miệng, tiểu tiện vàng, bụng không nặng lắm, dùng ***Lý thị hủ cam trư đởm phương (9)*** để thanh nhiệt lợi thuỷ tiêu trướng.

Vùng bụng cổ trướng và to, về tối bụng căng, ấn vào không rắn, tiểu tiện sẻn ít mà trong là do dương hư nước ứ đọng, có thể dùng ***Tiêu trừ phúc thuỷ phương (10)*** để ôn dương lợi thuỷ. Kiêm chứng tay chân không ấm, chóng mặt, thở gấp, phù thũng, cho uống ***Cù phụ thông dương thang (11)*** để ôn dương trục thuỷ, lợi niệu tiêu thũng. Kiêm chứng váng đầu yếu sức, mỏi mệt đau lưng, sợ lạnh nằm co, kém ăn là do dương hư tinh khuy, dùng ***Ôn dương lợi thuỷ phương (12)*** để ôn dương ích tinh, lý khí tiêu thuỷ.

Vùng bụng trướng to như cái trống, kiêm chứng mặt má và đầu mũi nổi nhiều tia máu, có nốt ứ huyết, sốt nhẹ, răng và mũi xuất huyết, miệng khô da se, tiểu tiện ít mà đỏ là do âm hư nước ứ đọng, có thể dùng ***Châu thị lan đậu phong trừ thang (13)*** gia giảm để dưỡng âm trừ thấp tiêu trướng. Kiêm chứng mệt mỏi yếu sức, lưng gối mềm yếu, thuộc Tỳ Thận khí hư sút kém, dùng ***Cố thị phúc thuỷ phương số 3 (14)*** để tu dưỡng Can Thận, ích Tỳ lợi thuỷ. Nếu kiêm chứng mệt mỏi, họng khô miệng ráo, kém ăn đại tiện lỏng, tiểu tiện ít, ngực sườn khó chịu hoặc trướng đau, là do Can uất Tỳ hư, âm hư nước ngăn trở, cho uống ***Lưu thị thu Can kiện Tỳ dưỡng âm trục thuỷ phương (15)*** để sơ Can kiện Tỳ, ích khí dưỡng âm, lợi thuỷ tiêu trướng.

Bụng trướng như cái trống mà rắn, ngực sườn trướng đầy, sắc mặt tím tái, vách bụng bộc lộ gân xanh kiêm chứng đau nhói ở sườn, chi dưới phù thũng tiểu tiện ít, thuộc huyết ứ thuỷ đọng, nhẹ thì dùng ***Tiêu cổ lợi thuỷ thang (16)*** để hoá ứ lợi thuỷ, nặng thì uống ***Hoá ứ thông khí bài thuỷ phương (17)*** để hoá ứ mềm chất rắn, thông lợi Tam tiêu. Nếu kiêm chứng đắng miệng, tiểu tiện vàng

mà ít, sườn trướng, tinh thần khốn đốn, dùng ***Cổ trướng hoàn (18)*** để sơ Can lý Tỳ, hoạt huyết hoá ứ, thanh nhiệt lợi thấp, mềm chất rắn và tiêu trướng. Kiêm chứng sườn đau lưỡi tía, đại tiện không thông thì dùng ***Hồ thị gia vị kỷ tiêu lịch hoàng hoàn (19)*** để lợi niệu hoá ứ thông phủ. Kiêm chứng hạ sườn đau nhói, mỏi lưng tinh thần uể oải, kém ăn đại tiện nhão, tiểu tiện ít, cho uống ***Cố thị phúc thuỷ phương số II (20)*** để kiện Tỳ bổ Can, ích Thận lợi thuỷ, kiêm cả hoạt huyết tiêu ứ. Nếu lưng không mỏi lắm mà bụng lại trướng đầy nặng, dùng ***Trương thị sơ Can tiêu thuỷ thang (21)*** để dưỡng huyết nhu Can, kiện Tỳ lợi thuỷ, thông lạc, mềm chất rắn, tiêu trướng lý khí.

Bụng trướng và đầy, thở gấp bức tức, sườn trướng đau, tiểu tiện khó đi hoặc kiêm chứng khái suyễn là thuộc Can ứ Phế uất, cho uống ***Ấn thị thư Can khai Phế phương (22)*** để sơ Can hoá ứ, khai lợi Phế khí. Bụng trướng to, ngực bụng bĩ đầy, đắng miệng kém ăn, rêu lưỡi vàng nhớt, thuộc thấp nhiệt nghẽn ở trong, cho uống ***Kiều mạch đoàn tử (23)*** để giáng khí thông ruột, trừ thấp hoà trung.

Những loại nước đục gây trướng bụng nói trên, sau khi dùng biện pháp rút nước hoặc sau khi dùng thuốc tiêu thuỷ, có thể dùng ***Trần thị tiêu thuỷ củng cố phương (24)*** để ích khí dưỡng huyết, kiện Tỳ mềm chất rắn, hoá ứ thông lạc, hoặc dùng ***Phục Can hoàn (25)*** để phù chính hoá ứ, tan kết mềm chất rắn.

Bụng to như cái trống, sườn bụng đau dội, bệnh trình kéo dài, phù thũng, chân răng ứa máu, phụ nữ hành kinh dầm dề, sắc

mặt mỏi mệt và tối, thuộc loại hư tổn ở Kỳ kinh, uống ***Thông bổ kỳ kinh hoàn (26)*** để thông bổ Kỳ kinh, ích âm lương huyết, lợi thuỷ tiêu trướng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Châu thị phúc trướng phấn

Người cống hiến: Châu Lương Tài, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Lai bặc tử phấn	1,5 gam	Kê nội kim phấn	1,5 gam
Trầm hương phấn	1,5 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trộn đều, ngày nuốt vài ba lần. Hoặc dùng Bì tiên 60 gam, Nhục quế phấn 6 gam trộn đều đắp vào vùng rốn. Hoặc dùng Ba đậu phấn cuốn làm điếu thuốc hút lấy khói, bệnh có thể đỡ tạm thời.

2. Cổ trướng tiêu thuỷ đan

Người cống hiến: Lý Xương Nguyên, Giáo sư Trung y học viện Quý Dương

Cam toại phấn	10 gam	Hổ phách	10 gam
Chỉ thực	15 "	Trầm hương	10 "
Xạ hương	0,15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, bỏ vào viên nhựa, mỗi lần 4 viên, uống lúc đói, chiêu với nước sắc Đại táo, cách ngày uống 1 lần.

3. Cố thị phúc thuỷ phương số I

Người cống hiến: Cố Phi Vinh, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 4 Thượng Hải

Tiêu Bạch truật	Sao Đảng sâm
Phục linh	Đương qui
Sao Xích thược	Sao bạch thược
Thạch kiến xuyên	Địa cô lâu
Đại phúc bì	Đại ôn trung hoàn
Trạch tả	Mộc hương
Trần Hồ lô	Trùng duẩn

4. Trương thị Can ngạnh hoá phúc thuỷ phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện tỉnh Hắc Long Giang

Hải tảo	40 gam	Hắc sửu	30 gam
Bạch sửu	30 "	Xuyên phác	50 "
Mộc hương	15 "	Sinh khương	25 "
Tân lang	20 "	Bạch truật	25 "
Nhân sâm	15 - 20 "	Phục linh	50 "

5. Phân thuỷ đan

Người cống hiến: Quan Ấu Ba, Giáo sư
Trung y y viện Bắc Kinh

Cam toại	3 gam	Cam thảo	15 gam

Cách dùng: Cùng tán bột, nấu dấm làm hồ để viên to bằng hạt đậu tương, uống 15 - 30 viên vào buổi sáng lúc đói, chiêu với nước chín.

Chú ý: Liều dùng Cam toại với Cam thảo theo tỉ lệ 1/5, dùng dấm với bột gạo nấu hồ làm viên. Nếu quá trình dùng thuốc thấy buồn nôn hoặc nôn ra nước mầu xanh thì ngừng uống.

6. Nhan thị trục thuỷ tán

Người cống hiến: Nhan Diệc Lỗ, Y sư chủ nhiệm
Viện phòng chống U bướu tỉnh Giang Tô

Cam toại	6 gam	Chỉ xác	6 gam
Nguyên hoa	6 "	Tiểu Hồi hương	15 "
Bạch truật	9 "	Xạ hương	0,9 "
Lâu cô	7 con	Tất xuất	7 con

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần uống 0,9 gam, ngày uống 3 lần.

7. Hàn thị phúc thuỷ hoàn

Người cống hiến: Hàn Triết Tiên, Y sư chủ nhiệm
Phòng khám Trung y thành phố Thượng Hải

Chế Cam toại	1 phần	Hắc bạch sửu	3 phần
Đại hoàng	3 phần	Tân lang	3 phần
Nha tạo	3 phần	Lai bặc tử	3 phần
Trần bì	3 phần		

8. Thũng cổ hoàn

Người cống hiến: Vương Kỳ Ngọc, Lão Trung y
Trung y viện Trịnh Châu

Thố Cam toại	24 gam	Khổ Đình lịch	21 gam
Xuyên Ngưu tất	15 "	Quảng Mộc hương	6 "

Nam Trầm hương	3 gam	Nhân sâm	6 gam
Ba đậu (bỏ dầu)	3 hạt	Lâu cô (nướng khô)	2 con

Cách dùng: Tán bột luyện mật làm viên to bằng hạt ngô đồng (ước 0,5 gam) mỗi lần uống 15 gam, ngày 1 lần.

9. Lý thị hủ cam trư đởm phương

Người cống hiến: Lý Khắc Thiệu, Giáo sư
Trung y học viện Sơn Đông

Trư đởm tươi	1 cái	Đậu hủ tương	1 bát to

Cách dùng: Sau khi đun nóng đậu hủ tương, trộn Trư đởm chấp vào mà uống. Nếu không có Trư đởm chấp tươi, dùng thứ khô hơ vào lửa nóng cho chảy ra mà dùng cũng được.

10. Tiêu trừ phúc thuỷ phương

Người cống hiến: Châu Vân Tường, Giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Kim quĩ Thận khí hoàn (bọc qua vải mà nấu)

Xích đậu	15 gam	Xa tiền tử	15 gam

11. Cù phụ thông dương thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Triết Giang

Cù mạch	9 gam	Thục Phụ tử	6 gam
Hoài sơn	9 "	Phục linh	24 "
Thiên hoa phấn	9 "	Xa tiền tử	9 "
Tiêu mục	3 "	Ngưu tất	9 "

Phong thụ quả (Lộ lộ thông) 15 gam

12. Ôn dương lợi thuỷ phương

Người cống hiến: Hồ Hy Thứ, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Phục linh	30 gam	Quế chi	10 gam
Trư linh	10 "	Trạch tả	18 "
Xương truật	10 "	Sa nhân	10 "
Trần bì	30 "	Chỉ xác	10 "
Mộc hương	10 "	Xa tiền tử	15 "
Đại phúc bì	10 "	Tân lang	10 "
Quy bản	15 "	A giao	10 "
Sinh khương	10 "		

Gia giảm: Bĩ ở dưới Tâm, kém ăn rõ rệt, gia Nhân sâm hoặc Đảng sâm. Sắc mặt úa vàng, môi và móng tay chân xanh tái gia Đương qui, Đan sâm. Mặt má vốn sạm, lưỡi có nốt ứ huyết gia Đào nhân, Hồng hoa, Giá trùng. Đại tiện lỏng loãng, bỏ Quy bản, Đại phúc bì, Tân lang, gia Ngô thù du. Gan Tỳ sưng to, phối hợp với Miết giáp tiễn hòa hoặc uống thường xuyên Đại hoàng giá trùng hoàn.

13. Châu thị lan đậu phong trử thang

Người cống hiến: Châu Lương Tài, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Trạch lan	Hắc lữ đậu
Lộ lộ thông	Chử thực tử

14. Cố thị phúc thuỷ phương số III

Người cống hiến: Cố Phi Vinh, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 4 Nam Kinh

Sinh Bạch truật
Đương qui
Bạch thược (sao)
Sơn dược
Trạch tả
Xuyên Ngưu tất
Trần Hồ lô
Tư Thận thông quan hoàn
Địa cô lâu
Đảng sâm (sao)
Xích thược (sao)
Sinh Địa hoàng
Sơn thù nhục
Phục linh
Xa tiền tử thảo
Trùng duẩn

15. Lưu thị thư Can kiện Tỳ dưỡng âm trục thuỷ phương

Người cống hiến: Lưu Hiếu Lâm, Giáo sư
Trung y học viện Sơn Đông

Đương qui	15 gam	Bạch thược	9 gam
Sài hồ	9 "	Bạch truật	15 "
Phục linh	30 "	Phục linh bì	30 "
Trạch tả	18 "	Trư linh	18 "
Ngọc mễ tu	30 "	Hoàng kỳ	40 "
Đảng sâm	30 "	Bắc Sa sâm	30 "
Mạch môn	15 "	Trần bì	9 "
Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Nước thứ nhất sau khi sắc được 40 phút. Nước thứ hai sau khi sắc được 30 phút. Mỗi ngày uống 1 thang, liên tục trong 6 ngày, nghỉ 1 ngày sau 1 tháng kiểm tra lại, phúc thuỷ

giảm quá nửa, chức năng Gan tốt, lại theo đơn cũ uống tiếp 1 tháng nữa.

16. Tiêu cổ lợi thuỷ thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Đối toạ thảo	30 gam	Bạch mao đằng	30 gam
Bạch mao căn	30 "	Lộ lộ thông	30 "

Cách dùng: Sắc uống liên tục 10 - 20 thang

17. Hoá ứ thông khí bài thuỷ phương

Người cống hiến: Ấu Hội Hà, Giáo sư Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	9 gam	Xích thược	15 gam
Đan sâm	15 "	Đương qui	15 "
Uất kim	9 "	Sinh Mẫu lệ (sắc sau)	30 "
Đào nhân	9 "	Xuyên luyện tử	12 "
Hồng hoa	9 "	Cát cánh	9 "
Tử uyển	9 "	Giá trùng	9 "
Tiêu mục	9 "	Đình lịch tử	9 "

Gia giảm: Thể trạng yếu gia A giao 9 gam. Đại tiện táo gia Đại hoàng 9 gam

18. Cổ trướng hoàn

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Xương truật	60 gam	Bạch truật	60 gam
Xuyên Hậu phác	60 "	Toàn phúc hoa thán	60 "

Chỉ thực (sao)	60 gam	Tam lăng (nướng)	60 gam
Nga truật	60 "	Miết giáp (dấm nướng)	90 "
Nhân trần	120 "	Hoè giác (sao)	60 "
Trần bì	60 "	Bại tương thảo	90 "
Xích thược	60 "	Bạch thược	60 "
Côn bố	60 "	Hồng phạn đậu	120 "
Hải tảo	60 "	Tân long	60 "
Bồ công anh	120 "	Tử hoa địa đinh	120 "
Can Giá trùng	30 con	Can Lâu cô	30 con

Cách dùng: Các vị sao cháy, tán bột. Dùng riêng Tạo phàn 120 gam, bỏ vào trong 250 ml dấm, đun nóng cho tan, lại gia Túc mễ 1000 gam, trộn đều, sấy khô, bỏ vào chảo rang nhỏ lửa cho thành than, để bay hết khói và nguội lạnh, bọc vào giấy đặt trên mặt đất lâu 2 giờ cho hết hơi lửa, tán bột, trộn đều với loại bột thuốc trước, lấy 750 gam bột mì, trộn với nước và dấm mỗi thứ một nửa quấy thành hồ, luyện bột thuốc làm viên to bằng hột đỗ xanh, phơi khô, mỗi lần uống 30 viên, trước bữa cơm, chiêu với nước chín, ngày 3 lần. Sau khi uống, nếu trong bụng có cảm giác cồn cào, có thể chỉ uống 20 hoặc 10 viên, khi đã hết phản ứng, mỗi ngày tăng 5 viên nữa, dần dà đạt tới mức 30 viên, không vượt quá 40 viên. Sau khi uống hết 1 liều thấy tình trạng bệnh giảm bớt, có thể chế biến liều thuốc nữa, uống chừng nào khỏi thì thôi.

19. Hồ thị gia vị kỷ tiêu lịch hoàng hoàn

Người cống hiến: Hồ Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đương qui	Bạch thược
Đan sâm	Nga truật

Thất tiếu tán
Phòng kỷ
Đình lịch
Xa tiền
Hắc sửu phấn (để nuốt)
Hoàng kỳ
Thục tiêu
Đại hoàng
Phục linh
Bạch sửu phấn (để nuốt)

20. Cố thị phúc thuỷ phương số II

Người cống hiến: Cố Phi Vinh, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 4 Thượng Hải

Tiêu bạch	30 - 60 gam	Đảng sâm (sao)	
Phục linh		Đương qui	
Xích thược (sao)		Bạch thược (sao	
Miết giáp (trích)		Sinh Mẫu lệ	
Quy bản		Đại phúc bì	
Mộc hương		Tiểu Ôn trung hoàn	
Trạch tả		Trùng duẩn	
Trần hồ lô		Địa cô lâu	

21. Trương thị sơ Can tiêu thuỷ thang

Người cống hiến: Trương Minh Học, Y sư chủ nhiệm
Y viện Thương nghiệp số 2 thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam

Đương qui	30 gam	Bạch thược	15 gam
Thanh bì	15 "	Xa tiền	10 "
Phúc bì	30 "	Bạch khấu	10 "
Bạch truật	20 "	Nhị sửu	30 "
Thượng Quy giáp	10 "	Hạ Quy giáp	10 "
Xuyên sơn giáp	10 "		

Gia giảm: Bụng trướng nặng gia Lai bặc tử, Trầm hương, Hậu pháo. Kém ăn gia Kê nội kim, Sa nhân, Mạch nha, Thần khúc. Can Tỳ sưng to, gia Tam lăng, Nga truật, Đào nhân, Hồng hoa, Ngưu tất, Linh chi, Đan sâm, Mẫu lệ. Phúc thuỷ nặng gia Chế Đại kích, Thố Nguyên hoa, Cam toại (nướng). Đại tiện khô ráo gia Đại hoàng, Phan tả diệp hoặc Úc lý nhân, Hoả ma nhân. Chất mỡ trong máu cao gia Ngũ vị tử, Bại tương thảo, Tang ký sinh.

22. Ấn thị thư Can khai Phế phương

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	10 gam	Xích thược	30 gam
Đương qui	15 "	Đan sâm	30 "
Sinh Mẫu lệ	30 "	Uất kim	10 "
Xuyên luyện tử	12 "	Đào nhân	10 "
Giá trùng	10 "	Tử uyển	10 "
Cát cánh	10 "		

23. Kiều mạch đoàn tử

Người cống hiến: Nhan Diệc Lỗ, Y sư chủ nhiệm
Viện phòng chống U bướu tỉnh Giang Tô

Bột Kiều mạch, trộn với đường cát nặn thành bánh hấp chín cho ăn hàng ngày nhiều ít tuỳ thích.

24. Trần thị tiêu thuỷ củng cố phương

Người cống hiến: Trần Trạch Sâm, Giáo sư
Đại học Y khoa Thượng Hải

Hoàng kỳ	15 gam	Đương qui	12 gam
Bạch truật	9 "	Uất kim	9 "

Miết giáp	9 gam	Mộc hương	9 gam
Đào nhân	9 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên nấu lấy nước đặc ép thành dạng thuốc nén, mỗi lần uống 5 viên nén, ngày 3 lần.

25. Phục Can hoàn

Người cống hiến: Trần Kế Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Tu hồng sâm	60 gam	Tử hà sa	6 gam
Bào giáp phiến	60 "	Giá trùng	6 "
Sinh Kê nội kim	45 "	Uất kim	45 "
Khương hoàng	45 "	Sâm Tam thất	45 "

Cách dùng: Tán bột, phun nước làm viên, mỗi lần uống 3 viên ngày 2 lần

26. Thông bổ kỳ kinh hoàn

Người cống hiến: Trần Kế Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Lộc giác sương	12 gam	Bại qui bản	30 gam
Ngưu giác tai	12 "	Đại Thục Địa hoàng	60 "
Xuyến thảo căn	12 "	Quán chúng thán	12 "
Đạm Thung dung	12 "	Đỗ trọng	12 "
Thỏ ty tử	12 "	Hắc đại đậu	30 "
Chử thực tử	30 "		

154. TRONG BỤNG CÓ KHỐI RẮN

Chứng trong bụng có khối rắn thuộc phạm vi Trưng Hà, có rất nhiều nguyên nhân bệnh, đa số do Khí - Huyết - Đàm - Thấp gây nên, là loại bệnh biến thường gặp trong Nội khoa, Phụ khoa.

Phụ nữ có khối trướng đau ở tiểu phúc kiêm chứng rối loạn kinh nguyệt, kinh ra thành cục sắc đỏ tươi lượng nhiều, Tâm phiền khô miệng, táo bón, nóng nảy hay giận, mạch Huyền Sác là có ứ nhiệt ngăn trở, có thể dùng ***Hà thị nội dị băng lậu giải uất sinh tân phương (1)*** để giải uất tiết nhiệt, quét sạch thực tà.

Tiểu phúc có khối rắn lâu ngày, ấn vào thấy cứng rắn, hành kinh có hòn cục lượng nhiều sắc đen, lưỡi tối hoặc có nốt ứ huyết thuộc chứng ứ huyết, có thể hàng tháng sau khi sạch kinh, cho uống ***Chúc thị nhuyễn kiên hoạt ứ tiêu lưu dược hoàn (2)*** trong 20 ngày, lại cho uống tiếp 10 thang ***Chúc thị bổ trung thăng thanh thang (3)*** để khống chế lượng kinh nguyệt, đồng thời có thể phối hợp điều trị bằng phép chườm nóng ở vùng rốn và bụng, dùng ***Trần thị hoá ứ tiêu trưng thang (4).***

Tiểu phúc hoặc thiếu phúc có khối cứng rắn và đau, kinh nguyệt không điều, sắc kinh đen có hòn cục, ngày hành kinh kéo dài, tiểu phúc ưa ấm là do huyết ứ hàn trệ, điều trị nên hoá ứ tiêu trưng, ôn kinh thông lạc, cho uống ***Trương thị hoá ứ tiêu trưng thang (5).***

Thiếu phúc trướng đầy có khối rắn đau, kinh nguyệt không điều, không thụ thai, chất lưỡi tía tối, rêu lưỡi trơn nhớt là thuỷ câu kết với ứ, điều trị theo phép hoá ứ tiêu trướng, trục thuỷ trừ tích, cho uống ***Trương thị hoá huyết phương (6).***

Nếu trong bụng có hòn khối cứng rắn cự án, lượng kinh lượng nhiều như băng có lẫn cả khối ứ, sắc đỏ tươi và dính, miệng ráo họng khô, Tâm phiền mỏi lưng là thuộc Thận âm hư có ứ trệ, nên tư âm bổ Thận, hoạt huyết chỉ huyết, mềm rắn tan kết, dùng ***Hoàng kỳ trị băng cơ bản phương (7)*** gia vị mà điều trị.

Những trường hợp Trưng Hà mà chủ yếu do ứ huyết nói ở trên, có thể phối hợp với phép rửa ruột, cho sử dụng ***Hình thị bao khối quán trường phương (8).***

Bĩ khối ở vùng bụng hoặc bầu vú cứng rắn, sườn trướng đau, phiền táo dễ cáu giận, sắc mặt tối sạm, có dấu nốt mạng nhện, mạch Huyền, rêu lưỡi nhớt thuộc khí trệ huyết ứ, dùng ***Quách thị gia giảm cách hạ trục ứ thang (9)*** để lý khí hoạt huyết, tán kết trừ đau.

Lâm sàng còn gặp loại bệnh chứng "Hoành huyền" cũng có chứng trạng chủ yếu là Thiếu phúc kết hòn khối, đặc biệt khối đó như vật nằm ngang, kiêm chứng bụng đầy trướng, khối rắn và đau, chất lưỡi tối hoặc đỏ, có thể dùng ***Triệu thị bổ địa hoa giáp thang (10)*** để thanh nhiệt lý khí, hoạt huyết tiêu Hà.

Chứng này nên tham khảo với các bệnh thuộc Phụ khoa như "Thống kinh", "Không thụ thai", "Kinh nguyệt quá nhiều" v.v...

1. Hà thị nội dị băng lậu giải uất sinh tân phương

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Hàng Châu

Sinh kỳ	20 gam	Chế Đại hoàng	10 gam
Long đởm thảo	9 "	Mẫu đơn bì	15 "
Bán chi liên	10 "	Xuyên liên thán	5 "
Xuyên bá thán	5 "	Tề thái hoa	12 "
Mã sỉ hiện	12 "	Bồ công anh	15 "
Ngư tinh thảo	20 "	Sinh Cam thảo	6 "
Qua lâu nhân	12 "	Huyết kiến sầu	5 "
Liên phòng thán	10 "		

Gia giảm: Có hòn khối gia Huyết dư thán 10 gam. Đau gia Hồng đằng 20 gam.

2. Chúc thị nhuyễn kiên hoạt ứ tiêu lưu dược hoàn

Người cống hiến: Chúc Trạm Dư, Nghiên cứu viên
Y viện Hiệp Hoà - thuộc Viện khoa học y học Trung Quốc

Quế chi	30 gam	Phục linh	60 gam
Mẫu đơn bì	30 "	Đào nhân	30 "
Hạ khô thảo	60 "	Sơn từ cô	30 "
Hải tảo	60 "	Miết giáp	60 "
Tam lăng	30 "	Nga truật	30 "
Đan sâm	30 "	Huyết dư thán	50 "
Xích thược	30 "	Bạch thược	30 "
Ô mai	30 "	Hồng hoa	30 "

Sinh Địa hoàng	30 gam	Thục địa	30 gam
Sinh Bồ hoàng	30 "	Đương qui	30 "
Ngũ linh chi	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn lẫn với Vân nam Bạch dược 20 gam, thêm mật luyện làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, sáng và tối mỗi lần uống 1 viên.

3. Chúc thị bổ trung thăng thanh thang

Người cống hiến: Chúc Trạm Dư, Nghiên cứu viên Y viện Hiệp Hoà thuộc Viện khoa học y học Trung Quốc

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	10 gam
Sài hồ	10 "	Hắc Thăng ma	10 "
Hắc giới tuệ	10 "	Bạch truật	10 "
Đương qui	6 "	Ngải diệp	10 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Thục Địa hoàng	15 "
A giao (hoà tan)	10 "	Cam thảo	6 "

4. Trần thị hoá ứ tiêu trưng thang

Người cống hiến: Trần Ngọc Kỳ, Giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Tam lăng	50 gam	Nga truật	50 gam
Xuyên luyện tử	30 "	Lệ chi hạch	30 "
Thấu cốt thảo	30 "	Kê huyết đằng	50 "
Bại tương thảo	30 "	Ngư tinh thảo	30 "
Tiểu Hồi hương	30 "	Bạch chỉ	20 "
Hương phụ	20 "	Huyền hồ	20 "

Đan sâm	30 gam	Hồng hoa	20 gam
Quế chi	30 "		

Cách dùng: Các vị trên đựng vào một túi vải, sau khi rang nóng đợi khi nào vừa mức vùng bụng chịu đựng được, đem chườm vào thiếu phúc.

5. Trương thị hoá ứ tiêu trưng thang

Người cống hiến: Trương Tầm Mai, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Lưu Bác tỉnh Sơn Đông

Quế chi	10 gam	Phục linh	12 gam
Xích thược	15 "	Mẫu đơn bì	12 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Bồ công anh	30 "	Xuyên sơn giáp	10 "
Đương qui	12 "	Xuyên khung	15 "
Ô dược	10 "	Cam thảo	6 "

6. Trương thị hoá huyết phương

Người cống hiến: Trương Lệ Phong, Y sư phó chủ nhiệm Kiến y viện tỉnh An Huy

Hoa nhị thạch	20 gam	Xích thạch chi	15 gam
Ngũ linh chi	12 "	Hồng hoa	10 "
Đào nhân	12 "	Nhũ hương	9 "
Một dược	9 "	Tam thất	6 "
Đương qui	14 "	Xuyên khung	12 "
Hắc sửu	7 "	Xích thược	12 "
Bạch sửu	7 "		
Xích tiểu đậu	12 "	(tán bột chia 2 lần hoà uống).	

7. Hoàng kỳ trị băng cơ bản phương

Người cống hiến: Hoàng Thằng Vũ, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Sinh Địa hoàng	30	gam	Thục Địa hoàng	30	gam
Hạn liên thảo	20	"	Sơn hoa	15	"
Bạch thược	15	"	A giao	15	"
Câu kỷ	12	"	Mạch môn đông	12	"
Miết giáp	30	"	Sinh Mẫu lệ	30	"
Triết bối	10	"	Đan sâm	15	"
Tam thất (bột)	4,5	"	(hoà uống)		

8. Hình thị bao khối quán trường phương

Người cống hiến: Hình Duy Huyên, Phó giáo sư Trung y học viện Sơn Tây

Đan sâm	30	gam	Xích thược	30	gam
Tam lăng	30	"	Nga truật	30	"
Tạo thích	15	"			

Cách dùng: Các vị trên sắc lấy 2000 ml để rửa ruột.

9. Quách thị gia giảm cách hạ trục ứ thang

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Sài hồ	10	gam	Đương qui	10 - 12	gam
Chỉ xác	10	"	Xích thược	10 - 15	"
Đào nhân	10	"	Hồng hoa	10 - 15	"
Hương phụ	10	"	Xuyên khung	10 - 12	"
Huyền hồ	10	"	Xuyên sơn giáp	10	"
Miết giáp	10	"			

10. Triệu thị bổ địa hoa giáp thang

Người cống hiến: Triệu Thâm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Phong Đăng tỉnh Hà Nam

Bồ công anh	30 gam	Sinh địa du	15 gam
Kim ngân hoa	20 "	Xuyên sơn giáp	12 "
Sinh Nhũ hương	10 "	Sinh Một dược	10 "
Đào nhân (sao)	10 "	Thảo Hồng hoa	10 "

155. ĐAU VÙNG TIỂU PHÚC

Đau bụng phía dưới rốn gọi là Tiểu phúc thống, là một chứng trạng thường gặp, có liên quan tới bệnh biến ở Bàng quang, Bào cung, Tiểu trường và Đại trường.

Vùng tiểu phúc lúc đau lúc không, hoặc đau lan toả tới lưng và cột sống, dưới sườn, ở phụ nữ có thể thấy kinh nguyệt khác thường, đới hạ, chất lưỡi tía sạm, có thể dùng ***Sơ khí định thống thang (1)*** để hành khí hoạt huyết, hoá ứ giảm đau.

Phụ nữ bị đau ở tiểu phúc sờ thấy hòn cục, kiêm chứng hành kinh lượng ít, có cục, đới hạ khác thường, gầy còm v.v... cho uống ***Chỉ thống phương (2)*** để tán kết tiêu chất rắn, hành khí giảm đau. Chứng nói trên, nếu kiêm cả đoản hơi, tinh thần mỏi mệt, thì dùng ***Miết giáp tán (3)*** để ích khí hoá ứ chỉ thống.

Tiểu phúc đau trướng, hoặc vừa đau vừa cảm thấy trướng và trệ, hoặc đau lan toả tới bộ phận hạ âm và hai bên thiếu phúc, hoặc gặp lạnh thì bệnh tăng, mạch Huyền Khẩn, rêu lưỡi trắng nhớt, chất lưỡi tía sạm là do khí uất, đường Lạc bị trở trệ, dùng ***Lữ thị thông lạc lý khí phương (4)*** để điều Can lý khí, hoạt lạc giảm đau.

Tiểu phúc đau dữ dội không chịu nổi thậm chí hôn quyết, kiêm chứng đau vùng lưng, tiểu tiện ngắt quãng, đó là chứng

Thạch lâm, dùng ngay ***Trịnh thị gia vị tứ diệu an dũng thang (5)*** để hoạt huyết dịu cơn đau gấp, giải sự co cứng và giảm đau. Sau khi đỡ đau, lại cho uống các phương thuốc chữa sỏi, tham khảo ở chứng "Tiểu tiện nhỏ giọt".

Tiểu phúc đau có thể gặp trong nhiều loại tật bệnh ở các khoa nội, ngoại, phụ, nhi; các chứng thuộc hàn, nhiệt, hư, thực, hoặc đàm thấp, thực uất ứ trệ cũng thường gặp, tham khảo ở các mục hữu quan.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sơ khí định thống thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Chế Hương phụ	9 gam	Xuyên luyện tử	9 gam
Huyền hồ	9 "	Ngũ linh chi	9 "
Một dược	3 "	Chỉ xác	4,5 "
Đương qui	9 "	Mộc hương	4,5 "
Ô dược	9 "		

2. Chỉ thống phương

Người cống hiến: Vương Hồng Nho, Phó giáo sư Trung y học viện Vân Nam

Già căn	15 gam	Xuyên tiêu	15 gam
Mã lan hoa	15 "	Cáp Hoa thảo	15 "
Sinh Chỉ xác	30 "	Đại kích	30 "
Đại hoàng	9 "	Ngũ bội tử	9 "

Khổ sâm	9 gam	Bì tiêu	9 gam
Ngoã tùng	9 "		

Cách dùng: Sau khi sắc xong, lấy nước này rửa âm đạo mỗi ngày một lần, sự hữu hiệu là do nhờ hơi bốc thẳng vào nơi xông rửa.

3. Miết giáp tán

Người cống hiến: Vương Hồng Nho, Phó giáo sư Trung y học viện Vân Nam

Sinh Miết giáp	18 gam	Nhân sâm	18 gam
Hoa tiêu	9 "		

Cách dùng: Tán bột, chia làm 6 gói, mỗi tối uống 1 gói chiêu với nước chín, sau khi uống liên tục 3 gói có thể giảm đau. Uống liên tục 24 gói làm một đợt điều trị.

4. Lữ thị thông lạc lý khí phương

Người cống hiến: Lữ Thừa Toàn, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Huyền hồ	12 gam	Xuyên luyện tử	15 - 20 gam
Mộc hương	10 "	Lệ chi hạch	12 "
Ngô thù du	6 - 7 "	Phục linh	15 "
Mộc thông	6 - 8 "	Trạch tả	12 "
Cam thảo	6 - 9 "	Đương qui	15 "
Bạch thược	12 - 15 "	Bồ công canh	30 "

Gia giảm: Cao hoàn và tiểu phúc trướng đau nặng, gia Tất bát 6 gam. Cục bộ cao hoàn kết rắn không tiêu trừ, gia Xuyên sơn giáp, Sinh Mẫu lệ.

5. Trịnh thị gia vị tứ diệu an dũng thang

Người cống hiến: Trịnh Huệ Bá, Y sư chủ nhiệm Y viện khu vực huyện Vạn tỉnh Tứ Xuyên

Đương quy	30 gam	Huyền sâm	30 gam
Bạch thược	30 "	Kim ngân hoa	30 "
Đan sâm	30 "	Cam thảo	10 "

156. ĐAU VÙNG THIẾU PHÚC

Bên trái hoặc bên phải phía dưới rốn đau, gọi là đau vùng Thiếu phúc, thường có liên quan tới bệnh biến của Can, Đởm và Đại trường.

Lâm sàng thường gặp ở bệnh Trường ung, bệnh này có chứng trạng chủ yếu là đau ở bên phải thiếu phúc, cự án, buồn nôn hoặc nôn mửa. Nếu kiêm chứng da bụng căng gấp, đại tiện không dễ chịu, đau có cảm giác trướng là chính, có thể dùng ***Hoá trệ tiêu ung phương (1)*** để thanh nhiệt lý khí, hoá trệ tiêu ứ. Nặng hơn thì dùng ***Lý khí tiêu ung phương (2)*** để lý khí hoạt huyết, thông tiện giải độc.

Nếu kiêm chứng sốt cao mặt đỏ, mắt đỏ, miệng khát, táo bón tiểu tiện vàng, lưỡi đỏ tía mà khô là thuộc nhiệt độc úng trệ ở doanh huyết, uống ***Giải độc tiêu ung thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hoá ứ, tiêu ung chỉ thống; cũng có thể dùng ***Kim thị lan vĩ nùng thũng phương (4)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá ứ trừ mủ, thông lý tiêu tích. Nếu bệnh thiên về khí trệ thì uống ***Từ thị giải độc phương (5)*** để thanh nhiệt giải độc, lý khí hoạt huyết. Chứng nhiệt độc huyết uất này ngoài những phương thuốc sắc nói trên, có thể phối hợp ***Hoá nùng phương (6)*** đắp ra bên ngoài để hỗ trợ, cũng có thể phối hợp ***Chu thị trường ung trị nghiệm châm thích phương (7)*** để tăng cường tác dụng khai thông khí cơ, và thanh tiết thấp nhiệt.

Bệnh đau nói trên lâu ngày không khỏi, hoặc điều trị không triệt để, kéo dài thành chứng bệnh mạn tính, xuất hiện chứng trạng đau thiếu phúc hoặc trướng đau, đau âm ỉ, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng hoặc vàng nhớt là thuộc thấp nhiệt lưu luyến, doanh huyết úng trệ. Nếu thiên về thấp nhiệt độc thì dùng ***Hạng thị mạn tính viêm chứng thũng khối phương (8)*** để lương huyết giải độc, hoạt huyết tiêu sưng. Nếu thiên về nghẽn trệ đường Lạc, có thể dùng ***Vương thị bại tương ẩm (9)*** để giải độc trừ thấp, ôn kinh hoạt huyết và tiên sưng giảm đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hoá trệ tiêu ung phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Chỉ xác	6 gam	Thanh bì	9 gam
Đại hoàng	1,8 "	Mang tiêu	7,5 "
Sinh khương	4,5 "	Lai bặc tử	9 "

2. Lý khí tiêu ung phương

Người cống hiến: Kha Dữ Sâm, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Tân y dược học tỉnh Cam Túc

Sinh Đại hoàng	9 gam	Bạch thược	9 gam
Mẫu đơn bì	9 "	Giá trùng	9 "
Đào nhân	2 "	Thanh bì	6 "
Trần bì	6 "	Chế Nhũ hương	6 "
Sinh Ý dĩ nhân	5 "	Mộc hương	5 "

Bại tương thảo	25 gam	Đông qua tử	25 gam
Sinh Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Mỗi thang sắc chia uống 3 lần, uống liên tục 2 - 3 thang, chừng nào đại tiện vài lần, hết hẳn đau thì thôi uống.

3. Giải độc tiêu ung thang

Người cống hiến: Đổng Kiến Hoa, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	12 gam	Liên kiều	12 gam
Đan sâm	12 "	Huyền hồ	12 "
Bồ công anh	30 "	Bại tương thảo	30 "
Xích thược	9 "	Mẫu đơn bì	9 "
Đào nhân	9 "	Sinh Đại hoàng	4 "

Gia giảm: Nếu kiêm khí trệ, phương trên bỏ Đan sâm, Đào nhân, Huyền hồ, Sinh Đại hoàng, gia Ô dược 9 gam, Thanh bì 9 gam, Trần bì 9 gam, Chỉ xác 9 gam.

4. Kim thị lan vĩ nùng thũng phương

Người cống hiến: Kim Như Thọ, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 khu Hoài Hoá tỉnh Hồ Nam

Hồng đằng	30 gam	Bại tương thảo	30 gam
Đương qui vĩ	9 "		
Đại hoàng	15 - 24 "	(hoặc Sơn giáp 9 gam cũng được)	
Thiên đinh (Tạo giác thích)	15 gam		

Cách dùng: Sắc uống, bệnh nặng ngày 1 thang, đồng thời bên ngoài đắp Như ý kim hoàng tán (Đại hoàng, Hoàng bá, Khương hoàng, Bạch chỉ mỗi vị đều 2500 gam. Thiên nam

tinh, Trần bì, Xương truật, Hậu phác, Cam thảo mỗi vị đều 1500 gam. Thiên hoa phấn 5.000 gam. Cùng tán bột, nấm dấm với nước, hoặc dùng mật hoà với thuốc nặn thành miếng đắp vào nơi đau). Mỗi ngày thay miếng đắp một lần, khi hòn cục tiêu tan thì thôi đắp.

5. Từ thị giải độc phương

Người cống hiến: Từ Địch Tam, Y sư chủ nhiệm Đại học y khoa Thượng Hải

Bồ công anh	30 gam	Nhất kiến hỷ	30 gam
Hồng đằng	15 "	Nhũ hương chế	4,5 "
Xích thược	9 "	Hoàng liên	4,5 "
Đào nhân	9 "	Mộc hương	4,5 "
Hoàng cầm	9 "	Một dược chế	4,5 "

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Dùng riêng Đại toán và Mang tiêu đắp ra ngoài.

6. Hoá nùng phương

Người cống hiến: Cố Triệu Nông, Y sư chủ nhiệm Phân viện Viện y học Sơn Tây

Sinh Đại hoàng	30 gam	Huyền minh phấn	15 gam
Mẫu đơn bì	15 "	Qua lâu nhân	15 "
Đào nhân	24 "	Tử hoa địa đinh	24 "
Nhũ hương	10 "	Một dược	10 "
Phụ tử	1,5 "		

Cách dùng: Các vị trên bỏ vào trong túi vải, khâu kín miệng bỏ vào nồi nấu với 4 bát nước, đun nhỏ lửa 30 phút, thêm rượu

trắng 25 ml, nhân lúc còn nóng lấy ra, vắt bỏ nước, chườm vào nơi đau.

7. Chủ thị trường ung trị nghiệm châm thích phương

Người cống hiến: Chu Đức Nghi, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện An Huy

Lấy huyệt Thiên khu bên phải và Tam âm giao, Khí hải.

Lấy huyệt Túc Tam lý bên trái và Thái xung

Cách dùng: Thao tác theo phép tả, lưu châm 20 - 30 phút, cách 5 - 10 phút hành châm 1 lần. Mỗi ngày châm 1 lần.

Gia giảm: Phát sốt, thêm Đại truỳ, Khúc trì 2 bên, hoặc châm Uỷ trung cho ra huyết. Nôn mửa gia Nội quan

8. Hạng thị mạn tính viêm chứng thũng khối phương

Người cống hiến: Hạng Bình, Phó giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Bồ công anh	15 gam	Kim ngân hoa	10 gam
Xích thược	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Đan sâm	10 "	Hồng hoa	8 "
Lộc giác xương	15 "	Sinh Ý dĩ	10 "
Sinh Cam thảo	5 "		

9. Vương thị bại tương ẩm

Người cống hiến: Vương Quân, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Lâm Hải tỉnh Triết Giang

Bại tương thảo	Hồng đằng
Liên kiều	Ý dĩ nhân
Đạm phụ phiến	Huyền hồ

157. KHÍ TỪ THIẾU PHÚC XÔNG LÊN

Khí từ bụng dưới xông lên chỉ bệnh có cảm giác hơi từ thiếu phúc xông lên, lúc phát lúc ngừng, thậm chí xông lên ngực và họng, còn gọi là Bôn độn khí.

Sau khi bị sợ hãi hoặc bị kích động, đột ngột có hơi từ thiếu phúc xông nghịch lên, sườn đau bụng đầy, mạch Tế Huyền, thuộc Can uất khí nghịch, doanh huyết bất túc, dùng ***Trương thị bình xung phương (1)*** để sơ Can dẹp xung điều hoà doanh huyết.

Lâu ngày bị bệnh, dưới rốn hồi hộp, thiếu phúc căng gấp, khí xông ngược lên, nặng hơn thì mặt đỏ đỏ máu mũi, thuộc Can kinh uất nhiệt, dùng ***Ngô thị bôn đồn thang (2)*** để sơ Can thanh nhiệt, giáng nghịch dẹp chứng Bôn đồn.

Khí từ thiếu phúc xông lên tới họng, vật vã muốn chết, kiêm chứng lưỡi đỏ, mạch Trầm Tế là do hàn khí nghịch lên, nên ôn Thận trấn nghịch, cho uống ***Trương thị trấn nghịch thang (3)***. Kiêm chứng chân tay lạnh, dưới rốn rung động, đại tiện không thành khuôn, bụng sườn khó chịu, là trung hàn khí nghịch, dùng ***Trương thị bôn đồn phương (4)*** để trấn nghịch, giáng khí, ôn trung, tán hàn.

Khí từ thiếu phúc xông lên tới miệng, đầu choáng váng quay cuồng thậm chí hôn mê ngã lăn, gân chân co gấp chuột rút, mạch

Tiểu Huyền Hoạt, rêu lưỡi trắng nhớt là dương hư thuỷ nghịch, uống ***Chỉ xung thang (5)*** để ôn dương lợi thuỷ; dẹp xung giáng nghịch.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị bình xung phương

Người cống hiến: Trương Dược Khanh, Y sư chủ nhiệm Trung tâm y viện khu Hạp Bắc thành phố Thượng Hải

Đương quy	9 gam	Bạch thược (sao rượu)	6 gam
Bát nguyệt trát	9 "	Quất diệp	4,5 "
Xuyên luyện tử	9 "	Sài hồ (sao tẩm)	4,5 "
Bạch tật lê	9 "	Quất lạc	4,5 "
Đan sâm	9 "	Trần hương	1,5 "
Chân châu mẫu	30 "	Giáng hương tước	1,8 "
Phục thần	15 "		

2. Ngô thị bôn đồn thang

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoài, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Hạ khô thảo	9 gam	Thạch hộc	9 gam
Đương quy	9 "	Bạch thược	9 "
Tô tử (sao)	9 "	Kim ngân hoa	9 "
Xuyến thảo thán	10 "	Trúc như	4,5 "
Bạch mao căn	12 "	Thông thảo	4,5 "
Ngưu tất	6 "		

3. Trương thị trấn nghịch thang

Người cống hiến: Trương Chấn Hạ, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Bạch thược	12 gam	Nhục quế	1,2 gam
Long cốt (nung)	12 "	Giáng hương bột	1,5 "
Toàn phúc cuộng	9 "	Tử thạch anh	1,5 "
Mẫu lệ nung	30 "	Đại giả thạch nung	12 "
Cam thảo (trích)	9 "		

4. Trương thị bôn đồn phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng
Trung y học viện Hồ Bắc

Quế chi	10 gam	Ngô thù du	10 gam
Cam thảo (trích)	10 "	Bạch truật	10 "
Chỉ xác (sao)	10 "	Trần bì	10 "
Pháp Bán hạ	10 "	Phục linh	30 "
Bạch thược (sao)	15 "	Ý dĩ nhân	25 "
Sinh khương	3 nhát	Đại táo	5 quả

5. Chỉ xung thang

Người cống hiến: Trương Bá Du, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Thục Phụ phiến	9 gam	Sinh Bạch truật	9 gam
Cát căn	9 "	Chế Bán hạ	9 "
Trần đởm tinh	9 "	Thạch xương bồ	9 "
Trạch tả	15 "	Quế chi	4,5 "
Phục linh	12 "	Đương qui (sao)	12 "
Sinh Bạch thược	12 "	Bạch kim hoàn (nuốt)	3 "

158. THIẾU PHÚC NÓNG RÁT

Chứng này chỉ thiếu phúc nóng rát thậm chí như lửa đốt, về đêm chứng trạng càng nặng hơn, ảnh hưởng tới giấc ngủ, hai bên đùi vế mỏi yếu, thể trạng gầy còm, lưỡi đỏ không có rêu, mạch Huyền Trường, bệnh thuộc Thận hư tướng hoả tiết ra ngoài, nên tư Thận âm, thanh tướng hoả, cho uống ***Trương thị thiếu phúc trước nhiệt phương.***

PHỤ PHƯƠNG

Trương thị thiếu phúc trước nhiệt phương

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện tỉnh Hắc Long Giang

Quy bản	25 gam	Sinh Địa hoàng	20 gam
Tri mẫu	15 "	Hoàng bá	15 "
Câu kỷ tử	20 "	Ngưu tất	15 "
Huyền sâm	20 "	Nữ trinh tử	20 "
Thỏ ty tử	15 "	Cam thảo	10 "

Gia giảm: Sau khi uống thuốc, thấy đại tiện lỏng, có thể gia Hoài sơn 20 gam.

PHẦN XIV

CHỨNG TRẠNG Ở CHÂN TAY

Chứng trạng ở chân tay thường gặp nhiều trong lâm sàng, cũng có liên quan đến một số bệnh biến ở các Tạng Phủ. Cho nên có một số chứng trạng được xem là chủ chứng để luận trị.

Mục này thâu tóm các chứng: Chân tay đau nhức, Chân tay mềm yếu, Chân tay tê dại và Đầu gối sưng đau v.v...

159. CHÂN TAY ĐAU NHỨC

Chân tay đau nhức là chỉ gân mạch, cơ bắp, khớp xương ở chi trên hoặc chi dưới đau nhức, phần nhiều thuộc "Tý chứng".

Các khớp và cơ bắp chân tay đau nhức di chuyển, thuộc phong tà kiêm thấp di chuyển đến các khớp và cơ bắp, chủ yếu phải khư phong trừ thấp, cho uống ***Lục thị ngũ đẳng ẩm (1)*** để khư phong trừ thấp kiêm dưỡng huyết thư cân. Hoặc phối hợp uống với ***Thống phong nghiệm phương (2).*** Kiêm cả biểu chứng hàn nhiệt thì dùng ***Khư phong thang (3)*** để giải biểu khư phong, tán hàn dẹp cơn đau.

Chứng phong tà kiêm thấp lâu ngày không khỏi, tái phát nhiều lần, các khớp co duỗi hạn chế do phong thấp ứ ở đường Lạc, nên hoạt lạc trừ thấp, khư phong chỉ thống, lợi các khớp, nếu bệnh thiên về phần biểu thì dùng ***Quách thị tùng tiết ý dĩ nhân thang (4),*** bệnh thiên về thấp thì dùng ***Thông lạc tức phong thang (5).***

Nếu chứng đau khớp phong thấp lại thấy các khớp sưng trướng, tái phát lâu ngày, chất lưỡi tía tối, rêu lưỡi nhớt là do phong thấp lưu luyến ở đường Lạc, huyết ứ ở kinh mạch, dùng ***Lâu thị tý chứng hoàn (6)*** để khư phong trừ thấp, hoạt huyết tiêu sưng, thông lạc giảm đau.

Chứng phong thấp lại kiêm hồi hộp, đoản hơi, mặt trắng bệch, khớp xương mỏi yếu hoặc sưng đau thuộc khí huyết bất túc, có thể dùng ***Dương thị tiêu thống ẩm (7)*** để bổ khí huyết, trừ phong thấp, giảm Tý thống.

Chứng phong thấp mà kiêm cả âm hư, có các chứng miệng khát họng khô, móng tay chân khô gẫy, nặng hơn thì bị teo cơ, có thể dùng ***Dưỡng âm khư phong phương (8)*** để dưỡng âm khư phong trừ thấp. Đối với chứng phong thấp dẫn đến chân tay đau nhức, đều có thể phối hợp ***Điều thị linh hương sương (9)*** bôi vào nơi đau để tăng cường công hiệu khư phong giảm đau.

Khớp xương chân tay lạnh đau, người ớn lạnh tay chân lạnh, ưa ấm sợ lạnh, mạch Huyền Khẩn, rêu lưỡi trắng nhớt là do hàn thấp tê nghẽn, cho uống ***Hoạt lạc ôn kinh thang (10)*** để khư hàn trừ thấp, sơ phong giảm đau, bên ngoài thì dán ***Tý chứng cao (11)*** để tăng cường công hiệu giảm đau tán hàn. Kiêm chứng nơi đau sưng trướng có sắc tía tối, bệnh trình kéo dài là có cả ứ huyết, điều trị nên khư hàn trừ thấp, hoạt huyết dẹp cơn đau, có thể dùng ***Nhậm thị tam tiêu ẩm tử (12).***

Hàn thấp có xu hướng dồn xuống chi dưới hoặc 1 bên chi dưới, có thể thấy cơ bắp các khớp ở chi dưới lạnh đau, nơi đau không di chuyển, sắc da không thay đổi, nơi đau ưa ấm sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch Khẩn hoặc Huyền Khẩn, điều trị nên theo phép tán hàn trừ thấp, cho uống ***Chu thị chỉ thống phương (13).*** Gặp thời tiết lạnh thì đau tăng, nên chữa theo phép khư thấp thông lạc, trừ hàn dẹp cơn đau, dùng ***Toạ cốt thần kinh thống phương (14).***

Đối với những loại đau chi dưới mà thiên về hàn thấp vít nghẽn có thể phối hợp chườm nóng cục bộ để tăng cường sức khư hàn thông tý, dùng ***Đổng thị toạ cốt thần kinh thống ngoại uất nghiệm phương (15).***

Khớp chi dưới đau hoặc sau khi đầu gối bị tổn thương, do đau mà co duỗi khó hoặc sưng trướng, tiểu tiện sẻn ít, bệnh trình kéo dài là thuỷ thấp uất trệ ở khớp xương, khí huyết mất điều hoà, có thể dùng ***Hồ thị gia vị ngũ linh tán phương (16)*** để thanh lợi thuỷ thấp ở khớp xương, hành khí hoạt huyết thông lạc.

Nếu chi dưới đau mà đau nhiều nhất ở khớp hông, bệnh đã lâu ngày, đi lại khó khăn thậm chí khập khiễng, kiểm tra khớp háng không có dấu hiệu nhiễm khuẩn gây hoại tử, là bệnh thuộc hàn thấp ngưng trệ khí huyết, gân xương không mạnh, có thể dùng ***Hoạt huyết dưỡng cốt thang (17)*** để hoạt huyết lý khí, tán hàn trừ thấp, ôn thông kinh mạch, mạch gân khoẻ xương.

Khớp xương tứ chi sưng đỏ đau và nóng rát, phát sốt khát nước, phiền táo mạch Sác, kiêm chứng ban đỏ ngoài da, là thuộc nhiệt động úng tụ ở doanh huyết mạch lạc, nên thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết thông lạc, dùng ***Triệu thị hồng ban tịnh chi thống phương (18).*** Nếu đau kịch liệt kêu la suốt ngày đêm, bất kể giờ giấc nào, dùng ***Đinh thị linh dương giác tán (19)*** để thanh nhiệt lương huyết, khư phong thông lạc.

Khớp xương khuỷu tay đau, hạn chế co duỗi, hễ động làm gì hoặc người mệt nhọc thì đau tăng, thời gian bị bệnh quá dài, phần nhiều do tư thế hoạt động không thích hợp, hoặc là dùng

sức quá độ gây nên, có thể dùng ***Vương thị tiên hạc thảo thang (20)*** nhằm tăng sức mạnh chữa tổn thương, khư phong thanh nhiệt, hoà huyết sơ cân.

Khớp xương sưng đỏ trướng đau, lâu ngày không khỏi, tái phát nhiều lần, kiêm chứng tiểu tiện vàng sẻn, chất lưỡi đỏ sạm, rêu lưỡi vàng nhớt hoặc xuất hiện từng cục đỏ hồng ở lớp da, hoặc co cứng bại liệt, chân tay co duỗi khó hoặc tê dại hoặc đau cơ hoặc ngơ ngác không nói được, đó là thấp nhiệt làm tổn hại gân, đàm trệ huyết ứ, dùng ***Chu thị gia giảm thượng trung hạ thống phong phương (21)***, để táo thấp thanh nhiệt, hoạt huyết hoá đàm.

Khớp xương đau lâu ngày, thậm chí các khớp biến dạng, nơi đau có khi sưng trướng, sắc tía tối hoặc cứng khớp, phần nhiều do gân mạch ở khớp bị ứ huyết vít nghẽn gây nên, điều trị theo phép hoạt huyết hoá ứ, hành khí thông lạc, cho uống ***Lâu thị hoá ứ thông tý thang (22)***.

Uống quá nhiều thuốc cay ráo len lỏi quá mức đến nỗi khí dịch đều bị hư, là chứng đau phong thấp tý có chứng trạng nhức mỏi các khớp, mạch Huyền Tế, rêu lưỡi trắng trơn, là do khí dịch đã bị tổn thương, âm hư huyết nhiệt, có thể dùng ***Ngũ tang tứ đẳng phòng kỷ thang (23)*** để phù chính đạt tà, dồn đuổi phong thấp, thư cân hoạt lạc, điều hoà khí huyết.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Sưng đầu gối", "Tứ chi sưng đỏ đau", "Đau thân thể" v.v..

PHỤ PHƯƠNG

1. Lục thị ngũ đằng ẩm

Người cống hiến: Lục Trường Thanh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Thanh Hải

Kim ngân hoa đằng (Nhẫn đông đằng) 15 gam

Hải phong đằng	15 gam	Thanh phong đằng	15 gam
Lạc thạch đằng	15 "	Kê huyết đằng	15 "

Gia giảm: Chứng nhiệt tý, dùng chung với Ma hạch thạch cam thang. Chứng hàn tý (thống tý) gia Xuyên ô, Thảo ô, Ma hoàng. Chứng phong tý (hành tý) gia Phòng phong, Tần giao, Địa long, Cương tàm. Chứng thấp tý (trước tý) gia Sinh Ý dĩ nhân, Quế chi, Khương hoạt, Độc hoạt, Xương truật, Mộc phòng kỷ, Mộc qua.

2. Thống phong nghiệm phương

Người cống hiến: Bố Phụ Chu tiên sinh, Nhà Trung y học trứ danh

Tam giác phong	6 gam	Bát giác phong	6 gam
Cửu tiết phong	6 "	Kê huyết đằng	6 "
Bạch thông thảo	6 "	Hắc mã thảo	6 "
Hoa tiêu căn	6 "		

Cách dùng: Ngâm vào 250 ml rượu ngon 7 ngày rồi uống. Uống hết rồi lại ngâm thêm 250 ml rượu ngon nữa mà uống, mỗi lần 9 - 15 ml, người uống được rượu có thể uống tới 30 ml mỗi lần.

3. Khư phong thang

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Độc hoạt	9 gam	Phòng phong	9 gam
Quế chi	9 "	Chế Xuyên ô	6 "

4. Quách thị tùng tiết ý dĩ nhân thang

Người cống hiến: Quách Chấn Cầu, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Tùng tiết	12 gam	Ý dĩ nhân	15 gam
Ma hoàng	3 "	Thai ô dược	10 "
Quế chi	10 "	Mao Xương truật	10 "
Đương qui thân	12 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Thêm Sinh khương 10 gam, sắc lấy nước, bỏ bã, uống nóng.

5. Thông lạc tức phong thang

Người cống hiến: Âu Dương Kỳ, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hồ Nam

Tang chi	12 gam	Kim ngân hoa	12 gam
Bạch thược	12 "	Tỳ giải	12 "
Tần giao	10 "	Đương qui vĩ	10 "
Tàm sa	10 "	Hy thiêm thảo	15 "
Ý dĩ nhân	15 "	Phòng kỷ	15 "
Cam thảo	1,5 "		

Gia giảm: Có các chứng sợ phong hàn, không mồ hôi, đau thân thể, gia Tô diệp, Phòng phong. Khớp xương sưng to co duỗi

hó gia Tùng tiết, Trúc tiết. Khớp ngón tay út sưng to cứng rắn, ia Cương tàm, Ngô công, Bạch hoa sà. Lòng bàn tay chân nóng, hớp xương sưng trướng nóng đau, gia Sinh Địa hoàng, Mẫu đơn ì. Hồi hộp đoản hơi, tự ra mồ hôi, sợ gió, gia Đan sâm, Viễn trí ướng, Hoàng kỳ.

. Lâu thị tý chứng hoàn

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Chế Mã tiền tử	500 gam	Ô tiêu sa	1500 gam
Địa long	1500 "	Chế Nhũ hương	1500 "
Thanh phong đằng	5000 "	Bại tương thảo	5000 "
Đan sâm	5000 "		

Cách dùng: Năm vị trên tán bột nhỏ. Ba vị sau nấu lấy nước đặc. Hai thứ trộn đều sấy khô, nghiền bột lần nữa, vẩy nước làm viên to bằng hạt đậu xanh, lấy đường trắng và phụ liệu làm áo. Mỗi lần uống 50 - 60 viên, ngày ba lần, trẻ em giảm bớt liều lượng. Người có thai và thể lực yếu dùng phải cẩn thận.

7. Dương thị tiêu thống ẩm

Người cống hiến: Dương Tố Vân, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện khu Đức Châu tỉnh Sơn Đông

Hoàng kỳ	20 gam	Quế chi	10 gam
Bạch thược	10 "	Tang ký sinh	20 "
Sinh Long cốt	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Độc hoạt	14 "	Tế tân	3 "
Tần giao	10 "	Uy linh tiên	10 "
Xuyên ô	10 "	Xuyên sơn giáp	10 "

8. Dưỡng âm khư phong phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	90 gam	Ngọc trúc	15 gam
Khương hoạt	9 "	Độc hoạt	9 "
Tế tân	3 "	Chế Xuyên ô	9 "
Xương truật	9 "	Đương qui	9 "
Bạch hoa xà	9 "		

9. Điều thị linh hương sương

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Phân viện y viện Cam Thiền Hà Bắc

Hoa tiêu	120 gam	Chương não	120 gam
Bạc hà	30 "	Tất bát	10 "

Cách dùng: Thuốc xếp lần lượt vào trong lọ sành ngũ hương: Hoa tiêu đặt cuối cùng, thứ đến Tất bát, rồi Bạc hà phủ lên trên, cuối cùng giải Chương não lên trên Bạc hà, đậy thuốc cho kín, rồi sau đậy nắp lọ, trát bùn muối ra ngoài, đặt lên một ống gang tròn, trong ống đốt 1 đèn dầu, lấy dầu Thầu dầu hoặc dầu Vừng làm nhiên liệu, để có ngọn lửa xanh lét, đốt chừng 4 - 6 giờ, trên nắp lọ đặt một nhúm bông, chừng nào mặt dưới nhúm bông dính như keo, nhè nhẹ gỡ bỏ bùn muối, từ từ gỡ nắp, sẽ thấy đáy nắp có một lớp bột kết tinh màu trắng, đó là "sương", khi dùng lấy chút ít bôi vào nơi đau.

10. Hoạt lạc ôn kinh thang

Người cống hiến: Bạch Y Sơn, Y sư chủ nhiệm thành phố Cẩm Châu tỉnh Liêu Ninh

Hoàng kỳ	30 gam	Bạch truật	20 gam
Đương quy	20 "	Bạch thược	20 "
Quế chi	10 "	Phụ tử	10 "
Xuyên ô	5 "	Thảo ô	5 "
Toàn yết	5 "	Ô sà	10 "
Nhũ hương	20 "	Một dược	20 "

Cách dùng: Sắc hai lần, lấy 300 ml nước đặc, chia hai lần uống sáng và tối mỗi lần 150 ml

Gia giảm: Chi trên đau nặng, gia Xuyên Khương hoạt, Tang Chi. Chi dưới đau gia Độc hoạt, Ngưu tất. Khớp xương co duỗi khó gia Lạc thạch đằng. Teo cơ bắp tay chân gia Thạch nam đằng. Huyết hư tê đau giả Kê huyết đằng. Khớp xương đau di chuyển, cơ bắp tê dại, gia Hải phong đằng, Uy linh tiên. Lưng và cột sống đau gia Đỗ trọng, Tục đoạn, Cẩu tích. Đau khớp dạng phong thấp biến dạng có thể chọn dùng Ngô công, Bạch hoa sà, Địa long, Giáp châu, Phong phòng, Thanh phong đằng.

11. Tý chứng cao

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Mã tiền tử	1000 gam	Sinh Xuyên ô	150 gam
Thảo ô	150 "	Sinh Nhũ hương	150 "
Một dược	150 "	Thanh phong đằng	200 "
Đương qui	200 "	Chi ma du	2000 "

Quảng đan 1000 gam (mùa Đông dùng 750 gam)

Cách dùng: Đem Mã tiền nấu với dầu chừng nào biến thành sắc đen, lấy ra, trừ Quảng đan để ngoài, đem các vị thuốc kia bỏ vào dầu nấu khô rồi nhặt ra, lấy dầu lọc bỏ cặn lần nữa, lại nấu cho nóng, bỏ từ từ Quảng đan vào, lấy que gỗ Hoè khuấy đều khiến dầu và Quảng đan phân hoá thành dạng cao, đặt vào nước lạnh ngâm 8 - 10 ngày là dùng được, khi dùng hơ nóng dán vào nơi đau.

12. Nhiệm thị tam tiêu ẩm tử

Người cống hiến: Nhiệm Ứng Thu, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Xuyên ô 12 gam (nấu trước chừng nào nhấm thấy không tê miệng là được)

Xương truật	9 gam	Độc hoạt	9 gam
Ngưu tất	9 "	Toàn Đương qui	12 "
Xuyên sơn long	30 "	Thiên niên kiện	30 "
Truy địa phong	30 "	Uy linh tiên	18 "
Nhũ hương	3 "	Một dược	3 "
Bắc Tế tân	6 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống nóng, khi uống giỏ vào vài giọt rượu trắng.

13. Chu thị chỉ thống phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Lão hoan thảo 50 gam

4. Toạ cốt thần kinh thống phương

Người cống hiến: Khương Xuân Hoa, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Chế Xuyên ô	6 gam	Chế Thảo ô	6 gam
Đương qui	9 "	Uy linh tiên	15 "
Vãn tàm sa	15 "	Xuyên Tục đoạn	9 "
Tần giao	9 "	Kỳ đà	15 "

5. Đổng thị toạ cốt thần kinh thống ngoại uất nghiệm phương

Người cống hiến: Đổng Thấu Lục, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số II Thượng Hải

Kinh giới	30 gam	Phòng phong	30 gam
Nhũ hương	30 "	Một dược	30 "
Xuyên ô	30 "	Khảm ly sa	2 hộp

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột lại trộn đều với Khảm ly sa, thêm vài chén nhỏ dấm vào nấu sôi, lại lấy vải bọc lại, đợi sức nóng của thuốc ngấm hết, đem chườm nóng ở vùng hông và chân, đùi. Khi nguội, lần thứ hai lại thêm dấm vào làm như trước, ngày hai lần. Mỗi bọc thuốc có thể dùng 3 ngày cộng 6 lần, lại thay thuốc khác, chườm như lần trước.

16. Hồ thị gia vị ngũ linh tán phương

Người cống hiến: Hồ Hương Sơn, Phó giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Phục linh	20 gam	Trư linh	30 gam
Bạch truật	15 "	Trạch tả	15 "
Quế chi	10 "	Xuyên sơn long	20 "
Trạch lan diệp	30 "	Hương phụ	15 "

Đan sâm	15 gam	Ngưu tất	10 gam

Cách dùng: Nấu với 800 ml, cạn lấy 450 ml, ngày 1 thang, chia ra 8 giờ uống một lần

17. Hoạt huyết dưỡng cốt thang

Người cống hiến: Hà Thiên Tường, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu vũ đạo tỉnh Tứ Xuyên

Đương quy	10 gam	Huyền hồ	10 gam
Trần bì	10 "	Uất kim	10 "
Tục đoạn	10 "	Bạch chỉ	10 "
Nhục quế	10 "	Cân cốt thảo	10 "
Độc hoạt	15 "	Cốt toái bổ	15 "
Cẩu tích	15 "	Ngưu tất	6 "

Cách dùng: Những vị trên có thể theo dạng thuốc sắc, mỗi ngày uống 1 thang chia hai lần sáng và tối. Cũng có thể chế dạng thuốc bột, thuốc hoàn, mỗi viên nặng 10 gam, ngày uống 3 viên. Cũng có thể thêm Nhũ hương 6 gam, Một dược 6 gam, cùng tán bột, trộn với rượu rồi đắp vào nơi đau.

Gia giảm: Khí huyết ngưng trệ, linh hoạt gia Giá trùng, Huyết kiệt. Hàn thấp khá nặng có thể gia Xương truật, Uy linh tiên. Bệnh trình kéo dài, thể trạng hư yếu, gia Hoàng kỳ, Bạch truật, Tử hà xa để kiện Tỳ táo thấp, bổ ích khí huyết.

18. Triệu thị hồng ban tính chỉ thống phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	15 gam	Bồ công anh	15 gam
Tử hoa địa đinh	10 "	Mộc qua	5 "

Xích thược	10 gam	Kê huyết đằng	30 gam
Quỷ tiễn vũ	10 "	Nhũ hương	3 "
Một dược	3 "	Hoàng bá	10 "

19. Đinh thị linh dương giác tán

Người cống hiến: Đinh Cam Nhâm tiên sinh, Danh y thời cận đại

Linh dương giác	Bạch vi
Thạch cao	Tri mẫu
Quảng Địa long	Tang chi (rửa rượu)

20. Vương thị tiên hạc thảo thang

Người cống hiến: Vương Kế Tiên, Giáo sư Trung y học viện Tân Cương

Tiên hạc thảo	30 - 60 gam	Tang chi	30 gam
Bạch thược	15 - 30 "	Kim ngân hoa	15 - 30 "
Cam thảo	3 - 10 "	Khương hoàng	6 - 10 "
Đại táo	10 "		

21. Chu thị gia giảm thượng trung hạ thống phong phương

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Sơn Tây

Hoàng bá	10 gam	Xương truật	10 gam
Thiên nam tinh	10 "	Quế chi	10 "
Phòng kỷ	6 "	Uy linh tiên	3 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Long đởm thảo	10 "	Xuyên khung	10 "
Thần khúc	10 "	Uất kim	10 "

Gia giảm: Nếu ngơ ngẩn mất tiếng nói, gia Xương bồ 15 gam. Lưỡi thè ra lệch một bên, khó nói, gia Khương hoạt 3 gam, Toàn yết 4 gam. Khớp xương đau len lỏi gia Bạch chỉ 6 gam, Khương hoạt 6 gam, bỏ Uất kim. Đau và co quắp nặng gia Khương hoàng 10 gam, Hải đồng bì 10 gam.

22. Lâu thị hoá ứ thông tý thang

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đương quy	18 gam	Đan sâm	18 gam
Kê huyết đằng	21 "	Chế Nhũ hương	9 "
Chế Một dược	9 "	Hương phụ	12 "
Huyền hồ	12 "	Thấu cốt thảo	30 "

Gia giảm: Bệnh thiên về hàn, gia Quế chi, Tế tân, Chế Xuyên ô, Chế Thảo ô. Bệnh thiên về nhiệt, gia Bại tương thảo, Mẫu đơn bì. Bệnh do khí hư, gia Hoàng kỳ. Bị chứng Tý lâu ngày khớp xương sưng to biến dạng gia Xuyên sơn giáp, Toàn yết, Ô tiêu sà.

23. Ngũ tang tứ đằng phòng kỷ thang

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Triết Giang

Tang chi	9 gam	Tang ký sinh	9 gam
Tang diệp	9 "	Câu đằng	9 "
Kê huyết đằng	9 "	Kim ngân hoa	9 "
Thiên tiên đằng	6 "	Phòng kỷ	6 "

160. KHỚP XƯƠNG BIẾN DẠNG

Khớp xương biến dạng là chỉ khớp xương toàn thân cứng đơ, mất đi trạng thái bình thường, phần nhiều do Tý chứng phát triển gây nên, bộ vị biến dạng thường gặp ở các đốt ngón chân ngón tay, thứ đến các đốt sống lưng.

Khớp xương biến dạng sưng đau, ố hàn, thích ấm, chân tay đau mỏi nặng nề, lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng nhớt là do phong hàn thấp vướng trệ ở cơ bắp khớp xương, điều trị theo phép khư phong, trừ thấp, tán hàn, tiêu sưng. Nếu thiên về phong thấp thắng thì dùng ***Mã thị phong hàn thấp tý thống phương (1)*** để khư hàn khu phong, trừ thấp thông lạc. Khớp xương sưng to, biến dạng đau nhức lâu ngày không khỏi, gặp lạnh thì đau tăng, chân tay không ấm, mối lưỡi tía tối hoặc hồi hộp đoản hơi, mỏi mệt vô lực, là hàn ngưng huyết trệ kiêm cả nguyên khí bất túc thì dùng ***Gia giảm thống phong phương (2)***. Nếu thiên về khí hư, có thể dùng ***Tiết thị trị phong thấp quan tiết viêm phương (3)*** để ích khí hoạt huyết, thông lạc tán hàn, lợi khớp xương, khỏi đau nhức. Nếu thiên về hàn ngưng huyết trệ, có thể dùng ***Phạm thị song ô mộc qua thang (4)*** để khu hàn giảm đau, hoạt huyết thông lạc, kiêm ích khí huyết.

Tý chứng tái phát lâu ngày, các khớp cứng đơ đau nhức và biến dạng, hoặc lưng và cột sống cứng đơ, cúi ngửa khó và đau nhức, gặp lạnh thì đau dữ dội, kèm theo chứng lưng đùi yếu mỏi,

đầu choáng ù tai, thể trạng gầy mòn, đó là xương yếu Thận hư, phong hàn thấp ngưng đọng, mạch lạc không thông, dùng ***Bổ Thận khư hàn trị khuông thang (5)*** để hoá thấp sơ phong, hoạt ứ thông lạc, mạnh gân khoẻ xương.

Khớp xương sưng to biến dạng dằng dai lâu ngày, nơi đau cố định, sắc da ở nơi đau tía tối, rêu lưỡi nhớt, chất lưỡi sạm là có ứ huyết ngưng trệ ở gân xương cơ bắp, có thể dùng ***Lâu thị gia vị hoá ứ thông tý thang (6)*** để hoạt huyết hoá ứ, thông lạc tiêu sưng.

Chứng này thường cùng xuất hiện với các chứng "Chân tay đau nhức", "Đau thân thể" và kết quả thường là bệnh phát triển nặng hơn, lâm sàng có thể tham khảo các mục chứng bệnh nói trên.

PHỤ PHƯƠNG

1. Mã thị phong hàn thấp tý thống phương

Người cống hiến: Mã Võ Nhân, Nghiên cứu viên Trung y học viện Bắc Kinh

Phụ tử	5 gam	Sinh khương	10 gam
Quế chi	10 "	Bạch truật	10 "
Phòng phong	10 "	Độc hoạt	10 "
Phòng kỷ	10 "	Hoàng kỳ	10 "
Cam thảo	10 "	Xích thược	10 "
Hồng hoa	10 "	Đương qui	10 "
Ma hoàng	3 "		

2. Gia giảm thống phong phương

Người cống hiến: Uông Lý Thu, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Ma hoàng	10 gam	Xuyên Quế chi	10 gam
Chế Xương truật	10 "	Thục Phụ phiến	10 "
Phòng phong	10 "	Phòng kỷ	10 "
Uy linh tiên	10 "	Chế Nam tinh	10 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Kê huyết đằng	15 "	Toàn yết	5 "
Lộ phong phòng	15 "	Lôi công đằng	15 "

Cách dùng: Sắc lấy nước chia hai lần uống, mỗi ngày một thang. Nước sắc thứ nhất phải lâu 45 phút mới rót ra, nấu tiếp nước sau.

Gia giảm: Hàn tà thiên thịnh, gia Xuyên ô, Thảo ô là những thứ rất cay rất nóng để trừ bỏ trầm hàn cố lãnh ở trong. Nhiệt tà thiên thịnh thì gia các vị hàn lương như Thạch cao, Tri mẫu, Hổ trượng để thanh nhiệt tà trong đường lạc. Phong thắng đau di chuyển thì hợp với Bạch chỉ, Khương hoạt, Thấp thịnh sưng to, gia Ý dĩ nhân, Đại phúc bì. Chân tay thân thể thũng trướng, gia Chỉ xác, Hậu phác để lý khí tiêu Tý. Chính khí hư thì thêm Quy, Kỳ hoặc Địa hoàng để bổ khí huyết, nuôi Can Thận. Ngoài ra, còn căn cứ vào bộ vị có bệnh biến mà phối hợp loại thuốc dẫn kinh, như đau ở tay thì dùng Quế chi liễu cao, gia Khương hoàng. Đau ở chi dưới thì gia Mộc qua, Xuyên Ngưu tất, Trạm địa phong. Đau ở các khớp toàn thân thì thêm Thiên niên kiện, Thân cân thảo, Lạc thạch đằng.

3. Tiết thị trị phong thấp quan tiết viêm phương

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Triết Giang

Sinh hoàng phiến	30 gam	Quế chi	7 gam
Thổ phục linh	30 "	Xích thược	15 "
Bạch thược	15 "	Quỉ tiễn võ	15 "
Bào giáp phiến	9 "	Phòng kỷ	15 "
Ngô công	2 con	Chế Xuyên ô (sắc trước)	7 "

Gia giảm: Vai và cánh tay đau nhiều, gia Tần giao, Hải đồng bì. Đốt sống gáy co cứng và đau đầu, gia Cát căn, Bạch tật lê. Khớp ngón tay biến dạng và đau, gia Tang chi. Nội nhiệt gia Sinh Thạch cao. Thấp thịnh, khớp xương sưng to, gia Xuyên Tỳ giải. Huyết suy âm kém gia Sinh Địa hoàng, Thục Địa hoàng, Thạch hộc. Chi dưới đau nhức khá nặng gia Xuyên Ngưu tất, Hoài Ngưu tất. Chú ý kiêng các thức rượu chè cay nóng.

4. Phạm thị song ô mộc qua thang

Người cống hiến: Phạm Nghị Nhiên, Giảng sư cao cấp
Vệ sinh học hiệu Diên Biên

Chế Xuyên ô	15 gam	Chế Thảo ô	15 gam
Mộc qua	25 "	Đương qui	15 "
Kim ngân hoa	15 "	Ô mai	15 "
Hồng hoa	10 "	Hoàng kỳ	25 "
Xuyên Ngưu tất	15 "	Quế chi	10 "
Cam thảo	10 "		

Cách dùng: Các vị trên sắc với 500 ml nước, đun nhỏ lửa 10 - 20 phút, đợi khi nguội, lại lấy 500 ml rượu trắng 60° ngâm vào

trong bình 5 - 7 ngày, lọc bã để dùng. Khi dùng mỗi lần uống 5 - 10 ml, ngày 2 lần. Nếu không uống được rượu thì làm viên với mật, mỗi viên nặng 5 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày hai lần.

5. Bổ Thận khư hàn trị khuông thang

Người cống hiến: Tiêu Thụ Đức, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Chế Phụ phiến 6 - 12 gam (khi dùng tới 15 gam, cần sắc trước 10 - 20 phút)

Bổ cốt chi	9 - 12 gam	Thục Địa hoàng	12 - 24 gam
Xích thược	9 - 12 "	Xuyên Tục đoạn	12 - 18 "
Cốt toái bổ	10 - 20 "	Giá trùng	6 - 10 "
Quế chi	9 - 15 "	Dâm dương hoắc	9 - 12 "
Bạch thược	9 - 12 "	Tri mẫu	9 - 15 "
Khương hoạt	10 - 12 "	Độc hoạt	10 - 12 "
Phòng kỷ	10 "	Ma hoàng	3 - 6 "
Xương truật	6 - 10 "	Uy linh tiên	12 - 15 "
Thân cân thảo	30 "	Ngưu tất	9 - 15 "
Sơn giáp (trích)	6 - 9 "	Hổ cốt (trích)	9 - 12 "

Chú ý: không có Hổ cốt, có thể dùng xương báo, xương gấu, hoặc thay thế bằng Thấu cốt thảo 20 gam, Tầm cốt phong 15 gam, Tự nhiên đồng 6 - 9 gam, ba thứ dùng đồng loạt để thay Hổ cốt.

Gia giảm: Chi trên đau nhiều, gia phiến Khương hoàng 10 gam. Ứ huyết rõ ràng gia Hồng hoa 10 gam, Nhũ hương 6 gam, Một dược 6 gam, Tạo thích 6 gam. Lưng đùi đau nhiều, có thể

bỏ Tùng tiết, Xương truật, gia Tang ký sinh 30 gam, Đỗ trọng 12 gam, lại tăng liều lượng Xuyên Tục đoạn, Bổ cốt chi, khi uống thuốc lại ăn nhấm nháp một, hai quả Hồ đào nhân nướng. Mình mẩy chân tay cứng gấp, có thể bỏ Xương truật, Phòng phong, Tùng tiết, gia Sinh Ý dĩ nhân 30 - 40 gam, Mộc qua 9 - 12 gam, Phục linh 12 gam, Bạch Cương tàm 9 - 12 gam. Cột sống cứng đơ hoặc gồ ghề biến dạng, bỏ Xương truật, Ngưu tất, gia Kim mao cẩu tích 40 gam, Lộc giác giao 9 gam (Lộc giác phiến, Lộc giác xương cũng được), Bạch Cương tàm 12 gam, Khương hoạt đổi làm 12 gam. Khớp xương đau nặng, tăng trọng lượng Phụ phiến, lại dùng thêm Thảo ô 9 gam, Thất ly tán mỗi lần 1 gam hoà vào nước thuốc uống. Rêu lưỡi trắng dầy nhớt, bỏ Thục Địa hoàng, gia Sa nhân 5 gam, Hoắc hương 10 gam. Trung tiêu vận chuyển kém, bụng đầy biếng ăn, gia Trần bì, Tiêu Mạch nha, Tiêu Thần khúc đều 10 gam:

Chú ý: Phương này chủ yếu chữa gốc bệnh, thường phải uống 4 - 6 tuần mới hiệu quả. Sau khi đã thấy hiệu quả, có thể đem phương này tán bột, mỗi lần uống 3 gam, uống duy trì kéo dài.

6. Lâu thị gia vị hoá ứ thông tý thang

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đương qui	18 gam	Đan sâm	18 gam
Kê huyết đằng	21 "	Chế Nhũ hương	9 "
Chế Một dược	9 "	Hương phụ	12 "
Huyền hồ	12 "	Thấu cốt thảo	30 "

Xuyên sơn giáp	12 gam	Ô tiêu sà	12 gam
Toàn yết	6 "		

Gia giảm: Bệnh thiên về hàn gia Quế chi, Tế tân, Chế Xuyên ô, Chế Thảo ô. Bệnh thiên về nhiệt gia Bại tương thảo, Mẫu đơn bì. Khí hư gia Hoàng kỳ.

161. CHÂN TAY CO RÚT

Chân tay co rút là chỉ các loại nguyên nhân dẫn đến co rút không theo ý muốn điều khiển, là chứng có thể gặp trong các bệnh nội thương, ngoại cảm. Trẻ em bị nhiệt bệnh cũng thường xuất hiện chứng này.

Phong hàn bó ở ngoài, có các chứng sốt cao, suyễn ho, co rút, không ra mồ hôi, thuộc doanh vệ mất điều hoà, đàm ngăn trở phong động, điều trị theo phép tuyên Phế hoá đàm, điều hoà doanh vệ, trấn kinh dẹp phong, dùng ***Cảm mạo lập dũ thang (1).***

Trẻ em co giật, vật vã, phát sốt, không ăn được, táo bón, buồn nôn, nhức đầu khái thấu là do phong - đàm - nhiệt - thực (ăn) câu kết gây nên, điều trị nên giải biểu thanh nhiệt, tuyên Phế hoá đàm kiêm cả hoá trệ, cho uống ***Thanh giải đan (2).***

Nếu đờm úng tắc nhiệt vít lấp, có chứng suyễn hổn hển thở gấp, sốt cao kinh quyết và co rút, nên thanh khí trấn kinh, tuyên Phế khư đàm, dẹp phong chỉ kính, cho uống ***Thanh nhiệt tức phong đĩnh (3).*** Nếu kiêm chứng hôn mê nói sảng, ban chẩn mọc không khắp là thuộc nhiệt độc quá thịnh, phong đàm động ở trong, cho uống ***Giáp nhân kim tán (4)*** để thanh nhiệt giải độc, dẹp phong trấn kinh, hoá đàm chống co rút. Nếu kiêm chứng sốt cao, co giật, hãi sợ run rẩy, vật vã, giấc ngủ không yên là do nhiệt cực sinh phong, nên thanh nhiệt dẹp phong, trấn kinh an thần, có thể dùng ***Trấn kinh thang (5).*** Nếu phong thiên thịnh

thì dùng ***Triệu thị kinh phong phương (6)*** để dẹp phong giải kính làm chủ yếu, thanh nhiệt là phụ, kèm theo hoá đàm.

Sốt cao co giật hoặc kiêm nói sảng, kinh quyết, cuồng táo không yên, đau họng khát nước, đại tiện khô, tiểu tiện đỏ, gáy cứng là do nhiệt cực sinh phong, tâm khiếu bị che lấp, điều trị theo phép thanh nhiệt tả hoả, dẹp phong trấn kính, phương hương khai khiếu, cho uống ***Hồng tuyết đan (7)***.

Nếu sốt cao co giật, tinh thần hôn mê, mạch Sác, lưỡi đỏ tía hoặc ban chẩn lờ mờ, hoặc nhiệt phạm vào khí doanh, phong động vít lấp khiếu, khí phận nhiệt quá thịnh, dùng ***Thanh cung phấn (8)*** để tả hoả, mát huyết, dẹp phong, trấn kính. Nếu huyết nhiệt thiên thịnh, dùng ***Tức phong khai khiếu thang (9)*** để thanh nhiệt mát huyết, dẹp phong thông khiếu.

Phát bệnh từ từ, chân tay co rút vô lực, thể trạng gầy còm, mỏi mệt biếng nói, hoặc khát nước sốt nhẹ là do khí và dịch thiếu thốn, hư phong động ở trong, dùng ***Triệu thị mạn kinh phương (10)*** để phù chính chống co rút, củng cố khí và dẹp phong.

Co giật yếu sức, thêm chứng chân tay không ấm, sắc mặt trắng nhợt, đại tiện lỏng loãng, hay nằm co, miệng nhạt không khát mạch Trầm Trì vô lực là do âm thịnh dương suy, điều trị nên hồi dương trừ hàn làm ấm Tỳ Thận, cho uống ***Tiểu nhi mạn tỳ phương (11)***.

Sau khi phẫu thuật bị co giật đột ngột, lạnh vùng lưng, đắp chăn vào thì phát nhiệt vã mồ hôi, thể trạng gầy còm, miệng lưỡi

họng khô rít, sắc mặt đỏ nhợt, cơ bắp nóng ran, tiếng thấp, lưỡi nhạt, mạch vô lực, có thể dùng ***Chu thị thuật hậu trừu xúc phương (12)*** để bổ ích dương khí, tư dưỡng tinh huyết.

Sau khi bị tổn thương do đâm chém có chứng chân tay co giật, răng nghiến chặt, uốn ván, ố hàn không mồ hôi, mạch Khẩn, điều trị nên phát hàn giải kính, sơ phong hoạt huyết, dùng ***Tôn thị trị phá thương phong phương (13).***

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Hôn mê", "Giốc cung phản trương" (uốn ván) v.v..

PHỤ PHƯƠNG

1. Cảm mạo lập dũ thang

Người cống hiến: Trần Hữu Hằng, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thông Hoá tỉnh Cát Lâm

Quế chi	10 gam	Bạch thược	10 gam
Hạnh nhân	10 "	Bạch tiền	10 "
Hậu phác	5 "	Ma hoàng (trích)	5 "
Lai bặc tử	7,5 "	Ngô công	2 con
Toàn yết	7 con	Sinh khương	3 nhát
Đại táo	3 quả		

Gia giảm: Trường hợp ngoại cảm kéo dài lâu khỏi hoặc biểu hư không bền, bị ngoại cảm nhiều lần mà chứng trạng trước sau giống nhau, tất là có tà khí ẩn náu ở bề sâu, trong phương thuốc này nên gia Xuyên sơn giáp, Tạo thích, Phong phòng, Hoàng kỳ.

2. Thanh giải đan

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Kim ngân hoa	90 gam	Mạn kinh tử	60 gam
Bạc hà	24 "	Pháp Bán hạ	30 "
Sinh Thạch cao	150 "	Quất hồng	60 "
Phù bình	30 "	Sinh Địa hoàng	90 "
Thiên trúc hoàng	60 "	Hạnh nhân	60 "
Đại hoàng	90 "	Cúc hoa	90 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột trộn lẫn bột Băng phiến 3 gam, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam. Một tuổi uống 1 viên. Hai tuổi trở lên uống 1,5 viên. Năm tuổi trở lên uống 2 viên một lần. Ngày uống 2 lần, chiêu với nước chín.

3. Thanh nhiệt tức phong đĩnh

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Câu đằng	15 gam	Toàn yết	20 con
Cương tàm	10 "	Thiên nam tinh	10 gam
Sơn chi (sao)	6 "	Quất hồng	6 "
Ma hoàng	6 "	Đào nhân	6 "
Đình lịch tử	10 "	Cam thảo	6 "
Sinh Thạch cao	60 "		

Cách dùng: Cùng tán bột, trộn thêm Xạ hương, Ngưu hoàng, bột Linh dương giác mỗi thứ 1 gam, Băng phiến 1,2 gam, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 1,5 gam, Chu sa làm áo, bọc

sáp ra ngoài. Một tuổi trở lên mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần. Dưới 3 tuổi mỗi lần uống 1,5 viên, ngày 2 lần. Năm tuổi trở lên mỗi lần uống 2 viên, ngày 2 lần.

4. Giáp nhân kim tán

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thiên trúc hoàng	6 gam	Quảng Quất hồng	6 gam
Kim ngân hoa	6 "	Hạnh nhân	6 "
Độc hoạt	6 "	Chi tử	10 "
Xuyên Hoàng liên	10 "	Toàn yết	10 "
Giả thạch	10 "	Ma hoàng	6 "
Đào nhân	6 "	Khương hoạt	6 "
Độc hoạt	6 "	Triết bối	15 "
Đại hoàng	30 "	Chu sa	30 "

Cách dùng: Tán bột mịn, cứ 30 gam bột thuốc, trộn thêm 2,1 gam bột Linh dương giác, và 1,5 gam bột Tê giác, 5 gam Ngưu hoàng, 2,4 gam Xạ hương, 1,8 gam Chân châu, 5 gam Hổ phách, 1 gam Băng phiến.

Trẻ em mỗi lần uống 0,3 gam, ngày 3 lần. Thiếu nhi thì mỗi lần uống tăng lên 0,4 - 0,6 gam.

5. Trấn kinh thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố An Dương tỉnh Hà Nam

Câu đằng	1,5 gam	Thiên trúc hoàn	1,5 gam
Phục thần	1,5 "	Bạc hà	1,5 "

Thiền thoái	1,5 gam	Cương tàm	3 gam
Địa long	3 "	Hổ phách	1 "
Vi căn	9 "		

Chú ý: Phương thuốc này dùng liều lượng cho trẻ em 1 tuổi uống.

6. Triệu thị kinh phong phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thiên ma	3 gam	Đào nhân	3 gam
Chi tử (sao)	3 "	Giới tuệ	3 "
Câu đằng	6 "	Cương tàm	6 "
Bạc hà	1,5 "	Thiên trúc hoàng	10 "
Toàn yết	2,4 "	Kim ngân hoa	10 "

Cách dùng: Thêm vào Định xúc hoá phong đĩnh, mỗi lần uống 1 viên ngày 2 lần.

7. Hồng tuyết đan

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Thạch cao	144 gam	Hàn thuỷ thạch	144 gam
Từ thạch	144 "	Hoạt thạch	144 "
Huyền sâm	48 "	Thăng ma	48 "
Hoả tiêu	96 "	Huyền minh phấn	480 "
Cam thảo	24 "	Chu sa	4,5 "
Mộc hương	15 "	Trầm hương	15 "
Đinh hương	3 "	Xạ hương	0,9 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn. Trẻ từ 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 1 - 2 gam, ngày hai lần, chiêu với nước ấm.

8. Thanh cung phấn

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Quảng Uất kim	30	gam	Hoàng cầm	30	gam
Sơn chi tử	30	"	Hoàng liên	30	"
Hàn thuỷ thạch	30	"	Đại mạo	30	"
Hổ phách	1,5	"	Băng phiến	9	"
Chu sa	1,5	"			

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, trẻ 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 0,6 - 1 gam, ngày 2 lần.

9. Tức phong khai khiếu thang

Người cống hiến: Kỳ Đình Thụy, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số 1 thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam

Sinh Địa hoàng	15	gam	Đương qui	10	gam
Xuyên khung	3	"	Hà diệp	30	"
Mao căn	30	"	Cam thảo	10	"
Toàn yết	10	"	Ngô công	3	"
Địa long	10	"	Xương bồ	3	"

10. Triệu thị mạn kinh phương

Người cống hiến: Triệu Tám Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Nhân sâm	3	gam	Bạch truật	6	gam
A giao	6	"	Cương tàm	6	"

Nhục quế	2,4 gam	Hoàng kỳ	10 gam
Phục linh	10 "	Cam thảo (trích)	3 "
Quất hồng	5 "	Thiên ma	5 "

11. Tiểu nhi mạn Tỳ phương

Người cống hiến: Triệu Thanh Lý, Giáo sư
Trường Đại học Quốc y Trương Trọng Cảnh tỉnh Hà Nam

Đinh hương	9 gam	Ngô thù du	9 gam
Câu đằng	6 "	Nhục quế	6 "
Can khương	9 "	Hồ tiêu	6 "

Cách dùng: Sắc nhanh đổ cho uống làm nhiều lần

12. Chu thị thuật hậu trừu xúc phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoàng kỳ	30 gam	Đương qui	30 gam
Thục Địa hoàng	20 "	Thạch hộc	20 "
Long nhãn nhục	20 "	Sơn thù du	20 "
Phụ phiến	6 "	Quế chi	6 "
Câu kỷ	15 "	Toan táo nhân	15 "
Cam thảo (trích)	15 "	A giao	10 "
Long cốt (nung)	80 "	Mẫu lệ (nung)	80 "

Cách dùng: Mỗi lần dùng liều lượng gấp đôi công thức trên làm 1 lần sắc đặc, chia làm 2 ngày cho uống làm nhiều lần.

13. Tôn thị trị phá thương phong phương

Người cống hiến: Tôn Bỉnh Hoa, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Tân Hải tỉnh Giang Tô

Kinh giới	12 gam	Đương qui	8 gam
Xuyên khung	9 "	Hồng hoa	4,5 "
Đào nhân	9 "	Quế chi	6 "

Hoè thụ tương (dùng lá non ở cành non cây Hoè đem nấu nhừ, ép lấy nước) 100 ml (chia làm 3 lần hòa vào thuốc uống).

Cách dùng: Sắc uống 2 - 3 thang thì khỏi.

162. CHÂN TAY CO CỨNG

Chi dưới co cứng hoặc cả chân tay co cứng, co duỗi khó, co giật và đau, hoặc kiêm chứng đầu choáng tai ù, da thịt tê dại, gân thịt máy động, mặt môi nhợt, bệnh thuộc huyết hư không nuôi dưỡng gân mạch, có thể dùng ***Khâu thị thư cân chỉ thống thang (1).***

Sau khi mắc bệnh nhiệt, âm dịch đã tổn thương, gân mạch mất nuôi dưỡng, có chứng gân mạch co cứng, chân tay co quắp, đau nhức, khát nước họng khô, đầu choáng, đại tiện khô, tiểu tiện vàng, có thể dùng ***Môn thị thược dược câu đằng mộc nhĩ thang (2)*** để dưỡng âm nhu cân, khư phong chống co cứng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Khâu thị thư cân chỉ thống thang

Người cống hiến: Khâu Hạnh Phàm, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Bạch thược	30 gam	Cam thảo (trích)	10 gam
Mộc qua	30 "	Hoài Ngưu tất	30 "
Thân cân thảo	30 "	Đương qui	10 "
Kê huyết đằng	30 "	Ngô công	2 con

Gia giảm: Đau kịch liệt, gia Chế Nhũ hương, Chế Một dược đều 6 gam. Cục bộ phát lạnh, gặp lạnh bệnh tăng, gia Tế tân 6

gam, Chế Phụ phiến 10 gam, Chế Xuyên ô, Chế Thảo ô đều 6 gam. Chi dưới đau mỏi yếu sức, gia Đỗ trọng 15 gam, Tang ký sinh 30 gam, Cẩu tích 15 gam.

2. Môn thị thược dược câu đằng mộc nhĩ thang

Người cống hiến: Môn Thuần Đức, Phó giáo sư Đại đồng y chuyên gia Sơn Tây

Sinh Bạch thược	30 gam	Câu đằng	30 gam
Cam thảo (trích)	9 "	Úc lý nhân	6 "
Bạch cự tử	10 "	Hắc Mộc nhĩ	15 "
Thiên ma	6 "	Cương tàm	9 "
Toàn yết	6 " (nghiền bột hoà uống)		

Gia giảm: Đau đầu, nhức đùi gia Sài hồ 10 gam, Một dược 10 gam. Sau khi nhổ răng bị đau nhức, gia Sinh Thạch cao 20 gam. Phát cơn điên giản nhẹ, gia Nhị sửu 5 gam, Hổ phách 5 gam (tán bột hoà uống). Chữa viêm thần kinh đa phát, huyết quản co rút, gia Tang chi 15 gam, Nhũ hương 9 gam. Chữa bệnh ngơ ngẩn Histeria, gia Bách hợp 30 gam, Mạch môn 15 gam, Hồng táo 4 quả.

163. CHÂN TAY ĐAU, SƯNG ĐỎ RÁT

Chứng này chỉ chân tay đau và sưng nóng đỏ rát, thường kèm theo triệu chứng vùng mặt nổi ban đỏ. Lâm sàng có thể tham khảo các chứng "Mặt nổi ban đỏ", "Đau nhức tứ chi" và "Sưng đầu gối".

Chân tay đau và nóng rát, khớp sưng nhức, mặt đỏ phát sốt, khát nước chất lưỡi đỏ tía, hoặc tía tối. Đó là nhiệt độc huyết ứ nghẽn trở đường lạc, cho uống ***Giải độc hoá ứ thang (1)*** để thanh nhiệt giải độc hoạt huyết thông lạc.

Các khớp chân tay đau nhức, hoặc ê ẩm sưng đỏ, nóng rát, hoạt động bị hạn chế phát sốt khát nước, tiểu tiện vàng sẻn, phiền táo, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt uất kết nghẽn trở đường lạc, dùng ***Khương thị nhiệt tý phương (2)*** để thanh nhiệt trừ thấp. Nếu kiêm chứng khớp xương đau nhức, di chuyển không cố định, khớp xương sưng đau khá kịch liệt là do thấp nhiệt kiêm cả đàm ứ, dùng ***Tang chi dĩ nhân thang (3)*** để thấm thấp thanh nhiệt, thông lạc giảm đau. Nếu sưng đau không nặng lắm, toàn thân ê mỏi, điều trị theo phép tuyên hoá thấp nhiệt, cho uống ***Hoà thị tuyên hoá trừ thấp chỉ thống phương (4)***. Khớp xương sưng, trướng, đỏ đau nóng rát, màu sắc nơi đau tía tối, kiêm chứng phát sốt, Tâm phiền, khát nước, chất lưỡi đỏ, rêu vàng nhớt là do nhiệt độc kiêm cả phong thấp ứ nghẽn huyết lạc, có thể dùng ***Lâu thị thanh tý thang (5)*** để thanh nhiệt giải độc, khư phong trừ thấp, hoạt huyết thông lạc.

4. Hoà thị tuyên hoá trừ thấp chỉ thống phương

Người cống hiến: Hoà Quý Chương, Phó giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Tô diệp	12 gam	Tân lang	12 gam
Huyền hồ	12 "	Ngô thù	10 "
Xương truật	10 "	Cát cánh	10 "
Xuyên Ngưu tất	10 "	Mộc qua	15 "
Hoàng bá	5 "	Sinh khương	3 nhát

5. Lâm thị thanh tý thang

Người cống hiến: Lâu Đa Phong, Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Kim ngân hoa	60 gam	Bại tương thảo	30 gam
Lạc thạch đằng	18 "	Thanh phong đằng	60 "
Thổ Phục linh	21 "	Lão hoan thảo	30 "
Đan sâm	30 "	Hương phụ	15 "

Gia giảm: Nếu do phong nhiệt biểu chứng gia Liên kiều, Cát căn. Khí phận nhiệt thịnh gia Sinh Thạch cao, Tri mẫu. Kiêm cả doanh phận bị nhiệt gia Sinh Địa hoàng, Mẫu đơn bì, Huyền sâm. Thấp nhiệt thịnh gia Phòng kỷ, Bạch hoa xà thiệt thảo.

164. CHÂN TAY MỀM YẾU

Chứng này chỉ chân tay mềm yếu, hoặc chỉ riêng chi dưới mềm yếu, đi lại khó. Nói chung, không có cảm giác đau nhức thì gọi là "Nuy chứng".

Trẻ em phát sốt, họng đỏ, đau mình, phiền táo. Tiếp đó xuất hiện triệu chứng chân tay (phần lớn là chân) mềm yếu không vận động được, cơ bắp nhão... đó là do nhiệt uất ở cơ bắp, phong động làm tê đường lạc... Cho uống ***Gia vị cát căn cầm liên thang (1)*** để thanh nhiệt thấu biểu, thuốc thơm tho trừ uế trọc, hoà Can dẹp phong, tuyên thông chứng tý và đường lạc.

Sau khi chứng nhiệt đã lui, tà khí đã sạch, chỉ còn di chứng chân tay yếu sức hoặc không đi lại được, cơ bắp hơi nhẽo, bệnh thuộc Can Thận suy hư, khí huyết bất túc, gân xương không được nuôi dưỡng, cho uống ***Gia vị kim cương hoàn (2)*** để tư bổ Can Thận, mạnh gân xương, ôn dưỡng khí huyết.

Nếu nhiệt lui, tà đã rút mà di chứng gân mạch bại liệt, không co duỗi được hoặc có khi đau nhức là do đường lạc bị nhiễm tà khí thành chứng tê. Bệnh nhẹ thì dùng ***Triệu thị hậu di chứng phương (3)*** để tuyên tý thông lạc, khư phong lợi gân. Bệnh nặng hơn thì dùng ***Tuyên tý thông lạc đan (4)*** để thư cân hoạt huyết, sơ phong thông lạc, lợi khớp xương. Nếu kiêm chứng chân tay không ấm, hoặc khớp xương cứng đơ, đó là trọc tà phong thấp lưu luyến ở mạch lạc làm cho huyết lưu thông bị ngăn trở, có thể

dùng ***Tiểu nhi ma tý ngoại tẩy phương (5)*** để khư phong hoạt huyết làm ấm kinh lạc.

Giai đoạn cuối của nhiệt bệnh, chân âm đã tổn hại, chính khí không thắng nổi là tà khí, tà khí lưởng vưởng ở đường lạc có chứng chân tay yếu mệt, mỏi mệt nằm co, mặt nhợt chân tay lạnh, khó nuốt, mất tiếng hoặc biếng nói, mạch Nhu Tế hoặc Trầm Tế. Điều trị theo phép bổ khí, ích nguyên kèm theo thuốc dưỡng huyết thông lạc, cho uống ***Hạ thị ất não phương số V (6)***. Nếu giai đoạn sau nhiệt bệnh có chứng chân tay bại liệt, khát nước họng khô, Tâm phiền mũi ráo, sốt nhẹ hoặc triều nhiệt, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế Sác là thuộc âm hư huyết ráo. Điều trị theo phép tư âm giáng hoả, dưỡng huyết nhu cân, cho uống ***Chu thị tư âm nhu cân thang (7)***.

Chân tay mềm yếu vô lực dần dà dẫn đến thõng xuống không co lại được, cơ bắp gầy mòn teo quắt, thêm chứng mặt nhợt hồi hộp, mỏi mệt choáng váng, mỏi lưng đoản hơi, đại tiện lỏng, bụng trướng nặng, sợ lạnh lưỡi nhạt, đó là khí huyết hư yếu, Thận bại dương suy. Điều trị chủ yếu phải ích khí bổ Thận trợ dương, dưỡng huyết mạnh Tỳ, cho uống ***Mao thị nghiêm trọng cơ vô lực phương (8)***. Nếu kiêm chứng khớp xương co duỗi khó, nhất là ở chi dưới, chất lưỡi tối, đó là Tỳ Thận đều hư, dương hư tà lưu luyến, mạch lạc không thư sướng, có thể dùng ***Lý thị bổ Thận kiện Tỳ trị nuy thang (9)*** để bổ Thận kiện Tỳ trợ dương hoạt huyết kiêm cả trừ thấp.

Biện chứng điều trị bệnh này nên tham khảo với các chứng "Chân tay đau nhức" "Vai đau sã xuống" và "Sụp mi" v.v..

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị cát căn cầm liên thang

Người cống hiến: Triệu Tích Võ, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Thạch cao	18 gam	Cát căn	12 gam
Cam thảo	9 "	Kim ngân hoa	12 "
Bạch thược	12 "	Xuyên liên	4,5 "
Hoàng cầm	9 "	Toàn yết	3 "
Ngô công	3 "		

Gia giảm: Lúc mới phát bệnh thêm Cục phương chí bảo đan hoặc An cung Ngưu hoàng hoàn, Tử tuyết đan (nếu ỉa chảy thì bỏ Tử tuyết đan). Nếu không mồ hôi thì gia Đại hoàng. Nếu phát sốt gia Đại Thanh diệp, Bản lam căn, Liên kiều. Nếu phiền táo thì gia Long đởm thảo, Câu đằng. Nếu đau nhức thì gia Thiên ma, Bạch thược. Nếu thông đường lạc thì gia Địa long, Cương tàm. Chi dưới tê dại gia Ngưu tất, Tang ký sinh. Chi trên tê dại gia Xuyên khung, Địa long, Tang ký sinh. Miệng mắt méo xếch gia Tế tân, Tân di, Xuyên khung, Bạch chỉ v.v... Nếu kiêm Thử tà gia Hoắc hương, Hoạt thạch. Bị nôn mửa gia Bán hạ, Trần bì, Trúc nhự.

2. Gia vị kim cương hoàn

Người cống hiến: Triệu Tích Võ, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tỳ giải	30 gam	Đỗ trọng	30 gam
Nhục thung dung	30 "	Thỏ ty tử	15 "

Ba kích thiên	30 gam	Thiên ma	30 gam
Cương tàm	30 "	Ô tặc cốt	30 "
Toàn yết	30 "	Mộc qua	30 "
Ngưu tất	30 "	Ngô công	50 con
Mã tiền tử (chế biến theo đúng phép)			60 gam

Cách dùng: Luyện với mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam, mỗi lần uống 1 - 2 viên, ngày uống 1 - 3 lần. Dùng độc lập, hoặc phối hợp với thuốc sắc, hoặc chiêu với nước chín.

Gia giảm: Sau khi nhiệt lui, xuất hiện bại liệt có thể căn cứ vào bệnh tình, sử dụng phối hợp một trong những phương như: Đương qui bổ huyết thang, Hoàng kỳ quế chi ngũ vật thang, Quế chi phụ tử tế tân thang, Đương qui tứ nghịch thang.

Chú ý: Nếu có hiện tượng ngộ độc Mã tiền, có triệu chứng hàm răng nghiến chặt, ngừng ngay thuốc và cho uống nước lạnh để giải độc.

3. Triệu thị hậu di chứng phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ô tiêu xà	6 gam	Xuyên Tục đoạn	6 gam
Uy linh tiên	6 "	Thiên ma	6 "
Tùng tiết	6 "	Nam Hồng hoa	3 "
Đào nhân	3 "	Quế chi	3 "
Tuyên Mộc qua	10 "	Sinh Trắc bá	10 "
Xuyên Ngưu tất	10 "		

4. Tuyên tý thông lạc đan

Người cống hiến: Triệu Tâm Bạ, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tuyên Mộc qua	10 gam	Xuyên Ngưu tất	10 gam
Xuyên Trắc bá	10 "	Thiên ma	10 "
Đương qui	10 "	Xuyên khung	10 "
Đỗ trọng thán	10 "	Tang chi	15 "
Nam Hồng hoa	6 "	Thân cân thảo	6 "
Địa long	6 "	Khương hoạt	6 "
Độc hoạt	6 "	Hải phong đằng	6 "
Toàn yết	3 "	Mẫu đơn bì	6 "
Quảng Mộc hương	1,5 "	Xạ hương	1 "
Ma hoàng	1,5 "	Sinh Địa hoàng	12 "
Ngô công	5 con		

Cách dùng: Cùng tán bột, trộn đều Xạ hương, luyện với mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam. Trẻ em mỗi lần uống 1 đến 3 viên chiêu với nước chín. Người lớn mỗi lần uống 2 - 4 viên chiêu với rượu nhạt. Ngày uống 2 lần.

5. Tiểu nhi ma tý ngoại tẩy phương

Người cống hiến: Vương Nghị, Y sư Phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trường Trị, Sơn Tây

Đương qui	19 gam	Xích thược	15 gam
Xuyên Ngưu tất	15 "	Mộc qua	12 "
Quế chi	12 "	Hồng hoa	12 "
Giáp châu	10 "	Thấu cốt thảo	15 "
Địa phu tử	12 "	Ma hoàng	12 "
Lộ Phong phòng	1 cái		

Cách dùng: Các vị thuốc sắc lấy nước, rồi sau pha thêm rượu 120 ml khuấy đều, nhân lúc nóng rửa vào nơi đau, ngày rửa 2 lần sáng và tối. Chú ý khi rửa phải làm cho sức nóng của thuốc ngấm vào gân xương mới mau hiệu quả.

6. Hạ thị ất não phương số 5

Người cống hiến: Hạ Tường, Phó giáo sư
Đại học Y khoa số 2 Thượng Hải

Trích Hoàng kỳ	60 gam	Đương qui	15 gam
Hồng hoa	12 "	Đào nhân	12 "
Xích thược	9 "	Địa long	9 "
Đẳng sâm	9 "	Huyền sâm	15 "

7. Chu thị tư âm nhu cân thang

Người cống hiến: Chu Văn Phong, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hồ Nam

Thục Địa hoàng	20 gam	Sinh Địa hoàng	20 gam
Bạch thược	20 "	Mạch môn đông	12 "
Địa cốt bì	10 "	Tri mẫu	10 "
Đương qui	12 "	Tang chi	12 "
Kim ngân hoa	20 "	Tang ký sinh	12 "

Cách dùng: Sắc nước uống. Nói chung nên uống từ 30 đến 50 gam mới có thể chuyển biến.

8. Mao thị nghiêm trọng cơ vô lực phương

Người cống hiến: Mao Hữu Phong, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Tân y dược tỉnh Cam Túc

Hoàng kỳ	120 gam	Đẳng sâm	60 gam
Thục Địa hoàng	30 "	Đương qui	15 "

Bạch thược	15 gam	Bạch truật	15 gam
Phục linh	15 "	Xuyên khung	6 "
Trần bì	6 "	Thăng ma	6 "
Cam thảo	6 "	Sài hồ	9 "
Quế chi	9 "	Chế Phụ tử	9 "
Ba kích thiên	12 "		

Cách dùng: Các vị thuốc ngâm vào nước một giờ rồi sắc hai nước uống vào sáng và tối đều một lần, liên tục uống 1 đến 10 thang.

Gia giảm: Nếu chi dưới bị liệt thì gia Ngưu tất, Đỗ trọng mỗi vị 15 gam.

9. Lý thị bổ Thận kiện Tỳ trị nuy thang

Người cống hiến: Lý Tế Nhân, Giáo sư Y học viện Cán Nam

Thục Địa hoàng	20 gam	Hoài sơn	20 gam
Câu kỷ tử	15 "	Đỗ trọng sao	15 "
Nhục thung dung	15 "	Toả dương	15 "
Tiên linh tỳ	15 "	Tiên mao	15 "
Kê huyết đằng	25 "	Hoạt huyết đằng	25 "
Sinh Ý dĩ	30 "	Ý dĩ sao	30 "
Xương truật	9 "	Bạch truật	9 "
Sơn giáp nướng	9 "	Ngưu tất	12 "
Tuyên Mộc qua	12 "	Ngũ gia bì	12 "

165. CHÂN TAY TÊ DẠI

Chứng này chỉ cơ bắp ở chân tay mất tri giác hoặc giảm sút tri giác đến đau ngứa cũng không biết, phần nhiều chỉ ở chân tay.

Chân tay tê dại, kiêm chứng sợ lạnh, sợ gió, khớp xương đau, hồi hộp thở gấp hoặc thể trạng vốn yếu, dễ bị cảm mạo, mạch Phù. Đó là chính khí không đầy đủ, dễ bị cảm nhiễm phong hàn, có thể uống ***Ích khí khư phong cố chính thang (1)*** để ích khí dưỡng huyết, khư phong tán hàn, ngoài ra có thể phối hợp dán ***Khương giao cao (2)*** ra bên ngoài.

Cơ bắp tê dại, khớp xương đau mỏi, co duỗi khó, tiểu tiện vàng, hoặc phát sốt khát nước, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ là do phong thấp nhiệt uất trệ ở cơ bắp. Điều trị theo phép khư phong trừ thấp, thanh nhiệt lương huyết, có thể dùng ***Dương thị thông lạc chỉ thống thang (3)***.

Chân tay tê dại, đầu choáng, não căng tức, buồn nôn, ngực khó chịu, rêu lưỡi dày nhớt, mạch Huyền Hoạt, đó là do đờm trọc gây nên, hoặc kiêm chứng khát nước, cơ bắp ở chân tay có khi nổi đờm hạch mà phát sốt, cho uống ***Chu thị tức phong thông lạc thang (4)*** để hoá đàm thông lạc, kiêm cả thanh uất nhiệt. Nếu kiêm chứng kém ăn, ngủ nhiều, đầu nặng nề, mỏi mệt, không chịu nổi lao động nặng. Đó là thuộc khí hư, đờm ngăn trở, cho uống ***Tôn thị ích khí dưỡng Can thang (5)*** để ích khí hoá đàm và bình Can.

Chân tay tê dại, đau đầu choáng váng, hồi hộp kém ngủ, kiêm chứng ngực khó chịu hoặc đau nhói, cảm giác có hơi nóng bốc lên đầu mặt, đó là do ứ nhiệt gây nên, cho uống ***Lý thị hoá ứ thang tán thang (6)*** để tiêu ứ thanh Can. Nếu kiêm chứng lưng và gân yếu ớt, vùng ngực khó chịu là do Tâm Thận đều hư, lạc mạch không điều hoà, cho uống ***Lâm thị đan bá thang (7)*** để ích Thận, ninh Tâm, thông lạc hoà doanh.

Chân tay tê dại, choáng váng đau đầu, về buổi chiều bệnh nặng hơn, nóng nảy hay giận, mất ngủ hay mê, mắt hoa và khô rít, mạch Huyền Tế, bệnh thuộc âm huyết suy hư, Can hoả vượng thịnh, nên dưỡng huyết an thần, ích âm bình Can, cho uống ***Tôn thị dưỡng huyết bình Can thang (8).***

Chân tay tê dại, tinh thần mỏi mệt yếu sức, đầu choáng hồi hộp, đầu các ngón chân tay không ấm, lưỡi nhợt, mạch Nhược, hoặc chân tay mềm yếu vô lực, đó là do khí huyết đều hư, mạch lạc không điều hoà, có thể dùng ***Vương thị phục nuy ích khí thang (9)*** để dưỡng huyết, ích khí, thông lạc, trừ nuy.

Chứng này thường cùng xuất hiện với các chứng "Đầu choáng", "Đầu trướng", "Đau vùng ngực", "Hồi hộp", "Đau nhức chân tay". Lâm sàng nên tham khảo các chứng này.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ích khí khư phong cố chính thang

Người cống hiến: Lý Tại Minh, Y sư Phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Ninh Lăng, Hà Nam

Đảng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	30 gam
Bạch truật	10 "	Ma hoàng	3 "

Quế chi	10 gam	Phụ tử	10 gam
Bạch thược	10 "	Xuyên khung	10 "
Kê huyết đằng	30 "	Cam thảo	3 "
Phòng phong	15 "	Hoàng kỳ	12 "
Sinh khương	3 "		

2. Khương giao cao

Người cống hiến: Ngụy Tuấn Lương, Y sư phó chủ nhiệm Y viện huyện Nam An, tỉnh Phúc Kiến

Nước gừng tươi	vừa đủ
Thuỷ giao	120 gam

Cách dùng: Hai vị trên, bỏ vào nồi đất nấu lên thành dạng cao lỏng, phết lên mặt vải dán vào nơi đau, mỗi tuần thay miếng dán một lần. Nếu nơi đau sưng, nóng đỏ không được dùng.

3. Dương thị thông lạc chỉ thống thang

Người cống hiến: Dương Hy Hiến, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện trực thuộc Trung y học viện Phúc Kiến

Tang chi	9 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Ô đậu	5 "	Tần giao	9 "
Chỉ xác	5 "	Phòng kỷ	9 "
Thanh bì	6 "	Xích đậu	6 "
Liên kiều	9 "	Hải phong đằng	9 "

4. Chu thị tức phong thông lạc thang

Người cống hiến: Chu Tiến Trung, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Câu đằng	15 gam	Chỉ xác	10 gam
Địa long	10 "	Hương duyên	10 "

Phật thủ	10 gam	Liên kiều	10 gam
Tang chi	10 "	Ty qua lạc	10 "

Gia giảm: Nếu bì phu nổi đờm hạch khó tan, gia Bạch giới tử 10 gam.

5. Tôn thị ích khí dưỡng Can thang

Người cống hiến: Tôn Bá Dương, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Hoàng kỳ	20 gam	Xuyên khung	10 gam
Bán hạ	15 "	Quất hồng	10 "
Phục linh	15 "	Sơn tra	15 "
Xương bồ	10 "	Uất kim	12 "
Địa long	12 "	Câu đằng	12 "
Cúc hoa	12 "	Hy thiêm thảo	15 "

Gia giảm: Nếu kiêm chứng chứng đau vùng tim, ngực khó chịu có thể bỏ Câu đằng, Cúc hoa, gia các vị Quát lâu, Giới bạch, Đan sâm để tuyên thông hung dương và thông Tâm mạch. Nếu chân tay phù thũng, tiểu tiện ít có thể thêm Xa tiền tử, Trạch tả để lợi thấp, hạ huyết áp.

6. Lý thị hoá ứ thanh tán thang

Người cống hiến: Lý Nhuận Dân, Y sư Phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Kiếm Các, tỉnh Tứ Xuyên

Sài hồ	15 gam	Hoàng cầm	15 gam
Địa long	20 "	Tam lăng	30 "
Nga truật	30 "	Cát căn	30 "
Cúc hoa	15 "		

7. Lâm thị đan bá thang

Người cống hiến: Lâm Thế Sở, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô

Mẫu đơn bì	15 gam	Đan sâm	10 gam
Sinh Trắc bá diệp	5 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Địa cốt bì	10 "	Tang bì trích	5 "
Trần bì	3 "	Xuyến thảo	5 "
Hoè mễ	3 "		

Gia giảm: Chứng hung tý đau vùng ngực thì thêm Thanh thông quản 3 khúc (lấy ở đoạn củ nửa trắng, nửa xanh) mỗi khúc khoảng 7 cm.

8. Tôn thị dưỡng huyết bình Can thang

Người cống hiến: Tôn Bá Dương, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	20 gam	Bạch thược	15 gam
Xuyên khung	10 "	Cúc hoa	12 "
Quyết minh tử	15 "	Xuyên luyện tử	8 "
Xương bồ	8 "	Long đởm thảo thán	10 "
Viễn chí	10 "	Ngưu tất	15 "
Câu đằng	12 "	Hạ khô thảo	15 "

Gia giảm: Nếu tim hồi hộp, mạch Tế Sác bỏ Ngưu tất, Xuyên luyện tử gia Sinh mạch tán để dưỡng Tâm ích khí. Vùng ngực đau khó chịu bỏ Ngưu tất, Viễn chí gia Quát lâu, Giới bạch, Uất kim để tuyên tý thông dương. Vùng gáy cứng khó chịu có thể thêm Cát căn để giải cơ thăng dương và thông lạc.

9. Vương thị phục nuy ích khí thang

Người cống hiến: Vương Đức Nhuận, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tứ Bình tỉnh Cát Lâm

Bạch Nhân sâm	15 gam	Bạch truật	15 gam
Phục linh	15 "	Cam thảo	15 "
Đương qui	15 "	Xuyên khung	10 "
Bạch thược	15 "	Thục Địa hoàng	15 "
Quế chi	25 "		

166. CHÂN TAY MÚA VỜN

Chân tay múa vờn là chỉ chân tay động đậy liên tục, biến hoá nhiều vẻ không thể tự kiềm chế được. Nói chung thần chí vẫn tỉnh táo nhưng thường kèm theo triệu chứng cơ bắp ở mặt, mắt và thân thể co giật nhẹ, bệnh thường gặp ở trẻ em.

Chân tay động đậy, hay giật kiêm chứng đầu gật gù, mắt nhìn xéo, miệng hơi lệch, vai hơi xã, chân tay mình mẩy vặn vẹo, miệng phát ra tiếng ò è, ban đêm sợ hãi, chất lưỡi đỏ rêu lưỡi trắng nhớt, mạch Hoạt, hoặc Hoạt Sác, đó là do phong đờm quấy rối ở trên. Điều trị theo phép hoá đàm dẹp phong, cho uống ***Phong đàm thượng nhiễu phương (1)***. Nếu kiêm chứng đầu lắc lư, mắt trợn trừng, chân tay mình mẩy vặn vẹo, nóng nảy hay giận, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, mạch Huyền hoặc Huyền Sác là thuộc Can phong nội động. Điều trị theo phép trấn Can dẹp phong, cho uống ***Can phong nội động phương (2)***.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Chân tay co giật".

PHỤ PHƯƠNG

1. Phong đàm thượng nhiễu phương

Người cống hiến: Diêu Tinh Huỳnh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Phục linh	7,5 - 15 gam	Trần bì	10 - 15 gam
Hợp hoan hoa	7,5 - 15 "	Pháp Bán hạ	5 - 10 "

Đởm Nam tinh	5 - 10 gam	Trúc như	5 - 10 gam
Cương tàm	5 - 7,5 "	Uất kim	5 - 10 "
Cam thảo	5 "	Long cốt	15 - 25 "
Mẫu lệ	15 - 25 "		

2. Can phong nội động phương

Người cống hiến: Diêu Tinh Huỳnh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Bạch thược	7,5 - 20 gam	Thiên môn đông	7,5 - 15 gam
Huyền sâm	7,5 - 10 "	Mẫu lệ	15 - 25 "
Câu đằng	7,5 - 15 "	Xuyên luyện tử	5 - 10 "
Long cốt	15 - 25 "	Đại giả thạch	10 "
Bách hợp	7,5 - 15 "	Uất kim	5 - 10 "

167. TAY RUN RẨY

Tay lắc lư, run rẩy có khi chỉ một tay, có khi cả hai tay lắc lư run rẩy. Chứng này thường đồng thời xuất hiện với chứng "Cổ sưng to", "Khát nước uống nhiều". Có thể tham khảo thêm các chứng trên.

Hai tay run rẩy, tê dại, bệnh trình lâu ngày kiêm chứng đầu choáng, mặt nhợt không tươi, hồn hợp mất ngủ hay quên, hoặc vùng mặt nghệt ra, hoặc đi đứng chuệnh choạng, bệnh thuộc âm huyết bất túc, hư phong nội động, có thể dùng ***Từ thị trị bách kim sâm tổng hợp chứng nghiệm phương (1)*** để dưỡng âm bổ huyết dẹp phong an thần. Nếu kiêm chứng chân tay cứng nhắc, run rẩy khá nặng, chất lưỡi tía tối là do huyết hư phong động kiêm cả ứ trệ, cho uống ***Trương thị hoàng long định chiên thang (2)*** để dưỡng huyết dẹp phong, hoạt huyết hoá ứ, thông lạc chống run rẩy.

PHỤ PHƯƠNG

1. Từ thị trị bách kim sâm tổng hợp (chứng Pakison) chứng nghiệm phương

Người cống hiến: Từ Khải Cương, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện tỉnh Cam Túc

Đương qui	9 gam	Bạch thược	6 gam
Thục Địa hoàng	9 "	Tang thầm	9 "

Câu đằng	12 gam	Cúc hoa	6 gam
Viễn chí	9 "	Dạ giao đằng	12 "
Uất kim	9 "	Phục thần	9 "
Phòng phong	6 "	Trần bì	9 "

Cách dùng: Mỗi ngày uống 1 thang, sắc lấy nước chia 2 lần uống 8 đến 12 thang là một đợt điều trị.

2. Trương thị hoàng long định chiên thang

Người cống hiến: Trương Bái Trát, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Ninh Ba, tỉnh Triết Giang

Hoàng kỳ	15 gam	Địa long	15 gam
Đương qui	10 "	Xuyên khung	10 "
Thiên ma	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Thục Địa hoàng	10 "	Cương tàm trích	15 "
Phòng phong	10 "	Tần giao	10 "
Uy linh tiên	10 "	Toàn yết trích	5 "
Ngô công trích	3 "		

Gia giảm: Nếu huyết áp cao gia Câu đằng, Tang ký sinh. Mất ngủ gia Tảo nhân sao, Dạ giao đằng. Hồi hộp gia Viễn chí trích, Bá tử nhân. Táo bón gia Qua lâu nhân, Hoả ma nhân. Miệng khô lưỡi đỏ gia Thạch hộc, Huyền sâm.

168. CHÂN TAY LẠNH

Chân tay mát lạnh, thậm chí lạnh tới quá khuỷu tay và quá đầu gối còn gọi là "Quyết lạnh", loại nặng hơn thì gọi là "Quyết nghịch".

Đầu các ngón tay chân bị lạnh, đầu ngón tay trở nên cứng và quắt lại, sắc mặt trắng nhợt, thể trạng yếu sức, đó là huyết hư kiêm hàn. Nếu nghiêng về thực chứng thì nên dùng phép ôn kinh, hoạt huyết thông tý, cho uống ***Phùng thị quế phong hoạt lạc thang (1)***. Nếu nghiêng về huyết hư thì dùng ***Triệu thị bổ huyết ôn kinh phương (2)***.

Trường hợp đầu các ngón tay chân lạnh và đau buốt kịch liệt là do hàn thịnh huyết ngưng, cho uống ***Tống thị chỉ thống phương (3)*** để ôn kinh thông mạch, hoạt huyết giảm đau. Nếu lạnh nghiêng về chi dưới nhiều ảnh hưởng đến đi lại, đồng thời có cảm giác tê dại trướng mỏi có thể dùng phương ***Thoát hư phương số I (4)*** để trừ hàn hoạt huyết ôn kinh thông lạc. Nếu kiêm chứng sợ lạnh mỏi mệt là có cả Tỳ Thận dương khí bất túc, có thể dùng ***Triệu thị ôn bổ Tỳ Thận phương (5)*** để bổ ích dưỡng khí hỗ trợ Tỳ Thận và ôn kinh thông lạc.

Chân tay lạnh, cơ thể cũng ớn lạnh, hồi hộp đau vùng tim, đoản hơi choáng váng, tự ra mồ hôi, chất lưỡi nhạt hoặc có nốt ứ huyết, mạch Trì hoặc Kết Đại là do dương hư khí yếu, huyết bị

rít không lưu thông, có thể uống ***Lý thị dương hư Tâm thống phương (6)*** để ôn dương ích khí, hoá ứ giảm đau.

Trường hợp lạnh quá khuỷu tay và quá đầu gối, mồ hôi ra nhiều, mặt tái nhợt hoặc biến thành Vậng quyết, mạch Vi muốn tuyệt nên dùng phép hồi dương ích khí, hoạt huyết phục mạch, cho uống ***Vu thị song sâm phụ tử thang (7)***.

Cơ bắp và các khớp chi dưới giá lạnh và đau có thể dùng ***Quân thị quan tiết thống dược cửu phương (8)*** để bôi ra ngoài nơi đau. Nếu chỉ lạnh mà không đau, hoặc lạnh tới quá đầu gối, bên trong có thể cho uống dạng thuốc sắc, đồng thời có thể phối hợp ***Vương thị hạ chi quyết lãnh châm cứu phương (9)*** mà châm cứu.

Biện chứng điều trị chứng này nên tham khảo với các chứng "Ngón chân tía đen" "Tứ chi đau nhức" và "Hung thống".

PHỤ PHƯƠNG

1. Phùng thị quế phong hoạt lạc thang

Người cống hiến: Phùng Ngạn Thần, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Quế chi	15 gam	Hồng hoa	10 gam
Đào nhân	10 "	Phượng tiên thảo	20 "
Hy thiêm thảo	20 "	Lão hoan thảo	20 "
Đan sâm	20 "	Đương qui	12 "
Cam thảo	6 "		

2. Triệu thị bổ huyết ôn kinh phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	25 gam	Đương qui	10 gam
Thục Địa hoàng	10 "	Bạch thược	15 "
Cam thảo	10 "	Quế chi	20 "
Tế tân	3 "	Kê huyết đằng	30 "
Lộ lộ thông	110 "		

Gia giảm: Bệnh phát ở chi trên gia Khương hoàng. Bệnh phát ở chi dưới gia Ngưu tất. Chân tay lạnh rõ rệt gia Ma hoàng, Phụ tử. Bệnh lâu ngày đầu các ngón tay chân quắt lại gia Hà thủ ô, Xuyên khung, Thấu cốt thảo.

3. Tống thị chỉ thống phương

Người cống hiến: Tống Hướng Nguyên, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Bắc Kinh

a. Phương thuốc sắc uống:

Đan sâm	9 gam	Kê huyết đằng	12 gam
Sinh Hoàng kỳ	15 "	Hồng hoa	3 "
Quế chi	9 "	Tế tân	3 "
Xích thược	9 "	Sinh Cam thảo	9 "
Thông thảo	3 "	Phấn Khương hoàng	6 "
Phụ tử	3 "	Tiêu Bạch truật	9 "
Lộ lộ thông	6 "	Trạch lan diệp	9 "
Giá trùng	5 con	Đào nhân	9 "

b) Phương thuốc rửa:

Ngải diệp	31 gam	Hồng hoa	12 gam
Kinh giới	15 "	Mộc qua	9 "
Xuyên Quế chi	15 "	Ma hoàng	15 "

4. Thoát hư phương số I

Người cống hiến: Trần Thục Trường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Quế chi	10 gam	Đương qui	15 gam
Xích thược	15 "	Xuyên khung	15 "
Thục Địa hoàng	15 "	Chế Nhũ hương	6 "
Chế Một dược	6 "	Ngưu tất	10 "
Kê huyết đằng	30 "	Hoàng kỳ	15 "
Chế Xuyên ô	10 "	Can khương	10 "

5. Triệu thị ôn bổ Tỳ Thận phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Hoàng kỳ	25 gam	Đảng sâm	25 gam
Bạch truật	15 "	Quế chi	15 "
Bạch giới tử	10 "	Đương qui	20 "
Huyền sâm	15 "	Thỏ ty tử	15 "
Nữ trinh tử	15 "	Bạch thược	10 "
Huyền hồ	10 "	Thăng ma	10 "

Gia giảm: Chân tay lạnh nghiêm trọng gia Phụ tử, Can khương, Tế tân. Đầu ngón tay chân sưng đau khá nặng gia Đan sâm, Xuyên luyện tử, Nhũ hương, Một dược.

6. Lý thị dương hư Tâm thống phương

Người cống hiến: Lý Minh Phán, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Đảng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Phụ phiến	12 "	Bổ cốt chi	12 "
Ba kích thiên	12 "	Xuyên khung	12 "
Đan sâm	15 "	Nga truật	12 "

7. Vu thị song sâm phụ tử thang

Người cống hiến: Vu Ấu Mai, Y sư Phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Lâm Ấp tỉnh Sơn Đông

Nhân sâm	10 - 15 gam	Đan sâm	30 gam
Chế Phụ phiến	15 "		

Cách dùng: Nhân sâm và Phụ tử sau khi sắc được 30 phút bỏ tiếp Đan sâm vào, lại đun nữa, cho uống nhiều lần, ngày uống 1 - 2 thang.

8. Quân thị quan tiết thống dược tửu phương

Người cống hiến: Quân Ngũ Đường, Y sư Phó chủ nhiệm
Trung y viện khu Khánh Dương tỉnh Cam Túc

Cúc diện tử	15 gam	Băng phiến	6 gam
Rượu trắng	500 ml		

Cách dùng: Bọc thuốc vào vải rồi ngâm rượu, trước khi đi ngủ lấy bọc thuốc này xoa xát ra ngoài nơi đau.

9. Vương thị hạ chi quyết lãnh châm cứu phương

Người cống hiến: Vương Tuyết Đài, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trước hết châm huyệt Túc Tam lý cả 2 bên, khi đắc khí xuống tới chân thì rút kim. Sau đó dùng mồi Ngải lớn cứu cách gừng vào huyệt Thứ giao hai bên chừng 10 - 20 mồi.

169. KHÔNG THẤY MẠCH

Khám mạch ở hai tay hoàn toàn không thấy mạch đập gọi là chứng không thấy mạch, bệnh lâu ngày và nặng thường gặp chứng này.

Hai tay không thấy mạch, thể trạng gầy còm, chóng mặt luôn, có lúc như vậng quyết, chân tay không ấm, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng nhớt, hoặc đau khó chịu vùng ngực, hoặc khát nước thích uống nước nóng, chán ăn, mạch Kết Đại, đó là dương hư huyết trệ, đường mạch không thông. Trong khi cho uống loại thuốc ôn dương hoạt huyết có thể đồng thời cho uống ***Trương thị thông mạch hoàn*** để ích khí thông mạch.

PHỤ PHƯƠNG

Trương thị thông mạch hoàn

Người cống hiến: Trương Tích Quân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trùng Khánh

Xạ hương 0,05 gam Chế Mã tiền tử phấn 0,2 gam
Hồng sâm phấn 1 gam (liều uống trong một lần)

Cách dùng: Ba vị trên, chế thành dạng thuốc phiến được 2 phiến, hoặc thêm mật ong chế thành dạng thuốc viên được 1 viên, uống làm 1 lần, ngày uống 2 lần.

170. ĐAU PHÍA TRONG BẮP VẾ
(Khớp háng)

Đau phía trong bắp vế là chỉ chứng trạng phía trong đùi đau nhức, có thể phát bệnh một bên hoặc có khi phát cả hai bên. Các khoa nội, khoa ngoại, khoa chấn thương đều có thể gặp chứng này.

Phía trong bắp vế đau, tình trạng đau dữ dội lan toả tới cả chi dưới đều đau, có khi sưng trướng, da dẻ ở nơi đau trắng bệch, thậm chí tím tái, kiêm chứng phát sốt, toàn thân khó chịu, mỏi mệt, rêu lưỡi vàng nhớt, mạch Sáp, đó là nhiệt độc thấp trọc ứ kết lạc mạch bất hoà. Điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc hoạt huyết lợi thấp, cho uống ***Thi thị khách cổ thâm tĩnh mạch viêm cấp tính kỳ phương (1).***

Phía trong bắp vế đau đã lâu, đi lại chuệnh choạng, tập tễnh khó khăn, bệnh thường gặp nhiều ở tuổi thanh thiếu niên. Đây là do Thận khí hư suy, phong hàn thấp trọc làm tê nghẽn khí huyết, khi cho uống dạng thuốc sắc, đồng thời có thể dùng ***Hà thị hệ lệ phương (2)*** đắp ra bên ngoài để hoạt huyết hoá ứ, khư phong trừ thấp, ôn thông lạc mạch và bổ Thận mạnh xương.

Điều trị chứng này nên tham khảo với chứng "Tứ chi đau nhức".

PHỤ PHƯƠNG

1. Thi thị khách cổ thâm tĩnh mạch viêm cấp tính kỳ phương.

Người cống hiến: Thi Hán Chương, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Bắc Kinh

Bồ công anh	20 - 40 gam	Kim ngân hoa	15 - 30 gam
Hổ trượng	10 - 15 "	Tử hoa địa đinh	15 - 20 "
Đại hoàng	6 - 10 "	Đại kích	3 "
Xích tiểu đậu	30 "	Xích thược	10 "
Hoàng bá	10 "		

2. Hà thị ngoại dụng hệ lệ phương

Người cống hiến: Hà Thiên Tường, Nghiên cứu viên
Trường dạy múa tỉnh Tứ Xuyên

Thuốc đắp bên ngoài:

Bài A: Áp dụng cho bệnh ở thời kỳ đầu

Tô mộc	Đương qui
Xích thược	Trần bì
Tục đoạn	Khương hoạt
Phòng phong	Ngưu tất
Nhũ hương	Một dược
Bạch chỉ	

(Quan sát mức độ huyết trệ có thể gia Huyết kiệt, Giá trùng, Uất kim, Mộc hương v.v...)

Bài B: Áp dụng cho bệnh ở thời kỳ giữa

Khương hoạt	Độc hoạt
Xương truật	Phòng kỷ
Ma hoàng	Quế chi
Tiểu hồi	Nhục quế

(Căn cứ vào tình huống cụ thể của bệnh, linh hoạt gia Xuyên ô, Thảo ô, Bạch giới tử, Ngũ gia bì v.v...).

Bài C: Áp dụng cho giai đoạn cuối của bệnh

Kim mao cẩu tích	Thung dung
Hổ cốt	Tục đoạn
Đương qui	Độc hoạt
Tùng tiết	Cốt toái bổ
Hoài Ngưu tất	Nhũ hương
Một dược	

(Có thể linh hoạt gia Toái xà, Bạch cập, Cân cốt thảo v. v...).

Cách dùng: Đun thuốc tán bột mịn, bỏ bớt một số ít bột thô (để dùng riêng sẽ nói sau). Còn phần lớn thuốc bột trộn đều vào rượu trắng đắp ra bên ngoài nơi đau, cứ 2 ngày thay miếng đắp 2 lần.

Thuốc rượu bôi xoa bên ngoài:

Lấy số ít bột thuốc thô của bài thuốc A và B ngâm vào rượu trắng sau 3 ngày lại đắp ra ngoài như ở trên và dùng rượu thuốc này để xoa bóp nơi đau.

171. GỐI SƯNG ĐAU

Một bên hoặc hai bên gối sưng đau gọi chung là gối sưng đau. Nếu mầu da ở nơi đau không thay đổi, không có cảm giác nóng nhưng cơ bị teo dần dần giống như gối hạc, gọi là Hạc tất phong.

Vùng gối sưng đau, xu hướng đau dữ dội, khó đi lại, cơ thể lạnh, chân tay lạnh, chất lưỡi đỏ rêu lưỡi trắng, mạch Phù khẩn, bệnh ở giai đoạn đầu phần nhiều là do hàn nhiệt thay đổi, tà độc vít tắc và huyết trệ, cho uống ***Hồ thị Hạc tất phong phương số I (1)*** để tán hàn giải độc, hoạt huyết hoá ứ. Bệnh nhân vốn có bệnh này mà bị tái phát có những triệu chứng như nói trên, vùng gối sưng trướng khá nặng, có thể uống ***Lý thị tất thũng phong hàn phương (2)*** để khư hàn trừ thấp thông lạc giảm đau, đồng thời dưỡng huyết bổ Thận.

Hai gối sưng to và đau, sờ có cảm giác nóng, co duỗi khó, đôi khi kèm theo mình nóng, tiểu tiện vàng, Tâm phiền khát nước, chất lưỡi tía tối hoặc đỏ tươi, rêu lưỡi vàng hoặc vàng nhớt, bệnh thuộc thấp nhiệt dồn xuống dưới, khí huyết bị vít lấp, điều trị theo phép thanh nhiệt lợi thấp, hoạt huyết tiêu sưng, thông lạc giảm đau; nếu là chứng nhẹ thì dùng ***Chu thị tam đằng thông tý thang (3)***. Nếu là chứng nặng thì dùng ***Lý thị tất thũng thấp nhiệt phương (4)***, cục bộ có thể phối hợp với ***Chu thị ngoại tẩy phương (5)*** để tắm ngâm hoặc rửa nơi đau.

Vùng gối sưng đau lâu ngày, gối to đùi bé đã chữa lâu ngày không khỏi, chất lưỡi tía, sắc mặt tối, đó là đàm ứ nghẽn trở, mạch lạc không lưu thông cho uống ***Hoạt huyết trục ứ thang (6)*** để trừ đàm, làm mềm chất rắn, tiêu sưng giảm đau. Nếu kiêm chứng mạch Tế Nhu hoặc hồi hộp, đó là do ứ đờm, lẫn lộn với huyết hư gây nên, cho uống ***Nhị đằng thang (7)*** để dưỡng huyết trừ phong, tuyên tý thông lạc, hóa đàm tiêu sưng giảm đau. Nếu kiêm chứng chân tay không ấm, cơ đùi teo gầy, thậm chí biến dạng khớp gối hoặc các khớp toàn thân biến dạng, đó là Thận suy dương yếu, đờm ứ với phong thấp câu kết gây nên, điều trị theo phép phù chính, bổ Thận trừ phong thông lạc, cho uống ***Ích Thận quyên tý hoàn (8),*** bên ngoài thì xoa ***Chu thị chỉ thống sát tể (9)*** để phối hợp.

Vùng gối sưng đau nóng rát, chân tay ê mỏi vô lực, mỏi mệt khát nước, lưỡi đỏ là do khí âm đều hư, đờm ứ với uất nhiệt câu kết lẫn lộn gây nên, cho uống ***Vương thị Hạc tất phong phương (10)*** để ích khí âm, trừ đờm ứ và thanh uất nhiệt. Gối đau, liệt mềm, mỏi mệt vô lực, hồi hộp đoản hơi, đại tiện lỏng, chất lưỡi nhạt, mạch Nhược là do khí hư kiêm ứ trệ, cho uống ***Lý thị tất thũng khí hư phương (11) để*** bổ khí làm chủ yếu, kèm theo hành ứ tiêu sưng và giảm đau.

Hai đầu gối sưng to đau nhức lâu ngày không khỏi, cơ bắp ở chi dưới teo gầy, đi lại khó khăn, lưng ê mỏi, tinh thần mỏi mệt, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi mỏng, mạch Trầm Tế, bệnh thuộc Can Thận suy hư, gân xương không được nuôi dưỡng cho uống ***Lý thị tất thũng Thận hư phương (12)*** để bổ Thận mạnh gân, khoẻ xương tiêu sưng kèm theo hoạt lạc giảm đau. Nếu kiêm chứng

hồi hộp đầu choáng là do Can Thận khí huyết đều hư, tà khí lưu huyết ở mạch lạc chưa hết, có thể cho uống ***Hồ thị Hạc tất phong phương số II (13)*** để bổ Can Thận, ích khí huyết, bổ tinh tuỷ và hành ứ thông lạc.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Chân tay đau nhức".

PHỤ PHƯƠNG

1. Hồ thị Hạc tất phong phương số I

Người cống hiến: Hồ Chấn Á, Lão Trung y nổi tiếng
Trường bổ túc cán bộ y tế huyện Hoài Nhu, thành phố Bắc Kinh.

Can Địa hoàng	30 gam	Đương quy	30 gam
Bạch chỉ	12 "	Xuyên khung	12 "
Bạch thược	12 "	Thanh Bán hạ	12 "
Sinh Ma hoàng	16 "	Xương truật sao	12 "
Hậu phác	12 "	Can khương	10 "
Sinh khương	20 "	Phục linh (cả vỏ)	20 "
Nhục quế	10 " (hoặc Quế chi)		

2. Lý thị tất thũng phong hàn phương

Người cống hiến: Lý Tổ Mô, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Khương hoạt	Độc hoạt
Đương quy	Thục Địa hoàng
Sơn dược	Xuyên Sơn long
Tang ký sinh	Hoài Ngưu tất

Thổ Phục linh Tỳ giải

Xa tiền thảo

3. Chu thị tam đằng thông tý thang

Người cống hiến: Chu Học Văn, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Kim ngân hoa	20 gam	Kê huyết đằng	20 gam
Dạ giao đằng	20 "	Tần giao	20 "
Tang chi	20 "	Ngưu tất	20 "
Một dược	10 "	Tang ký sinh	20 "
Hoàng kỳ	20 "	Đương quy	20 "
Liên kiều	20 "	Sinh Cam thảo	10 "

4. Lý thị tất thũng thấp nhiệt phương

Người cống hiến: Lý Tổ Mô, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Giới tuệ thán	Phòng phong
Đương quy	Thục Địa hoàng
Trần bì	Hoài Ngưu tất
Mẫu đơn bì	Nhân trần
Thuỷ ngưu giác phấn	Tỳ giải
Xuyên sơn long	Phục linh
Thiền thuế	Mộc thông

5. Chu thị ngoại tẩy phương

Người cống hiến: Chu Học Văn, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Hoàng bá	20 gam	Khổ sâm	20 gam
Phù bình	10 "	Địa phu tử	10 "

Phòng phong	10 gam	Xà sàng tử	10 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, lọc bỏ bã lấy nước thuốc để rửa bên ngoài nơi đau.

6. Hoạt huyết trục ứ thang.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y viện Bắc Kinh

Đan sâm	15 - 30 gam	Ô dược	6 - 12 gam
Tam lăng	9 - 15 "	Bạch Cương tàm	6 - 12 "
Bạch giới tử	9 - 15 "	Hậu phác	6 - 12 "
Quất hồng	9 - 15 "	Thổ bối mẫu	9 - 15 "
Trầm hương	1,5 - 2 "	Nga truật	9 - 15 "

7. Nhị đằng thang

Người cống hiến: Gia Phương Thụ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Giang Tô

Đương quy	10 gam	Đan sâm	10 gam
Lôi công đằng	10 "	Xuyên Khương hoạt	10 "
Địa long	10 "	Bạch truật sao	10 "
Chế nam tinh	10 "	Xuyên Ngưu tất	10 "
Kê huyết đằng	12 "	Bạch Phục linh	12 "
Sinh Ý dĩ	15 "	Sinh Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, ngày uống 2 lần sau bữa cơm trưa và bữa cơm tối 2 giờ, uống 1 lần.

Gia giảm: Nếu sưng trướng khá nặng, có xu hướng thấp thắng thì gia Tỳ giải, Sinh khương bì. Nếu đau nhức khá nặng, có xu hướng hàn thắng thì gia Chế Thảo ô, Trích Nhũ hương.

8. Ích Thận quyên tý hoàn

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Thục Địa hoàng	120 gam	Đương quy	120 gam
Tiên linh tỳ	120 "	Lộc hành thảo	120 "
Toàn yết trích	25 "	Ngô công trích	25 "
Ô tiêu xà	90 "	Phong phòng trích	90 "
Giá trùng trích	90 "	Cương tàm trích	90 "
Cam thảo	30 "	Khương lang trùng trích	90 "

Cách dùng: Các thuốc trên tán bột. Lại dùng thêm Sinh Địa hoàng, Kế huyết đằng, Lão hoan thảo, Tầm cốt phong, Hổ trượng mỗi thứ 120 gam sắc lấy nước đặc phun vào thuốc bột luyện làm viên to bằng hạt đỗ xanh, mỗi lần uống 6 g, ngày 2 lần sau bữa ăn. Nếu là phụ nữ đang hành kinh hoặc có thai không được uống.

Gia giảm: Bệnh thuộc âm hư nên dùng thêm Sinh Địa hoàng 10 gam, Mạch môn đông 10 gam, Xuyên Thạch hộc 10 gam, mỗi ngày sắc uống thay nước chè và chiêu với thuốc viên để dưỡng âm, sinh tân dịch cho khỏi họng ráo miệng khô. Bệnh thuộc dương hư có thể uống thêm với Dương hoà thang gia chế Xuyên Thảo ô. Nếu người cao huyết áp có thể dùng Quảng Địa long 10 gam, Long đởm thảo 5 gam sắc lấy nước chiêu với thuốc viên. Sau khi uống thuốc mà ngứa ngoài da có thể dùng Từ trường khanh và Địa phu tử mỗi vị 12 gam sắc nước cho uống khoảng 3 - 4 ngày sau thì hết ngứa.

9. Chu thị chỉ thống xát tễ

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Sinh Bán hạ	30 gam	Sinh Nam tinh	30 gam
Sinh Xuyên ô	30 "	Sinh Thảo ô	30 "

Cách dùng: Các vị trên ngâm vào 350 ml rượu 50° trong một tuần rồi lấy bông thấm thuốc này xát vào nơi đau, cấm không được uống.

10. Vương thị Hạc tất phong phương

Người cống hiến: Vương Văn Đỉnh, Lão Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc.

Sinh Hoàng kỳ	240 gam	Viễn chí	120 gam
Thạch hộc	120 "	Hoài Ngưu tất	120 "
Kim ngân hoa	30 "		

Cách dùng: Lấy 10 bát nước đem 4 vị thuốc ở trên sắc chừng nào cạn còn 2 bát, bấy giờ mới bỏ Kim ngân hoa vào lại sắc cho cạn lấy 1 bát. Trước khi đi ngủ, lúc đói bụng uống một lần cho hết (nếu khắp mình ra nhiều mồ hôi có vẻ dễ chịu thì ngừng xoa, lấy khăn bông lau cho khô mồ hôi xoa xát toàn thân).

11. Lý thị tất thũng khí hư phương

Người cống hiến: Lý Tổ Mô, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thái tử sâm	Hoàng kỳ
Bạch truật	Đương quy
Phục linh	Xích thược
Bạch thược	Nhũ hương

Một dược
Quế chi
Hoàng bá
Xa tiền thảo
Thục Địa hoàng
Ngưu tất
Cam thảo

12. Lý thị tất thũng Thận hư phương.

Người cống hiến: Lý Tổ Mô, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đương quy
Đỗ trọng
Ba kích thiên
Ty qua lạc
Hoài Ngưu tất
Hoàng bá
Biển xúc
Thục Địa hoàng
Tục đoan
Nhục thung dung
Tang ký sinh
Xa tiền tử
Tỳ giải
Ô dược

13. Hồ thị Hạc tất phong phương số II.

Người cống hiến: Hồ Chấn A, Lão Trung y nổi tiếng
Trường bổ túc cán bộ y tế huyện Hoài Nhu, thành phố Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	20 gam	Thục Địa hoàng	20 gam
Ma hoàng	10 "	Xuyên khung	10 "
Toàn Đương quy	30 "	Bạch thược	15 "
Hà thủ ô	20 "	Hoàng kỳ	25 "
Độc hoạt	10 "	Đỗ trọng	10 "
Nhân sâm	10 "	Cam thảo trích	12 "
Sinh khương	20 "	Ngưu tất	10 "
Bắc Ngũ gia bì	12 "	Hồng táo (bỏ hạt)	10 quả
Chế phụ tử	10 - 15 "	(sắc trước 20 - 40 phút)	

172. CHI DƯỚI SƯNG TRƯỚNG

Chứng này là chỉ bắp đùi hoặc bắp chân sưng trướng và đau. Bắp chân sưng trướng xuất hiện những sợi mạch cứng rắn như chuỗi thừng và sưng đau, thậm chí nơi sưng đau nóng rát đỏ bừng, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi vàng nhớt là do nhiệt độc thấp trọc ngăn trở đường mạch lạc ở dưới, điều trị theo phép thanh nhiệt, lợi thấp giải độc, thông kinh hoạt huyết giảm đau cho uống ***Tĩnh mạch viêm khẩu phục phương (1).*** Bên ngoài thì dùng ***Triệu thị thiển tĩnh mạch viêm tẩy tễ (2)*** mà xông rửa vào nơi đau. Nếu đau dữ dội, nơi đau biến màu tía tối, cứng rắn, chất lưỡi tối là do huyết ứ ngăn trở đường lạc, nên dùng phép hoạt huyết tán ứ dẹp nơi đau, cho uống ***Hoạt huyết tán ứ phương (3).***

Nếu huyết ứ tắc nghẽn đường lạc lâu ngày, chứng trạng đau không nặng lắm nhưng chữa chạy lâu ngày không khỏi lại có thêm triệu chứng khí hư như đoản hơi, hồi hộp, mỏi mệt v.v.. là do khí hư huyết ứ ngăn trở đường lạc, nên ích khí hoá ứ, thông lạc giảm đau. Bên trong thì cho uống ***Tĩnh mạch viêm phương số I (4).*** Bên ngoài thì dùng ***Trần thị ngoại dụng uất dược phương (5)*** để mà chườm nóng.

Bắp chân hoặc đùi sưng trướng, đau nhức hình trạng to như ống tre, đi lại càng đau nhiều, sáng nhẹ tối nặng, chỗ đau biến màu tía tối, hoặc chất lưỡi tía tối thuộc ứ huyết gây nên. Phải hoạt huyết hoá ứ, thông kinh hoạt lạc, bên trong thì cho

uống ***Trục huyết phá ứ thang (6)***, bên ngoài thì dùng ***Thâm tĩnh mạch viêm tẩy tễ (7)*** sắc lấy nước vừa xông vừa rửa. Nếu kèm chứng đầu ngón tay chân buốt lạnh, lưỡi tối, rêu trắng, khí hư mạch Sắc là do hàn thấp ứ nghẽn, nên ôn hoá hàn thấp, ích khí hoạt huyết, cho uống ***Phòng thị ôn thông chỉ thống phương (8)***.

Hai chi dưới sưng trướng, to như cái thùng, đau nhức, ấn vào lõm sâu, sắc da tối trệ, tinh thần ủ dột, tiểu tiện lượng ít, chất lưỡi Phù Đại và tía tối, mạch Trầm Sắc, nếu là phụ nữ thì thấy hành kinh lượng ít hoặc bế kinh, đó là do huyết với thuỷ câu kết ứ tắc ở chi dưới, cho uống ***Chu thị hạ chi ứ thũng phương (9)*** để hoạt huyết lợi thuỷ, tiêu thũng.

Biện chứng luận trị bệnh này nên tham khảo với các chứng "Tứ chi đau nhức" và "Tứ chi sưng nóng đỏ rát".

PHỤ PHƯƠNG

1. Tĩnh mạch viêm khẩu phục phương.

Người cống hiến: Bùi Ngọc Côn, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Ngưu tất	15 gam	Xích thược	15 gam
Mộc qua	15 "	Đào nhân	9 "
Xương truật	9 "	Trạch tả	9 "
Kê huyết đằng	30 "	Trạch lan	30 "
Ô dược	6 "		

Gia giảm: Bệnh thuộc thời kỳ cấp tính gia Kim ngân hoa 30 gam, Tử hoa địa đinh 15 gam hoặc Bồ công anh 9 gam, Hoàng bá 9 gam. Sưng đau nhiều có thể gia thêm Mộc thông 9 gam, Phục linh 12 gam, Đông qua bì 15 gam hoặc Tam lăng, Nga truật để tăng cường tác dụng hoạt huyết hoá ứ. Nếu đau nhiều gia Huyền hồ hoặc Anh túc xác 9 gam. Kiêm chứng khí hư gia Thái tử sâm 30 gam, Hoàng kỳ 15 gam, Đương quy 15 gam.

2. Triệu thị thiển tĩnh mạch viêm tẩy tễ.

Người cống hiến: Triệu Thượng Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Tây

Tô mộc	Hồng hoa
Kim ngân hoa	Bồ công anh
Mang tiêu	Đương quy
Tang chi	Nhũ hương
Một dược	

Cách dùng: Sắc lấy nước để xông và rửa, mỗi ngày 1 lần, mỗi lần lâu 30 phút.

3. Hoạt huyết tán ứ phương.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Tô mộc	9 - 15 gam	Xích thược	9 - 15 gam
Bạch thược	9 - 15 "	Thảo Hồng hoa	9 - 15 "
Tam lăng	9 - 15 "	Nga truật	9 - 15 "
Trần bì	9 - 15 "	Quỷ tiễn võ	15 - 30 "
Mộc hương	3 - 9 "		

4. Tĩnh mạch viêm phương số I

Người cống hiến: Trần Thục Trường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Đương quy	230 gam	Xuyên khung	150 gam
Xích thược	230 "	Chế Nhũ hương	90 "
Chế Một dược	90 "	Hồng hoa	90 "
Tô mộc	150 "	Địa long	150 "
Trích Hoàng kỳ	230 "	Uất kim	150 "
Lạc thạch đằng	450 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên chế thành dạng viên dẹt, mỗi viên nặng 0,3 gam, mỗi lần uống 10 viên, ngày 2 lần.

5. Trần thị ngoại dụng uất dược phương.

Người cống hiến: Trần Thục Trường, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Tô mộc	15 gam	Hồng hoa	15 gam
Nhũ hương	15 "	Một dược	15 "
Can khương	15 "	Hoa tiêu	10 "
Quế chi	10 "	Thiên niên kiện	15 "
Kê huyết đằng	15 "	Kim ngân hoa	15 "
Chương não	15 "	Thấu cốt thảo	30 "

Cách dùng: Những thuốc trên chia làm 2 thang, mỗi thang bỏ vào một túi vải nhỏ, trộn với một chút ít rượu trắng, khâu kín, cho vào chảo rang nóng, rồi lấy một túi vải thuốc đó áp vào nơi đau, 5 phút sau lại thay túi vải khác, thay đổi nhau như vậy 10 lần mỗi ngày thực hiện một lần, 3, 4 ngày sau lại thay đổi thuốc mới.

6. Trục huyết phá ứ thang.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Thuỷ điệt	6 - 12 gam	Manh trùng	6 - 12 gam
Giá trùng	6 - 12 "	Địa long	9 - 15 "
Hắc sửu	9 - 15 "	Thấu cốt thảo	9 - 15 "
Thuỷ Hồng hoa	9 - 15 "	Bàn long sâm	9 - 15 "
Tử thảo	9 - 15 "	Lộ lộ thông	15 - 30 "

(Nếu bệnh có tính lạnh nghiêm trọng thì thêm Nhục quế 3 - 6 gam.

7. Thâm tĩnh mạch viêm tẩy tế

Người cống hiến: Triệu Thượng Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Tây

Tàng chi	Mang tiêu
Khổ sâm	Hồng hoa
Tô mộc	Đương quy
Thấu cốt thảo	

Gia giảm: Nếu nơi đau sưng đỏ gia Bồ công anh, Tử hoa địa đinh. Nếu nơi đau tím tái và mát lạnh thì bỏ Khổ sâm, gia Quế diệp và Ngải diệp

Cách dùng: Sắc lấy nước, trước xông sau rửa ngày một lần, mỗi lần lâu 30 phút.

8. Phòng thị ôn thông chỉ thống phương

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Phụ tử	9 gam	Nhục quế	9 gam
Đào nhân	9 "	Hồng hoa	9 "
Quy vĩ	9 "	Trạch tả	9 "
Ngưu tất	9 "	Can khương	9 "
Tục đoạn	18 "	Huyền sâm	24 "
Sinh Hoàng kỳ	24 "	Tang ký sinh	24 "
Kê huyết đằng	24 "	Mộc qua	15 "
Quế chi	15 "	Phòng kỷ	12 "
Xích thược	12 "		

9. Chu thị hạ chi ứ thũng phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Phục linh bì	80 gam	Ý dĩ nhân	80 gam
Nga truật	15 "	Bào sơn giáp	20 "
Đương quy	20 "	Đào nhân	20 "
Uy linh tiên	20 "	Vương bất lưu hành	30 "
Mộc qua	40 "	Sinh Cam thảo	10 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, cho uống nóng.

173. GÂN XANH NỔI ĐỘT NGỘT Ở CHI DƯỚI

Gân xanh nổi đột ngột ở bắp chân, ngoằn ngoèo như giun, đi hoặc đứng thời trướng đau, bệnh do khí huyết không điều hoà, lạc mạch bị ngưng trệ, có thể dùng ***Thất tằng cao*** đắp vào nơi đau để tan ứ chỉ thông

PHỤ PHƯƠNG

Thất tằng cao

Người cống hiến: Diêm Hiệu Nhiên, Lão Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Chương đan	12 gam	Ngân châu	6 gam
Đồng lục	3 "	Tùng hương	24 "

Cách dùng: 4 vị thuốc trên tán bột mịn, trộn vào 25 gam dầu thơm, lấy đũa quấy cho dẻo như hồ, trước khi đắp thuốc rửa sạch cục bộ nơi đau rồi sau phết Thất tằng cao lên trên một miếng vải mỏng, đặt miếng vải có cao ấy vào nơi đau, bên trên lại phủ một lớp vải nữa, khiến cho giữa thuốc và lớp da không tiếp xúc trực tiếp, đắp xong thì dán băng cố định, 3 đến 7 ngày sau thay thuốc một lần.

174. TRẺ EM CHÂN DÀI

Chứng này chỉ chi dưới ở trẻ em, nếu quan sát kỹ thì thấy bên chân có bệnh dài hơn bên chân không có bệnh. Thường kèm theo triệu chứng đau bắp vế và đi tập tễnh, ở khu vực Giang Triết gọi là "Trường cước phong". Nguyên nhân bệnh phần nhiều do phong thấp uất trệ hoá nhiệt ngưng đọng ở cơ bắp gân mạch gây nên, có thể dùng ***Chu thị tiểu nhi thư cân thang*** để khư phong thư cân, thanh nhiệt lợi thấp.

Biện chứng điều trị chứng này nên tham khảo mục "Tứ chi đau nhức".

PHỤ PHƯƠNG

Chu thị tiểu nhi thư cân thang

Người cống hiến: Chu Bá Lân, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Ôn Châu

Tần giao	6 gam	Tang chi tươi	15 - 24 gam
Cương tàm	6 "	Kim ngân hoa đằng	12 "
Ty qua lạc	9 "	Bạch truật	3 "
Phòng kỷ	6 "	Xa tiền tử	6 "
Hoàng bá	6 "	Ngưu tất	3 "
Cam thảo	1,5 "		

Liều lượng trên áp dụng cho trẻ em từ 7 - 9 tuổi.

Gia giảm: Tiểu tiện vẩn đục gia Tỳ giải, mình nóng gia Địa cốt bì, Mẫu đơn bì, Hoàng cầm.

Giang chân ra bên ngoài hoặc khép chân vào bên trong có cảm giác đau gia Địa long, Bạch mao đằng (Bạch anh). Có tiền sử ngoại thương gia Đan sâm, Địa long.

175. HAI BÊN ĐÙI BẮT CHÉO

Chứng này chỉ hai bên đùi bắt chéo khép chặt, thậm chí hai đùi thẳng đơ, ma sát trên dưới khó vận động, thường gặp nhiều ở trẻ em.

Trẻ bị chứng này thường kèm theo chứng trạng mặt đỏ, vã mồ hôi, rêu lưỡi vàng, mạch Huyền Sáp. Bệnh nhẹ thì mỗi ngày phát cơn một lần, hoặc một tuần phát cơn 2 - 4 lần. Bệnh nặng hơn có khi mỗi ngày phát cơn 2 - 5 lần. Nặng hơn nữa, mỗi ngày có thể phát cơn tới 10 lần, nhất là phức độ động tác khá lớn thường dùng sức mạnh. Bệnh phần nhiều thuộc âm hư dương cang, Can nhiệt động phong, có thể dùng các loại bài như ***Lưu thị tình cảm tính giao thoa sát thối chứng hệ lệ phương*** để tư bổ Thận âm, bình Can tiềm dương, dẹp phong định chí, thanh Can tả nhiệt.

PHỤ PHƯƠNG

Lưu thị tình cảm tính giao thoa sát thối chứng hệ lệ phương

Người cống hiến: Lưu Bảo Chân, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

- Bài A (loại hình nhẹ)

Sinh Địa hoàng	6 gam	Sơn thù nhục	10 gam
Phục linh	10 "	Trạch tả	10 "
Bạch thược	10 "	Cúc hoa	10 "

- Bài B (loại hình vừa):

Xuyên Hoàng bá	10 gam	Tri mẫu	6 gam
Sinh Địa hoàng	10 "	Sơn du nhục	10 "
Phục linh	10 "	Mẫu đơn bì	6 "
Trạch tả	10 "		

- Bài C (loại hình nặng):

Tri mẫu	6 gam	Xuyên Hoàng bá	6 gam
Sinh Địa hoàng	6 "	Sơn du nhục	10 "
Phục linh	10 "	Trạch tả	6 "
Long đởm thảo	6 "	Hoàng cầm	6 "
Bạch thược	10 "	Cúc hoa	10 "

Gia giảm: Nhiều mồ hôi gia Mẫu lệ 15 gam. Đêm ngủ không yên gia Liên tu 6 gam, Chu đăng tâm 1 gam. Kém ăn gia Sinh Mạch nha 6 gam, Chỉ xác 6 gam.

176. SANG ĐỘC Ở CHÂN TAY

Chân tay mọc mụn đau nhức và các loại đinh độc khác đều thuộc phạm vi giới thiệu trong chứng này. Chứng này lúc đầu phát bệnh kịch liệt, sang độc ở chân tay sưng đỏ và đau, bóng mềm, không có đầu, chu vi xung quanh có ranh giới rõ rệt, bệnh này gọi là "Ung sang". Nếu kiêm chứng sợ lạnh phát sốt là nhiệt độc quá thịnh, bên trong thì uống ***Gia vị tam kim thang (1)*** để thanh nhiệt giải độc. Bên ngoài thì đắp ***Dương chứng thiết thíp tán (2)*** để thanh nhiệt tiêu sưng.

Nếu sang nhọt sưng đỏ hoặc tía tối, đau nhức kịch liệt là nhiệt độc uất nghẽn, huyết đi không lưu thông, cho uống ***Tiêu ung thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, tan ứ tiêu sưng hoạt huyết giảm đau. Bên ngoài thì đắp ***Thanh nhiệt tiêu thũng cao (4)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hoá ứ. Nếu nhọt sưng mới bị vỡ sưng trướng chưa tiêu, bề mặt của nhọt có màu tía đen và đau nhức, chưa mọc thịt non thì dùng ***Giáp tự đề độc phấn (5)*** để tiêu độc trừ thịt nát, sinh cơ tiêu sưng và giảm đau.

Nhọt độc ở chân tay sưng trướng, sắc tối, đau dữ dội, lưỡi tía hoặc tối là tà độc nung nấu ở đường lạc, huyết ứ, khí khó lưu thông thì dùng ***Thiềm tô thoái độc hoàn (6)*** để tuyên thông kinh lạc, hành khí hoạt huyết, tiêu tan sưng đau và giải độc giảm đau.

Sang độc phát sinh ở bắp chân chi dưới gọi là "Liêm sang", cũng gọi là "Quần biên sang" có triệu chứng bắp chân lở loét, tái phát liên tục, lâu ngày không gắn miệng, nhọt có sắc tối và chảy

ra nước đặc rất hôi, xung quanh nhọt sưng mềm và nóng rát, có thể dùng ***Hoa Đà tán (7)*** dùng ở bên ngoài để giải độc sinh cơ và thu gọn mụn nhọt. Nếu kiêm chứng phát sốt, khát nước, tiểu tiện vàng, mỏi mệt, da vàng bủng là do thấp nhiệt hạ trú, doanh huyết không hoà, khí huyết đã suy. Bên trong thì cho uống ***Gia giảm Hoàng kỳ hoàn (8)*** để thanh nhiệt lợi thấp, điều hoà doanh vệ, bổ ích khí huyết. Bên ngoài thì đắp ***Vương thị hoá hủ sinh cơ đan (9)*** để tiêu độc bài trừ mủ, sinh cơ thu gọn mụn nhọt. Nếu mụn nhọt có chứng trạng sưng mềm và có mầu đen tía, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt uất kết, khí huyết không lưu thông, điều trị theo phép thanh nhiệt táo thấp, hoà huyết thông lạc. Bên trong thì cho uống ***Trương thị liêm sang phương (10),*** bên ngoài thì bôi ***Lục hoà tán (11)*** để sinh cơ trừ mủ nát, hoá ứ mọc thịt non.

Cả bốn chân tay hoặc chỉ cơ bắp ở chi dưới đau nhức gần sát xương sưng mềm, sắc da không thay đổi, có khi đau thấu xương không chịu nổi, khó làm cho vỡ, cũng khó làm thu liễm, bệnh thuộc loại "Âm cốt thư" có chứng trạng bắp đùi đau nhức lâu ngày, sưng trướng kéo dài không vỡ mủ, kiêm chứng cục bộ có sắc hơi đỏ hoặc có cảm giác nóng rát, tinh thần mỏi mệt, đó là do huyết nhiệt, chính khí hư có thể dùng ***Hạ thị phù chính thác độc thang (12)*** để tư Thận mạnh xương ích khí hoà doanh, thanh nhiệt lương huyết thác độc sinh da non. Nếu kiêm chứng mặt nhợt sợ lạnh, chân tay không ấm hoặc cục bộ giá lạnh, lưỡi nhạt hoặc tía tối, rêu lưỡi trắng là do chính khí hư, hàn tà ngưng đọng nên bổ Thận kiện Tỳ, ích khí dưỡng huyết, ôn kinh tán hàn, có thể dùng ***Phòng thị phù chính thác độc phương (13).*** Nếu mụn

nhọt đã vỡ, mủ máu dầm dề không dứt, hình thành hố ngòi khá sâu thì dùng ***Chu thị nghiệm phương (14)*** để khư độc thu gọn miệng nhọt, cũng có thể phối hợp ***Hắc dược cao (15)*** đắp ra bên ngoài nơi đau.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Nhọt độc vùng lưng", "Nhọt độc ở sườn", "Nhọt độc ở đầu mặt" và "Các ngón chân tía đen".

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị tam kim thang

Người cống hiến: Lăng Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm, Lão Trung y nổi tiếng Bắc Kinh

Huyền sâm	15 gam	Tiêu sơn chi	9 gam
Kim ngân hoa	30 "	Bồ công anh	15 "
Sinh Cam thảo	9 "		

2. Dương chứng thiết thíp tán

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Giáng hương	240 gam	Sinh Đại hoàng	1000 gam
Nhũ hương	120 "	Một dược	120 "
Xích Tiểu đậu	1500 "	Sinh Hoàng cầm	240 "
Mộc miết tử	500 "	Sinh Nam tinh	120 "
Sơn từ cô	120 "	Phù dung diệp	240 "

Trần tiểu phấn (sao đen) 1000 gam

Cách dùng: Các vị tán bột, trộn vào nước chè và mật ong để đắp.

3. Tiêu ung thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	15 - 30 gam	Bồ công anh	15 - 30 gam
Liên kiều	9 - 15 "	Bạch chỉ	6 - 9 "
Xích thược	9 - 15 "	Thiên hoa phấn	9 - 15 "
Trần bì	9 - 15 "	Xuyên Bối mẫu	9 - 15 "
Tao hưu	9 - 15 "	Long quỳ	9 - 15 "

Sinh Địa hoàng tươi 15 - 30 gam

4. Thanh nhiệt tiêu thũng cao

Người cống hiến: Lãng Văn Bằng, Y sư chủ nhiệm, Lão Trung y nổi tiếng Bắc Kinh

Phù dung diệp	30 gam	Xích Tiểu đậu	30 gam
Chế Nhũ hương	18 "	Chế Một dược	18 "
Sơn giáp trích	15 "	Toàn yết	6 "

Cách dùng: Các vị tán bột trộn vào vadơlin 20% đắp ra bên ngoài nơi đau.

5. Giáp tự đề độc phấn

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Khinh phấn	30 gam	Khinh Hồng phấn	30 gam
Chu sa	9 "	Huyết kiệt hoa	12 "
Hổ phách phấn	9 "	Xạ hương	0,6 - 1,5 "
Băng phiến	6 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, khi dùng đem rắc hoặc lấy bông chấm bột thuốc chấm đều lên mụn nhọt.

Chú ý: Nếu cơ địa dị ứng thì không nên dùng.

6. Thiềm tô thoái độc hoàn

Người cống hiến: Trương Sơn Lôi tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh thời cận đại

Chế Hương phụ	90 gam	Khương hoạt	90 gam
Toàn Đương quy	90 "	Xuyên Tục đoạn	90 "
Minh yêu hoàng	30 "	Sinh Viễn chí nhục	60 "
Bạch Minh phàn	30 "	Xạ hương	9 "
Nhũ hương	18 "	Một dược	18 "
Xuyên sơn giáp	15 "	Tạng Hồng hoa	15 "
Kỳ lân kiệt	15 "	Áp chuỷ đởm tạo	15 "
Tây ngưu hoàng	9 "	Băng phiến	9 "

Quảng Địa long (sấy khô) 18 gam

Cách dùng: Các vị tán bột rồi trộn đều, lại dùng riêng Thiềm tô 7 gam hoà tan vào rượu rồi cùng các vị khác luyện làm viên to bằng hột đỗ xanh, lấy Thần sa làm áo. Chứng nặng cần dùng tới 3 đến 4,5 gam chiêu với rượu nhạt hoặc lấy Đương quy, Mộc hương sắc lấy nước để chiêu với thuốc, thuốc này nên nuốt chứng không được nhai vỡ.

7. Hoa Đà tán

Người cống hiến: Chu Đức Nghi, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh An Huy

Mật đà tăng nung	30 gam	Xích Thạch chi	30 gam
Thạch nội cân	30 "	Băng phiến	10 "

Hải phiêu tiêu	50 gam	Xương truật	20 gam

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột mịn trộn vào mỡ lợn sạch quấy đều như dạng cao bọc vào trong giấy dầu (to nhỏ tuỳ theo diện tích mụn nhọt mà quyết định) đem túi giấy ấy lấy kim châm nhiều lỗ nhỏ và lỗ nhỏ đắp vào hướng mụn nhọt, ngày thay miếng đắp một lần. Trước khi đắp thuốc phải rửa sạch bề mặt của mụn nhọt, mỗi bao thuốc có thể luân phiên dùng 3 lần, đến khi nào mụn nhọt liền miệng thì thôi.

8. Gia giảm hoàng kỳ hoàn

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Kim ngân hoa đằng	30 gam
Đương quy	15 "	Đan sâm	15 "
Thổ Phục linh	15 "	Hồng hoa	9 "
Xương truật	9 "	Hoàng bá	9 "
Ngưu tất	9 "	Cam thảo	3 "
Địa long	10 "		

9. Vương thị hoá hủ sinh cơ đan

Người cống hiến: Vương Ngọc Chương, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hồng thăng đơn	30 gam	Ngân châu	30 gam
Khinh phấn	40 "	Quan phấn	40 "
Chương đan	15 "	Băng phiến	10 "
Nhũ hương	50 "	Một dược	50 "
Huyết kiệt	20 "	Tùng hương	60 "

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột trộn lẫn thành thuốc đơn. Sát trùng bề mặt mụn nhọt, bên ngoài thì đắp Vương thị hoá hủ sinh cơ đan, sau đó thì bôi loại thuốc này úp ra bên ngoài, cách ngày thay thuốc một lần.

10. Trương thị liêm sang-phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Hoàng bá	10 gam	Quy vĩ	10 gam
Xích thược	10 "	Hồng hoa	10 "
Đào nhân	10 "	Phòng kỷ	10 "
Độc hoạt	10 "	Bạch chỉ	10 "
Tân lang	10 "	Xương truật	30 "
Tử hoa địa đinh	30 "	Kim ngân hoa	15 "
Nhẫn đông đằng	15 "		

Phương thuốc chữa bên ngoài:

Bạch chỉ	60 gam
Hoàng đan (bỏ tạp chất)	120 gam

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột, trộn đều với dầu vừng. Trước tiên sắc nước chè để rửa cho sạch mụn nhọt, sau khi rửa xong lấy bông chấm thuốc bôi vào cục bộ mụn nhọt sau đó lại lấy giấy dầu dùng kim chọc thủng vài lỗ đắp lên trên, chỉ buộc nhẹ bằng sợi chỉ để cho thấm không khí không phải buộc chặt. Mỗi ngày sáng tối thay thuốc một lần không nên để gián đoạn.

11. Lục hoà tán

Người cống hiến: Lăng Vân Bằng,
Lão Trung y nổi tiếng Bắc Kinh

Hải phiêu tiêu	9 gam	Long cốt nung	9 gam
Tượng bì	6 "	Khinh phấn	6 "
Huyết kiệt	6 "		

Cách dùng: Trước tiên đem Hải phiêu tiêu và Huyết kiệt tán bột rồi mới trộn vào các vị thuốc còn lại, tán bột lần nữa cho mịn rồi lấy chút ít bột này rắc đều lên bề mặt mụn nhọt, phía trên phủ vải gạc và băng dính cố định.

12. Hạ thị phù chính thác độc thang

Người cống hiến: Hạ Thiếu Nông, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Đại Sinh địa	12 gam	Cốt toái bổ	12 gam
Xuyên Tục đoạn	12 "	Sinh Hoàng kỳ	12 "
Toàn Đương quy	12 "	Bổ cốt chi	15 "
Mẫu đơn bì	9 "		

13. Phòng thị phù chính thác độc phương

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Cốt toái bổ	17 gam	Sinh Hoàng kỳ	20 gam
Đảng sâm	20 "	Câu kỷ tử	20 "
Đương quy	10 "	Xích thược	10 "
Thỏ ty tử	20 "	Nhục quế	10 "
Quế chi	12 "	Ngũ gia bì	17 "
Xuyên Tục đoạn	17 "	Khiếm thực	12 "

Phục linh	12 gam	Trư linh	10 gam
Trạch tả	10 "	Hồng hoa	10 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Hàn thịnh gia Phụ tử, Can khương. Thấp thịnh gia Thổ Phục linh, Bạch truật, Phòng kỷ, Mộc qua. Thận hư rõ rệt gia Ba kích thiên, Sơn thù, Đỗ trọng, Tang ký sinh. Huyết hư rõ rệt gia Thục địa, A giao.

14. Chu thị nghiệm phương

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Ngô công 10 con

Cách dùng: Tán bột đóng vào trong viên nang chia làm 7 phần, mỗi ngày uống 1 phần. Bên ngoài thì dùng sợi tẩm vadơlin chấm bột Ngô công xuyên vào lỗ dò mỗi ngày thay thuốc 1 lần.

15. Hắc dược cao

Người cống hiến: Trần Hưng Chi, Y sư chủ nhiệm Bộ môn Trung y thành phố Thượng Hải

Nam qua đằng (thiêu tồn tính)	150 gam		
Xuyên luyện tử (thiêu tồn tính)	30 "		
Địa cước phấn (bột phấn ở dưới chân)	500 "		
Mang tiêu	120 gam	Di đường	120 gam
Cam du	150 "		

Cách dùng: Bôi ra ngoài nơi đau, cách ngày thay thuốc một lần.

Chú ý: Nếu miệng mụn nhọt đã vỡ có thể xử lý tình huống cụ thể rồi sau mới bôi thuốc cao này.

177. THẤP CHẨN Ở CHÂN TAY

Chứng này, chỉ bì phu ở tay chân nổi nốt đỏ, loét nát, chảy nước và ngứa gãi, thường gặp ở bệnh ngoài da, chứng này nên tham khảo với thấp chẩn ở những bộ vị khác. Có chứng trạng da nổi nốt ở chân tay từng mảng đỏ hoặc tía đen, xu thế bệnh khá gấp, ngứa gãi nhiều là do thấp nhiệt hoả độc kiêm phong tà úng tắc ở cơ bắp. Điều trị nên thanh nhiệt giải độc, trừ thấp thông lạc, khư phong chống ngứa, hoá ứ tiêu nốt chẩn. Bên trong thì uống ***Ô xà thiền y thang (1)***. Bên ngoài có thể dùng ***Thấp chẩn ngoại tẩy phương (2)*** nấu lấy nước rửa nơi đau để thanh nhiệt giải độc, trừ thấp sát trùng hoặc là bôi thuốc ***Bì thấp nhất cao (3)*** để làm khô ẩm ướt, chống ngứa và thanh nhiệt.

Thấp chẩn thiên về chi dưới khá nặng, khát nước Tâm phiền, đầu lưỡi đỏ, tiểu tiện vàng xẻn là thấp độc dồn xuống dưới, nên thanh nhiệt bị thấp, cho uống ***Lợi thấp thanh nhiệt phương (4)***. Nếu bệnh đã lâu, chảy ra nước dính khá nhiều, hoặc kém ăn, rêu lưỡi nhớt đó là Tỳ hư thấp thịnh ở chi dưới, bên trong thì uống ***Kiện Tỳ trừ thấp thang (5)*** để kiện Tỳ trừ thấp lợi thuỷ. Bên ngoài thì bôi ***Bì chi cao (6)*** để làm khô thấp và chống ngứa. Nếu thấp thịnh ở chi trên thì bôi ***Lợi phu cao (7)*** để chống ngứa và làm khô ẩm ướt.

1. Ô xà thiền y thang.

Người cống hiến: Trương Tích Quân, Ý sư chủ nhiệm Trung y viện Trùng Khánh

Ô tiêu xà	15 gam	Thiền thoái	6 gam
Cương trùng	6 "	Lộ phong phòng	6 "
Mẫu đơn bì	9 "	Xích thược	9 "
Khổ sâm	9 "	Thổ Phục linh	30 "
Hổ nhĩ thảo	30 "	Thiên lý quang	30 "
Bạch tiên bì	6 "		

Gia giảm: Thấp chẩn thuộc cấp tính gia Ý dĩ nhân, Phục linh. Thấp chẩn thuộc mạn tính gia Tứ vật thang để dưỡng huyết khư phong.

2. Thấp chẩn ngoại tẩy phương.

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Khổ sâm	60 gam	Xà sàng tử	30 gam
Bách bộ	30 "	Ích mẫu thảo	30 "

Cách dùng: Sắc lấy nước để rửa, mỗi thang có thể sắc để rửa 2, 3 lần.

3. Bì thấp nhất cao.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Địa phu mạc	620 gam	Thạch cao nung	620 gam
Khô phàn	30 "		

Cách dùng: Các vị trên tán bột trộn đều, trộn vào với vadơlin làm thành dạng dầu cao 50 - 60% là được, tuỳ theo khí hậu lạnh nóng khác nhau mà xát ra bên ngoài nơi đau cho thích hợp.

4. Lợi thấp thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Hoàng cầm	9 gam
Xích linh	9 "	Trạch tả	9 "
Xa tiền tử	9 "	Mộc thông	4,5 "
Lục nhất tán	9 "		

5. Kiện Tỳ trừ thấp thang.

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Ý mễ	15 - 30 gam	Sinh Biển đậu	15 - 30 gam
Sơn dược	15 - 30 "	Khiếm thực	9 - 15 "
Tỳ giải	9 - 15 "	Chỉ xác	9 - 15 "
Hoàng bá	9 - 15 "	Phục linh	9 - 15 "

Đại đậu hoàng quyển 9 - 15 gam

6. Bì chi cao.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh đại	6 gam	Hoàng bá mạt	60 gam
Yên giao	60 "		

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột trộn vào vadơlin luyện thành cao để bôi vào nơi đau.

7. Lợi phu cao.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hùng hoàng	125 gam	Khô phàn	125 gam
Tùng hương	125 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, hoà vào dầu vừng thành dầu cao để bôi ra ngoài da.

PHẦN XV

CHỨNG TRẠNG Ở CHÂN TAY

Chứng trạng ở chân tay thuộc bệnh biến cục bộ, nhưng cũng có thể phản ánh biến hoá thịnh suy của tạng phủ âm dương khí huyết. Mục này chủ yếu giới thiệu những chứng bệnh: Gót chân đau nhức, Ngón chân tía đen và Lòng bàn chân tay nóng v.v..

178. LÒNG BÀN CHÂN TAY NÓNG

Lòng bàn chân tay nóng là chỉ chứng trạng tự cảm thấy lòng bàn chân tay có cảm giác nóng, gặp nhiều ở nội thương tạp bệnh, nên tham khảo.

Lòng bàn chân tay nóng, sốt nhẹ, mồ hôi trộm hoặc xuất huyết (ở bì phu, ở miệng mũi và răng), chóng mặt hồi hộp, mất ngủ, sắc mặt trắng nhợt, kém tươi, mạch hơi Sác, rêu lưỡi sạch, đầu lưỡi đỏ, bệnh thuộc âm hư huyết thiếu, cho uống ***Gia vị tạo huyết phương (1)*** để tư âm bổ Thận sinh huyết.

Bị bệnh Gan lâu ngày, có chứng lòng bàn chân tay nóng, mỏi mệt, đau sườn, bụng khó chịu, kém ăn, mạch Tế, rêu lưỡi nhớt là do Can âm hao thương, Tỳ hư thấp khốn, cho uống ***Dương thị nhu Can tư Tỳ ẩm (2)*** để nhu Can dưỡng âm kiện Tỳ hoá thấp.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị tạo huyết phương.

Người cống hiến: Chu Cát Tường, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung Quốc

Thỏ ty tử
Câu kỷ tử
Thục Địa hoàng
Tang thầm
Nhục thung dung
Nữ trinh tử
Thủ ô
Hạn liên thảo
Bổ cốt chi

2. Dương thị nhu can tư Tỳ ẩm.

Người cống hiến: Dương Chấn, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Sinh Địa hoàng	15 gam	Sơn dược	10 gam
Biển đậu	10 "	Liên tử nhục	10 "
Ý dĩ	15 "	Kê nội kim	10 "
Cát căn	10 "	Sa sâm	10 "
Câu kỷ	10 "	Mạch môn đông	10 "
Bạch thược	10 "	Phật thủ	10 "

179. BÀN TAY BỊ TRÓC DA

Chứng này chỉ lòng bàn tay khô và ngứa, sau đó bị tróc một lượt da trắng, da bàn tay khô khan, nứt nẻ, có khi từ lòng bàn tay ra khắp cả các ngón, đặc biệt là mu bàn tay không ảnh hưởng gì, bệnh danh là Nga trưởng phong. Nói chung có thể dùng ***Dương đề căn tửu (1)*** để bôi vào nơi bị bệnh nhằm sát trùng chống ngứa hoặc dùng ***Thố bào phương (2)*** ngâm vào tay chân để giải độc, chống ngứa và sát trùng. Nếu bàn tay nứt nẻ và ngứa nhiều là do nhiệt độc phong thịnh thì dùng ***Lý thị quán chúng ô mai thang (3)*** để ngâm rửa bàn tay nhằm thanh nhiệt giải độc, bảo vệ lớp da và chống ngứa. Nếu kiểm chứng lòng bàn tay hoặc kẽ ngón tay có nốt mọng nước, nốt đó bị vỡ ra chảy nhựa dính là do thấp độc xâm phạm, có thể dùng ***Lưu thị thủ túc tiên tẩy phương (4)*** ngâm rửa để trừ thấp giải độc, khư phong, chống ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

1. Dương đề căn tửu

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y viện Bắc Kinh

Dương đề căn 300 gam Rượu cồn 75° 600 ml

Cách dùng: Giã dập Dương đề căn ngâm vào trong rượu cồn 7 ngày đêm, lọc bỏ bã, khi dùng lấy bông thấm vào nước thuốc mà bôi vào nơi đau.

Chú ý: Không để thuốc dây vào mắt.

2. Thố bào phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Kinh giới	18 gam	Phòng phong	18 gam
Hồng hoa	18 "	Địa cốt bì	18 "
Tạo giác	30 "	Địa phong tử	30 "
Minh phàn	18 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm vào 150 ml dấm, trong 3 - 5 ngày, mỗi ngày ngâm vào nước thuốc 30 phút vào buổi tối. Mỗi gói thuốc có thể ngâm liên tục được 2 lần làm một đợt điều trị. Nếu có hiệu quả có thể ngâm tiếp vài ba đợt nữa.

3. Lý thị quán chúng ô mai thang.

Người cống hiến: Lý Khổng Định, Y sư chủ nhiệm Trung y Học hiệu thành phố Cẩm Dương, tỉnh Tứ Xuyên

Quán chúng	60 gam	Ô mai	60 gam

Cách dùng: Bỏ thuốc vào một hũ sành, đổ nước vào ngập trên thuốc hai đốt ngón tay, đem đun, sau khi sôi được 20 phút, đem nước thuốc ấy đổ ra chậu để trước xông sau rửa, chừng nào nước thuốc nguội mới thôi. Mỗi ngày thực hiện 2 lần, 2 ngày 1 thang, kiêng dùng xà phòng và kiêng ăn các đồ thơm hăng.

4. Lưu thị thủ túc tiên tẩy phương.

Người cống hiến: Lư Vạn Trình, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Xương nhĩ tử	10 gam	Khổ sâm	15 gam
Hoàng bá	15 "	Xà sàng tử	15 "
Bạch tật lê	15 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước để ngâm, rửa nơi đau.

180. CHÂN TAY NỨT NẺ

Lòng bàn tay hoặc da dẻ ở chân khô ráo, nứt nẻ và đau. Nếu nơi bị nứt nẻ vừa khô vừa ngứa là do táo nhiệt ở huyết phận kiêm cả phong tà, bên trong có thể uống ***Trần thị thủ túc quy liệt thang (1)*** để khư phong, lương huyết và hoạt huyết, sát trùng chống ngứa. Bên ngoài có thể chọn dùng các loại ***Ngọc hoàng cao (2), Hồng du cao (3)*** bôi vào nơi đau để nhuận da chống ngứa. Nếu nơi ngứa rỉ nước hoặc nổi nốt chẩn, ngứa gãi cực độ thì dùng ***Thấp độc cao (4)*** để thấm thấp, chống ngứa. Nếu cả hai lòng bàn tay nứt nẻ tê dại, đau nhức không chịu nổi, có khi lòng bàn tay sinh thêm một lớp da trắng nhăn nheo vừa cứng vừa dầy là do Thận yếu, huyết hư phong độc lẫn lộn với thấp nhiệt gây nên. Điều trị theo phép bổ Thận dưỡng huyết, thanh nhiệt giải độc, khư phong chống ngứa, cho uống ***Uyển thị nga trưởng phong phương (5).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Trần thị thủ túc quy liệt thang.

Người cống hiến: Trần Liêu, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Uy linh tiên	15 gam	Trư nha tạo	10 gam
Bạch tiên bì	15 "	Phù bình	10 "
Cương tàm	10 "	Thiền thuế	10 "

Xà sàng tử	15 gam	Địa phu tử	15 gam
Bách bộ	15 "	Sinh Địa hoàng	20 "
Xích thược	12 "	Mẫu đơn bì	10 "
Chế Xuyên ô	10 "	Chế Thảo ô	10 "
Xuyên Cận bì	10 "	Phòng phong	10 "
Đương quy	10 "		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, cũng có thể dùng thuốc trên đem nấu với 2 lít dấm, đợi khi nước thuốc còn ấm thì ngâm tay chân vào nước đó 15 - 20 phút, mỗi ngày ngâm 2 lần. Khi dùng lần thứ 2 lại đem đun nước dấm, đợi lúc thuốc ấm lại ngâm 15 - 20 phút nữa. Nói chung, chỉ vài tuần là khỏi hẳn.

2. Ngọc hoàng cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đương quy	30 gam	Bạch chỉ	9 gam
Khương hoàng	90 "	Cam thảo	30 "
Khinh phấn	6 "	Băng phiến	6 "
Phong lạp	90 - 125 "		

Cách dùng: Đem 4 vị thuốc ở trên ngâm vào trong dầu vừng 3 ngày, sau đó đặt lên bếp lửa đem nấu, chừng nào thuốc khô vàng thì bắc ra, bỏ bã bấy giờ mới bỏ Khinh phấn và Băng phiến vào (nghiền bột sẵn). Cuối cùng thì đổ sáp ong (Phong lạp) vào hoà tan (mùa Hè thì dùng 125 gam, mùa Đông thì dùng 90 gam Phong lạp) trộn đều thành dạng cao để bôi vào nơi đau.

3. Hồng du cao.

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hồng bội	250 gam	Miên tử du	2500 ml
Hoàng lạp	250 - 500 "		

Cách dùng: Trước hết, đem Hồng bội đập thành vụn nhỏ cùng với Miên tử du bỏ vào trong nồi đồng lớn đặt lên lò lửa hoặc trong lò than, nấu cho đến khi Hồng bội có màu quýt vàng thì bắc ra đợi nguội, lấy bã thuốc ra rồi bỏ Hoàng lạp ấm ấm vào (mùa Đông 250 gam, mùa Hè dùng 500 gam) hoà tan bắc ra trộn thành cao.

Cách dùng: Bôi một lượt mỏng, khi sử dụng hãy bôi thử một mảng nhỏ, quan sát nếu không có phản ứng gì, hoặc nếu có phản ứng thì ngừng dùng. Trường hợp á sừng có diện tích lớn thì không được dùng.

Chú ý: Khi chế thuốc cần phải ở nơi rộng rãi, thoáng đãng vì Hồng bội có độc. Khi trộn thuốc hơi độc bốc lên nên tránh ra. Cũng cần chú ý khi dầu quá sôi dễ bị trào phải đề phòng hoả hoạn hoặc bị bỏng.

4. Thấp độc cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thanh đại	150 gam	Thạch cao nung bột	310 gam
Hoàng bá mạt	310 "	Lô cam thạch bột	180 "
Ngũ bội tử	90 "		

Cách dùng: Trước hết, nghiền bột Thanh đại với Hoàng bá rồi mới trộn lẫn 3 vị thuốc khác vào. Hoà thêm vadơlin trộn thành dầu cao 30% để bôi vào nơi đau.

5. Uyển thị nga chưởng phong phương.

Người cống hiến: Uyển Âm Phương, Y sư chủ nhiệm Y viện Triết Lý Mộc Minh, Nội Mông Cổ

Sinh Địa hoàng	20 gam	Thục Địa hoàng	20 gam
Ngưu tất	15 "	Tật lê	15 "
Tri mẫu	10 "	Hoàng bá	10 "
Câu kỷ	15 "	Thỏ ty tử	15 "
Độc hoạt	10 "	Đương quy	25 "
Bạch tiên bì	15 "	Thổ Phục linh	10 "

181. MÓNG TAY KHÔ VÀ DẦY

Móng tay khô dầy từng lớp mất vẻ bóng bẩy, mầu sạm, tục gọi là "Móng tay màu tro", thường kiêm chứng lớp da lòng bàn tay bị tróc, vừa khô vừa ngứa, có thể dùng ***Cố thị hôi chỉ giáp phương*** tẩm vào nơi đau để sơ thông khí huyết, sát trùng chống ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

Cố thị hôi chỉ giáp phương.

Người cống hiến: Cố Bá Hoa, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đại phong tử nhục (đập vỡ) 9 gam

Minh phàn	12 gam	Ngũ gia bì	9 gam
Hoa tiêu	9 "	Yên cao (đập vỡ)	9 "
Tạo giáp	12 "	Thổ cận bì	15 "

Cách dùng: Lấy 15 bông Phượng tiên hoa và dấm ăn từ 500 - 1000 ml, bỏ thuốc vào trong dấm, ngâm một đêm, hôm sau đun sôi, rồi bỏ nước ấy vào nồi gang, đợi lúc ấm để ngâm tay. Ngày thứ nhất ngâm lâu khoảng 8 giờ, sang ngày thứ 2, thứ 4 thì ngâm khoảng 2 giờ.

Chú ý: Tính từ ngày ngâm thuốc đầu tiên, trong vòng 7 ngày không được dùng loại thuốc, nước nào khác để rửa, nếu ở tay có vết nứt thì ngừng ngâm thuốc.

182. MÓNG TAY VÊNH NỨT

Chứng này chỉ riêng móng của hai tay hoặc có khi móng cả hai chân cũng bị vênh nứt rất đau, kiêm chứng mỏi mệt đau lưng, bực dọc khó chịu, môi lưỡi tía tối, phụ nữ hành kinh thường ra hòn cục, đây là do Can uất khí trệ. Thận khí hư tổn, ứ huyết nghẽn trở đường lạc gây nên, điều trị nên dưỡng Can ích Thận, hoạt huyết hoá ứ, cho uống ***Trương thị phiên giáp phương.***

PHỤ PHƯƠNG

Trương thị phiên giáp phương.

Người cống hiến: Trương Học Văn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Thiểm Tây

Hạn liên thảo	15 gam	Sơn thù du	9 gam
Đỗ trọng	15 "	Tang ký sinh	15 "
Đương quy	9 "	Xuyên khung	9 "
Đan sâm	18 "	Xích thược	19 "
Kê huyết đằng	30 "	Sinh Địa hoàng	9 "
Ý dĩ nhân	12 "	Phục linh	12 "

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, đồng thời lại lấy bã thuốc nấu thêm để rửa hai tay.

183. GÓT CHÂN ĐAU NHỨC

Gót chân đau nhức phần nhiều thuộc bệnh biến nội thương, có liên quan đến Thận hư và huyết ứ, biện chứng điều trị nên tham khảo chứng "Tứ chi đau nhức".

Gót chân đau nhức lâu ngày không khỏi, nơi đau không sưng không đỏ hoặc hơi sưng nhẹ, đi nhiều, đứng nhiều thì bệnh tăng, có khi kiêm chứng mỏi lưng, tai ù, chất lưỡi tối sạm, bệnh thuộc Can Thận hư yếu, kiêm cả ứ trệ nên bổ ích Can Thận kèm theo hoạt huyết thông kinh, có thể dùng ***Hồ thị bổ chính tục cốt hoàn xung tế (1)***.

Gót chân đau kéo dài, mó vào càng đau tăng nhưng sau khi đi lại chốc lát lại cảm thấy đỡ đau, Mạch Huyền Sắc, chất lưỡi đỏ tối, đó là ứ huyết ngăn trợ ở đường lạc, cho uống ***Lưu thị đan sâm ngưu tất thang (2)*** để hoá ứ giảm đau. Nếu gót chân đau dữ dội hoặc sưng to ảnh hưởng đi lại, nếu vì hàn lạnh hoặc biến hoá của thời tiết thì đau càng tăng, mạch Sắc Trì, chất lưỡi tía tối, bệnh trình khá dài là do huyết ứ đọng ở đường lạc, không dùng đến phép phá ứ, tan chất rắn, hoạt huyết tiêu sưng thì không thành công, có thể dùng ***Lý thị tam giáp tán kiên hoàn (3)***.

1. Hồ thị bổ chính tục cốt hoàn xung tễ.

Người cống hiến: Hồ Hưng Sơn, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Trạch lan	20 gam	Lưu ký nô	20 gam
Ngưu tất	15 "	Ý dĩ nhân	10 "

Bổ chính tục cốt hoàn (Hà thủ ô, Thỏ ty tử, Lộc nhung, Câu kỷ tử, Tự nhiên đồng nung, Hợp hoan hoa, Trích Sinh khương, Xuyên Tục đoạn, Kê huyết đằng, Hương duyên, Ô tặc cốt).

Cách dùng: Bổ chính tục cốt hoàn 1 viên, dùng những vị thuốc kể trên sắc lấy nước để chiêu với thuốc viên mỗi ngày 2 - 3 lần. Nếu có bệnh sử về cao huyết áp thì nên linh hoạt sử dụng liều lượng, đồng thời có thể phối hợp vật lý liệu pháp để giảm đau nhức.

2. Lưu thị đan sâm ngưu tất thang.

Người cống hiến: Lưu Bảo Hoà, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Hà Bắc

Đan sâm	30 gam	Hoài Ngưu tất	10 gam

3. Lý thị tam giáp tán kiên hoàn.

Người cống hiến: Lý Đình Lai, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông

Trích Miết giáp	12 gam	Chế Quy bản	30 gam
Xuyên sơn giáp sao	9 "	Đương quy	9 "
Xích thược	9 "	Tô mộc	9 "

Đào nhân sao	9 gam	Hồng hoa	9 gam
Huyết kiệt	6 "	Nhẫn đông đằng	60 "
Một dược chế	9 "	Ngưu tất	9 "
Uất kim	9 "	Mộc qua	9 "
Giá trùng	6 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, luyện làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 9 gam ngày 3 lần chiêu với nước chín.

184. NGÓN CHÂN TÍA ĐEN

Ngón chân tía đen là chỉ lớp da ở chu vi ngón chân hoặc sâu vào cơ thịt xuất hiện màu đen, có thể dần dà lan rộng và loét nát chảy ra nước mủ hôi, đau dữ dội, chứng này còn gọi là "Thoát thư".

Ngón chân có màu đen hoặc đỏ sạm, sưng trướng sờ vào mát lạnh nhưng đau nhức cực điểm, đi khập khiễng đó là hàn thấp hạ trú, khí huyết ngưng trệ nên dùng phép ôn thông kinh lạc, tán hàn giảm đau cho uống ***Ôn thông kinh lạc thang (1)***. Nếu kiêm chứng chân tay mát lạnh, mạch ở Phu dương Trầm Thực, hoặc sợ gió, đại tiện lỏng nhão là do hàn thịnh huyết bế thì dùng ***Tiêu ngải tẩy dược (2)*** để xông rửa nơi đau nhằm ôn kinh khư hàn, hoạt huyết khư phong. Bên trong có thể uống ***Thoát chỉ hiệu linh thang số I (3)*** để hoạt huyết thông lạc, ôn Thận tán hàn. Nếu ngón chân có sắc đen và đau kịch liệt, sắp loét nát, kiêm chứng khát nước đau họng, sốt nhẹ là do nhiệt độc huyết ứ, có thể dùng ***Thoát chỉ hiệu linh thang số II (4)*** để hoạt huyết thông lạc, giải độc dẹp cơn đau. Chứng này gặp ở người sau khi đẻ có thể uống ***Giải độc thông mạch thang (5)*** để hoạt huyết hoá ứ, thanh nhiệt giải độc, thông mạch chỉ thống. Nếu nơi sưng đau đã vỡ loét, đau nhức không chịu nổi, nơi bị vỡ nóng rát, chảy ra nước mủ rất hôi, cơ thịt bị nát lớp da ở ngón chân có màu đen là do nhiệt độc, thấp trọc uất trệ khí huyết, điều trị nên thanh

nhiệt giải độc, hoạt huyết hành khí, lợi thấp dẹp cơn đau. Bên trong cho uống ***Thoát chỉ hiệu linh thang số III (6).*** Bên ngoài thì bôi ***Chỉ thống sinh cơ tán (7).*** Nếu kiêm chứng khí hư thì dùng ***Vương thị tứ diệu hiệu linh thang (8)*** để ích khí hoạt huyết, giải độc trừ rít trệ. Thịt loét không loại trừ hết thì có thể dùng ***Đề độc tán (9)*** đắp ra bên ngoài để chống loét nát, hoá ứ và giảm đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ôn kinh thông lạc thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Kê huyết đằng	15 - 20 gam	Hải phong đằng	9 - 15 gam
Ty qua	15 - 30 "	Quỷ kiến sầu	6 - 12 "
Quỷ tiễn võ	15 - 30 "	Lộ lộ thông	9 - 15 "
Quế chi	9 - 15 "	Toàn Đương quy	9 - 15 "
Kỳ ngải	9 - 15 "	Xích Bạch thược	15 - 30 "

2. Tiêu ngải tẩy dược

Người cống hiến: Triệu Thượng Hoa, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Sơn Tây

Xuyên tiêu	Ngải diệp
Quế chi	Phòng phong
Toán biện	Đương quy
Tô mộc	Hồng hoa
Tang chi	Sinh Xuyên ô
Thấu cốt thảo	Huề chi

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc lấy nước để rửa vào nơi đau, ngày 2 - 3 lần, mỗi lần lâu 20 phút. Mỗi thang thuốc dùng được liên tục 3 ngày.

3. Thoát chỉ hiệu linh thang số I

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Huyền sâm	15 gam	Đương quy	15 gam
Xích thược	10 "	Hồng hoa	10 "
Đào nhân	10 "	Chế Phụ phiến	10 "
Can khương	6 "	Ngưu tất	10 "
Quế chi	10 "	Tô mộc	15 "
Đảng sâm	15 "	Sinh Hoàng kỳ	24 "

Phụ: Thoát thư dược tiểu phương: Đại phong tử, Mộc miết tử, Sinh Đại hoàng, Sao Sơn giáp, Cam thảo mỗi vị đều 6 gam, ngâm trong rượu trắng 500 ml.

Cách dùng: Thuốc ngâm vào rượu 3 ngày, mỗi lần uống chút ít, ngày 2 lần để tăng hiệu quả hành huyết thông lạc.

4. Thoát chỉ hiệu linh thang số II

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Đảng sâm	24 gam	Đương quy	24 gam
Xích thực	15 "	Hồng hoa	12 "
Đào nhân	10 "	Kê huyết đằng	24 "
Ngưu tất	10 "	Sinh Hoàng kỳ	24 "

Xuyên luyện tử	15 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Liên kiều	24 "	Bồ công anh	30 "

5. Giải độc thông mạch thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Đào nhân	9 gam	Đại hoàng	6 gam
Thuỷ điệt	6 "	Manh trùng	6 "
Sinh Thạch cao	24 "	Kim ngân hoa đằng	30 "
Mẫu đơn bì	6 "	Liên kiều	15 "
Chi tử	9 "	Hoàng cầm	9 "
Huyền hồ	6 "	Xích thược	6 "

6. Thoát chỉ hiệu linh thang số III

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Huyền sâm	30 gam	Thạch hộc	24 gam
Đương quy	24 "	Xích thược	15 "
Hồng hoa	12 "	Đào nhân	10 "
Sinh Đại hoàng	3 "	Kim ngân hoa	60 "
Bồ công anh	60 "	Liên kiều	30 "
Tử hoa địa đinh	15 "	Dã Cúc hoa	15 "
Ngưu tất	12 "	Sinh Hoàng kỳ	30 "
Đẳng sâm	24 "	Trư linh	10 "
Trạch tả	10 "	Mộc qua	15 "
Phòng kỷ	10 "	Cam thảo	15 "
Xuyên luyện tử	24 "		

7. Chỉ thống sinh cơ tán

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Nhũ hương	3 gam	Một dược	3 gam
Huyết kiệt	12 "	Hổ phách	3 "
Tượng bì	3 "	Nhi trà	3 "
Long cốt	3 "	Chân châu	1,5 "
Băng phiến	3 "	Khinh phấn	2,4 "
Chu sa	3 "	Xạ hương	0,9 "

Cách dùng: Tán bột mịn để rắc ra bên ngoài nơi đau ngày 2 lần.

8. Vương thị tứ diệu hiệu linh thang.

Người cống hiến: Vương Trọng Thanh, Y sư chủ nhiệm thành phố Thiên Thuỷ tỉnh Cam Túc

Hoàng kỳ	15 gam	Đương quy	9 gam
Nhẫn đông đằng	15 "	Nhũ hương	6 "
Một dược	6 "	Quế tâm	3 "
Thổ Phục linh	9 "	Sinh Dĩ nhân	12 "
Bồ công anh	15 "	Cam thảo	3 "

Phương dùng ngoài:

Khô phàn	15 gam	Phong phòng thán	15 gam
Nhi trà	9 "	Não sa	6 "
Bồ hoàng	6 "	Băng phiến	6 "

(Cùng tán bột trộn với dầu vừng hoặc vadơlin như hồ) trước hết rửa nước muối vào vết đau rồi mới bôi thuốc. Mỗi ngày bôi thuốc một lần, chừng nào loét nát liền da kín miệng thì thôi.

9. Đề độc tán.

Người cống hiến: Lăng Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Bắc Kinh

Ngô công (trích)	10 con	Toàn yết (trích)	3 con
Chế Nhũ hương	9 gam	Chế Một dược	9 gam
Thăng đan	3 "		

Cách dùng: Tán bột mịn lấy chút ít rắc trực tiếp vào bề mặt nơi bị loét nát.

185. THẤP KHÍ Ở KẼ NGÓN CHÂN.

Kẽ ngón chân loét nát. chảy ra nước dính và rất ngứa gọi là "Thấp khí ở kẽ ngón chân". Nếu nước dính thấm ra nhiều là thấp tà khá nặng, chủ yếu phải lợi thuỷ thấm thấp. Bên trong thì cho uống ***Kiện Tỳ trừ thấp thang (1).*** Bên ngoài thì rắc ***Khô phàn tán (2)*** hoặc ***Cước khí phấn (3)*** để thấm thấp chống ngứa. Nếu kiêm chứng mồ hôi ở chân ra nhiều thì dùng ***Túc tiên phương (4)*** để ngâm chân nhằm thu liễm và chỉ hãn chống ngứa. Nếu loét nát và ngứa khá nặng thì dùng ***Dương đề căn tán (5)*** sát vào nơi đau để sát trùng, chống ngứa và thu liễm thuỷ thấp. Nếu chu vi loét nát đỏ tươi hoặc sưng trướng chảy ra nước vàng dính, vừa đau vừa ngứa là do thấp nhiệt và trọc độc dồn xuống. Bên trong có thể uống ***Trương thị túc tiên phương (6)*** để thanh nhiệt lợi thấp, giải độc chống ngứa. Bên ngoài thì bôi ***Củng thị nghiệm phương (7)*** để thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng giảm đau.

Chứng này nên luận trị với bệnh "Thấp chẩn ở tay chân".

PHỤ PHƯƠNG

1. Kiện tỳ trừ thấp thang

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Ý dĩ	15 - 30 gam	Sinh Biển đậu	25 - 30 gam
Sơn dược	15 - 30 "	Chỉ xác	9 - 15 "
Tỳ giải	9 - 15 "	Hoàng bá	9 - 15 "

Bạch truật 9 - 15 gam Phục linh 9 - 15 gam
Đại Đậu hoàng quyển 9 - 15 "

2. Khô phàn tán

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Khô phàn	9 gam	Thạch cao nung	9 gam
Đông đan	9 "	Khinh phấn	3 "

Cách dùng: Tán bột mịn, rắc vào nơi đau.

3. Cước khí phấn

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Lục nhất tán 9 gam Khô phàn 3 gam

Cách dùng: Tán bột mịn, rắc vào kẽ chân.

4. Túc tiên phương

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Minh phàn 9 gam Vương bất lưu hành 30 gam

Cách dùng: Mỗi ngày dùng một phần thuốc bột hoà vào nửa chậu nước sôi, nhân lúc nước còn ấm để ngâm tay hoặc chân lâu 15 phút. Mỗi ngày 2 lần, nếu nguội lại đun cho ấm.

5. Dương đề căn tán

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Dương đề căn (Thổ Đại hoàng) 200 gam
Khô phàn 50 "

Cách dùng: Tán bột, rắc trực tiếp, hoặc trộn với dầu thực vật để bôi vào nơi đau.

6. Trương thị cước tiên phương.

Người cống hiến: Trương Sơn Lôi tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh thời cận đại

Sao Xương truật	3 gam	Sinh Ý dĩ	9 gam
Nhân trần	9 "	Bạch tiên bì	9 "
Mẫu đơn bì	4,5 "	Sơn chi tử	9 "
Phúc bì	9 "	Xích linh	9 "
Xuyên bá phiến	4,5 "	Kim ngân hoa	9 "
Hoài Ngưu tất	6 "		

7.Củng thị nghiệm phương.

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Mã đâu linh đằng	30 gam	Kim quả lãm	30 gam
Chương não	9 "		

Cách dùng: Tán bột mịn, ngâm vào 500 ml rượu trắng rồi lấy rượu này để bôi.

186. CHAI CHÂN (Kê nhãn)

Chai chân là chỉ dưới bàn chân sinh kén già, dễ chìm sâu vào trong thịt, bên ngoài thì lồi lên, rất đau, trở ngại việc đi lại. Nguyên nhân bệnh phần nhiều do đi giầy chật lại đi đường xa, hoặc chạy nhẩy ở trên những đường hiểm trở, gập ghềnh gây nên. Bệnh cũng thuộc loại khí huyết không điều hoà ở cục bộ, bên trong có thể dùng ***Hồng thị kê nhãn phương (1)*** để giải độc, điều hoà khí huyết, bên ngoài thì dùng ***Thiên kim tán (2).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Hồng thị kê nhãn phương

Người cống hiến: Hồng Liêu Sanh, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

1 quả trứng vịt vỏ xanh

Lưu hoàng 6 gam

Cách dùng: Khoét 1 lỗ nhỏ ở trứng vịt, bỏ Lưu hoàng vào, thò tăm vào khuấy cho đều, bỏ vào nồi đun, sau khi chín thì ăn. Ăn liên tục 6, 7 quả thì hiệu nghiệm.

2. Thiên kim tán

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nhũ hương	15 gam	Một dược	15 gam
Khinh phấn	15 "	Chu sa	15 "

Bạch bội	15 gam	Xích Thạch chi	15 gam
Ngũ bội tử	15 "	Hùng hoàng	15 "

Xà hàm thạch (chế dấm) 15 gam

Cách dùng: Các vị trên tán bột, bỏ vào lọ để dành để dùng dần. Khi dùng lấy thuốc bột trộn với chút nước mà đắp vào nơi đau, bên ngoài phủ vải gạc và dán băng dính cố định, 3 ngày đổi thuốc một lần.

PHẦN XVI

CHỨNG TRẠNG Ở TIỀN ÂM

Do đặc trưng sinh lý của nam và nữ nên các chứng trạng về tiền âm có chỗ không giống nhau. Chứng trạng ở tiền âm của nữ giới (như Âm đĩnh, ngứa bộ phận sinh dục) sẽ giới thiệu ở mục "Các chứng trạng của phụ khoa". Ở đây chủ yếu giới thiệu các chứng Dương nuy, Dương vật cương cứng không mềm, Tảo tiết, Chứng không phóng tinh, Tiểu tiện đau nhức và Di niệu v.v..

187. TIỂU TIỆN ĐAU BUỐT

Khi tiểu tiện bị đau niệu đạo gọi là "Tiểu tiện đau buốt", tình trạng bệnh có đau buốt, đau rát; đau rít và có đau thắt khác nhau. Chứng này thường gặp trong trường hợp tiểu tiện dầm dề không thông và thường gặp bệnh biến ở các chứng Nhiệt lâm, Cao lâm, Thanh lâm, Lao lâm v.v..

Tiểu tiện gấp vội và đau rít, nước tiểu vàng và nóng rát, bụng dưới đau cấp bách có thể dùng ***Gia vị bát chính tán (1)*** để lợi thuỷ thông lâm. Nếu kiêm chứng đắng miệng, Tâm phiền thì dùng ***Phù dung thanh giải thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thuỷ thông lâm. Nếu trong nước tiểu có lẫn máu, cho uống ***Lưu thị niệu cảm thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thuỷ lương huyết, thông lâm chỉ đau.

Kiêm chứng bụng trướng, nôn mửa hoặc buồn nôn, kém ăn rêu lưỡi trắng nhớt hoặc vàng nhớt thì dùng phương ***Hoá giải độc thông lâm phương (4)*** dùng thuốc phương hượng hoá trọc, thanh nhiệt giải độc và phân lợi thuỷ lâm.

Nếu tiểu tiện rít trệ, đau khá dữ dội là thuộc thấp nhiệt ứ trệ, điều trị theo phép hoá ứ thanh nhiệt lợi thấp. Nếu thiên thắng về ứ thì dùng ***Tiền liệt tuyến thang (5).*** Nếu thấp nhiệt thiên thịnh thì dùng ***Thanh nhiệt lợi thấp hoá ứ thang (6).***

Nếu chứng bệnh tái phát lâu ngày, biểu hiện miệng ráo, họng khô, triều nhiệt Tâm phiền, chất lưỡi tía tối, rêu lưỡi vàng nhớt là

thấp nhiệt làm tổn thương phần âm, hạ tiêu có ứ kết, cho uống ***Tiền liệt tuyến viêm phiến (7)*** để tư âm ích Thận hoá ứ tán kết.

Tiểu tiện đau rít lâu ngày rỏ giọt không thông, kiêm chứng mỏi mệt biếng nói, kém ăn, mỏi lưng, là do thấp nhiệt tổn thương đến khí của Tỳ Thận cho uống ***Phòng thị trị bản phương (8)*** để bổ Thận kiện Tỳ, hoạt huyết lợi thấp. Nếu ứ trệ không nặng lắm thì dùng ***Sâm linh lục hoàng thang (9)*** để ích khí giải độc, lợi thấp tiêu ứ. Nếu bệnh thiên về dương hư, thuỷ thấp không hoá được, có triệu chứng tiểu tiện rít, khó bài tiết nhưng đau không nặng lắm, kèm theo tay chân không ấm, mỏi mệt, đau lưng, cho uống ***Phòng thị trị tiêu phương (10)*** để hoá trọc, lợi thuỷ, ôn Thận tán hàn. Nếu tiểu tiện đau rít khó bài tiết và tiểu tiện ra huyết v.v.. tái phát kéo dài, kiêm chứng gầy còm sốt nhẹ, chất lưỡi đỏ, sờ tay vào bụng dưới thấy có khối rắn, sắc mặt sạm là do thấp nhiệt uất tích lâu ngày, khí âm đã tổn thương, huyết lưu thông bị ứ nghẽn, có thể dùng ***Trần thị Bàng quang thống nghiệm phương (11)*** để giải độc; lợi thấp, thông lâm, hoạt huyết, tiêu ứ và lương huyết, tán kết phù chính làm mềm chất rắn.

Tiểu tiện khó khăn, đau không chịu nổi, bài tiết bị ngắt quãng, bụng dưới cấp bách, tiểu tiện vàng vẩn đục, hoặc ra cả cát sỏi gọi là Thạch lâm, có thể cho dùng ***Hoá thạch phương (12), Kim phách tiêu thạch tán (13)*** để làm tan sỏi và thông lâm. Nếu có triệu chứng nhiệt, niệu đạo nóng rát, nước tiểu cũng nóng, miệng đắng Tâm phiền, lưỡi đỏ cho uống ***Tam kim bài thạch thang (14)*** để thanh nhiệt thông lâm trừ sỏi. Nếu có hiện tượng ứ trệ, chất lưỡi tía tối, bụng dưới cấp bách và đau khá nặng là do sỏi với ứ nhiệt câu kết. Nếu thiên về nhiệt thì dùng ***Lý thị hổ kim***

thông lâm bài thạch thang (15) để thanh nhiệt thông lâm hoá ứ tiêu sỏi. Nếu nghiêng về ứ hoặc kết thành sỏi thì dùng ***Hoá ứ bài thạch thang (16)*** để hoạt huyết hoá ứ, tan kết mềm chất rắn, tiêu sỏi và thanh nhiệt.

Chứng ứ kết kiêm cả đoản hơi mỏi mệt, tiểu tiện khó khăn, nước tiểu vàng và nóng rát, nhưng đau không nặng lắm, bệnh tình tái phát nhiều ngày, mặt sạm lưỡi tía v.v... thì uống ***Vương thị bài thạch thang (17)*** để ích khí hoạt huyết trừ sỏi thông lâm.

Bệnh chứng Thạch lâm lâu ngày, tái phát liên miên, chân tay không ấm, tiểu tiện trong dài hoặc tiểu tiện đau và rít, lâm ly không dứt là do dương hư khí hoá mất chức năng, phép trị nên ôn bổ Thận dương, hoá ứ trừ sỏi, cho uống ***Mể thị hoạt quỳ Thận khí thang (18).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị bát chính tán

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện hữu nghị Trung Nhật Bắc Kinh

Mộc thông	9 gam	Xa tiền tử	9 gam
Biển xúc	9 "	Đại hoàng	9 "
Hoạt thạch	15 "	Cam thảo xảo	9 "
Cù mạch	9 "	Chi tử	9 "
Sài hồ	30 "	Hoàng bá	15 "

Gia giảm: Đau buốt nhiều thì nuốt thêm 3 gam bột Hổ phách.

2. Phù dung thanh giải thang

Người cống hiến: Lý Đan Sơ, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hà Bắc

Phù dung hoa	15 gam	Nhẫn đông đằng	20 gam
Bồ công anh	20 "	Bản lam căn	15 "
Tử hoa địa đinh	15 "	Xa tiền thảo	15 "
Trạch tả	15 "	Hoàng bá	15 "
Mộc thông	10 "	Biển xúc	15 "
Liên kiều	12 "		

Gia giảm: Nếu tiểu tiện đau và rít, dùng Phù dung hoa liều cao. Trong nước tiểu có nhiều hồng cầu, gia Mẫu đơn bì và Sinh Địa hoàng liều cao, Sinh địa du để lương huyết giải độc. Kiêm chứng hậu của Thái dương, trong bài thuốc gia Sài hồ, Thạch cao. Nếu Bàng quang thấp nhiệt rõ rệt dùng Nhẫn đông đằng liều cao và gia Liên kiều, Hoàng bá. Nếu Tâm phiền khát nước, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế Sác có thể uống phối hợp với Đạo xích tán để thanh Tâm tiết nhiệt.

3. Lưu thị niệu cảm thang.

Người cống hiến: Lưu Bảo Hậu, Giáo sư
Y học viện Lan Châu

Xa tiền thảo	30 gam	Biển xúc	30 gam
Bại tương thảo	25 "	Thổ Phục linh	25 "
Ý dĩ nhân	15 "	Ích trí nhân	10 "
Chi tử	10 "	Cam thảo xảo	3 "

Gia giảm: Nếu ố hoàn phát nhiệt thì gia Sài hồ, Áp trích thảo. Tiểu tiện đau buốt gia Hải kim sa. Tiểu tiện ra máu gia Bạch mao căn, Tiểu kế. Tiểu tiện vẩn đục gia Tỳ giải, Xương bồ.

4. Hoá giải độc thông lâm phương.

Người cống hiến: Diêu Chính Bình, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Đương quy	12 gam	Liên kiều	9 gam
Xích Tiểu đậu	30 "	Bồ công anh	15 "
Hoắc hương	9 "	Bội lan	12 "
Biển xúc	30 "	Tri mẫu sao	12 "
Hoàng bá sao	12 "	Bại tương thảo	30 "
Thạch vi	30 "	Hoạt thạch	18 "
Cam thảo	3 "	Ích trí nhân	12 "
Xuyên Tỳ giải	15 "	Ô dược	9 "

5. Tiền liệt tuyến thang.

Người cống hiến: Lưu Hiến Phường, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đan sâm	9 gam	Trạch lan	9 gam
Đào nhân	9 "	Hồng hoa	9 "
Vương bất lưu hành	9 "	Thanh bì	9 "
Bạch chỉ	9 "	Nhũ hương chế	9 "
Một dược chế	9 "	Xuyên luyện tử	9 "
Tiểu Hồi hương	9 "	Bại tương thảo	15 "
Bồ công anh	15 "		

6. Thanh nhiệt lợi thấp hoá ứ thang.

Người cống hiến: Thiệu Kinh Minh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Bồ công anh	30 gam	Kim ngân hoa	20 gam
Liên kiều	15 "	Hoạt thạch	15 "

Phục linh	15 gam	Xa tiền tử	15 gam
Liên tu	12 "	Đương quy	12 "
Xích thược	12 "	Bại tương thảo	15 "
Đan sâm	20 "	Xuyên sơn giáp	9 "
Cam thảo	6 "	Vương bất lưu hành	15 "

Gia giảm: Nếu chính khí bất túc có thể dùng Hoá ứ nhuyễn kiên cố khí thang mà điều trị (Đương quy, Xuyên khung, Xích thược, Đan sâm, Sơn giáp sao, Vương bất lưu hành, Phục linh, Bại tương thảo, Cam thảo). Sắc cho uống từ từ.

7. Tiền liệt tuyến viêm phiến.

Người cống hiến: Lý Nhật Khánh, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Ngư tinh thảo	15 gam	Xa tiền thảo	15 gam
Phượng vĩ thảo	15 "	Thổ Phục linh	15 "
Tỳ giải	12 "	Nhục thung dung	12 "
Đan sâm	12 "	Ích mẫu thảo	12 "
Xuyên luyện tử	12 "	Nga truật	12 "
Mẫu đơn bì	12 "	Lậu lô	10 "
Nữ trinh tử	10 "	Mạch môn đông	10 "
Cam thảo	8 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc rồi chế thành dạng viên dẹt, mỗi viên có hàm lượng thuốc 1,4 gam, mỗi lần uống 8 viên, ngày 3 lần chiêu với nước chín.

8. Phòng thị trị bản phương.

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Thỏ ty tử	15 gam	Câu kỷ tử	15 gam
Khiếm thực	12 "	Sơn dược	12 "
Phục linh	12 "	Sơn thù	12 "
Trư linh	10 "	Trạch tả	10 "
Biển xúc	10 "	Ngưu tất	10 "
Quy vĩ	10 "	Xa tiền tử	10 "
Lục nhất tán	18 "		

9. Sâm linh lục hoàng thang.

Người cống hiến: Phương Dược Trung, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Sinh Địa hoàng	15 "	Phục linh	15 "
Xa tiền tử	15 "	Hoàng liên	10 "
Bồ hoàng	10 "	Hoàng bá	10 "
Hoàng tinh	10 "	Ngưu tất	12 "

10. Phòng thị trị tiêu phương.

Người cống hiến: Phòng Chí Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Bạch giới tử	10 gam	Nhục quế	10 gam
Trư linh	10 "	Xa tiền tử	10 "
Cù mạch	10 "	Thạch vi	10 "
Biển xúc	10 "	Ngưu tất	10 "
Hổ phách	2,4 "	Xuyên luyện tử	15 "

11. Trần thị Bàng quang thống nghiệm phương.

Người cống hiến: Trần Diên Xương, Y sư chủ nhiệm Y viện U bướu tỉnh Hà Bắc

Bạch mao căn	20 gam	Bạch hoa xà thiệt thảo	30 gam
Thạch vi	10 "	Cù mạch	15 "
Biển xúc	10 "	Trư linh	15 "
Xuyên Ngưu tất	15 "	Tiên hạc thảo	30 "
Bạch anh	40 "	Long quỳ	30 "
Xà mai	15 "	Khổ sâm	20 "
Hỷ thụ quả	30 "	Đại kế	15 "
Tiểu kế	15 "	Tiêu Sơn tra	15 "
Thần khúc	15 "	Chỉ xác	10 "
Sinh Hoàng kỳ	20 "	Nữ trinh tử	20 "
Hồng hoa	20 "		

12. Hoá thạch phương

Người cống hiến: Ngô Nhất Uyên, Y sư chủ nhiệm Phân viện trường Tín Dương vệ sinh tỉnh Hồ Nam

Ngư não thạch	500 gam	Hổ phách	150 gam
Tiêu thạch	100 "		

Cách dùng: Đem Ngư não thạch sao kỹ, đập vụn cùng với 2 vị thuốc khác nghiền bột, mỗi lần dùng 3 đến 4 gam, ngày uống 3 lần, hoặc dùng Kim tiền thảo 50 gam sắc lấy nước để chiêu với thuốc, khi uống hoà thêm 1 thìa đường trắng và 1 thìa dấm ăn khuấy đều rồi cho uống.

13. Kim phách tiêu thạch tán.

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Hải kim sa	100 gam	Tô Hổ phách	40 gam
Mang tiêu	100 "	Bằng sa	20 "

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột đổ vào lọ để dùng, mỗi ngày chiêu thuốc 3 lần, mỗi lần 5 đến 10 gam, chiêu với nước chín.

14. Tam kim bài thạch thang

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Hữu nghị Trung Nhật, Bắc Kinh

Hải kim sa	60 gam	Kim tiền thảo	60 gam
Kê nội kim	12 "	Thạch vi	12 "
Đông quỳ tử	9 "	Tiêu thạch	15 "
Xa tiền tử	15 "		

Gia giảm: Tiểu ra sỏi không hết có thể thêm Ngư não thạch (nung) 30 gam để tăng cường tác dụng tống sỏi ra ngoài.

15. Lý thị hổ kim thông lâm bài thạch thang.

Người cống hiến: Lý Hưng Bối, Y sư chủ nhiệm
Y học viện Tân Cương

Hổ phách	6 - 9 gam	Hải kim sa	9 gam
Kim tiền thảo	30 - 90 "	Hoạt thạch	18 "
Cù mạch	9 - 15 "	Mộc thông	9 - 15 "
Biển xúc	9 - 15 "	Xa tiền tử	9 - 15 "
Trư linh	9 - 15 "	Phục linh	9 - 15 "

Trạch tả	9 - 15 gam	Xuyên Ngưu tất	10 gam
Cam thảo xảo	3 "		

Cách dùng: Khi sử dụng bài thuốc này thì đồng thời hơi gập 5 đầu ngón tay vào lòng bàn tay, từ trên đưa tay xuống dưới đập mạnh vào một bên lưng và vùng bụng (lấy khả năng chịu đựng được làm mức độ). Sau khi uống thuốc 15 phút, uống nước chè nóng pha đường khoảng 500,- 1000 ml. Sau khi uống được nửa giờ thì chạy nhảy chừng 15 - 30 phút đợi khi nào có ý thức mót tiểu cực mạnh bấy giờ dùng sức đột ngột để đi tiểu vào trong một cái ống hứng đờm để quan sát xem có sỏi ra hay không.

Gia giảm: Thể trạng khí hư nên phối hợp với Tứ quân tử thang gia Hoàng kỳ. Thể trạng huyết hư nên phối hợp với Tứ vật thang. Thể trạng khí trệ, huyết ứ thì gia Trần bì, Mộc hương, Nga truật, Giác trâu, Tạo thích.

16. Hoá ứ bài thạch thang

Người cống hiến: Lưu Mặc Phường, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Xích thược	Xuyên Ngưu tất
Nhũ hương	Một dược
Tam lăng	Nga truật
Đào nhân	Xuyên sơn giáp
Tạo giác thích	Bạch chỉ
Chỉ xác	Hậu phác
Thanh bì	Kim tiền thảo
Xa tiền tử	Sinh dĩ mễ

17. Vương thị bài thạch thang.

Người cống hiến: Vương Tám Xuân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Hồn Giang tỉnh Cát Lâm

Đẳng sâm	30 gam	Kim tiền thảo	40 gam
Hải kim sa	20 "	Hoạt thạch	15 "
Mộc thông	15 "	Huyền hồ	15 "
Xuyên luyện tử	15 "	Xa tiền tử	10 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc lấy nước chia 2 lần uống, mỗi lần uống 300 ml.

18. Mễ thị hoạt quỳ Thận khí thang.

Người cống hiến: Mễ Bá Nhượng, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Thiểm Tây

Hoạt thạch	35 gam	Đông quỳ tử	17,5 gam
Thục Địa hoàng	28 "	Phục linh	10,5 "
Sơn thù nhục	14 "	Mẫu đơn bì	10,5 "
Sơn dược	14 "	Trạch tả	10,5 "
Phụ phiến	3,5 "	Nhục quế	3,5 "

Cách dùng: Mỗi thang sắc với 700 ml nước, đun to lửa cho sôi, sau đó đun nhỏ lửa chừng 40 phút lọc lấy 200 ml nước đặc rồi lại đổ 400 ml nước đun lần thứ 2, cạn lấy 200 ml. Ngày 2 lần sáng và tối uống trước bữa ăn, uống thuốc lúc ấm mỗi ngày 1 thang.

188. TIỂU TIỆN VẨN ĐỤC

Nước tiểu vẩn đục không trong, khi bài tiết thường không có cảm giác đau gọi là chứng "Tiểu tiện vẩn đục". Gọi tắt là "Niệu trọc".

Tiểu tiện vẩn đục như nước vo gạo, có khi tiểu tiện vàng xen đỏ mà vẩn đục không trong, kiêm chứng đi tiểu vặt nhiều lần, ngắn bãi. Khi bài tiết nước tiểu thì có cảm giác nóng rát hoặc đau là do thấp nhiệt úng trệ ở phía dưới, khí huyết mất sự điều hoà. Phép trị phải thanh nhiệt lợi thấp đồng thời với tiêu ứ và thông lợi. Nếu thiên về thấp nhiệt có thể dùng ***Thông lâm hoá trọc phương (1)*** để thanh nhiệt lợi thấp, tán ứ hoá trọc. Nếu thiên về ứ trệ thì cho uống ***Trình thị khải bế thang (2)*** để hoá ứ tán kết thanh nhiệt lợi thấp. Thấp nhiệt với ứ nghẽn đều thịnh thì dùng ***Thổ thị Thận tiền khang ẩm (3)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết trừ thấp. Nếu kiêm chứng lưng đùi mỏi, tai ù yếu sức là do thấp nhiệt ứ tích, thận tinh sút kém, nếu nghiêng về Thận hư cho uống ***Khổ sâm lâm trọc thang (4)*** để ích Thận dưỡng tinh, hoá thấp thanh nhiệt, kiêm cả hành khí hoá ứ. Nếu thiên về thấp trọc ứ tích có thể dùng ***Từ thị Tỳ giải thang (5)*** để thanh lợi thấp nhiệt, bổ Thận tiêu thấp kèm theo trừ ứ.

Nếu tiểu tiện vẩn đục lâu ngày không khỏi, hoặc trong nước tiểu có chất trơn nhớt như mỡ, niệu đạo nóng rát và đau rít, thể

trạng gầy còm, choáng đầu mỏi lưng dằng dai mãi không khỏi là thuộc Tỳ Vị khí hư, thấp và hoả đều dồn xuống dưới, cho uống ***Gia giảm Bổ trung ích khí thang (6)*** để bổ trung khí mạnh Tỳ Vị, phân biệt trong đục. Chứng nói trên nếu thiên về thấp nhiệt thì phần nhiều kiêm cả tiểu tiện lẫn máu dầm dề đau buốt. Điều trị theo phép ích khí kiện Tỳ, phân thanh và thông lâm, cho uống ***Ích khí kiện Tỳ phân thanh thang (7).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Thông lâm hoá trọc phương.

Người cống hiến: Sài Bành Niên, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Tỳ giải	15 gam	Thạch xương bồ	15 gam
Xuyên Hoàng bá	15 "	Bạch hoa xà thiệt thảo	30 "
Thạch vi	15 "	Thổ Bối mẫu	10 "
Mã bột	5 "	Hoài Ngưu tất	10 "
Yết vĩ	1 "		

(nghiền bột hoà vào nước thuốc để uống, cũng có thể dùng Toàn yết 5 gam cho vào thang thuốc sắc).

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm vào trong nước sạch 30 phút lại đem đun 30 phút, mỗi thang đun 2 nước, trộn 2 nước thuốc vào nhau, chia làm 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Chú ý: Yết vĩ có công dụng hoá ứ thông lạc giảm đau và len lỏi toàn thân rất mạnh, cho nên người cao tuổi dùng phải cẩn thận.

2. Trình thị khải bế thang

Người cống hiến: Trình Diệc Thành, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân Y viện thành phố Hoàng Sơn tỉnh An Huy

Nhũ hương chế	10 gam	Một dược chế	10 gam
Đào nhân	10 "	Xích thược	10 "
Bạch Phục linh	10 "	Hoạt thạch	10 "
Thông thảo	4 "	Sinh Ý dĩ	10 "
Xuyên Hoàng bá	10 "	Hổ phách (bột)	2 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 2 nước, cách 4 đến 10 giờ uống 1 lần, khi uống thì nuốt bột Hổ phách với thuốc, vị này thường dính vào niêm mạc ở khoang miệng, rất khó hoà tan, vì vậy có thể trộn vào với mật để cho uống, hoặc có thể đổ bột Hổ phách vào trong viên nang để uống theo với nước thuốc sắc càng tốt.

Gia giảm: Vì bệnh ở Niệu đạo hay tái phát hoặc nước tiểu ứ đọng ở Niệu đạo làm cho Niệu quản khó chịu thì gia sinh Cam thảo xảo 3 gam. Nếu trong Niệu đạo đau buốt, thậm chí đau lan toả tới bụng dưới thì gia Xa tiền thảo 30 gam, Thạch vi 15 gam. Sắc mặt trắng nhợt, tinh thần khiếp nhược có triệu chứng thuộc khí hư có thể linh hoạt gia Sinh Hoàng kỳ 15 - 30 gam để ích khí hoá ứ. Nếu sau khi uống phương này 3 - 5 gam mà tiểu tiện vẫn chưa thông thì gia Thổ cẩu một đôi, Hồng hoa 10 gam để tăng cường sức hoá ứ. Tiểu tiện rỏ giọt sắc đỏ có cảm giác nóng rát gia Tri mẫu 10 gam để thanh nhiệt.

3. Thổ thị Thận tiền khang ẩm.

Người cống hiến: Thổ Vinh Hoa, Y sư Phó chủ nhiệm
Trường bồi dưỡng cán bộ y tế huyện Thiên Quan, tỉnh Sơn Tây

Đại hoàng	5 gam	Hồng hoa	5 gam
Bạch truật	5 "	Khiếm thực	10 "
Mẫu lệ	10 "	Ngư tinh thảo	10 "
Xa tiền tử	15 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước, ngày uống 1 thang, 10 thang là 1 đợt điều trị. Nói chung chỉ cần 3 đợt điều trị là khỏi bệnh.

4. Khổ sâm lâm trọc thang.

Người cống hiến: Lý Tế Nhân, Giáo sư
Y học viện Cán Nam

Khổ sâm	15 - 30 gam	Hoài sơn	20 - 60 gam
Thục Địa hoàng	15 "	Sơn thù	15 "
Bào sơn giáp	9 "	Xuyên Tỳ giải	12 "
Thạch xương bồ	12 "	Ích trí nhân	12 "

Gia giảm: Nước tiểu vẩn đục như cao, thậm chí như nước mũi, khi đi tiểu đau rít dùng bài thuốc trên gia Xích linh, Thạch vi để lợi thuỷ thông lâm. Nước tiểu thấy sắc đỏ giống như keo như hồ dầm dề đau rít khó chịu gia Bạch mao căn, Sao Bồ hoàng, bột Hổ phách để lương huyết trừ ứ. Tiểu tiện vẩn đục sắc trắng như nước vo gạo dùng đơn thuốc trên, trọng dụng Tỳ giải lại dùng Long cốt nung để phân thanh, cố sáp đạt được mục đích bền âm và cố tinh.

5. Từ thị Tỳ giải thang.

Người cống hiến: Từ Phúc Tùng, Phó giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Tỳ giải	10 gam	Thỏ ty tử	10 gam
Vân Phục linh	10 "	Hoài sơn dược	10 "
Thạch xương bồ	2 "	Đan sâm	10 "
Trạch tả	10 "	Mẫu lệ (nung)	20 "
Sa uyển tử	10 "	Hoàng bá	6 "
Xa tiền tử	10 "	Cam thảo xảo	2 "

6. Gia giảm Bổ trung ích khí thang.

Người cống hiến: Nhan Đức Hinh, Giáo sư Y học viện Đường sắt Thượng Hải

Mộc miết tử	Thăng ma
Đảng sâm	Hoàng kỳ
Cam thảo (trích)	Đương quy
Trần bì	

7. Ích khí kiện Tỳ phân thanh thang.

Người cống hiến: Hoàng Dịch Khanh, Y sư Phó chủ nhiệm Y viện số 2, thành phố Hạ Môn tỉnh Phúc Kiến

Hoài sơn dược	15 gam	Phục linh	15 gam
Khiếm thực	15 "	Thạch Liên tử	30 "
Đẳng sâm	15 "	Hoàng kỳ	15 "
Mạch tuệ quảng	30 "	Đại kế	15 "
Tiểu kế	15 "		

189. TIỂU TIỆN NHIỀU LẦN (Đái vặt)

Chứng này chỉ tiểu tiện đi nhiều lần rõ rệt, thậm chí có ngày tới hơn 10 lần trở lên: Nói chung lượng tiểu tiện bài tiết quá mức bình thường, thường có thể do lượng tiểu tiện tăng lên mà có các chứng khát nước, thích uống v.v.. Còn một loại ban đêm đi tiểu tiện nhiều lần không nằm trong mục này, xin tham khảo ở mục khác.

Tiểu tiện nhiều lần trong và đầy bãi, có khi kiêm cả di niệu, đầu choáng, tai ù, lưng gối yếu mỏi, chất lưỡi nhạt, mạch Trầm Tế nhược là do Thận hư không bền, cho uống ***Lâm thị tang phiêu xúc tuyền ẩm (1)*** để bổ Thận khí, sáp tiểu tiện. Người cao tuổi mắc chứng này cố thể dùng ***Ngô thị xúc tuyền ẩm chỉ di phương (2)*** để bổ Thận chống di niệu. Nếu kiêm chứng sắc mặt nhợt, đầu, chân tay không ấm là do dương hư, hoả yếu ớt, cho uống ***Mã thị ích khí phù dương ẩm (3)*** để bổ Thận phù dương ích khí.

Ban đêm tiểu tiện nhiều lần, nóng rát sợ lạnh, miệng khô lại không muốn uống nước, chất lưỡi tía tối, mạch Hư Phù, nếu là phụ nữ thì lượng kinh nguyệt ít, đó là do Thận khí hư kém, lại kiêm có ứ nhiệt, cho uống ***Chu thị dạ niệu tân đa phương (4).***

Tiểu tiện vặt nhiều lần, bụng dưới nặng trệ thúc bách, cảm thấy như không đái nổi, về chiều nặng hơn. Hoặc miệng khát tiểu tiện vàng là Thận hư âm suy, thấp nhiệt uất tụ, điều trị theo

phép tư âm ích Thận, thông quang tiết trọc, thông lợi thấp nhiệt, cho uống ***Tư Thận tiết trọc thang (5).***

Tiểu tiện nhiều lần, lượng nước tiểu cũng nhiều, miệng khát thích uống nước. Tâm phiền, đoản hơi hoặc hồi hộp, họng khô, hoặc nước tiểu vàng, hoặc sốt nhẹ mỏi mệt, là thuộc khí âm đều hư, thuỷ đạo mất sự ức chế, cho uống ***Trần thị niệu băng chứng đặc hiệu phương (6)*** để ích khí dưỡng âm thanh nhiệt và thu liễm.

PHỤ PHƯƠNG

1. Lâm thị tang phiêu xúc tuyền ẩm.

Người cống hiến: Lâm Tinh Viễn, Y sư Phó chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Sán Đầu tỉnh Quảng Đông

Tang phiêu tiêu	30 gam	Ích trí nhân	15 gam
Hoài sơn dược	30 "		

2. Ngô thị xúc tuyền ẩm chỉ di phương.

Người cống hiến: Ngô Hàm Băng, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Đại Liên

Thỏ ty tử	15 gam	Tang phiêu tiêu	15 gam

3. Mã thị ích khí phù dương ẩm.

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Thục Địa hoàng	20 gam	Hoài sơn dược (sao)	20 gam
Phúc bồn tử	15 "	Ba kích thiên	15 "
Thỏ ty tử	15 "	Sơn thù du	15 "

Ngũ vi tử	10 gam	Phụ tử (chế)	8 gam
Sinh Hoàng kỳ	25 "	Sa nhân	5 "

4. Chu thị dạ niệu tần đa phương.

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Xích thược	30 gam	Hoàng kỳ (trích)	15 gam
Ba kích thiên	15 "	Phòng phong	15 "
Địa cốt bì	15 "	Kim anh tử	40 "
Đào nhân	10 "		

Sâm quế lộc nhung hoàn 60 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc cho uống ấm từ từ, riêng Sâm quế lộc nhung hoàn mỗi ngày uống 5 lần, mỗi lần uống 1 gam chiêu với nước thuốc sắc.

5. Tư Thận tiết trọc thang.

Người cống hiến: Kim Đông Thần, Y sư Phó chủ nhiệm Y viện xí nghiệp dệt khu vực Đức Châu tỉnh Sơn Đông

Xuyên luyện tử	6 gam	Đương quy	9 gam
Sinh Địa hoàng	20 "	Câu kỷ	9 "
Sa sâm	9 "	Mạch môn đông	9 "
Tri mẫu	9 "	Hoàng bá	9 "
Nhục quế	3 "	Tỳ giải	20 "
Bạch mao căn	30 "	Kim tiền thảo	30 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, uống lúc ấm, cần tránh mệt nhọc cáu giận.

Gia giảm: Tiểu tiện đau buốt gia Cam thảo 9 gam, Hoạt thạch 30 gam, Hải kim sa 30 gam, bỏ Tri mẫu, Hoàng bá, Nhục quế. Đau lưng thuộc nhiệt gia Nữ trinh tử 20 gam. Đau lưng thuộc hư gia Thỏ ty tử 20 gam. Kém ăn gia Kê nội kim 9 gam, Phật thủ 6 gam, Mạch nha 15 gam. Tiểu tiện ra huyết gia Xích thược 15 gam, Mẫu đơn bì 9 gam, Tiểu kế 30 gam, Hạn liên thảo 15 gam, Đại hoàng 9 gam.

6. Trần thị niệu băng chứng đặc hiệu phương.

Người cống hiến: Trần Niệm Chân, Lão Trung y
Sở nghiên cứu Trung y Tây Hồ thành phố Hàng Châu

Sinh Thạch cao	120 gam	Tri mẫu	12 gam
Tang phiêu tiêu	30 "	Sinh Thủ ô	30 "
Thiên hoa phấn	30 "	Thông thiên thảo	60 "
Sinh Sái sâm	6 "	Mạch môn đông	30 "
Bắc Ngũ vị	6 "	Ô mai thảo	6 "
Địa cốt bì	30 "	Sinh Cam thảo	6 "

190. TIỂU TIỆN RA MÁU

Tiểu tiện ra có lẫn huyết hoặc chỉ đơn thuần là huyết gọi là "Niệu huyết" - tức là tiểu tiện ra máu. Niệu huyết mà sắc đỏ tươi, nước tiểu nóng rát, Tâm phiền khát nước, nên theo phép thanh nhiệt lương huyết, chỉ huyết; nhẹ thì dùng ***Đổng thị huyết niệu nghiệm phương (1),*** nặng thì dùng ***Thanh nhiệt lương huyết thang (2).*** Kiêm chứng họng khô hay uống nước là do huyết nhiệt thương âm cho uống ***Huyết dư mao căn thang (3)*** để thanh nhiệt dưỡng âm lương huyết, chỉ huyết. Nặng hơn thì uống ***Trương thị Thận lục phương (4), Niệu huyết nghiệm phương (5)*** để dưỡng âm lương huyết, chỉ huyết thanh nhiệt.

Phần âm tổn thương lại kiêm cả thấp nhiệt có thể dùng ***Tưởng thị trị niệu huyết phương (6)*** để lợi thuỷ thanh nhiệt, dưỡng âm chỉ huyết. Nếu tiểu tiện dầm dề và đau rít, trong nước tiểu có lẫn máu hoặc nước tiểu vàng nóng rát có thể dùng ***Lưu thị niệu cảm thang (7)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thấp thông lâm. Nếu tổn thương âm phần thì uống ***Củng thị niệu huyết linh (8)*** để thanh nhiệt lương huyết, chỉ huyết thông lâm. Nếu kiêm chứng đại tiện khô kết cho uống ***Gia giảm bát chính tán (9)*** để thanh nhiệt thông tiện, lương huyết chỉ huyết.

Tiểu tiện ra huyết nước đỏ tươi, lượng nhiều hoặc lượng ít, kiêm chứng nước tiểu vàng, mỏi lưng, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt động đến huyết, phần âm đã tổn thương, có thể uống

Túc thị thanh hoá ẩm (10) để tư Thận âm, thanh thấp nhiệt, lương huyết chỉ huyết.

Nếu kiêm chứng họng khô, hư phiền không ngủ được, lưng đùi yếu mỏi và triều nhiệt là âm hư hoả vượng, nên dùng phép tư âm lương huyết chỉ huyết, bệnh nhẹ thì uống ban ***Gia vị tề thái hoa thang (11)*** để thanh nhiệt lợi thấp dưỡng âm, lương huyết, chỉ huyết. Bệnh nặng thì dùng ***Lý thị lương huyết tư âm phương (12)*** để tư âm lương huyết. Nếu kiêm chứng mỏi lưng thì dùng ***Thận nhất phương (13)*** để giải độc lương huyết cố Thận. Nếu âm hư hoả vượng, sau khi các chứng niệu huyết đã lui, có thể dùng ***Quách thị dưỡng âm thanh nhiệt phương (14)*** để củng cố.

Tiểu tiện rít, ngắn kèm ra máu, sắc huyết đỏ sạm hoặc có lúc ra cả cục huyết, bụng dưới căng cứng hoặc trướng đầy, mạch Sắc là do ứ huyết nghẽn trở niệu khổng, kiêm cả chứng tiểu tiện dầm dề đau rít có thể dùng ***Túc thị gia vị bổ thán tán (15)*** để hoá ứ chỉ huyết, thông lâm, lợi khiếu. Nếu như kiêm cả chứng đại tiện khô kết, tiểu tiện đau buốt thì uống ***Trương thị Thận thất phương (16)*** để tiết nhiệt trục ứ, chỉ huyết lương huyết. Kiêm chứng mỏi lưng, yếu sức, họng khô, tiểu tiện vàng mà nóng rát, khó lưu thông, cho uống ***Tư Thận hoá ứ thanh lợi phương (17)*** để tư Thận dưỡng âm, hoạt huyết hoá ứ, thanh nhiệt lương huyết, và lợi thấp chỉ huyết. Nếu kiêm chứng mỏi mệt đoản hơi, họng ráo miệng khô, lưng đùi yếu mỏi bệnh tình hay tái phát thì dùng ***Trương thị Thận bát phương (18)*** để ích khí tư Thận, cố nhiếp chỉ huyết kiêm cả tán ứ.

Niệu huyết kiêm cả chứng sợ gió, họng đỏ khát nước, phù thũng ngoài da nổi nốt như sởi, cho uống ***Gia giảm phòng phong thông thánh tán (19)*** để giải biểu, thanh lý hoà huyết. Nếu kiêm chứng sợ gió, toàn thân đau nhức, sốt nhẹ, mỏi lưng, miệng khô họng ráo, tiểu tiện xẻn đỏ, có thể dùng ***Gia giảm thanh cao miết giáp thang (20)*** để tuyên Phế, lợi thuỷ, dục âm thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết.

Chứng niệu huyết đã lâu ngày, sắc huyết đỏ nhạt, đôi khi đỏ tươi, kiêm chứng sắc mặt vàng bủng, kiêm chứng mỏi mệt, chân tay rã rời, đoản hơi yếu sức, kém ăn, đại tiện nhão, đó là trung hư Tỳ yếu cho uống ***Trương thị bổ khí chỉ huyết phương (21)*** để kiện Tỳ ích khí lương huyết, chỉ huyết. Kiêm chứng họng khô sốt nhẹ, mỏi mệt yếu sức, hồi hộp mất ngủ, niệu huyết đỏ tươi, cho uống ***Ích âm chỉ huyết thang (22)*** để tư âm ích khí, thanh nhiệt lương huyết, bổ huyết chỉ huyết. Kiêm chứng niệu huyết ra hòn cục là do khí hư huyết ứ, cho uống ***Phương thị hoá ứ nhiếp huyết thang (23)*** để ích khí hoá ứ chỉ huyết. Nếu là bệnh lâu ngày vốn đã hư suy, Tỳ dương hư yếu lại kiêm cả thấp nhiệt dẫn đến niệu huyết trong đục lẫn lộn, phần nhiều kiêm chứng kém ăn, rêu lưỡi vàng nhớt, tinh thần ủ rũ mệt mỏi, cho uống ***Trương thị kiện Tỳ chỉ huyết thang (24)*** để ích khí, tỉnh Tỳ kiêm phân thanh hoá trọc.

Bị ngoại thương ở vùng lưng dẫn đến tiểu tiện ra lẫn huyết, sắc huyết đỏ tươi có kiêm cả chứng mỏi lưng, cho uống ***Quách thị ngoại thương niệu huyết phương (25)*** để lương huyết chỉ huyết, kiêm cả củng cố Thận.

Chứng này nên tham khảo với mục "Tiểu tiện đau nhức".

1. Đổng thị huyết niệu nghiệm phương.

Người cống hiến: Đổng Thấu, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân Y viện số 2 thành phố Thượng Hải

Tiểu kế thảo	30 gam	Phượng vĩ thảo	30 gam
Hạn liên thảo	30 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước ngày 2 lần uống, sau khi uống thuốc lần đầu, khoảng cách 4 đến 6 giờ lại sắc uống lần hai. Sau khi ăn 2 giờ thì uống thuốc. Sau khi uống thuốc thấy hiệu nghiệm thì uống tiếp 5 thang nữa để củng cố hiệu quả.

2. Thanh nhiệt lương huyết thang.

Người cống hiến: Trương Bái Trác, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Ninh Ba

Tề thái hoa	Mã đề kim
Xa tiền thảo	Biển xúc thảo
Địa cẩm thảo	Ô liễm mai
Sinh Địa hoàng	Bạch mao căn

3. Huyết dư mao căn thang.

Người cống hiến: Ngụy Trường Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Triết Giang

Huyết dư thán	Sinh Địa hoàng
Đan trúc diệp	Cam thảo xảo
Tri mẫu	Hoài Ngưu tất

4. Trương thị Thận lục phương.

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hắc Long Giang

Sinh Địa hoàng	50 gam	Tiểu kế	40 gam
Ngẫu tiết	20 "	Sinh Bồ hoàng	15 "
Mao căn	50 "	Mộc thông	15 "
Hoạt thạch	20 "	Bạch hoa xà thiệt thảo	50 "
Hoàng cầm	15 "	Trắc bá diệp	20 "
Cam thảo	10 "		

5. Niệu huyết nghiệm phương.

Người cống hiến: Hồng Tử Vân, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Sinh Địa hoàng	15 gam	Huyền sâm	15 gam
Nhẫn đông đằng	15 "	Bản lam căn	15 "
Tung lư thán	15 "	A giao châu	15 "
Bồ hoàng (sao)	15 "	Địa du (sao)	10 "

Gia giảm: Nếu do thực hoả quá thịnh, có thể thêm Tri tử, Hoàng bá. Nếu hư nhiệt rõ rệt có thể gia Bạch liễm, Tri mẫu.

6. Tưởng thị trị niệu huyết phương.

Người cống hiến: Tưởng Vân Chiến, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Trư linh	9 gam	Phục linh	15 gam
A giao	15 "	Hoạt thạch	12 "
Trạch tả	9 "	Đại kế	12 "
Sinh Cam thảo	6 "		

7. Lưu thị niệu cảm thang.

Người cống hiến: Lưu Bảo Hậu, Giáo sư Y học viện Lam Châu

Xa tiền thảo	30 gam	Biển xúc thảo	30 gam
Bại tương thảo	25 "	Thổ Phục linh	25 "
Ý dĩ nhân	15 "	Ích trí nhân	30 "
Chi tử	10 "	Cam thảo xảo	3 "

Cách dùng: Sắc 2 nước trộn đều lấy 500 ml nước đặc chia làm 3 lần uống.

Gia giảm: Nếu ố hàn phát nhiệt thì gia Sài hồ, Áp trích thảo. Tiểu tiện buốt gia Hải kim sa. Tiểu tiện ra huyết gia Bạch mao căn, Tiểu kế. Tiểu tiện vẩn đục gia Tỳ giải, Thạch xương bồ.

8. Củng thị niệu huyết linh.

Người cống hiến: Củng Quỳnh Mô, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Sinh Ý dĩ	30 - 60 gam	Bạch mao căn	30 - 60 gam
Xích Tiểu đậu	30 - 6 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Hạn liên thảo	15 "	Đại kế	15 "
Tiểu kế	15 "		

Cách dùng: Mỗi ngày uống 1 - 2 thang, mỗi thang sau khi sắc 2 nước trộn đều, mỗi lần uống từ 100 - 200 ml. Mỗi ngày uống từ 2 - 4 lần. 7 - 10 ngày là một đợt điều trị.

9. Gia giảm Bát chính tán.

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Mộc thông	10 gam	Cù mạch	10 gam
Biển xúc	10 "	Xa tiền thảo	15 "
Hoạt thạch	20 "	Cam thảo	10 "
Chi tử	10 "	Ngẫu tiết	10 "
Bạch mao căn	15 "	Đại kế	12 "
Tiểu kế	12 "	Sinh Đại hoàng	6 "

Gia giảm: Táo bón không rõ rệt có thể bỏ Đại hoàng. Tiểu tiện ít linh hoạt gia Phục linh 15 gam, Trạch tả 12 gam.

10. Túc thị thanh hoá ẩm.

Người cống hiến: Túc Hy, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Sinh Bồ hoàng	9 gam	Tế Sinh địa	15 gam
Hoạt thạch	15 "	Mao căn	24 "
Hổ phách (bột)	5 "	Kim tiền thảo	30 "
Hoàng bá tán	8 "	Xích Tiểu đậu	30 "
Tỳ giải	9 "	Cam thảo	3 "
Đăng tâm	2 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước cho uống nguội mỗi ngày 1 thang, uống liên tục 5 ngày và theo dõi niệu huyết, nếu chuyển biến thì ngừng thuốc.

11. Gia vị tề thái hoa thang.

Người cống hiến: Ngô Hàn Hương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Tề thái hoa	30 gam	Biển xúc thảo	30 gam
Mã đề kim	30 "	Xa tiền thảo	30 "
Xuyến thảo	30 "	Hạn liên thảo	30 "
Trắc bá diệp	30 "	Sinh Địa hoàng	30 "

12. Lý thị lương huyết tư âm phương.

Người cống hiến: Lý Đan Sơ, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hồ Bắc

Chế Thủ ô	15 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Bạch mao căn	15 "	Chi tử	12 "
Nữ trinh tử	12 "	Sinh Địa du	15 "
Tri mẫu	10 "	Tiểu kế	15 "
Hạn liên thảo	12 "	Hoàng bá	12 "
Trạch tả	12 "	Mẫu đơn bì	12 "
Xa tiền tử	12 "		

13. Thận nhất phương.

Người cống hiến: Dư Trung Niên, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh địa du	50 gam	Lộc nhai thảo	50 gam
Mã chiên thảo	50 "	Ích mẫu thảo	50 "
Hải kim xa thảo	50 "	Quán chúng	25 "
Thỏ ty tử	25 "	Thiên quỳ tử	25 "
Thiền thuế	15 "	Hồng táo	8 quả

14. Quách thị dưỡng âm thanh nhiệt phương.

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sa sâm	12 gam	Sinh Địa hoàng	10 gam
Trúc diệp	10 "	Mạch môn đông	10 "
Sơn đậu căn	10 "	Trắc bá diệp	12 "
Bạch mao căn	12 "	Ngẫu tiết	12 "

15. Túc thị gia vị bổ thán tán.

Người cống hiến: Túc Hy, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Bổ hoàng	10 gam	Hoạt thạch	10 gam
Đông quỳ tử	15 "	Xuyên sơn giáp	6 "
Hổ phách	6 "	Xuyên Ngưu tất	10 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Xích thược	10 "	Cam thảo xảo	6 "

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, uống liên tục 6 ngày là 1 đợt điều trị.

16. Trương thị Thận thất phương.

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hắc Long Giang

Đại hoàng	10 gam	Đào nhân	20 gam
Quế chi	15 "	Mao căn	50 "
Tiểu kế	50 "	Sinh địa	30 "
Trắc bá diệp	25 "	Cam thảo	7,5 "

17. Tư thận hoá ứ thanh lợi phương.

Người cống hiến: Thời Chấn Thanh, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nữ trinh tử	10 gam	Hạn liên thảo	10 gam
Sinh Trắc bá	15 "	Bạch hoa xà thiệt thảo	15 "
Mã chiên thảo	15 "	Đại kế	30 "
Tiểu kế	30 "	Ích mẫu thảo	30 "
Mao căn	30 "	Thạch vi	30 "

Gia giảm: Nếu ngoại cảm phong nhiệt, họng khô đau, niệu huyết nghiêm trọng nên phối hợp với thang thuốc thuộc loại sơ phong tán nhiệt như Ngân bồ huyền mạch cam cát thang (Kim ngân hoa, Bồ công anh, Huyền sâm, Mạch môn đông, Sinh Cam thảo, Cát cánh, Bạc hà).

- Nếu âm hư kéo dài, phần âm tổn thương liên luỵ đến phần dương, xuất hiện chứng trạng khí hư, gia Thái tử âm.

- Nếu hiện tượng âm hư nghiêm trọng gia Sinh Địa hoàng, Mẫu đơn bì.

- Nếu ứ huyết khá nặng gia Đan sâm, Xích thược.

- Nếu hạ tiêu thấp nhiệt rõ rệt gia Tri mẫu, Hoàng bá, Hoạt thạch, Sinh Cam thảo.

18. Trương thị Thận bát phương.

Người cống hiến: Trương Kỳ, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hắc Long Giang

Trắc bá diệp	20 gam	A giao (hoà tan)	15 gam
Đại hoàng thán	10 "	Bồ hoàng thán	15 "

Sinh Địa hoàng	25 gam	Thục Địa hoàng	25 gam
Hoàng kỳ	30 "	Đẳng sâm	30 "
Địa du thán	20 "	Huyết dư thán	30 "
Xuyến Căn thảo	20 "		

19. Gia giảm phòng phong thông thánh tán.

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Phòng phong	10 gam	Kinh giới	10 gam
Bạc hà	6 "	Liên kiều	12 "
Xuyên khung	10 "	Đương quy	12 "
Bạch thược	10 "	Sinh Thạch cao	15 "
Hoàng cầm	10 "	Sinh Cam thảo	10 "

Gia giảm: Đại tiện khô, hoặc bí kết gia Đại hoàng 3 - 6 gam nhằm làm cho đại tiện nhão chứ không được làm cho ỉa chảy.

20. Gia giảm thanh cao miết giáp thang.

Người cống hiến: Mã Ký, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Thạch cao	20 gam	Miết giáp	20 gam
Sinh Địa hoàng	20 "	Mẫu đơn bì	15 "
Phù bình	15 "	Bạch vi	20 "
Tang bạch bì	20 "	Địa cốt bì	15 "
Phục linh bì	25 "	Bạch mao căn	25 "
A giao	15 "	Hạn liên thảo	25 "

21. Trương thị bổ khí chỉ huyết phương.

Người cống hiến: Trương Kế Hữu, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Cát Lâm

Sinh Địa hoàng	50 gam	Tiểu kế	50 gam
Bạch mao căn	100 "	Tiêu chi tử	10 "
Bồ hoàng (sao)	10 "	Ngải diệp thán	10 "
Tiên hạc thảo	20 "	Tử châu thảo	15 "
Bạch vi	20 "	Đảng sâm	15 "
Thục Địa hoàng	15 "	Trần bì	10 "
Hậu phác	15 "	Hoắc hương	10 "
Tang ký sinh	15 "	Xuyên Tục đoạn	15 "

22. Ích âm chỉ huyết thang.

Người cống hiến: Lữ Học Thái, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện số 2 thành phố Thái An

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đương quy	10 gam
Thục Địa hoàng	24 "	Mạch môn đông	10 "
Tri mẫu	10 "	Ngưu tất	12 "
Bạch thược	15 "	Đan sâm	20 "
Bạch mao căn	30 "	Lưu ký nô	30 "
Ngải diệp thán	6 "		

Gia giảm: Nếu tiểu tiện ra lẫn huyết mà có cả triệu chứng âm hư hoả động, nên bỏ Hoàng kỳ, Đương quy, Ngải diệp thán, gia Hoàng bá 10 gam, Hạn liên thảo 12 gam, Quy bản 15 gam. Nếu tiểu tiện nóng đỏ ra huyết đỏ tươi là chứng thuộc Tâm hoả quá thịnh, bỏ Hoàng kỳ, Đương quy gia Sơn chi tử 10 gam, Liễu chi 60 gam (thu hoạch vào trước hoặc sau tiết Thanh minh, cắt

từng đoạn để dùng). Tiểu tiện nhiều lần kèm theo huyết sắc đỏ nhạt, chất không dính là thuộc loại hình Tỳ Thận đều hư bỏ Tri mẫu, Mạch môn đông gia Bạch truật 10 gam, Sơn dược 15 gam, Ba kích thiên 10 gam, Hồ đào nhân 15 gam. Uống thêm Tả quy hoàn mỗi lần 10 gam, ngày 2 lần sáng và tối, uống chiêu với nước thuốc sắc.

23. Phương thị hoá ứ nhiếp huyết thang.

Người cống hiến: Phương Dược Trung, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đào nhân	10 gam	Hồng hoa	10 gam
Ngưu tất	15 "	Xuyên khung	10 "
Sài hồ	10 "	Xích thược	15 "
Bạch thược	15 "	Chỉ xác	10 "
Nhân sâm	15 "	Thiên môn đông	15 "
Mạch môn đông	15 "	Ngũ vị tử	10 "
Huyền sâm	15 "	Sinh Địa hoàng	30 "

24. Trương thị kiện Tỳ chỉ huyết thang.

Người cống hiến: Trương Tán Thần, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm (sao)	9 gam	Bạch truật (thổ sao)	6 gam
Hoàng kỳ trích	9 "	Hoài sơn	12 "
Bạch thược (sao)	4,5 "	Biển đậu y	9 "
Bạch Phục linh	9 "	Trạch tả	9 "
Trần bì	4,5 "	Sinh Ý dĩ nhân	9 "
Ý dĩ nhân (sao)	9 "	Thái vân khúc	9 "

Tỳ giải phân thanh hoàn 9 gam

25. Quách thị ngoại thương niệu huyết phương

Người cống hiến: Quách Sĩ Khôi, Phó Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Địa du thán (sao)	12 gam	Đại kế (sao)	12 gam
Tiểu kế (sao)	12 "	Ích mẫu thảo	12 "
Xa tiền thảo	12 "	Bạch mao căn	15 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Ngưu tất	12 "
Tục đoạn	12 "		

191. TIỂU TIỆN TRONG, DÀI

Tiểu tiện trong, dài phần nhiều gặp ở chứng hư hàn, nhất là người cao tuổi hay mắc. Người cao tuổi tiểu tiện trong nhưng nhiều lần, thậm chí không tự chủ là do Thận dương quá hư tổn, trung khí quá suy yếu có thể dùng ***Hứa thị Tỳ Thận song phức phương*** để bổ trung khí, ấm Thận dương.

PHỤ PHƯƠNG

Hứa thị Tỳ Thận song phức phương

Người cống hiến: Hứa Công Nham, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Hoàng kỳ	45 gam	Phục linh	30 gam
Hắc phụ tử	30 "	Lộc nhung phấn	0,3 "

192. TIỂU TIỆN BẤT CẤM (Không tự chủ)

Chứng này là chỉ bài tiết tiểu tiện không khống chế theo ý muốn được, có khi ban đêm ngủ say cũng tiểu tiện đều thuộc phạm vi chứng này, tục gọi là "Di niệu" (đái dầm) thường hay gặp ở trẻ em.

Tiểu tiện không tự chủ, bất cứ lúc nào cũng són ra, nước tiểu trong dài, lượng nhiều hoặc là trong giấc ngủ cũng vãi ra. Kiêm chứng mỏi lưng, chân tay lạnh, mặt nhợt, mỏi mệt, bệnh thuộc Thận dương hư yếu, nhẹ thì cho uống ***Lộc giác sương phấn phương (1).*** Nặng thì cho uống ***Triệu thị di niệu kinh nghiệm phương (2)*** để bổ dương cố sáp. Nếu kiêm chứng hay mê hoặc trong giấc mơ mà tiểu tiện là chính thì uống ***Triệu thị kinh nghiệm phương (3)*** để bổ Thận và củng cố não, bồi bổ kiện Tỳ, khai khiếu cho tinh thần tỉnh táo. Nếu chứng này xuất hiện ở người cao tuổi kiêm cả đoản hơi yếu sức là do Thận hư, trung khí bất túc, cho uống ***Lưu thị trị di niệu phương (4)*** để ích khí thăng đề và bổ Thận cố sáp. Đái dầm đã nhiều năm dằng dai không khỏi có thể uống ***Ngũ vị ích trí thang (5)*** để mở bên trên vít phía dưới. Nếu đái dầm kiêm cả khát nước, ăn uống bất kể nóng lạnh miễn lấy đã bụng mới thôi và cứ mỗi lần ăn bắt buộc phải uống kèm nước, ăn cũng không thấy cảm giác ngon, thể trạng yếu, bụng dưới hơi trướng, đi tiểu nhiều lần có ngày tới hàng chục lần, ban đêm cũng phải từ 3 đến 5 lần, mỗi lần đi tiểu

lượng rất ít, thấy mót là phải đi ngay, hễ chậm là vãi đái ngay trên giường, bệnh thuộc trung khí hư yếu không hoá được thấp tà, cho uống ***Tỳ hư chỉ di niệu phương (6)*** hoặc ***Triệu thị bổ trung thu sáp phương (7)*** để bổ trung khí hoá thấp trọc.

Di niệu mà bụng dưới và bộ phận sinh dục không ấm ăn không biết ngon cho uống ***Vượng thị di niệu phương (8)*** để ôn trung kiện Tỳ, điều hoà khí huyết. Chứng di niệu ngoan cố lại thêm thời gian dài, ăn uống kém thì cho uống ***Tân định xúc tuyền hoàn (9)*** để bổ cả Tỳ và Thận.

Khi điều trị chứng này cần phải dặn dò người nhà các buổi tối nên hạn chế uống nước và tập cho thói quen trước khi đi ngủ cần tiểu tiện, ban đêm cũng đánh thức đi tiểu có giờ giấc... cũng có thể tăng được hiệu quả của thuốc.

Trường hợp hôn mê mà tiểu tiện không tự chủ xin tham khảo ở mục "Hôn mê"

PHỤ PHƯƠNG

1. Lộc giác sương phấn phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiến, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Lộc giác sương

Cách dùng: Dùng 1 vị thuốc tán bột để dùng dần, trẻ em 10 tuổi trở xuống mỗi tối uống 3 gam chiêu với nước sôi mà uống; cũng có thể hoà pha thêm chút ít đường trắng. Trẻ em 10 tuổi trở

lên mỗi tối uống 6 gam chiêu với nước sôi hoặc nước muối nhạt, thuốc này có thể uống liên tục trong nửa tháng.

2. Triệu thị di niệu kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tang phiêu tiêu	10 gam	Kim anh tử	6 gam
Hoàng kỳ	10 "	Ích trí nhân	10 "
Phục linh	12 "	Trạch tả	10 "
Thăng ma	5 "	Phúc bồn tử	10 "
Hồng sâm	10 "		

3. Triệu thị kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Thanh Lý, Giáo sư Trường Đại học Quốc y Trương Trọng Cảnh tỉnh Hà Nam

Tiên mao	6 gam	Tiên linh tỳ	6 gam
Ba kích thiên	4,5 "	Tang phiêu tiêu	4,5 "
Kim anh tử	6 "	Đảng sâm	9 "
Hoàng kỳ	9 "	Bạch truật	6 "
Ích trí nhân	3 "	Xương bồ	3 "

4. Lưu thị trị di niệu phương

Người cống hiến: Lưu Xướng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Hoàng kỳ	15 gam	Bạch truật	15 gam
Thăng ma	3 "	Ích trí nhân	15 "
Phúc bồn tử	15 "	Tang phiêu tiêu	15 "

Cách dùng: Sắc lấy 300 ml nước đặc, mỗi lần uống 100 ml, ngày 2 lần.

5. Ngũ vị ích trí thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Quân y viện Giải phóng quân

Ngũ vị tử	10 gam	Ích trí nhân	10 gam
Ma hoàng(trích)	10 "		

Cách dùng: 9 - 14 tuổi mỗi ngày uống 1 thang, uống liên tục 2 đến 3 tuần lễ.

Gia giảm: Tinh thần mỏi mệt yếu sức hoặc ban đêm giấc ngủ quá say, khó đánh thức thì gia Sinh Sái sâm 6 gam.

6. Tỳ hư chỉ di niệu phương.

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Tiểu mạch	60 gam	Cam thảo	12 gam
Đại táo	12 "	Thiên hoa phấn	12 "
Cù mạch	18 "		

Gia giảm: Thấp khí nặng, bỏ Đại táo, có thể linh hoạt gia Hải phiêu tiêu 12 gam, Dĩ mễ 15 gam, Khiếm thực 12 gam. Nếu thuỷ khí nặng có thể gia Phục linh, Viễn chí.-

7. Triệu thị bổ trung thu sáp phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đẳng sâm	10 gam	Hoàng kỳ trích	12 gam
Bạch truật	6 "	Phục linh	12 "

Ngũ vị tử	6 gam	Thăng ma	6 gam
Sinh Mẫu lệ	15 "	Tang phiêu tiêu	12 "

8. Vương thị di niệu phương.

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Hoàng tinh	9 gam	Đinh hương	1,5 gam
Hồi hương	6 "	Thần khúc	9 "
Câu đằng	9 "		

9. Tân định xúc tuyền hoàn

Người cống hiến: Thang Nhất Tân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nhạc Sơn tỉnh Tứ Xuyên cống hiến bài thuốc của thầy học là Dương Cao Hậu, Lão Trung y nổi tiếng

Bổ cốt chi	30 gam	Lộ Đảng sâm	30 gam
Bạch truật thổ sao	12 "	Hoàng kỳ trích	30 "
Tang phiêu tiêu	9 "	Ích trí nhân sao muối	9 "
Tỳ giải	9 "	Thai ô dược	9 "
Thạch xương bồ	15 "	Nhục quế	6 "
Trần bì sao	9 "	Trích Cam thảo	3 "

Cách dùng: Các vị tán bột trộn thêm 30 gam Thanh diêm, luyện với hồ chia làm 30 viên, căn cứ vào lứa tuổi bệnh tình nặng nhẹ mà cho uống sáng và tối mỗi lần 1 đến 2 viên. Cũng có thể tuỳ chứng mà gia các vị Kê nội kim (sao) và Thỏ ty tử.

193. TIỂU TIỆN KHÔNG GỌN BÃI

Bài tiết tiểu tiện khó khăn, cuối bãi còn nhỏ giọt không hết thường gặp ở người trung niên và cao tuổi. Triệu chứng chủ yếu là hư thực lẫn lộn.

Bài tiết tiểu tiện không dễ dàng, không có sức rặn, cuối bãi thường nhỏ giọt không hết, kiêm chứng ban đêm đi tiểu vặt, chất lưỡi đỏ, lưỡi ít rêu hoặc không có rêu, đó là thuỷ đạo bị ứ kết, khí âm đã suy tổn, cho uống ***Thông bế thang (1)*** để ích khí dưỡng âm, lợi niệu thông bế và thông lạc tán ứ.

Bài tiết tiểu tiện khó khăn hoặc khi tiểu tiện trong niệu quản co rút và đau, chất lưỡi tía tối, đó là âm suy huyết trệ, cho uống ***Dương thị thược cam hoàng thang (2)*** để dưỡng âm làm dịu cơn căng gấp, chống co thắt thông lâm tiêu ứ hoạt huyết.

Tiểu tiện nhỏ giọt, cuối bãi vẫn không hết, kiêm chứng lưng đùi ê mỏi, chân tay không ấm, dương nuy hoặc bộ phận sinh dục lạnh, lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng phần nhiều do dương hư gây nên, cho uống ***Gia giảm cố âm tiễn (3)*** để dưỡng âm phù dương.

Nếu chứng lâm lâu ngày có chứng tiểu tiện nhỏ giọt, đi luôn, đi vội, bụng dưới trướng nặng, lưng ê mỏi, sắc mặt vàng bủng mà tối, lưỡi đỏ nhạt, chất lưỡi bệu lớn là dương hư kiêm cả ứ độc. Nếu thiên về dương hư, cho uống ***Ích Thận ôn hoá thang (4)*** để ôn Thận hoá khí, thấm thấp giải độc. Nếu thiên về ứ kết

cho uống ***Hạ thị tiền liệt tuyến phì đại nghiệm phương (5)*** để hành khí phá ứ, điều dương thông lợi.

Dương không hoá khí, đờm thấp ứ nhiệt; uất kết ở hạ tiêu có triệu chứng dòng nước tiểu tia nhỏ, nhỏ giọt không lợi, thậm chí một giọt cũng không ra được, bụng dưới trướng đau, chất lưỡi tía trệ, cho uống ***Dũ long khải bế thang (6)*** để ôn dương hoá khí, tán kết lợi khiếu.

Tiểu tiện nhỏ giọt không gọn bãi, hoặc lượng nước tiểu ít, nước tiểu vàng nóng rát, miệng khô Tâm phiền kiêm chứng đoản hơi, tinh thần mỏi mệt, bệnh trình kéo dài đó là khí hư kiêm cả tích nhiệt, cho uống ***Triệu thị lão niên tiền liệt tuyến phì đại long bế phương (7)*** để ích khí giải độc và thanh nhiệt. Nếu kiêm chứng bụng dưới cấp bách, tiểu tiện vẩn đục, chất lưỡi đỏ sạm hoặc tía là do nhiệt độc uất kết ở hạ tiêu, huyết lưu thông bị trở ngại thì dùng ***Lâm trọc thang (8)*** rửa ruột để thanh nhiệt giải độc, hoá ứ tán kết.

Chứng này nên tham khảo và các chứng "Tiểu tiện đau buốt", "Tiểu tiện không lợi".

PHỤ PHƯƠNG

1. Thông bế thang

Người cống hiến: Trương Phát Vinh, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Sa sâm	30 gam	Địa cốt bì	15 gam
Phục linh	15 "	Hoàng kỳ	30 "
Mạch môn	15 "	Xa tiền tử	20 "

Ủy địa trà	30 gam	Bạt khế	30 gam
Bạch mao căn	50 "	Vương bất lưu hành	15 "

Gia giảm: Tiểu tiện vàng đỏ gia Thiên lý quang 30 gam để tăng cường năng lực thanh tiết thấp nhiệt hạ tiêu. Nếu đại tiện bí kết gia Đại hoàng 6 gam để thông phủ tiết nhiệt, cải thiện công năng khí hoá của Bàng quang. Bệnh trình kéo dài, tà khí ẩn náu ở bề sâu gia Giáp chân 6 gam, Thuỷ điệt 10 gam, hai vị này có tác dụng lùng sục tà khí ở đường lạc, tăng hiệu lực hoá ứ thông lạc cho chủ phương, nếu dùng thích đáng, kết quả rất chóng.

2. Dương thị thược cam hoàng thang.

Người cống hiến: Dương Thuật Ích, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Quảng Châu

Bạch thược	30 gam	Cam thảo	15 gam
Bô hoàng	15 "		

Cách dùng: Các vị trên sắc lấy nước uống, khi cần thiết có thể mỗi ngày uống 2 thang.

Gia giảm: Trường hợp bị ngã tổn thương sút lưng gia Điền thất bột 6 gam hoà vào thuốc mà uống, đồng thời gia Giá trùng 10 gam, Hành tươi 3 củ cho vào thuốc sắc. Người có thai bị thuỷ thũng đến nỗi sau khi đẻ tiểu tiện thất thường gia Ích mẫu thảo 30 gam. Niệu đạo kết sỏi gia Ngưu tất 15 gam, Mao căn 30 gam, Kim tiền thảo 30 gam, Lai bặc tử 30 gam. Viêm nhiễm niệu đạo gia Kim ngân hoa 30 gam, Tiểu kế 15 gam. Viêm tiền liệt tuyến gia Lộ lộ thông 30 gam, Ý dĩ nhân 30 gam. Cơn đau bụng cấp dẫn đến đại tiểu tiện thất thường gia Đại hoàng 15 gam (khi sắc thuốc gần xong mới bỏ Đại hoàng vào).

3. Gia giảm cố âm tiễn.

Người cống hiến: Bào Nghiêm Trung, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Thục Địa hoàng	15 gam	Kim anh tử	15 gam
Khiếm thực	15 "	Phúc bồn tử	12 "
Tiên linh tỳ	12 "	Toả dương	12 "
Ngũ vị tử	10 "	Chế Thủ ô	30 "
Thích vị bì	10 "	Sơn thù nhục	10 "

4. Ích Thận ôn hoá thang

Người cống hiến: Nhậm Kế Học, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Hổ trượng	15 gam	Hải kim sa	20 gam
Ngưu tất	25 "	Lệ chi hạch	15 "
Diêm Hồi hương	15 "	Quan quế	15 "
Uy linh tiên	15 "	Bồ công anh	50 "
Biển xúc	15 "	Cù mạch	15 "
Tiên mao	10 "		

Gia giảm: Tiểu tiện ra huyết dùng Ngưu tất liều cao, tiểu tiện đau buốt gia Lôi hoàn, Cam thảo xảo. Tiểu tiện vẩn đục do thấp thắng gia Thổ Phục linh, Trạch tả.

5. Hạ thị tiền liệt tuyến phì đại nghiệm phương

Người cống hiến: Hạ Thừa Quân, Y sư chủ nhiệm Y viện dân lập tỉnh An Huy

Tạo giác thích	15 gam	Bào Sơn giáp	15 gam
Dâm dương hoắc	15 "	Chỉ thực	15 "

Tiên mao	15 gam	Xa tiền tử	24 gam
Hồng hoa	6 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc lấy nước uống sáng và chiều, uống liên tục trong 1 tháng.

6. Dũ long khải bế thang

Người cống hiến: Đống Bình, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Ngân Xuyên

Hoàng kỳ	9 - 30 gam	Nhục quế	3 - 9 gam
Đào nhân	9 "	Thục Đại hoàng	5 - 9 "
Trầm hương	3 "	Bào Sơn giáp	9 - 15 "
Hổ trượng	15 "	Vương bất lưu hành	15 "
Hạ khô thảo	15 "	Xuyên Ngưu tất	9 - 15 "
Quất hạch	9 "		

Gia giảm: Bệnh thiên về Thận dương hư có thể gia Tiên linh tỳ, Ích trí nhân, Ba kích thiên, Tang phiêu tiêu, Sinh Lộc giác. Nếu bệnh khá nặng thì gia Phụ tử, Lộc giác phấn... Thiên về trung tiêu dương khí hư nên trọng dụng Hoàng kỳ gia Nhân sâm, Trích Cam thảo. Nếu có chứng trạng trung khí hạ hãm nên bỏ Thục Đại hoàng, Đào nhân, Xuyên Ngưu tất, Trầm hương mà gia Thăng ma, Sài hồ, Cát cánh để thăng cử thanh dương. Nếu âm hư nội nhiệt, hai vị Kỳ, Quế nên dùng lượng ít, lại bỏ Thục Đại hoàng, Đào nhân, Xuyên sơn giáp, Trầm hương, Quất hạch v.v.. lại gia Tri mẫu, Hoàng bá, Sinh Địa hoàng, Thục Địa hoàng, Huyền sâm, Trư linh, Phục linh, Trạch tả, Xa tiền tử. Nếu ứ kết khá nặng nên trọng dụng liều lượng những vị thuốc tán kết khai khiếu có ở trong phương thuốc. Lại gia Quy vĩ, Xích thược,

Trạch lan, Hổ phách, Địa long, Khương lang phấn.v.v. thậm chí gia Giá trùng, Thuỷ điệt để tiêu chất rắn và phá trưng tích. Nếu ứ nghẽn có kiêm cả đờm kết cũng có thể gia Mẫu lệ, Côn bố, Hải tảo, Huyền sâm, Bối mẫu, Hải cáp xác. Nếu kiêm cả chứng nhiệt lâm thì nên bỏ Hoàng kỳ, Trầm hương, vị Nhục quế nên giảm liều lượng, lại gia Hoàng bá, Tri mẫu để tư Thận thông quan, lại gia thêm Thạch vi, Biển xúc, Cù mạch, Hổ phách, Hoạt thạch, Cam thảo xảo. Bệnh có xu thế nhiệt độc quá thịnh lại gia Bại tương thảo, Bồ công anh, Bạch hoa xà thiệt thảo, Bán chi liên, Xuyên Tâm liên.

7. Triệu thị lão niên tiền liệt tuyến phì đại long bế phương.

Người cống hiến: Triệu Ân Kiệm, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nam Khai, thành phố Thiên Tân

Hoàng kỳ	30 gam	Kim ngân hoa	30 gam

8. Lâm trọc thang.

Người cống hiến: Dương Cát Tương, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Bại tương	50 gam	Hồng đằng	30 gam
Cam thảo	10 "	Bạch hoạ xà thiệt thảo	25 "
Địa du	25 "	Vương bất lưu hành	20 "
Xuyên sơn giáp	15 "	Hạ khô thảo	30 "
Quất hạch	30 "	Tam lăng	15 "
Nga truật	15 "	Ô dược	15 "
Ngô công	3 con		

Cách dùng: Sắc lấy nước đặc, mỗi lần dùng 150 ml để rửa ruột, ngày 2 lần.

194. TIỂU TIỆN KHÔNG LỢI

Tiểu tiện không lợi là chỉ bài tiết tiểu tiện bị sáp trệ, chỉ nhỏ giọt, bụng dưới trướng trệ khó chịu, thậm chí không tiểu tiện được một giọt nào bệnh danh là "Long bế" là một chứng trạng rất nghiêm trọng. Người cao tuổi tạng khí đã suy, khí hoá không lưu thông có triệu chứng tiểu tiện nhỏ giọt không hết, nước tiểu vàng, khát nước Tâm phiền họng khô, bệnh trình dằng dai có thể dùng ***Trư linh thông quan khải bế thang (1)*** để hoá khí thông khiếu, ích khí, tiêu ứ.

Tiểu tiện nhỏ giọt, bài tiết khó khăn nên tiểu tiện vặt nhiều lần, chất lưỡi tối sạm cho uống ***Hoá ứ bổ Thận thang (2)*** để bổ Thận ích khí hoá ứ thông khiếu. Cũng có thể phối hợp với ***Vương thị dương xuân thông lâm dược (3)*** để chườm nóng vào vùng hội âm tăng cường tác dụng hoạt huyết hoá ứ thông dương khai bế.

Người già gặp chứng này mạch Huyền có lực phần nhiều thuộc Can uất đến nỗi hạ khiếu bị nghẽn trở, cho uống ***Thư Can tán kết phương (4)*** để sơ Can tán kết, thông khiếu.

Tiểu tiện đột ngột nhỏ giọt hoặc hoàn toàn không tiểu tiện được, kiêm chứng phù thũng đau họng, sợ gió phát sốt, tiểu tiện vàng, mạch Phù cho uống ***Triệu thị cấp tính Thận viêm niệu bế phương (5)*** để sơ tán phong nhiệt, giải độc lợi niệu.

Nếu kiêm chứng mặt phù chân thũng, bụng trướng kém ăn, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi nhớt là khí hoá mất chức năng, dương hư thủy ứ đọng có thể dùng ***Chương thị xa tiền ngũ linh thang (6)*** để thông dương hoá khí kiện Tỳ lợi thuỷ. Nếu kiêm chứng sợ lạnh phù thũng, bụng đầy da căng, chân tay không ấm, mạch Trầm Trì là dương hư thuỷ ẩm ứ đọng, có thể dùng ***Lý thị tráng dương trục thuỷ thang (7)*** để ôn bổ Thận dương, lý khí trục thuỷ.

Vì bị tổn thương mà có chứng tiểu tiện không thông, đau lưng, trướng bụng có thể dùng thuốc để đắp vùng rốn như ***Thôi niệu phong tế phương (8)*** để thông khí và thúc đẩy bài tiết tiểu tiện.

Khi điều trị chứng này nên tham khảo với các chứng "Phù thũng", "Tiểu tiện đau buốt", "Tiểu tiện nhỏ giọt"...

PHỤ PHƯƠNG

1. Trư linh thông quan khải bế thang.

Người cống hiến: Dương Cẩm Đường, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Trư linh	12	gam	Phục linh	15	gam
Trạch tả	10	"	Hoạt thạch	10	"
Sinh Hoàng kỳ	15	"	Nhục quế	3	"
A giao	15	"	Tri mẫu	15	"
Hoàng bá	6	"	Một dược	5	"
Hải kim sa	6	"	Sinh Bồ hoàng	3	"
Hổ phách (hoà uống)	1,5	"			

Gia giảm: Nếu niệu bế có thể gia chút ít Thăng ma. Nếu sốt cao bỏ Nhục quế, Tri mẫu, Hoàng bá gia Kim ngân hoa, Tề thái hoa. Chứng nhiệt lâm tiểu tiện đau buốt nóng rát bỏ Nhục quế, Tri mẫu, Hoàng bá gia Biển xúc, Cù mạch, Trúc diệp, Kim ngân hoa. Chứng huyết lâm bỏ Nhục quế, Tri mẫu, Hoàng bá gia Chi tử, Sinh Địa hoàng, Bạch mao căn, Xuyến thảo. Chứng thạch lâm bỏ Nhục quế, Tri mẫu gia Kim tiền thảo, Ngư não thạch, Đông quỳ tử.

2. Hoá ứ bổ thận thang

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Đan sâm	15 gam	Xích thược	15 gam
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Tiên linh tỳ	15 "	Bổ cốt chi	15 "
Hải tảo	15 "	Hoàng kỳ	20 "

Gia giảm: Xét nghiệm nước tiểu có nhiều hồng cầu gia Tử thảo 10 gam. Có nhiều bạch cầu gia Hoàng bá 15 gam, Liên kiều 15 gam.

3. Vương thị dương xuân thông lâm dược

Người cống hiến: Vương Đa Nhượng, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Ô Lỗ Mộc Tề

Đương quy	30 gam	Hồng hoa	30 gam
Nga truật	30 "	Tiểu hồi	30 "
Xà sàng tử	20 "	Tiên linh tỳ	30 "
Kê huyết đằng	30 "	Cam thảo	30 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên bỏ vào trong túi vải, ngâm vào nước vài phút rồi đun 15 phút, nhấc túi vải ra, đợi lúc ấm vừa phải đem chườm vào khu vực Hội âm, mỗi lần chườm lâu 1 giờ, ngày chườm 1 - 2 lần. Mỗi túi thuốc có thể dùng được 3 - 4 ngày mới phải thay thuốc mới.

4. Thư Can tán kết phương.

Người cống hiến: Ấn Hội Hà, Giáo sư
Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Sài hồ	9 gam	Đan sâm	15 gam
Xích thược	15 "	Đương quy	15 "
Sinh Mẫu lệ	30 "	Huyền sâm	15 "
Xuyên Bối mẫu	3 "	Hạ khô thảo	15 "
Hải tảo	15 "	Côn bố	15 "
Hải phù thạch	15 "	Ngưu tất	9 "

5. Triệu thị cấp tính Thận viêm niệu bế phương

Người cống hiến: Triệu Tích Võ, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tất xuất (tán bột)	3 con	Lâu cô (tán bột)	3 con
Thiền thoái	15 gam	Phù bình	15 gam

Sắc lấy nước hoà bột Tất xuất, Lâu cô mà uống.

6. Trương thị xa tiền ngũ linh thang

Người cống hiến: Trương Văn Lượng, Y sư chủ nhiệm
Y học viện Ôn Châu

Xa tiền tử	10 gam	Trư linh	12 gam
Phục linh	12 "	Trạch tả	15 "

Bạch truật	12 gam	Quế chi	6 gam
Bạch mao căn	15 "	Tỳ giải	15 "
Trần bì	15 "		

Gia giảm: Kiêm chứng cảm nhiễm niệu đạo gia Xuyên Hoàng liên, Bồ công anh, Sao Sơn chi. Do ngoại thương dẫn đến tiểu tiện không thông gia Kê huyết đằng, Ngưu tất, Tam thất. Kiêm chứng khí hư gia Hoàng kỳ, Đảng sâm. Kiêm chứng âm hư gia Sinh Địa hoàng, Mạch môn đông, Thạch hộc.

7. Lý thị tráng dương trục thuỷ thang

Người cống hiến: Lý Gia Trúc, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu Xích Khảm, thành phố Trạm Giang tỉnh Sơn Đông

Chế Phụ tử	12 gam	Nhục quế	5 gam
Đảng sâm	30 "	Bắc kỳ	30 "
Phục linh	50 "	Tân lang	12 "
Mộc hương	10 "	Hậu phác	12 "
Hắc sửu	10 "	Bạch sửu	10 "
Xa tiền	30 "	Trạch tả	30 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang uống làm 1 lần vào buổi tối

8. Thôi niệu phong tề phương

Người cống hiến: Trang Dực Như, Lão trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Triều Châu tỉnh Quảng Đông

Hoạt thổ hầu	5 gam	Bạch hạng câu dẫn	5 con
Hoạt điền loa	12 "	Sinh Xa tiền thảo	30 gam
Hương phụ	30 "	Sinh Thông căn	30 "

Sinh Phỉ thái đầu 30 gam Sinh Ngải tâm 30 gam

Xạ hương 0,6 " (Gói riêng, sắc sau)

Cách dùng: 8 vị trên giã nát như bánh, trộn 1 thìa rượu trắng vào rồi đem rang nóng, cuối cùng mới bỏ Xạ hương vào, bọc lại đắp vào rốn, ngoài phủ vải dán băng dính cố định, sau 24 giờ mới tháo ra.

195. DƯƠNG NUY

Dương nuy cũng gọi là "Âm nuy" chỉ nam giới đã trưởng thành, thiên quý chưa quá tuổi 2 lần 8 mà âm hành không cương lên được, hoặc chỉ cương chốc lát, hoặc cương mà không được lâu bền, mất khả năng giao hợp.

Dương nuy âm lạnh, khả năng giao hợp giảm sút, suy yếu trước tuổi già, tinh thần mỏi mệt là do Thận nguyên không ấm, cần phải ôn bổ Thận dương, cho uống ***Bổ Thận tráng dương hoàn (1).*** Nếu dương hư khá nặng, có chứng chân tay không ấm, nằm co ưa tĩnh, sợ lạnh sợ gió cho uống ***Vũ thị trị dương nuy phương (2)*** để giúp Thận cường dương. Chứng dương hư mà gân xương yếu mỏi, đi đứng không vững cho uống ***Lâm thị tráng chí thang (3)*** để ôn Thận tráng dương, mạnh gân khoẻ xương.

Các chứng nói trên, nếu kiêm hoạt tinh hoặc do dương nuy kéo dài dẫn đến hoạt tinh hoặc di tinh là do Thận dương hư suy, cửa tinh không bền cần phải ấm Thận tráng dương, sáp tinh, bền nguyên khí, cho uống ***Trương thị cường dương hoàn (4).***

Dương nuy hoạt tinh, bộ phận sinh dục không ấm, đau lưng ù tai, tinh thần mỏi mệt, yếu sức, bệnh thuộc âm dương đều hư, nên phù dương ích tinh, bổ Thận khoẻ mình, cho uống ***Đoàn thị bổ Thận trợ dương thang (5).*** Nếu thiên về dương hư mà cửa tinh không bền thì dùng ***Bổ Thận hoàn (6)*** để bổ Thận mạnh tinh trợ dương cố sáp. Chứng dương nuy, âm hành cứng không bền, kiêm

chứng đầu choáng tai ù, tai điếc, lưng đùi yếu mỏi răng lung lay, râu tóc bạc sớm và tảo tiết, đây là di tinh huyết bất túc, nhẹ thì dùng ***Cát thị trợ nguyên thang (7)*** để bổ ích Thận tinh, tư sinh âm huyết, nặng thì dùng ***Nhị chí bách bổ hoàn (8)*** để tăng tinh bổ huyết, ích khí phù chính, tăng cường thể lực. Dương nuy vì mệt nhọc tổn thương thần khí, tư lự quá độ, tinh huyết hao tổn ngấm ngầm, hạ nguyên suy tổn gây nên thường kèm theo các chứng mất ngủ tình tự không ổn định, có thể dùng ***Tri thù hoàn (9)*** để bổ Thận tăng tinh, hoá ứ thông khiếu.

Dương nuy lưng mỏi tai ù, lòng bàn chân tay nóng, tiểu tiện xẻn vàng hoặc tiểu tiện vẩn đục như nước vo gạo, bộ phận sinh dục ẩm ướt, ra mồ hôi, chất lưỡi đỏ, gốc lưỡi vàng nhớt, đó là Thận hư âm suy, thấp nhiệt dồn xuống, cho uống ***Quan thị bổ ích Thận âm thang (10)*** để bổ ích Thận âm, thanh nhiệt lợi thấp.

Chứng này nên thẩm khảo với các chứng "Di tinh", "Tảo tiết".

PHỤ PHƯƠNG

1. Bổ Thận tráng dương hoàn

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân sâm	30 gam	Tiên linh tỳ	30 gam
Nhục thung dung	30 "	Câu kỷ tử	30 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 2 gam, mỗi lần uống 1 viên ngày 2 - 3 lần. Cũng có thể ngâm vào 500 ml rượu trắng sau 2 tuần, mỗi lần uống 5 - 10 ml, ngày 2 - 3 lần.

Gia giảm: Nếu bị tảo tiết gia Ngũ vị tử 50 gam.

Chú ý: Nếu hạn chế phòng sự, tăng cường luyện tập nâng cao thể trạng.

2. Vũ thị trị dương nuy phương

Người cống hiến: Vũ Tác Doanh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trường Xuân tỉnh Cát Lâm

Phỉ thái tử	30 gam	Sơn du nhục	25 gam
Câu kỷ	50 "	Tiên mao	20 "
Tiên linh tỳ	30 "	Ba kích thiên	20 "
Lộc cân	20 "	Cẩu thận	20 "

Cao sơn hoàng ngưu chiên 20 gam

3. Lâm thị tráng chí thang

Người cống hiến: Lâm Thế Cần, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Từ châu tỉnh Giang Tô

Tang ký sinh	15 gam	Đỗ trọng	10 gam
Ngưu tất	10 "	Sơn du nhục	10 "
Thỏ ty tử	10 "	Ngũ vị tử	5 "
Sa uyển tử	10 "	Hoài sơn dược	10 "
Nhục thung dung	10 "		

4. Trương thị cường dương hoàn

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hà Bắc

Chế Thủ ô	120 gam	Sơn dược	120 gam
Dâm dương hoắc	90 "	Xà sàng tử	90 "
Viễn chí nhục	60 "	Bổ cốt chi	60 "
Đương quy	60 "	Phục linh	60 "

Tục đoạn	60 gam	Câu kỷ tử	60 gam
Khiếm thực	60 "	Hồng sâm tu	60 "
Phỉ thái tử	60 "	Tiểu Hồi hương	60 "
Thỏ ty tử	60 "		
Dương khởi thạch (nung)	90 gam		
Thạch liên tử (cả vỏ sao)	60 "		

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên to bằng hạt ngô đồng uống vào lúc đói 50 viên, chiêu với nước muối nhạt, ngày uống 2 lần.

Gia giảm: Bài này nếu thêm vào Cao ly Hồng sâm 60 gam, Hải cẩu thận tẩm sữa nướng 2 quả cùng nghiền với thuốc thành bột mịn để chế viên cho uống công hiệu càng rõ rệt.

5. Đoàn thị bổ Thận trợ dương thang

Người cống hiến: Đoàn Á Đình, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Trùng Khánh

Thục Địa hoàng	Sơn thù du
Câu kỷ	Nữ trinh tử
Lộc giác giao	Tiên linh tỳ
Thỏ ty tử	Ba kích thiên
Dương khởi thạch	Phỉ tử
Cam thảo	

6. Bổ Thận hoàn

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Nam Thông

Tử hà xa	35 gam	Thục Địa hoàng	45 gam
Thỏ ty tử	45 "	Kim anh tử	45 "

Ba kích thiên	45 gam	Nhục thung dung	45 gam
Cáp giới	1 đôi		

Các vị cùng tán bột luyện hồ làm viên cho uống.

Chú ý: Nếu chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, hạ tiêu có thấp nhiệt, hoặc tướng hoả quá thịnh không nên uống.

7. Cát thị trợ nguyên thang

Người cống hiến: Cát Lương Thần, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	30 gam	Sơn thù nhục	10 gam
Hoài sơn dược	30 "	Câu kỷ tử	15 "
Thỏ ty tử	30 "		

Hạch đào (đốt cả vỏ) 1 quả

Gia giảm: Nếu tinh ít, tảo tiết có thể gia Mạch môn 30 gam, Hoàng tinh chế 30 gam, Ngũ vị tử 10 gam, Kim anh tử 10 gam.

8. Nhị chí bách bổ hoàn

Người cống hiến: Tần Bá Vị tiên sinh, nhà Trung y học trứ danh

Lộc giác giao	Hoàng tinh
Kỷ tử	Thục Địa hoàng
Thỏ ty tử	Kim anh tử
Thiên môn đông	Mạch môn đông
Ngưu tất	Chỉ thực
Long nhãn nhục	Lộc giác sương
Nhân sâm	Hoàng kỳ

Phục linh	Sinh Địa hoàng
Sơn du nhục	Ngũ vị tử
Khiếm thực	Sơn dược
Tri mẫu	

Các vị trên tán bột, nấu hồ luyện làm viên cho uống

9. Tri thù hoàn

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Thông

Đạm thung dung	60 gam	Hoa Tri thù (xấy qua)	30 gam
Thục Địa hoàng	90 "	Tử hà xa	60 "
Tiên linh tỳ	60 "	Phong phòng (trích)	60 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên to bằng hột đỗ xanh, mà lấy uống 6 đến 9 gam, ngày uống 2 lần sáng và tối.

Chú ý: Cá biệt có bệnh nhân mệt nhọc quá độ hoặc sau khi tình tự bị ức uất có hiện tượng tái phát bất ngờ, chỉ cần uống tiếp thuốc viên này vẫn đạt hiệu quả.

10. Quan thị bổ ích Thận âm thang

Người cống hiến: Quan Hưng Yến, Phó giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Thục Địa hoàng	15 gam	Sơn du nhục	10 gam
Sơn dược	12 "	Phục linh	10 "
Xa tiền tử	15 "	Mộc thông	15 "
Hoạt thạch	15 "	Trạch tả	15 "
Mẫu đơn bì	15 "	Tri mẫu	15 "

Hoàng bá	15 gam	Quế chi	15 gam
Ngọc trúc	20 "	Đương quy	20 "
Khiếm thực	20 "	Long nhãn nhục	20 "
Nữ trinh tử	15 "	Kim ngân hoa	20 "
Liên kiều	20 "	Cam thảo	15 "

196. TẢO TIẾT

Mỗi khi giao hợp vì phóng tinh sớm quá nên sau đó âm hành ỉu ngay không thể thực hiện việc sinh lý bình thường gọi là Tảo tiết. Chứng này thường xuất hiện cùng với chứng Dương nuy, Di tinh, về nguyên nhân, cơ chế bệnh và phép chữa có những chỗ tương tự, nên tham khảo các chứng ấy.

Tảo tiết mà lưng đau mỏi, gối yếu, tóc rụng, răng lung lay kèm theo mỏi mệt, hồi hộp là do thận khí suy tổn, cho uống ***Thổ thị trị tảo tiết chứng phương (1)*** để bổ Thận ích khí. Hoặc kiêm chứng sợ lạnh, chân tay lạnh, nước tiểu trong hoặc tiểu tiện vặt nhiều lần, đoản hơi, sắc mặt trắng nhợt, mạch Trầm Trì là do Thận dương suy yếu nên điều trị theo phép phấn chấn dương khí, cho uống ***Tiết thị trấn nuy tán (2).*** Tảo tiết có kiêm chứng hồi hộp mất ngủ, hoạt tinh, mộng tinh là do Tâm Thận bất giao, cửa tinh không bền, nên giao thông Tâm Thận bền Thận sáp tinh, cho uống ***Dương thị bí tinh thang (3).***

Tảo tiết mà mỏi lưng, tinh thần uể oải, Tâm phiền họng khô, choáng đầu ù tai, mồ hôi trộm, khô miệng, tiểu tiện vàng, đại tiện khô, ngủ hay mê, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế Sác là thuộc Thận âm bất túc, tướng hoả vọng động, cho uống ***Lý thị hoá tinh xung tế (4)*** để tư bổ Thận âm, thanh tiết tướng hoả.

PHỤ PHƯƠNG

. Thổ thị trị tảo tiết chứng phương

Người cống hiến: Thổ Vinh Hoa, Y sư phó chủ nhiệm
Trường cán bộ vệ sinh huyện Thiên Quan tỉnh Sơn Tây

Sơn du nhục	15 gam	Tang thầm tử	15 gam
Ngũ bội tử	15 "	Đẳng sâm	10 "
Dâm dương hoắc	15 "	Câu kỷ tử	10 "
Ngũ vị tử	10 "		

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống liên tục 7 thang.

2. Tiết thị trấn nuy tán

Người cống hiến: Tiết Minh, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Triết Giang

Đồng tật lê	300 gam	Câu kỷ tử	150 gam
Dâm dương hoắc	300 "	Tiên mao	100 "
Hồ lô ba	100 "	Ba kích nhục	120 "
Thiên môn đông	150 "	Mạch môn đông	150 "
Phỉ thái tử	120 "		

Đại Ngô công 180 gam (bỏ đầu, chân, không được sấy)

Dương cao hoàn (2 quả) bỏ màng trắng, sấy khô nghiền bột.

Hoàng ngư phiêu giao châu 200 gam

Cách dùng: Các vị trên tán bột đựng trong viên nang, mỗi ngày uống 2 lần sáng và tối, mỗi lần 15 viên.

3. Dương thị bí tinh thang

Người cống hiến: Dương Thủ Nghĩa, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Cam Túc

Sinh Mẫu lệ	30 gam	Sinh Long cốt	30 gam
Sinh Khiếm thực	30 "	Sinh Liên tử	30 "
Tri mẫu	18 "	Mạch môn đông	18 "
Ngũ vị tử	10 "		

4. Lý thị hoá tinh xung tễ

Người cống hiến: Lý Viết Khánh, Phó giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	10 gam	Thục Địa hoàng	30 gam
Xích thược	20 "	Mẫu đơn bì	12 "
Phục linh	15 "	Trạch tả	12 "
Tri mẫu	12 "	Hoàng bá	10 "
Mạch môn đông	15 "	Ngũ vị tử	9 "
Câu kỷ tử	15 "		

197. DI TINH

Nam giới không giao hợp mà tinh dịch tự tiết ra gọi là Di tinh. Có mộng mà tinh tiết ra gọi là "Mộng di", không mộng mà tinh tiết ra gọi là "Hoạt tinh"

Mộng di mà kiêm chứng dương vật dễ cương, miệng khô và đắng, nóng nảy hay giận, phiền táo mất ngủ là do Can kinh hoả, nhiệt vượng thịnh, cho uống ***Vu bá hoàn (1)*** để thanh Can, tả hoả, chống di.

Mộng di hoặc hoạt tinh phát sinh liên tục, hoặc là tảo tiết, mỏi lưng yếu sức, váng đầu, trí nhớ giảm sút cho uống ***Địch thị bí tinh hoàn (2)*** để bổ Thận sáp tinh.

Nếu kiêm chứng âm lạnh không sinh con được thì dùng ***Bổ Thận sinh tinh hoàn (3)*** để bổ Thận trợ dương và bền tinh.

Do thủ dâm quá mức dẫn đến di tinh, bệnh thuộc Tâm Thận đều hư, cửa tinh không bền, có thể uống ***Song bổ cố tinh hoàn (4)*** để bổ Tâm Thận, yên thần trí.

Mộng nhiều mà di tinh, kém ăn, Tâm phiền mất ngủ, hễ mệt nhọc thì bệnh nặng thêm, phụ nữ thì thấy đới hạ, nam giới thì thấy lâm trọc v.v. đó là không làm chủ được tâm thần, Thận không được kín đáo, có thể uống ***Tiêu thị khiếm thực liên tử chúc (5)*** để dưỡng Tâm yên Thận, bền Thận, sáp tinh kiện Tỳ hoà trung.

Đối với chứng Thận hư không giữ bền được tinh dịch thì đồng thời với việc uống thuốc có thể phối hợp với biện pháp dùng thuốc đắp ở vùng rốn để tăng cường tác dụng nạp khí, củng cố Thận làm bền khả năng giữ gìn tinh tuỷ, áp dụng bài ***Vương Thị tề liệu nhiếp tinh đan (6).***

Chứng này nên tham khảo với biện chứng luận trị các chứng "Dương nuy", "Tảo tiết" và "Yêu thống".

PHỤ PHƯƠNG

1. Vu bá hoàn

Người cống hiến: Thẩm Trọng Khuê, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Vu Bạch bì	30 gam	Mẫu lệ	150 gam
Hoàng bá	90 "	Tri mẫu	90 "
Thanh đại	9 "	Cáp phấn	15 "
Thần khúc	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột nấu Thần khúc với hồ làm viên uống vào lúc đói, chiêu với nước chín.

2. Địch thị bí tinh hoàn.

Người cống hiến: Địch Minh Nghĩa, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Thỏ ty tử	60 gam	Thích vị bì	60 gam
Ngũ vị tử	30 "	Phá cố chỉ	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần dùng 3 - 6 gam, ngày 3 lần uống với nước ấm.

3. Bổ Thận sinh tinh hoàn

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Sinh Sái sâm	30 gam	Lộc nhung	30 gam
Ngũ vị tử	30 "	Tiên linh tỳ	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên mỗi viên nặng 2 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 đến 3 lần. Cũng có thể ngâm thuốc vào 500 ml rượu trắng sau 2 tuần mới lấy uống, mỗi lần 5 - 10 ml, ngày 2 - 3 lần.

4. Song bổ cố tinh hoàn

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Nhân sâm	Ngũ vị tử
Chi tử	Kim anh tử
Thạch xương bồ	

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần.

Gia giảm: Tâm phiền kém ngủ gia Viễn chí (trích) để an thần định chí, giao thông Tâm Thận.

5. Tiêu thị khiếm thực liên tử chúc

Người cống hiến: Tiêu Cung, Giáo sư
Đại học Y khoa tỉnh Sơn Đông

Khiếm thực	15 gam	Liên mễ	15 gam
Cánh mễ	30 "		

Cách dùng: Trước hết nấu Khiếm thực và Liên tử, sau đó bỏ Cánh mễ vào nấu thành cháo cho ăn.

6. Vương thị tế liệu nhiếp tinh đan

Người cống hiến: Vương Lâm Hiến, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Cẩm Dương tỉnh Tứ Xuyên

Hải phiêu tiêu	40 gam	Long cốt	40 gam
Văn cáp	40 "	Kim anh tử	20 "

Cách dùng: Bỏ Kim anh tử vào chảo rang thật kỹ nhưng không được cháy quá, sau đó trộn các vị thuốc khác vào sao qua, đem tán bột đựng vào lọ kín để dùng. Khi sử dụng lấy khoảng 10 gam thuốc bột trộn vào chính cái tinh dịch của người bệnh chảy ra, hoặc trộn vào nước bọt của bệnh nhân ấy cho thành dạng hồ phết vào vải sạch rồi dán vào rốn, bên ngoài dán băng dính cố định, cứ 2 ngày lại theo phép trên thay thuốc dán 1 lần, liên tục cho đến khi dán được 2 tuần rồi mà không di tinh nữa là kết quả.

198. DƯƠNG VẬT CƯƠNG LIÊN TỤC

Chứng này chỉ âm hành cương cứng lạ thường, kéo dài không mềm có khi tới vài ngày, tới cả tháng cũng không mềm. Chứng thuộc hoả cang gây nên, có triệu chứng âm hành cương cứng, nhập phòng vẫn như cũ, vài ngày không mềm, quy đầu sưng trướng, kèm theo tiểu tiện nhỏ giọt, miệng đắng và khô, mạch Huyền Hoạt mà sáp, rêu ở gốc lưỡi vàng nhớt gây nên bệnh này, phần nhiều do hàng ngày hay ăn đồ béo ngọt, rượu chè quá mức đến nỗi đờm hoả từ trong sinh ra, dồn xuống bộ phận sinh dục gây nên. Có thể điều trị bằng ***Chu thị dương cường phương (1)***. Ở trẻ em, nếu có chứng âm hành cương cứng không mềm thì có thể dùng ***Chu thị huyền minh phấn tán (2)*** để đắp vào lòng hai bàn tay.

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị dương cường phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Đởm Nam tinh 12 gam (đựng vào trong viên nang để nuốt chiêu với nước thuốc)

Hoàng bá (tẩm muối sao)	12 gam
Khương trúc nhự	20 "
Huyền minh phấn (hoà uống)	9 "

Viễn chí	15 gam	Bá tử nhân	12 gam
Long đởm thảo	9 "	Huyền sâm	20 "
Mạch môn đông	15 "	Tri mẫu	12 "
Địa cốt bì	12 "	Sinh Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc nước uống. Ngoài ra lại dùng 60 gam Huyền minh phấn sắc lấy nước để rửa âm hành, ngày rửa 3, 4 lần, đồng thời phối hợp với phép châm vào 2 huyệt Khí hải, Phong long mỗi ngày một lần để tăng cường khả năng tả hoả, hoá đờm thì hiệu quả càng nhanh chóng.

2. Chu thị huyền minh phấn tán

Người cống hiến: Chu Phượng Ngô, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Huyền minh phấn 10 gam

Cách dùng: Trước khi đi ngủ dùng Huyền minh phấn đắp vào lòng hai bàn tay, phủ vải ra ngoài, buộc băng cố định, thực hiện liên tục 1 tuần.

199. CHỨNG KHÔNG PHÓNG TINH

Không phóng tinh là chỉ khi giao hợp không phóng được tinh dịch. Chứng nhẹ thì cũng có thể ra được chút ít tinh dịch. Chứng nặng có khi hoàn toàn không ra tinh dịch, đây là một chứng không sinh dục thường gặp ở nam giới, nên tham khảo với chứng "Không có con".

Không phóng tinh hoặc phóng được cũng khó khăn, lượng rất ít kèm theo ngực sườn khó chịu, bụng dưới trướng đầy, bứt rứt ợ hơi thở dài, tính tình ưu uất, mạch Huyền, chất lưỡi tối là bệnh do Can uất không thư sướng, tinh khiếu không thông lợi, phép trị nên sơ Can lý khí, khai khiếu thông tinh, cho uống ***Cố thị thông khiếu chủng ngọc thang.***

PHỤ PHƯƠNG

Cố thị thông khiếu chủng ngọc thang

Người cống hiến: Cố Bảo Quân, Phó Nghiên cứu viên Trung y học viện Nam Kinh

Sài hồ	10 gam	Bạch thược	10 gam
Xương bồ	10 "	Uất kim	10 "
Lưu hành tử	10 "	Đào nhân	10 "
Hồng hoa	6 "	Xuyên luyện (sao)	10 "
Lục nhất tán	10 "	Trà diệp	10 "

200. CHỨNG KHÔNG CÓ CON

Không có con là chỉ nam giới sau khi kết hôn, người phụ nữ bình thường mà không có khả năng sinh đẻ. Đã kết hôn nhiều năm, lưng đùi tê mỏi, tinh thần thấy mỏi mệt yếu sức, kiêm chứng tinh dịch loãng, không thiết tha về sinh lý, tinh trùng giảm ít, đó là Thận hư tuỷ yếu, cho uống ***Nam tử bất dục phương số I (1)*** để tăng tinh ích tuỷ, hoặc dùng ***Ích tinh lưu lân hoàn (2)*** để tư âm bổ Thận, ích tuỷ sinh tinh.

Nếu kiêm các chứng dương nuy tảo tiết hoặc kiểm tra số lượng tinh trùng quá ít, hoặc số tinh trùng hoạt động không nhiều, hoặc tinh trùng dị dạng v.v.. Bệnh phần nhiều do tinh suy dương yếu. Nếu thiên về dương hư, nhẹ thì dùng ***Kha tử hải hương tán (3)*** để ôn dương ích Thận, nặng thì dùng ***Lý thị dục tự thang (4)*** để phù dương bổ hư, ích Thận tăng tinh. Nếu thiên về tinh suy thì dùng ***Bổ thận sinh tinh phương (5)*** để ích Thận sinh tinh.

Nếu kiêm chứng kiểm tra không có tinh trùng thì dùng ***Chủng tử đan (6)*** để bổ Thận trợ dương, sinh tinh mạnh tuỷ. Dương hư tinh yếu mà kiêm chứng sắc mặt đen sạm, chất lưỡi tía tối là do tinh huyết của Thận nguyên đương bất túc, lại kiêm cả ứ trệ có thể dùng ***Lư thị hoàn xuân khẩu phục dịch (7)*** để ích khí sinh tinh, tráng dương và hoạt huyết. Nếu kiêm chứng đại tiện lỏng kém ăn là do Tỳ hư khí yếu. Thận hư tinh kém, có thể dùng

Lý thị điền tinh chủng tử hoàn (8) để bổ khí kiện Tỳ bổi bổ ích Thận.

Do phòng lao quá độ hoặc có tiền sử tổn thương bộ phận sinh dục mà không sinh con được, kiêm chứng phát sốt về chiều, Tâm phiền khát nước, tiểu tiện và đại tiện khô kết, lưng đùi tê mỏi, đổ mồ hôi trộm, lưỡi ít rêu hoặc rêu lưỡi vàng nhớt, hoặc kiểm tra tinh dịch không biến hoá dẫn đến không sinh con được. Bệnh thuộc Can Thận âm hư kiêm cả thấp nhiệt, nếu thiên về âm hư thì uống ***Bất dục cơ bản phương số I (9)*** để tư âm giáng hỏa, thanh lợi thấp nhiệt. Nếu thiên về thấp nhiệt thì dùng ***Hoá tinh thang (10)*** để thấm thấp thanh nhiệt, kiện Tỳ dưỡng âm.

Nam giới không sinh dục kiêm chứng dễ bị cảm mạo, khi bị cảm mạo thì tắc mũi họng đau khái thấu, đại tiện nhão hoặc ăn uống không giữ gìn nóng lạnh là ỉa lỏng nôn mửa buồn nôn, trướng bụng đau bụng hoặc váng đầu tự ra mồ hôi sắc mặt kém tươi mạnh Tế Nhược, lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng, cạnh lưỡi có vết răng đó là Tỳ Phế khí hư kiêm cả thấp nhiệt ở đường ruột cho uống ***Bất dục cơ bản phương số II (11)*** để bổ Phế kiện Tỳ thanh trường tiết nhiệt.

PHỤ PHƯƠNG

1. Nam tử bất dục phương số I

Người cống hiến: Vạn Như Thẩm, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thỏ ty tử
Phúc bồn tử
Ngũ vị tử
Xa tiền tử

Câu kỷ tử	Nữ trinh tử
Sa uyển tử	Tử hà xa
Hoàng tinh	Thủ ô (chế)
Tang phiêu tiêu	Đương quy
Lộc giác giao (hoặc sương)	Nhục thung dung

2. Ích tinh lưu lân hoàn

Người cống hiến: Bành Tĩnh Sơn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Thục Địa hoàng	30 gam	Thỏ ty tử	30 gam
Phúc bồn tử	25 "	Phục linh	20 "
Câu kỷ	30 "	Cố chỉ	30 "
Xa tiền tử	10 "	Phỉ tử (sao)	15 "
Nhục quế	10 "	Ngũ vị tử	15 "
Lộc nhung	5 "	Trầm hương	10 "
Hồ đào nhân	15 "	Ba kích thiên	25 "

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 viên chiêu với nước muối nhạt.

3. Kha tử hải hương tán.

Người cống hiến: Kha Tuyết Phàn, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Hải mã	100 gam	Cửu hương trùng	200 gam
Hoài sơn dược	300 "		

Cách dùng: Ba vị trên tán bột trộn đều, mỗi buổi sáng hoà với mật uống 10 gam.

4. Lý thị dục tự thang.

Người cống hiến: Lý Đức Nhai, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Sùng Văn thành phố Bắc Kinh

Tiên mao	15 gam	Tiên linh tỳ	15 gam
Thỏ ty tử	15 "	Hà thủ ô	24 "
Thục Địa hoàng	15 "	Ba kích thiên	15 "
Ngũ vị tử	15 "	Lộc giác sương	15 "
Đông quy tử	15 "	Phụ tử (bào)	6 "
Phúc bồn tử	15 "	Nhục thung dung	15 "

Gia giảm: có hiện tượng nhiệt bỏ Phụ tử gia Tri mẫu, Hoàng bá. Có hiện tượng hàn rõ rệt gia Nhục quế, Tiểu hồi hương, Khương hoàng. Đầu mắt choáng váng gia Câu kỷ tử, Tang thầm tử. Lưng đùi tê mỏi gia Xuyên Tục đoạn, Đỗ trọng, Cẩu tích. Kém ăn mỏi mệt gia Hoàng kỳ, Hoàng tinh, Đảng sâm, Bạch truật. Cao hoàn vừa đau vừa trệ gia Quất hạch, Lệ chi hạch, Xuyên luyện tử. Hồi hộp không ngủ được gia Bá tử nhân, Viễn chí. Hậu thiên bất túc cần tăng liều lượng các vị bổ khí kiện Tỳ như Sâm, Kỳ, Truật v.v..

5. Bổ Thận sinh tinh phương

Người cống hiến: Lưu Thẩm Thu, Y sư chủ nhiệm
Y viện Bắc Kinh

Thục Địa hoàng
Phúc bồn tử
Tiên linh tỳ
Bổ cốt chi
Nữ trinh tử
Thỏ ty tử
Câu kỷ tử
Nhục thung dung
Xà sàng tử

Gia giảm: Âm hư gia Sinh Địa hoàng, Tri mẫu, Hoàng bá. Dương hư gia Tiên mao, Phỉ tử, Nhục quế. Kiêm khí trệ, huyết ứ gia Hương phụ, Phật thủ, Xuyên khung, Xích thược.

6. Chủng tử đan.

Người cống hiến: Trương Hải Sâm, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Hải long	3 con	Lộc nhung	15 gam
Dương thận	1 đôi	Nhục thung dung	15 "
Hải cẩu thận	15 gam	Thai bàn	30 "
Tiên linh tỳ	20 "	Tiền mao	20 "
Ba kích thiên	20 "	Hồ lô ba	20 "
Câu kỷ tử	30 "		

Cách dùng: Các vị trên sấy khô tán bột, luyện mật làm viên, ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 10 gam. Nếu đơn thuốc trên đổi làm dạng thuốc sắc thì mỗi thang chỉ dùng Hải long 1 con, Thai bàn 3 gam, Hải cẩu thận 1,5 gam, Lộc nhung 2 gam. Bốn vị này đều tán bột còn các vị Nhục thung dung, Tiên linh tỳ, Tiên mao, Ba kích, Hồ lô ba, Câu kỷ tử giữ nguyên liều lượng, đổ nước vào sắc rồi lấy thuốc này để hoà với bột 4 vị thuốc nói trên, mỗi ngày uống 1 thang. Dương thận thì mỗi ngày dùng 1 cái đem hầm chín cho uống cả nước và cái.

Gia giảm: Nếu muốn điền bổ lâu ngày nên chiếu cố cả Tỳ Vị có thể linh hoạt gia Sa nhân, Bạch truật bổ ích cho hậu thiên để hỗ trợ tiên thiên. Nếu Thận dương Thận âm đều hư hoặc dùng đơn thuốc này lâu ngày mà có hiện tượng táo nhiệt, có thể linh

hoạt thêm các vị tư bổ Thận âm như Thục Địa hoàng, Quy bản, Thiên môn đông.v.v.

7. Lư thị hoàn xuân khẩu phục dịch

Người cống hiến: Lư Phương, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Cáp Nhĩ Tân

Hồng sâm	15 gam	Lộc nhung	5 gam
Dâm dương hoắc	15 "	Hán Tam thất	15 "
Câu kỷ tử	15 "		

Cách dùng: Các vị trên đựng vào lọ thuỷ tinh ngâm vào cồn Êtilíc 12% trong 2 tuần, lọc bỏ bã lấy nước trong, mỗi lần uống 10 ml ngày 2 lần.

8. Lý thị điền tinh chủng tử hoàn.

Người cống hiến: Lý Hưng Bồi, Y sư chủ nhiệm
Y học viện Tân Cương

Hoàng kỳ	120 gam	Cát Lâm Bạch sâm	120 gam
Thục Địa hoàng	120 "	Sơn dược	120 "
Bạch truật	100 "	Phá cố chỉ	90 "
Nhục thung dung	90 "	Câu kỷ tử	90 "
Tiên mao	90 "	Tiên linh tỳ	90 "
Ba kích thiên	90 "	Hồ lô ba	90 "
Phỉ thái tử	90 "	Sơn du nhục	90 "
Câu kỷ	90 "	Cẩu tích	90 "
Lộc giác giao	90 "	Tục đoạn	60 "
Hoài Ngưu tất	60 "	Đỗ trọng	60 "
Cam thảo	60 "	Sa nhân	3 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên mỗi viên nặng 1 gam, ngày 3 lần, mỗi lần uống 1 viên chiêu với nước chín.

9. Bất dục cơ bản phương số I.

Người cống hiến: Từ Phúc Tùng, Phó giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sinh Địa hoàng	12 gam	Trạch tả	10 gam
Mẫu đơn bì	6 "	Bích đào can	10 "
Bích ngọc tán	15 "	Tri mẫu	6 "
Phục linh	10 "	Câu kỷ tử	10 "
Xa tiền tử	10 "	Bạch thược	10 "

10. Hoá tinh thang.

Người cống hiến: Thi Hán Chương, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Ý dĩ	30 gam	Sinh Địa hoàng	10 gam
Mạch môn đông	15 "	Nữ trinh tử	10 "
Hoạt thạch	10 - 30 "	Phục linh	10 "
Hổ trượng	12 "		

Cách dùng: Mỗi ngày sắc uống 1 thang, 15 ngày là một đợt điều trị, uống 1 - 2 đợt điều trị là kết quả.

Gia giảm: Nếu nhiệt thịnh gia Tri mẫu 10 gam, Huyền sâm 10 gam. Nếu thấp tà thịnh gia Trư linh 10 gam, Trạch tả 10 gam, Mộc thông 10 gam.

11. Bất dục cơ bản phương số II.

Người cống hiến: Từ Phúc Tùng, Phó giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Nhân sâm	10 gam	Bạch truật	10 gam
Phục linh	10 "	Hoàng kỳ	12 "
Hoài sơn dược	10 "	Quảng Mộc hương	6 "
Sa nhân	2 "	Hoàng liên	2 "
Ý dĩ nhân	15 "	Kê nội kim (trích)	6 "

201. CAO HOÀN TRƯỚNG ĐAU

Chứng này chỉ cao hoàn sưng trướng và đau, bệnh danh là "Sán khí". Trẻ em thường hay gặp cao hoàn đau dữ dội, có khi xiên lên cả bụng dưới, sưng trướng không rõ rệt, gặp hàn lạnh thì càng đau, gặp ấm áp thì dễ chịu, đây là do hàn tà ngưng trệ, điều trị theo phép ôn kinh tán hàn, lý khí chỉ thống, cho uống ***Trương thị hàn sán thang (1).***

Sán khí thiên truỵ, cao hoàn sưng trướng mà đau, xu thế đau dữ dội, rêu lưỡi trắng nhớt là thuộc hàn, thấp và đờm trọc tụ ở dưới, có thể dùng ***Thái bảo đan cao dược phương (2)*** để dán.

Cao hoàn lệch một phía, trướng trệ mà đau lan toả tới bụng dưới và hai bên sườn, hoặc gặp lạnh thì đau tăng. Kiêm chứng ngực bụng trướng đầy, bệnh thuộc khí trệ, Can uất kiêm hàn tà dùng ***ở Phòng thị sán khí phương số I (3)*** đắp ấm để lý khí chỉ thống, tán hàn. Cao hoàn trướng rắn và đau, ưa ấm sợ lạnh là do huyết ứ hàn ngưng dùng ***Phòng thị sán khí phương số II (4)*** đắp ấm vào nơi đau để hoạt huyết hoá ứ hành khí tán hàn giảm đau tiêu sán.

Trẻ em sán khí thiên truỵ trướng đau tái phát nhiều lần, kiêm chứng bụng nặng trệ trướng đầy, đắng miệng kém ăn, mặt nhợt kém tươi là do khí hãm ở dưới uất kết không thư sướng, cho

uống ***Hoàn sán thang (5)*** để ích khí, thăng đề, tán trệ, chữa chứng sán.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị hàn sán thang.

Người cống hiến: Trương Hải Sâm, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Tây Tiểu hồi	10 gam	Quảng Mộc hương	10 gam
Thanh bì	10 "	Xuyên luyện tử	10 "
Phụ tử	10 "	Hương duyên	10 "
Huyền hồ	10 "	Nhục quế	3 "
Cam thảo	3 "	Quất hạch	15 "
Thục địa (sao)	15 "		

2. Thái bảo đan cao dược phương

Người cống hiến: Hạ Ứng Đường tiên sinh, Nhà Trung y nổi tiếng Thượng Hải

Tất bát	60 gam	Công Đinh hương	60 gam
Tế tân	60 "	Phong phòng thán	120 "
Bách thảo sương	60 "		

Cách dùng: Các vị tán bột đựng vào bình đậy kín mỗi lần lấy "Vạn ứng thanh lương cao hắc nhục" 300 gam và thuốc bột 30 gam. Trước hết đem cao nhục đun cho chảy ra rồi trộn thuốc bột vào, căn cứ vào bộ vị bệnh biến to hay nhỏ mà đắp miếng

cao tương ứng lên nơi đau. Nói chung 5 đến 6 ngày thay thuốc cao đắp 1 lần.

Chú ý: Trường hợp sưng đỏ thành mủ thuộc dương chứng thì không nên dùng thuốc này.

3. Phòng thị sán khí phương số I

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Hồi hương	60 gam	Cát cánh	60 gam
Thực diêm	6 "		

Cách dùng: Các vị nghiền bột hoặc không nghiền bột, bỏ vào chảo đem sao, đừng sao cháy quá, đợi lúc thuốc nóng vừa phải bọc vào vải chườm ấm vào nơi đau.

4) Phòng thị sán khí phương số II.

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Quy vĩ	6 gam	Xích thược	6 gam
Mộc hương	2,4 "	Hồng hoa	6 "
Nhục quế	2,4 "	Hồi hương	6 "
Quất hạch	6 "	Ngưu tất	6 "
Quế chi	6 "	Hắc sửu	3 "
Bạch sửu	3 "	Ô dược	3 "
Sinh Tân lang	3 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc 2 nước chia uống làm 2 lần, còn bã thuốc lúc còn ấm bọc vải chườm vào nơi đau.

Cách dùng: Ngày 1 thang, sắc 2 nước chia uống làm 2 lần, còn bã thuốc lúc còn ấm bọc vải chườm vào nơi đau.

5. Hoàn sán thang

Người cống hiến: Lý Khổng Định, Y sư chủ nhiệm
Trung y Học hiệu thành phố Cẩm Dương tỉnh Tứ Xuyên

Sài hồ	6 gam	Bạch thược	15 gam
Chỉ thực	12 "	Cam thảo	6 "
Hoàng kỳ	12 "	Bắc Ngũ vị	6 "
Lệ chi hạch	12 "	Hoàng cầm	10 "
Huyên thảo căn	15 "	Thiết tiễn thảo	15 "

Liều lượng trên đây để dùng cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

Cách dùng: Các vị thuốc bỏ vào ấm, đổ nước vào ngâm 1 giờ, đun sôi 10 phút, lấy ra 100 ml nước, lại đun tiếp 3 lần lấy nước cốt trộn đều chia làm 4 lần uống lúc nóng. Bệnh này về mùa Đông thì da dẻ săn lại điều trị khá dễ. Về mùa Hè thì da dẻ nhão ra điều trị hơi khó. Thời kỳ uống thuốc kiêng chạy nhảy hoạt động, cũng đừng ăn quá no. Khi chứng sán đã tiêu trong đơn thuốc bỏ Hoàng cầm, giảm Chỉ thực và Lệ chi hạch, mỗi thứ chỉ còn 4 gam, uống liên tục 5 thang nữa để củng cố hiệu quả.

202. SƯNG BỘ PHẬN SINH DỤC

Bộ phận âm nang bị thuỷ thũng gọi là sưng bộ phận sinh dục. Bệnh thuộc loại âm thuỷ, thường đồng thời xuất hiện với phù thũng toàn thân, nên tham khảo với bệnh "Phù thũng toàn thân".

Sưng bộ phận sinh dục mà thể chất còn khoẻ , khái thấu, thở suyễn, tiểu tiện ít, đại diện nhão, kém ăn, nôn mửa, buồn nôn, hồi hộp mạch Trầm hoặc Hoạt Sác, hoặc ố hàn phát nhiệt hoặc họng sưng đỏ đau, đó là do Phế Tỳ bất hoà, thuỷ thấp ứ đọng ở trong, cho uống ***Đạo thuỷ phục linh thang*** để kiện Tỳ lợi thấp, sơ Phế khơi thông thuỷ đạo.

PHỤ PHƯƠNG

Đạo thuỷ phục linh thang

Người cống hiến: Hoàng Thiếu Hoa, Y sư chủ nhiệm Y viện số 4 thành phố Vũ Hán

Bạch truật	10 gam	Phục linh (cả vỏ)	20 gam
Trư linh	10 "	Trạch tả	10 "
Xa tiền tử	10 "	Lục nhất tán	12 "
Trần bì	10 "	Hậu phác	10 "
Đại phúc bì	10 "	Tô diệp	10 "
Hạnh nhân	10 "		

Gia giảm: Tỳ hư khí yếu gia Điền sâm hoặc Thái tử sâm, Ý dĩ nhân, Trích Cam thảo bỏ Lục nhất tán. Nếu đồng thời xuất hiện cả cao huyết áp bỏ Phòng kỷ. Có triệu chứng suy tim dùng liều cao Phục linh gia Chu sa và Bá tử nhân. Nếu suyễn thở gia Tô tử, Đình lịch tử, Lai bặc tử (sao). Có chứng phúc thủy gia Hồ lô biều. Amidal sưng to gia Bản lam căn. Mụn nhọt phối hợp với Ngũ vị tiêu độc ẩm, Thổ Phục linh .v.v.

203. ÂM HÀNH LOÉT NÁT

Chứng này chỉ bộ phận âm hành có khối sưng, sau đó bị loét nát. Thường kèm theo hiện tượng cục bộ bị ngứa và đau, chảy máu và rất hôi, tiên lượng dễ khỏi. Nếu triệu chứng không nặng lắm, khối sưng loét nát không lớn lắm có thể uống ***Cúc tảo hoàn (1)*** để giải độc tiêu sưng, nhưng trước hết hãy đắp ở bên ngoài bằng ***Ngũ hổ đan (2)*** để tiêu độc, trừ loét nát, sau đó lại rắc ***Ngân hôi cao dược phấn mạt (3)*** để trừ thịt nát, sưng thịt mới và thu liễm vết nhọt.

PHỤ PHƯƠNG

1. Cúc tảo hoàn

Người cống hiến: Tiêu Tử Vinh, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Cúc hoa	100 gam	Hải tảo	100 gam
Tam lăng	100 "	Nga truật	100 "
Đảng sâm	100 "	Hoàng kỳ	100 "
Kim ngân hoa	100 "	Sơn đậu căn	100 "
Sơn từ cô	100 "	Lậu lô	100 "
Tử thảo	25 "	Hoàng liên	25 "
Mã tiền tử (chế)	50 "	Ngô công (chế)	50 "
Mã lan tử	75 "	Thục Đại hoàng	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột dùng 1000 gam Tử Thạch anh nung đỏ, bỏ vào trong 2000 ml dấm đợi khi nguội thì lọc qua lấy nước dấm này trộn thuốc bột làm hoàn to bằng hạt ngô đồng. Mội ngày dùng từ 2 - 3 lần, mỗi lần từ 25 - 30 viên, uống sau bữa ăn một giờ chiêu với nước ấm. Cấm ăn các thức kích thích.

2. Ngũ hổ đan.

Người cống hiến: Tiên Từ Vinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Nam

Thuỷ ngân	180 gam	Bạch phàn	180 gam
Thanh phàn	180 "	Nha tiêu	180 "
Thực diêm	90 "		

Cách dùng: Áp dụng phép chế giáng đan sau khi đã kết tinh thành mầu trắng là tốt (liều lượng thuốc trên có thể cho đơn 150 - 180 gam). Nếu chứng bệnh thuộc loại loét nát thì dùng Kết tinh ngũ hổ đan 1,2 gam, Thiềm tô 0,5 gam, Hồng nương 0,5 gam, Ban mâu (bỏ đầu bỏ chân sấy khô) 0,5 gam, Dương kim hoa (bột) 1 gam, lấy 2 gam nước hồ gạo trộn vào thuốc rồi bôi lên chỗ loét nát, lại lấy thuốc Vạn ứng cao (bài thuốc trong Y tông kim giám) bồi phủ ra ngoài. Nếu chứng bệnh có dạng như hoa cải thì dùng cao lỏng Ngũ hổ đan, liều lượng thuốc cũng như công thức nói trên, nước hồ gạo đổi làm nước cơm 3 gam nặn thành thỏi có 2 đầu nhọn, sấy khô, mỗi thỏi dài 4 mm, đường kính 0,3 mm, nặng 0,72 gam, căn cứ vào chỗ loét nát to nhỏ mà nhét thỏi thuốc vào, khi dùng không quá 4 thỏi, nếu diện tích loét khá lớn thì nên nhét thuốc lần lượt, đợi khi lần nhét thuốc

thứ nhất tổ chức loét hoại tử đã bong hết hãy nhét vào chỗ loét thứ hai. Cuối cùng mới dùng Vạn ứng cao phủ ra ngoài.

3. Ngân hôi cao dược phấn mạt.

Người cống hiến: Tiêu Tử Vinh, Giáo sư Trung y học viện Hồ Nam

Thuỷ ngân	60 gam	Hương tích	60 gam
Lô cam thạch	150 "	Duyên phấn	90 "
Khinh phấn	30 "	Băng phiến	15 "

Cách dùng: Trước hết bỏ Hương tích vào trong chảo, nấu cho tan ra rồi bỏ Thuỷ ngân lẫn vào, sau khi nguội lấy ra nghiền bột, các vị thuốc còn lại cũng nghiền bột trộn lại với nhau là được. Sau khi dùng Ngũ hổ đan, các múi thịt loét nát đã rụng, lại dùng Hồng thăng đan rắc vào bề mặt mụn nhọt và lấy Vạn ứng cao phủ lên trên, đợi khi vết mụn bằng phẳng sinh được thịt mới thì dùng ngay bột Ngân hôi cao dược phấn rắc vào bề mặt nhọt, dùng vải tiêu độc phủ ra ngoài, cứ 2 ngày thay thuốc một lần cho đến khi miệng nhọt kín là khỏi.

204. BÊN TRONG HÁNG CÓ KHỐI SƯNG

Bên trong háng có khối sưng phần nhiều là phát bệnh ở một bên. Nếu khối sưng thường bị loét nát mà lâu liền miệng. Có triệu chứng bên trong háng có khối sưng, tiếp theo là loét nát, chảy nước, chảy mủ lâu không liền miệng, kiêm chứng sốt nhẹ, gầy còm, mồ hôi trộm, kém ăn đó là chính khí hư, tà lưu luyến có thể dùng ***Sử thị phù chính bại độc thang (1)*** để ích khí huyết, dưỡng Can Thận giải nhiệt độc trừ đờm thấp. Nếu nước mủ chỉ có ít thì cục bộ có thể dùng ***Bế quản cao (2)*** để hoạt huyết giải độc thu liễm sinh cơ. Nếu khối sưng ở bên trong háng đau và nóng rát, sợ sờ mó, kiêm chứng phát sốt sợ lạnh, cơ nhục và các khớp toàn thân đau nhức là do nhiệt độc uất kết ở huyết phận. Điều trị nên thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết lương huyết, hành ứ thông lạc dùng ***Tiêu thị thanh giải thông lạc thang (3)***.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sử thị phù chính bại độc thang

Người cống hiến: Sử Tế Trụ, Y sư chủ nhiệm
Y viện Trạm Bắc thành phố Thượng Hải

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Toàn Đương qui	15 gam
Vân Phục linh	10 "	Hoàng tinh (chế)	30 "
Xuyên Tục đoạn	15 "	Liên kiều	15 "
Sinh Cam thảo	10 "	Luật thảo	30 "
Trạch tả	30 "		

2. Bế quản cao.

Người cống hiến: Sử Tế Trụ, Y sư chủ nhiệm
Y viện Trạm Bắc thành phố Thượng Hải

Nhũ hương	10 gam	Một dược	10 gam
Cương tàm	10 "	Thuyền thoái	10 "
Bạch cập	30 "	Nhi trà	15 "
Long cốt (nung)	30 "	Tượng bì	120 "
Tượng nha tiêu	10 "	Phong phòng	15 "
Huyết kiệt	30 "	Thích vị bì	15 "
Hoàng lạp	10 "	Ma du	1000 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên nấu lấy nước thật đặc, lọc bỏ bã đựng vào bình kín để dùng dần. Nếu có nhiều mủ thì trước hết hãy dùng Hoá quản điều (cách làm Hoá quản điều: Bạch giáng đan, Hồng thăng đơn liều lượng bằng nhau trộn với hồ làm thành sợi nhỏ và cứng như que diêm, phơi gió cho khô, khi dùng thì xỏ sợi thuốc vào lỗ dò, bên ngoài phủ vải tiêu độc, mỗi ngày thay thuốc 1 lần) đợi khi nào tình huống toàn thân được cải thiện, mủ ở lỗ dò giảm nhiều bấy giờ mới dùng bơm tiêm hút thuốc cao vào, từ từ bơm vào lỗ dò đầy miệng là được. Bề mặt cũng phủ vải kín, cách ngày thay thuốc một lần. Trước khi dùng thuốc hãy rửa cho sạch lỗ dò bằng nước muối.

3. Tiêu thị thanh giải thông lạc thang

Người cống hiến: Tiêu Huy, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Kim ngân hoa	30 gam	Tử hoa địa đinh	15 gam
Dã cúc hoa	15 "	Tỳ qua lạc	12 "

Xích Thược dược	10 gam	Mẫu đơn bì	10 gam
Sinh Hoàng bá	10 "	Xuyên Ngưu tất	10 "
Trạch lan diệp	10 "	Sinh Hổ trượng	15 "
Tế Sinh địa	15 "		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, đồng thời bôi vào cục bộ thuốc nước nói trên.

205. TIỀN ÂM LOÉT NÁT, CÓ SÂU

Chứng này chỉ khu vực tiền âm của nam và nữ lúc đầu chỉ nổi nốt nhỏ, dần dần to lên, sau khi bị vỡ thì loét nát, máu và nước dầm dề, xung quanh nổi gồ lên, ở giữa thì do sâu đục khoét lõm xuống, chảy ra mủ và máu, tục gọi là "Cam xương" "Mai độc". Cùng với triệu chứng trên còn phát sinh tiểu tiện dầm dề, sắc vàng và nóng rát, bệnh phần nhiều do thấp nhiệt dịch độc dồn xuống, có thể dùng *Gia giảm giải độc thiên tương tán* để thanh nhiệt, lợi thấp giải độc.

PHỤ PHƯƠNG

Gia giảm giải độc thiên tương tán

Người cống hiến: Lưu Hải Hàm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Chu Khẩu tỉnh Hà Nam

Đương quy	30 gam	Bạch thược	20 gam
Phòng phong	20 "	Ô tiêu xà	20 "
Thiền thuế	20 "	Tật lê	12 "
Kim ngân hoa	30 "	Hoa phấn	15 "
Thổ Phục linh	120 "	Bạch tiên bì	15 "
Đại hồ ma	15 "	Sinh Cam thảo	30 "

206. NGỨA Ở ÂM NANG

Chứng ngứa ở âm nang có hai loại khô và ướt. Vùng âm bộ nổi bì chẩn, thấm ra nước vàng, ngứa gãi tái phát từng đợt, âm bộ ra nhiều mồ hôi, rất ẩm, kiêm chứng tiểu tiện vàng sẻn, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp độc phong thịnh, nên trừ thấp giải độc, tiêu phong chống ngứa. Bên trong thì uống ***Toàn trùng phương (1),*** bên ngoài thì bôi ***Lang độc cao (2).*** Bì chẩn ở bộ phận âm nang thấm ướt, ngứa gãi từng đợt lâu không khỏi, lưỡi nhợt, không có rêu hoặc lưỡi sáng bóng, đó là thấp độc dồn xuống lâu ngày thương âm hao huyết thì dùng ***Tư âm trừ thấp thang (3)*** để tư âm dưỡng huyết, trừ thấp chống ngứa. Chứng này còn có chuyên mục riêng gọi là "Âm dương" chuyên nói về bên trong bên ngoài âm hộ của phụ nữ gây ngứa. Điều trị hai loại này có chỗ gần giống nhau nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Toàn trùng phương

Người cống hiến: Triệu Bình Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Toàn trùng	6 gam	Tạo giác thích	12 gam
Trư nha tạo	6 "	Thích Tật lê	15 - 30 "
Hoè hoa (sao)	15 - 30 "	Uy linh tiên	12 - 30 "

Khổ sâm	6 gam	Mạch tiên bì	15 gam
Hoàng bá	15 "		

2. Lang độc cao

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Lang độc	90 gam	Tân lang	90 gam
Xà sàng tử	90 "	Đại phong tử nhân	90 "
Lưu hoàng	90 "	Ngũ bội tử	90 "
Phác tiêu	90 "	Hoàng lạp	250 "
Trư đởm chấp	10 cái	Ma du	1300 ml

Cách dùng: 7 vị thuốc trên nghiền nhỏ, bỏ Ma du vào nồi đun nóng, bỏ dần dần Phác tiêu vào (thứ này rất dễ trào bọt, phải cẩn thận), tiếp theo là bỏ Hoàng lạp vào khuấy tan rồi lần lượt bỏ Đởm chấp và thuốc bột vào khuấy đều thành cao, khi dùng thì đắp ra ngoài nơi đau.

3. Tư âm trừ thấp thang

Người cống hiến: Chu Nhân Khang, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Sinh Địa hoàng	30 gam	Huyền sâm	12 gam
Đương qui	12 "	Đan sâm	15 "
Phục linh	9 "	Trạch tả	9 "
Bạch tiên bì	9 "	Xà sàng tử	9 "

207. NGOẠI ÂM LỞ LOÉT

Chứng này chỉ vùng ngoại âm ngứa ngáy và lở loét, thường kèm theo đắng miệng và toét mắt. Nếu bệnh lâu ngày không khỏi, chỗ loét nát ngứa ngáy không chịu nổi, kiêm chứng thể trạng béo bệu, rêu lưỡi dày nhớt, Tâm phiền khát nước, phát sốt, tiểu tiện vàng, đau họng, khớp xương sưng đau là do thấp nhiệt độc ứ nghẽn cả trên và dưới, điều trị nên thanh nhiệt lợi thấp, giải độc hoạt huyết, cho uống ***Thẩm thị bạch tắc giảm tiêu thang.***

Chứng này nên tham khảo với chứng "Ngứa ở bộ phận sinh dục".

PHỤ PHƯƠNG

Thẩm thị bạch tắc giảm tiêu thang

Người cống hiến: Thẩm Phượng Các, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hoàng liên	4 gam	Sinh Cam thảo	8 gam
Hoàng cầm	10 "	Sinh Ý dĩ nhân	15 "
Phi Hoạt thạch	10 "	Cúc hoa	12 "
Lô căn	30 "	Xích thược	9 "
Sinh Địa hoàng	10 "	Hồng hoa	6 "
Mộc thông	4 "	Thổ Phục linh	15 "
Hoàng bá (sao)	10 "		

Gia giảm: Nên căn cứ vào cơ chế bệnh mà lưu ý gia giảm. Ví dụ: Nếu thấp nhiệt nghẽn thở gia Xa tiền tử 15 gam, Trạch tả 12 gam. Nếu nhiệt độc quá thịnh mà sốt cao không lui gia Liên kiều 9 - 12 gam, Kim ngân hoa 10 - 12 gam, Sinh Thạch cao 15 - 30 gam (sắc trước). Nếu kinh lạc bị ứ nghẽn nặng gia Ngưu tất 12 - 15 gam. Kiêm cả khí âm đều hư bỏ Mộc thông, Hoàng liên gia Thái tử sâm 10 gam, Xuyên Thạch hộc 10 - 15 gam. Nếu khí huyết suy hư thì gia Bạch thược 12 - 15 gam, Lộ Đảng sâm 10 - 12 gam.

Căn cứ vào chủ chứng để gia giảm: Sốt nhẹ gia Thanh cao 9 - 12 gam, Thanh đậu quyển 10 - 15 gam, Tần giao 9 - 12 gam. Khớp xương sưng đau gia Uy linh tiên 10 - 15 gam, Hải đồng bì 10 - 15 gam, Yết hầu sưng đau gia Tang diệp 9 - 12 gam. Kém ăn gia Thần khúc 9 - 12 gam, Bạch truật 10 - 15 gam. Buồn nôn hoặc nôn mửa gia Khương Bán hạ 9 - 12 gam, Trúc nhự 9 - 15 gam. Bụng trên trướng đầy, ợ hơi rõ rệt gia Trần bì 6 - 9 gam, Cốc nha (sao) 9 - 15 gam, Mạch nha (sao) 9 - 15 gam.

Căn cứ vào bộ vị của bệnh để gia giảm: Lấy thể trạng lưỡi và các triệu chứng tổn hại ở khoang miệng làm chủ yếu thì gia Đạm trúc diệp 10 - 30 gam, Thăng ma 6 - 12 gam, Tang diệp 9 - 12 gam. Lấy tổn hại ở vùng mắt là chủ yếu thì gia Cốc tinh thảo 12 -15 gam, Văn tàm xa 9 - 12 gam. Lấy tổn hại ở quy đầu, âm đạo và âm thần v.v.. rõ rệt gia Xương truật (sao) 8 gam, Bại tương thảo 15 - 20 gam, Phòng kỷ 9 - 12 gam.

Căn cứ vào tổn hại ở vùng mắt rõ rệt có thể phối hợp với Cúc hoa 30 gam sắc lấy nước để rửa. Nếu khoang miệng loét nát phối hợp với Bạc hà 9 - 12 gam sắc lấy nước ngậm nuốt dần dần. Bộ phận sinh dục loét nát đau và ngứa phối hợp với Khổ sâm 9 -15 gam, Hoàng bá 9 - 15 gam, Địa phu tử 9 - 15 gam nấu lấy nước đặc để trước xông, sau rửa.

PHẦN XVII

CHỨNG TRẠNG VÙNG HẬU ÂM

Phần này giới thiệu các chứng bệnh trĩ ở giang môn, táo bón, đại tiện ra huyết, đại tiện ra nhầy. Hậu âm tức là phách môn, bên trong liền với tạng phủ nên các chứng trạng thường phản ánh bệnh của tạng phủ, nhất là hư thực hàn nhiệt ở Tỳ Vị và đường ruột, trong chẩn đoán lâm sàng chiếm vị trí rất trọng yếu.

208. ĐẠI TIỆN THỦY TẢ (Ỉa chảy)

Đại tiện ra nước loãng, có khi ra cả đồ ăn không tiêu gọi là đại tiện thuỷ tả là một chứng thường gặp đều thấy ở các bệnh nội thương, ngoại cảm.

Ỉa chảy khá gấp, bài tiết ra nước trong như dội, buồn nôn hoặc nôn mửa, vùng trung quản bĩ đầy kém ăn, bụng trướng đau là do uế trọc, thử thấp uất trệ ở trong cho uống ***Đông thị thuần dương tân lang thang (1)*** để hành khí đạo trệ, tiêu trừ uế trọc.

Ỉa chảy đột ngột ra nước trong, tiểu tiện ít, sắc vàng, vùng bụng trướng đầy, rêu lưỡi nhớt hoặc Tâm phiền khát nước là do thấp trọc kiêm cả thử tà gây nên, cho uống ***Thi thị thuỷ tả phương (2)*** để táo thấp lý khí, khoan trung trừ tả; nếu bệnh quá nặng thì dùng ***Phùng thị hắc sơn tra thang (3)*** để lý khí hòa Vị táo thấp sáp trường.

Ỉa chảy đột ngột, kiêm chứng sợ lạnh và ẩu nghịch, cho uống loại thuốc phương hương hoá trọc như ***Tống thị trường viêm phương (4)*** vừa lợi tiểu chỉ tả kiêm giải biểu. Nếu kiêm chứng ẩu nghịch buồn nôn, giang môn nóng rát và trướng bụng, cho uống ***Thi thị thanh lý hòa trung phương (5)*** để thanh nhiệt lý khí, hoá thấp trừ tà.

Nếu kiệm chứng thực tích, phần nhiều là hay ợ hơi, đại tiện ra đồ ăn không tiêu cho uống ***Lưu thị trường viêm phương (6)***

để thanh nhiệt táo thấp chỉ tả và tiêu đạo. Kiêm chứng ngực đầy buồn nôn ố hàn phát sốt thì dùng ***Địch thị thử thấp tiết tả phương (7)*** để hoà trung hoá thấp trừ trọc thăng thanh và kiêm giải biểu.

Ỉa chảy lâu ngày hay tái phát không khỏi hẳn, kiêm chứng bụng dưới nặng trệ và thiểu khí là do thanh khí hạ hãm, cho uống ***Lưu thị cử hãm thăng thanh thang (8)*** để nâng thanh dương lên. Nếu kiêm chứng kém ăn tinh thần mỏi mệt yếu sức, ăn phải dầu mỡ thì ỉa chảy tăng, cho uống ***Cát căn kiện Tỳ chỉ tả thang (9)*** để bổ trung ích khí, kiện Tỳ chỉ tả.

Ỉa chảy lâu ngày, kém ăn, tinh thần mỏi mệt, gầy còm, rêu lưỡi nhớt uống ***Gia giảm lục thần thang (10)*** để bình bổ Tỳ Vị hoá thấp chỉ tả.

Ỉa chảy lâu ngày, bụng có cảm giác lạnh và đau âm ỉ, đi tả ra toàn nước là do trung khí hư hàn, điều trị theo phép ôn trung kiện Tỳ, lý khí giảm đau, tán hàn chỉ tả. Chứng nhẹ thì dùng ***Hương khương đường hồng tán (11)***, chứng nặng thì dùng ***Ngô thị nhục đậu khấu tán (12)*** để ôn trung hành khí, sáp trường chỉ tả.

Chứng trung khí hư hàn có triệu chứng đại tiện ra có cả chất nhầy, đau bụng khá nặng, rêu lưỡi nhớt hoặc vàng nhớt là do Tỳ Vị hư hàn, thấp nhiệt vấn vương ở Trường, cho uống ***Dương thị chế mai ẩm (13)*** để ôn trung kiện Tỳ, thanh nhiệt lợi thấp, sáp trường chỉ tả. Nếu nôn oẹ ưa uống nước nóng, ỉa chảy ra nước ngày tới mươi lần bụng, lạnh đau hoặc ố hàn, cho uống ***Vị tảo hoàn (14)*** để ôn dương hoá khí, lợi thấp chỉ tả.

Nếu kiêm chứng tinh thần mệt mỏi, chân tay không ấm, hay nằm co là do Tỳ Thận dương hư, hạ nguyên không bền. Nếu nghiêng về Tỳ thì uống ***Ôn Thận kiện Tỳ chỉ tả phương (15)*** để kiện Tỳ ôn dương sáp Trường cố Thận. Nếu thiên về Thận thì dùng ***Đổng thị mạn tính kết trường viêm nghiệm phương (16)*** để ôn Thận trợ dương, kiện Tỳ ấm Vị.

Đại tiện không thành khuôn, thường xuyên ỉa lỏng, ngày vài lần có khi tới hơn 10 lần, ruột sôi ùng ục, không đau bụng, bệnh nhân vốn trước béo mập giờ gày còm, ăn kém dần, miệng khô không muốn uống nước, tinh thần mỏi mệt yếu sức, nặng hơn thì kéo dài hàng năm không khỏi, đây là do đàm ẩm gây nên ỉa chảy, cho uống ***Trương thị đàm ẩm cửu tả phương (17)*** để ôn bổ Tỳ Thận, làm mạnh Trung dương, hoá đàm trừ ẩm.

Đại tiện lỏng loãng hoặc chỉ toàn nước, nhiều lần, đau bụng sôi bụng, ngực khó chịu, bụng trướng, họng vướng đờm hoặc có ẩm tà là do Phế mất sự thanh túc, thượng tiêu bế kết, đàm thấp và thuỷ khí lưu đọng ở đường ruột, cho uống ***Hoàng thị khai thượng đạt hạ phương (18)*** để khai phát Thượng tiêu, thông điều đường nước.

Đại tiện lỏng loãng như nước, tái phát lâu ngày, có khi bài tiết ra cả nhầy sắc trắng ngày 2 - 4 lần, trong bụng lạnh đau, sôi bụng trướng bụng, hơi bị lạnh hoặc ăn thức ăn sống lạnh vào là đau nặng ngay, mạch Trầm Trì hoặc Trầm Hoạt, rêu lưỡi trắng gốc lưỡi nhớt, bệnh thuộc trầm hàn ngưng tụ ở đường ruột, nên ôn dương trục hàn, tiêu tích giúp sự vận chuyển, cho uống ***Ba Lưu tán (19).***

Phàm chứng ỉa chảy đỡ dần hoặc không còn tà khí uất trệ rõ rệt, có thể dùng ***Hoàng thị kiện Tỳ trợ vận tán (20)*** để phù chính kiện Tỳ, ích khí tăng vận chuyển của Tỳ để cải thiện về sau.

Ỉa lỏng tái phát không khỏi hẳn, đại tiện lỏng nhão hoặc lẫn cả nhầy trắng và đỏ, đau bụng âm ỉ, ấn vào cũng không giảm, tinh thần mỏi mệt, gày còm, chân tay không ấm, ăn không thấy ngon, miệng dính và đắng là do âm dương không điều hoà, hư thực lẫn lộn, cho uống ***Khương liên dưỡng trường thang (21).***

Chứng này với chứng "Đại tiện lỏng nhão" trên cơ sở chứng nhân mạch trị phần nhiều có chỗ giống nhau, nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Đồng thị thuần dương tân lang thang

Người cống hiến: Chu Hiểu Minh, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Lâm Cần tỉnh Sơn Đông kể lại phương thuốc của Đồng Thiếu Bá, nhà Trung y cao tuổi nổi tiếng ở Trung y học viện Thượng Hải

Công Đinh hương	3 gam	Quan quế	3 gam
Thanh Mộc hương	6 "	Phục linh	6 "
Hoa tiêu	1,5 "	Thanh bì	6 "
Trần bì	6 "	Nga truật	6 "
Hoàng bá	9 "	Tân lang	6 "
Chế Đại hoàng	6 "	Chế Hương phụ	6 "
Hắc sửu	4 "	Bạch sửu	4 "

Hoắc hương	10 gam	Xương truật	12 gam
Khương Bán hạ	10 "		

2. Thi thị thuỷ tả phương

Người cống hiến: Thi Điện Bang, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Xương truật	10 gam	Hậu phác	10 gam
Trần bì	6 "	Cam thảo	6 "
Trạch tả	12 "	Phục linh	12 "
Xa tiền tử (sao)	10 "	Ý dĩ nhân	20 "
Hoàng liên	6 "	Mộc hương	10 "

3. Phùng thị hắc sơn tra thang

Người cống hiến: Phùng Nhan Thần, Phó Giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Hắc Sơn tra	30 gam	Hoàng liên	10 gam
Quảng Mộc hương	10 "	Khương Bán hạ	10 "
Hậu phác	120 "	Kha tử nhục	10 "
Đại bạch (sao)	10 "	Bạch thược	20 "
Chỉ thực	15 "	Trần bì	12 "
Cam thảo	6 "		

4. Tống thị trường viêm phương

Người cống hiến: Tống Hiếu Chí, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Hoắc hương	10 gam	Tô diệp	10 gam
Bán hạ	10 "	Lục nhất tán	10 "

5. Thi thị thanh lý hòa trung phương

Người cống hiến: Thi Điện Bang, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Cát căn	12 gam	Hoàng liên	6 gam
Hoàng cầm	10 "	Cam thảo	6 "
Mộc hương	10 "	Mã sĩ hiện	30 "
Hậu phác	10 "	Hoắc hương	10 "
Bán hạ	10 "		

6. Lưu thị trường viêm phương

Người cống hiến: Lưu Bật Thần, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Cát căn	10 gam	Hoàng liên	1,5 gam
Hoàng cầm	10 "	Thần khúc	10 "

7. Địch thị thử thấp tiết tả phương

Người cống hiến: Địch Giám Đình, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hoắc hương	10 gam	Mộc hương	6 gam
Cát căn (nướng)	10 "	Quất bì	10 "
Đại phúc bì	10 "	Hậu phúc (sao)	4 "
Tiêu Sơn tra	10 "	Thần khúc (sao)	10 "
Phục linh	10 "	Lục nhất tán	10 "
Thông thảo	5 "	Sinh khương	3 nhát
Hà diệp	1 lá	Biểu đậu diệp	14 lá

8. Lưu thị cử hãm thăng thanh thang

Người cống hiến: Lưu Thụ Nông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Khương hoạt	9 gam
Độc hoạt	9 "	Tiền hồ	9 "
Sài hồ	9 "	Chỉ xác	9 "
Cát cánh	6 "	Cam thảo (trích)	3 "
Xuyên khung	3 "	Xích Phục linh	9 "
Sinh khương	3 "	Trần mễ	9 "

9. Cát căn kiện Tỳ chỉ tả thang

Người cống hiến: Tần Bá Vị tiên sinh, Nhà Trung y học trứ danh

Phấn cát căn	3 gam	Sơn dược (sao)	9 gam
Phục linh	9 "	Mễ xác	9 "
Cốc nha	9 "	Bổ trung ích khí hoàn	9 "
Xích Thạch chi	12 "	Hà đế (sao)	3 lá

10. Gia giảm lục thần thang

Người cống hiến: Tịch Lương Thừa, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Cam Túc

Sơn dược	Ý dĩ nhân
Biển đậu	Phục linh
Quất hồng	Cam thảo

11. Hương khương hồng đường tán

Người cống hiến: Trương Chí Viễn, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Can khương	350 gam	Quảng Mộc hương	50 gam
Hồng đường	120 "		

Cách dùng: Mộc hương và Can khương đem tán bột, trộn Hồng đường vào. Đây là liều lượng cho một đợt điều trị. Mỗi lần uống 10 gam, chiêu với nước chín, cách 3 giờ uống 1 lần, ngày 4 lần, uống liên tục 14 ngày. Nếu thuốc cay quá, có thể giảm mỗi lần chỉ uống 5 gam, và cứ 30 phút uống 1 lần, ngày 8 lần.

Gia giảm: Kém ăn dùng Sa nhân 5 - 9 gam. Khí hư vô lực, dùng Nhân sâm 3 - 8 gam. Hồi hộp không yên, dùng Quế chi 7 - 12 gam, Phục linh 9 - 12 gam, Cam thảo nướng 10 - 18 gam. Tiểu tiện sẻn ít, gia Trạch tả 8 - 16 gam, Trư linh 9 - 15 gam. Tình tự bất thường, cáu giận thì đau bụng, dùng Bạch thược sao 12 - 20 gam. Những vị thuốc nói trên hàng ngày sắc lấy nước làm thang, chia làm 4 - 8 lần uống với thuốc bột này.

12. Ngô thị nhục đậu khấu tán

Người cống hiến: Ngô Lâm Bằng, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y dược khu Nam Dương tỉnh Hà Nam

Nhục đậu khấu (nướng)	Sinh Cam thảo

Hai vị thuốc trên liều lượng bằng nhau.

Cách dùng: Tán bột, người lớn mỗi ngày nuốt 3 gam, ngày 3 lần. Trẻ em cứ mỗi cân thể trọng uống 50 gam, chia ba lần uống, chiêu với nước chín.

13. Dương thị chế mai ẩm.

Người cống hiến: Dương Tô Vân, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu Đức Châu tỉnh Sơn Đông

Phụ tử	10 gam	Bào khương	5 gam
Thái sâm	20 "	Sơn dược	20 "

Bạch đầu ông	15 gam	Tần bì	15 gam
Hoắc hương	10 "	Kha tử	14 "

Cách dùng: Các vị sắc lấy nước, chia uống hai lần sáng và tối sau bữa cơm, mỗi ngày 1 thang.

14. Vị tảo hoàn

Người cống hiến: Vương Cẩm Chi, Giáo sư
Tống Hiếu Chí, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Phụ tử lý trung hoàn Hoắc hương chính khí thuỷ
Vị linh tán

Cách dùng: Ba thứ thuốc trộn lẫn, mỗi lần uống 6 gam, ngày 2 lần.

15. Ôn Thận kiện Tỳ chỉ tả phương

Người cống hiến: Lục Thủy Xương, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Sơn Đông

Đảng sâm	18 gam	Bạch truật (sao)	15 gam
Phục linh	15 "	Bạch Biển đậu	18 "
Tiêu Sơn tra	18 "	Cố chỉ (sao)	9 "
Thần khúc (sao)	9 "	Trạch tả (sao)	9 "
Ngô thù (sao)	9 "	Ngũ vị tử	9 "
Bạch thược (sao)	15 "	Kha tử (nướng)	6 - 9 "
Mộc hương	6 "	Sa nhân	9 "

Nhục đậu khấu (nướng) 6 - 9 gam
Cam thảo (nướng) 6 "

Gia giảm: Nếu người bệnh thể trạng vốn hư yếu, ớn lạnh, chân tay lạnh, sau khi đã uống 12 - 15 thang đơn thuốc trên, tiết tả tuy giảm mà vẫn đau bụng nhiều, gia Túc sác (tẩm dấm sao), Can khương (sao), Xuyên Phụ tử mỗi thứ từ 6 - 9 gam, lại căn cứ vào tình trạng sức khoẻ, linh hoạt gia Đảng sâm, Bạch truật (sao), Bạch thược (sao) và Cam thảo (trích) liều lượng thích hợp.

16. Đổng thị mạn tính kết trường viêm nghiệm phương

Người cống hiến: Đổng Thấu Lục, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số II thành phố Thượng Hải

Hắc Phụ tử 30 gam Hoàng ngưu thối nhục 500 gam

Cách dùng: Phụ tử sắc trước gạt bỏ bọt, lại lấy thịt đùi bò (Hoàng ngưu thối nhục) rửa sạch bỏ vào nồi, thêm 2 bát to nước, hoà vào chút ít rượu ngon, Sinh khương 2 nhát, đun nhỏ lửa, sau khi chín thì chủ yếu ăn thịt bò và uống nước, mỗi lần 1 bát, ngày hai lần. Ăn và uống liên tục 7 ngày, ỉa chảy ngừng, phân thành khuôn.

17. Trương thị đàm ẩm cửu tả phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện Hồ Bắc

Phục linh	15 gam	Đảng sâm (sao với gạo)	15 gam
Cam thảo	10 "	Bạch truật (thổ sao)	15 "
Trần bì	10 "	Pháp Bán hạ	10 "
Bạch Biển đậu	15 "	Kha tử (nướng)	10 "
Anh túc xác (sao)	10 "	Nhục đậu khấu	10 "
Can khương	10 "	Bổ cốt chi	10 "
Võ dư lương	30 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước, chia làm ba lần uống lúc ấm, 10 thang làm một đợt điều trị, bệnh khỏi thì ngừng thuốc ngay, không cần uống hết thang.

18. Hoàng thị khai thượng đạt hạ phương

Người cống hiến: Hoàng Nhất Phong, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Tô Châu

Tô ngạnh	10 gam	Sinh Tử uyển	3 gam
Hoắc ngạnh	10 "	Cát cánh	3 "
Khương Bán hạ	10 "	Ô dược	10 "

Mộc hương tân lang hoàn 10 gam

Gia giảm: Nếu đàm thấp ngăn trở Phế khí, ngực khó chịu như bị nén, có thể dùng Tiền hồ, Ngưu bàng tử.

19. Ba lưu tán

Người cống hiến: Sử Đới Tường, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu nghị

Chế Ba đậu	0,62 gam	Sinh Lưu hoàng	1,24 gam

Cách dùng: Trên đây là liều lượng cho một ngày, các vị trên bỏ vào viên nang, chia làm hai lần uống sau bữa cơm (quan sát địa phương và sức khoẻ cá nhân, cũng có thể dùng từ một nửa liều lượng tăng dần lên, sau 2 - 3 ngày thấy không có phản ứng phụ mới cho uống đúng với liều quy định).

Quy cách bào chế: Sinh Lưu hoàng loại bỏ tạp chất, tán bột mịn là được. Chế Ba đậu sương, đun nhỏ lửa cho thành than, tay sờ vào thấy hết dầu là được (Ba đậu sương bán ở thị trường có 20% hàm lượng dầu sau khi sao thành than chỉ có 3% hàm lượng dầu).

20. Hoàng thị kiện Tỳ trợ vận tán

Người cống hiến: Hoàng Nhất Phong, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Tô Châu

Thăng ma (trích)	30 gam	Lộ Đảng sâm	30 gam
Bạch truật (sao)	30 "	Bạch Phục linh	100 "
Cam thảo (trích)	20 "	Phòng phong	30 "
Thanh bì	40 "	Trần bì	30 "
Bạch thược (sao)	100 "	Mộc hương (vùi)	30 "
Hoài sơn dược	300 "	Ngô du (sao)	20 "
Trầm hương	20 "	Mộc qua (sao)	30 "
Hoắc hương	30 "	Quế chi	30 "
Ô dược (sao)	30 "	Tử hà xa	30 "
Kê nội kim	60 "	Sa nhân	20 "
Bổ cốt chi	30 "	Mạch nha (sao)	40 "
Bào khương thán	20 "	Chỉ xác	30 "

Cách dùng: Các vị tán bột, ngày uống hai lần sáng và tối, mỗi lần uống 6 gam hoà vào chút đường mà uống.

21. Khương liên dưỡng trường thang

Người cống hiến: Hồ Kiều Võ, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh An Huy

Can khương	3 gam	Mao khương	10 gam
A giao	10 "	Hạn liên thảo	20 "
Đương quy	10 "	Hoàng liên	6 "
Bạch truật	10 "	Mộc hương 6 "	
Phòng phong	6 "	Cam thảo (trích)	6 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 nước lấy 400 ml nước thuốc đặc chia làm 2 lần uống sáng và tối vào lúc đói bụng. A giao trong thang thuốc nên hoà tan vào nước mà uống. Sau khi bệnh đã bớt, có thể dùng bài thuốc này tán bột, A giao thì hoà tan luyện bột thuốc làm viên, mỗi lần uống 10 gam, ngày nuốt thuốc 2 lần vào lúc đói để củng cố hiệu quả , có khi cần uống tới 2 - 6 tháng mới tốt.

Gia giảm: Bệnh nặng về thấp nhiệt, gia Mã sỉ hiện 30 gam. Đại tiện ra huyết hoặc nhiều nhầy đỏ, gia Địa du 10 gam, Nha đảm tử (mỗi lần uống 15 hạt, bỏ vỏ mà nuốt ngày 2 lần). Bệnh nghiêng về âm thịnh, số lần ỉa chẩy nhiều, gia Ô mai 20 gam.

209. ĐẠI TIỆN LỎNG LOÃNG

Đại tiện lỏng loãng là chỉ đại tiện loãng không thành khuôn, số lần đại tiện mỗi ngày vài lần có khi ba bốn lần, so với đại tiện loại ỉa chảy thì chất không trong loãng mấy và số lần đại tiện cũng không nhiều, phát bệnh cũng không gấp gáp; nhưng nguyên nhân và cơ chế bệnh hai loại này có chỗ gần giống nhau, lâm sàng nên phối hợp tham khảo.

Bệnh trình lâu ngày, đại tiện lỏng loãng mỗi ngày một hai lần không qui tắc, hoặc ăn thức thức dầu mỡ thì bệnh tăng, kém ăn, thể trạng gầy còm, rêu lưỡi trắng nhớt mà dầy là do Tỳ hư thấp khốn, cho uống ***Ân thị kiện Tỳ chỉ tả phương (1)*** để kiện Tỳ hoá thấp, sáp trường chỉ tả. Nếu kiêm chứng chân tay không ấm, trước khi đại tiện bụng trướng và đau, sôi bụng v.v.. là hàn thấp khốn Tỳ, cho uống ***Lư thị chỉ tả lương phương (2)*** để ôn trung hoá thấp, kiện Tỳ lý khí. Nếu kiêm chứng đoản hơi, tinh thần mỏi mệt, đại tiện trong phân lẫn nhiều nhầy nhớt hoặc ra cả thức không tiêu, sắc mặt kém tươi, bệnh do Tỳ khí hư yếu mất chức năng vận chuyển bài tiết, có thể dùng ***Nguy thị trị mạn tính phúc tả phương (3)*** để ích khí bổ Tỳ, hoá thấp tiêu tích, điều hòa Vị Trường. Nếu kiêm chứng trướng bụng cấp bách, sôi bụng, có lúc khó đại tiện, có lúc đại tiện trong phân lẫn nhầy nhớt trắng và đỏ, phiền táo ức uất, bệnh do Can vượng Tỳ hư, hàn nhiệt lẫn lộn, điều trị nên điều Can ôn trung làm dịu cơn cấp bách, thanh thấp nhiệt ở Đại trường, chứng nhẹ thì dùng ***Hồ thị***

lý trung thanh trường phương (4) chứng nặng có thể uống ***Dương thị tiện đường linh (5).***

Đại tiện lỏng loãng, đầu choáng hụt hơi, mỏi lưng yếu sức, kém ăn, tiểu tiện lượng nhiều và trong, chân tay không ấm, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng, mạch Trầm Nhược, bệnh thuộc Tỳ Thận dương hư, có thể uống ***Đoàn thị bổ Tỳ ôn Thận thang (6)*** để kiện Tỳ ích khí, ôn Thận phù Dương.

Người già hư suyễn, nhiễm tà khí phát bệnh ngay; hoặc thiếu nhi phú bẩm yếu đuối, gặp lạnh thì suyễn lại kiêm cả các chứng nói ở trên, có thể dùng ***Lâm thị sâm cáp song tướng tán (7)*** để bổ Thận ích khí, bình suyễn trừ đàm, ấm bên dưới thanh bên trên.

Đại tiện lỏng loãng ngày bốn, năm lần, kéo dài không khỏi, đói mà không muốn ăn, khát cũng không thiết uống, mỏi mệt yếu sức, vùng lưng ê mỏi, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi mỏng xốp, mạch Huyền Tế, là do Tỳ thận âm khuy dùng ***Sài thị dưỡng Tỳ hộ căn thang (8)*** để bổ Thận dưỡng Tỳ ích âm chỉ tả.

PHỤ PHƯƠNG

1. Ân thị kiện Tỳ chỉ tả phương

Người cống hiến: Ân Đức Toại, Giáo sư Y viện Trường Chinh, Thượng Hải

Tế mễ khang	15 gam	Xương truật	15 gam
Sơn dược	5 "	Sa nhân	1 "

Cách dùng: Thuốc trên tán bột, ép thành viên dẹt mỗi phiến nặng 0,5 gam, ngày 3 lần, mỗi lần uống 6 viên.

2. Lư thị chỉ tả lương phương

Người cống hiến: Lư Phương, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Cấp Nhĩ Tân tỉnh Hắc Long Giang

Xương truật	50 gam	Xa tiền tử	50 gam
Bạch thược	50 "	Mộc hương	15 "
Phục linh	25 "	Bào khương	50 "

Cách dùng: Sắc nhỏ lửa 3 nước, tất cả lấy được 500 ml, chia làm 3 lần uống sáng, trưa, tối, trước bữa cơm 30 phút.

Gia giảm: Nếu ỉa chảy khá nặng, gia Mễ xác 15 gam.

3. Nguy thị trị mạn tính phúc tả phương

Người cống hiến: Nguy Bắc Hải, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y Bắc Kinh

Lộ Đảng sâm	15 gam	Bạch truật	15 gam
Bạch linh	30 "	Ý dĩ nhân	30 "
Liên nhục	12 "	Hoàng kỳ (trích)	30 "
Trần bì	15 "	Tiêu tam tiên	30 "
Ngũ vị tử	10 "	Cam thảo (trích)	4 "
Hoàng liên phấn	1 "	Đại hoàng thán	1 "

Cách dùng: Sắc lấy nước chia làm ba lần uống, ngày 3 lần, sau bữa cơm 1 giờ

4. Hồ thị lý trung thanh trường phương

Người cống hiến: Hồ Kiến Hoa, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	12 gam	Bạch truật	12 gam
Phục linh	12 "	Bào khương	4,5 "

Phòng phong (sao)	9 gam	Bạch thược	15 gam
Cam thảo (trích)	6 "	Tần bì	12 "
Mã sỉ hiện	30 "		

5. Dương thị tiện đường linh

Người cống hiến: Dương Trạch Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Thường Châu tỉnh Giang Tô

Đảng sâm	10 gam	Bạch truật	10 gam
Bào khương	3 "	Quế chi	10 "
Bạch thược	10 "	Thảo quả	5 "
Tần bì	30 "	Cức mục	30 "
Phòng phong	10 "	Trần bì	10 "
Cam thảo	3 "	Thanh bì	10 "

Cách dùng: Sắc 2 lần lấy 300 ml nước thuốc đặc, ngày 3 lần, mỗi lần uống 100 ml lúc thuốc còn ấm.

6. Đoàn thị bổ Tỳ ôn Thận thang

Người cống hiến: Đoàn Á Đình, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Trùng Khánh

Đảng sâm	Hoài sơn
Bạch truật	Ba kích
Tiên linh tỳ	Phụ tử
Thục Địa hoàng	Sơn thù du
Câu kỷ	Đỗ trọng
Xuyên Tục đoạn	Đương quy
Cam thảo	

7. Lâm thị sâm cáp song tướng tán

Người cống hiến: Lâm Thế Cân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Từ Châu

Sinh Sái sâm	10 gam	Chế Đại hoàng	20 gam
Chế Lưu hoàng	100 "	Cáp giới	1 đôi

Cách dùng: Đem Lưu hoàng nấu chung với Đậu hủ một liều lượng lớn gấp đôi Lưu hoàng, sau khi nấu được 3 giờ, lấy Lưu hoàng ra phơi khô để dùng, Cáp giới bỏ vẩy, đầu và chân ngâm vào 50 ml rượu kê cho ngấu, đun nhỏ lửa sấy khô, Đại hoàng tẩm rượu rồi chưng đủ 3 lần, sấy khô. Bốn vị cùng tán bột, đựng vào viên nang mỗi viên nặng 0,5 gam. Người lớn mỗi lần uống 4 viên, ngày 2 lần, uống 5 ngày thì ngưng thuốc 2 ngày, trẻ em giảm liều lượng.

8. Sài thị dưỡng Tỳ hộ căn thang

Người cống hiến: Sài Bành Niên, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Thục Địa hoàng	30 gam	Sinh Bạch truật	15 gam
Sinh Sơn dược	15 "	Sinh Biển đậu	15 "
Cam thảo (trích)	15 "	Bào khương	3 "
Ngô thù du	3 "		

Cách dùng: Những vị thuốc trên ngâm vào lượng nước thích hợp lâu 30 phút, rồi đem nấu lâu 30 phút, mỗi thang nấu 2 lần, ngày một thang. Trộn hai nước vào nhau chia uống 2 lần sáng và tối.

210. ĐẠI TIỆN RA NHẦY NHỚT

Đại tiện ra nhầy nhớt là chỉ chứng đại tiện trong phân có lẫn nhầy nhớt sắc trắng hoặc đỏ, thường kèm theo đau bụng, quặn bụng mót rặn, tục gọi là Lỵ tật. Chứng này chủ yếu do cảm nhiễm thử thấp dịch độc gây lên. Chứng này lúc bắt đầu phát bệnh dữ dội, đại tiện nhiều lần, bài tiết ra nhớt dính khó chịu, đau bụng, lý cấp hậu trọng, rêu lưỡi vàng nhợt, đây là do thử thấp và nhiệt gây nên, dùng ***Lưu thị trường viêm lỵ tật phương (1)*** để thanh nhiệt lý khí, khoan trường chỉ lỵ. Đau bụng nhiều, đại tiện ra nhầy nhớt trắng lẫn đỏ thì dùng ***Triệu thị thấp nhiệt lỵ phương (2).*** Nặng hơn thì uống ***Thi thị lỵ tật phương (3)*** để thanh nhiệt lương huyết, thư giãn khí cơ, hoà khí chỉ lỵ.

Nếu rêu lưỡi nhớt, đại tiện bài tiết chủ yếu nhầy nhớt sắc trắng, biếng ăn, bụng bĩ đầy hoặc đau, bệnh thuốc thử thấp uất ở trong, nhẹ thì dùng ***Tam hoa thang (4);*** nặng thì dùng ***Bổ thị lỵ tật phương (5)*** để thanh hoá thấp nhiệt điều hoà Tỳ Vị. Nếu kiêm chứng buồn nôn, nôn mửa là do thử thấp uất ở trong, Vị khí không hoà, dùng ***Tam liên hoàn (phương) (6)*** để thanh nhiệt hoá trọc, tiêu tích chỉ lỵ, hoà Vị giáng nghịch.

Bệnh Lỵ phát đột ngột, ngày đêm đi vài chục lần, lý cấp hậu trọng, trong bụng đau thắt, sốt cao phiền khát, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch Trầm Tế mà Huyền, đỏ là nhiệt độc quá thịnh, khí huyết

không hòa, cho uống ***Lý thị cấp lỵ phương (7)*** để hoạt huyết lý khí, giải độc đạo trệ.

Các chứng bệnh nói trên, ngoài việc dùng thuốc dạng sắc uống ở trong, còn có thể phối hợp với ***Châm cứu trị lỵ phương*** *(8)* hoặc ***Quán trường phương*** *(9)* hiệu quả càng nhanh.

Chứng Thử thấp nhiệt kiêm cả tích trệ đồ ăn uống, trướng bụng ợ hơi thì dùng ***Tiêu tích thanh hoá phương (10)*** để tiêu thực hành khí, thanh nhiệt hoá thấp.

Chứng Lỵ tái phát nhiều lần, hư thực hàn nhiệt luân phiên lẫn lộn, biếng ăn đại tiện lỏng và trướng bụng dùng ***Chương thị kiện trung thanh hoá phương (11)*** để kiện Tỳ hoà trung, thanh hoá thấp nhiệt. Kiêm chứng thể trạng tiều tuỵ, miệng ấm lưỡi đỏ, mạch Trầm Vi Sác là âm dịch đã tổn thương, dùng ***Hề thị phù chính chỉ lỵ phương (12)*** để phù chính dưỡng âm, kiện Tỳ chỉ lỵ.

Đại tiện lỏng loãng kéo dài có lẫn cả nhầy nhớt hoặc giống như bệnh lỵ, trước ra nhầy nhớt mủ máu sau mới ra phân, đau phía dưới bụng bên trái hoặc lý cấp hậu trọng, cho uống ***Cửu tả đoạn hạ thang (13)*** để táo thấp khai kết, chữa cả hàn và nhiệt, lý khí sáp Trường, nếu mạch Huyền thì dùng ***Ô mai bại tương phương (14)*** để thanh hoá thấp nhiệt, thư giãn khí huyết, phù Can ức Tỳ, ngoài ra cũng có thể phối hợp với ***Bạch tiên bì tiễn (15)*** mà rửa ruột.

Trẻ em lỵ lâu ngày hay tái phát, có chứng gầy còm, thoát giang, tiểu tiện ít, không thiết ăn, miệng lưỡi mọc mụn là do tả

lâu ngày biến thành chứng Cam, dùng ***Tiêu cam tán (16)*** để hoà doanh chỉ lỵ.

Lỵ lâu ngày hoặc Tả kéo dài, bụng trướng đau, kém ăn hoặc táo bón và xuất hiện lúc tả lúc lỵ thay phiên, đó là do Tỳ hư mất sự vận chuyển mạnh, Can khí lấn Tỳ, huyết ứ khí trệ, dùng ***Hoàng kỳ điều hoà Can Tỳ phương (17)*** để kiện Tỳ sơ Can, lý khí hoá ứ.

Lỵ lâu ngày hoặc Tả lâu ngày, đại tiện ra mủ máu, bụng đau trướng trệ, mỏi mệt khát nước, hồi hộp đoản hơi là khí và âm đều tổn thương, trung khí hạ hãm, cho uống ***Phương thị trường viêm kinh nghiệm phương (18)*** để thăng thanh kiện Tỳ, ích khí dưỡng âm, chỉ tả hoà Can.

Chứng Xích lỵ đằng dai lâu ngày, bại hoại trung khí, lưỡi tía tân dịch khô, mạch Trầm Tế mà Sác, dùng ***Nhiễm thị cứu âm chỉ lỵ phương (19)*** để cứu âm thanh nhiệt, chỉ lỵ. Nếu kiêm chứng khát nước Tâm phiền, tiểu tiện vàng, đại tiện ra máu mủ khá nhiều hoặc ra toàn máu, bệnh thuộc thấp độc chưa hết, âm dịch đã hao tổn, cho uống ***Trương thị âm hư huyết lỵ phương (20)*** để dưỡng âm tăng dịch, bại độc tả hoả, thanh nhiệt lương huyết.

Lỵ lâu ngày không dứt, trắng nhiều đỏ ít, bụng đau âm ỉ, ưa ấm sợ lạnh, kém ăn mặt nhợt, lưỡi nhạt rêu lưỡi trắng nhớt, mạch Trầm Trì là bệnh hư hàn lỵ, chủ yếu nên ôn trung kiện Tỳ kèm theo thuốc thanh Trường trừ thấp, điều hoà khí huyết, cho uống ***Ngụy thị trị lỵ tật phương (21).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Lưu thị trường viêm lỵ tật phương

Người cống hiến: Lưu Bật Thần, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng liên	1,5 gam	Mộc hương (vùi)	3 gam
Mã xỉ hiện	15 "		

2. Triệu thị thấp nhiệt lỵ phương

Người cống hiến: Triệu Thiệu Cầm, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Cát căn	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Hoàng liên	10 "	Xích thược	10 "
Bạch đầu ông	10 "	Tần bì	6 "
Hoạt thạch	10 "	Tiêu tam tiên	30 "

3. Thi thị lỵ tật phương

Người cống hiến: Thi Điện Bang, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng liên	6 gam	Hoàng bá	6 gam
Bạch đầu ông	30 "	Hậu phác	10 "
Cát căn	15 "	Mộc hương	10 "
Mã sỉ hiện	30 "	Xích thược	15 "
Địa du	10 "	Sơn tra	10 "

4. Tam hoa thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Biển đậu hoa 10 nắm (hoa tía, hoa trắng mỗi thứ một nửa)

Kim ngân hoa	10 gam	Ích mẫu thảo hoa	10 gam
Lục nhất tán	10 "	Ô dược	6 "

Cách dùng: Các vị thuốc chỉ sắc một nước, chia uống từ từ tí một, nếu uống mà Vị khẩu không tiếp nhận thì dùng riêng Biển đậu hoa với tiết Vịt nấu kỹ, rỏ thêm vài giọt dầu vào mà ăn điểm tâm. Hoặc là dùng Biển đậu hoa, Mộc nhĩ đen liều lượng bằng nhau, thêm gia vị vào hầm chín mà ăn.

5. Bổ thị lỵ tật phương

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu tiên sinh,
Nhà Trung y học nổi tiếng

Hoắc hương ngạnh	6 gam	Hoàng bá (sao)	2,4 gam
Hoàng cầm (sao)	3 "	Hoàng liên	2,4 "
Hạnh nhân	6 "	Xương truật (sao)	4,5 "
Trạch tả	3 "	Hậu phác	4,5 "
Hoạt thạch	9 "	Đại phúc bì	4,5 "
Nhân trần	6 "	Mộc hương	1,5 "
Thông thảo	3 "		

6. Tam liên hoàn (phương)

Người cống hiến: Thi Điện Bang, Giáo sư
Vương Cẩm Chi, Giáo sư
Ấn Hội Hà, Giáo sư

Phương I.

Hương liên hoàn	6 gam	Mã sỉ hiện	60 gam

Cách dùng: Hai vị sắc lấy nước chiêu với Hoắc hương chính khí hoàn, mỗi lần uống 6 gam.

Phương II.

Hoàng liên	Ô mai nhục
Mộc hương	

Ba vị liều lượng bằng nhau, tán bột, phun nước làm viên, mỗi lần dùng 6 gam.

7. Lý thị cấp lỵ phương

Người cống hiến: Lý Kế Xương, Lão Trung y nổi tiếng Nhân dân y viện khu Bàn Long thành phố Côn Minh

Đương quy	12	gam	Bạch thược	12	gam
Lai bặc tử	9	"	Hoàng liên (sao rượu)	9	"
Mộc hương	4,5	"	Giới bạch	15	"

8. Châm cứu trị lỵ phương

Người cống hiến: Trương Đào Thanh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Cam Túc

Thiên khu (2)	Hạ quản
Quan nguyên	Túc Tam lý (2)
Thần khuyết	

Cách thực hiện: Bốn huyệt trên sau khi châm đắc khí, xoay kim và đề sáp theo phép bình bổ bình tả, những huyệt ở vùng bụng cảm thấy cảm giác châm lan toả bốn phía; huyệt ở chi dưới thấy luồng kim truyền xuống dưới chân, lưu châm 30 phút, cách 10 phút một lần xoay kim. Huyệt Thần khuyết thì cứu cách muối (mỗi ngải 2 gam) cứu hai mồi. Nói chung mỗi ngày làm 1 lần. Nếu đại tiện có từ 5 lần trở lên thì mỗi ngày châm cứu hai lần sáng và chiều, điều trị liên tục 5 - 9 ngày. Lỵ tật mạn tính thì chủ

yếu là Ngải cứu; tức là các huyệt Hạ quản, Thần khuyết, Quan nguyên cứu cách muối 3 mồi ngải, hai huyệt Thiên khu và Túc Tam lý châm theo phép bổ, mỗi ngày làm 1 lần, liên tục 7 - 14 ngày.

Gia giảm: Phát sốt, gia Đại trùy, Khúc trì. Đau bụng dữ dội, tiểu tiện sẻn đỏ, gia Tam âm giao giao áp dụng phép châm.

9. Quán trường phương.

Người cống hiến: Bá Liên Tùng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Bách bộ	15 gam	Khổ sâm	30 gam
Ô mai	15 "	Ngũ bội tử	15 "
Khô phàn	10 "	Đại hoàng	10 "

Cách dùng: Sắc lấy 100 ml nước đặc, lại dùng Kim hoàn tán với Ngẫu chấp quấy thành dạng hồ, mỗi ngày 2 lần, mỗi lần dùng 50 ml mà rửa ruột.

10. Tiêu tích thanh hoá phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên, Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Quảng Mộc hương	9 gam	Nhục đậu khấu (nướng)	10 gam
Tân lang	9 "	Sơn tra thán	12 "
Thần khúc	12 "	Tần bì	12 "
Cao lương khương	12 "	Hoàng cầm	10 "
Thạch xương bồ	15 "	Đăng tâm	30 "

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày một thang, nếu tích thực nặng thì bỏ Nhục đậu, gia Bình quả nhân 9 gam. Nếu thuỷ

thấp nặng, tiểu tiện không lợi, gia Phục linh 12 gam, Xương truật 9 gam.

11. Chương thị kiện trung thanh hoá phương

Người cống hiến: Chương Khánh Vân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Hoàng liên	1,2 gam	Đảng sâm	12 gam
Bạch truật	9 "	Bạch thược	9 "
Mộc hương	4,5 "	Sơn dược	12 "
Cát căn	9 "	Ngô thù du	4,5 "
Cam thảo	4,5 "	Hoàng bá	4,5 "
Ô dược	9 "	Nhục quả (vùi)	9 "

12. Hề thị phù chính chỉ lỵ phương

Người cống hiến: Hề Phương Sâm, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô

Tây dương sâm 3 gam (hãm riêng, hoà vào nước thuốc)

Thạch hộc	3 gam	Bạch truật (sao)	4,5 gam
Phục linh	9 "	Bạch thược	4,5 "
Hoài sơn	9 "	Cam thảo (trích)	2,4 "
Mạch môn	9 "	Biển đậu	9 "

13. Cứu tả đoạn hạ thang.

Người cống hiến: Quách Khiêm Hanh, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Xuân bì (trích)	9 gam	Thổ Phục linh	9 gam
Xuyên Hoàng liên	6 "	Can khương (sao)	6 "
Thạch lựu bì	4 - 6 "	Phòng phong	4 "

Mộc hương	4 gam	Túc xác (trích)	9 gam
Huyền hồ	4 "		

Gia giảm: Đại tiện dính trệ, lượng ít, hậu trọng nhiều, bỏ Túc xác, gia Tân lang 6 gam để giáng bỏ cái khí trệ ở trong ruột. Đại tiện loãng và nhiều lần, lượng nhiều có cảm giác nóng, gia Dĩ nhân 15 - 20 gam để lợi thấp, kiện Tỳ chỉ tả. Bệnh lâu ngày, khí hư, chân tay mỏi yếu sức, gia Đảng sâm 12 gam.

Chú ý: Có thể tăng liều lượng gấp ba, bốn lần mà chế làm thuốc viên, mỗi lần uống 9 gam. Nếu là dạng thuốc bột thì mỗi lần uống 6 gam, ngày 2 lần.

14. Ô mai bại tương phương

Người cống hiến: Lộ Chí Chính, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Ô mai	12 - 15 gam	Bạch thược (sao)	12 - 15 gam
Bại tương thảo	12 "	Hoàng liên	4,5 - 6 "
Mộc hương	9 "	Đương quy	10 "
Bạch truật	10 "	Chỉ thực (sao)	10 "
Thái tử sâm	12 "	Phục linh	15 "
Cát căn	12 "	Cam thảo (trích)	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước uống. Ô mai ngâm vào dấm 50% qua 1 đêm, bỏ hạt, giã nát, trộn những vị thuốc còn lại, tán bột, đựng vào viên nang, mỗi lần uống 1,5 gam, ngày 2 - 3 lần, uống vào lúc đói chiêu với nước chín.

Gia giảm: Đại tiện ra mủ máu, nhiệt thịnh tà thực, giảm các vị thuốc kiện Tỳ ích khí, gia các vị thuốc có tác dụng tả Can

thanh nhiệt đạo trệ như Bạch đầu ông, Tần bì, Đại hoàng thán, Binh lang (sao) v.v. Vị quản đầy tức, rêu lưỡi trắng nhớt là do thấp nghẽn khí trệ, linh hoạt gia Hoắc ngạnh, Hà ngạnh, Bội lan, Bán hạ, Hậu phác, Dĩ mễ v.v.. là những vị có tác dụng hóa thấp lý khí. Nếu đau bụng đại tiện nhão, mặt vàng yếu sức, thì trọng dụng Tứ quân là các vị kiện Tỳ ích khí. Bụng lạnh đau, sợ lạnh chân tay lạnh, linh hoạt gia Đạm phụ tử phiến, Can khương, Tế tân là các vị thuốc ôn dương tán hàn. Đại tiện hoạt thoát, trọng dụng Ô mai, gia Kha tử nhục để thu sáp cố thoát, trường hợp ruột có polip thì gia Nga truật, Cương tàm để tiêu ứ tán kết.

15. Bạch tiên bì tiễn

Người cống hiến: Lý Nhuận Đình, Y sư phó chủ nhiệm Y viện trĩ lậu thành phố Thẩm Dương

Bạch tiễn bì 500 gam

Cách dùng: Nấu với 1500 ml nước lấy nước đặc để rửa ruột mỗi lần lâu 30 - 50 phút.

16. Tiêu Cam tán

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Ô mai nhục (nướng ra than) 3 - 6 gam

Ích mẫu thảo	30 - 60 gam	Bào khương	5 - 10 gam
Đại táo	6 - 12 quả	Cam thảo (trích)	3 - 6 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc đặc 1 giờ, lọc lấy nước đầu, pha thêm đường đỏ một thìa nhỏ, lại đun cho sôi lần thứ hai,

uống từ từ nhiều lần. Nếu thoát giang nặng, gia Xuyên khung 3 - 6 gam, Trần ngạnh mễ 100 hạt.

17. Hoàng thị điều hòa Can Tỳ phương

Người cống hiến: Hoàng Văn Đông, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	10 gam	Bạch truật	10 gam
Tiêu tra khúc	10 "	Đại Phúc bì	10 "
Biển đậu (sao)	10 "	Mộc hương	10 "
Hạ khô thảo	10 "	Thất tiếu tán	12 "
Phục linh	12 "	Hải tảo	12 "
Tầu bì	12 "	Sài hồ	5 "

18. Phương thị trường viêm kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Phương Dược Trung, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hoàng kỳ	30 gam	Đảng sâm	30 gam
Xương truật	10 "	Bạch truật	10 "
Trần bì	10 "	Sài hồ	10 "
Thăng ma	10 "	Cam thảo	6 "
Đương qui	12 "	Mạch môn	12 "
Ngũ vị tử	10 "	Phục long can	60 "

19. Nhiễm thị cứu âm chỉ lỵ phương

Người cống hiến: Nhiễm Tuyết Phong tiên sinh, Nhà Trung y học nổi tiếng

Bạch đầu ông	9 gam	Thanh cao ngạnh	4,5 gam
Địa du (sao)	9 "	Hoàng liên	4,5 "

Hậu phác	6 gam	Khổ sâm	4,5 gam
Quảng Mộc hương	3 "	Bạc hà ngạnh	1,5 "
Bạch thược	18 "	Cam thảo	3 "

20. Trương thị âm hư huyết lỵ phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Kim ngân hoa	30 gam	Sinh địa du	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Can Sinh Địa hoàng	15 "
Bạch thược	15 "	Sinh Thủ ô	24 "
Sinh Cam thảo	10 "	Mạch môn đông	10 "
Nam Sa sâm	15 "	Minh ngọc bính	15 "
Hạn liên thảo	15 "	Xuyến thảo căn	10 "
A giao	15 "	(hòa vào nước thuốc)	

21. Ngụy thị trị lỵ tật phương

Người cống hiến: Ngụy Bắc Hải, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Bắc Kinh

Thục Phụ tử	12 gam	Lộ Đảng sâm	15 gam
Bạch truật	15 "	Bào Can khương	12 "
Cam thảo (trích)	10 "	Xương truật	12 "
Quảng Mộc hương	10 "	Mã sỉ hiện	30 "
Hồng đằng	15 "	Tam thất phấn	2 "

Cách dùng: Sắc lấy nước chia 3 lần uống, sau bữa cơm 1 giờ.

211. ĐẠI TIỆN BÍ KẾT

Chứng này chỉ đại tiện khô kết khó bài tiết, còn gọi là "Tiện bí". Ở người cao tuổi, tiện bí đã thành thói quen, thường kiêm các chứng trạng đầu choáng mắt hoa, hoặc ở người sau khi đẻ, sau khi phẫu thuật mà bị tiện bí, cho uống ***Hùng thị bí thông ẩm (1)*** để ích Thận dưỡng Can, nhuận Trường thông tiện.

Đại tiện khô kết khó đi, bệnh trình quá lâu ngày, kiêm chứng miệng lưỡi khô ráo, bụng trướng đầy khó chịu, đó là ruột táo nhiệt kết, tân dịch bất túc. Bệnh nhẹ thì có thể dùng ***Kim thị tiện bí tập dụng phương (2)***. Bệnh nặng hoặc thiên về nhiệt kết, có thể uống ***Lưu thị tập quán tính tiện bí phương (3)*** để tả nhiệt nhuận Trường thông tiện: Nếu thiên về âm bất túc, có thể dùng ***Chu thị quát lâu nhuận trường thang (4)*** để tư âm dưỡng huyết, nhuận trường thông tiện kiêm thanh nhiệt.

Thể trạng vốn hư yếu mà táo bón vài ngày mới đại tiện, không có sức rặn, kém ăn rêu lưỡi nhớt; bệnh do Tỳ hư thấp khốn, khí cơ không thư sướng, huyết khuy Trường táo, cho uống ***Sầm thị điều Tỳ thông kết thang (5)*** để kiện Tỳ trừ thấp, dưỡng huyết nhuận Trường kiêm điều hòa khí cơ. Đại tiện khô kết không thông, kiêm chứng ợ hơi kém ăn, hay thở dài, sườn bụng trướng đầy, miệng khô và đắng, ăn kém, mạch Huyền v.v.. là do Can khí uất kết, tân dịch ở đường ruột thiếu ít, có thể dùng

Trương thị sơ Can nhuận Trường thang (6) để sơ can hành khí, nhuận Trường thông tiện.

Táo bón lâu ngày, chất phân khô rắn, kiêm chứng đắng miệng Tâm phiền, giang môn nóng rát, lưỡi đỏ ít tân dịch, mạch Huyền hoặc Huyền Sác, là do Can kinh hoả nhiệt quá thịnh, điều trị theo phép thanh Can tả hoả thông tiện, có thể dùng ***Hùng thị lô hội thông tiện giao hoàn (7)***.

Táo bón, khi đại tiện không có cảm giác dễ chịu, ngực khó chịu, ợ hăng nuốt chua, nôn mửa, rêu lưỡi vàng nhớt, mạch Huyền Hoạt, bệnh thuộc nhiệt uất ngăn trở đường ruột, khí cơ không điều hoà, cho uống ***Hương hoàng cao (8)*** để tiết nhiệt hoá thấp, điều hoà khí cơ.

Tiện bí lâu ngày chất phân khô ráo, cứng rắn vài ngày mới đi một lần, kiêm chứng Vị quản trướng đầy, kém ăn hoặc ẩu nghịch ợ hơi ứa nước chua, bệnh do Trung dương nghẽn tắc, thấp nhiệt uất kết, dùng ***Trương thị quán bí phương (9)*** để ôn trung thông dương, tuyên lợi thấp nhiệt, lưu thông khí cơ.

Hay ăn đồ cao lương nồng hậu đến nỗi tà thực ấp ủ nhiệt, hình thành táo bón, trên nghẽn dưới bí, phần nhiều kiêm chứng bụng trướng buồn nôn, cho uống ***Tuyên thông thượng hạ phương (10)*** để tuyên trên thông dưới, tiết nhiệt thông tiện.

Tam tiêu xúc thuỷ, đường ruột bế kết dẫn đến đại tiện khô táo, kiêm chứng bụng trướng mà căng to, cơ thể ớn lạnh khá nặng, tiểu tiện ít, mạch Hoạt mà Tán, có thể dùng ***Khổng thị thông lợi phương (11)*** để thông trệ trừ táo, lợi thuỷ tán kết.

Táo bón, khó đại tiện lại kiêm cả háo suyễn thì dùng loại thuốc Tiêu hoàng, nếu bệnh tình nặng hơn thì đùng ***Trương thị tiện bí phương (12)*** tán bột hoà vào thuốc cho uống hoặc sắc lấy nước uống thay nước trà, để thông lợi Phế khí mà nhuận Trường thông Phủ.

Táo bón, dưới sườn đau, vùng bụng đau dữ dội và trướng đầy, rêu lưỡi trắng, mạch Huyền Khẩn là do hàn kết khí bế, cho uống ***Vương thị đại hoàng khương quế thang (13)*** để ôn dương tán hàn, tả kết hành khí và giảm đau.

Táo bón vài ngày, thậm chí hơn mười ngày mới đại tiện, kiêm chứng trướng bụng, liên sườn khó chịu, có lúc mót đại tiện mà không đại tiện được, uống thuốc tả hạ hay nhuận hạ cũng không công hiệu, trái lại bệnh nặng thêm, rêu lưỡi trắng lẫn vàng mà nhớt, mạch Hoạt hữu lực, bệnh thuộc đàm trọc ứ nghẽn ở Trường Vị, dương khí uất át không thủ sướng, có thể dùng ***Chu thị đàm uất tiện bí phương (14)*** để hoá đàm trọc và thăng thanh dương.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hùng thị bí thông ẩm

Người cống hiến: Hùng Lai Tô, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Giang Tây

Nhục thung dung 15 gam Thạch quyết minh 21 gam

2. Kim thị tiện bí tập dụng phương

Người cống hiến: Kim Văn Huy, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Cam Túc

Phan tả diệp	5 - 15 gam	Câu kỷ tử	6 - 9 gam

Cách dùng: Đem Kỷ tử rửa sạch cùng với Phan tả diệp đặt vào trong 1 cái chén, đổ nước sôi vào hãm rồi uống thay nước trà, mỗi ngày 1 ấm.

3. Lưu thị tập quán tính tiện bí phương

Người cống hiến: Lưu Thụy Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Hà Tây thành phố Thiên Tân

Hoả ma nhân	60 gam	Úc lý nhân	60 gam
Chỉ xác	30 "	Đương quy	60 "
Hậu phác	15 "	Hắc Chi ma	60 "
Thục Đại hoàng	15 "	Cát căn	10 "
Huyền minh phấn	15 "	Tiêu tam tiên	60 "
Phan tả diệp	30 "	Cam thảo	10 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày hai lần, chiêu với nước chín, uống lúc đói.

4. Chu thị quát lâu nhuận trường thang

Người cống hiến: Chu Học Văn, Giáo sư
Trung y học viện Liêu Ninh

Quát lâu	20 gam	Tỳ bà diệp	15 gam
Hà diệp	20 "	Đương quy	20 "

Tang thầm tử	20 gam	Huyền sâm	20 gam
Mạch môn đông	20 "	Sinh Địa hoàng	20 "
Câu kỷ tử	20 "	Lai bặc tử	10 "
Úc lý nhân	10 "		

5. Sầm thị điều Tỳ thông kết thang

Người cống hiến: Sầm Hạc Linh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Sơn Đông

Bạch truật	30 gam	Xương truật	30 gam
Chỉ xác	10 "	Nhục thung dung	20 "

Cách dùng: Lấy lượng nước thích hợp ngâm thuốc 30 phút, rồi sắc 2 lần, mỗi lần đun nhỏ lửa lâu 1 giờ, trộn hai nước cốt vào nhau, uống làm 4 lần lúc ấm, mỗi ngày uống một thang.

6. Trương thị sơ Can nhuận Trường thang

Người cống hiến: Trương Chi Văn, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Sài hồ	15 gam	Chỉ thực	20 gam
Hậu phác	20 "	Bạch thược	30 "
Sinh Thủ ô	20 "	Hoả ma nhân	30 "
Nhục thung dung	20 "	Đương quy	15 "
Tử uyển	20 "	Cam thảo	3 "

7. Hùng thị lô hội thông tiện giao hoàn

Người cống hiến: Hùng Liêu Sênh, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Lô hội	6 gam

Cách dùng: Đem thuốc tán bột, chia thuốc đựng vào 6 viên nang. Người lớn mỗi lần nuốt 2 - 3 viên chiêu với nước chín, ngày 2 lần. Trẻ em mỗi lần uống 1 viên. Nếu không có viên nang đựng thuốc, cũng có thể pha với đường và nước nóng mà uống, liều lượng uống như trên.

8. Hương hoàng cao

Người cống hiến: Trương Hướng Cừ, Y sư phó chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Hoắc hương	Đại hoàng

Gia giảm: Nhiệt nặng hơn thấp, phối hợp với Hoàng liên ôn Đởm thang hoặc Liên phác ẩm, lại linh hoạt gia các vị thuốc tác dụng thông phủ. Nếu thấp nặng hơn nhiệt, phối hợp với Tam nhân thang hoặc Hoắc hương chính khí hoàn, thêm các loại thuốc thông phủ.

9. Trương thị quán bí phương

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoắc hương	10 gam	Pháp Bán hạ	10 gam
Hậu phác	10 "	Chỉ xác (sao)	10 "
Bạch khấu nhân	6 "	Cát cánh	10 "
Hạnh nhân	10 "	Qua lâu tử	15 "
Đương quy	10 "	Úc lý nhân	10 "
Đào nhân	10 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước chia làm ba lần uống, hai ngày 1 thang, có thể uống liên tục 5 thang.

10. Tuyên thông thượng hạ phương

Người cống hiến: Trịnh Thủ Khiêm, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu Viện Trung Quốc

Cát cánh	Thăng ma
Tạo giác	Bạch giới tử
Hậu phác	Thục Đại hoàng
Trúc lịch	Khương chấp
Phỉ thái chấp	

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc lấy nước đặc, lại thêm vào chút ít bột Khiên ngưu, cho uống.

11. Khổng thị thông lợi phương

Người cống hiến: Khổng Bá Hoa tiên sinh, Danh y Bắc Kinh

Lô căn tươi	30 gam	Thanh ninh phiến	3 gam
Hạnh nhân	9 "	Toàn phúc hoa	9 "
Sinh Giả thạch	9 "	Huyền minh phấn	2,1 "
Tang chi	24 "	Trần bì	4,5 "
Tri mẫu	9 "	Đại phúc bì	4,5 "
Lai bặc tử	12 "	Hậu phác hoa	4,5 "
Thanh Bán hạ	9 "	Tô hợp hương hoàn	1 viên

12. Trương thị tiện bí phương

Người cống hiến: Trương Hải Sâm, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Tử uyển	10 gam	Tri mẫu	5 gam

Cách dùng: Tán bột hoà nước uống, hoặc sắc lấy nước uống thay nước trà, cũng có thể dùng vào thang thuốc sắc uống.

13. Vương thị đại hoàng khương quế thang

Người cống hiến: Vương An Dân, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện Hoành Sơn Toại Ninh tỉnh Tứ Xuyên

Đại hoàng	12 gam	Nhục quế	10 gam
Can khương	10 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống lúc ấm, Đại hoàng bỏ vào sau, hai ngày uống một thang.

14. Chu thị đàm uất tiện bí phương

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Phòng phong	20 gam	Mạch nha (sao)	20 gam
Trần bì	20 "	Tiêu Bạch truật	30 "
Ý dĩ nhân	30 "	Quyết minh tử	30 "
Hoàng kỳ	15 "	Sài hồ	10 "
Pháp Bán hạ	10 "	Cam thảo	6"

Cách dùng: Sắc lấy nước cho uống lúc ấm từng tý một, nước thuốc y như xúc miệng là tốt

Gia giảm: Nếu đàm khí uất kết khá nặng, vị Phòng phong trong bài thuốc có thể tăng đến 30 gam, Tiêu Bạch truật tăng đến 50 gam, Mạch nha (sao) tăng đến 50 gam, đồng thời dùng thêm Triết Bối mẫu, Trầm hương mỗi thứ một nửa, tán bột, mỗi lần dùng nước thuốc uống theo 1 gam, ngày 5 lần.

212. ĐẠI TIỆN RA HUYẾT

Tiện huyết là chỉ đại tiện ra huyết. Có khi trước ra huyết sau ra phân, có khi huyết và phân ra lẫn lộn, hoặc đơn thuần chỉ ra toàn huyết. Huyết ra sắc đỏ tươi là "Cận huyết". Đại tiện ra huyết sắc đỏ tươi kiêm chứng miệng đắng và nhớt, là thấp nhiệt uất tích ở Trường Vị, khí huyết mất điều hòa thư sướng cho uống ***Vương thị lương huyết phương (1)*** để lương huyết chỉ huyết, thanh nhiệt hoá thấp.

Trướng bụng đại tiện khó khăn, trong phân có lẫn huyết, sắc huyết tối không tươi, ngực bụng bĩ đầy, cho uống ***Trần thị tiện huyết phương (2)*** để thanh nhiệt táo thấp, lý khí hoạt huyết. Nếu kiêm chứng giang môn trướng tức hoặc sưng đau là do thấp nhiệt hoá độc úng trệ khí huyết, có thể dùng ***Vương thị tiêu trĩ ẩm (3)*** để thanh Trường chỉ huyết, hoá ứ tiêu sưng.

Đại tiện ra sắc huyết lúc đỏ tươi, lúc đỏ nhạt, kiêm chứng phân ra không thành khuôn, hụt hơi, bụng trướng trệ, có túc tật Vị thống, mạch Huyền Sác vô lực, đó là trung khí bất túc kiêm huyết phận uất nhiệt, dùng ***Ngô thị hội dương lương huyết phương (4)*** để bổ trung ích khí, lương huyết giảm đau. Nếu không kiêm huyết phận uất nhiệt, có thể dùng ***Nguy thị trị tiện huyết phương (5)*** để bổ trung ích khí, kiện Tỳ nhiếp huyết.

Bị tiện huyết lâu ngày không khỏi, sắc huyết loãng nhạt lượng nhiều, kiêm chứng tay chân không ấm, đại tiện nhão kém

ăn, lưỡi nhạt, mạch Nhược là do Tỳ dương hư suy, huyết không thu nhiếp, cho uống ***Đường thị tiện huyết cửu trị bất dũ nghiệm phương (6)*** để ôn dương ích Tỳ nhiếp huyết.

Đại tiện phân đen, sắc mặt nhợt không tươi, mạch Trầm Trì, lưỡi nhạt không có rêu, dùng ***Kiến lý thang (7)*** để bổ cả khí và huyết, điều khí chỉ huyết. Chứng nói trên nếu kiêm cả đoản hơi yếu sức, vùng bụng đau âm ỉ, kém ăn, đại tiện nhão, chân tay không ấm, có thể dùng ***Củng thị ôn nhiếp phương (8)*** để ôn trung nhiếp huyết, kiện Tỳ ích khí. Chứng này nên tham khảo với mục "Vị thống".

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị lương huyết phương

Người cống hiến: Vương Sánh Hiền, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Quý Châu

Địa du	15 gam	Quyển bá	15 gam

Nha đởm tử nhân (bọc trong cơm Long nhãn nhục)

Cách dùng: Quyển bá sắc lấy nước chiêu với Nha đởm tử, ngày 3 lần.

2. Trần thị tiện huyết phương.

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Bạch đầu ông	20 gam	Xuyên liên	9 gam
Hoàng bá	15 "	Tần bì	30 "

Mã sỉ hiện	30 gam	Xương truật	10 gam
Trần bì	10 "	Mộc hương	9 "
Tiêu Sơn tra	10 "	Tiêu Mạch nha	10 "
Tiêu Thần khúc	10 "	Thảo hà xa	15 "
Ô mai	15 "		

3. Vương thị tiêu trĩ ẩm

Người cống hiến: Vương Canh Hiền, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Đương qui	10 gam	Hoè thực	10 gam
Đại hoàng thán	10 "	Xuân bì thán	10 "

4. Ngô thị hội dương lương huyết phương

Người cống hiến: Ngô Thiếu Hoài, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông

Sinh Hoàng kỳ	15 gam	Đương qui thân	6 gam
Tảo nhân (sao)	12 "	Phục linh	9 "
Trắc bá thán	9 "		

Cách dùng: Sắc nước uống. lại dùng thêm 500 ml mật ong, mỗi lần uống 1 thìa canh, ngày 2 lần.

5. Nguy thị trị tiện huyết phương

Người cống hiến: Nguy Bắc Hải, Y sư chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y Bắc Kinh

Hoàng kỳ (trích)	30 gam	Lộ Đảng sâm	15 gam
Thăng ma	10 "	Bạch truật (thổ sao)	15 "
Đại hoàng thán	8 "	Bào khương thán	10 "

Sài hồ	12 gam	Cam thảo (trích)	10 gam
Địa du thán	10 "	Xích Phục linh	15 "
Bạch cập phấn	3 " (hòa vào thuốc 3 lần uống)		

Cách dùng: Sắc nước uống ngày 3 lần, trước bữa cơm 1 giờ.

6. Đường thị tiện huyết cửu trị bất dũ nghiệm phương

Người cống hiến: Đường Tống, Phó giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đảng sâm	12 gam	Phụ tử	6 gam
Bào khương	9 "	Đại hoàng thán	6 "
Ô mai	15 "	Trắc bá diệp	12 "
Địa du thán	12 "	Cam thảo	3 "

7. Kiến lý thang

Người cống hiến: Ngụy Trường xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Triết Giang

Sinh Hoàng kỳ	9 gam	Đương quy	9 gam
Quế chi	3 "	Bạch thược (sao)	6 "
Cam thảo (trích)	6 "	Can khương	3 "
Cam tùng	3 "	Đạm Phụ tử	3 "
Tây Đảng sâm	9 "	Di đường	30 "
Hồng táo	8 quả	Thiên tiên đằng	6 "

8. Củng thị ôn nhiếp phương

Người cống hiến: Củng Quỳnh Mô, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Đảng sâm	15 gam	Bạch truật	10 gam
Phục linh	10 "	Cam thảo	3 "

Can khương	6 gam	Ô tặc cốt	6 gam
Xích Thạch chi	30 "	Hoàng kỳ	20 "

Cách dùng: Xuất huyết nhẹ thì mỗi ngày uống 1 thang, sắc hai nước, chia làm hai lần uống lúc hơi nguội, mỗi lần uống 100 - 200 ml. Xuất huyết vừa, mỗi ngày uống 2 thang, sau khi sắc được, mỗi lần uống 150 ml. Cách 6 uống 1 lần. Từ 5 - 10 ngày là 1 đợt điều trị.

213. GIANG MÔN TRỤT XUỐNG

Trực trường trụt ra ngoài giang môn, gọi là giang môn tr xuống, cũng gọi là "Thoát giang", bệnh thường gặp nhiều trường hợp khí hư hạ hãm. Chứng Thoát giang thường do khi h đi đường, khi đứng, dùng sức để rặn tiểu tiện lại càng nặng, kiê chứng đoản hơi, tiếng khẽ, mỏi mệt, choáng váng hồi hộp, mạc Nhược, đại tiện nhão v.v.. nên thăng dương ích khí, kiện Tỳ c sáp, bên trong thì uống ***Ích khí thăng dương thang (1)*** bê ngoài thì đắp ***Thu giang tán (2)*** để thu sáp cố thoát, hoặc dùng ***Thoát giang dịch (3)*** tiêm vào nơi đau.

Kiêm chứng phát nước, ăn kém, lưỡi nhạt ít tân dịch là có kiêm cả âm dịch bất túc, có thể dùng ***Trương thị thoát giang phương (4)*** để ích khí kiện Tỳ thăng thanh, kèm theo tư dưỡng âm tân.

Thoát giang mà thấy nước nhớt tiết ra dầm dề gây ngứa hoặc sưng đỏ, có thể ***dùng Đường thị trị liệu Trực trường thoát xuất bí phương (5)*** rửa ruột để thanh nhiệt táo thấp, thu liễm sáp Trường.

Trẻ em bị Thoát giang có thể dùng ***Mã thị trị tiểu nhi thoát giang sư truyền phương (6)*** để bôi vào cục bộ, bên trong thì có thể đối chiếu với phép chữa của người lớn mà lựa chọn

1. Ích khí thăng dương thang

Người cống hiến: Trương Mộng Nông, Nhà Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoàng kỳ	15 gam	Đương quy	10 gam,
Đảng sâm	15 "	Bạch truật	10 "
Sài hồ	10 "	Thăng ma	10 "
Cam thảo (trích)	10 "	Vũ thụ bì	10 "
Trần bì	10 "	Anh túc xác	10 "

2. Thu giang tán

Người cống hiến: Bá Liên Tùng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Ngũ bội tử	9 gam	Phù bình thảo (sao)	9 gam
Long cốt	9 "	Mộc tặc thảo	9 "

Cách dùng: Tán bột, bôi khô hoặc trộn dầu vừng mà bôi.

3. Thoát giang dịch

Người cống hiến: Lý Nhuận Đình, Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trĩ đô thành phố Thẩm Dương

Minh phàn	6 gam	Muối cất	2 gam

Cách dùng: Thêm nước cất 100 ml, bơm vào xung quanh hoặc niêm mạc Trực trường.

4. Trương thị thoát giang phương

Người cống hiến: Trương Vĩnh Hiển, Y sư chủ nhiệm Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thái tử sâm	10 gam	Bạch truật	6 gam
Hoàng kỳ	6 "	Phục linh	6 "

Thăng ma	6 gam	Trần bì	5 gam
Thạch hộc	10 "	Sơn dược	6 "
Cam thảo (trích)	3 "		

5. Đường thị trị liệu Trực trường thoát xuất bí phương

Người cống hiến: Đường Thành Đức, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Thoại Ninh, tỉnh Tứ Xuyên

Mã chiên thảo 100 gam

Cách dùng: Rửa sạch bùn đất và tạp chất, giã vắt lấy nước bơm vào trong Đại tràng, đồng thời lấy tay đẩy nhẹ Giang môn vào trong, lại lấy nước Mã chiên thảo còn lại bôi ra ngoài Giang môn, lấy vải đóng khố. Trước khi dùng thuốc bảo bệnh nhân đi đại tiện, sau đó chỉ khi nào quá mót rặn mới được tháo băng ra. Nếu như thời gian mắc bệnh đã quá lâu, Trực tràng thòi ra quá dài thì cần phải thực hiện nhiều lần mới hiệu quả.

6. Mã thị trị tiểu nhi thoát giang sư truyền phương

Người cống hiến: Mã Kiếm Vân, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y y viện Bạch Hạ thành phố Nam Kinh

Sinh Mã tiền tử 1 hạt

Cách dùng: Lấy 1 cái bát xấu đổ vào 10 ml dấm để mài Mã tiền tử vào đáy bát mài mòn hết thì thôi, lấy nước này đổ vào lọ để dùng. Khi sử dụng trước hết lấy nước sạch rửa Giang môn, dùng bút lông mềm chấm thuốc bôi vào chỗ Thoát giang ngày 2 lần, chỉ vài ngày là khỏi.

214. NGỨA Ở HẬU MÔN

Chứng này chỉ Giang môn ngứa ngáy không chịu nổi, là chứng bệnh thường gặp ở người có giun kim và sán, cũng gặp rất nhiều ở trẻ em.

Vùng Giang môn và Hội âm ngứa ngáy, ban đêm lại càng ngứa, ảnh hưởng đến giấc ngủ, hay ăn thức lạ, tinh thần trằn trọc là do giun kim gây nên, bên trong thì dùng ***Vương thị nhiễu trùng phương (1)*** để sát trùng, bên ngoài thì dùng ***Vương thị nhiễu trùng ngoại tẩy phương (2)*** để rửa. Cũng có thể phối hợp với ***Nhiễu trùng phấn (3)*** để nhét vào Giang môn, tăng cường tác dụng sát trùng và chống ngứa. Nếu kiêm chứng đau bụng thì cần phải tẩy bỏ giun đũa, giun kim cho uống ***Phức phương sử quân tử tán (4)***. Nếu kiêm chứng bụng trướng đau, la khóc, ỉa chảy, buồn nôn thì dùng ***Bách bộ thang (5)*** để tẩy giun, hành khí và giảm đau.

Nếu Giang môn nóng rát và ngứa nhiều, hoặc xung quanh Giang môn đỏ hắt là có kiêm cả thấp độc, nên sát trùng giải độc táo thấp, dùng ***Củng thị phương số I (6)*** để xông và rửa, đồng thời lại dùng ***Củng thị phương số II (7)*** nhét vào Giang môn.

Chứng ngứa gãi Giang môn do sán gây nên có thể dùng ***Phức phương tân lang tiễn (8)*** để tẩy bỏ giun sán.

1. Vương thị nhiễu trùng phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Tân lang	15 gam	Nam Qua tử nhân	15 gam

Cách dùng: Mỗi ngày dùng 1 thang, chia làm 2 lần sáng và tối, uống vào lúc đói, uống liên tục 3 ngày

2. Vương thị nhiễu trùng ngoại tẩy phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Hạc sắt	15 gam	Khổ sâm	15 gam
Bách bộ	15 "	Hoa tiêu	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước dùng để rửa Giang môn và cục bộ tiền âm trước khi đi ngủ, liên tục 3 ngày.

3. Nhiễu trùng phấn

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Bách bộ	15 gam	Khổ luyện căn bì	30 gam
Hặc sắt	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, đựng trong viên nang, mỗi buổi tối sau khi dùng nước ấm để rửa Giang môn nhét vào Giang môn 1 viên thuốc này, hôm sau sẽ tự nhiên hoà tan, dùng liên tục 5 ngày là 1 đợt điều trị.

4. Phức phương sử quân tử tán

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Sử quân tử nhân — Lôi hoàn

(liều lượng bằng nhau)

Cách dùng: Trước tiên đem Sử quân tử nhân sao hơi vàng cùng tán bột với Lôi hoàn, đựng vào lọ để dùng. Căn cứ vào lứa tuổi, cứ mỗi tuổi 1 gam chia làm 2 lần uống sáng và tối. Lượng uống tối đa trong 1 ngày không quá 20 gam, liên tục 7 ngày là một đợt điều trị. Nếu không khỏi, cách 1 tuần sau lại dùng tiếp đợt điều trị thứ 2.

Gia giảm: Đồng thời với uống đơn thuốc này có thể dùng Bách bộ 30 gam, Ô mai 15 gam sắc với 300 ml nước, cạn còn 100 ml bỏ bã dùng để rửa ruột vào buổi tối, 7 ngày là một đợt điều trị.

5. Bách bộ thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bách bộ	9 gam	Tân lang	9 gam
Sử quân tử	9 "	Thanh bì	6 "
Xương truật	6 "	Hoàng bá	6 "
Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc lấy nước, chia làm 2 lần uống vào sáng và tối, uống vào lúc đói. Uống liên tục 3 thang.

6. Củng thị phương số I

Người cống hiến: Củng Chí Hiến, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Bách bộ	15 gam	Khổ sâm	15 gam

Cách dùng: Mỗi buổi tối sắc lấy nước đặc để xông và rửa Giang môn, lại lấy 1 viên Lục thần hoàn nhét vào Giang môn, thực hiện liên tục trong 1 tuần

7. Củng thị phương số II

Người cống hiến: Củng Chí Hiến, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Khổ sâm	30 gam	Bách bộ	30 gam
Bông sát trùng	30 "		

Cách dùng: Hai vị thuốc trên đem sắc trong 2 giờ, lấy bông tẩm thuốc sấy khô sau đó trộn lẫn với 6 gam bột Hùng hoàng, viên lại thành 15 - 20 viên, mỗi buổi tối lấy 1 viên nhét vào Giang môn, dùng liên tục 15 - 25 gam.

8. Phức phương tân lang tiễn

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư
Tổng y viện Giải phóng quân

Tân lang	60 - 80 gam	Huyền minh phấn	20 gam

Nam Qua tử nhân phấn 50 - 90 " (nếu còn vỏ thì dùng 80 - 125 gam)

Cách dùng: Trước hết uống Nam Qua tử nhân phấn, sau 2 giờ thì uống tiếp nước sắc Tân lang (60 - 80 gam đập vỡ từng mảnh, nấu với 500 ml nước, cạn lấy 150 - 200 ml) lại sau nửa

giờ nữa uống tiếp 20 gam Huyền minh phấn. Nói chung trong 3 đến 4 giờ thì thực hiện xong, toàn thân con giun sẽ bài tiết ra hết.

Chú ý: Nếu thể chất hư yếu, sợ có phản ứng, sau khi uống thuốc như buồn nôn, nôn mửa v.v.. Có thể trước khi sắc thuốc, hoà tan vào 10 gam A giao để yên vài phút rồi lọc bỏ bã lấy nước thuốc mà uống, có thể hạn chế được những phản ứng nhỏ và đề cao hiệu quả.

215. MỤN TRĨ Ở GIANG MÔN

Mụn trĩ có nội ngoại khác nhau. Cục bộ Giang môn nóng bừng và đau, bề mặt da sưng đỏ, trướng trệ hoặc xuất huyết, kiêm chứng khát nước Tâm phiền là bệnh thuộc nhiệt độc úng trệ ở doanh huyết. Phép trị nên thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hành ứ, tiêu sưng giảm đau, dùng ***Tiêu trĩ ẩm (1)*** bên ngoài có thể phối hợp ***Dương thị trĩ sương bí nghiệm phương(2)*** để xông và rửa nhằm tăng cường tác dụng tiêu sưng giảm đau và hoạt huyết khư phong.

Ngoại trĩ mà thấy đỏ hắt, trướng trệ sưng đau, phiền táo không yên thì dùng ***Bá thị ngoại trĩ phương (3)*** để thanh nhiệt lương huyết, giải độc chỉ thống.

Nếu nghiêng về nhiệt độc thịnh và kiêm thấp thì rêu lưỡi vàng nhớt, có thể dùng ***Đinh thị ngoại trĩ phương (4)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết tiêu sưng kiêm trừ thấp. Nếu cục bộ sưng trướng khá nặng, táo bón và xuất huyết là do hoả nhiệt ứ nghẽn, nhiệt độc ở huyết phận điều trị theo phép tả hoả thông tiện, lương huyết nhuận trường. Nếu thiên về hoả nhiệt có thể dùng ***Trĩ sương thoát quản hoàn (5)*** để thanh hoả thông tiện, tiêu sưng tan ứ, chỉ thống hoá ứ; nếu nghiêng về huyết phận nhiệt độc lại kiêm cả huyết suy khí trệ có thể dùng ***Trương thị hoè xuân chỉ huyết hoàn (6)*** để thanh nhiệt giải độc lương

huyết chỉ huyết, dưỡng huyết nhuận tràng và thông tiện; đồng thời với dạng thuốc sắc uống có thể phối hợp sử dụng ***Trĩ sương huân tẩy phương (7)*** để xông và rửa nơi đau hoặc dùng ***Trị ngoại trĩ hạch đặc hiệu phương (8)*** để bôi ở cục bộ rất có tác dụng bôi đối với trừ sưng đau và tiêu trĩ hạch.

Nội trĩ mà có chứng xuất huyết lượng nhiều, khi đại tiện có khi rỏ giọt hoặc phun thành tia, màu sắc đỏ tươi, họng khô và khát, hay uống nước là bệnh thuộc nhiệt úng, huyết ứ. Nếu thiên về ứ bên trong có thể uống ***Hoá trĩ hoàn (9)*** để hành huyết tán ứ, lương huyết chỉ huyết. Nếu thiên về huyết nhiệt thì có thể uống ***Chu thị phức phương hoè hoa tiễn tể (10)*** để lương huyết chỉ huyết, tán ứ lý khí.

Nội trĩ mà thoát ra bên ngoài và sưng đau, có thể dùng ***Ngũ thị tiêu trĩ hạch toạ dục phương (11)*** để ngồi mà rửa có tác dụng thanh hỏa hoá ứ tiêu sưng mềm chất rắn.

Nội trĩ xuất huyết và đau, ngoài dạng thuốc uống trong còn có thể dùng ***Trần thị khô trĩ đinh (12)*** để nhét vào cũng có tác dụng tiêu trĩ chỉ huyết; cũng có thể dùng ***Phàn hoàng tiêu trĩ dịch (13)*** để tiêm nhằm tiêu sưng hoá trĩ, chỉ huyết giảm đau. Đối với chứng nội trĩ cũng có thể áp dụng ***Sư thị hoả đề châm trị liệu nội trĩ phương (14)*** mà điều trị.

Điều trị chứng này về vị trí bệnh , bệnh nhân và cơ chế bệnh có chỗ gần giống với các bệnh "Nứt rách giang môn", "Nhọt độc ở giang môn" .v.v.. nên tham khảo.

1. Tiêu trĩ ẩm

Người cống hiến: Bành Hiển Quang, Giáo sư Trung y học viện Quý Dương

Chu sa liên	15 gam	Thảo quyết minh	20 gam
Mẫu lệ (nung)	15 "	Mã bột	15 "
Hoàng bá	15 "	Cam thảo	6 "

2. Dương thị trĩ sương bí nghiệm phương

Người cống hiến: Dương Hữu Hạc, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Hà Nam

Bạch cập	10 gam	Bạch liễm	10 gam
Bạch chỉ	10 "	Xuyên Khương hoạt	10 "
Liên xác	10 "	Xuyên sơn giáp (sao)	10 "
Đương quy	10 "	Tạo giác thích	10 "

Cách dùng: Sắc lấy nước để xông và rửa, mỗi ngày 1 lần, trước xông sau rửa, kiêng ăn các thức cay, nóng và kích thích

3. Bá thị ngoại trĩ phương

Người cống hiến: Bá Liên Tùng, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Tử hoa địa đinh	12 gam	Dã cúc hoa	6 gam
Kim ngân hoa	9 "	Xích thược	6 "
Bán chi liên	15 "	Thảo hà sa	9 "
Bồ công anh	30 "	Sinh Cam thảo	3 "

4. Đinh thị ngoại trĩ phương

Người cống hiến: Đinh Cam Nhân tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh thời cận đại

Đương qui	6 gam	Xích Tiểu đậu	30 gam
Sinh Địa hoàng	12 "	Mẫu đơn bì	4,7 "
Xích thược	6 "	Hoè mễ	9 "
Phục thần	9 "	Địa du thán	9 "
Quất Bạch lạc	3 "	Sinh Dĩ nhân	9 "
Can thị bính	9 "	Tạng liên hoàn	3 "

Cách dùng: Ngày uống 1 thang, bên ngoài thì bôi Hoàng liên cao.

5. Trĩ sương thoát quản hoàn

Người cống hiến: Phòng Chí Huyên, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Vị bì (sao)	60 gam	Trạch tả	15 gam
Ma nhân	15 "	Trư linh	15 "
Úc lý nhân	15 "	Bạch chỉ	15 "
Sinh Địa hoàng	15 "	Xích thược	15 "
Hồ liên (sao)	30 "	Sơn giáp (sao)	30 "
Hoè hoa (sao)	30 "	Quyết minh (nung)	30 "
Phòng phong	9 "	Cam thảo	9 "
Xạ hương	3 "	Đại hoàng (tẩm rượu)	9 "

Cách dùng: Các vị tán bột, phun nước làm viên, mỗi lần uống 9 gam, ngày uống 2 lần.

6. Trương thị hoè xuân chỉ huyết hoàn

Người cống hiến: Trương Hữu Sinh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Liêu Ninh

Kim ngân hoa	40 gam	Hoè hoa	80 gam
Địa du thán	80 "	Đương quy	40 "
Đào nhân	40 "	Hồng hoa	40 "
Ma nhân	30 "	Bạch thược	40 "
Đại hoàng	40 "	Huyền minh phấn	40 "
Kinh giới	40 "	Phòng phong	50 "
Mộc hương	30 "	Hoàng liên	30 "
Thung căn bì	100 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, ngày uống 2 lần sáng và tối, mỗi lần uống 1 viên.

7. Trĩ sương huân tẩy phương

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Bạch chỉ	12 gam	Ngũ bội tử	30 gam
Mộc qua	18 "	Xuyên tiêu	12 "
Sinh Bạch phàn	9 "	Hoè ma	30 "
Mã xỉ hiện	60 "	Cam thảo	12 "

Cách dùng: Sắc lấy nước để xông và rửa nơi đau

8. Trị ngoại trĩ hạch đặc hiệu phương

Người cống hiến: Vương Khải Minh, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Sinh Mã tiền tử (bỏ lông và vỏ) 1 hạt

Cách dùng: Mài với dấm thành dạng hồ để bôi ra ngoài trĩ hạch, mỗi ngày một lần trước khi đi ngủ mà bôi thì hiệu quả rất nhanh, tiêu hạch cũng rất nhanh.

Chú ý: Trường hợp nội trĩ hoặc giang môn bị rách, xuất huyết không được dùng.

9. Hoá trĩ hoàn

Người cống hiến: Lý Nhuận Đình, Y sư chủ nhiệm
Y viện trĩ đò thành phố Thẩm Dương

Hoè mễ	50 gam	Tam thất	10 gam
Tam lăng	40 "	Xuyến thảo	40 "
Chỉ thực	40 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước thật đặc chế thành viên nén, mỗi lần uống 6 viên ngày 3 lần.

10. Chu thị phức phương hoè hoa tiễn tễ

Người cống hiến: Chu Học Văn, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Khổ sâm	10 gam	Địa du	10 gam
Hoè hoa	10 "	Bồ công anh	20 "
Tiểu kế	10 "	Bạch đậu khấu	10 "
Sa nhân	10 "	Triết Bối mẫu	10 "
Hải phiêu tiêu	10 "	Hà diệp	10 "
Cam thảo	10 "	Tam thất (bột)	3 "

11. Ngũ thị tiêu trĩ hạch toạ dục phương

Người cống hiến: Ngũ Vưu Luyện, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Lỗi Dương tỉnh Hồ Nam

Minh phàn	30 gam	Huyền minh phấn	30 gam
Đại hoàng	20 "		

Cách dùng: Mỗi ngày dùng 1 - 2 thang, nấu lấy nước hoặc sau khi ngâm với nước sôi thì ngồi vào để rửa chừng 15 phút, nói chung chỉ thực hiện 3 - 5 thang là tiêu mụn trĩ.

12. Trần thị khô trĩ đinh

Người cống hiến: Trần Dân Phiên, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Phúc Kiến

Hoàng bá	30 gam	Bạch cập	5 gam
Ngũ bội tử	10 "	Khô phàn	5 "

Nguyên liệu phụ làm viên vừa đủ

Cách dùng: Mỗi cái trĩ hạch lớn nhỏ không đều sẽ cắm vào từ 2 - 3, hoặc từ 5 - 6 sợi.

13. Phàn hoàng tiêu trĩ dịch

Người cống hiến: Đinh Trạch Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Nam Kinh

Minh phàn	15 gam	Hoàng liên	20 gam
Cam du	150 ml		

Cách toan (Tannic acid) 0,7 gam

Phổ lỗ tạp nhân (Procain) 5 gam

Nước cất vừa đủ chế thành 1000ml

Cách dùng: Trước hết đem nấu Hoàng liên 2 lần lấy nước đặc (khi nước sôi 1 giờ là được 1 nước) trộn 2 nước vào nhau lại

căn cứ 1 ml tương đương với 2 gam thuốc sống thêm vào 95% Ất thuần, sau 24 giờ thì đem lọc, tiếp theo lại lấy nước cất liều vừa đủ rồi đem đun cho đến gần sôi để cách đêm. Cuối cùng lấy nước thuốc nói trên thêm vào Minh phàn, Cách toan, Phổ lỗ tạp nhân và Cam du, sau khi đã hỗn hợp đều lại thêm nước cất vào trở thành 1 lượng thuốc 1000 ml, lại thêm vào 0,3% than hoạt tính, đem đun gần sôi, khi gần nguội thì bắc ra, khi sử dụng thì tiêm vào trĩ hạch hoặc tiêm vào biểu bì của trực tràng.

14. Sư thị hoả đề châm trị liệu nội trĩ phương

Người cống hiến: Sư Hoài Đường, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu châm cứu tỉnh Sơn Tây

Dụng cụ châm: Sư thị hoả đề châm, Sư thị tửu tinh đăng.

Bộ vị thực hiện châm: Cục bộ

Phương pháp: Sau khi sát trùng cục bộ, dùng kính để soi quảng trường ở giang môn. Quan sát điểm bộc lộ của trĩ hạch, lại dùng Hoả đề châm hơ lên Tửu tinh đăng cho đỏ, ngay lập tức ấn vào điểm nổi lên của trĩ hạch, mỗi trĩ hạch điểm 2 châm (cần chú ý đừng làm tổn thương đến tổ chức xung quanh) rút kính soi giang môn ra, sau khi áp dụng phép châm xong, dặn người bệnh nằm nghỉ cố định 3 ngày và ăn các thức mềm, dễ tiêu.

216. SANG ĐỘC Ở GIANG MÔN

Sang độc ở giang môn là chỉ một bên hoặc xung quanh giang môn nổi cục sưng đỏ hình thành khối sưng trướng, trệ thậm chí phá vỡ hình thành lỗ dò lâu ngày không khỏi, chảy ra mủ máu tạp vật mùi hôi gọi là Giang môn sang độc. Chứng này bao gồm có các chứng bệnh "Đau giang môn", "Giang lậu".v.v. Về điều trị gần giống với loại "Trĩ sương" nên tham khảo.

Giang môn mới bị kết sưng, sưng đỏ cứng rắn, đau không chịu nổi là do nhiệt độc úng trệ ở huyết phận. Phép chữa nên thanh nhiệt giải độc, tiêu sưng giảm đau, cho uống ***Vương thị nghiệm phương tiêu giảm thang (1).*** Kiêm chứng táo bón hoặc khái thấu suyễn thở là nhiệt độc úng kết ở hai kinh Phế, Trường có thể dùng ***Vương thị thanh Phế tiêu thũng thang (2)*** để thanh Phế giải độc, thông phủ tiêu sưng, tán ứ chỉ thống, đồng thời có thể dùng ***Vương thị tiêu thũng chỉ thống cao (3)*** để bôi vào bên ngoài nơi đau. Nếu kiêm chứng nóng rét, đại tiện ra huyết, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt kiêm độc dồn xuống dưới, huyết phận bị thúc bách thì uống ***Du hoè tạng liên hoàn (4)*** để thanh nhiệt giải độc hoá thấp, lương huyết chỉ huyết và tiêu sưng, nếu thiên về huyết nhiệt thì dùng ***Lương huyết địa hoàng thang gia giảm phương (5).***

Trẻ em gặp chứng này có thể dùng ***Trần thị ngân hoa cam thảo tam đậu thang (6)*** để thanh hoả giải độc, lợi thấp lương

huyết tiêu sưng giảm đau. Nếu sau khi sưng đau từ 3 đến 7 ngày đã thành mủ vỡ loét chảy nước mủ và chất bẩn, nơi đau rất ngứa, tình trạng đau chưa giảm thì dùng ***Vương thị tiêu trĩ thang (7)*** để xông rửa nơi đau. Nếu nước mủ khá nhiều, loét nát dầm dề lâu ngày không gắn miệng và đau, hoặc sau khi dùng thủ thuật ở giang môn và ruột xuất hiện chứng trạng này có thể dùng ***Vương thị diệt nùng bạt độc tán (8)*** để trừ mủ tiêu độc biến thịt nát thành thịt mới và giảm đau

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị nghiệm phương tiêu giảm thang

Người cống hiến: Vương Phương Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Sinh Hoàng kỳ	15 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Huyền sâm	15 "	Bồ công anh	15 "
Kim ngân hoa	12 "	Đương qui	9 "
Xuyên sơn giáp	6 "	Bạch thược	9 "
Hoàng liên	6 "	Tạo giác thích	6 "
Ngọc phiến	6 "	Cam thảo	5 "

Cách dùng: Sắc với 2 bát nước, cạn lấy 1 bát uống lúc nóng trước bữa cơm, mỗi ngày một thang, phương thuốc này đối với trường hợp giang môn sưng đau ở thời kỳ đầu uống vào sẽ tự khỏi; ở thời kỳ cuối có thể giảm nhẹ chứng trạng thu hẹp phạm vi của nhọt làm cho nung mủ nhanh. Phương này uống liên tục 3 đến 6 thang, trước hết là giảm đau rồi sau mới hết đau, xu thế sưng cũng tiêu nhanh.

2. Vương thị thanh Phế tiêu thũng thang

Người cống hiến: Vương Phương Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Sinh Thạch cao	30 gam	Hoàng cầm	9 gam
Hoàng liên	9 "	Tỳ bà diệp	9 "
Liên kiều	9 "	Thăng ma	9 "
Ma hoàng	6 "	Đan sâm	6 "
Đại hoàng	6 "	Đào nhân	6 "

Cách dùng: Sắc với 2 bát nước, đun cạn lấy nửa bát uống, mỗi ngày 1 thang.

3. Vương thị tiêu thũng chỉ thống cao

Người cống hiến: Vương Phương Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Ngũ bội tử	60 gam	Hoàng liên	15 gam
Hùng hoàng	6 "	Chu an	6 "
Băng phiến	6 "		

Cách dùng: Các vị tán thành bột mịn, cứ 20 gam thuốc bột thì thêm vào 60 gam vadơlin và 20 gam Chi ma du, trộn đều. Khi sử dụng thì làm khô nơi mắc bệnh, bôi thuốc cao vào một lớp dày, mỗi ngày đổi thuốc một lần.

4. Du hoè tạng liên hoàn

Người cống hiến: Đinh Trạch Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Nam Kinh

Hoàng liên	37,5 gam	Hoàng cầm	22,5 gam
Hoè hoa	150 "	Hoè mễ (sao)	112,5 "

Địa du thán	112,5 gam	Sinh Địa hoàng	112,5 gam
Đương quy	75 "	Kinh giới	75 "
A giao	75 "	Trư Đại trường	80 "

Cách dùng: Trước tiên đem ruột già lợn nấu nhừ, các vị thuốc khác tán bột rồi trộn đều thêm chút mật trắng luyện làm viên mà uống.

5. Lương huyết địa hoàng thang gia giảm phương

Người cống hiến: Trần Dân Phiên, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Phúc Kiến

Sinh Địa hoàng	20 gam	Địa du	15 gam
Hoàng liên	6 "	Hoàng cầm	9 "
Xích thược	9 "	Đương quy vĩ	6 "
Thiên hoa phấn	10 "	Sinh Cam thảo	5 "
Chỉ xác	9 "	Đại hoàng	3 "
Xa tiền tử	9 "		

6. Trần thị nhân hoa cam thảo tam đậu thang

Người cống hiến: Trần Dân Phiên, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Phúc Kiến

Kim ngân hoa	30 gam	Sinh Cam thảo	3 gam
Xích Tiểu đậu	30 "	Hắc đậu	15 "
Lục đậu	15 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước uống trước bữa cơm, mỗi ngày 1 thang.

7. Vương thị tiêu trĩ thang

Người cống hiến: Vương Phương Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Hoè hoa	15 gam	Ngải diệp	15 gam
Khổ sâm	30 "	Hoàng liên	15 "
Bạc hà	15 "	Kinh giới	15 "
Chi tử	15 "	Chỉ xác	15 "
Hoàng bá	15 "	Đại hoàng	15 "
Bạch chỉ	15 "	Địa cốt bì	30 "
Xà sàng tử	30 "		

Cách dùng: Bọc các vị thuốc vào một túi vải buộc chặt, bỏ vào trong nồi đất lớn đổ 3 bát nước đem đun chừng 30 phút, lấy thuốc ra ngay lúc còn nóng, trước hết xông vào nơi đau, đợi khi nước còn âm ấm thì rửa lâu 30 phút, mỗi ngày xông và rửa 1 - 2 lần, mỗi thang có thể sử dụng 3 - 4 lần.

8. Vương thị diệt nùng bạt độc tán

Người cống hiến: Vương Phương Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tây An

Minh Hùng hoàng	60 gam	Khinh phấn	6 gam
Chu xa	6 "	Nhũ hương	15 "
Băng phiến	6 "		

Cách dùng: Trước tiên lấy 4 vị thuốc trên nghiền bột, rồi bỏ Băng phiến vào trộn đều bỏ vào lọ để dùng. Cũng có thể chế thành dạng cao mỡ, mỗi ngày sau khi đại tiện, lau sạch khô giang môn rồi bôi thuốc 1 lần, chừng 3 - 5 ngày sau bề mặt chỗ trĩ sẽ sinh thịt mới đổi dùng thuốc Sinh cơ tán mà bôi.

Phụ: ***Sinh cơ tán:*** Lô cam thạch 60 gam, Cung phấn 30 gam, Đồng lục 15 gam, Thạch cao (nung) 30 gam, Khinh phấn 6 gam, Hồng phấn 6 gam, Chu sa 6 gam, Băng phiến 6 gam, Xạ hương 2 gam.

Cách dùng: Trước hết đem nung đỏ Lô cam thạch nhúng vào Đồng tiện cho vỡ tan, lại đem các vị thuốc khác (trừ Băng phiến, Xạ hương) tán bột mịn, sau đó nhồi thuốc vào bên trong cái dọc hành để vào cạnh lửa để hơ cho biến thành sắc vàng khô (không được để cháy đen) bóc bỏ vỏ hành đi, lấy bột thuốc trộn đều với Băng phiến, Xạ hương lại nghiền lần nữa cho thật mịn, đựng vào lọ để dùng. Thuốc này cũng có thể chế thành dạng cao mỡ, mỗi khi đại tiện xong, lau sạch khô bấy giờ mới bôi thuốc.

217. GIANG MÔN NỨT KẼ

Chứng này chỉ Giang môn nứt kẽ chảy máu và rất đau. Nếu đại tiện khô kết kéo dài, Giang ôn nứt kẽ có lúc đau dữ dội và xuất huyết, rêu lưỡi khô, mạch Sác đó là nhiệt tích âm khuy, đường ruột khô ráo dùng ***Trần thị tăng dịch thông tiện thang (1)*** để tăng dịch tư âm thông tiện tiết nhiệt. Giang môn nứt kẽ, đại tiện khô có lúc xuất huyết, lượng huyết nhiều mà sắc đỏ tươi kiêm chứng Giang môn sưng đau hoặc trĩ sưng đó là nhiệt độc quá thịnh, huyết phận bị thúc bách, điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc lương huyết chỉ huyết, có thể dùng ***Nguyễn thị trĩ phục thang (2).***

Biện chứng luận trị chứng này, vì bộ vị và cơ chế bệnh có chỗ tương thông với các chứng "Trĩ sưng", "Sang độc ở giang môn" và "Tiện bí". Trong thực tế lâm sàng nên tham khảo.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trần thị tăng dịch thông tiện thang

Người cống hiến: Trần Dân Phiên, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Phúc Kiến

Huyền sâm	20 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Mạch môn đông	20 "	Hoả ma nhân	15 "
Đông qua nhân	12 "	Hạnh nhân	6 "
Tỳ bà diệp	12 "		

2. Nguyễn thị trĩ phục thang

Người cống hiến: Nguyễn Chính Hoa, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Nội Giang tỉnh Tứ Xuyên

Bào sâm	15 gam	Hoài sơn	30 gam
Hoàng cầm	15 "	Hoàng bá	30 "
Xuyến thảo căn	30 "	Địa du thán	30 "
Mẫu đơn bì	15 "	Cát cánh	12 "
Chỉ xác	12 "	Đại hoàng (chế rượu)	6 "

Cách dùng: Lần thứ nhất đổ 800 ml nước ngâm 5 đến 10 phút rồi đun nhỏ lửa 15 đến 20 phút, cho uống mỗi lần 200 ml, ngày uống 3 - 4 lần.

PHẦN XVIII

CHỨNG TRẠNG THUỘC PHỤ KHOA

Chương này chỉ giới thiệu các chứng thuộc về tạp bệnh như: Kinh nguyệt không đều, Thai tiền sản hậu và Kinh nguyệt lượng nhiều, Có thai nôn mửa, Phát sốt sau khi đẻ, Âm đĩnh, Không thụ thai thuộc Phụ khoa.

218. KINH NGUYỆT THẤY SỚM (Kinh sớm)

Chu kỳ rút ngắn lại chỉ có 23 ngày, thậm chí một tháng hành kinh 2 lần đó là kinh nguyệt thấy sớm.

Kinh nguyệt thấy sớm sắc đỏ tươi, lượng nhiều, Tâm phiền miệng khô đó là thực nhiệt ở huyết phận; chứng nhẹ thì dùng ***Nhiếp thị Tứ vật lương huyết thang (1)*** để thanh nhiệt lương huyết, hoà huyết điều kinh. Chứng nặng có xu thế trở thành băng huyết thì dùng ***Thanh nhiệt cố kinh thang (2)*** để thanh nhiệt tả hỏa làm bền Xung mạnh và chỉ huyết.

Hành kinh thấy sớm lượng nhiều sắc nhạt, kèm theo cục huyết, hồi hộp đoản hơi, sắc mặt úa vàng, lưỡi nhợt, rêu trắng mạch Tế Nhược, bệnh thuộc Tỳ khí hư yếu, Xung mạch không bền cho uống ***Sài thị kỳ quy long mẫu thang (3)*** để bổ khí kiện Tỳ làm bền Xung mạch và nhiếp huyết. Nếu kiêm chứng chân lạnh và lưng lạnh, đại tiện không thành khuôn, mạnh Trầm Tế vô lực là khí hư kiêm hàn, có thể dùng ***Hoa thị trị nguyệt kinh tiên kỳ phương (4)*** để ôn trung ích khí dưỡng huyết điều kinh. Nếu lâu ngày không thụ thai, lưng gối yếu mỏi, váng đầu ù tai, tinh thần mỏi mệt yếu sức, phiền nhiệt họng khô là âm dương của Thận đều hư, có thể dùng ***Triệu thị âm dương câu hư phương (5)*** để điều bổ âm dương, ích khí dưỡng huyết, điều kinh cho mau thụ thai.

Phụ nữ ở thời kỳ tiền mãn kinh, hành kinh đến sớm, lượng ít sắc đỏ, chất đặc dính, kiêm chứng tinh thần mỏi mệt, váng đầu ù tai, hay quên mất ngủ, tình chí không thoải mái phiền táo dễ cáu giận, hồi hộp ngủ hay mê, lòng bàn chân tay nóng đó là Thận âm bất túc, hoả vượng dương cang, Tâm Can bất hoà, cho uống ***Gia giảm ích Thận thang (6)*** để ích Thận bổ âm, điều kinh an thần và hàm Mộc tiềm dương.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Nguyệt kinh quá nhiều".

PHỤ PHƯƠNG

1. Nhiếp thị Tứ vật lương huyết thang

Người cống hiến: Nhiếp Huệ Dân, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Đương quy	10 gam	Xuyên khung	3 gam
Sinh Địa hoàng	10 "	Bạch thược	12 "
Thăng ma	5 "	Hoàng cầm	10 "
Hoàng liên	5 "	Mẫu đơn bì	10 "
Ngải diệp	3 "		

2. Thanh nhiệt cố kinh thang

Người cống hiến: Từ Chí Hoa, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh An Huy

Bạch thược	12 - 15 gam	Sinh Địa hoàng	12 - 15 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Đương quy	10 "
Sơn chi	10 "	Xuyến thảo	10 "

Tao hưu	10 gam	Đại kế	10 gam
Tiểu kế	10 "	Hoè hoa (sao)	10 "
Trắc bá diệp	10 "	Hạn liên thảo	10 "
Địa du	10 "	Bồ hoàng(sao)	10 "
Quán chúng	10 "		

Gia giảm: Đau bụng gia Hồng đằng, Bại tương thảo. Mỏi lưng gia Tang ký sinh, Xuyên Ngưu tất. Váng đầu hồi hộp gia Bắc Sa sâm, Sinh Mẫu lệ. Đắng miệng kém ăn gia Thiên hoa phấn, Xuyên Hoàng liên. Tiểu tiện lượng ít mà nóng gia Cù mạch, Bạch mao căn.

3. Sài thị kỳ quy long mẫu thang

Người cống hiến: Sài Hạo Nhiên, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Vận Thành tỉnh Sơn Tây

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đẳng sâm	24 gam
Đương quy	9 "	Sinh Long cốt	18 "
Cam thảo (trích)	6 "	Tam thất (hoà uống)	4,5 "

4. Hoa thị trị nguyệt kinh tiên kỳ phương

Người cống hiến: Hoa Chiêm Phúc, Phó giáo sư
Trung y Học hiệu tỉnh Cam Túc

Ngô thù du	9 gam	Đẳng sâm	9 gam
Bán hạ	4,5 "	Đương quy	12 "
Bào khương	4,5 "	Xuyên khung	6 "
Mạch môn đông	6 "	A giao	6 "
Xương truật	9 "	Bạch truật	6 "
Trích Cam thảo	4,5 "		

Cách dùng: Sắc nước uống, trước khi hành kinh một tuần uống liên tục 6 thang.

5. Triệu thị âm dương câu hư phương

Người cống hiến: Triệu Thụ Nghi, Nghiên cứu viên. Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

a) Bài thuốc uống nửa thời kỳ trước khi hành kinh:

Sinh Địa hoàng	12 gam	Thục Địa hoàng	12 gam
Bạch thược	12 "	Sinh Quy bản	12 "
Sinh Miết giáp	15 "	Phúc bồn tử	12 "
Thỏ ty tử	12 "	Câu kỷ tử	12 "
Tử Hà xa	10 "	Sinh Long cốt	15 "
Sinh Mẫu lệ	15 "	A giao châu	10 "
Trần bì	10 "		

b) Bài thuốc uống nửa thời kỳ sau khi hành kinh:

Thục Địa hoàng	12 gam	Thỏ ty tử	12 gam
Tử Hà xa	10 "	Bạch thược	12 "
Câu kỷ tử	12 "	Bổ cốt chi	10 "
Đỗ trọng	10 "	Xuyên Tục đoạn	10 "
Đẳng sâm	15 "	Hoàng kỳ	15 "
Trần bì	10 "	A giao châu (hoà tan)	10 "

6. Gia giảm ích Thận thang

Người cống hiến: Lăng Thoả Bách, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Bồng Khê tỉnh Tứ Xuyên

Sa sâm	20 gam	Sơn dược	20 gam
Thục Địa hoàng	20 "	Câu kỷ tử	20 "

Xung uất tử	20 gam	Nữ trinh tử	15 gam
Tang thầm tử	15 "	Bá tử nhân	12 "
Dạ giao đằng	12 "	Thạch quyết minh	15 "
Hạn liên thảo	15 "	Hạ khô thảo	15 "
Chân châu mẫu	15 "		

219. HÀNH KINH ĐẾN CHẬM (Kinh muộn)

Chứng này chỉ hành kinh muộn từ 7 ngày đến một tháng trở lên, thậm chí có khi 2 - 3 tháng mới thấy hành kinh (không kể trường hợp có thai sớm).

Kinh nguyệt rối loạn đến muộn và lượng ít, thậm chí dần dà dẫn đến kinh bế không thụ thai, kiêm chứng váng đầu ù tai, tinh thần mỏi mệt, lưng gối mềm yếu, sợ lạnh chân tay lạnh, sắc mặt tối sạm, đó là do khí huyết bất túc, dương khí suy hư, có thể dùng ***Thôi thị trợ dựng phương*** để ôn dương nuôi khí huyết, hoà huyết điều kinh.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Không thụ thai", "Bế kinh".

PHỤ PHƯƠNG

Thôi thị trợ dựng phương

Người cống hiến: Thôi Ngọc Hành, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 2 thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam

Thục Địa hoàng	15 gam	Đương quy	15 gam
Bạch thược	15 "	Xuyên khung	10 "
Quan quế	3 "	Tiên linh tỳ	15 "
Tiên mao	6 "	Trầm hương	5 "
Cam thảo (trích)	6 "	Hương phụ (chế dấm)	20 "

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang hoặc cách ngày 1 thang, cũng có thể luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, ngày uống 2 viên vào sáng và tối. Đang hành kinh hoặc sau khi hành kinh 3 ngày thì ngừng uống thuốc.

220. KINH NGUYỆT TRƯỚC SAU KHÔNG NHẤT ĐỊNH (Kinh rối loạn)

Chứng này chỉ phụ nữ khi hành kinh, hoặc trước hoặc sau không có định kỳ, thường hành kinh trước hoặc sau từ 7 ngày trở lên cũng gọi là "Hành kinh rối loạn".

Hành kinh hoặc trước, hoặc sau kinh ra không thoải mái có khi kèm hòn cục cho uống ***Gia vị Tứ vật thang (1)*** để hoà khí huyết và điều kinh. Chứng nói trên nếu kiêm cả mỏi lưng, tai ù là do huyết hư, kiêm cả Thận hư cho uống ***Điều kinh dưỡng huyết thang (2)*** để dưỡng huyết điều kinh và hoà huyết kiêm cả bổ Thận.

Phụ nữ hành kinh quá sớm hoặc quá muộn, lượng huyết nhiều hoặc ít, sắc kinh nhợt hoặc tối, hoặc kèm theo cục huyết, sợi huyết, bụng dưới trướng mà trệ, ngực sườn đau âm ỷ lâu ngày không khỏi, bệnh thuộc huyết hư kiêm ứ trệ. Điều trị nên dưỡng huyết đồng thời dùng cả thuốc hành khí tán ứ, nên thiên về khí trệ huyết uất có thể dùng ***Thừa thị thất hoa tứ vật thang (3)*** để thư Can giải uất, hoạt huyết dưỡng huyết. Nếu thiên về huyết hư cho uống ***Hoàng kỳ dục khôn tán (4)*** để dưỡng huyết hoà huyết, điều kinh chỉ thống. Kiêm chứng hồi hộp đoản hơi là do huyết hư uất trệ kiêm cả khí hư, có thể dùng ***Ích hoàng bát trân tán (5)*** để ích khí sinh huyết, hành ứ giảm đau.

Hành kinh hoặc trước hoặc sau, mỏi lưng ù tai, hồi hộp đoản hơi, kém ăn, khi ra kinh thì đau bụng, mạch Tế Sáp là do Thận hư huyết thiếu, kiêm cả ứ trệ cho uống ***Tăng hiệu điều kinh hoàn (6)*** để bổ Thận củng cố cái gốc dưỡng huyết điều kinh.

Nếu kinh nguyệt không đều hoặc trước hoặc sau, lượng kinh ra nhiều, thời gian hành kinh kéo dài có khi tới 10 ngày hoặc nửa tháng vẫn còn nhỏ giọt không dứt, mỏi lưng nặng trệ là do khí huyết hạ hãm, cho uống ***Đinh thị cử kinh thang (7)*** để phù Can đều Tỳ cử kinh chỉ lậu.

Phụ nữ hành kinh rối loạn, hoặc vượt lên trước, hoặc lùi về sau, khi hành kinh thì lưng và bụng trướng đau, vú căng trướng ngực khó chịu, đới hạ ra chất vàng đục, hoặc ra đới hạ trắng đỏ lẫn lộn, hoặc ngứa bộ phận sinh dục, rêu lưỡi vàng nhớt, bệnh do thấp nhiệt nung nấu ở trong, khí huyết không điều hoà cho uống ***Chu thị thông kinh chỉ đới thang (8)*** để trừ thấp, hòa khí huyết điều kinh, chữa đới hạ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị Tứ vật thang

Người cống hiến: Phùng Tế Khanh, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện khu Sùng Văn thành phố Bắc Kinh

Đương quy	10 gam	Bạch thược	7 gam
Xuyên khung	3 "	Sinh Địa hoàng	7 "
Hương phụ	10 "	A giao châu	1,5 "
Ngải diệp thán	3 "	Cam thảo (trích)	3 "

Gia giảm: Nếu thuộc nhiệt chứng gia Hoàng cầm, Kinh giới thán. Nếu thuộc hàn chứng gia Bào khương, Đỗ trọng. Nếu thuộc hư chứng gia Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật.

2. Điều kinh dưỡng huyết thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố An Dương tỉnh Hà Nam

Đại Thục địa	12 gam	Đương quy thân	15 gam
A giao châu	12 "	Đan sâm	30 "
Bạch thược (sao)	18 "	Sài hồ	6 "
Trần bì	9 "	Hương phụ	9 "
Đỗ trọng (sao)	12 "	Xuyên Tục đoạn	12 "
Trang ký sinh	30 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Hành kinh đến sớm là thuộc huyết nhiệt gia Sinh Địa hoàng, Mẫu đơn bì. Hành kinh đến muộn gia Trạch lan, Khôn thảo, Tô ngạnh, Cát cánh.

3. Thừa thị thất hoa tứ vật thang

Người cống hiến: Thừa Trung Uỷ, Y sư phó chủ nhiệm Trường y tế khu Vũ Hồ tỉnh An Huy

Nguyệt quý hoa	Hợp hoan hoa
Hồng hoa	Lục Mai hoa
Kê quan hoa	Hậu phác hoa
Phật thủ hoa	Đương quy
Xuyên khung	Bạch thược
Thục Địa hoàng	

4. Hoàng thị dục khôn tán

Người cống hiến: Hoàng Huệ Khanh, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung Mông y thành phố Hồ Hoà Hạo Đặc khu tự trị Nội Mông Cổ

Hương phụ 120 gam (bỏ lông, chia 4 phần mỗi tẩm dấm, tẩm rượu, tẩm nước gừng, tẩm Đồng tiện qua 1 đêm, sấy khô, sao qua).

Đương quy	50 gam	Xuyên khung phiến	20 gam
Bạch thược(sao)	40 "	Bạch Phục linh	40 "
Phấn Đan bì	25 "	Ích mẫu cao	50 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 5 gam ngày 2 lần sáng và tối chiêu với nước chín, 20 ngày là 1 đợt điều trị. Nói chung uống 1, 2 đợt điều trị thì khỏi.

5. Ích hoàng Bát trân tán

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư
Trung y học viện Thành Đô

Đẳng sâm	24 gam	Bạch truật	9 gam
Phục linh	12 "	Đương quy	9 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Xích thược	9 "
Xuyên khung	6 "	Ích mẫu thảo	30 "
Giá trùng	9 "	Bồ hoàng (sao)	9 "
Kê huyết đằng	18 "		

6. Tăng hiệu điều kinh hoàn

Người cống hiến: Bành Trù, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Đức Dương tỉnh Tứ Xuyên

Địa hoàng	10 gam	Đương quy	6 gam
Đẳng sâm	10 "	Bạch truật (sao)	10 "

Trần bì	10 gam	Thỏ ty tử	10 gam
Xuyên Tục đoạn	10 "	Chế Hương phụ	10 "
Nguyệt quý hoa	3 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên chế thành dạng thuốc viên hoặc sắc lấy nước uống.

Gia giảm: Nếu sử dụng dạng thuốc sắc tình trạng bệnh do huyết nhiệt mà dẫn đến hành kinh sớm, gia Địa cốt bì, Mẫu đơn bì. Nếu chứng trạng thiên về âm hư thúc ép cho hành kinh sớm, gia Mạch môn đông, Nữ trinh tử, Bạch thược. Nếu do hàn tà ẩn náu ở bào mạch dẫn đến hành kinh quá muộn, gia Quế tâm, Ngải diệp. Nếu chứng trạng thiên về huyết hư, gia Câu kỷ, Sơn thù du. Nếu chứng trạng uất hạ mà đau bụng gia Huyền hồ, Thai ô dược. Do Can uất mà đến nỗi hành kinh trước sau không nhất định, gia Sài hồ, Bạch thược sao. Chứng trạng thiên về uất đến nỗi thành ứ, gia Huyền hồ, Bồ hoàng. Kiêm chứng Thận hư gia Sơn thù du, Sơn dược, Ngũ vị tử. Do khí hư không nhiếp được huyết dẫn đến lượng kinh nguyệt quá nhiều, gia Hoàng kỳ, Tiên hạc thảo, dùng Đảng sâm liều cao. Do nhiệt thịnh ở trong dẫn đến lượng hành kinh quá nhiều, gia Hoàng bá (sao), Địa du (sao) và Hạn liên thảo. Do ứ trệ dẫn đến lượng hành kinh quá nhiều có cả hòn cục, gia Bồ hoàng, Ngũ linh chi, Ích mẫu thảo, Xuyến thảo (sao). Do huyết ứ dẫn đến lượng hành kinh quá ít, gia Đào nhân, Hồng hoa. Kiêm chứng đờm thấp gia Trần bì, Phục linh, Bán hạ.

7. Đinh thị cử kinh thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Phòng phong (sao)	10 gam	Kinh giới thán	10 gam
Bạch chỉ	10 "	Cảo bản	10 "
Sài hồ	5 "	Bạch thược (sao)	10 "
Cam thảo (trích)	5 "	Đương quy (sao)	5 "
Bạch truật	10 "	Phục linh	10 "
Mộc hương	5 "	Tiên ngẫu (giã nhỏ)	250 "

Cách dùng: Trước hết dùng dạng thuốc sắc, nói chung uống khoảng 5 gói thì hiệu quả, lại uống tiếp tới 10 gói thì khỏi hẳn. Nếu như thấy hiệu quả nhưng chưa dứt điểm thì uống cho tới khi sạch kinh mới thôi. Sau đó cứ sau mỗi lần hành kinh, vô luận kinh huyết như thế nào cứ uống tiếp 5 - 10 thang. Song đến tháng thứ 3 nói chung có thể hành kinh được bình thường.

Ở tháng thứ 2, sau khi hành kinh đã đúng hạn, lấy đơn thuốc trên 10 thang nghiền thành bột, chia làm 20 gói phân biệt vào tháng thứ 3, thứ 4 trước nửa tháng uống liên tục 10 ngày, cũng có thể dùng dạng thuốc sắc, cứ 5 gói chia làm 10 ngày uống để góp phần củng cố bệnh.

8. Chu thị thông kinh chỉ đới thang

Người cống hiến: Chu Tín Hữu, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Đương quy	9 gam	Xích thược	9 gam
Ích mẫu thảo	20 "	Mẫu đơn bì	15 "

Quế chi	9 gam	Hương phụ	9 gam
Thung căn bì	15 "	Thổ Phục linh	20 "
Ngải diệp (sao)	9 "	Ý dĩ nhân	20 "

221. HÀNH KINH LƯỢNG QUÁ NHIỀU

Hành kinh lượng quá nhiều là chỉ hành kinh lượng quá mức bình thường. Ngoài ra trong thời gian hành kinh hoặc là không ở trong thời gian hành kinh, lượng kinh ra quá nhiều và kéo dài không dứt tức "Băng lậu" là loại này, cho nên cũng thuộc phạm vi của chứng này.

Hành kinh không quy tắc mà ra đột ngột lượng nhiều hoặc dầm dề nhiều ngày không dứt, sắc đỏ sẫm, chất dính, khát nước, phát sốt tiểu tiện vàng, đại tiện khô, bệnh thuộc thực nhiệt ở huyết phận cho uống ***Thẩm thị thanh nhiệt chỉ huyết thang (1)*** để thanh nhiệt củng cố kinh nguyệt, lương huyết chỉ huyết. Tình trạng hành kinh dữ dội có kiêm cả hòn khối, có thể dùng ***Sái thị chỉ băng tán (2)*** để lương huyết hoà huyết chữa ngọn của bệnh. Kiêm chứng miệng khô và đắng, Tâm phiền phát nhiệt là do dương thịnh, âm tổn thương dùng ***Hàn lương chỉ băng thang (3).*** Kiêm chứng nguyệt kinh quá nhiều hoặc đến sớm phát sốt nặng hơn thì uống ***Sái thị thanh nhiệt lương huyết phương (4)*** để thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết. Kiêm chứng miệng khô và đắng, Tâm phiền hay giận, trướng bụng dưới, lưng mỏi họng khô là do Can uất hoá hoả, Thận âm bất túc cho uống ***Thanh Can bổ Thận thang (5)*** để thanh Can bổ Thận củng cố Xung mạch. Kiêm chứng rêu lưỡi vàng nhớt, tiểu tiện vàng sẫm, kém ăn, sắc kinh đỏ mà dính, có kiêm hòn cục ra đới hạ vàng dính, cho uống

Cừu thị nhị đằng thang (6) để thanh nhiệt lương huyết, hoá thấp trừ ứ, ở tuổi thiếu nữ thanh xuân mà bị băng lậu, tái phát bất thường có thể dùng ***Mã thị tam thảo mẫu lệ tảo tra thang (7)*** để lương huyết chỉ huyết, dưỡng âm tiêu ứ.

Kinh huyết ra bất kỳ thời gian, lượng nhiều, xu thế cấp bách, sắc huyết đỏ tươi, Tâm phiền họng khô, tiểu tiện vàng xẻn, đại tiện khô, bệnh thuộc hư nhiệt ở huyết phận, kiêm chứng váng đầu ù tai, triều nhiệt, tinh thần uỷ mị, cho uống ***Thời thị tân đính lương huyết cố kinh thang (8)*** để lương huyết cố kinh, tả hoả bảo vệ phần âm. Kiêm chứng váng đầu, hoa mắt, tai ù mỏi lưng, lòng bàn tay, chân nóng, nóng nảy dễ cáu giận, mạch Tế Sác hoặc Tế Huyền dùng ***Lý thị bạch đầu ông nhị chí hợp tễ (9)*** để thanh Can nhiệt, tư Can Thận, chỉ huyết mát huyết. Kiêm chứng miệng khô, kém ăn, chân tay yếu sức, chất lưỡi đỏ mà khô hoặc đỏ nhạt, rêu lưỡi vàng mạch Hư Sác hoặc Trầm Nhuyễn là do Tỳ hư, phần âm bị tổn thương, mạch Xung Nhâm không bền dùng ***Kiện Tỳ cố Xung thang (10)*** để kiện Tỳ vững chắc phần âm, cố sáp Xung Nhâm. Kiêm chứng tinh thần mỏi mệt, mỏi lưng, miệng khô họng ráo, hồi hộp đoản hơi, uống ***La thị thanh nhiệt chỉ băng thang (11)*** để thanh nhiệt lương huyết, dưỡng âm ích khí và chỉ huyết.

Kinh huyết dầm dề không dứt, sắc nhớt chất lưỡi nhạt, mạch Tế bệnh thuộc huyết hư. Kiêm chứng hồi hộp, đầu choáng, lưng mỏi bụng trướng, ít ngủ kém ăn, tinh thần khốn đốn, triều nhiệt phiền muộn, thể trạng gầy còm kinh ra sắc huyết tía sẫm hoặc có mùi tanh hôi cho uống ***Thời thị gia giảm chỉ lậu thang (12)*** để dưỡng huyết chỉ huyết. Kiêm chứng đầu choáng hồi hộp, bụng

không trướng đau nhưng ra mồ hôi, mỏi mệt, đó là khí huyết đều hư dùng ***Hàn thị ích khí dưỡng huyết thang (13)*** để ích khí dưỡng huyết. Kiêm chứng hồi hộp, đoản hơi kém ăn, đau bụng, huyết ra có hòn cục là khí huyết đều hư kiêm cả ứ trệ dùng ***Quy kinh thang (14)*** để ích khí dưỡng huyết, hoá ứ điều kinh. Chứng này nếu kiêm cả lưng gối ê mỏi, đầu choáng là khí huyết đều hư Thận hư Can vượng kiêm cả huyết ứ dùng ***Thẩm thị chỉ băng nghiệm phương (15)*** để ích khí nhiếp huyết, hoá ứ củng cố Thận. Chứng khí huyết đều hư kiêm cả mỏi mệt sợ lạnh, sắc mặt xanh nhợt, đại tiện không thành khuôn, chân tay mát lạnh là do khí huyết bất túc, dương khí hư suy cho uống ***Ôn dương chỉ huyết thang (16)*** để ích khí dưỡng Doanh, ôn dương chỉ huyết.

Xuất huyết có lúc lượng nhiều, có lúc lượng ít, sắc kinh đỏ tươi hoặc đỏ nhạt, miệng khát họng khô, đại diện khô, tiểu tiện vàng xẻn, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế là do âm hư gây nên. Kiêm chứng lưng mỏi đầu váng, triều nhiệt Tâm phiền hoặc hạ huyết có hòn cục là âm hư nội nhiệt, dùng ***Mã thị quy bản thanh âm tam thảo thang (17)*** để tư âm sinh huyết, kiêm cả lương huyết thanh nhiệt chỉ huyết.

Nếu kiêm chứng Tâm phiền dễ cáu giận, triều nhiệt nhẹ, mạch Huyền Tế hoặc Tế Sác là âm hư huyết nhiệt, cho uống ***Thẩm thị dưỡng âm chỉ huyết thang (18)*** để dưỡng âm chỉ huyết thanh nhiệt cố huyết. Nếu kiêm chứng ra huyết có hòn cục, bụng trướng, đau mỏi lưng, bệnh xuất hiện ở lứa tuổi thanh xuân đấy là âm hư kiêm ứ, cho uống ***Hạ thị bổ âm hoá ứ thang (19)*** để tư Thận âm, khơi thông ứ trệ. Nếu đoản hơi hồi hộp là khí âm đều hư thì dùng ***Tiêu thị chỉ huyết thang (20)*** để ích khí

dưỡng âm chỉ huyết và cố nhiếp. Kiêm chứng nóng đầu hồi hộp, đoản hơi yếu sức hoặc lòng bàn tay chân nóng, gò má đỏ, mạch Tế Nhược là khí âm đều hư, có cả Thận hư cho uống ***Lý thị sâm ô hợp tễ (21)*** để dưỡng âm ích khí kiêm bổ Thận. Trường hợp đoản hơi yếu sức khá nặng mà hiện tượng nhiệt không rõ rệt thì dùng ***Trần thị bảo nguyên nhị liên thang (22)*** để ích khí dưỡng âm và sinh huyết.

Hành kinh sai định kỳ hoặc băng huyết đột ngột, hoặc kéo dài không dứt, sắc huyết trong loãng và nhạt, mặt trắng nhợt, tinh thần mỏi mệt, đoản hơi là do khí hư mất sự thu nhiếp. Nếu kiêm chứng phát nhiệt phiền khát muốn uống nước, mạch Hồng Đại vô lực kiêm cả chứng sợ gió là do Phế Tỳ khí hư, cho uống ***Trần thị gia giảm đương quy bổ huyết thang (23)*** để ích khí nhiếp huyết, kết hợp với hoà huyết, tán huyết. Nếu kiêm chứng kém ăn hồi hộp thì dùng ***La thị bổ khí nhiếp huyết thang (24)*** để bổ khí kiện Tỳ, nhiếp huyết dưỡng huyết. Kiêm chứng khí nặng trệ và mỏi lưng, chân tay không ấm cho uống ***Vương thị gia giảm ích khí cố Xung thang (25)*** để ích khí nhiếp huyết ôn dương làm bền Xung mạch. Nếu kiêm chứng lưng và cột sống vừa mỏi vừa nặng trệ, đầu và trán nặng nề, da mát sợ lạnh, sắc mặt vàng bủng, bụng không đau, mạch Tế nhưng ấn nặng tay thì hơi Huyền thậm chí Đại mà rỗng không, lưỡi nhợt hơi bệu, rêu lưỡi mỏng là chứng thuộc khí hư dương hãm cho uống ***Đinh thị cấp vãn băng lậu thang (26)*** để thăng dương cố kinh ích khí nhiếp huyết. Nếu kiêm chứng Tâm phiền khát nước, huyết ra hơi đỏ và có hòn cục, cho uống ***Lý thị băng lậu chỉ huyết thông dụng phương (27)*** để bổ khí nhiếp huyết, tư âm lương huyết

kiêm cả hoá ứ. Nếu hạ huyết ra ở thời điểm ban ngày hoặc kiêm cả chứng sa dạ con thì dùng ***Hà thị sâm chỉ thang (28)*** để bổ trung ích khí thăng dương kiêm điều lý khí cơ.

Băng lậu lâu ngày không khỏi, lưng gối mềm yếu, kinh ra không có định kỳ hoặc ở tuổi thanh xuân mà bị băng lậu phần nhiều do Thận hư. Nếu kiêm chứng huyết ra sắc đỏ, hành kinh đến sớm hoặc là thấy hành kinh luôn là do Tỳ Thận bất túc kiêm cả hư nhiệt, cho uống ***An Xung điều kinh thang (29)*** để bình bổ Tỳ Thận điều kinh làm bền mạch Xung và thanh hư nhiệt. Nếu do Can khí uất kết dẫn đến băng huyết, lại có cả chứng của Thận hư, nên dùng ***Mã thị cố kinh thang (30)*** để bình bổ Can Thận. Băng lậu xuất hiện ở tuổi thanh xuân, lại kiêm cả chu kỳ rối loạn, có thể dùng ***Thôi thị ích Thận điều kinh thang (31)*** để ích Thận bổ khí và dưỡng huyết.

Có trường hợp chứng Thận hư mà kiêm ngũ tâm phiền nhiệt, đại tiện khô, tiểu tiện vàng xẻn, huyết ra sắc đỏ tươi, chất dính, đó là Thận âm bất túc. Nếu hạ huyết lượng nhiều thì dùng ***Lưu thị gia vị ích Thận cố bản thang (32)*** để bổ Thận dục âm kèm theo cố sáp. Nếu kiêm chứng nóng rát mặt đỏ chưa lạnh đã thấy lạnh, chưa nóng đã thấy nóng, Tâm phiền hay cáu giận, miệng đắng mạnh Huyền Tế là do Thận hư Can vượng nên tư âm bổ Thận thanh Can tả nhiệt dùng ***Trúc thị cầm liên tứ vật thang gia vị phương (33).***

Nếu kiêm chứng choáng đầu ù tai, đau lưng lại đang ở lứa tuổi thanh xuân thì dùng ***Lưu thị điều bổ Can Thận phương (34)*** để tư bổ Can Thận, dưỡng âm làm bền Xung mạch. Nếu

Tâm phiền khô miệng, họng ráo khá nặng lại ở con gái chưa xây dựng gia đình có thể dùng ***Hà thị hoá tài thanh hải hoàn (35)*** để nuôi phần âm của Can Thận, thanh tả Can hoả, lương huyết dưỡng huyết kiêm hỗ trợ Tỳ Vị. Cũng có thể dùng ***Dục âm chỉ băng thang (36)*** để bổ Can Thận, ức chế dương cang, bền mạch Xung và chỉ huyết.

Chứng Thận hư mà biểu hiện sợ lạnh chân tay lạnh, sắc mặt tối trệ hoặc xanh nhợt, tiểu tiện trong, đại tiện nhão, huyết ra sắc nhạt mà trong, chứng thuộc Thận dương hư hàn. Nếu mỏi lưng khá nặng mà hồi hộp đoản hơi có thể dùng ***La thị bổ Thận cố huyết thang (37)*** để bổ Thận dương, ích khí huyết làm bền hai mạch Xung Nhâm. Nếu kiêm chứng trong bụng lạnh đau, ưa ấm, thích xoa bóp, đầu choáng hay quên, tiểu tiện vặt, bạch đới nhiều, mặt và chân tay phù thũng, huyết ra có mùi tanh hôi, cho uống ***Hàn thị bổ dương ích khí thang (38)*** để bổ dương ích khí, chữa cả Tỳ và Thận.

Kinh huyết bất thường, lúc ra lúc ngừng, sắc kinh tía tối, kèm theo cục ứ huyết, bụng dưới đau, chất lưỡi tía tối, cạnh lưỡi có điểm ứ huyết là chứng thuộc ứ huyết có thể trước khi hành kinh 10 ngày cho uống ***Vương thị hoá ứ tán (39)*** để hoá ứ, giảm đau. Nếu bụng dưới đau khá nặng thì chọn dùng các phương ***Vương thị hoá ứ chỉ băng thang (40)*** hoặc ***Sái thị hoá ứ chỉ huyết phương (41)*** để hành ứ hoạt huyết, chỉ huyết giảm đau. Nếu kiêm chứng bụng dưới trướng trệ, mặt tái, gò má đỏ, cáu giận vô cớ, đầu choáng, hay thở dài, Tâm phiền hay mê, đại tiện khô, tiểu tiện vàng, da dẻ khô ráo là thuộc khí trệ huyết ứ, kiêm

cả uất nhiệt thì dùng ***Hàn thị điều khí hoạt huyết thang (42)*** để hành khí hoạt huyết đều là nhằm lương huyết và thanh nhiệt. Kiêm chứng hai bầu vú và liên sườn trướng đau, tính tình nóng nảy hay cáu giận, miệng khô hoa mắt, thể trạng gầy còm, mạch Huyền Sáp là do can uất, huyết ứ, cho uống ***Chu thị sơ Can hoá ứ phương (43)*** để sơ Can giải uất hành ứ giảm đau.

Bụng dưới đau lại kiêm chứng chân tay không ấm, thích uống nóng, mạnh Trầm Trì mà Sắc là do hàn ngưng huyết ứ, cho uống ***Chu thị ôn kinh hoá ứ phương (44)*** để ôn kinh tán hàn, hoá ứ hành khí. Kiêm chứng Tâm phiền phát sốt, huyết ra dính đặc, tiểu tiện vàng xẻn, rêu lưỡi nhớt là do huyết ứ kiêm huyết nhiệt, cho uống ***Hạ thị tứ thảo thang (45)*** để hoá ứ thanh nhiệt và lợi thấp. Kiêm chứng sườn trướng đầy và Tâm phiền, đắng miệng vùng mặt nổi nhiều đinh nhọt là bệnh thuộc khiếp hãi dẫn đến Can uất hoá hỏa tổn thương phần âm gây nên. Ngoài việc sử dụng dạng thuốc sắc bình Can hoá ứ chỉ huyết, có thể phối hợp với loại thuốc thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tán kết như ***Kim thị thanh nhiệt hoàn (46)*** để tăng cường tác dụng thông khiếu tán kết và trừ ứ. Nếu kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, phiền táo, hay cáu giận, miệng khô lưỡi ráo là do ứ nhiệt kiêm cả Thận hư, cho uống ***Lưu thị hoá ứ bổ Thận thang(47)*** để hành khí hoá ứ, bổ Thận kiêm thanh trừ uất nhiệt, chứng này sau khi huyết không ra nữa hoặc huyết không ra ồ ạt, lượng không nhiều, hoặc khi đã bình thường cần chữa gốc để củng cố hiệu quả, ngăn chặn tái phát là yêu cầu rất cần thiết. Nói chung đều phải lấy chiếu cố Thận hư là chính, đồng thời chiếu cố cả điều lý khí huyết. Nếu

băng lậu do khí hư không nhiếp huyết hoặc do khí huyết bất túc thì trong lúc bình thường hoặc sau khi đã chỉ huyết có thể dùng ***Mã thị băng lậu củng cố dược hiệu phương (48)*** để bổ ích khí huyết, kiêm cả hòa huyết. Nếu là thiếu nữ trẻ tuổi, sau khi đã chỉ huyết, nếu đến kỳ kinh mà không thấy hành kinh thì nên điều lý khí huyết để tư Thận, có thể dùng ***Mã thị băng lậu củng cố phương số I (49)*** luyện với mật chế thành dạng thuốc viên cho uống liên tục thường có hiệu quả tốt. Nếu như ăn uống kém cũng nên điều hoà khí huyết, có thể dùng ***Mã thị băng lậu củng cố phương số II (50)*** chế thành dạng viên cho uống liên tục, hiệu quả cũng tốt.

Băng lậu sau khi đã chỉ huyết có thể trước khi hành kinh chủ yếu dùng phép ôn Thận gia thêm chút ít thuốc dục âm, cho uống ***Vương thị ôn bổ Thận dương phương (51)*** hoặc trong thời gian hành kinh, trên cơ sở bổ Thận gia các loại thuốc hoạt huyết điều trung để thúc đẩy rụng trứng, có thể dùng ***Vương thị bổ Thận hoạt huyết điều Xung phương (52).*** Hoặc sau khi đã sạch kinh, chủ yếu phải tư Thận gia chút ít vị thuốc ôn dương, cho uống ***Vương thị tư bổ Thận âm phương (53).***

Ở tuổi thanh xuân mà bị băng lậu thuộc loại hình âm hư nội nhiệt có thể căn cứ phép chữa điều kinh, nên đại bổ Can Thận làm đầy đủ Kỳ kinh, cho uống ***Bàng thị dưỡng huyết chỉ băng thang (54).*** Sau khi Thận hư băng lậu hoặc là băng lậu kéo dài, chữa không khỏi hoặc là người bệnh sau khi đã qua phẫu thuật mà lượng huyết ra nhiều, nên cho uống ***Bổ ích Xung Nhâm thang (55)*** để bổ sung mạch Nhâm và bổ ích Can Thận.

Chứng bệnh băng lậu thường xuất hiện hư thực lẫn lộn và hàn nhiệt đều xuất hiện; khi điều trị nên căn cứ vào chứng trạng và phương dược mà tham khảo chung, chọn lọc những phương dược tốt, đồng thời cũng nên tham khảo cả chứng "Kinh nguyệt không đều".

PHỤ PHƯƠNG

1. Thẩm thị thanh nhiệt chỉ huyết thang

Người cống hiến: Thẩm Trọng Lý, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng tươi	Đương quy thán
Bạch thược	Mẫu đơn bì
Hoè hoa	Hạn liên thảo
Tiên hạc thảo	Bồ hoàng (sao)
Thục Đại hoàng thán	Thuỷ ngưu giác phấn (hoà uống)

2. Sái thị chỉ băng tán

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Đương quy thân	1 phần	Huyết dư	1 phần
Liên phòng	1 "	Bạch thược	1 "
Xuyến thảo	1 "	Bồ hoàng	2 "
Trần tung	2 "	Kinh giới	2 "
Trắc bá diệp	3 "		

Cách dùng: Các vị sao gần thành than, tán bột mỗi lần nuốt 5 - 10 gam hoặc sắc lấy nước uống 20 - 30 gam.

3. Hàn lương chỉ băng thang

Người cống hiến: Lý Bồi Sinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Hồ Bắc

Hoàng cầm	10 gam	Bạch thược	10 gam
Ô tặc cốt	10 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Hạn liên thảo	15 "	Bạch mao căn	15 "
Mẫu đơn bì	6 "	Huyết dư thán	6 "
Xuyến thảo căn	6 "		

Gia giảm: Kiêm chứng huyết nhiệt sốt cao gia Thanh cao, Thạch vi. Kiêm chứng đau bụng có thể linh hoạt gia Sa nhân, Chế Hương phụ. Bệnh lậu hạ lâu ngày đầm đìa không dứt gia A giao.

4. Sái thị thanh nhiệt lương huyết phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Đương quy (sao)	9 gam	Bạch thược	12 gam
Mẫu đơn bì (thán)	9 "	Trắc bá diệp	9 "
Sinh địa (thán)	30 "	Địa du (sao)	12 "
Hạn liên thảo	15 "		

Gia giảm: Nhiệt thịnh thường xuất hiện triệu chứng âm hư, có thể gia Quy bản 9 gam hoặc Cố kinh hoàn 15 gam (nuốt uống) thì hiệu quả càng rõ rệt. Ngoài ra khi âm hư kiêm chứng Can vượng, bầu vú căng tức hay cáu giận v.v.. Có thể gia Sài hồ

4,5 gam. Hắc giới tuệ 9 gam. Băng lậu lâu ngày thường dẫn đến khí âm đều hư, đơn thuốc trên gia Thái tử sâm hoặc Đẳng sâm 12 gam, Mẫu lệ nung 32 gam, A giao 9 gam hiệu quả rất tốt.

5. Thanh Can bổ Thận thang

Người cống hiến: Mã Chí, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Bạch thược	25 gám	Sinh Địa hoàng	25 gam
Thủ ô	25 "	Ô mai thán	25 "
Hạn liên thảo	15 "	Đương quy	15 "
Bổ cốt chi	15 "	Xích thạch chi	15 "
Nữ trinh tử	15 "	Địa du thán	15 "
Kinh giới thán	15 "	Trắc bá thán	50 "

6. Cừu thị nhị đằng thang

Người cống hiến: Cừu Tiểu Mai, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện tỉnh Triết Giang

Nhẫn đông đằng	Thục Hồng đằng
Đại thanh diệp	Tử thảo căn
Mẫu đơn bì	Xích thược

7. Mã thị tam thảo mẫu lệ tảo tra thang

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Tiên hạc thảo	30 gam	Hạn liên thảo	30 gam
Ích mẫu thảo	15 "	Sinh Mẫu lệ	30 "
Đại táo	30 "	Sơn tra thán	30 "

8. Thời thị tân đính lương huyết cố kinh thang

Người cống hiến: Thời Dật Nhân tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Chân A giao	9 gam
Sơn chi thán	4,5 "	Địa du thán	9 "
Hoàng cầm	4,5 "	Sinh Bạch thược	15 "
Tri mẫu	4,5 "	Tung bì thán	15 "

Gia giảm: Người khí hư gia Bạch Sa sâm 30 gam. Hạ huyết nhiều gia Long cốt (nung) 30 gam, Mẫu lệ (nung) 30 gam. Khát nước nhiều gia Huyền sâm, Thiên hoa phấn. Nội nhiệt nặng gia Địa cốt bì, Mẫu đơn bì, Hoàng bá, Quy bản giao.

9. Lý thị bạch đầu ông nhị chí hợp tễ

Người cống hiến: Lý Hành Hữu, Y sư chủ nhiệm
Y viện sản phụ tỉnh Giang Tây

Bạch đầu ông	12 gam	Tần bì	6 gam
Nữ trinh tử	10 "	Hạn liên thảo	12 "
Hoài sơn	12 "	Xuyên Tục đoạn	10 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Bạch thược	6 "
Hoàng cầm	6 "	Tiên hạc thảo	12 "
Ngẫu tiết	7 cái	Sinh Cam thảo	6 "

Gia giảm: Nếu xuất huyết nhiều gia A giao 12 gam.

10. Kiện Tỳ cố Xung thang

Người cống hiến: Lưu Văn Bằng, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Sa tỉnh Hồ Bắc

Hoàng cầm	9 gam	Bạch thược	9 gam
Bạch truật	9 "	Sinh Địa hoàng	9 "

Địa hoàng thán	9 gam	A giao (hoà tan)	12 gam
Khương thán	6 "	Xích Thạch chi	30 - 60 "

Gia giảm: Nếu rêu lưỡi vàng nhớt, nhiệt nặng gia Hoàng bá 9 gam. Hạ huyết lượng nhiều hoặc hồi hộp gia Tông lư thán 9 gam, Long cốt 18 gam, Mẫu lệ 18 gam. Chất lưỡi đỏ, mạch Tế Sác hoặc lòng bàn tay nóng gia Nữ trinh tử 15 gam, Hạn liên thảo 15 gam. Đau lưng gia Đỗ trọng 9 gam, Tục đoạn 9 gam. Khí hư gia Đảng sâm 15 gam.

11. La thị thanh nhiệt chỉ băng thang

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Xuyến căn	15 gam	Ô tặc cốt	15 gam
Địa du	15 "	Hoàng cầm	12 "
Nữ trinh tử	20 "	Hạn liên thảo	20 "
Thái tử Sâm	30 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Mạch môn đông	15 "	Ngũ vị tử	6 "
Trần tông thán	10 "		

12. Thời thị gia giảm chỉ lậu thang

Người cống hiến: Thời Dật Nhân tiên sinh, Nhà Trung y học trứ danh

Toàn Đương quy	15 gam	Bạch thược (sao)	15 gam
Địa du thán	9 "	A giao châu	12 "
Mẫu lệ	12 "	Sinh Địa hoàng	9 "

Bạch linh	9 gam	Ích mẫu thảo	9 gam
Huyết dư thán	9 "	Trần bì	4,5 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, hoà một chút ít Đồng tiện vào cho uống.

13. Hàn thị ích khí dưỡng huyết thang

Người cống hiến> Hàn Bách Linh, Giáo sư Trung y học viện Hắc Long Giang

Nhân sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Thục Địa hoàng	20 "	Bạch thược	25 "
Đương quy	15 "	Phục linh	15 "
Ngũ vị tử	15 "	Viễn chí	15 "
Cam thảo	10 "		

14. Quy kinh thang

Người cống hiến: Lưu Bích Phàm, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Hồ Nam

Bắc Hoàng kỳ	20 gam	Đảng sâm	15 gam
Đương quy	10 "	Phục linh	10 "
Bạch truật	10 "	Tảo nhân	10 "
Linh chi thán	10 "	Bồ hoàng thán	10 "
Quế viên nhục	12 "	Trích Viễn chí	3 "
Trích Cam thảo	5 "	Kinh giới thán	5 "
Đại táo	5 quả		

Gia giảm: Xuất huyết quá nhiều, chân tay quyết lạnh, mạch Vi gia Nhân sâm 5 gam, Hắc phụ phiến 3 gam. Hay cáu giận gia

Sinh Địa hoàng 15 gam, Bạch thược 15 gam. Tiểu tiện vặt và vội, kiêm chứng hư nhiệt bỏ Viễn chí, Đương quy gia Nữ trinh tử 15 gam, Hạn liên thảo 15 gam, Tiên hạc thảo 15 gam, Bạch mao căn 15 gam. Bụng dưới trướng đầy, lạnh đau, chất lưỡi nhạt, mạch Hoãn gia Bào khương 3 gam, Sa nhân 3 gam.

15. Thẩm thị chỉ băng nghiệm phương

Người cống hiến: Thẩm Trọng Lý, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đẳng sâm	12	gam	Hoàng kỳ	12	gam
Hoè hoa	12	"	Xuyên Tục đoạn	12	"
Câu đằng	12	"	Sinh Bạch truật	9	"
Ích mẫu thảo	9	"	Sinh Quán chúng	15	"
Hoài sơn dược	15	"	Thăng ma	6	"
Hoa nhị thạch	30	"	Trắc bá diệp	30	"
Sinh Cam thảo	4,5	"	Trấn linh đan (nuốt)	38	"
Trích Cam thảo	4,5	"			

16. Ôn dương chỉ huyết thang

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Lộ Đảng sâm(sao)	12	gam	Bạch thược	12	gam
Sinh Hoàng kỳ	20	"	Sinh Địa hoàng thán	20	"
Đương quy (sao)	9	"	Thục Phụ phiến	9	"
Ngưu giác tai	9	"	Bồ hoàng (sao)	9	"
A giao (hoà tan)	9	"	Bào khương thán	3	"
Mẫu lệ (nung)	30	"	Tiên hạc thảo	30	"

17. Mã thị quy bản thanh âm tam thảo thang

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Quy bản (trích)	30 gam	Sinh Địa hoàng	30 gam
Hạn liên thảo	15 "	Lộc nhai thảo	20 "
Sinh A giao	12 "	Tiên hạc thảo	30 "
Sinh Long cốt	20 "	Sinh Mẫu lệ	20 "
Ô tặc cốt	12 "	Tiêu Bạch truật	20 "
Bạch thược thán	12 "	Xuyến thảo (sao)	10 "
Hoàng cầm(sao)	10 "	Sài hồ	6 "
Tam thất phấn	3 "		

18. Thẩm thị dưỡng âm chỉ huyết thang

Người cống hiến: Thẩm Trọng Lý, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	Hoàng cầm
Huyền sâm	Thạch hộc
Địa cốt bì	Mẫu lệ nung
Hoa nhị thạch	Trắc bá diệp
Tông lư thán	Ngẫu tiết thán

Sâm Tam thất phấn (hoà uống)

19. Hạ thị bổ âm hoá ứ thang

Người cống hiến: Hạ Quế Thành, Phó giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Quy bản (trích)	Miết giáp (trích)
Hạn liên thảo	Nữ trinh tử

Ngũ linh chi
Hắc Đượng qui
Bạch thược
Xuyến thảo
Tiểu kế
Ích mẫu thảo
Bồ hoàng
Xích thược
Huyết kiệt
Đại kế
Hương phụ (chế)

20. Tiêu thị chỉ huyết thang

Người cống hiến: Tiêu Thừa Tông, Phó giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Thái tử Sâm	30 gam	Mạch môn đông	15 gam
Ngũ vị tử	12 "	Long cốt (nung)	30 "
Mẫu lệ (nung)	30 "	Tiên hạc thảo	15 "
Ích mẫu thảo	15 "	Lộc nhai thảo	15 "
Hạn liên thảo	15 "		

21. Lý thị sâm ô hợp tễ

Người cống hiến: Lý Hành Hữu, Y sư chủ nhiệm Y viện phụ sản tỉnh Giang Tây

Đảng sâm	20 gam	Chế Thủ ô	12 gam
Sơn dược	15 "	Bạch cập	10 "
Xuyên Tục đoan	10 "	Nữ trinh tử	10 "
Hạn liên thảo	12 "	Tiên hạc thảo	12 "
Bồ hoàng thán	10 "	Sinh Cam thảo	6 "

Gia giảm: Nếu xuất huyết lượng nhiều gia A giao 12 gam, Điền thất (bột) 3 gam. Nếu khí hư quá nặng gia Hoàng kỳ 15 - 20 gam. Nếu Can hỏa quá nặng gia Bạch đầu ông 10 gam, Tần bì 6 gam.

22. Trần thị bảo nguyên nhị liên thang

Người cống hiến: Trần Nguyên Sinh, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Đảng sâm	Hoàng kỳ
Đương quy	Liên mễ
Hạn liên thảo	Cam thảo

23. Trần thị gia giảm đương quy bổ huyết thang

Người cống hiến: Trần Nguyên Sinh, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Hoàng kỳ	Đương quy
Tam thất	Tang diệp

(riêng vị Hoàng kỳ nên dùng liều cao)

24. La thị bổ khí nhiếp huyết thang

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Đảng sâm	30 gam	Hoàng kỳ (trích)	25 gam
Sinh Bạch truật	20 "	A giao	12 "
Ngải diệp	15 "	Ô mai	10 "
Cam thảo (trích)	9 "		

Huyết dư thán (tán bột hoà vào thuốc uống) 12 "

25. Vương thị gia giảm ích khí cố Xung thang

Người cống hiến: Vương Tử Du, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Nhân sâm phấn 10 gam (để nuốt, hoặc dùng Đảng sâm 50 gam thay thế).

Hoàng kỳ (trích)	30 gam	Bạch truật	15 gam
Cam thảo (trích)	6 "	Lộc giác giao	10 "
Sơn thù nhục	10 "	Thăng ma (trích)	6 "
Lộc nhai thảo	15 "	Trần tông thán	15 "

26. Đinh thị cấp văn băng lậu thang

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Sao Phòng phong	10 gam	Kinh giới thán	10 gam
Bạch chỉ	15 "	Cảo bản	15 "
Khương hoạt	10 "	Độc hoạt	10 "
Bạch truật	10 "	Thăng ma	5 "
Sài hồ	5 "	Hoàng kỳ (trích)	15 "
Đương quy	10 "	Hắc Cam thảo (trích)	5 "
Hồng sâm	20 "		

(hoặc dùng Đảng sâm thay thế hãm lấy nước đặc cho uống nhiều lần)

Can liên bồng 2 cái (sao tồn tính rồi sắc uống)

Gia giảm: Bệnh nhân băng lậu thường xuyên có cảm giác sợ sệt xuất huyết lượng nhiều, hoang tưởng là bệnh nguy... có thể gia Phục thần 10 gam, Viễn chí 10 gam để giao thông Tâm Thận.

Chú ý: Bình thường trước hết nên dùng Liên bồng đem sao tồn tính để dùng dần: Hồng sâm hoặc Đảng sâm cũng nên dùng thường xuyên, chừng nào thấy băng huyết thì sắc lấy nước mà uống, sau đó mới căn cứ vào tình trạng bệnh mà dùng thang thuốc dạng sắc.

27. Lý thị băng lậu chỉ huyết thông dụng phương

Người cống hiến: Lý Quảng Văn, Phó giáo sư
Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Hoàng kỳ	30 gam	Đẳng sâm	30 g
Ích mẫu thảo	30 "	Mã xỉ hiện	30 "
Tiên hạc thảo	30 "	Sinh Địa hoàng thán	30 "
Hạn liên thảo	30 "	Long cốt (nung)	30 "
Mẫu lệ (nung)	30 "	Thăng ma	9 "
Bạch truật (sao)	9 "	Sinh Bồ hoàng	9 "
Tiểu kế	9 "	Xuyên Tục đoạn	15 "
Hắc Giới tuệ	6 "	Cam thảo (trích)	6 "

28. Hà thị sâm chỉ thang

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Hàng Châu

Hồng sâm	15 gam	Chỉ xác	30 - 50 gam

29. An Xung điều kinh thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng
Trung y y viện Bắc Kinh

Sơn dược	15 gam	Bạch truật	10 gam
Thạch liên tử	10 "	Xuyên Tục đoạn	10 "
Thung căn bạch bì	10 "	Thục Địa hoàng	12 "
Ô tặc cốt	12 "	Sinh Mẫu lệ	30 "

30. Mã thị cố kinh thang

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Tang ký sinh	30 gam	Xuyên Tục đoạn	12 gam

Ô tặc cốt	12 gam	Sinh Long cốt	20 gam
Sinh Mẫu lệ	20 "	Hoàng kỳ	20 "
Tiêu Bạch truật	20 "	Can Địa hoàng	20 "
Sinh Địa hoàng	20 "	Bạch thược (sao)	10 "
Sài hồ (sao dấm)	6 "	Xuyến thảo (sao)	6 "

31. Thôi thị ích Thận điều kinh thang

Người cống hiến: Thôi Ngọc Hành, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 2 thành phố Khai Phong

Sinh địa	15 gam	Thục địa	15 gam
Sơn thù nhục	13 "	Hạn liên thảo	20 "
Nữ trinh tử	13 "	Ngũ vị tử	6 "
Đương quy	6 "	Bạch thược	10 "
Sinh Bạch truật	10 "	Đảng sâm	10 "
Phục linh	10 "		

32. Lưu thị gia vị ích Thận cố bản thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Tang ký sinh	Xuyên Tục đoạn
Đỗ trọng thán	Thỏ ty tử
Thục Địa hoàng	A giao
Sinh Sơn dược	Ngải diệp thán
Sinh Long cốt	Sinh Mẫu lệ
Sinh Quy bản	Ô tặc cốt
Thạch liên tử	

33. Trúc thị cầm liên Tứ vật thang gia vị thang

Người cống hiến: Trúc Trạm Du, Nghiên cứu viên
Y viện Hiệp Hoà, Bắc Kinh trực thuộc Viện y học khoa học Trung Quốc

Nữ trinh tử	Hạn liên thảo
Hoàng liên	Hoàng cầm
Sinh Địa hoàng	Thục Địa hoàng
Đương quy	Xuyên khung
Bạch thược	Tang diệp
Cúc hoa	

34. Lưu thị điều bổ Can Thận phương

Người cống hiến: Lưu Vân Bằng, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Sa tỉnh Hồ Bắc

Thục Địa hoàng	30 gam	Địa hoàng thán	12 gam
Câu kỷ tử	30 "	Bạch thược	15 "
Sơn thù nhục	15 "	Sơn dược	15 "
A giao	12 "	Hạn liên thảo	15 "

35. Hà thị hoá tài thanh hải hoàn

Người cống hiến: Hà Viêm Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Đông Hoàn tỉnh Quảng Đông

Thục Địa hoàng	24 gam	Hoài sơn dược	12 gam
Du nhục	12 "	Đan bì	9 "
A giao	12 "	Mạch môn đông	12 "
Bạch Sa sâm	15 "	Bạch truật	9 "
Tang diệp	9 "	Bạch thược	15 "
Thạch hộc	12 "	Long cốt	24 "
Nữ trinh tử	12 "	Hạn liên thảo	12 "

36. Dục âm chỉ băng thang

Người cống hiến: Hàn Bách Linh, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Sơn thù nhục	20 gam	Tang ký sinh	20 gam
Thục Địa hoàng	20 "	Đỗ trọng	20 "
Xuyên Tục đoạn	20 "	Hải phiêu tiêu	20 "
Bạch thược	25 "	Mẫu lệ	25 "
Hoàng giao	15 "	Hoài Ngưu tất	15 "
Địa du (sao)	50 "		

Gia giảm: Khí hư hạ hãm gia Thăng ma 15 gam, Hoàng kỳ 25 gam. Sau khi huyết ngừng thì trong đơn thuốc giảm bỏ vị Địa du, gia Hà thủ ô 20 gam, Quy bản 25 gam.

37. La thị bổ Thận cố huyết thang

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Đẳng sâm	30 gam	Lộc giác sương	20 gam
Phá cố chỉ	20 "	Thỏ ty tử	20 "
A giao	12 "	Xuyên Tục đoạn	15 "
Khương thán	10 "	Sinh Bạch truật	20 "
Đỗ trọng	20 "		

38. Hàn thị bổ dương ích khí thang

Người cống hiến: Hàn Bách Linh, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Hắc Long Giang

Thục Địa hoàng	20 gam	Sơn dược	15 gam
Ba kích	15 "	Thỏ ty tử	15 "

Xuyên Tục đoạn	15 gam	Tang ký sinh	15 gam
Hoàng kỳ	40 "	Hải tiêu	25 "
Địa du (sao)	50 "		

Gia giảm: Tỳ hư nặng dùng Bạch truật liều cao gia các vị Sâm, Linh. Thận hư nặng gia Lộc giao, Ngải diệp thán mỗi thứ đều 15 gam. Huyết ra nhiều dùng Địa du (sao) liều cao chưa từng bao giờ vô hiệu.

39. Vương thị hoá ứ tán

Người cống hiến: Vương Đại Tăng, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Thất tiếu tán	30 gam	Sâm Tam thất	6 gam
Nhục quế phấn	6 "		

Cách dùng: Các vị tán bột trộn đều, mỗi ngày uống 4,5 gam cho đến khi hiệu quả thì thôi.

40. Vương thị hoá ứ chỉ băng thang

Người cống hiến: Vương Tử Du, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Đương quy (sao)	10 gam	Xuyên khung	10 gam
Sinh Bồ hoàng	10 "	Bồ hoàng (sao)	10 "
Ngũ linh chi	10 "	Đan sâm (sao)	15 "
Ô tặc cốt	15 "	Tam thất phấn (nuốt)	1,5 "
ích mẫu thảo	15 "	Chế Đại hoàng thán	10 "
Hoa nhị thạch	15 "		

Gia giảm: Bệnh thiên về nhiệt, gia Xuyến thảo thán, Ngẫu tiết thán, bệnh thiên về hàn gia Bào khương thán, Ngải diệp thán.

41. Sái thị hoá ứ chỉ huyết phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Đương quy (sao)	9 gam	Đan sâm	6 gam
Xích thược	9 "	Bạch thược	9 "
Sinh Bồ hoàng	30 "	Huyết kiệt	30 "
Hoa nhị thạch	15 "	Thục Đại hoàng	9 "
Ích mẫu thảo	9 "	Tiên hạc thảo	20 "
Chấn linh đan	12 "		

Gia giảm: Băng huyết quá nặng gia Tam thất mạt 2 gam nuốt uống. Khí trệ gia Hương phụ 9 gam. Đau bụng gia Huyền hồ (sao dấm) 12 gam. Hàn ngưng đọng gia Ngải diệp 2,5 gam. Khí hư gia Đẳng sâm 12 gam, Sinh Hoàng kỳ 12 gam.

42. Hàn thị điều khí hoạt huyết thang

Người cống hiến: Hàn Bách Linh, Giáo sư
Trung y học viện Hắc Long Giang

Đương quy	15 gam	Bạch thược	15 gam
Mẫu đơn bì	15 "	Xuyên luyện tử	15 "
Chỉ thực	15 "	Sài hồ	10 "
Xuyên Ngưu tất	15 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Thanh bì	15 "	Cam thảo	10 "

43. Chu thị sơ Can hóa ứ phương

Người cống hiến: Chu Minh Kỳ, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 3 thành phố Đại Liên

Sài hồ	Thanh bì
Quất diệp	Sinh Mạch nha

Hương phụ	Uất kim
Ngưu tất	Xuyến thảo

44. Chu thị ôn kinh hoá ứ phương

Người cống hiến: Chu Minh Kỳ, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 3 thành phố Đại Liên

Ngô thù	Đương quy
Hoàng hoa	Hương phụ
Xuyên Tục đoan	Xuyên khung
Ô dược	

45. Hạ thị tứ thảo thang

Người cống hiến: Hạ Quế Thành, Giáo sư Trung y viện Nam Kinh

Mã chiên thảo	30 gam	Lộc nhai thảo	30 gam
Xuyến thảo	15 "	Ích mẫu thảo	15 "

46. Kim thị thanh nhiệt hoàn

Người cống hiến: Kim Mộng Hiến, Y sư nổi tiếng, Chủ nhiệm Phòng khám Trung y thành phố Thiên Tân

Hương mặc	500 gam	Nhi trà	400 gam
Hồ liên	400 "	Hoàng liên	400 "
Băng phiến	20,4 "	Ngưu hoàng	20 "
Xạ hương	20 "		

Cách dùng: Các vị trên tán bột mịn luyện với Ngưu đởm chấp làm viên.

47. Lưu thị hoá ứ bổ Thận thang

Người cống hiến: Lưu Mậu Phủ, Giáo sư Trường Đại học Y khoa Tây An

Sài hồ (tẩm dấm)
Đương quy vĩ
Đan sâm
Uất kim
Đỗ trọng (sao cháy)
Nữ trinh tử
Hoàng cầm
Xích Thược dược
Hương phụ (chế)
Ích mẫu thảo
Tục đoạn
Tang ký sinh

48. Mã thị băng lậu củng cố dược hiệu phương

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kê quan hoa (loại trắng hoặc đỏ đều được) 60 gam
Sinh Hoàng kỳ 60 "
Gà mái già 1 con

Cách dùng: Bọc 2 vị thuốc vào trong một túi vải đem hầm với gà mái, mỗi lần ăn và uống một chén nhỏ, có tác dụng củng cố hiệu quả rất tốt.

49. Mã thị băng lậu củng cố phương số I

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Kê huyết đằng 60 gam
Thục Địa hoàng 30 "
Xuyên khung 10 "
Ích mẫu thảo 60 gam
Đương quy 30 "
Hương phụ (chế) 15 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên cho uống lâu dài.

50. Mã thị bảng lâu củng cố phương số II

Người cống hiến: Mã Long Bá, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Kê huyết đằng	60 gam	Ích mẫu thảo	45 gam
Xung uất tử	30 "	Đương quy	30 "
Xuyên khung	10 "	Hương phụ (chế)	15 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên mỗi viên nặng 9 gam, lấy Chu sa làm áo, có thể uống lâu dài.

51. Vương thị ôn bổ Thận dương phương

Người cống hiến: Vương Tử Du, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Tiên mao	10 gam	Tiên linh tỳ	15 gam
Nhục thung dung	15 "	Thỏ ty tử	15 "
Đương quy	10 "	Lộc giác giao	10 "
Thục Địa hoàng	15 "	Xuyên Tục đoạn	10 "
Ba kích thiên	10 "	Nữ trinh tử	12 "

52. Vương thị bổ Thận hoạt huyết điều Xung phương

Người cống hiến: Vương Tử Du, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Thục Địa hoàng	15 gam	Sơn du nhục	10 gam
Câu kỷ tử	15 "	Chế Thủ ô	20 "
Tử Hà xa	10 "	Bạch thược	15 "
Xung uất tử	15 "	Đương quy	10 "

Đan sâm	15 gam	Xuyên khung	10 gam
Thỏ ty tử	15 "		

Cách dùng: Nên cùng uống với Bát bảo khôn Thận hoàn.

53. Vương thị tư bổ Thận âm phương

Người cống hiến: Vương Tử Du, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	15 gam	Thục Địa hoàng	15 gam
Sơn thù du	10 "	Câu kỷ tử	15 "
Chế Thủ ô	20 "	Tử Hà xa	10 "
Bạch thược	15 "	Xung uất tử	15 "
Hạn liên thảo	20 "	Nữ trinh tử	10 "
Mạch môn đông	10 "	Quy bản giao	15 "
Nhục thung dung	15 "		

54. Bàng thị dưỡng huyết chỉ băng thang

Người cống hiến: Bàng Vạn Tri, Giáo sư
Trung y học viện Thượng Hải

Nhân sâm	Hoàng kỳ
Đương quy	Thục Địa hoàng
Xuyên Tục đoan	Thỏ ty tử
Nữ trinh tử	Hạn liên thảo
Tử Thạch anh	Nhục thung dung

Gia giảm: Bệnh thiên về âm hư gia Quy bản, Sinh Địa hoàng. Bệnh thiên về dương hư gia Bổ cốt chỉ, Tiên linh tỳ.

55. Bổ ích Xung Nhâm thang

Người cống hiến: Hà Nhiệm, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Tiểu Hồi hương	3 gam	Đương quy(sao)	9 gam
Nhục thung dung	9 "	Câu kỷ tử	9 "
Hạn liên thảo	9 "	Lộc giác sương	6 "
Nữ trinh tử	12 "	Bổ cốt chi	12 "
Đảng sâm	15 "	Trúc nhự	15 "

Cách dùng: Chữa băng lậu nói chung phần nhiều là dùng thuốc chỉ huyết. Sau khi đã ngừng xuất huyết cần uống ngay phương này để bổ ích Xung Nhâm khôi phục chính khí. Uống liên tục từ 1 - 2 tháng, mỗi ngày sắc uống 1 thang có thể phòng ngừa được băng lậu tái phát.

222. KINH NGUYỆT TRONG LOÃNG

Chứng này chỉ chất huyết khi hành kinh trong loãng, kiêm chứng lượng kinh ra ít, hoặc không thụ thai, lưng gối yếu sức, tinh thần mỏi mệt hồi hộp, váng đầu ù tai... đó là khí huyết bất túc, Can Thận suy hư có thể dùng ***Triệu thị khí huyết Can Thận hư phương*** để ích khí huyết, bổ Can Thận, điều kinh và thúc đẩy thụ thai.

Về điều trị chứng này nên tham khảo các chứng "Bế kinh", "Không thụ thai"

PHỤ PHƯƠNG

Triệu thị khí huyết Can Thận hư phương

Người cống hiến: Triệu Thụ Nghi, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đẳng sâm	15 gam	Hoàng kỳ	15 gam
Đương quy	10 "	Đan sâm	15 "
Kê huyết đằng	15 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Thỏ ty tử	12 "
Phúc bồn tử	15 "	Câu kỷ tử	12 "
Tử Hà xa	10 "	Nhục quế	3 "
Hương phụ	10 "		

223. HÀNH KINH KHÔNG DỨT

Hành kinh không dứt chỉ phụ nữ đã đến tuổi 50, đáng lẽ nên sạch kinh mà kinh nguyệt vẫn không dứt. Thời gian hành kinh và quá trình hành kinh kéo dài, kinh nguyệt dầm dề không dứt cũng nằm trong phạm vi chứng này. Trường hợp nói sau rất gần với "Lậu chứng (băng lậu)" có thể tham khảo ở mục "Kinh nguyệt quá nhiều".

Thời gian hành kinh quá dài hoặc nhỏ giọt dầm dề không dứt, sắc đỏ mà có hòn cục, bụng dưới trướng đau là do huyết nhiệt ứ trệ, cho uống ***Đào hồng nhị đan Tứ vật thang (1)*** để thanh nhiệt hoá ứ, lương huyết chỉ huyết.

Hành kinh tới ngày thứ 3 thứ 4 mà lượng huyết ra vẫn có xu thế không giảm bớt, mạch Hoạt, Động có khi phát triển thành băng thì dùng ***Sài thị chỉ huyết phương (2)*** để lương huyết thanh nhiệt, chỉ huyết. Chứng này sau khi đã sạch kinh, hàng ngày nên dùng các loại thuốc thanh nhiệt lương huyết tư âm bền Thận để củng cố cho uống ***Sài thị thanh nhiệt lương huyết cố Thận phương (3).*** Ở người cao tuổi đã mãn kinh mà lại thấy hành kinh trở lại, lượng nhiều, sắc nhạt kiêm chứng phiền táo mất ngủ, hồi hộp, tinh thần mỏi mệt đó là khí huyết suy hư, Tâm Can không được nuôi dưỡng, có thể dùng ***Mã thị phụ nữ lão niên băng lậu chứng phương (4)*** để ích khí kiện Tỳ nhiếp huyết, dưỡng thần điều Can và ninh Tâm.

1. Đào hồng nhị đan Tứ vật thang

Người cống hiến: Từ Chí Hoa, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh An Huy

Đào nhân	10 gam	Hồng hoa	10 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Đan sâm	10 "
Đương quy	10 "	Bạch thược	10 "
Sinh Địa hoàng	10 "	Ích mẫu thảo	10 "
Bồ hoàng (sao)	10 "	Xuyên khung	5 "
Huyết dư thán	5 "		

Cách dùng: Sắc 2 nước chia làm 2 lần uống vào sáng và tối.

2. Sài thị chỉ huyết phương.

Người cống hiến: Sài Tùng Nham, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Mẫu lệ	30 gam	Hoàng cầm thán	10 gam
Địa cốt bì	10 "	Ngẫu tiết	30 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Sài hồ	3 "
Bạch thược	12 "	Trắc bá thán	15 "
Tiên hạc thảo	12 "		

Gia giảm: Táo bón gia Toàn qua lâu 30 gam. Xuất huyết lượng nhiều gia Tam thất phấn 3 gam hoà vào thuốc uống. Kinh huyết ra lúc nhiều lúc ít, kiêm chứng đau bụng nhẹ gia Ích mẫu thảo 10 gam.

3. Sài thị thanh nhiệt lương huyết cố Thận phương

Người cống hiến: Sài Tùng Nham, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Sài hồ	5 gam	Địa cốt bì	5 gam
Nữ trinh tử	12 "	Sinh Cam thảo	5 "
Phấn Đan bì	10 "	Sinh Địa hoàng	10 "
Trần bì	10 "	Liên tử tâm	10 "
Liên tu	10 "		

4. Mã thị phụ nữ lão niên băng lậu chứng phương

Người cống hiến: Mã Võ Nhân, Nghiên cứu viên Trung y học viện Bắc Kinh

Nhân sâm	10 gam	Bạch truật	10 gam
Hoàng kỳ	10 "	Đương quy	10 "
Sài hồ	10 "	Bạch thược	10 "
Cam thảo (trích)	10 "	Tùng lư thán	10 "
Phục thần	10 "	Tảo nhân	10 "
Viễn chí	10 "	Mộc hương	10 "

224. KINH NGUYỆT KHÔNG ĐẾN (Bế kinh)

Kinh nguyệt không đến còn gọi là "Bế kinh", con gái ở tuổi 18 là đương độ hành kinh hoặc là sau khi đã thấy kinh rồi tự nhiên không hành kinh nữa từ 3 tháng trở nên... đều thuộc phạm vi chứng này. Còn loại ngừng kinh do sinh lý thì không thuộc loại bệnh này.

Vì hoàn cảnh biến đổi hoặc ức uất không thoải mái mà hành kinh rối loạn kéo dài, dần dần dẫn đến bế kinh, kiêm chứng phiền táo không yên, căng thẳng hay cáu giận, nói chung có thể dùng ***Ngụy thị sư truyền thất chế hương phụ hoàn (1)***. Nếu bệnh nặng hơn có thể dùng ***Thư Can thang (2)*** để sơ Can giải uất và thông kinh. Nếu kiêm chứng bầu vú trướng đau bụng dưới cũng trướng đau là do khí trệ huyết ứ, nếu nghiêng về khí trệ thì dùng ***Điều khí thông kinh thang (3)*** để lý khí hoạt huyết thông kinh. Nếu thiên về huyết ứ thì dùng ***Hoạt huyết thang (4)*** để hoạt huyết tiêu ứ lý khí thông kinh. Nếu kiêm chứng huyết hư thì dùng ***Điều kinh phương (5)*** để hoạt huyết điều khí hoà huyết thông kinh.

Chứng khí trệ huyết ứ kiêm cả miệng khô họng ráo đại tiện khô kết, đêm ngủ không yên, rêu lưỡi mỏng, chất lưỡi đỏ tối, mạch Tế Sác có thể dùng ***Tam tử điều Tâm thang (6)*** để nhuận táo ninh Tâm hoạt huyết điều kinh.

Chứng bế kinh hình thành dần dần lưng và gối yếu sức đó là khí huyết bất hoà cho uống ***Điều kinh hợp tễ số III (7)*** để hoá ứ hoà huyết, điều bổ Xung Nhâm.

Trường hợp kinh nguyệt vài tháng không thấy, bụng dưới trướng đau, mạch Trầm Huyền, chất lưỡi và cạnh lưỡi có nốt ứ huyết, đó là huyết ứ hàn trệ, cho uống ***Hoá ứ thông kinh tán (8)*** để hoạt huyết hoá ứ, điều khí tán hàn. Con gái mà bị kinh bế có thể dùng ***Tư sinh hạ ứ huyết gia Ngưu tất thang (9)*** để trục huyết ứ, sinh huyết mới.

Lượng kinh ít dần, cuối cùng là bế kinh, thể trạng mập và phù thũng dới hạ khá nhiều, buồn nôn ngực khó chịu, ăn không thấy ngon, rêu lưỡi nhớt đó là thấp nghẽn đờm trệ cho uống ***Hoá thấp điều Xung thang (10)*** để trừ thấp hoá đàm, sơ thông kinh lạc. Nếu kiêm chứng chất lưỡi tía tối, ức uất sườn trướng khó chịu là do đờm thấp ứ nghẽn cho uống ***Đạo đàm thông kinh thang (11)*** để kiện Tỳ hoá đàm, hành khí hoạt huyết.

Hôi miệng và khát nước, mau đói hay uống nước, chất lưỡi đỏ ít tân dịch, kinh nguyệt đến sớm, lượng nhiều và dài ngày dần dà biến thành kinh bế đó là huyết hư Vị nhiệt cho uống ***Gia vị trạch lan thang (12)*** để dưỡng huyết, thanh nhiệt thông lạc. Nếu kiêm chứng nóng nảy ngủ hay mê, vùng ngực phiền muộn, ngũ Tâm phiền nhiệt, mạch Huyền Hoạt, ấn nặng tay thì vô lực là do âm hư Vị nhiệt, cho uống ***Qua thạch thang (13)*** để tư âm thanh nhiệt, khoan hung hoà Vị, hoạt huyết thông kinh. Hành kinh ra loãng, lượng ít và kéo dài dần dần trở thành kinh bế, lưng đùi

mềm yếu, tinh thần mỏi mệt, đầu choáng mắt hoa bệnh thuộc Thận hư cho uống ***Dục Thận thông lạc phương (14)*** để điều bổ Xung Nhâm, bổ Thận chống hư yếu. Kiêm chứng mặt nhợt kém tươi, môi trắng bệch, hồi hộp là do Thận hư huyết thiếu dùng *Dục Thận dưỡng huyết phương (15)* để tư Thận dưỡng huyết, kiêm chứng sợ lạnh chân tay lạnh, sắc mặt xanh nhợt, đêm đi tiểu tiện nhiều lần là do Thận hư dương suy, uống ***Dục Thận ôn chiếu phương (16)*** để ích Thận trợ dương điều kinh. Kiêm chứng hồi hộp đoản hơi, môi nhợt kém tươi, sốt nhẹ Tâm phiền là do Thận hư khí yếu và huyết thiếu dùng ***Dương thị Can huyết lao phương số II (17)*** để tư dưỡng Cam Thận kiêm ích khí dưỡng huyết, điều lý kinh nguyệt, kinh bế mà sữa ra giàn giụa, lưng gối mỏi yếu, Tâm phiền hay cáu giận, bầu vú trướng đau, thờ ơ sinh lý hoặc đầu choáng sườn trướng, mạch Huyền hoặc Trầm Nhược là do Thận hư Can uất dương cang huyết trệ có thể dùng ***Vương thị thông kinh chỉ nhũ thang (18)*** để bổ Thận sơ Can tiềm dương thông kinh. Hành kinh đến muộn, lượng ít sắc nhợt dần dà dẫn đến bế kinh, kiêm chứng sắc mặt vàng bủng, đầu choáng hồi hộp, kém ăn, đại tiện nhão, tinh thần mỏi mệt yếu sức là do khí huyết đều hư dùng ***Gia giảm quy Tỳ thang (19)*** để dưỡng huyết ích khí kiện Tỳ ninh Tâm. Kiêm chứng mỏi lưng, bụng dưới khó chịu cho uống ***Điều dưỡng khí huyết phương (20)*** để ích khí dưỡng huyết, điều kinh hoà huyết.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Kinh nguyệt rối loạn".

1. Ngụy thị sư truyền thất chế hương phụ hoàn.

Người cống hiến: Ngụy Trạch Sinh, Lão Trung y nổi tiếng khu Nam Xung tỉnh Tứ Xuyên

Hương Phụ tử 1000 gam Thanh đẳng hương 30 gam

Cách dùng: Hương phụ tử rửa sạch sao khô, trước hết thêm vào rượu trắng, tiếp theo là nước gừng tươi, nước muối độ đậm 10%, Đồng tiện và muối ăn, cuối cùng là nước sắc Đương quy 10% tổng hợp thành 100 ml, lần lượt sao từng loại rồi sao chung với Thanh đẳng hương 30 gam đem tán bột luyện mật ong chế thành viên nhỏ uống mỗi lần 10 viên ngày 2 lần sáng và tối.

Gia giảm: Đau bụng có hòn cục thuộc loại Trưng, Hà hoặc kinh nguyệt rối loạn, hoặc đới hạ ra trắng đỏ lẫn lộn có thể gia Giá trùng, Thiên hoa phấn.

2. Thư can thang

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Đương quy (sao)	9 gam	Sinh Địa hoàng	9 gam
Xuyên khung	4,5 "	Bạch thược	9 "
Sài hồ	4,5 "	Hương phụ chế	9 "
Ô dược	9 "	Đan sâm	9 "
Uất kim	9 "	Ngưu tất	9 "
Hồng hoa	4,5 "		

Gia giảm: Có chứng phiền táo không yên, căng thẳng hay cáu giận gia Hoài Tiểu mạch 30 gam, Sinh Cam thảo 3 gam.

3. Điều khí thông kinh thang.

Người cống hiến: Tống Quang Tế, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Hương phụ chế	Thai ô dược
Chỉ thực	Đương quy
Xuyên khung	Trạch lan
Xung uất tử	Kê huyết đằng
Nam Sơn tra	

Gia giảm: Bầu vú sưng trướng có hòn khối gia Thanh bì, Quất hạch, Xuyên sơn giáp, Tiểu kim phiến. Can uất hoá nhiệt gia Mẫu đơn bì, Sơn chi.

4. Hoạt huyết thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố An Dương tỉnh Hà Nam

Đương quy vĩ	9 gam	Đào nhân	9 gam
Hồng hoa	9 "	Trạch lan	9 "
Ích mẫu thảo	12 "	Đan sâm	30 "
Bạch thược	9 "	Sài hồ	6 "
Trần bì	9 "	Hương phụ	9 "
Ngưu tất	9 "	Cam thảo	3

5. Điều kinh phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 Thượng Hải

Đương Quy (sao)	9 gam	Thục Địa hoàng	9 gam
Hương phụ chế	9 "	Bạch thược	9 "

Hoài Ngưu tất	9 gam	Đan sâm	9 gam
Xuyên khung	4,5 "	Quế chi	3 "
Hồng hoa	4,5 "	Trạch lan diệp	9 "

Chú ý: Điều trị cho đến sau khi ngừng thuốc 3 tháng, hành kinh ra đều đúng kỳ mới là khỏi hẳn.

6. Tam tử điều Tâm thang

Người cống hiến: Diêu Ngụ Thần, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện thành phố Nam Thông tỉnh Giang Tô

Tử Thạch anh	15 gam	Tử Đan sâm	15 gam
Tử sâm	15 "	Hổ phách (bột)	5 "
Hoài Tiểu mạch	30 "	Hợp hoan hoa	10 "
Bá tử nhân	12 "	Uất kim	12 "
Sinh Quyển bá	12 "		

Cách dùng: Trước hết đem Tử Thạch anh đổ nước vào nấu, sau 30 phút cùng sắc với các vị thuốc khác (để riêng Hổ phách) vị Hợp hoan hoa thì bỏ vào sắc cuối cùng. Sắc 2 nước trộn chung vào nhau, chia làm 2 lần sáng và tối, uống lúc ấm. Riêng bột Hổ phác cũng chia làm 2 lần để nuốt, chiêu với nước thuốc, mỗi ngày uống 1 thang.

7. Điều kinh hợp tễ số III

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư
Trung y học viện thành phố Thành Đô

Toàn Đương quy	9 gam	Đan sâm	9 gam
Xích thược	9 "	Tế Sinh Địa hoàng	9 "
Xuyên khung	6 "	Giá trùng	9 "

Bồ hoàng (sao)	9 gam	Tang ký sinh	15 gam
Thỏ ty tử	15 "	Xuyên luyện (sao)	9 "
Ngải diệp	9 "	Kê nội kim	9 "
Tam thất phấn	3 " (hoà vào thuốc)		

8. Hoá ứ thông kinh tán

Người cống hiến: Từ Chí Hoa, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh An Huy

Đương quy	10 gam	Xích thược	10 gam
Hồng hoa	10 "	Đào nhân	10 "
Tam lăng	10 "	Nga truật	10 "
Xuyên Ngưu tất	10 "	Ô dược	10 "
Xuyên sơn giáp	10 "	Đan sâm	10 "
Lưu ký nô	10 "	Xuyên khung	5 "
Nhục quế	3 "		

Gia giảm: Có hiện tượng nhiệt gia Mẫu đơn bì 10 gam, bỏ Nhục quế. Nếu tích ứ quá lâu ngày đã trở thành huyết khô gia Giá trùng 10 gam.

9. Tư sinh hạ ứ huyết gia ngưu tất thang

Người cống hiến: Tôn Cảnh Nghiêu, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Cát Lâm tỉnh Cát Lâm

Hoài Sơn dược	50 gam	Huyền sâm	25 gam
Bạch truật	15 "	Sinh Kê nội kim	10 "
Ngưu bàng tử	15 "	Đại hoàng	10 "
Giá trùng	7,5 "	Đào nhân	15 "
Hoài Ngưu tất	25 "		

Cách dùng: Sắc 2 nước chia làm 3 lần uống sáng, trưa, tối ngày 1 thang.

10. Hoá thấp điều Xung thang

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Hàng Châu

Sinh Sơn tra	Sinh Mễ nhân
Khương Bán hạ	Phục linh
Trần bì	Bình địa mộc
Trạch tả	Xương truật
Đại phúc bì	Sinh Khương bì

Gia giảm: Nhiều đờm gia Thiên trúc hoàng, Trần Nam tinh, Tang bạch bì. Cơ bắp căng trướng gia Quan quế, Tiêu mục, Sinh Ma hoàng. Bạch đới nhiều gia Bạch kê quan hoa, Xuyên Tỳ giải.v.v..

11. Đạo đàm thông kinh thang

Người cống hiến: Tống Quang Tế, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Chế Hương phụ	Nam Sơn tra
Chỉ xác	Khương Bán hạ
Phục linh	Bạch truật
Xương truật	Trần bì
Chế Nam tinh	Đương quy
Xuyên khung	Đan sâm
Tiên linh tỳ	

Gia giảm: Nếu khí hư gia Đảng sâm, Hoàng kỳ. Phù thũng gia Phục linh bì, Khương bì. Kém ăn gia Tiêu Cốc nha, Kê nội kim. Đới hạ nhiều gia Hoài sơn, Khiếm thực, Bạch Liên tu.

12. Gia vị trạch lan thang

Người cống hiến: Tống Quang Tế, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Trạch lan diệp	Tiểu Xuyên liên
Xuyên Thạch hộc	Tế Sinh Địa hoàng
Xích thược	Đương quy
Quyển bá	Đan sâm
Ích mẫu thảo	Xuyên khung
Hồng hoa	

13. Qua thạch thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Qua lâu	15 gam	Thạch hộc	12 gam
Huyền sâm	9 "	Mạch môn đông	9 "
Sinh Địa hoàng	12 "	Cù mạch	12 "
Xa tiền tử	9 "	Ích mẫu thảo	12 "
Mã vĩ liên	6 "	Ngưu tất	9 "

14. Dục Thận thông lạc phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Vân Phục linh	12 gam	Sinh Địa hoàng	9 gam
Thục Địa hoàng	9 "	Tiên linh tỳ	12 "
Thạch nam diệp	9 "	Hoài Ngưu tất	9 "

Chế Hoàng tinh	12 gam	Công Đinh hương	2,5 gam
Lộ lộ thông	9 "	Quế chi	2,5 "
Tế tân	1 "	Mạch môn đông	9 "

Ô kê bạch phụng hoàn 1 viên (nuốt)

Cách dùng: Uống liên tục 7 thang, sau đó uống tiếp Dục Thận ôn chiếu phương (giới thiệu ở sau).

15. Dục thận dưỡng huyết phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Đương quy (sao)	9 gam	Sinh Địa hoàng	9 gam
Thục địa	9 "	Xuyên khung	9 "
Thục nữ trinh	9 "	Tiên linh tỳ	12 "
Thung dung	12 "	Cẩu tích	12 "
Sơn du nhục	9 "	Hoàng tinh (chế)	12 "

Hà xa đại tảo hoàn (nuốt) 9 gam

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc uống, dùng 1 tháng là một đợt điều trị, theo dõi thường quy 3 tháng. Hàng ngày thường xuyên kiểm tra thể ôn.

Chú ý: Sau khi đã qua điều trị, nếu thể ôn biểu hiện cân đối là dấu hiệu chứng bệnh chuyển biến tốt, tiếp tục cho uống Điều kinh phương đã giới thiệu ở phương số 5.

16. Dục Thận ôn chiếu phương

Người cống hiến: Sái Tiểu Tôn, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện số 1 thành phố Thượng Hải

Vân Phục linh	12 gam	Đại Thục địa	9 gam
Tiên mao	9 "	Tiên linh tỳ	12 "

Thạch Nam diệp	9 gam	Tử Thạch anh	12 gam
Cẩu tích	9 "	Lộc giác sương	9 "
Thục nữ trinh	9 "	Nhục thung dung	9 "

Hà xa đại tảo hoàn (nuốt) 9 gam

Cách dùng: Uống khoảng 8 thang rồi có thể cách một thời gian lại uống tiếp.

Gia giảm: Đại tiện không thành khuôn, bỏ Thung dung thay bằng Thỏ ty tử 9 gam. Lạnh vùng lưng gia Thục Phụ phiến 9 gam, Ngải diệp 2,5 gam.

Chú ý: Sau khi thể ôn đã xuất hiện cân đối thì đổi dùng Tứ vật thang phối hợp với thuốc lý khí hạt huyết để thúc đẩy cho hành kinh được bình thường.

17. Dương thị Can huyết lao phương số II

Người cống hiến: Dương Tích Nguyên, Y sư chủ nhiệm
Phòng khám Trung y thành phố Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	12 gam	Địa cốt bì	12 gam
Huyền sâm	9 "	Mạch môn đông	9 "
Bạch thược	9 "	Sinh Thủ ô	9 "
Xuyên Tục đoạn	9 "	Thỏ ty tử	9 "
Thái tử sâm	15 "	Hoàng tinh (chế)	15 "
Đương quy	9 "	Đan sâm	10 "

18. Vương thị thông kinh chỉ nhũ thang

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Trường Xuân

Sinh Địa hoàng	18 gam	Thạch xương bồ	15 gam
Viễn chí	12 "	Thỏ ty tử	12 "

Ngưu tất	9 gam	Đương quy	9 gam
Tử Thạch anh	30 "	Sinh Mạch nha	30 "
Đan sâm	18 "		

Cách dùng: Sắc nước uống hoặc chế thành dạng thuốc bột, mỗi lần uống 5 gam ngày uống 2, 3 lần.

19. Gia giảm quy tỳ thang

Người cống hiến: Tống Quang Tế, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Tây Đẳng sâm	Đông truật (sao)
Phục thần	Hoàng kỳ
Đương quy	Cam thảo (trích)
Dạ giao đằng	Tảo nhân (sao)
Tiêu Bạch thược	Trần bì (sao)
Long nhãn nhục	

Gia giảm: Kém ăn gia Tiêu cốc nha. Đại tiện lỏng gia Mộc hương (nướng), Nhục quả (nướng). Đới hạ nhiều gia Hải phiêu tiêu, Hoài sơn (sao), Khiếm thực (sao). Huyết hư nặng gia Kê huyết đằng, A giao.

20. Điều dưỡng khí huyết phương

Người cống hiến: Đường Cát Phụ, Giáo sư Trường Đại học Y khoa Thượng Hải

Đảng sâm	Hoàng kỳ
Đương quy	Thục Địa hoàng
Xuyến thảo	Ô tặc cốt
Xuyên khung	Hương phụ

Gia giảm: Hạ tiêu hư hàn gia Tử Thạch anh, Phụ tử, Dương khởi thạch. Đại tiện không thành khuôn gia Bổ cốt chi, Hồ lô ba. Bụng dưới lạnh đau gia Ngô thù du, Tiểu Hồi hương, Ngải diệp. Vùng bụng trướng đau gia Ích mẫu thảo, Mã chiên thảo.

225. ĐAU BỤNG KHI HÀNH KINH

Trước hoặc sau khi hành kinh hoặc đang hành kinh mà bụng dưới đau không chịu nổi, đó là đau bụng khi hành kinh gọi tắt là "Thống kinh".

Trước khi hành kinh hoặc đang hành kinh mà bụng dưới nặng trệ và đau, lượng kinh hoặc nhiều hoặc ít, sắc tía có hòn cục, đau liên sườn, bầu vú căng trướng, mạch Huyền đó là Can uất khí trệ, huyết ra không thông sướng, điều trị nên lý khí hoạt huyết giải uất chỉ thống, cho uống ***Tiêu thống phương (1)***.. Nếu ra hòn cục khá nhiều thì dùng ***Thư Can lý khí hoạt huyết thang (2)*** để sơ Can lý khí, hành huyết chỉ thống. Hành kinh ra nhiều cục huyết đen, đau bụng kịch liệt đó là khí trệ huyết ứ khá nặng nên hành khí, phá huyết thông kinh chỉ thống cho uống ***Hoạt huyết tán ứ thang (3)*** hoặc ***Hoá mạc thang (4)*** để hành khí phá huyết, hoá ứ chỉ thống.

Nếu kiêm chứng đắng miệng Tâm phiền thì dùng ***Thông kinh ninh (5)*** để hoá ứ kiêm thanh uất nhiệt. Kiêm chứng âm hư huyết nhiệt thì dùng ***Vương thị lý khí hoá ứ thang (6)*** để điều lý Can khí, hoạt huyết hoá ứ kiêm dục âm lương huyết.

Khi hành kinh đau bụng ưa ấm sợ lạnh sắc kinh tía sạm, mạch Huyền Khẩn. Nếu thấy sau khi kinh nguyệt thông lợi thì giảm đau, đó là hàn ngưng khí huyết cho uống ***Ngô thị thống kinh cơ bản phương (7)*** để ôn kinh hành khí, chỉ thống hoà

huyết. Nếu đau bụng dữ dội kinh ra hòn cục khá nhiều, sắc đen bụng dưới lạnh đau là do hàn ngưng huyết ứ, chứng nhẹ thì dùng ***Điển thất thống kinh giao nang (8)*** để hoạt huyết hoá ứ giảm đau, hành khí ôn thông điều kinh. Nếu chứng bệnh khá nặng thì uống ***Trục ứ điều kinh thang (9)*** để trục ứ thông mạch tán hàn ôn Vinh, đồng thời có thể phối hợp dạng thuốc đắp ở vùng rốn, dùng ***Mã thị phu tế trị liệu thống kinh phương(10).***

Nếu kiêm chứng hành kinh muộn, lượng ít đó là hàn ngưng khí trệ kiêm cả huyết hư dùng ***Tam lạng bán phương (11)*** để bổ huyết hoạt huyết, ôn kinh chỉ thống tán ứ hoá tích.

Hành kinh đau bụng dữ dội, chân tay mát lạnh, sắc mặt tái nhợt kỳ kinh muộn và lượng ít, sắc không tươi, mạch Trầm Khẩn, ẩu nghịch nặng hơn thì tự ra mồ hôi đầm đìa là do dương hư âm thịnh, hàn ngưng khí huyết nên ôn cung hoạt huyết dùng ***Hàn ngưng thống kinh nghiệm phương (12)*** để ôn dương khư hàn, hoạt huyết hóa ứ, điều kinh chỉ thống.

Chứng này nếu kiêm cả huyết hư có khi kinh thuỷ kéo dài thời gian không ra được, có thể trước khi hành kinh 5, 6 ngày uống trước ***Ôn kinh dưỡng huyết lý khí phương (13)*** để ôn dưỡng khí huyết, điều lý kinh mạch, sau đó mới lại uống đơn thuốc số 12 nói trên.

Hành kinh vừa đau bụng vừa trướng, lượng ít, mỏi lưng, kém ăn nôn mửa, mạch đến Huyền Tế là do trung hàn huyết ngưng khí trệ có thể dùng ***Ức thị ôn trung điều lý phương (14)*** để ôn trung điều lý, hoạt huyết thông kinh, điều khí giảm đau.

Để dự phòng chứng này có thể dùng ***Trần thị ngoại trị phương (15)*** trước khi hành kinh 2 - 3 ngày dán vào các huyệt Tam âm giao, Quan nguyên, Khí hải để thông điều khí huyết.

PHỤ PHƯƠNG

1. Tiêu thống phương

Người cống hiến: Trần Vũ Xương, Giáo sư Trung y học viện Phúc Kiến

Sài hồ
Hương phụ
Huyền hồ
Ngũ linh chi
Bạch thược
Uất kim
Xuyên luyện tử
Bồ hoàng
Đương quy

Gia giảm: Kinh nguyệt đến sớm hoặc lượng kinh nhiều, sắc đỏ gia Mẫu đơn bì, Hắc chi, Xuyến thảo, Hoàng cầm. Hành kinh ra cục huyết sắc đỏ sạm gia Đan sâm, Trạch lan. Bụng trướng lạnh đau gia Ngô thù, Quế chi đồng thời giảm bớt Sài hồ, Uất kinh. Trước khi hành kinh, bầu vú trướng đau gia Thanh bì, Quất diệp, Quất lạc v. v..

2. Thư Can lý khí hoạt huyết thang

Người cống hiến: Tân Kế Chương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện số 2 thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam

Đương quy	12 gam	Bạch thược (sao dấm)	15 - 30 gam
Đan sâm	15 - 30 "	Xuyên khung (sao)	6 - 10 "
Ô dược	6 - 10 "	Hương phụ (sao dấm)	10 "

Trần bì	6 - 12 gam	Huyền hồ (sao dấm) 10 gam
Sài hồ	10 "	

Gia giảm: Trước khi hành kinh 7 ngày, có hiện tượng sườn đầy, bầu vú căng trướng thì nên trước đó 3 - 4 ngày bắt đầu cho uống đơn thuốc này. Nếu hàn ngưng huyết ứ thì trước khi hành kinh 10 ngày nên bắt đầu uống đơn thuốc này. Nếu khí trệ huyết ứ thì nên trước khi hành kinh.2 - 3 ngày bắt đầu cho uống đơn thuốc này. Nếu khí huyết hư yếu thì có thể nên linh hoạt uống thuốc theo thời gian thích hợp.

3. Hoạt huyết tán ứ thang

Người cống hiến: Tần Bá Vị tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Đương quy vĩ	Xuyên khung
Xích thược	Tô mộc
Mẫu đơn bì	Quan quế
Huyền hồ	Ô dược
Lưu ký nô	Sinh Địa hoàng

4. Hoá mạc thang

Người cống hiến: Chu Nam Tôn , Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Thượng Hải

Bồ hoàng	Xích thược
Nga truật	Thanh bì
Sinh Sơn tra	Nhũ hương
Một dược	Huyết kiệt phấn

Cách dùng: Bắt đầu uống vào lúc hành kinh liên tục 10 thang.

Gia giảm: Để đề phòng lượng kinh ra quá nhiều, đơn thuốc trên có các vị Bồ hoàng, Sơn tra đều nên sao thành than và bỏ Tam lăng, Nga truật gia Tam thất phấn, Bào khương.

Chú ý: Nếu xuất huyết quá lâu ngày thì sau khi hành kinh nên uống thuốc điều bổ khí huyết.

5. Thông kinh ninh

Người cống hiến: Vương Mẫn Chi, Giáo sư Trung y học viện Thiên Tân

Đương quy	9 gam	Xích thược	15 gam
Xuyên khung	6 "	Sài hồ	6 "
Mẫu đơn bì	9 "	Hương phụ	15 "
Huyền hồ	6 "	Bạch giới tử	6 "
Uất kim	9 "	Bồ hoàng	10 "
Ngũ linh chi	15 "	Hạ khô thảo	15 "
Tạo giác thích	9 "	Cửu hương trùng	15 "
Cam thảo	6 "		

6. Vương thị lý khí hoá ứ thang.

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Thích tật lê	18 gam	Câu đằng	10 gam
Nữ trinh tử	24 "	Hạn liên thảo	24 "
Đương quy	10 "	Xuyên khung	6 "
Sinh Địa hoàng	10 "	Tân lang	6 "
Xuyến thảo	10 "	Phúc bồn tử	24 "
Huyền hồ	10 "	Ngũ linh chi	10 "

Sinh Bồ hoàng	10 gam	Thủy điệt	6 gam
Giá trùng	10 "	Sinh Bạch thược	12 "
Giới bạch	12 "		

7. Ngô thị thống kinh cơ bản phương

Người cống hiến: Ngô Bội Sinh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Kinh tỉnh An Huy

Đan sâm	15 - 30 gam	Hương phụ (chế)	10 - 15 gam
Đại an quế	6 - 12 "	Xuyên khung	5 "
Trạch lan	15 "	Mộc hương	10 "
Xích thược	10 "	Hồng hoa	10 "
Huyền hồ	10 "		

Gia giảm: Bụng dưới lạnh đau, sắc kinh nhợt và sẫm gia Bào khương 6 gam, Ô dược 12 gam. Bụng dưới và lan toả sang hai bên đau nhói, sắc kinh đỏ tươi gia Mẫu đơn bì 10 gam, Tiêu Sơn chi 10 gam, bỏ Đại an quế. Lượng huyết ra nhiều gia Ngải diệp thán, bỏ Hồng hoa. Sắc kinh nhợt gia Phụ phiến. Sau khi hành kinh bụng đau âm ỉ, lượng ít chất nhạt gia Trích Hoàng kỳ 12 gam, Bổ cốt chi 12 gam. Lưng đau ê ẩm gia Ba kích thiên 10 gam, Thỏ ty tử 10 gam. Kinh ra dầm dề khó chịu gia Đào nhân 12 gam. Sườn đau và bầu vú trướng gia Uất kim 10 gam, Sài hồ 8 gam, Lộ lộ thông 12 gam.

8. Điền thất thống kinh giao nang

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Điền thất mạt	Ngũ linh chi (sao dấm)
Bồ hoàng	Huyền hồ

Xuyên khung	Tiểu Hồi hương
Quảng Mộc hương	Đại mai phiến

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột nhỏ, mỗi gam thuốc bột đựng vào trong 3 viên nang, mỗi lần uống 3 đến 6 viên; uống liên tục trong 3 tháng là một đợt điều trị.

9. Trục ứ điều kinh thang

Người cống hiến: Hạ Quế Thành, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Nam Kinh

Đương quy	10 gam	Xích thược	10 gam
Ngũ linh chi	10 "	Tam lăng	10 "
Nga truật	10 "	Ích mẫu thảo	15 - 30 "

Nhục quế (bỏ vào sau) 3 gam

Gia giảm: Mỏi lưng rõ rệt gia Xuyên Tục đoạn 10 gam, Đỗ trọng 10 gam, Cẩu tích 10 gam. Tinh thần mỏi mệt, bụng dưới nặng trệ, đại tiện hơi nhão gia Bạch truật 10 gam, Hoàng kỳ 15 gam, Đảng sâm 15 gam, Mộc hương (nướng) 5 gam. Đau bụng dữ dội, đau trướng, sợ xoa bóp, gia Huyền hồ 10 gam, Nhũ hương (trích) 6 gam, Một dược (trích) 6 gam, Tam thất 10 gam. Lượng kinh quá nhiều, đầu choáng Tâm hoang gia Bồ hoàng (sao) 6 gam, Huyết kiệt phấn (để nuốt) 6 gam, Hoa nhị thạch 15 gam. Ngực khó chịu và phiền táo, rêu lưỡi vàng nhớt gia Chế Hương phụ 10 gam, Sài hồ (sao) 5 gam, Mẫu đơn bì (sao) 10 gam, Câu đằng 15 gam. Nếu phiền nhiệt khát nước, đại tiện khô ráo gia Chỉ xác 10 gam, Đại hoàng (sắc sau) 6 gam.

10. Mã thị phu tê trị liệu thống kinh phương

Người cống hiến: Mã Kiếm Vân, Y sư phó chủ nhiệm
Phòng khám Trung y Bạch Hà thành phố Nam Kinh

Quan tâm Tô hợp hương hoàn 1 - 2 viên
Rượu trắng chút ít

Cách dùng: Đem Quan tậm Tô hợp hương hoàn nghiền bột, trộn với rượu trắng thành dạng hồ đắp vào lỗ rốn, ở ngoài dán băng dính. Nếu bệnh khá nặng thì châm các huyệt Nội quan, Tam âm giao, lưu châm 15 phút.

11. Tam lạng bán phương

Người cống hiến: Lai Xuân Mậu, Y sư chủ nhiệm
Y viện trung tâm Lâm nghiệp tỉnh Vân Nam

Đương quy	30 gam	Đan sâm	30 gam
Sinh Sơn tra	30 "	Uy linh tiên	15 "

Cách dùng: Sắc uống từ 3 - 5 thang, đợi sau khi đã dịu đau có thể chế thuốc thành dạng bột, mỗi lần nuốt uống 3 - 5 gam, sáng và tối chiêu với nước ấm, 7 ngày là một đợt điều trị. Có thể uống liên tục 3 - 4 đợt.

12. Hàn ngưng thống kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Hàng Châu

Phụ tử	6 gam	Can khương	6 gam
Nhục quế	5 "	Ngải diệp	5 "
Ngô thù	5 "	Sinh Cam thảo	5 "
Hồ lô ba	12 "	Bổ cốt chi	12 "

Huyền hồ	12 gam	Đương quy (sao)	12 gam
Hương phụ	10 "	Xuyên khung (sao)	10 "
Tế tân	3 "		

Gia giảm: Bệnh nhân không mửa, bụng dưới trướng đau bỏ Can khương, Ngô thù gia Tiểu Hồi hương 5 gam, Tân lang 10 gam. Nếu đau lâu ngày không khỏi thuộc chứng hàn ngưng khá nặng có thể dùng liều lượng cao, các loại thuốc cay nóng lại gia Xuyên ô (chế) 5 gam, Thảo ô (chế) 5 gam để tiêu trừ âm tà u ám, khiến cho khí huyết thư sướng thì có thể điều hoà bệnh nhẹ và khỏi đau.

13. Ôn kinh dưỡng huyết lý khí phương

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Hàng Châu

Đương quy (sao)	15 gam	Bạch thược (sao)	12 gam
Đan sâm	12 "	Tiên linh tỳ	12 "
Ô dược	10 "	Hương phụ	10 "
Tiểu hồ ma	10 "	Quế chi	6 "
Quảng Mộc hương	5 "	Ngải diệp	5 "
Sinh Cam thảo	5 "		

14. Úc thị ôn trung điều lý phương

Người cống hiến: Úc Huệ Dữ, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện khu Củng Thự thành phố Hàng Châu

Can khương	5 gam	Nhục quế	6 gam
Nhũ hương	9 "	Một dược	9 "
Hồng hoa	15 "	Hương phụ (chế)	9 "

Huyền hồ	30 gam	Quảng Mộc hương	9 gam
Xuyên phác	9 "	Bồng Nga truật	9 "
Tam lăng	9 "	Thai Ô dược	9 "
Chỉ thực	9 "	Đào nhân	9 "
Ích mẫu thảo	30 "	Trầm hương khúc	9 "
Xuyên khung	9 "		

15. Trần thị ngoại trị phương

Người cống hiến: Trần Trạch Sâm, Giáo sư Trường Đại học Y khoa thành phố Thượng Hải

Vương bất lưu hành

Hương quế hoạt huyết cao

Cách dùng: Vương bất lưu hành tử đặt lên trên Hương quế hoạt huyết cao rồi dán vào các huyệt Tam âm giao, Quan nguyên, Khí hải, mỗi ngày thay miếng đắp một lần, thường xuyên lấy tay ấn vào miếng đắp. Thông thường cứ trước ngày hành kinh 2 - 3 ngày mà cảm thấy khó chịu thì đắp thuốc này.

226. BẦU VÚ TRƯỚNG KHI HÀNH KINH

Bầu vú trướng khi đang hành kinh là chỉ loại bệnh trước hay sau khi hành kinh xuất hiện chứng bầu vú trướng đau, thường kèm theo các chứng kinh nguyệt không điều hoà.

Hành kinh bầu vú trướng đau và đau bụng, buồn nôn hoặc nôn mửa hoặc kiêm chứng vùng mặt và chi dưới phù thũng, đó là Can uất Tỳ hư, khí huyết không hoà, điều trị theo phép sơ Can kiện Tỳ, điều kinh giảm đau cho uống ***Trương thị gia vị đương quy thược dược tán (1).*** Nếu hành kinh đau bụng và bầu vú trướng khá nặng, kinh huyết ra lẫn hòn cục, khi hòn cục ra được thì trướng và đau giảm nhẹ, đó là huyết ứ hàn trệ, có thể dùng ***Trần thị thông kinh hoạt huyết thang gia vị phương (2)*** để tán hàn thông kinh, hoạt huyết giải uất.

Chứng này nên tham khảo với các chứng "Hành kinh đau bụng" và "Kinh nguyệt trước sau không nhất định".

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị gia vị đương quy thược dược tán

Người cống hiến: Trương Tầm Mai, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Lưu Bác tỉnh Sơn Đông

Đương quy	10 gam	Bạch thược	20 gam
Xuyên khung	10 "	Phục linh	12 "

Bạch truật	15 gam	Sinh Bồ hoàng	10 gam
Trạch tả	12 "	Linh chi (sao)	10 "
Hương phụ	12 "	Thai Ô dược	12 "
Tiên linh tỳ	12 "	Cam thảo	6 "

Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang chia 2 lần uống sáng và tối, uống vào thời gian trước khi hành kinh hoặc đang hành kinh.

2) Trần thị thông kinh hoạt huyết thang gia vị phương

Người cống hiến: Trần Ngọc Kỳ, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Tam lăng	15 gam	Nga truật	15 gam
Huyền hồ	15 "	Xuyên luyện tử	15 "
Linh chi	15 "	Ô dược	15 "
Bạch thược	15 "	Đương quy	15 "
Ích mẫu thảo	20, "	Hương phụ	15 "
Uất kim	15 "	Vương bất lưu hành	15 "

Cách dùng: Trước khi hành kinh 3 ngày bắt đầu uống thuốc cho đến khi sau khi hành kinh hết hẳn các chứng đau bụng, bầu vú trướng thì ngừng thuốc, uống liên tục trong các kỳ hành kinh trong 3 tháng.

227. ĐAU ĐẦU TRONG KHI HÀNH KINH

Chứng này chỉ trước khi hành kinh thường bị đau đầu, sau khi sạch kinh thì hết đau. Nếu kiêm chứng đầu choáng váng, Tâm phiền dễ cáu giận, nóng nảy, họng khô, mất ngủ là do âm hư dương thịnh cho uống ***Thanh huyễn bình Can thang (1)*** để tư âm thanh nhiệt, bình Can giảm đau. Đau đầu khi hành kinh, đau bụng sắc kinh đen, có hòn cục kiêm chứng đầu choáng váng, đầu nặng, mất ngủ hồi hộp, ngực khó chịu là do đờm ứ kiêm phong tà, cho uống ***Hoàng thị đầu thống lập hiệu phương (2)*** để trừ đờm tiêu ứ, khư phong giảm đau.

Đau đầu khi đanh hành kinh hoặc sau khi hành kinh, chất kinh lỏng loãng hoặc hành kinh kéo dài, hoặc trong thời gian hành kinh bị xuất huyết, tinh thần mỏi mệt, bạc nhược, mỏi lưng đầu choáng, hoặc không thụ thai, băng lậu là do Thận hư gây nên, có thể dùng ***Trần thị gia vị tiên thổ ký sinh thang (3)*** để bổ Thận điều kinh hoà huyết. Điều trị chứng này có thể tham khảo với chứng "Kinh nguyệt không điều" và các chứng "Đầu thống", "Thiên đầu thống".

PHỤ PHƯƠNG

1. Thanh huyễn bình Can thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	12 gam	Bạch thược	12 gam
Xuyên khung	5 "	Đương quy	10 "
Nữ trinh tử	10 "	Hạc liên thảo	10 "
Tang diệp	10 "	Cúc hoa	10 "
Hoàng cầm	10 "	Hồng hoa	10 "
Ngưu tất	10 "		

Gia giảm: Nếu nhiệt nặng thì bỏ Đương quy, Xuyên khung gia Hồng liên 10 gam. Nếu Can dương quá thịnh gia Long xỉ 30 gam.

2. Hoàng thị đầu thống lập hiệu phương

Người cống hiến: Hoàng Xuân Lâm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Quảng Đông

Thiên ma	9 - 15 gam	Xuyên khung	6 - 30 gam
Bán hạ	10 - 25 "	Toan tảo	10 - 25 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang đổ 3 bát nước đun cạn còn 1,5 bát cho uống. Bã thuốc có thể lại sắc uống lần nữa.

3. Trần thị gia vị tiên thỏ ký sinh thang

Người cống hiến: Trần Ngọc Kỳ, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Tiên linh tỳ	15 - 20 gam	Thỏ ty tử	15 - 20 gam
Ký sinh	15 "	Sơn dược	15 "

Xuyên Tục đoạn	15 gam	Bạch thược	15 gam
Trạch tả	15 "	Bội lan	15 "
Đương quy	15 "	Xuyên khung	10 "

Cách dùng: Trước khi hành kinh bắt đầu sắc uống.

Gia giảm: Do Thận hư không thụ thai bỏ Trạch lan, Đương quy, Xuyên khung, Bội lan gia Phúc bồn tử 15 gam, Xung uất tử 15 gam, Câu kỷ tử 15 gam (sau hành kinh 5 ngày bắt đầu uống thuốc, uống liên tục 5 - 10 thang sau đó lại uống tiếp cho đủ 3 tháng). Chứng băng lậu cũng có thể dùng phương này nhưng gia Hoàng kỳ 50 gam, Đảng sâm 15 gam, Xuyến thảo 15 gam. Băng lậu huyết ra nhiều có hòn cục kiêm cả chứng hậu huyết ứ thì gia Nga truật 15 gam, Tam lăng 15 gam. Trong thời gian hành kinh mà bị xuất huyết có thể gia Phúc bồn tử 15 gam, Xung uất tử 15 gam, Xa tiền tử 15 gam, Câu kỷ tử 15 gam, Ngũ vị tử 15 gam (uống vào thời gian đang hành kinh).

228. HÀNH KINH BỊ NÔN MỬA

Hàng tháng, cứ mỗi khi hành kinh thường bị nôn mửa gọi là chứng hành kinh bị nôn mửa. Nếu trong thời gian hành kinh ngẫu nhiên phát sinh 1 - 2 lần nôn mửa thì không phải là tình huống mắc bệnh. Phát sinh ra chứng này thường có liên quan đến biến đổi của tình cảm và sự mạnh yếu của Tỳ Vị.

Trong khoảng đang hành kinh mà bị ẩu nghịch không ngừng, mửa ra đờm dãi, kiêm chứng vùng bụng trướng đầy, sắc kinh đen sạm có hòn cục, mạch Hoạt là do đờm ứ gây nên, điều trị theo phép giáng khí khư đàm hoạt huyết điều kinh, cho uống ***Trương thị kinh hành ẩu thổ phương.***

Chứng này nên tham khảo với chứng "Ẩu thổ" và chứng "Kinh nguyệt không đều".

PHỤ PHƯƠNG

Trương thị kinh hành ẩu thổ phương

Người cống hiến: Trương Lệ Dung, Y sư chủ nhiệm
Trung tâm Y viện sản phụ khoa thành phố Thiên Tân

Hà thủ ô	9 gam	Tử Giáng hương	6 gam
Tô tử (sao)	6 "	Hồng hoa	9 "
Trúc nhự	9 "	Quất hồng	9 "

229. HÀNH KINH BỊ TIẾT TẢ

Đang hành kinh mà bị tiết tả gọi là hành kinh bị tiết tả nhưng sau khi sạch kinh thì hết tiết tả nó có tính phát bệnh theo quy luật thời gian.

Phụ nữ đang hành kinh mà đại tiện lỏng loãng số lần nhiều hơn, hoặc là bụng dưới trướng đầy, kinh thấy sớm, lượng nhiều sắc nhạt, đới hạ trong loãng, bệnh thuộc Tỳ hư thấp trệ cho uống ***Lý thị kiện Tỳ cố đới thang*** để kiện Tỳ trừ thấp chỉ tả.

Điều trị chứng này nên tham khảo các chứng "Đại tiện thuỷ tả", "Đại tiện lỏng loãng".v.v.

PHỤ PHƯƠNG

Lý thị kiện Tỳ cố đới thang

Người cống hiến: Lý Tường Ván, Phó giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Đảng sâm	15 gam	Tiêu Bạch truật	15 gam
Hoài Sài dược	30 "	Bạch thược	15 "
Xa tiền nhân	15 "	Sài hồ	4,5 "
Long cốt (nung)	30 "	Mẫu lệ (nung)	30 "
Trạch tả	9 "	Thung căn bì	15 "
Khiếm thực	15 "		

230. HÀNH KINH BỊ THỔ VÀ ĐỔ MÁU MŨI

Khi hành kinh bị thổ ra huyết và huyết ra đằng mũi gọi là "Đảo kinh" chỉ loại bệnh trước khi hành kinh 1 - 2 ngày hoặc là đang hành kinh hoặc là sau khi hành kinh phát sinh chứng miệng và mũi ra huyết có tính quy luật về thời gian. Nếu thấy huyết ra đỏ tươi kiêm chứng Tâm phiền miệng đắng, kiêm chứng nóng nảy cáu giận mạch Huyền là do Can nhiệt nghịch lên cho uống ***Lương huyết chỉ nục thang (1)*** để thanh nhiệt bình Can lương huyết giáng nghịch. Nếu kiêm chứng đau bụng, ngực sườn khó chịu, kinh đến không thư sướng, mạch Huyền hoặc Khẩu hoặc Hoạt là do Can khí nghịch, huyết nhiệt xông lên có thể dùng ***Hàn thị bình Can giáng nghịch thang (2)*** để lương huyết thuận kinh, bình Can lý khí. Đang ở thời kỳ hành kinh mà miệng mũi xuất huyết kinh ra không thư sướng, hoặc thời gian kéo dài mà không thấy, kinh ra có hòn khối, sắc đen, bụng dưới đau mạch Sắc là do khí nghịch huyết uất, phép trị nên giáng khí hoạt huyết tán ứ cho uống ***Nhạc thị kinh tiền Tỵ nục phương (3).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Lương huyết chỉ nục thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện Bắc Kinh

Long đởm thảo	9 gam	Hoàng cầm	9 gam
Chi tử	9 "	Mẫu đơn bì	9 "

Sinh Địa hoàng	15 gam	Ngẫu tiết	30 gam
Bạch mao căn	30 "	Đại hoàng	1,5 "
Ngưu tất	12 "		

2. Hàn thị bình Can giáng nghịch thang

Người cống hiến: Hàn Ngọc Huy, Lão Trung y nổi tiếng Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Đương quy	15 gam	Sinh Địa hoàng	15 gam
Mẫu đơn bì	15 "	Bạch thược (sao rượu)	6 "
Phục linh	9 "	Sa sâm	9 "
Hắc giới tuệ	9 "	Xuyến thảo	6 "
Ngưu tất	2,4 "		

3. Nhạc thị kinh tiền Tỵ nục phương

Người cống hiến: Nhạc Tu Ngũ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lâm Cần, tỉnh Sơn Đông

Mộc hương	6 gam	Hương phụ (chế)	12 gam
Giả thạch	9 "	Xích thược	12 "
Mẫu đơn bì	9 "	Đào nhân (sao)	9 "
Hồng hoa	9 "	Ngưu tất	12 "
Ích mẫu thảo	6 "		

231. CÓ THAI BỊ NÔN MỬA

Chứng này chỉ trong thời kỳ có thai bị buồn nôn hoặc nôn mửa, thậm chí ăn vào thì mửa ra ngay, phần nhiều hay xảy ra ở thời kỳ mới thụ thai hoặc là ở giai đoạn giữa. Mới thụ thai mà nôn mửa không nặng lắm, ăn không ngon, rêu lưỡi trắng nhớt là do Tỳ Vị bị thấp tà làm khốn đốn, khí nghịch không giáng xuống, thì dùng ***Nguyên tuy huân khí phương (1)*** để khoan hung hoà Vị, tỉnh Vị mạnh Tỳ thuận khí giáng nghịch. Nếu nôn mửa khá nặng không thiết uống ăn, ăn vào thì mửa ngay cho uống ***Lưu thị nhâm thần chỉ thổ phương (2)*** để kiện Tỳ hoà Vị giáng nghịch chống nôn. Nếu kiêm chứng khát nước, ít rêu lưỡi, ngực sườn khó chịu thì dùng ***Trúc nhự mạch môn đông thang (3)*** để sơ Can hoà Vị dục âm giáng nghịch.

Có thai được 2 - 3 tháng nôn mửa ra đờm dãi hoặc bọt dính, hung cách đầy tức, choáng đầu, hoa mắt, kém ăn, đại tiện không thành khuôn, buồn nôn, rêu lưỡi trắng nhớt, là do dương không hoá thấp, trung hư đàm ngăn trở cho uống ***Tiền thị nhâm thần ẩu thổ phương (4)*** để ôn trung ích khí, kiện Vị hoá đàm, giáng nghịch chống nôn. Nếu kiêm chứng khát nước, mặt đỏ bừng, ưa uống nước lạnh, đó là hàn nhiệt lẫn lộn, trung hư khí nghịch cho uống ***Củng thị nhâm thần chỉ thổ phương (5)*** để thanh Vị ấm Tỳ, trấn nghịch chống nôn, hoá thấp trừ đàm.

Khi mới thụ thai nôn mửa không ăn được, mửa ra nước trong, Vị quản trướng hoặc đau âm ỉ, ưa ăn đồ nóng, nằm co chân tay lạnh, mặt nhợt, cảm giác ớn lạnh là do Vị hàn gây nên, điều trị theo phép ấm Vị trừ hàn, chống nôn, cho uống ***Dương thị ổ trở phương (6)***. Nếu kiêm chứng hàng ngày vốn thể trạng yếu, hoặc choáng đầu hồi hộp, tâm tình uỷ mị là do Vị hàn kiêm cả hư có thể dùng ***Ngô thị sinh khương kê nhục thang (7)*** để ấm Vị tán hàn bổ hư phù nhược.

Có thai ở thời kỳ đầu nôn mửa kịch liệt, biếng ăn ngực khó chịu, tinh thần mệt mỏi, đầu choáng yếu sức, mạch Hư Sác, rêu lưỡi trắng non, là do hư dương trôi nổi lên trên, Can Vị không hoà, cho uống ***Định ẩu ẩm (8)*** để tiềm dương sơ thông, hoà Vị giáng nghịch.

Thời kỳ đầu mới thụ thai nôn mửa ra nước chua hoặc nước đắng, cồn cào ngực khó chịu, miệng đắng ợ hơi là do đờm nhiệt nung nấu ở bên trong, Can Vị bất hoà cho uống ***Gia vị ôn Đởm thang (9)*** để tả Can hoà Vị, hoá đàm thanh nhiệt, giáng nghịch chống nôn. Nếu kiêm chứng tinh thần mỏi mệt yếu sức, kém ăn thể trạng gầy, đó là đờm nhiệt kiêm cả trung khí suy hư, có thể dùng ***Trần thị an thai thang (10)*** để kiện Tỳ ích Vị hoà trung thanh nhiệt, hoá đờm chống nôn. Nếu kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, tinh thần bạc nhược, kém ăn trướng bụng là do Tỳ Thận đều hư kiêm đờm nhiệt, cho uống ***Vương thị tô cầm ẩm (11)*** để kiện Tỳ lý khí, cố Thận hoà trung kiêm cả thanh nhiệt hoá đờm.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Ẩu thổ".

PHỤ PHƯƠNG

. Nguyên tuy huân khí phương

Người cống hiến: Chu Tiểu Nam, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Thượng Hải

Nguyên tuy tươi	1 bó	Tô diệp	3 gam
Hoắc hương	3 gam	Trần bì	6 "
Sa nhân	6 "		

Cách dùng: Các vị trên sau khi nấu sôi đổ vào trong một cái ình miệng bình đó chiếu thẳng vào lỗ mũi để cho bệnh nhân hít ơi mỗi lần lâu vài phút, mỗi ngày xông vài lần.

. Lưu thị nhâm thần chỉ thổ phương

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Hoắc hương	9 gam	Tô ngạnh	6 gam
Trần bì	6 "	Sa nhân	4,5 "
Bán hạ	6 "	Bạch truật	9 "
Mộc hương	3 "	Sinh khương chấp	20 giọt

. Trúc nhự mạch môn đông thang

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Trúc nhự	5 gam	Mạch môn đông	6 gam
Sa nhân	2 "	Hoài sơn dược	9 "
Hoắc hương	5 "	Phục linh	9 "
Bạch thược	9 "	Biển đậu	9 "

Công Đinh hương	1 gam	Đông qua nhân	9 gam
Ty qua lạc	3 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Lấy Táo tâm thổ 60 gam hoà vào nước rồi lọc lấy nước trong để sắc thuốc.

4. Tiền thị nhâm thận ẩu thổ phương

Người cống hiến: Tiền Bá Tuyên, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	3 gam	Can khương	3 gam
Thanh Bán hạ	3 "		

Cách dùng: Cùng tán bột, chia làm 2 lần uống sáng và tối, mỗi lần 1,5 gam, trước khi uống nhỏ thêm vào 4 giọt nước gừng rồi hãy uống.

5. Củng thị nhâm thần chỉ thổ phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Sa sâm	15 gam	Bạch truật (sao)	12 gam
Phục linh	12 "	Pháp Bán hạ	10 "
Can khương	6 "	Trần bì	12 "
Hoàng cầm	6 "	Hoàng liên	3 "
Phục long can	60 "	Sinh khương	10 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Nôn mửa nặng gia Trúc nhự 10 gam, Mộc hương 10 gam, tăng Hoàng liên lên 6 gam. Nếu bình thường thể trạng vốn yếu, kém ăn thì bỏ Sa sâm gia Đảng sâm 12 gam, Hoàng liên giảm xuống chỉ còn 1,5 gam.

6. Dương thị ố trở phương

Người cống hiến: Dương Quốc Trụ, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông

Táo tâm thổ	30 gam	Sinh khương	30 gam
Trần bì	15 "	Trúc nhự	15 "
Đại táo	10 quả		

Cách dùng: Đổ 3 - 5 bát nước đun nhỏ lửa cạn lấy 1 bát uống lúc nóng từng ít một thay nước trà.

7. Ngô thị sinh khương kê nhục thang

Người cống hiến: Ngô Quang Liệt, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Nam An tỉnh Phúc Kiến

Sinh khương	60 gam	Phục long can	60 gam
Gà non	1 con		

(Phục long can hoà vào nước rồi lọc lấy nước trong để dùng)

Cách dùng: Làm thịt gà non mổ bỏ ruột bỏ Sinh khương vào bụng gà đặt vào nồi đất, đổ lượng nước Phục long can vừa phải, nấu chín pha thêm chút muối đậy kín, sau đó lấy nước này uống từ từ đồng thời ăn được cả thịt gà, có thể thực hiện ngày 1 lần hoặc cách ngày 1 lần.

8. Định ẩu ẩm

Người cống hiến: Hà Tử Hoài, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Hàng Châu

Tang diệp	9 gam	Thạch Quyết minh (nung)	18 gam
Bạch thược (sao)	9 "	Tiêu Đông truật	6 - 9 "
Hoàng cầm	6 "	Lục ngạc mai	5 "

Sa nhân (để cả vỏ)	5 gam	Trần bì	5 g
Quy thân	9 "	Tô ngạnh	5

Gia giảm: Mỏi lưng gia Đỗ trọng (sao) 12 gam, Xuyên T đoạn 10 gam. Kiêm đờm gia Tỳ bà diệp 9 gam. Táo bón gia Q lâu 9 gam. Nôn mửa rõ rệt gia Bạch loa ty xác (nung) 18 ga Khương Bán hạ 6 gam.

9. Gia vị ổn Đởm thang

Người cống hiến: Thẩm Trọng Khuê, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Quất bì	6 gam	Hoàng liên	6 ga
Chỉ xác	6 "	Tô ngạnh	6 "
Hoắc hương	3 "	Trúc nhự	9 "
Bán bạ	10 "	Phục linh	12 "
Táo tâm thổ	24 "	Sa nhân	4,5 "

10. Trần thị an thai thang

Người cống hiến: Trần Đạt Thiên, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Quỳnh Hải, tỉnh Hải Nam

Tang ký sinh	30 gam	Tỳ bà diệp	15 gam
Chế Bán hạ	10 "	Trúc nhự	10 "
Sa nhân	8 "	Bạch truật	10 "
Đảng sâm	30 "	Sinh khương	12 "
Ngải diệp	12 "	Chi tử	15 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang chia làm 2 lần uống từ từ.

Gia giảm: Nếu nôn mửa nhiều lần có thể dùng Độc sâm thang hoà vào nước sắc Quất bì, Trúc nhự mà uống. Nếu bệnh

thiên về nhiệt gia Hoàng cầm 12 gam. Nếu bụng trướng gia Tô ngạnh.

11. Vương thị tô cầm ẩm

Người cống hiến: Vương Pháp Sương, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Tảo Trang tỉnh Sơn Đông

Tô ngạnh	14 gam	Hoàng cầm	12 gam
Trúc nhự	10 "	Tiêu truật	15 "
Phục linh	12 "	Trần bì	10 "
Sa nhân (bỏ vỏ sao)	8 "	Đỗ trọng	15 "
Xuyên Tục đoan	15 "	Ký sinh	15 "
Đương quy	10 "	Xuyên khung	6 "
Cam thảo	6 "		

Cách dùng: Đổ nước sắc 15 phút, lấy ra uống 1/2, 3 giờ sau lại đun uống lần nữa vẫn thêm lượng nước như trên, mỗi ngày 1 thang. Nếu mửa kịch liệt thì uống từ từ, khi chứng trạng đã hết thì ngừng uống.

Gia giảm: Vùng tim nóng bỏ vị Sa nhân, ợ hơi dùng Tô ngạnh liều cao, miệng mũi nóng, phả ra hơi nóng dùng Hoàng cầm liều cao. Thể trạng hư yếu luôn bị sẩy thai, bỏ Quy khung gia Hoàng kỳ 30 gam, Thỏ ty tử 30 gam. Thể trạng hư hàn thì bỏ Hoàng cầm gia Ngải diệp.

232. CÓ THAI THŨNG TRƯỚNG

Có thai thũng trướng còn gọi là "Tử thũng" đây là chỉ chứng bệnh trong khi có thai ở giai đoạn cuối thì mặt, mắt và ống chân phù thũng, thậm chí phù thũng toàn thân, đôi khi vùng bụng trướng to khác thường, tiểu tiện ít v.v...

Có thai thời kỳ đầu, phù thũng tiểu tiện ít vùng bụng to dần khác thường trướng đầy, suyễn gấp, khát nước lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng hoặc kém ăn, đại tiện lỏng nhão, đó là thấp nghẽn trở, Tỳ hư yếu. Nếu thiên về Tỳ hư cho uống ***Sài thị bào trung xúc thuỷ phương số I (1)*** để kiện Tỳ hoá thấp trừ thuỷ, an thai. Nếu thiên về thấp nghẽn khí trệ có thể dùng ***Trần thị trị thai thuỷ thũng mãn nghiệm phương (2)*** để kiện Tỳ lợi thuỷ, lý khí tiêu thũng. Nếu kiêm chứng đầu choáng hồi hộp là do Tỳ hư thấp ngăn trở kiêm cả huyết hư điều trị theo phép kiện Tỳ trừ thấp tiêu thũng lý khí dưỡng huyết an thai, cho uống ***Tiêu thũng an thai ẩm (3)*** hoặc ***Dương thị tử thũng phương (4)***. Nếu kiêm chứng mỏi lưng, chân tay lạnh, tiểu tiện trong dài, mặt sạm không tươi, mạch Trầm Tế, bệnh thuộc Tỳ Thận dương hư, thuỷ khí không hoá, cho uống ***Sài thị bào trung xúc thuỷ phương số II (5)*** để kiện Tỳ ấm Thận trừ thuỷ an thai.

Sau khi có thai bị thuỷ thũng đột ngột, lượng nước tiểu ít, miệng khát hay uống nước, phiền táo trướng bụng, lưỡi khô ít tân dịch, mạch Sác đó là Phế Thận âm khuy, có thể dùng ***Sài thị bào***

trung xúc thuỷ phương số III (6) để ích âm thanh nhiệt, điều lý khí cơ trừ thuỷ an thai.

PHỤ PHƯƠNG

1. Sài thị bào trung súc thuỷ phương số I

Người cống hiến: Sài Tùng Nham, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Bắc Kinh

Tiêu Bạch truật	10 "	Đông qua bì	30 "
Trần bì	10 "	Phục linh bì	30 "
Sinh Sơn dược	20 "	Trạch tả	6 "
Trư linh	6 "	Sinh khương bì	6 "
Thỏ ty tử	12 "	Nam Sa sâm	12 "

2. Trần thị trị thai thuỷ thũng mãn nghiệm phương

Người cống hiến: Lý Ngọc Kỳ, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Bạch truật	20 gam	Phục linh	15 gam
Trần bì	15 "	Đại phúc bì	15 "
Phòng kỷ	15 "	Mộc qua	15 "
Nhân trần	15 "	Thần khúc	15 "
Chỉ xác	10 "		

3. Tiêu thũng an thai ẩm

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Trường Xuân

Đương quy	9 gam	Xuyên khung	9 gam
Phục linh	15 "	Trần bì	9 "

Mộc hương	3 gam	Tô ngạnh	12 gam
Bạch truật	15 "	Đại phúc bì	15 "
Sinh khương	3 "	Tây qua thúy y	15 "

Cách dùng: Sắc lấy nước uống, trong thời gian uống thuốc nên ăn cá chép hoặc cá diếp. Nếu khát nước rõ rệt cũng nên uống ít nước, chỉ nên ăn nhiều dưa hấu.

4. Dương thị tử thũng phương

Người cống hiến: Dương Tử Khiêm, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện khu Tuyên Võ, thành phố Bắc Kinh

Phục linh bì	Đại phúc bì
Sinh khương bì	Tang bạch bì
Trần bì	Bạch truật
Đương quy	Bạch thược

5. Sài thị bào trung súc thuỷ phương số II

Người cống hiến: Sài Tùng Nham, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Toàn Đương quy	10 gam	Thỏ ty tử	12 gam
Liên nhị tu	10 "	Phục linh bì	30 "
Câu kỷ tử	10 "	Tang ký sinh	20 "
Hà thủ ô	10 "		

6. Sài thị bào trung súc thuỷ phương số III

Người cống hiến: Sài Tùng Nham, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Bắc Kinh

Bắc Sa sâm	30 gam	Cát cánh	10 gam
Thỏ ty tử	10 "	Tri mẫu	10 "

Tang ký sinh	20 gam	Sinh Sơn dược	12 gam
Phục linh bì	30 "	Xuyên Tục đoạn	10 "
Bạch thược	10 "	Hoàng cầm	10 "
Trúc diệp	10 "	Sài hồ	10 "

233. CÓ THAI VÙNG TÂM PHÚC TRƯỚNG ĐẦY

Chứng này chỉ sau khi thụ thai vùng ngực bụng trướng đầy khó chịu.

Trong khi có thai gần đến thời kỳ cuối nhưng chưa đủ tháng sinh, mà thấy bụng dưới trệ xuống và trướng đầy, kiểm tra thấy vị trí thai cũng sa xuống đó là khí hư, Thận suy không đủ sức để nâng thai lên, cho uống ***Thai vị hạ thuỳ phương (1)*** để bổ Thận ích khí và đẩy thai nhi lên. Sau khi có thai vùng ngực căng tức khó chịu hoặc trướng bụng, bụng dưới có cảm giác sa xuống, mạch Huyền Hoạt hoặc Tế Hoạt vô lực, lưỡi nhạt ít rêu, sờ vào bụng cảm thấy thai nhi ở vị trí xoay ngang có thể dùng ***Khung quy tử tô ẩm gia giảm phương (2)*** để điều hoà khí huyết và xoay chuyển thai nằm ngang.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Ngôi thai không đúng vị trí".

PHỤ PHƯƠNG

1. Thai vị hạ thuỳ phương

Người cống hiến: Đoàn Hồng Quang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số I thành phố Đại Lý tỉnh Vân Nam

Dã Sơn sâm
Bạch thược
Hoàng kỳ
Sơn du nhục

Thỏ ty tử	Phúc bồn tử
Tiêu Bạch truật	Sinh Địa hoàng
Thục Địa hoàng	Thăng ma
Trữ ma căn	Cam thảo (trích)

2. Khung quy tử tô ẩm gia giảm phương

Người cống hiến: Tống Quang Tế, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Đương quy	15 gam	Xuyên khung	9 gam
Chỉ xác	6 "	Tử tô ngạnh	6 "
Sa nhân	3 "		

Gia giảm: Khí hư gia Đảng sâm, Hoàng kỳ, Cam thảo để ích khí sinh huyết và giữ thai giúp cho khí huyết vận hành tốt. Nếu Thận hư gia Đỗ trọng (sao), Xuyên Tục đoạn (sao), Tang ký sinh để tư Thận. Có nhiệt gia Điều cầm (sao), có hàn gia Ngải diệp. Vị trí thai quá thấp có chuyển động thêm chút ít Thăng ma để ích khí nâng thai lên.

234. THAI ĐỘNG KHÔNG YÊN

Trong thời kỳ có thai cảm thấy thai động trệ xuống hoặc kiêm chứng âm đạo ra huyết lượng ít gọi là "Thai động không yên" đó cũng là tiền đề của các chứng "Đoạ thai" hoặc "Tiểu sản".

Có thai mà thai động trệ xuống, âm đạo xuất huyết lượng ít, tinh thần mỏi mệt, đoản hơi, biếng nói, yếu sức là do khí hư hạ hãm không giữ được thai nguyên, cho uống ***Gia vị giao ngải Tứ vật thang (1)*** để ích khí chỉ huyết an thai. Kiêm chứng biếng ăn nhiều đờm, rêu lưỡi nhớt đó là khí hư không bền kiêm cả đờm thấp dùng ***Vương thị an thai phương (2)*** để ích khí kiện Tỳ hoá đờm, chỉ huyết an thai. Nếu kiêm chứng mỏi lưng hồi hộp đầu choáng váng sắc mặt vàng bủng là do khí huyết suy thiếu, Thận hư không bền. Nếu chủ yếu là Thận hư cho uống ***Ích nguyên an thai thang (3)*** để ích khí dưỡng huyết phù nguyên an thai. Nếu khí huyết bất túc là chủ yếu, cho uống ***Đoàn thị lậu thai phương (4)*** để dưỡng huyết ích khí, bổ Thận chỉ huyết.

Có thai mà bụng dưới nặng trệ hoặc trướng hoặc đau, âm đạo xuất huyết, lưng đau mỏi, đùi mềm yếu, kém ăn tinh thần mỏi mệt, tai ù đó là Tỳ Thận suy hư, thai nguyên không bền, cho uống ***Vương thị tiên triệu lưu sản phương (5)*** để kiện Tỳ chỉ huyết và củng cố Thận. Nếu kiêm chứng miệng khô, huyết ra đỏ tươi là do Tỳ Thận hư suy kiêm cả huyết nhiệt, cho uống ***Bảo thai phương số I (6)*** để kiện Tỳ bền Thận kiêm cả thanh nhiệt an thai. Nếu kiêm chứng đầu choáng váng hồi hộp thì dùng ***Tư Thận dục thai hoàn (7)*** để bổ Thận kiện Tỳ, dưỡng huyết bồi bổ nguyên khí và an thai.

Sau khi có thai từ 3 - 5 tháng, bụng đau lưng mỏi, âm đạo ra huyết, sắc huyết đỏ tươi, miệng khô họng ráo, tiểu tiện xẻn đỏ, đại tiện khô kết đó là động thai do huyết nhiệt kiêm cả Thận hư, cho uống ***Thanh nhiệt an thai ẩm (8)*** để làm mát thai nhiệt và mạnh Tỳ Thận.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị giao ngải Tứ vật thang

Người cống hiến: Kha Dữ Sâm, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Tân y dược học tỉnh Cam Túc

Đảng sâm	15 gam	Sinh Hoàng kỳ	24 gam
Can Địa hoàng	12 "	Sao Đương quy	9 "
Sao Xuyên khung	4,5 "	Bạch thược	9 "
A giao châu	9 "	Tiêu ngải diệp	9 "
Xuyên Tục đoạn	12 "	Sao Bạch truật	9 "
Vân Phục linh	9 "	Trích Cam thảo	3 "

2. Vương thị an thai phương

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y viện Thành Đô

Lộ Đảng sâm	30 gam	Bạch truật	10 gam
Phục thần	12 "	Thỏ ty tử	10 "
A giao	10 "	Bán hạ	10 "
Hậu phác	6 "	Tiên hạc thảo	10 "
Hương phụ (chế)	10 "	Đỗ trọng	10 "
Sinh Hoàng kỳ	60 "	Ngải diệp (sao cháy)	10 "
Hoắc hương	6 "	Thăng ma (sao)	20 "

Cách dùng: Dặn bệnh nhân nằm ngửa, mỗi ngày uống 1 thang, uống liên tục 1 tuần.

3. Ích nguyên an thai thang

Người cống hiến: Chu Bá Lương, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân Y viện huyện Tế Dương tỉnh Sơn Đông

Đương quy	6 gam	Xuyên khung	6 gam
Hoàng cầm	10 "	Bạch truật	10 "
Đỗ trọng	8 "	Xuyên Tục đoạn	8 "
Sinh Bạch truật	10 "	A giao (hoà tan)	10 "
Thỏ ty tử	8 "	Đảng sâm	8 "
Hoàng kỳ	8 "	Cam thảo	3 "
Sinh khương	3 "		

Gia giảm: Nếu như có thai mà huyết ra nhỏ giọt thì bỏ Xuyên khung gia Ngải thán. Nếu hỏa thịnh thì dùng Hoàng cầm liều cao để thanh nhiệt. Đờm thịnh thì dùng Bạch truật liều cao để tiêu đờm, đồng thời thêm vị thuốc vừa hàn vừa nhuận như Xuyên Bối mẫu. Nếu xuất hiện đầu và chân phù thũng thì gia Phục linh, Phòng kỷ. Nếu đau đầu gia Giới tuệ, nếu khí thịnh mà thai ở vị trí khá cao có chứng ngực khó chịu thì gia Tô tử, Chỉ xác, Sa nhân, Trần bì để cho khí cơ thư giãn.

4. Đoàn thị lậu thai phương.

Người cống hiến: Đoàn Hồng Quang, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện số I thị trấn Đại Lý tỉnh Vân Nam

Hoàng kỳ	Đương quy thân
Sinh Địa hoàng	Tiêu Bạch truật

Đỗ trọng	Xuyên Tục đoan
Tang ký sinh	Ngẫu tiết thán

Gia giảm: Khí hư gia Thái tử sâm, Sinh Địa hoàng đổi làm Thục Địa hoàng. Tỳ hư kém ăn gia Phục long, Trần bì. Âm hư hỏa vượng gia Hoàng cầm, Trắc bá diệp. Xuất huyết gia Địa du, Tiên hạc thảo.

5. Vương thị tiên triệu lưu sản phương.

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Đảng sâm	60 gam	Hoàng kỳ	60 gam
Tiên hạc thảo	60 "	Bạch truật (sao)	9 "
A giao châu	9 "	Địa du thán	9 "
Tang ký sinh	15 "	Thỏ ty tử	15 "
Ngũ vị tử	12 "	Huyết dư thán	12 "
Mẫu lệ (nung)	24 "		

6. Bảo thai phương số I

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Xuyên Tục đoạn	150 gam	Bạch truật	100 gam
Đương quy	100 "	Hoàng cầm (sao)	100 "

Tang ký sinh (tẩm muối sao) 100 gam

Cách dùng: Tán bột mịn, phun nước làm viên to bằng hột đỗ tương, mỗi lần uống 6 - 10 gam, ngày 2 - 3 lần. Có thể uống liên tục từ 1 - 3 tháng.

Gia giảm: Nếu khí hư gia Đảng sâm 100 gam. Huyết hư gia A giao 150 gam.

7. Tư Thận dục thai hoàn.

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Thỏ ty tử	Đảng sâm
Thục Địa hoàng	Xuyên Tục đoạn
Bạch truật	A giao
Lộc giác sương	Đỗ trọng
Câu kỷ tử	Ba kích thiên
Hà thủ ô	Ngải diệp
Tang ký sinh	Sa nhân
Cát lâm sâm	

Cách dùng: Trong đơn thuốc có một số vị sắc đặc thành dạng cao lỏng và một số vị tán bột trộn vào với cao, thêm mật luyện làm viên nhỏ, ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 5 gam, kiêng ăn La bặc, Ý dĩ, Lục đậu và không uống nước lạnh. Thời gian điều trị nên nằm nghỉ ngơi.

8. Thanh nhiệt an thai ẩm.

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Sơn dược	15 gam	Thạch liên tử	9 gam
Hoàng cầm	9 "	Xuyên liên	9 "
Thung căn bì	9 "	Trắc bá thán	9 "
A giao (hoà tan)	15 "		

235. NGÔI THAI KHÔNG ĐÚNG VỊ TRÍ

Không đúng ngôi thai là chỉ phụ nữ ở cuối thời kỳ mang thai, vị trí thai nhi ở trong bụng người mẹ không được bình thường.

Có thai ở giai đoạn cuối, ngôi thai không ổn định, thể trạng gầy, mặt tái hoặc trắng nhợt hoặc choáng đầu, vùng bụng trướng đầy hoặc cảm thấy một bên bụng trướng đầy khá nặng, thậm chí suyễn gấp, đó là khí cơ bị uất trệ, điều trị theo hướng hành khí, tiêu trướng, chuyển thai cho uống ***Tống thị kiều thai dị sản thang (1).*** Chứng nói trên nếu kiêm lưng đùi đau mỏi, kém ăn là thuộc khí trệ Tỳ yếu, Thận hư, huyết suy có thể dùng ***Ngô thị gia vị đương quy thược dược tán (2)*** để dưỡng huyết điều khí, bổ Tỳ ích Thận.

Đồng thời với uống các đơn thuốc nói trên, có thể phối hợp với ***Châm thích kiều thai phương (3)*** để tăng cường điều lý khí huyết ổn định bào cung thì hiệu quả càng tốt.

Chứng này có thể tham khảo với chứng "Có thai vùng bụng trướng đầy".

PHỤ PHƯƠNG

1. Tống thị kiều thai dị sản thang

Người cống hiến: Tống Thế Diêm, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Xuyên khung	10 gam	Đương quy (bỏ vỏ sao)	15 gam
Tang ký sinh	10 "	Tô ngạnh	10 "

Chỉ xác (sao)	6 gam	Cát cánh	3 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, mỗi ngày uống 2 lần, uống lúc nóng sau khi uống thuốc nằm nghỉ 30 phút.

2. Ngô thị gia vị đương quy thược dược tán

Người cống hiến: Ngô Quang Liệt, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Nam An tỉnh Phúc Kiến

Tiêu Bạch truật	9 gam	Đương quy (sao rượu)	9 gam
Bạch thược	9 "	Bạch Phục linh	9 "
Trần bì	6 "	Tục đoạn (sao rượu)	9 "
Tang ký sinh	9 "	Thỏ ty tử	9 "
Đại Phúc bì	9 "	Xuyên khung (sao rượu)	6 "
Tử tô diệp	6 "	Trạch tả (tẩm muối)	9 "

Cách dùng: Sắc 2 nước chia làm 2 lần uống sáng và tối, uống lúc đói.

3. Châm thích kiều thai phương

Người cống hiến: Đỗ Hiểu Sơn, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Võ Tích tỉnh Giang Tô

Chí âm (2 bên) Tam âm giao (2 bên)

Cách dùng: 4 huyệt nói trên thay đổi nhau xoay kim liên tục sau vài phút thì cả 2 tay đều xoay chuyển mạnh huyệt Tam âm giao lâu chừng 20 - 25 phút. Mỗi ngày thực hiện 1 lần có thể điều trị liên tục 1 - 5 lần.

236. THAI ĐỌA

Có thai ở thời kỳ đầu, thai nhi bị ra gọi là "Đọa thai", nếu bị Đọa thai liên tục từ 3 lần trở lên gọi là "Hoạt thai".

Có thai vài lần mà bị Đọa thai, sau khi có thai thường kiêm chứng lưng gối tê mỏi, bụng dưới nặng trệ, đầu choáng tai ù, tiểu tiện vặt hoặc là âm đạo ra huyết, Xích mạch Nhược, đó là Thận hư không bền, cho uống ***Bổ Thận cố thai tán (1)***. Nếu kiêm chứng miệng khô khát nước, kém ăn, tinh thần mỏi mệt, là do Tỳ hư Thận yếu kiêm cả thai nhiệt, điều trị theo phép kiện Tỳ bổ Thận kiêm thuốc làm mát thai nhiệt cho uống ***Điều bổ Xung Nhâm phương (2)***. Nếu kiêm chứng hồi hộp đoản hơi, tinh thần mỏi mệt yếu sức, hụt hơi biếng nói, kém ăn gầy còm là do khí huyết đều hư, Tỳ Thận bất túc, mạch Xung Nhâm không bền; bệnh nhẹ thì dùng ***Triệu thị trị hoạt thai phương (3)*** để ích khí, dưỡng huyết, kiện Tỳ cố Thận. Nếu bệnh nặng thì dùng ***Bào thai chính sản phương (4)*** để bổ Tỳ Thận ích khí huyết làm bền 2 mạch Xung Nhâm.

PHỤ PHƯƠNG

1. Bổ Thận cố thai tán

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Tang ký sinh	45 gam	Xuyên Tục đoạn	45 gam
A giao	45 "	Thỏ ty tử	45 "

Thung căn bì 15 gam

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần dùng 9 gam uống trong các ngày trong tháng như mồng 1, 2, 3; 11, 12, 13; 21, 22, 23; mỗi ngày uống 1 lần.

2. Điều bổ Xung Nhâm phương

Người cống hiến: Vương Vân Minh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Lưu Bác tỉnh Sơn Đông

Bạch truật	15 gam	Hoàng cầm	15 gam
Tang ký sinh	15 "	Tục đoạn	15 "
Nhân sâm	15 "	Phục linh	15 "
Liên tử	15 "	Sa nhân	2 "
Cam thảo	9 "		

Gia giảm: Thai lậu hạ huyết gia A giao 30 gam (hoà tan vào nước thuốc uống làm 2 lần), Địa du thán 30 gam để thanh nhiệt dưỡng huyết và chỉ huyết. Nếu khí hư, bụng dưới nặng trệ gia Hoàng kỳ 30 gam, Thăng ma 9 gam, Sài hồ 9 gam để ích khí nâng thai lên. Nếu huyết hư đau bụng gia Đương quy (sao) 6 gam, Hoàng kỳ 30 gam, Bạch thược 15 - 30 gam để bổ khí, sinh huyết hoà doanh giảm đau. Thận dương hư, lưng lạnh và đau gia Ba kích thiên 9 gam, Lộc giác giao 9 gam (hoà tan chia làm 2 lần uống) để ôn bổ Thận dương. Nếu Thận âm hư, lưng đau mỏi gia Câu kỷ tử 30 gam, Thục Địa hoàng 15 gam để tư bổ Thận âm. Bạch đới quá nhiều gia Khiếm thực 30 gam, Hải phiêu tiêu 15 gam để kiện Tỳ táo thấp, sáp tinh chỉ đới. Nếu nôn lợm (ố trở) gia Trần bì 9 gam, Trúc như 9 gam để lý khí chống nôn.

Chú ý: Phương này dùng trong những tháng đang có thai; Mỗi tháng uống 5 thang, mỗi ngày 1 thang. Sau khi uống liên tục được 3 tháng thì uống cách nhật mỗi ngày 1 thang, liên tục cho đến mang thai đến tháng thứ 7 thì ngừng.

3. Triệu thị trị hoạt thai phương

Người cống hiến: Triệu Trị Bang, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện khu Cô Nguyên tỉnh Ninh Hạ

Hoàng kỳ	30 gam	Bạch truật	30 gam
Hoàng cầm	15 "	Đỗ trọng	30 "
Bạch thược	15 "	Phục linh	15 "

Gia giảm: Nếu tiên triệu xuất huyết thì gia A giao 10 gam, Ngẫu tiết thán 10 gam. Nếu đau bụng gia Ngải diệp sao cháy 6 gam.

4. Bảo thai chính sản phương

Người cống hiến: Thi Kim Mặc tiên sinh, Nhà Trung y học trứ danh

Nhân sâm	60 gam	Bạch truật	300 gam
Hoàng kỳ	180 "	Phục linh	60 "
Cam thảo (trích)	60 "	Thục Địa hoàng	90 "
Đương quy	60 "	A giao	60 "
Tục đoạn (sao)	60 "	Đỗ trọng (sao)	90 "
Thỏ ty tử	90 "	Sơn thù du	90 "
Tang ký sinh	120 "	Hoài Sơn dược	90 "
Trữ Ma căn	30 "	Tang phiêu tiêu	30 "

Hải phiêu tiêu	60 gam	Hoàng cầm	240 gam
Chi tử	90 "	Tàm kiển (sao vàng)	60 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột lấy Hồng táo 1000 gam sau khi nấu như nhặt bỏ bã trộn với bột thuốc làm dạng viên nhỏ, ngày uống 2 lần sáng và tối, ngày uống 6 gam, chiêu với nước chín.

237. CÓ THAI CO GIẬT

Trong thời kỳ mang thai, chân tay co giật không theo ý muốn duỗi ra lại co vào gọi lã "Có thai co giật". Bệnh thường gặp ở thời kỳ cuối hoặc thời kỳ đang mang thai.

Có thai tới tháng thứ 6, thứ 7, đột nhiên chân tay co giật, ngã lăn, cấm khẩu, mắt nhìn xiên, toàn thân co cứng, Tâm phiền đau đầu hoa mắt là bệnh do Can vượng phong động, cho uống ***Hợp thị tử giản phương (1)*** phối hợp với các loại thuốc thanh nhiệt bình Can, tiềm dương và dẹp phong. Có thai co giật kiêm chứng hôn mê trong họng có tiếng đờm khò khè, mạch Huyền Hoạt rêu lưỡi nhớt, hoặc là từ chỗ có thai đầu choáng phát triển thành co giật là do Can quá thịnh câu kết với phong đờm gây nên. Điều trị theo phép bình Can dẹp phong quét đờm khai khiếu kèm theo thuốc nhu Can hoà huyết, cho uống ***Dương thị tử giản phương (2)***.

Để tiên lượng và điều trị chứng này nên tham khảo các mục "Có thai đầu choáng váng" và "Váng đầu".

PHỤ PHƯƠNG

1. Hợp thị tử giản phương

Người cống hiến: Hợp Lệ Điền, Giáo sư
Trung y học viện Thiên Tân

Hùng đởm (nếu không có Hùng Đởm có thể thay thế bằng Xà đởm hoặc Kê đởm) 0,6 gam

Nước Trúc lịch 15 gam

Cách dùng: Tán bột Hùng Đởm hoà vào nước Trúc lịch cho uống ngay.

2. Dương thị tử giản phương

Người cống hiến: Dương Tử Khiêm, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Tuyên Võ thành phố Bắc Kinh

Linh dương giác phấn
Đương quy
Xuyên khung
Bạch thược dược
Hổ phách phấn
Tảo nhân
Hạnh nhân
ý dĩ nhân
Thạch Xương bồ
Câu đằng
Phòng phong
Phục thần
Toàn yết
Cương tàm
Cục phương chí bảo đơn

238. CÓ THAI TIỂU TIỆN BUỐT

Thời kỳ có thai xuất hiện chứng tiểu tiện nhiều lần, dầm dề và đau buốt gọi là "Có thai tiểu tiện buốt" cũng gọi là "Tử lâm".

Thời kỳ có thai tiểu tiện nhiều lần, niệu đạo đau rát, mót đi tiểu cấp bách, nước tiểu sắc vàng kiêm chứng miệng khô họng ráo, khát nhưng không uống nhiều nước, rêu lưỡi vàng nhớt v.v... bệnh thuộc thấp nhiệt, phép trị nên thanh nhiệt lợi thấp thông lâm, cho uống ***Vương thị thanh kim chỉ lâm thang***.

Biện chứng luận trị chứng này nên tham khảo chứng "Tiểu tiện đau buốt".

PHỤ PHƯƠNG

Vương thị thanh kim chỉ lâm thang

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Đại thanh diệp	50 gam	Hải kim xa	25 gam
Kim tiền thảo	50 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước ngày uống 2 lần, trong khi uống thuốc nên uống nhiều nước.

239. CÓ THAI KHÁI THẤU

Đang thời kỳ có thai, khái thấu không ngớt gọi là "Có thai khái thấu" cũng gọi là "Tử thấu".

Có thai mà khái thấu đờm vàng dính, ho nhiều có khi ẩu nghịch không dứt, kiêm chứng đau bụng buồn nôn là do thai nhiệt nghịch lên Phế kim, phép trị nên thanh nhiệt chỉ khái làm dịu cơn gấp gáp và giáng nghịch, cho uống ***Chu thị tứ vị an thai ẩm.***

Điều trị chứng này tham khảo nội dung chứng "Khái thấu".

PHỤ PHƯƠNG

Chu thị tứ vị an thai ẩm

Người cống hiến: Chu Học Văn, Giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Hoàng cầm	10 - 15 gam	Bạch thược	10 - 15 gam
Tử tô diệp	10 - 15 "	Cam thảo	5 "

240. CÓ THAI HẠ LỴ

Thời kỳ mang thai đại tiện ra chất trắng đỏ và nhờn gọi là "Có thai hạ lỵ".

Thời kỳ mang thai bụng đau quặn, đại tiện ra mủ máu lẫn lộn, đại tiện nhiều lần nhưng không nặng lắm đừng vội lạm dụng thuốc đắng lạnh mà chủ yếu là điều hoà khí huyết cho uống ***Triệu thị dưng phụ cấp tính khuẩn lỵ phương.***

Điều trị chứng này nên tham khảo với chứng "Đại tiện ra chất nhầy".

PHỤ PHƯƠNG

Triệu thị dựng phụ cấp tính khuẩn lỵ phương

Người cống hiến: Triệu Ân Kiệm, Y sư chủ nhiệm Y viện Nam Khai thành phố Thiên Tân

Đương quy	30 gam	Bạch thược	30 gam

241. CÓ THAI CHOÁNG VÁNG

Chứng này là chỉ sau khi có thai phát sinh chứng hoa mắt, chóng mặt nhất là có thai ở thời kỳ sắp đẻ là thường gặp. Khi điều trị nên tham khảo các mục "Có thai nôn mửa", "Đầu choáng" v.v..

Có thai hoa mắt chóng mặt, tai ù Tâm phiền nóng nảy, đắng miệng tiểu tiện vàng là do Can Thận âm hư, hư dương quá găng ở trên có thể dùng ***Dương thị tử huyền phương*** để dưỡng âm thanh nhiệt, bình Can tiềm dương.

PHỤ PHƯƠNG

Dương thị tử huyền phương

Người cống hiến: Dương Tử Khiêm, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện khu Tuyên Võ thành phố Bắc Kinh

Sinh Thạch quyết minh	Sinh Địa hoàng
Mạch môn đông	Bắc Sa sâm
Thanh long xỉ	Hoàng cầm
Trữ ma căn	Tang diệp
Cúc hoa	Đương quy
Bạch thược	A giao

242. CÓ THAI ĐAU BỤNG

Có thai đau bụng phần nhiều do ác lộ uất kết gây nên, tục gọi là "Nhi chẩm thống". Sau khi đẻ mà bụng đau từng cơn, huyết hôi ra khó khăn, hoặc là bị xảy, sau khi đẻ non huyết ra nhỏ giọt dầm dề, đau bụng kéo dài không dứt có thể dùng ***Hoá ứ chỉ thống thang*** để hoạt huyết hoá ứ, thông lợi huyết mạch, tiêu tích và chống lậu huyết.

PHỤ PHƯƠNG

Hoá ứ chỉ thống thang

Người cống hiến: Lưu Hồng Tường, Y sư chủ nhiệm Y viện Nhi đồng thị trấn Thái An tỉnh Sơn Đông

Đương quy	20 gam	Sơn tra	20 gam
Xuyên khung	10 "	Ngũ linh chi	10 "
Bồ hoàng	10 "		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc 2 nước chia làm 2 lần uống sáng và tối, uống lúc nóng.

Ứng dụng gia giảm: Vì bệnh tật sau khi đẻ phần nhiều có đặc điểm nhiều hư và nhiều ứ khi lâm sàng nên căn cứ vào bệnh tình và bệnh trình dài ngắn có bị bội nhiễm hay không v.v... kết hợp với kiểm tra phụ khoa để tuỳ chứng mà gia giảm. Nếu bệnh

thuộc nhiệt gia Hoàng cầm, Hoàng bá. Nếu bệnh thuộc hàn gia Quế chi, Bào khương. Nếu là Tỳ hư khí yếu gia Hoàng kỳ, Bạch truật. Nếu Phế Thận đều hư thì gia Ngũ linh chi kết hợp với Sinh mạch tán (Nhân sâm, Mạch môn đông, Ngũ vị tử). Nếu hư hàn cũng giảm bỏ Ngũ linh chi, Bồ hoàng gia Đảng sâm, Đào nhân, Bào khương, Trích thảo. Nếu như nhau thai ra chưa hết hoặc là thai chết không ra thì dùng đơn thuốc này phối hợp với Quế chi Phục linh thang (Quế chi, Phục linh, Mẫu đơn bì, Đào nhân, Bạch thược). Bệnh kéo dài lâu khỏi lại có cả hiện tượng bội nhiễm thì gia Kim ngân hoa, Liên kiều, Thổ Phục linh, Quán chúng (sao). Nếu bị hoạt thoát lâu ngày, thì đem Bồ hoàng nửa để sao, nửa để sống, lại gia Ô tặc cốt hoặc Long cốt, Mẫu lệ. Trường hợp thân thể nóng, đau đầu thì gia Cát căn, Tử tô diệp và Kinh giới tuệ.v.v...

243. SAU KHI ĐẺ TIỂU TIỆN KHÔNG THÔNG

Sau khi đẻ tiểu tiện không thông có liên quan nhất định đến khi đẻ có thuận chiều hay không, nên kết hợp với tình huống cụ thể mà thảo luận.

Sau khi mới đẻ tiểu tiện không thông, bụng dưới căng trướng, tinh thần uỷ mị, nói năng bợt bạt, thời gian để kéo dài đó là do khí hư thuỷ khí mất sự vận chuyển, cho uống ***Viên thị hoá ứ khí thang (1)*** để ích khí, ôn dương, hoá khí hành thuỷ. Chứng nói trên nếu kiêm bụng dưới trướng mà đau, máu hôi ra ít và khó khăn, ngực sườn khó chịu là có kiêm ứ trệ, có thể dùng ***Lý thị hoá ứ thông điều thang (2)*** để hoạt huyết hoá ứ, ích khí lợi thuỷ, thông điều thuỷ đạo. Sau khi đẻ, tiểu tiện không thông, kiêm chứng ngực sườn trướng đầy, bụng dưới cấp bách là do khí huyết uất trệ, thăng giáng thất thường, điều trị theo phép hành huyết hoà huyết, thăng thanh giáng trọc, cho uống ***Quách thị quy khung thăng sài thang (3)***.

PHỤ PHƯƠNG

1. Viên thị hoá ứ khí thang

Người cống hiến: Viên Sùng Quang, Y sư chủ nhiệm Y viện Nam Uyển khu Phong Đài thành phố Bắc Kinh

Hoàng kỳ	30 gam	Quế chi	12 gam

Bạch truật	10 gam	Trư linh	10 gam
Phục linh	15 "		

2. Lý thị hoá ứ thông điều thang

Người cống hiến: Lý Gia Trúc, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện khu Xích Khảm thị trấn Trạm Giang tỉnh Quảng Đông

Sài hồ	12 gam	Xích thược	12 gam
Đương quy	10 "	Xuyên khung	10 "
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Chỉ xác	12 "	Ngưu tất	10 "
Bắc kỳ	30 "	Đẳng sâm	30 "
Xa tiền tử	15 "	Trạch tả	15 "
Trư linh	15 "		

3. Quách thị quy khung thăng sài thang

Người cống hiến: Quách Duy Nhất, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện khu Du Lâm tỉnh Thiểm Tây

Đương quy	24 gam	Xuyên khung	15 gam
Thăng ma	10 "	Sài hồ	10 "
Hoàng tửu	60 "		

Cách dùng: Các vị thuốc ngâm vào 400 ml nước sau 20 phút đun nhỏ lửa lọc lấy nước cốt lại thêm vào 300 ml nước đun lần thứ hai, cả hai nước lấy chừng 300 ml nước đặc chia làm 2 lần uống lúc đói, mỗi lần uống thuốc thêm vào 30 ml Hoàng tửu, cho uống lúc nóng.

244. SẢN HẬU TRƯỚNG BỤNG

Mới đẻ hoặc sau khi phẫu thuật xuất hiện trướng bụng gọi là Sản hậu trướng bụng".

Phụ nữ sau khi đẻ, qua phẫu thuật có chứng trướng bụng, máu nôi ít và khó ra, thậm chí đau bụng, có thể dùng ***Ngô thị thuật hậu tiêu trướng thang*** để hoà huyết, tiêu trướng và thông ứ.

Mục này nên tham khảo với chứng "Sản hậu đau bụng".

PHỤ PHƯƠNG

Ngô thị thuật hậu tiêu trướng thang

Người cống hiến: Ngô Hy, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện Phúc Kiến
phụ thuộc Đại học Trung y hàm thụ Quang Minh

Kê huyết đằng	15 gam	Xích thược	10 gam
Đào nhân	10 "	Hậu phác	5 "

245. SẢN HẬU ĐAU KHẮP MÌNH

Sản hậu đau khắp mình là chỉ sau khi đẻ đau nhức toàn thân, chứng này phần nhiều có đặc điểm vừa hư nhiều lại vừa kiêm ứ.

Sau khi mới đẻ, không cẩn thận gió máy, có chứng sợ gió tự ra mồ hôi, đau nhức khắp người và đau lưng, hoặc là thân thể nặng nề, tứ chi tê dại có thể dùng ***Lưu thị hoàng kỳ xích phong thang (1)*** để ích khí khư phong, trừ thấp hoà doanh.

Các chứng nói trên nếu kiêm mỏi lưng hoặc căng trướng vùng lưng, đầu choáng tai ù, đau bụng ưa ấm, huyết hôi ra hòn cục là do khí huyết đều hư, Thận suy kiêm thấp, cho uống ***Đới thị tiêu thống tán (2)*** để ích khí dưỡng huyết, mạnh lưng bổ Thận, ôn kinh thông lạc, khư phong trừ thấp.

Sau khi đẻ đau mỏi khắp mình, lưng căng trướng, đùi mềm yếu, bắp chân ê ẩm, ù tai, đi đứng khó khăn, mặt nhợt kém tươi, kém ăn, mạch Nhược là do Thận hư tinh thiếu, kiêm cả phong thấp huyết uất, điều trị nên bổ Thận hư, trừ phong thấp, hoà doanh thông lạc, cho uống ***Uyển thị hổ cốt hoàng kỳ tán (3)***.

Điều trị chứng này nên tham khảo các mục "Tứ chi đau nhức" và "Đau lưng".

PHỤ PHƯƠNG

1. Lưu thị hoàng kỳ xích phong thang

Người cống hiến: Lưu Mậu Phủ, Giáo sư Đại học Y khoa Tây An

Hoàng kỳ	15 gam	Xích thược	12 gam
Phòng kỷ	15 "	Phòng phong	9 "
Địa long	15 "	Thiên niên kiện	15 "
Uy linh tiên	12 "	Quế chi	9 "
Mộc qua	9 "	Thân cân thảo	15 "
Thấu cốt thảo	15 "	Huyền hồ	12 "

2. Đới thị tiêu thống tán

Người cống hiến: Đới Quế Mãn, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Tiên mao	10 gam	Xuyên Tục đoạn	12 gam
Tiên linh tỳ	10 "	Tang ký sinh	10 "
Cẩu tích	12 "	Hoàng kỳ	12 "
Đương quy	10 "	Hồng hoa	10 "
Đào nhân	10 "	Địa long	10 "
Một dược (chế)	10 "	Huyền hồ	10 "
Tế tân	3 "	Toàn yết	4 "
Tất bát	10 "	Kê huyết đằng	15 "
Mộc qua	10 "	Ngưu tất	10 "
Bạch thược	20 "	Cam thảo	6 "
Uy linh tiên	12 "	Tần giao	10 "

Cách dùng: Các vị tán bột, đựng vào viên nang ngày uống 3 - 4 lần, mỗi lần uống 4 - 6 viên.

3. Uyển thị hổ cốt hoàng kỳ tán.

Người cống hiến: Uyển Âm Phương, Y sư chủ nhiệm Y viện Triết Lý Mộc Minh Nội Mông Cổ

Hổ cốt	15 gam	Hoàng kỳ	400 gam
Mộc qua	15 "	Thiên niên kiện	15 "
Địa phong	15 "	Ngưu tất	15 "
Nhũ hương	15 "	Một dược	15 "
Đỗ trọng	20 "	Lão thư kê cốt	1 bộ

Cách dùng: Các vị trên tán bột, chia làm 60 lần uống, ngày uống 2 lần sáng và tối chiêu với rượu kê (Hoàng tửu).

246. SAU KHI ĐẺ SỮA LOÃNG VÀ ÍT

Chứng này chỉ sau khi đẻ không đủ sữa hoặc hoàn toàn không có sữa. Sau khi đẻ mà ít sữa hoặc sữa không thông, kiêm chứng ngực khó chịu, bầu vú căng trướng hoặc rắn đau cự án, đó là khí huyết úng trệ có thể dùng ***Lưu thị thông nhũ ẩm (1)*** để thông lạc xuống sữa.

Sau khi đẻ, nước sữa loãng ít hoặc trong, bầu vú hơi căng, sắc mặt vàng úa, hồi hộp, đoản hơi, tinh thần mỏi mệt sợ lạnh là do khí huyết bất túc kiêm cả uất trệ, có thể dùng ***Vương thị sinh nhũ thang (2)*** để ích khí dưỡng huyết thông lạc xuống sữa. Nếu kiêm chứng sợ lạnh, chân tay lạnh, tóc rụng, gầy yếu, bế kinh, sữa hoàn toàn không có, đó là Thận khuy dương hư, tinh huyết bất túc, cho uống ***Vương thị tư sinh tán (3)*** để bổ Thận trợ dương, ôn nhuận thêm tinh trừ lao ích tổn.

Sau khi đẻ sữa ra rất ít, kiêm chứng bầu vú trướng đau, lưng đùi tê, ê mỏi, đầu choáng tai ù, mệt mỏi biếng nói, miệng khô Tâm phiền, hồi hộp mất ngủ đó là Can Thận bất túc, khí huyết uất trệ, cho uống ***Vương thị hạ nhũ phương (4)*** để bổ Can Thận, hành khí huyết và thông sữa.

1. Lưu thị thông nhũ ẩm

Người cống hiến: Lưu Đường Nghiêu, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Kiến Xương tỉnh Liêu Ninh

Đan sâm	80 gam	Thông thảo	10 gam
Thiên hoa phấn	20 "	Vương bất lưu hành	15 "
Lậu lô	15 "		

2. Vương thị sinh nhũ thang

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đương quy	15 gam
Xuyên khung	12 "	Cát cánh	9 "
Thiên hoa phấn	15 "	Vương bất lưu hành	30 "
Cam thảo	5 "	Đông trùng hạ thảo	15 "
Thông thảo	3 "		

Cách dùng: Sắc uống ngày 2 - 3 lần, thời gian uống thuốc nên động viên người bệnh ăn cá diếc, móng giò lợn hoặc là các loại canh thịt v.v...

3. Vương thị tư sinh tán

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Nhân sâm	100 gam	Lộc nhung	50 gam
Thục Địa hoàng	100 "	Hoàng tinh	200 "
Sơn du nhục	75 "	Đương quy	100 "

Đạm thái	100 gam	Ba kích thiên	100 gam
Bào ngư	75 "	Phụ tử	50 "
Thỏ ty tử	100 "	Ngũ vị tử	75 "
Tiên linh tỳ	100 "	Thạch xương bồ	100 "
Cam thảo	50 "	Thai bàn (rau thai)	1 bộ

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần uống 5 gam, ngày 3 lần.

Gia giảm: Thời gian uống thuốc nếu thấy phát sốt, miệng khô có thể dùng Mạch môn đông 15 gam, Câu kỷ tử 30 gam hãm nước uống thay nước chè, vẫn tiếp tục uống đơn thuốc trên.

4. Vương thị hạ nhũ phương

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Sa sâm	12 gam	Tế Sinh địa	12 gam
Sinh Tam thất	3 "	Kê nội kim	10 "
Thai bàn phấn	10 "	Xuyên luyện (sao)	10 "
Sinh Bạch thược	10 "	A giao	10 "
Xuyên bối	10 "	Hạ khô thảo	10 "
Thuỷ điệt	6 "	Giá trùng	10 "
Dạ giao đằng	60 "	Vương bất lưu hành	24 "
Sinh Bồ hoàng	10 "	Xuyến thảo	10 "
Tàm dụng	20 "		

247. SẢN HẬU PHÁT NHIỆT (Sốt)

Sau khi mới đẻ xuất hiện toàn thân phát sốt, nếu có kiêm cả các chứng trạng khác thì gọi là "Sản hậu phát nhiệt", có thể tham khảo mục "Phát nhiệt".

Sau khi mới đẻ, do cảm nhiễm phong hàn có chứng phát sốt ố hàn, đau đầu, đau mình, không mồ hôi, rêu lưỡi trắng, mạch Phù, bụng đau hoặc trướng, máu hôi ít và khó ra, sắc đen có hòn cục, điều trị theo phép sơ biểu tán hàn, hành khí hoà huyết, tán ứ giảm đau, cho uống ***Đường thị sản hậu phát nhiệt phương***.

PHỤ PHƯƠNG

Đường thị sản hậu phát nhiệt phương

Người cống hiến: Đường Tống, Phó giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Đương quy	15 gam	Xuyên khung	15 gam
Khương hoạt	15 "	Độc hoạt	15 "
Phòng phong	12 "	Bồ hoàng	9 "
Linh chi	9 "	Đào nhân	15 "
Kinh giới	12 "		

248. BẠCH ĐỚI

Âm đạo của phụ nữ tiết ra chất dịch màu trắng, dính, lượng nhiều thành dây dài như cái đai gọi là Bạch đới.

Bạch đới nhiều, chất dính, không có mùi gì đặc biệt, suốt ngày không dứt, ăn không thấy ngon, mệt mỏi yếu sức, đại tiện lỏng nhão, rêu lưỡi trắng nhớt, đó là Tỳ hư thấp trọc dồn xuống dưới. Nếu kiêm chứng bụng dưới đau ưa ấm, ưa xoa bóp, mạch Trầm Trì là kiêm cả Tỳ dương hư, cho uống ***Trịnh thị đới hạ phương (1)*** để kiện Tỳ ôn dương trừ thấp, chỉ đới. Nếu có chứng lưng đùi yếu mỏi là Tỳ hư thấp thịnh tổn thương Thận, đới mạch không bền, có thể dùng ***Triệu thị cố Xung chỉ đới thang (2)*** để kiện Tỳ lợi thấp, co thắt chỉ đới. Kiêm chứng bụng sườn trướng đầy, đới hạ ra vàng trắng lẫn lộn, bệnh thuộc Can uất Tỳ hư, thấp trọc dồn xuống, nếu thiên về Can uất thì dùng ***Quách thị tân đính cố đới thang (3)*** để ức Can phù Tỳ trừ thấp chỉ đới, nếu thiên về thấp trọc cho uống ***Gia vị hàn đới thang (4)*** để kiện Tỳ trừ thấp thư Can chỉ thấp.

Phụ nữ đới hạ sắc trắng trong loãng, lượng nhiều không có mùi, dằng dai lâu ngày, lưng đùi yếu mỏi, tinh thần mệt mỏi yếu sức, bệnh thuộc Thận hư không bền, Đới mạch mất sự co thắt, thấp trọc dồn xuống, cho uống ***Triệu thị chỉ đới thang (5)*** để bổ ích Can Thận, thu sáp chỉ đới. Nếu kiêm chứng chân tay không ấm sợ lạnh ưa nằm, bụng dưới trướng lạnh, sắc mặt tái xanh là do dương hư hàn ngưng bên trong, có thể uống ***Bàn xoang viêm***

nội phục phương (6) để ấm Thận trợ dương, tiêu kết tán hàn, bên ngoài thì đắp ***Bàn xoang viêm ngoại phụ phương (7)***. Nếu kiêm chứng bụng dưới có hòn khối, có thể dùng ***Chu thị ngoại dụng phương (8)*** để đắp ấm vào vùng kết hòn khối, tăng cường tác dụng ôn dương tán kết.

Con gái bị Bạch đới sắc trắng như hoa tuyết, mỏi lưng trướng bụng, rêu lưỡi trắng nhớt, mạch Quan bộ Hoạt, Xích bộ Nhược là do con gái Thận khí chưa đầy đủ, khí huyết chưa điều hoà, thấp trọc dồn xuống dưới, cho uống ***Hoa thị trị Bạch đới phương (9)*** để bổ Thận trừ thấp, điều hoà khí huyết.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trịnh thị đới hạ phương

Người cống hiến: Trịnh Định Lương, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện huyện Triệu Dương tỉnh Quảng Đông

Khiếm thực	15 gam	Hoài sơn	15 gam
Phục linh	10 "	Xương truật	6 "
Sài hồ	6 "	Trần bì	6 "
Đẳng sâm	12 "	Thỏ ty tử	12 "
Đỗ trọng	12 "		

2. Triệu thị cố Xung chỉ đới thang

Người cống hiến: Triệu Phần, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Lộ Đẳng sâm	15 gam	Sinh Hoàng kỳ	20 gam
Mạch nha	30 "	Cốc nha	30 "
Kê nội kim	10 "	Thổ Phục linh	15 "

Chỉ xác	6 gam	Kim anh tử	7 gam
Khiếm thực	15 "	Liên tu	15 "
Tang phiêu tiêu	10 "	Sinh Cam thảo	4 "
Hương phụ (chế)	4 "		

Gia giảm: Sức yếu, lại có cảm giác trướng trệ gia Thăng ma 6 gam. Nếu đầu choáng tai ù, lưng căng trướng gia Chế Thủ ô 15 gam, Xuyên Tục đoạn 12 gam bỏ Chỉ xác. Nếu kiêm chứng Hoàng đới thì gia Xương truật 6 gam, Hoàng bá 5 gam.

3. Quách thị tân đính cố đới thang

Người cống hiến: Quách Khiêm Hanh, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Sơn dược (sao)	30 gam	Xích thược	12 gam
Khiếm thực	9 "	Bạch truật (thổ sao)	15 "
Đan sâm	18 "	Sài hồ	5 "
Hương phụ	5 "	Kê quan hoa	12 "
Cam thảo	3 "		

4. Gia vị hoàn đới thang

Người cống hiến: Phùng Tế Khanh, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện khu Sùng Văn Bắc Kinh

Bạch truật	15 gam	Bạch thược	10 gam
Giới tuệ thán	5 "	Sơn dược	15 "
Xương truật	7 "	Ô tặc cốt	15 "
Trần bì	10 "	Sài hồ	1,5 "
Cam thảo	7 "	Xa tiền tử	10 "

Gia giảm: Đau bụng dưới gia Sa nhân, Bào khương. Đau lưng gia Đỗ trọng, Xuyên Tục đoạn.

5. Triệu thị chỉ đới thang

Người cống hiến: Triệu Thám, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam

Ô tặc cốt	30 gam	Long cốt (nung)	30 gam
Mẫu lệ (nung)	30 "	Bạch quả (sao)	15 "

Gia giảm: Bệnh Đới hạ thuộc loại hình thấp nhiệt thì gia Hoàng bá (tẩm muối sao) 12 gam, Tri mẫu (tẩm muối sao) 12 gam, Bồ công anh 30 gam, Kim ngân hoa 30 gam. Nếu thuộc loại hình Tỳ hư thì phối hợp với Bổ trung ích khí thang. Thuộc loại hình Thận hư phối hợp với Lục vị địa hoàng thang. Nói chung chỉ 3 - 5 thang là khỏi.

6. Bàn xoang viêm nội phục phương

Người cống hiến: Diêu Ngụ Thần, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Lộc giác phiến	10 gam	Đại Thục địa	30 gam
Bạch giới tử	6 "	Xuyên Quế chi	10 "
Bào khương	10 "	Sinh Hoàng kỳ	30 "
Ma hoàng	5 "	Côn bố	5 "
Hải tảo	15 "	Tạo giác thích	6 "

7. Bàn xoang viêm ngoại phụ phương

Người cống hiến: Diên Ngụ Thần, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Thấu cốt thảo	100 gam	Kinh Tam lăng	12 gam
Bạch chỉ	10 "	Hoa tiêu	10 "
Lộ lộ thông	15 "		

Cách dùng: Các vị tán bột thô đựng vào túi vải đổ nước vào đun 30 phút rồi đắp lên bộ vị mắc bệnh ở bụng dưới, mỗi

lần đắp lâu 20 phút, cứ 15 ngày là một đợt điều trị, có thể dùng liên tục 3 đợt.

8. Chu thị ngoại dụng phương

Người cống hiến: Chu Tiểu Nam, Nhà Trung y nổi tiếng thành phố Thượng Hải

Xuyên tiêu	12 gam	Đại Hồi hương	12 gam
Giáng hương (bột)	12 "	Nhũ hương	9 "
Một dược	9 "		

Cách dùng: Các vị tán bột thô, trộn với 3 thìa bột mì và chút ít rượu nhạt nặn thành bánh đắp vào nơi đau, lại lấy túi nước nóng chườm lên miếng đắp, mỗi ngày thực hiện 2 lần, hiệu quả rất tốt.

9. Hoa thị trị Bạch đới phương

Người cống hiến: Hoa Chiêm Phúc, Phó giáo sư Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Xương truật	6 gam	Bạch truật	6 gam
Hương phụ	6 "	Đại phúc bì	6 "
Đương quy	6 "	Xuyên khung	6 "
Quế chi	4,5 "	Tiểu Hồi hương	6 "
Xuyên Tục đoạn	6 "	Sơn dược	12 "
Cam thảo	6 "	Ngải diệp	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước uống, liên tục 10 - 12 thang sau khi đã sạch Bạch đới, uống thêm Sâm linh bạch truật tán nửa tháng nữa để củng cố hiệu quả.

249. CHỨNG HOÀNG ĐỚI

Âm đạo ở phụ nữ bài tiết ra chất nước vàng dính dầm dề không dứt, đôi khi có mùi tanh hôi gọi là "Hoàng đới".

Đới hạ lượng nhiều sắc vàng xanh như mủ, mùi hôi kiêm chứng tiểu tiện vàng xẻn hoặc đại tiện khô kết là do Thấp nhiệt dồn xuống dưới Bào cung gây nên, có thể dùng ***Gia vị tuyên minh đạo thuỷ thang (1)*** là thuốc đắng lạnh để thanh nhiệt, lợi thấp, chỉ đái. Nếu kiêm chứng nhiệt tích thành độc có thể dùng ***Hồng đằng lục diệu ẩm (2)*** để thanh nhiệt giải độc, táo thấp chỉ đới.

Nếu kiêm chứng bụng dưới trướng đau, Tâm phiền khát nước, đới hạ ra mùi rất hôi, chất lưỡi tía tối, rêu lưỡi vàng nhớt là do thấp nhiệt nung nấu tích độc uất lại ở Bào cung, khí trệ, huyết nghẽn cho uống ***Thanh nhiệt giải độc thang (3)*** để thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết tiêu sưng trừ thấp giảm đau. Nếu chứng bệnh thiên về thấp nhiệt nặng có thể dùng ***Dương thị bàn viêm thang (4)*** để hoạt huyết, tiêu ứ, thanh nhiệt trừ thấp. Kiêm chứng hồi hộp thì dùng ***Gia giảm ngân kiều hoàn (5)*** để thanh nhiệt hoá thấp, ích khí hoạt huyết.

Đới hạ ra vàng trắng lẫn lộn, dằng dai lâu ngày, chất dính, ăn không biết ngon, chân tay tê mỏi, đới hạ có mùi tanh, vùng ngoại âm ngứa ngáy là do Tỳ hư thấp trọc dồn xuống dưới nung nấu thành nhiệt, cho uống ***Linh dược khiếm dĩ thang (6)*** để kiện Tỳ trừ thấp, thanh nhiệt chỉ đới.

Các chứng Đới hạ nói trên đều có thể phối hợp với ***Vương thị bá thảo tiêu chỉ thang (7)*** lấy nước xông rửa âm bộ để thanh nhiệt táo thấp, khu phong chống ngứa.

PHỤ PHƯƠNG

1. Gia vị tuyên minh đạo thủy thang

Người cống hiến: Phùng Tế Khanh, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện khu Sùng Văn Bắc Kinh

Hoàng cầm	10 gam	Hoạt thạch	10 gam
Đại hoàng	10 "	Khiên ngưu	7 "
Ô tặc cốt	7 "		

Gia giảm: Tiểu tiện ít, rít và đau gia Mộc thông, Biển xúc. Sườn đau trướng đầy gia Xích thược thán, Sinh Mẫu lệ. Lưng mỏi đau nặng nề gia Xuyên Ngưu tất.

2. Hồng đằng lục diệu ẩm

Người cống hiến: Trương Quỳnh Lâm, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lục An tỉnh An Huy

Xương truật	15 gam	Hoàng bá	15 gam
Hồng đằng	30 "	Bại tương thảo	30 "
Sinh Ý dĩ	40 "	Cam thảo	8 "

Cách dùng: Hai ngày một thang, uống sau bữa ăn, uống liên tục 2 tuần là một đợt điều trị.

Gia giảm: Thắt lưng và hông đau mỏi gia Xuyên Ngưu tất 12 gam, Phòng kỷ 12 gam. Bụng dưới trướng đau gia Bạch thược 30 gam, Thai Ô dược 10 gam. Bộ phận sinh dục đau rát tiểu tiện khó gia Thổ Phục linh 30 gam, Tỳ giải 15 gam. Sốt nhẹ táo bón

gia Tri mẫu 20 gam, Thanh cao 20 gam. Chứng ứ huyết ở hố chậu gia Phục linh 30 gam, Quế chi 12 gam.

3. Thanh nhiệt giải độc thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Liên kiều	15 gam	Kim ngân hoa	15 gam
Bồ công anh	15 "	Tử hoa địa đinh	15 "
Hoàng cầm	9 "	Cù mạch	12 "
Biển xúc	12 "	Xa tiền tử	9 "
Mẫu đơn bì	9 "	Xích thược	6 "
Địa cốt bì	9 "	Đông qua tử	30 "

4. Dương thị bàn viêm thang.

Người cống hiến: Dương Thư Ngọc, Giáo sư Đại học Y khoa Trung Sơn

Đương quy	12 gam	Thược dược	15 gam
Địa hoàng	15 "	Xuyên khung	6 "
Bại tương thảo	30 "	Lộ lộ thông	15 "
Ty qua lạc	15 "	Xương truật	12 "
Hoàng bá	12 "		

5. Gia giảm ngân kiều hoàn

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Kim ngân hoa	15 gam	Liên kiều	15 gam
Thăng ma	15 "	Hồng đằng	30 "
Sinh Miết giáp	30 "	Sinh Bồ hoàng	12 "
Xuyên luyện tử	12 "	Hổ phách mạt	12 "

Nhân trần	12 gam	Cát cánh	12 gam
Đẳng sâm	15 "	Hoàng kỳ	15 "
Phục linh	15 "	Ích mẫu thảo	15 "
Tang ký sinh	15 "	Thỏ ty tử	15 "

6. Linh dược khiếm dĩ thang

Người cống hiến: Từ Chí Hoa, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh An Huy

Thổ Phục linh	15 gam	Sơn dược	15 gam
Khiếm thực	15 "	Ý dĩ nhân	15 "
Liên tu	10 "	Lữ đậu y	10 "
Vu Bạch bì	10 "		

Cách dùng: Đới hạ vừa vàng vừa trắng có thể dùng phối hợp với Khổ sâm tẩy tễ (Khổ sâm, Bách bộ, Xà sàng tử, Hoa tiêu, Tử cận bì, Địa phu tử, mỗi vị đều 15 gam) sắc lấy nước để vừa xông vừa ngâm rửa.

Gia giảm: Bạch đới gia Đẳng sâm 10 gam, Bạch truật 10 gam, Ngân Hạnh nhân 10 gam, Kê quan hoa 15 gam, Hoàng đới gia Xương truật (sao) 10 gam, Hoàng bá 10 gam, Tỳ giải 10 gam, Mộc thông 5 gam.

7. Vương thị bá thảo tiêu chỉ thang

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Hoàng bá	100 gam	Cam thảo	50 gam
Xuyên tiêu	50 "	Bạch chỉ	50 "

Cách dùng: Mỗi buổi tối sắc lấy nước để ngồi và rửa lâu 10 phút.

250. NGŨ SẮC ĐỚI

Ngũ sắc đới là chỉ âm đạo phụ nữ bài tiết ra chất dịch c nhiều màu sắc, Đới hạ ra trong loãng hoặc như nước gạo, hoặ như mầu huyết, hoặc như chất mủ có mùi hôi khó chịu. So vớ các chứng Đới hạ khác, chứng này rất khó chữa vì đó là hiệ tượng của bệnh biến ác tính phải cẩn thận.

Đới hạ ra năm sắc, chất đới hạ bất nhất, sắc vàng, sắc trắng mủ và máu lẫn lộn, mùi rất hôi, bụng dưới đau, sờ vào có hòn khối, miệng dính nhớt, tiểu tiện vàng, lưỡi nhớt mà vàng, kinh nguyệt không đều, đó là nhiệt độc câu kết với ứ kết gây nên, điều trị theo phép thanh nhiệt giải độc, trừ thấp hoá ứ, thông lạc tán kết, chứng nhẹ thì dùng ***Chu thị thông kinh chỉ đới phương (1)***, chứng nặng thì dùng ***Lâm thị nga thiệt dĩ nhân canh(2)***. Nếu kiêm chứng đầu choáng, yếu sức gầy còm, sốt nhẹ có thể dùng ***Trần thị cung cảnh nham nghiệm phương (3)*** để thanh nhiệt giải độc trừ thấp, đồng thời phối hợp với bổ hư tiêu ứ và nâng cao thể trạng.

Điều trị chứng này nên tham khảo với nội dung biện chứng luận trị chứng "Trong bụng kết khối rắn".

1. Chu thị thông kinh chỉ đới phương

Người cống hiến: Chu Tín Hữu, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Đương quy	9 gam	Xích thược	9 gam
Ích mẫu thảo	20 "	Mẫu đơn bì	15 "
Quế chi	9 "	Hương phụ	9 "
Thung căn bì	15 "	Thổ Phục linh	20 "
Ngải diệp (sao)	9 "	Ý dĩ nhân	20 "

2. Lâm thị nga thiệt dĩ nhân canh

Người cống hiến: Lâm Càn Lương, Giáo sư
Trung y học viện tỉnh Triết Giang

Nga truật (đập vỡ)	30 gam	Bạch hoa xà thiệt thảo	20 gam
Ý dĩ nhân	20 "		

Cách dùng: Hai vị thuốc trên bọc vào túi vải rồi cùng với Ý dĩ đem nấu cho nhừ, bỏ túi thuốc, ăn Ý dĩ nhân và uống hết nước.

3. Trần thị cung cảnh nham nghiệm phương

Người cống hiến: Trần Diên Xương, Y sư chủ nhiệm
Y viện U bướu tỉnh Hồ Bắc

Thổ Phục linh	30 gam	Quán chúng	20 gam
Khổ sâm	20 "	Sinh địa du	20 "
Xuyên Ngưu tất	15 "	Chi tử	10 "
Hoàng bá	10 "	Ý dĩ nhân	20 "

Sinh Hoàng kỳ	20 gam	Nữ trinh tử	20 gam
Câu kỷ tử	15 "	Chỉ xác	10 "
Nga truật	15 "	Bạch mạo căn	20 "
Đương quy	15 "	Bạch hoa xà thiệt thảo	30 "
Côn bố	20 "	Hải tảo	20 "
Bạch Tao hưu	15 "	Sơn từ cô	15 "

251. NGỨA BỘ PHẬN SINH DỤC

Chứng này là chỉ bề ngoài hoặc âm đạo của nữ giới ngứa ngáy. Người mắc bệnh thường kèm theo cả chứng Đới hạ với mức độ khác nhau, vì vậy nên tham khảo các chứng "Hoàng đới", "Bạch đới", "Xích đới".

Ở người cao tuổi, bộ phận sinh dục ngứa ngáy hoặc nóng rát khó chịu, Đới hạ vàng đục hoặc Đới hạ trắng đỏ lẫn lộn có thể cho uống thuốc trong, đồng thời có thể dùng ***Vương thị bá thảo tiêu chỉ thang (1)*** là thuốc toạ dược để ngâm rửa có tác dụng thanh nhiệt khư phong, sát trùng chống ngứa. Nếu kiêm chứng rêu lưỡi vàng nhớt, nặng hơn thì đau ở âm hộ là do thấp nhiệt và trùng độc dồn xuống, có thể dùng ***Lăng thị âm dương phương (2)*** xông và rửa để thanh nhiệt táo thấp, giải độc sát trùng, trừ đau và chống ngứa. Nếu kiêm chứng đoản hơi yếu sức, mệt mỏi kém ăn là do thấp nhiệt dồn xuống, Tỳ hư khí yếu, điều trị nên thanh nhiệt giải độc, táo thấp sát trùng, kiện Tỳ ích khí, bên trong thì cho uống ***Đương quy niêm thống thang gia giảm phương (3),*** bên ngoài thì dùng ***Bạch đầu ông thang gia giảm phương (4)*** để rửa.

Chứng này nếu kiểm tra bằng y học hiện đại có *trùng roi* thì dùng ***Âm đạo viêm phương (5)*** nhét vào âm đạo để sát trùng chống ngứa.

Âm đạo ngứa mà khô rít, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi vàng nhớ tiểu tiện vàng xẻn là thuộc huyết hư sinh phong kiêm cả thấ nhiệt dồn xuống dưới, nên khu phong dưỡng huyết, lợi thấ thông nhiệt, cho uống ***Gia giảm toàn trùng phương (6)***. Ngứ âm hộ kiêm chứng âm hộ nóng rát, khô rít đồng thời sốt nh miệng khô, da dẻ khô ráo ngứa ngáy, hồi hộp đoản hơi là do ân huyết bất túc, phong thấp ở trong kiêm khí hư huyết nhiệt, điề trị nên dưỡng huyết tư âm, khu phong, kèm theo thuốc ích kh lương huyết và trừ thấp, cho uống ***Chỉ dương hợp tễ phương (7)***.

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị bá thảo tiêu chỉ thang

Người cống hiến: Vương Diệu Đình, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Trường Xuân

Hoàng bá	100 gam	Cam thảo	50 gam
Xuyên tiêu	50 "	Bạch chỉ	50 "

Cách dùng: Mỗi buổi tối sắc lấy nước ngồi mà ngâm và rửa chừng 10 phút, nói chung có thể trong 1 tuần thì khỏi.

2. Lăng thị âm dương phương

Người cống hiến: Lăng Thỏa Bách, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Bồng Khê tỉnh Tứ Xuyên

Hoàng liên	6 gam	Đại hoàng	20 gam
Khổ sâm	20 "	Bạch chỉ	20 "
Thanh cao	20 "	Ngải diệp	20 "
Đại an thụ diệp	30 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên cùng với 1500 ml nước sạch bỏ vào nồi đậy vung, sau khi đun sôi 15 phút, lọc lấy nước thuốc đổ vào lọ rồi chiếu miệng lọ xông vào nơi bị bệnh 15 phút, sau đó lại lấy nước thuốc khi còn ấm để mà rửa nơi bệnh, dùng khăn sạch để thấm khô, mỗi ngày thực hiện 2 lần sáng và tối.

3. Đương quy niêm thống thang gia giảm phương

Người cống hiến: Lăng Thoả Bách, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Bồng Khê tỉnh Tứ Xuyên

Khương hoạt	Phòng phong
Thăng ma	Cát căn
Đẳng sâm	Khổ sâm
Xương truật	Bạch truật
Trư linh	Trạch tả
Hoàng cầm	Tri mẫu
Đương quy	Nhân trần
Cam thảo	Hoàng bá
Xuyên tâm liên	Thuỷ cần thái
Tiên nhân chưởng	

4. Bạch đầu ông thang gia giảm phương

Người cống hiến: Mai Quốc Cường, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Bạch đầu ông	30 gam	Hoàng bá	15 gam
Tần bì	15 "	Khổ sâm	15 "
Bạch phàn	15 "		

Cách dùng: Thêm lượng nước vừa phải nấu sôi 20 phút, bỏ bã đổ nước thuốc vào chậu ngay lúc nóng thì xông, sau đó ngồi rửa 30 phút mỗi ngày 2 lần, nói chung chỉ 2 đến 3 ngày thì đỡ nhiều, 5 đến 7 ngày thì khỏi hẳn.

5. Âm đạo viêm phương

Người cống hiến: Đoàn Hồng Quang Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện số I thành phố Đại Lý tỉnh Vân Nam

Hùng hoàng	1 gam	Sinh Yên diệp (lá thuốc lào)	2 gam
Minh phàn	(chút ít)	Gan lợn tươi	100 "

Cách dùng: Trước tiên đem Hùng hoàng và 2 vị thuốc tán bột. Gan lợn thái thành hình tam giác lấy kim chọc thủng một số lỗ rồi rắc thuốc bột vào.

6. Gia giảm toàn trùng phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Toàn yết	6 gam	Tạo thích	6 gam
Thích Tật lê	15 "	Khổ sâm	10 "
Bạch Tiển bì	15 "	Trạch tả	10 "
Đương quy	10 "	Thủ ô đằng	30 "
Sinh Đại hoàng	15 "	Sinh Hoè mễ	15 "

7. Chỉ dương hợp tễ phương

Người cống hiến: Triệu Bính Nham, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Sinh Địa hoàng	10 gam	Thục Địa hoàng	10 gam
Thiên môn đông	10 "	Mạch môn đông	10 "

Đương quy	10 gam	Xích thược	10 gam
Bạch thược	10 "	Kê huyết đằng	15 "
Thủ ô đằng	15 "	Hoàng kỳ	12 "
Phòng phong	10 "	Thích Tật lê	15 "
Khổ sâm	10 "		

252. BAN TRẮNG Ở BỘ PHẬN SINH DỤC NỮ

Chứng này chỉ bộ phận sinh dục phụ nữ có bệnh biến nhăn nheo và có sắc trắng. Bộ phận sinh dục nữ có ban trắng đau nhói, ngứa lạ lùng nhất là về ban đêm, lớp da ở phía ngoài bộ phận sinh dục khô ráo dầy thêm và biến sắc trắng mất đi tính đàn hồi. Nếu kiêm chứng đầu choáng mắt hoa, kinh nguyệt lượng ít hoặc ra cục ứ huyết, chất lưỡi tối mạch Huyền Tế, bệnh thuộc huyết phận vừa hư lại vừa ứ điều trị theo phép hoạt huyết tiêu ứ dưỡng huyết khư phong chống ngứa khử ban trắng, dùng ***Trần thị nữ âm bạch sắc bệnh biến phương.***

PHỤ PHƯƠNG

Trần thị nữ âm bạch sắc bệnh biến phương

Người cống hiến: Trần Ngọc Kỳ, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Liêu Ninh

Tam lăng	30 - 40 gam	Nga truật	30 - 40 gam
Bổ cốt chi	30 - 40 "	Khổ sâm	30 "
Xà sàng tử	30 "	Hà thủ ô	40 "
Bạch Tiển bì	30 "	Hồng hoa	30 "
Đại hoàng	30 "	Bạch chỉ	15 "
Ích mẫu thảo	30 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước, trước xông sau rửa bên ngoài cục bộ âm hộ, mỗi ngày làm 2 lần, mỗi lần lâu 30 phút. Nếu bệnh trình kéo dài cần kiên trì điều trị mới hiệu quả.

253. SA TỬ CUNG

Chứng này chỉ phụ nữ bị sa Tử cung, thậm chí bị lòi ra cả ngoài âm đạo. Vách âm đạo bị sa ra ngoài âm đạo cũng thuộc phạm vi chứng này.

Sa Tử cung nếu kiêm cả chứng huyết băng lượng nhiều, sắc đỏ, mỏi mệt đoản hơi, lưỡi nhạt, mạch Nhược có thể dùng ***Vương thị điều kinh hợp tễ số II (1)*** để bổ trung ích khí, thăng dương cử hãm chỉ huyết và sáp huyết. Nếu kiêm chứng hồi hộp, choáng đầu, môi lưỡi kém tươi là do khí huyết bất túc có thể dùng ***Tống thị thăng đề âm thoát thang (2)*** để ích khí thăng đề, cố sáp thu liễm kiêm cả dưỡng huyết. Nếu kiêm chứng bụng trướng trệ khá nặng thì dùng ***Hoa thị trị tử cung thoát thuỳ chứng phương (3)*** để ích khí thăng đề kiêm điều khí hoà huyết. Kiêm chứng mỏi lưng sợ lạnh, tiểu tiện trong dài, mặt nhợt không tươi là do Tỳ Thận dương hư, thanh khí hạ hãm dùng ***Dương thị thăng hãm an cung thang (4)*** để ôn dương ích khí, thăng dương, cử hãm bổ cả Tỳ Thận.

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị điều kinh hợp tễ số II

Người cống hiến: Vương Vị Xuyên, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Đảng sâm	60 gam	Tiêu Bạch truật	9 gam
Sao Thăng ma	24 "	Tiên hạc thảo	60 "

Sinh Hoàng kỳ	60 gam	A giao châu	9 gam
Dạ giao đằng	60 "	Tang ký sinh	15 "
Thỏ ty tử	15 "	Huyết dư thán	9 "
Phục linh	9 "		

2. Tống thị thăng đề ẩm thoát thang

Người cống hiến: Tống Thế Oanh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Hoàng kỳ	30 gam	Đẳng sâm	12 gam
Kim anh tử	20 "	Ngũ vị tử	10 "
Mẫu lệ nung	20 "	Thăng ma	12 "
Đương quy	12 "	Bạch thược sao	15 "
Trích Cam thảo	15 "		

3. Hoa thị trị tử cung thoát thuỳ chứng phương

Người cống hiến: Hoa Chiêm Phúc, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Cam Túc

Sinh Hoàng kỳ	30 gam	Đẳng sâm	15 gam
Thăng ma	4,5 "	Bạch truật	12 "
Thạch lựu bì	4,5 "	Chỉ xác	12 "
Địa cốt bì	4,5 "	Ích mẫu thảo	24 "

Cách dùng: Sắc uống liên tục 10 thang, ngừng 1 ngày lại uống tiếp cứ như vậy uống đủ 60 thang.

4. Dương thị thăng hãm an cung thang

Người cống hiến: Dương Thiện Luyện, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện huyện Túc tỉnh An Huy

Hoàng kỳ	30 gam	Thăng ma	9 gam
Chỉ xác	15 "	Lộc giác sương	15 "

Bạch truật	12 gam	Đỗ trọng	12 gam
Khương hoạt	6 "	Chế Phụ phiến	6 "
Cam thảo	6 "		

254. KHÔNG THỤ THAI

Phụ nữ ở lứa tuổi sinh đẻ mà sau khi kết hôn 3 năm, phía nam giới vô bệnh mà vẫn không thụ thai gọi là chứng "Không thụ thai". Sau khi kết hôn không thụ thai bụng dưới có hòn cục, lạnh và đau, gặp nóng thì dễ chịu, hành kinh chậm, sắc tối, có hòn cục, mặt sạn sĩnh, chất lưỡi tối có điểm ứ huyết là do hàn thấp ứ huyết nghẽn trệ Bào cung, điều trị theo phép sơ tán hàn thấp làm ấm Bào cung, hành khí hoạt huyết, hoá ứ giảm đau dùng ***Noãn cung định thống thang (1).***

Phụ nữ kết hôn đã lâu mà không thụ thai, lưng đùi tê mỏi, kinh nguyệt lượng ít, chất loãng sắc nhạt, sắc mặt úa vàng, đầu choáng mắt hoa phần nhiều là do khí huyết bất túc Thận tinh khuy tổn, điều trị nên dưỡng huyết ích khí, tăng tinh bổ Thận có thể dùng ***Ngô thị dục cung ẩm (2).*** Kiêm chứng khi hành kinh thì vú căng trướng, bụng cũng trướng hoặc là kinh ra sớm, muộn không nhất định, hoặc đắng miệng, nóng nảy v.v.., đó là Thận khuy, huyết hư kiêm cả Can uất khí trệ, điều trị nên bổ Thận điều Can dưỡng huyết. Nếu thiên về Thận hư có thể ***dùng Trương thị điều kinh chủng ngọc thang (3)*** để ích Thận dưỡng huyết, lý khí điều kinh. Nếu thiên về huyết hư Can uất có thể dùng ***Vương thị Can uất Thận hư phương (4)*** để dưỡng huyết sơ Can, bổ Thận điều kinh.

Nếu kiêm chứng hành kinh đau vùng lưng bụng, lượng kinh ít, có hòn cục, chất lưỡi tía tối là do Thận hư huyết ứ, cho uống ***Chúc thị bất dựng phương (5)*** để hành khí hoạt huyết, bổ ích Thận khí. Kiêm chứng kém ăn tinh thần mỏi mệt, hồi hộp mặt nhợt, mạch Trầm Huyền thì dùng ***Điều kinh chủng ngọc thang (6)*** để dưỡng huyết hoạt huyết, điều kinh ích tinh, đồng thời kiện Tỳ ích khí.

Phụ nữ sau khi kết hôn lâu ngày không thụ thai, thể trạng mập, mặt nhợt, thông thường là hành kinh lượng ít, sắc huyết tối nhạt, hành kinh muộn hoặc bế kinh, bụng dưới ưa nóng sợ lạnh, mỏi mệt đau lưng, sinh hoạt vợ chồng thờ ơ, đó là Thận dương hư suy cho uống ***La thị bất bài noãn kinh nghiệm phương (7)*** để bổ Thận mạnh dương. Nếu kiêm chứng tinh thần mỏi mệt, đại tiện nhão hoặc là bụng dưới có hòn cục, chất lưỡi tía tối, kinh ra cũng có hòn cục là do Tỳ Thận dương hư, ứ và trọc cấu kết, cho uống ***Trợ dương ức kháng thang (8)*** để bổ Thận kiện Tỳ ôn dương hoá ứ. Nếu có chứng đầu choáng tai ù, lượng kinh rất ít hoặc bế kinh, bệnh thuộc dương hư tinh khuy. Nếu thiên về dương hư thì uống ***Lưu thị bất dựng chứng hiệu phương (9)*** để ôn bổ Tỳ Thận tán hàn điều kinh, trợ dương thúc đẩy thụ thai. Nếu thiên về tinh khuy thì dùng ***Vương thị xúc dựng hoàn (10)*** để bổ Thận dưỡng bào, điều hoà Xung Nhâm, ôn kinh tán hàn.

Không thụ thai, hành kinh trước sau không nhất định, sắc kinh đen có hòn cục, kinh hành bụng trướng, mỏi lưng, vú căng trướng và sườn đầy, chất lưỡi tía tối, bệnh thuộc Can uất huyết trệ có thể dùng ***Ngô thị sơ Can thông lạc trợ dựng thang (11)*** để thư Can giải uất, thông lạc thúc đẩy cho thụ thai. Kiêm chứng Tâm phiền khát nước,

sắc kinh đỏ tươi, đới hạ dính sắc vàng, mùi hôi, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch Huyền, hoặc Huyền Sác là do Can uất huyết nhiệt, có thể dùng ***Vương thị Can uất huyết nhiệt phương (12)*** để thanh nhiệt trừ ứ, điều kinh hoà huyết.

Không thụ thai lại kiêm chứng váng đầu ù tai, hồi hộp mất ngủ, lưng đùi tê mỏi, phiền táo nội nhiệt, miệng khô, hành kinh sớm hoặc bình thường, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng nhớt, mạch Tế, Huyền, Sác bệnh thuộc âm hư hoả vượng, Tâm Can mất điều hoà, điều trị theo phép tư âm giáng hoả, điều kinh yên thần, cho uống ***Tư âm ức kháng thang (13).***

Lâu ngày không thụ thai, thể trạng béo mập, kinh nguyệt đúng kỳ, trong miệng luôn luôn ứa ra đờm dãi hoặc có lúc mửa ra hoặc nhổ ra đờm dãi không kiềm chế được, đó là do khí uất đờm ngăn trở, điều trị theo phép hoá đàm, có thể dùng ***Chu thị sơn giáp bối kim tán (14)*** để hoá đàm, tiêu ứ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Noãn cung định thống thang

Người cống hiến: Lưu Phụng Ngũ, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện Bắc Kinh

Quất hạch	9 gam	Lệ chi hạch	9 gam
Tiểu Hồi hương	9 "	Hồ lô ba	9 "
Huyền hồ	9 "	Ngũ linh chi	9 "
Xuyên luyện tử	9 "	Hương phụ (chế)	9 "
Ô dược	9 "		

2. Ngô thị dục cung ẩm

Người cống hiến: Ngô Hy, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện Phúc Kiến
phụ thuộc Trung y đại học hàm thụ Quang Minh

Nhung mao (lấy từ thủ thuật nạo thai sấy khô để dùng) 30 gam

Hoàng tinh	15 gam	Nhục thung dung	15 gam
Sơn thù du	15 "	Ba kích thiên	15 "
Dâm dương hoắc	15 "		

Cách dùng: Phương này dùng sau khi sạch kinh 3 ngày mới được uống, trường hợp dạ con nếu không bé quá thì đừng uống phương này. Kiêng ăn sống lạnh, kiêng giặt giũ tắm rửa nước lạnh.

3. Trương thị điều kinh chủng ngọc thang

Người cống hiến: Trương Kiệt Anh, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Thái Châu tỉnh Giang Tô

Thỏ ty tử	10 gam	Phúc bồn tử	10 gam
Tử Hà xa	10 "	Tiên mao	10 "
Tiên linh tỳ	15 "	Hoài Ngưu tất	10 "
Toàn Đương quy	10 "	Xích thược	10 "
Bạch thược	10 "	Hương phụ chế	10 "
Ích mẫu thảo (hạt)	10 "		

4. Vương thị Can uất Thận hư phương

Người cống hiến: Vương Dụ Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Thái An tỉnh Sơn Đông

Sài hồ	Đảng sâm
Pháp Bán hạ	Thục Địa hoàng

Xuyên khung	Bạch thược
Đương quy	Sơn thù du
Trạch tả	Xuyên Ngưu tất
Trích Cam thảo	Đại táo
Hoàng cầm	Sinh khương

5. Chúc thị bất dựng phương

Người cống hiến: Chúc Trạm Du, Nghiên cứu viên
Y viện Hiệp Hoà, Bắc Kinh trực thuộc Đại học y khoa Trung Quốc

Ích mẫu thảo	20 gam	Đương quy	10 gam
Quảng Mộc hương	10 "	Bạch thược	10 "
Khương hoạt	10 "	Ngũ vị tử	10 "
Thỏ ty tử	10 "	Xa tiền tử	10 "
Câu kỷ tử	10 "	Phúc bồn tử	10 "

Cách dùng: Sau khi sạch kinh, cách 1 ngày sắc uống 1 thang (nếu gia Thai bàn phiến hoặc bột càng tốt).

Gia giảm: Người lâu năm không thụ thai thì gia Tử hà xa, Lộc giác sương, Nữ trinh tử, Sa uyển tử, Sinh Địa hoàng, Thục Địa hoàng cùng tán bột luyện mật làm viên, mỗi lần uống 10 gam, ngày 2 lần sáng và tối. Nếu kinh nguyệt quá ít hoặc bị rối loạn màu kinh đen thì lấy Ích mẫu thảo cao 50 gam thay cho Ích mẫu thảo. Nếu ống dẫn trứng không thông gia Xuyên sơn giáp, Vương bất lưu hành, Thạch xương bồ. Nếu do cấu tạo tử cung không hoàn chỉnh gia Chế Thủ ô, Tiên mao, Tiên linh tỳ, Hoàng tinh, Nhục thung dung.

6. Điều kinh chủng ngọc thang

Người cống hiến: Trương Chung Tuyển, Y sư chủ nhiệm Trung y viện tỉnh Cam Túc

Đẳng sâm	12 gam	Xuyên khung	12 gam
Bạch thược	15 "	Đương quy	15 "
Ô dược	12 "	Chỉ xác	12 "
Thục địa	15 "	Mộc hương	9 "
Phục linh	15 "	Bạch truật	15 "
Trần bì	12 "	Xa tiền tử	12 "
Cam thảo	8 "	Hương phụ	15 "

Cách dùng: Khi thấy kinh nguyệt cứ mỗi ngày uống 1 thang, liên tục uống 4 thang. Từ các ngày hành kinh ấy tính đến nửa tháng lại uống liên tục 4 thang nữa. Sắc bằng ấm đất đổ nước vào vừa đủ, sau khi sôi lại đun tiếp 1 giờ nữa. Sắc được nước đầu đừng uống, sắc tiếp nước thứ 2, trộn cả 2 nước vào nhau chia làm 3 lần uống sáng, trưa, tối mỗi lần 1 chén nhỡ. Mỗi tháng uống 2 đợt tức là 8 thang, cứ mỗi tháng uống thuốc và tiếp tục quan sát chỉ cần không có bệnh biến gì về thực thể mà uống liên tục thuốc này, nói chung hiệu quả rất tốt.

Gia giảm: Nếu huyết hư có nhiệt, kinh nguyệt thấy sớm từ 5 ngày trở lên gia Hoàng cầm 12 gam, Hoàng bá 12 gam. Nếu kinh nguyệt quá kỳ hoặc sắc huyết nhợt có hàn tính gia Ngô thù du 12 gam, Quan quế 10 gam. Nếu đau bụng gia Huyền hồ 15 gam. Nếu thể trạng béo mập gia Bán hạ 12 gam, Sơn tra 15 gam. Nếu Bạch đới nhiều gia Khiếm thực 15 gam, Xương truật 15 gam.

7. La thị bất bài noãn kinh nghiệm phương

Người cống hiến: La Nguyên Khải, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Thỏ ty tử	20 gam	Đẳng sâm	20 gam
Thục Địa hoàng	20 "	Ba kích thiên	15 "
Câu kỷ tử	15 "	Tiên linh tỳ	10 "
Đương quy	12 "	Trích Cam thảo	6 "
Phụ tử	6 "		

Cách dùng: Sau khi sạch kinh, uống liên tục 10 thang có thể thúc đẩy trứng rụng khá tốt.

8. Trợ dương ức kháng thang

Người cống hiến: Hạ Quế Thành, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Hoàng kỳ	15 gam	Đảng sâm	10 gam
Lộc giác phiến	10 "	Đan sâm	10 "
Xích thược	10 "	Phục linh	10 "
Xuyên Tục đoạn	10 "	Sơn tra	10 "

Cách dùng: Nói chung uống thuốc từ khi bắt đầu rụng trứng, mỗi ngày 1 thang sắc 2 nước chia 2 lần uống. Uống tới khi thấy hành kinh thì ngừng uống thuốc đồng thời chọn dùng biện pháp tránh thai.

Gia giảm: Kiêm chứng thấp nhiệt bụng dưới đau, đới hạ ra vàng trắng khá nhiều gia Bại tương thảo 15 gam, Ý dĩ nhân 15 gam, Ngũ linh chi 10 gam. Kiêm chứng Tỳ Vị hư yếu, bụng bĩ trướng, đại tiện lỏng nhão gia Bạch truật sao 10 gam, Sa nhân 5 gam, Bào khương 5 gam.

9. Lưu thị bất dựng chứng hiệu phương

Người cống hiến: Lưu Thuỵ Đường, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện Hà Tây thành phố Thiên Tân

Ích mẫu thảo	150 gam	Đương quy	120 gam
Xuyên khung	15 "	Bạch thược	60 "
Thục địa	60 "	Sa nhân	10 "
Bạch truật	60 "	Phục linh	30 "
Biển đậu	60 "	Sơn dược	60 "
Ngô thù	60 "	Nhục quế	60 "
Phụ tử	60 "	Đan sâm	60 "
Huyền hồ	30 "	Mộc hương	15 "
Hậu phác	10 "	Sài hồ	10 "
Trích thảo	10 "	Ngưu tất	10 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột, luyện với mật làm viên, mỗi viên nặng 10 gam, ngày 2 lần mỗi lần uống 1 viên vào lúc đói chiêu với nước chín hoặc rượu nhạt. Khi uống đơn này, nên hạn chế phòng sự, ăn đồ ấm, kiêng ăn đồ sống lạnh.

10. Vương thị xúc dựng hoàn

Người cống hiến: Vương Kỳ Phi, Y sư phó chủ nhiệm Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Bắc

Lộc thai	60 gam	Tử Hà xa	60 gam
Thục Địa hoàng	60 "	Câu kỷ	60 "
Ma tước noãn	60 "	La bặc	60 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 9 gam, sau khi sạch kinh mỗi tối uống 2 viên, mỗi ngày dùng 1 lần, liên tục 5 ngày, nói chung là cần uống trong 3 tháng.

11. Ngô thị sơ Can thông lạc trợ dựng thang

Người cống hiến: Ngô Hy, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y học viện Phúc Kiến,
trực thuộc Trung y Đại học hàm thụ Quang Minh

Sài hồ	10 gam	Thanh bì	10 gam
Uất kim	10 "	Bào Sơn giáp	20 "
Hương phụ	15 "	Xuyên luyện tử	15 "
Lộ lộ thông	20 "	Vương bất lưu hành	15 "
Chỉ xác	6 "	Sinh Bồ hoàng	15 "

Cách dùng: Sau khi sạch kinh 3 ngày mới bắt đầu uống thuốc, mỗi ngày 1 thang sắc lấy nước chia 2 lần sáng và tối uống liên tục 6 thang thì ngừng thuốc, 3 tháng sau có thể thụ thai.

12. Vương thị Can uất huyết nhiệt phương

Người cống hiến: Vương Dụ Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Thái An tỉnh Sơn Đông

Đào nhân	Hồng hoa
Xuyên khung	Bạch thược
Sinh Địa hoàng	Đương quy
Sài hồ	Hoàng cầm
Mẫu đơn bì	Mộc hương
Kim ngân hoa	Thổ Phục linh
Hương phụ	Cam thảo

13. Tư âm ức kháng thang

Người cống hiến: Hạ Quế Thành, Phó giáo sư
Trung y học viện Nam Kinh

Sao Đương quy	10 gam	Xích thược	10 gam
Bạch thược	10 "	Hoài sơn dược	10 "

Sơn thù nhục	9 gam	Cam thảo	6 gam
Mẫu đơn bì	10 "	Câu đằng	15 "
Địa hoàng	10 "		

Cách dùng: Sau khi sạch kinh mới bắt đầu uống thuốc, mỗi ngày 1 thang, sắc lấy nước chia 2 lần uống. Sau khi trứng rụng thì đơn thuốc này gia thêm Tục đoạn 10 gam, Thỏ ty tử 10 gam, Lộc giác phiến 10 gam uống tiếp 7 thang nữa. Thời gian dùng thuốc cần sử dụng dụng cụ tránh thai, hoặc là hạn chế rượu, thuốc lá, đề phòng cảm mạo v.v..

Gia giảm: Nếu kiêm thấp nhiệt có chứng đau bụng, đới hạ lượng nhiều, sắc vàng lẫn trắng gia Bại tương thảo 15 gam, Ý dĩ nhân 15 gam, Bích ngọc tán 10 gam. Nếu kiêm Tỳ Vị hư yếu có chứng đại tiện nhão, bụng trướng và trung tiện bỏ Đương quy, Địa hoàng gia Bạch truật sao 10 gam, Sa nhân 3 gam. Kiêm chứng Tâm Can uất hoả, bầu vú trướng đau ưu uất, ngực khó chịu gia Sài hồ sao 5 gam, Hắc sơn chi 9 gam, Hợp hoan bì 9 gam, Lục ngạc mai 3 gam.

14. Chu thị sơn giáp bối kim tán

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Triết Bối mẫu	Kê nội kim
Sinh Sơn giáp	

Cách dùng: Các vị tán bột để nuốt, đồng thời với khi uống thuốc có thể dùng chút ít thuốc có tính chất thơm tho hành khí hoá đàm bôi vào bụng dưới để phối hợp điều trị càng tốt.

PHẦN XIX

CHỨNG TRẠNG CỦA TRẺ EM

Mục này giới thiệu các chứng trạng thường gặp ở trẻ em như: Trẻ em khái thấu, Trẻ em tiết tả, Chứng sởi, Thuỷ đậu và Trẻ em khóc đêm v.v.. Có một số chứng trạng có thể tham khảo cách điều trị của người lớn như chứng "Cam tích" có thể tham khảo ở chứng "Gầy còm".

255. MA CHẨN (Mọc sởi)

Ma chẩn gặp khá nhiều ở trẻ em, đôi khi người lớn cũng phát bệnh. Bệnh hay phát ở hai mùa Đông, Xuân, khi phát bệnh có quy luật nhất định. Nói chung chia làm 3 thời kỳ: Phát sốt - Mọc sởi - Sởi lặn.

Thời kỳ phát sốt có thể thấy chứng trạng phát sốt, sợ lạnh, tắc mũi, chảy nước mũi, khái thấu, hắt hơi, mắt đỏ và rưng rưng nước mắt, trong miệng và 2 bên má có điểm trắng, mạch Phù v. v.. Nói chung có thể chọn dùng các phương ***Giải biểu thang (1), Lương thấu nghiệm phương (2)*** để dùng thuốc cay mát thấu chẩn, tán phong, thanh nhiệt. Nếu kiêm chứng đau họng Tâm phiền, tiểu tiện vàng thì dùng ***Kinh bàng thấu chẩn thang (3)*** để thấu chẩn một cách nhẹ nhàng và giải độc sơ biểu. Nếu kiêm chứng phát sốt phiền táo và khái thấu cho uống ***Thấu chẩn tứ tử thang (4)*** để thấu chẩn giải độc và thanh nhiệt. Kiêm chứng họng đau khái thấu, nốt sởi mầu tối, cho uống ***Giải độc thấu chẩn thang (5)*** để tuyên Phế thấu chẩn, giải độc thanh nhiệt kiêm cả lương huyết, hoạt huyết và dưỡng âm.

Ở thời kỳ này nếu nốt sởi đang mọc mà lại gặp phong hàn hoặc do khí hậu rét lạnh, hoặc do thể chất bệnh nhân hư yếu, đến nỗi ma chẩn không mọc hoặc mọc mà không thấu có thể dùng ***Tôn thị dược dịch nhiệt phu phương (6)*** để xoa ấm mặt và trán, tay và da ở những nơi bộc lộ. Thời kỳ này nếu thấy phát sốt

suyễn thở khái thấu, hắt hơi, nặng hơn thì cánh mũi phập phồng, thích ngủ, tinh thần không mạnh có thể dùng ***Triệu thị ma chẩn biến chứng phương số I (7)*** dùng những thuốc có vị cay mát để thấu biểu, những thuốc có vị ngọt mà lạnh để thanh lý làm sạch Phế và giáng nghịch.

Sau 3 ngày có dấu hiệu bệnh sởi thì bước đầu là thấy sởi mọc, nốt sởi xuất hiện từ phía sau tai, chân tóc và vùng cổ, dần dà đến khắp mặt, ngực bụng và chân tay, kể cả ở lòng bàn chân bàn tay, đồng thời sốt cao, khát nước, phiền táo thích ngủ, mắt đỏ có nhiều ghèn v.v.. đó là sởi độc nung nấu ở trong có thể dùng ***Gia giảm Ngân kiều tán (8)*** để thanh nhiệt giải độc và thấu chẩn. Nếu kiêm chứng sốt cao, khát nước khái thấu thì dùng ***Tôn thị thanh nhiệt giải độc nghiệm phương (9)*** để thanh nhiệt giải độc làm sạch Phế và trừ ho. Kiêm chứng sốt cao phiền khát, khí bế, suyễn khái thì dùng ***Trình thị ma chẩn biến chứng phương số I (10)*** lấy vị ngọt lạnh để thanh tiết Phế nhiệt, kiêm chứng suyễn thở gấp gáp, sốt cao đau họng khát nước, có tiếng đờm sùng sục, cánh mũi máy động, hôn mê thích ngủ cho uống ***Triệu thị ma chẩn biến chứng phương số II (11)*** dùng thuốc có vị cay mát làm sạch Phế, thấu chẩn dẹp phong, giải độc thanh nhiệt. Nếu thấy sắc nốt sởi đen tía, khát nước Tâm phiền, chân răng loét nát thì uống ***Trình thị ma chẩn biến chứng phương số IV (12)*** để thanh doanh lương huyết, giải độc hoạt huyết. Nếu thấy nốt sởi trắng nom không rõ rệt đó là khí âm bất túc thì dùng ***Trình thị ma chẩn biến chứng phương số III (13)*** để tư âm hoà huyết giải độc.

Sởi độc quá thịnh biểu hiện sốt cao không dứt, sởi mọc quá thời gian mà không thu, nốt sởi đỏ tía thậm chí thành từng mảng, sắc mặt vàng đỏ, thở suyễn, cánh mũi máy động, phiền táo không yên hoặc là nói sảng, chất lưỡi đỏ tía, rêu lưỡi vàng dầy nhớt, mạch Trầm Sác thì dùng ***Kỳ thị thanh nhiệt giải độc phương (14)*** để thanh nhiệt giải độc kèm theo tác dụng tuyên Phế.

Thời kỳ Sởi lặn có triệu chứng nốt sởi lui lờ mờ, hơi nhiệt khát nước, họng khô, ho nhẹ lúc này chủ yếu nên dưỡng âm sinh tân, thanh giải độc tà còn sót lại, có thể dùng ***Dưỡng âm giải độc thang (15)***. Nếu khái thấu khá nặng thì dùng ***Dưỡng âm thanh phế kinh nghiệm phương (16)*** hoặc ***Gia giảm sa sâm mạch đông thang (17)*** để dưỡng âm thanh Phế hoá đàm chỉ khái. Ở giai đoạn này nếu dư độc trì trệ ở Phế có chứng sốt cao suyễn thở hổn hển, đờm úng tắc, thích ngủ cho uống ***Triệu thị ma chẩn hậu kỳ biến chứng phương (18)*** để làm sạch Phế và sinh tân, phương hương trừ trọc khí, giải độc thanh nhiệt. Nếu dư độc làm hại phần âm, chủ yếu là Phế thì có biểu hiện sắc mặt vàng bệch không tươi, nóng từng cơn, phiền táo không yên, họng khô, chứng nặng thì ngủ mê man, nói sảng, táo bón, lưỡi đỏ ít rêu, thiếu tân dịch v.v., cho uống ***Kỳ thị dưỡng âm thanh Phế thang (19)*** để dưỡng âm thanh Phế.

Trong thời kỳ Sởi mọc và Sởi bay có khi do phú bẩm trẻ em hư yếu, chính khí bất túc, hoặc là sau khi mọc sởi, khí huyết đều hao tổn, hoặc là điều trị lỡ cơ hội, chăm sóc không thích nghi, bệnh trình dằng dai lại thêm cả chứng Phế viêm khái thấu, hình thành chứng Thoát, triệu chứng biểu hiện là: sắc mặt trắng, bệnh

thể ôn lúc cao lúc thấp, đoản hơi, cánh mũi máy động, quanh miệng tím tái vùng ngực bụng trướng hơi, tứ chi quyết nghịch, miệng và môi tía mà khô, lưỡi ít rêu hoặc sáng bóng không có rêu, mạch Tế Sác hoặc Phù Đại vô lực.. đó là chính khí không thắng nổi tà khí, âm dương thất thủ có xu thế ly quyết cho uống ***Kỳ thị ích khí dục âm cố thoát phương (20)*** để ích khí dục âm cố thoát.

PHỤ PHƯƠNG

1. Giải biểu thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Tang diệp	4,5 gam	Thiền thuế	1,5 gam
Đạm đậu xị	4,5 "	Sơn chi	1,5 "
Bạc hà	1,5 "	Cúc hoa	3 "
Liên kiều	4,5 "	Lô căn	6 "
Cam thảo	1,5 "		

Công thức trên đây dùng cho trẻ 3 tuổi.

2. Lương thấu nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Tĩnh Như, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Tiền hồ	3 gam	Bạc hà	3 gam
Kinh giới	3 "	Cúc hoa	3 "
Liên kiều	6 "	Ngưu bàng tử	6 "
Tây hà liễu	6 "	Kim ngân hoa	9 "

Thiền thuế	1,5 gam	Lô căn	9 gam
Tang diệp	4,5 "		

Gia giảm: Nếu thời tiết giá lạnh, nốt sởi khó mọc gia Thăng ma, Cát căn. Nếu người bệnh chân tay quyết lạnh, mặt tái xanh có thể trong bài Thăng ma Cát căn thang gia Quế chi 3 - 5 gam, Sinh khương 2 - 3 nhát. Nếu thời tiết viêm nhiệt có thể gia Hà diệp 3 - 5 gam, Hoắc hương diệp 3 - 5 gam, Bội lan diệp 3 - 5 gam.

3. Kinh bàng thấu chẩn thang

Người cống hiến: Vương Ngọc Linh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Thái tỉnh Giang Tô

Kinh giới	Ngưu bàng tử
Thiền thuế	Bạc hà
Liên kiều	Tang diệp
Bản lam căn (hoặc Đại Thanh diệp)	

Gia giảm: Nếu ít mồ hôi, rêu lưỡi nhớt có thể gia Đậu xị. Nếu là hàn tà bó chặt, nốt sởi khó mọc, rêu lưỡi trắng thì bỏ Liên kiều, Tang diệp gia Tô diệp, Phòng phong. Nếu chính khí bất túc nốt sởi khó mọc gia Sâm Kỳ để giúp đỡ chính khí và thúc sởi mọc. Ngoài ra còn có thể dùng Nguyên tuy sắc lấy nước hoà một chút rượu hoặc dùng Tây hà liễu và Phù bình sắc lấy nước để xoa xát vào vùng mặt và đầu các ngón chân tay thúc đẩy cho sởi mọc đều.

4. Thấu chẩn tứ tử thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Tử Phù bình	1,5 gam	Tử hoa địa đinh	6 gam
Liên kiều	4,5 "	Tử uyển	3 "

Tang diệp	4,5 gam	Vi căn	6 gam
Sơn chi y (vỏ)	4,5 "	Tử thảo	6 "
Đạm đậu xị	4,5 "	Thiền thuế	3 "

5. Giải độc thấu chẩn thang

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Thiền thuế	3 gam	Triết Bối	6 gam
Liên kiều	10 "	Kim ngân hoa	10 "
Giới tuệ	3 "	Hoa phấn	6 "
Tử thảo	3 "	Lô căn	12 "
Bạc hà	2,4 "	Mạch môn đông	10 "
Đào nhân	3 "	Hạnh nhân	3 "

6. Tôn thị dược dịch nhiệt phu phương

Người cống hiến: Tôn Tĩnh Như, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Nguyên tuy tử 30 gam (nếu dùng thứ tươi 90 gam càng tốt)

Tang hà liễu 30 "

Phù bình (hoặc Ma hoàng) 12 gam

Cách dùng: Các vị bỏ vào nồi đem nấu, nếu mùa Đông, Xuân khí hậu lạnh rét có thể nấu ngay ở trong nhà cho bệnh nhân ngửi thấy mùi thuốc, dùng khăn tay nhỏ khi nước thuốc đã sôi thì nhúng khăn vào nước này rồi vắt kiệt lau khắp các vùng trán, mặt, tay và các lớp da bộc lộ, không cần phải lau sát ướt quá để tránh hàn thấp, mỗi ngày có thể đun sôi thuốc 3 - 4 lần và mỗi lần lau 2 - 3 lượt.

7. Triệu thị ma chẩn biến chứng phương số I

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kim ngân hoa	10 gam	Liên kiều	10 gam
Thiền thuế	6 "	Giới tuệ	3 "
Hoàng cầm	6 "	Bạc hà	30 "
Hạnh nhân	6 "	Sinh Thạch cao	18 "
Lô căn	12 "	Cát cánh	6 "

Gia giảm: Sốt cao, khó thở nặng, khát nhiều môi xe, hôn mê, ngủ li bì, thậm chí co giật động phong gia Linh dương giác phấn mỗi lần hoà vào nước thuốc 0,6 gam.

8. Gia giảm ngân kiều tán

Người cống hiến: Vương Ngọc Linh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Thái, tỉnh Giang Tô

Kim ngân hoa	Liên kiều
Ngưu bàng tử	Thiền thuế
Phù bình	Đại Thanh diệp
Lô căn tươi	

9. Tôn thị thanh nhiệt giải độc nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Tĩnh Như, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Huyền sâm	6 gam	Ngưu bàng tử	6 gam
Sinh Địa hoàng	6 "	Tang diệp	6 "
Bạc hà	3 "	Nam Hạnh nhân	3 "
Hoàng cầm	3 "	Sinh Sơn chi	3 "

Kim ngân hoa	9 gam	Lô căn	9 gam
Liên kiều	9 "	Bối mẫu	4,5 "

10. Trình thị ma chẩn biến chứng phương số I

Người cống hiến: Trình Trọng Di, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Triết Giang

Qua lâu nhân	Khổ Hạnh nhân
Bối mẫu	Tri mẫu
Sa sâm	Hoàng cầm
Sinh Thạch cao	Lô căn
Mao căn	Sinh Cam thảo
Tỳ bà diệp	

11. Triệu thị ma chẩn biến chứng phương số II

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Liên kiều	10 gam	Kim ngân hoa	10 gam
Thiền thoái	3 "	Triết Bối	10 "
Sinh Thạch cao	18 "	Thiên hoa phấn	10 "
Hạnh nhân	6 "	Đại Thanh diệp	10 "
Mạch môn đông	10 "	Sinh Cam thảo	3 "

Gia giảm: Nếu đứa trẻ đang thời kỳ mọc sởi mà sốt cao, khó thở dẫn đến động phong co giật có thể đơn thuốc trên gia Toàn yết 3 gam, Câu đằng 6 gam. Lại dùng thêm bột Linh dương giác 1,2 gam chia làm 2 lần hoà vào nước thuốc uống.

12. Trình thị ma chẩn biến chứng phương số IV

Người cống hiến: Trình Trọng Di, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Triết Giang

Tê giác
Mẫu đơn bì
Chi tử
Sinh Thạch cao
Ngẫu chấp tươi
Sinh Địa hoàng
Xích thược
Hoàng cầm
Sinh Cam thảo
Hồng hoa (nếu được Tạng Hồng hoa thì tốt nhất)

Cách dùng: Cách uống như bài số 11 ở trên, có thể phối hợp với Tỳ tảo tán dùng ở bên ngoài.

Phụ: ***Tỳ tảo tán.***

Hồng tỳ, Đại táo (bỏ hột), nung ra than rồi tán bột để xoa vào cục bộ.

13. Trình thị ma chẩn biến chứng phương số III

Người cống hiến: Trình Trọng Di, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Triết Giang

Hồng sâm (được loại Tây dương sâm càng tốt)
Hồng hoa (được loại Tạng Hồng hoa càng tốt)
Hoàng kỳ
Xích thược
Liên kiều
Sinh Cam thảo
Đương qui
Đan sâm
Nguyên tuy tử

14. Kỳ thị thanh nhiệt giải độc phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Kim ngân hoa	6 gam	Ma hoàng	1,5 gam
Cam thảo	3 "	Hạnh nhân	4,5 "
Bản lam căn	6 "	Ngưu bàng tử	1,5 "
Lô căn tươi	9 "	Sinh Thạch cao	15 "

15. Dưỡng âm giải độc thang

Người cống hiến: Vương Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Huyền sâm	6 gam	Thạch hộc	5 gam
Mạch môn đông	9 "	Tử hoa địa đinh	5 "
Kim ngân hoa	5 "	Liên kiều	5 "
Sơn chi	1 "	Trúc diệp	1 "

Đơn thuốc trên dùng cho trẻ 3 tuổi.

16. Dưỡng âm thanh Phế kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Tĩnh Như, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Bắc Sa sâm	6 gam	Mạch môn đông	6 gam
Sinh địa hoàng	6 "	Thạch hộc	6 "
Tỳ bà diệp	6 "	Mẫu đơn bì	3 "
Bối mẫu	3 "	Nam Hạnh nhân	3 "
Quất lạc	3 "	Hoàng cầm	3 "
Qua lâu bì	4,5 "		

17. Gia giảm sa sâm mạch đông thang

Người cống hiến: Vương Ngọc Linh, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Thái tỉnh Giang Tây

Sa sâm	Mạch môn đông
Thiên hoa phấn	Tượng Bối mẫu
Hạnh nhân	Cam thảo
Tỳ bà diệp	

Gia giảm: Nếu vẫn còn dư nhiệt có thể gia Địa cốt bì, Ngân Sài hồ. Ăn không thấy ngon thì gia Kê nội kim, Cốc nha, Mạch nha.

18. Triệu thị ma chẩn hậu kỳ biến chứng phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Kim ngân hoa	10 gam	Liên kiều	10 gam
Đại Thanh diệp	6 "	Triết Bối	10 "
Hoàng cầm	6 "	Tri mẫu	6 "
Sinh Thạch cao	15 "	Mạch môn đông	10 "
Huyền sâm	6 "	Sinh Cam thảo	3 "

Gia giảm: Tình trạng bệnh nghiêm trọng thì thêm Cục phương chí bảo đan 1 viên, chia làm 2 lần mài vào thuốc uống.

19. Kỳ thị dưỡng âm thanh Phế thang

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Huyền sâm	6 gam	Ma hoàng	1,5 gam
Sinh Địa hoàng	6 "	Sơn chi tử	4,5 "

Mạch môn đông	6 gam	Đại Thanh diệp	6 gam
Tri mẫu	6 "	Lô căn tươi	10 "

20. Kỳ thị ích khí dục âm cố thoát phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Quy bản	9 gạm	A giao	6 gam
Ngọc trúc	9 "	Đương qui	4,5 "
Mạch môn đông	6 "	Cam thảo	3 "
Mẫu đơn bì	6 "		

Cách dùng: Lại dùng riêng Tây dương sâm 4,5 gam sắc lấy nước uống thay nước chè, có thể phối hợp uống với thuốc sắc, thời gian uống tùy ý.

256. THUỶ ĐẬU

Thuỷ đậu là chỉ chứng sởi mọng nước phát sinh ở bì phu giống như hạt đậu bên trong chứa thuỷ dịch.

Chứng này lúc bắt đầu phần nhiều kiêm phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, chảy nước mũi và ho, có gần đủ biểu chứng. Nốt sởi óng ánh và nước ở trong những nốt ấy trong suốt, xung quanh sắc nhạt đó là do phong nhiệt thấp độc uất lại ở Phế vệ cơ biểu cho uống ***Thuỷ đậu thang (1)*** để thấu biểu thanh nhiệt giải độc.

Nếu kiêm chứng tiểu tiện vàng xẻn, nốt đậu ngứa ngáy thì dùng ***Kỳ thị thuỷ đậu phương số II (2)*** là thuốc cay mát tuyên thấu, thanh nhiệt phân lợi.

Đầu mặt và thân thể nốt đậu mọc khá nhiều, cá biệt có nốt bị vỡ, đóng vảy, rất ngứa cho uống ***Kỳ thị thuỷ đậu phương số I (3)*** để thanh nhiệt phân lợi.

Nếu nốt đậu đỏ tươi xuất hiện nhiều ở ngực bụng, rất ngứa, sốt cao, khát nước, phiền táo, ăn không thấy ngon, đêm ngủ không ngon, mệt mỏi, tiểu tiện vàng, đại tiện khô, đầu lưỡi và rìa lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng hoặc nhớt, mạch Hoạt Sác cho uống ***Triệu thị thuỷ đậu nghiệm phương (4)*** để thanh nhiệt giải độc thấu biểu lợi thấp.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thuỷ đậu thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Vi căn	9 gam	Tang diệp	5 gam
Thiền thuế	3 "	Bạc hà	1 "
Đạm đậu xị	5 "	Sơn chi (vỏ)	2 "
Kim ngân hoa	6 "	Liên kiều	6 "
Tử hoa địa đinh	6 "		

Gia giảm: Nếu thuỷ đậu vẫn đục, chu vi đỏ tía thì đơn thuốc trên linh hoạt gia những vị lương huyết giải độc như Bản lam căn, Bồ công anh, Sinh Địa hoàng v.v...

Chú ý: Công thức trên dùng cho trẻ 3 tuổi.

2. Kỳ thị thuỷ đậu phương số II

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Liên kiều	4,5 gam	Xích thược	3 gam
Kim ngân hoa	4,5 "	Đại thanh diệp	6 "
Bạc hà	4,5 "	Sinh Chi tử	3 "
Nhân trần	6 "		

3. Kỳ thị thuỷ đậu phương số I

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Mộc thông	3 gam	Liên kiều	4,5 gam
Sinh Địa hoàng	6 "	Sao Chi tử	4,5 "

Hoạt thạch	4,5 gam	Bản lam căn	6 gam
Cam thảo	1,5 "		

Gia giảm: Nếu thuỷ đậu độc nhiệt khá nặng hoặc có bội nhiễm mà sốt cao không lui, nốt thuỷ đậu mọc dầy, mọng nước vẩn đục, có thể dùng bài thuốc trên gia Ngưu hoàng (nhân tạo) 0,9 - 2,5 gam.

4. Triệu thị thuỷ đậu nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bồ công anh	6 gam	Kim ngân hoa	10 gam
Tử hoa địa đinh	6 "	Liên kiều	10 "
Hoàng cầm	5 "	Chi tử (vỏ sao)	3 "
Bạc hà	2,4 "	Thiền thuế	3 "
Mộc thông	3 "	Hoạt thạch	10 "
Cam thảo	3 "		

Chú ý: Nếu thể chất hư yếu, bội nhiễm nặng, phát bệnh gấp, nhiệt độ cao, nốt đậu dầy kín mà to, triệu chứng toàn thân rất rõ thậm chí xoang miệng mũi và đường ruột có chứng trạng xuất huyết điều trị thời gian này cần phải dùng liều cao các loại thuốc thanh nhiệt giải độc lương huyết, có thể dùng thêm Thanh ôn bại độc ẩm gia giảm, đồng thời cho uống Nhâm kim tán hoặc Tử tuyết tán.

257. TAI THŨNG (Quai bị)

Chứng này chỉ hai bên mang tai hoặc một bên sưng đỏ, rất đau. Phần nhiều gặp ở trẻ em đang tuổi đi học. Thoạt tiên có các chứng phát nhiệt, ố hàn, họng đỏ, khái thấu, mạch Phù Sác, điều trị nên sơ phong thanh nhiệt kiêm giải độc tiêu sưng, cho uống ***Củng thị xạ tai phương (1)***. Nếu sưng ở tai, nóng rát và đau kịch liệt kiêm chứng sốt cao khát nước, đau họng cho uống ***Mã thị tai tuyến viêm phương (2)*** để thanh nhiệt sơ phong, giải độc tiêu sưng.

Nếu chỗ sưng nóng rát và cứng rắn hoặc có sắc tía tối không tươi, sốt cao khát nước hay uống và đau họng, đó là nhiệt độc úng thịnh, có thể dùng ***Thành phương Phổ tế tiêu độc ẩm (3)*** để thanh nhiệt tả hoả, giải độc tiêu sưng kiêm tiêu ứ giảm đau.

Nếu kiêm chứng nơi đau căng trướng cự án, miệng đắng, mắt đỏ, mặt đỏ nóng nảy, Tâm phiền là do Can Đởm hoả nhiệt công lên có thể dùng ***Thanh giải thang (4)*** để thanh tả Can Đởm hoả độc. Tà nhiệt câu kết huyết phận có uất nhiệt thì thấy tai sưng đỏ cứng rắn, cho uống ***Vương thị xạ tai phương (5)*** để thanh nhiệt tán tà, hoạt huyết tiêu sưng. Nếu tai sưng lại kiêm chứng cao hoàn sưng đau, tiểu tiện vàng sẻn là thuộc nhiệt độc theo đường kinh dồn xuống dưới, có thể dùng ***Củng thị nghiệm phương (6)*** để thanh nhiệt giải độc lợi huỷ tán hoả, hành khí tiêu kết. Chứng này đồng thời với uống những đơn thuốc nói ở trên

có thể phối hợp sử dụng ***Vương thị tai tuyến viêm ngoại dụng phương (7)*** dán vào 2 lòng bàn chân, hoặc là dùng ***Xạ tai ngoại sát phương (8)*** để bôi vào nơi đau.

Bệnh này có tính truyền nhiễm lây lan, khi có dịch bệnh nên dùng *Vương thị dự phòng phương (9)* để đề phòng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Củng thị xạ tai phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiền, Nghiên cứu viên
Sở nghiên cứu Trung y thành phố Trùng Khánh

Liên kiều	15 gam	Thăng ma	12 gam
Hạ khô thảo	30 "	Sài hồ	35 "
Hoàng cầm	12 "	Bồ công anh	30 "
Đại Thanh diệp	30 "	Bạc hà	10 "
Ngưu bàng tử	10 "	Ngân hoa đằng	30 "
Xa tiền thảo	30 "		

Cách dùng: Sắc nước uống, đồng thời lại lấy Tiên nhân chưởng đem nướng, đắp ra bên ngoài, mỗi ngày thay thuốc 1 - 2 lần.

Gia giảm: Nốt đậu đã hoá mủ thì gia Ngật nhĩ thảo (tức Thiên danh tinh).

2. Mã thị tai tuyến viêm phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư
Trung y học viện Triết Giang

Kim ngân hoa	9 gam	Tử hoa địa đinh	9 gam
Hạ khô thảo	12 "	Bồ công anh	12 "

Thăng ma	3 gam	Triết Bối mẫu	9 gam
Sài hồ	4,5 "	Huyền sâm	9 "
Bạc hà	4,5 "	Thiền thuế	3 "
Chế Thiên trùng	6 "	Ngưu bàng tử (sao)	9 "
Bản lam căn	12 "		

Công thức này dùng cho lứa tuổi nhi đồng, học sinh.

Cách dùng: Ngoài việc uống thuốc sắc có thể bôi thuốc ở ngoài: Thanh đại 15 gam trộn với dấm mà bôi. Hoặc dùng Như ý kim hoàng tán trộn với nước chè bôi vào nơi đau, mỗi ngày từ 3 - 5 lần.

3. Thành phương Phổ tế tiêu độc ẩm

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đại Thanh diệp	10 gam	Mã bột	6 gam
Kim ngân hoa	10 "	Liên kiều	10 "
Hoàng cầm	6 "	Cát cánh	3 "
Mạch môn đông	10 "	Đào nhân	5 "
Thiên hoa phấn	6 "	Sinh Cam thảo	3 "
Bản lam căn	6 "	Sinh Thạch cao	15 "

Gia giảm: Nếu sốt cao, nói sảng gia Đại hoàng. Nếu cao hoàn sưng đau gia Xuyên luyện tử, Quất bì.

4. Thanh giải thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Long đởm thảo	9 gam	Hoàng cầm	6 gam
Liên kiều	9 "	Bản lam căn	9 "

Bồ công anh	9 gam	Cam thảo	3 gam
Sơn chi tử	6 "	Hạ khô thảo	9 "

Gia giảm: Ố hàn phát nhiệt đau đầu đau mình gia Khương hoạt 6 gam, Sài hồ 6 gam, Bạch chỉ 6 gam. Nếu nhiệt nặng, khát nước phiền táo gia Sinh Thạch cao 9 gam, Liên kiều 3 gam. Buồn nôn hoặc nôn mửa gia Hoắc hương 6 gam, Quất diệp 6 gam, Trúc nhự 6 gam. Hay ngủ, tinh thần hôn trầm, gáy cứng gia Hoàng liên 3 gam, Thạch xương bồ 6 gam, Cát căn 6 gam. Đau đầu kinh quyết gia Phòng phong 6 gam, Câu đằng 6 gam, Bạch chỉ 6 gam. Họng sưng đỏ đau gia Mã bột 6 gam, Cẩm đăng lung 6 gam. Đại tiện khô ráo gia Toàn qua lâu 6 gam, Thục Đại hoàng 3 gam. Tiểu tiện vàng sẻn gia Hoạt thạch phấn 9 gam, Xa tiền thảo 6 gam. Cao hoàn sưng trướng và đau gia Quất hạch 9 gam, Lệ chi hạch 9 gam, Chỉ xác 9 gam, Huyền hồ 9 gam.

5. Vương thị xạ tai phương

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại	3 gam	Tử thảo	9 gam
Hàn thuỷ thạch	12 "	Quán chúng	9 "
Nhũ hương	6 "	Bạch chỉ	6 "
Tế tân	1,2 "		

6. Củng thị nghiệm phương

Người cống hiến: Củng Chí Hiến, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y Trùng Khánh

Long đởm thảo	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Sài hồ	15 "	Mộc thông	12 "

Bồ công anh	30 gam	Ngân hoa đằng	30 gam
Xa tiền thảo	30 "	Luật thảo	30 "
Quất hạch	12 "	Thai ô dược	10 "
Lệ chi hạch	12 "		

7. Vương thị tai tuyến viêm ngoại dụng phương

Người cống hiến: Vương Quý Nho, Y sư chủ nhiệm Y viện Trường Chinh, thành phố Thiên Tân

Ngô thù du	10 gam	Hoàng liên	5 gam
Đại hoàng	6 "	Đởm Nam tinh	2,4 "

Cách dùng: Các vị tán bột trộn dấm thành dạng hồ dán vào 2 lòng bàn chân qua 24 giờ thì bỏ đi. Trẻ 8 tuổi trở lên thì dùng nguyên công thức trên. Trẻ 8 tuổi trở xuống thì dùng một nửa liều lượng, càng dùng càng hiệu nghiệm, nhất là những trẻ em hãi uống thuốc càng thích hợp.

8. Xạ tai ngoại xát phương

Người cống hiến: Chu Thượng Nguyên, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân Y viện huyện Kỳ Đồng tỉnh Hồ Nam

Thất diệp nhất chi hoa (cả rễ và cuống)

Cách dùng: Đem vị thuốc giã lẫn với rượu và dấm để xát vào nơi bị bệnh, mỗi ngày thực hiện vài lần.

9. Vương thị dự phòng phương

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Quán chúng	6 gam	Bản lam căn	9 gam
Cam thảo	3 "		

258. ĐỐN KHÁI (Ho gà)

Đốn khái là chỉ trẻ em có từng cơn ho đặc biệt, ho có tính co thắt, sau khi ho thì có tiếng như gà khò khè, tái phát nhiều cơn, liên miên khó khỏi. Bệnh này nói chung phải luận trị làm 3 giai đoạn: Thời kỳ ho; Thời kỳ ho và co thắt và Thời kỳ hồi phục. Thời kỳ đầu phát cơn khái thấu, tiếng ho khó khăn, hắt hơi, chảy nước mũi, sợ phong hàn là thuộc chứng phong hàn bó chặt ở Phế, cho uống ***Giang thị bách nhật khái sơ kỳ phương (1)*** để khư phong tuyên Phế, chỉ khái hoá đàm và tán hàn. Nếu không sợ phong hàn mà họng nuốt khó khăn là do Phong nhiệt uất kết, có thể dùng ***Kỳ thị sơ khái phương (2)*** để tuyên Phế, lợi họng, hoá đàm chỉ khái. Nếu kiêm chứng đờm dính, khạc ra khó khăn có thể dùng ***Tứ vị bách bộ ẩm (3)*** để thanh Phế hoá đàm, giáng khí, chỉ khái kèm theo dưỡng âm.

Mới bị ho, chữa không khỏi lại nặng thêm sẽ tiến vào thời kỳ vừa ho vừa co cứng (kính khái) về đêm rất nặng. Khi ho kịch liệt thường kèm theo triệu chứng thở sâu, có tiếng gà khò khè, đờm dính và sắc vàng là thuộc đờm nhiệt nung nấu ở Phế. Chứng nhẹ thì uống ***Bách mã thang (4)*** để thanh nhiệt hoá đàm chỉ khái, hỗ trợ trung tiêu. Chứng nặng thì chọn các bài ***Gia vị đình lịch đại táo tả Phế thang (5), Thanh Phế hoá đàm hoàn (6), Đờm nhiệt giao trở kính khái phương (7)*** để tả Phế quét đờm, giảm co cứng, dẹp cơn ho và giáng nghịch thanh nhiệt.

Nếu kiêm chứng mặt đỏ, lưỡi lở nát, ho ra huyết là nhiệt độc quá thịnh, huyết phận đã tổn thương, có thể dùng ***Từ thị bách nhật khái phương (8)*** để thanh nhiệt giải độc giáng nghịch chỉ khái. Nếu chứng này thiên về huyết phận nhiệt thịnh có thể dùng ***Đằng thị bách nhật khái phương (9)*** để thanh nhiệt lương huyết, trừ đàm chỉ khái. Nếu kính khái tái phát nhiều lần, đờm khò khè, môi tím tái, mí mắt phù nề, nôn mửa hoặc xuất huyết ở mắt, dưới da, ở mũi v.v. thì dùng ***Bành thị mai hoa hợp tễ (10)*** để thanh nhiệt giải độc, liễm Phế chỉ khái.

Chứng kính khái không dứt, ho kịch liệt mà mũi xuất huyết có thể dùng ***Túc Phế lộ khái hoàn (11)*** để thanh nhiệt tả Phế, giáng nghịch dẹp cơn ho, nếu kiêm chứng mũi xuất huyết, ho mửa ra đờm mủ, dùng ***Kính khái phương (12)*** để tả Phế giáng nghịch, chỉ khái khử đàm, kiêm cả tiêu ứ. Nếu kiêm chứng đau họng, mũi xuất huyết, trong đờm có lẫn máu, cho uống ***Kỳ thị kính khái phương (13)*** để tả Phế thanh nhiệt, giải độc lợi họng. Kiêm chứng ngứa họng, ho khan, hoặc đờm nhiều thở gấp thì dùng ***Chỉ kính trấn khái phương (14)*** để khư phong hoá đàm, chỉ khái bình suyễn.

Thời kỳ kính khái mà ho khan ít đờm, chất lưỡi đỏ, sạch rêu lưỡi là do đờm nhiệt thương âm, chứng nhẹ thì dùng ***Sa sâm xa tiền mộc qua bạch mật thang (15)*** để thanh đàm nhiệt, nhuận Phế khí. Chứng nặng thì uống ***Bách long thang (16)*** để hoá đàm giáng nghịch, dưỡng âm thanh Phế hoặc dùng ***Đốn khái chỉ thang (17)*** để tả Phế hoá đàm, thanh nhiệt dưỡng âm giải chứng kính, dẹp cơn ho. Chứng này nếu xuất hiện mũi xuất huyết và

khô họng thì dùng ***Bổ Phế chỉ khái thang (18)*** để tả Phế thanh nhiệt, dưỡng âm bổ Phế.

Nếu ở thời kỳ kính khái mà chủ yếu là nhiều đờm, kiêm chứng ẩu nghịch, ngực bụng bĩ đầy, kém ăn rêu lưỡi nhớt thì dùng ***Đờm thấp ủng thịnh phương (19)*** để giáng khí khoan trung, quét đờm chỉ khái. Nếu ho quá nhiều, cho uống ***Chu phách bách khái tán (20)*** để trấn kính, chỉ khái-táo thấp hoá đàm.

Ở thời kỳ kính khái thì coi các chứng chủ yếu là mặt đỏ, ho từng cơn liên tục, nôn mửa, oẹ khan, rêu lưỡi vàng dầy nhớt, đó là thấp nhiệt với đờm trọc làm vít nghẽn Phế khí, điều trị nên hoá trọc tuyên tý, khư đàm trấn khái, cho uống ***Tiêu thị gia giảm thượng tiêu tuyên tý thang (21).***

Thể trạng trẻ em yếu ớt lại bị bệnh này ở thời kỳ kính khái thường có chứng nôn mửa luôn, ăn kém, rêu lưỡi trắng dầy v.v... đó là Tỳ Vị hư yếu, đờm thấp nghẽn trở thì trước hết cho uống ***Tiêu thị linh truật tam nhân thang (22)*** để kiện Tỳ trừ thấp, hoá đàm trấn khái. Đợi khi nào mửa tạm ổn định, giảm ho, rêu lưỡi bình thường bấy giờ mới cho uống tiếp ***Tiêu thị thiên đông hợp tễ (23)*** để nhuận Phế thanh nhiệt hoá đàm chỉ khái.

Bệnh này ở thời kỳ kính khái đồng thời với khi uống dạng thuốc sắc có thể phối hợp với ***Giải mê chỉ biển hương (24)*** cho ngửi để tăng cường tác dụng giải kính chỉ khái.

Chứng Đốn khái qua 2, 3 tuần sẽ bước vào thời kỳ hồi phục. Nếu ho khan ít đờm thì dùng ***Nhất vị ninh Phế ẩm (25)*** để nhuận táo chỉ khái. Nặng hơn có thể dùng ***Tôn thị nghiệm phương (26)*** để tư dưỡng Phế âm chỉ khái trừ đờm. Nếu ho mà

đờm ít, sắc vàng, sốt nhẹ, tiểu tiện vàng cho uống ***Kỳ thị khởi phục phương (27)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, chỉ khái liễm Phế. Nếu có chứng khái thấu nhẹ nhưng lâu ngày không khỏi và cũng không có tiếng khò khè, sắc mặt xanh nhợt, kém ăn, dễ cảm mạo, tự ra mồ hôi hoặc mồ hôi trộm, bệnh thuộc khí âm đều tổn thương cho uống ***Khí âm lưỡng hư phương (28)*** để dưỡng âm ích khí, khư tà, củng cố từ gốc.

Chứng này nên tham khảo với chứng "Tiểu nhi khái thấu".

PHỤ PHƯƠNG

1. Giang thị bách nhật khái sơ kỳ phương

Người cống hiến: Giang Dục Dân, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	10 gam
Sinh Cam thảo	6 "	Nam trúc tử	10 "
Thiên tương xác	10 "	Tử uyển	5 "
Cát cánh	5 "	Bán hạ	8 "

Gia giảm: Nếu chưa xuất hiện chứng hoá hoả có thể gia Tế tân (trích). Nếu trẻ 5 tuổi trở xuống thì không dùng quá 2 gam và Ngũ vị tử 3 gam.

2. Kỳ thị sơ khái phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Lô căn	10 gam	Xạ can	3 gam
Cẩm đăng lung	3 "	Can thanh quả	9 "

Hạnh nhân	4,5 gam	Bạc hà	4,5 gam

Gia giảm: Cũng có thể uống chung với Thanh Phế ẩm (hoàn).

3. Tứ vị bách bộ ẩm

Người cống hiến: Triệu Thanh Lý, Giáo sư
Trường Đại học Y học cổ truyền Trọng Cảnh Hà Nam

Bách bộ	6 gam	Bối mẫu	4,5 gam
Sa sâm	9 "	Tiền hồ	4,5 "

Chú ý: Liều lượng nói trên dùng cho trẻ em 5 tuổi. Lâm sàng có thể căn cứ vào lứa tuổi lớn bé, thể chất mạnh yếu mà linh hoạt gia giảm.

4. Bách mã thang

Người cống hiến: Lê Bính Nam, Giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Bách bộ	Mã đâu linh
Cam thảo trích	Đại táo

5. Gia vị đình lịch đại táo tả Phế thang

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đình lịch tử	10 gam	Tang bì (chế)	10 gam
Hạnh nhân (sao)	6 "	Qua lâu	10 "
Bách bộ	6 "	Tử uyển	3 "
Toàn Cúc hoa	6 "	Hoàng cầm	6 "
Đào nhân	3 "	Đại táo	3 quả

6. Thanh Phế hoá đàm hoàn

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Thiên trúc hoàng	30 gam	Trần bì	15 gam
Sinh Thạch cao	30 "	Hoàng cầm	15 "
Đởm nam tinh	15 "	Băng phiến	6 "
Qua lâu nhân	15 "	Hoàng liên	15 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 - 3 lần.

7. Đờm nhiệt giao trở kính khái phương

Người cống hiến: Hạ Diễu Đình, Y sư phó chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Hắc Hà tỉnh Hắc Long Giang

Tang bì	15 gam	Đởm nam tinh	7,5 gam
Tửu cầm	10 "	Xạ can	7,5 "
Đại bối	10 "	Tô tử	10 "
Thiên môn đông	10 "	Nhi trà	4 "
Tỳ bà diệp	15 "	Mao căn	15 "
Ngô công	1 con		

8. Từ thị bách nhật khái phương

Người cống hiến: Từ Tiểu Châu, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Bồ công anh	30 gam	Bắc Tần bì	10 gam
Thiên trúc tử	10 "	Bách bộ (trích)	10 "
Cam thảo (trích)	10 "		

Gia giảm: Mị mắt sưng phù gia Đông qua bì 10 gam. Sau khi ngủ vã mồ hôi gia Ma hoàng căn 10 gam. Khái thấu khó khăn gia Cát cánh 3 gam. Đờm nhiều đại tiện khô ráo gia Mông thạch Cổn đờm hoàn 15 gam. Khái huyết gia Mao căn tươi 30 gam. Nếu thuộc chứng nặng thì vị Tần bì trong đơn thuốc có thể tăng lên 20 - 30 gam. Vị Thiên trúc tử có thể đổi làm 15 gam lại gia Ngư tinh thảo 30 gam.

9. Đằng thị bách nhật khái phương

Người cống hiến: Đằng Quang Tuyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Tô tử	Hoàng cầm
Tang bạch bì	Tỳ bà diệp
Tử uyển	Bách bộ
Địa long	Mao căn
Xích thược	Mẫu đơn bì

Gia giảm: Sau khi uống đơn trên, đờm nhiệt giảm đi chút ít thì gia Sinh Địa hoàng, Mạch môn đông để loại trừ độc nhiệt hun đốt âm phận.

10. Bành thị mai hoa hợp tễ

Người cống hiến: Lý Hạo Cổ, Phó giáo sư Trung y học viện Hà Nam

Kim ngân hoa	Ô mai

Liều lượng bằng nhau

Cách dùng: Đem 2 vị thuốc sấy khô, tán bột, chế thành từng thỏi thuốc, mỗi túi đựng 10 gam (trong đó hàm lượng thuốc 8

gam), trẻ em 1 tuổi, mỗi lần dùng 3 gam ngày uống 3 - 6 lần, rồi sau cứ căn cứ thêm 1 tuổi lại thêm 1 gam cho uống.

11. Túc Phế lộ khái hoàn

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bách bộ	12 gam	Tử uyển	10 gam
Hạnh nhân	10 "	Hoàng cầm	10 "
Tang bạch bì	15 "	Cát cánh	6 "
Sinh Thạch cao	30 "	Bạch tiền	10 "
Lâu nhân	10 "	Ma hoàng	6 "
Pháp Bán hạ	6 "	Đình lịch tử	10 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam. Trẻ em 1 tuổi mỗi lần uống nửa viên, ngày 2 - 3 lần. Từ 3 - 5 tuổi mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 - 3 lần.

12. Kính khái phương

Người cống hiến: Âu Thiếu Chương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Quảng Châu

Vi hành	Đông qua nhân
Ý dĩ nhân	Đình lịch
Qua lâu nhân	

Gia giảm: Nếu đờm nhiều khí nghịch thì gia Giả thạch, Toàn phúc hoa, trong đờm có lẫn máu, gia Xuyến thảo căn, Trúc nhự, Trắc bá, Mao căn. Nếu mặt đỏ phát nhiệt, khô miệng gia Tang bạch bì, Địa cốt bì, Xuyên Bối, Cam thảo, Hạn liên thảo, Huyền sâm.

13. Kỳ thị kính khái phương

Người cống hiến: Từ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Đình lịch tử	4,5 gam	Tô tử	4,5 gam
Bản lam căn	6 "	Chỉ tử	4,5 "
Cẩm đăng lung	3 "	Hài nhi trà	1,5 "
Thiên trúc hoàn	4,5 "		

Gia giảm: Nhiệt nặng đờm thịnh gia Đởm tinh để thanh nhiệt quét đàm, trong họng có tiếng khò khè như tiếng gà gia Xạ can để thanh Phế lợi thuỷ. Nếu đờm loãng gia Bán hạ để táo thấp, huyết phận nhiệt nặng gia Thanh đại, Mẫu đơn bì.

14. Chỉ kính trấn khái phương

Người cống hiến: Diêu Tử Dương, Nhân dân y viện khu Lâm Cần, tỉnh Sơn Đông

Thiên trúc hoàng	10 gam	Cương tàm	10 gam
Tô tử	10 "	Bán hạ	10 "
Qua lâu bì	10 "	Mạch môn đông	6 "
Hạnh nhân	3 "	Ngũ vị tử	3 "
Bách bộ	3 "	Đông hoa (trích)	3 "
Toàn phúc hoa	3 "		

Gia giảm: Phế nhiệt đờm vàng Bán hạ giảm bớt liều lượng, bỏ Đông hoa, Bách bộ gia Ngư tinh thảo 10 gam, Xuyên bối 10 gam. Phế hàn đờm trong, chân tay không ấm gia Can khương 3 gam. Mũi xuất huyết, củng mạc xuất huyết bỏ Bách bộ, Đông hoa gia Tế Sinh Địa hoàng 6 gam, Xích thược 6 gam, Đại bối 6 gam.

15. Sa sâm xa tiền mộc qua bạch mật thang

Người cống hiến: Tra Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện tỉnh An Huy

Sa sâm	15 gam	Xa tiền tử	15 gam
Tuyên Mộc qua	10 "	Bạch phong mật	30 "

Cách dùng: Trước hết đem 3 vị thuốc bỏ vào một cái chậu nhỏ đổ nước lạnh vào vừa ngập, sau khi thuốc đã ướt đều lại đổ thêm nước nữa cao hơn thuốc chừng 3mm, đem đun theo phép "tam khai" (tức là sau khi nước thuốc sôi, nhấc chậu thuốc ra chừng 10 phút đó là "nhất khai", sau đó lại đặt thuốc vào bếp đun rồi lại nhấc ra như thế đủ 3 lần, gọi là "tam khai") đem nước thuốc đầu đổ vào túi đã có mật ong ở trong chén, lại đem bã thuốc còn lại đổ thêm nước nguội vào lượng nước như sắc ban đầu, lại đun theo phép "tam khai" rồi lấy nước thuốc thứ hai này trộn chung với nước thuốc thứ nhất, bỏ vào bình nóng để sử dụng.

Nước thuốc chia thành 4 phần, cách 6 giờ uống một phần, nếu đứa trẻ không có kiêm chứng thì thông thường chỉ uống 5 đến 7 thang là khỏi hẳn.

16. Bách long thang

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Bách bộ	9 gam	Nam Sa sâm	9 gam
Thiên môn đông	9 "	Triết Bối	9 "
Qua lâu bì	9 "	Tử uyển (trích)	9 "
Xa tiền tử	9 "	Quất hồng	6 "
Địa long	6 "	Nga bất thực thảo	6 "

Gia giảm: Ho kéo dài, tổn thương Phế lạc có chứng ho ra máu, mũi xuất huyết và củng mạc xuất huyết gia Sinh Địa hoàng tươi 9 gam, Bạch mao căn 9 gam để mát huyết chỉ huyết hoặc gia Sinh Sơn chi 6 gam để thanh nhiệt chỉ huyết. Ho ra đờm dính, khó khạc đờm gia Trúc lịch 6 gam, Bán hạ 6 gam để thanh nhiệt khư đàm. Ẩu nghịch liên tục gia Tỳ bà diệp (sao) 9 gam, Đại giả thạch 9 gam để hoà Vị giáng nghịch và chống nôn.

17. Đốn khái chỉ thang

Người cống hiến: Trương Mạc Tiến, Lão Trung y nổi tiếng thành phố Bắc Kinh

Tang bạch bì	10 gam	Sơn chi	10 gam
Hoàng cầm	10 "	Ngư tinh thảo	10 "
Tỳ bà diệp	10 "	Bách bộ	10 "
Bắc Sa sâm	10 "	Thiên môn đông	10 "
Ngô công	2 con	Sinh Cam thảo	6 "

Cách dùng: Các vị trên sắc với 500 ml lấy 200 ml nước đặc. Trẻ em trong 1 tuổi ngày cho uống 50 ml. Từ 1 - 2 tuổi ngày uống 100 ml. Từ 3 tuổi trở lên ngày uống 200 ml. Liều lượng của đơn thuốc trên là liều lượng trong 1 ngày cho uống 3 - 4 lần thì hết. Sau khi uống liên tục 3 thang thì bỏ Ngô công gia Cương tàm 10 gam uống thêm 3 thang nữa. Cách dùng và cách uống như trên. Mỗi buổi tối lại dùng 1 - 2 củ Đại toán giã nát đắng vào huyệt Dũng tuyền ở 2 lòng bàn chân, dán băng cố định ra ngoài đến sáng thì bỏ đi, đắp liên tục 2 - 3 tối.

18. Bổ Phế chỉ khái thang

Người cống hiến: Chu Mặc Tân, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện Cổ Lâm thành phố Bắc Kinh

Hoàng cầm	6 gam	Tri mẫu	6 gam
Địa cốt bì	10 "	Tang bì	10 "
Cát cánh	6 "	Ngưu bàng tử	6 "
A giao	10 "	Ô mai	6 "
Ngũ bội tử	10 "	Đình lịch tử	10 "
Sinh Cam thảo	5 "	Đại cáp tán	15 "

Gia giảm: Ho kéo dài không dứt thì gia Mễ xác. Suyễn thở nhiều gia Bạch quả, Tử uyển, Lai bặc tử, Qua lâu. Khát nước họng khô gia Thiên hoa phấn. Nhiều đờm gia Ngưu bàng. Vừa khái thấu vừa nôn mửa gia Tỳ bà diệp.

19. Đàm thấp úng thịnh phương

Người cống hiến: Hà Diệu Đình, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Hắc Hà tỉnh Hắc Long Giang

Bán hạ	10 gam	Phục linh	15 gam
Bách bộ	10 "	Tử uyển	10 "
Tiền hồ	10 "	Lai bặc tử	10 "
Thiên trúc hoàng	7,5 "	Trầm hương	5 "
Qua lâu nhân	7,5 "	Tô tử	10 "

20. Chu phách bách khái tán

Người cống hiến: Hạ Diệu Đình, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Hắc Hà tỉnh Hắc Long Giang

Chu sa	10 gam	Hổ phách	10 gam
Bách bộ	20 "	Bạch tiền	20 "

Bán hạ	20 gam	Đại bối	20 gam
Thiên trúc hoàng	15 "	Trầm hương	7,5 "
Ngô công	2 con		

Cách dùng: Các vị trên tán bột, trẻ 5 tuổi mỗi lần uống 2,5 gam ngày 3 lần.

21. Tiêu thị gia giảm thượng tiêu tuyên tý thang

Người cống hiến: Tiêu Chính An, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Tỳ bà diệp	Uất kim
Xạ can	Hương sị
Bách bộ	Đởm nam tinh
Thanh đại	Qua lâu nhân
Đông qua nhân	Xuyên Bối
Tử uyển	Khoản đông hoa

Gia giảm: Rêu lưỡi dày nhớt nặng, đờm nhiều thấp trọc nặng gia Bán hạ, Quất hồng. Rêu lưỡi vàng thấp nhiệt nặng gia Hoàng cầm, Lô căn.

22. Tiêu thị linh truật tam nhân thang

Người cống hiến: Tiêu Chính An, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Phục linh	Bạch truật
Ý dĩ nhân	Hạnh nhân
Đông qua nhân	Qua lâu
Bối mẫu	Bách bộ
Tử uyển	Khoản đông hoa
Đởm nam tinh	

23. Tiêu thị thiên đông hợp tễ

Người cống hiến: Tiêu Chính An, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Thiên môn đông	Mạch môn đông
Bán hạ	Tỳ bà diệp
Quất hồng	Trúc nhự
Qua lâu	Xuyên Bối
Bách bộ	Thanh đại
Đởm nam tinh	Tử uyển
Khoản đông hoa	Tang bạch bì (trích mật)

Gia giảm: Mũi xuất huyết thì bỏ Quất hồng gia Chi tử, Mẫ đơn bì, Mao căn. Quầng mắt thâm tím, tròng mắt có huyết gi Xích thược , Đà nhân. Mi mắt phù thũng bỏ Bán hạ gia Phục linh bì, Đông qua bì. Đốn khái liên tục không dứt gia Anh túc xác Chất lưỡi đỏ sẫm là nhiệt thịnh gia Hoàng liên.

24. Giải mê chỉ biển hương

Người cống hiến: Điền Thành Khánh, Giáo sư Phân viện Cam Thiền y học viện tỉnh Hà Bắc

Mạn đà la hoa	1 phần	Toàn phúc hoa	3 phần
Khoản đông hoa	3 phần	Bạc hà diệp	1 phần
Đàn hương mạt	1 phần	Xạ hương	1 phần

Cách dùng: Các vị trên tán bột khô, thêm nước lã hoặc nước hồ loãng chế thành nén hương giống như hương trừ muỗi, khi dùng thì lấy 1 nén châm 1 đầu cho bệnh nhân hút lấy khói lâu từ vài giây đến 2 phút, không nên ngửi quá lâu để tránh trúng độc.

25. Nhất vị ninh Phế ẩm

Người cống hiến: Dương Chí Nhất tiên sinh,
Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Hoa sinh nhân (dùng thứ sống ngâm vào nước rồi bóc bỏ vỏ lụa giã nát như bùn) 40 hạt.

Đường kính 15 gam

Cách dùng: Sắc nước, chừng nào quánh như nước sữa là được, khi đi ngủ uống hết cả bã, liên tục 3 - 5 lần.

26. Tôn thị nghiệm phương

Người cống hiến: Tôn Tĩnh Như, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tây

Lan hương thảo	10 gam	Mạch môn đông	6 gam
Thiên môn đông	6 "	Bách bộ	6 "
Cam thảo	3 "		

Cách dùng: Liều lượng đơn thuốc trên dùng cho trẻ 3 tuổi. Nếu là trẻ 10 tuổi thì Lan hương thảo có thể tăng lên 20 - 24 gam.

Chú ý: Trẻ bị ho gà cấm hẳn ăn thịt lợn, thường có trẻ bị từng trận ho kịch liệt hoặc là vừa mới khỏi cơn kịch liệt xong đều lại tái phát do ăn thịt lợn hoặc các loại canh thịt khác, nguyên nhân có thể là do kích thích của các mùi thơm, mùi tanh.

27. Kỳ thị khôi phục phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Mạch môn đông	9 gam	Sinh Địa hoàng	9 gam
Cam thảo	1,5 "	Mẫu đơn bì	9 "
Kha tử nhục	1,5 "	Mao căn	9 "

Gia giảm: Nếu dư nhiệt còn nặng, vẫn ra nhiều đờm có thể gia Thiên môn đông để thanh nhiệt hoá đờm. Thể trạng yếu ra mồ hôi thì gia Bách hợp, Sinh Hoàng kỳ để ích khí dưỡng Phế làm bền biểu phận.

28. Khí âm lưỡng hư phương

Người cống hiến: Hạ Diệu Đình, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Hắc Hà tỉnh Hắc Long Giang

Đẳng sâm	10	gam	Hoàng kỳ	10	gam
Ngũ vị tử	7,5	"	Mạch môn đông	10	"
Tang bạch bì	10	"	Tử uyển	10	"
Bách hợp	10	"	Sơn dược	15	"
Biển đậu	10	"	Thục Địa hoàng	20	"
Đại táo	2	quả			

259. TRẺ EM KHÁI THẤU

Tré em khái thấu là một chứng trạng thường gặp trong Nhi khoa. Có chứng trạng khái thấu sợ gió hoặc sợ lạnh, nhiều đờm và bọt, rêu lưỡi trắng, đó là phong hàn bó ở Phế, điều trị nên tuyên Phế tán hàn, giải biểu chỉ khái, cho uống ***Phong hàn tập Phế phương (1)***. Nếu biểu hàn không rõ rệt thì dùng ***Thương phong khái phương (2)*** để sơ phong tuyên Phế, chỉ khái hoá đàm. Nếu kiêm chứng họng đỏ và đau là do phong hàn uất nhiệt, dùng ***Tang bạc thanh tuyên thang (3)*** để thanh lọc ngoại tà, hoá đàm chỉ khái. Thường phát cơn ho, trong họng nghẹt thở, ho nhiều dẫn đến suyễn gấp, đờm ít khó khạc ra, gặp thời tiết Xuân lạnh Thu mát bệnh càng tăng là do Phế hư phong tà uất trệ ở Phế, điều trị nên ích khí sơ phong, khư đờm lợi Phế và chỉ khái, cho uống ***Bách hoa cao (4)***. Nếu biểu chứng không giải, trong lý có uất nhiệt, có triệu chứng khái thấu đờm khò khè, hơi suyễn, sốt nhẹ, mũi tắc chẩy nước mũi, khát nước mắt đỏ, đại tiện khô, nên giải biểu thanh nhiệt, hoá đàm chỉ khái, tuyên Phế dẹp cơn suyễn, dùng ***Chỉ khái hoá đàm định suyễn hoàn (5)***.

Nếu kiêm chứng họng đỏ và đau, sốt cao, là thuộc nhiệt độc nung nấu ở Phế, nên dùng ***Ma kiều thạch cao thang (6)*** để thanh nhiệt giải độc, tuyên Phế hoá đàm, chỉ khái dẹp cơn suyễn.

Họng đỏ mà khái thấu khàn tiếng, đờm trệ mà vàng dính, bệnh thuộc nhiệt đàm lưu trệ ở Phế, cho uống ***Minh kim thang (7)*** để chỉ khái hoá đàm, tả nhiệt lợi họng.

Trẻ em khái thấu khó khăn, đờm vàng dính khó khạc, khát nước đau họng, mũi chẩy nước trong hoặc nước đục, phát sốt, nhức đầu, sợ gió là thuộc phong nhiệt khái thấu, điều trị nên sơ Phong làm sạch Phế, giải biểu chỉ khái, nếu phong tà thiên thịnh thì dùng ***Phong nhiệt thượng thụ phương (8)***, nếu nhiệt tà nặng hơn thì dùng ***Từ thị phong nhiệt khái thấu phương (9)*** hoặc ***Uông thị khái thấu phương (10)***.

Nếu kiêm chứng tiểu tiện vàng, đầu lưỡi đỏ, sốt cao, bệnh thuộc phong nhiệt phạm Phế, đàm khí câu kết ngăn trở. Tâm Phế nhiệt thịnh, điều trị nên thanh Tâm tả Phế, tuyên Phế giáng nghịch, hoá đàm chỉ khái, cho uống ***Vương thị phong nhiệt cơ sở phương (11)***.

Khái nhiều đàm dính khó khạc ra, khát nước, phát sốt, mặt đỏ, bệnh thuộc nhiệt nung nấu ở Phế Vị, có thể dùng ***Phế uẩn đàm nhiệt phương (12)*** để làm mát Phế Vị và chỉ khái thấu.

Trẻ sơ sinh khái thấu, vì có mầm mống sẵn có như "Thai độc" tích trệ ở trong, hình thành loại "Thai phong" (giới hạn ở trước 4 tuổi, sau giới hạn đó Thai phong tự rút) bị nhiễm tà phong mà dẫn động đến cái mầm mống khái thấu sẵn có, nên dùng ***Thai phong tán (13)*** gia vị để trừ thai phong, chỉ khái thấu.

PHỤ PHƯƠNG

1. Phong hàn tập phế phương

Người cống hiến: Bổ Phụ Chu tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Tô diệp	3 gam	Hạnh nhân	4,5 gam
Tiền hồ	3 "	Cát cánh	3 "

Bán hạ	3 gam	Phục linh	6 gam
Trần bì	3 "	Cam thảo	1,5 "
Chỉ xác	3 "	Đậu sị	9 "
Sinh khương	2 nhát	Đại táo	2 quả
Thông bạch	6 cm		

Gia giảm: Đại tiện lỏng, bụng đầy, gia Tiêu Sơn tra 1,5 gam, Mạch nha 6 gam, bỏ Cam thảo, Đại táo. Thể trạng yếu, gia Sa sâm 6 gam.

2. Thương phong khái phương

Người cống hiến: Từ Quảng Đức, Y sư chủ nhiệm và Lý Kiến Minh, Ysư phó chủ nhiệm, Nhân dân y viện số III Thành Đô cống hiến di phương của Y sư chủ nhiệm Từ Tử Bá

Thiên trúc hoàng	3 gam	Kim phí thảo	6 gam
Tiền căn	5 "	Qua lâu	6 "
Tì bà diệp	6 "	Bạc hà	3 "
Cam thảo	2 "	Ngũ bì thảo	6 "

3. Tang bạc thanh tuyên thang

Người cống hiến: Trương Trân Ngọc, Giáo sư Trung y học viện Sơn Đông

Sương Tang diệp	6 gam	Bạc hà	4 gam
Hạnh nhân (sao)	3 "	Cát cánh	4 "
Chỉ xác	4 "	Trần bì	4 "
Tử uyển	4 "	Bạch thược	3 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Nếu bị sốt, có thể gia Kim ngân hoa 9 gam. Đa họng gia Ngưu bàng tử 4 gam, Xuyên Bối mẫu 3 gam. Kém ă gia Mạch nha (sao) 6 gam.

4. Bách hoa cao

Người cống hiến: Đinh Quang Địch, Giáo sư Trung y học viện Nam Kinh

Phượng hoàng y	30 cái (sao qua)	Ma hoàng	30 gam
Khoản đông hoa	50 gam	Bách hợp	50 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên ngâm nước 1 đêm, đun nhỏ lửa 2 nước, lọc bã, thêm vào mật ngon 60 ml, nước Sinh khương 1 thìa, trộn đều thành dạng cao lỏng 500 ml, chia uống trong 1 tuần, ngày 2 - 3 lần, mỗi lần uống 1 thìa, chiêu với nước chín.

Gia giảm: Nếu do cảm mạo lôi kéo bệnh cũ, đột ngột phát cơn ho suyễn thì dùng dạng thuốc sắc, lấy 1/10 lượng thuốc trên, gia Kinh giới 3 gam, Cam thảo 3 nhát, Sinh khương 1 nhát sắc uống, không dùng mật và nước gừng. Nếu kiêm chứng viêm họng, gia Tiên Thanh quả 3 gam.

5. Chỉ khái hoá đàm định suyễn hoàn

Người cống hiến: Chu Mạc Tân, Lão Trung y nổi tiếng Trung y viện Cổ Lâu thành phố Bắc Kinh

Sinh Thạch cao	18 gam	Hạnh nhân	10 gam
Ma hoàng	1,2 "	Hoàng cầm	3 "
Tri mẫu	6 "	Sinh Cam thảo	3 "
Tang bì	6 "	Tô tử	6 "

Đình lịch tử	6 gam	Đởm nam tinh	3 gam
Qua lâu	5 "	Lai bặc tử	6 "

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên mỗi viên nặng 3 gam, ngày 2 - 3 lần, mỗi lần uống 1 viên.

Gia giảm: Phát sốt cao, có thể gia Cứu cấp tán hoặc Ngưu hoàng thanh nhiệt tán, nhiều đờm, gia Ngưu hoàng.

6. Ma kiều thạch cao thang

Người cống hiến: Giả Phường, Y sư chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện tỉnh Thiểm Tây

Ma hoàng	6 gam	Liên kiều	20 gam
Kim ngân hoa	20 "	Sinh Thạch cao	20 "
Bối mẫu	20 "		

Cách dùng: Mỗi thang sắc 2 nước, trộn đều thêm đường trắng 30 gam, Mật ong 30 gam. Trẻ em 1 tuổi chia làm 6 lần uống. Từ 1- 3 tuổi, chia làm 5 lần uống. Từ 3 - 6 tuổi, chia 4 lần uống. Từ 6 - 9 tuổi, chia 3 lần uống. Từ 9 - 12 tuổi, chia 2 lần uống. Cứ 4 - 6 giờ uống 1 lần. Tốt nhất là chế thuốc theo dạng sirop vì trẻ em thích ngọt, dễ uống.

7. Minh kim thang

Người cống hiến: Uông Tú Phong, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Tế Tế Cáp Nhĩ

Kim ngân hoa	Liên kiều
Xuyên Bối	Trần bì
Hạnh nhân	Cam thảo

8. Phong nhiệt thượng thụ phương

Người cống hiến: Bồ Phụ Chu tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Hạnh nhân	4,5 gam	Tang diệp	6 gam
Kim ngân hoa	6 "	Cát cánh	3 "
Cam thảo	1,5 "	Bạc hà	2 "
Liên kiều	4,5 "	Vi căn	15 "
Cương tàm	4,5 "	Đậu sị	9 "
Ngưu bàng tử	4,5 "	Thông bạch	6 cm

Gia giảm: Rêu lưỡi vàng, gia Hoàng cầm 3 gam. Lưỡi đỏ không rêu, nhiệt tà lấn dần vào Doanh phần, gia Huyền sâm 6 gam, Mạch đông 6 gam, Uất kim 3 gam, Trúc diệp 4,5 gam. Có dấu hiệu co giật, gia Câu đằng 4,5 gam, Thiền thuế 3 gam. Suyễn thở nhiều đờm gia Lai bặc tử 4,5 gam, Tiền hồ 3 gam.

9. Từ thị phong nhiệt khái thấu phương

Người cống hiến: Từ Quảng Đức, Y sư chủ nhiệm,
Lý Kiến Minh, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện số III Thành Đô kế thừa di phương của Từ Tử Bá, Y sư chủ nhiệm

Thiên trúc hoàng	3 gam	Kim ngân hoa	6 gam
Liên kiều	6 "	Ngưu bàng tử	6 "
Kinh giới	6 "	Thiền thuế	0,4 "
Cương tàm	3 "	Qua lâu bì	6 "
Tiền hồ	6 "	Cam thảo	1 "

Đơn thuốc này dùng cho trẻ em 1 tuổi.

Gia giảm: Phát sốt, gia Thanh cao, Đạm trúc diệp. Họng sưng đỏ đau, gia Xạ can, Bản lam căn. Tích trệ gia Tiêu tra, Chỉ xác.

10. Uông thị khái thấu phương

Người cống hiến: Uông Kim Đào, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Trùng Khánh

Bạc hà	6 gam	Bạch chỉ	6 gam
Hạnh nhân	6 "	Cát cánh	6 "
Ngân hoa	9 "	Tiền hồ	9 "
Tử uyển	9 "	Bách bộ	9 "

Đơn thuốc này dùng cho trẻ từ 1 đến 2 tuổi.

Gia giảm: Nếu Phế nhiệt nặng, gia Hoàng cầm. Táo bón gia Qua lâu nhân. Họng có tiếng đờm khò khè, gia Qua lâu nhân. Buồn nôn, nôn mửa, gia Trần bì, Trúc nhự. Tiểu tiện vàng sẻn gia Xa tiền tử.

11. Vương thị phong nhiệt cơ sở phương

Người cống hiến: Vương Tĩnh An, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Thành Đô

Hoàng liên	1,5 - 6 gam	Vi căn	12 - 30 gam
Cát cánh	6 - 10 "	Ma nhung (trích)	6 - 12 "
Bách bộ (trích)	6 - 12 "	Kim phí thảo (trích)	9 - 15 "
Tiền hồ (trích)	6 - 12 "	Đông hoa (trích)	6 - 12 "

Gia giảm: Nếu phong nhiệt, gia các vị thuốc có tác dụng thấu phong như Tang diệp, Bạc hà (trích), Kinh giới tuệ, Kim ngân hoa đều từ 6 - 9 gam, Liên kiều 3 gam .v.v. Nếu bệnh kiêm cả thấp nhiệt, nên gia các loại thuốc thấm thấp như Trúc diệp 6 - 10 gam, Mộc thông 6 - 9 gam, Xa tiền thảo 15 - 30 gam, Hoạt

thạch 15 - 30 gam, Đông qua nhân 15 - 30 gam. Đồng thời tăng Hoàng liên tới 9 gam.

12. Phế uẩn đàm nhiệt phương

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại — Ngân hạnh
Hàn thuỷ thạch — Tô tử
Qua lâu

13. Thai phong tán

Người cống hiến: Hạ Bản Tự, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Thiểm Tây

Kinh giới tuệ 1,5 - 3 gam — Phòng phong 3 - 5 gam
Toàn yết 3 con — Cam thảo 1,5 - 3 "
Bạch ngân 1 cục (cạo sạch rỉ mốc)

Cách dùng: Trẻ em 1 tuổi thì cho uống dạng thuốc sắc, chỉ nấu 1 nước chia 2 lần uống. Một tuổi trở lên thì sắc 2 nước chia 2 lần uống. Sắc 1 nước thì chất thuốc nhẹ. Sắc cả hai nước thì chất thuốc mạnh, mục đích để thích ứng với lứa tuổi khác nhau của trẻ em.

Gia giảm: Nếu mới bị cảm, sốt nhẹ, ho nhẹ và có đờm, gia Cát cánh từ 5 - 8 gam. Nếu suyễn khái không dứt, sốt cao, gia Thiên trúc hoàng 1 - 2 gam, Hồ Hoàng liên 1 - 1,5 gam, Kim ngân hoa 3 - 6 gam. Nếu sốt cao từ 3 - 5 ngày mà nhiệt không lui, và ho suyễn càng kịch liệt, thì đơn thuốc bột này hoà thêm Ngưu hoàng an cung hoàn một phần tư viên cho uống (mới bị

bệnh thì đừng uống). Kiêm chứng kinh giản, co giật thì gia Hổ phách 3 gam, Thiền thuế 5 - 10 gam. Nôn mửa ỉa chảy, gia Táo tâm thổ 5 - 10 gam, Sinh khương 3 nhát, Hồng đường 3,5 gam. Đại tiện không thông, lấy nước sắc thang này hoà thêm Bảo xích vạn ứng tán. Nếu tiểu tiện không lợi gia Liên kiều 1 - 3 gam, Mộc thông 1 - 3 gam, Đăng tâm 0,1 gam.

260. TRẺ EM SUYỄN GẤP

Trẻ em suyễn gấp khác với người lớn. Người lớn suyễn gấp nhiều ho đờm thuộc cố tật, khó chữa căn bệnh, còn trẻ em thì tuổi thơ bồng bột, phát dục vượng thịnh, tạng khí trong trẻo, điều trị thích đáng dễ khỏi hẳn.

Suyễn thở gấp gấp, ho có tiếng khò khè, nhiều đờm trong loãng có bọt, kiêm chứng ố hàn không có mồ hôi, mạch Phù là thuộc phong hàn bó ở Phế, đờm ẩm đọng ở trong, dùng ***Tiểu nhi háo suyễn chứng trị hàn suyễn phương (1)*** để giải biểu tán hàn, tuyên Phế hoá đàm, ôn Phế chỉ khái. Nhiều đờm úng thịnh thì dùng ***Ôn Phế định suyễn thang (2)*** để tuyên Phế, tán hàn, bình suyễn, trừ đờm. Kiêm chứng lưng đùi yếu mỏi, sợ lạnh yếu sức là do ngoại hàn bó ở Phế, đàm nghịch Thận hư, dùng ***Phùng thị bình suyễn thang số II (3)*** để tân ôn khai Phế, giáng nghịch khư đàm, nạp khí bình suyễn, ích Thận trợ dương. Nếu phong hàn bó ở ngoài, có chứng suyễn gấp ngực đầy, ố hàn, không mồ hôi, có thể dùng ***Tuyên tiêu tán (4)*** để tuyên uất giải biểu, sơ thông Phế khí.

Khái thấu thở gấp, suyễn gấp đờm khò khè, phát sốt sợ gió, mũi tắc chảy nước mũi, mặt đỏ ngực khó chịu, mạch Phù Sác là do phong nhiệt uất ở Phế, nên sơ phong giải độc, tuyên Phế thanh nhiệt, dùng ***Tiểu nhi háo suyễn phát tác kỳ nghiệm phương (5)***. Suyễn gấp nặng thì dùng ***Liên kiều ma hạnh thạch cam thang (6)*** để tuyên Phế thanh nhiệt, giải độc bình suyễn.

Nếu kiêm chứng phiền táo không yên là lý nhiệt khá nặng, có thể dùng ***Vương thị ma hạnh thạch cam thang gia vị phương số I (7)*** để tân lương giải biểu, thanh nhiệt khai Phế. Nếu đờm khò khè và sốt cao thì dùng ***Ma thạch gia vị thang (8)*** để thanh nhiệt giải biểu, hoá đàm định suyễn. Nặng hơn thì dùng ***Chu thị nghiệm phương số I (9)*** để giải cả biểu và lý, tả Phế bình suyễn. Nếu biểu chứng đã giải, nhưng thấy suyễn gấp hổn hển, khái thấu phát nhiệt, cánh mũi phập phồng, hung cách đầy tức tiếng cao thở dốc là thuộc đàm nhiệt úng ở Phế, nên thanh nhiệt tuyên Phế, dẹp suyễn chỉ khái hoá đàm, cho uống ***Nhiệt suyễn phương (10)***. Nếu kiêm chứng ra mồ hôi sốt cao miệng khô, lưỡi đỏ ít tân dịch và đau họng, là thuộc nhiệt độc thiên thịnh thì dùng ***Vương thị Ma hạnh thạch cam thang gia vị phương số II (11)*** là những thuốc cay mát tiết nhiệt, giải độc khư đàm bình suyễn. Cũng có thể dùng ***Ngư cáp thạch hoa thang (12)*** để tuyên tiết Phế nhiệt trừ đàm bình suyễn kiêm giải biểu, giữ gìn phần Âm. Nếu khát nước nhiều là Âm dịch đã hao thương, cho uống ***Háo suyễn kinh nghiệm phương (13)*** để thanh nhiệt tuyên Phế, hoá đàm bình suyễn, dưỡng âm bảo vệ Phế. Trường hợp uống thuốc khó khăn thì dùng ***Tiểu nhi Phế viêm quán trường phương (14)*** để phối hợp với phép rửa ruột. Trường hợp Âm tổn thương khá nặng, có chứng phát sốt về buổi chiều, trằn trọc không ngủ được, khái thấu thở gấp, khát nước lưỡi đỏ, mạch Tế Sác, dùng ***Chu thị nghiệm phương số II (15)*** để dưỡng Âm thanh nhiệt, tả Phế dẹp suyễn.

Chứng đờm nhiệt úng tắc ở Phế lại kiêm thấy tiếng đờm sùng sục, suyễn gấp buồn nôn, mạch Huyền Hoạt, nếu sốt cao là

thuộc nhiệt độc bế Phế, có thể dùng ***Khổ giáng tân khai phươn*** ***(16)*** để thanh nhiệt giải độc, hoá đàm bình suyễn kiêm ho trung. Chứng đàm nhiệt lại thấy cả đau họng thì dùng ***Than*** ***Phế ẩm hoàn (17)*** để thanh nhiệt tuyên Phế, lợi họng. Suyễn gấ mà sốt cao kéo dài không lui, nói chung đã áp dụng phép tuyê Phế tiết nhiệt, thanh lý giải độc mà hiệu quả vẫn chưa rõ rệt, là do nhiệt độc uất ở lý, bệnh rất nặng, có thể dùng ***Hùng sạ tán*** ***(18)*** để khai khiếu định kinh giải độc, tả bỏ nhiệt úng trệ và dẫn đàm trọc.

Đàm nhiệt úng thịnh dẫn đến nội phong muốn động, có thể thấy suyễn gấp, thở thô, phiền táo hơi gắt, mỏi mệt, giấc ngủ không yên, dùng ***Trừ đàm hoá phong đan (19)*** để quét đàm làm sạch Phế, thanh Tâm định kinh, khư phong dẹp suyễn.

Đờm khò khè suyễn gấp lại thấy phát sốt, đại tiện khô kết, có thể dùng ***Chỉ tinh ngưu hoàng tán (20)*** để tả nhiệt thông Phủ, dẹp suyễn quét đờm.

Suyễn gấp nhiều đờm kiêm chứng ngủ li bì, nói sảng, thậm chí chân tay co giật, sốt cao hoặc Kinh Quyết, có thể dùng ***Ngân Kiều câu đằng thang (21)*** gia giảm để thanh Tâm khai khiếu khư đàm dẹp phong. Bệnh nặng hơn thì dùng ***Châu hoàng tán*** ***(22)*** để thanh Tâm khai khiếu, bình Can dẹp phong, giải độc khư đàm. Thấy kiêm chứng lưỡi đỏ tía hoặc tối sạm, chỉ văn tía xanh thì dùng ***Hoá đàm tán (23)*** để quét đàm khai Phế, thanh Tâm trấn kinh, tiêu ứ khai khiếu.

Do đàm nhiệt úng tắc ở Phế gây nên suyễn gấp, kiêm chứng lưng gối yếu sức, thể trạng vốn yếu, có thể dùng ***Phùng thị bình***

suyễn thang số I (24) trên cơ sở tuyên Phế quét đàm, thanh nhiệt bình suyễn đồng thời bổ Thận nạp khí. Chứng đàm nhiệt ngăn trở Phế mà kiêm cả lưỡi tối, môi tái xanh là có ứ trệ, có thể dùng những phương nói trên mà quét đàm nhiệt, phối hợp với ***Đan hồng ẩm (25)*** để hoạt huyết tiêu ứ hoặc dùng ***Tiểu nhi chỉ suyễn thang (26)*** nhằm hoạt huyết hoá ứ, lý khí trừ đàm.

Suyễn gấp thuộc chứng đàm úng Phế thực thường có các chứng trạng ngực đầy khó thở, suyễn khái nhiều đàm, rêu lưỡi trắng nhớt, có thể dùng ***Đình lịch ngũ tử thang (27)*** để hoá đàm định suyễn, giáng khí chỉ khái. Nếu kiêm chứng môi miệng tím tái, sắc mặt xanh trệ, chất lưỡi tía tối là do đàm với ứ câu kết, có thể dùng ***Tần thị đàm ứ phương (28)*** để quét đàm hành ứ. Kiêm chứng kém ăn, đại tiện khô kết hoặc gặp gió lạnh thì ho nặng hơn, có thể dùng ***Mã thị háo suyễn phương số I (29)*** để tuyên Phế quét đàm, giáng khí bình suyễn đồng thời tiêu thực thanh nhiệt. Nếu thấy chứng đờm dãi trong loãng, ngực khó chịu là do đàm ẩm gây nên, dùng ***Lưu thị thấp đàm phương (30)*** để ôn hoá đàm thấp, bình suyễn chỉ khái. Nếu kiêm chứng ố hàn, mạch Phù thuộc biểu chứng thì dùng ***Tần thị cơ bản phương số I (31)*** để tuyên Phế giải biểu, hoá đàm bình suyễn. Kiêm chứng sốt cao mà suyễn nặng, phiền táo không yên thì dùng ***Tinh sương tán (32)*** để tiết nhiệt giải độc, khư đàm trấn Kính, định suyễn chỉ khái. Nếu kiêm chứng tinh thần hôn mê, co giật tím tái là thuộc phong đàm nghẽn trở các khiếu dẫn động Can phong, nên dùng ***Tức phong trấn suyễn thang (33)*** để quét đàm khai khiếu dẹp phong bình Can. Đờm trọc úng tắc ở Phế gây nên đoản hơi sợ

gió, tự ra mồ hôi, cho uống ***Ích khí định suyễn thang (34)*** để ích Phế khí hoá đàm thấp và trừ suyễn khái.

Lưng gối yếu mỏi, tiếng thấp thể trạng yếu, kém ăn đại tiện nhão, hoặc người thể trạng vốn hư yếu mà đờm suyễn thuộc chứng hư thực lẫn lộn, trên thực dưới hư, có thể chọn dùng ***Lê thị định suyễn phương số I (35) số II (36) số III (37)*** để hoá đàm trọc mà chỉ khái bình suyễn, bổ Tỳ Thận để phù chính làm bền gốc rễ.

Suyễn khái đã lâu, sốt nhẹ hoặc không sốt, tinh thần uỷ mị bạc nhược, mỏi mệt yếu sức, hoặc thấy ho khan ít đờm, ăn uống kém là do thể trạng hư yếu, tà bệnh luẩn quẩn, khí và tân dịch đã tổn thương, chính khí không chống nổi, cho uống ***Sâm xạ chương trà tán (38)*** để ích khí có thoát, làm Não tỉnh táo và khai khiếu.

Khái thấu ít đờm, sốt nhẹ khát nước, triều nhiệt Tâm phiền, lưỡi đỏ ít rêu, có thể dùng ***Tư bổ định suyễn thang (39)*** để tư âm nhuận Phế, chỉ khái dẹp suyễn. Chứng này phát cơn vào mùa Hạ, có thể dùng ***Âm hư nội nhiệt khái suyễn phương (40)*** để dưỡng âm thanh nhiệt, sinh tân ích khí và bình suyễn.

Điều trị trẻ em ở thời kỳ chưa phát cơn suyễn khái là điều mười phần tất yếu. Nếu điều trị thích đáng có thể chữa khỏi từ gốc bệnh. Lúc bình thường phải lấy kiện Tỳ ích Phế bổ Thận làm chủ yếu. Nếu kém ăn, mặt úa vàng, gầy còm mỏi mệt dễ cảm mạo, có thể dùng ***Mã thị háo suyễn phương số II (41)*** để kiện Tỳ bổ Phế, kiêm ích Phế trừ đàm. Nếu kiêm chứng mỏi lưng chân yếu, chóng mặt ù tai, phát dục chậm chạp, có thể dùng *Gia*

vị kim thuỷ lục quân tiễn (42) để bổ Thận kiện Tỳ kiêm dưỡng Phế ích khí sinh huyết. Nếu kiêm chứng chi dưới yếu sức, tự ra mồ hôi, hồi hộp, lưỡi tối là do khí huyết đều hư, Thận Tỳ bất túc, đàm ứ quá lâu, có thể dùng ***Phòng háo thang (43)*** để ích khí dưỡng huyết, hoạt huyết hoá đàm.

Nếu khái suyễn đã lâu, tiếng thấp yếu sức, mặt nhợt tinh thần mỏi mệt, là thuộc Thận khí không bền, nguyên khí bất túc, có thể dùng ***Cố bản định suyễn thang (44)*** để bổ nguyên ích Thận chỉ khái bình suyễn.

Trẻ em phát cơn háo suyễn cấp tính nhưng không có chút Biểu chứng nào, đó là do Thận hư gây nên, có thể dùng ***Tôn thị bổ Thận bình suyễn thang (45).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Tiểu nhi háo suyễn chứng trị hàn suyễn phương

Người cống hiến: Lưu Vận Viễn, Y sư chủ nhiệm
Y viện nhi đồng Bắc Kinh

Ma hoàng (trích)	6 gam	Hạnh nhân	6 gam
Ngân hạnh	10 "	Cát cánh	6 "
Tử uyển	10 "	Khoản đông hoa	10 "
Tô tử	6 "	Can khương	3 "

Gia giảm: Ho nặng gia Bạch tiền. Suyễn nặng gia Giả thạch để trợ sức thuốc.

2. Ôn Phế định suyễn thang

Người cống hiến: Trịnh Cát Vân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Hà Nam

Can khương	2,4 gam	Bạc hà	2,4 gam
Tế tân	2,4 "	Tô diệp	3 "
Ngũ vị tử	3 "	Hạnh nhân	6 "
Ma hoàng	1;5 "		

3. Phùng thị bình suyễn thang số II

Người cống hiến: Phùng Thị Tường, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Tứ Xuyên

Ma hoàng	Pháp Bán hạ
Hạnh nhân	Trần bì
Phục linh	Tô tử
Khổ Đình lịch	Bạch giới tử
Hồ đào	Bổ cốt chi
Hồ lô ba	Lộc giác phiến
Cam thảo	

Gia giảm: Đờm không nhiều thì bỏ Bán hạ, Phục linh. Bệnh trình kéo dài thì gia Dâm dương hoắc, Toả dương, Chế Phụ phiến, Thục Địa hoàng, Sơn dược v.v...

4. Tuyên tiêu tán

Người cống hiến: Trinh Cát Vân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Bạc hà diệp	9 gam	Hạnh nhân	9 gam
Kinh giới tuệ	9 "	Tô diệp	9 "

Ma hoàng	6 gam	Sơn tra	6 gam
Mạch nha	6 "	Thần khúc	6 "
Phan tả diệp	1,2 "	Chỉ thấu tán	

5. Tiểu nhi háo suyễn phát tác kỳ nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Toàn phúc hoa	6 - 9 gam	Can Địa long	6 - 9 gam
Thiên trùng (chế)	6 "	Hạnh nhân	6 "
Triết Bối mẫu	6 "	Trúc lịch	6 "
Bán hạ	6 "	Quất hồng	5 "
Tô tử (sao)	4 "	Thiền thuế	2 "

6. Ngân kiều ma hạnh thạch cam thang

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	6 gam
Sinh Thạch cao	15 "	Sinh Cam thảo	3 "
Kim ngân hoa	10 "	Liên kiều	10 "
Bạc hà	2,4 "	Cát cánh	6 "
Đạn đậu sị	6 "	Ngưu bàng tử	6 "

7. Vương thị ma hạnh thạch cam thang gia vị phương số I

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trích Ma hoàng	3 gam	Khổ Hạnh nhân	6 gam
Sinh Thạch cao	12 "	Hoàng cầm	6 "
Kim ngân hoa	6 "	Liên kiều	6 "

Bản lam căn	9 gam	Cam thảo	3 gam
Đạm trúc diệp	6 "		

Gia giảm: Nhiều mồ hôi, gia Bạc hà 3 gam, Tang diệp 6 gam, bỏ Ma hoàng. Ho nhiều, gia Tiền hồ 6 gam, Tỳ bà diệp 6 gam. Suyễn nặng, gia Đình lịch tử 6 gam, Lai bặc tử 6 gam. Nhiệt nặng gia Tri mẫu 6 gam, Sơn chi tử 6 gam.

8. Ma thạch gia vị thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Ma hoàng	1 gam	Sinh Thạch cao	9 gam
Hạnh nhân	4,5 "	Ngưu bàng tử	6 "
Cam thảo	1,5 "	Hoa Quất hồng (trích)	6 "
Xuyên Bối mẫu	3 "		

Chú ý: Đơn thuốc trên dùng cho trẻ 3 tuổi.

9. Chu thị nghiệm phương số I

Người cống hiến: Chu Mạc Tán, Lão Trung y nổi tiếng
Trung y y viện Cổ Lâu thành phố Bắc Kinh

Sinh Cam thảo	3 gam	Bạc hà	4,5 gam
Câu đằng	6 "	Hạnh nhân	4,6 "
Sinh Thạch cao	18 "	Ma hoàng	0,6 "
Hoàng cầm	3 "	Thanh cao	6 "
Địa cốt bì	9 "	Tri mẫu	3 "
Tang bì	6 "	Tô tử	4,6 "
Đình lịch tử	6 "	Qua lâu	3 "
Lai bặc tử (sao)	3 "	Cúc hoa	9 "

Gia giảm: Sốt cao kinh sợ hoặc độc nhiệt úng thịnh, gia Linh dương giác phấn 0,3 gam. Ban đêm nhiệt nặng, gia Mẫu đơn bì 6 gam. Suyễn thở nặng, gia Tử uyển 6 gam. Mũi xuất huyết, gia Bạch đầu ông 9 gam. Nôn mửa, gia Tì bà diệp 12 gam. Phúc tả, giảm Hạnh nhân, Hoàng cầm, Tri mẫu, Qua lâu, gia Bạch truật 6 gam, Sơn dược 12 gam, Biển đậu 15 gam. Đi tả nhẹ có thể không giảm vị thuốc nào, lại dùng riêng Sơn dược 15 - 30 gam sắc lấy nước uống thay đồ uống khác.

10. Nhiệt suyễn phương

Người cống hiến: Lưu Vận Viễn, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nhi Đồng Bắc Kinh

Sinh Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	6 gam
Ngân hạnh	10 "	Cát cánh	6 "
Địa long	6 "	Tang bì	10 "
Đông qua tử	10 "	Sinh Thạch cao	30 "

11. Vương thị ma hạnh thạch cam thang gia vị phương số II

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Ma hoàng (trích)	6 gam	Hạnh nhân	9 gam
Sinh Thạch cao	18 "	Liên kiều	9 "
Bản lam căn	9 "	Tri mẫu	9 "
Sơn chi tử	9 "	Ngư tinh thảo	9 "
Hoàng cầm	9 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Suyễn nặng, nhiều đờm, gia Tử tô tử 6 gam, Đình lịch tử 6 gam. Khát nước thích uống, gia Thiên hoa phấn 9 gam,

Ngọc trúc 9 gam. Đại tiện khô ráo, bụng trướng đầy, gia Thục Đại hoàng 6 gam, Chỉ thực 6 gam.

12. Ngư cáp thạch hoa thang

Người cống hiến: Mã Âm Tiến, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Sinh Thạch cao	30 gam	Ngư tinh thảo	15 gam
Kim ngân hoa	15 "	Hải cáp xác phấn	10 "
Bắc Sa sâm	10 "	Hạnh nhân	10 "
Tiền hồ	10 "	Xuyên Bối mẫu	6 "
Mộc hồ điệp	6 "	Quất hồng	6 "

13. Háo suyễn kinh nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Tang bạch bì	12 gam	Ma hoàng	3 gam
Pháp Bán hạ	5 "	Hạnh nhân (sao)	6 "
Hoàng cầm	10 "	Ngân hạnh	10 "
Sinh Thạch cao	30 "	Qua lâu	12 "
A giao	10 "	Mạch môn đông	10 "
Sinh Thảo	3 "	Tô tử	5 "

14. Tiểu nhi Phế viêm quán trường phương

Người cống hiến: Đổng Trị Trung, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Phù Dư tỉnh Cát Lâm

Ma hoàng	10 gam	Thạch cao	50 gam
Hạnh nhân	5 "	Cam thảo	5 "
Tri mẫu	10 "		

Cách dùng: Các vị thuốc trên sắc lấy 160 ml giữ độ ấm 30 °C lấy một ống thụt nhỏ nhét vào giang môn 14 mm mỗi lần thụt khoảng 40 ml, ngày làm 4 lần.

15. Chu thị nghiệm phương số II

Người cống hiến: Chu Mạc Tân, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thị trấn Cổ Lâu thành phố Bắc Kinh

Tang diệp	9 gam	Miết giáp	9 gam
Thanh cao	9 "	Mẫu đan bì	6 "
Sinh địa	6 "	Tri mẫu	3 "
Xích thược	6 "	Tang bì	6 "
Tô tử	4,6 "	Địa cốt bì	9 "
Qua lâu nhân	1,5 "	Đình lịch tử	6 "
Sinh Thạch cao	18 "	Lai bặc tử (sao)	3 "
Tử tuyết tán	0,6 " (chia 2 lần hoà nước thuốc uống)		

Gia giảm: Sốt cao muốn phát Kính hoặc nhiệt độc úng thịnh, gia Linh dương giác phấn 0,6 gam. Sốt cao không lui, gia Huyền sâm 9 gam, Sinh Mẫu lệ 9 gam, Thạch hộc 12 gam, Hoàng bá 3 gam. Sốt cao kéo dài có thể gia Quy bản 12 gam. Tâm phiền không ngủ, gia Hồ liên 3 gam, Chu sa 0,6 gam. Rêu lưỡi vàng dầy, gia Hoàng cầm 3 gam. Khát nước gia Thiên hoa phấn 9 gam.

16. Khổ giáng tân khai phương

Người cống hiến: Lưu Bật Thần, Giáo sư Trung y học viện Bắc Kinh

Hoàng liên	1 gam (hoặc Mã vĩ liên 3 gam)		
Hoàng cầm	10 gam	Can khương	1 gam

Bán hạ	3 gam	Chỉ xác	5 gam
Xuyên Uất kim	5 "	Lai bặc tử	3 "

17. Thanh Phế ẩm hoàn

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Sơn đậu căn	120 gam	Xạ can	150 gam
Cẩm đăng lung	180 "	Can Thanh quả	300 "
Sinh Chi tử	240 "	Hài nhi trà	90 "
Ma hoàng	24 "		

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam, mỗi lần uống 1 viên, ngày uống 2 - 3 viên. Từ 2 tuổi trở xuống giảm một nửa liều lượng, lứa tuổi học sinh nhi đồng mỗi lần có thể dùng 1,5 viên đến 2 viên, ngày 2 - 3 lần.

18. Hùng xạ tán

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm Trung y văn hiến quán Thượng Hải

Hùng đởm	Xạ hương

Cách dùng: Hai vị trên tán bột trộn đều, hoà vào nước uống. Nhiều trường hợp sau 1 ngày uống thuốc bắt đầu lui sốt, hơi thở êm dịu. Bệnh nặng thì trong 3 ngày sốt lui, giảm ho, thoải mái, bệnh trở nên yên ổn, càng dùng càng hiệu nghiệm.

Chú ý: Công dụng của phương này chủ yếu chữa chứng nhiệt độc lý uất rất nặng, nhưng không phải bệnh nhân nào cũng ứng dụng được mà phải lựa chọn bệnh nhân cẩn thận, sử dụng không quá 3 thang. Vì là thuốc đắng và mát, trúng bệnh thì

ngừng thuốc ngay, trái lại sẽ hại Tỳ Vị. Đồng thời có thể phối hợp với dạng thuốc sắc, hiệu quả càng tốt.

19. Trừ đàm hoá phong đan

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Thiên trúc hoàng	30 gam	Đởm Nam tinh	15 gam
Cương tàm	15 "	Quất hồng	15 "
Pháp Bán hạ	12 "	Toàn yết	12 "
Cam thảo	6 "	Đại hoàng	6 "
Ngưu hoàng	0,6 "	Hàn thuỷ thạch	30 "
Băng phiến	0,6 "	Chu sa	6 "

Cách dùng: Các vị tán bột trộn đều, luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 1,5 gam. Trẻ em từ 1 - đến 3 tháng mỗi lần uống 0,5 viên, ngày 2 lần.

2. Chỉ tinh ngưu hoàng tán

Người cống hiến: Giả Bích, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thiểm Tây

Sinh Chỉ xác	30 gam	Đởm Nam tinh	15 gam
Hắc Khiên ngưu	15 "	Tửu Đại hoàng	30 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, trẻ em trong 1 tuổi mỗi lần uống từ 0,15 - 0,3 gam. Từ 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 0,3 - 0,6 gam; Từ 3 - 6 tuổi, mỗi lần uống 0,6 - 1,2 gam; 6 - 9 tuổi, mỗi lần uống từ 1 - 2 gam. Từ 9 - 12 tuổi mỗi lần uống từ 1,5 - 3 gam, ngày 3 lần, chiêu với nước đường.

21. Ngân kiều câu đằng thang

Người cống hiến: Mã Tân Ván, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Kim ngân hoa
Liên kiều
Bối mẫu
Câu đằng
Bạch thược
Tang diệp

22. Châu hoàng tán

Người cống hiến: Uông Tú Phong, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tế Tế Cáp Nhĩ

Ngưu hoàng
Chân châu
Thiên trúc hoàng
Hùng hoàng
Cương tàm
Toàn yết
Linh dương giác
Hán Tam thất
Hoàng liên
Hoàng cầm
Hổ phách
Băng phiến

23. Hoá đàm tán

Người cống hiến: Uông Tú Phong, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tế Tế Cáp Nhĩ

Đan thạch
Xạ hương
Ngưu hoàng
Xuyên bối
Tri mẫu
Chu xa
Hán Tam thất

24. Phùng thị bình suyễn thang số I

Người cống hiến: Phùng Thị Tường, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Tứ Xuyên

Ma hoàng	Kim ngân hoa
Hạnh nhân	Liên kiều
Nữ trinh diệp	Tô tử
Khổ đình lịch	Địa long
Hồ đào	Dâm dương hoắc
Bổ cốt chi	Hồ lô ba
Cam thảo	

Gia giảm: Nhiệt tà chưa hết, gia Sinh Thạch cao. Nhiều mồ hôi gia Bạch truật. Ho hơi nhiều gia Khoản đông hoa, Tỳ bà diệp. Ngực khó chịu gia Toàn phú hoa. Bệnh trình kéo dài, gia Ba kích thiên, Đông trùng hạ thảo, Sơn dược, Thục Địa hoàng (sử dụng một vài vị).

25. Đan hồng ẩm

Người cống hiến: Úc Văn Tuấn, Giáo sư
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Tứ Xuyên

Đan sâm	Hồng hoa

26. Tiểu nhi chỉ suyễn thang

Người cống hiến: Vương Liệt, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Địa long	15 gam	Lộ phong phòng	10 gam
Xuyên khung	15 "	Trắc bá diệp	15 "

Cương tàm	10 gam	Bạch tiển bì	15 gam
Xạ can	10 "	Hoàng cầm	15 "
Tô tử	15 "	Lưu ký nô	10 "

27. Đình lịch ngũ vị tử thang

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn An Dương tỉnh Hà Nam

Đình lịch tử	3 gam	Ngưu bàng tử	6 gam
Hạnh nhân (sao)	6 "	Tô tử (trích)	4,5 "
Lai bặc tử	6 "	Xuyên Bối mẫu	4,5 "
Quất hồng (trích)	6 "	Đại táo (bỏ hột)	5 quả

Cách dùng: Các vị tán bột thô, sắc lấy 60 ml nước chia làm 3 lần uống lúc nóng, ngày 1 thang

Chú ý: Công thức trên dùng cho trẻ em 1 tuổi.

28. Tần thị đàm ứ phương

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Đởm Nam tinh	3 gam	Chỉ xác	6 gam
Đình lịch tử	6 "	Pháp Bán hạ	5 "
Trần bì	3 "	Phục linh	10 "
Hạnh nhân	6 "	Cam thảo	2 "
Đào nhân	5 "	Hồng hoa	5 "
Uất kim	5 "		

29. Mã thị háo suyễn phương số I

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư
Trung y học viện Triết Giang

Ma hoàng (trích)	6 gam	Hạnh nhân (sao)	6 gam
Đình lịch tử (sao)	6 "	Lai bặc tử (sao)	3 "
Ngũ vị tử	3 "	Qua lâu bì	6 "
Hổ nhĩ thảo	9 "	Trúc lịch	6 "
Bán hạ	6 "	Quất hồng	5 "
Khổ sâm	6 "	Địa long	6 "

Chú ý: Công thức này dùng cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi.

30. Lưu thị thấp đàm phương

Người cống hiến: Lưu Vận Viễn, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Tô ngạnh	6 gam	Tô tử	6 gam
Hạnh nhân	6 "	Cát cánh	6 "
Can khương	3 "	Ngũ vị tử	6 "

Gia giảm: Nếu kiêm ngoại cảm thì chọn gia Lô căn tươi, Tế tân. Ho nhiều thì chọn gia Bách bộ, Thiền thuế. Suyễn nặng thì gia Ngân hạnh, Kha tử. Đàm nhiều thì chọn gia Bạch giới tử, Bán hạ, Phục linh, Đình lịch tử. Nhiều mồ hôi thì chọn gia Mẫu lệ, Sinh Long cốt. Kiêm hiện tượng nhiệt thì bỏ Can khương, gia Đởm Nam tinh. Đại tiện khô gia Toàn Qua lâu, Đại hoàng thán. Khí hư thể trạng yếu gia Thái tử sâm.

31. Tần thị cơ bản phương số I

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Sinh Ma hoàng	3 gam	Hạnh nhân	6 gam
Tiền hồ	5 "	Pháp Bán hạ	6 "
Trần bì	3 "	Toàn phúc hoa	5 "
Tô tử	5 "	Bạch giới tử	5 "
Cam thảo	2 "		

32. Tinh sương tán

Người cống hiến: Giả Phường, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Thiểm Tây

Đởm Nam tinh	6 gam	Ba đậu sương	6 gam
Minh Hùng hoàng	6 "	Chu sa	3 "
Thanh đại	30 "	Quất hồng	10 "
Toàn yết	6 "	Cương trùng	15 "
Đại hoàng	10 "	Sơn tra	10 "

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột mịn. Trẻ dưới 1 tuổi, mỗi lần uống 0,06 - 0,12 gam. Từ 1 - 3 tuổi, mỗi lần uống 0,09 - 0,2 gam. 3 - 6 tuổi mỗi lần uống 0,1 - 0,24 gam. 6 - 9 tuổi mỗi lần 0,15 - 0,3 gam. 9 - 12 tuổi, mỗi lần uống 0,2 - 0,5 gam. Ngày 2 lần, chiêu với nước chín.

33. Tức phong trấn suyễn thang

Người cống hiến: Úc Văn Tuấn, Giáo sư Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Tứ Xuyên

Ma hoàng	Toàn Qua lâu
Tiên trúc lịch	Thiên trúc hoàng

Đởm Nam tinh	Câu đằng
Bạch thược (sao)	Bạch Cương tàm
Địa long	Sinh Long cốt
Sinh Mẫu lệ	Tiên xương bồ
Triết Bối	

Cách dùng: Uống đơn thuốc trên, đồng thời uống thêm các loại Khống diên đan, Kim quĩ Thận khí hoàn, Phức phương Đan sâm phiến.

34. Ích khí định suyễn thang

Người cống hiến: Vương Bá Nhạc, Nhà Trung y nổi tiếng Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Đảng sâm	9 gam	Phục linh	9 gam
Hoàng kỳ	9 "	Bạch truật	9 "
Tử uyển (trích)	9 "	Ngân Hạnh nhân	9 "
Quất nhân	9 "	Cam thảo	6 "

35. Lê thị định suyễn phương số I

Người cống hiến: Lê Bính Nam, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Ma hoàng	8 gam	Đình lịch	6 gam
Đương qui	10 "	Nga quản thạch	10 "
Tô tử	10 "	Ngũ vị tử	10 "
Bổ cốt chi	10 "	Pháp Bán hạ	10 "
Đảng sâm	20 "	Thục Địa hoàng	20 "
Bạch tật lê	20 "	Trích Cam thảo	5 "

36. Lê thị định suyễn phương số II

Người cống hiến: Lê Bính Nam, Giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Bổ cốt chi	10 gam	Thất diệp nhất chi hoa	10 gam
Ngũ vị tử	10 "	Đương qui	19 "
Xạ can	10 "	Quế chi	30 "
Hy thiêm thảo	15 "	Ma hoàng	8 "
Thục Địa hoàng	20 "	Đảng sâm	25 "
Trích Cam thảo	5 "		

37. Lê thị định suyễn phương số III

Người cống hiến: Lê Bính Nam, Giáo sư
Trung y học viện Quảng Châu

Xương nhĩ tử	10 gam	Ngũ vị tử	10 gam
Đương qui	10 "	Hy thiêm thảo	15 "
Bạch tật lê	20 "	Ma hoàng	8 "
Thục Địa hoàng	25 "	Hà thủ ô	25 "
Đảng sâm	25 "	Trích thảo	6 "

38. Sâm xạ chương trà tán

Người cống hiến: Giả Phương Y sư chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện tỉnh Thiểm Tây

Cao ly sâm	3 gam	Xạ hương	0,9 gam
Tử dương lục trà	3 "	Chương não	3 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột. Dưới 1 tuổi mỗi lần uống 0,09 - 0,2 gam. 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 0,12 - 0,24 gam. 3 - 6 tuổi, mỗi lần uống 0,15 - 0,3 gam. 5 - 9 tuổi mỗi lần uống 0,3 -

0,6 gam. 9 - 12 tuổi, mỗi lần uống 0,6 - 1,2 gam. Mỗi ngày uống 3 lần, pha nước chín hoặc nước đường mà uống.

Gia giảm: Đơn này thường dùng thêm Tang diệp, Sinh Thạch cao, Sa sâm, Sinh Địa hoàng, A giao, Hạnh nhân để làm tá dược, có tác dụng tăng cường hiệu quả dưỡng Âm.

39. Tư bổ định suyễn thang

Người cống hiến: Trịnh Cát Vân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Bạch Can sâm	6 gam	Ngũ vị tử	6 gam
Mạch môn đông	9 "	Sa sâm	9 "
Câu kỷ	9 "	Thục Địa hoàng	9 "

40. Âm hư nội nhiệt khái suyễn phương

Người cống hiến: Lưu Vận Viễn, Y sư chủ nhiệm
Y viện Nhi đồng thành phố Bắc Kinh

Sa sâm	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	Thiên hoa phấn
Bách bộ	Ngân hạnh

Gia giảm: Ho nặng thì chọn thêm Tri mẫu, Bối mẫu, Quất hồng. Suyễn nặng thì chọn thêm Thái tử sâm, Mông thạch, Xuyên bối để dưỡng âm thanh nhiệt, sinh tân ích khí bình suyễn.

41. Mã thị háo suyễn phương số II

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư
Trung y học viện Triết Giang

Đảng sâm	6 gam	Sao Bạch truật	6 gam
Phục linh	9 "	Trần bì	5 "

Ngũ vị tử	3 gam	Sinh Hoàng kỳ	6 gam
Trần du nhục	6 "	Khương Bán hạ	6 "
Hổ nhĩ thảo	9 "	Tử hà sa phấn	3 "
Phòng phong	3 "		

Đơn thuốc này dùng cho trẻ em 3 - 5 tuổi.

42. Gia vị Kim thuỷ lục quân tiễn

Người cống hiến: Tiêu Chính An, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Pháp Bán hạ	Trần bì
Phục linh	Đương qui
Cam thảo	Thục Địa hoàng
Sa sâm	Bạch truật
Nữ trinh tử	Thỏ ty tử
Phá cố chỉ	Hổ đào nhục
Thổ Phục linh	Long cốt

Cách dùng: Các vị tán bột, phun nước ép thành viên dẹt mỗi viên nặng 0,3 gam, ngày uống hai lần sáng và tối đến chiều theo lứa tuổi cứ mỗi tuổi 1 viên, uống 1 tháng là một đợt điều trị, khoảng 3 tháng có thể trị được gốc bệnh. Phương này cũng uống được theo dạng sắc, 2 ngày uống 1 thang.

43. Phòng háo thang

Người cống hiến: Vương Liệt, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Hoàng kỳ	Thục Địa hoàng
Đương qui	Thái tử sâm

Bổ cốt chi	Nữ trinh tử
Ý dĩ nhân	Ngọc trúc
Ngũ vị tử	Sơn dược
Mẫu lệ	

44. Cố bản định suyễn thang

Người cống hiến: Trịnh Cát Vân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Bạch quả nhân	9 gam	Tế tân	2,4 gam
Quy bản giao	6 "	Ngũ vị tử	4,5 "
Can khương	3 "		

Gia giảm: Nếu thấy dấu hiệu chân dương khuy tổn, nên phối hợp với bột Tử hà sa hoà vào thuốc uống.

45. Tôn thị bổ Thận bình suyễn thang

Người cống hiến: Tôn Hạo, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Nghi Trình tỉnh Giang Tô
thừa kế phương của Lão Trung y nổi tiếng Tôn Cẩn Thần

Tử hà sa	9 gam	Khảm ly	9 gam
Long cốt nung	9 "	Ngũ vị tử	6 "
Cam thảo trích	6 "	Hoàng tinh (chế)	6 "
Lộc giác sương	3 "	Chế Phụ phiến	1,5 "
Dã sơn sâm	3 "	Nhục quế	1,5 "

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi lần uống 6 gam, ngày 3 lần, chiêu với nước chín.

261. TRẺ EM CHÁN ĂN

Thời gian kéo dài không háu ăn, thậm chí chán ăn uống gọi là chứng Chán ăn, có chỉa hư, thực khác nhau

Mới bị chán ăn, chỉ thấy mức ăn sút kém, đau bụng cự án, đại tiện rất hôi, rêu lưỡi dầy nhớt, mạch Huyền Hoạt, đó là thực tích ở Vị Trường, khí cơ bị úng trệ, nhẹ thì có thể dùng ***Thang thị kim tử hoàn (1)*** để tiêu tích hoà trung, nặng thì uống ***Tiêu tích tán (2)*** để tiêu thực đạo trệ. Kiêm chứng phiền táo quấy khóc, đêm ngủ không yên, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi vàng nhớt là thuộc tích trệ nhiệt nung nấu. Nếu thiên về tích trệ thì dùng ***Tiêu thực tán (3)*** để tiêu thực đạo trệ, an thần thanh Tâm. Nếu thiên về nhiệt, thì dùng ***Chu thị yếm thực hoàn (4)*** để tiêu đạo thanh Tâm yên thần.

Chán ăn lâu ngày, ợ hơi nôn mửa, mặt vàng bủng, tóc khô, nghiến răng; mép chẩy dãi, bụng trướng đầy cự án, đau bụng la khóc, ngủ hay nằm sấp, đại tiện hôi, tiểu tiện sẻn, chỉ tay tía xanh, lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng nhớt hoặc ban đêm kinh hãi vã mồ hôi, là thuộc thực tích đã thành Cam, có thể dùng ***Tam giáp tán (5)*** để phá tích tiêu cam.

Có dấu hiệu Tỳ bị tổn thương, có thể dùng ***Cốc mạch kim thiền tán (6)*** để đạo trệ kiện Tỳ, tiêu cam trấn kinh

Chán ăn mà bụng sườn trướng đầy, ợ hơi, thở dài, ẩu nghịch, tính tình nóng nẩy, mạch Huyền, rêu lưỡi mỏng hoặc nhớt là do

Can Vị bất hoà, sức vận hoá yếu; nếu thiên về khí nghịch Can quá găng, có thể dùng ***Lưu thị tiến thực đường tương (7)*** để bình Can giáng nghịch, điều trung mạnh Vị. Nếu thiên về khí trệ mà có nhiệt ấp ủ, thì dùng ***Cận thị yếm thực điều trị phương (8)*** để sơ Can lý khí, hoà Vị kiện Tỳ kiêm thanh tiết uất nhiệt.

Trẻ em chán ăn, vùng rốn trướng đau từng cơn, kém ăn thể trạng gầy, là do Tỳ hư tích trệ kiêm cả Trùng tích, dùng ***Triệu thị yếm thực phương (9)*** để kiện Tỳ tiêu tích, hoà trung yên Giun.

Ăn uống kém thời gian quá dài, thấy ăn là chán, mặt vàng mình gầy, bụng trướng rêu nhớt là do Tỳ hư không vận chuyển, thấp trọc ngăn trở. Nếu thiên về thấp khốn khí ngăn trở, dùng ***Chiêm thị nghiệm phương (10)*** để mạnh Tỳ hoà trung hoá thấp. Nếu thiên về Thấp ngăn trở mà Tỳ yếu thì dùng ***Vương thị nghiệm phương (11)*** để hoá thấp kiện Tỳ, khai Vị hoà trung. Nếu thiên về Tỳ hư thấp khốn, có thể dùng ***Từ thị tiểu nhi yếm thực phương (12)*** để kiện Tỳ ích khí, vị thuốc thơm tho để hoá khí khai Vị. Những chứng trạng nói trên nếu kiêm chứng đại tiện trong loãng, tinh thần mỏi mệt yếu sức, lười lao động, ít nói là thuộc Trung hư thấp trệ, dùng ***Kiện Tỳ tiêu thực thang (hoặc cao) (13)*** để kiện Tỳ ích khí, điều trung hoá thấp.

Chán ăn đã lâu, gầy còm sốt nhẹ, khát nước hay uống, chân tay phiền nhiệt, da khô ráo, đại tiện khô kết là thuộc khí âm đều hư, cho uống ***Mã thị bình bổ phương (14)*** để bình bổ khí âm, điều hoà Vị khí. Kiêm chứng hồi hộp nhiều mồ hôi, bụng bĩ đầy; nhẹ thì dùng ***Lê thị phương (15)*** để ích khí sinh tân, đi[illegible] khí tiêu tích, nặng thì uống ***Vương thị yếm thực phương (16)*** để ích

khí âm, khơi tích trệ, điều hoà khí cơ. Nếu kiêm chứng lòng bàn tay chân nóng, mồ hôi trộm, lưỡi đỏ bệu ít rêu, bệnh thuộc chứng Tỳ âm hư, có thể dùng ***Ngô thị tư Tỳ ẩm (17)*** để tư Tỳ bổ âm, ích khí sinh tân.

Kéo dài chán ăn và trướng bụng, đại tiện nhão hoặc ra những thức không tiêu, thể trạng gầy, sắc mặt trắng nhợt hoặc nôn mửa ra đồ ăn, ưa nóng sợ lạnh, chân tay không ấm, chất lưỡi nhạt bệu, rêu trắng nhớt, bệnh thuộc hàn thấp làm khốn đốn Trung tiêu, Tỳ mất sự kiện vận, cho uống ***Ôn trung vận Tỳ thang (18)*** để ôn trung vận Tỳ.

Chán ăn mà ăn kém, nhiều mồ hôi, đó là doanh vệ bất hoà, Vị khí khốn đốn, dùng ***Quế chi thang gia vị phương (19)*** gia giảm để điều hoà doanh vệ thúc đẩy cơ năng Vị khí. Nếu trường kỳ chán ăn, ngoài thể trạng gầy còm, giống như không có gì để biện chứng thì dùng ***Dụ thị gia giảm trung hoà lý âm thang (20).***

Điều trị chứng này, nên tham khảo các chứng "Gầy còm", "Kém ăn" là những bệnh do Tỳ Vị gây nên.

PHỤ PHƯƠNG

1. Thang thị kim tử hoàn

Người cống hiến: Thang Thừa Tổ, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thị trấn Nam Thông tỉnh Giang Tô

Kê nội kim Lai bặc tử

Cách dùng: Hai vị liều lượng bằng nhau, sau khi bào ch xong, tán bột riêng, trộn với nhau, dây lấy bột mịn, phun nướ

làm viên nhỏ bằng hạt La bặc, sấy khô, đựng trong túi nhựa mỗi túi 30 gam. Người lớn mỗi lần uống 5 gam. Mười tuổi trở xuống mỗi lần uống 1 - 2 gam. Ngày 3 lần, chiêu với nước chín.

2. Tiêu tích tán

Người cống hiến: Thư Hồng Niên, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện Hương Sơn thành phố Thượng Hải

Tiên lục khúc	4,5 gam	Tiêu Sơn tra	4,5 gam
Tiêu Mạch nha	4,5 "	Kê nội kim	1,5 "
Chỉ xác	3 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, mỗi ngày 1 gói sắc với 500ml nước cạn lấy 100ml, chia 3 lần uống, nếu bệnh nặng có thể tăng liều lượng.

Gia giảm: Nếu kiêm táo bón, dùng phối hợp Tiêu Kim tán đắp ở ngoài để thông tiện.

Phụ: *Tiêu kim tán:* Bì tiêu 15 gam, Kê nội kim 1,5 gam, Băng phiến 1,5 gam, cùng tán bột, mỗi lần dùng 9 gam bọc vào túi vải, trước khi đi ngủ đắp vào vùng rốn.

3. Tiêu thực trán

Người cống hiến: Trương Giới An, Y sư chủ nhiệm
Trung y y viện thành phố Vũ Hán

Hậu phác	10 gam	Phục linh	10 gam
Trần bì	6 "	Mộc hương	6 "
Tân lang	10 "	Thần khúc	6 "
Cốc nha	10 "	Mạch nha	10 "
Thạch hộc	10 "	Đăng tâm	3 con

Gia giảm: Tích trệ lâu sinh nhiệt hoá hoả, xuất hiện chứng ngày mát đêm nóng, khô miệng thích uống lạnh, lâm sàng linh hoạt gia Sinh Thạch cao, Liên kiều. Nếu âm hư phát nhiệt có thể gia Địa cốt bì. Cơm sữa úng trệ không tiêu, tụ thấp sinh đờm, Phế là cái dụng cụ chứa đờm, đờm làm nghẽn Phế lạc, có thể dẫn đến khái thấu thở suyễn, có thể trong bài thuốc gia Sinh khương, Tô diệp, Chỉ xác, Cát cánh. Nếu thấy đại tiện khô kết, đại tiện ra như phân dê thì gia Đương qui, Hoả ma nhân v.v...

4. Chu thị yếm thực hoàn

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

Minh phàn	6 gam	Kê nội kim	20 gam
Hoàng liên	6 "	Hoàng kỳ	10 "
Tiêu Sơn tra	30 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, luyện mật làm viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi ngày dùng 3 - 5 lần, mỗi lần uống 2 - 3 gam, chiêu với nước chín.

5. Tam giáp tán

Người cống hiến: Mã Âm Đốc, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Miết giáp (trích)	30 gam	Quy bản (trích)	30 gam
Kê nội kim	30 "	Xuyên sơn giáp (trích)	30 "
Tân lang (sao)	30 "	Sa nhân	12 "
Phan tả diệp	3 "		

Cách dùng: Các vị tán bột, cứ mỗi tuổi uống mỗi lần 1 gam, ngày 3 lần, chiêu với nước chín.

Gia giảm: Nếu đại tiện khô kết, có thể kèm theo chút ít Thanh đạo tán (Đại hoàng, Bạch sửu, Hắc sửu liều lượng bằng nhau, tán bột) để hạ. Kiêm phúc thống nôn mửa, gia Bạch khấu tán (Bạch khấu nhân 300 gam, Sa nhân 24 gam, Thanh bì, Trần bì, Hương phụ, Nga truật mỗi vị đều 9 gam, tán bột) để lý khí giảm đau.

Đồng thời phối hợp châm cứu huyệt Tứ phùng, mỗi lần chậm một bên tay, 3 ngày châm 1 lần.

6. Cốc mạch kim thiền tán

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm
Y viện Trung y Nhi đồng thành phố Tây An

Cốc nha (sao - có thể thay thế bằng Thần khúc)			60 gam
Mạch nha (sao)	60 gam	Thiền thuế	60 gam
Sơn tra (sao)	60 "	Xương truật (sao)	60 "
Tiêu ngọc phiến	60 "	Kê nội kim	30 "

Cách dùng: Tán bột. Dưới 1 tuổi mỗi ngày uống 1 - 1,5 gam, chia làm 3 lần. Từ 1 - 4 tuổi mỗi ngày 3 - 4,5 gam, chia 3 lần. Từ 4 - 7 tuổi mỗi ngày 4,5 - 6 gam, chia 3 lần uống. Người lớn mỗi ngày 6 - 9 gam, chia 3 lần uống.

7. Lưu thị tiến thực đường tương

Người cống hiến: Lưu Bật Thần, Giáo sư
Trung y học viện Bắc Kinh

Đinh hương	3 gam	Đại giả thạch	10 gam
Bạch chỉ	5 "	Thanh bì	3 "

Trần bì	3 gam	Sơn tra (sao)	10 gam
Đạo nha	10 "		

Cách dùng: Các vị bào chế thường quy, chế thành dạng sirop, ngày 3 lần mỗi lần uống 5 - 10 ml. Đơn thuốc này cũng có thể làm dạng thuốc sắc, mỗi ngày uống 5 lần, mỗi lần uống 10 - 20 ml.

8. Cận thị yếm thực điều trị phương

Người cống hiến: Cận Tổ Bằng, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Sơn Đông

Sài hồ	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Quế chi	10 "	Bạch thược	10 "
Thái tử sâm	15 "	Bạch truật (sao)	10 "
Cốc nha (sao)	20 "	Mạch nha (sao)	20 "
Tiêu tra	20 "	Chỉ xác	10 "
Phòng phong	10 "	Thảo quyết minh	10 "
Sinh khương	5 "	Cam thảo	5 "

9. Triệu thị yếm thực phương

Người cống hiến: Triệu Triệt, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Liêu Ninh

Đảng sâm	Phục linh
Bạch truật	Cam thảo
Ô mai	Kê nội kim
Thần khúc	Mạch nha
Sơn tra	Trần bì

10. Chiêm thị nghiệm phương

Người cống hiến: Thiên Khởi Tôn, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Xuyên phác hoa	Uất kim
Hoàng cầm (sao)	Bạch truật (sao)
Chỉ xác (sao)	Đại phúc bì
Hoắc hương	Khương Bán hạ
Phục linh	Thần khúc

11. Vương thị nghiệm phương

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Thần khúc	Tiêu truật
Thảo đậu khấu	Sa nhân

Bốn vị trên linh hoạt vận dụng liều lượng

Gia giảm: Nếu có chứng Tỳ khí hư yếu, vận hoá yếu ớt, gia Hoàng tinh, Tử thảo. Kiêm chứng ngủ kém ngon, gia Thanh đại, Trúc nhự, Câu đằng. Kiêm chứng khái thấu đờm thịnh, gia Ô mai, Quất hồng, Lai bặc tử. Nếu nôn mửa thuộc nhiệt chứng, gia Trúc nhự, Hoắc hương. Nếu nôn mửa thuộc Hàn chứng, gia Bán hạ, Sinh khương, Phục long can.

12. Từ thị tiểu nhi yếm thực phương

Người cống hiến: Từ Địch Tam, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Phục linh	9 gam
Tiêu Bạch truật	9 "	Tiêu Thần khúc	9 "

Tiêu Sơn tra	9 gam	Tiêu Cốc nha	9 gam
Sa nhân	1,5 "	Phật thủ	5 "

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 1 - 2 lần, chia nhiều lần uống.

13. Kiện Tỳ tiêu thực thang (cao)

Người cống hiến: Trần Thụ Sâm, Giáo sư Tổng y viện Giải phóng quân

Đảng sâm	5 gam	Bạch truật	5 gam
Phục linh	5 "	Cam thảo (trích)	1 "
Trần bì	5 "	Hoắc hương	5 "
Sinh Cốc nha	5 "	Mạch nha	5 "
Thần khúc	5 "	Sinh khương	3 "
Hồng táo	3 quả		

Cách dùng: Ngày một thang, sắc 2 nước, chia 3 lần uống trước bữa ăn 1 giờ. Hoặc sắc cả 10 thang cô đặc lấy 300 ml, thêm 50 gam Đường trắng, nấu thành cao, mỗi lần uống 5 - 10 ml ngày 3 lần, uống trước bữa ăn 1 giờ. Kiêng ăn thức ngọt, dầu mỡ, không ăn vặt, cần ăn đúng bữa.

Gia giảm: Khí hư biểu phận yếu dễ cảm mạo hoặc tự ra mồ hôi gia Hoàng kỳ 5 gam. Đại tiện lỏng nhão gia Hoài sơn 5 gam, Ô mai 5 gam.

14. Mã thị bình bổ phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Đảng sâm	9 gam	Hoài sơn	9 gam
Trần bì	5 "	Ô mai nhục	5 "

Bạch truật (sao)	6 gam	Phục linh	6 gam
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Thiên về Vị âm bất túc, gia Thạch hộc, Mạch môn đông, Sinh Cốc nha, Sinh Mạch nha để dưỡng Vị kích thích vận hoá. Thiên về Tỳ khí hư yếu, linh hoạt gia Hoàng kỳ, Xương truật là các vị cam ôn để làm mạnh Tỳ.

15. Lê thị phương

Người cống hiến: Lê Bình Nam, Giáo sư Trung y học viện Quảng Châu

Nhân sâm (mùa Hạ thì dùng Tây Dương sâm)			4 gam
(Nếu không có Nhân sàm có thể dùng Đảng sâm thay thế)			
Mạch môn đông	8 gam	Ngũ vị tử	4 gam
Bạch truật	4 "	Bạch thược	8 "
Long cốt	10 "	Độc cước kim	6 "
Kê nội kim	4 "		

Gia giảm: Tỳ dương hư, gia Ích trí nhân để ấm Tỳ Thận. Hiện tượng Nhiệt rõ, có thể gia chút ít Hoàng liên có vị khổ giáng tiết nhiệt. Táo bón có thể gia Bạn đại hải để nhuận Trường thông tiện.

Ngoài các vị thuốc điều trị nói trên, có thể phối hợp với phép ăn uống lấy Lạp áp thuần (hoặc thứ tươi) 1 con, Hoài sơn 10 gam, Ý dĩ nhân 10 gam, Đại mễ vừa đủ, đem nấu cháo cho ăn, có tác dụng kiện Tỳ khai Vị, ích khí sinh tân. Mùa Hạ phiền khát mà dùng rất tốt.

16. Vương thị yếm thực phương

Người cống hiến: Vương Ấu Phương, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Quảng Châu

Thái tử sâm	10 gam	Mạch môn đông	6 gam
Ngũ vị tử	4 "	Sài hồ	8 "
Bạch thược	8 "	Chỉ xác	8 "
Độc cước kim	10 "	Sơn tra	10 "
Cam thảo	3 "		

17. Ngọ thị tư Tỳ ẩm

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm Y viện Trung y Nhi đồng thành phố Tây An

Thái tử sâm	5 gam	Sinh Sơn dược	10 gam
Liên tử	10 "	Biển đậu (sao)	10 "
Bạch thược	6 "	Mạch nha (sao)	10 "
Kê nội kim	5 "	Sơn tra (sao)	10 "
Cát căn	3 "	Ý dĩ nhân	10 "
Đại táo	2 quả		

Cách dùng: Sắc nước uống. Đơn thuốc này là liều lượng cho trẻ 3 - 5 tuổi. Nếu làm dạng bột thì dưới 1 tuổi mỗi ngày dùng 1 - 1,5 gam chia 3 lần uống. Từ 1 - 4 tuổi mỗi ngày 2 - 3 gam. Từ 4 tuổi trở lên mỗi ngày 3 - 6 gam. Người lớn mỗi ngày 6 - 9 gam.

18. Ôn trung vận Tỳ thang

Người cống hiến: Tưởng Ngưỡng Tam, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Phụ tử chế	3 gam	Nhục quế	1 gam
Can khương	2 "	Bạch truật (sao)	6 "

Xương truật (sao)	5 gam	Phục linh	6 gam
Kê nội kim	5 "	Tiêu Sơn tra	10 "
Thần khúc	10 "	Chỉ thực (sao)	6 "
Thanh bì	5 "	Trần bì	5 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Phương này sau khi gia giảm, còn chữa được các chứng hàn thấp nghẽn trở ở trong, Tỳ Vị không vận hoá gây nên tiết tả, nôn mửa và tích trệ. Nếu kiêm chứng Tiết tả gia Sa nhân 3 gam, Ý dĩ nhân 10 gam. Kiêm chứng nôn mửa gia Khương Bán hạ 6 gam, Tô diệp ngạnh 6 gam, Toàn phúc hoa 6 gam, Bạch khấu nhân 3 gam. Kiêm chứng tích trệ gia Tân lang 5 gam, La bặc tử 6 gam, Cốc nha 10 gam, Mạch nha 10 gam.

19. Quế chi thang gia vị phương

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm
Viện bảo tàng Trung y thành phố Thượng Hải

Quế chi	3 gam	Bạch thược	6 gam
Cam thảo	3 "	Sinh khương	2 nhát
Hồng táo	3 quả		

Gia giảm: Nếu lưỡi đỏ có rêu hoa là âm dịch bất túc, gia Ngọc trúc, Bách hợp, Thạch hộc, Mạch môn đông, Sinh Biển đậu, Sinh Địa hoàng. Nếu mũi xuất huyết, gia Bạch mao hoa, Ngẫu tiết. Táo bón gia Sinh Thủ ô. Khi ngủ ra mồ hôi đầm đìa, gia Ma hoàng căn, Nhu đạo căn. Lưỡi nhợt do Dương hư, có thể gia Phụ tử. Hư hàn đau bụng, tăng lượng Bạch thược, gia Di đường.

20. Gia giảm trung hoà lý âm thang

Người cống hiến: Thang Nhất Tán, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Lạc Sơn tỉnh Tứ Xuyên kế thừa phương của Lão Trung y nổi tiếng Dụ Xương Huy

Thái tử sâm	20 gam	Sơn dược	12 gam
Biển đậu	12 "	Ngạnh mễ	12 "
Cốc nha	12 "	Bạch thược	12 "
Phục linh	9 "	Liên nhục	9 "
Bạch truật	9 "	Hồ Hoàng liên	6 "
Cam thảo (trích)	3 "		

262. CHỨNG THÍCH ĂN THỨC LẠ

Chứng thích ăn thức lạ cũng gọi là Thực tích, rất thích ăn đất sét, tro than, đất vách, giấy viết và than củi v.v... thường là trẻ em bị chứng nầy.

Trẻ em có chứng chủ yếu là thích ăn đất, có thể dùng ***Vương thị tiểu nhi ngật nê thổ phương (1).*** Nếu kiêm chứng khát nước, Tâm phiền, mặt vàng, thể trạng gầy, đại tiện khô kết, lưỡi đỏ là thuộc nhiệt thịnh huyết hư, Tỳ thổ đã tổn thương, có thể dùng ***Vương thị dị công phiến (2)*** để thanh nhiệt giải độc kèm theo tác dụng dưỡng huyết hoà trung. Nếu kiêm chứng mặt vàng mình gầy, bụng to có lúc đau, nổi gân xanh, kém ăn đại tiện nhão là do Tỳ hư có trùng tích, nên kiện Tỳ sát trùng, cho uống ***Trần thị hoá cam tích phương (3)***

Điều trị chứng này, nên tham khảo các chứng "Chán ăn" và "Kém ăn".

PHỤ PHƯƠNG

1.Vương thị tiểu nhi ngật nê thổ phương

Người cống hiến: Vương Minh Vĩ, Lão Trung y
Trung y viện khu Khánh Dương tỉnh Cam Túc

Hắc đậu 120 gam Tạo phàn 10 gam

Cách dùng: Trước hết lấy nước hoà tan Tạo phàn, sau đó ngâm Hắc đậu vào nước Tạo phàn 7 ngày lấy ra sao nóng Hắc

đậu với hoàng thổ, mỗi ngày ăn 50 hạt, lúc nào ăn cũng được không quy định giờ giấc.

2. Vương thị dị công phiến

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại	Tử thảo
Lục đậu	Tiêu tra
Hoàng tinh	Bạch phàn

Cách dùng: các vị chế thành dạng thuốc phiến, mỗi phiến nặng 0,5 gam. Trẻ 2 tuổi mỗi lần uống 1,5 gam, ngày 2 lần; 2 tuổi trở lên mỗi lần uống 1,5 - 2 gam, ngày 3 lần.

Gia giảm: Bệnh lâu ngày, có thể gia Thần khúc, Thảo đậu khấu, Sa nhân để kiện Tỳ hoà Vị. Nếu âm huyết hao thương nặng, gia Bạch cập, Thủ ô để dưỡng huyết.

3. Trần thị hoá cam tích phương

Người cống hiến: Trần Nghi Căn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện huyện Liên Giang, tỉnh Phúc Kiến

Phục linh	9 gam	Bạch truật	9 gam
Trạch tả	9 "	Phỉ tử	9 "
Hạc sắt	9 "	Biển đậu	9 "
Xuyên luyện tử	9 "	Vu di	6 "
Chỉ xác	3 "	Trần bì	3 "

263. TRẺ EM TIẾT TẢ

Chứng này chỉ trẻ em có số lần đại tiện nhiều lần, chất đại tiện trong loãng thậm chí chỉ như nước hoặc ra chất ăn không tiêu, nên tham khảo với chứng "Đại tiện thuỷ tả".

Phúc tả, sợ lạnh phát sốt đau đầu, kiêm chứng nôn mửa, không mồ hôi, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi nhớt mạch Phù, dùng ***Giải biểu chỉ tả thang (1)*** để giải biểu, tán hàn, hoá thấp và chỉ tả. Nếu kiêm chứng đau bụng sôi bụng, ợ hơi, chán ăn, đó là phong hàn có cả tích trệ, dùng ***Chiêm thị sơ tuyên vận trệ phương (2)*** để sơ giải biểu tà vận hoá tích trệ.

Nếu ỉa chảy ra như trứng ung, tanh như cua cá là thuộc phong tả, cho uống ***Thăng ma phòng phong thang (3)*** để khư phong thăng thanh.

Tiết tả kiêm chứng ố hàn chân tay lạnh, bụng trướng ruột sôi, dùng ***Quân khí tán (4)*** để tán hàn giải biểu, ấm Vị chỉ tả. Nếu kiêm chứng ẩu nghịch thì dùng ***Từ thị tiêu hoá phương số VỊ (5)*** để trừ hàn chỉ tả hoà Vị tiêu trướng, bên ngoài thì dùng ***Tiểu nhi thụ hàn thuỷ tả bất trị phương (6)*** đắp vào rốn để ôn lý chỉ tả. Nếu có chứng nôn mửa nặng thì dùng ***Khương mật chỉ ẩu pháp (7)*** để tán hàn ôn trung chống nôn, hoặc dùng ***Triệu thị chỉ ẩu phương (8)*** đắp vào lòng bàn chân để chống nôn rồi sau mới cho uống thuốc khác.

Phát bệnh khá gấp, tả ra chất trong loãng hoặc chất dính sắc vàng hoặc xanh, ngày tới hơn 10 lần, hoặc có chứng Tâm phiền, tiểu tiện vàng sẻn, bệnh phát vào ngày Hè là thuộc thử thấp nhiệt gây nên, kiêm chứng ố hàn phát sốt, có thể dùng ***Hương nhu hợp tễ (9)*** để giải cơ sạch ruột, thăng thanh trừ trọc. Nếu bệnh trình khá ngắn mà rêu lưỡi vàng nhớt hoặc trắng mỏng, thì dùng ***Tiểu nhi phúc tả phương (10)*** để khư phong thanh nhiệt, lợi thấp kiện Tỳ. Kiêm chứng trướng bụng, kém ăn, ợ hơi đắng miệng, chân tay mỏi thì dùng ***Tả lỵ phân giải đan (11)*** để phân tả, lợi thuỷ, tiêu trướng, hoá trệ.

Nếu khát nước, Tâm phiền khá nặng kiêm cả phát sốt, có thể dùng ***Từ thị tiêu hoá phương số I (12)*** để thanh nhiệt giải độc hoá thấp, chỉ tả, đồng thời có thể uống ***Thanh nhiệt giải độc chỉ tả bảo dịch pháp (13)*** để giải độc táo thấp, sáp trường chỉ tả.

Tiết tả nhiều lần, tiểu tiện ít sắc vàng, đắng miệng, nhẹ thì dùng ***Thiên thuỷ thanh trường ẩm (14)*** để thanh thử nhiệt, lợi thuỷ thấp, nặng hơn thì dùng ***Tiểu nhi tả lỵ phiến (15)*** để thanh nhiệt lợi thấp, giải độc hoà trung, chỉ tả sáp Trường. Kiêm chứng kém ăn đắng miệng, tả hạ ra chất uế trọc khó đi, dùng ***Trường viêm ninh (16)*** để thanh nhiệt táo thấp giải độc chỉ tả, kèm theo tác dụng ích Tỳ tiêu thực.

Có chứng trạng mặt đỏ gò má đỏ, mình nóng không mồ hôi, bụng trướng cự án, khát muốn uống nước, hoặc là bạo chú hạ bách, đại tiện ra dạng nước sắc vàng, tiểu tiện sẻn đỏ, nôn mửa, rêu lưỡi vàng nhớt, chất lưỡi đỏ hoặc tía mà khô, dùng ***Vương thị***

thực nhiệt tiết tả phương (17) để thanh nhiệt tả thuỷ, kiện Tỳ hoá thấp, hoà Vị cố trường...

Những loại tiết tả do thử thấp nhiệt độc như nói ở trên, đều có thể phối hợp sử dụng ***Sâm hương tán (18)*** đắp vào rốn hoặc phối hợp với ***Trần thị nhiệt tả tẩy phương (19)*** sắc lấy nước đổ vào chậu mà xoa xát tắm toàn thân.

Nếu thấp nhiệt tiết tả kiêm chứng toàn thân phát ban thì dùng ***Kim thị bạch truật tán (20)*** để thanh nhiệt trừ thấp giải độc chỉ tả. Phàm chứng thấp nhiệt tiết tả mà khát nước, bì phu khô ráo, môi đỏ, tiểu tiện không lợi là tiết tả thương âm, có thể dùng ***Cát mai ẩm (21)*** để giữ tân dịch và sinh âm. Nếu có chứng mắt trũng thóp mụ lõm, thể trạng mỏi mệt, ngũ lộ con ngươi là do khí âm hao thương, phải dùng ngay ***Đại bổ nguyên khí chỉ tả bảo dịch pháp (22)*** để ích khí bảo vệ âm.

Đại tiện lỏng ra chất dính trệ hôi chua, phần nhiều ra cặn bã đồ ăn kể cả dòng sữa không tiêu, trướng bụng cự án, sau khi tả xong bụng trướng giảm nhẹ, rêu lưỡi trắng nhớt hoặc trắng vàng dầy ở giữa là thuộc loại sữa với đồ ăn tích trệ, nhẹ thì dùng ***Từ thị tiêu hoá phương số IV (23)*** để tiêu thực hoà trung; nặng thì có thể dùng ***Kỳ thị thương thực tiết tả phương (24)*** để điều trung tiêu trệ

Nếu bài tiết ra chủ yếu toàn nước, dùng ***Bình linh thang (25)*** để tiêu thực đạo trệ, phân lợi tiểu tiện. Bụng trướng rêu lưỡi nhớt rõ rệt thì dùng ***Sướng trung vận Tỳ thang (26)*** để vận Tỳ tiêu thực, tuyên hoá thuỷ thấp. Nôn nhiều mà rêu lưỡi nhớt, thì dùng ***Âu thị tiêu tích hoà Vị phương (27)*** để tiêu tích hoà trung.

Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng nhớt thì dùng ***Tiêu đạo chỉ tả thang (28)*** để tiêu thực hoà trung kiêm cả tác dụng làm sạch tà nhiệt nung nấu.

Bụng trướng đầy, đêm nằm không yên rõ rệt, cho uống ***Phá trệ trừ mãn phương (29)*** để tiêu tích phá trệ, hoạt huyết thông ứ. Ăn chút gì vào là đi tả ngay và trướng bụng, thì dùng ***Mạnh thị chỉ tả tiêu trướng phương (30)*** để chỉ tả tiêu trướng.

Đối với những chứng tiết tả mà kiêm chứng khát nước, mắt trũng, tiểu tiện lượng ít là do thực tả thương Âm, dùng ***Kiện Tỳ tiêu thực chỉ tả bảo dịch pháp (31)*** để tiêu thực hoá trệ, tư dưỡng chỉ tả, cứu âm bảo vệ dịch. Trẻ em bị tiết tả do thương thực, đều có thể phối hợp sử dụng ***Trần thị thực tả phương (32)*** sắc lấy nước để xoa xát và rửa toàn thân.

Đại tiện lỏng loãng nhão nhợt, tanh mà không hôi, nổi lên mầu vàng nhạt hoặc trắng, sắc mặt vàng bủng, tứ chi vô lực, bụng lúc đau lúc không, ưa xoa bóp, kém ăn, sau khi ăn vào phải đại tiện ngay, tinh thần mỏi mệt, mặt vàng cơ nhẽo, tình trạng khiếp nhược, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhợt, mạch phần nhiều Trầm là thuộc Tỳ khí hư nhược, cho uống ***Kỳ thị Tỳ hư chỉ tả phương (33)*** để kiện Tỳ bổ trung ích khí. Nếu mệt mỏi quá nặng vùng bụng có cảm giác trướng trệ, thì dùng ***Ích khí kiện Tỳ thang (34)*** để thăng bổ trung khí, kiện Tỳ chỉ tả. Nếu đại tiện lỏng như nước, ra cả thức không tiêu hoá, tiểu tiện sẻn ít, thì dùng ***Son dược khảo (35)*** để kiện Tỳ làm mạnh Trung tiêu, tiêu tích và phân lợi. Nếu đại tiện lỏng như nước, ngày vài lần, tiểu

tiện sẻn ít, bụng trướng đầy, cho uống ***Tiểu nhi chỉ tả tán (36)*** để kiện Tỳ, lợi thuỷ, chỉ tả, lý khí. Đi tả ra nước trong loãng, tiểu tiện ít sắc vàng, dùng ***Gia giảm xuân trạch thang (37)*** để kiện Tỳ thấm thấp, thanh lợi chỉ tả.

Đi tả mà bụng trướng, ợ hơi, dùng ***Chỉ truật kiện Tỳ thang (38)*** để kiện Tỳ giúp sự vận hoá, thăng dương chỉ tả. Tiết tả trong loãng, bụng đầy ruột sôi, đau bụng từng cơn, tiểu tiện không lợi, khát nước, uống nhiều thì nôn, cho uống ***Gia vị xúc Tỳ ẩm phương (39)*** để kiện Tỳ chuyển vận thấp và trừ trướng.

Vùng bụng trướng đầy, mạch Huyền, hễ đau bụng là đi tả ngay, dùng ***Tần thị ức Can kiện Tỳ phương (40)*** để ức Can kiện Tỳ. Đi tả lâu ngày mà đắng miệng bụng bĩ đầy, rêu lưỡi nhớt, cho uống ***Sâm liên kiện hoá thang (41)*** để giúp đỡ Trung tiêu và thanh nhiệt ấm Tỳ táo thấp. Đi tả lâu ngày, ngày đêm liên tục, mặt vàng thể trạng yếu, dùng ***Thu sáp chỉ tả thang (42)*** để sáp Trường làm mạnh Trung tiêu, điều hoà Can Tỳ.

Trẻ em tiết tả kiêm chứng phiền đầy, gầy còm, khát nước sốt nhẹ, tiểu tiện vàng ít, kém ăn, thuộc Tỳ âm bất túc, có thể dùng ***Nhất vị chỉ tả tán (43)*** nhằm tư dưỡng Tỳ âm để chỉ tả. Đi tả ra có dạng toé vọt, có mùi tanh hôi, khát nước nhiều, nước tiểu vàng đỏ, da dẻ khô ráo, nôn khan, dùng ***Tỳ âm hư tiết phương (44)*** để ích Tỳ dưỡng âm. Nếu kiêm chứng rêu lưỡi nhớt thì dùng ***Gia giảm ngũ âm tiễn (45)*** để dưỡng âm kiện Tỳ thấm thấp. Đi tả lâu ngày, Âm bị thương, khí tổn hại, có chứng mắt trũng tinh thần mỏi mệt, da khô, tay chân lạnh, đại tiện như nước, tiểu tiện

sẻn ít, đầu lưỡi không có rêu, phép trị nên dưỡng âm ích khí sinh tân, bổ Thận kiện Tỳ, cho uống ***Dưỡng âm chỉ tả thang (46).***

Trẻ em vì khiếp hãi mà đi tả, có chứng đại tiện ra như nước, sắc xanh, sợ sệt không yên, giấc ngủ hay giật mình, tròng mắt xanh nhạt, hoặc số lần ỉa chảy vô độ, chất bài tiết dính như hồ, cho uống ***Gia vị ích Tỳ trấn kinh thang (47).***

Nếu kiêm chứng tinh thần uỷ mị, ngủ mắt không nhắm kín, mạch Huyền Nhược, dùng ***Bình Can kiện Tỳ thang (48)*** để bình Can mộc, mạnh Tỳ Vị. Nếu từng lúc run sợ khá nặng thì dùng ***Âu thị kinh tả phương (49)*** để định kinh, bình Can, dẹp phong. Nếu do hãi quá mà ỉa lỏng, đại tiện ra toàn nước, dùng ***Trấn kinh lợi thuỷ chỉ tả bảo dịch pháp (50)*** để định kinh lợi thuỷ, giữ tân dịch chỉ tả.

Trẻ em đi tả lâu ngày không khỏi biến thành chứng Cam tả, có hình dạng kê hung, đà bối, đùi cong vênh, mặt bủng vàng hoặc xanh nhợt kém tươi, mắt lờ mờ hồi hộp, thở gấp da khô, nhíu mày ngoáy mũi, cắn tay nghiến răng... dùng ***Cù thị tiểu nhi Cam tả phương (51)*** để dưỡng âm nhu Can, tán kết tiêu Cam.

Trẻ em tiết tả, đại tiện lỏng loãng hoặc ra toàn nước, hoặc đi tả kéo dài không dứt, hoặc ra nguyên đồ ăn, ruột sôi, bụng đau âm ỉ, ưa nóng thích xoa bóp, bệnh thuộc Dương hư lý hàn, kiêm chứng nôn lợm ngực bĩ, lưỡi vàng dầy nhớt, có thể dùng ***Trị trung tán (52)*** để ôn trung táo thấp, tán hàn chỉ tả. Nếu kiêm chứng tay chân mát lạnh, sắc mặt xanh nhợt, ăn chút ít mửa ra ngay, sau khi ăn đi tả ngay, ngủ mắt không nhắm kín, thể trạng đều suy sụp, có thể dùng ***Ôn trung bổ Tỳ thang (53)*** để ôn bổ

Tỳ Thận, tăng nguyên khí mạnh thân thể. Nếu kiêm chứng sắc mặt vàng bủng, gầy còm mỏi mệt, chân tay lạnh, nhạt miệng, cho uống ***Ôn trung chỉ tả thang (54)*** để ôn trung tán hàn chỉ tả.

Chứng bệnh Tiết tả nói trên, đều có thể phối hợp sử dụng ***Ôn tễ tán (55)*** đắp vào rốn, hoặc dùng ***Trần thị hàn tiết phương (56)*** sắc lấy nước mà rửa toàn thân.

Trẻ em đi tả lâu ngày mà đại tiện không hôi, thậm chí hoạt thoát không tự chủ, đại tiện tự vãi ra, dùng ***Tần thị cứu tả phương (57)*** để ích khí ôn trung, sáp trường cố thoát.

Nếu kiêm chứng đầu mũi và bên mép không ấm, ra mồ hôi, da lạnh, ngủ mắt không nhắm kín, là do Tỳ Thận đều suy bại, dùng ***Gia vị tứ thần hoàn (58)*** để bổ mạnh Tỳ Thận, ấm bên trong và chỉ tả. Nếu tả lâu ngày không dứt, ăn vào đi tả ngay, ra cả thức không tiêu, dùng ***Từ thị ngoại phu phương (59),*** đắp vào rốn, cũng có hiệu quả sáp Trường.

PHỤ PHƯƠNG

1. Giải biểu chỉ tả thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Cát căn	5 - 15 gam	Phòng phong	5 - 15 gam
Hoắc hương	5 - 15 "	Bạch truật	5 "
Sơn đậu căn	5 - 10 "		

Gia giảm: Đau đầu nhiều, gia Cúc hoa 5 - 10 gam, Xuyên khung 5 - 10 gam, Bạc hà 5 - 15 gam. Khái thấu nhiều đờm gia Tiền hồ 5 - 15 gam. Phát sốt nặng gia Đại Thanh diệp 5 - 15

gam, Bạch vi 5 - 10 gam. Nôn mửa nặng gia Chỉ xác 5 - 10 gam, Sa nhân 5 - 15 gam.

2. Chiêm thị sơ tuyên vận trệ phương.

Người cống hiến: Chiêm Khởi Tôn, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Tô ngạnh	Tiền hồ
Thiền thuế	Tang diệp
Hoắc hương	Thiên trùng (chế)
Mộc hương (nướng)	Hoàng cầm (sao)
Tiêu tra thán	Trần bì
Tiêu khúc	Biển đậu y
Biển đậu hoa	Tế thái hoa (sao)

3. Thăng ma phòng phong thang

Người cống hiến: Trần Nhất Minh, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Mai Châu tỉnh Quảng Đông

Câu đằng	6 gam	Phòng phong	5 gam
Cát căn	5 "	Thăng ma	1,5 "

4. Quân khí tán

Người cống hiến: Mã Tân Vân, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Quảng Mộc hương	5 gam	Cam thảo (trích)	4 gam
Cát cánh	2 "	Bào khương	4 "

5. Từ thị tiêu hóa phương số 6

Người cống hiến: Từ Địch Tam, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Hoắc hương	9 gam	Tô ngạnh	9 gam
Trần bì	4,5 "	Phục linh	9 "
Bào khương	4,5 "		

6. Tiểu nhi thụ hàn thuỷ tả bất chỉ phương

Người cống hiến: Tra Thiếu Nông, Giáo sư Trung y học viện tỉnh An Huy

Bạch hồ tiêu	5 hạt	Can khương (bào)	1 gam
Chính Quan quế	7 gam	Hùng hoàng phấn (sao)	1 "

Cách dùng: Các vị trên tán bột, lấy bông bọc lại từng viên nhỏ. Khi dùng, lấy bông thuốc này đặt vào lỗ rốn trẻ em, ngoài dán băng dính cố định, lại lấy tay ấn mạnh vào bề mặt băng dính. Thông thường dán thuốc vào buổi sáng thì đến chiều ỉa chảy sẽ giảm dần số lần, đến tối có thể ngừng ỉa chảy, sáng hôm sau có thể bỏ thuốc đắp.

7. Khương mật chỉ ẩu pháp

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lệ Loan thành phố Quảng Châu

Sinh khương chấp	Đường mật ong

Hai thứ bằng nhau tương đương 1 thìa canh

Cách dùng: Đun cách thuỷ sôi 15 phút, lấy thìa cà phê trộn đều, đổ cho trẻ nuốt từng tý một, uống khoảng 3 - 5 thìa nhỏ thì khỏi.

8. Triệu thị chỉ ẩu phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện Nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Trần thố	Minh phàn
Bột mì	

Cách dùng: Ba thứ dùng lượng tương đương trộn đều thành dạng hồ đắp vào lòng bàn chân.

9. Hương nhu hợp tễ

Người cống hiến: Chu Bính Văn, Y sư chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu Cát An tỉnh Giang Tây

Hương nhu	3 gam	Biển đậu căn	9 gam
Hoàng cầm	5 "	Xuyên liên	3 "
Cam thảo	3 "		

10. Tiểu nhi phúc tả phương

Người cống hiến: Từ Tiểu Chân, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Thượng Hải

Phòng phong	5 gam	Ô mai	5 gam
Cam thảo	5 "	Cát cánh	3 "
Cát căn	10 "	Sinh Sơn tra	10 "
Cốc nhà	10 "	Mạch nha	10 "
Biển đậu y	10 "	Hoàng cầm	10 "
Trần Thạch lựu bì	10 "	Hoàng liên	2 "

Gia giảm: Thấp thịnh rêu lưỡi nhớt, gia Hậu phác, Mã xỉ hiện. Tiểu tiện ít gia Xích Phục linh, Xa tiền tử. Dương hư lưỡi nhớt có thể bỏ Cầm, Liên gia Bào khương, Hắc phụ khối.

11. Tả lỵ phân giải đan

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện Nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Bạch thược	15 gam	Thần khúc	15 gam
Bào khương	6 "	Chỉ xác	10 "
Tiêu tra	10 "	Xuyên liên	3 "
Tân lang	10 "	Hoàng cầm	10 "
Mộc hương	5 "	Kê nội kim	10 "
Đương qui	6 "	Đại hoàng	10 "

Cách dùng: Tán bột luyện mật làm viên, mỗi viên nặng 3 gam. Trẻ 1 tuổi mỗi lần uống 1/2 viên, ngày 2 lần. Trẻ 3 tuổi mỗi lần uống 1 viên, ngày uống 2 - 3 lần. Trẻ 5 tuổi mỗi lần uống 1,5 viên, ngày 3 lần.

12. Từ thị tiêu hoá phương số I

Người cống hiến: Từ Địch Tam, Giáo sư
Đại học Y khoa Thượng Hải

Cát căn	9 gam	Hoàng cầm	9 gam
Bản lam căn	9 "	Hạ khô thảo	9 "
Kê nội kim thán	3 "	Phục linh	9 "

13. Thanh nhiệt giải độc chỉ tả bảo dịch pháp

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện khu Lệ Loan thành phố Quảng Châu

Hoàng liên	6 gam	Kinh thị	4 - 6 quả

Cách dùng: Nấu với 400 ml, sau khi sôi 20 phút, bỏ bã, thêm lượng Hoàng đường vừa phải, cho uống dần.

14. Thiên thuỷ thanh trường ẩm

Người cống hiến: Mã Tân Vân, Giáo sư
Trung y học viện Hà Bắc

Hoạt thạch	6 gam	Hoàng liên	3 gam
Cát căn	6 "	Mã xỉ hiện	5 "
Sinh Cam thảo	3 "		

15. Tiểu nhi tả lỵ phiến

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm
Trung y Nhi đồng y viện thành phố Tây An

Cát căn	Xuyên liên
Hoàng cầm	Xuyên phác
Bạch thược	Cam thảo
Hoạt thạch	Phục linh
Tiêu Sơn tra	Ô mai
Mễ xác	

16. Trường viêm ninh

Người cống hiến: Phùng Thị Tường, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Tứ Xuyên

Thiết mã chiên	Địa du
Thạch lựu bì	Ngư thu xuyến

17. Vương thị thực nhiệt tiết tả phương

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư
Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Hoắc hương	10 gam	Đinh hương	1,5 gam
Xích Thạch chi	10 "	Liên mễ	10 "
Phục long can	10 "	Hàn thuỷ thạch	10 "

Gia giảm: Sốt cao, gia Thanh đại 3 gam. Nôn mửa, gia Trúc nhự 6 gam. Đau bụng, trướng bụng gia Mộc hương 3 gam, Sa nhân 3 gam. Tiết tả nặng gia Ngũ bội tử 3 gam, Khiếm thực 10 gam. Đại tiện dính hoặc ra huyết gia Địa du 10 gam, Thung bì 10 gam. Khái thấu gia Mộc qua 10 gam, Ô mai 10 gam. Kém ăn, gia Thảo khấu 3 gam, Thần khúc 10 gam. Sợ hãi hoặc co giật, gia Câu đằng 10 gam, Mộc qua 10 gam, Ích nguyên tán 10 gam. Lở miệng gia Thanh đại 3 gam, Kim quả lãm 10 gam.

18. Sâm hương tán

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm Trung y Nhi đồng y viện thành phố Tây An

Khổ sâm	6 gam	Mộc hương	1 gam

19. Trần thị nhiệt tả tẩy phương

Người cống hiến: Trần Mậu Ngô, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Giang Tây

Quỷ châm thảo	30 gam	Phượng vĩ thảo	30 gam

Cách dùng: Nấu lấy nước để xông rửa toàn thân. Nếu không có hai vị trên có thể tuỳ chứng chọn dùng Hoàng cầm thang hoặc Cát căn hoàng cầm hoàng liên thang mà thay thế.

20. Kim thị bạch truật tán

Người cống hiến: Kim Chiêu Văn, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô

Bạch truật	Địa du thán
Mộc hương	Ý dĩ nhân

Đại phúc bì	Mã xỉ hiện
Xa tiền tử	Mạch nha

21. Cát mai ẩm

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm Trung y Nhi đồng y viện thành phố Tây An

Cát căn	15 gam	Ô mai	40 gam
Cam thảo	5 "	Bạch mao căn	40 "

Cách dùng: Tán bột thô, đổ nước vào sắc lấy 5% nước đặc, cho đường trắng thích hợp, chút ít muối ăn, cho uống từ từ. Tổng lượng mỗi ngày không dùng quá 50 - 100 ml/kg thể trọng.

22. Đại bổ nguyên khí chỉ tả bảo dịch pháp

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lệ Loan thành phố Quảng Châu

Cao ly sâm (hoặc Cát lâm sâm) 6 gam

Cách dùng: Cắt vụn bỏ vào một chén có nắp, đổ 40 ml nước sạch vào, sắc ngay và cho uống trước một phần, lại đun thêm, bỏ bã, tiếp tục đổ cho uống ít một.

23. Từ thị tiêu hoá phương số IV

Người cống hiến: Từ Địch Tam, Giáo sư Đại học Y khoa Thượng Hải

Tiêu Sơn tra	9 gam	Tiêu Lục khúc	9 gam
Tiêu Mạch nha	9 "		

24. Kỳ thị thương thực tiết tả phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Trần bì	2 - 4,5 gam	Tiêu Sơn tra	6 - 10 gam
Lai bặc tử	3 - 6 "	Tiêu Binh lang	3 - 6 "
Phục linh	10 "	Cam thảo	3 "

Gia giảm: Bụng trướng và đau cự án, đại tiện khô ráo, lòng bàn tay chân nóng, da vùng bụng nóng rát, trong bài thuốc có thể gia Sinh Đại hoàng 1,6 gam. Kiêm chứng đại tiện bí kết từng hòn cục hoặc vài ngày không đi, có thể gia Thục Đại hoàng, Mang tiêu. Tích thực ấp ủ lâu ngày, gia Hoàng liên, Đại hoàng thán, hoặc trong thang thuốc phối hợp với Phì nhi phấn (Tiêu Sơn tra, Tiêu Binh lang, Đại hoàng thán, Bào khương), Nhất nẫm kim để thông táo hoá trệ. Nếu thương thực sống lạnh, gia Sinh khương. Nếu trướng bụng nhiều hơi, đại tiện ra thứ không tiêu, gia Chỉ xác 3 - 4,5 gam hoặc Trần bì 3 - 6 gam. Nếu nôn mửa chua hôi, Vị nhiệt nghịch lên, có thể dùng Sinh Đại hoàng 0,9 - 1,6 gam, kèm thêm Sinh khương. Nếu Tỳ Vị hư yếu giờ lại bị thương thực, trước hết dùng phép điều trung kiện vận, sau đó lại uống Tứ quân tử thang để từ từ bổ Trung tiêu hư yếu.

25. Bình linh thang

Người cống hiến: Chu Bính Văn, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện khu Cát An tỉnh Giang Tây

Xương truật	5 gam	Hậu phác	5 gam
Trần bì	3 "	Trư linh	5 "
Trạch tả	5 "	Phục linh	6 "

Thần khúc	5 gam	Sơn tra	3 gam
Mạch nha	5 "		

26. Sướng trung vận tỳ thang

Người cống hiến: Mã Tân Vân, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Xương truật	6 gam	Hậu phác	4 gam
Phục linh	8 "	Trần bì	5 "
Tiêu khúc	4 "	Sa nhân	3 "

Gia giảm: Nếu Tỳ hư rõ rệt, mặt vàng mình gầy, gia Bạch truật sao 4 gam, Đảng sâm 5 gam để ích khí kiện Tỳ.

27. Âu thị tiêu tích hoà Vị phương

Người cống hiến: Âu Thiếu Chương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Thành phố Quảng Châu

Xương truật	6 gam	Sơn tra	6 gam
Mạch nha	9 "	Thần khúc	9 "
Trúc nhự	5 "	Hậu phác	4,5 "
Trần bì	2 "		

28. Tiêu đạo chỉ tả thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Phật thủ	5 - 10 gam	Sơn tra	5 - 10 gam
Mạch nha	5 - 10 "	Liên kiều	5 - 10 "
Trần bì	3 - 5 "	Bạch truật	5 - 10 "

Gia giảm: Chứng nặng thì gia Hoắc hương 5 - 10 gam, Bán hạ 5 gam. Bụng đầy trướng gia Hậu phác 5 - 10 gam, Mộc hương

3 - 5 gam. Mình nóng gia Cát căn 5 - 10 gam, Hoàng kỳ 5 - 10 gam. Tiểu tiện ít gia Xa tiền 5 - 10 gam, Mộc thông 5 - 10 gam.

29. Phá trệ trừ mãn phương

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Sơn tra	10 gam	Đào nhân	6 gam
Chỉ xác	6 "	Thần khúc	6 "
Bạch truật	6 "	Phục linh	6 "
Trần bì	3 "	Kê nội kim	5 "

30. Mạnh thị chỉ tả tiêu trướng phương

Người cống hiến: Mạnh Trọng Pháp, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Thượng Hải

Sinh Sơn tra 20 - 30 gam Xương truật (sao) 20 - 30 gam

Cách dùng: Liều lượng trên dùng cho một ngày, sau khi sắc lấy nước đặc hoà thêm chút đường cho uống từ từ.

31. Kiện Tỳ tiêu thực chỉ tả bảo dịch pháp

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lệ Loan thành phố Quảng Châu

Sinh Mạch nha	45 gam	Kinh thị	4 - 6 quả
Mật tảo	6 "		

Cách dùng: Sắc với 600 ml nước cạn lấy 400 ml bỏ bã, cho uống từ từ.

32. Trần thị thực tả phương

Người cống hiến: Trần Mậu Ngô, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Giang Tây

Mã chiên thảo	30 gam	Tiêu Sơn tra	20 gam
Sao Chỉ thực	20 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước, dùng bên ngoài. Nếu không có Mã chiên thảo có thể dùng Chỉ thực đạo trệ hoàn hoặc Bảo hoà hoàn đổi thành dạng thuốc sắc dùng ở bên ngoài.

33. Kỳ thị Tỳ hư chỉ tả phương

Người cống hiến: Kỳ Chấn Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Đảng sâm	4,5 gam	Phục linh	7,5 gam
Bạch truật	6 "	Xương truật	3 "
Cam thảo	3 "		

Gia giảm: Tỳ hư là chủ yếu kiêm bị lạnh, có thể trong phương thuốc gia Bào khương 1,5 - 3 gam hoặc Sinh khương 4,5 gam, Tiểu Hồi hương 4,5 gam để ôn trung tán hàn. Nếu kiêm chứng phù thũng và xuất hiện hư hãn, đạo hãn, có thể gia Sinh Hoàng kỳ, Miết giáp, Địa cốt bì, Ngũ vị tử để ích khí dưỡng âm hoặc dùng thành phẩm Khải tỳ hoàn, Hương quất đan .v.v...

34. Ích khí kiện Tỳ thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Đảng sâm	5 - 15 gam	Trích Hoàng kỳ	5 - 10 gam
Cam thảo (trích)	5 - 10 "		

Gia giảm: Trướng bụng gia Mộc hương 3 - 5 gam, Hương phụ 5 - 10 gam. Tự ra mồ hôi gia Phòng phong 5 - 10 gam, Mẫu lệ 5 - 10 gam. Tiểu tiện không lợi gia Phục linh 5 - 10 gam, Trạch tả 5 -10 gam. Khí hư gia Nhân sâm 3 - 5 gam.

35. Sơn dược khảo

Người cống hiến: Trần Hữu Hằng Y sư chủ nhiệm
Trung y viện Thành phố Thông Hoá tỉnh Cát Lâm

Sơn dược	Liên nhục
Phục linh	Mạch nha
Tra nhục	Xa tiền tử
Tô diệp	Trần bì

Cách dùng: Sao thơm tán bột, khi uống thì pha nước vào khuấy lỏng như hồ, cũng có thể nặn thành bánh hấp cơm, tuỳ theo sở thích mà thêm đường, sữa bột, cà phê v.v.. mà cho ăn lâu dài.

36. Tiểu nhi chỉ tả tán

Người cống hiến: Tôn Nhất Dân, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố An Dương tỉnh Hà Nam

Sơn dược (sao)	9 gam	Bạch truật thán	4,5 gam
Liên tử	6 "	Xương truật thán	4,5 "
Biển đậu (sao)	9 "	Thông thảo	1,5 "
Phục linh	6 "	Xa tiền tử	4,5 "
Nhục đậu khấu (lùi)	3 "	Khương Hậu phác	4,5 "
Kha tử (lùi)	6 "	Cam thảo	1,5 "

Cách dùng: Các vị tán bột thô, mỗi ngày 1 gói, sắc nước uống, chia làm 3 - 4 lần uống cho hết. Công thức trên dùng cho trẻ 1 tuổi.

Gia giảm: Nếu run rẩy sợ hãi gia Câu đằng, Thiền thuế. Có nhiệt gia Hoàng liên thán. Rối loạn tiêu hoá, ăn uống tích trệ, linh hoạt gia các vị hoà Vị tiêu thực như Cốc nha, Mạch nha, Kê nội kim v.v...

37. Gia giảm xuân trạch thang

Người cống hiến: Chu Bính Văn, Y sư phó chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu Cát An tỉnh Giang Tây

Đảng sâm	9 gam	Trư linh	6 gam
Trạch tả	5 "	Bạch truật	6 "
Phục linh	9 "	Hoạt thạch	9 "

38. Chỉ truật kiện Tỳ thang

Người cống hiến: Mã Tân Văn, Giáo sư
Trung y học viện Hà Bắc

Tiêu Bạch truật	6 gam	Đảng sâm	6 gam
Phục linh	6 "	Biển đậu	6 "
Liên tử nhục	6 "	Trần Xương mễ	6 "
Chỉ xác	4 "		

39. Gia vị xúc Tỳ ẩm phương

Người cống hiến: Hà Viêm Đường, Y sư chủ nhiệm
Trung y viện thành phố Đông Hoàn tỉnh Quảng Châu

Cát căn	9 gam (tẩm giấy ướt bọc nướng)		
Biển đậu sao vàng	15 gam	Thảo quả	5 gam

Cam thảo (trích)	3 gam	Sa nhân	5 gam
Ô mai nhục	3 "	Xa tiền tử	9 "
Bạch truật (thổ sao)	12 "		

Đơn thuốc trên là liều dùng cho trẻ 2 tuổi.

40. Tần thị ức Can kiện Tỳ phương

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Bạch truật	6 gam	Phục linh	6 gam
Sơn tra	6 "	Bạch thược	6 "
Thanh bì	3 "	Phòng phong	5 "
Sài hồ	3 "		

41. Sâm liên kiện hoá thang

Người cống hiến: Sử Phương Kỳ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trùng Khánh

Đảng sâm	6 gam	Hoàng liên	3 gam
Hoàng cầm	6 "	Can khương	3 "
Pháp Bán hạ	3 "	Đại táo	6 "
Trích thảo	3 "	Sinh Biển đậu	10 "
Trạch tả	6 "		

42. Thu sáp chỉ tả thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư Trung y học viện Trường Xuân

Phòng phong	5 - 15 gam	Kha tử	5 - 15 gam
Phục linh	5 "	Đảng sâm	5 - 15 "

Mộc hương	3 - 5 gam	Bạch truật	5 gam
Bạch thược	5 - 10 "	Tần bì	5 "

Gia giảm: Tả ra nước khá nặng gia Xa tiền 6 - 10 gam, Phục linh 5 - 15 gam, Anh túc xác 5 - 10 gam. Thể trạng yếu, gia Thái tử sâm 5 - 10 gam, Hoàng kỳ 5 gam.

43. Nhất vị chỉ tả tán

Người cống hiến: Từ Trọng Tài, Giáo sư Trung y học viện Thượng Hải

Bột Hoài sơn dược

Cách dùng: Mỗi lần 6 - 12 gam, gia lượng đường vừa đủ, trộn thành dạng hồ cho uống, ngày vài lần.

44. Tỳ âm hư tiết phương

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Hoàng tinh	6 gam	Ô mai	6 gam
Cốc nha	6 "	Biển đậu (sao)	6 "
Khiếm thực	6 "	Thái tử sâm	6 "
Thạch hộc	6 "	Sơn dược	10 "
Sa nhân (bỏ vào sau)	1,5 "		

45. Gia giảm Ngũ âm tiễn

Người cống hiến: Diệp Hiếu Lễ, Y sư chủ nhiệm Y viện dân lập tỉnh Phúc Kiến

Thục Địa hoàng	9 gam	Hoài sơn dược	15 gam
Biển đậu	10 "	Cam thảo trích	3 "

Phục linh	15 gam	Bạch thược	10 gam
Ô mai	10 "	Thái tử sâm	15 "
Bạch truật	6 "	Liên tử	10 "

46. Dưỡng âm chỉ tả thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Nhân sâm	3 - 10 gam	Thục Địa hoàng	3 - 10 gam
Hoàng kỳ	3 - 10 "	Hoàng tinh	3 - 20 "
Khiếm thực	3 - 10 "	Mạch môn đông	5 - 10 "
Đại táo	5 - 10 "	Bạch truật	3 - 10 "
Kha tử	5 - 10 "	Anh túc xác	3 - 10 "
Sơn tra	5 - 10 "		

47. Gia vị ích Tỳ trấn kinh thang

Người cống hiến: Chu Bính Văn, Y sư phó chủ nhiệm
Nhân dân y viện khu Cát An tỉnh Giang Tây

Đảng sâm	9 gam	Bạch truật	5 gam
Phục linh	6 "	Cam thảo	3 "
Câu đằng	5 "	Mễ Sa nhân	0,3 "
Hổ phách	1 "		

48. Bình Can kiện Tỳ thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Bạch truật	3 - 5 gam	Bạch thược	5 - 10 gam
Kha tử	5 - 10 "	Câu đằng	5 - 10 "
Viễn trí	5 -10 "	Sài hồ	3 - 5 "

Gia giảm: Trẻ em hãi quá, gia Chu sa 0,1 - 0,3 gam, Hổ phách 0,2 - 0,5 gam (hoà uống), Dạ giao đằng 5 - 10 gam. Nôn mửa nhiều gia Bán hạ 5 - 10 gam, Sinh Giả thạch 5 - 10 gam.

49. Âu thị kinh tả phương

Người cống hiến: Âu Thiếu Chương, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Quảng Châu

Phục linh	9 gam	Sơn dược	9 gam
Bạch thược	9 "	Địa long	6 "
Mộc qua	6 "	Sinh Long sỉ	12 "
Cương tàm	4,5 "	Cam thảo	2 "
Chân châu mẽ	1 " (hoà uống)		

50. Trấn kinh lợi thuỷ chỉ tả bảo dịch pháp

Người cống hiến: Hồ Triệu Cơ, Y sư chủ nhiệm Trung y viện khu Lệ Loan thành phố Quảng Châu

Kinh thị	4 - 6 cái	Văn ngân	1 thỏi
Đăng tâm cầu	10 cái		

Cách dùng: Sắc với 400 ml nước cạn lấy 200 ml bỏ bã (Văn ngân có thể để lại dùng được sau này) đổ cho uống từ từ.

51. Cù thị tiểu nhi cam tả phương

Người cống hiến: Cù Minh Văn, Y sư chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hồ Nam

Quy bản	10 gam	Miết giáp	10 gam
Xuyên sơn giáp	10 "	Kê nội kim	10 "
Xà thuế	1 cái	Thích Vị bì	10 "
Gan lợn đực (lá giữa) 1 bộ			

Cách dùng: Sáu vị thuốc trên tán bột mịn, sau đó thái gan lợn bỏ vào chảo, đun nhỏ lửa, sau đó lấy đầu đũa chọc miếng gan thành nhiều lỗ, rắc thuốc bột vào, đem gan nướng vàng là được, lấy ra đem giã thành bột, đổ vào lọ đậy kín để dùng, ngày uống 3 lần mỗi lần 3 gam chiêu với nước ấm, hoặc dùng chung với bữa ăn cũng được. Thuốc không có mùi vị khó chịu, hiệu quả tốt chỉ khoảng 8 -10 ngày là khỏi bệnh, sau khi khỏi, ăn thêm vài ngày nữa nhằm củng cố hiệu quả.

52. Trị trung tán

Người cống hiến: Hồng Triết Minh, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Cát Lâm

Đảng sâm	50 gam	Xương truật	50 gam
Can khương	50 "	Cam thảo	50 "

Cách dùng: Tán bột, trẻ em mỗi lần uống 10 gam, lớn hơn mỗi lần uống 15 gam. Nôn mửa dữ dội, uống thuốc vào không chịu, hoà thuốc với nước lạnh cho uống thì được.

53. Ôn trung bổ Tỳ thang

Người cống hiến: Mã Tân Vân, Giáo sư Trung y học viện Hà Bắc

Nhân sâm	6 gam	Hoàng kỳ	6 gam
Bạch truật	6 "	Can khương	3 "
Trần bì	3 "	Bán hạ	1,5 "
Phục linh	6 "	Sa nhân	1,5 "
Nhục quế	2 "	Đinh hương	1,5 "
Bạch thược	6 "	Cam thảo (trích)	3 "

54. Ôn trung chỉ tả thang

Người cống hiến: Chu Vĩnh Hậu, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Thái tử sâm	5 - 10 gam	Bạch truật	5 - 10 gam
Hoàng kỳ	5 - 10 "	Nhục quế	3 - 5 "
Mộc hương	3 - 5 "		

Gia giảm: Đau bụng đi tả nhiều lần gia Kha tử 3 - 5 gam, Nhục đậu khấu 5 - 10 gam. Kém ăn gia Nhục quế 5 - 10 gam, Sơn tra 5 - 15 gam. Ngủ không yên gia Viễn trí 5 - 15 gam, Bá tử nhân 5 - 10 gam.

55. Ôn tề tán

Người cống hiến: Đổng Đình Giao, Y sư chủ nhiệm
Trung y văn hiến quán thành phố Thượng Hải

Công Đinh hương	1,5 gam	Quảng Mộc hương	1,5 gam
Sạ hương	0,15 "	Nhục quế	1,5 "

Cách dùng: Tán bột, lấy trứng gà chín bóc bỏ vỏ, tách bỏ lòng đỏ, bỏ thuốc vào chỗ trũng nửa quả trứng, đắp lên rốn, băng dính ra ngoài

56. Trần thị hàn tiết phương

Người cống hiến: Trần Mậu Ngô, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện Giang Tây

Nga bất thực thảo	30 gam	Lão Sinh khương	15 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, lấy nước này xoa xát tay và cánh tay, nếu trời nóng thì đổ nước thuốc vào chậu cho trẻ ngồi vào trong mà xát và rửa, để đạt được mục đích ra chút ít mồ hôi mà

khỏi. Nếu không có thảo dược, có thể dùng Phụ tử lý trung thang hoặc Tứ nghịch thang thay thế, cách sử dụng như trên.

57. Tần thị cửu tả phương

Người cống hiến: Tần Liêm Tuyền, Lão Trung y nổi tiếng tỉnh Giang Tô

Kha tử	5 gam	Bạch truật	5 gam
Anh túc xác	5 "	Hoàng kỳ	6 "
Đảng sâm	6 "	Phục linh	6 "
Bào khương	3 "	Sài hồ	2 "
Trích thảo	2 "		

58. Gia vị tứ thần hoàn

Người cống hiến: Lý Thông Phủ, Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Hồ Nam

Tứ thần hoàn	Hoài sơn dược
Sơn du nhục	Nhục quế
Nhân sâm	Bạch truật
Cam thảo (trích)	

59. Từ thị ngoại phu phương

Người cống hiến: Từ Tiểu Châu, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện Thượng Hải

Anh túc xác 5 gam

Cách dùng: Sắc lấy nước, lấy bông vải tẩm nước này đắp vào rốn, ngày đổi miếng đắp vài lần.

264. TRẺ EM KHÓC ĐÊM (Dạ đề)

Ban ngày thì trẻ em bình thường, cứ đến đêm thì kêu khóc hoặc đêm nào cũng đến giờ nhất định là khóc, gọi là chứng Trẻ em khóc đêm. Nếu kiêm chứng kém ăn, cả ngày mỏi mệt, có thể dùng ***Câu đằng ẩm (1)*** làm mát nhiệt ở Tâm Can, hoà cái trệ ở Tỳ Vị. Nếu kiêm chứng Tâm phiền hay mê, luôn giật mình, tiểu tiện vàng hoặc miệng lưỡi phá lở, chất lưỡi đỏ thì dùng ***Triệu thị nghiệm phương (2)*** để thanh Tâm tả nhiệt, dưỡng Tâm an thần.

Tiểu nhi khái thấu, đờm dính khí nghịch, khóc đêm co giật, trướng bụng kém ăn, rêu lưỡi dầy nhớt, là do đàm trọc tích trệ, Tỳ Vị không hoà, điều trị theo phép chỉ khái trừ đàm, trấn kinh trừ phiền quét bỏ tích trệ, cho uống ***Quách thị bảo xích tán (3).***

Trẻ em khóc đêm, sợ hãi không yên, nhát gan hay sợ, kém ăn đại tiện nhão, có thể dùng ***Dương thị dạ đề phương (4)*** để kiện Tỳ an thần, trấn Tâm định kinh.

Ban đêm sợ hãi la khóc, kém ăn trướng bụng, nhiều mồ hôi, gầy còm, có thể dùng ***Cốc mạnh kim thiền tán (5)*** để kiện Tỳ đạo trệ, làm sạch Can và trấn kinh.

Điều trị chứng này, nên tham khảo mục "Kém ăn", "Mất ngủ".

1. Câu đằng ẩm

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Câu đằng	10 gam	Thiền thuế	3 gam
Mộc hương	3 "	Tân lang	3 "
Ô dược	6 "	Ích nguyên tán	10 "

2. Triệu thị nghiệm phương

Người cống hiến: Triệu Tám Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Mạch môn đông	10 gam	Tảo nhân (sao)	6 gam
Mộc thông	6 "	Hoạt thạch	10 "
Liên tử tâm	3 "	Tri mẫu	5 "
Mạch nha (sao kỹ)	6 "	Thần khúc	6 "

Cách dùng: Sắc uống, ngoài ra, hoà uống thêm Giáp nhâm kim tán, mỗi lần uống 0,6 gam, ngày 3 lần.

3. Quách thị bảo xích tán

Người cống hiến: Quách Khiêm Hanh, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Cát cánh	200 gam	Xuyên Bối mẫu	200 gam
Xích Thạch chi	50 "	Ba đậu sương	25 "
Thần sa	25 "		

Cách dùng: Đem 3 vị tán bột mịn, sau đó gia Ba đậu sương (đã ép dầu) và Thần sa cũng tán bột. Trộn đều. Trẻ sơ sinh trong

1 tuần, mỗi lần dùng 0,07 - 0,1 gam. Từ 2 - 3 tuổi, mỗi lần 0,2 - 0,3 gam. 4 tuổi mỗi lần 0,3 gam. Trong thời gian uống thuốc 1 - 3 giờ đừng cho uống nước nóng. Trường hợp đang bị Lao sái, đau bụng thổ tả, không được uống. Trẻ em đàm tích nặng, linh hoạt sử dụng tăng liều lượng.

4. Dương thị dạ đề phương

Người cống hiến: Dương Đại Kỳ, Y sư phó chủ nhiệm Y viện dân tộc Hồi thành phố Bắc Kinh

Sinh Long sỉ	15 gam	Thiền thuế	3 gam
Câu đằng	6 "	Phục linh	10 "
Liên tử nhục	10 "	Chân châu mẫu	15 "

5. Cốc mạnh kim thiền tán

Người cống hiến: Ngọ Tuyết Kiều, Y sư chủ nhiệm Viện Trung y Nhi đồng thành phố Tây An

Cốc nha (sao) hoặc thay thế bằng		Thần khúc	60 gam
Mạch nha (sao)	60 gam	Thiền thuế	60 gam
Sơn tra (sao)	60 "	Xương truật (sao)	60 "
Tiêu Ngọc phiến	60 "	Kê nội kim	30 "

Cách dùng: Tán bột, ngày 3 lần. Dưới 1 tuổi ngày uống 1 - 1,5 gam. Từ 1 - 4 tuổi mỗi ngày 3 - 4,5 gam. 4 - 7 tuổi mỗi ngày uống 4,5 - 6 gam. Người lớn mỗi ngày 6 - 9 gam.

265. THÓP MỤ KHÔNG KÍN

Thóp mụ không kín chuyên chỉ khớp sọ trẻ em bị nứt, chỗ thóp dãn rộng không kín, cũng gọi là "Giải lô".

Trẻ em thóp mụ dãn rộng quá mức bình thường, chân tay không ấm, nằm co, mặt tái nhợt, trí khôn kém là do Âm thịnh nước ngăn trở, Tỳ Thận dương hư, cho uống ***Hưng dương hoạt lạc tán (1).***

Trẻ em bị chứng này thể trạng nếu còn khoẻ không có hiện tượng hư, nên lợi thuỷ thông lạc, dùng ***Lưu thị não tích thuỷ phương số I (2).*** Trẻ em thóp mụ không kín nếu là tiên thiên phú bẩm bất túc, mới đẻ đã xuất hiện ngay đó là tiên thiên bất túc, có chứng phát dục chậm chạp, ngũ trì, ngũ hoãn, có thể dùng ***Lưu thị não tích thuỷ phương số II (3)*** để ích Tỳ Thận, điều khí huyết, nếu phát dục chậm chạp càng tăng, trí khôn giảm sút, dùng ***Triệu thị não tích thuỷ phương (4)*** để kiện Tỳ ích khí, sinh dưỡng tinh huyết. Nếu kiêm chứng thóp mụ ngày càng to mập sáng bóng là do Thận khuy tích thuỷ, có thể dùng ***Vương thị tiểu nhi tiên thiên tích não tích thuỷ nghiệm phương (5)*** để bổ Thận ích não, thông khiếu lợi thuỷ.

Thóp mụ không kín, trên đầu bộc lộ gân xanh, kiêm chứng đau đầu phiền táo, la khóc lạ thường, mặt lờ mờ tái xanh hoặc trắng nhợt, hoặc sạm sĩnh, ngơ ngác, nặng hơn thì nửa người tê dại hoặc khó chịu, miệng khát nhưng cho uống lại không uống,

môi lưỡi tím tái, ven lưỡi có vết răng hoặc có điểm ứ huyết, chỉ văn sắc tía hoặc xanh lờ mờ mà nhạt trệ, mạch Huyền hoặc Hư Sác, bệnh thuộc khí huyết ứ nghẽn, điều trị theo phép hành khí đạo trệ, hóa ứ thông nghẽn, có thể dùng ***Đan sâm đào hồng khung dẫn thang (6).***

Nói chung đối với chứng khớp sọ không kín, ngoài việc cho uống dạng thuốc sắc, có thể phối hợp sử dụng ***Phong thông pháp (7)*** đắp vào vùng đầu và huyệt Thái dương, có tác dụng thúc đẩy cho việc khép kín thóp mụ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Hưng dương hoạt lạc tán

Người cống hiến: Trịnh Cát Vân, Y sư chủ nhiệm Trung y học viện tỉnh Hà Nam

Phụ tử	Ngô công
Cương trùng	Toàn trùng
Giá trùng	Ô tiêu sà
Nhục quế	Mã tiền tử (chế)
Lộc nhung	

Cách dùng: Nếu dùng dạng thuốc sắc thì dùng Gia vị Tam giác tán (Kê nội kim, Bào sơn giáp, Chế Miết giáp, Phỉ tử nhân, Tân lang, Phan tả diệp, Tiêu Tam tiên, Xuân Sa nhân) phối hợp với Tử hà sa phấn. Bên ngoài thì dùng Đạo thuỷ đan (Khổ Đinh hương, Bạch Đinh hương) thổi vào mũi.

2. Lưu thị não tích thuỷ phương số I

Người cống hiến: Lưu Xuân Phủ, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện khu Tuyên Võ thành phố Bắc Kinh

Ngư trẩm cốt
Phục linh bì
Lộ lộ thông
Đông qua bì
Thạch xương bồ
Trừu hồ lô
Giá trùng
Xuyên sơn giáp
Quyết minh tử
Quảng Uất kim

3. Lưu thị não tích tuỷ phương số II

Người cống hiến: Lưu Xuân Phủ, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện khu Tuyên Võ thành phố Bắc Kinh

Sơn thù du
Tang thầm tử
Sinh Địa hoàng
Phục linh
Liên nhục
Câu kỷ
Ý dĩ nhân
Thục Địa hoàng
Sơn dược

4. Triệu thị não tích thuỷ phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Nhân sâm (hoặc Đảng sâm) 6 gam
Bạch truật (sao) 10 gam
Thục Địa hoàng 12 "
Sơn dược 10 "
Bạch thược 6 "
Thạch xương bồ 6 "
Phục linh 12 gam
Hoàng kỳ 15 "
Đương qui 6 "
Cam thảo (trích) 3 "
Hoàng tinh 12 "

5. Vương thị tiểu nhi tiên thiên tích não tích thuỷ nghiệm phương

Người cống hiến: Vương Lợi Phương, Y sư phó chủ nhiệm Đại học Y khoa Đông Tế Vũ Hán

Hồ lô biều	10 gam (loại cũ mới tốt)		
Thục Địa hoàng	10 "	Sơn thù nhục	9 gam
Sơn dược	10 "	Mẫu đơn bì	8 "
Phục linh bì	15 "	Trạch tả	12 "
Nguyên hoa	1 "	Hồng hoa	1 "
Lộc giác giao	9 "		

Công thức trên là lượng dùng cho trẻ em khoảng 4 tuổi

6. Đan sâm đào hồng khung dẫn thang

Người cống hiến: Từ Tương Phú, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Cát Lâm

Đan sâm	50 gam	Đào nhân	25 gam
Hồng hoa	15 "	Xuyên khung	10 "
Địa long	25 "		

Cách dùng: Chế thành dạng bột, pha nước uống. Mỗi thang chia làm 6 - 8 lần uống trong 2 ngày. Cũng có thể phối hợp với phép Châm cứu và thuốc đắp (Thiên Nam tinh, Bá tử, Phòng phong, liều lượng bằng nhau, cùng tán bột, trộn với dấm và mật lợn để đắp lên thóp mụ).

Gia giảm: Bệnh nặng thêm táo bón gia Xạ hương 0,01 gam, Thuỷ điệt 0,5 gam. Có dấu hiệu nhiệt độc, phối hợp với Ngưu hoàng 0,1 gam, Băng phiến 0,5 gam, Đại hoàng 7,5 gam. Nếu kiêm âm hư, dương hư, âm dương đều hư, có thể phối hợp Kỷ

Cúc địa hoàng thang gia Ngưu tất. (Âm hư thì lại gia Quy bản, A giao, trọng dụng Sơn thù. Dương hư thì lại gia Lộc giác giao, A giao, trọng dụng Thục Địa hoàng. Âm dương đều hư, thì dùng cả hai nhóm thuốc trên, lại gia Lô bì giao, Quy bản giao, Lộc giác giao, Thai bàn phấn, Lộc nhung phiến .v.v...)

V. Phong thông pháp

Người cống hiến: Vương Tĩnh An, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Thành Đô

Thông thảo	30 gam	Phong phòng	30 gam
Thiền thuế	30 "	Bạch chỉ	15 "
Trần bì	15 "	Sơn du nhục	15 "
Cương tàm	15 "	Xuyên Hồng hoa	10 "

Cách dùng: Tán bột, thêm rượu trắng 15 ml, Đồng tiện 50 ml, Bột mì 9 gam, nước vừa đủ, trộn thuốc thành dạng hồ, cắt bỏ tóc ở đầu trẻ rồi đắp thuốc nầy lên đầu và huyệt Thái dương, mỗi ngày thay thuốc đắp một lần.

266. THÓP MỤ LỒI LÊN

Thóp mụ ở trẻ em nổi gồ lên có tên là "Thông thũng" hoặc "Thông điền", nếu kiêm chứng mắt nhìn xéo, mi mắt sụp xuống, miệng méo mắt xếch, đồng tử tán đại hoặc đồng nhân hai bên mắt to nhỏ không đều, mạch Sác vô lực, cho uống ***Giả thị chu băng tán.***

Điều trị chứng này nên tham khảo các mục "Phát nhiệt" và "Hôn mê".

PHỤ PHƯƠNG

Giả thị chu băng tán

Người cống hiến: Giả Trần, Y sư chủ nhiệm
Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Thiểm Tây

Chu sa	135 gam	Băng phiến	27 gam
Sinh Cam thảo	90 "	Bạc hà	18 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn. Trẻ dưới 1 tuổi mỗi lần uống 0,15 - 0,3 gam. Từ 1 - 3 tuổi, mỗi lần uống 0,3 - 0,6 gam. Từ 3 - 6 tuổi, mỗi lần uống 0,4 - 0,9 gam. Từ 6 - 9 tuổi, mỗi lần uống 0,5 -1 gam. Ngày 3 lần uống, pha với nước chín.

267. QUY BỐI KÊ HUNG

Trẻ em bị Kê hung Quy bối là chỉ chứng phía trước ngực cao dô lên, biến dạng, hình như ức bụng con gà, lại vì khoang ngực nổi gồ lên như mai con rùa, nên lại có tên là "Qui bối".

Trẻ em sinh ra hoặc là hậu thiên bú mớm không thích đáng dẫn đến ngực và lưng biến dạng, tùy theo tuổi mới lớn mà biến dạng ngày càng rõ, thể trạng tất gù dễ cúi mà khó ngửa, phát dục chậm chạp, gày còm kém ăn không chịu được nóng lạnh, bệnh thuộc Tỳ Thận bất túc, xương yếu thể trạng kém, có thể dùng ***Tưởng thị kê hung bình (1)*** để bổ Thận kiện Tỳ, mạnh xương uốn nắn biến dạng.

Trẻ em vùng ngực dô ra phía trước, thể trạng gầy còm, chán ăn, nhiều mồ hôi, phiền táo không yên, dễ cảm mạo, mặt nhợt kém tươi, choáng váng sức yếu, môi lưỡi nhạt, thuộc Tỳ Thận đều hư, khí huyết không đủ, cho uống ***Vương thị anh nhi tráng (2)*** để mạnh Thận khoẻ Tỳ, bổ khí sinh huyết, ích chí yên thần.

Phát sinh chứng này thường phát hiện đồng thời với chứng phát dục chậm chạp, nên tham khảo mục "Tiểu nhi ngũ trì".

1. Tưởng thị kê hung bình

Người cống hiến: Tưởng Thiên Hựu, Y sư chủ nhiệm
Sở nghiên cứu Trung y tỉnh Sơn Tây

Thục Địa hoàng	3 - 9 gam	Quy bản (trích)	3 - 5 gam
Miết giáp (trích)	3 - 9 "	Hoàng kỳ (trích)	3 - 9 "
Đảng sâm	3 - 9 "	Sơn dược	4 - 10 "
Phục linh	3 - 9 "	Kê nội kim	3 - 9 "
Cam thảo (trích)	3 - 6 "		

Cách dùng: Sắc hai nước, chia làm hai lần uống sáng và tối, mỗi ngày uống 2 thang, uống 15 - 30 thang là một đợt điều trị.

2. Vương thị anh nhi tráng

Người cống hiến: Vương Liệt, Giáo sư
Trung y học viện Trường Xuân

Mẫu lệ	0,03 gam	Long cốt	0,03 gam
Thái tử sâm	0,01 "	Quy bản	0,025 "
Hoàng kỳ	0,02 "	Chân châu mẫu	0,01 "
Sơn tra	0,02 "	Đại táo	0,01 "
Kê nội kim	0,01 "	Bạch truật	0,01 "
Ngũ vị tử	0,005 "	Đảng sâm	0,01 "
Phục linh	0,01 "	Mạch môn đông	0,01 "
Xương truật	0,01 "	Xương bồ	0,005 "
Sơn dược	0,01 "	Cam thảo	0,005 "
Phật thủ	0,01 "		

(Cộng tất cả 0,25 gam)

Cách dùng: Tán bột, trẻ dưới 6 tháng, mỗi lần uống 0,25 gam. Từ 7 - 12 tháng uống 0,5 gam. Từ 1 - 2 tuổi 0,75 gam. Từ 2 - 3 tuổi uống 1 gam. Mỗi ngày uống 3 lần, một tháng là 1 đợt điều trị.

268. CHỨNG NGŨ TRÌ, NGŨ NHUYỄN

Ngũ trì (năm chứng chậm) ngũ nhuyễn (năm chứng mềm) là chỉ trẻ em phát dục chậm chạp, sinh trưởng bất túc gây nên.

Ngũ trì là chậm đứng, chậm đi, chậm mọc tóc, chậm mọc răng và chậm biết nói. Ngũ nhuyễn là miệng mềm, tay yếu, chân mềm, đầu cổ mềm, cơ bắp mềm. Thông thường ngũ trì, ngũ nhuyễn hay đồng thời xuất hiện, cho nên thảo luận chung.

Trẻ em có chứng đầu cổ mềm, lảo đảo, không vận động cất nhắc được gì, tay mềm buông thõng (chân yếu, đầu cổ mềm) cơ bắp nhẽo, môi nhợt rêu lưỡi trắng, tự ra mồ hôi, mồ hôi trộn, kém ăn gầy còm là do nguyên khí bất túc, Tỳ Vị hư yếu, có thể dùng ***Vương thị kiện Tỳ đường tương (1)*** để ích nguyên khí, mạnh Tỳ Vị, có biểu ích trí mạnh thân thể. Nếu có chứng trí tuệ kém cỏi, nói năng không gọn, chi dưới yếu liệt không đứng được là do Can Thận bất túc, Tâm và Não không được nuôi dưỡng, dùng ***Lưu thị tăng trí thang (2)*** để bổ Thận khoẻ Não, ích khí yên thần.

Cá biệt trẻ em non yếu bé nhỏ quá kiêm chứng gân xương mềm yếu, phát dục chậm chạp, ngồi, đứng, đi, chạy đều chậm hơn trẻ em cùng lứa tuổi, kém ăn gầy còm, mặt nhợt không tươi, là do khí huyết suy thiếu, Tỳ Thận bất túc, có thể dùng ***Trương thị trường cá linh hoàn (3)*** để bổ Thận kiện Tỳ, ích khí dưỡng huyết, mạnh khoẻ thân thể. Nếu các chứng trên kiêm chứng chân tay không ấm, tinh thần uỷ mị là do Thận nguyên bất túc, Tỳ khí

hư yếu cho uống ***Hoàng kỳ sinh trường lạc (4)*** để bổi nguyên ích Thận, kiện não bổ Khí, mạnh Tỳ hoà Vị.

Trẻ em nhân bú mớm không thích hợp hoặc tiên thiên phú bẩm bất túc có chứng phát dục chậm chạp, mỏi mệt gầy còm, kém ăn đại tiện lỏng, cho uống ***Lý thị phù Tỳ kiện Vị tán (5).***

PHỤ PHƯƠNG

1. Vương thị kiện Tỳ đường tương

Người cống hiến: Vương Khải Bình, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện số 8 thành phố Thượng Hải

Hoài nhi sâm	3 gam	Hoàng kỳ trích	3 gam
Bạch truật sao	3 "	Kim châm cô	5 "
Nhu đạo căn	5 "	Bích đào can	3 "
Sơn tra	3 "	Mạch nha	5 "
Phòng phong	3 "	Kha tử	3 "

Cách dùng: Chế thành dạng sirop, ngày uống 3 lần.

2. Lưu thị tăng trí thang

Người cống hiến: Lưu Trác, Phó giáo sư Trung y học viện Liêu Ninh

Thủ ô	10 gam	Hoàng tinh	15 gam
Bách hợp	15 "	Phục linh	15 "
Bá tử nhân	10 "	Viễn trí	10 "
Liên tử	10 "	Đan sâm	10 "
Mẫu lệ	25 "	Sơn du nhục	10 "

Trên đây là liều lượng 1 ngày cho trẻ em 8 tuổi.

3. Trương thị trường cá linh hoàn

Người cống hiến: Trương Kim Đỉnh, Y sư phó chủ nhiệm Viện nghiên cứu Trung y tỉnh Hà Nam

Thái tử sâm	30 gam	Bạch truật sao	12 gam
Hoàng kỳ	12 "	Thục Địa hoàng	10 "
Phục linh	10 "	Hoài sơn dược	10 "
Mẫu đơn bì	10 "	Đương qui	10 "
Thượng giáp trích	10 "	Xuyên sơn long	10 "
Hạ giáp trích	10 "	Bào Sơn giáp	10 "
Sơn thù nhục	10 "	Phòng phong	10 "
Tiêu Tam tiên	15 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Các vị tán bột luyện mật làm viên mỗi viên nặng 10 gam. Trước khi dùng thuốc, hãy đến bệnh viện kiểm tra loại trừ các tật bệnh về Tâm Phế Can Thận Tỳ Vị v.v... theo chỉ dẫn của thầy thuốc mà sử dụng, chủ yếu nhằm điều trị cho trẻ quá non yếu, mỗi ngày uống 3 lần; 1 - 2 tuổi: 3 gam/lần; 3 - 5 tuổi: 5 gam/lần; 6 - 12 tuổi: 10 gam/lần. Uống liên tục 3 - 6 tháng. Phương này có thể đổi thành dạng bột hoặc dạng thuốc thang.

4. Hoàng kỳ sinh trường lạc

Người cống hiến: Hoàng Tự Lập, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thành phố Trùng Khánh

Bào sâm	30 gam	Sơn dược	15 gam
Ý dĩ nhân	15 "	Trần bì	9 "
Sa nhân	6 "	Sơn tra	15 "
Hồng sâm	3 "	Tử Hà sa	3 "
Hồ đào nhục	15 "	Dâm dương hoắc	15 "

5. Lý thị phù Tỳ kiện Vị tán

Người cống hiến: Lý Chính Toàn, Phó giáo sư Đại học Y khoa Trùng Khánh

Đông bắc sâm	10 gam	Bạch truật	30 gam
Phục linh	30 "	Khiếm thực	30 "
Liên mễ	30 "	Sơn tra	60 "
Kê nội kim	60 "	Chỉ thực	15 "
Quất bì	15 "	Thần khúc	30 "
Cốc nha	30 "	Mạch nha	30 "

Cách dùng: Các vị sấy khô tán bột, đựng lọ để dùng. Ngày uống 2 - 3 lần. Trẻ em uống mỗi lần 2 - 6 gam, khuấy đường hoặc sữa hoặc nước cơm cho uống. Người lớn mỗi lần uống 6 - 9 gam, chiêu với nước sôi.

269. TRẺ EM THẤP CHẨN (Phát ban)

Chứng này là chỉ một loại bệnh biến ở bì phu thường gặp ở trẻ em. Trẻ em phát ban thường bị ở vùng đầu mặt, nặng hơn thì lan toả toàn thân và tứ chi.

Vùng đầu mặt trẻ em có từng mảng hoặc rải rác có ban đỏ, ban huyết, ngứa ngoáy loét nát, kiêm chứng phát sốt sợ gió, bệnh thuộc phong nhiệt kiêm thấp, điều trị nên sơ phong thanh nhiệt lợi thấp, bên trong cho uống ***Triệu thị sơ lợi phương (1)*** bên ngoài thì dùng ***Ngoại tẩy thấp phu phương (2)*** để rửa hoặc đắp ướt vào cục bộ.

Nếu phát ban có nốt mọng nước bị vỡ loét nát chảy nước, ngứa gãi nhiều là thuộc phong nhiệt uế độc kiêm thấp, phép trị nên thanh nhiệt giải độc, lợi thấp khư phong chống ngứa; bên trong có thể uống ***Mã thị thanh lợi phương (3)*** bên ngoài thì bôi ***Ngoại phu phương (4)***. Nếu kiêm chứng thấm ra nhiều nước dính, Tâm phiền không yên là do thấp trọc khá thịnh, nhiệt độc quấy rối Tâm, có thể dùng ***Đinh thị thấp sang nghiệm phương (5)*** để giải độc thanh nhiệt, bảo vệ Tâm, chống ẩm, hoá trọc và trừ ngứa.

Trẻ em phát ban đỏ tươi hoặc tía tối, nước thấm ra không nhiều, kiêm chứng phát nhiệt miệng khát, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi nhớt, phần nhiều thuộc thai độc kiêm thấp úng trệ ở cơ phu, phép chữa nên thanh giải thai độc, hoá thấp trừ ngứa, hành khí hoạt huyết, có thể dùng ***Vương thị anh nhi thấp chẩn nghiệm phương (6)***.

Biện chứng luận trị chứng này, nên tham khảo các chứng "Bì phu thấp chẩn" và "Đầu bộ thấp chẩn".

PHỤ PHƯƠNG

1. Triệu thị sơ lợi phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Phòng phong	3 gam	Liên kiều	6 gam
Tiêu Mạnh nha	6 "	Cúc hoa	5 "
Hoàng cầm	3 "	Sinh Cam thảo	3 "

Cách dùng: sắc lấy nước uống. Có thể phối hợp với Chí thánh bảo nguyên đan, mỗi lần uống nửa viên, ngày hai lần.

2. Ngoại tẩy thấp phu phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Xà sàng tử	9 gam	Kim ngân hoa	9 gam
Dã cúc hoa	9 "	Sinh Cam thảo	6 "

Cách dùng: Sắc lấy nước để rửa hoặc đắp ướt cục bộ mỗi ngày vài ba lần, mỗi lần lâu 10 phút.

3. Mã thị thanh lợi phương

Người cống hiến: Mã Liên Tương, Giáo sư Trung y học viện Triết Giang

Dã cúc hoa	6 gam	Kim ngân hoa	6 gam
Xa tiền thảo	9 "	Sinh Cam thảo	5 "
Địa phu tử	9 "	Bạch tiên bì	6 "

Ý dĩ nhân	9 gam	Phục linh bì	9 gam
Xương truật	6 "	Xuyên Hoàng bá	4 "
Sinh Thủ ô	9 "	Can Thiềm bì	4 "

4. Ngoại phu phương

Người cống hiến: Triệu Tâm Ba, Nghiên cứu viên
Viện nghiên cứu Trung y Trung Quốc

Xuyên liên (bột)	3 gam	Hoàng bá (bột)	3 gam
Nhũ hương (bột)	3 "	Quy bản (bột)	3 "

Cách dùng: Trộn đều với dầu thơm mà bôi.

5. Đinh thị thấp sang nghiệm phương

Người cống hiến: Đinh Cam Nhân tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh thời cận đại

Tây Ngưu hoàng, 0,3 gam Hổ Hoàng liên 1,5 gam
Nhân trung hoàng 1,5 "

Cách dùng: Tán bột, mỗi lần dùng 0,3 gam chiêu với nước đường.

6. Vương thị anh nhi thấp chẩn nghiệm phương

Người cống hiến: Vương Bằng Phi, Giáo sư
Y viện Nhi đồng Bắc Kinh

Thanh đại	3 gam	Tử thảo	9 gam
Bạch chỉ	6 "	Bạch cập	9 "
Nhũ hương	6 "	Hoắc hương	9 "

PHẦN XX

CÁC CHỨNG TRẠNG KHÁC

Chương này chủ yếu giới thiệu chứng trạng và phép chữa một số bệnh thuộc ngoại khoa và bì phu như: Phát cước, Bỏng nước, Bỏng lửa, Trùng thú độc cắn và Tổn thương do vấp ngã bị đòn.v.v..

270. BỊ NGÃ, BỊ ĐÒN TỔN THƯƠNG

Bị ngã, bị đòn tổn thương là chỉ các bệnh đau nhức do vấp, ngã, vận động tư thế không đúng, hoặc ẩu đả đâm chém dẫn đến hại gân, gẫy xương, trật khớp đến nỗi phá rách xuất huyết. Vết thương sưng trướng, hoạt động hạn chế, làm cho vận động không lợi nhưng chưa hại đến xương, đó là do gân bị thương khí trệ, có thể dùng ***Triển cân đan (1)*** để hành khí hoạt huyết, tiêu sưng giảm đau, thư cân thông lạc.

Nếu ứ trệ gân bị thương khá nặng thì dùng ***Trương thị tân thương trật đả thang (2)*** để hành ứ lý khí định thống. Gân bị thương tích chứa quá lâu mà nơi bị thương rất đau, có thể dùng ***Trương thị cựu thương tẩy tễ (3)*** xông và rửa nơi đau để thư cân hoạt lạc, hoạt huyết giảm đau, bên trong có thể uống ***Cựu thương trật đả thang (4)*** để sơ phong tán ứ, mát huyết tiêu sưng.

Gân ở vùng lưng bị thương, hoặc vùng lưng bị thương đã lâu lại bị tổn thương mới, có thể dùng ***Quách thị toả thương yêu thống ẩm (5)*** để hành khí thông kinh, tiêu ứ chỉ thống.

Sau khi lưng tổn thương, tê trướng mà đau lại sợ lạnh ưa nóng, hoặc kiêm chứng đại tiện khó khăn, có thể dùng ***Đại tướng trục ứ thang (6)*** để trừ ứ hành khí, ôn kinh giảm đau.

Bệnh nhân vốn tinh huyết bất túc, thể trạng phú bẩm hư yếu, sau khi vùng lưng bị tổn thương, hoặc tổn thương ở lưng đã bớt

đi quá nửa, có thể dùng ***Trương thị bổ Thận dưỡng huyết thang (7)*** để bổ Thận dưỡng huyết, hành ứ chỉ thống.

Tổn thương ở vùng ngực bụng, cục bộ sưng đau, ngực sườn xoay chuyển khó khăn, kiêm chứng vùng bụng trướng đầy, đại tiện bí kết, tiểu tiện sẻn đỏ, miệng khát là do ứ nhiệt câu kết, phủ khí không thông, nhẹ thì dùng ***Hoạt huyết thư Can thang (8)*** để hoạt huyết trừ ứ, sơ Can lý khí, thông phủ tiết nhiệt, nặng thì dùng ***Vương thị công hạ trục ứ thang (9)*** để trục ứ thông phủ tả nhiệt. Nếu kiêm chứng ứ huyết ở dưới da, ngực khó chịu và khái thấu, hoạt động vươn vai hạn chế, cho uống ***Lý khí hoá ứ phương (10)*** để lý khí hành ứ giảm đau. Nếu kiêm chứng khái huyết là do lạc mạch bị tổn hại, có thể dùng ***Chỉ huyết phương (11)*** để hành ứ chỉ huyết và trừ đau.

Sau khi vùng ngực tổn thương, thấy ngực khó chịu, nhiều đờm, suyễn gấp thở gấp, có thể dùng ***Sơ khí hoá đàm thang (12)*** để hoá đàm lý khí làm trong sạch Phế.

Các loại tổn thương nói trên, nếu thấy xuất huyết sưng đau, có thể dùng ***Hoàng chỉ cao (13)*** dán ở ngoài để trừ ứ tiêu sưng, chỉ huyết trừ đau. Nếu nơi đau sưng đỏ nóng rát, khối sưng hơi rắn, có thể dùng ***Chỉ thống tiêu viêm cao (14)*** dán ở ngoài để thanh nhiệt tan kết, hoạt huyết trừ ứ, thư khí chống đau, tiêu sưng chỉ thống. Nếu nơi đau sưng đỏ nóng rát khá nặng, có thể dùng ***Tứ hoàng phế dược (15)*** đắp ở ngoài nhằm hoạt huyết trừ ứ tiêu sưng, thanh nhiệt giải độc lương huyết.

Nếu nơi sưng đã lâu, không đỏ mà xanh tía sắc tối, độ ấm ở da không cao lại có cảm giác lạnh, hoặc do thời tiết thay đổi mà sưng

đau nặng thêm, có thể dùng ***Lục thị vạn ứng cao (16)*** để ôn kinh thông lạc hoạt huyết trừ ứ, sưu phong trừ thấp, thư cân giảm đau. Nếu do sau khi bị thương ở dưới sườn mà đau lâu không khỏi, có thể dùng ***Chu thị sang thương trị pháp (17)*** (trong uống ngoài đắp) nhằm lý Can thông lạc, hành khí hoạt huyết.

Vùng mặt bị thương do va đập, sau khi vết thương đã kín và khỏi, mắt nhìn không tỏ hoặc giảm sút thị lực, nhãn cầu phủ màng lâu không tan, dùng ***Cố bản hoàn tinh hoàn (18)*** để bổ Thận làm bền từ gốc, khư phong tiêu màng.

Vấp ngã bị đòn tổn thương dẫn đến gẫy xương, lâm sàng gặp khá nhiều loại gẫy xương tay chân, nói chung chia làm ba thời kỳ: thời kỳ đầu - thời kỳ giữa - thời kỳ cuối; lại do tình huống tổn thương lại có thể chia ra gẫy hở và gẫy kín.

Gẫy xương kín thời kỳ đầu thường thấy nơi bệnh thâm tím sưng trướng và đau, có thể dùng ***Chu thị tiếp cân tục cốt hợp tễ (19)*** để hoạt huyết tán ứ, tiêu sưng chỉ thống, nối tiếp gân xương. Bên ngoài thì đắp ***Tam sắc phu dược phương (20)***. Nếu sưng đau nặng mà phát sốt là thuộc huyết ứ uất nhiệt, có thể chọn dùng ***Kỳ lâu tán (21), Thi thị bế hợp tính cốt triết sơ kỳ phương (22), Phá huyết tứ vật thang (23)*** để hoạt huyết tiêu sưng, tiếp xương giải quyết vết thương, kiêm cả tiêu tán uất nhiệt. Bên ngoài thì đắp ***Tử hoàng tán (24)***. Gẫy xương ở thời kỳ giữa, tình trạng sưng tạm lui, đau nhức cũng dịu đi, có thể dùng ***Thi thị bế hợp tính cốt triết trung kỳ phương (25)*** để điều hoà doanh vệ, nối tiếp gân xương. Nếu kiêm chứng huyết hư, nên dùng ***Dưỡng huyết tứ vật thang (26)*** nhằm trừ ứ, sinh huyết mới, dưỡng huyết

nối xương. Cục bộ gẫy xương thời kỳ giữa có thể đắp ***Đào hoa tán (27).***

Gẫy xương ở thời kỳ cuối, cơ bắp ở cục bộ hoặc thấy teo quắt, công năng hoạt động phục hồi chậm, kiêm chứng ở lớp da mát lạnh, lưỡi nhợt, mạch Hư Nhược, có thể dùng ***Gia vị bát trân thang (28)*** để ích khí sinh huyết. Nếu kiêm chứng Can Thận bất túc thì nên dùng ***Thi thị bế hợp tỉnh cốt triết hậu kỳ phương (29)*** để ích khí dưỡng huyết, ôn bổ Can Thận, bên ngoài có thể đắp ***Lục thị trị thương cao dược (30)*** để hoà khí huyết, nối gân xương.

Các loại gẫy xương nói trên, bất luận cũ hay mới, đều có thể cho uống ***Chỉ mã kim tiền tán (31)*** để phá ứ hoạt huyết, tiêu sưng chống đau và nối liền gân xương.

Chân tay bị gẫy xương hở, sau khi xuất huyết đã ngừng, có chứng Tâm phiền miệng khát, phát sốt tự ra mồ hôi, rêu lưỡi tía sáng, chủ yếu phải bổ dưỡng khí huyết, huyết đủ thì tân dịch mới sinh mà phiền nhiệt cũng tự rút, có thể dùng ***Thi thị khai phóng tỉnh cốt triết sơ kỳ phương (32)*** để ích khí huyết, trừ ứ trệ kiêm thanh nhiệt sinh tân. Nếu gẫy xương thời kỳ đầu khá nặng, sưng ứ nặng nề, có chứng sốt cao, miệng khát phiền táo, lưỡi đỏ mạch Sác, có thể dùng ***Kinh giới hoá ứ thang (33)*** để thanh nhiệt giải độc, mát huyết tan ứ.

Gẫy xương ở thời kỳ giữa và thời kỳ cuối mà bì phu sáng bóng, ôn độ ở da tăng cao, về chiều sốt từng cơn, gò má đỏ bừng, đó là thời kỳ đầu xuất huyết quá nhiều gây nên, chủ yếu phải ích

khí dưỡng huyết, dục âm bổ Thận, cho uống ***Thi thị khai phóng tính cốt triết hậu kỳ phương (34).***

Tổn thương bờ ngón tay, sau khi bị thương một, hai ngày, dùng ***Trường bì cao số I (35)*** để chỉ huyết sinh cơ. Nếu vết thương đã lâu, có tổ chức hoại tử làm mủ thì dùng ***Trường bì cao số II (36)*** để dưỡng âm mát huyết, trừ ứ, sinh cơ.

PHỤ PHƯƠNG

1. Triển cân đan

Người cống hiến: Chu Hương Cung, Nghiên cứu viên Viện nghiên cứu Trung y dược tỉnh Thiểm Tây

Toàn yết	8 phần	Giá trùng	8 phần
Bàng giải	8 "	Nhũ hương (bỏ dầu)	4 "
Một dược (bỏ dầu)	4 "	Hồng hoa	4 "
Tạng Hồng hoa	1 "	Tam thất	2 "
Lộc nhung	1 "	(sao với đồng tiện)	

Cách dùng: Các vị tán bột, dùng Hoàng tửu chế thành dạng thuốc viên to bằng hạt đỗ tương; người lớn mỗi lần uống 2,4 - 3 gam, ngày ba lần. Trẻ em giảm liều lượng, chiêu với nước chín.

Chú ý: Có thai không được dùng.

2. Trương thị tân thương trật đả thang

Người cống hiến: Trương An Trinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Đào nhân	6 gam	Hồng hoa	6 gam
Tô mộc	9 "	Xích thược	9 "

Trạch lan	6 gam	Một dược (chế)	3 gam
Đương qui vĩ	9 "	Huyết kiệt	9 "
Hương phụ (chế)	6 "	Chỉ xác	6 "
Mộc hương	3 "	Sinh Địa hoàng	9 "
Khương hoàng	6 "		

Cách dùng: Nửa nước nửa rượu cùng với thuốc sắc uống.

3. Trương thị cựu thương tẩy tễ

Người cống hiến: Trương An Trinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Đào nhân	9 gam	Hồng hoa	9 gam
Tam lăng	9 "	Nga truật	9 "
Ô dược	9 "	Sí biên quế	9 "
Đương qui vĩ	9 "	Trạch lan	9 "
Sinh Xuyên ô	9 "	Sinh Thảo ô	9 "
Khương hoạt	15 "	Thổ Ngưu tất	15 "
Độc hoạt	15 "		

Cách dùng: Sắc lấy nước để xông và rửa. Mỗi thang hoà thêm dấm cũ 75 gam, mỗi ngày 1 thang để xông rửa 2 lần.

4. Cựu thương trật đả thang

Người cống hiến: Trương An Trinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Tam thất	6 gam	Chi tử	6 gam
Ngũ linh chi	9 "	Sinh Địa hoàng	9 "
Khương hoạt	6 "	Nhũ hương (chế)	3 "
Độc hoạt	6 "	Đỗ trọng	9 "

Một dược (chế)	3 gam	Phòng phong	6 gam
Xích thược	9 "	Xuyên sơn giáp	6 "

Cách dùng: Lấy nửa rượu nửa nước sắc uống.

5. Quách thị toả thương yêu thống ẩm

Người cống hiến: Quách Hiến Chương, Y sư phó chủ nhiệm Y viện khoa Xương thị trấn Lan Châu tỉnh Cam Túc

Xuyên khung	12 gam	Đỗ trọng (sao)	12 gam
Kim mao cẩu tích	12 "	Ngưu tất	12 "
Ô dược	9 "	Hương phụ	9 "
Mộc hương	9 "	Tiểu hồi	9 "
Đương quy	9 "	Xích thược	9 "
Đào nhân	9 "	Huyền hồ	9 "
Tục đoạn	9 "	Thanh bì	6 "
Hồng hoa	6 "	Tam thất	3 "

Gia giảm: Thống điểm ở vùng lưng không rõ rệt, cục bộ không sưng trướng kiêm chứng bụng trướng đau, kém ăn; đây là khí trệ ở Kinh lạc, phép chữa nên tăng lượng thuốc hành khí. Nếu vùng lưng đau nhói, nơi đau cố định, cục bộ sưng trướng là có khí trệ huyết ứ, đường mạch nghẽn tắc không thông, nên linh hoạt gia các vị Địa long, Đan sâm v.v...

6. Đại tướng trục ứ thang

Người cống hiến: Giang Chính Ngọc Y sư phó chủ nhiệm Y viện Trung Nhật hữu nghị Bắc Kinh

Xuyên Đại hoàng	20 gam	Tân lang	20 gam
Sinh khương	10 "	Nhục quế	6 "

Chú ý: Sau khi uống nước thuốc thứ nhất, bệnh nhân đau bụng, số lần đại tiện lỏng nhiều hơn hoặc đại tiện ra máu mủ nói lên thuốc đã tới ổ bệnh, không cần uống tiếp. Nếu sau khi uống mà lần đại tiện vẫn không nhiều hơn, sau 12 giờ lại uống tiếp nước sắc thuốc lần 2, cần thiết phải đau bụng bệnh mới khỏi ngay. Phụ nữ có thai kiêng uống. Thể lực yếu cần linh hoạt giảm lượng thuốc.

7. Trương thị bổ Thận dưỡng huyết thang

Người cống hiến: Trương An Trinh, Giáo sư Trung y học viện tỉnh Phúc Kiến

Xuyên Hoàng liên	6 gam	Phục thần	9 gam
Đương qui	6 "	Sinh Địa hoàng	9 "
Câu kỷ tử	15 "	Nhân trung bạch	9 "
Xuyên khung	6 "	Ích mẫu thảo	9 "
Cam thảo	3 "		

8. Hoạt huyết thư Can thang

Người cống hiến: Quách Duy Hoài, Y sư chủ nhiệm Y viện Xương khớp Lạc Dương tỉnh Hà Nam

Đương quy	10 gam	Sài hồ (sao)	10 gam
Hoàng cầm	6 "	Xích thược	10 "
Hồng hoa	5 "	Đào nhân	7 "
Chỉ xác	10 "	Đại bạch	10 "
Đại hoàng	10 "	Cam thảo	3 "

Cách dùng: Trước hết ngâm Đại hoàng, các vị khác đem sắc, sau khi sắc xong, bỏ chỗ nước ngâm Đại hoàng vào đun,

đun sôi là được, lọc bã, uống nóng làm 1 lần. Sau 4 giờ lại đun lần nữa uống tiếp, ngày 1 thang, đợi sau khi đại tiện thông lợi, bấy giờ mới đun chung Đại hoàng với các vị thuốc khác mà uống.

Gia giảm: Nếu ứ huyết nặng, đại tiện vít tắc, gia Mang tiêu 12 gam để mềm chất rắn và thông hạ. Nếu ngực sườn tổn thương, khí nghịch ho có đờm, gia Khương Bán hạ 10 gam để giáng nghịch khư đàm. Nếu ứ huyết dồn ứ, gân thịt xanh tái cứng rắn, gia Khương hoạt 12 gam để thông kết hoạt lạc.

9. Vương thị công hạ trục ứ thang

Người cống hiến: Vương Duy Tiên, Phó giáo sư Trung y học viện Tân Cương

Đại hoàng	12 gam	Mang tiêu	10 gam
Hậu phác	10 "	Đương qui	20 "
Chỉ xác	10 "	Đào nhân	12 "
Hồng hoa	10 "		

10. Lý khí hoá ứ phương

Người cống hiến: Tôn Trình Tường, Y sư phó chủ nhiệm Trung y học viện Bắc Kinh

Sài hồ	15 gam	Uất kim	10 gam
Đào nhân	10 "	Hồng hoa	10 "
Huyền hồ	6 "	Giáp châu (bào)	10 "
Nga truật	10 "	Phục linh	10 "
Xa tiền tử	10 "	Sinh Cam thảo	6 "
Đại hoàng	10 "		

Gia giảm: Khái thấu có đờm, gia Hạnh nhân 10 gam, Bán hạ 10 gam. Tỳ hư đại tiện nhão bỏ Đại hoàng gia Sơn dược 12 gam. Có nhiệt gia Liên kiều 12 gam, Sinh Chi tử 10 gam, Xích thược 10 gam, Đan sâm 10 gam. Đan dầu rõ rệt gia Bạch thược 12 gam, Tam lăng 12 gam, Nhũ hương 12 gam, Một dược 10 gam.

11. Chỉ huyết phương

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Sâm Tam thất (tẩm đồng tiện, tán bột, nuốt)

Ngẫu tiết	Xích thược
Trần bì	Hạnh nhân
Triết Bối	Mẫu đơn bì thán
Xuyến thảo thán	Bạch mao căn

Gia giảm: Chứng nặng gia Huyến dư thán, Địa du thán.

12. Sơ khí hoá đàm thang

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Tô tử	Bạch giới tử
Ngưu bàng tử	Hạnh nhân
Triết bối	Chỉ xác
Quất hồng lạc	Toàn phúc hoa
Ty thông thảo	

13. Hoàng chỉ cao

Người cống hiến: Bộ Phụ Chu tiên sinh,
Nhà Trung y học trứ danh

Tam thất	18 gam	Huyết kiệt	18 gam
Một dược	4,5 "	Nhũ hương	6 "
Bạch phàn	12 "	Ngư tử Lưu hoàng	12 "
Long cốt	15 "	Tục đoạn	9 "

Thân tượng bì (tẩm dầu thơm) 15 gam

Cách dùng: Các vị thuốc trên tán bột mịn, cùng với Ngưu bì giao loại tốt 180 - 200 gam thêm nước vào trộn đều, khi trộn cần đun nóng (nước và cao hoà vào không quyện thành sợi là được) đợi khi nào cao sôi lên hoà tan bấy giờ mới bỏ bột thuốc vào, khuấy luôn tay, lấy lược thưa cạo lên mặt giấy đổ đều thuốc vào. Nên chọn ngày sáng sủa mà làm, đừng lạnh quá, tùy thời mà đặt thuốc gần lửa phòng cứng, rải đều một lượt thuốc lên giấy, hong gió cho khô, khi dán căn cứ vào vết thương to nhỏ mà cắt cao giấy cho vừa, nếu ứa huyết thì huyết sẽ làm đính, nếu huyết khô thì tẩm ướt lên bề mặt có thuốc mà dán. Nếu ra huyết dứt có thể dán 2 lớp, lấy tay ấn nặng lên trên hoặc băng vải cho chặt, khi khỏi sẽ không có sẹo.

14. Chỉ thống tiêu viêm cao

Người cống hiến: Phòng Định Á, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y nghiên cứu viện Trung Quốc

Đại hoàng bột	20 gam	Mang tiêu bột	60 gam
Nhũ hương bột	8 "	Một dược bột	8 "
Sinh Mã tiền tử bột	6 "	Băng phiến	10 "

Cách dùng: Các loại bột thuốc lấy dấm và dầu ngọt trộn làm dạng cao đắp vào nơi đau dày chừng 4 mm băng vải ra ngoài, 24 giờ thay thuốc một lần.

15. Tứ hoàng phê dược

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đại hoàng	10000 gam	Hoàng cầm	10000 gam
Hoàng bá	8000 "	Sơn chi	9000 "

Cách dùng: Các vị thuốc tán bột mịn, gói kín, khi dùng lấy nước sạch ngâm Cúc hoa, nấu lấy nước hoà bột thuốc thêm chút ít mật ong trộn thành miếng đắp vào nơi đau.

16. Lục thị vạn ứng cao

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

a/ Nguyên liệu chế thành cao:

Thảo ô	300 gam	Khương hoạt	50 gam
Đương qui	300 "	Hậu phác	200 "
Sinh địa	200 "	Can khương	150 "
Nha tạo	150 "	Hồ tiêu	150 "
Bạch giới tử	150 "	Bán hạ	150 "
Thiên Nam tinh	150 "	Đại Hồi hương	150 "
Tô mộc	150 "	Xuyên sơn giáp	150 "
Nga truật	100 "	Xuyên Tục đoạn	100 "
Tam lăng	100 "	Bạch chỉ	100 "
Trạch lan	50 "	Liên kiều	50 "

Tế tân	50 gam	Phòng phong	50 gam
Độc hoạt	50 "	Kinh giới	50 "
Hổ cốt	50 "	Ba đậu	50 "
Ngũ gia bì	50 "	Sinh Đại hoàng	50 "
Xuyên khung	50 "	Ngưu tất	50 "
Xích thược	50 "	Tần giao	50 "
Ma du	8000 "	Quảng đan	2250 - 3000 "

b/ Dược liệu chung:

Đại Hồi hương	2500 gam	Sơn nại	2500 gam
Bán hạ	1500 "	Xuyên ô	1500 "
Quế bì	1500 "	Bạch chỉ	1500 "
Thảo ô	1500 "	Can khương	1000 "
Đinh hương	1000 "	Cam tùng	1000 "
Tế tân	1000 "	Hồ tiêu	1000 "
Thiên Nam tinh	1500 "		

Cách dùng: Các vị thuốc thái vụn, tẩm sữa sao, tán bột. Nguyên liệu làm thuốc cao bỏ vào dầu nấu thành cao. Dược liệu chung cũng làm thành cao. Ngoài ra còn dùng cả Nhũ hương 1000 gam, Một dược 1000 gam, Huyết kiệt 1000 gam, Dương chương 75 gam, Xạ hương 9 gam (khi điều trị mới thêm vào).

17. Chu thị sang thương trị pháp

Người cống hiến: Chu Tăng Bá, Giáo sư Trung y học viện Hồ Bắc

a/ Thuốc uống trong:

Xích thược	20 gam	Bạch thược	20 gam
Huyền hồ	80 "	Dạ giao đằng	50 "

Đương qui	30 gam	Xuyên khung	15 gam
Uất kim	20 "	Đào nhân	10 "
Hồng hoa	6 "	Sinh Cam thảo	30 "
Hợp hoan bì	30 "		

b/ Thuốc đắp ngoài:

Tam thất phấn	30 gam	Sinh Nhũ hương	15 gam
Sinh Một dược	15 "	Bạch chỉ	10 "

Cách dùng: Tán bột, bọc vào túi vải, đắp lên nơi đau

18. Cố bản hoàn tình hoàn

Người cống hiến: Trương Tử Thuật, Giáo sư Trung y học viện Thiểm Tây

Sinh Địa hoàng	Thục Địa hoàng
Nhân sâm	Mạch môn đông
Ngũ vị tử	Thạch hộc
Sơn dược	Phục linh
Cúc hoa	Phòng phong
Xuyên khung	Chỉ xác
Ngưu tất	Cam thảo
Thỏ ty tử	Hạnh nhân
Bạch tật lê	Thanh tương tử
Xa tiền tử	

19. Chu thị tiếp cân tục cốt hợp tễ

Người cống hiến: Chu Lương Xuân, Y sư chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Nam Thông

Giá trùng (trích)	9 gam	Tự nhiên đồng	15 gam
Hồng hoa	9 "	Cốt toái bổ	15 "

Xuyên khung	4,5 gam	Tục đoạn	12 gam
Đương quy	4,5 "	Xích thược	9 "
Cam thảo	4,5 "		

20. Tam sắc phu dược phương

Người cống hiến: Thạch Du Sơn, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Thượng Hải

Tử kinh bì (sao đen)	240 gam		
Hoàng Kim tử (bỏ vỏ sao đen)	240 gam		
Toàn Đương qui	60 gam	Xích thược	60 gam
Đan sâm	60 "	Ngưu tất	60 "
Ngũ gia bì	60 "	Phiến Khương hoàng	60 "
Mộc qua	60 "	Khương hoạt	60 "
Độc hoạt	60 "	Uy linh tiên	60 "
Bạch chỉ	60 "	Phòng phong	60 "
Phòng kỷ	60 "	Thiên hoa phấn	60 "
Xuyên khung	30 "	Tần giao	30 "
Liên kiều	24 "	Cam thảo	18 "
Phiên mộc miết	60 "		

Cách dùng: Các vị bào chế thường quy, tán bột, thêm lượng Di đường thích hợp trộn đều như dạng hồ, phết vào giấy kép thêm một lần giấy dâu nữa, đắp vào nơi đau.

21. Kỳ lâu tán

Người cống hiến: Thạch Du Sơn, Lão Trung y nổi tiếng Trung y học viện Thượng Hải

Huyết kiệt	60 gam	Nhũ hương (trích)	30 gam
Mộc dược (trích)	30 "	Đại hoàng (chế)	30 "

Giá trùng	30 gam	Đỗ Hồng hoa	60 gam
Đương qui-vĩ	120 "	Ma hoàng thán	45 "
Sâm Tam thất	15 "	Tự nhiên đồng (nung)	30 "
Hùng hoàng	18 "	Thần sa	6 "
Băng phiến	3 "		

Cách dùng: Các vị bào chế thường quy, tán bột, mỗi lần uống 1,5 - 3 gam chiêu với nước chín hoặc rượu nhạt.

22. Thi thị bế hợp tính cốt triết sơ kỳ phương

Người cống hiến: Thi Duy Trí, Nghiên cứu viên
Trung tâm y viện khu Lư Loan thành phố Thượng Hải

Đương qui vĩ	10 gam	Xích thược	6 gam
Xuyên khung	5 "	Đào nhân	9 "
Tô mộc	9 "	Tự nhiên đồng	9 "
Giá trùng	9 "	Lạc thạch đằng	9 "
Nhũ hương (chế)	5 "	Một dược (chế)	5 "
Trần bì	5 "	Chỉ xác	5 "
Sinh Sơn tra	9 "		

Gia giảm: Bệnh ở chi trên gia Tang chi 15 gam. Bệnh ở chi dưới gia Ngưu tất 9 gam để hoạt huyết hoá ứ, tiêu sưng giảm đau.

23. Phá huyết tứ vật thang

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đương qui	Xích thược
Sinh Địa hoàng	Xuyên khung
Đào nhân	Xuyến thảo

Trạch lan	Nhũ hương
Một dược	

24. Tứ hoàng tán

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đại hoàng	Hoàng cầm
Sơn chi	Hoàng bá

Cách dùng: Các vị tán bột rắc vào nơi đau

25. Thi thị bế hợp tính cốt triết trung kỳ phương

Người cống hiến: Thi Duy Trí, Nghiên cứu viên
Trung tâm y viện khu Lư Loan thành phố Thượng Hải

Đương qui	10 gam	Xích thược	5 gam
Xuyên khung	5 "	Hồng hoa	5 "
Cốt toái bổ	5 "	Tự nhiên đồng	9 "
Tiếp cốt mộc	9 "	Kê huyết đằng	9 "
Trần bì	5 "	Chỉ xác	5 "

Gia giảm: Bệnh ở Thượng chi gia Tang chi 10 gam, Tùng tiết 9 gam. Bệnh ở Hạ chi gia Ngưu tất 5 gam, Ngũ gia bì 9 gam và giảm dần bỏ Tự nhiên đồng, Hồng hoa, gia Xuyên Tục đoạn 9 gam, Sinh Địa hoàng 9 gam, Thục Địa hoàng 9 gam.

26. Dưỡng huyết tứ vật thang

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đương qui	Xích thược
Bạch thược	Xuyên khung

Thục Địa hoàng — Hồng hoa
Xuyên Tục đoạn — Đan sâm
Hồng tảo

27. Đào hoa tán

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Xích Thạch chi — Thục Thạch cao
Bãng phiến — Quảng đan

Cách dùng: Tán bột, trộn dầu vừng mà đắp vào nơi đau.

28. Gia vị bát trân thang

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đảng sâm — Bạch truật
Phục linh — Cam thảo
Thục Địa hoàng — Bạch thược
Đương qui — Xuyên khung
Sinh Hoàng kỳ

29. Thi thị bế hợp tính cốt triết hậu kỳ phương

Người cống hiến: Thi Duy Trí, Nghiên cứu viên Trung tâm y viện khu Lư Loan thành phố Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Hoàng kỳ	9 gam
Đương qui	9 "	Thục Địa hoàng	9 "
Bạch truật	6 "	Bạch thược	6 "
Điểm Thung dung	9 "	Xuyên Tục đoạn	9 "

Bổ cốt chi	9 gam	Xuyên khung	4,5 gam
Báo cốt	9 "	Trần bì	4,5 "
Sa nhân	2 "	Thiên niên kiện	4,5 "

Gia giảm: Gẫy chi trên gia Tang chi. Gãy chi dưới gia Ngưu tất.

30. Lục trị trị thương cao dược.

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Đương qui
Hậu phác
Nha tạo
Bạch giới tử
Thiên Nam tinh
Tô mộc
Nga truật
Tam lăng
Bạch chỉ
Liên kiều
Phòng phong
Kinh giới
Ba đậu
Xuyên khung
Xuyên Ngưu tất
Tần giao
Quảng đan
Thảo ô
Can khương
Hồ tiêu
Bán hạ
Đại Hồi hương
Xuyên sơn giáp
Sinh khương
Xuyên Tục đoạn
Trạch lan
Tế tân
Độc hoạt
Hổ cốt
Ngũ gia bì
Đại hoàng
Xích thược
Khương hoạt

31. Chỉ mã kim tiền tán

Người cống hiến: Trương Giác Nhân,
Y viện số I khu Hán Dương thành phố Vũ Hán
thừa kế đơn thuốc của Bành Hạc Linh, danh y ở thành phố Quý Châu

Chế Mã tiền tử Chế Chỉ xác
Tự nhiên đồng

Bào chế làm hai nhóm. ***Nhóm A:*** Chế Mã tiền tử (sao cát, trước tiên ngâm nước cạo sạch vỏ và lông sau đó sao với cát với độ lửa là trong chảo có tiếng nổ lốp đốp, bề mặt Mã tiền biến mầu vàng sẫm, lấy một hạt dùng tay bóp chặt thì vỡ tan, bên trong hạt có mầu vàng, sao ở ôn độ 240 - 250 °C là tốt, còn lượng cát để sao vùi kín Mã tiền tử là đủ) lấy 300 gam. Chế Chỉ xác (trước hết ngâm đồng tiện 3 tuần sau dùng cát để sao rồi tán bột) lấy 150 gam. ***Nhóm B:*** Tự nhiên đồng nhiều ít tùy ý, nung lửa nhúng dấm 7 lần, tán bột. Hai nhóm thuốc trên khi dùng mới phối hợp.

Cách dùng: Từ 10 - 20 tuổi, dùng nhóm thuốc A 0,6 gam, nhóm thuốc B: 0,6 gam. Từ 20 - 30 tuổi: nhóm A 0,9 gam, nhóm B 0,9 gam. Từ 30 - 40 tuổi, nhóm A: 1,8 gam, nhóm B: 0,9 gam. Từ 40 - 60 tuổi, nhóm A: 2,1 gam, nhóm B: 0,9 gam. Từ 60 tuổi trở lên, dùng nhóm A 0,6 gam, nhóm B 0,6 gam.

Khi dùng, phối hợp hai nhóm vào nhau, dùng thuốc dẫn nói ở sau, sắc rượu hoà uống, cứ 7 ngày làm 1 đợt điều trị.

Nếu sau một đợt điều trị, khi xương chưa liền, có thể uống tiếp tục, không ngại đợt điều trị nhiều hay ít. Tóm lại vết thương dính liền thì ngừng. Nơi đau lấy bột thuốc hai nhóm trộn đều mà đắp.

Phụ: *Thuốc dẫn:*

Tổn thương vùng đầu, lấy Thăng ma 9 gam, Xuyên khung 9 gam. Tổn thương chi trên, lấy Quế chi 9 gam, Tang ký sinh 9 gam. Tổn thương chi dưới, lấy Ngưu tất 15 gam, Mộc qua 9 gam. Tổn thương phía trước ngực, lấy Chỉ xác 15 gam, Cát cánh 15 gam. Tổn thương ở bụng dưới, lấy Đại Phúc bì 9 gam. Tổn thương ở vùng lưng, lấy Độc hoạt 9 gam, Ma hoàng căn 3 gam. Tổn thương ở thắt lưng, lấy Đỗ trọng 9 gam.

32. Thi thị khai phóng tính cốt triết sơ kỳ phương

Người cống hiến: Thi Duy Trí, Nghiên cứu viên
Trung tâm y viện khu Lư Loan thành phố Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Hoàng kỳ	9 gam
Đương qui	9 "	Một dược (chế)	4,5 "
Sinh Địa hoàng	9 "	Xuyên khung	4,5 "
Tảo nhân	9 "	Nhi trà (sao)	4,5 "
Thiên hoa phấn	9 "	Nhũ hương (chế)	4,5 "
Bạch thược	6 "	Viễn trí nhục	4,5 "
Sinh Cam thảo	3 "		

33. Kinh giới hoá ứ thang

Người cống hiến: Lục Ngân Hoa, Lão Trung y nổi tiếng
Phòng khám Trung y thị trấn Ninh Ba tỉnh Triết Giang

Kinh giới	Phòng phong
Kim ngân hoa	Liên kiều
Thổ Bối mẫu	Bạc hà
Tiêu Sơn chi	Thiên hoa phấn
Thuỷ lô căn	

34. Thi thị khai phóng tính cốt triết hậu kỳ phương

Người cống hiến: Thi Duy Trí, Nghiên cứu viên
Trung tâm y viện khu Lư Loan thành phố Thượng Hải

Đảng sâm	9 gam	Hoàng kỳ	9 gam
Đương qui	9 "	Bạch truật	6 "
Bạch thược	6 "	Kỷ tử	9 "
Sinh Địa hoàng	9 "	Thủ ô (chế)	9 "
Xuyên Tục đoạn	9 "	Đỗ trọng	9 "
Sơn thù	4,5 "	Quy bản (trích)	9 "
Trần bì	4,5 "		

35. Trường bì cao số I

Người cống hiến: Mao Văn Hiến, Y sư phó chủ nhiệm
Y học viện số II thành phố Thượng Hải

Đông đan	9 gam	Mai phiến	1 gam
Thạch cao (nung)	30 "	Bằng sa	30 "
Tượng bì	12 "	Mật đà tăng	6 "
Ma du (hoặc Vadolin)	236 gam		

Cách dùng: Tượng bì sao vàng mài thành bột, lại đem Đông đan và 6 vị còn lại tán bột mịn, cuối cùng trộn Ma du hoặc vadolin chế thành dạng thuốc cao

36. Trường bì cao số II

Người cống hiến: Mao Văn Hiến, Y sư phó chủ nhiệm
Y học viện số II thành phố Thượng Hải

Sinh Địa hoàng	120 gam	Đại hoàng	90 gam
Khinh phấn	9 "	Đương qui	90 "

Cam thảo	60 gam	Phiên mộc miết	30 gam
Tử thảo	30 "	Địa cốt bì	60 "
Tượng bì phấn	72 "	Hoàng lạp	60 "
Bạch lạp	60 "	Ma du	1500 "

Cách dùng: Trước hết đem Sinh Địa hoàng, Đại hoàng, Đương qui, Cam thảo, Phiên mộc miết, Tử thảo, Địa cốt bì bỏ vào Ma du ngâm 3 ngày, lại đun kỹ cho đến khi khô thành than, loại bỏ xác thuốc cháy khô, đợi sau khi Ma du giảm độ nóng, bấy giờ mới hoà Tượng bì phấn, Khinh phấn, Hoàng lạp, Bạch lạp luyện thành dạng thuốc cao. Nếu dùng vadơlin thay cho Ma du, có thể đem 9 vị thuốc tán thành bột, không cần dùng Hoàng lạp, Bạch lạp nữa, chỉ cần trực tiếp gia vadơlin trộn vào thuốc bột chế thành dạng thuốc cao.

271. BỊ ĐAO THƯƠNG

Dụng cụ kim loại làm tổn thương bì phu, gọi là bị Đao thương. Bệnh nông nhẹ có thể dùng ***Quách thị thương khả hảo phương (1)*** đắp vào vết thương bị chém. Vết thương xuất huyết không dứt hoặc vết thương sắc tía sưng đau, có thể dùng ***Lý thị thoá muội cao (2)*** để tiêu sưng giảm đau, chỉ huyết gắn miệng.

PHỤ PHƯƠNG

1. Quách thị thương khả hảo phương

Người cống hiến: Quách Tuấn Đông, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện tỉnh Cam Túc

Đương qui	6 gam	Tam thất	6 gam
Tảo thụ bì	10 "		

Cách dùng: Các vị sau khi đã sao, tán bột mịn, đắp khô lên chỗ bị thương.

2. Lý thị thoá muội cao

Người cống hiến: Lý Đình Lai, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Tế Nam

Đương qui	9 gam	Xuyên khung	6 gam
Hồng hoa	9 "	Kinh giới	9 "
Phòng phong	9 "	Thấu cốt thảo	9 "

Chế Nhũ hương	15 gam	Chế Một dược	15 gam
Bạch chỉ	9 "	Huyết kiệt	9 "
Minh Thuỷ giao	250 "	Xạ hương	1 "
Băng phiến	3 "		
Tượng bì	3 "	(vùi vào cát rang cháy)	

Cách dùng: Lấy 3000 ml nước nếu với 10 vị thuốc trên cạn còn 1200 ml lọc bỏ bã, hoà tan Thuỷ giao, sau đó bỏ Xạ hương, Tượng bì, Băng phiến vào, cuối cùng gia Dương hồng 0,9 gam, lấy đũa phết lên giấy dâu để dùng, khi dùng nhổ nước bọt cho mềm giấy thuốc rồi đắp vào nơi đau.

272. BỎNG NƯỚC, BỎNG LỬA

Bị tổn thương do nước sôi, lửa rát, hơi đốt hoặc ôn độ quá cao, gọi là bỏng nước bỏng lửa.

Lúc mới bị bỏng nông và nhẹ, có chứng bì phu đỏ bừng, vừa đau vừa rát, diện tích bỏng không lớn, có thể dùng ***Đặng thị đăng thương cao (1)*** bôi ra ngoài để thanh nhiệt giải độc, sinh cơ trừ thịt loét. Nếu kiêm chứng miệng khát, tiểu tiện vàng sẻn, đa số do nhiệt độc thương âm, dùng ***Sinh tân giải độc thang (2)*** để thanh nhiệt giải độc, dưỡng âm sinh tân, điều hoà doanh vệ. Bên ngoài có thể dùng ***Chu thị cao số 70 (3)*** để thanh nhiệt giải độc, mềm da sinh cơ. Nếu như vết bỏng nổi mọng nước, kiêm chứng miệng khát, đại tiện khô, là do nhiệt độc kiêm thấp, dùng ***Đăng thiên thương phương (4)*** để thanh nhiệt giải độc, lợi thấp nhuận trường. Ngoài việc uống thuốc trong, có thể bôi ***Thu can sinh cơ dược phấn (5)*** lên trên nơi bỏng nhằm thu liễm chỉ thống, giữ da sinh cơ. Nếu thấp khí thiên thịnh, thì bôi ***Khâu thị đăng thương cao (6)*** để thanh nhiệt táo thấp.

PHỤ PHƯƠNG

1. Đặng thị đăng thương cao

Người cống hiến: Đặng Tân Quý, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thị trấn Liễu Châu tỉnh Quảng Tây

Ngũ nhãn quả thụ bì 1 phần Sinh Đại hoàng 1 phần

Kim tương quả thụ bì 1 phần

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, trộn lượng dầu thích hợp thành dạng hồ đắp vào vết bỏng, mỗi ngày thay thuốc 2 - 3 lần, khi nào khỏi thì thôi.

2. Sinh tân giải độc thang

Người cống hiến: Văn Trác Chi, Giáo sư Trung y học viện Thành Đô

Kim ngân hoa
Sinh Địa hoàng
Xích thược
Thuỷ ngưu giác
Thạch hộc
Hạ khô thảo
Hoàng liên
Hoài sơn dược
Liên kiều
Mẫu đơn bì
Tri mẫu
Huyền sâm
Uất kim
Hoàng cầm
Hoàng bá
Kê nội kim

3. Chu thị cao số 70

Người cống hiến: Chu Vĩnh Tiên, Y sư phó chủ nhiệm Y viện dân lập tỉnh An Huy

Nữ trinh thụ diệp 250 gam Ma du 500 gam
Hoàng lạp (mùa Hạ) 90 gam, (mùa Đông) 75 gam

Cách dùng: Bỏ dầu vừng và Nữ trinh thụ diệp vào nồi mà nấu. Đợi khi nào Nữ trinh thụ diệp cháy khô, nhặt ra, hoà Hoàng lạp vào, đổ vào thùng nước lạnh cho đóng lại thành cao. Để dùng bên ngoài. Bài này cũng có thể uống được, chữa chứng viêm thực đạo.

4. Đăng thiên thương phương

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y viện Bắc Kinh

Kim ngân hoa	24 gam	Xuyên liên	6 gam
Phục long can	9 "	Liên kiều	24 "
Hoàng bá	15 "	Đăng tâm thán	9 "
Trần bì	6 "	Bán hạ	9 "
Lục đậu y	9 "	Đương qui vĩ	9 "
Xích thược	9 "	Xa tiền tử	9 "
Trư linh	9 "	Xuyên Đại hoàng	6 "
Lục nhất tán	18 "	Trúc nhự	9 "

5. Thu can sinh cơ dược phấn

Người cống hiến: Triệu Bính Nam, Giáo sư Trung y y viện Bắc Kinh

Nhũ hương	30 gam	Một dược	30 gam
Hổ phách	6 "	Huyết kiệt	12 "
Nhi trà	15 "	Cam thạch	21 "

Cách dùng: Rắc thuốc bột một lượt mỏng lên vết thương hoặc chế phiến thuốc mà đắp.

6. Khâu thị đăng thương cao

Người cống hiến: Khâu Nguyên Chí, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện thành phố Liêu Dương

Hàn thuỷ thạch	Địa du
Đại hoàng	Nhũ hương
Hoàng bá thán	

Cách dùng: Các vị liều lượng bằng nhau, tán bột, trộn dầu thơm bôi vào nơi đau.

273. TỔN THƯƠNG DO BỊ CẮN

Tổn thương do vết bị cắn là chỉ rắn, chó, mèo cắn vào cơ thể sau đó gây thành bệnh, lâm sàng thường gặp nhiều loại rắn cắn.

Sau khi cơ thể bị rắn độc cắn, nơi bị cắn thường tê đại, sưng đỏ và đau buốt, có khi kiêm chứng sợ lạnh phát sốt, khát nước Tâm phiền, phần nhiều do độc nhiệt tích tụ, có thể dùng ***Trương thị thất ngư thang (1)*** để thanh nhiệt giải độc Xà, tiêu sưng khỏi đau. Nếu kiêm chứng táo bón, phát sốt khá cao là do hoả độc quá thịnh, có thể dùng ***Thư thị thanh long tam hoàng thang (2)*** để tả hoả thanh nhiệt, tán phong giải độc. Kiêm chứng uốn ván, co giật liên tục là do độc nhiệt sinh phong, có thể dùng ***Thư thị sơ phong giải kính thang (3)*** để khư phong giải Kính, giải độc thanh nhiệt.

Sau khi bị động vật cắn, xuất hiện chứng phiền táo, hôn mê, hàm răng cắn chặt, co giật, chân tay lạnh vã mồ hôi, mạch Vi, là do hoả độc quá nặng, nguyên khí không chống đỡ nổi, tiên lượng rất xấu, kíp dùng ngay ***Lý thị sâm hương cấp cứu tán (4)*** nhằm giải độc tiêu sưng, khai khiếu, phục hồi nguyên khí.

Sau khi bị động vật cắn tổn thương, có chứng miệng khát, họng khô, mắt lờ đờ, nơi bị cắn sưng trướng nặng, đó là nọc rắn làm thương phần âm, dùng ***Hoàng thị hoàng liên tùng giáp thang (5)*** để thanh nhiệt giải độc, dưỡng âm tiêu sưng.

Nếu thấy vết bị cắn sưng đỏ phát nóng, loét nát đau nhức, dùng ***Hoàng thị lục nguyệt đông phương (6)*** để ngâm rửa nơi đau.

Sau khi bị thương do rắn biển cắn có chứng sợ gió phát sốt, khát nước, nơi bị cắn sưng đau thì dùng ***Dương thị kháng xà độc phương (7)*** để sơ phong giải độc dưỡng huyết.

Bị thương do mèo hay chuột cắn, có thể dùng ***Lý thị phức phương hoàng liên giải độc thang (8)*** để thanh nhiệt giải độc, lương huyết khư phong.

Bị thương do chó dại cắn, vết cắn còn tươi chưa đóng vẩy thì dùng ***Dương thị cuồng khuyển giảo thương phương (9)*** để trong uống ngoài đắp.

Bị thương do rắn độc hoặc độc của động vật khác, nhiễm độc rất mạnh, xuất hiện ngay dấu hiệu ác hiểm, trong tình huống này phải tham khảo ngay các mục "Hôn mê", "Co giật" mà xử trí khẩn thương.

PHỤ PHƯƠNG

1. Trương thị thất ngư thang

Người cống hiến: Trương Xuân Quốc, Y sư phó chủ nhiệm Trung y viện huyện Tiên Du tỉnh Phúc Kiến

Thất diệp nhất chi hoa	6	gam
Ngư tinh thảo (thứ khô)	30	"
Bán chi liên (thứ khô)	15	"

Quan âm trúc	15 gam	Điều cầm	10 gam
Sơn chi ma căn	10 "	Cam thảo	5 "

Cách dùng: Sắc lấy nước, hoà vào lượng vừa phải đấm ăn hoặc rượu nếp cho uống, đồng thời lại dùng những vị trên tăng lượng thuốc tán bột mịn trộn vào nước Ngũ qua long thanh thảo hoặc rượu nếp mà đắp ra bên ngoài nơi rắn cắn sưng đỏ.

2. Thư thị thanh long tam hoàng thang

Người cống hiến: Thư Phổ Vinh, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu phòng chống Rắn cắn thành phố Ưng Đàm Giang Tây

Long đởm thảo	10 - 30 gam	Thanh Mộc hương	10 - 25 gam
Hoàng liên	15 - 30 "	Hoàng cầm	15 - 30 "
Hoàng bá	15 - 30 "	Sinh Đại hoàng	15 - 30 "
Bán biên liên	15 - 30 "	Cương tàm	9 - 12 "
Bạch chỉ	15 - 30 "	Mạch môn đông	15 - 30 "
Giáp chân	10 - 40 "	Thiên hoa phấn	10 - 25 "
Tiên mao	10 - 20 "	Từ trường khanh	10 - 20 "
Hổ trượng	20 - 40 "	Xuyên Tâm liên	10 - 30 "

Cách dùng: Mỗi ngày sắc 1 thang. Hoàng cầm, Hoàng liên, Hoàng bá sắc trước. Đại hoàng bỏ vào sắc sau, nếu bệnh tình nặng không đổ cho uống được, có thể thụt thuốc đằng hậu môn.

Gia giảm: Phong độc thiên thịnh, có chứng cơ bắp tê dại hoặc co giật, gia Ngô công, Toàn yết. Hoả độc thiên thịnh xuất hiện điểm ứ huyết, ứ ban, xuất huyết nghiêm trọng, gia Tê giác, Địa hoàng, Mẫu đơn bì, Xích thược. Nọc rắn nội hãm, dương vi muốn thoát, gia Nhân sâm, Tam thất, nghiền bột hoà thuốc uống.

Dương hư độc thịnh, kiêm chứng hồi hộp mà phiền, sốt nhẹ, ra mồ hôi, gia Thiên môn đông, Huyền sâm, Tri mẫu. Hoả độc kiêm thấp, cục bộ sưng trướng loét nát, gia Tử hoa địa đinh, Kim ngân hoa, Tử bối thiên quì, Bồ công anh, Dã Cúc hoa. Yết hầu sưng đau, gia Xạ can. Hồi hộp sợ sệt gia Vạn niên thanh. Mắt trong lờ mờ, trọng dụng Thanh Mộc hương. Tiểu tiện sẻn đỏ, trọng dụng Bán biên liên, Tây qua thúy y. Trướng bụng táo bón, gia Chỉ thực, Huyền minh phấn.

3. Thư thị sơ phong giải kính thang

Người cống hiến: Chư Phổ Vinh, Y sư phó chủ nhiệm
Sở nghiên cứu phòng chống Rắn độc cấn thị trấn Ưng Đàm tỉnh Giang Tây

Phòng phong	15 - 20 gam	Thiên Nam tinh	10 - 20 gam
Bạch chỉ	15 - 20 "	Thanh Mộc hương	15 - 30 "
Cương tàm	10 - 20 "	Khương hoạt	10 - 20 "
Bạch Phụ tử	10 -20 "	Thiên ma	10 - 15 "
Tiên mao	15 - 30 "		

Cách dùng: Phong độc dữ dội xuất hiện, phong động nặng như co giật liên tục, hàm răng cắn chặt, nên gia Ngô công, Toàn yết. Nếu Thận không nạp khí, có chứng thở ra nhiều hút vào ít, trọng dụng Bán biên liên loại to lá.

4. Lý thị sâm hương cấp cứu tán

Người cống hiến: Lý Dương Quang, Lão Trung y
Trung y viện huyện Nam Xuyên tỉnh Tứ Xuyên

Xạ hương	0,5 gam	Chu sa	2 - 3 gam
Hồng sâm	3 "	Địa đởm (kim quả lãm)	2 - 3 "

Cách dùng: Các vị tán bột mịn, hoà nước nóng uống làm 1 lần. Cũng có thể căn cứ vào liều lượng trên mà tăng lượng thuốc để chế dạng thuốc bột, đựng lọ đậy kín, mỗi lần pha uống 7,5 - 9,5 gam. Nếu bệnh nhân hôn mê hoặc răng cắn chặt, hoặc nôn mửa khó đổ thuốc, có thể trước tiên lấy chút ít bột thuốc thổi vào mũi, có thể khai khiếu tỉnh tinh thần, làm dịu nôn mửa, sau đó lại cho uống một lần thuốc hoặc cứ trên 10 phút lại đổ thuốc cho uống. Trẻ em linh hoạt giảm liều lượng. Có thai không được uống.

5. Hoàng thị hoàng liên tùng giáp thang

Người cống hiến: Hoàng Kỳ Ba, Lão Trung y
Y viện số II thị trấn Cảnh Đức Trấn tỉnh Giang Tây

Hoàng liên (có thể dùng chung cả tam Hoàng hoặc gia Long đởm thảo) 10 gam

Sinh Thủ ô (dùng loại lá tai trâu tốt nhất) 30 gam

Ngô công	1 con	Giáp châu (bào)	1 cái
Mạch môn đông	20 gam	Bạch chỉ	10 gam
Thiên hoa phấn	10 "	Thanh Mộc hương	5 "
Thổ Mộc hương	5 "	Bán biên liên	30 "

(Chú thích: đơn này chính là "Cảnh Đức trấn Xà dược phong")

Cách dùng: Sắc lấy nước chia 2 lần uống trong ngày. Chứng nặng ngày uống 2 thang. Cũng có thể tán bột mà uống mỗi lần 15 gam, chứng nặng thì tăng liều lượng.

6. Hoàng kỳ lục nguyệt đông phương

Người cống hiến: Hoàng Kỳ Ba, Lão Trung y
Y viện số II thị trấn Cảnh Đức Trấn tỉnh Giang Tây

Hoàng độc Quán chúng
Xà bổ đào căn

Cả ba vị đều dùng thứ tươi. Rửa sạch giã nát, bọc vào khăn vải, nhúng vào nước lạnh rồi vắt lấy nước, đổ vào lọ để dùng, lấy nước thuốc này ngâm rửa vết thương hoặc lấy khăn bông thấm nước thuốc đắp vào vết thương, thay đổi thuốc đắp nhiều lần.

7. Dương thị kháng xà độc phương

Người cống hiến: Dương Thuận Ích, Phó giáo sư
Trung y học viện tỉnh Quảng Châu

Hải phong liễu 30 - 50 gam

Cách dùng: Dùng loại tươi, giã vắt lấy nước, pha rượu trắng cho uống, cách 4 - 5 giờ uống 1 lần.

8. Lý thị phức phương hoàng liên giải độc thang

Người cống hiến: Lý Tại Minh, Y sư phó chủ nhiệm
Trung y viện huyện Ninh Lăng tỉnh Hà Nam

Hoàng liên	10 gam	Hoàng cầm	10 gam
Hoàng bá	10 "	Chi tử	10 "
Liên kiều	12 "	Ngưu bàng tử	10 "
Cam thảo	3 "	Đương qui	10 "
Bạch thược	10 "	Sinh Địa hoàng	15 "
Mẫu đơn bì	12 "	Kinh giới	10 "
Phòng phong	10 "	Kim ngân hoa	15 "

9. Dương thị cuồng khuyến giáo thương phương

Người cống hiến: Dương Hữu Hạc, Y sư chủ nhiệm
Trung y học viện tỉnh Hà Nam

a/ Thuốc dùng ngoài: Hoè thụ (lớp vỏ lụa) 1 khối

Cách dùng: Căn cứ vào diện tích vết thương mà lấy khối vỏ to hay nhỏ cho vừa, lấy kim chọc 7 lỗ đắp vào nơi đau, cứu mồi Ngải lên trên, mỗi lần cứu 7 mồi, cứu liên tục trong 7 ngày, nếu vết thương chưa đóng vẩy, hiệu quả càng tốt.

b/ Thuốc uống trong:

Hoàng liên	3 gam	Hoàng cầm	3 gam
Thiền thuế	3 "	Hoàng bá	3 "
Mộc thông	3 "	Xa tiền tử	3 "
Thổ Phục linh	3 "	Cương tàm	3 "
Tử hoa địa đinh	3 "	Ngô công (sắc nước uống)	3 "

Cấm kỵ: Bệnh nhân cần yên tĩnh, chớ sợ hãi

274. CHÂN PHẤT CƯỚC (Đông sương)

Chân phát cước là chỉ thời tiết giá rét dẫn đến cục bộ trên thân thể bị tổn thương. Nguyên nhân đa số do hàn ngưng khí huyết, làm cho cục bộ sưng trướng, ngứa ngáy, bên ngoài có thể bôi ***Đông sương cao (1)*** để tán hàn giảm đau, hoạt huyết sinh cơ, trừ thấp liền miệng, bên trong cho uống ***Đông sương xung tễ (2)*** để hoạt huyết, hoá ứ, ôn kinh. Nếu nơi đau mọng nước chưa vỡ thì ngâm rửa bằng ***Đông sương tẩy tễ (3)***.

PHỤ PHƯƠNG

1. Đông sương cao

Người cống hiến: Phòng Chi Huyên, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Nhục quế	15 gam	Tử thảo	15 gam
Mộc hương	3 "	Thục Địa hoàng	15 "
Hoàng bá	30 "	Xương truật (sao)	30 "

Cách dùng: Tán bột mịn, trộn với vadơlin thành dạng cao mềm mà bôi.

2. Đông sương xung tễ

Người cống hiến: Vương Khải Bình, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện số 8 thành phố Thượng Hải

Đương qui	12 gam	Thược dược	9 gam
Cam thảo	6 "	Quế chi	9 "

Tế tân	6 gam	Mộc thông	9 gam
Can khương	3 "	Đại hồng tảo	15 "

Cách dùng: Chế thành 20 túi thuốc để hãm nước uống, mỗi ngày hãm uống 3 lần, mỗi lần 1 túi.

3. Đông sương tẩy tễ

Người cống hiến: Vương Khải Bình, Y sư phó chủ nhiệm Nhân dân y viện số 8 thành phố Thượng Hải

Đương qui	30 gam	Quế chi	60 gam
Xích thược	60 "	Mộc thông	30 "
Can khương	150 "	Bạch tiên bì	30 "
Hoa tiêu	30 "	Đỗ trọng	50 "
Lưu ký nô	50 "		

Cách dùng: Chế thành túi thuốc, mỗi túi 40 gam thuốc bột, mỗi ngày ngâm rửa 1 - 2 lần, mỗi lần lâu 20 phút, nước thuốc rửa có độ ấm 45 - 50 °C là được.

275. RÔM SẨY (Phi tử)

Rôm sẩy là chỉ bề mặt da nổi nhiều nốt sởi đỏ hoặc mọng nước, thường xuất hiện ở thời gian viêm nhiệt, thử nhiệt hoặc làm việc ở nơi có ôn độ cao, trẻ em thương hay gặp chứng này.

Rôm sẩy là chủ yếu nổi nốt sởi đỏ, điều trị theo phép thanh lương giải độc, cho xoa ***Chu thị phi tử thuỷ (1)***. Nếu rôm sẩy thấy nổi nốt mọng nước, điều trị nên trừ thấp thanh nhiệt, có thể dùng ***Hà thị chỉ dương phấn (2)*** mà rắc vào nơi đau.

PHỤ PHƯƠNG

1. Chu thị phi tử thuỷ

Người cống hiến: Chu Vĩnh Tiên, Y sư phó chủ nhiệm Y viện dân tộc tỉnh An Huy

Sinh Đại hoàng	30 gam	Băng phiến	9 gam
Bạch chỉ	9 "	Hoàng cầm	10 "
Hoàng liên	9 "	Cồn 75%	500 ml

Cách dùng: Ngâm thuốc vào cồn 7 ngày, lọc bã mà dùng. Khi dùng lấy nước này mà bôi lên rôm sẩy.

2. Hà thị chỉ dương phấn

Người cống hiến: Hà Nhữ Hán, Y sư chủ nhiệm Trung y y viện thành phố Bắc Kinh

Hoạt thạch phấn	30 gam	Bột Hàn thuỷ thạch	9 gam
Bột Băng phiến	2,4 "		

Cách dùng: Tán bột mịn, rắc lên nơi rôm sẩy.

MỤC LỤC

Lời tựa 5

PHẦN I
CHỨNG TRẠNG TOÀN THÂN

1. Chứng sợ phong hàn 9
2. Chứng phát nhiệt (Sốt) 15
3. Hàn nhiệt vãng lai 38
4. Trên nóng dưới lạnh (Thượng nhiệt hạ hàn) 41
5. Rét run (Hàn chiến) 43
6. Không mồ hôi (Vô hãn) 44
7. Nhiều mồ hôi (Đa hãn) 49
8. Tự hãn (Tự ra mồ hôi) 54
9. Đạo hãn (Ra mồ hôi trộm) 58
10. Ra mồ hôi nửa người (Bán thân hãn xuất) 62
11. Hoàng hãn (Ra mồ hôi sắc vàng) 63
12. Cơ bắp tê dại (Cơ phu ma mộc) 65
13. Bán thân bất toại (Liệt nửa người) 67
14. Đau mình (Thân thống) 70
15. Mệt mỏi 72
16. Phù thũng 83

17. Béo mập 111
18. Gầy còm 119
19. Không ngủ được 130
20. Dạ (mộng) du 142
21. Hay ngủ 145
22. Phiền táo 148
23. Hay buồn hay sợ 154
24. Chứng hay lo nghĩ 158
25. Phát cuồng 162
26. Hôn mê 167
27. Điên giản 178
28. Ngớ ngẩn (Si ngốc) 196
29. Hay quên (Kiện vong) 200
30. Bì phu phát mẩu vàng 203
31. Phát ban đỏ 221
32. Phát hồng chẩn 226
33. Ngứa toàn thân 233
34. Phong chẩn ở bì phu 242
35. Da dẻ tróc vảy 249
36. Hãn ban 250
37. Chứng bì phu nổi màu đỏ 255
38. Ban tía ở bì phu 260

39. Mụn cơm ở bì phu 269
40. Bì phu bị hắc lào 274
41. Bì phu khô rộp 282
42. Bì phu cứng rắn 286
43. Vết sẹo ở bì phu 291
44. Bì phu nung mủ 294

PHẦN II

CHỨNG TRẠNG Ở ĐẦU VÀ MẶT

45. Đầu thống 301
46. Thiên đầu thống 319
47. Đau đỉnh đầu 330
48. Đau xương chân lông mày (Mi lãng cốt thống) 333
49. Đầu choáng váng (Đầu vậng) 334
50. Đầu trướng 346
51. Đầu lắc lư 350
52. Miệng mắt méo xếch 352
53. Vùng mặt co giật 359
54. Đầu mặt nóng rát 360
55. Mặt nổi ban đỏ 365
56. Mặt nổi ban nâu sẫm 369
57. Mụn độc ở đầu mặt 373

58. Hắc lào (chốc lở) ở đầu 380
59. Mụn trứng cá 381
60. Đầu mặt có khối sưng 383
61. Rụng lông mi mắt 387
62. Đầu tóc khô ròn 388
63. Rụng tóc 390
64. Râu tóc bạc sớm 396

PHẦN III
CHỨNG TRẠNG VỀ MẮT

65. Mắt đỏ 401
66. Chảy nước mắt 409
67. Mắt sợ ánh sáng 414
68. Mắt khô rít 417
69. Tròng mắt đau 418
70. Mù đột ngột 420
71. Nhãn châu (con ngươi) kéo màng 422
72. Nỗ nhục phan tình (Mộng thịt) 427
73. Lẹo (chắp) mắt 429
74. Toét mắt 433
75. Sa (sụp) mi 434
76. Chứng giảm thị lực 436
77. Mắt trông ngược 440

PHẦN IV

CHỨNG TRẠNG Ở TAI

78. Tai điếc 443
79. Tai ù 446
80. Đau tai 450
81. Trong tai chảy mủ 451

PHẦN V

CHỨNG TRẠNG Ở MŨI

82. Tắc mũi 459
83. Mũi xuất huyết 471
84. Ngứa mũi 478
85. Mũi đỏ 480
86. Mũi mọc thịt thừa (Políp mũi) 484

PHẦN VI

CHỨNG TRẠNG Ở RĂNG VÀ LƯỠI

87. Trong miệng lở nát 489
88. Lở miệng 493
89. Ban trắng ở trong miệng 500
90. Hôi miệng 501
91. Đắng miệng 503

92. Miệng khát 504
93. Lưỡi sưng 508
94. Lưỡi chảy máu (nục thiệt) 509
95. Lưỡi khô 510
96. Lưỡi sáng bóng 512
97. Lưỡi run 513
98. Đầu ra mồ hôi 515
99. Môi sưng đau ngứa (đinh râu) 516

PHẦN VII

BỆNH Ở RĂNG

100. Đau răng. 519
101. Chân răng sưng đau 525
102. Chân răng chảy máu 527

PHẦN VIII

CHỨNG TRẠNG Ở YẾT HẦU

103. Yết hầu bị đau 533
104. Họng nổi khối sưng 540
105. Yết hầu trắng xốp 547
106. Trong họng vướng nghẽn 552
107. Khàn tiếng 557

108. Ngứa họng 564
109. Họng khô 568
110. Trong họng có tiếng đờm khò khè 570

PHẦN IX
CHỨNG TRẠNG Ở CỔ GÁY

111. Cổ cứng 573
112. Cổ thô (Bạnh) 581
113. Một bên cổ kết hạch 591
114. Nhọt độc ở cổ gáy 601
115. Nhọt độc ở chân tóc 602

PHẦN X
CHỨNG TRẠNG Ở VAI, LƯNG

116. Đau vai 607
117. Rũ vai (Sã vai) 614
118. Đau lưng 616
119. Lạnh vùng lưng 618
120. Nhọt độc ở vùng lưng 619

PHẦN XI
CHỨNG TRẠNG Ở NGỰC SƯỜN VÀ VỊ QUẢN

121. Khái thấu 629
122. Suyễn gấp 660

123. Ho ra huyết (Khái huyết) 690
124. Đau vùng ngực 703
125. Vùng ngực khó chịu 726
126. Chứng hồi hộp 730
127. Vị quản thống 743
128. Chán ăn 763
129. Kém ăn 766
130. Ham ăn mau đói 772
131. Nôn mửa 777
132. Buồn nôn 786
133. Ợ hơi 788
134. Nuốt nước chua 789
135. Thở dài 793
136. Nghẹn (Ế cách) 794
137. Nấc (Ách nghịch) 798
138. Thổ huyết 803
139. Chứng trên nghịch dưới bế 808
140. Thượng thổ hạ tả 815
141. Hiếp thống (Đau sườn) 818
142. Khối rắn ở hạ sườn 844
143. Sang độc ở vùng sườn 861

144. Kết hạch ở dưới nách 863
145. Dịch xú (Hôi nách) 865
146. Sang độc ở bầu vú 867
147. Bầu vú kết hạch 875
148. Nam giới bầu vú trướng to 884

PHẦN XII

CHỨNG TRẠNG VÙNG LƯNG

149. Đau lưng (yêu thống) 889
150. Mỏi lưng 903
151. Sang độc ở vùng lưng 906

PHẦN XIII

CHỨNG TRẠNG Ở VÙNG BỤNG VÀ RỐN

152. Đau vùng bụng và rốn 911
153. Bụng trướng 920
154. Trong bụng có khối rắn 934
155. Đau vùng tiểu phúc 941
156. Đau vùng thiếu phúc 945
157. Khí từ thiếu phúc xông lên 950
158. Thiếu phúc nóng rát 953

PHẦN XIV

CHỨNG TRẠNG Ở CHÂN TAY

159. Chân tay đau nhức 957

160. Khớp xương biến dạng 971

161. Chân tay co rút 978

162. Chân tay co cứng 987

163. Chân tay đau, sưng đỏ rát 989

164. Chân tay mềm yếu 992

165. Chân tay tê dại 999

166. Chân tay múa vờn 1005

167. Tay run rẩy 1007

168. Chân tay lạnh 1009

169. Không thấy mạch 1015

170. Đau phía trong bắp vế (khớp háng) 1016

171. Gối sưng đau 1019

172. Chi dưới sưng trướng 1027

173. Gân xanh nổi đột ngột ở chi dưới 1033

174. Trẻ em chân dài 1034

175. Hai bên đùi bắt chéo 1036

176. Sang độc ở chân tay 1038

177. Thấp chẩn ở chân tay 1047

PHẦN XV

CHỨNG TRẠNG Ở CHÂN TAY

178. Lòng bàn chân tay nóng 1053

179. Bàn tay bị tróc da 1055

180. Chân tay nứt nẻ 1057

181. Móng tay khô và dầy 1061

182. Móng tay vênh nứt 1062

183. Gót chân đau nhức 1063

184. Ngón chân tía đen 1066

185. Thấp khí ở kẽ ngón chân. 1072

186. Chai chân (Kê nhãn) 1075

PHẦN XVI

CHỨNG TRẠNG Ở TIỀN ÂM

187. Tiểu tiện đau buốt 1079

188. Tiểu tiện vẩn đục 1090

189. Tiểu tiện nhiều lần (Đái vặt) 1095

190. tiểu tiện ra máu 1099

191. Tiểu tiện trong, dài 1113

192. Tiểu tiện bất cấm (Không tự chủ) 1114

193. Tiểu tiện không gọn bãi 1119

194. Tiểu tiện không lợi 1125
195. Dương nuy 1131
196. Tảo tiết 1138
197. Di tinh 1141
198. Dương vật cương liên tục 1145
199. Chứng không phóng tinh 1147
200. Chứng không có con 1148
201. Cao hoàn trướng đau 1156
202. Sưng bộ phận sinh dục 1160
203. Âm hành loét nát 1162
204. Bên trong háng có khối sưng 1165
205. Tiền âm loét nát, có sâu 1168
206. Ngứa ở âm nang 1169
207. Ngoại âm lở loét 1171

PHẦN XVII

CHỨNG TRẠNG VÙNG HẬU ÂM

208. Đại tiện thủy tả (Ỉa chảy) 1177
209. Đại tiện lỏng loãng 1190
210. Đại tiện ra nhầy nhớt 1195
211. Đại tiện bí kết 1207

212. Đại tiện ra huyết 1215
213. Giang môn trụt xuống 1220
214. Ngứa ở hậu môn 1223
215. Mụn trĩ ở giang môn 1228
216. Sang độc ở Giang môn 1236
217. Giang môn nứt kẽ 1242

PHẦN XVIII

CHỨNG TRẠNG THUỘC PHỤ KHOA

218. Kinh nguyệt thấy sớm (Kinh sớm) 1247
219. Hành kinh đến chậm (Kinh muộn) 1252
220. Kinh nguyệt trước sau không nhất định (Kinh rối loạn) 1254
221. Hành kinh lượng quá nhiều 1261
222. Kinh nguyệt trong loãng 1291
223. Hành kinh không dứt 1292
224. Kinh nguyệt không đến (Bế kinh) 1295
225. Đau bụng khi hành kinh 1308
226. Bầu vú trướng khi hành kinh 1318
227. Đau đầu trong khi hành kinh 1320
228. Hành kinh bị nôn mửa 1323
229. Hành kinh bị tiết tả 1324

230. Hành kinh bị thổ và đổ máu mũi 1325
231. Có thai bị nôn mửa 1327
232. Có thai thũng trướng 1334
233. Có thai vùng tâm phúc trướng đầy 1338
234. Thai động không yên 1340
235. Ngôi thai không đúng vị trí 1345
236. Thai đọa 1347
237. Có thai co giật 1351
238. Có thai tiểu tiện buốt 1353
239. Có thai khái thấu 1354
240. Có thai hạ lỵ 1355
241. Có thai choáng váng 1356
242. Có thai đau bụng 1357
243. Sau khi đẻ tiểu tiện không thông 1359
244. Sản hậu trướng bụng 1361
245. Sản hậu đau khắp mình 1362
246. Sau khi đẻ sữa loãng và ít 1365
247. Sản hậu phát nhiệt (Sốt) 1368
248. Bạch đới 1369
249. Chứng Hoàng đới 1374
250. Ngũ sắc đới 1378

251. Ngứa bộ phận sinh dục 1381
252. Ban trắng ở bộ phận sinh dục nữ 1386
253. Sa Tử cung 1387
254. Không thụ thai 1390

PHẦN XIX

CHỨNG TRẠNG CỦA TRẺ EM

255. Ma chẩn (Mọc sởi) 1403
256. Thủy đậu 1415
257. Tai thũng (Quai bị) 1418
258. Đốn khái (Ho gà) 1423
259. Trẻ em khái thấu 1439
260. Trẻ em suyễn gấp 1448
261. Trẻ em chán ăn 1472
262. Chứng thích ăn thức lạ 1485
263. Trẻ em tiết tả 1487
264. Trẻ em khóc đêm (Dạ đề) 1514
265. Thóp mụ không kín 1517
266. thóp mụ lồi lên 1522
267. Quy bối Kê hung 1523
268. Chứng ngũ trì, ngũ nhuyễn 1526
269. Trẻ em thấp chẩn (Phát ban) 1530

PHẦN XX

CÁC CHỨNG TRẠNG KHÁC

270. Bị ngã, bị đòn tổn thương 1535

271. Bị đao thương 1558

272. Bỏng nước, bỏng lửa 1560

273. Tổn thương do bị cắn 1563

274. Chân phát cước (Đông sương) 1570

275. Rôm sẩy (Phi tử) 1572

■ NHỮNGBÀI THUỐC TÂM HUYẾT CỦA 800 DANH Y TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI
Tủ sách y học cổ truyền
Chịu trách nhiệm xuất bản : Quang Thắng
Biên tập nội dung : Lâm Viễn Phương
Sửa bản in : Lâm Viễn Phương
Bìa : Đỗ Duy Ngọc
In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Xưởng in trường Đại học Kỹ thuật, TP. Hồ Chí Minh.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 120/XB-QLXB-128
Cục xuất bản ký ngày 20 tháng 12 năm 1999.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2000.

TÓM TẮT NỘI DUNG

Sách này sưu tập những tinh hoa của hơn 800 danh y, đã đem hết tâm huyết kinh nghiệm cống hiến trên 2.280 phương thuốc. Lấy vị trí các bộ phận trong cơ thể làm "Cương" và lấy chủ chứng làm "Mục". Mỗi một chứng lại nêu những yếu điểm biện chứng kèm theo những phương thuốc thích hợp. Bạn đọc có thể dựa vào chủ chứng và những yếu điểm biện chứng để tìm ra những cách chữa bệnh thích hợp khiến cho những kinh nghiệm chữa bệnh của các thầy thuốc nổi tiếng qua sự vận dụng có được hiệu quả giải quyết tật bệnh.

Trước mỗi phương đều nói rõ họ tên của những người cống hiến cũng như chức vụ và đơn vị y viện đang công tác để độc giả khi cần thiết có thể liên hệ trực tiếp với tác giả

Đối tượng bạn đọc của sách này bao gồm các thầy thuốc Đông y, Tây y, Đông Tây y kết hợp và những người yêu thích Đông y dược.

05121106
TKHT 4.2
3657

GIÁ: 132.000 đ